

SỰ PHÁN XÉT KHỞI TỪ NHÀ ĐỨC CHÚA TRỜI

HỘI THÁNH ĐỨC CHÚA TRỜI TOÀN NĂNG

LỜI TỰA

Dù nhiều người tin vào Đức Chúa Trời, nhưng ít ai hiểu đức tin nơi Đức Chúa Trời nghĩa là gì, và họ phải làm gì để phù hợp với ý muốn của Đức Chúa Trời. Đó là vì dù con người quen với từ “Đức Chúa Trời” và những cụm từ như “công tác của Đức Chúa Trời”, nhưng họ lại không biết về Đức Chúa Trời, và càng không biết về công tác của Ngài. Thế nên, không lạ gì khi tất cả những ai không biết về Đức Chúa Trời đều mơ hồ trong niềm tin vào Ngài. Con người không xem trọng niềm tin vào Đức Chúa Trời, và điều này hoàn toàn là vì việc tin vào Đức Chúa Trời quá lạ lẫm, quá xa lạ đối với họ. Theo cách này, họ không đáp ứng được các yêu cầu của Đức Chúa Trời. Nói cách khác, nếu con người không biết về Đức Chúa Trời, và không biết về công tác của Ngài, thì họ không phù hợp để được Đức Chúa Trời sử dụng, và càng không thể đáp ứng ý muốn của Ngài. “Niềm tin nơi Đức Chúa Trời” nghĩa là tin rằng có một Đức Chúa Trời; đây là khái niệm đơn giản nhất về việc tin vào Đức Chúa Trời. Hơn nữa, tin rằng có một Đức Chúa Trời không giống với thực sự tin vào Đức Chúa Trời; đúng hơn, đó chỉ là một loại đức tin đơn giản mang đậm màu sắc tôn giáo. Đức tin thực sự nơi Đức Chúa Trời nghĩa là như sau: Trên cơ sở niềm tin rằng Đức Chúa Trời nắm quyền tối thượng trên vạn vật, một người trải nghiệm lời Ngài và công tác của Ngài, gột sạch tâm tính bại hoại của mình, thỏa mãn ý muốn của Đức Chúa Trời, và đi đến hiểu biết về Đức Chúa Trời. Chỉ có hành trình kiểu này mới có thể được gọi là “đức tin nơi Đức Chúa Trời”. Vậy mà người ta thường xem niềm tin nơi Đức Chúa Trời là một vấn đề đơn giản và phù phiếm. Những người tin vào Đức Chúa Trời theo cách này đã đánh mất ý nghĩa của việc tin vào Đức Chúa Trời, và mặc dù họ có thể tiếp tục tin cho đến tận phút cuối cùng, họ sẽ không bao giờ được Đức Chúa Trời chấp thuận, bởi họ đã đi sai đường. Ngày nay, vẫn còn có những người tin vào Đức Chúa Trời theo câu chữ và học thuyết rỗng tuếch. Họ không biết rằng họ thiếu thực chất của niềm tin nơi Đức Chúa Trời, và họ không thể nhận được sự chấp thuận của Đức Chúa Trời. Vậy mà họ vẫn cầu nguyện với Đức Chúa Trời mong nhận được những phước lành bình an và đầy đủ ân điển. Chúng ta hãy dừng lại, lắng lòng mình và tự hỏi: Lẽ nào việc tin vào Đức Chúa Trời thật sự là việc dễ nhất trần đời? Lẽ nào tin vào Đức Chúa Trời không có ý nghĩa gì hơn là nhận được nhiều ân điển từ Đức Chúa Trời? Liệu những người tin vào Đức Chúa Trời mà không biết về Ngài hoặc những người tin vào Đức Chúa Trời nhưng lại chống đối Ngài, có thể thực sự đáp ứng ý muốn của Đức Chúa Trời không?

Đức Chúa Trời và con người không thể được nói đến ngang hàng. Thực chất của Ngài và công tác của Ngài là điều khó dò lường và khó hiểu nhất đối với con

người. Nếu Đức Chúa Trời không đích thân làm công tác của Ngài và phán lời Ngài trong nhân gian, thì con người sẽ không bao giờ có thể hiểu được ý muốn của Đức Chúa Trời. Và vì vậy, ngay cả những người đã dâng hiến cả cuộc đời mình cho Đức Chúa Trời cũng sẽ không thể nhận được sự chấp thuận của Ngài. Nếu Đức Chúa Trời không xắn tay vào làm việc, thì dù cho con người có làm tốt đến đâu cũng đều vô ích, bởi tư tưởng của Đức Chúa Trời sẽ mãi cao hơn tư tưởng của con người, và sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời con người không thể hiểu được. Và vì thế, Ta nói những kẻ tuyên bố “hiểu hết” về Đức Chúa Trời và công tác của Ngài là lũ vô dụng, tất cả chúng đều quá tự phụ và ngu dốt. Con người không nên định nghĩa công tác của Đức Chúa Trời; hơn nữa, con người không thể định nghĩa công tác của Đức Chúa Trời. Trong mắt Đức Chúa Trời, con người nhỏ như một con kiến, vậy thì làm sao con người có thể hiểu được công tác của Đức Chúa Trời? Những kẻ thích tuôn ra: “Đức Chúa Trời không làm việc theo cách này hay cách kia”, hoặc “Đức Chúa Trời như thế này thế kia” – chẳng phải chúng đang ăn nói ngạo mạn hay sao? Tất cả chúng ta nên biết rằng con người, thuộc về xác thịt, đều đã bị Sa-tan làm cho bại hoại. Chính bản tính của loài người là chống đối Đức Chúa Trời. Loài người không thể ngang hàng với Đức Chúa Trời, chứ đừng nói đến hy vọng khuyên bảo công tác của Đức Chúa Trời. Về việc Đức Chúa Trời chỉ dẫn con người ra sao, đó là việc riêng của Đức Chúa Trời. Điều thích hợp là con người nên quy phục, và không tuyên bố quan điểm nọ kia, bởi con người chỉ là hạt bụi. Vì chủ đích của chúng ta là tìm kiếm Đức Chúa Trời, chúng ta không nên đặt những quan niệm của mình lên trên công tác của Đức Chúa Trời để Ngài xem xét, và chúng ta càng không được dùng tâm tính bại hoại của mình để cố ý chống đối công tác của Đức Chúa Trời. Chẳng phải điều đó sẽ biến chúng ta thành những kẻ địch lại Đấng Christ sao? Làm sao những người như vậy tin vào Đức Chúa Trời được? Vì chúng ta tin rằng có một Đức Chúa Trời, và vì chúng ta mong muốn làm hài lòng Ngài và nhìn thấy Ngài, chúng ta nên tìm kiếm con đường của lẽ thật, và nên tìm cách tương hợp với Đức Chúa Trời. Chúng ta không được cứng cổ chống đối Ngài. Những hành động như vậy để làm gì?

Ngày nay, Đức Chúa Trời đã thực hiện công tác mới. Người có thể không thể chấp nhận được những lời này, và chúng có thể nghe kỳ quặc với người, nhưng Ta khuyên người không nên bộc lộ tính cách tự nhiên của mình, bởi chỉ những ai thật sự đói khát sự công chính trước Đức Chúa Trời mới có thể đạt được lẽ thật, và chỉ những ai thật sự mộ đạo mới có thể được Ngài khai sáng và chỉ dẫn. Kết quả thu được bằng cách tìm kiếm lẽ thật với sự khiêm tốn, chứ không phải với cãi vã và tranh chấp. Khi Ta nói rằng “ngày nay, Đức Chúa Trời đã thực hiện công tác mới”, Ta đang nói đến việc Đức Chúa Trời trở lại xác thịt. Có thể những lời này chẳng làm người

bận tâm, có thể người coi thường chúng, hoặc thậm chí có thể chúng rất thú vị đối với người. Dù thế nào, Ta cũng hy vọng rằng tất cả những ai thành tâm mong ngóng Đức Chúa Trời xuất hiện đều có thể đối mặt với sự thật này và xem xét nó một cách kỹ lưỡng, thay vì vội vàng kết luận về nó; đó là điều một người khôn ngoan nên làm.

Không khó để tìm hiểu một điều như vậy, nhưng nó đòi hỏi mỗi người chúng ta phải biết một lẽ thật này: Đáng là Đức Chúa Trời nhập thể sẽ sở hữu thực chất của Đức Chúa Trời, và Đáng là Đức Chúa Trời nhập thể sẽ sở hữu biểu hiện của Đức Chúa Trời. Bởi vì Đức Chúa Trời trở nên xác thịt, Ngài sẽ đưa ra công tác mà Ngài định làm, và bởi vì Đức Chúa Trời trở nên xác thịt, Ngài sẽ bày tỏ Ngài là gì, và sẽ đem đến lẽ thật cho con người, ban sự sống cho con người, và chỉ lối cho con người. Xác thịt không có thực chất của Đức Chúa Trời thì dứt khoát không phải là Đức Chúa Trời nhập thể; điều này không có gì phải nghi ngờ. Nếu con người định tìm hiểu xem đó có phải là xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời hay không, thì họ phải chứng thực điều này từ tâm tính Ngài bày tỏ và những lời Ngài phán ra. Nghĩa là, để chứng thực đó có phải xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời hay không, và đó có phải là con đường thật hay không, thì người ta phải phân biệt dựa trên thực chất của Ngài. Và vì thế, để xác định đó có phải là xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời hay không, điều cốt yếu nằm ở thực chất của Ngài (công tác của Ngài, những lời phán của Ngài, tâm tính của Ngài và nhiều khía cạnh khác), chứ không phải là hình dáng bên ngoài. Nếu con người chỉ soi hình dáng bên ngoài của Ngài, và vì thế mà bỏ qua thực chất của Ngài, thì điều này chứng tỏ con người thật tối tăm và dốt nát. Hình dáng bên ngoài không thể quyết định thực chất; hơn nữa, công tác của Đức Chúa Trời chẳng bao giờ có thể phù hợp với những quan niệm của con người. Chẳng phải bề ngoài của Jêsus trái ngược với những quan niệm của con người sao? Chẳng phải diện mạo và trang phục của Ngài chẳng thể cung cấp manh mối nào về thân phận thật sự của Ngài sao? Chẳng phải những người Pha-ri-si đầu tiên đã chống đối Jêsus chính vì họ chỉ nhìn vào hình dáng bên ngoài của Ngài và không tiếp nhận đến những lời từ miệng Ngài sao? Hy vọng của Ta chính là mỗi một anh chị em, những người tìm kiếm sự xuất hiện của Đức Chúa Trời sẽ không lặp lại bi kịch lịch sử. Các người không được trở thành những người Pha-ri-si của thời hiện đại và đóng đinh Đức Chúa Trời lên thập tự giá một lần nữa. Các người nên suy xét cẩn thận cách đón tiếp sự trở lại của Đức Chúa Trời, và các người nên có tư tưởng rõ ràng về việc làm thế nào để trở thành người quy phục lẽ thật. Đây là trách nhiệm của tất cả những ai đang chờ đợi Jêsus tái lâm trên đám mây. Chúng ta nên dụi cặp mắt tâm linh của mình cho sáng ra, và đừng trở nên sa lầy trong những lời hoang tưởng cường điệu. Chúng ta nên suy nghĩ về công tác thực tế của Đức Chúa Trời, và nhìn vào khía cạnh thực tế

của Đức Chúa Trời. Đừng bị cuốn theo hay đánh mất chính mình trong những mơ tưởng hảo huyền, mãi ngóng chờ ngày Đức Chúa Jêsus cưỡi mây đột nhiên giáng xuống giữa các người, và mang các người đi, những người chưa bao giờ biết đến hay nhìn thấy Ngài, và những người không biết làm thế nào để thực hiện ý muốn của Ngài. Tốt hơn là hãy suy nghĩ về những vấn đề thiết thực hơn!

Người có thể đã mở cuốn sách này vì mục đích nghiên cứu, hay với ý định chấp nhận; dù thái độ của người là gì, Ta cũng hy vọng người sẽ đọc cuốn sách này đến cuối, và không dễ dàng đặt nó sang một bên. Có lẽ, sau khi đọc những lời này, thái độ của người sẽ thay đổi, nhưng điều đó tùy thuộc vào động lực của người và mức độ hiểu biết của người. Tuy nhiên, có một điều người nên biết: Lời của Đức Chúa Trời không thể nói là lời của con người, và càng không thể nói lời của con người là lời của Đức Chúa Trời. Người được Đức Chúa Trời sử dụng không phải là Đức Chúa Trời nhập thể, và Đức Chúa Trời nhập thể không phải là người được Đức Chúa Trời sử dụng. Ở đây có một sự khác biệt về bản chất. Có lẽ, sau khi đọc những lời này, người sẽ không công nhận chúng là lời của Đức Chúa Trời, mà chỉ là sự khai sáng mà con người đã đạt được. Nếu thế, người đã bị sự thiếu hiểu biết làm cho đui mù. Làm sao lời của Đức Chúa Trời có thể giống với sự khai sáng mà con người đã đạt được? Lời của Đức Chúa Trời nhập thể mở ra một thời đại mới, dẫn dắt toàn bộ nhân loại, tiết lộ những lẽ mầu nhiệm, và cho con người thấy phương hướng họ sẽ đi trong thời đại mới. Sự khai sáng mà con người đạt được chỉ là những hướng dẫn đơn giản để thực hành hay có được kiến thức. Nó không thể dẫn dắt toàn nhân loại vào một thời đại mới hay tiết lộ những lẽ mầu nhiệm về chính Đức Chúa Trời. Xét cho cùng, Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời, và con người là con người. Đức Chúa Trời có thực chất của Đức Chúa Trời, và con người có thực chất của con người. Nếu con người xem lời Đức Chúa Trời phán là sự khai sáng đơn giản bởi Đức Thánh Linh, và xem lời của các sứ đồ và nhà tiên tri là những lời do đích thân Đức Chúa Trời phán, thì đó sẽ là sai lầm của con người. Bất kể thế nào, người đừng bao giờ lẫn lộn đúng sai, biến cao thành thấp, hay nhầm sâu thành nông; bất kể thế nào, người đừng bao giờ cố tình bác bỏ những gì mình biết là lẽ thật. Tất cả những ai tin rằng có một Đức Chúa Trời đều nên tìm hiểu vấn đề từ quan điểm đúng, và chấp nhận công tác mới của Đức Chúa Trời cùng những lời mới của Ngài từ góc độ là vật tạo của Ngài; nếu không, họ sẽ bị Đức Chúa Trời loại bỏ.

Sau công tác của Đức Giê-hô-va, Jêsus đã trở nên xác thật để làm công tác của Ngài giữa con người. Công tác của Ngài không được thực hiện riêng biệt, mà dựa trên công tác của Đức Giê-hô-va. Đó là công tác cho một thời đại mới mà Đức Chúa Trời thực hiện sau khi Ngài đã kết thúc Thời đại Luật pháp. Tương tự, sau khi công

tác của Jêsus kết thúc, Đức Chúa Trời tiếp tục công tác của Ngài cho thời đại tiếp theo, bởi vì toàn bộ sự quản lý của Đức Chúa Trời luôn tiến về phía trước. Khi thời đại cũ trôi qua, nó sẽ được thay thế bởi một thời đại mới, và một khi công tác cũ đã được hoàn thành, sẽ có công tác mới để tiếp tục sự quản lý của Đức Chúa Trời. Đây là sự nhập thể lần thứ hai của Đức Chúa Trời, tiếp nối công tác của Jêsus. Tất nhiên, sự nhập thể này không xảy đến độc lập; đó là giai đoạn công tác thứ ba sau Thời đại Luật pháp và Thời đại Ân điển. Mỗi lần Đức Chúa Trời khởi xướng một giai đoạn công tác mới, luôn phải có một khởi đầu mới và điều đó luôn phải mang đến một thời đại mới. Vì vậy, cũng có những sự thay đổi tương ứng trong tâm tính của Đức Chúa Trời, cách thức Ngài làm việc, địa điểm làm việc của Ngài, và danh xưng của Ngài. Cho nên, chẳng có gì ngạc nhiên khi con người thật khó chấp nhận công tác của Đức Chúa Trời trong thời đại mới. Nhưng bất kể Ngài bị con người chống đối ra sao, Đức Chúa Trời vẫn luôn làm công tác của Ngài, và luôn dẫn dắt toàn nhân loại tiến về phía trước. Khi Jêsus đến nhân gian, Ngài đã mở ra Thời đại Ân điển và kết thúc Thời đại Luật pháp. Trong thời kỳ sau rốt, Đức Chúa Trời đã một lần nữa trở nên xác thịt, và với sự nhập thể này, Ngài đã kết thúc Thời đại Ân điển và mở ra Thời đại Vương Quốc. Tất cả những ai có thể chấp nhận sự nhập thể lần thứ hai của Đức Chúa Trời sẽ được dẫn dắt vào Thời đại Vương Quốc, và hơn nữa, sẽ trở nên có thể đích thân chấp nhận sự chỉ dẫn của Đức Chúa Trời. Mặc dù Jêsus đã làm nhiều công tác giữa con người, nhưng Ngài chỉ hoàn thành việc cứu chuộc toàn thể nhân loại và trở thành của lễ chuộc tội cho con người; Ngài vẫn chưa loại bỏ khỏi con người tất cả những tâm tính bại hoại của họ. Để hoàn toàn cứu rỗi con người khỏi ảnh hưởng của Sa-tan, không chỉ cần Jêsus trở thành của lễ chuộc tội và gánh lấy những tội lỗi của con người, mà còn cần Đức Chúa Trời làm công tác vĩ đại hơn nữa để hoàn toàn loại bỏ khỏi con người tâm tính Sa-tan bại hoại của họ. Và vì thế, khi con người đã được tha thứ tội lỗi, Đức Chúa Trời đã trở lại xác thịt để dẫn dắt con người vào thời đại mới, và bắt đầu công tác của hình phạt và sự phán xét. Công tác này đã đưa con người vào một cõi cao hơn. Tất cả những ai quy phục dưới sự thống trị của Ngài sẽ được hưởng lễ thật cao hơn và nhận lãnh những phước lành lớn hơn. Họ sẽ thực sự sống trong sự sáng, và họ sẽ đạt được lẽ thật, đường đi, và sự sống.

Nếu con người vẫn mắc kẹt trong Thời đại Ân điển, thì họ sẽ không bao giờ loại bỏ được tâm tính bại hoại của mình, chứ đừng nói đến biết được tâm tính vốn có của Đức Chúa Trời. Nếu con người luôn sống giữa ân điển dồi dào, nhưng không có con đường của sự sống cho phép họ biết về Đức Chúa Trời hoặc làm hài lòng Ngài, thì họ sẽ không bao giờ có được Ngài khi tin vào Ngài. Loại niềm tin này thật sự đáng thương. Khi người đọc xong cuốn sách này, khi người đã cảm nghiệm từng

bước công tác của Đức Chúa Trời nhập thể trong Thời đại Vương quốc, người sẽ cảm thấy những khao khát người có trong nhiều năm cuối cùng đã trở thành hiện thực. Người sẽ cảm nhận được rằng chỉ bây giờ người mới thật sự nhìn thấy Đức Chúa Trời trực diện; chỉ có bây giờ người mới nhìn thấy diện mạo của Ngài, nghe thấy những lời phán của đích thân Ngài, đánh giá cao sự khôn ngoan trong công tác của Ngài, và thật sự cảm nhận được Ngài có thực và toàn năng làm sao. Người sẽ cảm thấy rằng mình đã đạt được nhiều điều mà con người trong quá khứ chưa từng thấy hay có được. Lúc đó, người sẽ biết rõ thế nào là tin vào Đức Chúa Trời, và thế nào là tuân theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Tất nhiên, nếu người cứ bám vào những quan điểm của quá khứ, và bác bỏ hay phủ nhận sự thật về sự nhập thể lần thứ hai của Đức Chúa Trời, thì người sẽ vẫn trắng tay, không đạt được gì, và cuối cùng sẽ bị tuyên phạm tội chống lại Đức Chúa Trời. Những ai có thể vâng theo lẽ thật và quy phục công tác của Đức Chúa Trời sẽ được xác nhận dưới danh của Đức Chúa Trời nhập thể lần thứ hai – Đấng Toàn Năng. Họ sẽ có thể chấp nhận sự chỉ dẫn của đích thân Đức Chúa Trời, đạt được những lẽ thật nhiều hơn và cao hơn, cũng như có được cuộc sống thực sự. Họ sẽ nhìn thấy khái tượng mà con người trong quá khứ chưa từng thấy: “Bấy giờ tôi xây lại đặng xem tiếng nói với tôi đó là gì; vừa xây lại thấy bảy chân đèn bằng vàng, và ở giữa những chân đèn có ai giống như con người, mặc áo dài, thắt đai vàng ngang trên ngực. Đầu và tóc người trong như lông chiên trắng, như tuyết; mắt như ngọn lửa; chân như đồng sáng đã luyện trong lò lửa, và tiếng như tiếng nước lớn. Tay hữu người cầm bảy ngôi sao; miệng thò ra thanh gươm nhọn hai lưỡi và mặt như mặt trời khi soi sáng hết sức” (Khải Huyền 1:12-16). Khái tượng này là sự thể hiện toàn bộ tâm tính của Đức Chúa Trời, và sự thể hiện toàn bộ tâm tính của Đức Chúa Trời cũng là sự thể hiện về công tác của Đức Chúa Trời trong sự nhập thể hiện tại của Ngài. Trong những lần tuần tra sự phán xét và hình phạt, Con người thể hiện tâm tính vốn có của Ngài thông qua những lời phán, cho phép tất cả những ai chấp nhận hình phạt và sự phán xét của Ngài đều nhìn thấy diện mạo thật sự của Con người, là một sự khắc họa chân thực về diện mạo của Con người mà Giăng đã nhìn thấy (Tất nhiên, toàn bộ điều này sẽ không thể thấy được với những ai không chấp nhận công tác của Đức Chúa Trời trong Thời đại Vương quốc). Diện mạo thật sự của Đức Chúa Trời không sao tả xiết được bằng ngôn ngữ của con người, thế nên Đức Chúa Trời sử dụng phương tiện mà qua đó Ngài thể hiện tâm tính vốn có của Ngài để cho con người thấy diện mạo thật của Ngài. Nghĩa là, tất cả những ai đã thấy rõ tâm tính vốn có của Con người đều đã nhìn thấy diện mạo thật của Con người, bởi vì Đức Chúa Trời quá vĩ đại và ngôn ngữ của con người không sao tả xiết. Một khi con người đã cảm nghiệm từng bước

công tác của Đức Chúa Trời trong Thời đại Vương quốc, thì họ sẽ biết ý nghĩa thật sự của những lời Giảng nói về Con người giữa các chân đèn: “Đầu và tóc người trong như lông chiên trắng, như tuyết; mắt như ngọn lửa; chân như đồng sáng đã luyện trong lò lửa, và tiếng như tiếng nước lớn. Tay hữu người cầm bảy ngôi sao; miệng thò ra thanh gươm nhọn hai lưỡi và mặt như mặt trời khi soi sáng hết sức”. Lúc đó, người sẽ không còn nghi ngờ gì nữa về việc xác thật bình thường đã nói rất nhiều lời này, dứt khoát là Đức Chúa Trời nhập thể lần thứ hai. Hơn nữa, người sẽ thật sự cảm thấy mình được phước biết bao, và cảm thấy bản thân là người may mắn nhất. Người không sẵn lòng chấp nhận phước lành này sao?

MỤC LỤC

1. Những lời của Đấng Christ buổi ban đầu – Chương 1	13
2. Những lời của Đấng Christ buổi ban đầu – Chương 2	14
3. Những lời của Đấng Christ buổi ban đầu – Chương 3	16
4. Những lời của Đấng Christ buổi ban đầu – Chương 5	16
5. Những lời của Đấng Christ buổi ban đầu – Chương 15	18
6. Những lời của Đấng Christ buổi ban đầu – Chương 88	21
7. Những lời của Đấng Christ buổi ban đầu – Chương 103	24
8. Những lời của Đức Chúa Trời với toàn vũ trụ – Chương 4	28
9. Những lời của Đức Chúa Trời với toàn vũ trụ – Chương 5	31
10. Những lời của Đức Chúa Trời với toàn vũ trụ – Chương 6.....	35
11. Những lời của Đức Chúa Trời với toàn vũ trụ – Chương 8.....	38
12. Những lời của Đức Chúa Trời với toàn vũ trụ – Chương 10.....	42
13. Lễ ca của Vương quốc	46
14. Những lời của Đức Chúa Trời với toàn vũ trụ – Chương 12.....	48
15. Hỡi các dân sự của Ta, nào hãy hoan hô!.....	51
16. Những lời của Đức Chúa Trời với toàn vũ trụ – Chương 26.....	52
17. Những lời của Đức Chúa Trời với toàn vũ trụ – Chương 29.....	55
18. Quan điểm các tín đồ cần có.....	59
19. Con người bại hoại không thể đại diện cho Đức Chúa Trời.....	61
20. Việc phụng sự tôn giáo phải bị thanh trừng	63
21. Trong đức tin của người vào Đức Chúa Trời, người nên vâng phục Đức Chúa Trời.....	66
22. Lời hứa với những ai đã được hoàn thiện	69
23. Kẻ dữ ắt sẽ bị trừng phạt.....	74
24. Cách hầu việc hợp ý Đức Chúa Trời.....	77
25. Về việc Đức Chúa Trời sử dụng con người	82
26. Những điều răn của thời đại mới.....	84
27. Vương quốc Một Nghìn năm đã đến	88
28. Người phải biết rằng Đức Chúa Trời thực tế chính là Đức Chúa Trời	92
29. Biết về công tác ngày nay của Đức Chúa Trời.....	97
30. Công tác của Đức Chúa Trời có đơn giản như con người tưởng tượng không?	104
31. Người phải sống vì lẽ thật khi người tin ở Đức Chúa Trời.....	108
32. Bảy tiếng sấm rền – Tiên đoán rằng Phúc Âm của vương quốc sẽ truyền bá khắp vũ trụ.....	111

33. Sự khác biệt cơ bản giữa Đức Chúa Trời nhập thể và người được Đức Chúa Trời sử dụng	114
34. Trong đức tin phải tập trung vào tính hiện thực – Tham gia nghi thức tôn giáo không phải là đức tin	122
35. Chỉ những ai biết về công tác của Đức Chúa Trời ngày nay mới có thể hầu việc Đức Chúa Trời	124
36. Hiểu biết về công tác mới nhất của Đức Chúa Trời và đi theo dấu chân Ngài	130
37. Đức Chúa Trời hoàn thiện những ai hợp lòng Ngài	141
38. Những ai vâng phục Đức Chúa Trời với một tấm lòng chân thật chắc chắn sẽ được Đức Chúa Trời thu nhận	146
39. Thời đại Vương quốc là Thời đại của Lời.....	153
40. Mọi thứ đều đạt được bởi lời Đức Chúa Trời.....	163
41. Những người được làm cho hoàn thiện phải trải qua sự tinh luyện	175
42. Chỉ bằng cách trải qua những sự thử luyện đau đớn, người mới có thể biết được sự đáng mến của Đức Chúa Trời	190
43. Chỉ yêu mến Đức Chúa Trời mới thực sự là tin vào Đức Chúa Trời.....	197
44. Bài nói ngắn về “Vương quốc Một Nghìn năm đã đến”	207
45. Chỉ những ai biết Đức Chúa Trời mới có thể làm chứng cho Đức Chúa Trời	211
46. Phi-e-rơ biết Jê-sus bằng cách nào.....	219
47. Những ai yêu mến Đức Chúa Trời sẽ sống đời đời trong sự sáng của Ngài	228
48. Công tác của Đức Thánh Linh và công việc của Sa-tan	237
49. Lời cảnh báo cho những ai không thực hành lễ thật.....	244
50. Người có phải người đã sống dậy không?	249
51. Có một tâm tính không thay đổi là thù nghịch với Đức Chúa Trời	253
52. Tất cả những ai không biết Đức Chúa Trời đều là những người chống đối Đức Chúa Trời.....	259
53. Khái tượng về công tác của Đức Chúa Trời (1)	266
54. Khái tượng về công tác của Đức Chúa Trời (2)	271
55. Khái tượng về công tác của Đức Chúa Trời (3)	279
56. Lễ mầu nhiệm của sự nhập thể (1)	298
57. Lễ mầu nhiệm của sự nhập thể (2)	312
58. Lễ mầu nhiệm của sự nhập thể (3)	317
59. Lễ mầu nhiệm của sự nhập thể (4)	326
60. Hai lần nhập thể hoàn tất ý nghĩa của sự nhập thể	343

61. Ba Ngôi có tồn tại không?	352
62. Sự thật bên trong công tác chinh phục (1)	364
63. Sự thật bên trong công tác chinh phục (3)	374
64. Sự thật bên trong công tác chinh phục (4)	384
65. Người nên chú tâm đến sứ mạng tương lai của người như thế nào?	390
66. Các người hiểu gì về những phúc lành?	391
67. Người hiểu gì về Đức Chúa Trời?	394
68. Một con người thực sự có nghĩa là gì	400
69. Người biết gì về đức tin?	406
70. Khi những chiếc lá rụng về cội, người sẽ hối hận về tất cả những điều xấu xa mà người đã làm	412
71. Không một kẻ thuộc về xác thịt nào có thể thoát khỏi ngày thanh nợ	417
72. Đấng Cứu Thế đã trở lại trên một “đám mây trắng”	423
73. Công tác truyền bá Phúc Âm cũng là công tác cứu rỗi con người.....	427
74. Công tác trong Thời đại Luật pháp	431
75. Câu chuyện thật đằng sau công tác của Thời đại Cứu chuộc	436
76. Người nên biết toàn thể nhân loại đã phát triển cho đến ngày nay như thế nào.....	441
77. Xét về danh xưng và thân phận	458
78. Người nên đặt các phước lành về địa vị sang một bên và hiểu được ý muốn của Đức Chúa Trời để mang sự cứu rỗi đến cho con người	474
79. Con người đã giới hạn Đức Chúa Trời theo quan niệm của mình sao có thể nhận lãnh sự mặc khải của Đức Chúa Trời được?	483
80. Chỉ những ai biết Đức Chúa Trời và công tác của Ngài mới có thể làm hài lòng Đức Chúa Trời	488
81. Sự khác nhau giữa chức vụ của Đức Chúa Trời nhập thể và bản phận của con người	498
82. Đức Chúa Trời là Chúa của muôn loài thọ tạo	507
83. Thành công hay thất bại phụ thuộc vào con đường mà con người đi	513
84. Công tác của Đức Chúa Trời và công việc của con người	530
85. Biết ba giai đoạn công tác của Đức Chúa Trời là con đường để biết Đức Chúa Trời.....	551
86. Nhân loại bại hoại càng cần hơn sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời nhập thể.....	569
87. Thực chất của xác thịt mà Đức Chúa Trời ngự vào	588
88. Công tác của Đức Chúa Trời và sự thực hành của con người	602
89. Thực chất của Đấng Christ là vâng phục ý muốn của Cha trên trời	623

90. Khôi phục lại đời sống bình thường của con người và đưa họ đến một đích đến tuyệt vời	631
91. Đức Chúa Trời và con người sẽ cùng bước vào sự nghỉ ngơi	652
92. Khi người thấy được thân thể thuộc linh của Jêsus, Đức Chúa Trời đã làm mới lại trời đất.....	671
93. Những ai không tương hợp với Đấng Christ thì hẳn là những kẻ chống đối của Đức Chúa Trời	676
94. Nhiều kẻ được gọi, nhưng ít người được chọn	680
95. Người nên tìm cách tương hợp với Đấng Christ	683
96. Người có phải là tín đồ thật sự của Đức Chúa Trời?	687
97. Đấng Christ thực hiện công tác phán xét bằng lẽ thật	692
98. Người đã biết chưa? Đức Chúa Trời đã làm một việc vĩ đại giữa con người	696
99. Chỉ Đấng Christ của thời kỳ sau rốt mới có thể ban cho con người con đường sự sống vĩnh cửu	701
100. Hãy chuẩn bị đầy đủ những việc lành cho đích đến của mình.....	707
101. Người trung thành với ai?	711
102. Về đích đến	714
103. Ba điều răn	718
104. Sự vi phạm sẽ dẫn con người xuống địa ngục	722
105. Hiểu được tâm tính của Đức Chúa Trời là điều rất quan trọng	727
106. Làm thế nào để biết Đức Chúa Trời trên trần gian.....	732
107. Một vấn đề rất nghiêm trọng: Sự phản bội (1)	737
108. Một vấn đề rất nghiêm trọng: Sự phản bội (2)	741
109. Các người phải xem xét những việc làm của mình.....	745
110. Đức Chúa Trời là nguồn sự sống của con người	749
111. Tiếng thờ dài của Đấng Toàn Năng	753
112. Sự xuất hiện của Đức Chúa Trời đã mở ra một thời đại mới	756
113. Đức Chúa Trời tể trị số phận của cả nhân loại	761
114. Biết Đức Chúa Trời là cách để kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác	767
115. Thấy được sự xuất hiện của Đức Chúa Trời trong sự phán xét và hành phạt của Ngài.....	776

Những lời của Đấng Christ buổi ban đầu – Chương 1

Lời tán dương đã đến Si-ôn và nơi cư ngụ của Đức Chúa Trời đã xuất hiện. Muôn dân đang truyền tụng tên thánh vinh quang của Đức Chúa Trời. Ôi, Đức Chúa Trời Toàn Năng! Ngài là Đấng đứng đầu vũ trụ, Đấng Christ của thời kỳ sau rốt, là mặt trời chiếu rọi trên ngọn núi Si-ôn uy nghiêm và hùng vĩ của toàn vũ trụ...

Đức Chúa Trời Toàn Năng! Chúng con gọi Ngài trong sự hân hoan, chúng con nhảy múa, hát ca. Ngài thực sự là Đấng Cứu Thế của chúng con, Đức Vua vĩ đại của vũ trụ. Ngài đã tạo ra nhóm người đắc thắng và hoàn thành kế hoạch quản lý của Đức Chúa Trời. Nhất định muôn dân sẽ đổ về ngọn núi này. Muôn dân sẽ quỳ lạy trước ngài vàng. Ngài là Đức Chúa Trời thực sự và duy nhất, Ngài xứng với niềm vinh quang và tôn kính. Tất cả vinh quang, sự tán dương và quyền lực đều thuộc về trên ngài Ngài. Suối nguồn của sự sống tuôn ra từ ngài vàng, chăm tưới và nuôi dưỡng muôn dân. Cuộc sống thay đổi từng ngày, ánh sáng mới và khai thị theo chúng con, không ngừng cho chúng con những hiểu biết mới về Đức Chúa Trời. Trong những trải nghiệm, chúng con đã chắc chắn thực sự về Đức Chúa Trời. Lời của Đức Chúa Trời luôn luôn hiển hiện, hiển hiện trong những người sống đúng đắn. Chúng con thực sự vô cùng có phước! Được đối diện với Đức Chúa Trời hàng ngày, được nói mọi điều với Đức Chúa Trời, và mọi sự đều để Đức Chúa Trời làm chủ. Chúng con nghiền ngẫm về lời của Đức Chúa Trời. Trái tim chúng con an định nơi Đức Chúa Trời, và như thế, chúng con đến trước Đức Chúa Trời, để được ánh sáng của Ngài soi rọi. Cuộc sống, hành động, nói năng, tâm tư và suy nghĩ mỗi ngày của chúng con đều sống trong lời của Đức Chúa Trời, luôn biết phân định, và lời của Đức Chúa Trời là kim chỉ nam, khiến những điều ẩn giấu bên trong liên tiếp xuất hiện. Chúng con không phút giây nào chần chừ giải bày cùng Đức Chúa Trời. Ngài thấu suốt mọi tâm tư và suy nghĩ của chúng con. Mỗi phút, mỗi giây chúng con đều sống và nhận sự phán xét trước đài của Đấng Christ. Mọi nơi trong cơ thể chúng con hãy còn bị Sa-tan chiếm giữ. Ngày hôm nay đây, để khôi phục quyền năng của Đức Chúa Trời, chúng con cần dọn sạch sẽ thánh điện của Ngài. Chúng con phải trải qua một trận chiến sinh tử để mình được hoàn toàn thuộc về Đức Chúa Trời. Chỉ khi bản thân cũ bị đóng đinh trên cây thập giá, Đấng Christ phục sinh mới có được quyền năng.

Giờ đây, Đức Thánh Linh đang kêu gọi chúng ta từ khắp nơi hãy xung phong, tham gia vào cuộc quyết chiến! Chỉ cần chúng ta tình nguyện hi sinh, đồng lòng với Đức Chúa Trời, Ngài nhất định sẽ luôn soi sáng và gột tẩy bên trong chúng ta, giành lại những gì Sa-tan đã chiếm giữ, để chúng ta nhanh chóng thuộc về Ngài. Đừng để

phí hoài thời gian, hãy luôn sống trong lời của Đức Chúa Trời, cùng gây dựng với các thánh đồ của Đức Chúa Trời, để được đưa vào trong Vương quốc của Đức Chúa Trời, trong vinh quang cùng Đức Chúa Trời.

Những lời của Đấng Christ buổi ban đầu – Chương 2

Hội thánh Phi-la-đen-phi đã được thành lập, điều đó hoàn toàn nhờ vào ân điển và lòng thương xót của Đức Chúa Trời. Tình yêu dành cho Đức Chúa Trời nảy sinh trong lòng của vô vàn thánh đồ, những người không dao động trên hành trình tâm linh của mình. Họ giữ vững niềm tin rằng Đức Chúa Trời thật duy nhất đã trở nên xác thịt, rằng Ngài là Đấng đứng đầu vũ trụ, Đấng điều khiển muôn vật: Điều này được xác nhận bởi Đức Thánh Linh, nó bất di bất dịch như núi! Và nó sẽ không bao giờ thay đổi!

Đức Chúa Trời Toàn Năng ôi! Ngày nay chính Ngài đã mở những con mắt tâm linh của chúng con, cho phép người mù được nhìn thấy, người què được bước đi và người bị bệnh phong được chữa lành. Chính Ngài đã mở giếng trời, cho phép chúng con nhận biết những lẽ mầu nhiệm của lĩnh vực thuộc linh. Được dầm thấm bởi những lời thánh khiết của Ngài và được cứu rỗi khỏi nhân tính của chúng con, thứ đã bị Sa-tan làm cho bại hoại – đó là công tác vô cùng vĩ đại của Ngài và lòng thương xót vô cùng vĩ đại của Ngài. Chúng con là những chứng nhân của Ngài!

Trong một thời gian dài Ngài cứ ẩn mình một cách khiêm nhường và lặng lẽ. Ngài đã trải qua sự phục sinh từ cõi chết, chịu đóng đinh trên thập tự giá, niềm vui và nỗi buồn của đời người, sự bức hại và nghịch cảnh; Ngài đã kinh qua và nếm trải nỗi đau của thế giới loài người, và Ngài đã bị thời đại từ bỏ. Đức Chúa Trời nhập thể là chính Đức Chúa Trời. Vì ý muốn của Đức Chúa Trời, Ngài đã cứu rỗi chúng con ra khỏi sự dơ dáy, nâng chúng con lên bằng tay hữu của Ngài, và hào phóng ban cho chúng con ân điển của Ngài. Không màng đến đau đớn, Ngài đã chế tác sự sống của Ngài vào trong chúng con; cái giá mà Ngài đã trả bằng huyết, mồ hôi và nước mắt của Ngài được kết tinh trên những thánh đồ. Chúng con là sản phẩm của^[a] những sự cố gắng cật lực của Ngài; chúng con là cái giá mà Ngài đã trả.

Đức Chúa Trời Toàn Năng ôi! Chính vì lòng nhân ái và lòng thương xót của Ngài, sự công chính và oai nghi của Ngài, sự thánh khiết và khiêm nhường của Ngài mà hết thảy mọi người sẽ cúi đầu trước Ngài và thờ phượng Ngài cho đến đời đời.

a. Nguyên bản không có cụm từ “sản phẩm của”.

Ngày nay, Ngài đã làm cho hết thảy các hội thánh được trọn vẹn – hội thánh Phi-la-đen-phi – và vì thế đã hoàn thành kế hoạch quản lý 6.000 năm của Ngài. Các thánh đồ có thể hạ mình đầu phục trước Ngài, được gắn kết trong tâm linh và đi theo trong tình yêu thương, được kết nối với suối nguồn. Nước hằng sống của sự sống chảy không ngừng, rửa sạch và thanh lọc mọi nước bùn nhơ trong hội thánh, một lần nữa làm tinh sạch đền thờ của Ngài. Chúng con đã bắt đầu biết đến Đức Chúa Trời thật và thực tế, đi trong lời Ngài, nhận thức rõ phận sự và bổn phận của bản thân mình, và làm mọi thứ có thể để dâng mình vì lợi ích của hội thánh. Luôn luôn lắng lòng trước Ngài, chúng con phải chú ý đến công tác của Đức Thánh Linh, kéo ý muốn của Ngài sẽ bị cản trở trong chúng con. Giữa các thánh đồ có tình yêu thương lẫn nhau, và những điểm mạnh của người này sẽ bù đắp cho những điểm yếu của người kia. Họ có thể bước đi trong tâm linh mọi lúc, được khai sáng và soi sáng bởi Đức Thánh Linh. Sau khi hiểu lẽ thật, họ đưa nó vào thực hành ngay lập tức. Họ theo kịp sự sáng mới và đi theo bước chân của Đức Chúa Trời.

Hãy tích cực hợp tác với Đức Chúa Trời; để Ngài nắm quyền kiểm soát là bước đi với Ngài. Tất cả các ý tưởng, quan niệm, ý kiến và những vướng mắc thế tục của bản thân chúng ta tan biến vào hư không như làn khói. Chúng ta để Đức Chúa Trời ngự trị tối cao trong linh hồn mình, bước đi với Ngài và do đó có được sự siêu việt, đắc thắng thế gian, và linh hồn của chúng ta bay tự do và được giải thoát: Đây là kết cục khi Đức Chúa Trời Toàn Năng trở thành Vua. Làm sao chúng ta không thể múa và hát trong sự ca ngợi, dâng lên những lời ca ngợi của chúng ta, dâng lên những bài ca mới?

Thực sự có nhiều cách để ca ngợi Đức Chúa Trời: kêu cầu danh Ngài, đến gần Ngài, nghĩ về Ngài, cầu nguyện – đọc Kinh Thánh, thực hiện thông công, suy nghĩ và suy ngẫm, cầu nguyện và các bài hát ca ngợi. Trong những cách ca ngợi này có sự vui mừng, và có sự xúc dầu; có quyền năng trong sự ca ngợi, và cũng có một trọng trách. Có đức tin trong sự ca ngợi, và có sự thông hiểu mới.

Hãy tích cực hợp tác với Đức Chúa Trời, phối hợp trong sự phục vụ và hợp nhất, thực hiện các ý định của Đức Chúa Trời Toàn Năng, nhanh chóng trở thành một linh thể thánh khiết, chà đạp lên Sa-tan, và chấm dứt số phận của Sa-tan. Hội thánh Phi-la-đen-phi đã được cất lên vào trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời và được tỏ lộ trong sự vinh hiển của Ngài.

Những lời của Đấng Christ buổi ban đầu – Chương 3

Vị quân vương đắc thắng đã ngự trên bảo tọa vinh quang. Ngài đã cứu chuộc thành công các dân sự của mình và dẫn dắt họ hiển hiện trong vinh quang. Vạn vật đều nằm trong tay Ngài. Ngài đã xây dựng và củng cố Si-ôn bằng sự khôn ngoan và quyền năng thần thánh. Ngài phán xét thế giới tội ác này, phán xét muôn dân muôn nước bằng sự oai nghi, mặt đất, đại dương và những vật sống trong đó, cho đến những kẻ say sưa trong men nồng buồng tuồng. Đức Chúa Trời nhất định sẽ thi hành phán xét. Đức Chúa Trời nhất định sẽ trút cơn thịnh nộ lên họ để thể hiện rõ sự oai nghi của Ngài. Ngài sẽ lập tức phán xét, không còn trì hoãn. Ngọn lửa thanh nộ sẽ thiêu cháy hết những tội ác tày trời của họ. Tai ương sẽ giáng xuống bất kỳ lúc nào. Con người sẽ chẳng có đường nào mà trốn chạy, cũng không còn chốn dung thân, chỉ còn biết ai oán khóc than, nghiêng rãng mà tự tìm sự huỷ diệt.

Những đứa con trai yêu dấu đắc thắng của Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ lưu lại Si-ôn, vĩnh viễn không ra đi. Muôn dân lắng nghe lời Ngài, chăm chú dõi theo từng cử chỉ của Ngài, những lời ngợi khen không bao giờ cạn. Đức Chúa Trời có một và thật đã hiển hiện! Linh hồn chúng ta đã biết rõ Ngài, chúng ta theo sát Ngài, dốc sức tiến về phía trước. Kết cục của thế giới đã trải ra trước mắt chúng ta. Đời sống Hội thánh đúng đắn và con người, việc và vật xung quanh đang gấp rút đào tạo chúng ta. Hãy mau thu lại lòng yêu thế giới của chúng ta! Hãy mau thu lại ánh nhìn mờ mịt của chúng ta! Hãy giữ cho bước chân chúng ta không bước qua biên giới, giữ chặt miệng lưỡi để chúng ta được bước đi trong lời của Đức Chúa Trời, không còn vì mình mà tranh biện hơn thua. Hãy từ bỏ đi, lòng tham luyến tiền tài thế tục! Hãy từ bỏ đi, thứ tình quyến luyến chồng con! Hãy từ bỏ đi, những chủ trương và thành kiến của chính mình! Tình ngộ thôi, thời gian còn quá ít! Hãy để linh hồn ngưỡng vọng Đức Chúa Trời, ngưỡng vọng và để Ngài kiểm soát. Đừng để mình giống như vợ của Lót, bị ruồng bỏ đáng thương xiết bao! Đáng thương xiết bao! Hãy tỉnh ngộ đi!

Những lời của Đấng Christ buổi ban đầu – Chương 5

Non sông thay đổi, nước chảy theo dòng, sự sống con người không thể kéo dài được như đất và trời. Duy chỉ Đức Chúa Trời Toàn Năng là vĩnh sinh và phục sinh, tiếp diễn từ đời này sang đời khác, mãi mãi! Mọi thứ và mọi sự kiện đều nằm trong tay Ngài, còn Sa-tan nằm phục dưới chân Ngài.

Hôm nay, chính bằng sự lựa chọn tiền định của Đức Chúa Trời mà Ngài đã cứu rỗi chúng ta khỏi sự kìm kẹp của Sa-tan. Ngài đúng thật là Đấng Cứu Chuộc của chúng ta. Sự sống vĩnh viễn, phục sinh của Đấng Christ quả thực đã hoạt động bên trong chúng ta, hướng chúng ta kết nối với sự sống của Đức Chúa Trời, để chúng ta thực sự có thể mặt đối mặt với Ngài, ăn Ngài, uống Ngài, thưởng thức Ngài. Đây là món quà đầy vị tha mà Đức Chúa Trời đã phải trả giá bằng máu của trái tim Ngài để tạo ra.

Mùa đến rồi đi, trải qua bao nhiêu sương gió, gặp gỡ quá nhiều đớn đau của sự sống, quá nhiều ngược đãi và khổ não, quá nhiều chối bỏ và vu khống của thế giới, quá nhiều lời buộc tội sai trái của chính quyền, ấy thế nhưng cả đức tin của Đức Chúa Trời lẫn lòng kiên định của Ngài đều không mấy may suy giảm. Một lòng một dạ hiến dâng vì ý muốn của Đức Chúa Trời và vì sự quản lý cùng kế hoạch của Đức Chúa Trời, vì muốn chúng được hoàn thành mà Ngài đã không màng đến sự sống của Ngài. Vì đám đông dân sự của Ngài, Ngài chẳng ngại đau khổ, chu đáo cho họ ăn và chăm tưới cho họ. Dù có đốt nát đến đâu hay khó khăn đến mấy thì chúng ta cũng chỉ được quy phục trước Ngài, và sự sống phục sinh của Đấng Christ sẽ thay đổi bản tính cũ của chúng ta... Với tất cả những con trai đầu lòng này, Ngài đã lao động không mệt mỏi, bỏ cả thức ăn và nghỉ ngơi. Không biết bao nhiêu ngày đêm, trải qua không biết bao nhiêu cái nóng như thiêu và cái lạnh như đóng băng, Ngài vẫn một lòng một dạ trông coi Si-ôn.

Thế giới, gia đình, công việc và tất cả, hoàn toàn gạt bỏ, vui vẻ, tự nguyện, và những thú vui trần thế chẳng liên quan gì đến Ngài... Lời từ miệng Ngài xuyên thẳng vào chúng ta, vạch trần những thứ ẩn giấu sâu thẳm trong trái tim chúng ta. Sao chúng ta có thể không nghe theo? Mỗi câu chữ phát ra từ miệng Ngài đều sẽ ứng nghiệm lên chúng ta vào bất cứ lúc nào. Bất kể chúng ta làm gì, khi Ngài có mặt hay giấu sau lưng Ngài, thì cũng chẳng có điều gì là Ngài không biết, chẳng có điều gì là Ngài không thấu hiểu. Quả thực tất cả đều sẽ tỏ lộ trước mặt Ngài, bất chấp các kế hoạch và sắp xếp của chúng ta.

Ngồi trước mặt Ngài, cảm thấy niềm hân hoan từ trong linh hồn chúng ta, thoải mái và bình tĩnh, nhưng cũng luôn cảm thấy trống rỗng và thật sự mang ơn Đức Chúa Trời: Đây là điều kỳ diệu không thể tưởng tượng và không thể làm nổi. Đức Thánh Linh là quá đủ để chứng minh rằng Đức Chúa Trời Toàn Năng là Đức Chúa Trời thật duy nhất! Những người trong nhóm chúng ta thật có phúc không sao kể xiết! Nếu không nhờ ân điển và lòng nhân từ của Đức Chúa Trời, chúng ta chỉ có thể sa vào kiếp trầm luân và đi theo Sa-tan. Chỉ Đức Chúa Trời Toàn Năng mới cứu rỗi được chúng ta!

Ôi! Đức Chúa Trời Toàn Năng, Đức Chúa Trời thực tế! Chính Ngài đã mở mắt tâm linh, cho phép chúng con trông thấy những điều huyền bí của cõi tâm linh. Triền vọng của vương quốc là vô hạn. Hãy tiếp tục quan sát trong lúc chờ đợi. Ngày đó không thể quá xa nữa.

Những ngọn lửa của chiến tranh đang cuộn cuộn, khói đại bác tràn ngập không khí, khí hậu biến đổi, một bệnh dịch sẽ lây lan, và con người chỉ còn đường chết, không hề có hi vọng sống sót.

Ôi! Đức Chúa Trời Toàn Năng, Đức Chúa Trời thực tế! Ngài là pháo đài không gì lay chuyển được của chúng con. Ngài là nơi nương tựa của chúng con. Chúng con sẽ nằm rúc dưới những chiếc cánh của Ngài, và tai họa sẽ không thể với tới chúng con. Sự bảo vệ và chăm sóc thiêng liêng của Ngài là thế đấy.

Tất cả chúng ta đều cùng cất cao giọng hát; chúng ta hát lời ngợi ca, và tiếng ngợi ca của chúng ta sẽ ngân vang khắp Si-ôn! Đức Chúa Trời Toàn Năng, Đức Chúa Trời thực tế đã chuẩn bị cho chúng con đích đến vinh quang đó. Hãy quan sát – ôi, hãy quan sát đi! Đến giờ thời gian hãy còn chưa quá muộn.

Những lời của Đấng Christ buổi ban đầu – Chương 15

Sự xuất hiện của Đức Chúa Trời đã dấy lên ở khắp các hội thánh. Đó là Thần phán dạy; Ngài là ngọn lửa dữ dội, mang oai nghi, và đang phán xét. Ngài là Con người, mặc áo dài đến chân, và một đai vàng thắt ngang trên ngực. Đầu và tóc Ngài trắng như lông chiên, và mắt Ngài như ngọn lửa; chân Ngài như đồng sáng, như thể chúng được luyện trong lò lửa, và tiếng Ngài như tiếng nước lớn. Tay hữu Ngài cầm bảy ngôi sao và trong miệng Ngài, một thanh gươm nhọn hai lưỡi, và mặt Ngài sáng rực rỡ như mặt trời rực cháy!

Con Người đã được chứng kiến, và chính Đức Chúa Trời đã được mặc khải công khai. Vinh quang của Đức Chúa Trời đã phát ra, tỏa sáng dữ dội như mặt trời đang rực cháy! Diện mạo vinh hiển của Ngài rực sáng với ánh sáng rực rỡ; đôi mắt nào dám đối với Ngài bằng sự chống đối chứ? Sự chống đối dẫn đến cái chết! Không một chút thương xót nào được tỏ ra cho bất cứ điều gì người nghĩ trong lòng, bất kỳ lời nào người thốt ra, hoặc bất cứ sự gì người làm. Tất cả các người sẽ bắt đầu hiểu và bắt đầu thấy được những gì các người đã thu đạt được – không có gì ngoài sự phán xét của Ta! Liệu Ta có thể chịu được khi các người không nỗ lực ăn uống lời Ta, và thay vào đó làm gián đoạn cách tùy tiện và hủy hoại công trình của Ta? Ta sẽ không đối xử với loại người này cách nhẹ nhàng! Nếu hành vi của người thoái hóa

ng nghiêm trọng hơn, người sẽ bị lửa thiêu đốt! Đức Chúa Trời toàn năng hiện thân trong một cơ thể thuộc linh, không có một chút xác thịt hay máu huyết từ đầu đến chân. Ngài vượt khỏi thế giới vũ trụ, ngồi trên ngôi vinh hiển trên tầng trời thứ ba, cai quản vạn vật! Vũ trụ và vạn vật nằm trong tay Ta. Nếu Ta phán điều đó, nó sẽ là như vậy. Nếu Ta ấn định điều đó, thì nó sẽ như vậy. Sa-tan ở dưới chân Ta; hắn ở trong vực sâu không đáy! Khi tiếng nói của Ta phát ra, trời đất sẽ qua đi và thành hư không! Vạn vật sẽ được đổi mới; đây là một lẽ thật không thể thay đổi mà hoàn toàn đúng. Ta đã vượt qua thế giới, cũng như tất cả những kẻ ác. Ta ngồi đây chuyện trò cùng các người, và tất cả những ai có tai nên lắng nghe và tất cả những ai đang sống nên chấp nhận.

Ngày sẽ tàn; vạn vật trên thế giới này sẽ thành hư không, và vạn vật sẽ được lại sanh. Hãy nhớ lấy điều này! Đừng quên! Không thể có sự mơ hồ! Trời đất sẽ qua đi, nhưng lời Ta sẽ ở lại! Để Ta khuyên các người một lần nữa: Đừng chạy vô ích! Hãy thức dậy đi! Hãy ăn năn và sự cứu rỗi nằm trong tầm tay! Ta đã xuất hiện giữa các người và tiếng nói của Ta đã dấy lên. Tiếng nói của Ta đã dấy lên trước các người; mỗi ngày nó đối đầu với người, mặt đối mặt, và mỗi ngày nó tươi mới. Người thấy Ta và Ta thấy người; Ta nói với người liên tục và đối mặt với người. Tuy nhiên, người từ chối Ta và không biết Ta. Chiên Ta có thể nghe thấy tiếng Ta, thế mà các người vẫn do dự! Người do dự! Lòng người đã nặng nề, đôi mắt người đã bị Sa-tan bịt lại, và người không thể thấy được diện mạo vinh hiển của Ta, người thật đáng thương làm sao! Thật đáng thương!

Bảy vị Thần trước ngôi Ta đã được cử đến mọi nơi trên đất và Ta sẽ cử Sứ giả của Ta để phán cùng các hội thánh. Ta là người công chính và trung tín; Ta là Đức Chúa Trời dò xét những phần sâu thẳm nhất trong lòng con người. Đức Thánh Linh phán cùng các hội thánh, và chính lời Ta được phát ra từ bên trong Con trai của Ta; tất cả những ai có tai nên lắng nghe! Tất cả những ai đang sống nên chấp nhận! Đơn giản chỉ cần ăn uống chúng, và đừng nghi ngờ. Tất cả những ai quy phục và chú ý những lời Ta sẽ nhận lãnh được những ơn phước lớn lao! Tất cả những ai tìm kiếm diện mạo của Ta cách chân thành chắc chắn sẽ có ánh sáng mới, sự khai sáng mới và những sự thông sáng mới; tất cả sẽ tươi mới. Những lời Ta sẽ xuất hiện với người bất cứ lúc nào và chúng sẽ mở đôi mắt thuộc linh của người hầu để người có thể nhìn thấy tất cả những lẽ mầu nhiệm của cõi thuộc linh và thấy rằng vương quốc nằm giữa con người. Hãy bước vào vào nơi ẩn náu, và tất cả ân điển và ơn phước sẽ được ban cho người; nạn đói và tai họa sẽ không thể chạm vào người, và sói, rắn, hổ và báo sẽ không thể làm hại người. Người sẽ đi cùng Ta, bước cùng Ta và bước vào vinh hiển cùng Ta!

Đức Chúa Trời Toàn Năng! Thân thể vinh quang của Ngài xuất hiện công khai, thân thể thuộc linh thiêng liêng trỗi lên, và Ngài là chính Đức Chúa Trời trọn vẹn! Thế giới và xác thịt đều thay đổi, và sự biến hình của Ngài trên đỉnh núi là thân vị của Đức Chúa Trời. Ngài đeo vương miện vàng trên đầu, quần áo Ngài màu trắng tinh khiết, trên ngực là một chiếc đai vàng, và thể gian cùng vạn vật đều ở dưới chân Ngài. Đôi mắt Ngài như ngọn lửa, Ngài giữ một thanh gươm nhọn hai lưỡi trong miệng, và Ngài có bảy ngôi sao trong tay phải. Con đường đến vương quốc vô cùng tươi sáng, và vinh quang của Ngài trỗi dậy và tỏa sáng; những ngọn núi rất vui mừng và các dòng nước vui cười, và mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao hết thảy đều xoay tròn trong trật tự của chúng, chào đón Đức Chúa Trời thật độc nhất, Đấng mà sự trở về đắc thắng của Ngài báo trước sự hoàn tất của kế hoạch quản lý sáu ngàn năm của Ngài. Tất cả nhảy múa trong hân hoan! Hãy vui lên! Đức Chúa Trời toàn năng ngự trên ngôi vinh hiển của Ngài! Hãy hát lên! Biểu ngữ chiến thắng của Đấng Toàn Năng được giương cao trên Núi Si-ôn oai nghi, tráng lệ! Tất cả các quốc gia đều đang hò reo, tất cả các dân tộc đều đang ca hát, Núi Si-ôn đang cười mừng vui, và vinh quang của Đức Chúa Trời đã trỗi lên! Ta thậm chí đã không bao giờ mơ ước rằng Ta sẽ được thấy diện mạo của Đức Chúa Trời, nhưng hôm nay Ta đã thấy. Đối mặt với Ngài mỗi ngày, Ta trải hết lòng mình ra cho Ngài. Ngài cung cấp thức ăn và đồ uống dồi dào. Đời sống, lời nói, hành động, suy nghĩ, ý tưởng – ánh sáng vinh hiển của Ngài soi sáng hết thảy. Ngài dẫn dắt mọi bước trên con đường, và sự phán xét của Ngài giáng xuống ngay lập tức bất kỳ tấm lòng đầy loạn nào.

Ăn, ở cùng nhau và sống cùng với Đức Chúa Trời, được ở cùng với Đức Chúa Trời, cùng nhau bước đi, cùng nhau vui hưởng, đạt được vinh hiển và ơn phước cùng nhau, chia sẻ vương quyền với Ngài, và cùng tồn tại trong vương quốc – ôi, thật vui sướng làm sao! Ôi, thật ngọt ngào làm sao! Chúng ta đối diện với Ngài mỗi ngày, chuyện trò với Ngài mỗi ngày và chuyện trò liên tục, và được ban cho sự khai sáng mới và những sự thông sáng mới mỗi ngày. Đôi mắt thuộc linh của chúng ta được mở ra, và chúng ta thấy mọi thứ; tất cả những lẽ màu nhiệm của tâm linh được mặc khải cho chúng ta. Cuộc sống thánh khiết thực sự là thanh thoi; chạy nhanh lên và đừng dừng lại, và tấn tới không ngừng – có một cuộc sống kỳ diệu hơn đang ở phía trước. Đừng hài lòng với hương vị ngọt ngào thuần túy; hãy tìm kiếm liên tục để bước vào trong Đức Chúa Trời. Ngài toàn tại và hào phóng, và có tất cả mọi thứ mà chúng ta thiếu. Hãy hợp tác cách chủ động và bước vào trong Ngài, và mọi chuyện sẽ không bao giờ như cũ nữa. Đời sống của chúng ta sẽ nên siêu việt, và không một người, một sự, hay một vật nào có thể làm phiền chúng ta.

Siêu việt! Siêu việt! Siêu việt thật! Sự sống siêu việt của Đức Chúa Trời ở bên

trong, và vạn vật đã trở nên thực sự thoải mái! Chúng ta vượt qua thế giới và những thứ trần tục, không cảm thấy gắn bó với chồng hay con. Chúng ta vượt qua sự kiểm soát của bệnh tật và hoàn cảnh. Sa-tan không dám làm phiền chúng ta. Chúng ta hoàn toàn vượt qua mọi thảm họa. Điều này cho phép Đức Chúa Trời nắm lấy vương quyền! Chúng ta chà đạp Sa-tan dưới chân, đứng ra làm chứng cho hội thánh và vạch trần triệt để bộ mặt xấu xa của Sa-tan. Việc xây dựng hội thánh là ở trong Đấng Christ, và thân thể vinh quang đã trỗi lên – đây là sống trong sự cất lên!

Những lời của Đấng Christ buổi ban đầu – Chương 88

Con người đơn giản là không thể tưởng tượng ra tốc độ của Ta đã tăng lên tới mức nào: Đây là một phép lạ đã xảy ra mà con người không thể hiểu thấu. Tốc độ của Ta vẫn tiếp tục kể từ khi sáng thế, và công tác của Ta chưa bao giờ dừng lại. Toàn thế giới vũ trụ thay đổi từng ngày, và con người cũng liên tục thay đổi. Tất cả những điều này đều là một phần công tác của Ta, đều là một phần trong kế hoạch của Ta, và hơn nữa, chúng thuộc về sự quản lý của Ta, và không một người nào biết hay hiểu được những điều này. Chỉ khi chính Ta nói với các người, chỉ khi Ta truyền đạt trực tiếp với các người, thì các người thậm chí mới biết được một phần nhỏ bé nhất; nếu không, tuyệt đối không ai có thể biết được chút nào về kế hoạch chi tiết cho kế hoạch quản lý của Ta. Đó là quyền năng vĩ đại của Ta, và hơn nữa, đó là những hành động phi thường của Ta. Đây là những thứ không ai thay đổi được. Do đó, những gì Ta phán hôm nay sẽ xảy ra, và điều này đơn giản là không thể thay đổi. Những quan niệm của con người thậm chí không chứa dù chỉ một chút kiến thức về Ta – tất cả chỉ là những sự huyền thuyên vô nghĩa! Đừng nghĩ rằng các người đã có đủ hay đã hài lòng! Ta nói cho các người điều này: Các người vẫn còn xa để đi! Trong toàn bộ kế hoạch quản lý của Ta, các người chỉ biết được chút ít, vậy nên các người phải lắng nghe những gì Ta phán và làm bất cứ điều gì Ta bảo các người làm. Hành động theo mong muốn của Ta trong mọi việc, và các người chắc chắn sẽ có ơn phước của Ta; bất kể ai tin đều có thể nhận được, trong khi bất cứ ai không tin sẽ có thứ “không gì cả” đó mà họ đã tưởng tượng được ứng nghiệm nơi họ. Đây là sự công chính của Ta, và hơn nữa, đây là sự oai nghi của Ta, cơn thịnh nộ của Ta và hình phạt của Ta. Ta sẽ không để bất cứ ai thoát khỏi ngay cả với một suy nghĩ hay hành động.

Khi nghe những lời của Ta, hầu hết mọi người đều sợ hãi và run rẩy, khuôn mặt họ nhả lại với cái cau mày lo lắng. Ta thực sự đã đối xử bất công với người sao? Lẽ nào người không phải là con cháu của con rồng lớn sắc đỏ sao? Người thậm chí

còn giả vờ tốt đẹp! Người thậm chí còn giả vờ là con trai đầu lòng của Ta! Người nghĩ Ta mù sao? Người nghĩ Ta không phân biệt được mọi người sao? Ta là Đức Chúa Trời, Đáng dò xét sâu thẳm lòng người: Đây là những gì Ta nói với các con trai của Ta, và cũng là những gì Ta nói với các người, lũ con cháu của con rồng lớn sắc đỏ. Ta nhìn thấy rõ mọi thứ, không phạm dù chỉ một lỗi nhỏ nhất. Sao Ta có thể không biết những gì Ta làm chứ? Ta hoàn toàn rõ những gì Ta làm! Tại sao Ta phán rằng Ta là chính Đức Chúa Trời, Đáng Tạo Hóa của vũ trụ và vạn vật? Tại sao Ta phán rằng Ta là Đức Chúa Trời, Đáng dò xét sâu thẳm lòng người? Ta biết rõ tình hình của mỗi người. Các người nghĩ rằng Ta không biết phải làm gì hay phán gì sao? Đây không phải việc của các người. Hãy cẩn thận kéo bị giết bởi tay Ta; người sẽ gánh chịu mất mát theo cách đó. Các sắc lệnh quản trị của Ta không hề khoan dung. Các người có hiểu không? Tất cả những điều trên là những phần trong các sắc lệnh quản trị của Ta. Từ ngày Ta phán bảo chúng cho các người, nếu các người có thêm bất cứ vi phạm nào, thì sẽ có quả báo, bởi vì trước đây các người đã không hiểu.

Giờ Ta ban hành các sắc lệnh quản trị của Ta với các người (có hiệu lực kể từ ngày ban hành, ấn định các hình phạt khác nhau cho những người khác nhau):

Ta giữ lời hứa của mình, và mọi thứ đều nằm trong tay Ta: Bất cứ ai nghi ngờ chắc chắn sẽ bị giết. Không có chỗ cho bất kỳ sự xem xét nào; chúng ngay lập tức sẽ bị tiêu diệt, từ đó xóa bỏ sự thù hận trong lòng Ta. (Từ giờ trở đi, bất kỳ ai bị giết không được là thành viên vương quốc của Ta, mà phải là hậu duệ của Sa-tan, điều này được xác nhận).

Là các con trai đầu lòng, các người nên giữ lập trường của chính mình, làm tròn bổn phận của chính mình, và đừng tọc mạch. Các người nên dâng mình cho kế hoạch quản lý của Ta, và bất cứ nơi nào các người đi, các người nên làm chứng tốt cho Ta và tôn vinh danh Ta. Đừng làm những điều đáng xấu hổ; hãy là tấm gương cho tất cả con trai và dân sự của Ta. Đừng có trác táng dù chỉ trong chốc lát: Các người phải luôn xuất hiện trước tất cả mọi người với thân phận của các con trai đầu lòng, và không được hèn hạ; thay vào đó, các người nên sải bước về phía trước ngẩng cao đầu. Ta đang yêu cầu các người tôn vinh danh Ta, chứ không phải làm ô nhục danh Ta. Những ai là con trai đầu lòng từng người đều có phận sự cá nhân riêng và không thể làm mọi việc. Đây là trách nhiệm Ta đã trao cho các người, và các người không được trốn tránh. Các người phải toàn tâm hiến dâng bản thân, hết tâm trí và hết sức lực, để hoàn thành những gì Ta đã giao phó cho các người.

Từ nay trở đi, trên khắp thế giới vũ trụ, bổn phận chẵn dất hết thảy các con trai của Ta và dân sự của Ta sẽ được giao phó cho các con trai đầu lòng của Ta thực hiện, và Ta sẽ hành phạt bất cứ ai không thể dành toàn tâm, toàn ý cho việc thực

hiện điều đó. Đây là sự công chính của Ta. Ta sẽ không dung thứ và cũng không nhẹ tay ngay cả với các con trai đầu lòng của Ta.

Nếu có bất kỳ ai trong các con trai của Ta hoặc trong dân sự của Ta chế giễu và lăng mạ một trong những con trai đầu lòng của Ta, Ta sẽ trừng phạt chúng một cách nghiêm khắc, vì các con trai đầu lòng của Ta đại diện cho chính Ta; những gì một người làm với họ, thì người đó cũng làm với Ta. Đây là điều nghiêm trọng nhất trong các sắc lệnh quản trị của Ta. Ta sẽ cho phép các con trai đầu lòng của Ta, theo ý muốn của chúng, thực thi sự công chính của Ta chống lại bất kỳ con trai nào và dân sự nào của Ta vi phạm sắc lệnh này.

Ta sẽ từ bỏ dần dần bất cứ kẻ nào xem nhẹ Ta và chỉ để tâm đến thức ăn, quần áo, và giấc ngủ của Ta, chỉ chú ý đến các thứ bên ngoài của Ta và không để tâm đến trọng trách của Ta, cũng như không chú ý đến việc thực hiện đúng phận sự của chính mình. Điều này nhắm vào hết thảy những ai có tai.

Bất cứ ai hoàn thành việc phục vụ cho Ta đều phải ngoan ngoãn rút lui không nặng nề. Hãy cẩn thận, nếu không Ta sẽ giải quyết người. (Đây là một sắc lệnh bổ sung).

Các con trai đầu lòng của Ta sẽ cầm lấy cây gậy sắt từ giờ trở đi và bắt đầu thực thi thẩm quyền của Ta để cai trị mọi quốc gia và dân tộc, để đi giữa mọi quốc gia và dân tộc, và thực hiện sự phán xét, sự công chính và sự oai nghi của Ta giữa mọi quốc gia và dân tộc. Các con trai và dân sự của Ta sẽ kính sợ Ta, ngợi khen Ta, cổ vũ Ta và tôn vinh Ta không ngừng, bởi vì kế hoạch quản lý của Ta đã hoàn thành và các con trai đầu lòng của Ta có thể trị vì cùng Ta.

Đây là một phần trong các sắc lệnh quản trị của Ta; sau này, Ta sẽ cho các người biết về chúng khi công tác tiến triển. Từ các sắc lệnh quản trị ở trên, các người sẽ thấy tốc độ làm việc của Ta, cũng như công tác của Ta đã đạt được đến bước nào. Đây sẽ là một sự chứng thực.

Ta đã phán xét Sa-tan rồi. Bởi vì ý muốn của Ta không bị cản trở và bởi vì các con trai đầu lòng của Ta đã đạt được vinh hiển cùng với Ta, nên Ta đã thực hiện sự công chính và oai nghi của Ta đối với thế gian và tất cả những gì thuộc về Sa-tan. Ta không hề nhắc một ngón tay hay chú ý gì đến Sa-tan (vì nó thậm chí còn không xứng đáng nói chuyện với Ta). Ta chỉ tiếp tục làm những gì Ta muốn làm. Công tác của Ta tiếp diễn suôn sẻ, từng bước một, và ý muốn của Ta không bị ngăn trở trên khắp trái đất. Điều này đã làm Sa-tan xấu hổ đến một mức độ nào đó, và nó đã bị hủy diệt hoàn toàn, nhưng bản thân điều này thì chưa đáp ứng được ý muốn của Ta. Ta cũng cho phép các con trai đầu lòng của Ta thực thi các sắc lệnh quản trị của Ta đối với chúng. Một mặt, những gì Ta cho Sa-tan thấy là cơn thịnh nộ của Ta đối với

nó; mặt khác, Ta cho nó thấy vinh quang của Ta (thấy rằng các con trai đầu lòng của Ta là những bằng chứng về vang nhất cho sự bề mặt của Sa-tan). Ta không đích thân trừng phạt nó; thay vào đó, Ta đã để các con trai đầu lòng của Ta thực thi sự công chính và oai nghi của Ta. Bởi vì Sa-tan từng lạm dụng các con trai Ta, bức hại các con trai Ta, và đàn áp các con trai Ta, nên ngày hôm nay, sau khi sự phục vụ của nó kết thúc, Ta sẽ cho phép các con trai đầu lòng trưởng thành của Ta giải quyết nó. Sa-tan đã bắt lực trước sự sụp đổ này. Sự tê liệt của tất cả các quốc gia trên thế giới là minh chứng tốt nhất; người dân đấu tranh và các quốc gia trong chiến tranh là những biểu hiện rõ ràng về sự sụp đổ của đất nước Sa-tan. Lý do Ta không thể hiện ra bất kỳ dấu kỳ và phép lạ nào trong quá khứ là để mang đến sự bề mặt cho Sa-tan và tôn vinh danh Ta, từng bước một. Khi Sa-tan bị kết liễu hoàn toàn, Ta bắt đầu thể hiện quyền năng của mình: Những gì Ta phán bắt đầu xuất hiện và những điều siêu nhiên không phù hợp với quan niệm của con người sẽ được ứng nghiệm (những thứ này ám chỉ những ơn phước sắp đến). Bởi vì Ta là chính Đức Chúa Trời thực tế và Ta không có luật lệ, và vì Ta phán theo những thay đổi trong kế hoạch quản lý của Ta, nên những gì Ta đã phán trong quá khứ không nhất thiết còn phù hợp trong hiện tại. Đừng bám víu lấy những quan niệm của chính mình! Ta không phải là một Đức Chúa Trời tuân theo các luật lệ; với Ta, mọi thứ đều tự do, siêu việt và hoàn toàn được giải phóng. Có lẽ những gì được phán ngày hôm qua đã lỗi thời ngày hôm nay, hoặc có lẽ nó có thể bị gạt sang một bên ngày hôm nay (tuy nhiên, các sắc lệnh quản trị của Ta, vì chúng đã được ban hành, nên sẽ không bao giờ thay đổi). Đây là các bước trong kế hoạch quản lý của Ta. Đừng bám vào các quy tắc. Mỗi ngày sẽ có sự sáng mới và có những sự mặc khải mới, và đó là kế hoạch của Ta. Mỗi ngày sự sáng của Ta sẽ được tiết lộ trong người và tiếng của Ta sẽ cất lên với thế giới vũ trụ. Người có hiểu không? Đây là bổn phận của người, trách nhiệm mà Ta đã giao phó cho người. Người không được phép sao nhãng nó dù chỉ trong chốc lát. Ta sẽ sử dụng đến cùng những người Ta chấp thuận, và điều này sẽ không bao giờ thay đổi. Bởi vì Ta là Đức Chúa Trời toàn năng, Ta biết loại người nào nên làm việc gì, cũng như loại người nào có thể làm việc gì. Đây là sự toàn năng của Ta.

Những lời của Đấng

Christ buổi ban đầu – Chương 103

Một tiếng vang như sấm phát ra, làm rung chuyển toàn thể vũ trụ. Nó đình tai đến nỗi con người không thể tránh kịp. Một số người bị giết chết, một số thì bị hủy diệt, và một số thì bị phán xét. Đó là một cảnh tượng thật sự chưa ai từng thấy. Hãy lắng

nghe kỹ: Những tràng sấm rền đi cùng với tiếng khóc than, và âm thanh này đến từ âm phủ; nó đến từ địa ngục. Đó là âm thanh cay đắng của các con trai phản nghịch đã bị Ta phán xét. Những kẻ không lắng nghe những gì Ta phán và những kẻ không đưa lời Ta vào thực hành đã bị phán xét nặng nề và nhận sự rửa sả của cơn thịnh nộ của Ta. Tiếng Ta là sự phán xét và cơn thịnh nộ; Ta không đối đãi nhẹ nhàng với ai và thể hiện lòng thương xót với ai, bởi Ta là chính Đức Chúa Trời công chính, và Ta có cơn thịnh nộ; Ta có sự thiêu đốt, sự làm tinh sạch, và sự hủy diệt. Nơi Ta, không gì là ẩn giấu hay tình cảm, mà trái lại, mọi thứ đều cởi mở, công chính, và vô tư. Bởi các con trai đầu lòng của Ta đã ở cùng Ta trên ngai, trị vì khắp mọi quốc gia và dân tộc, những vật và người bất công và bất chính giờ đây bắt đầu bị phán xét. Ta sẽ thăm dò họ từng người một, không bỏ sót điều gì và phơi bày họ hoàn toàn. Bởi sự phán xét của Ta đã được tỏ lộ hoàn toàn và mở ra hoàn toàn, và Ta không hề giữ lại bất cứ thứ gì; Ta sẽ vứt bỏ mọi thứ không hợp với ý muốn của Ta, và để chúng bị diệt vong đời đời trong vực sâu không đáy. Ở đó Ta sẽ để chúng bị thiêu đốt mãi mãi. Đây là sự công chính của Ta, và đây là sự ngay thẳng của Ta. Không ai có thể thay đổi điều này, và tất cả phải chịu lệnh của Ta.

Hầu hết mọi người phớt lờ những lời phán của Ta, nghĩ rằng lời nói chỉ là lời nói và sự thật là sự thật. Họ thật mù quáng! Họ không biết rằng Ta là chính Đức Chúa Trời trung tín sao? Những lời và thực tế của Ta xuất hiện đồng thời. Chẳng phải đây thật sự là như vậy sao? Con người đơn thuần là không hiểu lời Ta, và chỉ những ai đã được khai sáng mới có thể thật sự hiểu được. Đây là sự thật. Ngay khi con người thấy lời Ta, họ trở nên khiếp sợ thất kinh hồn vía và chạy khắp nơi để trốn. Điều này thậm chí càng đúng khi sự phán xét của Ta đến. Khi Ta tạo ra muôn vật, khi Ta hủy diệt thế gian, và khi Ta làm cho trọn vẹn các con trai đầu lòng – tất cả những điều này được hoàn thành bởi một lời duy nhất từ miệng Ta. Điều này là vì bản thân lời Ta là thẩm quyền; nó là sự phán xét. Có thể nói rằng thân vị của Ta là sự phán xét và sự oai nghi; đây là một thực tế không thể thay đổi. Đây là một phương diện của những sắc lệnh quản trị của Ta; nó chỉ là một cách mà Ta phán xét con người. Trong mắt Ta, mọi thứ – bao gồm tất cả mọi người, sự vụ, và muôn vật – đều trong tay Ta và dưới sự phán xét của Ta. Không người nào và vật nào dám hành xử một cách ngông cuồng hay ngoan cố, và tất cả phải được hoàn thành theo những lời Ta phán. Từ trong những quan niệm con người, mọi người đều tin những lời của thân vị của Ta. Khi Thần của Ta lên tiếng, mọi người đều ngờ vực. Con người không có chút kiến thức nào về sự toàn năng của Ta, và họ thậm chí còn đổ tội cho Ta. Bây giờ Ta bảo người, bất kỳ ai hoài nghi lời Ta, và bất kỳ ai coi thường lời Ta, thì đây là những kẻ sẽ bị hủy diệt; họ muôn đời là những đứa con trai của sự hư mất. Từ đây có thể

thấy rằng có rất ít người là con trai đầu lòng, bởi đây là cách Ta làm việc. Như Ta đã nói trước đây, Ta hoàn thành mọi thứ mà không động ngón tay; Ta chỉ dùng lời Ta. Như vậy, sự toàn năng của Ta là ở đây. Trong những lời của Ta, không ai có thể tìm được nguồn gốc và mục đích của điều Ta phán. Con người không thể đạt được điều này, và họ chỉ có thể hành động khi đi theo sự dẫn dắt của Ta và làm mọi thứ phù hợp với ý muốn của Ta theo sự công chính của Ta, khiến gia đình Ta có sự công chính và bình an, để sống mãi mãi, và vững vàng, không bị lung lay đời đời.

Sự phán xét của Ta đến với mọi người, các sắc lệnh quản trị của Ta chạm đến mọi người, và những lời Ta cùng thân vị Ta được tỏ lộ cho mọi người. Đây là lúc dành cho công tác vĩ đại của Thần của Ta (vào lúc này, những ai sẽ được ban phước lành và những ai sẽ chịu bất hạnh được phân tách ra). Ngay khi những lời Ta ban ra, Ta đã phân tách những người sẽ được ban phước, cũng như những người sẽ chịu bất hạnh. Toàn bộ điều này đều rõ mồn một, và Ta có thể thấy toàn bộ ngay lập tức. (Ta đang nói điều này liên quan đến nhân tính của Ta; vì lẽ ấy, những lời này không trái với sự tiền định và chọn lựa của Ta). Ta đi khắp núi sông và giữa muôn vật, băng qua những không gian của vũ trụ, quan sát và làm tinh sạch mọi nơi để những địa điểm không tinh sạch và những vùng đất bờ bãi đều sẽ thôi không còn tồn tại và bị thiêu rụi vào hư không như bởi những lời Ta. Đối với Ta, mọi thứ đều dễ dàng. Nếu bây giờ là lúc Ta đã định trước cho sự hủy diệt thế gian, Ta có thể nuốt chửng nó bằng một lời phán duy nhất. Tuy nhiên, bây giờ không phải là lúc. Tất cả phải được sẵn sàng trước khi Ta làm công tác này, hầu cho kế hoạch của Ta không bị nhiễu loạn và sự quản lý của Ta không bị gián đoạn. Ta biết cách làm điều này một cách hợp lý: Ta có sự khôn ngoan của Ta, và Ta có những sự sắp đặt của riêng Ta. Con người không được động một ngón tay; hãy cẩn thận để không bị giết bởi tay Ta. Điều này đã chạm đến các sắc lệnh quản trị của Ta. Từ đây người ta có thể thấy sự khắt khe của các sắc lệnh quản trị của Ta, cũng như những nguyên tắc đằng sau chúng, điều cũng có hai mặt: Một mặt, Ta giết tất cả những ai không phù hợp với ý muốn của Ta và những ai vi phạm các sắc lệnh quản trị của Ta; mặt khác, trong cơn thịnh nộ của Ta, Ta rửa sạch tất cả những ai vi phạm các sắc lệnh quản trị của Ta. Hai phương diện này là rất cần thiết, và là những nguyên tắc điều hành đằng sau các sắc lệnh quản trị của Ta. Mọi người đều được xử lý theo hai nguyên tắc này, không tình cảm, bất kể một người có thể trung thành như thế nào. Điều này là đủ để cho thấy sự công chính của Ta, sự oai nghi của Ta, và cơn thịnh nộ của Ta, điều sẽ thiêu rụi mọi thứ phạm tục, mọi thứ trần tục, và mọi thứ không phù hợp với ý muốn của Ta. Trong lời Ta là những màu nhiệm vẫn còn ẩn giấu, và cũng trong lời Ta, có những màu nhiệm đã được tỏ lộ. Do đó, theo những quan niệm của con người, và trong

tâm trí con người, những lời của Ta mãi mãi không thể hiểu được, và lòng Ta mãi mãi không thể dò lường. Nghĩa là, Ta phải loại bỏ con người khỏi những quan niệm và suy nghĩ của họ. Đây là hạng mục quan trọng nhất trong kế hoạch quản lý của Ta. Ta phải làm theo cách này nhằm thu phục các con trai đầu lòng của Ta và hoàn thành những điều Ta muốn làm.

Những thảm họa của thế giới tăng nhiều hơn từng ngày, và trong nhà Ta, những thảm họa thảm khốc tăng mạnh hơn bao giờ hết. Con người thật sự không có nơi nào để trốn, không có nơi nào để giấu mình. Bởi sự chuyển tiếp đang diễn ra ngay lúc này, nên con người không biết họ sẽ vượt qua bước tiếp theo của mình ở đâu. Điều này chỉ trở nên rõ ràng sau sự phán xét của Ta. Hãy nhớ lấy! Đây là những bước trong công tác của Ta, và đó là cách mà Ta hoạt động. Ta sẽ an ủi tất cả các con trai đầu lòng của Ta từng người một, và nâng đỡ họ từng bước một; đối với những kẻ phục vụ, Ta sẽ loại trừ và loại bỏ tất cả họ, từng người một. Đây là một phần của kế hoạch quản lý của Ta. Sau khi tất cả những kẻ phục vụ đã bị phơi bày, các con trai đầu lòng của Ta cũng sẽ được tỏ lộ. (Đối với Ta, điều này cực kỳ dễ. Sau khi họ nghe những lời của Ta, tất cả những kẻ phục vụ đó sẽ dần rút lui trước sự phán xét và đe dọa của lời Ta, và chỉ các con trai đầu lòng của Ta còn ở lại. Đây không phải là điều tự nguyện, cũng không phải là điều con người có thể thay đổi; đúng hơn, đó là Thần của Ta hoạt động trong con người). Đây không phải là một sự kiện xa vời, và ở một mức độ nào đó, các người nên có thể nhận thức nó từ trong giai đoạn công tác này của Ta và lời Ta. Tại sao Ta nói nhiều như vậy, cũng như bản chất không thể dự đoán của những lời phán của Ta, là không thể dò lường đối với con người. Ta phán với các con trai đầu lòng của Ta bằng giọng điệu dễ chịu, thương xót, và yêu thương (bởi Ta luôn khai sáng những người này, và Ta sẽ không rời bỏ họ, bởi Ta đã tiền định họ), trong khi Ta đối đãi với những người không phải là các con trai đầu lòng của Ta bằng sự phán xét khắt khe, bằng những lời đe dọa, và bằng sự dọa dẫm, khiến họ cảm thấy liên tục sợ hãi đến mức luôn căng thẳng thần kinh. Khi tình hình đã phát triển đến một mức độ nhất định, họ sẽ thoát khỏi trạng thái này (khi Ta hủy diệt thế gian, những người này sẽ ở vực sâu không đáy), nhưng họ sẽ không bao giờ thoát khỏi bàn tay phán xét của Ta hay thoát khỏi tình cảnh này. Vậy thì, đây là sự phán xét của họ; đây là hình phạt của họ. Vào ngày mà những người ngoại quốc đến, Ta sẽ phơi bày những người này, từng người một. Đây là những bước công tác của Ta. Giờ đây các người hiểu ý định đằng sau những lời phán trước đây của Ta về những lời đó chưa? Theo quan niệm của Ta, điều gì đó chưa ứng nghiệm cũng là điều đã ứng nghiệm, nhưng điều gì đó đã ứng nghiệm không nhất thiết là điều đã đạt được. Đây là vì Ta có sự khôn ngoan của Ta và cách làm việc của

Ta, điều đơn thuần là bí hiểm đối với con người. Một khi Ta đã đạt được những kết quả với bước này (khi Ta đã phơi bày tất cả những kẻ tà ác chống đối Ta), Ta sẽ bắt đầu bước tiếp theo, bởi ý muốn của Ta là không bị ngăn trở và không ai dám cản trở kế hoạch quản lý của Ta, và không điều gì dám đặt ra bất kỳ trở ngại nào – tất cả phải dọn sạch đường! Con cái của con rồng lớn sắc đỏ, hãy nghe Ta! Ta đến từ Si-ôn và trở nên xác thịt trên thế gian để thu phục các con trai đầu lòng của Ta, để làm bề mặt cha của các người (những lời này nhắm đến các con cháu của con rồng lớn sắc đỏ), để hỗ trợ cho các con trai đầu lòng của Ta, và khắc phục những điều sai trái đã làm với các con trai đầu lòng của Ta. Vì lẽ ấy, đừng hung hăng nữa; Ta sẽ để các con trai đầu lòng của Ta xử lý các người. Trong quá khứ, các con trai Ta đã bị bắt nạt và đàn áp, và bởi vì Cha thi hành quyền lực cho các con Ngài, các con trai Ta sẽ trở lại với vòng tay yêu thương của Ta, không còn bị bắt nạt và đàn áp nữa. Ta không bất chính; điều này cho thấy sự công chính của Ta, và nó thật sự là “yêu thương những ai Ta yêu thương và ghét bỏ những ai Ta ghét bỏ”. Nếu các người nói Ta bất chính, vậy thì các người nên nhanh lên và ra khỏi. Đừng vô liêm sỉ và ăn bám trong nhà Ta. Người nên nhanh quay về nhà người để Ta không còn phải thấy người nữa. Vực sâu không đáy là đích đến của các người, và đó là nơi các người sẽ yên nghỉ. Nếu các người ở nhà Ta, sẽ không có chỗ cho các người, bởi vì các người là những súc vật thô; các người là những công cụ mà Ta sử dụng. Khi Ta không còn bất kỳ công dụng gì cho các người nữa, Ta sẽ ném các người vào lửa để thiêu rụi các người. Đây là sắc lệnh quản trị của Ta; Ta phải thực hiện nó theo cách này, và chỉ điều này mới cho thấy cách mà Ta hoạt động và tỏ lộ sự công chính, oai nghi của Ta. Quan trọng hơn, chỉ theo cách này mà các con trai đầu lòng của Ta mới được phép nắm quyền với Ta.

Những lời của Đức Chúa Trời với toàn vũ trụ – Chương 4

Tất cả những dân sự của Ta phụng sự trước Ta nên nghĩ lại về quá khứ: Tình yêu của các người dành cho Ta có bị nhơ bẩn bởi sự ô uế không? Lòng trung thành của các người với Ta có thuần khiết và hết lòng không? Kiến thức của các người về Ta có đúng không? Ta đã giữ bao nhiêu vị trí trong lòng các người? Ta đã lấp trọn lòng người chưa? Lời Ta đã đạt được bao nhiêu trong các người? Đừng coi Ta là một kẻ ngốc! Những điều này hoàn toàn rõ ràng với Ta! Hôm nay, khi tiếng nói cứu rỗi của Ta được thốt ra, đã có thêm chút tình yêu nào các người dành cho Ta chưa? Lòng trung thành của các người với Ta đã trở nên thuần khiết được phần nào chưa?

Kiến thức của các người về Ta đã sâu sắc hơn chưa? Có phải lời khen ngợi được dâng lên trong quá khứ đã đặt nền tảng vững chắc cho kiến thức của các người ngày hôm nay không? Các người đã được Thần Ta chiếm giữ bao nhiêu? Hình tượng của Ta giữ bao nhiêu vị trí trong các người? Những lời phán của Ta đã thức tỉnh bên trong các người chưa? Các người có thực sự cảm thấy không biết giấu sự xấu hổ vào đâu không? Các người có thực sự tin rằng mình không đủ tiêu chuẩn để trở thành dân sự của Ta không? Nếu các người hoàn toàn không biết tới các câu hỏi ở trên, thì điều này cho thấy rằng người đang thừa nước đục thả câu, rằng các người chỉ hiện diện cho có, và đến thời điểm Ta đã định trước, các người chắc chắn sẽ bị loại bỏ và ném vào vực sâu không đáy lần thứ hai. Đây là những lời cảnh báo của Ta, bất kỳ ai xem nhẹ chúng sẽ phải chịu sự phán xét của Ta, và vào thời điểm ấn định, sẽ gặp thảm họa. Chẳng phải thế sao? Ta còn cần đưa các ví dụ để minh họa điều này không? Ta có phải nói đơn giản hơn để đưa một tấm gương cho các người không? Từ thuở sáng thế cho đến ngày nay, nhiều người đã bất tuân những lời Ta và do đó đã bị vứt bỏ và loại trừ khỏi dòng chảy khôi phục của Ta; sau rốt là, thể xác của họ bị diệt vong và linh hồn của họ bị ném vào âm phủ, và thậm chí ngày nay họ vẫn phải chịu hành phạt nặng nề. Nhiều người đã tuân theo lời Ta, nhưng họ đã đi ngược lại sự khai sáng và soi sáng của Ta, và do đó đã bị Ta đá sang một bên, rơi dưới quyền của Sa-tan và trở thành một trong những kẻ chống đối Ta. (Ngày nay, tất cả những kẻ trực tiếp chống đối Ta đều chỉ tuân theo những bề nổi trong lời Ta và bất tuân thực chất của lời Ta). Cũng có nhiều người, những người chỉ đơn thuần lắng nghe những lời Ta phán hôm qua, những người đã bám riết lấy những “thứ rác rưởi” của quá khứ và không trân trọng “sản phẩm” của ngày nay. Những người này không chỉ bị Sa-tan bắt giữ mà đã trở thành tội nhân vĩnh cửu, trở thành kẻ thù của Ta, và họ trực tiếp chống đối Ta. Những kẻ như vậy là đối tượng phán xét ở đỉnh điểm cơn thịnh nộ của Ta, và ngày nay chúng vẫn mù lòa, vẫn ở trong ngục tối (nghĩa là những kẻ như vậy là những xác chết thối rữa, tê liệt, bị kiểm soát bởi Sa-tan; vì mắt chúng đã bị Ta che phủ, Ta nói rằng chúng bị mù). Thôi để lấy một ví dụ cho các người tham khảo, để các người có thể học hỏi từ đó:

Khi đề cập đến Phao-lô, các người sẽ nghĩ về tiểu sử của ông ấy, và một số câu chuyện về ông mà không chính xác và sai trật hiện thực. Ông ấy được cha mẹ dạy dỗ từ nhỏ, và đã nhận lãnh được sự sống của Ta, và do sự tiền định của Ta, ông ấy đã được sở hữu tổ chất mà Ta cần. Ở tuổi 19, ông đã đọc đa dạng các sách về cuộc sống; do đó Ta không cần phải đi sâu vào chi tiết về cách thức, vì với tổ chất của ông ấy và vì sự khai sáng và soi sáng của Ta, ông ấy không chỉ có thể nói với sự thông sáng nào đó về các vấn đề thuộc linh, mà còn có thể nắm bắt được các ý định của

Ta. Tất nhiên, điều này không loại trừ sự kết hợp của các yếu tố bên trong và bên ngoài. Tuy nhiên, một khuyết điểm của ông ấy là, vì tài năng của mình, ông ấy thường liến thoắng và hay khoe khoang. Kết quả là, do sự bất tuân của ông ta, một phần trong đó trực tiếp đại diện cho thiên sứ trưởng, khi Ta trở nên xác thịt lần đầu tiên, ông ta đã cố gắng hết sức để thách thức Ta. Ông ta là một trong những người không biết lời Ta, và vị trí của Ta trong lòng ông ấy đã tan biến. Những người như vậy trực tiếp chống đối thần tính của Ta, bị Ta đánh gục, và chỉ biết cúi đầu, nhận tội vào lúc sau rốt. Do đó, sau khi Ta đã sử dụng những điểm mạnh của ông ấy – có nghĩa là, sau khi ông ấy làm việc cho Ta trong một khoảng thời gian – ông ấy lại một lần nữa rơi vào con đường cũ của mình, và mặc dù ông ấy không trực tiếp bất tuân lời Ta, nhưng ông ấy bất tuân sự hướng dẫn và khai sáng nội tâm của Ta, và do đó, tất cả những gì ông ta đã làm trong quá khứ đều vô ích; nói cách khác, vương miện vinh quang mà ông ta nói đến đã trở thành những từ trống rỗng, một sản phẩm của trí tưởng tượng của chính ông ta, thậm chí cho đến tận ngày nay, ông ta vẫn phải chịu sự phán xét của Ta trong sự giam cầm trói buộc của Ta.

Từ ví dụ trên, có thể thấy rằng bất cứ ai chống đối Ta (bằng cách chống lại không chỉ bản thân xác thịt của Ta mà quan trọng hơn, lời Ta và Thần của Ta – nghĩa là – thần tính của Ta), đều nhận lấy sự phán xét của Ta trong xác thịt của chúng. Khi Thần của Ta rời khỏi người, người sẽ lao thẳng xuống, đáp ngay xuống âm phủ. Và mặc dù thể xác của người ở trên đất, người giống như một người mắc bệnh tâm thần: Người đã mất lý trí của mình và ngay lập tức cảm thấy như thể mình là một xác chết, đến nỗi người cầu xin Ta kết liễu xác thịt của người ngay lập tức. Hầu hết các người, những người sở hữu linh hồn đều có hiểu biết sâu sắc về những tình huống này, và Ta không cần phải đi sâu thêm vào chi tiết. Trong quá khứ, khi Ta làm việc trong nhân tính bình thường, hầu hết mọi người đều đã liệu chừng bản thân dựa trên cơn thịnh nộ và sự oai nghi của Ta, và đã biết một chút về sự khôn ngoan và tâm tính của Ta. Hôm nay, Ta phán và hành động trực tiếp trong thần tính, và vẫn còn một số người sẽ tận mắt thấy cơn thịnh nộ và sự phán xét của Ta; hơn nữa, công tác chính của phần thứ hai trong kỷ nguyên phán xét là làm cho toàn bộ dân sự của Ta trực tiếp biết việc làm của Ta trong xác thịt, và làm cho tất cả các người trực tiếp thấy được tâm tính của Ta. Tuy nhiên bởi vì Ta đang trong xác thịt, Ta quan tâm đến những yếu điểm của các người. Ta hy vọng rằng các người không coi tinh thần, linh hồn và thể xác của mình như món đồ chơi mà cống nạp chúng cho Sa-tan một cách thiếu suy nghĩ. Tốt hơn là trân trọng tất cả những gì các người có, và đừng coi nó như một trò chơi, vì những điều như vậy liên quan đến số phận của các người. Các người có thật sự hiểu được ý nghĩa thực sự của những lời Ta không? Các người có thật sự

có khả năng quan tâm đến những cảm xúc thật của Ta không?

Các người có sẵn lòng vui hưởng ơn phước của Ta trên đất, những ơn phước tương tự như trên trời không? Các người có sẵn lòng trân trọng sự hiểu biết về Ta, sự vui hưởng những lời Ta và kiến thức về Ta như những điều có giá trị và ý nghĩa nhất trong đời sống của các người không? Các người có thực sự có thể hoàn toàn vâng phục Ta, mà không cần suy nghĩ đến tiền đồ của chính mình không? Các người có thực sự có thể cho phép bản thân mình bị Ta xử tử, và được dẫn dắt bởi Ta, như một con chiên không? Có ai trong số các người có khả năng đạt được những điều như vậy không? Có thể nào tất cả những người được Ta chấp nhận và nhận lãnh lời hứa của Ta là những người đạt được ơn phước của Ta không? Các người đã hiểu ra bất cứ điều gì từ những lời này chưa? Nếu Ta thử luyện các người, các người có thể thực sự đặt bản thân mình dưới sự bố trí của Ta không, và giữa những thử luyện này, có thể tìm kiếm những ý định của Ta và nhận biết được lòng Ta không? Ta không mong người có thể nói nhiều lời cảm động, hoặc kể nhiều câu chuyện thú vị; thay vào đó, Ta yêu cầu người có thể mang chứng ngôn tốt đẹp cho Ta, và rằng người có thể bước vào hiện thực một cách trọn vẹn và sâu sắc. Nếu Ta không phán trực tiếp, người có thể từ bỏ mọi thứ quanh mình và để bản thân cho Ta sử dụng không? Đây chẳng phải là hiện thực mà Ta yêu cầu sao? Ai có thể nắm bắt được ý nghĩa trong lời Ta? Tuy nhiên, Ta yêu cầu các người không còn bị đè nặng bởi những mối nghi ngại nữa, rằng các người phải chủ động trong việc bước vào và nắm bắt được thực chất lời Ta. Điều này sẽ ngăn người hiểu sai lời Ta và không rõ về ý Ta, và vì thế mà vi phạm các sắc lệnh quản trị của Ta. Ta hy vọng rằng các người nắm bắt được các ý định của Ta đối với các người trong lời Ta. Không suy nghĩ gì thêm về tiền đồ của chính mình, và hành động như các người đã quyết định trước Ta để quy phục sự bố trí của Đức Chúa Trời trong mọi việc. Tất cả những người đứng trong nhà Ta nên làm hết sức có thể; người nên cống hiến hết mình cho phần công tác cuối cùng của Ta trên đất. Người có thực sự sẵn sàng đưa những điều như vậy vào thực hành không?

Ngày 23 tháng 2 năm 1992

Những lời của Đức Chúa Trời với toàn vũ trụ – Chương 5

Tiếng nói Thần của Ta là sự thể hiện của toàn bộ tâm tính Ta. Các người có hiểu không? Không rõ về điểm này sẽ tương đương với việc trực tiếp chống đối Ta. Các người đã thực sự thấy được tầm quan trọng nằm ở đây chưa? Các người có thực sự biết được bao nhiêu nỗ lực, bao nhiêu năng lượng Ta dành cho các người không?

Các người có thực sự dám phơi bày những gì các người đã làm và cách các người đã cư xử trước Ta không? Và các người có can đảm để gọi chính mình là dân sự của Ta trước mặt Ta – các người không biết xấu hổ, càng không có bất kỳ ý thức nào! Sớm muộn gì, những người như các người cũng sẽ bị khai trừ khỏi nhà Ta! Cứ cho rằng người đã đứng ra làm chứng cho Ta thì cũng đừng giả bộ như kẻ lão luyện với Ta! Đây có phải là điều mà nhân loại có khả năng làm được không? Nếu không có gì còn lại trong các ý định và mục tiêu của người, thì từ lâu người đã bắt đầu con đường khác rồi. Người nghĩ rằng Ta không biết lòng người có thể chứa được bao nhiêu sao? Từ nay trở đi, trong tất cả mọi thứ, người phải bước vào tính hiện thực của sự thực hành; chỉ ba hoa như người đã từng trong quá khứ sẽ không thể nào được cho qua nữa. Trong quá khứ, hầu hết các người đều tìm cách ăn bám dưới mái nhà của Ta; thực tế là các người có thể đứng vững ngày hôm nay hoàn toàn nhờ vào sự nghiêm khắc của lời Ta. Người nghĩ rằng Ta phán một cách ngẫu nhiên và không có mục đích gì sao? Không thể nào! Ta nhìn xuống muôn vật từ trên cao, và thực hiện sự thống trị muôn vật từ trên cao. Tương tự, Ta đã sắp đặt sẵn sàng sự cứu rỗi của Ta trên đất. Chưa bao giờ có lúc nào mà Ta không đang quan sát từ nơi bí mật của Ta mọi động thái của con người và mọi thứ họ nói và làm. Con người đối với Ta như những cuốn sách mở: Ta thấy và biết họ nhất loạt. Nơi bí mật là nơi cư ngụ của Ta và toàn bộ vòm trời là chiếc giường Ta nằm. Các thế lực của Sa-tan không thể chạm đến Ta vì Ta đang tràn đầy sự oai nghi, sự công chính và sự phán xét. Một sự màu nhiệm khôn tả nằm trong lời Ta. Khi Ta đang phán, các người trở nên như gà mắc tóc, chìm trong rối bời hoặc như những đứa bé vừa mới hoảng sợ, dường như không biết gì, bởi vì tinh thần các người đã rơi vào trạng thái sửng sò. Tại sao Ta nói rằng nơi bí mật là nơi cư ngụ của Ta? Người có biết ý nghĩa sâu sắc hơn của lời Ta không? Ai trong số con người có khả năng biết Ta? Ai có khả năng biết Ta như biết cha mẹ của chính mình? Nghỉ ngơi trong nơi cư ngụ của mình, Ta quan sát kỹ càng: Tất cả mọi người trên đất đều hồi hải, “du lịch vòng quanh thế giới” và tắt bật qua lại, tất cả vì số phận và tương lai của họ. Tuy nhiên, không một ai còn chút năng lượng dư nào để xây dựng vương quốc của Ta, thậm chí còn không bằng cái nỗ lực cần để lấy hơi hít thở. Ta đã tạo ra con người và Ta đã giải thoát họ nhiều lần khỏi cơn hoạn nạn; tuy nhiên, những con người này toàn là những kẻ vô ơn: Không một ai trong số chúng có thể liệt kê tất cả các trường hợp cứu rỗi của Ta. Đã quá nhiều năm – quá nhiều thế kỷ – trôi qua kể từ khi sáng thế cho đến ngày nay, Ta đã thực hiện rất nhiều điều nhiệm màu và đã để sự khôn ngoan của Ta biểu lộ rất nhiều lần. Tuy nhiên, con người thì loạn trí và tê liệt như kẻ tâm thần, và thậm chí đôi khi giống như những con thú hoang chạy bắn loạn trong rừng, mà không có đến

một ý định nhỏ nhất nào chú ý đến những công tác của Ta. Nhiều lần, Ta đã cho con người bản án tử hình và kết tội xử tử họ, nhưng kế hoạch quản lý của Ta không thể bị thay đổi bởi bất kỳ ai. Và do đó, trong tay Ta, con người lại tiếp tục tiết lộ ra những thứ cũ kỹ mà họ bám lấy. Vì những bước đi trong công tác của Ta, một lần nữa, Ta đã giải thoát các người, những kẻ được sinh ra trong một gia đình lớn bị suy đồi, sa đọa, bẩn thỉu và đê tiện.

Công tác theo kế hoạch của Ta tiếp tục tiến lên về phía trước mà không ngừng lại một khoảnh khắc nào. Sau khi đã chuyển sang Thời đại Vương quốc và đã đưa các người vào vương quốc của Ta với tư cách là dân sự của Ta, Ta sẽ có những yêu cầu khác đưa ra cho các người; điều đó có nghĩa là, Ta sẽ bắt đầu ban bố trước các người hiến pháp mà theo đó Ta sẽ cai trị thời đại này:

Vì các người được gọi là dân sự của Ta, các người nên có khả năng tôn vinh danh Ta; nghĩa là, đứng ra làm chứng giữa thử thách. Nếu bất cứ ai cố thử phỉnh nịnh Ta và che giấu sự thật với Ta, hoặc tham gia vào các giao kèo bất hảo sau lưng Ta, những kẻ như vậy sẽ không có ngoại lệ, bị đuổi đi và bị khai trừ khỏi nhà Ta để chờ Ta xử lý. Những kẻ đã không thành tín và bất hiếu với Ta trong quá khứ, và những kẻ ngày nay lại nổi dậy lần nữa để phán xét Ta công khai – chúng cũng sẽ bị đuổi ra khỏi nhà Ta. Những người là dân sự của Ta phải luôn luôn thể hiện sự quan tâm đến những gánh nặng của Ta cũng như tìm cách biết lời Ta. Chỉ những người như vậy Ta mới khai sáng cho, và họ chắc chắn sẽ sống dưới sự hướng dẫn và khai sáng của Ta, không bao giờ gặp phải sự trừng phạt. Những kẻ mà không thể hiện sự quan tâm đến những gánh nặng của Ta, tập trung vào hoạch định tương lai của riêng mình – tức là những kẻ không nhắm hành động vào việc thỏa lòng Ta, mà thay vào đó tìm kiếm của phân phát – những sinh vật giống ăn mày như này Ta tuyệt đối từ chối sử dụng, bởi vì từ khi sinh ra, chúng đã không biết ý nghĩa của việc thể hiện sự quan tâm đến những gánh nặng của Ta là gì. Chúng là những kẻ thiếu ý thức bình thường; những kẻ như vậy đang chịu khổ từ sự “suy dinh dưỡng” của trí não, và cần phải về nhà để được chút “nuôi dưỡng” nào đó. Ta không cần những kẻ như vậy. Trong số dân sự của Ta, mọi người sẽ được yêu cầu xem việc biết Ta như một bổn phận bắt buộc phải theo đến cùng, như ăn, mặc và ngủ, thứ người ta không bao giờ quên trong phút chốc nào, để rồi cuối cùng, việc biết Ta sẽ trở nên quen thuộc như việc ăn – việc gì đó mà người làm một cách dễ dàng bằng một tay có kinh nghiệm. Đối với những lời Ta phán, mỗi một từ phải được thọ lãnh với đức tin tuyệt đối và được thấm nhuần hoàn toàn; không thể nào có hành động nửa vời chiếu lệ. Bất cứ ai không chú ý đến lời Ta sẽ bị xem như trực tiếp chống đối Ta; bất cứ ai không ăn lời Ta, hoặc không tìm để biết chúng, sẽ bị coi là không chú ý đến Ta, và

sẽ trực tiếp bị quét ra khỏi cửa nhà Ta. Điều này là bởi vì, như Ta đã nói trong quá khứ, điều Ta muốn không phải là số lượng quá nhiều người, mà là sự xuất sắc. Trong số một trăm người, nếu chỉ có một người có thể biết Ta qua lời Ta, thì Ta sẽ sẵn sàng vứt bỏ tất cả những người còn lại để tập trung vào việc khai sáng và soi sáng cho người duy nhất này. Từ đây, các người có thể thấy rằng việc chỉ riêng những số lượng lớn hơn mới có thể biểu lộ Ta và sống thể hiện ra Ta không nhất thiết là thật. Những gì Ta muốn là lúa mì (mặc dù hạt có thể không đầy đủ) chứ không phải là cỏ dại (ngay cả khi hạt có đủ đầy để chiêm ngưỡng). Đối với những kẻ không quan tâm đến việc kiếm tìm, mà thay vào đó hành xử một cách uể oải, chúng nên tự giác rời đi; Ta không muốn trông thấy chúng nữa, để chúng khỏi tiếp tục mang lại ô nhục cho danh Ta. Về những gì Ta yêu cầu đối với dân sự của Ta, bây giờ Ta sẽ dừng lại ở những giới luật này và sẽ chờ để đưa ra các biện pháp trừng phạt tiếp theo, tùy thuộc vào các hoàn cảnh thay đổi ra sao.

Trong những ngày qua, đại đa số mọi người đều nghĩ rằng Ta là chính Đức Chúa Trời của sự khôn ngoan, rằng Ta chính là Đức Chúa Trời – Đáng đã nhìn vào sâu thẳm lòng người; tuy nhiên, đây chỉ là câu chuyện nông cạn. Nếu con người thực sự đã biết Ta, họ sẽ không mạo muội nhảy tới kết luận, mà thay vào đó sẽ tiếp tục cố gắng để biết Ta qua lời Ta. Chỉ khi họ đã đến một giai đoạn mà ở đó họ thực sự nhìn thấy những việc làm của Ta thì họ mới xứng đáng gọi Ta là Khôn ngoan và Kỳ Diệu. Kiến thức của các người về Ta quá nông cạn. Trong suốt các thời đại, rất nhiều người đã phụng sự Ta trong rất nhiều năm và đã thật sự bắt đầu biết điều gì đó về Ta khi trông thấy những việc làm của Ta. Vì lý do này, họ đã luôn có một tấm lòng quy phục đối với Ta, không dám nuôi một ý định nhỏ nhất nào chống đối Ta do việc tìm kiếm dấu chân Ta khó khăn biết bao. Nếu thiếu đi hướng dẫn của Ta trong những người này, họ sẽ không dám hành động vội vàng. Do đó, sau khi sống qua nhiều năm trải nghiệm, cuối cùng họ mới khái quát được một phần hiểu biết về Ta, gọi Ta là Khôn ngoan, Kỳ Diệu và Đáng Cố Vấn, rằng lời Ta giống như thanh gươm hai lưỡi, rằng những việc làm của Ta thật vĩ đại, đáng kinh ngạc và tuyệt vời, rằng Ta khoác lên mình sự oai nghi, rằng sự khôn ngoan của Ta đạt đến mức cao hơn trời và những sự thông sáng khác. Tuy nhiên, ngày nay, hiểu biết của các người về Ta chỉ đơn thuần dựa trên nền tảng mà họ đã đặt ra, vì vậy, phần lớn các người – như những con vẹt – chỉ đang nhại lời họ nói. Chỉ vì Ta tính đến cách các người biết Ta nông cạn ra sao và “sự giáo dục” của các người nghèo nàn đến mức nào mà Ta đã ân xá cho các người khỏi rất nhiều sự trừng phạt. Mặc dù vậy, phần lớn các người vẫn không biết về bản thân mình, hoặc nghĩ rằng các người đã khao khát thỏa lòng Ta trong các việc làm của mình, và vì lý do này đã thoát khỏi sự phán xét; hoặc rằng,

sau khi trở thành xác thịt, Ta đã hoàn toàn mất dấu vết về những việc làm của loài người, và rằng vì lý do này, các người cũng đã thoát khỏi sự trừng phạt; hoặc rằng Đức Chúa Trời mà các người tin không tồn tại trong không gian rộng lớn của vũ trụ, và vì vậy các người đã đẩy việc biết Đức Chúa Trời xuống thành một việc vặt vãnh trong thời gian rảnh rỗi của mình chứ không phải là một việc gì đó phải giữ trong lòng người như một bổn phận phải hoàn thành, sử dụng đức tin vào Đức Chúa Trời như một cách để tiêu khiển cho qua thì giờ mà nếu không sẽ được sử dụng trong sự nhàn rỗi. Nếu Ta không thương hại về sự thiếu phẩm chất, lý trí và sự thông sáng của các người, thì tất cả các người sẽ diệt vong giữa sự trừng phạt của Ta, bị xóa sổ khỏi sự tồn tại. Tuy nhiên, cho đến khi công tác của Ta trên đất hoàn thành, Ta sẽ vẫn khoan dung với loài người. Đây là điều gì đó mà các người tất cả đều phải có hiểu biết về, và hãy dừng việc nhầm lẫn giữa thiện và ác.

Ngày 25 tháng 2 năm 1992

Những lời của Đức Chúa Trời với toàn vũ trụ – Chương 6

Hãy tinh ý đối với những vấn đề về tâm linh, chăm chú đến lời Ta, và thực sự có khả năng coi Thần của Ta và hữu thể của Ta, cũng như lời Ta và hữu thể Ta là một tổng thể không thể tách rời, để tất cả mọi người có thể làm đẹp lòng Ta trong sự hiện diện của Ta. Ta đã đặt chân đến khắp mọi nơi, ta đã quan sát khắp khoảng không mênh mông của vũ trụ, và Ta đã bước đi giữa dân chúng, nắm trải những ngọt bùi và đắng cay giữa con người – ấy thế mà chưa bao giờ con người thực sự biết Ta, chưa bao giờ chú ý đến Ta trong suốt các hành trình của Ta. Bởi vì Ta đã im lặng, và không bao giờ làm điều gì siêu nhiên, nên chưa ai từng thực sự thấy Ta. Ngày nay không như trước kia: Ta sẽ làm những việc chưa từng thấy kể từ khi sáng thế, sẽ phán những lời chưa từng nghe qua mọi thời đại, vì Ta yêu cầu tất cả mọi người đều phải biết đến Ta trong xác thịt. Đây là các bước quản lý của Ta, nhưng con người không hề hay biết. Mặc dù Ta đã phán rõ ràng, nhưng mọi người vẫn lầm lẫn; thật khó làm cho họ thông hiểu. Đấy chẳng phải là sự thấp hèn của con người sao? Đấy chẳng phải chính xác là thứ Ta muốn cứu chữa sao? Trong nhiều năm, Ta đã không làm gì nơi con người; trong nhiều năm, mặc dù tiếp xúc trực tiếp với xác thịt nhập thể của Ta, nhưng chưa ai từng nghe thấy tiếng nói phát ra trực tiếp từ thần tính của Ta. Vì vậy, mọi người không thể tránh khỏi thiếu hiểu biết về Ta, mặc dù điều này không ảnh hưởng đến tình yêu của họ dành cho Ta qua các thời đại. Tuy nhiên, ngày hôm nay, Ta đã thực hiện nơi các người một công tác mẫu nhiệm, một công tác mà

không thể thấu hiểu và không có giới hạn, và lời Ta phán dạy đã nhiều. Vậy mà, trong hoàn cảnh đó, vẫn có nhiều kẻ trực tiếp chống đối Ta trước mặt Ta. Giờ để Ta cho người một vài ví dụ:

Hàng ngày, các người cầu nguyện trước một Đức Chúa Trời mơ hồ, cố gắng nắm bắt ý muốn của Ta và ý thức về sự sống. Vậy mà khi đối mặt với lời Ta, các người lại nhìn chúng theo cách khác; các người coi lời và Thần Ta là một tổng thể, nhưng lại gạt hữu thể Ta ra ngoài, tin rằng thân vị Ta đang có về cơ bản không thể thoát ra những lời như vậy, và tin rằng những lời đó được điều khiển bởi Thần của Ta. Hiểu biết của người là cái kiểu gì trong những trường hợp như vậy? Người tin vào lời Ta đến một mức độ nào đó, nhưng lại có những quan niệm với các mức độ nghiêm trọng khác nhau đối với xác thịt mà chính Ta đang mặc lấy. Hàng ngày, người nghiên cứu nó và nói: “Tại sao Ngài làm mọi việc theo cách đó? Những việc đó có thực sự đến từ Đức Chúa Trời không? Không thể nào! Ngài không khác ta nhiều – Ngài cũng là một người thông thường và bình thường”. Phải giải thích những trường hợp này như thế nào đây?

Ai trong số các người không có những điều trên? Ai không bị xâm chiếm bởi những điều đó? Chúng dường như là những thứ mà người bám lấy như thể tài sản cá nhân, không sẵn lòng từ bỏ. Người càng không cố gắng tự thân nỗ lực, mà thay vào đó, người chờ chính Ta làm điều đó. Phải nói sự thật là, không có một người nào không tìm kiếm mà dễ dàng biết đến Ta. Đây không phải là những lời phù phiếm Ta dạy các người. Bởi vì Ta có thể cho người một ví dụ nữa theo một góc nhìn khác để tham khảo.

Nhắc đến Phi-e-rơ, người ta có vô vàn những điều tốt đẹp để nói về ông. Họ lập tức nhớ đến ba lần ông chối Đức Chúa Trời, việc ông đã thử Đức Chúa Trời bằng cách phục dịch Sa-tan, và cuối cùng ông đã bị đóng đinh ngược trên thập tự giá vì Đức Chúa Trời, v.v. Giờ Ta sẽ tập trung mô tả cho các người thấy Phi-e-rơ đã biết Ta như thế nào và kết cục cuối cùng của ông ra sao. Phi-e-rơ là người có tố chất tốt, nhưng hoàn cảnh của ông không giống như của Phao-lô: Cha mẹ ông ngược đãi Ta, họ là những con quỷ đã bị Sa-tan chiếm hữu, và do vậy, họ không dạy gì về Đức Chúa Trời cho Phi-e-rơ. Phi-e-rơ thông minh, tài năng và được cha mẹ cưng chiều từ bé. Nhưng khi trưởng thành, ông đã trở thành kẻ thù của họ, vì ông không ngừng tìm hiểu về Ta, và cuối cùng đã quay lưng lại với họ. Đó là vì trên hết thấy những thứ khác, ông tin rằng trời đất và vạn vật đều nằm trong tay của Đấng Toàn Năng và tất cả những điều tích cực đều đến từ Đức Chúa Trời, được Ngài trực tiếp ban phát mà không qua tay Sa-tan xử lý. Sự trái ngược của cha mẹ Phi-e-rơ đã giúp ông biết nhiều hơn về lòng từ ái và thương xót của Ta, do vậy làm ông càng khát khao tìm

kiếm Ta. Ông không chỉ chú trọng vào ăn uống lời Ta, mà hơn nữa còn nắm bắt ý muốn của Ta và luôn cần trọng trong lòng. Vì lẽ đó, tinh thần ông luôn nhạy cảm, và bởi thế mà ông hợp lòng Ta trong mọi việc ông làm. Ông luôn giữ sự chú trọng vào những thất bại của mọi người trong quá khứ để khích lệ bản thân, vô cùng sợ bị trở nên mắc kẹt trong thất bại. Vì thế, ông cũng chú trọng vào sự hấp thụ đức tin và tình yêu thương của tất cả những người yêu mến Đức Chúa Trời qua các thời đại. Theo cách này – không chỉ ở khía cạnh tiêu cực, mà quan trọng hơn nhiều, ở khía cạnh tích cực – ông đã trưởng thành nhanh chóng, đến mức hiểu biết của ông trở nên nhiều hơn của tất cả những ai trước mặt Ta. Vì vậy, không khó để hình dung ra vì sao ông đã đặt tất cả những gì mình có vào tay Ta, vì sao ông thậm chí đã từ bỏ cả quyền quyết định việc ăn, mặc, ngủ, và nơi ở, mà thay vào đó hưởng thụ sự dư dật của Ta trên cơ sở làm hài lòng Ta trong mọi việc. Ta đã bắt ông phải chịu vô vàn thử luyện – đương nhiên, những thử luyện này đã khiến ông ta sống dở chết dở – nhưng giữa hàng trăm lần thử luyện này, chưa một lần ông đánh mất đức tin vào Ta hay cảm thấy thất vọng về Ta. Thậm chí khi Ta nói Ta đã bỏ rơi ông, ông vẫn không nhụt chí, mà tiếp tục yêu mến Ta một cách thiết thực và theo các nguyên tắc thực hành trước đây. Ta đã bảo ông rằng Ta sẽ không khen ngợi ông cho dù ông yêu mến Ta, rằng cuối cùng Ta sẽ ném ông ta vào tay Sa-tan. Nhưng giữa những lần thử luyện như vậy, không phải thử luyện đối với xác thịt mà bằng lời nói, ông vẫn cầu nguyện với Ta và nói: “Lạy Đức Chúa Trời! Giữa trời đất và vạn vật, có bất kỳ con người nào, vật thọ tạo nào hay sự vật nào mà không nằm trong tay Ngài, Đấng Toàn Năng? Khi Ngài thương xót tôi, lòng tôi hân hoan xiết bao bởi lòng thương xót của Ngài. Khi Ngài phán xét tôi, cho dù tôi có thể không xứng đáng, tôi cảm nhận rõ hơn sự không thể dò lường trong những việc làm của Ngài, bởi vì Ngài đầy rẫy thẩm quyền và sự khôn ngoan. Dù thân xác tôi chịu khổ cực, nhưng tinh thần tôi được an ủi. Làm sao tôi có thể không ngợi ca sự khôn ngoan và những việc làm của Ngài? Thậm chí dù tôi có chết sau khi biết Ngài, làm sao tôi có thể không chết trong hân hoan và hạnh phúc? Ôi, Đấng Toàn Năng! Ngài thực sự không muốn để tôi thấy Ngài sao? Phải chăng tôi thực sự không xứng đáng nhận lãnh sự phán xét của Ngài? Phải chăng có điều gì đó nơi tôi mà Ngài không muốn thấy?” Trong những lần thử luyện như vậy, mặc dù Phi-e-rơ không thể nắm trúng ý Ta, nhưng rõ ràng ông đã tự hào và vinh dự được Ta tin dùng (mặc dù ông đã nhận sự phán xét của Ta để nhân loại có thể thấy sự oai nghi và cơn thịnh nộ của Ta), và ông không thấy đau buồn vì những thử luyện này. Vì lòng trung thành của ông trước Ta và vì phước lành của Ta ban cho ông, ông đã là một tấm gương và một kiểu mẫu cho con người trong hàng ngàn năm. Đây chẳng phải chính là điều các người nên học tập sao? Hãy suy ngẫm thật lâu và thật

kỹ xem tại sao Ta kể câu chuyện dài về Phi-e-rơ như vậy; đây nên là những nguyên tắc hành động của các người.

Mặc dù ít người biết đến Ta, nhưng Ta không trút cơn thịnh nộ lên con người, vì mọi người quá kém cỏi, khó đạt đến trình độ Ta yêu cầu. Bởi vậy, Ta đã khoan dung với con người trong hàng ngàn năm cho đến tận ngày nay, nhưng Ta hy vọng rằng các người không dễ dãi với bản thân vì lòng khoan dung của Ta. Thông qua Phi-e-rơ, các người nên biết đến Ta và tìm kiếm Ta; từ tất cả những kỳ tích của ông, các người sẽ được khai sáng hơn bao giờ hết, và nhờ đó đạt đến những cảnh giới mà con người chưa từng đạt tới. Trên khắp vũ trụ và bầu trời, giữa mọi vật trên trời dưới đất, vạn vật dưới đất trên trời đều dồn hết sức lực cho giai đoạn cuối trong công tác của Ta. Chắc chắn các người không muốn là những kẻ đứng nhìn, bị sai khiến bởi các thế lực của Sa-tan chứ? Sa-tan luôn có mặt để phá hỏng sự hiểu biết về Ta trong lòng mọi người, nhe nanh múa vuốt trong cơn quần quai giãy chết cuối cùng của nó. Lúc này, các người có muốn trở thành con mồi cho những âm mưu xảo quyệt của nó không? Các người có muốn hủy hoại cuộc đời mình vào lúc công tác của Ta cuối cùng đã hoàn thành không? Các người có đang chờ đợi Ta tỏ lòng khoan dung thêm một lần nữa không? Tìm hiểu về Ta là then chốt, nhưng chú trọng vào thực hành là không thể thiếu. Lời Ta đã được tỏ lộ trực tiếp cho các người, và Ta hy vọng rằng các người có thể theo sự dẫn dắt của Ta, mà không còn có những kế hoạch và tham vọng cho riêng mình.

Ngày 27 tháng 2 năm 1992

Những lời của Đức Chúa Trời với toàn vũ trụ – Chương 8

Khi sự tỏ lộ của Ta đạt đến đỉnh điểm, và khi sự phán xét của Ta đã gần đi đến hồi kết, cũng sẽ là khi tất cả dân sự của Ta đều được vạch trần và hoàn thiện, Ta đi khắp nơi cùng chốn trên cõi vũ trụ, không ngừng tìm kiếm những người hợp ý định của Ta và phù hợp để Ta sử dụng. Kẻ nào có thể đứng lên phối hợp cùng Ta? Tình yêu của con người dành cho Ta quá nhỏ bé, còn đức tin của con người nơi Ta cũng hạn hẹp đến thảm hại. Nếu lời của Ta không trực tiếp xoáy thẳng vào những điểm yếu của con người, thì họ vẫn khoe khoang, khoác lác, dương dương tự đắc, nghĩ ra hàng mớ luận thuyết khoa trương, như thể họ toàn tri toàn giác với mọi thứ trên trái đất này. Trong số những kẻ từng “trung thành” với Ta trong quá khứ, và trong số những kẻ “đứng vững” trước Ta hôm nay, liệu có ai còn dám mở miệng ba hoa? Có ai không âm thầm hoan hỉ cho triển vọng của chính mình? Khi ta không trực tiếp

vạch trần, thì con người cũng đã không còn chỗ trốn và bị giày vò bởi hổ thẹn. Sẽ còn ra sao nữa nếu như Ta nói theo một cách khác? Khi ấy, con người sẽ cảm thấy mắc nợ thậm chí còn nhiều hơn, tự thấy mình đã hết thuốc chữa và sẽ đều bị trói chặt trong sự thụ động của chính mình. Vào lúc mọi người đều mất hết hi vọng, thì tiếng pháo của vương quốc chính thức vang lên, chính là lúc mà tương truyền “Thần mạnh gấp bảy lần bắt đầu thực hiện công việc”. Nói cách khác, đây là lúc chính thức bắt đầu cuộc sống của Vương quốc trên đất, là lúc Thần tính của Ta xuất hiện để trực tiếp hành sự (mà chẳng hề thông qua sự “xử lý” của trí não). Tất cả mọi người đều hồi hải, như thể họ mới được hồi sinh, hoặc vừa choàng tỉnh từ giấc mơ, và khi tỉnh giấc đã quá đỗi kinh ngạc thấy mình ở vào hoàn cảnh này. Trước đây, Ta từng nói rất nhiều về việc xây dựng Hội Thánh; Ta đã mặc khải rất nhiều lẽ mầu nhiệm, thế nhưng, khi công tác đang trong cao trào thì nó đột ngột kết thúc. Tuy nhiên, việc xây dựng Vương quốc thì khác. Chỉ khi cuộc chiến ở cõi thuộc linh đến hồi kết, Ta mới bắt đầu lại công tác trên đất. Điều này có nghĩa là, chỉ khi con người ở bên bờ thối lui, Ta mới chính thức khởi sự và xúc tiến công tác mới. Điều khác biệt giữa việc xây dựng Vương quốc và xây dựng Hội Thánh là ở chỗ: trong việc xây dựng Hội Thánh, Ta hoạt động thông qua nhân tính được chi phối bởi Thần tính. Ta trực tiếp xử lý bản tính cũ của con người, trực tiếp bóc trần chân tướng xấu xa của con người, phơi bày bản chất của họ. Kết quả là, con người đã bắt đầu có nhận thức cơ bản về chính mình, từ đó mà hoàn toàn tâm phục, khẩu phục. Trong việc xây dựng Vương quốc, Ta thực hiện trực tiếp thông qua Thần tính của Ta, và cho phép tất cả con người trên cơ sở nhận thức lời của Ta mà nhận thức được Ta có gì và là gì, cuối cùng cho phép họ đạt đến nhận thức về Ta qua xác thịt. Từ đó, chấm dứt hành trình tìm kiếm “vị Đức Chúa Trời mơ hồ” của toàn thể nhân loại, và họ cũng thôi dành vị trí cho Đức Chúa Trời ở Thiên đàng trong lòng mình, nghĩa là Ta khiến con người biết về việc làm của Ta trong xác thịt, và như vậy kết thúc thời đại của Ta trên đất.

Việc xây dựng Vương quốc nhắm thẳng đến cõi thuộc linh. Điều này có nghĩa là, tình hình của cuộc chiến trong cõi thuộc linh được tỏ lộ trực tiếp trong các dân sự của Ta, và như vậy đủ thấy, không chỉ bên trong Hội thánh, mà còn thậm chí hơn thế nữa trong Thời đại Vương quốc, mọi con người đều không ngừng chiến đấu. Bất chấp thân thể vật lý của họ, cõi thuộc linh được trực tiếp tỏ lộ và họ bước vào tiếp xúc với sự sống của cõi thuộc linh. Bởi vậy, khi các người bắt đầu trung tín, các người phải chuẩn bị đầy đủ cho phần việc tiếp theo của Ta. Các người phải dâng trọn tâm can, chỉ như thế mới có thể làm Ta hài lòng. Ta chẳng hề bận tâm đến những việc đã xảy ra trong Hội Thánh trước đây; bây giờ là ở trong vương

quốc. Trong kế hoạch của Ta, Sa-tan trước sau vẫn lén theo mỗi bước, và như vật làm nền cho trí tuệ của Ta, vẫn luôn tìm trăm phương nghìn kế phá hoại kế hoạch ban đầu của Ta. Thế nhưng, liệu Ta có thể khuất phục trước quỷ kế của nó chẳng? Mọi thứ trong khắp trời đất này đều là vật phục vụ của Ta; lẽ nào những quỷ kế của Sa-tan lại có thể khác được? Đây chính là nơi trí tuệ của Ta giao thoa, chính là điều kỳ diệu trong hành động của Ta, và là nguyên tắc vận hành cho toàn bộ kế hoạch quản lý của Ta. Trong thời kỳ xây dựng vương quốc, Ta vẫn tiếp tục công việc phải làm mà chẳng hề né tránh những quỷ kế của Sa-tan. Giữa vũ trụ và vạn vật, Ta đã lựa chọn việc làm của Sa-tan như vật làm nền cho Ta. Đây chẳng phải là sự thể hiện trí tuệ của Ta sao? Đây chẳng phải chính là sự phi thường trong công tác của Ta sao? Khi bước vào Thời đại Vương quốc, vạn vật trên trời và dưới đất đều biến đổi hoàn toàn, và tất cả đều đang tán dương và hoan hỉ. Các người có gì khác không? Trong lòng ai mà không có sự ngọt ngào như rót mật? Có ai không vỡ òa niềm vui? Có ai không nhảy múa vì vui sướng? Và có ai miệng không thốt những lời tán dương?

Các người liệu có nắm bắt được căn nguyên và mục đích của tất cả những lời Ta đã phán và thảo luận ở trên? Nếu như Ta không hỏi điều này, phần lớn con người sẽ cho rằng Ta chỉ nói trời nói bể, và chẳng thể dò lường được căn nguyên lời Ta. Nếu suy ngẫm kỹ càng, các người sẽ nhận ra tầm quan trọng của lời Ta nói. Người nên đọc chúng cho kỹ: Có lời nào của Ta không ích lợi cho người? Có lời nào không chủ đích giúp cho sự sống người phát triển? Có lời nào không nói về hiện thực của cõi thuộc linh? Hầu hết mọi người đều cho rằng lời Ta nói không có căn cứ, rằng chúng thiếu điển giải rõ ràng. Lẽ nào lời của Ta thật sự trừu tượng khó hiểu đến vậy? Các người có thực sự vâng phục lời Ta không? Có thực sự đón nhận lời Ta? Chẳng phải các người coi lời của Ta như món đồ chơi sao? Chẳng phải các người dùng chúng như quần áo che đậy diện mạo xấu xí của mình sao? Trong thế giới mênh mông này, ai đã được Ta đích thân xem xét? Ai đã đích thân nghe lời Thần của Ta? Bao nhiêu là người dò dẫm tìm kiếm trong bóng tối, bao nhiêu là người cầu nguyện giữa nghịch cảnh, bao nhiêu là người trông chờ trong hi vọng giữa cái đói và cái lạnh, và bao nhiêu là người bị Sa-tan trói buộc; thế nhưng biết bao nhiêu người chẳng biết đi về đâu, bao nhiêu người đương khi hạnh phúc đã phản bội Ta, bao nhiêu người vong ân phụ nghĩa, bao nhiêu người trung thành với quỷ kế của Sa-tan. Trong các người, ai là Gióp, ai là Phi-e-rơ? Vì sao Ta liên tục đề cập đến Gióp? Vì sao Ta rất nhiều lần nói về Phi-e-rơ? Các người liệu có từng tìm hiểu những niềm hi vọng Ta đặt trên các người là gì không? Các người nên dành nhiều thời gian hơn để suy ngẫm về những điều như thế.

Phi-e-rơ đã trung tín với Ta trong bao nhiêu năm, nhưng chưa từng cầu nhàu hay có bất kỳ phàn nàn nào; ngay cả Gióp cũng chẳng thể so được với ông ta, và xuyên suốt mọi thời đại, các thánh đồ đều thua xa Phi-e-rơ. Ông đã không chỉ truy cầu nhận thức về Ta, mà còn biết đến Ta trong thời gian Sa-tan đang thi hành quỷ kế. Điều này khiến cho Phi-e-rơ phụng sự Ta trong nhiều năm, luôn luôn hợp ý Ta, và vì thế mà chưa từng bị Sa-tan lợi dụng. Phi-e-rơ học hỏi về đức tin từ Gióp, nhưng cũng nhận biết rõ những điểm thiếu sót của Gióp. Mặc dù Gióp có đức tin mạnh mẽ, nhưng ông lại thiếu hiểu biết về những sự việc trong cõi thuộc linh, thế nên đã nói ra rất nhiều lời không phù hợp với thực tế; điều này cho thấy hiểu biết của Gióp vẫn còn nông cạn, vẫn chưa thể đạt đến sự hoàn thiện. Do đó, Phi-e-rơ đã luôn tập trung vào việc đạt đến ý thức về tâm linh, luôn chú trọng quan sát sự vận động của cõi thuộc linh. Nhờ thế, ông ấy không chỉ xác định được điều gì đó trong những ý muốn của Ta, mà còn nhận ra được đôi chút về những mưu đồ quỷ quyết của Sa-tan. Bởi vậy, hiểu biết của ông ấy về Ta đã trở nên nhiều hơn bất kỳ ai khác xuyên suốt mọi thời đại.

Từ trải nghiệm của Phi-e-rơ, thật không khó để nhận thấy rằng con người nếu muốn hiểu biết về Ta, họ cần phải tập trung tìm hiểu kỹ lưỡng bên trong tâm linh của mình. Ta không yêu cầu người dâng hiến cho Ta bao nhiêu một cách hình thức; đó chỉ là điều thứ yếu. Nếu như người không hiểu về Ta, thì tất cả những gì là đức tin, tình yêu, hay lòng trung thành mà người hằng nói đều không là gì ngoài ảo tưởng; chúng là bọt nước, và các người chắc chắn trở thành những kẻ ba hoa, khoác lác trước Ta mà chẳng hiểu gì về chính mình cả. Như thế, các người sẽ lại một lần nữa rơi vào bẫy của Sa-tan và chẳng thể nào thoát ra được; các người sẽ trở thành đứa con của sự hư mất và là đối tượng của sự hủy diệt. Tuy nhiên, nếu như người lạnh nhạt và thờ ơ với lời Ta nói, thì không còn nghi ngờ gì nữa, người đang chống đối Ta. Đó là sự thực, và người nên nhìn qua cánh cổng của cõi thuộc linh để thấy đủ loại linh hồn khác nhau đã bị Ta hành phạt. Trong số chúng, kẻ nào khi đối diện với lời Ta, không từng thụ động, lạnh nhạt, và không tiếp thu? Kẻ nào trong số chúng không từng hoài nghi lời của Ta? Kẻ nào trong số chúng không từng cố tìm lỗi trong lời Ta? Kẻ nào trong số chúng không dùng lời của Ta như “vũ khí hộ thân” để “tự vệ”? Chúng đã không sử dụng lời Ta như một cách để hiểu Ta, mà chỉ như một thứ đồ chơi để bỡn cợt. Trong chuyện này, chẳng phải chúng đang trực tiếp chống đối Ta sao? Lời của Ta là ai? Thần của Ta là ai? Ta đã từng hỏi các người những câu này rất nhiều lần, thế nhưng các người đã bao giờ có được sự thông sáng cao hơn và rõ ràng về chúng chưa? Các người đã từng thực sự trải nghiệm chúng chưa? Ta nhắc lại lần nữa: Nếu các người không nhận thức lời Ta, cũng không tiếp thu, không

đưa chúng vào thực hành, thì các người chắc chắn sẽ trở thành đối tượng chịu hình phạt của Ta! Các người chắc chắn sẽ trở thành nạn nhân của Sa-tan!

Ngày 29 tháng 2 năm 1992

Những lời của Đức Chúa Trời với toàn vũ trụ – Chương 10

Thời đại Vương quốc xét cho cùng khác với các thời đại đã qua. Nó không liên quan đến việc nhân loại hành động như thế nào; đúng hơn, Ta đã xuống trần gian để đích thân thực hiện công việc của Ta, đó là điều mà con người không thể hình dung cũng như không thể đạt được. Trong nhiều năm, kể từ khi sáng thế, công việc chỉ là xây dựng hội thánh, nhưng người ta chưa bao giờ nghe nói đến việc xây dựng vương quốc. Mặc dù chính miệng Ta phán điều này, nhưng có ai biết bản chất của nó không? Ta đã từng giáng xuống thế giới của con người, trải nghiệm và quan sát sự đau khổ của họ, nhưng đã làm vậy mà không thành toàn mục đích nhập thể của Ta. Khi việc xây dựng vương quốc được triển khai, xác thịt nhập thể của Ta đã chính thức bắt đầu thực hiện chức vụ của Ta; nghĩa là, Vua của vương quốc đã chính thức bắt đầu nắm quyền năng tối cao của Ngài. Từ đây, hiển nhiên rằng sự giáng xuống của vương quốc vào thế giới loài người – không chỉ đơn thuần là một sự biểu lộ chữ nghĩa – mà là một phần của hiện thực có thật; đây là một khía cạnh trong ý nghĩa của “tính hiện thực của sự thực hành”. Con người chưa bao giờ nhìn thấy một hành động nào của Ta, cũng như chưa bao giờ nghe thấy một lời phán nào của Ta. Ngay cả khi đã trông thấy hành động của Ta, họ sẽ phát hiện ra điều gì? Và nếu họ nghe Ta nói, họ sẽ lĩnh hội được những gì? Trên khắp thế giới, mọi người đều tồn tại trong lòng thương xót và nhân ái của Ta, nhưng cả nhân loại cũng nằm dưới sự phán xét của Ta, và tương tự cũng phải chịu những sự thử luyện của Ta. Ta đã thương xót và yêu thương con người, ngay cả khi tất cả bọn họ đã bại hoại ở mức độ nhất định; Ta đã ra lệnh hành phạt đối với họ, ngay cả khi tất cả bọn họ đã quy phục trước ngai Ta. Tuy nhiên, có con người nào không ở giữa những đau khổ và tình luyện Ta đã lệnh đến không? Quá nhiều người đang dò dẫm trong bóng tối để tìm sự sáng, và quá nhiều người đang vật lộn đắng cay qua các thử luyện. Gióp có đức tin, nhưng chẳng phải ông ta đang tìm một lối thoát cho chính mình sao? Mặc dù dân sự của Ta có thể đứng vững khi đối mặt với những thử luyện, nhưng có ai không nói ra mà trong sâu thẳm cũng có đức tin không? Chẳng phải đúng hơn là mọi người nói lên niềm tin của mình trong khi vẫn còn nuôi những nghi ngờ trong lòng sao? Không có người nào đã luôn đứng vững trong thử luyện hoặc thành thật quy phục khi bị xét

xử. Nếu Ta đã không che mặt lại để tránh nhìn vào thế giới này thì toàn bộ loài người đã khuynh đảo dưới ánh nhìn thiêu đốt của Ta, vì Ta không đòi hỏi gì ở loài người.

Khi tiếng tung hô vương quốc vang lên – đó cũng là lúc bảy tiếng sấm rền vang – âm thanh này làm kinh động đất trời, rung chuyển thiên cung và khiến sâu thẳm trái tim mỗi con người rung động. Quốc ca của vương quốc long trọng nổi lên nơi vùng đất của con rồng lớn sắc đỏ, chứng tỏ Ta đã xóa sổ quốc gia đó và thành lập vương quốc của Ta. Thậm chí quan trọng hơn, vương quốc của Ta đã được thiết lập trên đất. Tại thời khắc này, Ta bắt đầu gửi các thiên sứ của Ta đến mỗi một quốc gia trên thế giới để họ có thể chặn dắt các con trai của Ta, dân sự của Ta; việc này cũng là để đáp ứng các yêu cầu của bước tiếp theo trong công tác của Ta. Tuy nhiên, Ta đích thân đến nơi mà con rồng lớn sắc đỏ nằm cuộn tròn và chiến đấu với nó. Một khi tất cả nhân loại bắt đầu biết đến Ta bằng xương bằng thịt và có thể thấy những việc làm của Ta trong xác thịt, hang ổ của con rồng lớn sắc đỏ sẽ hóa tro tàn và tan biến không dấu vết. Là dân sự của vương quốc Ta, vì các người căm ghét con rồng lớn sắc đỏ đến thấu xương, các người phải thỏa lòng Ta bằng hành động của mình, và bằng cách này mang lại sự hổ thẹn cho con rồng. Các người có thực sự cảm thấy con rồng lớn sắc đỏ đáng ghét không? Các người có thực sự cảm thấy nó là kẻ thù của Vua vương quốc này không? Các người có thực sự có niềm tin rằng mình có thể đưa ra chứng ngôn tuyệt vời cho Ta không? Các người có thực sự tự tin rằng mình có thể đánh bại con rồng lớn sắc đỏ không? Đây là những gì Ta yêu cầu ở các người; tất cả những gì Ta cần là các người có thể đạt đến bước này. Các người sẽ có thể làm điều này chứ? Các người có niềm tin rằng mình có thể đạt được điều này không? Chính xác con người có khả năng làm được những gì? Chẳng phải là Ta thà tự mình làm điều đó hay sao? Tại sao Ta nói rằng Ta đích thân giáng xuống địa điểm nơi trận chiến được hòa vào? Điều Ta muốn là đức tin của các người chứ không phải việc làm của các người. Con người đều không có khả năng chấp nhận lời Ta theo cách ngay thẳng, mà thay vào đó chỉ liếc ngang qua chúng. Điều này đã giúp người đạt được mục tiêu của mình chưa? Người đã đến để biết Ta theo cách này sao? Thành thật mà nói, trong số con người trên trái đất, không một ai có khả năng nhìn thẳng vào mặt Ta và không một ai có thể nhận ra ý nghĩa thanh sạch và thuần khiết trong lời Ta. Do đó, Ta đã khởi động một dự án chưa từng có trên đất, để đạt được mục tiêu của Ta và thiết lập hình ảnh thực sự của bản thân Ta trong lòng con người. Bằng cách này, Ta sẽ chấm dứt kỷ nguyên mà các quan niệm hành quyền đối với con người.

Hiện nay, Ta không chỉ đang giáng xuống quốc gia của con rồng lớn sắc đỏ, mà Ta cũng đang quay lại đối mặt với toàn vũ trụ, khiến cho toàn bộ thiên cung rung chuyển. Có một nơi nào ở bất cứ đâu mà không chịu sự phán xét của Ta không? Có

một nơi nào không tồn tại trong những thiên tai mà Ta trút xuống không? Mọi nơi Ta qua, Ta đều đã reo rắc tất cả các loại “hạt giống thảm họa”. Đây là một trong những cách Ta làm việc và hiển nhiên là một hành động cứu rỗi cho nhân loại, và những gì Ta dành cho họ vẫn là một dạng tình yêu. Ta ước được cho phép thậm chí nhiều người hơn biết đến Ta và có thể nhìn thấy Ta, và bằng cách này bắt đầu tôn kính một Đức Chúa Trời mà họ đã không thể trông thấy trong quá nhiều năm trời, Đáng mà ngay bây giờ là có thật. Vì lý do gì mà Ta đã sáng thế? Tại sao sau khi con người trở nên bại hoại, Ta đã không hủy diệt hoàn toàn bọn họ? Vì lý do gì mà toàn bộ loài người sống giữa những thảm họa? Mục đích của Ta khi nhập vào xác thịt là gì? Khi Ta đang thực hiện công tác của mình, nhân loại học được hương vị không chỉ cay đắng mà còn cả ngọt ngào. Trong tất cả những con người trên thế giới, ai mà không sống trong ân điển của Ta? Nếu Ta đã không ban cho con người những phước lành vật chất, ai trên thế giới này có thể hưởng thụ sự sung túc? Việc cho phép các người đảm nhận vị trí dân sự của Ta có thể là một phước lành không? Nếu các người không phải dân sự của Ta, mà là những kẻ phục vụ, chẳng phải các người sẽ đang tồn tại trong phước lành của Ta sao? Không một ai trong số các người có khả năng hiểu ra nguồn gốc của những lời Ta. Nhân loại – không hề trân trọng những danh hiệu mà Ta đã trao cho họ, rất nhiều người trong số họ vì danh hiệu “kẻ phục vụ” mà ôm hận trong lòng, và rất nhiều người vì danh hiệu “dân sự của Ta” mà nảy sinh lòng yêu mến Ta. Không ai nên cố lừa gạt Ta; mắt Ta thấy tất cả! Ai trong số các người nhận lãnh một cách tự nguyện, ai trong số các người bày tỏ sự vâng lời hoàn toàn? Nếu tiếng tung hô vương quốc không vang lên, các người thực sự có thể quy phục đến cùng không? Những gì con người có khả năng làm và suy nghĩ, và họ có thể đi xa đến đâu – tất cả những điều này Ta đã định trước từ lâu.

Đại đa số con người đều chấp nhận sự mãnh liệt của Ta bởi sắc mặt của Ta. Đại đa số con người, được truyền cảm hứng từ sự khích lệ của Ta, tự thúc chính mình tiến lên tìm kiếm. Khi các thế lực của Sa-tan tấn công dân sự của Ta, Ta ở đó để chống đỡ cho họ; khi các âm mưu của Sa-tan gây tàn phá trong cuộc sống của họ, Ta đuổi chúng chạy tán loạn, một đi không bao giờ trở lại. Trên đất, tất cả các loại ác linh mãi lảng vảng tìm một nơi nghỉ ngơi và tìm kiếm vô tận những xác người chết có thể nuốt tươi. Dân sự của Ta! Các người phải ở lại trong sự chăm sóc và bảo vệ của Ta. Không bao giờ được phóng đảng! Không bao giờ được cư xử liều lĩnh! Người nên dâng sự thành tín của người trong nhà Ta và chỉ với sự thành tín thì người mới có thể tổ chức cuộc phản công chống lại trò lừa bịp của ma quỷ. Trong mọi trường hợp, người không nên cư xử như người đã từng trong quá khứ, làm một việc trước mặt Ta và một việc khác sau lưng Ta; nếu người hành động theo cách này, thì người

đã nằm ngoài sự cứu chuộc. Chẳng phải Ta đã phán nhiều lời hơn cần thiết như thế này sao? Chính xác là bởi vì bản chất cũ của loài người không thể cải tạo được nên Ta đã phải cho con người những lời nhắc nhở lặp đi lặp lại. Đừng nhàm chán! Tất cả những gì Ta phán là để đảm bảo vận mệnh của các người! Một nơi hơi thối và bẩn thỉu chính xác là những gì Sa-tan cần; các người càng không thể cải tạo được một cách vô vọng và càng phóng đảng, không chịu hãm mình, thì những tà linh đó sẽ càng tận dụng bất kỳ cơ hội nào để xâm nhập vào các người. Nếu các người đã đến mức này, thì sự thành tín của các người sẽ chẳng là gì ngoài những lời nhăng nhít không đâu, không có bất kỳ hiện thực nào trong đó cả, và những tà linh sẽ nuốt chửng sự quyết tâm của người, biến nó thành sự bất tuân và các âm mưu Sa-tan dùng để phá rối công tác của Ta. Từ đó, người có thể bị Ta đánh bất cứ lúc nào. Không ai hiểu được sự trầm trọng của tình huống này; tất cả mọi người chỉ đơn giản giả điếc với những gì họ nghe thấy, và không có một chút thận trọng nào tối thiểu nhất. Ta nhớ không phải những gì đã được thực hiện trong quá khứ; có phải người thực sự vẫn đang chờ đợi Ta khoan dung với người bằng cách “quên đi” một lần nữa không? Mặc dù con người đã chống đối Ta, Ta sẽ không chống lại họ, vì họ quá nhỏ bé về vóc giạc, và vì thế Ta không đưa ra yêu cầu quá cao đối với họ. Tất cả những gì Ta yêu cầu là họ không được phóng đảng và họ chịu hãm mình. Chắc chắn việc đáp ứng quy định này không vượt quá khả năng của các người phải không? Hầu hết mọi người đang chờ đợi Ta mặc khải thêm nhiều màu nhiệm để họ hau háu xem. Tuy nhiên, ngay cả khi người đã bắt đầu hiểu được tất cả những màu nhiệm của thiên đàng, chính xác thì người có thể làm được gì với sự hiểu biết đó? Nó sẽ làm tăng sự yêu kính của người dành cho Ta sao? Nó sẽ khơi dậy sự yêu kính của người dành cho Ta sao? Ta không đánh giá thấp con người, Ta cũng không đưa ra một phán quyết nào về họ một cách nhẹ nhàng. Nếu đây không phải là tình cảnh thực tế của con người, Ta đã không bao giờ gán nhãn cho họ quá bình thường như vậy. Nghĩ lại quá khứ: Đã bao nhiêu lần Ta vu khống các người? Đã bao nhiêu lần Ta đánh giá thấp các người? Đã bao nhiêu lần Ta xem xét các người mà không quan tâm đến hoàn cảnh thực tế của các người? Đã bao nhiêu lần những lời phán của Ta không thể chinh phục các người hết lòng? Đã bao nhiêu lần Ta nói mà không chạm tới sự đồng điệu cộng hưởng sâu sắc trong các người? Ai trong số các người đã đọc lời Ta mà không kính sợ và run rẩy, vô cùng lo sợ rằng Ta sẽ đẩy các người xuống vực sâu không đáy? Ai không chịu được những thử luyện từ lời Ta? Trong những lời phán của Ta có thẩm quyền, nhưng điều này không phải để đưa ra sự phán xét thông thường đối với con người; thay vào đó, lưu tâm đến hoàn cảnh thực tế của họ, Ta liên tục biểu hiện cho họ ý nghĩa vốn có trong lời Ta. Sự thật thì có ai có khả năng

nhận ra sức mạnh toàn năng của Ta trong lời Ta không? Có ai có thể nhận được vàng nguyên chất nhất đã tạo thành lời Ta không? Ta đã phán bao nhiêu lời rồi? Có ai đã từng trân quý chúng chưa?

Ngày 03 tháng 3 năm 1992

Lễ ca của Vương quốc

Muôn người đang hoan hô Ta, muôn người đang ca ngợi Ta, muôn người đang xưng tụng Ta là Đức Chúa Trời thực sự và duy nhất. Muôn ánh mắt đang hướng về Ta, dõi theo hành động của Ta. Vương quốc của Ta giáng xuống chốn nhân gian, bản thể của Ta sung mãn và đủ đầy, có ai mà không hân hoan, có ai mà không mừng vui nhảy múa? Hỡi Si-ôn! Hãy giương cao ngọn cờ chiến thắng tới chúc mừng Ta! Hãy hát vang lên khúc khải hoàn chiến thắng để truyền tụng danh thánh của Ta! Hỡi vạn vật ở nơi tận cùng của mặt đất! Hãy mau mau tắm gội mình sạch sẽ đến tế lễ Ta! Hỡi muôn vì sao của các tầng trời! Hãy mau mau trở về vị trí để chứng tỏ sức mạnh vĩ đại của Ta trên bầu trời! Ta lắng tai nghe âm thanh từ dân chúng trên mặt đất, họ thổ lộ lòng kính yêu vô hạn đến Ta trong lời ca tiếng hát! Trong ngày mà vạn vật hồi sinh, Ta đích thân đến nhân gian. Khi đó, muôn hoa nở rộ, muôn chim hát ca, muôn loài tung bừng nhảy múa! Trong tiếng đại bác bắn mừng đại lễ của Vương quốc Ta, đất nước của Sa-tan sụp đổ. Trong tiếng lễ ca vang dội của Vương quốc Ta, đất nước của Sa-tan bị hủy diệt, vĩnh viễn không bao giờ được phục hưng!

Trong loài người trên mặt đất, liệu có kẻ nào dám chống đối Ta? Bởi khi Ta xuống dưới mặt đất, Ta mang theo sự thiêu đốt, mang theo cơn thịnh nộ, mang theo muôn vàn thảm họa. Các quốc gia trên thế giới đã trở thành Vương quốc của Ta! Trên bầu trời, mây trắng xô nhau vùn vụt. Dưới mặt đất, biển cả, sông nước ào ào cuộn sóng, sóng vui tấu lên khúc nhạc rung động lòng người. Loài vật đang nghỉ trong hang động đều chui ra. Người người được thức tỉnh khỏi cơn mộng mị bởi tiếng gọi của Ta. Ngày mà muôn dân chờ đợi rốt cục đã đến! Tất cả họ cùng kính dâng lên Ta lời ca đẹp đẽ nhất!

Trong thời khắc tốt lành này, trong thời điểm hân hoan này,

ở trên tầng trời, ở nơi mặt đất, lời ngợi ca bay khắp nơi nơi, ai người không hào hứng?

Ai không vì điều này mà khoan khoái? Ai không vì tình cảnh này mà nhỏ lệ?

Bầu trời không còn là bầu trời của quá khứ, giờ đã trở thành bầu trời của Vương quốc;

mặt đất không còn là mặt đất của dĩ vãng, giờ đã trở thành vùng đất thánh.

Trận mưa lớn đã quét sạch mọi ô uế trên trái đất,
những ngọn núi đang đổi thay... Những dòng nước đang đổi thay...
Loài người cũng đang đổi thay... Vạn vật đều đang thay đổi...
Hỡi những ngọn núi trầm mặc! Hãy đứng lên khiêu vũ vì Ta!
Hỡi những dòng nước ngừng chảy! Nào hãy tuôn đi!
Hỡi những con người chìm trong mộng mị! Hãy thức tỉnh và tiến lên nào!
Ta đã đến đây... Ta đã là Vua...
Loài người đã được tận mắt thấy Ta, tận tai nghe lời Ta nói,
được tự mình trải nghiệm cuộc sống ở Vương quốc...
Ngọt ngào làm sao... Tốt lành làm sao...
Chẳng thể nào quên... Chẳng thể nào quên...

Trong ngọn lửa thịnh nộ của Ta, con rồng lớn sắc đỏ đang giãy giụa;
trong phán xét uy nghi của Ta, ma quỷ hiện nguyên hình;
trước lời nghiêm khắc của Ta, loài người vô cùng xấu hổ, chẳng biết giấu mình
vào đâu.

Nhớ lại họ đã từng chế nhạo, giễu cợt Ta trong quá khứ,
luôn thể hiện mình, luôn chống lại Ta,
hôm nay nhìn lại, ai mà không nhỏ lệ? Ai không ăn năn, hối lỗi?
Khắp thế giới và vũ trụ, ngập tràn tiếng khóc...
Ngập tràn tiếng reo vui... Ngập tràn cả tiếng cười...
Niềm hân hoan chẳng thể nào so sánh... Niềm hân hoan chẳng thể nào so
sánh...

Mưa nhỏ lất phất rơi... Tuyết dày giăng giăng bay...
Con người buồn vui lẫn lộn... Kẻ hạnh phúc cười...
Người rưng rưng khóc... Số lại hò reo...
Như thể họ đều đã quên... Rằng mùa xuân mưa phùn liên miên,
rằng mùa hạ trăm hoa đua nở, rằng mùa thu mùa màng bội thu,
rằng mùa đông lạnh lùng băng giá, nào ai hay biết...
Trên trời bồng bênh mây trôi, dưới đất đại dương dậy sóng,
những đứa con trai đang vẫy tay... Dân chúng nhún nhảy theo nhịp múa...
Những thiên thần đang làm việc... Những thiên thần đang cai quản...
Người người trên mặt đất đều hồi hả, muôn vật trên mặt đất đang sinh sôi.

Những lời của Đức Chúa

Trời với toàn vũ trụ – Chương 12

Khi tia chớp phương Đông lóe sáng – cũng chính là lúc Ta bắt đầu cất tiếng phán dạy – vào lúc mà ánh chớp lóe lên, cả vũ trụ được chiếu rọi, các vì sao bắt đầu biến đổi. Toàn bộ loài người như được thanh lọc và gột rửa sạch sẽ. Được đắm mình trong cột sáng chói lọi đến từ phương Đông này, hết thảy nhân loại đều lộ nguyên hình, lóa mắt và kinh hoàng; càng không thể giấu diếm bộ mặt xấu xí của mình. Hơn nữa, họ cũng giống như loài vật, trốn chạy khỏi quang sáng của Ta và náu mình trong hang đá; thế nhưng, không một kẻ nào trong số họ có thể giấu mình dưới ánh sáng của Ta. Hết thảy con người đều sửng sốt, tất cả đều chờ đợi, tất cả đều đang trông ngóng, tất cả vì sự xuất hiện của ánh sáng từ Ta mà ăn mừng ngày được sinh ra, và tương tự, tất cả đều đang nguyện rửa ngày họ được sinh ra. Cảm xúc mâu thuẫn khó lòng thổ lộ, dòng nước mắt hối lỗi tuôn xuống thành sông, chảy ào ào đi như một cơn lũ quét, trong chớp mắt đã chẳng còn dấu vết. Ngày của Ta lại một lần nữa cận kề loài người, lại một lần nữa đánh thức loài người, cho loài người một điểm khởi đầu mới. Trái tim Ta đập nhịp và núi hòa theo nhịp đập của tim Ta mà nhảy nhót vui mừng, nước cũng hoan hỷ múa ca, còn sóng thì đánh nhịp xô rặng đá. Tấm lòng Ta khó có thể biểu đạt. Ta muốn mọi thứ vẫn đục cháy thành tro bụi dưới mắt Ta. Ta muốn mọi đứa con trai phản nghịch biến mất khỏi tầm mắt Ta, không bao giờ còn lẩn khuất trên đời thêm nữa. Ta không chỉ tạo nên một khởi đầu mới nơi con rồng lớn sắc đỏ cư ngụ, mà còn bắt đầu một công tác mới trong vũ trụ này. Những vương quốc trên đất sẽ nhanh chóng trở thành Vương quốc của Ta; những vương quốc trên đất sẽ sớm vĩnh viễn biến mất vì Vương quốc của Ta, bởi vì Ta đã giành chiến thắng, bởi vì Ta đã trở về trong khúc khải hoàn. Con rồng lớn sắc đỏ đã vết sạch trăm phương nghìn kế phá hoại kế hoạch của Ta, hy vọng xóa sạch công cuộc Ta đã gây dựng trên đất, nhưng liệu Ta có vì quỷ kế của nó mà nhụt chí không? Liệu Ta có bị sự uy hiếp của nó làm cho sợ hãi đến mất tự tin không? Trong trời đất này, chưa từng có hữu thể nào mà Ta không nắm trong lòng bàn tay, nói gì đến một thứ phương tiện làm nền cho Ta như con rồng lớn sắc đỏ chứ? Chẳng phải nó cũng chỉ là một món đồ chơi trong tay Ta ư?

Khi Ta đến với nhân gian trong sự nhập thể, loài người đều theo sự dẫn dắt của Ta trong vô thức cho đến ngày này, biết đến Ta trong vô thức. Thế nhưng, đường về sau đi như thế nào, không ai có chút ý niệm gì, không ai biết, con đường sẽ dẫn đến đâu càng chẳng có ai hay. Chỉ dưới sự trông chừng của Đấng Toàn Năng, loài người mới có thể đi đến cuối con đường; chỉ có thể dưới sự dẫn dắt của tia chớp phương

Đông, loài người mới có thể bước qua ngưỡng cửa dẫn đến Vương quốc của Ta. Trong loài người, chưa có ai từng được chiêm ngưỡng diện mạo của Ta, chưa có ai từng được thấy tia chớp phương Đông, càng không có ai nghe thấy giọng nói vang lên từ ngai của Ta? Sự thực là, từ xưa đến nay, chưa từng có ai được trực tiếp tiếp xúc với bản thể của Ta; chỉ có ngày hôm nay, khi Ta đến với thế giới này, loài người mới có cơ hội được nhìn thấy Ta. Thế nhưng, ngay cả ngày nay, con người vẫn không biết về Ta, nghĩa là con người chỉ thấy diện mạo của Ta, chỉ nghe giọng nói của Ta, mà không hiểu được ý của Ta. Toàn bộ loài người đều như vậy cả. Là dân sự của Ta, các người không cảm thấy niềm tự hào sâu sắc khi được thấy dung mạo của Ta sao? Và các người cũng không thấy xấu hổ vì không biết Ta ư? Ta đi lại trong nhân gian, Ta sống giữa loài người, bởi vì Ta đã trở nên xác thịt và Ta đã đến với thế giới loài người. Mục đích của Ta không chỉ là để con người được thấy thân xác Ta, mà quan trọng hơn là để con người biết về Ta. Hơn nữa, Ta còn sẽ định tội con người qua sự nhập thể của mình; Ta sẽ đánh bại con rồng lớn sắc đỏ và phá tan sào huyệt của nó thông qua sự nhập thể này.

Cho dù con người cư ngụ trên trái đất nhiều như sao trên trời, Ta vẫn nắm rõ hết thấy họ như trong lòng bàn tay. Và mặc dù con người “yêu” Ta cũng nhiều vô số như cát đại dương, nhưng chỉ số ít người được Ta lựa chọn, là những người theo đuổi sự sáng tỏ rạng, khác với những kẻ “yêu” Ta. Ta không đánh giá cao con người, cũng không đánh giá thấp họ, mà chỉ dựa vào thuộc tính tự nhiên của con người để đưa ra yêu cầu. Bởi vậy, loại người mà Ta cần là người thực lòng muốn tìm kiếm Ta, để Ta có thể đạt được mục đích lựa chọn người. Trong núi có biết bao mãnh thú, nhưng trước mặt Ta, hết thấy chúng đều thuần phục như lũ cừu; dưới đáy biển có những sự kỳ bí không thể dò lường, nhưng chúng hiển hiện trước Ta rõ ràng như vạn vật trên mặt đất. Trên các tầng trời, có những cõi con người không bao giờ có thể tới, thế nhưng Ta đi lại tự do ở chính những cõi không thể tới này. Con người chưa từng nhận ra Ta trong sự sáng, mà chỉ thấy Ta trong thế giới tăm tối. Giờ đây các người không phải cũng đang trong hoàn cảnh chính xác như thế sao? Ta, chính vào lúc con rồng lớn sắc đỏ hoành hành dữ dội nhất, chính thức mặc lấy xác thịt để thực hiện công tác của mình. Ta, chính vào lúc con rồng lớn sắc đỏ lần đầu hiển lộ nguyên hình, đã làm chứng cho danh Ta. Khi Ta đi trên con đường nhân gian, chưa từng có một hữu thể nào, một người nào bị đánh thức, và bởi vậy, khi Ta nhập thể vào thế giới loài người, không một ai hay. Thế nhưng, khi Ta bắt đầu công tác của mình trong sự nhập thể, thì con người mới thức giấc, giật mình tỉnh giấc mộng bởi tiếng nói như sấm rền của Ta, và kể từ đó mới bắt đầu sự sống dưới sự dẫn dắt của Ta. Ta lại một lần nữa bắt đầu công tác mới giữa những dân sự của mình. Như Ta đã nói, công tác

của Ta trên đất chưa kết thúc, thì chừng đó cũng đủ chứng tỏ rằng không phải cứ dân sự mà Ta nhắc đến là người mà bản thân Ta đang cần, thế nhưng Ta vẫn đang lựa chọn một bộ phận trong số những người này. Như vậy cho thấy rõ, Ta làm điều này không chỉ để dân sự của Ta biết đến Đức Chúa Trời nhập thể, mà còn để thanh tẩy dân sự của Ta. Bởi vì sự nghiêm khắc trong các sắc lệnh quản trị của Ta, nên phần lớn mọi người vẫn có nguy cơ bị Ta đào thải. Nếu các người không dốc sức chiến đấu với chính mình và chế ngự được thể xác của bản thân, nếu không làm vậy, thì các người sẽ chắc chắn trở thành đối tượng bị Ta khinh ghét và loại bỏ, bị đày vào địa ngục, cũng giống như Phao-lô chịu hình phạt trực tiếp từ tay Ta mà không có đường thoát. Các người đã khám phá ra được điều gì trong lời của Ta chưa? Như trước đây, ý định của Ta vẫn là thanh lọc hội thánh và tiếp tục thanh tẩy những người Ta cần, bởi vì Ta chính là Đức Chúa Trời hoàn toàn thánh khiết và thuần khiết. Ta sẽ khiến thánh điện của Ta không chỉ rực rỡ muôn sắc cầu vồng, mà còn tinh khiết không tì vết, với bên trong thế nào thì bên ngoài thế ấy. Trước sự hiện diện của Ta, từng người các người nên nghĩ lại những hành động trước đây của mình và quyết định liệu ngày hôm nay có thể quyết tâm khiến Ta hoàn toàn hài lòng hay không.

Loài người không chỉ không biết Ta trong xác thịt, mà họ còn không hiểu chính cái tôi của mình bên trong lớp vỏ bọc bằng xương bằng thịt. Đã bao nhiêu năm con người luôn lừa dối Ta, luôn đối xử với Ta như vị khách bên ngoài? Đã bao lần họ đóng sập cửa nhà không cho Ta vào? Đã bao lần họ đứng trước mặt Ta mà chẳng hề để tâm đến Ta? Đã bao lần họ chối bỏ Ta giữa đám đông? Đã bao lần họ phủ nhận Ta trước ma quỷ? Đã bao lần họ tấn công Ta bằng miệng lưỡi tranh cãi vặt của mình? Thế nhưng, Ta không hề để tâm đến những điểm yếu của con người, cũng không vì sự bất tuân của họ mà ăn miếng trả miếng. Tất cả những gì Ta làm chỉ là mang đến cho người bị bệnh thang thuốc để chữa trị cho những căn bệnh trầm kha của họ, từ đó hồi phục sức khỏe cho họ, hầu cho cuối cùng họ có thể biết đến Ta. Chẳng phải tất cả những gì ta đã làm đều vì sự tồn tại của nhân loại, vì mục đích mang lại cơ hội sống cho nhân loại đó sao? Biết bao lần Ta đã đến với nhân gian, nhưng con người chẳng hề vì sự ích thân xuất hiện của Ta trên đời mà đoái hoài đến Ta; thay vào đó, mỗi người đều làm những việc mình tự cho là đúng, tự tìm con đường đi cho mình. Họ hầu như không biết rằng mỗi một con đường trong thiên hạ đều từ tay Ta mà ra! Họ hầu như không biết rằng mọi sự trong thiên hạ đều nằm trong sự sắp đặt của Ta! Trong số các người, có kẻ nào dám nuôi oán hận trong lòng không? Có kẻ nào trong số các người dám khinh suất đi đến sự dằn xép không? Ta chỉ đã và đang lặng lẽ làm công tác của mình trong nhân gian mà thôi. Nếu như trong quá trình nhập thể, Ta không cảm thông cho sự yếu mềm của con người, thì tất cả

nhân loại đã chỉ vì việc Ta nhập thể này mà sợ kinh hồn bạt vía, và do vậy, rơi xuống cõi âm ti. Chính bởi Ta đã hạ mình và che giấu bản thân, mà nhờ đó con người mới qua khỏi kiếp nạn này, được thoát khỏi hình phạt của Ta, và bằng cách này mới có được ngày hôm nay. Chú tâm vào việc đến được ngày hôm nay khó khăn biết bao, lẽ nào các người lại không càng trân trọng nhiều hơn ngày mai vẫn đang đến sao?

Ngày 08 tháng 3 năm 1992

Hỡi các dân sự của Ta, nào hãy hoan hô!

Trong ánh sáng của Ta, con người lại được thấy ánh sáng. Trong lời nói của Ta, con người đều tìm được thứ mang lại niềm hân hoan. Ta từ phương Đông đến, phát đi từ phương Đông. Khi hào quang của Ta tỏa ra, muôn quốc gia được chiếu rọi, tất cả đều được chiếu sáng, không còn vật nào chìm trong bóng tối. Trong Vương quốc của Ta, các dân sự sống bên Đức Chúa Trời vô cùng vui sướng. Nước đang vui mừng nhảy múa vì cuộc sống hạnh phúc của muôn dân. Núi cùng chia sự phong phú của Ta với muôn dân. Tất cả mọi người đều đang nỗ lực và hăng hái phấn đấu, thể hiện lòng trung thành ở Vương quốc của Ta. Trong Vương quốc của Ta, không còn phản nghịch, không còn kháng cự, trời và đất nương tựa vào nhau, loài người và Ta chung sống hạnh phúc, tình cảm thấm thiết, kháng khí không rời... Vào lúc này, Ta chính thức khởi đầu cuộc sống nơi thiên đường, không còn bị Sa-tan quấy nhiễu, các dân sự của Ta bắt đầu cuộc sống yên bình. Khắp trong vũ trụ, những dân sự được Ta lựa chọn sống trong hào quang của Ta, hạnh phúc chẳng thể nào so sánh được. Đó không phải là cuộc sống giữa những con người, mà là cuộc sống giữa các dân sự và Đức Chúa Trời. Tất cả những người đã từng trải qua sự bại hoại của Sa-tan, đã nếm trải đủ ngọt bùi cay đắng của nhân gian, ngày hôm nay được sống dưới ánh sáng của Ta, làm sao có thể không vui mừng? Làm sao có thể dễ dàng bỏ qua thời khắc tốt đẹp này mà để nó tuột mất? Hỡi các dân sự của Ta! Hãy mau cất lên lời ca trong tim và hãy mừng vui múa hát vì Ta! Hãy mau dâng lên Ta tấm lòng chân thành! Hãy đánh lên nhịp trống vui mừng vì Ta! Ta phát đi niềm vui trong khắp vũ trụ! Ta hiển lộ dung nhan vinh quang trước các nhân sự! Ta muốn lớn tiếng hét gọi! Ta muốn vượt trên vũ trụ! Ta đã là vua của muôn dân! Ta được muôn dân tôn vinh! Ta du ngoạn trên trời xanh, muôn dân đồng hành cùng Ta. Ta đi lại giữa muôn dân, các dân sự của Ta vây quanh Ta. Muôn dân tràn ngập niềm vui, tiếng ca vang lên chấn động vũ trụ, xé toạc màn mây! Dưới vũ trụ không còn mây mù bao phủ, không còn bùn lầy, cũng chẳng còn nước bẩn tù đọng! Hỡi các thánh dân trên toàn vũ trụ! Dưới sự kiểm duyệt của Ta, các người đã trở lại diện mạo nguyên thủy,

không còn là những kẻ toàn thân ô uế, mà là những thánh giả tinh khiết như ngọc, tất cả là tình yêu của Ta, là sự yêu thích của Ta! Vạn vật hồi sinh, tất cả các thánh giả ở trên trời lại phụng sự Ta, sà vào vòng tay ấm áp của Ta, không còn khóc lóc, không còn lo lắng, dâng hiến lên Ta, trở về nhà của Ta, ở nơi cố quốc vĩnh viễn yêu Ta! Vĩnh viễn không thay đổi! Đâu còn đau khổ! Đâu còn khóc lóc! Đâu còn xác thịt! Đất không trường tồn, trời là vĩnh cửu. Ta hiển lộ trước muôn dân, muôn dân ca ngợi Ta. Cuộc sống này, cảnh tượng mỹ lệ này từ ngàn xưa cho đến mai sau, vĩnh viễn không thay đổi. Đây chính là cuộc sống ở Vương quốc của Ta.

Những lời của Đức Chúa Trời với toàn vũ trụ – Chương 26

Ai đã từng sống trong nhà của Ta? Ai đã từng đứng lên vì Ta? Ai đã từng chịu khổ vì Ta? Ai đã từng hứa trước mặt Ta? Ai đã từng đi theo Ta đến giờ mà vẫn không thờ ơ? Tại sao hết thảy con người đều lạnh nhạt vô tình? Tại sao con người lại bỏ rơi Ta? Tại sao con người trở nên chán ngán Ta? Tại sao không có sự ấm áp trong thế giới loài người? Khi ở Si-ôn, Ta đã ném trải sự ấm áp trên thiên đàng, và khi ở Si-ôn, Ta đã từng được tận hưởng phước lành trên thiên đàng. Một lần nữa, Ta lại sống ở giữa thế giới loài người, từng ném trải sự đau khổ trong thế giới loài người, từng tận mắt chứng kiến tất cả những trạng thái của con người. Trong sự không hay không biết, con người đã thay đổi theo sự “thay đổi” của Ta, và chỉ bằng cách này mới đến được ngày hôm nay. Ta không cần con người làm gì cho Ta, không cần tăng thêm bất kỳ điều gì cho Ta, chỉ cần con người làm theo kế hoạch của Ta, không bất tuân với Ta, không trở thành vết hở thẹn đối với Ta, làm chứng lầy lùnh cho Ta. Trong số con người, có những người từng làm chứng cho Ta rất tốt và tôn vinh danh của Ta, nhưng cách làm của con người, hành vi của con người sao có thể thỏa mãn trái tim Ta? Làm sao có thể đáp ứng mong muốn của Ta hay thỏa mãn ý muốn của Ta? Tất cả núi non, nước, cây cối, hoa cỏ trên trần gian đều thể hiện công tác dưới bàn tay Ta, tất cả đều tồn tại vì danh của Ta. Vậy mà tại sao con người không thể đáp ứng những tiêu chuẩn yêu cầu của Ta? Lẽ nào là do sự hèn mọn của con người? Lẽ nào là do Ta “đề cao” con người? Lẽ nào là do Ta đã quá tàn nhẫn với con người? Tại sao con người luôn “sợ hãi” đối với những yêu cầu của Ta? Hôm nay, các dân sự trong Vương quốc, tại sao chỉ nghe giọng nói của Ta mà không muốn gặp mặt Ta? Tại sao chỉ nhìn vào lời của Ta mà không đối chiếu với thần của Ta? Tại sao lại tách biệt Ta trên thiên đàng và dưới trần gian? Lẽ nào Ta ở trần gian không giống với Ta ở thiên đàng? Lẽ nào Ta ở trên thiên đàng không thể xuống trần gian? Lẽ nào Ta

ở trần gian thì không xứng đáng được đưa lên thiên đàng? Như thể Ta ở trần gian là thứ hèn mọn, còn Ta ở trên thiên đường là thứ cao quý, dường như luôn có một khoảng cách giữa trần gian và thiên đường và không thể vượt qua. Nhưng trong số con người, dường như họ không hay biết về nguồn gốc của những điều này mà luôn đi ngược lại Ta, như thể lời của Ta chỉ có âm thanh mà không có ý nghĩa. Con người đều dành nỗ lực cho lời nói của Ta, bắt tay vào công tác nghiên cứu về ngoài của Ta, nhưng họ đều thất bại, không có bất kỳ “thành quả” gì, thay vào đó bị đánh gục bởi những lời của Ta và không dám đứng lên nữa.

Khi Ta thử luyện đức tin của con người, không ai có khả năng làm chứng thực sự, không ai có khả năng trao đi tất cả; ngược lại, con người cứ trốn tránh và không chịu “mở lòng”, như thể Ta muốn cướp đi “trái tim” của họ vậy. Ngay cả Gióp cũng chưa từng thực sự đứng lên trong thử luyện, chưa từng tỏa ra hương thơm giữa đau khổ. Hết thấy con người chỉ có khả năng làm nên ra một chút xanh trong sự ấm áp của mùa xuân; chưa từng giữ được sắc màu xanh ngát trong gió buốt mùa đông. Vóc giạc của con người đều gầy gơ xương, không thể thực hiện được ý muốn của Ta. Trong số con người, không ai có thể làm gương cho người khác, bởi vì con người về cơ bản là giống nhau, không khác biệt, không có gì để phân biệt người này với người kia. Vì vậy cho tới nay, con người vẫn không thể hoàn toàn nhận thức được các công tác của Ta. Chỉ đợi khi sự hành phạt của Ta giáng xuống toàn nhân loại, thì con người mới “trong sự không hay không biết” biết được các công tác của Ta, và không cần Ta làm gì, không cần Ta ép buộc ai, con người sẽ biết đến Ta, và từ đó nhìn thấy hành động của Ta. Đây là kế hoạch của Ta, là khía cạnh công tác của Ta được biểu hiện và là những gì con người cần phải biết. Trong Vương quốc, vạn vật đều bắt đầu hồi sinh và lấy lại sức sống. Do những thay đổi về trạng thái của trái đất, ranh giới giữa vùng đất này và vùng đất khác cũng bắt đầu thay đổi. Ta từng dự đoán: Khi đất đai bị chia cắt, khi đất đai được hợp lại, đây là lúc Ta sẽ đập tan các nước thành nhiều mảnh vụn. Tại thời điểm này, Ta sẽ đổi mới vạn vật và phân chia lại toàn bộ vũ trụ, từ đó chinh đốn lại toàn vũ trụ, thay đổi diện mạo cũ sang diện mạo mới. Đây là kế hoạch của Ta, là các công tác của Ta. Khi tất cả các quốc gia và các dân sự trên thế giới trở về trước ngai vàng của Ta, Ta sẽ lấy mọi thứ trên thiên đàng và ban tặng cho thế giới loài người, để nhờ có Ta mà nhân gian trở nên vô cùng phong phú. Nhưng chừng nào thế giới cũ còn tồn tại, Ta sẽ trút cơn thịnh nộ lên các quốc gia, công khai ban hành các sắc lệnh quản trị trên khắp vũ trụ, bất cứ ai xúc phạm sẽ bị hành phạt:

Khi Ta nói chuyện trên toàn vũ trụ, tất cả con người đều nghe thấy tiếng của Ta, nghĩa là nhìn thấy tất cả công tác của Ta trong khắp vũ trụ. Những người đi ngược

lại ý muốn của Ta, nghĩa là, người có hành động chống đối Ta, sẽ vấp phải sự hành phạt của Ta. Ta sẽ thay đổi các vì sao trên các tầng trời, và nhờ có Ta, mặt trời và mặt trăng sẽ được thay đổi, bầu trời không còn là như trước kia nữa; vạn vật trên trần gian sẽ được thay đổi. Tất cả sẽ được hoàn thành bởi lời của Ta. Tất cả các quốc gia trong toàn vũ trụ sẽ được phân chia lại và được thay thế bằng Vương quốc của Ta, các quốc gia trên trái đất sẽ biến mất mãi mãi, tất cả sẽ thành một vương quốc tôn sùng Ta. Tất cả các quốc gia trên trần gian sẽ bị hủy diệt và không còn tồn tại. Trong số con người trên toàn vũ trụ, tất cả những kẻ thuộc về ma quỷ đều bị tiêu diệt; tất cả những kẻ tôn sùng Sa-tan đều bị gục ngã dưới ngọn lửa thiêu đốt của Ta, ngoại trừ những con người hiện đang trong dòng chảy, còn lại sẽ biến thành tro bụi. Khi Ta hành phạt các dân sự, những người trong giới tôn giáo trở về Vương quốc của Ta với những mức độ khác nhau, được chinh phục bởi các công tác của Ta, bởi vì họ đều đã nhìn thấy sự xuất hiện của “Đấng Thánh cưới đám mây trắng”. Tất cả con người sẽ được phân loại và phải chịu hình phạt khác nhau vì những gì họ đã làm. Kẻ chống đối Ta đều phải diệt vong; với kẻ có những hành động trên trần gian không liên quan tới Ta, do được tha bổng nên họ sẽ tiếp tục tồn tại trên trần gian dưới sự cai quản của các con trai và dân sự của Ta. Ta sẽ mặc khải với các quốc gia và các dân tộc, bày tỏ tiếng nói của chính mình trên trần gian, tuyên bố công việc vĩ đại của Ta đã hoàn thành để cả nhân loại tận mắt chứng kiến.

Khi tiếng nói của Ta trở nên sâu sắc hơn, Ta cũng quan sát trạng thái của toàn vũ trụ. Thông qua lời của Ta, vạn vật đều được đổi mới. Thiên đàng cũng đang thay đổi, trần gian cũng đang thay đổi. Con người cũng lộ rõ hình dạng ban đầu, dần dần, con người được phân loại, vô hình trung đều được trở về với “gia đình” của họ. Ta rất vui mừng vì điều này. Ta không bị quấy nhiễu, trong sự không hay không biết công việc vĩ đại của Ta đã hoàn thành, trong sự không hay không biết vạn vật đều biến đổi. Khi Ta sáng tạo thế giới, Ta đã phân loại tất cả mọi thứ, tập hợp tất cả những thứ hữu hình cùng loại với nhau. Khi kế hoạch quản lý của Ta sắp kết thúc, Ta sẽ khôi phục lại trạng thái sáng tạo trước đây, Ta sẽ khôi phục tất cả mọi thứ như diện mạo ban đầu, thay đổi triệt để, để tất cả mọi thứ trở lại trong kế hoạch của Ta. Thời giờ đã đến! Bước cuối cùng trong kế hoạch của Ta sắp sửa hoàn thành. Hỡi, thế giới cũ ô uế! Nhất định sụp đổ trong lời của Ta! Nhất định trở thành hư vô bởi kế hoạch của Ta! Hỡi, vạn vật! Đều có cuộc sống mới trong lời của Ta, có “Chúa tể”! Hỡi, thế giới mới thánh khiết và không tì vết! Nhất định sẽ được hồi sinh trong vinh quang của Ta! Hỡi, ngọn núi Si-ôn! Đừng im lặng nữa. Ta đã chiến thắng trở về! Ở giữa vạn vật, Ta quan sát cả trần gian, con người trên trần gian đã bắt đầu một cuộc sống mới, đã có hy vọng mới. Hỡi dân sự của Ta! Sao không thể hồi sinh trong ánh sáng

của Ta? Sao không thể nhảy múa vui mừng dưới sự chỉ dẫn của Ta? Mặt đất đang reo hò trong sự hân hoan, làn nước đang vui cười hả hê! Hỡi Y-sơ-ra-ên được hồi sinh! Làm sao có thể không cảm thấy tự hào về sự định trước của Ta? Ai đã từng khóc? Ai đã từng rên rỉ? Y-sơ-ra-ên của trước kia đã không còn tồn tại, Y-sơ-ra-ên ngày hôm nay đã vươn mình đứng thẳng trên thế giới, đã đứng lên trong trái tim của toàn nhân loại. Y-sơ-ra-ên của ngày hôm nay chắc chắn sẽ nhận được nguồn gốc của sự sống thông qua dân sự của Ta! Hỡi Ai Cập đáng ghét! Lẽ nào các người vẫn chống đối Ta sao? Sao có thể lợi dụng lòng thương xót của Ta để thừa cơ trốn khỏi sự hành phạt của Ta? Sao có thể tồn tại mà không chịu hình phạt của Ta? Tất cả những người Ta yêu nhất định sẽ tồn tại mãi mãi, tất cả những người chống đối Ta nhất định sẽ bị Ta hành phạt mãi mãi, vì Ta là một vị Đức Chúa Trời đố kị, Ta sẽ không dễ dàng bỏ qua cho tất cả những gì con người đã làm. Ta sẽ quan sát toàn bộ trần gian, xuất hiện ở phía Đông thế giới trước hàng vạn người với sự công chính, oai nghi, phần nộ và hình phạt!

Ngày 29 tháng 3 năm 1992

Những lời của Đức Chúa Trời với toàn vũ trụ – Chương 29

Vào ngày mà tất cả mọi thứ được phục hồi, Ta đã đến giữa con người, và Ta đã trải qua những ngày đêm tuyệt vời với họ. Chỉ tại thời điểm này con người mới cảm nhận được một chút về sự dễ gần của Ta, và khi sự tương tác của họ với Ta trở nên thường xuyên hơn, họ thấy được phần nào Ta có gì và là gì – kết quả là, họ có được một sự hiểu biết nào đó về Ta. Giữa tất cả mọi người, Ta ngẩng cao đầu và quan sát, và hết thảy họ đều nhìn thấy Ta. Tuy nhiên khi thảm họa giáng xuống thế gian, họ lập tức trở nên lo lắng, và hình tượng của Ta biến mất khỏi lòng của họ; kinh hoàng bởi tai họa ập đến, họ không quan tâm gì đến những lời khuyên giục của Ta. Nhiều năm Ta đã trải qua giữa con người, vậy mà họ vẫn luôn không hề hay biết, và chưa bao giờ biết đến Ta. Ngày nay Ta phán với họ điều này bằng chính miệng của mình, và Ta buộc hết thảy mọi người đến trước Ta để nhận điều gì đó từ Ta, nhưng họ vẫn giữ khoảng cách với Ta, và vì vậy họ không biết Ta. Khi những bước chân của Ta đi qua vũ trụ và đến tận cùng trái đất, con người sẽ bắt đầu suy ngẫm về chính mình, và hết thảy mọi người sẽ đến với Ta, cúi đầu trước Ta và thờ phụng Ta. Đây sẽ là ngày Ta đạt được vinh hiển, ngày Ta trở về, và cũng là ngày Ta rời đi. Giờ đây, Ta đã bắt đầu công tác của Ta giữa toàn thể nhân loại, chính thức bắt đầu trên khắp vũ trụ phần kết trong kế hoạch quản lý của Ta. Từ giây phút này trở đi, bất kỳ ai không thận

trọng đều có thể bị rơi vào hình phạt không thương tiếc, và điều này có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Đây không phải là vì Ta vô tâm; đúng hơn, đó là một bước trong kế hoạch quản lý của Ta; tất cả phải tiến hành theo các bước trong kế hoạch của Ta, và không người nào có thể thay đổi điều này. Khi Ta chính thức bắt đầu công tác của mình, hết thấy mọi người di chuyển khi Ta di chuyển, hầu cho con người trên khắp vũ trụ bận rộn cùng với Ta, có “sự hân hoan” trên khắp vũ trụ, và con người được Ta khích lệ. Kết quả là, chính con rồng lớn sắc đỏ bị Ta dồn vào trạng thái điên cuồng và hoang mang, và nó phục vụ công tác của Ta, và dù miễn cưỡng, nó không thể làm theo những mong muốn của bản thân, mà không còn sự lựa chọn nào khác ngoài việc đầu phục sự kiểm soát của Ta. Trong toàn bộ kế hoạch của Ta, con rồng lớn sắc đỏ là vật làm nền của Ta, kẻ thù của Ta và cũng là đầy tớ của Ta; vậy nên, Ta chưa bao giờ nói lỏng “những yêu cầu” của Ta đối với nó. Do đó, giai đoạn cuối cùng trong công tác nhập thể của Ta được hoàn tất trong gia đình của nó. Theo cách này, con rồng lớn sắc đỏ có thêm nhiều khả năng phục vụ Ta một cách đúng đắn, qua đó Ta sẽ chinh phục nó và hoàn thành kế hoạch của Ta. Khi Ta làm việc, hết thấy thiên sứ đều dần thân vào trận chiến quyết định cùng Ta và quyết tâm thực hiện những mong muốn của Ta trong giai đoạn cuối cùng, hầu cho con người trên đất đầu phục trước Ta giống như các thiên sứ, không còn mong muốn chống lại Ta, và không làm gì phản nghịch lại Ta. Đây là những động lực trong công tác của Ta trên toàn vũ trụ.

Mục đích và ý nghĩa của việc Ta đến giữa con người là để cứu rỗi toàn thể nhân loại, để đưa toàn thể nhân loại trở về với gia đình của Ta, để hợp nhất trời và đất, và để làm cho con người truyền “những tín hiệu” giữa trời và đất, vì đó là chức năng vốn có của con người. Vào thời điểm khi Ta tạo ra nhân loại, Ta đã chuẩn bị mọi thứ sẵn sàng cho nhân loại, và sau đó, Ta cho phép nhân loại đón nhận những sự giàu có mà Ta ban cho họ theo những yêu cầu của Ta. Vì vậy, Ta phán rằng dưới sự dẫn dắt của Ta mà toàn thể nhân loại đã đạt đến ngày hôm nay. Và đây là toàn bộ kế hoạch của Ta. Giữa toàn thể nhân loại, vô số con người tồn tại dưới sự che chở trong tình yêu của Ta, và vô số sống dưới hình phạt trong sự ghét bỏ của Ta. Mặc dù con người đều cầu nguyện với Ta, nhưng họ vẫn không thể thay đổi tình cảnh hiện tại của mình; một khi họ đã mất hy vọng, họ chỉ có thể để thuận theo tự nhiên và thôi không bất tuân với Ta, vì đây là tất cả những gì con người có thể làm được. Khi nói đến tình trạng đời sống của con người, con người vẫn chưa tìm được đời sống thực, họ vẫn chưa thấy được sự bất công, sự hoang tàn và tình trạng khốn khổ của thế giới – và vì vậy, nếu không vì sự xuất hiện của thảm họa, hầu hết mọi người vẫn sẽ ôm lấy Mẹ Thiên Nhiên, và vẫn sẽ đắm mình trong những hương vị của “cuộc sống”.

Chẳng phải đây là hiện thực của thế giới sao? Chẳng phải đây là tiếng nói của sự cứu rỗi mà Ta cất lên với con người sao? Tại sao giữa nhân loại không có ai luôn thực sự yêu mến Ta? Tại sao con người chỉ yêu mến Ta giữa hình phạt và thử luyện, nhưng không ai yêu mến Ta trong khi đang ở dưới sự che chở của Ta? Ta đã giáng hình phạt của Ta lên nhân loại nhiều lần. Họ nhìn vào nó, nhưng sau đó họ lại bỏ mặc nó, họ không tìm hiểu và suy ngẫm về nó vào lúc này, và vì thế tất cả những gì đến với con người chỉ là sự phán xét không thương xót. Đây chỉ là một trong những phương pháp làm việc của Ta, tuy nhiên nó vẫn là để thay đổi con người và làm cho họ yêu mến Ta.

Ta trị vì trong vương quốc, và hơn nữa, Ta trị vì toàn bộ vũ trụ; Ta vừa là Vua của vương quốc vừa là Đấng đứng đầu của vũ trụ. Từ giờ trở đi, Ta sẽ tập hợp tất cả những ai không phải là những người được chọn và sẽ bắt đầu công tác của Ta giữa dân ngoại, và Ta sẽ công bố các sắc lệnh quản trị của Ta cho toàn vũ trụ, hầu cho Ta có thể bắt đầu bước công tác tiếp theo của Ta một cách thành công. Ta sẽ dùng hình phạt để mở rộng công tác của Ta giữa dân ngoại, nghĩa là, Ta sẽ dùng vũ lực chống lại tất cả những ai là dân ngoại. Đương nhiên, công tác này sẽ được thực hiện đồng thời với công tác của Ta giữa những người được chọn. Khi dân sự của Ta cai trị và thực thi quyền lực trên đất, đó cũng sẽ là ngày hết thảy mọi người trên đất đều đã được chinh phục, và hơn nữa, đó sẽ là thời điểm Ta nghỉ ngơi – và chỉ sau đó Ta mới xuất hiện với tất cả những ai đã được chinh phục. Ta xuất hiện với vương quốc thánh, và ẩn mình khỏi vùng đất ô uế. Hết thảy những ai đã được chinh phục và trở nên vâng phục trước Ta đều có thể thấy tận mắt diện mạo của Ta, và đều có thể nghe tận tai tiếng nói của Ta. Đây là phước lành của những ai được sinh ra trong những ngày sau rốt, đây là phước lành do Ta định trước, và điều này không thể thay đổi được bởi bất kỳ ai. Ngày nay, Ta làm việc theo cách này vì lợi ích của công tác tương lai. Tất cả các công tác của Ta đều tương quan với nhau, trong tất cả các công tác đó, đều có một sự kêu gọi và đáp ứng: Không bao giờ có bất kỳ bước nào dừng lại đột ngột, và không bao giờ có bất kỳ bước nào được thực hiện độc lập với bất kỳ bước nào khác. Chẳng phải vậy sao? Chẳng phải công tác trong quá khứ là nền tảng của công tác ngày nay sao? Chẳng phải những lời trong quá khứ là điềm báo trước cho những lời ngày nay sao? Chẳng phải những bước trong quá khứ là nguồn gốc của những bước trong ngày nay sao? Khi Ta chính thức mở cuộn giấy, đó là khi con người trên khắp vũ trụ bị hành phạt, khi con người trên toàn thế giới phải chịu thử luyện, và đó là đỉnh điểm công tác của Ta; hết thảy mọi người sống trong một vùng đất không có sự sáng, và hết thảy mọi người sống giữa những mối đe dọa gây ra từ môi trường của họ. Nói cách khác, đó là cuộc sống mà con người chưa bao

giờ trải qua từ khi sáng thế cho đến ngày nay, và không ai trong mọi thời đại đã từng “tận hưởng” kiểu cuộc sống này, và vì vậy Ta phán rằng Ta đã thực hiện công tác mà chưa từng được thực hiện trước đây. Đây là tình hình thực tế, và đây là ý nghĩa bên trong. Bởi vì ngày của Ta đến gần với toàn thể nhân loại, bởi vì nó không phải trông xa xôi mà ngay trước mắt con người, vì thế liệu có ai không sợ hãi không? Và liệu có ai không vui mừng vì điều này không? Thành Ba-by-lôn ô uế cuối cùng đã đi đến hồi kết; con người đã gặp lại một thế giới hoàn toàn mới, và trời đất đã được thay đổi và đổi mới.

Khi Ta hiện ra cho tất cả các nước và tất cả các dân tộc, những đám mây trắng cuộn cuộn trên bầu trời và che khuất Ta. Cũng vậy, chim chóc trên đất cất tiếng hót và nhảy nhót tưng bừng vì Ta, làm nổi bật bầu không khí trên trái đất, và do đó khiến cho muôn vật trên đất trở nên sống động, không còn “chậm chạp trôi xuôi”, mà thay vào đó sống giữa bầu không khí đầy sức sống. Khi Ta ở giữa các đám mây, con người lờ mờ nhận ra gương mặt của Ta và đôi mắt của Ta, và lúc này họ cảm thấy có chút sợ hãi. Trong quá khứ, họ đã nghe những ghi chép lịch sử về Ta trong các truyền thuyết, và kết quả là họ chỉ bán tín bán nghi về Ta. Họ không biết Ta ở đâu, hoặc khuôn mặt Ta lớn cỡ nào – nó có rộng như biển cả, hay bao la như đồng cỏ xanh không? Không ai biết những điều này. Chỉ đến khi con người nhìn thấy diện mạo của ta trong những đám mây ngày hôm nay thì con người mới cảm thấy rằng Ta của truyền thuyết là thật, và vì thế họ trở nên có một chút thiện cảm với Ta hơn, và chỉ vì những việc làm của Ta mà sự ngưỡng mộ của họ dành cho Ta nhiều hơn một chút. Nhưng con người vẫn không biết Ta, và họ chỉ nhìn thấy một phần của Ta trong những đám mây. Sau đó, Ta chìa tay mình ra và cho họ xem. Con người kinh ngạc, lấy tay bịt miệng mình, vô cùng lo sợ bị hạ gục bởi tay Ta, và vì thế họ có chút tôn kính ngoài sự ngưỡng mộ. Con người dán mắt vào mọi chuyển động của Ta, cực kỳ lo sợ họ sẽ bị Ta hạ gục khi họ không chú ý – tuy nhiên Ta không bị hạn chế vì bị con người theo dõi, và Ta tiếp tục thực hiện công tác trong tay Ta. Chính vì tất cả những việc Ta làm mà con người có chút thiện cảm với Ta, và do đó dần dần đến trước Ta để kết giao với Ta. Khi Ta được tỏ lộ hoàn toàn cho con người, con người sẽ nhìn thấy diện mạo của Ta, và từ đó trở đi, Ta sẽ không ẩn giấu hay che giấu chính mình với con người. Trong toàn vũ trụ, Ta sẽ xuất hiện công khai trước tất cả mọi người, và hết thảy những con người bằng xương bằng thịt sẽ thấy được mọi việc làm của Ta. Hết thảy những ai có tâm linh chắc chắn sẽ sống bình an trong gia đình của Ta, và bảo đảm sẽ được vui hưởng những phước lành tuyệt vời cùng với Ta. Hết thảy những ai Ta quan tâm chắc chắn sẽ thoát khỏi hình phạt và chắc chắn sẽ tránh được nỗi khổ về tinh thần và nỗi đau của xác thịt. Ta sẽ xuất hiện công khai

trước tất cả các dân tộc, cai trị và thực thi quyền lực, hầu cho mùi của xác chết sẽ không còn tràn ngập khắp vũ trụ; thay vào đó, hương thơm tươi mát của Ta sẽ lan tỏa toàn thể giới, bởi vì ngày của Ta đang đến gần, con người đang tỉnh thức, mọi thứ trên đất đều sẵn sàng, và những ngày sống sót của trái đất không còn nữa, vì Ta đã đến!

Ngày 06 tháng 4 năm 1992

Quan điểm các tín đồ cần có

Con người đã đạt được gì kể từ lần đầu tiên bắt đầu tin vào Đức Chúa Trời? Người đã biết được gì về Đức Chúa Trời? Người đã thay đổi được bao nhiêu nhờ đức tin của mình nơi Đức Chúa Trời? Hiện nay, tất cả các người đều biết rằng đức tin của con người nơi Đức Chúa Trời không chỉ vì sự cứu rỗi linh hồn và sự yên ổn về thể xác, hay đức tin đó cũng không phải để làm phong phú cuộc sống của họ qua việc yêu mến Đức Chúa Trời, v.v. Như hiện tại, nếu người yêu Đức Chúa Trời để có được sự yên ổn về thể xác hay thú vui nhất thời, thì cuối cùng, ngay cả khi tình yêu Đức Chúa Trời của người đạt đến cực đỉnh và người không đòi hỏi gì thêm, thì tình yêu người tìm kiếm vẫn là một tình yêu hỗn tạp và không làm đẹp lòng Đức Chúa Trời. Những ai dùng tình yêu dành cho Đức Chúa Trời để làm phong phú sự tồn tại nhằm chán của mình, và để lấp đầy khoảng trống trong lòng mình, là kiểu người tham muốn một cuộc sống dễ dàng, chứ không phải là người thật sự theo đuổi tình yêu dành cho Đức Chúa Trời. Thứ tình yêu này bị ép buộc, theo đuổi sự thỏa mãn về tinh thần, và Đức Chúa Trời không cần loại tình yêu này. Vậy thì tình yêu của người là loại nào? Người yêu Đức Chúa Trời vì điều gì? Tình yêu đích thực dành cho Đức Chúa Trời ngay bây giờ đang có trong người được bao nhiêu? Tình yêu của đa số các người là loại tình yêu vừa được đề cập trên đây. Loại tình yêu này chỉ có thể duy trì hiện trạng; nó không thể đạt đến sự bất biến, cũng không thể bén rễ trong con người. Loại tình yêu này chỉ giống như một bông hoa nở rồi tàn mà không kết trái. Nói cách khác, sau khi người đã từng yêu Đức Chúa Trời theo cách này, nếu không có ai dẫn dắt người trên con đường phía trước, thì người sẽ gục ngã. Nếu người chỉ có thể yêu Đức Chúa Trời trong thời kỳ yêu Đức Chúa Trời, nhưng sau đó, tâm tính sống của người vẫn không thay đổi, thì người sẽ không thể thoát khỏi màn ảnh hưởng của sự tối tăm, người sẽ không thể thoát khỏi xiềng xích của Sa-tan và trò lừa bịp của nó. Không ai như vậy có thể được Đức Chúa Trời thu nhận hoàn toàn; cuối cùng, tinh thần, linh hồn, và thể xác của họ vẫn thuộc về Sa-tan. Không có gì nghi ngờ về điều này. Những ai không thể được Đức Chúa Trời thu nhận hoàn toàn

sẽ trở về nơi ban đầu, tức là trở về với Sa-tan, và họ sẽ đi xuống hồ lửa và diêm sinh để chấp nhận sự trừng phạt tiếp theo từ Đức Chúa Trời. Những ai được Đức Chúa Trời thu nhận là những người đã từ bỏ Sa-tan và thoát khỏi quyền của hắn. Họ chính thức được tính là dân sự của vương quốc. Đây là cách trở thành dân sự của vương quốc. Người có sẵn lòng để trở thành loại người này không? Người có sẵn lòng để được Đức Chúa Trời thu nhận không? Người có sẵn lòng thoát khỏi quyền của Sa-tan và trở về với Đức Chúa Trời không? Hiện nay, người đang thuộc về Sa-tan hay được tính là dân sự của vương quốc? Những điều này phải rõ ràng rồi, và không cần giải thích gì thêm.

Trong quá khứ, nhiều người đã tìm kiếm với những quan niệm và tham vọng điên cuồng, họ tìm kiếm vì những hy vọng của bản thân. Chúng ta hãy tạm gác lại những vấn đề như vậy; điều quan trọng nhất hiện giờ là tìm ra cách thực hành những gì có thể khiến các người duy trì một tình trạng bình thường trước Đức Chúa Trời và dần thoát khỏi những xiềng xích ảnh hưởng của Sa-tan, để các người có thể được Đức Chúa Trời thu nhận và sống trên đất bày tỏ ra những gì Đức Chúa Trời yêu cầu ở các người. Chỉ bằng cách này, các người mới có thể thực hiện những ý định của Đức Chúa Trời. Nhiều người tin vào Đức Chúa Trời, nhưng chẳng biết gì về những điều Đức Chúa Trời muốn lẫn những điều Sa-tan muốn. Họ tin một cách mê muội, đơn giản là hòa theo đám đông, và chưa bao giờ có một đời sống Cơ đốc nhân bình thường; thêm vào đó, họ chưa bao giờ có những mối quan hệ cá nhân bình thường, càng không có mối quan hệ bình thường với Đức Chúa Trời. Từ đây có thể thấy được những khó khăn và thiếu sót của con người, và những yếu tố khác cản trở ý muốn của Đức Chúa Trời là rất nhiều. Điều này đủ để chứng tỏ rằng con người chưa đi đúng hướng đức tin nơi Đức Chúa Trời, cũng như chưa bước vào trải nghiệm thực tế cuộc sống con người. Vậy đi đúng hướng đức tin nơi Đức Chúa Trời nghĩa là gì? Đi đúng hướng có nghĩa là người luôn lắng lòng mình trước Đức Chúa Trời và tận hưởng mối tương giao bình thường với Đức Chúa Trời, dần đi đến nhận biết những gì còn thiếu sót trong con người và từ từ đạt được sự hiểu biết sâu sắc hơn về Đức Chúa Trời. Qua đó, tâm linh người có được sự thông sáng mới và sự khai sáng mới mỗi ngày; lòng khao khát của người lớn dần, người tìm cách bước vào lẽ thật, và mỗi ngày đều có sự sáng mới và sự hiểu biết mới. Qua con đường này, người dần thoát khỏi ảnh hưởng của Sa-tan và trưởng thành trong đời sống. Những người như vậy đã bước vào đúng đường. Hãy tự đánh giá những trải nghiệm thực của người và xem xét con đường người đã theo đuổi trong đức tin của mình: khi người đánh giá những thứ đó dựa trên những gì miêu tả trên đây, người có thấy mình đang đi đúng đường không? Người đã thoát khỏi những xiềng xích và ảnh

hưởng của Sa-tan trong những vấn đề nào? Nếu người chưa đi đúng đường, thì sự ràng buộc của người và Sa-tan vẫn chưa được cắt đứt. Trong trường hợp này, việc người theo đuổi tình yêu dành cho Đức Chúa Trời có dẫn người đến một tình yêu chân thật, một lòng một dạ, và thanh khiết không? Người nói rằng tình yêu Đức Chúa Trời của người là vững vàng và thành tâm, nhưng người vẫn chưa thoát khỏi xiềng xích của Sa-tan. Chẳng phải người đang cố lừa dối Đức Chúa Trời sao? Nếu người ao ước đạt đến trạng thái mà tình yêu Đức Chúa Trời của người không hỗn tạp, và người thật sự muốn được Đức Chúa Trời hoàn toàn thu nhận và được tính là dân sự của vương quốc, thì trước hết, người phải đi đúng hướng đức tin nơi Đức Chúa Trời.

Con người bại hoại không thể đại diện cho Đức Chúa Trời

Con người hằng sống dưới màn ảnh hưởng của sự tối tăm, chịu sự kiềm tỏa bởi ảnh hưởng của Sa-tan, không thể thoát ra, và tâm tính của họ, đã bị Sa-tan xử lý, ngày càng trở nên bại hoại hơn. Có thể nói con người luôn sống giữa tâm tính Sa-tan bại hoại của họ và không thể thực sự yêu mến Đức Chúa Trời. Vì vậy, nếu một người muốn yêu Đức Chúa Trời, họ phải được loại bỏ tính tự nên công chính, tự cao tự đại, kiêu căng, tự phụ và những tính tương tự của họ – mọi thứ thuộc về tâm tính của Sa-tan. Nếu không, tình yêu của họ là một tình yêu không thuần khiết, một tình yêu Sa-tan, và một tình yêu mà tuyệt đối không thể được Đức Chúa Trời chấp thuận. Nếu chưa được Đức Thánh Linh trực tiếp hoàn thiện, xử lý, đập vỡ, tẩy rửa, sửa dạy, sửa phạt, và tinh luyện, thì không một ai có thể thực sự yêu Đức Chúa Trời. Nếu người nói rằng một phần tâm tính của người đại diện cho Đức Chúa Trời, và vì thế, người có thể thực sự yêu Đức Chúa Trời, thì người là kẻ ăn nói ngạo mạn và người thật lố bịch. Những kẻ như thế là thiên sứ trưởng rồi! Bản tính bẩm sinh của con người không thể trực tiếp đại diện cho Đức Chúa Trời; họ phải từ bỏ bản tính bẩm sinh của mình thông qua sự hoàn thiện của Đức Chúa Trời, và chỉ sau đó – chỉ bằng cách quan tâm đến ý muốn của Đức Chúa Trời, thực hiện những ý định của Đức Chúa Trời, và hơn thế nữa, trải qua công tác của Đức Thánh Linh – thì những gì họ sống thể hiện ra mới có thể được Đức Chúa Trời chấp thuận. Không ai sống trong xác thịt có thể trực tiếp đại diện cho Đức Chúa Trời, trừ khi họ là một con người được Đức Thánh Linh sử dụng. Tuy nhiên, ngay cả đối với một người như vậy, cũng không thể nói rằng tâm tính của họ và những gì họ sống thể hiện ra hoàn toàn đại diện cho Đức Chúa Trời; chỉ có thể nói rằng những gì họ sống thể hiện ra được chỉ dẫn bởi Đức Thánh

Linh. Tâm tính của một con người như thế không thể đại diện cho Đức Chúa Trời.

Mặc dù tâm tính của con người được Đức Chúa Trời định sẵn – điều này không cần bàn cãi và có thể được coi là điều tích cực – nhưng tâm tính đó đã bị Sa-tan xử lý, và vì thế, toàn bộ tâm tính của con người đều là tâm tính của Sa-tan. Một số người nói rằng tâm tính Đức Chúa Trời là thẳng thắn khi làm mọi việc, và điều này cũng được thể hiện nơi họ, rằng tính cách họ cũng giống như vậy, và vì thế, họ nói rằng tâm tính của họ đại diện cho Đức Chúa Trời. Đây là kiểu người gì vậy? Liệu tâm tính Sa-tan bại hoại có thể đại diện cho Đức Chúa Trời được không? Bất cứ ai tuyên bố tâm tính của họ đại diện cho Đức Chúa Trời đều đang báng bổ Đức Chúa Trời và xúc phạm Đức Thánh Linh! Phương pháp Đức Thánh Linh làm việc cho thấy công tác của Đức Chúa Trời trên đất chỉ là công tác chinh phục. Như vậy, nhiều tâm tính bại hoại Sa-tan của con người vẫn chưa được làm cho tinh sạch, và những gì họ sống thể hiện ra vẫn là hình ảnh của Sa-tan, đó là những gì con người cho là tốt đẹp, và nó đại diện cho những hành vi của xác thịt con người; chính xác hơn, nó đại diện cho Sa-tan, và tuyệt đối không thể đại diện cho Đức Chúa Trời. Kể cả khi ai đó đã yêu mến Đức Chúa Trời đến mức họ có thể tận hưởng cuộc sống thiên đàng trên đất, có thể tuyên bố những lời như: “Lạy Đức Chúa Trời! Con biết yêu Người sao cho đủ”, và đã đạt tới cảnh giới cao nhất, thì vẫn không thể nói rằng họ sống thể hiện ra Đức Chúa Trời hoặc đại diện cho Đức Chúa Trời, bởi thực chất của con người không giống của Đức Chúa Trời, và con người không bao giờ có thể sống thể hiện ra Đức Chúa Trời, càng không thể trở thành Đức Chúa Trời. Những điều Đức Thánh Linh đã chỉ dẫn con người phải sống thể hiện ra chỉ là sống phù hợp với những gì Đức Chúa Trời yêu cầu ở con người.

Tất cả những hành động và việc làm của Sa-tan đều được thể hiện nơi con người. Ngày nay, tất cả các hành động và việc làm của con người đều là biểu hiện của Sa-tan và vì thế, không thể nào đại diện cho Đức Chúa Trời. Con người là hiện thân của Sa-tan, và tâm tính của con người không thể đại diện cho tâm tính của Đức Chúa Trời. Một số người có tính cách tốt; Đức Chúa Trời có thể làm một số việc thông qua tính cách của những người như vậy, và công việc họ làm được chỉ dẫn bởi Đức Thánh Linh. Mặc dù vậy, tâm tính của họ vẫn không thể đại diện cho Đức Chúa Trời. Công việc Đức Chúa Trời làm trên họ chỉ là làm việc và mở rộng thêm trên những gì đã tồn tại bên trong. Dù là những tiên tri trong các thời đại trước hay những người được Đức Chúa Trời sử dụng, không ai có thể trực tiếp đại diện cho Ngài. Mọi người đi đến yêu mến Đức Chúa Trời chỉ là do sự thúc ép của hoàn cảnh, và không một ai cố gắng hợp tác tự nguyện cả. Những điều tích cực là gì? Tất cả mọi điều trực tiếp đến từ Đức Chúa Trời đều tích cực; dẫu vậy, tâm tính của con

người đã bị Sa-tan xử lý, và không thể đại diện cho Đức Chúa Trời. Chỉ có tình yêu thương, nghị lực chịu khổ, sự công chính, quy phục, khiêm nhường và ẩn giấu của Đức Chúa Trời nhập thể mới trực tiếp đại diện cho Đức Chúa Trời. Đó là bởi khi Ngài đến, Ngài đã đến không phải với một bản tính tội lỗi và đến trực tiếp từ Đức Chúa Trời, không bị Sa-tan xử lý. Jêsus chỉ là hình tượng giống xác thịt tội lỗi và không đại diện cho tội lỗi; bởi thế; những hành động, việc làm, và lời nói của Ngài, cho đến thời điểm trước khi Ngài hoàn thành công tác của mình qua việc chịu đóng đinh trên thập tự giá (kể cả giây phút Ngài chịu đóng đinh trên thập tự giá), tất cả đều trực tiếp đại diện cho Đức Chúa Trời. Tấm gương của Jêsus đủ để chứng minh rằng bất cứ ai có bản tính tội lỗi đều không thể đại diện cho Đức Chúa Trời, và rằng tội lỗi của con người đại diện cho Sa-tan. Điều đó có nghĩa là, tội lỗi không đại diện cho Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời vô tội. Ngay cả công việc được thực hiện trong con người bởi Đức Thánh Linh cũng chỉ có thể được coi là đã được Đức Thánh Linh chỉ dẫn, và không thể nói là do con người làm thay mặt Đức Chúa Trời. Nhưng, về phần con người, thì kể cả tội lỗi lẫn tâm tính của họ đều không đại diện cho Đức Chúa Trời. Bằng cách nhìn vào công tác mà Đức Thánh Linh đã làm trên con người từ xưa đến nay, người ta sẽ thấy rằng con người có được điều mà họ đang sống thể hiện ra đều là nhờ Đức Thánh Linh đã làm việc trên họ. Rất ít người có thể sống trọn lẽ thật sau khi đã được Đức Thánh Linh xử lý và sửa dạy. Điều đó đồng nghĩa với việc, chỉ có công tác của Đức Thánh Linh hiện diện; thiếu vắng sự hợp tác về phía con người. Giờ đây người đã thấy rõ điều này chưa? Vậy thì, người sẽ làm hết sức mình để hợp tác với Ngài và thực hiện bổn phận của mình khi Đức Thánh Linh làm việc như thế nào?

Việc phụng sự tôn giáo phải bị thanh trừng

Kể từ lúc bắt đầu công tác của Ngài khắp vũ trụ, Đức Chúa Trời đã định trước nhiều người phụng sự cho Ngài, bao gồm những người từ mọi tầng lớp xã hội. Mục đích của Ngài là đáp ứng ý muốn của Ngài và làm cho công tác của Ngài trên trần gian được hoàn tất suôn sẻ; đây là mục đích của Đức Chúa Trời khi chọn những người phụng sự Ngài. Mỗi người phụng sự Đức Chúa Trời đều phải hiểu ý muốn của Ngài. Công tác này của Ngài khiến người ta thấy rõ sự khôn ngoan và sự toàn năng của Ngài, cũng như những nguyên tắc làm việc của Ngài trên trần gian. Đức Chúa Trời thật sự đã đến trần gian để làm công tác của Ngài, để gắn kết với con người, sao cho họ có thể biết rõ hơn những việc làm của Ngài. Ngày nay, các người, nhóm người này, may mắn được phụng sự Đức Chúa Trời thực tế. Đây là một phước lành không kể xiết dành cho các người – quả thật, các người được Đức Chúa Trời nâng

đỡ. Khi lựa chọn một người phụng sự cho Ngài, Đức Chúa Trời luôn có những nguyên tắc riêng của Ngài. Việc phụng sự Đức Chúa Trời hoàn toàn không đơn giản là vấn đề nhiệt tình như mọi người tưởng tượng. Ngày nay, các người thấy rằng hết thấy những ai phụng sự trước Đức Chúa Trời đều làm như vậy bởi vì họ có sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời và công tác của Đức Thánh Linh, và bởi vì họ là những người theo đuổi lẽ thật. Đây là những điều kiện tối thiểu đối với hết thấy những ai phụng sự Đức Chúa Trời.

Phụng sự Đức Chúa Trời không phải là nhiệm vụ đơn giản. Những người có tâm tính bại hoại vẫn không thay đổi không bao giờ có thể phụng sự Đức Chúa Trời. Nếu tâm tính của người chưa bị phán xét và hành phạt bởi lời Đức Chúa Trời, thì tâm tính của người vẫn còn đại diện cho Sa-tan, điều chứng tỏ rằng người phụng sự cho Đức Chúa Trời bởi những ý định tốt của riêng mình, rằng việc phụng sự của người dựa trên bản tính Sa-tan của người. Người phụng sự Đức Chúa Trời với tính cách tự nhiên của người, và theo những sở thích cá nhân của người. Hơn nữa, người luôn nghĩ rằng những điều người sẵn lòng làm là những điều làm vui lòng Đức Chúa Trời, và những điều người không muốn làm là những điều Đức Chúa Trời ghét; người làm việc hoàn toàn theo những sở thích của riêng mình. Đây có thể được gọi là phụng sự Đức Chúa Trời không? Cuối cùng, sẽ không có chút thay đổi nào trong tâm tính sống của người; thay vào đó, việc phụng sự của người sẽ khiến người càng ngang bướng hơn, từ đó làm ăn sâu tâm tính bại hoại của người, và như vậy, trong người sẽ hình thành những quy tắc về việc phụng sự Đức Chúa Trời mà chủ yếu dựa trên tính cách của bản thân người, và những kinh nghiệm phát xuất từ việc phụng sự của người theo tâm tính của bản thân người. Đây là những kinh nghiệm và bài học của con người. Nó là triết lý sống trên thế gian của con người. Những người như thế này có thể được xếp vào loại những người Pha-ri-si và các chức sắc tôn giáo. Nếu họ không bao giờ thức tỉnh và ăn năn, thì cuối cùng họ chắc chắn sẽ trở thành các christ giả và những kẻ địch lại Đấng Christ lừa gạt mọi người trong thời kỳ sau rốt. Các christ giả và những kẻ địch lại Đấng Christ được nói đến sẽ dấy lên từ những kẻ như vậy. Nếu những người phụng sự Đức Chúa Trời làm theo tính cách của riêng mình và hành động theo ý muốn của riêng mình, thì họ có nguy cơ bị vứt bỏ bất cứ lúc nào. Những người áp dụng nhiều năm kinh nghiệm có được của mình để phụng sự Đức Chúa Trời nhằm chiếm được cảm tình của những người khác, để lên lớp họ và kiểm soát họ, và để đứng ở địa vị cao – và những người không bao giờ ăn năn, không bao giờ xưng tội, không bao giờ từ bỏ những lợi ích của địa vị – những người này sẽ gục ngã trước Đức Chúa Trời. Họ cùng một giuộc với Phao-lô, dựa vào thâm niên của mình và khoe khoang trình độ của mình. Đức Chúa Trời sẽ

không hoàn thiện những người như thế này. Phụng sự như thế cản trở công tác của Đức Chúa Trời. Mọi người luôn bám vào những điều xưa cũ. Họ bám vào những quan niệm của quá khứ, vào mọi thứ từ những thời đại đã qua. Đây là một chướng ngại rất lớn cho việc phụng sự của họ. Nếu người không thể vứt bỏ chúng, thì những thứ này sẽ bóp nghẹt cả cuộc đời người. Đức Chúa Trời sẽ không khen ngợi người, không một chút nào, kể cả khi người gây chân vì chạy hay gây lưng vì lao động, kể cả khi người tử đạo vì phụng sự Đức Chúa Trời. Hoàn toàn ngược lại: Ngài sẽ phán rằng người là một kẻ hành ác.

Bắt đầu từ hôm nay, Đức Chúa Trời sẽ chính thức hoàn thiện những người không có các quan niệm tôn giáo, những người sẵn lòng đặt cái tôi cũ của mình sang một bên, và những người chân phượng vâng lời Đức Chúa Trời. Ngài sẽ hoàn thiện những ai khao khát lời Đức Chúa Trời. Những người này sẽ đứng lên và phụng sự Đức Chúa Trời. Trong Đức Chúa Trời có sự dư dật vô tận và sự khôn ngoan vô biên. Công tác tuyệt vời và những lời quý giá của Ngài còn chờ đợi sự tận hưởng bởi nhiều người hơn nữa. Như hiện tại, những ai có các quan niệm tôn giáo, những ai có thâm niên, và những ai không thể đặt bản thân sang một bên, sẽ thấy khó chấp nhận những điều mới này. Đức Thánh Linh không có cơ hội hoàn thiện những người này. Nếu một người không quyết tâm vâng phục và không khao khát lời Đức Chúa Trời, thì họ không cách nào chấp nhận những điều mới mẻ này; đơn giản là họ sẽ trở nên ngày càng phản nghịch, ngày càng quỷ quyết, và vì thế mà cuối cùng sẽ đi sai đường. Khi làm công tác của mình hiện nay, Đức Chúa Trời sẽ lập nên nhiều hơn nữa những người thật sự yêu Ngài và có thể chấp nhận sự sáng mới, và Ngài sẽ hoàn toàn cắt bỏ các chức sắc tôn giáo, những kẻ dựa vào thâm niên của mình; Ngài không muốn một ai trong số những kẻ ngang bướng chống lại sự thay đổi. Người có muốn là một trong số những kẻ này không? Người thực hiện việc phụng sự theo những sở thích của riêng mình hay theo những gì Đức Chúa Trời yêu cầu? Đây là điều người phải tự biết. Người là một chức sắc tôn giáo, hay người là một đứa trẻ mới sinh được hoàn thiện bởi Đức Chúa Trời? Bao nhiêu phần trong sự phụng sự của người được Đức Thánh Linh khen ngợi? Bao nhiêu phần trong đó mà Đức Chúa Trời thậm chí sẽ chẳng màng nhớ đến? Đã có một sự thay đổi to lớn như thế nào trong cuộc đời người từ tất cả những năm tháng phụng sự của người? Người có rõ về toàn bộ những điều này không? Nếu người thật sự có đức tin, người sẽ gạt bỏ những quan niệm tôn giáo cũ từ trước của người, và sẽ phụng sự Đức Chúa Trời tốt hơn theo một cách mới. Không quá muộn để đứng dậy lúc này. Các quan niệm tôn giáo cũ có thể tước mất cả cuộc đời của một con người. Kinh nghiệm mà một người có được có thể khiến họ lạc khỏi Đức Chúa Trời và làm mọi việc theo cách của họ.

Nếu người không gạt những thứ ấy sang một bên, thì chúng sẽ trở thành các chướng ngại cho sự phát triển của đời sống người. Đức Chúa Trời luôn hoàn thiện những ai phụng sự Ngài, và không để gì vứt bỏ họ. Nếu người thật sự chấp nhận sự phán xét và hình phạt của lời Đức Chúa Trời, nếu người có thể gạt sang một bên những thông lệ và quy định tôn giáo cũ, và ngưng dùng những quan niệm tôn giáo cũ làm thước đo lời Đức Chúa Trời ngày nay, thì chỉ khi đó mới có tương lai cho người. Nhưng nếu người bám lấy những thứ xưa cũ, nếu người vẫn trân trọng chúng, thì không có cách nào để người có thể được cứu rỗi. Đức Chúa Trời không để ý đến những người như thế. Nếu người thật sự muốn được làm cho hoàn thiện, thì người phải quyết tâm từ bỏ hoàn toàn mọi thứ từ trước. Ngay cả khi những gì đã làm trước kia là đúng, ngay cả khi đó là công tác của Đức Chúa Trời, người vẫn phải có thể gạt sang một bên và thôi không bám lấy nó. Ngay cả khi rõ ràng đó là công tác của Đức Thánh Linh, được thực hiện trực tiếp bởi Đức Thánh Linh, thì hôm nay, người cũng phải gạt nó sang một bên. Người không được bám lấy nó. Đây là điều Đức Chúa Trời yêu cầu. Mọi thứ phải được làm mới. Trong công tác của Đức Chúa Trời và những lời của Đức Chúa Trời, Ngài không đề cập đến những thứ cũ đã qua trước kia, Ngài không đào sâu vào niên lịch cũ; Đức Chúa Trời là một Đức Chúa Trời luôn mới và không bao giờ cũ, và thậm chí không bám lấy những lời của chính Ngài từ quá khứ – điều cho thấy Đức Chúa Trời không theo bất kỳ quy tắc nào. Do đó, nếu người, là một con người, luôn bám vào những thứ của quá khứ, nếu người từ chối buông bỏ chúng, và áp dụng chúng cứng nhắc theo công thức, trong khi Đức Chúa Trời không còn làm việc bằng những phương cách Ngài đã từng dùng trước kia, thì lời nói và hành động của người chẳng phải là gây rối sao? Người chưa trở thành kẻ thù của Đức Chúa Trời sao? Người có sẵn lòng để cho toàn bộ cuộc sống của người đổ nát vì những thứ xưa cũ này không? Những thứ xưa cũ này sẽ khiến người trở thành kẻ cản trở công tác của Đức Chúa Trời – đó có phải loại người mà người muốn trở thành không? Nếu người thật sự không muốn điều đó, vậy thì hãy nhanh chóng dừng những gì người đang làm và quay lại; hãy bắt đầu lại từ đầu. Đức Chúa Trời sẽ không nhớ sự phụng sự trước đây của người.

Trong đức tin của người vào Đức Chúa Trời, người nên vâng phục Đức Chúa Trời

Vì sao người tin vào Đức Chúa Trời? Hầu hết mọi người thấy hổ thẹn bởi câu hỏi này. Họ luôn có hai quan điểm hoàn toàn khác nhau về Đức Chúa Trời thực tế và Đức Chúa Trời ở trên trời, điều đó cho thấy rằng họ tin vào Đức Chúa Trời không

phải để vâng phục Ngài, mà là để nhận được những lợi ích nhất định, hoặc để thoát khỏi nỗi khổ đau mà thảm họa mang lại; chỉ khi đó họ mới có phần vâng phục. Sự vâng phục của họ có điều kiện; đó chính là vì triển vọng cá nhân của chính họ, và buộc họ phải tuân theo. Thế chính xác vì sao người tin vào Đức Chúa Trời? Nếu đó chỉ là vì triển vọng của người và số phận của người, thì tốt hơn là người không nên tin chút nào. Niềm tin như thế này là tự lừa dối, tự trấn an và tự ngưỡng mộ bản thân. Nếu đức tin của người không được xây dựng trên nền tảng vâng phục Đức Chúa Trời, thì cuối cùng người sẽ bị trừng phạt vì chống đối Ngài. Tất cả những kẻ không tìm kiếm sự vâng phục Đức Chúa Trời trong đức tin của mình đều chống đối Ngài. Đức Chúa Trời yêu cầu mọi người tìm kiếm lẽ thật, rằng họ khao khát lời Ngài, ăn uống lời Ngài, và đưa chúng vào thực hành, để họ có thể đạt được sự vâng phục Đức Chúa Trời. Nếu đây là những ý định thực sự của người, thì Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ nâng người lên, và chắc chắn sẽ nhân từ với người. Điều này là không thể nghi ngờ và không thể thay đổi. Nếu ý định của người không phải là vâng phục Đức Chúa Trời, và người có những mục đích khác, thì tất cả những gì người nói và làm – những lời cầu nguyện của người trước Đức Chúa Trời, và thậm chí mọi hành động của người – sẽ đều chống đối Ngài. Người có thể nói năng nhỏ nhẹ và cư xử ôn hòa, mọi hành động và biểu hiện của người có thể trông đúng đắn, và người có thể trông như là người vâng phục, nhưng khi nói đến những ý định và quan điểm của người về đức tin nơi Đức Chúa Trời, thì mọi thứ người làm đều chống đối Đức Chúa Trời; mọi thứ người làm đều xấu xa. Những kẻ tỏ ra vâng phục như con chiên, nhưng trong lòng nuôi những ý định xấu xa, là những con sói đội lốt chiên. Chúng trực tiếp xúc phạm Đức Chúa Trời và Đức Chúa Trời sẽ không tha cho một ai trong số chúng. Đức Thánh Linh sẽ vạch trần từng người một trong số chúng, và cho mọi người thấy rằng tất cả những ai là kẻ đạo đức giả đều chắc chắn sẽ bị Đức Thánh Linh khinh ghét và loại bỏ. Đừng lo: Đức Chúa Trời sẽ xử lý và giải quyết lần lượt từng người một trong số chúng.

Nếu người không thể chấp nhận sự sáng mới từ Đức Chúa Trời, không thể hiểu tất cả những gì Đức Chúa Trời làm ngày nay và người không tìm kiếm điều này, hoặc không thì người nghi ngờ nó, phán xét nó, hoặc dò xét và phân tích nó, thì người không có ý muốn vâng phục Đức Chúa Trời. Nếu, khi sự sáng của thời khắc hiện tại xuất hiện, người vẫn nâng niu sự sáng của ngày hôm qua và phản đối công tác mới của Đức Chúa Trời, thì người chẳng hơn gì một kẻ ngu ngốc – người là một trong những kẻ cố tình chống đối Đức Chúa Trời. Chìa khóa để vâng phục Đức Chúa Trời là quý trọng sự sáng mới, và có thể chấp nhận nó cũng như đưa nó vào thực hành. Chỉ có điều này mới là sự vâng phục thực sự. Những kẻ không có ý muốn mong mỏi

Đức Chúa Trời sẽ không thể có ý định quy phục Đức Chúa Trời, và chỉ có thể chống đối Đức Chúa Trời do sự hài lòng của họ với hiện trạng. Con người đó không thể vâng phục Đức Chúa Trời vì họ bị xâm chiếm bởi những gì đã có từ trước. Những điều đến trước đã cho mọi người đủ kiểu quan niệm và tưởng tượng về Đức Chúa Trời, và những điều này đã trở thành hình ảnh của Đức Chúa Trời trong tâm trí họ. Do đó, những gì họ tin tưởng là quan niệm của bản thân họ, và những tiêu chuẩn trong trí tưởng tượng của bản thân họ. Nếu người đo lường Đức Chúa Trời thực hiện công tác thực tế ngày nay với Đức Chúa Trời trong trí tưởng tượng của chính người, thì đức tin của người đến từ Sa-tan, và bị ô nhiễm bởi sở thích riêng của người – Đức Chúa Trời không muốn loại đức tin này. Bất kể khả năng của họ cao dường nào, và bất kể sự cống hiến của họ là gì – ngay cả khi họ đã dành cả đời nỗ lực cho công tác của Ngài, và đã tử vì đạo – thì Đức Chúa Trời cũng không chấp thuận bất cứ ai với đức tin như vậy. Ngài chỉ ban cho họ một chút ân điển, và cho phép họ tận hưởng nó trong một thời gian. Những người như thế này không có khả năng đưa lẽ thật vào thực hành. Đức Thánh Linh không làm việc trong họ và Đức Chúa Trời sẽ lần lượt loại bỏ từng người trong số họ. Bất kể già hay trẻ, những kẻ không vâng phục Đức Chúa Trời trong đức tin và có những ý định sai trái, đều là những kẻ chống đối và làm gián đoạn, và những người như vậy chắc chắn sẽ bị Đức Chúa Trời loại bỏ. Những kẻ không có chút vâng phục nào với Đức Chúa Trời, những kẻ chỉ thừa nhận danh Ngài, và có chút ý thức về lòng tốt và sự đáng mến của Đức Chúa Trời, nhưng không theo kịp bước chân của Đức Thánh Linh, và không vâng phục công tác và lời hiện tại của Đức Thánh Linh – những kẻ như vậy sống giữa ân điển của Đức Chúa Trời, và sẽ không được Ngài thu phục và được trở nên hoàn thiện. Đức Chúa Trời làm cho con người hoàn thiện thông qua sự vâng phục của họ, qua việc họ ăn, uống và tận hưởng những lời Đức Chúa Trời, và qua sự khổ đau và tinh luyện trong cuộc sống của họ. Chỉ nhờ đức tin như vậy thì tâm tính của mọi người mới có thể thay đổi, và chỉ khi đó họ mới có thể sở hữu hiểu biết thực sự về Đức Chúa Trời. Không hài lòng với việc sống giữa ân điển của Đức Chúa Trời, tích cực khao khát và tìm kiếm lẽ thật, cũng như cố gắng để được Đức Chúa Trời thu phục – đây là ý nghĩa của việc vâng phục Đức Chúa Trời một cách có ý thức và đây chính xác là loại đức tin mà Ngài muốn. Những kẻ không làm gì ngoài việc tận hưởng ân điển của Đức Chúa Trời không thể được trở nên hoàn thiện, hoặc thay đổi; và sự vâng phục, lòng mộ đạo, tình yêu và sự kiên nhẫn của họ đều hời hợt. Những kẻ chỉ tận hưởng ân điển của Đức Chúa Trời không thể thực sự biết Đức Chúa Trời, và ngay cả khi họ biết Đức Chúa Trời, thì hiểu biết của họ hời hợt và họ nói những điều như “Đức Chúa Trời yêu con người”, hoặc “Đức Chúa Trời thương xót con người”.

Điều này không đại diện cho cuộc sống của con người, và không cho thấy rằng mọi người thực sự biết Đức Chúa Trời. Nếu, khi những lời Đức Chúa Trời tinh luyện họ, hoặc khi những thử luyện của Ngài xảy đến với họ, mọi người không thể vâng phục Đức Chúa Trời – nếu, thay vào đó, họ trở nên nghi ngờ và sa ngã – thì họ không vâng phục chút nào. Trong họ, có nhiều luật lệ và hạn chế về đức tin vào Đức Chúa Trời, những kinh nghiệm cũ là kết quả của nhiều năm đức tin, hoặc các phép tắc khác nhau dựa trên Kinh Thánh. Những kẻ như thế này liệu có thể vâng phục Đức Chúa Trời không? Những kẻ này chứa đầy những thứ của con người – làm sao họ có thể vâng phục Đức Chúa Trời? “Sự vâng phục” của họ theo sở thích cá nhân của mình – liệu Đức Chúa Trời có mong muốn sự vâng phục như thế này không? Đây không phải là vâng phục Đức Chúa Trời, mà là tuân theo các phép tắc; là sự thỏa mãn và an ủi của chính bản thân họ. Nếu người nói rằng đây là sự vâng phục Đức Chúa Trời, chẳng phải người báng bổ Ngài sao? Người là một Pha-ra-ôn của xứ Ê-díp-tô. Người làm điều ác và người chuyên tham gia vào việc chống đối Đức Chúa Trời – đây có phải là cách Đức Chúa Trời muốn người phụng sự không? Tốt nhất là người nên nhanh chóng ăn năn, và cố có được một chút tự ý thức về bản thân. Nếu không, tốt hơn người nên ra về; điều đó sẽ tốt cho người hơn cái tự cho là sự phục vụ Đức Chúa Trời của người. Người sẽ không làm gián đoạn và làm nhiễu loạn, người biết chỗ của mình, và sống tốt – điều đó chẳng phải sẽ tốt hơn sao? Và người sẽ không bị trừng phạt vì chống đối Đức Chúa Trời!

Lời hứa với những ai đã được hoàn thiện

Đâu là con đường mà qua đó Đức Chúa Trời hoàn thiện con người? Con đường ấy bao gồm những khía cạnh nào? Người có sẵn lòng để được Đức Chúa Trời hoàn thiện không? Người có sẵn lòng chấp nhận phán xét và hành phạt của Ngài không? Người biết gì về những vấn đề này? Nếu người không có kiến thức nào để nói thì điều này chứng tỏ rằng người vẫn chưa biết gì về công tác của Đức Chúa Trời, rằng người chưa hề được Đức Thánh Linh khai sáng. Những người như thế không thể được hoàn thiện. Họ chỉ được ban cho một chút ân điển nhỏ nhoi để tận hưởng trong khoảng thời gian ngắn ngủi, và ân điển đó sẽ không dài lâu. Con người không thể được Đức Chúa Trời hoàn thiện nếu chỉ hưởng thụ ân điển của Ngài. Có những người hài lòng khi xác thịt của họ được bình yên và vui thú, khi cuộc sống của họ dễ dàng và không gặp phải nghịch cảnh hay bất hạnh, khi cả gia đình họ chung sống thuận hòa, không tranh giành hay cãi vã – và họ thậm chí có thể tưởng những điều này là phước lành của Đức Chúa Trời. Thực ra đó chỉ là ân điển của Đức Chúa Trời

mà thôi. Các người không được thỏa mãn với việc chỉ tận hưởng ân điển của Đức Chúa Trời. Cách nghĩ ấy thật dung tục. Ngay cả khi người đọc lời của Đức Chúa Trời hằng ngày, cầu nguyện hằng ngày và linh hồn người cảm nhận được niềm hân hoan khôn xiết và đặc biệt an nhiên, nếu rốt cuộc người không có gì để nói về hiểu biết của người đối với Đức Chúa Trời và công tác của Ngài, chưa trải nghiệm được điều gì, và dẫu đã ăn và uống bao nhiêu lời Đức Chúa Trời, nếu tất cả những gì người cảm nhận chỉ là sự an nhiên và hân hoan về tinh thần, và rằng lời của Đức Chúa Trời ngọt ngào không gì sánh được, như thế người không cách nào thụ hưởng đủ, nhưng người không có bất kỳ trải nghiệm thực tế gì về lời của Đức Chúa Trời và hoàn toàn thiếu hiện thực của lời Ngài, vậy thì người có thể đạt được gì từ kiểu đức tin vào Đức Chúa Trời như thế? Nếu người không thể sống trọn thực chất của lời Đức Chúa Trời thì việc người ăn và uống những lời này và sự cầu nguyện của người chỉ là tín ngưỡng tôn giáo mà thôi. Những người như thế không thể được Đức Chúa Trời hoàn thiện và không thể được Ngài thu nhận. Những người được Đức Chúa Trời thu nhận đều là những người mưu cầu lẽ thật. Cái Đức Chúa Trời thu nhận không phải là xác thịt của con người, không phải những thứ thuộc về họ, mà là phần thuộc về Đức Chúa Trời bên trong họ. Bởi thế, khi Đức Chúa Trời hoàn thiện con người, Ngài không hoàn thiện xác thịt của họ, mà là lòng họ, để lòng họ được Đức Chúa Trời thu phục; nghĩa là khi Đức Chúa Trời hoàn thiện con người, về thực chất là Đức Chúa Trời đang hoàn thiện lòng người để lòng này có thể hướng về Đức Chúa Trời và có thể yêu mến Ngài.

Xác thịt con người là phàm tục. Chẳng có ích chi để Đức Chúa Trời thu phục xác thịt con người, bởi xác thịt con người là thứ chắc chắn sẽ thối rữa và không thể nhận di sản hay những phước lành của Ngài. Nếu xác thịt con người được thu nhận và chỉ có xác thịt con người ở trong dòng chảy này, thì mặc dù trên danh nghĩa con người sẽ ở trong dòng chảy nhưng lòng họ sẽ thuộc về Sa-tan. Nếu thế, con người sẽ không chỉ không thể trở thành hiện thân của Đức Chúa Trời mà họ còn trở thành gánh nặng của Ngài, và việc Đức Chúa Trời lựa chọn con người sẽ vì thế mà trở nên vô nghĩa. Những người Đức Chúa Trời dự định hoàn thiện sẽ đều nhận được phước lành và di sản của Ngài. Nghĩa là họ tiếp nhận Đức Chúa Trời có gì và là gì, để những điều ấy trở thành những điều họ có bên trong; họ đưa mọi lời phán dạy của Đức Chúa Trời vào bên trong mình; dù Đức Chúa Trời là gì, các người vẫn có thể nhận được tất cả những điều đó đúng như vốn có, và nhờ đó mà sống trọn lẽ thật. Đây mới là kiểu người được Đức Chúa Trời hoàn thiện và được Đức Chúa Trời thu nhận. Chỉ những người như thế này mới đủ điều kiện nhận những phước lành Đức Chúa Trời ban tặng:

1. Có được trọn vẹn tình yêu của Đức Chúa Trời.
2. Hành động phù hợp với ý muốn của Đức Chúa Trời trong mọi việc.
3. Có được chỉ dẫn của Đức Chúa Trời, sống trong ánh sáng của Đức Chúa Trời và có được sự khai sáng của Đức Chúa Trời.
4. Sống thể hiện ra hình ảnh mà Đức Chúa Trời yêu mến trên đất; thực sự yêu Đức Chúa Trời như Phi-e-rơ, vì Đức Chúa Trời mà chịu đóng đinh trên thập giá, và xứng đáng để lấy cái chết đền đáp tình yêu của Đức Chúa Trời; có được vinh hiển như Phi-e-rơ.
5. Được yêu mến, tôn trọng và ngưỡng mộ bởi tất cả mọi người trên thế gian.
6. Vượt qua mọi khía cạnh trói buộc của cái chết và âm phủ, không cho Sa-tan bất cứ cơ hội nào để làm việc của nó, thuộc về Đức Chúa Trời, sống trong tinh thần tươi mới, sôi nổi và không biết mệt mỏi.
7. Có tinh thần phấn khởi và hăng hái không thể diễn đạt bằng lời ở mọi lúc trong suốt cuộc đời, như thể một người đã trông thấy ngày vinh hiển của Đức Chúa Trời đến.
8. Giành được vinh quang cùng với Đức Chúa Trời, mang thần sắc giống như các thánh đồ yêu dấu của Đức Chúa Trời.
9. Trở thành người được Đức Chúa Trời yêu thương trên thế gian, nghĩa là con trai yêu dấu của Đức Chúa Trời.
10. Thay đổi hình thái, cùng Đức Chúa Trời thăng lên tầng trời thứ ba và siêu thoát xác thịt.

Chỉ những người có thể thừa hưởng phước lành của Đức Chúa Trời mới được Đức Chúa Trời hoàn thiện và thu phục. Hiện tại người đã nhận được gì chưa? Đức Chúa Trời đã hoàn thiện người đến đâu rồi? Đức Chúa Trời không hoàn thiện con người một cách ngẫu nhiên; Ngài hoàn thiện con người một cách có điều kiện và có những kết quả rõ ràng, nhìn thấy được. Không như con người tưởng tượng rằng miễn có đức tin vào Đức Chúa Trời thì họ có thể được Đức Chúa Trời hoàn thiện và thu nhận, và họ có thể nhận được trên đất những phước lành và di sản của Đức Chúa Trời. Những điều như thế cực kỳ khó – chưa nói đến sự biến đổi về hình thái của con người. Giờ đây, điều các người nên tìm kiếm chủ yếu là được Đức Chúa Trời hoàn thiện trong mọi việc và được Đức Chúa Trời hoàn thiện thông qua mọi con người, sự vật và sự việc mà người phải đối mặt, sao cho càng nhiều những gì là Đức Chúa Trời sẽ được đưa vào các người. Trước tiên người phải nhận được di sản của Đức Chúa Trời trên trần gian; chỉ khi đó người mới trở nên đủ điều kiện để thừa hưởng những phước lành ngày càng nhiều và lớn lao hơn từ Đức Chúa Trời. Đây là tất cả những điều các người nên tìm kiếm và là những điều các người nên hiểu trước

mọi sự khác. Càng tìm cách được Đức Chúa Trời hoàn thiện trong mọi việc bao nhiêu, người sẽ càng có thể nhìn thấy bàn tay của Đức Chúa Trời trong mọi việc bấy nhiêu, từ đó, qua những góc độ khác nhau và trong những vấn đề khác nhau, người sẽ chủ động tìm cách bước vào hữu thể của lời Đức Chúa Trời và hiện thực của lời Ngài. Người không thể bằng lòng với những trạng thái thụ động như đơn thuần không phạm phải tội lỗi, hoặc không có những quan niệm, không có triết lý sống và không có ý chí con người. Đức Chúa Trời hoàn thiện con người theo nhiều cách; trong mọi vấn đề đều chứa đựng khả năng được hoàn thiện, và Ngài có thể hoàn thiện người không chỉ về mặt tích cực mà còn cả về mặt tiêu cực, để làm phong phú thêm cho những gì người đạt được. Mỗi một ngày đều có những cơ hội để được hoàn thiện và những dịp để được Đức Chúa Trời thu nhận. Sau khi trải nghiệm như vậy trong một thời gian, người sẽ được thay đổi rất nhiều và sẽ tự nhiên hiểu nhiều điều mà trước đây người không biết. Không cần chỉ dẫn từ ai khác, mà bất giác, Đức Chúa Trời sẽ khai sáng người, để người sẽ nhận được sự khai sáng trong mọi điều và bước vào chi tiết mọi trải nghiệm của người. Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ dẫn dắt người, sao cho người không chệch sang trái hay phải và người sẽ nhờ đó mà đặt chân lên con đường được Ngài hoàn thiện.

Việc được Đức Chúa Trời hoàn thiện không thể chỉ giới hạn trong sự hoàn thiện thông qua ăn và uống lời Đức Chúa Trời. Trải nghiệm như thế sẽ là quá phiến diện, nó sẽ bao gồm quá ít và chỉ có thể giới hạn con người vào một phạm vi rất nhỏ. Theo cách này, con người sẽ thiếu nhiều sự nuôi dưỡng tinh thần họ cần. Nếu muốn được Đức Chúa Trời hoàn thiện, các người phải học cách trải nghiệm trong mọi vấn đề, và có thể có được sự khai sáng trong mọi chuyện xảy đến với mình. Dù là điều tốt hay xấu, nó hẳn sẽ mang lại cho người lợi ích và không khiến người tiêu cực. Dù sao đi nữa, người nên có khả năng xem xét mọi việc đứng từ phía Đức Chúa Trời và không phân tích hoặc nghi ngờ cứu chúng từ góc độ con người (đây sẽ là một sự lệch lạc trong trải nghiệm của người). Nếu trải nghiệm như vậy thì lòng người sẽ đầy những gánh nặng cuộc sống; người sẽ luôn sống trong ánh sáng sắc diện của Đức Chúa Trời và không dễ dàng đi chệch hướng trong việc thực hành của người. Những người như vậy sẽ có một tương lai tươi sáng phía trước. Có rất nhiều cơ hội để được Đức Chúa Trời hoàn thiện. Tất cả đều phụ thuộc vào việc các người có phải là những người thực sự yêu mến Đức Chúa Trời và các người có quyết tâm để được Đức Chúa Trời hoàn thiện, để được Đức Chúa Trời thu phục và để nhận được phước lành cũng như di sản của Ngài hay không. Chỉ có quyết tâm thôi thì chưa đủ; các người phải có nhiều hiểu biết, nếu không các người sẽ luôn đi chệch hướng trong việc thực hành của mình. Đức Chúa Trời sẵn sàng hoàn thiện từng người trong số

các người. Như bây giờ, dù đa số đã chấp nhận công tác của Đức Chúa Trời trong thời gian rất dài, nhưng họ lại giới hạn bản thân trong việc thuần túy hưởng thụ ân điển của Đức Chúa Trời và chỉ sẵn lòng để Đức Chúa Trời ban cho họ một chút thoải mái của xác thịt mà không sẵn lòng tiếp nhận những sự mặc khải nhiều hơn và cao hơn. Điều này cho thấy lòng người vẫn luôn ở bên ngoài. Dù công tác của con người, sự phụng sự của họ và lòng yêu mến Đức Chúa Trời của họ có ít sự bất khiết hơn, nhưng xét đến bản chất bên trong và suy nghĩ lạc hậu của họ, con người vẫn không ngừng tìm kiếm sự bình yên cùng hưởng thụ của xác thịt và không hề quan tâm những điều kiện và mục đích của việc Đức Chúa Trời hoàn thiện con người có thể là gì. Và vì vậy, cuộc sống của hầu hết mọi người vẫn còn dung tục và suy đồi. Cuộc sống của họ chưa thay đổi chút nào; họ đơn giản không xem đức tin vào Đức Chúa Trời là một vấn đề quan trọng, như thể họ chỉ có đức tin vì người khác, làm chiếu lệ và sống được chăng hay chớ, trôi dạt trong sự tồn tại không mục đích. Rất ít người có thể bước vào lời Đức Chúa Trời trong mọi việc, đạt được nhiều hơn, phong phú hơn, trở thành những người giàu có hơn trong nhà Đức Chúa Trời hôm nay và nhận thêm nhiều phước lành của Đức Chúa Trời. Nếu người tìm cách được Đức Chúa Trời hoàn thiện trong mọi việc và có thể nhận những gì Đức Chúa Trời đã hứa trên trần gian, nếu người tìm cách được Đức Chúa Trời khai sáng trong mọi việc và không để năm tháng trôi qua vô ích, thì đây là con đường lý tưởng để chủ động bước tới. Chỉ như vậy thì người mới trở nên xứng đáng và đủ điều kiện để được Đức Chúa Trời hoàn thiện. Người có thực sự là người tìm cách được Đức Chúa Trời hoàn thiện không? Người có thực sự là người sốt sắng trong mọi việc không? Người có tâm hồn yêu mến Đức Chúa Trời như Phi-e-rơ không? Người có muốn yêu Đức Chúa Trời như Jê-sus không? Người đã có đức tin vào Đức Chúa Jê-sus bao năm qua; vậy người đã thấy Jê-sus yêu Đức Chúa Trời như thế nào chưa? Đó có thực sự là Jê-sus mà người tin không? Người tin vào Đức Chúa Trời thực tế của hôm nay; vậy người đã thấy Đức Chúa Trời thực tế bằng xương bằng thịt yêu Đức Chúa Trời trên trời như thế nào chưa? Người có đức tin vào Đức Chúa Jê-sus Christ; đó là bởi việc Jê-sus chịu đóng đinh để cứu chuộc nhân loại và những phép lạ mà Ngài thực hiện là những sự thật được thừa nhận rộng rãi. Thế nhưng đức tin của con người không đến từ kiến thức và sự hiểu biết thực sự về Jê-sus Christ. Người chỉ tin vào danh của Jê-sus mà không tin vào Thần của Ngài, bởi người không chú ý gì đến việc Jê-sus yêu Đức Chúa Trời như thế nào. Đức tin của người vào Đức Chúa Trời vẫn còn quá ngây thơ. Dù đã tin Jê-sus trong nhiều năm nhưng người không biết cách yêu mến Đức Chúa Trời. Chẳng phải điều đó biến người trở thành kẻ ngốc nghếch nhất trên đời ư? Điều này chứng tỏ rằng nhiều năm qua người đã ăn lương thực của Đức

Chúa Jêsus Christ một cách vô ích. Không chỉ mình Ta không thích những người như vậy, mà Ta tin rằng Đức Chúa Jêsus Christ – mà người tôn kính – cũng không thích họ. Làm sao những người như vậy có thể được hoàn thiện? Người có đổ mặt vì xấu hổ không? Người có cảm thấy hổ thẹn không? Người vẫn còn mặt mũi đối diện với Đức Chúa Jêsus Christ của người sao? Ý nghĩa của những lời Ta nói, hết thảy các người đã hiểu chưa?

Kẻ dữ ắt sẽ bị trừng phạt

Hãy tự xét mình để xem liệu các người có thực hành sự công chính trong mọi việc mình làm không, và liệu tất cả hành động của các người có được Đức Chúa Trời quan sát không: Đây là nguyên tắc mà những người tin vào Đức Chúa Trời dùng để tiến hành sự vụ của họ. Các người sẽ được gọi là công chính bởi vì các người có thể đáp ứng Đức Chúa Trời, và bởi vì các người chấp nhận sự chăm sóc và bảo vệ của Đức Chúa Trời. Trong mắt Đức Chúa Trời, hết thảy những ai chấp nhận sự chăm sóc, bảo vệ và hoàn thiện của Đức Chúa Trời, và những ai được Ngài thu phục, đều là công chính, và Ngài coi hết thảy họ là quý giá. Các người càng chấp nhận những lời hiện tại của Đức Chúa Trời, các người sẽ càng có thể nhận lãnh và hiểu được ý muốn của Đức Chúa Trời, và do đó các người sẽ càng có thể sống thể hiện ra lời Đức Chúa Trời và đáp ứng các yêu cầu của Ngài. Đây là sự ủy nhiệm của Đức Chúa Trời dành cho các người, và là tất cả những gì các người phải có thể đạt được. Nếu các người dùng những quan niệm của riêng mình để đo và giới hạn Đức Chúa Trời, như thể Đức Chúa Trời là một pho tượng đất sét bất biến, và nếu các người hoàn toàn giới hạn Đức Chúa Trời trong những khuôn khổ của Kinh Thánh và bó buộc Ngài trong một phạm vi công tác hạn hẹp thì điều này chứng minh rằng các người đã kết án Đức Chúa Trời. Bởi vì người Do Thái trong thời đại Cựu Ước đã coi Đức Chúa Trời là một tượng thần có hình dáng cố định mà họ lưu giữ trong lòng, như thể Đức Chúa Trời chỉ có thể được gọi là Đấng Mê-si, và chỉ mình Đấng được gọi là Đấng Mê-si mới có thể là Đức Chúa Trời, và bởi vì nhân loại hầu việc và thờ phượng Đức Chúa Trời như thể Ngài là một pho tượng đất sét (không có sự sống), họ đã đóng đinh Jêsus của thời đại đó vào cây thập tự, xử tử Ngài – do vậy Jêsus vô tội đã bị kết án tử. Đức Chúa Trời đã không phạm bất kỳ tội nào, ấy thế mà con người đã không tha cho Ngài, và nhất quyết xử tử Ngài, và do đó Jêsus bị đóng đinh lên thập tự giá. Con người luôn tin rằng Đức Chúa Trời không thay đổi, và định nghĩa Ngài trên cơ sở của một cuốn sách duy nhất, Kinh Thánh, như thể con người có hiểu biết hoàn hảo về sự quản lý của Đức Chúa Trời, như thể con người nắm bắt mọi

việc Đức Chúa Trời làm trong lòng bàn tay mình. Con người ngu xuẩn tốt độ, kiêu ngạo tốt độ, và hết thảy họ đều có tài cường điệu. Cho dù kiến thức của người về Đức Chúa Trời có tuyệt vời như thế nào, Ta vẫn nói rằng người không biết Đức Chúa Trời, rằng người là kẻ chống đối Đức Chúa Trời nhất, và rằng người đã kết án Đức Chúa Trời, bởi vì người hoàn toàn không có khả năng vâng phục công tác của Đức Chúa Trời và đi con đường được Đức Chúa Trời làm cho hoàn thiện. Tại sao Đức Chúa Trời không bao giờ hài lòng với những hành động của con người? Bởi vì con người không biết Đức Chúa Trời, bởi vì con người có quá nhiều quan niệm, và bởi vì kiến thức của con người về Đức Chúa Trời không tài nào thích hợp với hiện thực, mà thay vào đó là lặp lại cùng một chủ đề theo cách đơn điệu mà không có biến thể, và dùng cùng một phương pháp cho mọi tình huống. Và như vậy, khi đến trần gian hôm nay, Đức Chúa Trời lại một lần nữa bị con người đóng đinh vào cây thập tự. Nhân loại thật tàn độc! Sự đồng lõa và cấu kết, sự tranh thủ và giành giật lẫn nhau, sự tranh cướp danh lợi và tiền tài, sự tàn sát lẫn nhau – khi nào mới kết thúc được? Bất kể hàng trăm ngàn lời Đức Chúa Trời đã phán, không ai tỉnh ngộ được cả. Con người hành động vì lợi ích của gia đình họ, con cái họ, vì sự nghiệp, triển vọng tương lai, địa vị, hư vinh, và tiền bạc của họ, để có được cơm ăn, áo mặc, và xác thịt. Thế nhưng có một ai hành động thật sự vì lợi ích của Đức Chúa Trời không? Ngay cả trong số những người hành động vì lợi ích của Đức Chúa Trời, chỉ rất ít người biết đến Đức Chúa Trời. Bao nhiêu người không hành động vì lợi ích riêng của mình? Bao nhiêu người không áp bức hay thải loại những người khác để bảo vệ địa vị của mình? Và do vậy, Đức Chúa Trời đã bị ép án tử vô số lần, và vô số tên quan tòa dã man đã kết án Đức Chúa Trời và một lần nữa đóng đinh Ngài vào cây thập tự. Bao nhiêu người có thể được gọi là công chính bởi họ thật sự hành động vì lợi ích của Đức Chúa Trời?

Có quá dễ để được hoàn thiện trước Đức Chúa Trời như một đấng thánh hay một người công chính không? Thật đúng khi tuyên bố rằng “không có người công chính trên đất này, người công chính không ở trên thế gian này”. Khi các người đến trước Đức Chúa Trời, hãy suy xét xem các người sẽ mặc gì, suy xét mọi lời nói và hành động của các người, mọi suy nghĩ và ý tưởng của các người, và thậm chí những giấc mơ mà các người mơ mỗi ngày – tất cả đều vì lợi ích của các người. Chẳng phải đây là tình trạng thật của các sự vụ sao? “Sự công chính” không có nghĩa là bố thí cho người khác, nó không có nghĩa là yêu thương người láng giềng như chính bản thân mình, và nó không có nghĩa là kiềm chế những sự bất hòa và tranh chấp hay cướp bóc và trộm cắp. Sự công chính có nghĩa là coi sự ủy thác của Đức Chúa Trời là bổn phận của mình và vâng phục sự sắp đặt và thu xếp của Ngài như

ơn trên gọi xuống của mình, bất kể thời gian hay nơi chốn, giống như hết thảy những gì đã được thực hiện bởi Đức Chúa Jêsus. Đây là sự công chính mà Đức Chúa Trời đã nói đến. Việc Lót có thể được gọi là công chính là bởi vì ông đã cứu hai thiên sứ được Đức Chúa Trời gửi đến mà không so đo thiệt hơn cho mình; chỉ có thể nói rằng điều ông đã làm vào lúc ấy có thể được gọi là công chính, nhưng ông không thể được gọi là một người công chính. Chỉ bởi vì Lót đã nhìn thấy Đức Chúa Trời mà ông đã đưa hai con gái của mình để đổi lấy các thiên sứ, chứ không phải mọi hành vi của ông trong quá khứ đại diện cho sự công chính. Và do vậy Ta nói “không có kẻ công chính trên đất này”. Ngay cả giữa những người trong dòng chảy khôi phục, không ai có thể được gọi là công chính. Dù những hành động của người có tốt như thế nào, dù người trông có vẻ tán tụng danh Đức Chúa Trời như thế nào, không đánh đập và rửa sả người khác, cũng không cướp bóc và cưỡng đoạt từ người khác, người vẫn không thể được gọi là công chính, bởi vì đây là điều một người bình thường có thể có được. Điều mấu chốt ngay lúc này là người không biết Đức Chúa Trời. Chỉ có thể nói rằng trong hiện tại, người có một chút nhân tính bình thường, nhưng không có yếu tố nào của sự công chính mà Đức Chúa Trời đã nói, và do vậy không điều gì người làm có thể chứng minh rằng người biết Đức Chúa Trời.

Trước kia, khi Đức Chúa Trời ở trên trời, con người hành động theo cách lừa dối Đức Chúa Trời. Ngày nay, Đức Chúa Trời đã đang ở giữa con người – không ai biết đã bao nhiêu năm – nhưng khi làm việc, con người vẫn làm lấy lệ và cố lừa dối Ngài. Con người chẳng phải là quá chậm tiến trong suy nghĩ của mình sao? Cũng giống như với Giu-đa: Trước khi Jêsus đến, Giu-đa đã nói dối để lừa các anh chị em hân, và thậm chí sau khi Jêsus đã đến, hân vẫn không thay đổi; hân không biết chút nào về Jêsus, và cuối cùng hân đã phản bội Jêsus. Đây chẳng phải là vì hân không biết Đức Chúa Trời sao? Nếu hôm nay các người vẫn không biết Đức Chúa Trời, thì có khả năng các người có thể trở thành những Giu-đa khác, và theo sau điều này, tấn bi kịch chịu đóng đinh của Jêsus trong Thời đại Ân điển hai ngàn năm trước sẽ tái diễn lần nữa. Các người không tin điều này sao? Đó là một sự thật! Hiện tại, phần lớn mọi người đều ở trong tình cảnh tương tự – Ta có thể nói điều này hơi sớm – và những người như thế đều đang đóng vai Giu-đa. Ta đang không nói điều vô nghĩa, mà trên cơ sở sự thật – và người không thể không phục. Mặc dù nhiều người giả vờ khiêm nhường, nhưng trong lòng họ, không có gì khác ngoài một vũng nước đọng, một rãnh nước hôi hám. Ngay lúc này đây có quá nhiều người như thế này trong hội thánh, và các người nghĩ Ta hoàn toàn không hay biết điều này. Hôm nay, Thần của Ta quyết định cho Ta, và mang chứng ngôn cho Ta. Người nghĩ rằng Ta không biết gì ư? Người nghĩ rằng Ta không hiểu gì về những ý nghĩ không ngay thật trong lòng

người, những điều người giữ trong lòng mình ư? Dễ thắng thế Đức Chúa Trời như vậy sao? Người nghĩ rằng người có thể đối đãi với Ngài theo bất cứ cách nào mình thích sao? Trong quá khứ, Ta đã ngại rằng nhờ các người trở nên miễn cưỡng, do vậy Ta cứ cho các người sự tự do, nhưng nhân loại không thể thấy rằng Ta đối tốt với họ, và khi Ta cho một li thì họ lấy một dặm. Hãy hỏi xung quanh trong các người: Ta hầu như chưa bao giờ xử lý bất kỳ ai, và hầu như chưa bao giờ quở trách bất kỳ ai lời nào – nhưng Ta rất rõ về những động cơ và quan niệm của con người. Người nghĩ rằng chính Đức Chúa Trời, Đấng mà Đức Chúa Trời mang lời chứng cho, là kẻ xuẩn ngốc sao? Trong trường hợp đó, Ta nói người quá đui mù! Ta sẽ không vạch trần người, nhưng hãy xem người có thể trở nên bại hoại như thế nào. Hãy xem liệu những mưu mô thông thái cón con của người có thể cứu được người không, hoặc liệu việc cố gắng hết mình để yêu Đức Chúa Trời có thể cứu được người không. Hôm nay, Ta sẽ không kết án người; hãy đợi đến thời điểm của Đức Chúa Trời để xem Ngài trừng phạt trên người như thế nào. Ta không có thì giờ để tán gẫu chuyện phiếm với người lúc này, và Ta không muốn trì hoãn công việc vĩ đại hơn của Ta chỉ để lợi cho người. Một con giòi bọ như người không đáng để Đức Chúa Trời dành thời gian xử lý người – do vậy hãy xem người có thể trở nên hoang đường như thế nào. Những người như thế này không theo đuổi chút kiến thức nào về Đức Chúa Trời, họ cũng không có chút tình yêu nào dành cho Ngài, và họ vẫn ao ước Đức Chúa Trời gọi họ là công chính – đây chẳng phải là trò cười sao? Bởi vì một số ít người thật sự trung thực, Ta sẽ chỉ tập trung vào việc tiếp tục cung cấp sự sống cho con người. Ta sẽ chỉ hoàn tất điều Ta nên hoàn tất hôm nay, nhưng trong tương lai, Ta sẽ trừng phạt từng người theo những gì họ đã làm. Ta đã nói hết những gì có thể nói, bởi vì đây chính là công việc Ta làm. Ta chỉ làm điều Ta nên làm, và không làm điều Ta không nên làm. Dẫu vậy, Ta hy vọng các người dành nhiều thời gian hơn để suy ngẫm: Chính xác là bao nhiêu phần kiến thức của người về Đức Chúa Trời là thật? Người có phải là kẻ đã đóng đinh Đức Chúa Trời vào cây thập tự thêm lần nữa? Những lời sau cùng của Ta đây: Khốn thay cho những kẻ đóng đinh Đức Chúa Trời.

Cách hầu việc hợp ý Đức Chúa Trời

Khi một người tin vào Đức Chúa Trời, thì chính xác người đó nên hầu việc Ngài như thế nào? Những điều kiện nào cần được đáp ứng và những lễ thật nào cần được thông tỏ bởi những người hầu việc Đức Chúa Trời? Và các người có thể đang đi chệch hướng về đâu trong sự hầu việc của mình? Các người nên biết câu trả lời cho tất cả những điều này. Các vấn đề này đề cập đến cách các người tin vào Đức

Chúa Trời và cách các người đi trên con đường do Đức Thánh Linh dẫn dắt, cũng như quy phục sự sắp đặt của Đức Chúa Trời trong mọi sự, từ đó cho phép các người hiểu từng bước công tác của Đức Chúa Trời trong các người. Khi đạt đến điểm ấy, các người sẽ nhận thức rõ đức tin vào Đức Chúa Trời là gì, cách tin tưởng đúng đắn vào Đức Chúa Trời và điều người nên làm để hòa hợp với ý muốn của Đức Chúa Trời. Điều này sẽ khiến các người vâng lời công tác của Đức Chúa Trời hoàn toàn và tuyệt đối; các người sẽ không than phiền và sẽ không phán xét, hay phân tích, càng không nghiên cứu công tác của Đức Chúa Trời. Như thế, các người sẽ có khả năng vâng lời Đức Chúa Trời cho đến chết, cho phép Đức Chúa Trời lèo lái và giết thịt như chiên, để tất cả các người có thể trở nên các Phi-e-rơ của thập niên 1990, và có thể yêu Đức Chúa Trời đến cực điểm thậm chí trên cây thập tự mà không chút than phiền. Chỉ khi ấy, người mới có thể sống như các Phi-e-rơ của thập niên 1990.

Bất kỳ ai có quyết tâm đều có thể hầu việc Đức Chúa Trời – nhưng chỉ những ai quan tâm từng chút đến ý muốn của Đức Chúa Trời và thấu hiểu ý muốn của Đức Chúa Trời mới đủ tư cách và được phép hầu việc Đức Chúa Trời. Ta đã phát hiện ra điều này giữa các người: Nhiều kẻ tin rằng miễn họ nhiệt tâm loan báo Phúc Âm cho Đức Chúa Trời, vì Đức Chúa Trời mà bỏ ba trên đường, dâng mình và từ bỏ mọi sự cho Đức Chúa Trời, và nhiều nữa, thì đây là hầu việc Đức Chúa Trời. Thậm chí càng nhiều người ngoan đạo tin rằng hầu việc Đức Chúa Trời nghĩa là vừa đi vòng vòng vừa cầm Kinh Thánh trong tay, loan báo Phúc Âm của vương quốc thiên đàng và cứu rỗi con người bằng cách khiến họ ăn năn và xưng tội. Cũng có nhiều quan chức tôn giáo nghĩ rằng hầu việc Đức Chúa Trời bao gồm thuyết giảng trong nhà nguyện sau khi theo học nghiên cứu và rèn luyện chuyên sâu trong trường dòng, cũng như giảng dạy người khác qua các bài đọc trong Kinh Thánh. Ngoài ra, có những người ở vùng nghèo đói tin rằng hầu việc Đức Chúa Trời nghĩa là chữa lành cho người bệnh và trừ quỷ trong anh chị em họ hoặc cầu nguyện cho họ, hoặc hầu việc họ. Giữa các người, có nhiều người tin rằng hầu việc Đức Chúa Trời nghĩa là ăn uống lời Đức Chúa Trời, cầu nguyện với Đức Chúa Trời mỗi ngày, cũng như ghé thăm và làm công tác tại các hội thánh mọi nơi. Có những anh chị em khác tin rằng hầu việc Đức Chúa Trời nghĩa là không bao giờ kết hôn hay xây dựng gia đình và dâng trọn mình cho Đức Chúa Trời. Ấy vậy mà chỉ rất ít người biết ý nghĩa thật sự của hầu việc Đức Chúa Trời. Dù có nhiều người hầu việc Đức Chúa Trời như sao trên trời, số người có thể hầu việc trực tiếp và số người có thể hầu việc phù hợp với ý muốn của Đức Chúa Trời là rất ít ỏi – nhỏ đến mức không đáng kể. Tại sao Ta lại nói thế? Ta nói thế vì các người không hiểu thực chất của cụm từ “dâng sự phục vụ cho Đức Chúa Trời”, và các người hiểu rất ít về cách hầu việc phù hợp với ý muốn

của Đức Chúa Trời. Có một nhu cầu cấp thiết để mọi người hiểu chính xác cách hầu việc Đức Chúa Trời như thế nào có thể hòa hợp với ý muốn của Ngài.

Nếu các người muốn hầu việc phù hợp với ý muốn của Đức Chúa Trời, trước tiên các người phải hiểu kiểu người nào đẹp lòng Đức Chúa Trời, kiểu người nào Đức Chúa Trời ghê tởm, kiểu người nào Đức Chúa Trời làm cho hoàn thiện và kiểu người nào đủ tư cách hầu việc Đức Chúa Trời. Ít nhất, các người nên được trang bị kiến thức này. Ngoài ra, các người nên biết mục tiêu của công tác của Đức Chúa Trời, và công tác mà Đức Chúa Trời sẽ thực hiện ngay tại thời điểm này. Sau khi thấu hiểu việc này và qua sự hướng dẫn của lời Đức Chúa Trời, các người lần đầu sẽ có được lối vào, và lần đầu nhận được ủy thác của Đức Chúa Trời. Khi các người đã có trải nghiệm thật sự về lời Đức Chúa Trời và khi thật sự biết về công tác của Đức Chúa Trời, các người sẽ đủ tư cách hầu việc Đức Chúa Trời. Và chính khi các người hầu việc Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời mở ra đôi mắt thuộc linh của các người, cho phép các người hiểu nhiều hơn công tác của Ngài và thấy công tác ấy rõ ràng hơn. Khi người bước vào hiện thực này, trải nghiệm của người sẽ trở nên sâu sắc và thực tế hơn, và tất cả những ai trong các người có trải nghiệm như thế đều sẽ có thể đi giữa các hội thánh và cung cấp cho anh chị em của người, để các người có thể lấy dài bù ngắn nhằm bù đắp cho khiếm khuyết của bản thân và đạt được sự hiểu biết dồi dào hơn trong tâm linh. Chỉ sau khi đạt được tác động này, các người mới có thể hầu việc phù hợp với ý muốn của Đức Chúa Trời và được Đức Chúa Trời làm cho hoàn thiện trong quá trình hầu việc.

Những người hầu việc Đức Chúa Trời nên là những người thân cận với Đức Chúa Trời, họ nên đẹp lòng Đức Chúa Trời và có khả năng trung thành tuyệt đối với Đức Chúa Trời. Dù người hành động công khai hay riêng tư, người có thể đạt được niềm vui của Đức Chúa Trời trước Đức Chúa Trời, người có thể đứng vững trước Đức Chúa Trời và dù kẻ khác đối xử với người thế nào, người luôn đi con đường mà người nên đi, cũng như quan tâm từng chút đến trọng trách của Đức Chúa Trời. Chỉ những người thế này mới là thân cận của Đức Chúa Trời. Người thân cận của Đức Chúa Trời có thể trực tiếp hầu việc Đức Chúa Trời là vì họ được trao sự ủy thác vĩ đại và trọng trách của Đức Chúa Trời, họ có thể biến lòng của Đức Chúa Trời thành của mình, nhận lấy trọng trách của Đức Chúa Trời thành của mình và họ không bận tâm đến tiền đồ trong tương lai: Thậm chí khi không có tiền đồ gì và họ không được lợi lộc chi, họ sẽ luôn tin vào Đức Chúa Trời với tấm lòng yêu mến. Và như thế, kiểu người này là người thân cận của Đức Chúa Trời. Người thân cận của Đức Chúa Trời cũng là bạn tâm tình của Ngài; chỉ có bạn tâm tình của Đức Chúa Trời mới có thể sẻ chia sự thao thức cũng như những suy tư của Đức Chúa Trời, và dù xác thịt của họ

đau đớn và yếu đuối, họ có thể chịu đựng nỗi đau và từ bỏ cái mà họ yêu thương để Đức Chúa Trời hài lòng. Đức Chúa Trời trao thêm trọng trách cho những người này và điều Đức Chúa Trời khao khát thực hiện được làm chứng trong chứng ngôn của những người như thế. Vì thế, những người này đẹp lòng Đức Chúa Trời, họ là tôi tớ của Đức Chúa Trời, những người hợp lòng Ngài, và chỉ những người như vậy mới có thể trị vì cùng với Đức Chúa Trời. Khi người thật sự trở thành thân cận của Đức Chúa Trời, đó chính là lúc người sẽ trị vì cùng với Đức Chúa Trời.

Jê-sus có thể hoàn thành sự ủy thác của Đức Chúa Trời – công tác cứu chuộc toàn thể nhân loại – vì Ngài quan tâm từng chút đến ý muốn của Đức Chúa Trời mà không hề tạo kế hoạch hay sắp xếp gì cho riêng Ngài. Vì vậy, Ngài cũng là thân cận của Đức Chúa Trời – chính Đức Chúa Trời – là điều mà hết thảy các người đều hiểu rất rõ. (Thực chất, Ngài là chính Đức Chúa Trời, Đáng được Đức Chúa Trời chứng thực. Ta đề cập điều này tại đây để dùng sự thật về Jê-sus nhằm minh họa cho vấn đề). Ngài có thể đặt kế hoạch quản lý của Đức Chúa Trời vào trung tâm, luôn cầu nguyện với Cha trên trời và tìm kiếm ý của Cha trên trời. Ngài cầu nguyện và nói: “Đức Chúa Cha! Hãy hoàn thành điều theo ý Cha, và đừng hành động theo ý Con, mà xin theo kế hoạch của Cha. Con người có thể yếu đuối, nhưng sao Cha lại quan tâm đến họ? Sao con người có thể xứng với sự quan tâm của Cha, con người giống như con kiến trong tay Cha? Lòng Con chỉ mong hoàn thành ý Cha, và Con xin để Cha có thể làm điều Cha sẽ làm trong Con theo ý muốn của Cha”. Trên đường đến Giê-ru-sa-lem, Jê-sus đã đau đớn cực độ, như thể dao xoáy trong tim Ngài, nhưng Ngài không hề có chút ý định nuốt lời Ngài; luôn có một sức mạnh quyền năng thúc ép Ngài về nơi Ngài sẽ bị đóng đinh. Cuối cùng, Ngài bị đóng đinh vào cây thập tự và trở nên giống với xác thịt tội lỗi, hoàn thành công tác cứu chuộc nhân loại. Ngài đã thoát khỏi gông cùm của sự chết và âm phủ. Trước mặt Ngài, sự chết, địa ngục và âm phủ tiêu tan sức mạnh và bị Ngài đánh bại. Ngài đã sống ba mươi ba năm và trong suốt khoảng thời gian ấy, Ngài luôn dốc hết mình để đáp ứng ý muốn của Đức Chúa Trời theo công tác của Đức Chúa Trời tại thời điểm ấy, không bao giờ xem xét chuyện được mất của cá nhân Ngài và luôn nghĩ về ý muốn của Đức Chúa Cha. Do đó, sau khi Ngài được làm phép báp-têm, Đức Chúa Trời đã nói: “Đây là Con yêu dấu của ta, đẹp lòng ta mọi đàng”. Vì sự hầu việc của Ngài trước Đức Chúa Trời hòa hợp với ý muốn của Đức Chúa Trời, nên Đức Chúa Trời đặt trọng trách cứu chuộc toàn thể loài người nặng nề lên vai Ngài và yêu cầu Ngài hoàn tất nó. Ngài đã đủ tư cách và được quyền hoàn tất nhiệm vụ quan trọng này. Trong suốt cuộc đời Ngài, Ngài đã chịu đau khổ không kể xiết vì Đức Chúa Trời và Ngài đã bị Sa-tan cám dỗ vô số lần, nhưng Ngài không bao giờ ngã lòng. Đức Chúa Trời trao cho Ngài một

nhiệm vụ to lớn như vậy là vì Đức Chúa Trời tin tưởng Ngài, yêu mến Ngài và vì thế, chính Đức Chúa Trời đã nói: “Đây là Con yêu dấu của ta, đẹp lòng ta mọi đàng”. Vào lúc ấy, chỉ Jêsus mới có thể hoàn thành sự ủy thác này, và đây là một khía cạnh thực tế về sự hoàn tất công tác cứu chuộc toàn thể nhân loại của Đức Chúa Trời trong Thời đại Ân điển.

Nếu các người có thể quan tâm từng chút đến trọng trách của Đức Chúa Trời như Jêsus và quay lưng với xác thịt của các người, Đức Chúa Trời sẽ phó thác các nhiệm vụ quan trọng của Ngài cho các người, để các người đáp ứng điều kiện cần thiết nhằm hầu việc Đức Chúa Trời. Chỉ trong những hoàn cảnh này mà các người mới dám nói rằng các người đang thực hiện ý muốn của Đức Chúa Trời và hoàn tất sự ủy thác của Ngài, và chỉ khi đó các người mới dám nói rằng các người đang thật sự hầu việc Đức Chúa Trời. So với tấm gương của Jêsus, người có dám nói rằng người là thân cận của Đức Chúa Trời? Người có dám nói rằng người đang thực hiện ý muốn của Đức Chúa Trời? Người có dám nói rằng người đang thật sự hầu việc Đức Chúa Trời? Hôm nay, người không hiểu cách hầu việc Đức Chúa Trời, người có dám nói rằng người là thân cận của Đức Chúa Trời? Nếu người nói rằng người hầu việc Đức Chúa Trời, chẳng phải người đang báng bổ Đức Chúa Trời sao? Hãy nghĩ đi: Người đang hầu việc Đức Chúa Trời hay bản thân người? Người hầu việc Sa-tan, ấy vậy người lại cứng đầu nói rằng người đang hầu việc Đức Chúa Trời – về việc này, chẳng phải người đang báng bổ Đức Chúa Trời sao? Nhiều người sau lưng Ta thêm thường những lợi ích của địa vị, chúng nhồi nhét thức ăn vào người, chúng thích ngủ và quan tâm từng chút đến xác thịt, luôn sợ rằng không có lối thoát cho xác thịt. Chúng không thực hiện phận sự đúng đắn của chúng trong hội thánh, nhưng ăn bám hội thánh, còn không thì chúng quở trách anh chị em chúng bằng lời của Ta, hống hách với người khác từ địa vị quyền thế. Những kẻ này cứ nói rằng chúng đang thực hiện ý muốn của Đức Chúa Trời và luôn nói rằng chúng là thân cận của Đức Chúa Trời – việc này chẳng lỗi bịch sao? Nếu người có ý định tốt, nhưng không thể hầu việc theo ý muốn của Đức Chúa Trời, thì người thật ngu ngốc; nhưng nếu ý định của người không đúng đắn và người vẫn nói rằng người hầu việc Đức Chúa Trời, thì người là kẻ chống đối Đức Chúa Trời và người phải bị Đức Chúa Trời trừng phạt! Ta không có sự thương cảm đối với những kẻ như thế! Trong nhà của Đức Chúa Trời, chúng ăn bám, luôn thêm thường sự thoải mái xác thịt và không hề ngó ngàng đến lợi ích của Đức Chúa Trời. Chúng luôn tìm kiếm điều có lợi cho chúng và không hề để ý đến ý muốn của Đức Chúa Trời. Chúng không chấp nhận sự giám sát của Thần của Đức Chúa Trời trong mọi thứ chúng làm. Chúng luôn mưu mô và lừa dối anh chị em mình. Chúng làm người hai mặt, như con cáo trong vườn nho, luôn trộm nho và

giẫm đạp vườn. Những người như thế có thể làm thân cận của Đức Chúa Trời chăng? Người có thích hợp nhận ơn phúc của Đức Chúa Trời? Người không nhận trọng trách nào cho cuộc đời và hội thánh, thì người có thích hợp nhận sự ủy thác của Đức Chúa Trời không? Ai còn dám tin cậy một người như người? Khi người hầu việc như thế, Đức Chúa Trời có dám phó thác nhiệm vụ to tát hơn cho người chăng? Không phải làm vậy sẽ gây chậm trễ cho công tác sao?

Ta nói điều này để các người có thể biết phải đáp ứng điều kiện gì để hầu việc hòa hợp với ý muốn của Đức Chúa Trời. Nếu các người không dâng lòng mình cho Đức Chúa Trời, nếu các người không quan tâm từng chút đến ý muốn của Đức Chúa Trời như Jêsus, thì các người không thể được Đức Chúa Trời tín nhiệm, và cuối cùng sẽ bị Đức Chúa Trời phán xét. Có lẽ ngày nay, trong sự hầu việc Đức Chúa Trời của người, người luôn mang ý định lừa dối Đức Chúa Trời và luôn đối phó với Đức Chúa Trời một cách chiếu lệ. Tóm lại, bất kể mọi sự, nếu người gian lận với Đức Chúa Trời, người sẽ phải chịu phán xét không nhân nhượng. Các người nên tận dụng việc vừa được vào con đường hầu việc Đức Chúa Trời đúng đắn để lần đầu tiên dâng lòng mình cho Đức Chúa Trời với sự trung thành không chút sút mẻ. Bất kể người đứng trước Đức Chúa Trời hay trước người khác, lòng của người luôn nên hướng về Đức Chúa Trời và người nên quyết tâm yêu mến Đức Chúa Trời như Jêsus đã từng. Bằng cách này, Đức Chúa Trời sẽ làm người trở nên hoàn thiện, để người thành một tôi tớ của Đức Chúa Trời, kẻ hợp lòng Ngài. Nếu người thật lòng ước muốn được Đức Chúa Trời làm cho hoàn thiện, và để sự hầu việc của người hòa hợp với ý muốn của Ngài, thì người nên thay đổi góc nhìn trước đây của người về đức tin đối với Đức Chúa Trời, cũng như thay đổi cách cũ mà người từng hầu việc Đức Chúa Trời, để Đức Chúa Trời làm người hoàn thiện nhiều hơn. Theo cách này, Đức Chúa Trời sẽ không bỏ rơi người và giống như Phi-e-rơ, người sẽ là người tiên phong trong số những người yêu Đức Chúa Trời. Nếu người vẫn bất hối thì người sẽ đối mặt với kết cục giống như Giu-đa. Tất cả những ai tin vào Đức Chúa Trời thì nên hiểu điều này.

Về việc Đức Chúa Trời sử dụng con người

Không ai có thể sống một cách độc lập ngoại trừ những người được sự chỉ dẫn và dìu dắt bởi Đức Thánh Linh, bởi họ cần đến chức vụ và sự chắn dất của những người được Đức Chúa Trời dùng. Như vậy, trong mỗi thời đại Đức Chúa Trời đều lập nên những người khác nhau, những người hối hả bận rộn trong việc chắn dất các hội thánh vì công tác của Ngài. Điều này có nghĩa rằng, công tác của Đức Chúa

Trời phải được thực hiện bởi những người Ngài hài lòng và chấp nhận; Đức Thánh Linh phải sử dụng cái phần trong họ đáng được dùng để Đức Thánh Linh làm việc, và thông qua việc được Đức Thánh Linh làm cho hoàn thiện, họ đã được làm cho phù hợp để Đức Chúa Trời sử dụng. Vì khả năng để hiểu biết của con người rất thiếu sót, nên con người phải được dẫn dắt bởi những người được Đức Chúa Trời sử dụng; tương tự như việc Đức Chúa Trời dùng Môi-se, người mà Ngài thấy rất phù hợp để dùng vào lúc đó, và đã được Ngài dùng để làm công tác của Ngài trong suốt giai đoạn ấy. Trong giai đoạn này, Đức Chúa Trời dùng một con người và đồng thời cũng tận dụng phần có thể được sử dụng bởi Đức Thánh Linh trong người đó để làm công việc, và Đức Thánh Linh hướng dẫn người đó và đồng thời cũng khiến phần không dùng được còn lại trở nên trọn vẹn.

Công việc được thực hiện bởi người được Đức Chúa Trời sử dụng là để hợp tác với công việc của Đấng Christ hay của Đức Thánh Linh. Người này được Đức Chúa Trời dựng nên giữa con người, để dẫn dắt tất cả những người được Đức Chúa Trời chọn, và người này cũng được Đức Chúa Trời dựng nên để làm công việc hợp tác với con người. Với một người có khả năng thực hiện công việc hợp tác giữa con người như thế, những yêu cầu của Đức Chúa Trời đối với con người và công tác của Đức Thánh Linh phải làm giữa con người có thể được thành toàn nhiều hơn qua họ. Điều này nói một cách khác, chính là: Mục tiêu của Đức Chúa Trời trong việc dùng con người này là để cho tất cả những người theo Đức Chúa Trời có thể hiểu rõ hơn ý muốn của Ngài, và đạt được nhiều hơn những đòi hỏi của Đức Chúa Trời. Vì con người không có khả năng hiểu một cách trực tiếp lời Đức Chúa Trời hay ý muốn của Ngài, cho nên Đức Chúa Trời đã lập nên một người được dùng để thực hiện công việc như thế. Người được Đức Chúa Trời sử dụng này có thể được mô tả như là một phương tiện, mà qua đó Đức Chúa Trời hướng dẫn con người, với tư cách “người phiên dịch” liên lạc giữa Đức Chúa Trời và con người. Do đó, một người như thế khác với những người làm việc trong nhà Đức Chúa Trời hay những người là sứ đồ của Ngài. Giống như họ, người này có thể được gọi là người hầu việc Đức Chúa Trời, nhưng trong thực chất công việc của người đó và bối cảnh được Đức Chúa Trời dùng khác hơn rất nhiều so với những người làm công và các sứ đồ khác. Về mặt thực chất của công việc và bối cảnh được sử dụng, người được Đức Chúa Trời dùng được Ngài lập nên, được Đức Chúa Trời chuẩn bị cho công việc của Ngài và người này phối hợp trong công việc của chính Đức Chúa Trời. Không ai có thể làm thay cho công việc của người này bao giờ – đây là sự phối hợp của con người, không thể thiếu bên cạnh công việc thần thánh. Trong khi đó, công việc được những người làm công hay các sứ đồ khác thực hiện chỉ là truyền đạt và triển khai sự sắp

xếp về nhiều phương diện cho các hội thánh trong mỗi giai đoạn, hoặc chỉ là công việc chu cấp sự sống đơn giản để duy trì đời sống hội thánh. Những người làm công và các sứ đồ ấy không được Đức Chúa Trời chỉ định, huống gì là có thể được gọi là người được Đức Thánh Linh sử dụng. Họ được chọn lựa từ trong các hội thánh, và sau khi được rèn tập và được bồi dưỡng một thời gian, những người thích hợp tiếp tục, còn những người không thích hợp bị trả về nơi xuất phát. Vì những người này được chọn lựa giữa các hội thánh, nên có một số phô bày bản chất thật của họ sau khi trở thành người lãnh đạo, và một số thậm chí làm nhiều điều xấu và sau cùng bị loại bỏ. Người được Đức Chúa Trời dùng, mặt khác, chính là người được Đức Chúa Trời chuẩn bị, là người sở hữu một tố chất nhất định và có nhân tính. Họ đã được Đức Thánh Linh chuẩn bị và được làm cho hoàn thiện từ trước, và hoàn toàn được Đức Thánh Linh dẫn dắt, và đặc biệt khi nói đến công việc của họ, họ được Đức Thánh Linh hướng dẫn và điều khiển – kết quả của việc này là chẳng có sự sai lệch nào trên con đường dẫn dắt những người được Đức Chúa Trời chọn, vì Đức Chúa Trời chắc chắn chịu trách nhiệm về công việc của chính Ngài, và Đức Chúa Trời luôn làm công việc của chính Ngài.

Những điều răn của thời đại mới

Trong khi trải nghiệm công tác của Đức Chúa Trời, các người phải đọc lời Đức Chúa Trời cẩn thận và trang bị cho mình lẽ thật. Nhưng đối với điều các người muốn làm hay cách các người muốn làm điều đó, các người không cần phải cầu nguyện hay thỉnh cầu tha thiết, và quả thực những thứ này đều vô dụng. Tuy nhiên, hiện tại, những vấn đề mà các người đang phải đối mặt là các người không biết cách trải nghiệm công tác của Đức Chúa Trời, và có nhiều sự thụ động trong các người. Các người biết nhiều học thuyết, nhưng lại không có nhiều thực tế. Đây chẳng phải là dấu hiệu của sự sai lầm hay sao? Nhiều sai lầm có thể nhìn thấy trong các người, trong nhóm này. Ngày nay, các người không có khả năng hoàn thành được những thử luyện như “những kẻ phục vụ”, và không có khả năng tưởng tượng hoặc hoàn thành những thử luyện và sự tinh luyện khác liên quan đến lời Đức Chúa Trời. Các người phải tuân thủ nhiều điều mà các người nên đưa vào thực hành. Điều này có nghĩa là mọi người phải tuân thủ nhiều bổn phận mà họ nên thực hiện. Đây là những gì mọi người nên tuân theo, đây là những gì họ phải thực hiện. Hãy để Đức Thánh Linh làm những gì phải được làm bởi Đức Thánh Linh; con người không thể đóng vai trò gì trong đó. Con người nên tuân thủ những gì phải được thực hiện bởi con người, là những điều vốn không liên quan đến Đức Thánh Linh. Đó không gì khác

chính là những điều phải được thực hiện bởi con người, và nên được tuân thủ như điều răn, giống như sự tuân thủ luật pháp trong Cựu Ước. Mặc dù bây giờ không phải là Thời đại Luật pháp, nhưng vẫn còn nhiều lời cần được tuân theo, tương tự như những lời được phán trong Thời đại Luật pháp. Những lời này không được thực hiện chỉ bằng cách dựa vào sự cảm thúc của Đức Thánh Linh, mà đúng hơn, chúng là điều gì đó con người nên tuân thủ. Ví dụ: Các người chớ phán xét về công tác của Đức Chúa Trời thực tế. Các người chớ chống đối người được Đức Chúa Trời chứng thực. Trước mặt Đức Chúa Trời, các người hãy giữ vị trí của mình và chớ bê tha. Các người nên ôn hòa trong cách nói năng, và lời nói, hành động của các người phải theo sự sắp đặt của người được Đức Chúa Trời chứng thực. Các người nên tôn kính lời chứng của Đức Chúa Trời. Các người chớ phớt lờ công tác của Đức Chúa Trời và những lời từ miệng của Ngài. Các người chớ bắt chước giọng điệu và mục đích của những lời phán của Đức Chúa Trời. Ở bên ngoài, các người chớ làm bất cứ điều gì rõ ràng chống đối lại người được Đức Chúa Trời chứng thực, v.v. Đây là những gì mỗi người nên tuân thủ. Trong mỗi thời đại, Đức Chúa Trời quy định nhiều quy tắc giống với luật pháp và phải được con người tuân thủ. Thông qua điều này, Ngài chế ngự tâm tính của con người, và nhận ra được sự chân thành của họ. Chẳng hạn như những lời “Hãy hiếu kính cha mẹ người” của thời đại Cựu Ước. Những lời này không áp dụng ngày nay; vào thời điểm đó, chúng chỉ đơn thuần tìm hãm một số tâm tính bên ngoài của con người, chúng đã được sử dụng để chứng minh sự chân thành trong đức tin của con người vào Đức Chúa Trời, và là một dấu hiệu của những người tin vào Đức Chúa Trời. Mặc dù bây giờ là Thời đại Vương quốc, nhưng vẫn còn nhiều quy tắc mà con người phải tuân thủ. Các quy tắc của quá khứ không được áp dụng; và ngày nay, có rất nhiều sự thực hành phù hợp hơn để con người thực hiện, và chúng là cần thiết. Chúng không liên quan đến công việc của Đức Thánh Linh mà phải được thực hiện bởi con người.

Trong Thời đại Ân điển, nhiều thực hành của Thời đại Luật pháp đã bị loại bỏ vì những luật này không đặc biệt hiệu quả đối với công việc tại thời điểm đó. Sau khi chúng bị loại bỏ, nhiều thực hành đã được đặt ra phù hợp với thời đại, và đã trở thành nhiều quy tắc của ngày nay. Khi Đức Chúa Trời của ngày nay đến, những quy tắc này đã được miễn trừ, không còn đòi hỏi phải tuân thủ chúng nữa, và nhiều sự thực hành đã được đặt ra phù hợp với công tác của ngày nay. Ngày nay, những thực hành này không phải là những quy tắc, mà thay vào đó là để đạt được những hiệu quả; chúng thích hợp cho ngày nay – có lẽ ngày mai, chúng sẽ trở thành những quy tắc. Tóm lại, người nên tuân thủ những gì có kết quả cho công tác của ngày hôm nay. Đừng chú ý đến ngày mai: Những gì được thực hiện hôm nay là vì lợi ích của

ngày hôm nay. Có thể khi ngày mai đến, sẽ có những thực hành tốt hơn mà người sẽ được yêu cầu thực hiện – nhưng đừng quá chú ý đến điều đó. Tốt hơn, hãy tuân thủ những điều cần tuân thủ hôm nay để tránh chống đối Đức Chúa Trời. Ngày nay, không có gì quan trọng để con người tuân thủ hơn những điều sau: Người không được phỉnh nịnh Đức Chúa Trời là Đấng đứng trước mắt người, hay giấu Đức Chúa Trời bất cứ điều gì. Người chớ thốt ra lời nói bần thiêu hay kiêu ngạo trước Đức Chúa Trời đứng trước mặt người. Người chớ lừa dối Đức Chúa Trời trước mặt người bằng những lời nói đường mật và cách nói chuyện khéo léo hòng có được lòng tin của Ngài. Người chớ hành động bất kính trước Đức Chúa Trời. Người hãy tuân theo tất cả những điều được phán ra từ miệng của Đức Chúa Trời, và chớ chống lại, chống đối hoặc tranh cãi những lời của Ngài. Người chớ diễn giải, theo ý các người, những lời được phán từ miệng của Đức Chúa Trời. Người nên cẩn thận miệng lưỡi của mình để tránh nó khiến người trở thành con mồi cho những mưu đồ giả dối của kẻ ác. Người nên canh giữ bước chân của mình để tránh vi phạm các ranh giới được Đức Chúa Trời đặt ra cho người. Nếu người vi phạm, điều này sẽ khiến người đứng vào vị trí của Đức Chúa Trời và nói những lời tự phụ, khoa trương, và do đó mà người sẽ trở nên bị Đức Chúa Trời ghê tởm. Người chớ bắt cần truyền bá những lời được phán ra từ miệng của Đức Chúa Trời, kéo người khác chế nhạo người và ma quỷ biến người thành trò hề. Người hãy vâng phục tất cả các công tác của Đức Chúa Trời của ngày hôm nay. Ngay cả khi người không hiểu nó, người chớ phán xét về nó; tất cả những gì người có thể làm là tìm kiếm và thông công. Không ai được vi phạm vị trí ban đầu của Đức Chúa Trời. Người không thể làm gì hơn là phụng sự Đức Chúa Trời của ngày hôm nay từ vị trí của con người. Người không thể dạy Đức Chúa Trời của ngày hôm nay từ vị trí của con người – làm như vậy là sai lầm. Không ai có thể đứng ở vị trí của người được Đức Chúa Trời chứng thực; trong lời nói, hành động và suy nghĩ sâu xa nhất của người, người đứng ở vị trí của con người. Điều này phải được tuân thủ, đó là trách nhiệm của con người, và không ai có thể thay đổi nó; cố làm như vậy sẽ vi phạm các sắc lệnh quản trị. Tất cả mọi người nên ghi nhớ điều này.

Thời gian dài mà Đức Chúa Trời dành để phán dạy đã khiến con người xem việc đọc và ghi nhớ những lời của Đức Chúa Trời là nhiệm vụ chính của mình. Không ai chú ý đến việc thực hành, và ngay cả những gì phải tuân theo các người cũng không làm. Điều này đã mang lại nhiều khó khăn và nan đề cho sự phục vụ của các người. Nếu, trước khi thực hành những lời của Đức Chúa Trời, người đã không tuân theo những điều mà người nên tuân thủ, thì người là một trong những người bị Đức Chúa Trời khinh ghét và loại bỏ. Khi tuân thủ các thực hành này, người nên nghiêm túc và

chân thành. Người không nên xem chúng như xiềng xích, mà hãy tuân thủ chúng như những điều răn. Ngày nay, người không nên bận tâm đến những hiệu quả cần đạt được; nói tóm lại, đây là cách Đức Thánh Linh làm việc, và bất cứ ai phạm tội đều phải bị trừng phạt. Đức Thánh Linh không có cảm xúc, và không chú ý đến sự hiểu biết hiện tại của người. Nếu ngày nay người xúc phạm Đức Chúa Trời, thì Ngài sẽ trừng phạt người. Nếu người xúc phạm Ngài trong phạm vi quyền hạn của Ngài, thì Ngài sẽ không tha cho người. Ngài không quan tâm người nghiêm túc đến mức nào trong việc người tuân thủ những lời của Jêsus. Nếu người vi phạm các điều răn của ngày hôm nay của Đức Chúa Trời, thì Ngài sẽ trừng phạt người, và kết án người tội chết. Làm thế nào có thể chấp nhận được việc người không tuân thủ chúng? Các người phải tuân thủ, ngay cả khi điều đó có nghĩa là chịu đựng một chút đau đớn! Bất kể tôn giáo, khu vực, quốc gia, hoặc giáo phái gì, trong tương lai tất cả họ đều phải tuân thủ các thực hành này. Không ai được miễn trừ, và không ai được tha! Vì chúng là những gì Đức Thánh Linh sẽ làm ngày nay, và không ai có thể vi phạm chúng. Mặc dù chúng không phải là điều to lớn, nhưng chúng phải được thực hiện bởi mọi người và chúng là những điều răn được đặt ra cho con người bởi Jêsus, Đấng đã phục sinh và Đấng đã thắng thiên. “Con đường... (7)” chẳng phải đã nói rằng định nghĩa của Jêsus về việc người là công chính hay có tội là tùy theo thái độ của người đối với Đức Chúa Trời ngày nay sao? Không ai có thể xem nhẹ điểm này. Trong Thời đại Luật pháp, thế hệ nối tiếp thế hệ của những người Pha-ri-si đã tin vào Đức Chúa Trời, nhưng đến Thời đại Ân điển, họ không biết Jêsus và chống đối Jêsus. Vì vậy, tất cả những gì họ đã làm không có kết quả gì, là vô ích, và Đức Chúa Trời đã không chấp nhận những việc làm của họ. Nếu người có thể nhìn thấu điều này, thì người sẽ không dễ dàng phạm tội. Nhiều người, có lẽ, đã so sánh bản thân mình với Đức Chúa Trời. Chống đối Đức Chúa Trời thì có mùi vị thế nào? Đắng hay ngọt? Người nên hiểu điều này; đừng giả vờ không biết. Có lẽ một số người vẫn chưa thấy thuyết phục trong lòng. Tuy nhiên, Ta khuyên người nên thử và xem – xem nó có vị như thế nào. Điều này sẽ ngăn nhiều người không còn luôn nghi ngờ về nó. Nhiều người đọc những lời của Đức Chúa Trời nhưng trong lòng lại thầm chống đối Đức Chúa Trời. Sau khi chống đối Đức Chúa Trời như thế này, người không cảm thấy như có một con dao đã đâm xoáy vào trong tim mình sao? Nếu đó không phải là sự bất hòa trong gia đình, thì đó là sự khó chịu về thể xác, hoặc phiền não về con cái. Mặc dù xác thịt của người được tha chết, nhưng bàn tay của Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ rời khỏi người. Người nghĩ rằng nó có thể đơn giản như vậy sao? Đặc biệt, nhiều người gần gũi với Đức Chúa Trời càng cần phải tập trung vào điều này hơn. Khi thời gian trôi qua, người sẽ quên nó, và, không hề nhận ra rằng người

sẽ chìm ngập trong cám dỗ và trở nên lơ là với mọi thứ, và đây sẽ là khởi đầu cho việc phạm tội của người. Điều này có vẻ tầm thường với người không? Nếu người có thể làm tốt điều này, thì người sẽ có cơ hội được làm cho hoàn thiện – để đến trước Đức Chúa Trời và nhận được sự hướng dẫn từ chính miệng của Đức Chúa Trời. Nếu người bất cẩn, thì sẽ rắc rối cho người – người sẽ chống đối Đức Chúa Trời, lời nói và hành động của người sẽ trác táng, và sớm hay muộn người sẽ bị cuốn theo những cơn gió lớn và các con sóng dữ. Mỗi người trong các người nên lưu ý những điều răn này. Nếu người vi phạm chúng, thì mặc dù người được Đức Chúa Trời chứng thực có thể không kết án người, nhưng Thần của Đức Chúa Trời sẽ chưa xong việc với người, và Ngài sẽ không tha cho người. Người có thể chịu hậu quả do sự xúc phạm của mình không? Do đó, bất kể Đức Chúa Trời phán điều gì, người phải đưa lời của Ngài vào thực hành và phải tuân thủ chúng bằng mọi cách có thể. Đây không phải là vấn đề đơn giản!

Vương quốc Một Nghìn năm đã đến

Các người đã thấy, Đức Chúa Trời sẽ hoàn thành công tác gì trong nhóm người này chưa? Đức Chúa Trời đã từng phán rằng, dù ở Vương quốc Một Nghìn năm, con người vẫn phải theo lời phán của Ngài mà tiến về phía trước, và trong tương lai, lời phán của Đức Chúa Trời sẽ vẫn còn trực tiếp hướng dẫn cuộc sống của con người tại xứ Ca-na-an xinh đẹp. Khi Môi-se ở đồng vắng, Đức Chúa Trời đã hướng dẫn và phán dạy trực tiếp với ông. Từ thiên đàng, Đức Chúa Trời đã ban thức ăn, nước uống, và ma-na cho con người thưởng thức, và ngày nay vẫn thế: Đức Chúa Trời đã đích thân ban xuống đồ ăn và thức uống cho con người thưởng thức, và đã đích thân giáng những sự rửa sạch để hành phạt con người. Như vậy, mỗi bước trong công tác của Ngài đều được đích thân Đức Chúa Trời thực hiện. Ngày nay, con người tìm kiếm sự xảy đến của các sự kiện, họ tìm kiếm các dấu kỳ và phép lạ, và khả năng là tất cả những kẻ như thế sẽ bị vứt bỏ, vì công tác của Đức Chúa Trời đang ngày càng trở nên thực tế. Không ai biết Đức Chúa Trời đã giáng xuống từ trời, họ cũng không nhận ra Đức Chúa Trời đã ban xuống thức ăn và thuốc bổ từ trời – thế nhưng, Đức Chúa Trời thật sự hiện hữu, và những cảnh tượng sôi động của Vương quốc Một Nghìn năm mà con người tưởng tượng cũng chính là những lời phán của đích thân Đức Chúa Trời. Đây là sự thật, và chỉ đây mới được gọi là trị vì cùng Đức Chúa Trời trên đất. Trị vì cùng Đức Chúa Trời trên đất ám chỉ xác thịt. Những gì không thuộc về xác thịt thì không tồn tại trên đất, và do đó, tất cả những ai tập trung vào việc đi đến tầng trời thứ ba đều hoài công vô ích. Một ngày nào đó, khi

cả vũ trụ này quay về với Đức Chúa Trời, tâm điểm công tác của Ngài khắp vũ trụ sẽ đi theo lời phán của Ngài; ở những nơi khác, một số người sẽ sử dụng điện thoại, một số người sẽ đi máy bay, một số người sẽ đi tàu biển, và một số người sẽ dùng tia laze để nhận lấy lời phán của Đức Chúa Trời. Mọi người sẽ tôn thờ và khao khát, tất cả họ sẽ đều đến gần Đức Chúa Trời, và tập hợp lại về phía Đức Chúa Trời, và tất cả sẽ đều thờ phượng Đức Chúa Trời – và đây hết thảy sẽ là những việc làm của Đức Chúa Trời. Hãy nhớ lấy điều này! Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ không bao giờ bắt đầu lại ở một nơi nào khác. Đức Chúa Trời sẽ hoàn thành việc này: Ngài sẽ làm cho tất cả mọi người khắp vũ trụ đến trước Ngài và thờ phượng Đức Chúa Trời trên đất, công tác của Ngài ở những nơi khác sẽ dừng lại, và con người sẽ buộc phải tìm kiếm con đường thật. Điều đó sẽ giống như Giô-sép vậy: Mọi người đến với ông để xin thức ăn, sắp mình xuống trước ông, vì ông có thức ăn. Để tránh khỏi nạn đói, con người sẽ buộc phải tìm con đường thật. Toàn bộ cộng đồng tôn giáo sẽ phải chịu nạn đói nghiêm trọng, và chỉ có Đức Chúa Trời của ngày nay mới là nguồn nước sống, sở hữu nguồn nước vô tận cung cấp cho con người tận hưởng, và con người sẽ đến và nương tựa vào Ngài. Đó sẽ là lúc các việc làm của Đức Chúa Trời được tiết lộ và là khi Đức Chúa Trời đạt được vinh hiển; tất cả mọi người trong khắp vũ trụ sẽ thờ phụng “con người” tầm thường này. Chẳng phải đây sẽ là ngày vinh quang của Đức Chúa Trời hay sao? Một ngày nào đó, những mục sư cao tuổi sẽ gửi điện tín tìm kiếm nước từ nguồn nước sống. Họ dẫu già, nhưng họ vẫn sẽ đến để thờ phụng người này, người họ đã từng khinh miệt. Họ sẽ chính miệng công nhận Ngài và sẽ tin tưởng Ngài bằng tấm lòng họ – chẳng phải đây là một dấu kỳ và một phép lạ hay sao? Lúc toàn bộ vương quốc cùng hân hoan sẽ là ngày hiển vinh của Đức Chúa Trời, và bất kỳ ai đến với các người, và bất kỳ ai nhận tin lành của Đức Chúa Trời đều sẽ được Đức Chúa Trời ban phước, và những quốc gia, dân tộc làm như vậy sẽ được Đức Chúa Trời ban phước và chăm sóc. Phương hướng cho tương lai sẽ là: Những ai có được lời phán từ miệng Đức Chúa Trời sẽ có con đường để bước đi trên đất, và dù là doanh nhân hay nhà khoa học, nhà giáo dục hay nhà tư bản công nghiệp, những ai không có lời của Đức Chúa Trời sẽ khó mà đi dù chỉ một bước, và sẽ buộc phải tìm kiếm con đường thật. Đây là ý nghĩa của câu: “Với lẽ thật người sẽ bước đi trên khắp đất; không có lẽ thật, người sẽ không tới đâu cả”. Sự thật là: Đức Chúa Trời sẽ sử dụng Con Đường (nghĩa là tất cả những lời của Ngài) để chỉ huy toàn thể vũ trụ, thống trị và chinh phục nhân loại. Con người lúc nào cũng hy vọng một sự thay đổi lớn trong phương thức Đức Chúa Trời làm việc. Nói thẳng ra, chính thông qua lời mà Đức Chúa Trời kiểm soát con người, và người phải làm theo những gì Ngài phán dù người có muốn hay không; đây là một sự thật khách

quan, và tất cả phải vâng theo, và vì vậy, nó cũng không thể bị lay chuyển và phải được tất cả mọi người biết đến.

Đức Thánh Linh ban cho con người cảm giác. Sau khi đọc những lời của Đức Chúa Trời, trong lòng, mọi người cảm thấy vững vàng và bình an, trong khi những ai không có được những lời của Đức Chúa Trời thì cảm thấy trống rỗng. Đó là quyền năng của lời Đức Chúa Trời. Con người phải đọc chúng, và sau khi đọc xong, họ được nuôi dưỡng, và họ không thể nào chịu được nếu không có những lời đó. Điều đó giống như khi con người dùng thuốc phiện vậy: Nó cho họ sức mạnh, và không có nó, họ cảm thấy sức hút mãnh liệt của nó, và không có sức mạnh. Đó là xu hướng giữa vòng con người ngày nay. Việc đọc lời của Đức Chúa Trời ban cho họ sức mạnh. Nếu họ không đọc những lời đó, họ sẽ cảm thấy uể oải, nhưng sau khi đọc, họ ngay lập tức ra khỏi “giường bệnh” của mình. Đây là sự thể hiện quyền năng của lời Đức Chúa Trời và sự cai trị của Đức Chúa Trời trên đất. Có một số người muốn rời đi, hay đã trở nên mệt mỏi với các công tác của Đức Chúa Trời. Dù thế nào đi nữa, họ cũng không thể tách khỏi lời của Đức Chúa Trời; dù cho họ có yếu đuối như thế nào đi nữa, họ vẫn phải sống theo lời của Đức Chúa Trời, và dù cho họ có dấy loạn ra sao, họ cũng không dám rời xa lời của Đức Chúa Trời. Khi lời của Đức Chúa Trời thật sự cho thấy sức mạnh của chúng là khi Đức Chúa Trời cai trị và sử dụng quyền năng; đây là cách Đức Chúa Trời làm việc. Suy cho cùng, đây là phương cách Đức Chúa Trời làm việc, và không ai rời bỏ nó được. Lời của Đức Chúa Trời sẽ lan truyền giữa vô số gia đình, họ sẽ biết đến tất cả những lời này, và chỉ khi đó, công tác của Ngài mới lan rộng khắp toàn vũ trụ. Nghĩa là, nếu công tác của Đức Chúa Trời lan rộng khắp toàn vũ trụ, thì lời của Đức Chúa Trời phải được lan truyền. Vào ngày vinh hiển của Đức Chúa Trời, những lời của Đức Chúa Trời sẽ cho thấy quyền năng và thẩm quyền của chúng. Từng lời một của Ngài từ thuở xa xưa cho đến ngày nay sẽ được hoàn thành và sẽ xảy ra. Bằng cách này, vinh hiển sẽ đến với Đức Chúa Trời trên đất – nghĩa là, lời Ngài sẽ ngự trị trên đất. Tất cả những kẻ gian ác sẽ bị hành phạt bởi lời được phán ra từ miệng Đức Chúa Trời, tất cả những ai công chính sẽ được ban phước bằng lời được phán ra từ miệng Ngài, và tất cả sẽ được thiết lập và làm cho trọn vẹn bởi lời được phán ra từ miệng Ngài. Ngài sẽ không thể hiện bất kỳ dấu kỳ hay phép lạ nào; tất cả sẽ được hoàn thành bằng lời của Ngài, và lời của Ngài sẽ tạo ra sự thật. Mọi người trên đất sẽ ca tụng lời của Đức Chúa Trời, dù người lớn hay trẻ nhỏ, nam hay nữ, già hay trẻ, tất cả mọi người đều sẽ quy phục dưới lời của Đức Chúa Trời. Lời của Đức Chúa Trời xuất hiện trong xác thịt, cho phép con người nhìn thấy những lời này trên đất, sống động và như thật. Đây là ý nghĩa cho việc Lời trở nên xác thịt. Đức Chúa Trời đã đến trái đất chủ yếu là để hoàn

thành việc “Lời trở nên xác thịt”, nghĩa là, Ngài đã đến để lời của Ngài có thể được cất lên từ xác thịt (không giống với thời của Môi-se trong Cựu Ước, khi tiếng Đức Chúa Trời đã phán ra trực tiếp từ trời). Sau đó, hết thảy lời Ngài sẽ được ứng nghiệm trong Thời đại Vương quốc Một Nghìn năm, chúng sẽ trở thành các sự kiện hữu hình trước mắt con người, và mọi người sẽ tận mắt nhìn thấy chúng không chút sai khác. Đây là ý nghĩa tối thượng của sự nhập thể của Đức Chúa Trời. Nghĩa là, công tác của Thần được hoàn thành thông qua xác thịt, và thông qua lời. Đây là ý nghĩa thật sự của “Lời trở nên xác thịt” và “sự xuất hiện của Lời trong xác thịt”. Chỉ Đức Chúa Trời mới có thể phán ra ý muốn của Thần, và chỉ Đức Chúa Trời trong xác thịt mới có thể phán thay cho Thần được; lời của Đức Chúa Trời được làm rõ qua Đức Chúa Trời nhập thể, và mọi người khác đều được chỉ dẫn bởi những lời này. Không ai được miễn trừ, tất cả đều tồn tại trong phạm vi này. Chỉ từ những lời phán này mà con người mới có thể trở nên có nhận thức; những ai không có được theo cách này đều đang nằm mơ giữa ban ngày nếu họ nghĩ mình có thể có được những lời phán này từ trời. Đó là thẩm quyền được thể hiện trong xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời, làm cho tất cả đều hoàn toàn vững tin vào nó. Ngay cả những chuyên gia khả kính và những mục sư sùng đạo nhất cũng không thể nói được những lời này. Tất cả họ đều phải quy phục dưới những lời này, và không ai có thể tạo ra một khởi đầu nào khác. Đức Chúa Trời sẽ sử dụng lời để chinh phục vũ trụ. Ngài sẽ không làm điều này bằng xác thịt nhập thể của Ngài, mà bằng cách sử dụng lời phán từ môi miệng của Đức Chúa Trời trở nên xác thịt để chinh phục tất cả con người trong toàn vũ trụ; chỉ đây mới là Lời trở nên xác thịt, và chỉ đây mới là sự xuất hiện của Lời trong xác thịt. Có lẽ, đối với con người, có vẻ như Đức Chúa Trời chưa làm được nhiều công tác – nhưng Đức Chúa Trời chỉ cần phán lời Ngài, và họ sẽ hoàn toàn được thuyết phục và kính sợ. Không có sự thật, con người kêu la và hò hét; với lời của Đức Chúa Trời, họ trở nên im lặng. Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ hoàn thành điều này vì đây là kế hoạch từ lâu của Đức Chúa Trời: hoàn thành việc Lời đến trên đất. Thật ra, Ta không cần phải giải thích – sự đến của Vương quốc Một Nghìn năm trên đất chính là sự đến của lời của Đức Chúa Trời trên đất. Sự hiện xuống của Giê-ru-sa-lem mới từ trời chính là sự đến của lời Đức Chúa Trời để sống giữa con người, để đồng hành cùng mọi hành động, và tất cả những suy nghĩ sâu kín nhất của con người. Đây cũng là điều mà Đức Chúa Trời sẽ hoàn thành, và đây là vẻ đẹp của Vương quốc Một Nghìn năm. Đây là kế hoạch mà Đức Chúa Trời đã đặt ra: Lời của Ngài sẽ xuất hiện trên đất trong một nghìn năm, và chúng sẽ thể hiện tất cả mọi việc làm của Ngài, và hoàn thành tất cả các công tác của Ngài trên đất, sau đó, giai đoạn này của nhân loại sẽ đi đến hồi kết.

Người phải biết rằng Đức Chúa Trời thực tế chính là Đức Chúa Trời

Người nên biết gì về Đức Chúa Trời thực tế? Thần, Thân vị, và Lời là các yếu tố làm nên chính Đức Chúa Trời thực tế, và đây chính là ý nghĩa thực sự của chính Đức Chúa Trời thực tế. Nếu người chỉ biết đến Thân vị – tức người chỉ biết đến những thói quen và tính cách của Đức Chúa Trời – nhưng không biết về công việc của Thần, hoặc những điều Thần làm trong xác thịt, và nếu người chỉ chú ý đến Thần và Lời, và chỉ cầu nguyện trước Thần mà không hề biết gì đến công việc của Thần của Đức Chúa Trời trong Đức Chúa Trời thực tế, thì điều đó vẫn chứng tỏ rằng người chẳng biết đến Đức Chúa Trời thực tế. Kiến thức về Đức Chúa Trời thực tế bao gồm việc biết đến và trải nghiệm lời Ngài, và nắm bắt được các luật lệ và nguyên tắc trong công việc của Đức Thánh Linh, và cách mà Thần của Đức Chúa Trời làm việc trong xác thịt. Nó cũng bao gồm việc biết được rằng mỗi một hành động của Đức Chúa Trời trong xác thịt đều được Thần chi phối, và rằng những lời Ngài phán ra đều là sự bày tỏ trực tiếp của Thần. Như thế, để biết về Đức Chúa Trời thực tế, điều tối quan trọng là phải biết Đức Chúa Trời hoạt động trong nhân tính và thần tính như thế nào; điều này lần lượt liên quan đến những sự bày tỏ của Thần, mà hết thảy mọi người đều tiếp xúc.

Những khía cạnh bày tỏ của Thần là gì? Đôi lúc Đức Chúa Trời làm việc trong nhân tính, và đôi lúc trong thần tính – nhưng trong cả hai trường hợp, Thần đều điều khiển. Tinh thần bên trong con người ra sao, thì biểu hiện bên ngoài của họ cũng như vậy. Thần hoạt động một cách bình thường, nhưng có hai phần Ngài được hướng dẫn bởi Thần: Một phần là công tác Đức Chúa Trời trong nhân tính, và phần kia là công tác Đức Chúa Trời trong thần tính. Người nên biết rõ điều này. Công việc của Thần biến đổi tùy theo hoàn cảnh: Khi cần công tác con người của Ngài, thì Thần sẽ chỉ dẫn công tác con người này, và khi cần công tác thần thánh của Ngài, thì thần tính xuất hiện trực tiếp để triển khai công việc. Bởi vì Đức Chúa Trời hoạt động trong xác thịt và xuất hiện trong xác thịt, nên Ngài làm việc cả trong nhân tính và thần tính. Công tác của Ngài trong nhân tính được Thần chỉ dẫn và được thực hiện nhằm thỏa mãn các nhu cầu xác thịt của con người, tạo điều kiện cho họ tiếp xúc với Đức Chúa Trời, cho họ thấy được tính hiện thực và sự bình thường của Đức Chúa Trời, và cho họ thấy rằng Thần của Đức Chúa Trời đã đến trong xác thịt và ở giữa con người, sống cùng con người, và tương tác với con người. Công tác của Đức Chúa Trời trong thần tính được thực hiện nhằm chu cấp cho sự sống của con người và hướng dẫn con người trong mọi việc từ góc độ tích cực, làm thay đổi tâm tính con người và

cho họ thực sự thấy được sự xuất hiện của Thần trong xác thịt. Hầu hết sự phát triển trong đời sống con người đạt được trực tiếp thông qua công tác và lời Đức Chúa Trời trong thần tính. Chỉ khi con người chấp nhận công tác trong thần tính của Đức Chúa Trời thì họ mới có thể đạt được những thay đổi trong tâm tính của mình, và chỉ khi đó họ mới được thỏa mãn trong tinh thần mình; chỉ khi thêm vào việc này công tác trong nhân tính – tức sự chần dốt, hỗ trợ, và chu cấp của Đức Chúa Trời trong nhân tính – thì kết quả công tác của Đức Chúa Trời mới có thể đạt được đầy đủ. Chính Đức Chúa Trời thực tế được nói đến ngày hôm nay hoạt động trong cả nhân tính và thần tính. Thông qua sự xuất hiện của Đức Chúa Trời thực tế, công tác và cuộc sống con người bình thường cũng như công tác hoàn toàn thần thánh của Đức Chúa Trời mới đạt được. Nhân tính và thần tính của Đức Chúa Trời được hợp nhất, và công tác của cả hai đều được thực hiện thông qua lời; dù là trong nhân tính hay thần tính thì Đức Chúa Trời cũng phán ra lời. Khi Đức Chúa Trời hoạt động trong nhân tính, Ngài phán dạy theo ngôn ngữ của nhân tính, hầu cho con người có thể tiếp xúc và hiểu được. Lời Đức Chúa Trời được phán rõ ràng và dễ hiểu, theo cách mà chúng có thể đến được với tất cả mọi người; bất kể những người có tri thức hay ít học, họ đều có thể nhận lãnh lời Đức Chúa Trời. Công tác của Đức Chúa Trời trong thần tính cũng được thực hiện thông qua lời, nhưng nó tràn đầy sự chu cấp, tràn đầy sự sống, và không bị vấy bẩn bởi quan niệm của con người, nó không dính líu gì đến những sở thích của con người, và không có những hạn chế của con người, nó nằm ngoài mọi giới hạn của bất kỳ nhân tính bình thường nào; nó được thực hiện trong xác thịt, nhưng lại là sự bày tỏ trực tiếp của Thần. Nếu con người chỉ chấp nhận công tác của Đức Chúa Trời trong nhân tính, thì họ sẽ gò bó mình vào một phạm vi nhất định, và rồi sẽ cần đến sự xử lý, tĩa sửa và sửa dạy quanh năm nhằm có được thậm chí một chút ít thay đổi trong họ. Tuy vậy, nếu không có công tác hay sự hiện diện của Đức Thánh Linh thì họ sẽ cứ luôn dùng đến những phương cách cũ; chỉ có cách thông qua công tác của thần tính mà những thói tật và khiếm khuyết này mới có thể được chỉnh đốn, và chỉ đến lúc đó thì con người mới có thể được làm cho trọn vẹn. Thay vì liên tục xử lý và tĩa sửa, điều cần thiết là sự chu cấp tích cực, dùng lời để bù đắp cho mọi thiếu sót, dùng lời để vạch trần mọi trạng thái của con người, dùng lời để chỉ dẫn đời sống cũng như mọi lời nói và hành động của họ, để phơi bày mọi ý định và động cơ của họ. Đây là công tác thực sự của Đức Chúa Trời thực tế. Như thế, trong thái độ của người với Đức Chúa Trời thực tế, người phải vâng phục nhân tính của Đức Chúa Trời, đồng thời nhận ra và công nhận Đức Chúa Trời, và hơn thế nữa, người nên chấp nhận và vâng phục công tác và những lời thánh thần của Đức Chúa Trời. Sự xuất hiện của Đức Chúa Trời trong xác thịt có nghĩa

rằng mọi công tác và lời của Thần Đức Chúa Trời đều được thực hiện thông qua nhân tính bình thường của Ngài và thông qua xác thịt nhập thể của Ngài. Nói cách khác, Thần của Đức Chúa Trời vừa chỉ dẫn công tác con người của Ngài, vừa thực hiện công tác của thần tính trong xác thịt, và ở Đức Chúa Trời nhập thể, người có thể thấy được cả công tác của Đức Chúa Trời trong nhân tính và công tác hoàn toàn mang thần tính của Đức Chúa Trời. Đây là ý nghĩa thực sự của sự xuất hiện của Đức Chúa Trời thực tế trong xác thịt. Nếu người có thể thấy rõ điều này, thì người sẽ có khả năng kết nối mọi phần khác nhau của Đức Chúa Trời; người sẽ thôi không quá đặt nặng vào công tác trong thần tính của Ngài, và người sẽ thôi không quá xem nhẹ công tác trong nhân tính của Đức Chúa Trời, và người sẽ không bị cực đoan hay đi chệch hướng. Nhìn chung, ý nghĩa của Đức Chúa Trời thực tế là công tác nhân tính và thần tính của Đức Chúa Trời, theo như Thần chỉ dẫn, được bày tỏ thông qua xác thịt của Ngài, hầu cho con người có thể thấy được rằng Đức Chúa Trời đầy sức sống và sống động, có thật và thực tế.

Công tác của Thần của Đức Chúa Trời trong nhân tính có những giai đoạn chuyển tiếp. Bằng cách hoàn thiện nhân tính, Đức Chúa Trời tạo điều kiện cho nhân tính Ngài nhận lãnh được sự chỉ dẫn của Thần, sau đó thì nhân tính Ngài mới có thể chu cấp và chặn dắt các hội thánh. Đây là một sự bày tỏ về công tác bình thường của Đức Chúa Trời. Như vậy, nếu người có thể thấy rõ những nguyên tắc của công tác trong nhân tính của Đức Chúa Trời, thì người sẽ khó có thể nuôi những quan niệm về công tác của Đức Chúa Trời trong nhân tính. Bất kể điều gì khác, Thần của Đức Chúa Trời không thể nào sai. Ngài luôn đúng, và không mắc một lỗi nào; Ngài không làm bất cứ điều gì không chuẩn xác. Công việc thần thánh là sự bày tỏ trực tiếp ý muốn của Đức Chúa Trời mà không có sự can dự của nhân tính. Việc này không trải qua quá trình hoàn thiện mà đến trực tiếp từ Thần. Tuy nhiên, việc Ngài có thể hoạt động trong thần tính là nhờ nhân tính bình thường của Ngài; nó không có một chút gì siêu nhiên, và nó có vẻ như được thực hiện bởi một con người bình thường; Đức Chúa Trời từ thiên đàng đến với trần thế chủ yếu để bày tỏ lời của Đức Chúa Trời thông qua xác thịt, để hoàn tất công tác của Thần của Đức Chúa Trời bằng phương tiện xác thịt.

Ngày nay, kiến thức của con người về Đức Chúa Trời thực tế vẫn còn quá phiến diện, và hiểu biết của họ về tầm quan trọng của sự nhập thể vẫn còn quá ít ỏi. Nhờ xác thịt của Đức Chúa Trời, con người thấy được qua công tác và lời Ngài rằng Thần của Đức Chúa Trời bao hàm quá nhiều, rằng Đức Chúa Trời quá dư dật. Tuy nhiên, dù sao đi nữa, lời chứng về Đức Chúa Trời cuối cùng vẫn đến từ Thần của Đức Chúa Trời: những gì Đức Chúa Trời làm trong xác thịt, những nguyên tắc nào Đức Chúa

Trời sử dụng, những gì Đức Chúa Trời làm trong nhân tính, và những gì Đức Chúa Trời làm trong thần tính. Con người phải có kiến thức về những điều này. Ngày nay, người có thể thờ phượng thân vị này, trong khi về thực chất, người đang thờ phượng Thần, và đó là điều tối thiểu con người phải đạt được trong tri thức của họ về Đức Chúa Trời nhập thể: biết về bản chất của Thần thông qua xác thịt, biết về công việc thần thánh của Thần trong xác thịt và công việc của con người trong xác thịt, chấp nhận mọi lời và lời phán của Thần trong xác thịt, và thấy được cách mà Thần của Đức Chúa Trời chỉ dẫn xác thịt và biểu thị quyền năng của Ngài trong xác thịt. Điều này có nghĩa là con người biết đến Thần trên trời thông qua xác thịt; sự xuất hiện của chính Đức Chúa Trời thực tế giữa nhân loại đã xua tan Đức Chúa Trời mơ hồ trong quan niệm của con người. Sự thờ phượng của con người đối với chính Đức Chúa Trời thực tế đã làm gia tăng sự vâng phục của họ đối với Đức Chúa Trời, và thông qua công việc thần thánh của Thần của Đức Chúa Trời trong xác thịt, cũng như công việc con người của Ngài trong xác thịt, mà con người nhận lãnh được sự mặc khải và được chấn dất, và đạt được những đổi thay trong tâm tính sống của con người. Đây là ý nghĩa thực sự của việc Thần đến trong xác thịt, mà mục đích chủ yếu là để con người có thể được tiếp xúc với Đức Chúa Trời, nương tựa vào Đức Chúa Trời, và đạt đến sự hiểu biết về Đức Chúa Trời.

Nhìn chung, con người nên có thái độ nào đối với Đức Chúa Trời thực tế? Người biết gì về sự nhập thể, về sự xuất hiện của Lời trong xác thịt, về sự xuất hiện của Đức Chúa Trời trong xác thịt, về những việc làm của Đức Chúa Trời thực tế? Các chủ đề chính của cuộc thảo luận hôm nay là gì? Sự nhập thể, sự xuất hiện của Lời trong xác thịt, và sự xuất hiện của Đức Chúa Trời trong xác thịt đều là những vấn đề cần được thông suốt. Các người phải dần hiểu ra những vấn đề này và có được hiểu biết rõ ràng về chúng trong kinh nghiệm sống của các người, dựa trên vóc giặc của các người và dựa trên thời đại. Quá trình để con người cảm nghiệm lời Đức Chúa Trời cũng giống như quá trình mà họ biết đến sự xuất hiện của lời Đức Chúa Trời trong xác thịt. Con người càng cảm nghiệm lời Đức Chúa Trời, họ càng biết đến Thần của Đức Chúa Trời; thông qua việc cảm nghiệm lời Đức Chúa Trời, con người nắm bắt được các nguyên tắc công việc của Thần và biết đến chính Đức Chúa Trời thực tế. Thực ra, khi Đức Chúa Trời làm con người trở nên hoàn thiện và thu phục họ, Đức Chúa Trời để cho họ biết đến những việc làm của Đức Chúa Trời thực tế; Ngài dùng công tác của Đức Chúa Trời thực tế để cho con người thấy tầm quan trọng thực sự của sự nhập thể, để cho họ thấy rằng Thần của Đức Chúa Trời thực sự đã xuất hiện trước con người. Khi con người được Đức Chúa Trời thu phục và làm cho hoàn thiện, những sự bày tỏ của Đức Chúa Trời thực tế đã chinh phục được

họ; lời của Đức Chúa Trời thực tế đã thay đổi được họ, và đưa sự sống của chính Đức Chúa Trời vào bên trong họ, lấp đầy họ với Ngài là gì (bất kể Ngài là gì trong nhân tính của Ngài, hay Ngài là gì trong thần tính của Ngài), lấp đầy họ với thực chất của lời Đức Chúa Trời, và khiến con người sống thể hiện ra lời Đức Chúa Trời. Khi Đức Chúa Trời thu phục con người, Đức Chúa Trời chủ yếu dùng lời và lời phán của Đức Chúa Trời thực tế như một cách để xử lý những khiếm khuyết của con người và để phán xét và phơi bày tâm tính đầy loạn của họ, khiến họ đạt được những gì họ cần và cho họ thấy rằng Đức Chúa Trời đã đến giữa con người. Quan trọng hơn hết thảy, công tác do Đức Chúa Trời thực tế thực hiện là cứu rỗi mọi người khỏi sự ảnh hưởng của Sa-tan, đưa họ ra khỏi vùng đất bản thủ, và xua tan tâm tính bại hoại của họ. Tầm quan trọng sâu sắc nhất trong việc được Đức Chúa Trời thực tế thu phục là có thể sống trọn nhân tính bình thường với tấm gương và hình mẫu là Đức Chúa Trời thực tế, có thể thực hành theo những lời và yêu cầu của Đức Chúa Trời thực tế không chút chệnh mảng hay lạc lối, thực hành theo bất cứ cách nào Ngài dạy, và có thể đạt được bất cứ điều gì Ngài yêu cầu. Bằng cách này, người sẽ được Đức Chúa Trời thu phục. Khi người được Đức Chúa Trời thu phục, người không chỉ sở hữu công tác của Đức Thánh Linh; chủ yếu là người có thể sống thể hiện ra những yêu cầu của Đức Chúa Trời thực tế. Chỉ đơn thuần có được công tác của Đức Thánh Linh không có nghĩa rằng người có được sự sống. Mấu chốt là người có thể hành động theo yêu cầu của Đức Chúa Trời thực tế đối với người hay không, nó liên quan đến việc người có thể được thu phục bởi Đức Chúa Trời hay không. Những điều này mới là ý nghĩa to lớn nhất của công tác của Đức Chúa Trời thực tế trong xác thịt. Điều này có nghĩa là Đức Chúa Trời thu phục một nhóm người bằng cách thực sự xuất hiện trong xác thịt và trở nên sống động và rất thật, được con người diện kiến, thực sự làm những công tác của Thần trong xác thịt, và bằng cách làm gương mẫu cho con người trong xác thịt. Sự hiện đến của Đức Chúa Trời trong xác thịt chủ yếu là để giúp con người thấy được những việc làm thực tế của Đức Chúa Trời, để cho Thần vô hình một hình dạng xác thịt, và để cho phép con người có thể nhìn thấy và chạm vào Ngài. Theo cách này, những ai được Đức Chúa Trời làm cho trọn vẹn sẽ sống thể hiện ra Đức Chúa Trời, sẽ được Đức Chúa Trời thu phục, và sẽ hợp lòng Đức Chúa Trời. Nếu Đức Chúa Trời chỉ phán từ trên trời và đã không thực sự đến trên đất, thì con người vẫn sẽ không có khả năng biết đến Đức Chúa Trời; họ chỉ có thể truyền giảng về những việc làm của Đức Chúa Trời qua lý thuyết sáo rỗng và sẽ không có được lời Đức Chúa Trời như hiện thực. Đức Chúa Trời đã đến trên đất chủ yếu để làm gương mẫu và hình mẫu cho những ai Đức Chúa Trời sẽ thu phục; chỉ như vậy, con người mới có thể thực sự biết đến Đức

Chúa Trời, chạm vào Đức Chúa Trời, nhìn thấy được Đức Chúa Trời, và chỉ khi đó họ mới thực sự được Đức Chúa Trời thu phục.

Biết về công tác ngày nay của Đức Chúa Trời

Biết về công tác của Đức Chúa Trời trong hiện tại, chủ yếu là biết về chức vụ chính của Đức Chúa Trời nhập thể là gì trong thời kỳ sau rốt, và Đức Chúa Trời đã đến để làm gì trên trái đất. Ta đã đề cập đến trong lời của Ta trước đây rằng Đức Chúa Trời đã đến trái đất (trong thời kỳ sau rốt) để lập một gương mẫu trước khi rời khỏi. Đức Chúa Trời lập gương mẫu này như thế nào? Đức Chúa Trời làm vậy bằng cách cất tiếng phán, và bằng cách làm việc và phán trên khắp vùng đất. Đây là công tác của Đức Chúa Trời trong thời kỳ sau rốt; Ngài chỉ phán dạy, để cho trái đất thành một thế giới của lời, hầu cho mọi người được ban cho và khai sáng bởi lời Ngài, và hầu cho linh hồn con người được đánh thức và họ có được sự rõ ràng về các khái tượng. Trong thời kỳ sau rốt, Đức Chúa Trời nhập thể đã đến trên đất chủ yếu là để cất tiếng phán. Khi Jêsus đến, Ngài đã truyền bá Phúc Âm của vương quốc thiên đàng, và Ngài đã hoàn thành công tác cứu chuộc qua việc chịu đóng đinh trên thập tự giá. Ngài đã kết thúc Thời đại Luật pháp và bãi bỏ tất cả những gì cũ kỹ. Sự đến của Jêsus đã kết thúc Thời đại Luật pháp và mở ra Thời đại Ân điển. Sự đến của Đức Chúa Trời nhập thể của thời kỳ sau rốt đã kết thúc Thời đại Ân điển. Ngài đến chủ yếu là để phán lời Ngài, dùng lời để làm cho con người hoàn thiện, để soi sáng và khai sáng con người, và để xóa bỏ vị trí của Đức Chúa Trời mơ hồ trong lòng con người. Đây không phải là giai đoạn công tác mà Jêsus đã thực hiện khi Ngài đến. Khi Jêsus đến, Ngài đã làm nhiều phép lạ, Ngài chữa lành người bệnh và trừ quỷ, và Ngài thực hiện công tác cứu chuộc qua việc chịu đóng đinh trên thập tự giá. Kết quả là, trong những quan niệm của mọi người, họ tin rằng Đức Chúa Trời phải như thế này. Bởi khi Jêsus đến, Ngài đã không làm công việc xóa bỏ hình tượng của Đức Chúa Trời mơ hồ khỏi lòng con người; khi Ngài đến, Ngài đã bị đóng đinh trên thập tự, Ngài chữa lành người bệnh và trừ quỷ, và Ngài truyền bá Phúc Âm của vương quốc thiên đàng. Một mặt, sự nhập thể của Đức Chúa Trời trong thời kỳ sau rốt xóa bỏ vị trí của Đức Chúa Trời mơ hồ trong các quan niệm của con người, để không còn hình tượng của Đức Chúa Trời mơ hồ trong lòng con người. Thông qua những lời và công tác thực tế của Ngài, sự di chuyển của Ngài trên khắp mọi miền đất, và công tác vô cùng thực tế và bình thường mà Ngài thực hiện giữa con người, Ngài khiến con người biết tính hiện thực của Đức Chúa Trời, và xóa bỏ vị trí của Đức Chúa Trời mơ hồ trong lòng con người. Mặt khác, Đức Chúa Trời sử dụng những lời

được phán ra bởi xác thịt của Ngài để làm cho con người trọn vẹn, và để hoàn thành mọi thứ. Đây là công tác mà Đức Chúa Trời sẽ hoàn thành trong thời kỳ sau rốt.

Những điều các người phải biết là:

1. Công tác của Đức Chúa Trời không phải siêu nhiên, và người không nên nuôi những quan niệm về nó.

2. Các người phải hiểu công tác chính mà Đức Chúa Trời nhập thể đã đến để thực hiện lần này.

Ngài đã không đến để chữa lành kẻ đau, hoặc trừ quỷ, hoặc thực hiện phép lạ, và Ngài không đến để truyền bá Phúc Âm của sự ăn năn, hoặc để ban cho con người sự cứu chuộc. Đó là vì Jêsus đã làm công tác này, và Đức Chúa Trời không lặp lại cùng một công tác. Ngày nay, Đức Chúa Trời đã đến để kết thúc Thời đại Ân điển và loại bỏ tất cả những sự thực hành của Thời đại Ân điển. Đức Chúa Trời thực tế đã đến chủ yếu là để cho thấy rằng Ngài có thật. Khi Jêsus đến, Ngài đã phán một vài lời; Ngài chủ yếu làm phép lạ, thực hiện các dấu lạ và kỳ công, và chữa lành kẻ đau và trừ quỷ, không thì Ngài phán lời tiên tri để thuyết phục mọi người, và để khiến họ thấy rằng Ngài thực sự là Đức Chúa Trời, và rằng Ngài là một Đức Chúa Trời không thiên vị. Cuối cùng, Ngài đã hoàn thành công tác chịu đóng đinh trên thập tự giá. Đức Chúa Trời của ngày hôm nay không tỏ ra các dấu lạ và kỳ công, Ngài cũng không chữa lành kẻ đau và trừ quỷ. Khi Jêsus đến, công tác Ngài thực hiện đã đại diện cho một phần của Đức Chúa Trời, nhưng lần này Đức Chúa Trời đến để thực hiện giai đoạn công tác đến kỳ hạn, bởi Đức Chúa Trời không lặp lại cùng một công tác; Ngài là Đức Chúa Trời luôn luôn mới và không bao giờ cũ, và vì thế tất cả những gì người thấy hôm nay là lời và công tác của Đức Chúa Trời thực tế.

Đức Chúa Trời nhập thể của thời kỳ sau rốt đã đến chủ yếu để phán lời của Ngài, để giải thích tất cả những gì cần thiết cho đời sống của con người, để chỉ ra những gì con người nên bước vào, để cho con người thấy những việc làm của Đức Chúa Trời, và để cho con người thấy sự khôn ngoan, toàn năng và kỳ diệu của Đức Chúa Trời. Thông qua nhiều cách Đức Chúa Trời phán dạy, con người thấy uy quyền tối cao của Đức Chúa Trời, sự vĩ đại của Đức Chúa Trời, và hơn nữa, sự khiêm nhường và sự ẩn giấu của Đức Chúa Trời. Con người thấy rằng Đức Chúa Trời là tối cao, nhưng Đức Chúa Trời khiêm nhường và ẩn giấu, và có thể trở thành người hèn mọn nhất trong tất cả mọi người. Một số lời Ngài được phán trực tiếp từ góc độ của Thần, một số trực tiếp từ góc độ của con người, và một số từ góc độ của một bên thứ ba. Trong việc này, có thể thấy rằng cách thức công tác của Đức Chúa Trời biến đổi rất nhiều và thông qua lời mà Ngài cho phép con người thấy điều đó. Công tác của Đức Chúa Trời trong thời kỳ sau rốt thì vừa bình thường vừa thực tế, và do đó nhóm

người trong thời kỳ sau rất phải chịu thử luyện lớn nhất trong mọi thử luyện. Bởi vì sự bình thường và tính hiện thực của Đức Chúa Trời, nên tất cả mọi người đã bước vào giữa những thử luyện như thế; việc con người rơi vào những thử luyện của Đức Chúa Trời là vì sự bình thường và tính hiện thực của Đức Chúa Trời. Trong thời đại của Jê-sus, không có những quan niệm hay thử luyện. Bởi vì hầu hết công tác do Jê-sus thực hiện phù hợp với các quan niệm của con người, nên con người đã đi theo Ngài, và họ không có quan niệm nào về Ngài. Những thử luyện của ngày hôm nay là những thử luyện lớn nhất mà con người từng đối mặt, và khi nói rằng những người này đã thoát khỏi cơn đại nạn, thì đây là cơn đại nạn được nói đến. Ngày nay, Đức Chúa Trời phán dạy để tạo dựng đức tin, tình yêu, sự chấp nhận khổ đau, và sự vâng phục nơi những người này. Những lời được Đức Chúa Trời nhập thể của thời kỳ sau rất phán dạy phù hợp với bản tính và thực chất của con người, hành vi của con người, và điều con người nên bước vào ngày hôm nay. Lời Đức Chúa Trời vừa thực tế vừa bình thường: Đức Chúa Trời không phán về ngày mai, Ngài cũng không nhìn lại ngày hôm qua; Ngài chỉ phán những gì nên bước vào, nên đưa vào thực hành, và nên hiểu hôm nay. Nếu, trong thời nay, nổi lên một người có thể tỏ ra các dấu lạ và kỳ công, trừ quỷ, chữa lành kẻ đau, và làm nhiều phép lạ, và nếu kẻ này tuyên bố rằng họ là Jê-sus đã đến, thì đây sẽ là sự giả mạo tạo ra bởi những tà linh, bắt chước Jê-sus. Hãy nhớ điều này! Đức Chúa Trời không lặp lại cùng một công tác. Giai đoạn công tác của Jê-sus đã được hoàn tất, và Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ thực hiện lại giai đoạn công tác đó nữa. Công tác của Đức Chúa Trời không thể hòa hợp được với những quan niệm của con người; ví dụ như, Cựu Ước đã báo trước sự hiện đến của một Đấng Mê-si, và kết quả của lời tiên báo này là sự hiện đến của Jê-sus. Điều này đã diễn ra rồi, thì sẽ là sai lầm khi một Đấng Mê-si khác lại đến. Jê-sus đã đến một lần, và sẽ sai lầm nếu Jê-sus lại đến lần này. Có một tên gọi cho từng thời đại, và mỗi tên gọi biểu thị đặc trưng của thời đại đó. Trong các quan niệm của con người, Đức Chúa Trời phải luôn tỏ ra các dấu lạ và kỳ công, phải luôn chữa lành kẻ đau và trừ quỷ, và phải luôn giống hệt Jê-sus. Nhưng lần này Đức Chúa Trời hoàn toàn không giống như vậy. Nếu, trong thời kỳ sau rốt, Đức Chúa Trời vẫn tỏ ra các dấu lạ và kỳ công, và vẫn trừ quỷ và chữa lành kẻ đau – nếu Ngài làm giống hệt như Jê-sus – thì Đức Chúa Trời sẽ lặp lại cùng một công tác, và công tác của Jê-sus sẽ không có ý nghĩa hoặc giá trị gì. Do đó, Đức Chúa Trời thực hiện một giai đoạn công tác trong từng thời đại. Một khi từng giai đoạn công tác của Đức Chúa Trời đã hoàn thành, thì nó sẽ sớm bị tà linh bắt chước, và sau khi Sa-tan bắt đầu theo sau gót chân của Đức Chúa Trời, thì Đức Chúa Trời đổi sang một phương pháp khác. Một khi Đức Chúa Trời đã hoàn thành một giai đoạn công tác của Ngài, thì nó

bị các tà linh bắt chước. Các người nên biết rõ về điều này. Tại sao công tác của Đức Chúa Trời ngày hôm nay khác với công tác của Jêsus? Tại sao Đức Chúa Trời ngày hôm nay không tỏ ra các dấu lạ và kỳ công, không trừ quỷ và không chữa lành kẻ đau? Nếu công tác của Jêsus giống như công tác đã được thực hiện trong Thời đại Luật pháp, thì liệu Ngài có thể đại diện cho Đức Chúa Trời trong Thời đại Ân điển không? Liệu Ngài có thể hoàn thành công tác chịu đóng đinh trên thập tự giá không? Nếu, như trong Thời đại Luật pháp, Jêsus đã đi vào đền thờ và giữ ngày Sa-bát, thì Ngài hẳn đã không bị ai bắt bớ và được tất cả mọi người ủng hộ. Nếu là như vậy, liệu Ngài có thể bị đóng đinh không? Liệu Ngài có thể hoàn thành công tác cứu chuộc không? Nếu Đức Chúa Trời nhập thể của thời kỳ sau rốt tỏ ra các dấu lạ và kỳ công giống Jêsus đã làm thì chuyện đó có ý nghĩa gì? Chỉ khi Đức Chúa Trời thực hiện một phần khác trong công tác của Ngài trong thời kỳ sau rốt, là phần đại diện cho kế hoạch quản lý của Ngài, thì con người mới có thể có được một sự hiểu biết sâu sắc hơn về Đức Chúa Trời, và chỉ khi đó kế hoạch quản lý của Đức Chúa Trời mới có thể hoàn thành.

Trong thời kỳ sau rốt, Đức Chúa Trời đến chủ yếu là để phán lời của Ngài. Ngài phán từ góc độ của Thần, từ góc độ của con người và từ góc độ của một người thứ ba; Ngài phán theo nhiều cách khác nhau, sử dụng một cách cho một thời kỳ, và Ngài sử dụng phương pháp phán dạy để thay đổi những quan niệm của con người và xóa bỏ hình tượng của Đức Chúa Trời mơ hồ khỏi lòng con người. Đây là công tác chính được Đức Chúa Trời thực hiện. Bởi vì con người tin rằng Đức Chúa Trời đã đến để chữa lành kẻ đau, để trừ quỷ, để làm phép lạ và để ban những phước lành vật chất cho con người, nên Đức Chúa Trời thực hiện giai đoạn công tác này – công tác hình phạt và phán xét – để xóa bỏ những điều này khỏi quan niệm của con người, để con người có thể biết được tính hiện thực và bình thường của Đức Chúa Trời, và để hình tượng của Jêsus có thể bị xóa bỏ khỏi lòng họ và được thay bằng một hình tượng mới của Đức Chúa Trời. Ngay sau khi hình tượng của Đức Chúa Trời trong con người trở nên xưa cũ, nó liền trở thành một thần tượng. Khi Jêsus đến và thực hiện giai đoạn công tác đó, Ngài đã không đại diện toàn bộ cho Đức Chúa Trời. Ngài thực hiện một vài dấu lạ và kỳ công, phán một vài lời, và cuối cùng chịu đóng đinh trên thập tự giá. Ngài đại diện cho một phần của Đức Chúa Trời. Ngài đã không thể đại diện cho toàn bộ những gì thuộc về Đức Chúa Trời, mà đúng hơn, Ngài đại diện Đức Chúa Trời trong việc thực hiện một phần công tác của Đức Chúa Trời. Đó là vì Đức Chúa Trời quá vĩ đại, quá kỳ diệu và Ngài không thể dò lường được, và bởi vì Đức Chúa Trời chỉ thực hiện một phần công tác của Ngài trong mỗi thời đại. Công tác Đức Chúa Trời thực hiện trong thời đại này chủ yếu là ban phát

lời cho đời sống của con người, vạch trần bản tính, thực chất của con người, và tâm tính bại hoại của họ, cũng như loại bỏ những quan niệm tôn giáo, tư tưởng phong kiến, và tư tưởng lỗi thời; những kiến thức và văn hóa của con người phải được làm cho thanh sạch thông qua việc bị lời Đức Chúa Trời phơi bày. Trong thời kỳ sau rốt, Đức Chúa Trời sử dụng lời, không phải những dấu lạ và kỳ công, để làm cho con người hoàn thiện. Đức Chúa Trời dùng lời của mình để phơi bày con người, để phán xét con người, để hành phạt con người và để làm cho con người hoàn thiện, hầu cho trong lời Đức Chúa Trời con người bắt đầu thấy được sự khôn ngoan và đáng mến của Đức Chúa Trời cũng như bắt đầu hiểu được tâm tính của Đức Chúa Trời, và hầu cho qua lời Đức Chúa Trời, con người thấy được những việc làm của Đức Chúa Trời. Trong Thời đại Luật pháp, Đức Giê-hô-va đã dẫn dắt Mô-sê ra khỏi Ai Cập bằng lời Ngài, và phán vạ lời với dân Y-sơ-ra-ên; khi đó, một phần việc làm của Đức Chúa Trời đã được làm cho sáng tỏ, nhưng bởi vì tổ chất con người có giới hạn và không gì có thể làm cho sự hiểu biết của họ được trọn vẹn, nên Đức Chúa Trời đã tiếp tục phán và làm việc. Trong Thời đại Ân điển, con người một lần nữa đã thấy một phần trong những việc làm của Đức Chúa Trời. Jê-sus đã có thể tỏ ra các dấu lạ và kỳ công, chữa lành kẻ đau và trừ quỷ, và bị đóng đinh trên thập tự giá, ba ngày sau đó, Ngài được phục sinh và xuất hiện trong xác thịt trước con người. Về Đức Chúa Trời, con người không biết gì hơn ngoài điều này. Con người chỉ biết những điều Đức Chúa Trời tỏ ra cho họ, và nếu Đức Chúa Trời không tỏ ra điều gì thêm cho con người, thì đó sẽ là phạm vi phân định của con người về Đức Chúa Trời. Do đó, Đức Chúa Trời tiếp tục làm việc hầu cho sự hiểu biết của con người về Đức Chúa Trời có thể trở nên sâu sắc hơn, và hầu cho con người có thể bắt đầu dần dần biết được thực chất của Đức Chúa Trời. Trong thời kỳ sau rốt, Đức Chúa Trời dùng lời Ngài để làm cho con người hoàn thiện. Tâm tính bại hoại của người bị vạch trần bởi lời Đức Chúa Trời và các quan niệm tôn giáo của người được thay thế bằng tính hiện thực của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời nhập thể của thời kỳ sau rốt đến chủ yếu để ứng nghiệm những lời: “Lời trở nên xác thịt, Lời đến trong xác thịt, và Lời xuất hiện trong xác thịt”, và nếu người không có một sự hiểu biết căn cứ về điều này, thì người sẽ không thể đứng vững. Trong thời kỳ sau rốt, Đức Chúa Trời chủ yếu dự định hoàn thành một giai đoạn công tác mà trong đó Lời xuất hiện trong xác thịt, và đây là một phần trong kế hoạch quản lý của Đức Chúa Trời. Vì vậy, sự hiểu biết của các người phải rõ ràng; bất kể Đức Chúa Trời làm việc như thế nào, Đức Chúa Trời cũng không cho phép con người phân định Ngài. Nếu Đức Chúa Trời không thực hiện công tác này trong thời kỳ sau rốt, thì sự hiểu biết của con người về Ngài sẽ không thể tiến xa hơn. Người sẽ chỉ biết rằng Đức Chúa Trời có thể bị đóng đinh trên

thập tự giá và có thể hủy diệt Sô-đôm, và rằng Jêsus có thể được sống lại từ cõi chết và xuất hiện trước Phi-e-rơ... Nhưng người sẽ không bao giờ nói rằng lời Đức Chúa Trời có thể hoàn thành tất cả và có thể chinh phục con người. Chỉ thông qua việc trải nghiệm lời Đức Chúa Trời thì người mới có thể nói về sự hiểu biết như thế, và càng trải nghiệm lời Đức Chúa Trời, thì sự hiểu biết của người về Đức Chúa Trời sẽ càng trở nên thấu đáo hơn. Chỉ khi đó, người mới thôi phân định Đức Chúa Trời trong những quan niệm của riêng mình. Con người bắt đầu biết đến Đức Chúa Trời bằng việc trải nghiệm công tác của Ngài; không có cách đúng đắn nào khác để biết về Đức Chúa Trời. Ngày nay có nhiều người không làm gì ngoài việc chờ đợi để thấy các dấu lạ, kỳ công và thời điểm của những đại họa. Người tin vào Đức Chúa Trời, hay người tin vào những đại họa? Khi những đại họa đến, sẽ là quá muộn, và nếu Đức Chúa Trời không giáng những đại họa xuống, vậy thì chẳng lẽ Ngài không phải là Đức Chúa Trời sao? Người tin vào các dấu lạ và kỳ công hay người tin vào chính Đức Chúa Trời? Jêsus đã không tỏ ra các dấu lạ và kỳ công khi Ngài bị người khác chế giễu; nhưng chẳng lẽ Ngài không phải là Đức Chúa Trời sao? Người tin vào các dấu lạ và kỳ công, hay người tin vào thực chất của Đức Chúa Trời? Quan điểm của con người về niềm tin nơi Đức Chúa Trời sai rồi! Đức Giê-hô-va đã phán nhiều lời trong Thời đại Luật pháp, nhưng thậm chí ngày nay, một số trong những lời đó vẫn chưa được ứng nghiệm. Liệu người có thể nói rằng Đức Giê-hô-va không phải là Đức Chúa Trời không?

Ngày nay, tất cả các người nên rõ rằng, trong thời kỳ sau rốt, chủ yếu là sự thật về “Lời trở nên xác thịt” được hoàn thành bởi Đức Chúa Trời. Thông qua công tác thực tế của Đức Chúa Trời trên đất, Đức Chúa Trời khiến con người biết đến Ngài và tham gia với Ngài, và thấy được những việc làm thực tế của Ngài. Đức Chúa Trời khiến con người thấy rõ rằng Ngài có thể tỏ ra các dấu lạ và kỳ công và rằng cũng có những lúc Ngài không thể làm thế; điều này phụ thuộc vào thời đại. Từ điều này, người có thể thấy rằng Đức Chúa Trời không phải không có khả năng tỏ ra các dấu lạ và kỳ công, mà thay vào đó, thay đổi cách làm việc của Ngài tùy theo công tác được thực hiện và tùy theo thời đại. Trong giai đoạn công tác hiện tại, Ngài không tỏ ra các dấu lạ và kỳ công; việc Ngài đã tỏ ra một vài dấu lạ và kỳ công trong thời đại của Jêsus là vì công tác của Ngài trong thời đại đó khác. Đức Chúa Trời không thực hiện công tác đó ngày nay và một số người tin rằng Ngài không có khả năng tỏ ra các dấu lạ và kỳ công, hoặc là họ nghĩ rằng nếu Ngài không tỏ ra các dấu lạ và kỳ công thì Ngài không phải là Đức Chúa Trời. Chẳng phải đó là một sự nguy hiểm sao? Đức Chúa Trời có khả năng tỏ ra các dấu lạ và kỳ công, tuy nhiên Ngài đang làm việc trong một thời đại khác và vì thế Đức Chúa Trời không làm những việc như thế.

Bởi vì đây là một thời đại khác và bởi vì đây là một giai đoạn khác trong công tác của Đức Chúa Trời, nên những việc được Đức Chúa Trời làm cho sáng tỏ cũng khác nhau. Niềm tin của con người vào Đức Chúa Trời không phải là niềm tin vào các dấu lạ và kỳ công, cũng không phải niềm tin vào các phép lạ, mà là niềm tin vào công tác thực sự của Ngài trong thời đại mới. Con người bắt đầu biết đến Đức Chúa Trời thông qua cách thức Đức Chúa Trời làm việc và sự hiểu biết này tạo ra trong con người niềm tin vào Đức Chúa Trời, nghĩa là, niềm tin vào công tác và việc làm của Đức Chúa Trời. Trong giai đoạn công tác này, Đức Chúa Trời chủ yếu phán dạy. Đừng trông chờ để thấy các dấu lạ và kỳ công; người sẽ không thấy bất kỳ cái gì đâu! Điều này là bởi người không được sinh ra trong Thời đại Ân điển. Nếu người đã được sinh ra trong thời đó, người có thể đã thấy các dấu lạ và kỳ công, nhưng người đã được sinh ra trong thời kỳ sau rốt và vì vậy người chỉ có thể thấy tính hiện thực và bình thường của Đức Chúa Trời. Đừng mong đợi thấy được Jêsus siêu phàm trong thời kỳ sau rốt. Người chỉ có thể thấy Đức Chúa Trời nhập thể thực tế, Đấng không khác với bất kỳ con người bình thường nào. Trong mỗi thời đại, Đức Chúa Trời làm cho sáng tỏ những việc làm khác nhau. Trong mỗi thời đại, Đức Chúa Trời làm cho sáng tỏ một phần các việc làm của Đức Chúa Trời, và công tác trong từng thời đại đại diện một phần tâm tính của Đức Chúa Trời và một phần các việc làm của Đức Chúa Trời. Những việc mà Đức Chúa Trời làm cho sáng tỏ thì thay đổi theo thời đại Đức Chúa Trời làm việc, nhưng tất cả chúng đều mang lại cho con người một sự hiểu biết sâu sắc hơn về Đức Chúa Trời, một niềm tin đúng đắn hơn và thực tế hơn vào Đức Chúa Trời. Con người tin vào Đức Chúa Trời bởi vì tất cả những việc làm của Đức Chúa Trời, bởi vì Đức Chúa Trời quá kỳ diệu, quá vĩ đại, bởi vì Đức Chúa Trời toàn năng và không thể dò lường được. Nếu người tin vào Đức Chúa Trời bởi vì Ngài có thể làm các dấu lạ và kỳ công và có thể chữa lành kẻ đau và trừ quỷ, thì quan điểm của người sai, và một số người sẽ nói với người rằng “Chẳng phải các tà linh cũng có thể làm được những việc như thế sao?” Chẳng phải điều này làm lẫn lộn hình tượng của Đức Chúa Trời với hình ảnh của Sa-tan sao? Ngày nay, con người có niềm tin nơi Đức Chúa Trời là do bởi nhiều việc làm của Ngài và khối lượng lớn công tác Ngài làm và nhiều cách thức Đức Chúa Trời phán dạy. Đức Chúa Trời sử dụng những lời phán của Ngài để chinh phục con người và làm cho họ hoàn thiện. Con người tin vào Đức Chúa Trời bởi vì nhiều việc làm của Ngài, chứ không phải vì Ngài có thể tỏ ra các dấu lạ và kỳ công; mọi người chỉ hiểu thêm về Đức Chúa Trời bằng cách chứng kiến những việc làm của Ngài. Chỉ bằng cách biết những việc làm thực tế của Đức Chúa Trời, Ngài làm việc như thế nào, những phương pháp khôn ngoan Ngài sử dụng là gì, Ngài phán dạy ra sao và Ngài

làm cho con người hoàn thiện như thế nào – chỉ bằng cách biết được những khía cạnh này – thì người mới có thể lĩnh hội được hiện thực về Đức Chúa Trời và hiểu được tâm tính của Ngài, biết được Ngài thích gì, Ngài ghét gì, và Ngài làm việc đối với con người như thế nào. Bằng cách hiểu được những điều Đức Chúa Trời thích và không thích, người có thể phân biệt điều nào là tích cực và tiêu cực, và thông qua sự hiểu biết về Đức Chúa Trời mà cuộc sống người có sự tiến bộ. Tóm lại, người phải có được một sự hiểu biết về công tác của Đức Chúa Trời và người phải có quan điểm đúng đắn về việc tin vào Đức Chúa Trời.

Công tác của Đức Chúa Trời có đơn giản như con người tưởng tượng không?

Là người tin vào Đức Chúa Trời, mỗi người các người nên nhận thức rõ rằng mình đã thực sự nhận được sự đề cao và cứu rỗi tốt cùng như thế nào khi đón nhận công tác của Đức Chúa Trời trong thời kỳ sau rốt và công tác thuộc kế hoạch của Ngài mà Ngài thực hiện trong người hôm nay. Đức Chúa Trời đã xem nhóm người này là trọng tâm duy nhất trong công tác của Ngài khắp toàn vũ trụ. Đức Chúa Trời đã hy sinh tất cả tâm huyết của Ngài cho các người; Ngài đã lấy lại và trao cho các người tất cả phần công tác của Thần trên khắp vũ trụ. Đó là lý do tại sao các người là những người may mắn. Hơn nữa, Ngài đã chuyển sự vinh hiển của Ngài từ Y-sơ-ra-en, là dân sự được chọn của Ngài, sang cho các người, và Ngài sẽ khiến mục đích kế hoạch của Ngài được biểu lộ hoàn toàn qua nhóm người này. Do vậy, các người là những người sẽ nhận được di sản của Đức Chúa Trời, và thậm chí còn hơn thế, là những người thừa hưởng sự vinh hiển của Đức Chúa Trời. Có lẽ tất cả các người đều nhớ những lời này: “Vì sự hoạn nạn nhẹ và tạm của chúng ta sanh cho chúng ta sự vinh hiển cao trọng đời đời, vô lượng, vô biên”. Các người đều đã từng nghe những lời này trước đây, nhưng không ai trong các người hiểu ý nghĩa thực sự của chúng. Hôm nay, các người đã nhận thức sâu sắc về ý nghĩa thực sự của chúng. Những lời này sẽ được Đức Chúa Trời thực hiện trong thời kỳ sau rốt, và chúng sẽ được thực hiện nơi những người bị con rồng lớn sắc đỏ hành hạ tàn nhẫn trên vùng đất nó cuộn nằm. Con rồng lớn sắc đỏ bức hại Đức Chúa Trời và là kẻ thù của Đức Chúa Trời, và vì vậy, trên vùng đất này, những ai tin vào Đức Chúa Trời đều chịu sự sỉ nhục và áp bức, và kết quả là những lời này được thực hiện nơi các người, nhóm người này. Do được khởi đầu trên một vùng đất chống đối Đức Chúa Trời, nên mọi công tác của Đức Chúa Trời đều gặp phải những trở ngại to lớn, và việc thực hiện nhiều lời của Ngài cần có thời gian; do đó, con người được tinh luyện nhờ những lời

của Đức Chúa Trời, điều cũng là một phần trong sự chịu khổ. Thật vô cùng khó khăn khi Đức Chúa Trời thực hiện công tác của Ngài trên vùng đất của con rồng lớn sắc đỏ – nhưng thông qua chính những khó khăn này mà Đức Chúa Trời thực hiện một giai đoạn công tác của Ngài, biểu lộ sự khôn ngoan và những việc làm siêu phàm của Ngài, và tận dụng cơ hội này để làm trọn vẹn nhóm người này. Thông qua chính sự khổ đau của mọi người, tổ chức của họ, và tất cả những tâm tính Sa-tan của mọi người trên vùng đất như bản này mà Đức Chúa Trời thực hiện công tác làm tinh sạch và chinh phục của Ngài, để mà từ đây, Ngài có thể đạt được sự vinh hiển, và để Ngài có thể thu phục được những người làm chứng cho việc làm của Ngài. Đây là toàn bộ ý nghĩa của tất cả những hy sinh mà Đức Chúa Trời đã bỏ ra cho nhóm người này. Nghĩa là, thông qua chính những kẻ chống đối Ngài mà Đức Chúa Trời thực hiện công tác chinh phục, và chỉ như thế thì quyền năng to lớn của Đức Chúa Trời mới được biểu lộ. Nói cách khác, chỉ những người trên vùng đất ô uế này mới đáng được thừa hưởng sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, và chỉ có việc này mới làm nổi bật được quyền năng to lớn của Đức Chúa Trời. Đó là lý do tại sao chính từ vùng đất ô uế, và chính từ những người sống trên vùng đất ô uế, mà sự vinh hiển của Đức Chúa Trời đạt được. Đây là ý muốn của Đức Chúa Trời. Giai đoạn công tác của Jê-sus cũng như vậy: Ngài chỉ có thể đạt được vinh hiển giữa những người Pha-ri-si đã bức hại Ngài; nếu không có sự bức hại của những người Pha-ri-si và sự phản bội của Giu-đa, thì Jê-sus đã không bị chế nhạo hay phỉ báng, càng không bị đóng đinh trên thập giá, và do vậy đã không thể nào đạt được sự vinh hiển. Đức Chúa Trời làm việc ở đâu trong mỗi thời đại và Ngài thực hiện công tác của Ngài trong xác thịt ở đâu, thì đó là nơi Ngài đạt được sự vinh hiển, và đó là nơi Ngài đạt được những gì Ngài dự định đạt được. Đây là kế hoạch công tác của Đức Chúa Trời, và đây là sự quản lý của Ngài.

Trong kế hoạch vài ngàn năm của Đức Chúa Trời, có hai phần của công tác được thực hiện trong xác thịt: Đầu tiên là công tác chịu đóng đinh trên thập giá, mà qua đó Ngài đạt được vinh hiển; phần còn lại là công tác chinh phục và hoàn thiện trong thời kỳ sau rốt, mà qua đó Ngài đạt được vinh hiển. Đây là sự quản lý của Đức Chúa Trời. Do vậy, đừng coi công tác của Đức Chúa Trời, hay sự ủy nhiệm của Đức Chúa Trời dành cho các người là việc giản đơn. Các người đều là những người kế thừa sự vinh hiển cao trọng đời đời, vô lượng, vô biên của Đức Chúa Trời, và điều này đã được Đức Chúa Trời đặc biệt định đoạt. Trong hai phần vinh hiển của Ngài, một phần được biểu lộ nơi các người; toàn bộ một phần vinh hiển của Đức Chúa Trời đã được ban cho các người, để nó có thể là di sản của các người. Đây là sự đề cao các người của Đức Chúa Trời, và đây cũng là kế hoạch Ngài đã định trước từ lâu. Với sự vĩ đại

của công tác mà Đức Chúa Trời đã thực hiện trên vùng đất con rồng lớn sắc đỏ cư ngụ, nếu công tác này được chuyển sang nơi khác, thì nó hẳn đã đạt được thành quả to lớn từ lâu và đã được con người chấp nhận dễ dàng. Hơn nữa, công tác này sẽ quá dễ được chấp nhận bởi những giáo sĩ Phương Tây vốn tin vào Đức Chúa Trời, vì giai đoạn công tác của Jêsus là một tiền lệ. Đây là lý do tại sao Đức Chúa Trời không thể đạt được giai đoạn công tác đạt được vinh hiển này ở nơi nào khác; khi công tác được sự ủng hộ từ mọi người và sự thừa nhận từ các quốc gia, thì sự vinh hiển của Đức Chúa Trời không thể thành tựu. Đây chính là ý nghĩa phi thường mà giai đoạn công tác này mang trên vùng đất này. Không có lấy một người trong các người nhận được sự bảo vệ của luật pháp – thay vào đó, các người bị luật pháp trừng trị. Thậm chí còn khó khăn hơn nữa là mọi người không hiểu các người: dù là họ hàng, cha mẹ, bạn bè, hay đồng nghiệp của các người, không một ai trong số đó hiểu các người cả. Khi các người bị Đức Chúa Trời “bỏ rơi”, các người không thể nào tiếp tục sống trên đất, nhưng ngay cả như vậy, mọi người cũng không thể chịu được việc phải xa Đức Chúa Trời, đó là ý nghĩa của sự chinh phục con người của Đức Chúa Trời, và sự vinh hiển của Đức Chúa Trời. Những gì các người thừa hưởng hôm nay vượt trên cả những gì mà các sứ đồ và các tiên tri trong mọi thời đại được thừa hưởng và thậm chí còn lớn hơn những gì mà Môi-se và Phi-e-rơ đã thừa hưởng. Phước lành không thể đạt được trong ngày một ngày hai; chúng phải được gặt hái thông qua sự hy sinh vĩ đại. Tức là, các người phải sở hữu một tình yêu đã qua sự tinh luyện, sở hữu một đức tin lớn lao, và các người phải có nhiều lẽ thật mà Đức Chúa Trời yêu cầu các người phải đạt được; ngoài ra, các người phải hướng về công lý mà không sợ hãi hay lảng tránh, và phải có một tình yêu dành cho Đức Chúa Trời, một tình yêu bất sắt son cho đến chết. Các người phải có quyết tâm, những sự thay đổi phải diễn ra trong tâm tính sự sống của các người, sự hư hoại của các người phải được khắc phục, các người phải chấp thuận tất cả những sự sắp đặt của Đức Chúa Trời mà không ca thán, và phải vâng phục thậm chí cho đến chết. Đây là điều các người cần phải đạt được, đây là mục tiêu cuối cùng trong công tác của Đức Chúa Trời, và là những gì Đức Chúa Trời yêu cầu đối với nhóm người này. Khi Ngài ban cho các người, thì đổi lại, Ngài chắc chắn sẽ có yêu cầu đối với các người, và chắc chắn sẽ đưa ra những đòi hỏi phù hợp dành cho các người. Do đó, tất cả những công tác Đức Chúa Trời thực hiện đều có lý do, điều này cho thấy tại sao Đức Chúa Trời hết lần này đến lần khác thực hiện các công tác có tiêu chuẩn cao và các đòi hỏi nghiêm ngặt. Chính vì điều này mà các người nên có đầy rẫy đức tin vào Đức Chúa Trời. Nói tóm lại, tất cả những công tác của Đức Chúa Trời đều được thực hiện vì các người, để các người có thể trở nên xứng đáng được nhận di

sản của Ngài. Điều này không hẳn vì sự vinh hiển của bản thân Đức Chúa Trời, mà là vì sự cứu rỗi các người và vì việc hoàn thiện nhóm người đã chịu khổ sở tột cùng này trên vùng đất ô uế. Các người nên hiểu được ý muốn của Đức Chúa Trời. Và vì vậy, Ta khuyên giục lắm kẻ ngu dốt không có sự thông sáng hay ý thức rằng: Đừng có thử thách Đức Chúa Trời, và đừng chống lại nữa. Đức Chúa Trời đã trải qua những đau khổ mà chưa từng phải chịu đựng bởi bất kỳ con người nào, và từ rất lâu đã phải chịu đựng thậm chí còn nhiều sự sỉ nhục hơn thay cho con người. Còn điều gì nữa mà các người không thể buông bỏ? Điều gì có thể quan trọng hơn ý muốn của Đức Chúa Trời? Điều gì có thể cao cả hơn tình yêu của Đức Chúa Trời? Việc Đức Chúa Trời thực hiện công tác của Ngài trên vùng đất ô uế này đã đủ nặng nhọc; đã vậy, nếu con người còn chủ tâm và cố ý phạm tội, thì công tác của Đức Chúa Trời sẽ phải kéo dài thêm. Tóm lại, đây không phải điều tốt nhất cho mọi người, nó chẳng có lợi cho bất kỳ ai. Đức Chúa Trời không bị ràng buộc bởi thời gian; công tác của Ngài và sự vinh hiển của Ngài được đặt lên hàng đầu. Do đó, Ngài sẽ sẵn sàng trả bất cứ giá nào cho công tác của Ngài, dù có mất bao nhiêu thời gian. Đây là tâm tính của Đức Chúa Trời: Ngài sẽ không ngừng nghỉ cho đến khi công tác của Ngài được hoàn thành. Công tác của Ngài sẽ chỉ kết thúc khi Ngài đạt được phần thứ hai trong công tác đạt được vinh hiển của Ngài. Nếu như trong toàn vũ trụ, Đức Chúa Trời không hoàn thành phần tôn vinh thứ hai của Ngài, thì ngày của Ngài sẽ không bao giờ đến, bàn tay Ngài sẽ không bao giờ rời xa những người được chọn của Ngài, sự vinh hiển của Ngài sẽ không bao giờ đến với Y-sơ-ra-ên, và kế hoạch của Ngài sẽ không bao giờ được kết thúc. Các người nên có khả năng thấy được ý muốn của Đức Chúa Trời và nên thấy được rằng công tác của Đức Chúa Trời không đơn giản như việc tạo ra trời đất và vạn vật. Đó là bởi vì công tác của ngày nay là cải hóa những người đã bị bại hoại, những người tê liệt đến cực độ, nó là để làm tinh sạch những người được tạo ra nhưng đã bị Sa-tan xử lý. Đó không phải là việc tạo ra A-đam hay Ê-va, càng không phải việc làm ra sự sáng, hay tạo ra mọi động thực vật. Đức Chúa Trời làm tinh sạch tất cả những thứ đã bị Sa-tan làm cho bại hoại và rồi thu nhận chúng trở lại; chúng trở thành thứ thuộc về Ngài, và trở thành sự vinh hiển của Ngài. Việc này không như con người tưởng tượng, không đơn giản như việc tạo ra trời đất và mọi thứ trong đó, hay như việc rửa sạch Sa-tan xuống vực sâu không đáy; mà đó là việc cải hóa con người, biến những gì tiêu cực và không thuộc về Ngài thành những thứ tích cực và thuộc về Ngài. Đây là sự thật đằng sau giai đoạn công tác này của Đức Chúa Trời. Các người phải hiểu điều này, và tránh quá đơn giản hóa vấn đề. Công tác của Đức Chúa Trời không giống bất kỳ công tác bình thường nào. Sự kỳ diệu và khôn ngoan của nó vượt khỏi tầm trí óc của con người. Đức Chúa

Trời không tạo ra vụn vặt trong giai đoạn công tác này, Ngài cũng không hủy diệt chúng. Thay vào đó, Ngài cải hóa tất cả những thứ Ngài đã tạo ra, và làm tinh sạch tất cả những thứ đã bị Sa-tan làm cho ô uế. Và vì thế mà Đức Chúa Trời bắt đầu một sự nghiệp vĩ đại, đây chính là toàn bộ ý nghĩa của công tác của Đức Chúa Trời. Các người có thấy được qua những lời này rằng công tác của Đức Chúa Trời thật sự là quá đơn giản không?

Người phải sống vì lẽ thật khi người tin ở Đức Chúa Trời

Vấn đề chung mà mọi người thường gặp phải là họ hiểu lẽ thật nhưng không đưa nó vào thực hành. Điều này là bởi, một mặt họ không sẵn sàng trả giá, và mặt khác, sự thông hiểu của họ quá thiếu kém; họ không thể thấy nhiều khó khăn của đời sống hằng ngày như chúng vốn có, và không biết làm thế nào để thực hành một cách thích hợp. Vì những trải nghiệm của con người quá nông cạn, tổ chức của họ quá nghèo nàn, và mức độ hiểu biết về lẽ thật của họ còn hạn chế nên họ không thể nào giải quyết được những vấn đề gặp phải trong cuộc đời hằng ngày của mình. Họ chỉ tin Đức Chúa Trời ngoài môi miệng và không có khả năng đưa Đức Chúa Trời vào đời sống hằng ngày của mình. Nói thế nghĩa là, Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời, và cuộc sống là cuộc sống, như thế họ không có quan hệ gì với Đức Chúa Trời trong cuộc sống của mình. Đó là điều mọi người đều nghĩ. Nếu tin vào Đức Chúa Trời kiểu như thế, trong thực tế con người sẽ không được Đức Chúa Trời thu phục và làm cho hoàn thiện. Thật ra, không phải lời Đức Chúa Trời chưa được bày tỏ trọn vẹn, mà là do con người đơn giản quá thiếu khả năng tiếp nhận lời Đức Chúa Trời. Có thể nói hầu như chẳng ai hành động phù hợp với ý định ban đầu của Đức Chúa Trời; thay vào đó, đức tin nơi Đức Chúa Trời của họ lại tùy theo những mục đích của chính mình, những quan niệm tôn giáo họ đã có trong quá khứ, và cách thực hiện mọi sự của riêng họ. Rất ít người trải qua sự biến đổi sau khi đã chấp nhận lời Đức Chúa Trời và bắt đầu hành động phù hợp với ý muốn của Đức Chúa Trời. Thay vào đó, họ cứ bám víu vào những niềm tin sai lạc của mình. Khi bắt đầu tin vào Đức Chúa Trời, họ tin dựa theo các quy tắc thông thường của tôn giáo, họ sống và tương tác với người khác hoàn toàn dựa theo nền tảng triết lý sống của chính họ. Có thể nói, cứ 10 người thì có tới 9 người như thế. Rất ít người lên kế hoạch khác và thay đổi cách xử sự sau khi bắt đầu tin vào Đức Chúa Trời. Nhân loại đã không xem lời Đức Chúa Trời là lẽ thật để đưa vào thực hành.

Hãy lấy đức tin nơi Jêsus làm ví dụ. Dù là người mới bắt đầu tin hay đã tin trong

thời gian dài, tất cả họ chỉ đơn thuần phát huy bất kỳ tài năng nào họ có và thể hiện bất kỳ kỹ năng nào họ sở hữu. Con người chỉ đơn thuần thêm sáu chữ “đức tin nơi Đức Chúa Trời” vào cuộc sống thường ngày của mình, nhưng lại không có bất kỳ sự thay đổi nào trong tâm tính của họ, và đức tin nơi Đức Chúa Trời của họ cũng chẳng hề gia tăng. Sự theo đuổi của họ không nóng cũng chẳng lạnh. Họ không nói rằng họ sẽ từ bỏ đức tin, nhưng họ cũng không hiến dâng cho Đức Chúa Trời một cách trọn vẹn. Họ chưa bao giờ thật sự yêu kính Đức Chúa Trời hay vâng lời Đức Chúa Trời. Đức tin của họ nơi Đức Chúa Trời là một sự pha tạp giữa thật và giả, họ đã mất nhắm mắt mở tiếp cận và không sốt sắng trong việc thực hành đức tin của mình. Họ đã tiếp tục sống trong trạng thái mù mẫn như thế, rồi cuối cùng đã chết một cái chết rồi mù. Tất cả điều đó có nghĩa lý gì? Hôm nay, để tin vào Đức Chúa Trời thực tế, người phải đặt chân lên con đường đúng. Nếu tin vào Đức Chúa Trời, người đừng chỉ tìm kiếm ơn phước, mà hãy yêu kính Đức Chúa Trời và biết đến Đức Chúa Trời. Bằng sự khai sáng của Ngài và bằng sự theo đuổi của cá nhân mình, người có thể ăn uống lời Ngài, hình thành hiểu biết thật sự về Đức Chúa Trời, và dành cho Đức Chúa Trời một tình yêu chân thật đến từ sâu thẳm trong lòng người. Nói cách khác, khi tình yêu người dành cho Đức Chúa Trời là chân thật nhất và không ai có thể hủy hoại hay ngăn đường tình yêu thương của người dành cho Đức Chúa Trời, thì lúc này người mới đi đúng con đường của đức tin nơi Đức Chúa Trời. Điều này chứng tỏ rằng người thuộc về Đức Chúa Trời, bởi trái tim người giờ đã là vật sở hữu của Đức Chúa Trời và vì thế người không thể bị thứ gì khác chiếm hữu nữa. Qua kinh nghiệm của người, qua cái giá mà người đã phải trả, và qua công tác của Đức Chúa Trời mà người có thể phát triển nên một tình yêu thương tự nguyện dành cho Đức Chúa Trời – và khi làm thế, người sẽ thoát khỏi sự ảnh hưởng của Sa-tan và sống trong ánh sáng lời Đức Chúa Trời. Chỉ khi đã thoát khỏi ảnh hưởng của bóng tối người mới được xem là đã được Đức Chúa Trời thu nhận. Trong niềm tin của người vào Đức Chúa Trời, người phải cố gắng theo đuổi mục tiêu này. Đây là bổn phận của mỗi người các người. Không ai trong các người được tự mãn với thực trạng của mọi sự. Đối với công tác của Đức Chúa Trời, không được lưỡng lự và cũng không được xem nhẹ. Hãy nghĩ về Đức Chúa Trời trên mọi phương diện và vào mọi lúc, và hãy làm mọi sự vì Đức Chúa Trời. Và bất cứ khi nào người nói hay làm gì, hãy đặt lợi ích của nhà Đức Chúa Trời lên hàng đầu. Chỉ có như thế người mới có thể hợp lòng Đức Chúa Trời.

Trong đức tin của con người vào Đức Chúa Trời, sai lầm lớn nhất của họ là họ chỉ tin ngoài môi miệng, và Đức Chúa Trời hoàn toàn vắng bóng trong cuộc sống hằng ngày của họ. Quả thực mọi người đều tin vào sự tồn tại của Đức Chúa Trời,

thế nhưng Đức Chúa Trời lại không phải là một phần trong cuộc sống hằng ngày của họ. Miệng con người luôn cầu nguyện nhiều điều đến Đức Chúa Trời, nhưng Đức Chúa Trời ít có chỗ trong lòng họ, và vì thế Đức Chúa Trời thử luyện họ hết lần này đến lần khác. Bởi vì con người không thanh sạch mà Đức Chúa Trời không còn cách nào khác ngoài việc thử luyện họ, để họ cảm thấy xấu hổ và biết về bản thân giữa những thử luyện ấy. Nếu không, loài người sẽ trở thành con cháu của thiên sứ trưởng, và ngày càng trở nên bại hoại. Trong quá trình của đức tin của họ vào Đức Chúa Trời, mỗi người đã loại bỏ nhiều mục tiêu và động cơ cá nhân của mình dưới sự làm tinh sạch không ngừng của Đức Chúa Trời. Nếu không làm thế, Đức Chúa Trời sẽ không có cách nào sử dụng được ai và không có cách nào tiến hành những công việc Ngài phải thực hiện trong con người. Trước tiên, Đức Chúa Trời làm cho con người tinh sạch, và trong quá trình này, con người sẽ trở nên biết được bản thân mình và Đức Chúa Trời có thể thay đổi họ. Chỉ khi đó Đức Chúa Trời mới có thể đưa sự sống của Ngài vào họ, và chỉ như thế tâm lòng con người mới có thể hoàn toàn hướng về Đức Chúa Trời. Thế nên Ta mới phán, việc tin Đức Chúa Trời không đơn giản như người ta vẫn nói. Như Đức Chúa Trời nhìn nhận, nếu người chỉ có kiến thức mà không xem lời Ngài là sự sống, và nếu người chỉ giới hạn mình trong mớ kiến thức cá nhân mà không thể thực hành lẽ thật hay sống trọn lời Đức Chúa Trời, thì đó chính là bằng chứng cho thấy người không có tâm lòng yêu thương Đức Chúa Trời, và nó cho thấy rằng trái tim của người không thuộc về Đức Chúa Trời. Một người có thể bắt đầu biết Đức Chúa Trời bằng cách tin vào Ngài: Đây là mục tiêu cuối cùng, là mục tiêu mà con người theo đuổi. Người phải nỗ lực sống trọn lời Đức Chúa Trời để chúng có thể đạt thành quả trong sự thực hành của người. Nếu người chỉ có kiến thức trên lý thuyết thì đức tin của người nơi Đức Chúa Trời sẽ trở nên vô nghĩa. Chỉ khi người thực hành và sống trọn lời Đức Chúa Trời, thì đức tin của người mới có thể được xem là trọn vẹn và hòa hợp với ý muốn của Đức Chúa Trời. Trên con đường này, nhiều người có thể luôn miệng nói về sự hiểu biết của mình, nhưng đến lúc chết, mắt họ sẽ nhắm lại, và họ sẽ oán giận bản thân vì đã phung phí cả cuộc đời và sống vô nghĩa cho đến tuổi cổ lai hy. Họ chỉ hiểu lý thuyết mà không thể đưa lẽ thật vào thực hành hay làm chứng cho Đức Chúa Trời; thay vào đó, họ chỉ chạy lòng vòng, bận rộn như một con ong, và chỉ khi ở trên bờ vực cái chết họ mới chợt nhận ra rằng mình thiếu những chứng ngôn chân thật, rằng họ chẳng hề biết gì về Đức Chúa Trời. Thế có phải đã trễ quá rồi không? Tại sao không nắm bắt từng ngày và theo đuổi lẽ thật mà người yêu thương? Tại sao phải đợi tới ngày mai? Nếu trong đời người không chịu khổ vì lẽ thật và không cố tìm cách đạt được nó, có lẽ nào người lại muốn cảm thấy hối tiếc vào lúc lâm chung? Nếu thế người tin vào Đức

Chúa Trời để làm gì? Thật sự, có nhiều vấn đề mà nếu con người chỉ cần nỗ lực một chút thôi là họ có thể thực hành lẽ thật và qua đó làm Đức Chúa Trời hài lòng. Chỉ vì trái tim con người luôn bị ma quỷ chiếm giữ mà họ không thể hành động vì Đức Chúa Trời được; và họ bận rộn vì xác thịt của họ, cuối cùng chẳng đạt được thành tựu gì. Vì lý do này mà con người luôn gặp rắc rối và khó khăn. Chẳng phải đây chính là những sự hành hạ của Sa-tan sao? Chẳng phải đây chính là sự bại hoại của xác thịt sao? Người không nên cố lừa phỉnh Đức Chúa Trời bằng lời môi miệng. Thay vào đó, hãy thực hiện những hành động cụ thể. Đừng tự lừa dối bản thân mình – làm vậy có nghĩa lý gì? Người đạt được gì khi sống vì xác thịt và lao nhọc vì danh lợi?

Bảy tiếng sấm rền – Tiên đoán rằng Phúc Âm của vương quốc sẽ truyền bá khắp vũ trụ

Ta đang truyền bá công tác của Ta trong số các quốc gia dân Ngoại. Vinh quang của Ta sáng lóa khắp vũ trụ; tất cả sao sao chấm chấm người đều mang ý muốn của Ta, và tất cả họ đều được bàn tay của Ta điều khiển và bắt đầu làm những nhiệm vụ mà Ta đã giao. Từ thời điểm này, Ta đã bước vào một thời đại mới, mang tất cả mọi người vào một thế giới khác. Khi Ta quay về “quê hương” của Ta, Ta đã bắt đầu một phần khác của công tác trong kế hoạch ban đầu của Ta, để con người có thể hiểu biết sâu sắc hơn về Ta. Ta nhìn nhận vũ trụ một cách tổng thể và thấy rằng^[a] đây là thời điểm thích hợp cho công tác của Ta, nên Ta vội vã hết cả, thực hiện công tác mới của Ta trên con người. Xét cho cùng thì đây là một thời đại mới, và Ta đã mang đến công tác mới để đưa thêm nhiều người mới hơn vào thời đại mới đó và gạt sang một bên thêm những người mà Ta sẽ loại bỏ. Trong quốc gia của con rồng lớn sắc đỏ, Ta đã thực hiện một giai đoạn công tác khó hiểu đối với con người, khiến họ quay cuồng trong gió, và sau đó nhiều người đã lặng lẽ trôi đi theo gió. Thực ra, đây là “sân đập lúa” mà Ta sẽ dọn sạch; đây là điều mà Ta mong mỏi và cũng là kế hoạch của Ta. Vì nhiều kẻ hiểm ác đã lên vào khi Ta bận việc, nhưng Ta không vội vàng gì mà đuổi chúng đi. Thay vào đó, Ta sẽ giải tán chúng khi đến thời điểm phù hợp. Chỉ sau đó Ta mới trở thành nguồn sống, cho phép những người thực sự yêu Ta nhận được từ Ta trái của cây vả và hương thơm của hoa huệ. Trên vùng đất mà Sa-tan cư ngụ, vùng đất của bụi bặm, không còn chút vàng ròng nào nữa, chỉ còn cát; và vì thế, với tình huống này, Ta thực hiện một giai đoạn công tác như vậy. Người cần biết rằng thứ mà Ta có được là vàng ròng nguyên chất, chứ không phải cát. Làm sao

a. Nguyên bản không có cụm từ “thấy rằng”.

những kẻ hiểm ác có thể ở lại trong nhà của Ta? Làm sao Ta có thể cho phép lũ cáo ký sinh trong địa đàn của Ta? Ta vận dụng mọi phương cách có thể để xua đuổi những thứ đó đi. Trước khi ý muốn của Ta được mặc khải, không ai biết được điều Ta sẽ làm. Nhân cơ hội này, Ta xua đuổi những kẻ hiểm ác, và chúng buộc phải rời bỏ sự hiện diện của Ta. Đây là điều Ta làm với những kẻ hiểm ác, nhưng vẫn sẽ có một ngày cho chúng phục vụ Ta. Mong muốn được nhận phúc lành của con người là quá mạnh mẽ; do đó Ta quay người lại và cho các dân ngoại thấy được diện mạo vinh quang của Ta, để cả nhân loại có thể sống trong một thế giới của riêng họ và tự phán xét họ, trong khi Ta tiếp tục phán những lời mà Ta nên phán, và cung cấp cho con người những thứ họ cần. Khi con người tỉnh ngộ ra thì lúc đó Ta đã truyền bá công tác của Ta từ lâu. Khi đó Ta sẽ thể hiện ý muốn của Ta cho con người, và bắt đầu phần thứ hai trong công tác của Ta trên con người, để cho mọi người đi theo sát Ta để phối hợp với công tác của Ta, và để con người làm mọi thứ trong khả năng của họ để cùng Ta thực hiện công tác mà Ta phải làm.

Không ai có niềm tin rằng họ sẽ thấy được vinh quang của Ta, và Ta không bắt họ phải thấy, mà thay vào đó Ta rút vinh quang của Ta ra khỏi loài người và mang nó đến một thế giới khác. Khi con người ăn năn một lần nữa, thì Ta sẽ lấy vinh quang của Ta và thậm chí cho nhiều người có đức tin xem hơn. Đây là nguyên tắc làm việc của Ta. Vì có lúc vinh quang của Ta rời bỏ Ca-na-an, và cũng có lúc vinh quang của Ta rời bỏ những người được chọn. Hơn nữa, có lúc vinh quang của Ta rời bỏ cả thế gian, khiến nó mờ đi và chìm vào bóng tối. Ngay cả vùng đất Ca-na-an cũng sẽ không thấy ánh thái dương; toàn thể nhân loại sẽ mất đức tin của họ, nhưng không một ai có thể chịu rời bỏ hương thơm của vùng đất Ca-na-an. Chỉ khi Ta chuyển sang trời và đất mới thì Ta mới lấy phần vinh quang kia của Ta và mặc khải nó trước tiên ở xứ Ca-na-an, tạo một tia sáng le lói chiếu rọi ra cả thế gian, nhấn chìm bóng đêm đen tối, để cả thế gian có thể bước ra ánh sáng; để con người trên toàn thế gian có thể tới lấy sức mạnh từ quyền năng của sự sáng, cho phép vinh quang của Ta gia tăng và hiện ra một lần nữa cho mọi quốc gia; và để toàn bộ nhân loại có thể nhận ra rằng từ lâu Ta đã đến thế giới loài người và từ lâu đã mang vinh quang của Ta từ Y-sơ-ra-ên đến phương Đông; để vinh quang của Ta soi sáng từ phương Đông, và nó đã được mang tới từ Thời đại Ân điển đến ngày nay. Nhưng Ta rời đi chính từ Y-sơ-ra-ên và Ta đến phương Đông cũng chính từ đó. Chỉ khi ánh sáng của phương Đông dần chuyển sang màu trắng thì bóng tối trên toàn thế gian mới bắt đầu chuyển thành ánh sáng, và chỉ khi đó thì con người mới phát hiện ra rằng từ lâu Ta đã rời Y-sơ-ra-ên và Ta đang xuất hiện một lần nữa ở phương Đông. Đã một lần giáng trần xuống Y-sơ-ra-ên và sau đó rời đi, Ta không thể được sinh ra một lần nữa tại

Y-sơ-ra-ên, bởi vì công tác của Ta dẫn dắt cả vũ trụ và, hơn thế nữa, tia chớp lóe sáng thẳng hướng từ phía Đông sang phía Tây. Vì lý do này, Ta đã giáng trần xuống phương Đông và mang Ca-na-an tới cho con người ở phương Đông. Ta sẽ mang người từ khắp thế gian tới vùng đất Ca-na-an, và như vậy Ta tiếp tục cất lời phán ở xứ Ca-na-an để kiểm soát toàn vũ trụ. Lúc này, không có ánh sáng ở bất kỳ nơi đâu trên thế gian trừ Ca-na-an, và cả nhân loại đang gặp hiểm nguy vì đói và lạnh. Ta đã ban vinh quang của Ta cho Y-sơ-ra-ên rồi lại tước bỏ nó đi, bằng cách đó mang người Y-sơ-ra-ên đến phương Đông, và cả nhân loại đến phương Đông. Ta đã mang tất cả bọn họ đến với sự sáng để họ có thể đoàn tụ với sự sáng, được gắn kết với sự sáng, và không còn phải tìm kiếm sự sáng nữa. Ta sẽ để tất cả những ai đang tìm kiếm sự sáng nhìn thấy lại sự sáng và thấy được vinh quang mà Ta đã có ở Y-sơ-ra-ên; Ta sẽ để họ thấy rằng từ lâu Ta đã giáng trần trên một đám mây trắng vào giữa nhân loại, cho họ thấy vô số các đám mây trắng và trái cây sai trĩu trịt, và, hơn nữa, để họ thấy Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. Ta sẽ để họ nhìn lên Đức Thầy của người Do Thái, Đấng Mê-si mà họ hằng mong ước, và diện mạo đầy đủ của Ta, Đấng đã bị bách hại bởi các vị vua trong suốt các thời đại. Ta sẽ làm việc trên toàn vũ trụ và Ta sẽ thực hiện công tác vĩ đại, mặc khải tất cả vinh quang của Ta và tất cả việc làm của Ta cho con người trong thời kỳ sau rốt. Ta sẽ cho những người đã đợi Ta nhiều năm, những người đã mong mỏi Ta đến trên một đám mây trắng, cho một Y-sơ-ra-ên đã mong mỏi Ta xuất hiện một lần nữa, và cho cả nhân loại đã bức hại Ta thấy được đầy đủ nhất diện mạo vinh quang của Ta, để tất cả sẽ đều biết rằng từ lâu Ta đã lấy đi vinh quang của Ta và mang nó tới phương Đông, và nó không còn ở Giu-đê nữa. Vì thời kỳ sau rốt đã đến!

Ta đang làm công tác của Ta trên khắp vũ trụ, và ở phương Đông, những tiếng sấm không ngừng rền vang, rung chuyển tất cả các quốc gia và giáo phái. Chính tiếng nói của Ta đã dẫn dắt toàn nhân loại đến với hiện tại. Ta khiến toàn nhân loại bị chinh phục bởi tiếng nói của Ta, rơi vào dòng chảy này, và quy phục trước Ta, vì từ lâu Ta đã lấy lại vinh quang của Ta từ khắp thế gian và ban phát lại ở phương Đông. Ai lại không mong mỏi được nhìn thấy vinh quang của Ta? Ai lại không thấp thỏm chờ đợi Ta trở lại? Ai lại không khao khát được thấy Ta xuất hiện trở lại? Ai lại không mòn mỏi trông mong về đáng mến của Ta? Ai lại không bước ra sự sáng? Ai lại không nhìn vào sự giàu có của Ca-na-an? Ai lại không mong mỏi Đấng Cứu Chuộc quay lại? Ai lại không tôn sùng Ngài, Đấng có quyền năng vĩ đại? Tiếng nói của Ta sẽ lan truyền khắp thế gian; Ta sẽ đối mặt với dân sự được Ta chọn và phán thêm nhiều lời nữa với họ. Như những tiếng sấm vang dội làm rung chuyển núi sông, Ta phán những lời của Ta với cả vũ trụ và với nhân loại. Do vậy, lời trong miệng Ta đã

trở thành báu vật của con người, và cả nhân loại đều trân quý lời của Ta. Tia chớp lóe lên từ phương Đông rọi sáng đến tận phương Tây. Lời của Ta, con người không muốn vứt bỏ nó đi và đồng thời không hiểu thấu, nhưng lại hạnh phúc hơn nữa vì có được nó. Mọi người đều vui mừng và hân hoan, ăn mừng việc Ta đến, như thể một đứa trẻ vừa được sinh ra. Bằng tiếng nói của Ta, Ta sẽ mang cả nhân loại đến trước Ta. Từ đó, Ta sẽ chính thức bước vào nhân loại để họ sẽ thờ phụng Ta. Với vinh quang mà Ta tỏa ra và lời từ miệng Ta, Ta sẽ khiến toàn nhân loại đến trước Ta và thấy rằng tia chớp lóe lên từ phương Đông và Ta cũng đã hạ xuống “Núi O-li-ve” ở phương Đông. Họ sẽ thấy rằng từ lâu Ta đã xuống trần, không phải với tư cách là Người Con của dân tộc Do Thái nữa mà là Tia chớp của phương Đông. Vì Ta đã phục sinh từ lâu, đã rời khỏi nhân loại, và sau đó tái xuất hiện với vinh quang giữa nhân loại. Ta là Đấng được thờ phụng từ cách đây rất lâu, và Ta cũng là đứa trẻ sơ sinh bị người Y-sơ-ra-ên bỏ rơi từ cách đây rất lâu. Hơn nữa, Ta là Đức Chúa Trời Toàn Năng vinh quang tột đỉnh của thời đại này! Hãy để tất cả tới trước ngai của Ta và thấy diện mạo vinh quang của Ta, nghe tiếng nói của Ta, và nhìn vào việc làm của Ta. Đây là toàn bộ ý muốn của Ta; đó là hồi kết và phần cao trào của kế hoạch của Ta, cũng như mục đích của sự quản lý của Ta: để mọi quốc gia thờ phụng Ta, mọi miệng lưỡi thừa nhận Ta, mọi người đặt đức tin vào Ta, và mọi người chịu khuất phục Ta!

Sự khác biệt cơ bản giữa Đức Chúa Trời nhập thể và người được Đức Chúa Trời sử dụng

Biết bao nhiêu năm qua, Thần của Đức Chúa Trời đã và đang tìm kiếm khi Ngài công tác trên trần thế, và biết bao nhiêu người đã được Đức Chúa Trời sử dụng để thực hiện công tác của Ngài xuyên suốt các thời đại. Vậy mà trong suốt thời gian này, Thần của Đức Chúa Trời chưa có một nơi nghỉ ngơi thích hợp, đó là lí do Đức Chúa Trời chuyển đổi giữa những người khác nhau để thực hiện công tác của Ngài. Tựu chung lại, chính qua con người mà công tác của Ngài được thực hiện. Nghĩa là, trong suốt những năm qua, công tác của Đức Chúa Trời chưa bao giờ ngừng lại, mà vẫn cứ được tiến hành trong con người cho đến tận ngày nay. Mặc dù Đức Chúa Trời đã phán dạy rất nhiều lời và đã làm rất nhiều việc, nhưng con người vẫn chưa biết đến Đức Chúa Trời, tất cả là vì Đức Chúa Trời chưa bao giờ xuất hiện với con người và cũng vì Ngài không có một thể hữu hình. Vì thế, Đức Chúa Trời phải hoàn tất công tác này – công tác khiến cho hết thảy con người đều biết được ý nghĩa thiết

thực của Đức Chúa Trời thực tế. Để đạt được mục đích này, Đức Chúa Trời phải tỏ lộ Thần của Ngài một cách hữu hình với con người và thực hiện công tác của Ngài ở giữa họ. Có nghĩa là chỉ khi Thần của Đức Chúa Trời mang hình dạng thuộc thể, mặc lấy xác thịt, và đi lại hiển hiện giữa mọi người, đồng hành cùng họ trong cuộc sống của họ, đôi khi lộ diện và đôi khi ẩn giấu, chỉ khi đó, mọi người mới có thể đạt được một sự hiểu biết sâu sắc hơn về Ngài. Nếu Đức Chúa Trời chỉ ở trong xác thịt, Ngài sẽ không thể nào hoàn tất trọn vẹn công tác của Ngài. Và sau khi làm việc trong xác thịt một thời gian, làm tròn chức vụ cần phải thi hành trong xác thịt, Đức Chúa Trời sẽ rời khỏi xác thịt và làm việc trong cõi tâm linh trong ảnh tượng của xác thịt, cũng như Jêsus đã làm sau khi Ngài làm việc một thời gian trong nhân tính bình thường và hoàn tất mọi công tác Ngài cần phải hoàn tất. Các người có lẽ vẫn nhớ đoạn này trong “Con Đường... (5)”: “Ta nhớ Cha của Ta nói với Ta rằng: ‘Trên đất, hãy chỉ cố gắng thực hiện ý muốn của Cha Người và hoàn thành sự ủy thác của Ngài. Người đừng bận tâm đến điều gì khác’”. Người thấy được điều gì qua đoạn trên? Khi Đức Chúa Trời đến trần thế, Ngài chỉ làm công tác của Ngài trong thần tính, là những gì mà Thần trên trời đã phó thác cho Đức Chúa Trời nhập thể. Khi Ngài đến, Ngài chỉ phán dạy khắp các vùng đất, để bày tỏ lời Ngài bằng những phương cách khác nhau và từ những góc độ khác nhau. Ngài chủ yếu lấy việc chu cấp và dạy bảo con người làm mục tiêu và nguyên tắc làm việc của Ngài, và không bận lòng về những thứ như các mối quan hệ nhân sinh hay những chi tiết trong đời sống của mọi người. Chức vụ chính của Ngài là phán thay cho Thần. Nghĩa là, khi Thần của Đức Chúa Trời xuất hiện hữu hình trong xác thịt, Ngài chỉ chu cấp cho sự sống của con người và ban phát lẽ thật. Ngài không can dự vào công việc của con người, tức là Ngài không tham gia vào công việc của nhân tính. Con người không thể làm công tác thần thánh, và Đức Chúa Trời không tham gia vào công việc của con người. Trong suốt những năm tháng kể từ khi Đức Chúa Trời đến thế gian này để thực hiện công tác của Ngài, Ngài đã luôn thực hiện nó thông qua những con người. Nhưng những con người này không thể được xem là Đức Chúa Trời nhập thể – mà chỉ là những người được Đức Chúa Trời sử dụng. Trong khi đó, Đức Chúa Trời của ngày nay có thể phán dạy trực tiếp từ góc độ của thần tính, phán tiếng của Thần và làm việc nhân danh Thần. Tương tự, tất cả những ai từng được Đức Chúa Trời sử dụng qua các thời đại cũng đều là những trường hợp Thần của Đức Chúa Trời làm việc trong thân thể xác thịt – vậy thì tại sao họ không thể được gọi là Đức Chúa Trời? Nhưng Đức Chúa Trời của ngày nay cũng là Thần của Đức Chúa Trời đang làm việc trực tiếp trong thể xác, và Jêsus cũng là Thần của Đức Chúa Trời làm việc trong xác thịt; cả hai đều được gọi là Đức Chúa Trời. Vậy sự khác biệt là gì?

Những người được Đức Chúa Trời sử dụng qua các thời đại đều có khả năng tư duy và lý trí bình thường. Họ đều hiểu những nguyên tắc đối nhân xử thế của con người. Họ đã có những tư tưởng bình thường của con người, và sở hữu tất cả những thứ mà người bình thường nên sở hữu. Hầu hết họ đều có tài năng kiệt xuất và trí thông minh bẩm sinh. Khi làm việc trên những người này, Thần của Đức Chúa Trời khai thác những tài năng của họ, chính là những ân tứ đã được Đức Chúa Trời ban cho. Thần của Đức Chúa Trời phát huy tài năng của họ, sử dụng những điểm mạnh của họ vào việc phục vụ Đức Chúa Trời. Thế nhưng, thực chất của Đức Chúa Trời thì không có những quan niệm hay suy nghĩ, không bị pha trộn với những ý định của con người, và thậm chí còn thiếu những gì mà con người bình thường sở hữu. Tức là, Ngài thậm chí còn không rành những nguyên tắc đối nhân xử thế của con người. Đức Chúa Trời của ngày nay đến trần thế như vậy đó. Công tác của Ngài và những lời của Ngài không bị trộn lẫn với những ý định hay suy nghĩ của con người, mà là sự biểu lộ trực tiếp những ý định của Thần, và Ngài làm việc trực tiếp thay mặt Đức Chúa Trời. Điều này có nghĩa là Thần trực tiếp phán dạy, tức là thần tính trực tiếp thực hiện công tác, mà không lẫn dù chỉ một chút những ý định của con người. Nói cách khác, Đức Chúa Trời nhập thể là hiện thân trực tiếp của thần tính, không mang suy nghĩ hay những quan niệm của con người, và không hiểu gì về những nguyên tắc đối nhân xử thế của con người. Nếu chỉ có thần tính làm việc (tức là nếu chỉ có bản thân Đức Chúa Trời làm việc), thì sẽ chẳng có cách nào để công tác của Đức Chúa Trời được triển khai trên đất. Bởi vậy, khi Đức Chúa Trời đến trần thế, Ngài phải có một số ít người Ngài sử dụng để làm việc trong nhân tính, kết hợp với công tác Đức Chúa Trời làm trong thần tính. Nói cách khác, Ngài dùng công việc của con người để duy trì công tác thần thánh của Ngài. Nếu không, sẽ chẳng có cách nào để con người tiếp xúc trực tiếp được với công tác thánh thần. Điều này cũng tương tự như Jê-sus với các môn đồ của Ngài. Trong thời gian Ngài tại thế, Jê-sus đã bãi bỏ các luật lệ cũ và thiết lập những điều răn mới. Ngài cũng phán dạy nhiều lời. Tất cả những việc này đều được làm trong thần tính. Những người khác như Phi-e-rơ, Phao-lô, và Giăng, tất cả đều đặt những công tác sau đó của họ trên nền tảng những lời của Jê-sus. Tức là, Đức Chúa Trời đã khởi động công tác của Ngài trong thời đại đó, mở ra Thời đại Ân điển; tức là Ngài đã mở ra một kỷ nguyên mới, bãi bỏ cái cũ, và cũng làm ứng nghiệm câu “Đức Chúa Trời là Đầu tiên và Cuối cùng”. Nói cách khác, con người phải thực hiện công tác của con người trên nền tảng của công tác thần thánh. Một khi Jê-sus đã phán hết những gì Ngài cần phán và hoàn tất công tác của Ngài trên đất, thì Ngài rời khỏi con người. Sau đó, tất cả mọi người, khi làm việc, đã làm theo những nguyên tắc được bày tỏ trong lời Ngài, và thực

hành theo những lẽ thật Ngài phán dạy. Tất cả những người này đều làm việc cho Jêsus. Nếu chỉ có một mình Jêsus làm công tác, thì cho dù Ngài có phán dạy bao nhiêu lời đi nữa, mọi người vẫn sẽ không có cách nào tiếp xúc được với lời Ngài, bởi Ngài đang làm việc trong thần tính và chỉ có thể nói những lời của thần tính, và Ngài không thể giải thích mọi thứ đến độ những con người bình thường có thể hiểu được lời Ngài. Vì thế, Ngài phải có những sứ đồ và những tiên tri đến sau Ngài để hỗ trợ cho công tác của Ngài. Đây là nguyên tắc Đức Chúa Trời nhập thể thực hiện công tác của Ngài – sử dụng xác thịt nhập thể để phán dạy và làm việc nhằm hoàn tất công tác của thần tính, và sau đó sử dụng một vài người, hoặc có thể nhiều hơn, những người hợp lòng với chính Đức Chúa Trời, để hỗ trợ cho công tác của Ngài. Có nghĩa là, Đức Chúa Trời sử dụng những người hợp lòng Ngài để làm công tác chăn dắt và chăm tưới trong nhân tính hầu cho dân sự được Đức Chúa Trời chọn có thể bước vào thực tế của lẽ thật.

Nếu khi Đức Chúa Trời nhập vào xác thịt, Ngài chỉ làm công tác của thần tính, và không có những người hợp lòng Ngài để làm việc phối hợp với Ngài, thì con người sẽ không thể hiểu được ý muốn của Đức Chúa Trời hay tiếp xúc được với Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời phải sử dụng những con người bình thường hợp lòng Ngài để hoàn tất công tác này, để trông nom và chăn dắt các hội thánh, hầu cho có thể đạt được mức độ mà quá trình nhận thức của con người, trí não của họ, có khả năng hình dung ra. Nói cách khác, Đức Chúa Trời sử dụng một số ít người hợp lòng Ngài để “dịch” công tác Ngài làm trong thần tính của Ngài, hầu cho nó có thể được mở ra – để chuyển thể ngôn ngữ thánh thần sang ngôn ngữ của con người, khiến cho mọi người có thể lĩnh hội và hiểu được. Nếu Đức Chúa Trời không làm vậy, sẽ chẳng ai hiểu ngôn ngữ thánh thần của Đức Chúa Trời, bởi những người hợp lòng Đức Chúa Trời, xét cho cùng, chỉ là thiểu số, và khả năng lĩnh hội của con người thì kém. Đó là lý do tại sao Đức Chúa Trời chọn phương pháp này chỉ khi làm việc trong xác thịt nhập thể. Nếu chỉ có công tác thánh thần, sẽ chẳng có cách nào để con người biết đến hay tiếp xúc được với Đức Chúa Trời, bởi con người không hiểu ngôn ngữ của Đức Chúa Trời. Con người chỉ có thể hiểu được ngôn ngữ này thông qua những người hợp lòng Đức Chúa Trời, những người làm sáng tỏ lời Ngài. Tuy nhiên, nếu chỉ có những người như vậy làm việc trong nhân tính, thì việc đó chỉ có thể duy trì cuộc sống bình thường của con người, chứ không thể chuyển hóa tâm tính của con người. Công tác của Đức Chúa Trời hẳn sẽ không thể có một khởi điểm mới nào; sẽ chỉ có những bài ca cũ, những lời vô vị cũ rích. Chỉ bằng cách thông qua Đức Chúa Trời nhập thể, Đấng phán những gì cần phán và làm những gì cần làm trong thời gian nhập thể của Ngài, mà sau đó mọi người mới làm việc và cảm nghiệm

theo lời Ngài, chỉ bằng cách ấy thì tâm tính sự sống của họ mới có thể thay đổi, và chỉ bằng cách ấy họ mới có thể đi theo thời đại. Đáng làm việc trong thần tính thì đại diện cho Đức Chúa Trời, trong khi những ai làm việc trong nhân tính là những người được sử dụng bởi Đức Chúa Trời. Có nghĩa là, Đức Chúa Trời nhập thể thực chất khác với những người được Đức Chúa Trời sử dụng. Đức Chúa Trời nhập thể có khả năng làm công tác của thần tính, trong khi những người được Đức Chúa Trời sử dụng thì không thể. Vào đầu mỗi thời đại, Thần của Đức Chúa Trời đích thân phán dạy và mở ra kỷ nguyên mới để đưa con người vào một sự khởi đầu mới. Khi Ngài đã phán dạy xong, cũng là lúc đánh dấu công tác của Đức Chúa Trời trong thần tính của Ngài được hoàn tất. Sau đó, tất cả mọi người đều theo sự dẫn dắt của những người được Đức Chúa Trời sử dụng mà bước vào sự cảm nghiệm cuộc sống. Tương tự như vậy, đây cũng là giai đoạn Đức Chúa Trời đưa con người vào thời đại mới và cho mọi người một xuất phát điểm mới – khi công tác trong xác thịt của Đức Chúa Trời kết thúc.

Đức Chúa Trời không đến trần thế để hoàn thiện nhân tính bình thường của Ngài, cũng không phải để thực hiện công tác của nhân tính bình thường. Ngài đến chỉ để làm công tác của thần tính trong nhân tính bình thường. Những gì Đức Chúa Trời phán về nhân tính bình thường không như mọi người tưởng tượng. Con người định nghĩa “nhân tính bình thường” là có vợ, hoặc có chồng, và có con trai con gái, như một bằng chứng cho thấy một người là người bình thường; nhưng Đức Chúa Trời không thấy như vậy. Ngài nhìn nhận nhân tính bình thường là có những suy nghĩ của con người bình thường, có đời sống của con người bình thường, và được sinh ra bởi những con người bình thường. Nhưng sự bình thường của Ngài không bao gồm việc có vợ, hay có chồng, và có con cái, theo cách mà con người nói về sự bình thường. Có nghĩa là, đối với con người, nhân tính bình thường mà Đức Chúa Trời nói đến là những gì con người sẽ xem như không có nhân tính, hầu như không có cảm xúc và dường như không có những nhu cầu xác thịt, cũng như Jêsus, Đáng chỉ có vẻ ngoài của một người bình thường và mang ngoại diện của một người bình thường, nhưng về bản chất thì không hoàn toàn sở hữu mọi thứ mà một con người bình thường nên có. Từ đây có thể thấy rằng thực chất của Đức Chúa Trời nhập thể không chứa đựng toàn bộ nhân tính bình thường, mà chỉ có một phần những gì con người nên có, nhằm hỗ trợ những hoạt động hằng ngày của đời sống con người bình thường và duy trì năng lực lý trí của con người bình thường. Nhưng những điều này không liên quan gì đến những thứ mà con người xem là nhân tính bình thường. Chúng là những gì Đức Chúa Trời nhập thể nên có. Tuy nhiên, có những người cứ khẳng định rằng Đức Chúa Trời nhập thể chỉ có thể được cho là sở hữu nhân tính

bình thường khi Ngài có vợ, có con trai con gái, có một gia đình; họ cho rằng không có những thứ này thì Ngài không phải là một người bình thường. Vậy thì ta hỏi người: “Đức Chúa Trời có vợ không? Có thể nào Đức Chúa Trời có chồng không? Đức Chúa Trời có thể có con cái không?” Những điều này chẳng phải là ngụy biện sao? Tuy thế, Đức Chúa Trời nhập thể chẳng thể nhảy ra từ khe nứt vách đá hay từ trên trời rơi xuống. Ngài chỉ có thể được sinh ra trong một gia đình con người bình thường. Đó là lí do vì sao Ngài có bố mẹ và các chị em. Đây là những điều mà nhân tính bình thường của Đức Chúa Trời nhập thể nên có. Đó là trường hợp của Jêsus; Jêsus có bố mẹ, có anh chị em, và tất cả những điều này đều bình thường. Nhưng nếu Ngài có vợ và có con trai con gái, thì nhân tính Ngài sẽ không thể là nhân tính bình thường mà Đức Chúa Trời dự định cho Đức Chúa Trời nhập thể sở hữu. Nếu như vậy, thì Ngài sẽ không thể nào làm việc nhân danh thần tính. Chính vì Ngài không có vợ con, và lại được sinh ra bởi người bình thường trong một gia đình bình thường, cho nên Ngài mới có thể thực hiện công tác của thần tính. Để làm rõ hơn điểm này, những gì Đức Chúa Trời xem là một người bình thường chính là một người được sinh ra trong một gia đình bình thường. Chỉ có một người như vậy mới có đủ điều kiện làm công tác thánh thần. Mặt khác, nếu một người có vợ con, hoặc có chồng, thì người đó sẽ không thể nào làm được công tác thánh thần, bởi vì họ chỉ sở hữu nhân tính bình thường mà con người đòi hỏi, chứ không phải nhân tính bình thường mà Đức Chúa Trời đòi hỏi. Những gì Đức Chúa Trời nhìn nhận, và những gì con người hiểu, thường khác nhau một trời một vực. Trong giai đoạn công tác này của Đức Chúa Trời, có nhiều điều đi ngược lại và khác xa những quan niệm của mọi người. Có thể nói rằng giai đoạn công tác này của Đức Chúa Trời bao gồm toàn bộ thần tính làm việc thực địa, cùng với nhân tính đóng vai trò hỗ trợ. Bởi vì Đức Chúa Trời đến trần thế để tự Ngài thực hiện công tác của mình, hơn là để con người nhúng tay vào, nên Ngài nhập thể vào xác thịt (vào một con người bình thường, bất toàn) để thực hiện công tác của Ngài. Ngài sử dụng sự nhập thể này để mang đến cho nhân loại một thời đại mới, để nói với nhân loại về bước tiếp theo trong công tác của Ngài, và để yêu cầu mọi người thực hành theo con đường đã được vạch ra trong lời Ngài. Nhờ vậy mà công tác của Đức Chúa Trời trong xác thịt được kết thúc; Ngài sắp sửa rời khỏi nhân loại, không còn ở trong xác thịt của nhân tính bình thường, mà rời xa con người để tiến hành phần việc khác trong công tác của Ngài. Sau đó, bằng cách sử dụng những người hợp lòng Ngài, Ngài tiếp tục công tác của Ngài trên đất giữa nhóm người này, nhưng trong nhân tính của họ.

Đức Chúa Trời nhập thể không thể ở cùng con người mãi được bởi vì Đức Chúa Trời còn rất nhiều công việc khác phải làm. Ngài không thể bị trói buộc trong xác thịt;

Ngài phải thoát khỏi xác thịt để làm những công việc Ngài phải làm, mặc dù Ngài làm việc đó trong ảnh tượng của xác thịt. Khi Đức Chúa Trời đến trần thế, Ngài không đợi cho đến khi Ngài đạt tới hình thái mà một con người bình thường nên đạt được trước khi chết và rời khỏi nhân loại. Bất kể xác thịt của Ngài bao nhiêu tuổi, khi công tác của Ngài được hoàn tất, Ngài ra đi và rời khỏi con người. Không có gì gọi là tuổi tác đối với Ngài, Ngài không tính tuổi đời của Ngài theo tuổi thọ của con người; thay vào đó, Ngài kết thúc cuộc sống của Ngài trong xác thịt theo các bước trong công tác của Ngài. Có thể có những người cho rằng Đức Chúa Trời, khi nhập vào xác thịt, phải già đi ở một mức độ nhất định, phải lớn lên thành một người trưởng thành, đến tuổi già, và chỉ rời đi khi thể xác không còn sử dụng được nữa. Đây chỉ là trí tưởng tượng của con người; Đức Chúa Trời không hoạt động như vậy. Ngài nhập vào xác thịt chỉ để thực hiện công tác Ngài phải làm, chứ không phải để sống một cuộc đời của con người bình thường như là được bố mẹ sinh ra, lớn lên, lập gia đình và bắt đầu sự nghiệp, có con và nuôi con, hoặc trải qua những thăng trầm trong cuộc sống – tất cả những hoạt động của một con người bình thường. Khi Đức Chúa Trời đến trần thế, đây là Thần của Đức Chúa Trời mặc lấy xác thịt, nhập vào xác thịt, nhưng Đức Chúa Trời không sống cuộc sống của một con người bình thường. Ngài chỉ đến để hoàn tất một phần trong kế hoạch quản lý của Ngài. Sau đó Ngài sẽ rời khỏi nhân loại. Khi Đức Chúa Trời nhập vào xác thịt, Thần của Ngài không hoàn thiện nhân tính bình thường của xác thịt. Thay vào đó, vào một thời điểm mà Đức Chúa Trời đã định trước, thần tính sẽ làm việc trực tiếp. Rồi sau khi làm tất cả mọi việc Ngài cần làm và hoàn thành đầy đủ chức vụ của Ngài, công tác của Thần Đức Chúa Trời ở giai đoạn này được hoàn tất, cũng là thời điểm mà sự sống của Đức Chúa Trời nhập thể kết thúc, bất kể thân thể xác thịt của Ngài đã sống hết tuổi thọ của nó hay chưa. Điều đó có nghĩa là, cho dù thân thể xác thịt đang ở giai đoạn nào của sự sống, cho dù nó đã sống bao lâu trên đất, thì mọi thứ đều được quyết định bởi công tác của Thần. Điều đó không liên quan đến những gì con người xem là nhân tính bình thường. Lấy Jesus làm ví dụ. Ngài đã sống trong xác thịt trong ba mươi ba năm rưỡi. Xét về tuổi thọ của thân xác con người, Ngài đáng lẽ đã không mất ở tuổi đó, và Ngài đáng lẽ đã không rời đi. Nhưng đây không phải việc Thần của Đức Chúa Trời bận tâm. Công tác của Ngài được hoàn tất, tại thời điểm đó thân xác đã được mang đi, biến mất cùng Thần. Đây là nguyên tắc Đức Chúa Trời làm việc trong xác thịt. Vì vậy, nói đúng ra, nhân tính của Đức Chúa Trời nhập thể không phải là điều quan trọng hàng đầu. Nhắc lại, Ngài đến trần thế không phải để sống cuộc sống của một con người bình thường. Ngài không tạo lập một cuộc sống con người bình thường trước rồi mới bắt đầu làm việc. Thay

vào đó, miễn là Ngài được sinh ra trong một gia đình con người bình thường, thì Ngài có thể thực hiện công tác thánh thần, công tác không bị ô tạp bởi những ý định của con người, không thuộc về xác thịt, chắc chắn không theo những lề thói của xã hội hay liên quan đến những suy nghĩ hoặc quan niệm của con người, và hơn nữa, không liên quan đến những triết lý sống của con người. Đây là công tác mà Đức Chúa Trời nhập thể dự định làm, và cũng là ý nghĩa thực tế của việc Ngài nhập thể. Đức Chúa Trời nhập vào xác thịt chủ yếu để thực hiện một giai đoạn công tác cần phải làm trong xác thịt, mà không trải qua những quy trình vật vãnh khác, và về những trải nghiệm của một con người bình thường thì Ngài không có. Công tác mà xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời cần phải làm không bao gồm những trải nghiệm của con người bình thường. Vì vậy, Đức Chúa Trời đến trong xác thịt chỉ để hoàn tất công tác Ngài cần phải hoàn tất trong xác thịt. Những thứ còn lại chẳng liên quan gì đến Ngài. Ngài không trải qua quá nhiều quy trình vật vãnh. Một khi công tác của Ngài được hoàn tất, thì ý nghĩa sự nhập thể của Ngài cũng kết thúc. Hoàn tất giai đoạn này tức là công tác Ngài cần thực hiện trong xác thịt đã khép lại, và chức vụ của xác thịt Ngài đã hoàn thành. Nhưng Ngài không thể cứ làm việc trong xác thịt vô thời hạn. Ngài phải tiếp tục đến một nơi khác để làm việc, một nơi ngoài xác thịt. Chỉ như vậy thì công tác của Ngài mới có thể được thực hiện đầy đủ và tiến tới hiệu quả hơn. Đức Chúa Trời làm việc theo kế hoạch ban đầu của Ngài. Những việc gì Ngài cần làm và những gì Ngài đã hoàn tất, Ngài nắm rõ như lòng bàn tay. Đức Chúa Trời dẫn dắt mọi cá nhân bước trên con đường mà Ngài đã định trước. Không ai có thể tránh khỏi điều này. Chỉ những ai làm theo sự chỉ dạy của Thần Đức Chúa Trời mới có thể bước vào sự nghỉ ngơi. Có thể là trong công tác sau này, sẽ không phải là Đức Chúa Trời phán trong xác thịt để dẫn dắt con người, mà là một Thần hữu hình sẽ hướng dẫn đời sống của con người. Chỉ khi ấy con người mới có thể thực sự chạm vào Đức Chúa Trời, nhìn thấy Đức Chúa Trời, và bước vào hiện thực mà Đức Chúa Trời đòi hỏi một cách hiệu quả hơn, để trở nên được hoàn thiện bởi Đức Chúa Trời thực tế. Đây là công tác mà Đức Chúa Trời dự định hoàn tất, và là điều mà Ngài đã lên kế hoạch từ lâu. Từ đây, hết thảy các người đều phải thấy con đường mình nên đi!

Trong đức tin phải tập trung vào tính hiện thực – Tham gia nghi thức tôn giáo không phải là đức tin

Bao nhiêu thực hành tôn giáo người tuân theo? Bao nhiêu lần người đã nổi loạn chống lại lời Đức Chúa Trời và đi theo con đường của riêng mình? Bao nhiêu lần người đưa lời Đức Chúa Trời vào thực hành vì người thực sự quan tâm đến những trọng trách của Đức Chúa Trời và tìm cách đáp ứng ý muốn của Đức Chúa Trời? Người nên hiểu được lời Đức Chúa Trời và đưa nó vào thực hành cho phù hợp. Hãy nguyên tắc trong mọi hành động và việc làm của mình, dù điều này không có nghĩa là tuân thủ những quy tắc hay miễn cưỡng làm điều gì chỉ để thể hiện; thay vào đó, điều này nghĩa là thực hành lẽ thật và sống theo lời Đức Chúa Trời. Chỉ thực hành như thế này mới làm thỏa lòng Đức Chúa Trời. Bất kỳ lối hành động nào làm hài lòng Đức Chúa Trời thì đều không phải là một quy tắc, mà là thực hành lẽ thật. Một số người rất hay thu hút sự chú ý đến bản thân. Trong sự hiện diện của anh chị em mình, họ có thể nói mình mắc nợ Đức Chúa Trời, nhưng sau lưng, họ không thực hành lẽ thật và hành động hoàn toàn khác. Những người này chẳng phải là những người Pha-ri-si sùng đạo sao? Một người thực sự yêu mến Đức Chúa Trời và sở hữu lẽ thật là một người trung thành với Đức Chúa Trời nhưng không khoe khoang ra bên ngoài như thế. Một người như vậy sẵn sàng thực hành lẽ thật khi những tình huống phát sinh, và không nói hay hành động theo cách đi ngược lại lương tâm họ. Loại người này thể hiện sự khôn ngoan khi những vấn đề phát sinh, và có nguyên tắc trong việc làm của mình bất kể hoàn cảnh nào. Kiểu người này có thể dâng sự phục vụ thật. Có một số người chỉ thường nói lời môi miệng về sự mắc nợ của họ với Đức Chúa Trời; họ thường dành cả ngày cau mày lo lắng, giả vờ tạo dáng và giả vờ đáng thương. Đáng khinh làm sao! Nếu người hỏi họ: “Anh / chị có thể nói tôi nghe anh / chị mắc nợ Đức Chúa Trời như thế nào không?” thì họ sẽ cứng họng. Nếu người trung thành với Đức Chúa Trời, thì đừng nói chuyện ra bên ngoài về việc đó; mà thay vào đó, hãy thể hiện sự yêu mến của người dành cho Đức Chúa Trời bằng cách thực hành thực sự, và cầu nguyện với Đức Chúa Trời bằng một tấm lòng thật. Những kẻ chỉ đối phó với Đức Chúa Trời bằng lời và hời hợt, tất cả đều là những kẻ đạo đức giả! Vài người nói về việc mắc nợ Đức Chúa Trời mỗi khi họ cầu nguyện, và bắt đầu khóc lóc mỗi khi họ cầu nguyện, ngay cả khi không được Đức Thánh Linh cảm thúc. Những người như thế này bị ám ảnh bởi những nghi thức tôn giáo và quan niệm; họ sống theo những nghi thức và quan niệm như vậy, luôn luôn tin rằng những hành động đó làm hài lòng Đức Chúa Trời và rằng Đức Chúa Trời chiếu cố sự ngoan

đạo bề ngoài hay những giọt nước mắt buồn đau. Có gì tốt đẹp ở những người ngu ngốc như vậy chứ? Để thể hiện sự khiêm nhường, vài người giả vờ hòa nhã khi nói chuyện trước mặt người khác. Vài người cố tình hạ mình trước mặt người khác, hành xử như những chú cừu không có chút sức mạnh nào. Đây có phải là cung cách thích hợp với dân sự của vương quốc không? Dân sự của vương quốc nên hoạt bát và tự do, trung thực và cởi mở, lương thiện và đáng mến, và sống trong một trạng thái tự do. Họ phải có tính chính trực và phẩm giá và có khả năng đứng ra làm chứng bất cứ nơi đâu họ đến; những người như vậy được yêu mến bởi cả Đức Chúa Trời và con người. Những ai là người mới trong đức tin có quá nhiều sự thực hành bề ngoài; trước tiên họ phải trải qua một giai đoạn được xử lý và bị phá vỡ. Những người có đức tin vào Đức Chúa Trời ở trong sâu thẳm thì không thể phân biệt được với những người khác ở bề ngoài, nhưng những hành động và việc làm của họ thì đáng khen ngợi. Chỉ những người như vậy mới được coi là sống thể hiện ra lời Đức Chúa Trời. Nếu người giảng Phúc Âm mỗi ngày cho những người khác nhau trong nỗ lực đem họ đến sự cứu rỗi, nhưng cuối cùng vẫn đang sống theo các quy tắc và giáo lý, thì người không thể đem lại vinh hiển cho Đức Chúa Trời. Những người như vậy là những nhân vật tôn giáo, cũng như là những kẻ đạo đức giả. Bất cứ khi nào những người sùng đạo tụ họp, họ có thể hỏi: “Chị à, đạo này chị thế nào?” Chị ấy có thể trả lời: “Tôi cảm thấy tội nợ Đức Chúa Trời, và rằng tôi không thể thỏa mãn ý muốn Đức Chúa Trời”. Người khác có thể nói: “Tôi cũng cảm thấy mắc nợ Đức Chúa Trời và rằng mình không thể làm Đức Chúa Trời hài lòng”. Chỉ riêng những câu từ này thôi cũng đã thể hiện những điều hèn hạ sâu thẳm trong lòng họ; những lời như vậy là đáng ghê tởm nhất, và cực kỳ gớm ghiếc. Bản tính của những người như vậy là đối lập với Đức Chúa Trời. Những người tập trung vào hiện thực thì trao đổi bất kỳ điều gì trong tâm trí họ, và mở lòng trong sự thông công. Họ không làm một việc gì giả dối, cũng không thể hiện những phép lịch sự như vậy hay những lời khách sáo trống rỗng. Họ luôn thẳng thắn, và không tuân theo những quy tắc thế tục. Một vài người có khuynh hướng thể hiện ra ngoài, thậm chí đến mức hoàn toàn thiếu ý thức. Khi một ai đó ca hát, họ bắt đầu nhảy múa, thậm chí không nhận ra rằng cơm trong nôi của họ đã cháy khét. Những người như vậy không ngoan đạo hay đáng tôn kính, và họ quá phù phiếm. Toàn bộ những điều này là biểu hiện của việc thiếu tính hiện thực. Khi một vài người thông công về các vấn đề của đời sống tâm linh, dù họ không nói đến việc nợ bất cứ điều gì với Đức Chúa Trời, họ vẫn giữ một tình yêu thực sự dành cho Đức Chúa Trời ở sâu thẳm. Cảm giác mắc nợ Đức Chúa Trời của người không liên quan gì đến người khác; người mắc nợ Đức Chúa Trời, chứ không mắc nợ nhân loại. Người được lợi ích gì khi mãi nói về điều này với người khác? Người

phải coi trọng việc bước vào hiện thực, chứ không phải sự nhiệt thành hay thể hiện bề ngoài. Những việc làm tốt lành bề ngoài của con người đại diện cho điều gì? Chúng đại diện cho xác thịt, và thậm chí những thực hành bề ngoài tốt nhất cũng không đại diện cho đời sống; chúng chỉ thể hiện tính khí cá nhân của chính người. Những thực hành bên ngoài của nhân loại không thể hoàn thành những mong muốn của Đức Chúa Trời. Người liên tục nói về việc người mắc nợ Đức Chúa Trời, thế nhưng người không thể cung cấp cho đời sống của những người khác hay truyền cảm hứng cho họ yêu mến Đức Chúa Trời. Người có tin rằng những hành động đó của người sẽ làm Đức Chúa Trời hài lòng không? Người cảm thấy rằng những hành động của mình phù hợp với ý muốn của Đức Chúa Trời, và chúng thuộc về tâm linh, nhưng thật ra thì tất cả chúng đều nực cười! Người tin rằng những gì làm mình hài lòng và những gì người sẵn lòng làm chính xác là những điều mà Đức Chúa Trời vui thích. Những điều người thích có thể đại diện cho Đức Chúa Trời không? Tính cách của một người có thể đại diện cho Đức Chúa Trời không? Điều làm người vừa lòng chính xác là điều Đức Chúa Trời ghê tởm, và những thói quen của người là thứ Đức Chúa Trời ghê tởm và loại bỏ. Nếu người cảm thấy mắc nợ, thì hãy đi cầu nguyện trước Đức Chúa Trời; không cần phải nói về điều đó với những người khác. Nếu người không cầu nguyện trước Đức Chúa Trời, và thay vào đó liên tục thu hút sự chú ý về bản thân mình trước mắt mọi người, thì điều này có thể thỏa mãn ý muốn của Đức Chúa Trời sao? Nếu các hành động của người luôn chỉ tồn tại trong vẻ bề ngoài, thì điều này nghĩa là người cực kỳ vô dụng. Hạng người nào là những kẻ chỉ thực hiện những việc tốt bề ngoài và không có thực tế? Những kẻ như vậy chỉ là những người Pha-ri-si giả hình và những nhân vật tôn giáo! Nếu các người không loại bỏ những thực hành bề ngoài và không thể thay đổi, thì những yếu tố đạo đức giả trong các người sẽ còn tăng trưởng hơn nữa. Những yếu tố đạo đức giả của người càng lớn, thì càng có nhiều sự chống đối Đức Chúa Trời. Cuối cùng thì những người như vậy chắc chắn sẽ bị loại bỏ!

Chỉ những ai biết về công tác của Đức Chúa Trời ngày nay mới có thể hầu việc Đức Chúa Trời

Để mang lời chứng cho Đức Chúa Trời và để làm nhục con rồng lớn sắc đỏ, một người phải có một nguyên tắc và phải đáp ứng một điều kiện: Người đó phải yêu mến Đức Chúa Trời trong lòng mình và bước vào lời Ngài. Nếu người không bước vào lời Đức Chúa Trời, thì người sẽ không có cách nào làm nhục Sa-tan. Thông qua

sự trưởng thành trong đời sống của mình, người từ bỏ con rồng lớn sắc đỏ và mang sự sỉ nhục cực độ đến cho nó; chỉ điều này mới thực sự là làm nhục con rồng lớn sắc đỏ. Người càng sẵn sàng đưa lời Đức Chúa Trời vào thực hành bao nhiêu, bằng chứng về tình yêu dành cho Đức Chúa Trời và sự ghê tởm con rồng lớn sắc đỏ của người càng lớn bấy nhiêu; người càng vâng phục lời Đức Chúa Trời bao nhiêu, bằng chứng về sự khao khát lẽ thật của người càng lớn bấy nhiêu. Những người không khao khát lời Đức Chúa Trời là những người không có sự sống. Những người như thế là những người ở bên ngoài lời Đức Chúa Trời, những người thuộc về tôn giáo. Những ai thật sự tin vào Đức Chúa Trời đều có một kiến thức sâu sắc hơn về lời Đức Chúa Trời thông qua việc ăn uống lời Ngài. Nếu người không khao khát lời Đức Chúa Trời, thì người không thể thực sự ăn uống lời Ngài, và nếu người không có kiến thức về lời Đức Chúa Trời, thì người không có phương tiện nào để chứng thực về Đức Chúa Trời hoặc làm thỏa lòng Đức Chúa Trời.

Trong khi tin vào Đức Chúa Trời, một người nên biết Đức Chúa Trời như thế nào? Một người nên biết đến Đức Chúa Trời dựa trên lời và công tác của Đức Chúa Trời ngày nay, không có sự lầm đường lạc lối hay nguy hiểm, và, trước hết, người đó nên biết về công tác của Đức Chúa Trời. Đây là nền tảng của việc biết Đức Chúa Trời. Tất cả những sự nguy hiểm khác nhau mà thiếu mất sự hiểu biết thuần túy về lời Đức Chúa Trời đều là những quan niệm tôn giáo; chúng là những hiểu biết lệch lạc và sai trật. Kỹ năng tuyệt vời nhất của các nhân vật tôn giáo là lấy lời Đức Chúa Trời được hiểu trong quá khứ và đo lường với lời Đức Chúa Trời ngày nay. Nếu như, khi hầu việc Đức Chúa Trời của ngày hôm nay, người lại bám vào những điều đã được sự khai sáng của Đức Thánh Linh mặc khải trong quá khứ, thì sự hầu việc của người sẽ gây ra sự phá vỡ, và sự thực hành của người sẽ bị lỗi thời, không hơn gì một nghi lễ tôn giáo. Nếu người tin rằng những ai hầu việc Đức Chúa Trời phải có vẻ ngoài khiêm nhường và kiên nhẫn trong số những tố chất khác, và nếu ngày nay người đưa loại kiến thức này vào thực hành, thì kiến thức như thế là quan niệm tôn giáo; sự thực hành như thế đã trở thành một biểu hiện giả hình. Cụm từ “những quan niệm tôn giáo” đề cập đến những điều cổ lỗ và lỗi thời (bao gồm cả sự hiểu biết về những lời Đức Chúa Trời đã phán trước đây và sự sáng đã được tỏ lộ trực tiếp bởi Đức Thánh Linh), và nếu ngày nay chúng được đưa vào thực hành, thì chúng phá vỡ công tác của Đức Chúa Trời và không mang lại lợi ích gì cho con người. Nếu mọi người không thể gột sạch những điều đó khỏi họ, những điều thuộc về những quan niệm tôn giáo, thì những điều này sẽ trở thành một trở ngại lớn cho sự hầu việc Đức Chúa Trời của họ. Những người có những quan niệm tôn giáo không có cách nào theo kịp các bước công tác của Đức Thánh Linh – họ bị tụt lại đằng sau một bước,

rồi hai bước. Đây là bởi vì những quan niệm tôn giáo này làm con người trở nên tự nên công chính và kiêu ngạo vô cùng. Đức Chúa Trời không cảm thấy luyến tiếc về những điều Ngài đã phán và đã làm trong quá khứ; nếu điều gì đó lỗi thời, Ngài loại bỏ nó. Người không thể thực sự buông bỏ những quan niệm của mình sao? Nếu như người bám vào những lời Đức Chúa Trời đã phán trong quá khứ, điều này có chứng minh rằng người biết về công tác của Đức Chúa Trời không? Nếu người không thể chấp nhận sự sáng của Đức Thánh Linh ngày nay, và thay vì vậy lại bám vào sự sáng của quá khứ, điều này có thể chứng minh rằng người đi theo bước chân của Đức Chúa Trời không? Phải chăng người vẫn không thể buông bỏ những quan niệm tôn giáo? Nếu là như vậy, thì người sẽ trở thành kẻ chống đối Đức Chúa Trời.

Nếu mọi người có thể buông bỏ những quan niệm tôn giáo, họ sẽ không dùng tâm trí mình để đo lường lời và công tác của Đức Chúa Trời ngày nay, và thay vì vậy sẽ trực tiếp vâng phục. Cho dù công tác của Đức Chúa Trời ngày nay rõ ràng là không giống với công tác trong quá khứ, nhưng người vẫn có thể buông bỏ những quan điểm của quá khứ và trực tiếp vâng phục công việc của Đức Chúa Trời ngày nay. Nếu người có khả năng hiểu rằng, người vẫn phải xem trọng hàng đầu công tác của Đức Chúa Trời ngày nay, bất kể Đức Chúa Trời đã làm như thế nào trong quá khứ, thì người là người đã buông bỏ những quan niệm của mình, là người vâng lời Đức Chúa Trời, và là người có thể vâng phục công tác cùng lời Đức Chúa Trời và đi theo bước chân của Ngài. Trong trường hợp này, người sẽ là người thực sự vâng lời Đức Chúa Trời. Người không phân tích hay xem xét kỹ lưỡng công tác của Đức Chúa Trời; điều này như thể Đức Chúa Trời đã quên công tác trước đây của Ngài, và người cũng đã quên nó. Hiện tại là hiện tại, quá khứ là quá khứ, và vì ngày nay, Đức Chúa Trời đã gác sang một bên điều Ngài đã làm trong quá khứ, nên người không nên chăm chú vào nó. Chỉ có người như vậy mới là người hoàn toàn vâng phục Đức Chúa Trời và hoàn toàn buông bỏ những quan niệm tôn giáo của mình.

Bởi vì luôn có những sự phát triển mới trong công tác của Đức Chúa Trời, cho nên có công tác trở thành lỗi thời và cũ kỹ khi công tác mới phát sinh. Những loại công tác khác nhau này, cũ và mới, không mâu thuẫn, mà bổ sung cho nhau; mỗi bước đều tiếp nối bước trước đó. Bởi vì có công tác mới, nên dĩ nhiên, những thứ cũ phải bị loại bỏ. Ví dụ, một vài thông lệ lâu đời và những câu nói quen thuộc của con người, cộng với kinh nghiệm và sự thuyết giảng nhiều năm của con người, đã hình thành nên đủ kiểu và dạng quan niệm trong tâm trí của con người. Việc Đức Chúa Trời vẫn chưa tỏ lộ toàn bộ gương mặt thật và tâm tính vốn có của Ngài với con người, cùng với sự truyền bá, trong nhiều năm, về các học thuyết truyền thống

từ thời xa xưa, còn tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc hình thành những quan niệm như vậy của con người. Có thể nói rằng, trong suốt quá trình con người tin vào Đức Chúa Trời, ảnh hưởng của những quan niệm khác nhau đã dẫn đến sự hình thành và phát triển liên tục đủ loại hiểu biết mang tính quan niệm về Đức Chúa Trời trong dân chúng, điều đã khiến nhiều người mộ đạo hầu việc Đức Chúa Trời trở thành kẻ thù của Ngài. Vì thế, những quan niệm tôn giáo của con người càng mạnh bao nhiêu, thì họ càng chống đối Đức Chúa Trời, và trở nên kẻ thù của Đức Chúa Trời bấy nhiêu. Công tác của Đức Chúa Trời luôn luôn mới và không bao giờ cũ; nó không bao giờ hình thành nên giáo lý, thay vào đó liên tục thay đổi và được đổi mới không nhiều thì ít. Làm việc theo cách này là một biểu hiện của tâm tính vốn có của chính Đức Chúa Trời. Nó cũng là nguyên tắc vốn có của công tác của Đức Chúa Trời, và là một trong những phương tiện để Đức Chúa Trời hoàn thành việc quản lý của Ngài. Nếu như Đức Chúa Trời không làm theo cách này, thì con người sẽ không thay đổi hoặc có thể biết đến Đức Chúa Trời, và Sa-tan sẽ không bị đánh bại. Do đó, trong công tác của Đức Chúa Trời, những thay đổi liên tục xảy ra có vẻ thất thường, nhưng thực ra là theo định kỳ. Tuy nhiên, cách thức con người tin Đức Chúa Trời thì hoàn toàn khác. Con người bám vào các giáo lý và hệ thống cũ, quen thuộc, và chúng càng cũ bao nhiêu thì chúng càng dễ chấp nhận đối với họ bấy nhiêu. Làm sao mà tâm trí ngu dại của con người, một tâm trí cứng rắn như đá, lại có thể chấp nhận được chừng ấy công tác mới và lời phán mới không thể dò lường được của Đức Chúa Trời? Con người căm ghét Đức Chúa Trời là Đấng luôn luôn mới và không bao giờ cũ; họ chỉ thích một Đức Chúa Trời già, Đấng có râu tóc bạc phơ và luôn ở một chỗ. Vậy thì, bởi vì Đức Chúa Trời và con người đều có sở thích riêng, nên con người đã trở thành kẻ thù của Đức Chúa Trời. Nhiều sự mâu thuẫn trong số này thậm chí vẫn còn tồn tại ngày nay, tại thời điểm mà Đức Chúa Trời đã và đang làm công tác mới trong gần sáu nghìn năm. Khi đó chúng vô phương cứu chữa. Có lẽ chính vì tính ngang bướng của con người, hoặc tính không thể vi phạm các sắc lệnh quản trị của Đức Chúa Trời bởi bất kỳ ai – mà những giáo sĩ nam và nữ đó vẫn bám vào những quyển sách và giấy tờ mốc meo cũ kỹ, trong khi Đức Chúa Trời tiếp tục với công tác quản lý chưa hoàn thành của Ngài, như thể Ngài không có ai ở bên cạnh. Dù những mâu thuẫn này khiến Đức Chúa Trời và con người trở thành kẻ thù, và thậm chí không thể giải quyết được, nhưng Đức Chúa Trời không để ý đến chúng, như thể chúng vừa ở đó và vừa không có ở đó. Tuy nhiên, con người vẫn trung thành với niềm tin và những ý niệm của mình, và không bao giờ buông bỏ chúng. Tuy nhiên một điều hiển nhiên là: Mặc dù con người không đi chệch khỏi lập trường của mình, nhưng bàn chân của Đức Chúa Trời luôn luôn di chuyển và Ngài luôn luôn thay đổi

lập trường của mình tùy theo môi trường. Cuối cùng, chính con người sẽ bị đánh bại dù không có trận chiến nào. Trong khi đó, Đức Chúa Trời là kẻ thù lớn nhất của tất cả những kẻ thù đã bị đánh bại của Ngài, và cũng là nhà vô địch của nhân loại đã bị đánh bại cũng như chưa bị đánh bại. Ai có thể cạnh tranh với Đức Chúa Trời và chiến thắng? Những quan niệm của con người dường như đến từ Đức Chúa Trời bởi vì phần nhiều trong số đó được sinh ra sau công tác của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời không tha thứ cho con người vì điều này, hơn nữa, Đức Chúa Trời cũng không tuân lời khen ngợi con người vì đã tạo ra hàng loạt những sản phẩm “dành cho Đức Chúa Trời” theo sau công tác của Đức Chúa Trời, thứ nằm ngoài công tác của Ngài. Thay vào đó, Đức Chúa Trời vô cùng ghê tởm những quan điểm và niềm tin cũ kỹ, sùng đạo của con người, và thậm chí còn không muốn thừa nhận ngay mà những quan niệm này lần đầu xuất hiện. Đức Chúa Trời tuyệt nhiên không chấp nhận rằng những quan niệm này do công việc của Đức Chúa Trời tạo ra, vì những quan niệm của con người được truyền bá bởi con người; nguồn gốc của chúng là những suy nghĩ và tâm trí của con người – không phải Đức Chúa Trời, mà là Sa-tan. Ý định của Đức Chúa Trời đã luôn nhằm để công tác của Ngài mới và còn sống, không cũ và chết, và những điều mà Đức Chúa Trời lệnh cho con người tuân thủ thay đổi theo thời đại và giai đoạn, và không phải là vĩnh cửu và bất biến. Đây là vì Ngài là Đức Chúa Trời, là Đấng khiến con người sống và tươi mới, chứ không phải là một con quỷ khiến con người chết và già cỗi. Chẳng lẽ các người vẫn không hiểu điều này? Người có những quan niệm về Đức Chúa Trời và không có khả năng buông bỏ chúng bởi vì người bảo thủ. Không phải là vì có quá ít ý nghĩa trong công tác của Đức Chúa Trời, hay vì công tác của Đức Chúa Trời đi trạch khỏi những mong muốn của con người, hơn nữa, cũng không phải vì Đức Chúa Trời luôn cầu thả trong nhiệm vụ của Ngài. Người không thể buông bỏ các quan niệm của mình là vì người quá thiếu sự vâng lời, và vì người không có chút gì hình tượng giống với một tạo vật; chứ không phải vì Đức Chúa Trời đang làm khó người. Người gây ra tất cả điều này, và nó không liên quan gì đến Đức Chúa Trời; tất cả đau khổ và bất hạnh đều do con người tạo ra. Những ý nghĩ của Đức Chúa Trời luôn luôn tốt đẹp: Đức Chúa Trời không muốn khiến người tạo ra các quan niệm, mà muốn người thay đổi và được đổi mới qua các thời đại. Tuy nhiên, người không biết được điều gì tốt cho mình, và luôn luôn xem xét hoặc phân tích. Không phải là Đức Chúa Trời đang làm khó người, mà là người không tôn kính Đức Chúa Trời, và sự bất tuân của người quá lớn. Một tạo vật nhỏ bé mà dám lấy một phần vật vãnh nào đó trong số những thứ đã được Đức Chúa Trời ban cho từ trước, rồi quay lại và sử dụng nó để tấn công Đức Chúa Trời – đây chẳng phải là sự bất

tuân của con người sao? Con người, công bằng mà nói, hoàn toàn không đủ tư cách để bày tỏ ý kiến của mình trước Đức Chúa Trời, và càng không đủ tư cách để tùy ý phô trương thứ ngôn ngữ hoa mỹ, mục ruỗng, thói tha, vô giá trị của họ – chưa kể đến những quan niệm mớ meo đó. Chẳng phải chúng càng vô giá trị hơn sao?

Một người thực sự hầu việc Đức Chúa Trời là người hợp lòng Đức Chúa Trời, là người phù hợp để Đức Chúa Trời sử dụng, và là người có thể buông bỏ những quan niệm tôn giáo. Nếu người muốn việc ăn uống lời Đức Chúa Trời của người có hiệu quả, thì người phải buông bỏ những quan niệm tôn giáo của mình. Nếu người muốn hầu việc Đức Chúa Trời, thì điều cần thiết hơn nữa là trước tiên phải buông bỏ các quan niệm tôn giáo và vâng phục lời Đức Chúa Trời trong mọi việc. Đây chính là điều một người hầu việc Đức Chúa Trời nên có. Nếu người thiếu kiến thức này, thì ngay khi người hầu việc, người sẽ gây ra sự phá vỡ và sự nhiễu loạn, và nếu người bám lấy các quan niệm của mình, thì người chắc chắn sẽ bị Đức Chúa Trời hạ gục, không bao giờ đứng dậy được. Hãy lấy hiện tại làm ví dụ: Nhiều lời phán và công tác của ngày nay không tương thích với Kinh Thánh, và với công tác Đức Chúa Trời đã làm trước đây, và nếu người không muốn vâng phục, thì người có thể sa ngã bất cứ lúc nào. Nếu người muốn hầu việc theo ý muốn của Đức Chúa Trời, thì trước tiên người phải buông bỏ những quan niệm tôn giáo và điều chỉnh các quan điểm của chính mình. Nhiều điều sẽ được phán sẽ không tương thích với những điều đã được phán trong quá khứ, và nếu người bây giờ thiếu ý chí để vâng phục, thì người sẽ không thể đi trên con đường phía trước. Nếu một trong những phương pháp làm việc của Đức Chúa Trời đã bén rễ bên trong người và người không bao giờ buông bỏ nó, thì phương pháp này sẽ trở thành quan niệm tôn giáo của người. Nếu Đức Chúa Trời là gì đã bén rễ trong người, thì người đã có được lẽ thật, và nếu lời và lẽ thật của Đức Chúa Trời có khả năng trở thành sự sống của người, thì người sẽ không còn có các quan niệm về Đức Chúa Trời. Những ai sở hữu hiểu biết thực sự về Đức Chúa Trời sẽ không có các quan niệm và sẽ không bị ràng buộc bởi giáo lý.

Hãy đặt những câu hỏi này để giữ cho bản thân người cảnh giác:

1. Kiến thức trong người có cản trở sự hầu việc Đức Chúa Trời của người không?
2. Có bao nhiêu hoạt động thực hành tôn giáo trong cuộc sống hàng ngày của người? Nếu người chỉ ra vẻ mộ đạo, thì điều này có nghĩa là đời sống của người đã tăng trưởng và trưởng thành không?
3. Khi người ăn uống lời Đức Chúa Trời, người có thể buông bỏ các quan niệm tôn giáo của mình không?
4. Khi người cầu nguyện, người có thể dẹp bỏ các nghi lễ tôn giáo không?
5. Người có phải là người phù hợp để Đức Chúa Trời sử dụng không?

6. Bao nhiêu kiến thức về Đức Chúa Trời của người có chứa đựng những quan niệm tôn giáo?

Hiểu biết về công tác mới nhất của Đức Chúa Trời và đi theo dấu chân Ngài

Giờ đây, các người phải theo đuổi việc trở thành dân sự của Đức Chúa Trời, và sẽ bắt đầu bước hẳn vào con đường đúng. Là dân sự của Đức Chúa Trời nghĩa là bước vào Thời đại Vương quốc. Ngày nay, các người chính thức bắt đầu bước vào sự huấn luyện của vương quốc, và đời sống tương lai của các người sẽ không còn chênh mảng và cầu thả như trước; sống theo kiểu đó không thể đạt được các tiêu chuẩn Đức Chúa Trời yêu cầu. Nếu người không cảm nhận được bất kỳ sự cấp bách nào, thì điều này cho thấy rằng người không có mong muốn cải thiện bản thân, rằng sự theo đuổi của người lộn xộn và rối rắm, và người không có khả năng thực hiện ý muốn của Đức Chúa Trời. Bước vào sự huấn luyện của vương quốc có nghĩa là bắt đầu đời sống của dân sự của Đức Chúa Trời – người có sẵn sàng chấp nhận sự huấn luyện như vậy không? Người có sẵn sàng cảm thấy một ý thức về sự cấp bách không? Người có sẵn sàng sống dưới sự sửa dạy của Đức Chúa Trời không? Người có sẵn sàng sống dưới hình phạt của Đức Chúa Trời không? Khi lời của Đức Chúa Trời nói đến người và thử luyện người, người sẽ hành động thế nào? Và người sẽ làm gì khi đương đầu với đủ kiểu sự việc? Trong quá khứ, sự tập trung của người không phải vào sự sống; ngày nay, người phải tập trung bước vào thực tế của sự sống, và theo đuổi những thay đổi trong tâm tính sống của mình. Đây là điều dân sự của vương quốc phải đạt được. Tất cả những ai là dân sự của Đức Chúa Trời phải có sự sống, họ phải chấp nhận sự huấn luyện của vương quốc, và theo đuổi những thay đổi trong tâm tính sống của mình. Đây là điều Đức Chúa Trời đòi hỏi đối với dân sự của vương quốc.

Những yêu cầu của Đức Chúa Trời đối với dân sự của vương quốc như sau:

1. Họ phải chấp nhận những sự ủy nhiệm của Đức Chúa Trời. Điều này có nghĩa là họ phải chấp nhận tất cả những lời được phán ra trong công tác thời kỳ sau rốt của Đức Chúa Trời.

2. Họ phải bước vào sự huấn luyện của vương quốc.

3. Họ phải theo đuổi việc để lòng mình được Đức Chúa Trời cảm hóa. Khi lòng người đã hoàn toàn hướng về Đức Chúa Trời, và người có một đời sống thuộc linh bình thường, thì người sẽ sống trong cõi tự do, nghĩa là người sẽ sống dưới sự chăm sóc và bảo vệ của tình yêu thương của Đức Chúa Trời. Chỉ khi nào người sống dưới

sự chăm sóc và bảo vệ của Đức Chúa Trời thì người mới thuộc về Đức Chúa Trời.

4. Họ phải được Đức Chúa Trời thu nhận.

5. Họ phải trở thành một biểu hiện cho sự vinh hiển của Đức Chúa Trời trên đất.

Năm điểm này là những sự ủy nhiệm của Ta cho các người. Lời Ta được phán ra cho dân sự của Đức Chúa Trời, và nếu người không sẵn sàng chấp nhận những sự ủy nhiệm này, Ta sẽ không ép buộc người – nhưng nếu người thật sự chấp nhận chúng, thì người sẽ có thể làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Ngày nay, các người bắt đầu chấp nhận những sự ủy nhiệm của Đức Chúa Trời, theo đuổi việc trở thành dân sự của vương quốc và việc đạt được các tiêu chuẩn cần thiết để trở thành dân sự của vương quốc. Đây là bước đầu tiên để bước vào. Nếu người muốn làm trọn ý muốn của Đức Chúa Trời, thì người phải chấp nhận năm sự ủy nhiệm này, và nếu người có thể đạt được chúng, người sẽ hợp lòng Đức Chúa Trời và chắc chắn Đức Chúa Trời sẽ trọng dụng người. Điều quan trọng ngày nay là bước vào sự huấn luyện của vương quốc. Bước vào sự huấn luyện của vương quốc liên quan đến đời sống thuộc linh. Trước đây không có nói về đời sống thuộc linh, nhưng ngày nay, khi người bắt đầu bước vào sự huấn luyện của vương quốc, người chính thức bước vào đời sống thuộc linh.

Đời sống thuộc linh là loại đời sống gì? Đời sống thuộc linh là một đời sống mà lòng người đã hoàn toàn hướng về Đức Chúa Trời, và có thể quan tâm đến tình yêu thương của Đức Chúa Trời. Đó là một đời sống mà người sống trong những lời của Đức Chúa Trời, không có gì khác chiếm giữ lòng người, người có thể nắm bắt ý muốn của Đức Chúa Trời ngày nay, và được sự sáng của Đức Thánh Linh ngày nay dẫn dắt để thực hiện bổn phận của mình. Một đời sống như thế giữa con người và Đức Chúa Trời là đời sống thuộc linh. Nếu người không thể đi theo sự sáng của ngày nay, thì đã bắt đầu có một khoảng cách trong mối quan hệ của người với Đức Chúa Trời – nó thậm chí có thể đã bị cắt đứt – và người không có một đời sống thuộc linh bình thường. Một mối quan hệ bình thường với Đức Chúa Trời được xây dựng trên nền tảng chấp nhận những lời của Đức Chúa Trời ngày nay. Người có một đời sống thuộc linh bình thường không? Người có mối quan hệ bình thường với Đức Chúa Trời không? Người có phải là người đi theo công tác của Đức Thánh Linh không? Nếu người có thể đi theo sự sáng của Đức Thánh Linh ngày nay, có thể nắm bắt ý muốn của Đức Chúa Trời trong những lời của Ngài, và bước vào những lời này, thì người là người đi theo dòng chảy của Đức Thánh Linh. Nếu người không đi theo dòng chảy của Đức Thánh Linh, thì chắc chắn người là người không theo đuổi lẽ thật. Đức Thánh Linh không có cơ hội hoạt động trong những người không có mong muốn cải thiện bản thân, và kết quả là những người như thế không bao giờ có thể

dồn sức, và luôn luôn thụ động. Ngày nay, người có đi theo dòng chảy của Đức Thánh Linh không? Người có đang ở trong dòng chảy của Đức Thánh Linh không? Người đã thoát khỏi trạng thái thụ động chưa? Tất cả những ai tin vào lời Đức Chúa Trời, những ai lấy công tác của Đức Chúa Trời làm nền tảng, và đi theo sự sáng của Đức Thánh Linh ngày nay – tất cả họ đều đang ở trong dòng chảy của Đức Thánh Linh. Nếu người tin rằng lời Đức Chúa Trời hoàn toàn đúng và chính xác, và nếu người tin vào lời Đức Chúa Trời bất kể Ngài phán gì, thì người là người theo đuổi sự bước vào công tác của Đức Chúa Trời, và bằng cách này, người thực hiện ý muốn của Đức Chúa Trời.

Để bước vào dòng chảy của Đức Thánh Linh, người phải có một mối quan hệ bình thường với Đức Chúa Trời, và trước tiên người phải tự thoát khỏi trạng thái thụ động của mình. Một vài người luôn chạy theo đám đông, và lòng họ lạc khỏi Đức Chúa Trời quá xa; những người như thế không có mong muốn cải thiện bản thân, và những tiêu chuẩn họ theo đuổi quá thấp. Chỉ có theo đuổi tình yêu dành cho Đức Chúa Trời và được Đức Chúa Trời thu nhận mới là ý muốn của Đức Chúa Trời. Có những người chỉ dùng lương tâm của mình để báo đáp tình yêu thương của Đức Chúa Trời, nhưng điều này không thể đáp ứng được ý muốn của Đức Chúa Trời; các tiêu chuẩn người theo đuổi càng cao, thì sẽ càng phù hợp với ý muốn của Đức Chúa Trời. Là một người bình thường, và là người theo đuổi tình yêu dành cho Đức Chúa Trời, bước vào vương quốc để trở thành một trong những dân sự của Đức Chúa Trời là tương lai đích thực của các người, và là một cuộc sống có giá trị và ý nghĩa nhất; không ai được phước hơn các người. Tại sao Ta phán điều này? Bởi vì những ai không tin vào Đức Chúa Trời thì sống vì xác thịt, và họ sống vì Sa-tan, nhưng ngày nay các người sống vì Đức Chúa Trời, và sống để thực hiện ý muốn của Đức Chúa Trời. Đó là lý do tại sao Ta phán rằng cuộc sống của các người có ý nghĩa nhất. Chỉ nhóm người này, những người đã được Đức Chúa Trời chọn, mới có thể sống trọn một cuộc đời có ý nghĩa nhất: Không ai khác trên đất có thể sống trọn một cuộc đời có giá trị và ý nghĩa như thế. Bởi vì các người đã được Đức Chúa Trời lựa chọn, đã được Đức Chúa Trời nâng lên, và hơn thế nữa, bởi vì tình yêu thương của Đức Chúa Trời dành cho các người, nên các người đã nắm bắt được sự sống thật, và biết cách sống một cuộc đời có giá trị nhất. Điều này không phải vì sự theo đuổi của các người tốt, mà là vì ân điển của Đức Chúa Trời; chính Đức Chúa Trời đã mở đôi mắt thuộc linh của các người, và chính Thần của Đức Chúa Trời đã cảm hóa tấm lòng các người, ban cho các người may mắn được đến trước nhan Ngài. Nếu Thần của Đức Chúa Trời không khai sáng người, thì người sẽ không có khả năng thấy được sự đáng mến của Đức Chúa Trời, và người cũng không thể yêu

Đức Chúa Trời. Hoàn toàn là vì Thần của Đức Chúa Trời đã cảm hóa tấm lòng của mọi người mà tấm lòng họ đã hướng về Đức Chúa Trời. Đôi lúc, khi người đang tận hưởng những lời của Đức Chúa Trời, linh hồn người được cảm hóa, và người cảm thấy rằng người không thể không yêu Đức Chúa Trời, rằng có một sức mạnh to lớn trong người, và rằng không có gì mà người không thể gạt sang một bên. Nếu người cảm thấy như vậy, thì người đã được Thần của Đức Chúa Trời cảm hóa, tấm lòng người đã hoàn toàn hướng về Đức Chúa Trời, và người sẽ cầu nguyện với Đức Chúa Trời, thưa rằng: “Lạy Đức Chúa Trời! Chúng con thực sự đã được Ngài định trước và lựa chọn. Sự vinh hiển của Ngài cho con niềm tự hào, và con cảm thấy vinh dự khi được là một trong những dân sự của Ngài. Con sẽ dâng bất cứ điều gì và cho đi bất cứ thứ gì để thực hiện ý muốn của Ngài, và con sẽ dành trọn những năm tháng của con, và cả đời nỗ lực của con cho Ngài”. Khi người cầu nguyện như thế này, trong lòng người sẽ có một tình yêu bất tận và sự vâng phục thực sự đối với Đức Chúa Trời. Người đã bao giờ có một trải nghiệm như thế này chưa? Nếu mọi người thường xuyên được Thần của Đức Chúa Trời cảm hóa, thì họ đặc biệt sẵn lòng dâng mình cho Đức Chúa Trời trong những lời cầu nguyện của họ: “Lạy Đức Chúa Trời! Con ao ước được nhìn thấy ngày vinh hiển của Ngài, và con ao ước được sống vì Ngài – không gì xứng đáng hay ý nghĩa hơn là được sống vì Ngài, và con không muốn sống vì Sa-tan và xác thịt chút nào. Ngài nâng con lên bằng cách cho con được sống vì Ngài hôm nay”. Khi người đã cầu nguyện theo cách này, người sẽ cảm thấy rằng người không thể không dâng lòng mình cho Đức Chúa Trời, rằng người phải có được Đức Chúa Trời, và rằng người sẽ ghét phải chết mà chưa có được Đức Chúa Trời trong khi người còn sống. Sau khi cầu nguyện như thế, sẽ có một sức mạnh vô tận trong người, và người sẽ không biết nó đến từ đâu; trong lòng người sẽ có một nguồn năng lượng vô hạn, và người sẽ có cảm nhận rằng Đức Chúa Trời thật đáng mến, và rằng Ngài xứng đáng được yêu. Đây là lúc người đã được Đức Chúa Trời cảm hóa. Tất cả những ai có kinh nghiệm như thế đều đã được Đức Chúa Trời cảm hóa. Với những ai thường được Đức Chúa Trời cảm hóa, những thay đổi diễn ra trong đời sống của họ, họ có thể hạ quyết tâm và sẵn sàng có được Đức Chúa Trời một cách trọn vẹn, tình yêu dành cho Đức Chúa Trời trong lòng họ mạnh mẽ hơn, lòng họ hoàn toàn hướng về Đức Chúa Trời, họ không quan tâm đến gia đình, thế gian, những vướng bận, hay tương lai của mình, và họ sẵn sàng tận hiến cả đời nỗ lực cho Đức Chúa Trời. Tất cả những ai đã được Thần của Đức Chúa Trời cảm hóa đều là những người theo đuổi lẽ thật, và là những người có hy vọng được Đức Chúa Trời làm cho hoàn thiện.

Người đã hướng lòng mình về Đức Chúa Trời chưa? Tấm lòng người đã được

Thần của Đức Chúa Trời cảm hóa chưa? Nếu người chưa bao giờ có một kinh nghiệm như thế, và nếu người chưa bao giờ cầu nguyện theo cách đó, thì điều này cho thấy Đức Chúa Trời không có chỗ trong lòng người. Tất cả những ai được Thần của Đức Chúa Trời hướng dẫn và những ai đã được Thần của Đức Chúa Trời cảm hóa đều sở hữu công tác của Đức Chúa Trời, điều cho thấy lời Đức Chúa Trời và tình yêu thương của Đức Chúa Trời đã bén rễ trong họ. Một vài người nói: “Tôi không cầu nguyện tha thiết như bạn, tôi cũng không được Đức Chúa Trời cảm hóa nhiều; đôi khi – lúc tôi suy ngẫm và cầu nguyện – tôi cảm thấy Đức Chúa Trời thật đáng mến, và lòng tôi được Đức Chúa Trời cảm hóa.” Không gì quan trọng hơn tấm lòng của con người. Khi tấm lòng người đã hướng về Đức Chúa Trời, toàn bộ con người của người sẽ hướng về Đức Chúa Trời, và khi đó tấm lòng người sẽ được Thần của Đức Chúa Trời cảm hóa. Phần lớn các người đã có một kinh nghiệm như thế – chỉ là bề dày kinh nghiệm của các người không giống nhau. Một vài người nói: “Tôi không cầu nguyện dài, tôi chỉ lắng nghe sự tương giao của những người khác và sức mạnh trời dậy trong tôi”. Điều này cho thấy người đã được Đức Chúa Trời cảm hóa ở bên trong. Những người được Đức Chúa Trời cảm hóa bên trong được soi dẫn khi họ nghe sự tương giao của những người khác; nếu tấm lòng của một người vẫn không hề lay động khi nghe những lời soi dẫn, thì điều này chứng tỏ công tác của Đức Thánh Linh không ở trong họ. Không có sự khao khát nào bên trong họ, chứng tỏ họ không có quyết tâm, và vì thế họ không có công tác của Đức Thánh Linh. Nếu một người đã được Đức Chúa Trời cảm hóa, họ sẽ có phản ứng khi nghe những lời của Đức Chúa Trời; nếu họ chưa được Đức Chúa Trời cảm hóa, thì họ không can dự đến những lời của Đức Chúa Trời, họ không có liên quan gì đến chúng, và họ không có khả năng được khai sáng. Những ai đã nghe những lời của Đức Chúa Trời và không có phản ứng nào là những người chưa được Đức Chúa Trời cảm hóa – họ là những người không có công tác của Đức Thánh Linh. Tất cả những ai có thể chấp nhận sự sáng mới đều được cảm hóa, và sở hữu công tác của Đức Thánh Linh.

Hãy tự đánh giá bản thân:

1. Người có đang ở trong công tác hiện tại của Đức Thánh Linh không?
2. Tấm lòng của người đã hướng về Đức Chúa Trời chưa? Người đã được Đức Chúa Trời cảm hóa chưa?
3. Lời Đức Chúa Trời đã bén rễ trong người chưa?
4. Việc thực hành của người có được xây dựng dựa trên nền tảng các yêu cầu của Đức Chúa Trời không?
5. Người có sống dưới sự hướng dẫn của sự sáng hiện tại của Đức Thánh Linh không?

6. Lòng người bị các quan niệm cũ thống trị, hay là được lời của Đức Chúa Trời ngày nay thống trị?

Sau khi nghe những lời này, phản ứng bên trong các người là gì? Đã tin tưởng suốt những năm qua, người có lấy lời Đức Chúa Trời làm sự sống của mình không? Đã có sự thay đổi nào trong tâm tính bại hoại trước đây của người chưa? Theo lời của Đức Chúa Trời ngày nay, người có biết có sự sống là gì, và không có sự sống là gì không? Điều này có rõ ràng với các người không? Điều quan trọng nhất trong việc đi theo Đức Chúa Trời chính là mọi thứ phải phù hợp với lời của Đức Chúa Trời ngày nay: Cho dù người đang theo đuổi sự bước vào sự sống hay việc thực hiện ý muốn của Đức Chúa Trời, mọi thứ đều nên xoay quanh lời của Đức Chúa Trời ngày nay. Nếu những gì người tương giao và theo đuổi không xoay quanh lời của Đức Chúa Trời ngày nay, thì người là một người xa lạ với lời Đức Chúa Trời, và hoàn toàn không có công tác của Đức Thánh Linh. Điều Đức Chúa Trời muốn là những người đi theo dấu chân của Ngài. Cho dù những gì người hiểu trước đây có tuyệt vời và thuần khiết đến đâu, thì Đức Chúa Trời cũng không muốn điều đó, và nếu người không thể gạt những thứ như thế sang một bên, thì chúng sẽ là trở ngại to lớn cho sự bước vào của người trong tương lai. Tất cả những ai có thể đi theo sự sáng hiện tại của Đức Thánh Linh đều được ban phước. Dân sự trong các thời đại trước cũng đã đi theo dấu chân của Đức Chúa Trời, nhưng họ đã không thể đi theo cho đến ngày nay; đây là các phước lành của những con người thuộc thời kỳ sau rốt. Những ai có thể đi theo công tác hiện tại của Đức Thánh Linh, và những ai có thể đi theo dấu chân của Đức Chúa Trời, đến mức đi theo Đức Chúa Trời đến bất cứ nơi nào Ngài dẫn dắt họ – đây là những người được Đức Chúa Trời ban phước. Những ai không đi theo công tác hiện tại của Đức Thánh Linh thì chưa bước vào công tác của lời Đức Chúa Trời, và cho dù họ làm việc nhiều đến đâu, hay nỗi đau khổ của họ lớn dường nào, hay họ chạy ngược chạy xuôi nhiều như thế nào, thì cũng không điều nào trong số đó có bất kỳ nghĩa lý gì đối với Đức Chúa Trời, và Ngài sẽ không khen ngợi họ. Ngày nay, tất cả những ai làm theo những lời hiện tại của Đức Chúa Trời đều đang ở trong dòng chảy của Đức Thánh Linh; những ai là người xa lạ với lời của Đức Chúa Trời ngày nay đều ở bên ngoài dòng chảy của Đức Thánh Linh, và những người như thế không được Đức Chúa Trời khen ngợi. Sự hầu việc tách biệt khỏi những lời phán hiện tại của Đức Thánh Linh là sự hầu việc của xác thịt, và của các quan niệm, và nó không thể nào phù hợp với ý muốn của Đức Chúa Trời. Nếu mọi người sống giữa những quan niệm tôn giáo, thì họ không thể làm bất cứ điều gì phù hợp với ý muốn của Đức Chúa Trời, và mặc dù họ hầu việc Đức Chúa Trời, họ hầu việc trong những tưởng tượng và quan niệm của họ, và hoàn toàn không

có khả năng hầu việc theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Những ai không thể đi theo công tác của Đức Thánh Linh thì không hiểu ý muốn của Đức Chúa Trời, và những ai không hiểu ý muốn của Đức Chúa Trời thì không thể hầu việc Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời muốn sự hầu việc hợp lòng chính Ngài; Ngài không muốn sự hầu việc của những quan niệm và xác thịt. Nếu mọi người không có khả năng đi theo các bước trong công tác của Đức Thánh Linh, thì họ sống giữa những quan niệm. Sự hầu việc của những người như thế làm gián đoạn và gây nhiễu loạn, sự hầu việc như thế đi ngược lại với Đức Chúa Trời. Vì vậy những ai không thể đi theo dấu chân của Đức Chúa Trời thì không có khả năng hầu việc Đức Chúa Trời; những ai không thể đi theo dấu chân của Đức Chúa Trời chắc chắn chống đối Đức Chúa Trời, và không có khả năng tương hợp với Đức Chúa Trời. “Đi theo công tác của Đức Thánh Linh” nghĩa là hiểu được ý muốn của Đức Chúa Trời ngày nay, có thể hành động phù hợp với những yêu cầu hiện nay của Đức Chúa Trời, có thể vâng phục và đi theo Đức Chúa Trời của ngày nay, và bước vào phù hợp với những lời phán mới nhất của Đức Chúa Trời. Chỉ người này mới là người đi theo công tác của Đức Thánh Linh và ở trong dòng chảy của Đức Thánh Linh. Những người như thế không những có thể nhận được sự khen ngợi của Đức Chúa Trời và nhìn thấy Đức Chúa Trời, mà còn có thể biết được tâm tính của Đức Chúa Trời từ công tác mới nhất của Đức Chúa Trời, và có thể biết được những quan niệm và sự bất tuân của con người, cũng như bản tính cùng bản chất của con người, từ công tác mới nhất của Ngài; hơn thế nữa, họ có thể dần dần có được những thay đổi trong tâm tính mình trong thời gian hầu việc. Chỉ những người như thế này mới là những người có thể có được Đức Chúa Trời, và là những người thực sự tìm thấy con đường thật. Những ai bị công tác của Đức Thánh Linh loại bỏ là những người không có khả năng đi theo công tác mới nhất của Đức Chúa Trời, và là những người dấy loạn chống lại công tác mới nhất của Đức Chúa Trời. Những người như thế công khai chống đối Đức Chúa Trời là vì Đức Chúa Trời đã làm công tác mới, và vì ảnh tượng của Đức Chúa Trời không giống như ảnh tượng trong quan niệm của họ – kết quả là họ công khai chống đối Đức Chúa Trời và phán xét Đức Chúa Trời, khiến Đức Chúa Trời ghê tởm và loại bỏ họ. Sở hữu kiến thức về công tác mới nhất của Đức Chúa Trời là một vấn đề không hề dễ dàng, nhưng nếu mọi người có ý định vâng phục công tác của Đức Chúa Trời và tìm kiếm công tác của Đức Chúa Trời, thì họ sẽ có cơ hội được thấy Đức Chúa Trời, và sẽ có cơ hội có được sự hướng dẫn mới nhất của Đức Thánh Linh. Những ai cố tình chống đối công tác của Đức Chúa Trời không thể nhận được sự khai sáng của Đức Thánh Linh hay sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời. Do đó, việc mọi người có thể nhận được công tác mới nhất của Đức Chúa Trời hay không

phụ thuộc vào ân điển của Đức Chúa Trời, phụ thuộc vào sự theo đuổi của họ, và phụ thuộc vào ý định của họ.

Tất cả những ai có thể vâng theo những lời phán hiện tại của Đức Thánh Linh đều được ban phước. Không quan trọng họ đã từng như thế nào, hay Đức Thánh Linh đã từng hoạt động bên trong họ ra sao – những ai đã có được công tác mới nhất của Đức Chúa Trời là những người được phước nhất, và những ai không thể đi theo công tác mới nhất ngày nay đều bị loại bỏ. Đức Chúa Trời muốn những người có thể chấp nhận sự sáng mới, và Ngài muốn những người chấp nhận và biết đến công tác mới nhất của Ngài. Tại sao nói rằng người phải là một trinh nữ tinh sạch? Nữ đồng trinh trong sạch có thể tìm kiếm công tác của Đức Thánh Linh và hiểu được những điều mới mẻ, hơn nữa, có thể gạt sang một bên những quan niệm cũ, và vâng phục công tác của Đức Chúa Trời ngày nay. Nhóm người này, những người chấp nhận công tác mới nhất của ngày nay, đã được định trước các thời đại bởi Đức Chúa Trời, và là những người được phước nhất. Các người trực tiếp nghe tiếng Đức Chúa Trời, nhìn thấy sự xuất hiện của Đức Chúa Trời, và vì thế, trên khắp trời đất, và xuyên suốt các thời đại, không ai được phước hơn các người, nhóm người này. Tất cả là bởi công tác của Đức Chúa Trời, bởi sự định trước và lựa chọn của Đức Chúa Trời, và bởi ân điển của Đức Chúa Trời; nếu Đức Chúa Trời không phán và thốt ra những lời của Ngài, thì điều kiện của các người có thể được như ngày nay không? Vì vậy, nguyện cho Đức Chúa Trời được mọi sự vinh hiển và ngợi khen, vì tất cả những điều này đều là nhờ Đức Chúa Trời nâng người lên. Với những điều này trong tâm trí, người vẫn còn có thể thụ động sao? Sức mạnh của người vẫn không thể trỗi dậy sao?

Việc người có thể chấp nhận sự phán xét, hình phạt, sự đánh đòn, và sự tinh luyện của lời Đức Chúa Trời, hơn thế nữa, có thể chấp nhận những sự ủy nhiệm của Đức Chúa Trời, đã được Đức Chúa Trời định trước các thời đại, và vì thế người chớ quá đau buồn khi bị hành phạt. Không ai có thể lấy đi công tác đã được thực hiện nơi các người cùng các phước lành đã được ban cho các người, và không ai có thể lấy đi tất cả những gì đã được ban cho các người. Những người theo tôn giáo không thể so sánh với các người. Các người không có kiến thức chuyên môn sâu về Kinh Thánh, và không được trang bị lý thuyết tôn giáo, nhưng bởi vì Đức Chúa Trời đã làm việc bên trong các người, nên các người đã có được nhiều hơn bất kỳ ai qua các thời đại – và vì thế, đây là phước lành lớn nhất của các người. Bởi điều này, các người càng phải tận hiến cho Đức Chúa Trời nhiều hơn nữa, và càng phải trung thành với Đức Chúa Trời nhiều hơn nữa. Bởi vì Đức Chúa Trời nâng người lên, người phải tăng cường nỗ lực của mình, và phải chuẩn bị sẵn sàng vóc giặc của

mình để chấp nhận những sự ủy nhiệm của Đức Chúa Trời. Người phải đứng vững tại vị trí Đức Chúa Trời đã ban cho người, theo đuổi việc trở thành một trong những dân sự của Đức Chúa Trời, chấp nhận sự huấn luyện của vương quốc, được Đức Chúa Trời thu nhận và cuối cùng trở thành một minh chứng vinh hiển cho Đức Chúa Trời. Người có những quyết tâm này không? Nếu người có những quyết tâm như thế, thì cuối cùng chắc chắn người sẽ được Đức Chúa Trời thu nhận, và sẽ trở thành một minh chứng vinh hiển cho Đức Chúa Trời. Người nên hiểu rằng, sự ủy nhiệm quan trọng nhất là được Đức Chúa Trời thu nhận và trở thành một bằng chứng vinh hiển cho Đức Chúa Trời. Đây là ý muốn của Đức Chúa Trời.

Lời của Đức Thánh Linh ngày nay là động lực hoạt động của Đức Thánh Linh, và sự khai sáng con người liên tục của Đức Thánh Linh trong suốt thời kỳ này là xu hướng hoạt động của Đức Thánh Linh. Và xu hướng hoạt động của Đức Thánh Linh ngày nay là gì? Đó là dẫn dắt mọi người vào công tác của Đức Chúa Trời ngày nay, và vào một đời sống thuộc linh bình thường. Có một vài bước để bước vào một đời sống thuộc linh bình thường:

1. Trước tiên, người phải dốc lòng mình vào những lời của Đức Chúa Trời. Người chớ theo đuổi những lời Đức Chúa Trời trong quá khứ, và chớ nghiên cứu chúng hay so sánh chúng với những lời của ngày nay. Thay vào đó, người phải dốc hết lòng mình vào những lời hiện tại của Đức Chúa Trời. Nếu có những người vẫn còn muốn đọc lời Đức Chúa Trời, những sách thuộc linh, hay những bản ký thuật lại bài giảng trong quá khứ, và là những người không làm theo lời của Đức Thánh Linh ngày nay, thì họ là những người ngu ngốc nhất. Đức Chúa Trời khinh ghét những người như thế. Nếu người sẵn sàng chấp nhận sự sáng của Đức Thánh Linh ngày nay, thì hãy dốc hết lòng mình vào những lời phán của Đức Chúa Trời ngày nay. Đây là điều đầu tiên người phải đạt được.

2. Người phải cầu nguyện trên nền tảng những lời được Đức Chúa Trời phán ngày nay, bước vào lời Đức Chúa Trời và tương giao với Đức Chúa Trời, cũng như hạ quyết tâm trước Đức Chúa Trời, thiết lập những tiêu chuẩn nào người muốn theo đuổi để đạt được.

3. Người phải theo đuổi việc đi sâu vào lẽ thật dựa trên nền tảng công tác của Đức Thánh Linh ngày nay. Đừng bám vào những lời phán và lý thuyết lỗi thời từ quá khứ.

4. Người phải mưu cầu được Đức Thánh Linh cảm hóa, và bước vào những lời của Đức Chúa Trời.

5. Người phải theo đuổi sự bước vào con đường Đức Thánh Linh ngày nay đang đi.

Và người mưu cầu được Đức Thánh Linh cảm hóa như thế nào? Điều quan trọng nhất là sống trong những lời hiện tại của Đức Chúa Trời, và cầu nguyện dựa trên nền tảng những yêu cầu của Đức Chúa Trời. Sau khi đã cầu nguyện theo cách này, Đức Thánh Linh chắc chắn sẽ cảm hóa người. Nếu người không tìm kiếm dựa trên nền tảng những lời Đức Chúa Trời phán ngày nay, thì điều này không có kết quả. Người nên cầu nguyện, và thưa rằng: “Lạy Đức Chúa Trời! Con chống đối Ngài, và con nợ Ngài rất nhiều; con quá bất tuân, và không bao giờ có thể làm đẹp lòng Ngài. Lạy Đức Chúa Trời, con mong Ngài cứu rỗi con, con mong hầu việc Ngài cho đến tận cùng, con mong được chết vì Ngài. Ngài phán xét con và hành phạt con, và con không hề phàn nàn; con chống đối Ngài và con đáng phải chết, để cho tất cả mọi người có thể thấy tâm tính công chính của Ngài trong sự chết của con”. Khi người cầu nguyện trong lòng mình theo cách này, Đức Chúa Trời sẽ nghe thấy người, và sẽ hướng dẫn người; nếu người không cầu nguyện trên nền tảng những lời của Đức Thánh Linh ngày nay, thì không thể nào Đức Thánh Linh cảm hóa người. Nếu người cầu nguyện theo ý muốn của Đức Chúa Trời, và theo những gì Đức Chúa Trời muốn làm ngày nay, người sẽ thưa: “Lạy Đức Chúa Trời! Con mong muốn chấp nhận những sự ủy nhiệm của Ngài và trung tín với những sự ủy nhiệm của Ngài, và con sẵn sàng tận hiến cả cuộc đời mình cho sự vinh hiển của Ngài, để cho tất cả những gì con làm có thể đạt được tiêu chuẩn dân sự của Đức Chúa Trời. Xin cho lòng con được Ngài cảm hóa. Con mong Thần của Ngài luôn khai sáng cho con, để khiến tất cả những gì con làm đều mang đến sự hổ thẹn cho Sa-tan, hầu cho cuối cùng con được Ngài thu nhận”. Nếu người cầu nguyện theo cách này, theo cách xoay quanh ý muốn của Đức Chúa Trời, thì Đức Thánh Linh chắc chắn sẽ hoạt động trong người. Không quan trọng lời cầu nguyện của người có bao nhiêu từ – điều mấu chốt là người có nắm bắt được ý muốn của Đức Chúa Trời hay không. Tất cả các người có thể đã có kinh nghiệm sau: Đôi lúc, trong khi đang cầu nguyện trong một buổi nhóm họp, những động lực hoạt động của Đức Thánh Linh lên đến đỉnh điểm, khiến cho sức mạnh của mỗi người trỗi dậy. Một vài người khóc lóc cay đắng và đổ lệ trong khi cầu nguyện, lòng tràn ngập sự ăn năn trước Đức Chúa Trời, còn một vài người tỏ lòng quyết tâm, và tuyên thệ. Đó là hiệu quả đạt được bởi công tác của Đức Thánh Linh. Ngày nay, điều quan trọng nhất là tất cả mọi người phải dốc hết lòng mình vào những lời của Đức Chúa Trời. Đừng tập trung vào những lời đã được phán trước đây; nếu người vẫn bám vào những điều đã xảy đến trước đây, thì Đức Thánh Linh sẽ không hoạt động trong người. Người có thấy điều này quan trọng như thế nào không?

Các người có biết con đường Đức Thánh Linh đang bước đi ngày nay không?

Một vài điểm ở trên là những gì sẽ được Đức Thánh Linh hoàn thành ngày nay và trong tương lai; chúng là con đường Đức Thánh Linh bước đi, và là sự bước vào mà con người phải theo đuổi. Khi bước vào sự sống, ít nhất người phải dốc lòng mình vào những lời của Đức Chúa Trời, và có thể chấp nhận sự phán xét cùng hình phạt của lời Đức Chúa Trời; lòng của người phải khao khát Đức Chúa Trời, người phải theo đuổi việc đi sâu vào lẽ thật, và những mục tiêu Đức Chúa Trời yêu cầu. Khi người sở hữu sức mạnh này, thì nó cho thấy người đã được Đức Chúa Trời cảm hóa, và lòng người đã bắt đầu hướng về Đức Chúa Trời.

Bước đầu tiên khi bước vào sự sống là dốc hết lòng mình vào những lời của Đức Chúa Trời, và bước thứ hai là chấp nhận được Đức Thánh Linh cảm hóa. Hiệu quả cần đạt được khi chấp nhận được Đức Thánh Linh cảm hóa là gì? Đó là có thể khao khát, tìm kiếm, và khám phá một lẽ thật sâu sắc hơn, và có khả năng hợp tác với Đức Chúa Trời một cách tích cực. Ngày nay, người hợp tác với Đức Chúa Trời, nghĩa là có một mục tiêu cho sự theo đuổi của người, cho những lời cầu nguyện của người, và cho sự tương giao của người về lời Đức Chúa Trời, và người thực hiện bổn phận của mình theo những yêu cầu của Đức Chúa Trời – chỉ đây mới là hợp tác với Đức Chúa Trời. Nếu người chỉ nói về việc để Đức Chúa Trời hành động, nhưng không có bất cứ hành động nào, không cầu nguyện cũng không tìm kiếm, thì đây có thể được gọi là hợp tác không? Nếu người không có chút hợp tác nào bên trong, và không được huấn luyện để bước vào có mục tiêu, thì người đang không hợp tác. Một vài người nói: “Mọi thứ đều phụ thuộc vào sự định trước của Đức Chúa Trời, tất cả đều do chính Đức Chúa Trời thực hiện; nếu Đức Chúa Trời không làm điều đó, thì làm sao con người có thể làm được?” Công tác của Đức Chúa Trời bình thường, không có chút gì là siêu nhiên, và chỉ thông qua sự tìm kiếm tích cực của người thì Đức Thánh Linh mới hoạt động, vì Đức Chúa Trời không ép buộc con người – người phải cho Đức Chúa Trời cơ hội để làm việc, và nếu người không theo đuổi hay bước vào, và nếu trong lòng người không có một chút khao khát nào, thì Đức Chúa Trời không có cơ hội làm việc. Người có thể mưu cầu được Đức Chúa Trời cảm hóa qua con đường nào? Qua sự cầu nguyện, và đến gần Đức Chúa Trời hơn. Nhưng quan trọng nhất, hãy nhớ, điều đó phải dựa trên nền tảng những lời Đức Chúa Trời đã phán. Khi người thường xuyên được Đức Chúa Trời cảm hóa, người không bị làm nô lệ cho xác thịt: Chồng, vợ, con cái, và tiền bạc – tất cả đều không có khả năng xiềng xích người, và người chỉ mong muốn theo đuổi lẽ thật và sống trước nhan Đức Chúa Trời. Khi ấy, người sẽ là người sống trong cõi tự do.

Đức Chúa Trời hoàn thiện những ai hợp lòng Ngài

Đức Chúa Trời giờ đây muốn thu phục một nhóm người nhất định, một nhóm người gồm những người khao khát muốn hợp tác với Ngài, những người có thể vâng phục công việc của Ngài, những người tin rằng lời Đức Chúa Trời nói là thật, và những người có thể đưa các yêu cầu của Đức Chúa Trời vào thực hành; họ là những người có sự hiểu biết thật tự thâm tâm mình, họ là những người có thể được hoàn thiện, và họ thế nào rồi cũng sẽ có thể đi theo con đường của sự hoàn thiện. Những kẻ không thể được hoàn thiện là những kẻ không hiểu rõ về công việc của Đức Chúa Trời, những kẻ không ăn và uống lời Đức Chúa Trời, những kẻ không chú tâm đến lời Đức Chúa Trời, và những kẻ không hề có tình yêu dành cho Đức Chúa Trời trong lòng mình. Những kẻ hoài nghi Đức Chúa Trời nhập thể, luôn đắn đo về Ngài, không bao giờ coi trọng lời Ngài và luôn lừa dối Ngài là những kẻ chống đối Đức Chúa Trời và thuộc về Sa-tan; không có cách nào để hoàn thiện những kẻ ấy.

Nếu người muốn được hoàn thiện, thì trước hết người phải được Đức Chúa Trời yêu mến, bởi vì Ngài hoàn thiện những ai Ngài yêu mến và hợp lòng Ngài. Nếu người mong muốn hợp lòng Đức Chúa Trời, thì người phải có tâm vâng phục công việc của Ngài, người phải cố gắng theo đuổi lẽ thật, và người phải đón nhận sự dò xét của Đức Chúa Trời trong mọi sự. Tất cả những gì người làm đã qua sự dò xét của Đức Chúa Trời chưa? Ý định của người có đúng đắn không? Nếu ý định của người đúng, thì Đức Chúa Trời sẽ khen ngợi người; nếu ý định của người sai, điều này cho thấy rằng lòng người không yêu kính Đức Chúa Trời, mà yêu xác thịt và Sa-tan. Do vậy, người phải sử dụng việc cầu nguyện như một cách để đón nhận sự dò xét của Đức Chúa Trời trong mọi sự. Khi người cầu nguyện, mặc dù Ta không đích thân đứng trước người, nhưng Đức Thánh Linh ở cùng người, và chính là người đang cầu nguyện với cả Ta và Thần của Đức Chúa Trời. Tại sao người lại tin vào xác thịt này? Người tin bởi vì Ngài có Thần của Đức Chúa Trời. Người có tin vào thân vị này không nếu Ngài không có Thần của Đức Chúa Trời? Khi người tin vào thân vị này, người tin vào Thần của Đức Chúa Trời. Khi người kính sợ thân vị này, người kính sợ Thần của Đức Chúa Trời. Niềm tin vào Thần của Đức Chúa Trời là niềm tin vào thân vị này, và niềm tin vào thân vị này cũng là niềm tin vào Thần của Đức Chúa Trời. Khi người cầu nguyện, người cảm thấy rằng Thần của Đức Chúa Trời ở cùng người và rằng Đức Chúa Trời ở trước người, và do vậy người cầu nguyện với Thần của Ngài. Ngày nay, hầu hết mọi người đều quá e sợ đến nỗi không thể hiện hành động của mình trước mặt Đức Chúa Trời; mặc dù người có thể lừa dối xác thịt của Ngài, người không thể lừa dối Thần của Đức Chúa Trời. Bất cứ sự gì không thể chịu được sự dò

xét của Đức Chúa Trời đều không phù hợp với lẽ thật, và nên được gạt bỏ; làm khác đi là phạm tội chống lại Đức Chúa Trời. Như vậy, người phải đặt tấm lòng mình trước Đức Chúa Trời mọi lúc, khi người nói chuyện và thông công với anh chị em người, cũng như khi người thực hiện bổn phận và làm công việc của mình. Khi người thực hiện nhiệm vụ của mình, Đức Chúa Trời ở cùng người, và miễn sao ý định của người đúng đắn và dành cho công việc của nhà Đức Chúa Trời, Ngài sẽ chấp nhận hết thảy những việc người làm; người nên thành tâm cống hiến hết mình để hoàn thành phận sự. Khi cầu nguyện, nếu lòng người yêu kính Đức Chúa Trời và tìm kiếm sự gìn giữ, che chở và dò xét của Đức Chúa Trời, nếu những điều này là ý định của người, những lời cầu nguyện của người sẽ được nên thật. Ví dụ, khi người cầu nguyện tại các buổi hiệp nguyện, nếu người mở lòng cầu cùng Đức Chúa Trời và nói với Ngài về những gì trong lòng người mà không gian dối, thì khi ấy những lời cầu nguyện của người chắc chắn sẽ được nên thật. Nếu lòng người thiết tha yêu kính Đức Chúa Trời, khi đó hãy tuyên thệ cùng Ngài: “Lạy Đức Chúa Trời, Đấng ngự ở trên trời, dưới thế và ở giữa mọi sự, con xin tuyên hứa với Ngài: Nguyện Thần của Ngài xét đến hết thảy những việc con làm và luôn gìn giữ con, che chở con, và khiến cho hết thảy những việc con làm có thể ở trong sự hiện diện của Ngài. Nếu lòng con có thôi yêu kính Ngài hay có phản bội Ngài, thì xin hãy hành phạt và nguyên rửa con nghiêm khắc nhất. Xin đừng tha thứ cho con ở cả đời này hay đời sau!” Người có dám tuyên thệ như thế không? Nếu người không dám, điều này cho thấy người nhút nhát và người vẫn yêu bản thân mình. Các người có sự quyết tâm này không? Nếu đây thật sự là quyết tâm của người, thì người nên thực hiện sự tuyên thệ này. Nếu người có quyết tâm thực hiện sự tuyên thệ như thế, thì Đức Chúa Trời sẽ đáp ứng quyết tâm của người. Khi người tuyên thệ với Đức Chúa Trời, Ngài lắng nghe. Đức Chúa Trời phán quyết người tội lỗi hay công chính bằng cách đánh giá lời cầu nguyện và sự thực hành của người. Điều này giờ đây là quá trình hoàn thiện các người, và nếu người thật sự có niềm tin mình được hoàn thiện, thì người sẽ mang hết những việc mình làm ra trước Đức Chúa Trời và đón nhận sự dò xét của Ngài; nếu người làm điều gì dấy nghịch quá quắt hoặc nếu người phản bội Đức Chúa Trời, thì Ngài sẽ làm cho lời tuyên thệ của người ứng nghiệm, và theo đó, bất kể chuyện gì xảy đến với người, dù là sự hư mất hay hình phạt, thì đó đều là việc tự người làm. Người đã tuyên thệ, nên người phải thực hiện theo. Nếu người tuyên thệ nhưng không thực hiện theo, người sẽ chịu sự hư mất. Bởi vì lời tuyên thệ là của người, Đức Chúa Trời sẽ làm cho lời tuyên thệ của người ứng nghiệm. Một số người sợ hãi sau khi cầu nguyện và than khóc: “Thôi xong rồi! Tôi đã mất cơ hội trác táng; tôi đã mất cơ hội làm chuyện đòi bại; tôi đã mất cơ hội nuông chiều ham muốn phạm tặc của mình!”

Những người này vẫn yêu sự trần tục và tội lỗi, và họ hẳn phải chịu sự chết.

Là tín hữu của Đức Chúa Trời có nghĩa là hết thảy những gì người làm phải được thể hiện trước Ngài và chịu sự dò xét của Ngài. Nếu những gì người làm có thể được thể hiện trước Thần của Đức Chúa Trời nhưng không thể hiện trước xác thịt của Đức Chúa Trời, thì điều này cho thấy người chưa trải qua sự dò xét của Thần Đức Chúa Trời. Ai là Thần của Đức Chúa Trời? Ai là thân vị được Đức Chúa Trời làm chứng? Chẳng phải các Ngài chỉ là một thôi sao? Hầu hết mọi người coi các Ngài là hai vị khác nhau, tin rằng Thần của Đức Chúa Trời là Thần của Đức Chúa Trời, còn thân vị được Đức Chúa Trời làm chứng đơn thuần chỉ là một con người. Nhưng chẳng phải người đã nhầm sao? Thân vị này hoạt động thay mặt cho ai? Những ai không biết Đức Chúa Trời nhập thể thì không có sự hiểu biết thuộc linh. Thần của Đức Chúa Trời và xác thịt nhập thể của Ngài là một, bởi vì Thần của Đức Chúa Trời được vật chất hóa trong xác thịt. Nếu thân vị này không tử tế với người thì Thần của Đức Chúa Trời có tử tế không? Người không thấy rồi trí sao? Ngày nay, tất cả những ai không thể đón nhận sự dò xét của Đức Chúa Trời đều không thể được nhận sự chấp thuận của Ngài, và những ai không biết Đức Chúa Trời nhập thể đều không thể được hoàn thiện. Hãy nhìn vào hết thảy những gì người làm và xem có thể thể hiện trước Đức Chúa Trời không. Nếu người không thể hiện được hết thảy những gì mình làm trước Đức Chúa Trời, điều này cho thấy rằng người là kẻ làm điều ác. Những kẻ làm điều ác có thể được hoàn thiện không? Hết thảy những gì người làm, mọi hành động, mọi ý định, và mọi phản ứng nên được mang ra trước Đức Chúa Trời. Ngay cả đời sống thuộc linh hàng ngày của người – những lời cầu nguyện của người, sự mật thiết của người với Đức Chúa Trời, cách người ăn và uống lời Đức Chúa Trời, sự thông công của người với các anh chị em, và đời sống của người trong hội thánh – và sự phục vụ liên kết của người – cũng có thể được mang ra trước Đức Chúa Trời để Ngài dò xét. Chính việc đó sẽ giúp người trưởng thành trong cuộc sống. Quá trình đón nhận sự dò xét của Đức Chúa Trời là quá trình thanh tẩy. Người càng có thể đón nhận sự dò xét của Đức Chúa Trời, thì người càng được làm cho tinh sạch và người càng hợp theo ý muốn của Đức Chúa Trời, để người sẽ không bị cuốn vào sự phóng đãng, và lòng người sẽ sống trong sự hiện diện của Ngài. Người càng đón nhận sự dò xét của Ngài, Sa-tan càng hổ nhục và người càng có thể từ bỏ xác thịt. Như vậy, việc đón nhận sự dò xét của Đức Chúa Trời là con đường thực hành mà mọi người nên đi theo. Bất kể người làm gì, ngay cả khi đang tương giao với các anh chị em, người cũng có thể mang những hành động của mình đến trước Đức Chúa Trời và tìm kiếm sự dò xét của Ngài, hướng tới việc vâng phục chính Đức Chúa Trời; việc này sẽ làm cho những gì người thực hành đúng đắn hơn nhiều.

Chỉ khi người mang hết thảy những gì mình làm ra trước Đức Chúa Trời và đón nhận sự dò xét của Ngài, thì người mới có thể là người sống trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời.

Những kẻ không có sự hiểu biết về Đức Chúa Trời không bao giờ có thể hoàn toàn vâng nghe Đức Chúa Trời. Những kẻ như thế là những kẻ bất tuân. Họ quá tham vọng, và trong họ có quá nhiều sự nổi loạn, do đó họ xa cách Đức Chúa Trời và không sẵn lòng đón nhận sự dò xét của Ngài. Những kẻ như thế này không thể dễ dàng được hoàn thiện. Một số người kén chọn trong việc ăn và uống lời Đức Chúa Trời và trong sự đón nhận lời Ngài. Họ chấp nhận một phần nhất định lời Đức Chúa Trời theo những quan niệm của họ đồng thời bác bỏ những phần không vừa ý họ. Chẳng phải đây là sự nổi loạn và chống lại Đức Chúa Trời rõ ràng nhất hay sao? Nếu ai đó tin vào Đức Chúa Trời nhiều năm mà không có được chút hiểu biết nào về Ngài, thì họ là kẻ không tin. Những người sẵn lòng đón nhận sự dò xét của Đức Chúa Trời là những người theo đuổi sự hiểu biết về Ngài, và là những người sẵn lòng đón nhận lời Đức Chúa Trời. Họ là những người sẽ nhận lãnh sự kế thừa và phúc lành của Đức Chúa Trời, và họ được nhiều phúc lành nhất. Đức Chúa Trời nguyên rửa những kẻ không có chỗ cho Ngài trong lòng họ, và Ngài hành phạt và bỏ mặc những kẻ đó. Nếu người không yêu kính Đức Chúa Trời thì Ngài sẽ bỏ mặc người, và nếu người không lắng nghe điều Ta nói, thì Ta hứa rằng Thần của Đức Chúa Trời sẽ bỏ mặc người. Hãy cứ thử nếu người không tin! Hôm nay Ta làm rõ cho người một con đường thực hành, nhưng có đưa vào thực hành hay không là tùy ở người. Nếu người không tin điều đó, nếu người không thực hành điều đó, tự người sẽ thấy Đức Thánh Linh có hoạt động trong người hay không! Nếu người không theo đuổi sự hiểu biết về Đức Chúa Trời, thì Đức Thánh Linh sẽ không hoạt động trong người. Đức Chúa Trời hoạt động trong những ai theo đuổi và trân quý lời Ngài. Người càng trân quý lời Đức Chúa Trời, Thần của Ngài sẽ càng hoạt động trong người. Một người càng trân quý lời Đức Chúa Trời, thì cơ hội để người đó được Đức Chúa Trời hoàn thiện càng lớn. Đức Chúa Trời hoàn thiện những ai thật sự yêu kính Ngài, và Ngài hoàn thiện những ai có tâm an trước Ngài. Trân quý toàn bộ công việc của Đức Chúa Trời, trân quý sự khai sáng của Đức Chúa Trời, trân quý sự hiện diện của Đức Chúa Trời, trân quý sự che chở và gìn giữ của Đức Chúa Trời, trân quý cách lời Đức Chúa Trời trở thành hiện thực và chu cấp cho sự sống người – hết thảy những việc này đều hợp lòng Đức Chúa Trời nhất. Nếu người trân quý công tác của Đức Chúa Trời, nghĩa là, nếu người trân quý hết thảy những việc Ngài đã làm trên người, thì Ngài sẽ ban ân phước cho người và làm cho tất cả những gì người có gia tăng gấp bội. Nếu người không trân quý lời Đức Chúa Trời, Ngài sẽ

không hoạt động trong người, mà Ngài sẽ chỉ ban cho người một chút ân điển vì đức tin của người, hoặc ban ân phước cho người bằng một chút của cải vật chất và cho gia đình người bằng một chút an toàn. Người phải cố gắng biến lời Đức Chúa Trời thành hiện thực của mình, có thể làm đẹp ý Ngài và hợp lòng Ngài; người không nên đơn thuần cố gắng hưởng thụ ân điển của Ngài. Không gì quan trọng đối với các tín hữu cho bằng được lãnh nhận công việc của Đức Chúa Trời, có được sự hoàn thiện, và trở thành những người thực hiện ý muốn của Đức Chúa Trời. Đây là mục tiêu mà người nên theo đuổi.

Tất cả những gì con người đã theo đuổi trong Thời đại Ân điển giờ đây trở nên lỗi thời, bởi vì hiện có một tiêu chuẩn theo đuổi cao hơn; những điều được theo đuổi vừa cao quý hơn vừa thực tế hơn, những điều được theo đuổi có thể đáp ứng tốt hơn cho những gì con người yêu cầu bên trong. Trong các thời đại đã qua, Đức Chúa Trời đã không hoạt động trên mọi người như Ngài làm ngày nay; Ngài đã không nói với họ nhiều như Ngài nói ngày nay, và những yêu cầu của Ngài đối với họ cũng không cao như những yêu cầu của Ngài ngày nay. Việc Đức Chúa Trời nói về những điều này cho các người trong hiện tại cho thấy ý định sau cùng của Đức Chúa Trời tập trung vào các người, vào nhóm người này. Nếu người thật sự ao ước được hoàn thiện bởi Đức Chúa Trời thì hãy theo đuổi điều đó như mục tiêu chính của mình. Bất kể người đang tắt bật, đang dâng mình, đang thực hiện một phận sự, hay đã nhận được sự ủy thác của Đức Chúa Trời, mục đích luôn luôn là được hoàn thiện và đáp ứng ý Đức Chúa Trời, để đạt được những mục tiêu này. Nếu ai đó nói họ không theo đuổi sự hoàn thiện bởi Đức Chúa Trời hay lối vào sự sống, mà chỉ theo đuổi sự an bình và niềm vui xác thịt, thì họ là những kẻ mù quáng nhất trong nhân loại. Những ai không theo đuổi thực tế của sự sống, mà chỉ theo đuổi sự sống đời đời trong đời sau và sự an toàn trong đời này, đều là những kẻ mù quáng nhất trong nhân loại. Như vậy, hết thảy những gì người làm nên được làm với mục đích được hoàn thiện và được thu nhận bởi Đức Chúa Trời.

Công việc Đức Chúa Trời thực hiện trong con người là chu cấp cho họ dựa trên những yêu cầu khác nhau của họ. Cuộc sống một người càng rộng lớn, họ càng yêu cầu nhiều, và họ càng theo đuổi nhiều. Nếu ở giai đoạn này, người không có sự theo đuổi nào, thì điều này chứng tỏ Đức Thánh Linh đã bỏ mặc người. Hết thảy những ai theo đuổi sự sống sẽ không bao giờ bị Đức Thánh Linh bỏ mặc; những người như thế luôn theo đuổi, và luôn khao khát trong lòng. Những người như thế không bao giờ bằng lòng với mọi thứ như hiện tại. Mỗi giai đoạn của công việc của Đức Thánh Linh nhắm tới việc đạt được một hiệu quả trong người, nhưng nếu người trở nên tự mãn, nếu người không còn có nhu cầu nữa, nếu người không còn đón nhận công

việc của Đức Thánh Linh nữa, thì Ngài sẽ bỏ mặc người. Người ta cần đến sự dò xét của Đức Chúa Trời mỗi ngày; họ cần đến sự chu cấp dư dật từ Đức Chúa Trời mỗi ngày. Người ta có thể chịu được việc không ăn và uống lời Đức Chúa Trời mỗi ngày không? Nếu ai đó luôn cảm thấy như họ không thể ăn hay uống lời Đức Chúa Trời cho đủ, nếu họ luôn tìm kiếm và đói khát lời Đức Chúa Trời, thì Đức Thánh Linh sẽ luôn hoạt động trong họ. Một người càng khao khát, thì càng nhiều những điều thực tế có thể đến từ sự thông công của họ. Một người tìm kiếm lẽ thật càng mãnh liệt, thì họ càng nhanh chóng đạt được sự trưởng thành trong cuộc sống, khiến họ giàu kinh nghiệm và trở thành những người giàu có trong nhà Đức Chúa Trời.

Những ai vâng phục Đức Chúa Trời với một tấm lòng chân thật chắc chắn sẽ được Đức Chúa Trời thu nhận

Công tác của Đức Thánh Linh thay đổi từ ngày này sang ngày khác. Nó gia tăng theo từng bước; sự mặc khải của ngày mai cao hơn của ngày hôm nay, từng bước một, lên cao hơn bao giờ hết. Đức Chúa Trời hoàn thiện con người qua công tác như thế. Nếu mọi người không thể theo kịp, thì họ có thể bị bỏ ra bất cứ lúc nào. Nếu họ không có một tấm lòng vâng phục, thì họ sẽ không thể theo đến tận cùng. Thời đại cũ đã qua; đây là một thời đại mới. Và trong một thời đại mới, công tác mới phải được thực hiện. Đặc biệt là trong thời đại cuối cùng mọi người được hoàn thiện, Đức Chúa Trời sẽ thực hiện công tác mới hơn, nhanh hơn, do vậy, nếu không có sự vâng phục trong lòng mình thì mọi người sẽ thấy khó mà theo kịp những bước chân của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời không tuân theo bất kỳ quy tắc nào, Ngài cũng không xem bất kỳ giai đoạn nào trong công tác của Ngài là bất biến. Thay vào đó, công tác Ngài làm luôn mới hơn và luôn cao hơn. Với mỗi giai đoạn, công tác của Ngài trở nên ngày càng thực tế hơn, và ngày càng phù hợp hơn với những nhu cầu thực tế của con người. Chỉ sau khi mọi người trải nghiệm được công tác như thế thì họ mới có thể đạt được sự cải hóa sau cùng trong tâm tính của mình. Sự hiểu biết của con người về sự sống đạt đến những cấp độ cao hơn bao giờ hết, và vì vậy, tương tự như thế, công tác của Đức Chúa Trời cũng đạt đến những cấp độ cao hơn bao giờ hết. Chỉ như thế con người mới có thể được làm cho hoàn thiện và trở nên phù hợp để Đức Chúa Trời sử dụng. Đức Chúa Trời làm việc theo cách này một mặt là để phản bác và đảo ngược các quan niệm của con người, và mặt khác là để dẫn dắt con người vào trong một trạng thái cao hơn và thực tế hơn, vào giới hạn cao nhất của niềm tin nơi Đức Chúa Trời, hầu cho cuối cùng, ý muốn của Đức Chúa Trời có

thể được thực hiện. Tất cả những ai có bản tính bất tuân, những ai cố tình chống đối sẽ bị bỏ ra ở giai đoạn này, giai đoạn mà công tác của Đức Chúa Trời được xúc tiến nhanh chóng và mạnh mẽ; chỉ những ai sẵn sàng vâng phục và vui vẻ hạ mình mới có thể đi đến cuối con đường. Trong loại công tác này, tất cả các người nên học cách đầu phục và cách gạt qua một bên các quan niệm của mình. Các người nên cẩn trọng trong từng bước đi của mình. Nếu bất cẩn thì chắc chắn các người sẽ trở thành kẻ bị Đức Thánh Linh từ bỏ, kẻ phá vỡ công tác của Đức Chúa Trời. Trước khi trải qua giai đoạn công tác này, các phép tắc và luật lệ cũ của con người quá nhiều đến nỗi họ bị cuốn theo, và kết quả là họ đã trở nên tự phụ và quên đi chính mình. Đây đều là những chướng ngại cản trở con người chấp nhận công tác mới của Đức Chúa Trời; chúng là những kẻ thù của sự hiểu biết của con người về Đức Chúa Trời. Thật nguy hiểm nếu con người không có sự vâng phục trong lòng, cũng chẳng có lòng khao khát lẽ thật. Nếu người chỉ đầu phục công tác và những lời nói đơn giản, và không có khả năng chấp nhận bất cứ thứ gì sâu sắc hơn, thì người là kẻ bám lấy các lẽ thói cũ và không thể theo kịp công tác của Đức Thánh Linh. Công tác được Đức Chúa Trời thực hiện khác nhau theo từng giai đoạn. Nếu người hết mực vâng phục công tác của Đức Chúa Trời trong một giai đoạn, nhưng trong giai đoạn tiếp theo, người lại kém vâng phục công tác của Ngài, hoặc người không có khả năng vâng phục, thì Đức Chúa Trời sẽ bỏ rơi người. Nếu người theo kịp Đức Chúa Trời khi Ngài thực hiện bước này, thì người phải tiếp tục theo kịp khi Ngài tiến lên bước tiếp theo; chỉ khi đó người mới là người vâng phục Đức Thánh Linh. Bởi vì người tin Đức Chúa Trời, nên người phải kiên định vâng phục. Người không thể chỉ thích thì vâng phục, không thích thì bất tuân. Kiểu vâng phục này không được Đức Chúa Trời khen ngợi. Nếu người không thể theo kịp công tác mới mà Ta thông công, và tiếp tục bám vào những câu nói trước đây, thì làm sao có sự tiến bộ trong đời sống của người được? Công tác của Đức Chúa Trời là chu cấp cho người qua lời Ngài. Khi người vâng phục và chấp nhận lời Ngài, thì Đức Thánh Linh chắc chắn sẽ làm việc trong người. Đức Thánh Linh làm việc chính xác như Ta phán; hãy làm như Ta đã phán dạy, và Đức Thánh Linh sẽ nhanh chóng làm việc trong người. Ta phát ra sự sáng mới cho các người thấy, đem các người vào sự sáng của hiện tại, và khi người bước vào sự sáng này, Đức Thánh Linh sẽ ngay lập tức làm việc trong người. Có một số người, có thể là những người cứng đầu, nói rằng: “Đơn giản là tôi sẽ không thực hiện những gì Ngài phán bảo”. Trong trường hợp đó, Ta nói cho người biết giờ đây người đã đi đến cuối con đường; người đã khô kiệt, và không còn sự sống nữa. Vì thế, trong việc trải nghiệm sự cải hóa tâm tính của người, không gì quan trọng hơn việc theo kịp sự sáng hiện tại. Đức Thánh Linh không chỉ làm việc trong một số

người nhất định đang được Đức Chúa Trời sử dụng, mà hơn nữa, là trong hội thánh. Ngài có thể đang làm việc trong bất kỳ ai. Ngài có thể làm việc trong người trong thời điểm hiện tại, và người sẽ trải nghiệm được công tác này. Trong giai đoạn tiếp theo, Ngài có thể làm việc trong một người khác, khi đó người phải nhanh chóng đi theo; người càng theo sát sự sáng hiện tại thì đời sống của người càng có thể trưởng thành. Dù một người là kiểu người thế nào đi nữa, miễn là Đức Thánh Linh làm việc trong họ, thì người phải đi theo. Hãy trải nghiệm theo cách họ đã trải nghiệm, rồi người sẽ nhận lãnh những điều còn cao hơn thế. Làm theo cách đó, người sẽ tiến bộ nhanh hơn. Đây là con đường hoàn thiện cho con người và là phương tiện để đời sống phát triển. Con đường để được trở nên hoàn thiện đạt được thông qua việc người vâng phục công tác của Đức Thánh Linh. Người không biết Đức Chúa Trời sẽ làm việc qua kiểu người nào để hoàn thiện người, cũng không biết qua con người, sự việc, hay sự vật nào mà Ngài sẽ cho phép người đạt được hay thấy được mọi sự. Nếu người có thể đặt chân trên con đường đúng đắn này, thì điều đó cho thấy có rất nhiều hy vọng cho người để được Đức Chúa Trời hoàn thiện. Nếu người không thể, thì điều đó cho thấy tương lai người sẽ ảm đạm, không có sự sáng. Một khi người bắt đầu đi đúng hướng, người sẽ có được sự mặc khải trong tất cả mọi sự. Dù Đức Thánh Linh có mặc khải cho những người khác điều gì, nếu người cứ tiến hành trên cơ sở kiến thức của họ để tự mình trải nghiệm mọi thứ, thì kinh nghiệm này sẽ trở thành một phần cuộc sống của người, và người sẽ có thể cung cấp cho những người khác từ kinh nghiệm này. Những ai cung cấp cho người khác bằng lời học vẹt là những người chưa có bất kỳ kinh nghiệm gì; qua sự khai sáng và soi sáng của những người khác, người phải học hỏi để tìm ra một con đường thực hành trước khi người có thể bắt đầu nói về kinh nghiệm và kiến thức thực tế của bản thân. Điều này sẽ có lợi hơn rất nhiều cho cuộc sống của chính người. Người nên trải nghiệm như thế, vâng phục tất cả mọi điều đến từ Đức Chúa Trời. Người nên tìm kiếm ý muốn của Đức Chúa Trời trong mọi sự và học được các bài học trong mọi sự, để đời sống của người có thể trưởng thành. Sự thực hành như thế đem lại tiến bộ nhanh nhất.

Đức Thánh Linh khai sáng người qua những trải nghiệm thực tế của người, và hoàn thiện người qua đức tin của người. Người có thực sự sẵn lòng để được hoàn thiện không? Nếu người thực sự sẵn lòng để được Đức Chúa Trời hoàn thiện, thì người sẽ có can đảm gạt sang một bên xác thịt của mình, người sẽ có thể thực hiện lời Đức Chúa Trời, và sẽ không thụ động hay yếu đuối. Người sẽ có thể vâng phục tất cả những gì đến từ Đức Chúa Trời, và tất cả những hành động của người, dù được thực hiện công khai hay riêng tư, sẽ đều có thể trình ra được trước Đức Chúa Trời. Nếu người là một người trung thực và thực hành lẽ thật trong mọi sự, thì người

sẽ được hoàn thiện. Những con người giả dối, hành động một kiểu trước mặt người khác và kiểu khác sau lưng họ, thì không sẵn lòng để được hoàn thiện. Họ đều là con trai của sự hư mất và sự diệt vong; họ không thuộc về Đức Chúa Trời, mà thuộc về Sa-tan. Họ không phải là kiểu người được Đức Chúa Trời chọn! Nếu những hành động và hành vi của người không thể được trình ra trước Đức Chúa Trời hoặc được Thần của Đức Chúa Trời đoái xem, thì điều này chứng tỏ có gì đó sai trật nơi người. Chỉ khi người chấp nhận sự phán xét và hình phạt của Đức Chúa Trời, và quan tâm đến việc cải hóa tâm tính mình, thì người mới có thể đặt chân lên con đường để được hoàn thiện. Nếu người thực sự sẵn lòng để được Đức Chúa Trời hoàn thiện và làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời, thì người nên vâng phục tất cả các công tác của Đức Chúa Trời, không một lời phản nản, không mạo muội đánh giá hay phán xét công tác của Đức Chúa Trời. Đây là những yêu cầu tối thiểu để được Đức Chúa Trời hoàn thiện. Yêu cầu cần thiết cho những ai cố gắng để được Đức Chúa Trời hoàn thiện là: Hành động với một tấm lòng yêu mến Đức Chúa Trời trong mọi sự. Hành động với một tấm lòng yêu mến Đức Chúa Trời có nghĩa là gì? Có nghĩa là tất cả những hành động và hành vi của người đều có thể được trình ra trước Đức Chúa Trời. Và bởi người có những ý định đúng đắn, nên dù những hành động của người là đúng hay sai, thì người cũng không ngại thể hiện ra với Đức Chúa Trời hoặc anh chị em mình; và người dám phát thề trước mặt Đức Chúa Trời. Người phải bày tỏ mọi ý định, suy nghĩ và ý tưởng của mình trước Đức Chúa Trời để Ngài xem xét; nếu người thực hành và bước vào theo cách này, thì đời sống người sẽ tiến bộ nhanh chóng.

Bởi vì người tin Đức Chúa Trời, nên người phải đặt đức tin mình vào mọi lời của Đức Chúa Trời và vào mọi công tác của Ngài. Điều đó có nghĩa là, vì người tin Đức Chúa Trời, người phải vâng phục Ngài. Nếu người không thể làm điều này, thì người có tin Đức Chúa Trời hay không cũng không quan trọng. Nếu người đã tin Đức Chúa Trời trong nhiều năm, nhưng chưa từng vâng phục Ngài, và không chấp nhận toàn bộ những lời của Ngài, mà thay vào đó, người lại yêu cầu Đức Chúa Trời phục tùng người và hành động theo các quan niệm của người, thì người là kẻ phản nghịch nhất trong tất cả, người là một kẻ chẳng tin. Làm sao những kẻ như thế có thể vâng phục công tác và lời của Đức Chúa Trời, những điều không phù hợp với các quan niệm của con người? Phản nghịch nhất trong tất cả là những kẻ cố ý thách thức và chống lại Đức Chúa Trời. Họ là những kẻ thù của Đức Chúa Trời, những kẻ địch lại Đấng Christ. Thái độ của họ luôn thù địch với công tác mới của Đức Chúa Trời; họ chưa bao giờ có một chút khuynh hướng đầu phục nào, cũng chưa bao giờ vui vẻ đầu phục hay hạ mình. Họ tự đề cao bản thân trước người khác và không bao giờ đầu

phục bất kỳ ai. Trước Đức Chúa Trời, họ tự cho mình là người giỏi nhất trong việc giảng đạo, và là người khéo nhất trong việc tác động đến người khác. Họ không bao giờ vứt bỏ “những báu vật” mình đang sở hữu, mà xem chúng như những vật gia truyền để thờ lạy, để giảng cho người khác nghe, và họ dùng chúng để lên lớp cho những kẻ ngu thần tượng họ. Thật sự có một số người như thế trong hội thánh. Có thể nói họ là “những anh hùng bất khuất”, tạm trú trong nhà Đức Chúa Trời từ thế hệ này sang thế hệ khác. Họ xem việc giảng đạo (giáo lý) là bổn phận cao cả nhất của họ. Năm này qua năm khác, thế hệ này đến thế hệ khác, họ lo thi hành mạnh mẽ bổn phận “thiên liêng và bất khả xâm phạm” của mình. Không ai dám đụng đến họ; không một ai dám công khai trách cứ họ. Họ trở thành “những ông vua” trong nhà Đức Chúa Trời, họ lộng hành khi áp chế những người khác từ thời này đến thời khác. Bầy quỷ này tìm cách chung tay và phá hủy công tác của Ta; làm sao Ta có thể để mấy con quỷ sống này tồn tại trước mắt Ta? Ngay cả những người chỉ vâng phục nửa vời cũng không thể tiếp tục đến cuối cùng, chứ đừng nói đến những kẻ bạo ngược không hề có chút vâng phục nào trong lòng này! Công tác của Đức Chúa Trời không dễ gì đạt được bởi con người. Dù có dùng hết sức bình sinh, mọi người cũng chỉ có thể có được một phần của nó, cuối cùng cho phép họ được làm cho hoàn thiện. Vậy đối với con cháu của thiên sứ trưởng, những kẻ tìm cách phá hoại công tác của Đức Chúa Trời thì sao? Chẳng phải chúng càng chẳng có hy vọng được Đức Chúa Trời thu nhận sao? Mục đích của Ta khi thực hiện công tác chinh phục không phải là chinh phục chỉ để chinh phục, mà là chinh phục để tỏ lộ sự công chính và sự bất chính, để có được chứng cứ cho sự trừng phạt con người, để lên án kẻ ác, và hơn thế nữa là chinh phục nhằm hoàn thiện những ai sẵn lòng vâng phục. Sau cùng, tất cả sẽ được phân chia theo loại, và những ai được hoàn thiện sẽ là những người có suy nghĩ và tư tưởng đầy vâng phục. Đây là công tác mà cuối cùng sẽ được hoàn tất. Trong khi đó, những kẻ mà mọi hành động đều phản nghịch sẽ bị trừng phạt và bị tổng vào lửa thiêu, là đối tượng của sự rửa sả đời đời. Đến lúc đó, “những anh hùng vĩ đại và bất khuất” của thời trước sẽ trở thành “những kẻ hèn nhất yếu đuối và bất lực” đê tiện nhất và bị xa lánh nhất. Chỉ có điều này mới có thể minh chứng cho mọi khía cạnh trong sự công chính của Đức Chúa Trời, và tâm tính của Ngài, một tâm tính không thể bị xúc phạm bởi con người, và chỉ có điều này mới làm dịu đi sự căm ghét trong lòng Ta. Chẳng lẽ các người không đồng ý rằng điều này hoàn toàn hợp lý sao?

Không phải tất cả những ai trải nghiệm công tác của Đức Thánh Linh, cũng không phải tất cả những ai trong dòng chảy này, đều có thể có được sự sống. Sự sống không phải là một tài sản chung của cả nhân loại, và những thay đổi trong tâm tính

không phải là điều tất cả mọi người đều dễ dàng đạt được. Sự đầu phục công tác của Đức Chúa Trời phải thật và thực tế, và phải được sống trọn. Chỉ đầu phục hời hợt thì không thể được Đức Chúa Trời khen ngợi, và chỉ đơn thuần vâng phục những khía cạnh bề nổi của lời Đức Chúa Trời mà không tìm kiếm sự thay đổi trong tâm tính, thì không hợp lòng Đức Chúa Trời. Vâng phục Đức Chúa Trời và đầu phục công tác của Đức Chúa Trời là một và như nhau. Những ai chỉ đầu phục Đức Chúa Trời mà không đầu phục công tác của Ngài thì không thể được xem là vâng phục, nói gì đến những kẻ không thực sự đầu phục nhưng bề ngoài thì nịnh hót. Những ai thực sự đầu phục Đức Chúa Trời đều có thể hưởng lợi từ công tác và đạt được sự hiểu biết về tâm tính và công tác của Đức Chúa Trời. Chỉ những người như thế mới thực sự đầu phục Đức Chúa Trời. Những người như thế có thể có được kiến thức mới, và trải qua những sự thay đổi mới, từ công tác mới. Chỉ những người này mới được Đức Chúa Trời khen ngợi, chỉ những người này mới được hoàn thiện, và chỉ những người này mới là những người có tâm tính đã thay đổi. Những người được Đức Chúa Trời khen ngợi là những người vui vẻ đầu phục Đức Chúa Trời cũng như đầu phục công tác và lời của Ngài. Chỉ những người như thế mới đúng đắn, chỉ những người như thế mới thật lòng muốn Đức Chúa Trời, và thật lòng tìm kiếm Đức Chúa Trời. Với những kẻ chỉ nói miệng về đức tin của mình nơi Đức Chúa Trời, nhưng thực chất lại rửa sả Ngài, chúng là những kẻ mang mặt nạ, mang nọc độc của rắn; chúng là những kẻ gian dối nhất trong tất cả. Chẳng sớm thì muộn, những kẻ vô lại này sẽ bị lột mặt nạ. Chẳng phải đây là công việc đang được thực hiện ngày nay hay sao? Kẻ xấu sẽ luôn xấu và sẽ không bao giờ thoát khỏi ngày bị trừng phạt. Người tốt sẽ luôn tốt, và sẽ được tiết lộ khi công tác của Đức Chúa Trời kết thúc. Không một ai trong những kẻ xấu sẽ được xem là công chính, cũng không một ai trong những người công chính bị xem là xấu xa. Chẳng lẽ Ta lại để bất kỳ ai bị buộc tội oan hay sao?

Khi đời sống của người tiến triển, người phải luôn có lối vào mới và có sự thông sáng mới cao hơn, những điều phát triển ngày càng sâu hơn qua từng bước. Đây là điều toàn nhân loại nên bước vào. Qua việc tương giao, lắng nghe các bài giảng, đọc lời Đức Chúa Trời, hay giải quyết một việc nào đó, người sẽ có được sự thông sáng mới và sự khai sáng mới, và sẽ không sống theo những phép tắc cũ và trong thời đại cũ; người sẽ luôn sống trong sự sáng mới, và sẽ không lạc khỏi lời Đức Chúa Trời. Điều này được gọi là bắt đầu đi đúng hướng. Trả một cái giá ở mức độ hời hợt sẽ chẳng được gì; ngày qua ngày, lời Đức Chúa Trời bước vào một cõi cao hơn, những điều mới mẻ xuất hiện mỗi ngày, và con người cũng vậy, phải có sự bước vào mới mỗi ngày. Khi Đức Chúa Trời phán dạy, Ngài cũng làm cho thành tựu

mọi sự Ngài đã phán, và nếu người không thể theo kịp, thì người sẽ tụt hậu. Người phải đi sâu hơn trong những lời cầu nguyện của mình; việc ăn uống lời Đức Chúa Trời không thể bị gián đoạn. Đào sâu hơn sự khai sáng và sự soi sáng mà người nhận được, và các quan niệm cùng sự tưởng tượng của người phải bớt đi. Người cũng cần phải tăng cường óc suy xét của mình, và cho dù gặp phải bất cứ điều gì, người cũng phải có những suy nghĩ riêng và chính kiến riêng về việc đó. Khi hiểu được một số điều trong tâm linh, người phải có được sự thông sáng về những điều bên ngoài và nắm được bản chất của bất cứ vấn đề nào. Nếu người không được trang bị những điều này, làm sao người có thể dẫn dắt hội thánh được? Nếu người chỉ nói về những câu chữ và giáo lý mà không có chút thực tế hay cách thực hành nào, thì người chỉ có thể xoay sở trong một thời gian ngắn. Điều đó có thể tạm chấp nhận khi nói chuyện với các tân tín hữu, nhưng sau một thời gian, khi các tân tín hữu đã có một số kinh nghiệm thực tế, thì người sẽ không thể cung cấp cho họ được nữa. Vậy thì làm sao người phù hợp để Đức Chúa Trời sử dụng được? Không có sự khai sáng mới, người không thể làm việc được. Những ai không có sự khai sáng mới là những người không biết cách trải nghiệm, và những người như thế không bao giờ có được kiến thức mới hay kinh nghiệm mới. Và trong việc cung cấp sự sống, họ không bao giờ có thể thực hiện nhiệm vụ của mình, mà cũng không thể trở nên phù hợp để Đức Chúa Trời sử dụng. Kiểu người này chẳng được việc gì cả, chỉ là kẻ vô tích sự. Sự thật là những người như thế hoàn toàn không thể thực thi nhiệm vụ của mình trong công tác, họ đều vô dụng. Họ không những không thực thi được nhiệm vụ của mình, mà còn thực sự gây nhiều căng thẳng không đáng có cho hội thánh. Ta khuyên “những người lớn tuổi khả kính” này nên nhanh chóng rời khỏi hội thánh để những người khác không còn phải nhìn thấy người nữa. Những người như thế không hiểu về công tác mới và đầy dẫy các quan niệm bất tận. Họ không đáp ứng được bất cứ nhiệm vụ gì trong hội thánh; thay vào đó, họ tạo mối bất hòa và phát tán sự tiêu cực khắp mọi nơi, thậm chí đến mức thực hiện đủ kiểu hành vi sai trái và làm nhiều loạn trong hội thánh, vì thế làm cho những ai thiếu khả năng phân biệt rơi vào tình trạng bối rối và xáo trộn. Những con quỷ sống này, những tà ma này nên rời khỏi hội thánh càng sớm càng tốt, kéo hội thánh bị hủy hoại vì người. Người có thể không sợ công tác của ngày hôm nay, nhưng chẳng lẽ người không sợ sự trừng phạt công chính của ngày mai hay sao? Có một số đông những người trong hội thánh là những kẻ ăn bám, và có rất nhiều con sói đang cố phá vỡ công tác bình thường của Đức Chúa Trời. Đây đều là những con quỷ do quỷ vương sai đến, những con sói hung dữ tìm cách nuốt chửng những con cừu non không biết gì. Nếu những kẻ được gọi là con người này không bị trục xuất, chúng sẽ trở thành những con ký

sinh trùng sống bám vào hội thánh, những loài sâu mọt ăn ngấu nghiến của lễ. Sớm muộn gì cũng sẽ tới ngày những loài giòi bọ đáng khinh, ngu dốt, đê tiện, gớm ghiếc này bị trừng phạt!

Thời đại Vương quốc là Thời đại của Lời

Trong Thời đại Vương quốc, Đức Chúa Trời sử dụng lời để mở ra một thời đại mới, để thay đổi cách Ngài làm việc, và để thực hiện công tác của toàn thời đại. Đây là nguyên tắc Đức Chúa Trời làm việc trong Thời đại của Lời. Ngài đã trở nên xác thịt để phán dạy từ các góc độ khác nhau, hầu cho con người có thể thật sự nhìn thấy Đức Chúa Trời, Đấng là Lời xuất hiện trong xác thịt, và có thể thấy được sự khôn ngoan cùng sự mầu nhiệm của Ngài. Công tác này được thực hiện để đạt được hiệu quả hơn mục đích chinh phục con người, hoàn thiện con người và loại bỏ con người, là ý nghĩa thực sự của việc sử dụng lời để làm việc trong Thời đại của Lời. Thông qua những lời này, mọi người biết đến công tác của Đức Chúa Trời, tâm tính của Đức Chúa Trời, bản chất của con người, và những gì con người nên bước vào. Thông qua lời, công tác mà Đức Chúa Trời mong muốn thực hiện trong Thời đại của Lời được thành tựu trọn vẹn. Thông qua những lời này, mọi người bị vạch trần, bị loại bỏ, và được thử luyện. Mọi người đã nhìn thấy những lời của Đức Chúa Trời, nghe thấy những lời này, và nhận ra sự tồn tại của những lời này. Kết quả là họ đã bắt đầu tin vào sự hiện hữu của Đức Chúa Trời, vào sự toàn năng và khôn ngoan của Đức Chúa Trời, cũng như vào tình yêu của Đức Chúa Trời dành cho con người và mong muốn cứu rỗi con người của Ngài. Từ “lời” có thể đơn giản và bình thường, nhưng những lời được phán ra từ miệng Đức Chúa Trời nhập thể làm rung chuyển vũ trụ, chúng chuyển hóa lòng người, chuyển hóa những quan niệm và tâm tính cũ của họ, cũng như thay đổi cách cả thế giới đã từng hiện bày. Xuyên suốt các thời đại, chỉ có Đức Chúa Trời của ngày nay mới làm việc theo cách này, chỉ có Ngài mới phán như thế và đến cứu rỗi con người như thế. Từ thời điểm này trở đi, con người sống dưới sự hướng dẫn của lời Đức Chúa Trời, được chấn dất và chu cấp bởi lời Ngài. Mọi người sống trong thế giới của lời Đức Chúa Trời, giữa sự rửa sạch và chúc phước của lời Đức Chúa Trời, và thậm chí nhiều người hơn đã sống dưới sự phán xét và hình phạt của lời Ngài. Những lời này và công tác này đều là để cứu rỗi con người, để đáp ứng ý muốn của Đức Chúa Trời, và để thay đổi diện mạo ban đầu của thế giới được sáng lập trước đây. Đức Chúa Trời đã dựng nên thế giới bằng lời, Ngài dẫn dắt con người khắp vũ trụ bằng lời, và Ngài chinh phục, cứu rỗi họ bằng lời. Cuối cùng, Ngài sẽ dùng lời để kết thúc toàn bộ thế giới cũ, từ đó hoàn thành toàn

bộ kế hoạch quản lý của Ngài. Trong suốt Thời đại Vương quốc, Đức Chúa Trời sử dụng lời để làm công tác của Ngài và để đạt được kết quả trong công tác của Ngài. Ngài không làm các phép kỳ hay phép lạ, mà chỉ thực hiện công tác của Ngài thông qua lời. Nhờ những lời này, con người được nuôi dưỡng và chu cấp, cũng như có được kiến thức và kinh nghiệm thực sự. Trong Thời đại của Lời, con người đã được đặc biệt ban phước. Họ không phải chịu đựng đau khổ về thể chất và chỉ đơn giản vui hưởng sự chu cấp dư dật của lời Đức Chúa Trời; không cần phải đi tìm kiếm mù quáng hay du hành một cách mù quáng, trong lúc thoải mái, họ nhìn thấy sự xuất hiện của Đức Chúa Trời, nghe thấy Ngài phán dạy từ chính miệng Ngài, nhận được những gì Ngài chu cấp, và xem Ngài đích thân làm công tác của Ngài. Đây là những điều mà con người ở các thời đại trước đây không thể vui hưởng, và chúng là những phước lành mà họ không bao giờ có thể nhận được.

Đức Chúa Trời đã quyết tâm làm cho con người trọn vẹn, và bất kể Ngài phán từ góc độ nào, tất cả đều nhằm làm cho con người hoàn thiện. Những lời được phán từ góc độ của Thần thì khó hiểu đối với mọi người; họ không cách nào tìm được con đường thực hành, vì khả năng hiểu của họ có hạn. Công tác của Đức Chúa Trời đạt được những hiệu quả khác nhau, và Ngài có mục đích riêng khi thực hiện từng bước công tác. Hơn nữa, Ngài bắt buộc phải phán từ các góc độ khác nhau, bởi chỉ khi làm vậy, Ngài mới có thể hoàn thiện con người. Nếu Ngài chỉ lên tiếng từ góc độ của Thần, thì sẽ không có cách nào để hoàn tất giai đoạn công tác này của Đức Chúa Trời. Từ giọng điệu Ngài phán, người có thể thấy Ngài quyết tâm làm cho nhóm người này trọn vẹn. Vậy thì đối với mỗi người trong số những người mong muốn được trở nên hoàn thiện, bước đầu tiên nên là gì? Trên hết, người phải biết về công tác của Đức Chúa Trời. Ngày nay, một phương pháp mới đã bắt đầu trong công tác của Đức Chúa Trời; thời đại đã chuyển tiếp, cách thức Đức Chúa Trời làm việc cũng đã thay đổi, và phương pháp Đức Chúa Trời phán dạy đã khác đi. Ngày nay, không chỉ phương pháp làm việc của Ngài đã thay đổi, mà thời đại cũng đã thay đổi. Giờ đây là Thời đại Vương quốc. Đó cũng là thời đại yêu kính Đức Chúa Trời. Đó là sự mừng rỡ tượng trưng về Thời đại Vương quốc Một Nghìn năm – cũng là Thời đại của Lời, và trong đó Đức Chúa Trời sử dụng nhiều cách phán dạy để hoàn thiện con người, và phán từ các góc độ khác nhau để chu cấp cho con người. Ngay khi bước vào Thời đại Vương quốc Một Nghìn năm, Đức Chúa Trời sẽ bắt đầu sử dụng lời để làm cho con người hoàn thiện, cho phép con người bước vào thực tế của sự sống và dẫn dắt họ đi đúng hướng. Trải qua bao nhiêu bước công tác của Đức Chúa Trời, con người đã thấy rằng công tác của Đức Chúa Trời không phải cứ y nguyên, mà đang không ngừng tiến triển và đào sâu hơn. Sau khi mọi người đã trải nghiệm nó

bấy lâu, công tác đã xoay chuyển liên tục, thay đổi không ngừng. Tuy nhiên, bất kể nó thay đổi nhiều như thế nào cũng không bao giờ chệch khỏi mục đích của Đức Chúa Trời là mang lại sự cứu rỗi cho nhân loại. Ngay cả khi trải qua mười nghìn lần thay đổi, nó cũng không bao giờ đi lạc khỏi mục đích ban đầu. Cho dù phương pháp làm việc của Đức Chúa Trời có thể thay đổi như thế nào, thì công tác này cũng không bao giờ xa rời lẽ thật hay sự sống. Những thay đổi trong phương pháp thực hiện công tác chỉ đơn thuần liên quan đến một sự thay đổi trong dạng thức của công tác, và góc độ Đức Chúa Trời phán dạy; không có sự thay đổi mục đích chính trong công tác của Đức Chúa Trời. Những thay đổi trong giọng điệu của Đức Chúa Trời và phương pháp làm việc của Ngài được thực hiện nhằm đạt được một hiệu quả. Một sự thay đổi trong giọng điệu không có nghĩa là một sự thay đổi trong mục đích hay nguyên tắc đằng sau công tác. Người ta tin vào Đức Chúa Trời chủ yếu để tìm kiếm sự sống; nếu người tin vào Đức Chúa Trời mà không tìm kiếm sự sống hoặc theo đuổi lẽ thật hay hiểu biết về Đức Chúa Trời, thì đó vẫn chưa phải là niềm tin vào Đức Chúa Trời! Và có thực tế không khi vẫn tìm cách bước vào vương quốc để làm vua? Có được tình yêu thực sự đối với Đức Chúa Trời thông qua việc tìm kiếm sự sống – chỉ đây mới là hiện thực; theo đuổi và thực hành lẽ thật – những điều này đều là hiện thực. Đọc những lời của Đức Chúa Trời và trải nghiệm những lời này, người sẽ bắt đầu có được sự hiểu biết về Đức Chúa Trời trong khi trải nghiệm thực tế, và đây là ý nghĩa của việc thực sự theo đuổi.

Giờ đây là Thời đại Vương quốc. Liệu người đã bước vào thời đại mới này hay chưa phụ thuộc vào việc người đã bước vào hiện thực của lời Đức Chúa Trời hay chưa, vào việc liệu lời Ngài đã trở thành thực tế của sự sống của người hay chưa. Lời Đức Chúa Trời được truyền ra cho mỗi người sao cho cuối cùng, tất cả mọi người sẽ sống trong thế giới của lời Đức Chúa Trời, và lời Ngài sẽ khai sáng và soi sáng cho mỗi người từ bên trong. Nếu trong thời gian này, người bắt cần khi đọc lời Đức Chúa Trời, và không quan tâm đến lời Ngài, thì điều này cho thấy tình trạng của người không ổn. Nếu người không thể bước vào Thời đại của Lời, thì Đức Thánh Linh không hoạt động trong người; nếu người đã bước vào thời đại này, Ngài sẽ làm công tác của Ngài. Người có thể làm gì vào đầu Thời đại của Lời để có được công tác của Đức Thánh Linh? Trong thời đại này, và giữa các người, Đức Chúa Trời sẽ hoàn tất việc sau: mỗi người sẽ sống trọn những lời của Đức Chúa Trời, sẽ có thể đưa lẽ thật vào thực hành, và sẽ yêu Đức Chúa Trời bằng cả tấm lòng; tất cả mọi người sẽ sử dụng lời Đức Chúa Trời làm nền tảng và hiện thực của họ, sẽ có tấm lòng tôn kính Đức Chúa Trời; và thông qua việc thực hành lời Đức Chúa Trời, con người sẽ nắm vương quyền cùng với Đức Chúa Trời. Đây là công tác Đức Chúa Trời

sẽ đạt được. Người có thể nhịn đọc lời Đức Chúa Trời không? Ngày nay, có nhiều người cảm thấy họ không thể nhịn được dù chỉ một hoặc hai ngày không đọc lời Ngài. Họ phải đọc lời Ngài hằng ngày, và nếu thời gian không cho phép, thì lắng nghe lời Ngài là đủ. Đây là cảm giác mà Đức Thánh Linh đem lại cho mọi người, và là cách Ngài bắt đầu cảm thúc họ. Có nghĩa là Ngài cai quản con người thông qua lời, sao cho họ có thể bước vào hiện thực của lời Đức Chúa Trời. Nếu chỉ sau một ngày không ăn uống lời Đức Chúa Trời, người cảm nhận được sự tối tăm và khao khát, cũng như không thể chịu được, thì điều này cho thấy người đã được Đức Thánh Linh cảm thúc, và Ngài đã không quay lưng lại với người. Khi đó, người là một người ở trong dòng chảy này. Tuy nhiên, nếu sau một hoặc hai ngày không ăn uống lời Đức Chúa Trời, người không cảm nhận được gì cả, nếu người không có khao khát, và không hề cảm động, thì điều này cho thấy Đức Thánh Linh đã quay lưng lại với người. Điều này có nghĩa là khi đó, tình trạng bên trong của người có gì đó không ổn; người chưa bước vào Thời đại của Lời, và người là một trong những người đã tụt lại phía sau. Đức Chúa Trời sử dụng lời để cai quản con người; người cảm thấy ổn nếu người ăn uống lời Đức Chúa Trời, và nếu người không cảm thấy như vậy, thì người không có đường nào để theo. Lời Đức Chúa Trời trở thành thức ăn của mọi người và là động lực thúc đẩy họ. Kinh thánh nói rằng: “Người ta sống chẳng phải chỉ nhờ bánh mà thôi, song nhờ mọi lời nói ra từ miệng Đức Chúa Trời”. Ngày nay, Đức Chúa Trời sẽ làm xong công tác này, và Ngài sẽ hoàn thành việc này trong các người. Vì sao trước đây người ta có thể nhịn đọc lời Đức Chúa Trời nhiều ngày mà vẫn có thể ăn và làm việc như bình thường, nhưng ngày nay thì không? Ở thời đại này, Đức Chúa Trời chủ yếu sử dụng lời để cai quản tất cả. Thông qua những lời của Đức Chúa Trời, con người bị phán xét và được hoàn thiện, rồi cuối cùng được đưa vào vương quốc. Chỉ có lời Đức Chúa Trời mới có thể chu cấp cho sự sống của con người, và chỉ có lời Đức Chúa Trời mới có thể ban cho con người sự sáng và một con đường thực hành, đặc biệt trong Thời đại Vương quốc. Miễn là người không đi lạc khỏi hiện thực của lời Đức Chúa Trời, ăn uống lời Ngài mỗi ngày, thì Đức Chúa Trời sẽ có thể làm cho người hoàn thiện.

Theo đuổi sự sống không phải là điều có thể vội vàng được; việc phát triển sự sống không diễn ra chỉ trong ngày một ngày hai. Công tác của Đức Chúa Trời là bình thường, thực tế, và cần phải trải qua một quá trình. Jêsus nhập thể đã mất ba mươi ba năm rưỡi để hoàn thành công tác chịu đóng đinh trên thập tự giá của Ngài – nói gì đến việc làm cho tinh sạch con người và chuyển hóa cuộc sống của họ, một công việc cực kỳ khó khăn? Biến một người bình thường trở thành một người tỏ hiện Đức Chúa Trời là một nhiệm vụ không hề dễ dàng. Điều này đặc biệt đúng đối với những

người sinh ra tại quốc gia của con rồng lớn sắc đỏ, những người có tố chất kém và cần một khoảng thời gian dài cho lời và công tác của Đức Chúa Trời. Do vậy, đừng sốt ruột muốn thấy kết quả. Người phải chủ động ăn uống lời Đức Chúa Trời và dốc sức hơn cho lời Đức Chúa Trời. Khi người đọc xong những lời của Ngài, người phải biết thực hành chúng trong thực tế, phát triển kiến thức, sự thông sáng, sự sáng suốt, và sự khôn ngoan trong những lời của Đức Chúa Trời. Thông qua đó, người sẽ thay đổi mà không hề nhận ra. Nếu người có thể xem việc ăn uống những lời của Đức Chúa Trời, đọc, tìm hiểu, trải nghiệm và thực hành chúng là nguyên tắc của mình, thì người sẽ bắt đầu trưởng thành lúc nào không hay. Có những người nói rằng họ không thể thực hành lời Đức Chúa Trời ngay cả sau khi đã đọc xong. Người vội vàng làm gì? Khi người đạt đến một vóc giác nhất định, người sẽ có thể thực hành lời Ngài. Liệu một đứa trẻ bốn, năm tuổi có nói rằng nó không thể hỗ trợ hay hiểu kính cha mẹ nó không? Người nên biết vóc giác hiện tại của mình lớn đến đâu. Hãy thực hành những gì người có thể thực hành, và tránh trở thành người phá vỡ sự quản lý của Đức Chúa Trời. Chỉ cần ăn uống lời Đức Chúa Trời, và lấy đó làm nguyên tắc của mình từ nay về sau. Hiện tại, đừng lo lắng về việc liệu Đức Chúa Trời có thể làm cho người trọn vẹn hay không. Đừng đi sâu vào vấn đề đó vội. Chỉ cần ăn uống những lời của Đức Chúa Trời khi chúng đến với người, và Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ làm cho người trọn vẹn. Tuy nhiên, có một nguyên tắc mà người phải ăn uống lời Ngài theo đó. Đừng làm việc này một cách mù quáng. Khi ăn uống lời Đức Chúa Trời, một mặt, hãy tìm kiếm những lời người nên biết đến – nghĩa là những gì liên quan đến các khái tượng – và mặt khác, hãy tìm kiếm những điều người nên thực hành trong thực tế – nghĩa là những điều người nên bước vào. Một mặt liên quan đến kiến thức, và mặt khác liên quan đến việc bước vào. Một khi người đã nắm bắt được cả hai – khi người đã nắm bắt được những gì người nên biết và những gì người nên thực hành – người sẽ biết cách ăn uống lời Đức Chúa Trời.

Sau này, nói về lời Đức Chúa Trời nên là nguyên tắc nói chuyện của người. Thông thường, khi các người đến với nhau, các người nên tham gia thông công về lời Đức Chúa Trời, coi lời Đức Chúa Trời là nội dung tương tác của các người, nói về những gì các người biết về những lời này, cách các người thực hành chúng, và cách Đức Thánh Linh hoạt động. Chừng nào người thông công về lời Đức Chúa Trời, Đức Thánh Linh sẽ soi sáng cho người. Để đạt được thế giới của lời Đức Chúa Trời cần sự hợp tác của con người. Nếu người không bước vào điều này, Đức Chúa Trời sẽ không cách nào làm việc được. Nếu người cứ giữ im lặng và không nói về lời Ngài, Ngài sẽ không cách nào soi sáng cho người. Bất cứ khi nào người không bận rộn với công tác khác, hãy nói về lời Đức Chúa Trời, và đừng chỉ tán gẫu vu vơ! Hãy

để đời sống của người tràn đầy lời Đức Chúa Trời – chỉ khi đó người mới là một tín đồ mộ đạo. Không thành vấn đề nếu sự thông công của người hơi hợt. Không có hơi hợt, thì không thể có sâu sắc. Phải có một quá trình. Thông qua rèn luyện, người sẽ nắm bắt được sự soi sáng của Đức Thánh Linh trên người, và cách ăn uống hiệu quả những lời của Đức Chúa Trời. Sau một khoảng thời gian tìm hiểu, người sẽ bước vào hiện thực của lời Đức Chúa Trời. Chỉ khi nào người quyết tâm hợp tác, thì người mới có thể nhận được công tác của Đức Thánh Linh.

Trong những nguyên tắc ăn uống lời của Đức Chúa Trời, một nguyên tắc liên quan đến kiến thức, và nguyên tắc còn lại liên quan đến sự bước vào. Những lời nào người nên biết đến? Người nên biết đến những lời liên quan đến khái tượng (như những lời liên quan đến thời đại nào công tác của Đức Chúa Trời hiện đã bước vào, những gì Đức Chúa Trời muốn đạt được bây giờ, sự nhập thể là gì, v.v.; tất cả những điều này đều liên quan đến các khái tượng). Con đường mà con người nên bước vào nghĩa là gì? Điều này đề cập đến những lời của Đức Chúa Trời mà con người nên thực hành và bước vào. Trên đây là hai khía cạnh của việc ăn uống lời Đức Chúa Trời. Từ nay trở đi, hãy ăn uống lời Đức Chúa Trời theo cách này. Nếu người hiểu rõ lời Ngài liên quan đến các khái tượng, thì không cứ phải đọc mãi. Quan trọng nhất là ăn uống nhiều hơn những lời về sự bước vào, như làm thế nào để hướng lòng về Đức Chúa Trời, làm thế nào để lắng lòng trước Đức Chúa Trời, và làm thế nào để phản bội xác thịt. Đây là những điều người nên thực hành. Không biết cách ăn uống lời Đức Chúa Trời, thì không thể có sự thông công thực sự. Một khi người biết cách ăn uống lời Ngài, khi người đã nắm bắt được đâu là điểm cốt yếu, thì sự thông công sẽ trở nên tự do, và bất kỳ vấn đề gì được đưa ra, người đều có thể thông công và nắm bắt được thực tế. Nếu khi thông công về lời Đức Chúa Trời, người không có hiện thực, thì người chưa nắm bắt được đâu là điểm cốt lõi, điều này cho thấy người không biết cách ăn uống lời Đức Chúa Trời. Một số người có thể cảm thấy chán ngán khi đọc lời Đức Chúa Trời, đó không phải là một trạng thái bình thường. Điều bình thường là không bao giờ trở nên chán ngán khi đọc những lời của Đức Chúa Trời, luôn khao khát chúng và luôn thấy những lời của Đức Chúa Trời là tốt đẹp. Đây là cách một người đã thực sự bước vào việc ăn uống lời Đức Chúa Trời. Khi người cảm thấy những lời của Đức Chúa Trời quá thực tế và chính xác là những gì con người nên bước vào; khi người cảm thấy những lời của Ngài vô cùng bổ ích và có lợi cho con người, và chúng là sự chu cấp cho sự sống của con người – thì chính Đức Thánh Linh đã mang lại cho người cảm giác này, và chính Đức Thánh Linh đã cảm thúc người. Điều này chứng tỏ Đức Thánh Linh đang hoạt động bên trong người và Đức Chúa Trời đã không quay lưng lại với người. Một số người, khi

thấy Đức Chúa Trời luôn phán dạy, trở nên chán ngán những lời của Ngài và nghĩ rằng họ có đọc chúng hay không cũng không có hậu quả gì – đó không phải là một tình trạng bình thường. Họ thiếu một tấm lòng khao khát bước vào hiện thực, và những người như thế không khao khát cũng như không xem trọng việc được hoàn thiện. Bất kỳ khi nào người thấy mình không khao khát lời Đức Chúa Trời, thì điều này cho thấy người không ở trong tình trạng bình thường. Trong quá khứ, liệu Đức Chúa Trời có quay lưng lại với người hay không có thể được xác định bằng việc người có cảm thấy bình yên bên trong hay không, và người có trải nghiệm cảm giác vui hưởng hay không. Giờ đây, điều cốt lõi là người có khao khát lời Đức Chúa Trời hay không, lời Ngài có là hiện thực của người hay không, người có trung tín hay không, và người có khả năng làm tất cả những gì có thể cho Đức Chúa Trời hay không. Nói cách khác, con người được phán xét bởi hiện thực của lời Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời nhắm lời Ngài đến cả nhân loại. Nếu người sẵn sàng đọc chúng, Ngài sẽ khai sáng người, nhưng nếu người không sẵn sàng, Ngài sẽ không khai sáng người. Đức Chúa Trời khai sáng những ai đói khát sự công chính, và Ngài khai sáng cho những ai tìm kiếm Ngài. Một số người nói rằng Đức Chúa Trời không khai sáng họ ngay cả khi họ đã đọc lời Ngài. Nhưng người đã đọc những lời này theo cách nào? Nếu người đọc lời Ngài theo cách cưỡi ngựa xem hoa, và không xem trọng hiện thực, thì làm sao Đức Chúa Trời khai sáng người được? Làm sao một người không trân quý lời Đức Chúa Trời có thể được Ngài làm cho hoàn thiện? Nếu người không trân quý lời Ngài, thì người sẽ không có cả lẽ thật lẫn hiện thực. Nếu người trân quý lời Ngài, thì người sẽ có thể đưa lẽ thật vào thực hành, và chỉ khi đó người mới sở hữu hiện thực. Đây là lí do tại sao người phải ăn uống lời Đức Chúa Trời mọi lúc, bất kể người có bận rộn hay không, bất kể hoàn cảnh có bất lợi hay không, và bất kể người có đang bị thử luyện hay không. Xét cho cùng, lời Đức Chúa Trời là nền tảng cho sự tồn tại của con người. Không ai có thể quay lưng lại với lời Ngài, mà phải ăn lời Ngài như họ ăn ba bữa một ngày. Được Đức Chúa Trời làm cho hoàn thiện và thu nhận lẽ nào dễ dàng như thế sao? Cho dù hiện tại người có hiểu hay không, và cho dù người có thấu hiểu công tác của Đức Chúa Trời hay không, thì người đều phải ăn uống lời Đức Chúa Trời càng nhiều càng tốt. Đây là chủ động bước vào. Sau khi đọc lời Đức Chúa Trời, hãy gấp rút thực hành những gì người có thể bước vào, và tạm bỏ qua những gì người không thể. Có thể có nhiều lời của Đức Chúa Trời mà người không thể hiểu lúc đầu, nhưng sau hai hoặc ba tháng, có thể thậm chí sau một năm, người sẽ hiểu. Làm sao lại như thế được? Đó là bởi vì Đức Chúa Trời không thể làm cho con người hoàn thiện trong ngày một ngày hai. Thường thì khi người đọc những lời của Ngài, người không thể hiểu ngay. Lúc đó,

chúng có thể dường như chỉ là câu chữ đơn thuần không hơn; người phải trải nghiệm chúng một thời gian trước khi người có thể hiểu chúng. Đức Chúa Trời đã phán dạy rất nhiều, người cần làm hết sức để ăn uống lời Ngài, và rồi, tự lúc nào không hay, người sẽ bắt đầu hiểu, và Đức Thánh Linh sẽ khai sáng cho người lúc nào không hay. Khi Đức Thánh Linh khai sáng con người, thường thì con người không hề hay biết. Ngài khai sáng và hướng dẫn người khi người khao khát và tìm kiếm. Nguyên tắc Đức Thánh Linh hoạt động tập trung vào lời của Đức Chúa Trời mà người ăn uống. Tất cả những ai không coi trọng lời Đức Chúa Trời và luôn có thái độ khác với lời Ngài – trong suy nghĩ mù mịt của mình, họ tin rằng không có gì quan trọng dù họ có đọc lời Ngài hay không – đều là những người không sở hữu hiện thực. Không thể nhìn thấy công tác của Đức Thánh Linh hay sự khai sáng của Ngài trong những người như thế. Những người như thế này chỉ đơn thuần trôi xuôi theo, là những kẻ giả vờ mà không có phẩm chất thực sự, giống như ông Nanguo trong truyện ngụ ngôn^[a].

Không có lời của Đức Chúa Trời làm hiện thực của mình, người không có vóc giạc thực sự. Đến lúc bị thử luyện, người chắc chắn sẽ gục ngã, và vóc giạc thực sự của người sẽ lộ ra. Nhưng những người thường xuyên tìm cách bước vào hiện thực, khi bị những thử luyện vây quanh, sẽ hiểu ra mục đích công tác của Đức Chúa Trời. Ai có lương tâm và ai khao khát Đức Chúa Trời nên có hành động thiết thực để báo đáp Đức Chúa Trời vì tình yêu của Ngài. Những người không sở hữu hiện thực không thể đứng vững ngay cả khi đối mặt với những vấn đề nhỏ nhất. Đó là sự khác biệt giữa những người có vóc giạc thực sự và những người không có. Mặc dù họ cùng ăn uống lời Đức Chúa Trời, nhưng một số người có thể đứng vững giữa những thử luyện, trong khi một số khác lại trốn chạy, tại sao vậy? Sự khác biệt rõ ràng là một số người thiếu vóc giạc thực sự; họ không có lời Đức Chúa Trời làm hiện thực của mình, và lời Ngài không bén rễ bên trong họ. Ngay khi họ bị thử luyện, họ đi đến đường cùng. Vậy thì tại sao một số người có thể đứng vững giữa những thử luyện? Đó là bởi vì họ hiểu lẽ thật và có một khái tượng, cũng như họ hiểu ý muốn của Đức Chúa Trời và những yêu cầu của Ngài, nên họ có thể đứng vững qua các thử luyện. Đây là vóc giạc thực sự, và đây cũng là sự sống. Một số người cũng có thể đọc những lời của Đức Chúa Trời nhưng không thực hành chúng, không coi trọng chúng; những người không coi trọng chúng thì không đặt nặng việc thực hành. Những người không có lời Đức Chúa Trời làm hiện thực của mình thì không có vóc giạc thực sự, và những người như thế không thể đứng vững qua các thử luyện.

a. Nguyên bản không có cụm từ “trong truyện ngụ ngôn”.

Khi những lời của Đức Chúa Trời được phán ra, người nên ngay lập tức tiếp nhận và ăn uống chúng. Cho dù người hiểu đến đâu, một quan điểm mà người phải giữ vững là ăn uống, biết, và thực hành lời Ngài. Đây là điều người nên thực hiện được. Đừng bận tâm về việc vóc giặc của người có thể lớn lên đến mức nào; chỉ cần tập trung vào việc ăn uống lời Ngài. Đây là điều con người nên hợp tác. Đời sống thuộc linh của người chủ yếu là để cố gắng bước vào hiện thực ăn uống những lời của Đức Chúa Trời và thực hành chúng. Tập trung vào bất cứ điều gì khác không phải việc của người. Những lãnh đạo hội thánh nên có khả năng hướng dẫn tất cả những anh em của mình hầu cho họ biết cách ăn uống lời Đức Chúa Trời. Đây là trách nhiệm của mỗi một lãnh đạo hội thánh. Dù già hay trẻ, tất cả đều nên vô cùng coi trọng việc ăn uống lời Đức Chúa Trời và nên có lời Ngài trong lòng mình. Bước vào hiện thực này có nghĩa là bước vào Thời đại Vương quốc. Ngày nay, hầu hết mọi người đều cảm thấy họ không thể sống mà không ăn uống lời Đức Chúa Trời, và cảm thấy lời Ngài luôn tươi mới bất kể thời gian. Điều này có nghĩa là họ đang bắt đầu đi đúng hướng. Đức Chúa Trời sử dụng lời để thực hiện công tác của Ngài và chu cấp cho con người. Khi mọi người mong mỏi và khao khát lời Đức Chúa Trời, loài người sẽ bước vào thế giới của lời Ngài.

Đức Chúa Trời đã phán dạy rất nhiều. Người đã hiểu ra được bao nhiêu? Người đã bước vào được bao nhiêu? Nếu một lãnh đạo hội thánh chưa hướng dẫn các anh chị em của mình đi vào hiện thực của lời Đức Chúa Trời, thì họ đã lơ là bổn phận của mình và không hoàn thành trách nhiệm của mình! Cho dù sự hiểu biết của người sâu sắc hay nông cạn, bất kể mức độ hiểu biết của người như thế nào, người cũng phải biết cách ăn uống những lời của Ngài, người phải hết sức chú ý đến những lời của Ngài, và hiểu được tầm quan trọng cùng sự cần thiết của việc ăn uống chúng. Đức Chúa Trời đã phán dạy rất nhiều, nếu người không ăn uống lời Ngài, hoặc không cố gắng tìm kiếm, hoặc không thực hành lời Ngài, thì đây không thể được gọi là tin vào Đức Chúa Trời. Bởi người có tin vào Đức Chúa Trời, nên người phải ăn uống lời Ngài, trải nghiệm lời Ngài và sống trọn lời Ngài. Chỉ đây mới được gọi là niềm tin nơi Đức Chúa Trời! Nếu người nói miệng là người tin vào Đức Chúa Trời, nhưng không thể thực hành bất kỳ lời nào của Ngài, hoặc không thể tạo ra bất kỳ hiện thực nào, thì điều này không được gọi là tin vào Đức Chúa Trời. Đúng hơn, đó là “tìm bánh để thỏa cơn đói”. Chỉ nói những lời chứng nhỏ nhặt, những điều vô ích, và những vấn đề hời hợt, mà không sở hữu một chút hiện thực nào: đây không phải là niềm tin nơi Đức Chúa Trời, và đơn giản là người chưa nắm được cách tin đúng đắn vào Đức Chúa Trời. Tại sao người phải ăn uống lời Đức Chúa Trời càng nhiều càng tốt? Nếu người không ăn uống lời Ngài mà chỉ tìm cách lên thiên đường, thì đó có

phải là tin vào Đức Chúa Trời không? Bước đầu tiên mà một người tin vào Đức Chúa Trời nên thực hiện là gì? Đức Chúa Trời hoàn thiện con người bằng con đường nào? Người có thể được hoàn thiện mà không ăn uống lời Đức Chúa Trời không? Người có thể được coi là một dân sự của vương quốc mà không có lời Đức Chúa Trời làm hiện thực của mình không? Chính xác thì niềm tin nơi Đức Chúa Trời có nghĩa là gì? Những tín đồ của Đức Chúa Trời ít nhất nên cư xử đúng mực ở bên ngoài; điều quan trọng nhất là sở hữu lời Đức Chúa Trời. Dù thế nào đi nữa, người cũng không bao giờ có thể quay lưng với lời Ngài. Việc biết Đức Chúa Trời và thực hiện những ý định của Ngài đều có thể đạt được thông qua lời Ngài. Trong tương lai, mọi quốc gia, giáo phái, tôn giáo và khu vực sẽ đều được chinh phục thông qua những lời của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời sẽ phán trực tiếp, và tất cả mọi người sẽ nắm lời Đức Chúa Trời trong lòng bàn tay, và bằng cách này, loài người sẽ được hoàn thiện. Cả trong lẫn ngoài, lời của Đức Chúa Trời tràn ngập khắp nơi: Nhân loại sẽ nói những lời của Đức Chúa Trời bằng miệng mình, thực hành theo lời Đức Chúa Trời, giữ lời Đức Chúa Trời bên trong, và luôn đắm chìm trong lời Đức Chúa Trời từ trong ra ngoài. Nhờ đó, loài người sẽ được hoàn thiện. Những người thực hiện ý định của Đức Chúa Trời và có thể làm chứng về Ngài, là những người có lời Đức Chúa Trời làm hiện thực của mình.

Bước vào Thời đại của Lời – Thời đại Vương quốc Một Nghìn năm – là công tác hiện đang được hoàn tất. Từ nay trở đi, hãy thực hành tham gia thông công về lời Đức Chúa Trời. Chỉ bằng cách ăn uống cũng như trải nghiệm lời Đức Chúa Trời, người mới có thể sống trọn lời Đức Chúa Trời. Người phải đưa ra một số kinh nghiệm thực tế để thuyết phục người khác. Nếu người không thể sống trọn hiện thực của lời Đức Chúa Trời, thì sẽ không ai bị không thuyết phục cả! Tất cả những người được Đức Chúa Trời sử dụng đều có thể sống trọn hiện thực của lời Đức Chúa Trời. Nếu người không thể tạo ra hiện thực này và làm chứng cho Đức Chúa Trời, thì điều này cho thấy Đức Thánh Linh chưa hoạt động trong người và người chưa được hoàn thiện. Đây là tầm quan trọng của lời Đức Chúa Trời. Người có một tấm lòng khao khát lời Đức Chúa Trời không? Những người khát khao lời của Đức Chúa Trời thì khát khao lẽ thật, và chỉ những người như thế này mới được Đức Chúa Trời ban phước. Trong tương lai, có nhiều lời phán dạy hơn nữa mà Đức Chúa Trời sẽ phán với tất cả các tôn giáo và các giáo phái. Đầu tiên Ngài sẽ phán và cất tiếng giữa các người để làm cho các người trọn vẹn trước khi tiếp tục phán và cất tiếng giữa các dân ngoại để chinh phục họ. Thông qua lời Ngài, tất cả sẽ được thuyết phục một cách chân thành và tuyệt đối. Thông qua lời Đức Chúa Trời và những sự mặc khải của Ngài, tâm tính bại hoại của con người giảm dần, họ sẽ có được diện mạo của

một con người, và tâm tính dấy loạn của họ giảm bớt. Lời tác động đến con người với thẩm quyền và chinh phục con người trong sự sáng của Đức Chúa Trời. Công tác Đức Chúa Trời làm ở thời đại hiện nay, cũng như những bước ngoặt trong công tác của Ngài, tất cả đều có thể được tìm thấy trong những lời của Ngài. Nếu người không đọc lời Ngài, người sẽ không hiểu gì cả. Qua việc bản thân người ăn uống lời Ngài, và qua việc tham gia thông công với các anh chị em cùng những kinh nghiệm thực tế của mình, người sẽ có được kiến thức đầy đủ về lời Đức Chúa Trời. Chỉ khi đó, người mới có thể thực sự sống trọn hiện thực của lời Ngài.

Mọi thứ đều đạt được bởi lời Đức Chúa Trời

Đức Chúa Trời phán những lời Ngài và thực hiện công tác của Ngài theo các thời đại khác nhau, và trong các thời đại khác nhau thì Ngài phán những lời khác nhau. Đức Chúa Trời không bị ràng buộc bởi các quy tắc, cũng không lặp lại công tác nào, hay không phải hoài niệm về những điều trong quá khứ; Ngài là Đức Chúa Trời – một Đấng luôn mới mẻ và không bao giờ cũ kỹ, và Ngài đều phán ra những lời mới mẻ mỗi ngày. Người nên tuân thủ những điều phải tuân thủ hôm nay; đây là trách nhiệm và bổn phận của con người. Điều cốt yếu là việc thực hành phải xoay quanh trọng tâm là sự sáng và lời Đức Chúa Trời của ngày nay. Đức Chúa Trời không bị ràng buộc bởi các quy tắc, và có thể phán từ các góc độ khác nhau để làm rõ sự khôn ngoan và sự toàn năng của Ngài. Bất luận là Ngài đang phán dưới góc độ của Thần, hay của con người, hay của một người thứ ba – thì Đức Chúa Trời vẫn luôn là Đức Chúa Trời, và người không thể nói rằng Ngài không phải Đức Chúa Trời chỉ vì Ngài đang phán dưới góc độ con người. Đã có những quan niệm nảy ra trong một số người như là hệ quả của việc Đức Chúa Trời phán ra từ những góc độ khác nhau. Những người như vậy chẳng có kiến thức gì về Đức Chúa Trời, và chẳng có kiến thức gì về công tác của Ngài. Nếu Đức Chúa Trời luôn phán ra từ một góc độ, chẳng phải con người sẽ đặt ra các quy tắc về Đức Chúa Trời hay sao? Liệu Đức Chúa Trời có cho phép con người hành xử theo cách đó không? Bất kể Đức Chúa Trời phán ra từ góc độ nào, Ngài đều có mục đích để làm như vậy. Nếu Đức Chúa Trời cứ luôn phán ra từ góc độ của Thần, liệu người có thể tiếp xúc với Ngài không? Thế nên, thỉnh thoảng Ngài phán ở ngôi thứ ba để ban lời Ngài đến người và dẫn dắt người vào hiện thực. Mọi điều Đức Chúa Trời làm đều đúng đắn. Tóm lại, mọi thứ đều được hoàn tất bởi Đức Chúa Trời, và người không nên nghi ngờ gì về điều này. Ngài là Đức Chúa Trời, và do vậy cho dù Ngài phán dưới góc độ nào đi nữa, Ngài vẫn sẽ luôn là Đức Chúa Trời. Đây là một lẽ thật bất biến. Dù Ngài có làm việc thế

nào chẳng nữa, Ngài vẫn là Đức Chúa Trời, và thực chất của Ngài sẽ không thay đổi. Phi-e-rơ rất yêu thương Đức Chúa Trời và là một người hợp lòng với chính Đức Chúa Trời, nhưng Đức Chúa Trời vẫn không làm chứng cho ông là Chúa hay Đấng Christ, bởi thực chất của một hữu thể đã là như vậy, và nó không thể thay đổi. Trong công tác của Ngài, Đức Chúa Trời không bị ràng buộc bởi các quy tắc, mà vận dụng những phương cách khác nhau để cho công tác của Ngài được hiệu quả và giúp đào sâu sự hiểu biết của con người về Ngài. Mọi phương cách làm việc của Ngài đều giúp con người biết đến Ngài, và nhằm mục đích làm cho con người hoàn thiện. Cho dù Ngài vận dụng phương cách nào đi chẳng nữa, mỗi phương cách đều nhằm xây dựng và hoàn thiện con người. Mặc dù một trong số các phương cách làm việc của Ngài có thể đã tồn tại trong thời gian rất lâu, nhưng điều này cũng chỉ nhằm tô luyện đức tin của con người nơi Ngài. Vì thế, không nên có nghi ngờ trong lòng các người. Tất cả những điều này đều là các bước trong công tác của Đức Chúa Trời, và các người phải vâng phục.

Những điều được phán dạy ngày hôm nay là lối vào hiện thực – không phải việc thăng thiên, hay thống trị như những vị vua; tất cả những gì được phán dạy đều là sự theo đuổi lối vào hiện thực. Không có sự theo đuổi nào thiết thực hơn điều này, còn để nói về việc thống trị như những vị vua thì không thiết thực. Con người có tính hiếu kỳ lớn, và họ vẫn đo lường công tác của Đức Chúa Trời ngày nay bằng những quan niệm tôn giáo của họ. Dù đã trải qua rất nhiều phương pháp làm việc của Đức Chúa Trời, con người vẫn không biết gì về công tác của Đức Chúa Trời, vẫn kiếm tìm những dấu kỳ và phép lạ, và vẫn nhìn xem những lời Đức Chúa Trời đã được ứng nghiệm hay chưa. Chẳng phải đây là sự ngu dốt vô cùng hay sao? Nếu lời Đức Chúa Trời không ứng nghiệm, liệu các người có còn tin rằng Ngài là Đức Chúa Trời hay không? Ngày nay, nhiều người như thế trong hội thánh đang chờ đợi để được nhìn thấy những dấu kỳ và phép lạ. Họ cho rằng nếu lời Đức Chúa Trời được ứng nghiệm, thì Ngài là Đức Chúa Trời; nếu lời Đức Chúa Trời không được ứng nghiệm, thì Ngài chẳng phải là Đức Chúa Trời. Vậy thì người tin vào Đức Chúa Trời dựa trên sự ứng nghiệm lời Ngài, hay là bởi Ngài là chính Đức Chúa Trời? Quan điểm của con người về đức tin nơi Đức Chúa Trời phải được chỉnh đốn! Khi người thấy rằng lời Đức Chúa Trời chưa được ứng nghiệm, người bỏ chạy – liệu đây có phải là đức tin nơi Đức Chúa Trời không? Khi người tin ở Đức Chúa Trời, người phải đầu phục sự sắp đặt của Đức Chúa Trời trong mọi sự và vâng phục mọi công tác của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời phán dạy rất nhiều lời trong Cựu Ước – những điều nào trong đó mà người đã tận mắt chứng kiến sự linh nghiệm? Người có thể nói rằng Đức Giê-hô-va chẳng phải là Đức Chúa Trời thật bởi người không chứng kiến điều

đó hay không? Mặc dù nhiều lời của Đức Chúa Trời có thể đã được ứng nghiệm, nhưng con người không có khả năng thấy rõ điều đó bởi vì con người không có lẽ thật và không hiểu gì. Một số người muốn bỏ đi khi họ cảm thấy lời Đức Chúa Trời chưa ứng nghiệm. Thử đi. Xem người có thể bỏ đi hay không. Cho dù đã bỏ đi, người vẫn sẽ quay lại. Đức Chúa Trời điều khiển người bằng lời của Ngài, và nếu người rời hội thánh và rời những lời của Đức Chúa Trời, người sẽ chẳng có cách nào để sống tiếp. Nếu người không tin vào điều này, cứ thử đi – người nghĩ rằng người có thể đơn giản bỏ đi sao? Thần của Đức Chúa Trời điều khiển người. Người không thể bỏ đi. Đây là một sắc lệnh quản trị của Đức Chúa Trời! Nếu vài người muốn thử, họ có thể thử! Người cho rằng người này không phải Đức Chúa Trời, vậy thì thử phạm một tội chống lại Ngài và xem thử Ngài làm gì. Có thể xác thịt của người sẽ không chết và người vẫn sẽ có thể tự ăn và tự mặc, nhưng về mặt tinh thần, người sẽ không thể chịu nổi; người sẽ cảm thấy căng thẳng và giằng xé; chẳng có gì đau đớn hơn thế. Con người không thể chịu đựng được sự giằng xé và hủy hoại về tinh thần – người có thể chịu được những đau đớn về xác thịt, nhưng người tuyệt đối không có khả năng chịu được sự căng thẳng và giằng xé dai dẳng về mặt tinh thần. Ngày nay, một số người trở nên tiêu cực bởi vì họ chưa thể nhìn thấy bất kỳ dấu kỳ và phép lạ nào, nhưng không ai dám bỏ đi cho dù họ có trở nên tiêu cực như thế nào, bởi Đức Chúa Trời điều khiển con người bằng lời Ngài. Mặc dù chẳng có sự kiện nào xảy ra, nhưng vẫn không có ai trốn chạy được. Chẳng phải đây là những hành động của Đức Chúa Trời sao? Hôm nay, Đức Chúa Trời đã đến trần thế để chu cấp sự sống cho con người. Không như con người tưởng tượng, Ngài chẳng dễ dàng người bằng việc đưa ra những dấu kỳ và phép lạ nhằm bảo đảm một mối quan hệ hòa hảo giữa Đức Chúa Trời và con người. Tất cả những ai không tập trung vào sự sống, và những ai thay vào đó chú tâm vào việc khiến Đức Chúa Trời phải làm những dấu kỳ và phép lạ, thì đều là những người Pha-ri-si! Và chính những người Pha-ri-si đã đóng đinh Jêsus lên thập tự giá. Nếu người đánh giá Đức Chúa Trời dựa trên quan điểm của chính người về niềm tin vào Đức Chúa Trời, tin vào Đức Chúa Trời chỉ khi lời Ngài được ứng nghiệm, và nghi ngờ, thậm chí còn báng bổ Đức Chúa Trời nếu lời Ngài không ứng nghiệm, vậy thì người chẳng đóng đinh Ngài lên thập tự giá sao? Những người như vậy rất lơ là trong bổn phận của họ, và tham lam ham thích sự an nhàn.

Một mặt, vấn đề lớn nhất của con người là họ không biết đến công tác của Đức Chúa Trời. Mặc dù thái độ của con người không phải là phủ nhận, nhưng đó là sự nghi ngờ. Con người không phủ nhận, nhưng họ cũng không hoàn toàn thừa nhận. Nếu con người có sự hiểu biết thấu đáo về công tác của Đức Chúa Trời, họ sẽ không

trốn chạy. Vấn đề khác là con người không hiểu biết về hiện thực. Ngày nay, mỗi một người đều đã tiếp xúc với lời Đức Chúa Trời; quả thực, trong tương lai, người không nên nghĩ tới việc thấy được những dấu kỳ và phép lạ. Ta nói rõ cho người rằng: Suốt trong giai đoạn hiện tại, tất cả những gì người có khả năng nhìn thấy đó là lời Đức Chúa Trời, và mặc dù không có sự kiện nào, sự sống của Đức Chúa Trời vẫn có thể thực hiện ở con người. Công tác này mới là công tác chính của Vương quốc Một Nghìn năm, và nếu người không thể nhận thức được công tác này, thì người sẽ trở nên yếu đuối và gục ngã; người sẽ bị rơi xuống giữa những thử luyện, song còn đau đớn hơn thế nữa là sẽ bị Sa-tan giam cầm. Đức Chúa Trời đến trần thế chủ yếu là để phán ra lời Ngài; những gì người tiếp xúc là lời Đức Chúa Trời, những gì người nhìn thấy là lời Đức Chúa Trời, những gì người nghe thấy là lời Đức Chúa Trời, những gì người tuân thủ là lời Đức Chúa Trời, những gì người trải nghiệm là lời Đức Chúa Trời, và sự nhập thể này của Đức Chúa Trời chủ yếu dùng lời để làm cho con người hoàn thiện. Ngài không làm những dấu kỳ và phép lạ, và đặc biệt là không làm những việc Jêsus đã làm trong quá khứ. Mặc dù Họ đều là Đức Chúa Trời, và đều ở trong xác thịt, nhưng chức vụ của Họ không giống nhau. Khi Jêsus đến, Ngài đã làm một phần việc của Đức Chúa Trời, và phán một số lời – nhưng đâu là việc chính mà Ngài đã hoàn tất? Việc mà Ngài chủ yếu hoàn tất là chịu đóng đinh lên thập giá. Ngài trở nên giống như xác thịt tội lỗi để hoàn tất việc bị đóng đinh và cứu chuộc toàn nhân loại, và vì tội lỗi của toàn nhân loại mà Ngài đã dấn thân như một của lễ chuộc tội. Đây là công tác chính yếu mà Ngài đã hoàn thành. Cuối cùng, Ngài đã cung cấp con đường đến thập giá để dẫn dắt những ai đến sau. Khi Jêsus đến, chủ yếu là để hoàn tất công tác cứu chuộc. Ngài đã cứu chuộc toàn nhân loại, mang Phúc Âm của vương quốc thiên đàng đến cho con người, và hơn thế nữa, Ngài trải ra con đường dẫn đến vương quốc thiên đàng. Kết quả là, tất cả những ai đến sau đều cho rằng: “Chúng ta đều nên bước đi trên con đường thập tự, và hi sinh bản thân chúng ta cho thập tự”. Dĩ nhiên, lúc đầu, Jêsus cũng đã làm một vài công tác khác và phán một số lời để con người ăn năn và xưng tội. Nhưng chức vụ của Ngài vẫn là việc đóng đinh, và Ngài đã trải qua ba năm rưỡi để truyền giảng về con đường chính là sự chuẩn bị cho việc chịu đóng đinh lên thập tự sau đó. Một vài lần mà Jêsus đã cầu nguyện cũng chính là để phục vụ cho việc bị đóng đinh lên thập tự. Cuộc sống của một con người bình thường mà Ngài đã trải qua và ba mươi ba năm rưỡi Ngài đã sống ở trần thế chủ yếu là để hoàn thành việc chịu đóng đinh lên thập tự; những điều ấy giúp cho Ngài sức mạnh để đảm trách công tác này, mà do đó Đức Chúa Trời đã giao phó công tác chịu đóng đinh lên thập tự cho Ngài. Đức Chúa Trời nhập thể sẽ hoàn tất công tác gì ngày nay? Ngày nay, Đức Chúa Trời đã trở nên xác

thịt chủ yếu là để hoàn tất công tác của “Lời xuất hiện trong xác thịt”, sử dụng lời để làm cho con người hoàn thiện, và khiến cho con người chấp nhận sự xử lý bằng lời và sự tinh luyện của lời. Trong lời Ngài, Ngài khiến người có được sự chu cấp và có được sự sống; trong lời Ngài, người nhìn thấy công tác và những việc làm của Ngài. Đức Chúa Trời dùng lời để hành phạt và tinh luyện người, và như thế, nếu người phải chịu đựng gian khó, đó cũng là bởi vì lời Đức Chúa Trời. Ngày nay, Đức Chúa Trời thực hiện công tác không phải bằng các sự kiện, mà bằng lời. Chỉ sau khi lời Ngài đến được với người thì Đức Thánh Linh mới có thể hoạt động trong người và khiến người phải chịu sự đau đớn hoặc cảm nhận sự ngọt ngào. Chỉ có lời Đức Chúa Trời mới có thể đưa người vào hiện thực, và chỉ có lời Đức Chúa Trời mới có khả năng làm cho người hoàn thiện. Và như vậy, ít nhất là người phải hiểu được điều này: Công tác được Đức Chúa Trời thực hiện trong thời kỳ sau rất chủ yếu là dùng lời Ngài để làm cho mỗi con người hoàn thiện và để dẫn dắt con người. Tất cả mọi công tác Ngài làm đều thông qua lời; Ngài không dùng các sự kiện để hành phạt người. Có những thời điểm một số người chống đối Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời không gây ra điều gì quá khó chịu cho người, xác thịt của người không bị hành phạt gì, cũng như người không phải chịu đựng gian khó nào – nhưng ngay khi lời Ngài đến được với người, và tinh luyện người, đó mới là điều người không thể chịu nổi. Chẳng phải thế sao? Trong thời của những kẻ phục vụ, Đức Chúa Trời phán phải ném con người vào vực sâu không đáy. Liệu con người đã thực sự chạm đến vực sâu không đáy chưa? Chỉ đơn giản là thông qua việc dùng lời để tinh luyện con người, mà con người đã bước vào vực sâu không đáy. Và như vậy, trong thời kỳ sau rất, khi Đức Chúa Trời trở nên xác thịt, Ngài chủ yếu dùng lời để hoàn thành tất cả và khiến tất cả trở nên rõ ràng. Chỉ trong lời Ngài người mới có thể thấy được Ngài là gì; chỉ trong lời Ngài người mới có thể thấy được Ngài là chính Đức Chúa Trời. Khi Đức Chúa Trời nhập thể đến với trần thế, Ngài không làm gì khác ngoài việc phán lời – như thế chẳng cần sự kiện gì; chỉ lời thôi đã đủ. Đó là bởi vì Ngài đã đến chủ yếu là để làm công tác này, để cho con người thấy được quyền năng của Ngài và quyền tối thượng trong lời Ngài, để cho con người thấy được trong lời Ngài rằng Ngài đã khiêm nhường ẩn giấu như thế nào, và để cho con người biết được toàn bộ về Ngài trong lời Ngài. Tất cả những gì Ngài có và tất cả những gì Ngài là đều có trong lời Ngài. Sự khôn ngoan và sự diệu kỳ của Ngài đều có trong lời Ngài. Thông qua điều này mà người được nhìn thấy nhiều phương cách mà Đức Chúa Trời dùng để phán ra lời Ngài. Hầu hết công tác của Đức Chúa Trời suốt trong thời gian này là chu cấp, mặc khải, xử lý con người. Ngài không dễ dàng rửa sạch một người, và thậm chí khi Ngài làm thì cũng thông qua lời mà Ngài rửa sạch họ. Và như vậy, ở thời đại

Đức Chúa Trời trở nên xác thịt này, đừng cố để trông thấy Đức Chúa Trời chữa lành người bệnh và xua đuổi ma quỷ một lần nữa, và hãy đừng tìm kiếm liên tục những dấu kỳ – chẳng có ý nghĩa gì cả! Những dấu kỳ đó chẳng thể làm con người hoàn thiện. Nói một cách thẳng thắn thế này: Ngày nay, bản thân Đức Chúa Trời thật trong xác thịt không hành động; Ngài chỉ phán dạy. Đây là lẽ thật! Ngài dùng lời để làm cho người hoàn thiện, và dùng lời để nuôi và chăm tưới người. Ngài cũng dùng lời để làm việc, và Ngài dùng lời thay thế các sự kiện để người biết đến tính hiện thực của Ngài. Nếu người đủ khả năng nhận thức được cách thức này trong công tác của Đức Chúa Trời, thì khó mà tiêu cực được. Thay vì tập trung vào những điều tiêu cực, các người chỉ nên tập trung vào những gì tích cực – có nghĩa là, bất kể lời Đức Chúa Trời có ứng nghiệm hay không, hoặc bất kể có sự kiện nào xảy đến hay không, Đức Chúa Trời vẫn khiến cho con người đạt được sự sống từ lời Ngài, và đây là điều vĩ đại nhất so với mọi dấu kỳ; thậm chí còn hơn thế nữa, đây là một thực tế không thể chối cãi. Đây là bằng chứng tốt nhất để thông qua đó biết về Đức Chúa Trời, và là một dấu kỳ còn vĩ đại hơn mọi dấu kỳ. Chỉ có những lời này mới có thể làm cho con người hoàn thiện.

Ngay khi Thời đại Vương quốc bắt đầu, Đức Chúa Trời đã bắt đầu phán ra lời Ngài. Trong tương lai, những lời này dần dà sẽ được ứng nghiệm, và lúc đó, con người sẽ trưởng thành cho sự sống. Việc Đức Chúa Trời dùng lời để phơi bày tâm tính bại hoại của con người trở nên thực tế hơn, cần thiết hơn, và Ngài chẳng sử dụng gì khác ngoài lời để làm công tác của Ngài nhằm giúp hoàn thiện đức tin của con người, bởi ngày nay là Thời đại của Lời, và buộc phải có đức tin, sự quyết tâm và hợp tác từ phía con người. Công tác của Đức Chúa Trời nhập thể trong thời kỳ sau rốt là dùng lời Ngài để phục vụ và chu cấp cho con người. Chỉ sau khi Đức Chúa Trời nhập thể phán dạy xong thì lời Ngài mới bắt đầu ứng nghiệm. Trong lúc Ngài phán dạy, lời Ngài chưa ứng nghiệm bởi vì khi Ngài đang ở trong giai đoạn của xác thịt thì lời Ngài chưa thể được ứng nghiệm. Điều này là để con người có thể thấy được rằng Đức Chúa Trời là xác thịt và không phải là Thần; để con người có thể chính mắt thấy tính hiện thực của Đức Chúa Trời. Vào ngày mà công tác của Ngài hoàn tất, khi mọi lời cần được Ngài phán dạy trên đất đã được phán xong, thì lời Ngài sẽ bắt đầu ứng nghiệm. Bây giờ chưa phải thời đại để lời Ngài được ứng nghiệm, bởi vì Ngài chưa phán dạy hết những lời Ngài. Vậy thì khi người thấy rằng Đức Chúa Trời vẫn đang phán ra lời Ngài trên đất, đừng chờ đợi sự ứng nghiệm của lời Ngài; khi Đức Chúa Trời ngừng phán lời Ngài, và khi công tác của Ngài trên đất đã hoàn tất, đó sẽ là khi lời Ngài bắt đầu ứng nghiệm. Trong những lời Ngài phán ra trên đất, một mặt có sự chu cấp sự sống, và mặt khác có sự tiên tri – sự tiên tri về

những điều sắp xảy đến, về những điều sẽ được thực hiện, và về những điều vẫn chưa được hoàn tất. Cũng đã có sự tiên tri trong lời của Jêsus. Một mặt, Ngài chu cấp sự sống, và mặt khác, Ngài phán lời tiên tri. Ngày nay, không có chuyện nói về việc triển khai lời và các sự kiện cùng lúc bởi vì có sự khác biệt quá lớn giữa những gì con người có thể chính mắt thấy với những gì Đức Chúa Trời thực hiện. Chỉ có thể nói rằng, một khi công tác của Đức Chúa Trời hoàn tất, lời Ngài sẽ được ứng nghiệm, và các sự kiện sẽ đến sau lời. Trong thời kỳ sau rốt, Đức Chúa Trời nhập thể thực hiện chức vụ của lời phán trên đất, và trong quá trình thực hiện chức vụ của lời phán, Ngài chỉ phán lời, và không quan tâm đến những vấn đề khác. Một khi công tác của Đức Chúa Trời thay đổi, lời Ngài sẽ bắt đầu được ứng nghiệm. Ngày nay, lời trước hết được dùng để làm cho người hoàn thiện; khi Ngài đạt được vinh quang trong toàn cõi vũ trụ, công tác của Ngài sẽ hoàn tất – tất cả mọi lời cần phán sẽ được phán xong, và mọi lời sẽ trở thành sự thật. Đức Chúa Trời đã đến trần thế trong thời kỳ sau rốt để thực hiện chức vụ của lời phán hầu cho loài người có thể biết đến Ngài, và hầu cho loài người có thể thấy được Ngài là gì, và thấy được sự khôn ngoan cùng mọi việc làm diệu kỳ của Ngài từ lời Ngài. Trong suốt Thời đại Vương quốc, Đức Chúa Trời chủ yếu dùng lời để chinh phục hết thảy nhân loại. Trong tương lai, lời Ngài cũng sẽ đến với mọi tôn giáo, mọi lĩnh vực, mọi quốc gia và mọi giáo phái. Đức Chúa Trời dùng lời để chinh phục, để khiến mọi con người đều thấy rằng lời Ngài mang thẩm quyền và sức mạnh – và vì thế, ngày nay các người chỉ đối mặt với lời của Đức Chúa Trời.

Lời Đức Chúa Trời phán trong thời đại này khác với những lời được phán trong Thời đại Luật pháp, và như thế, cũng khác với những lời được phán trong Thời đại Ân điển. Trong Thời đại Ân điển, Đức Chúa Trời đã không làm công tác dùng lời, mà chỉ đơn giản đề cập đến việc Ngài sẽ bị đóng đinh lên thập tự nhằm cứu chuộc toàn nhân loại. Kinh Thánh chỉ mô tả tại sao Jêsus phải bị đóng đinh, và nỗi đớn đau Ngài phải gánh chịu trên thập tự giá, và con người nên chịu đóng đinh vì Đức Chúa Trời như thế nào. Trong thời đại đó, mọi công tác do Đức Chúa Trời thực hiện đều xoay quanh trọng tâm là việc chịu đóng đinh lên thập tự giá. Suốt trong Thời đại Vương quốc, Đức Chúa Trời nhập thể phán lời để chinh phục hết thảy những ai tin ở Ngài. Đây là “Lời xuất hiện trong xác thịt”; Đức Chúa Trời đã đến trong thời kỳ sau rốt để làm công tác này, nghĩa là, Ngài đã đến để hoàn tất ý nghĩa thực sự của Lời xuất hiện trong xác thịt. Ngài chỉ phán lời, và hiếm khi có sự kiện nào xảy đến. Đây chính là thực chất của Lời xuất hiện trong xác thịt, và khi Đức Chúa Trời nhập thể phán ra lời Ngài, đây là sự xuất hiện của Lời trong xác thịt, và là Lời đến trong xác thịt. “Ban đầu có Ngôi Lời, Ngôi Lời ở cùng Đức Chúa Trời, và Ngôi Lời là Đức Chúa Trời, Ngôi

Lời đã trở nên xác thật”. Việc này (việc xuất hiện của Lời trong xác thật) là công tác mà Đức Chúa Trời sẽ hoàn tất trong thời kỳ sau rốt, và là chương cuối của toàn bộ kế hoạch quản lý của Ngài, và như vậy Đức Chúa Trời phải đến trần thế và bày tỏ lời Ngài trong xác thật. Những gì được thực hiện ngày nay, những gì sẽ được thực hiện trong tương lai, những gì sẽ được hoàn tất bởi Đức Chúa Trời, đích đến cuối cùng của con người, những ai sẽ được cứu rỗi, những ai sẽ bị hủy diệt, v.v. – toàn bộ công tác phải đạt được sau cuối đều đã được thông báo rõ ràng, và đều nhằm hoàn tất ý nghĩa thực sự của Lời xuất hiện trong xác thật. Các sắc lệnh quản trị và hiến pháp đã được ban ra trước đây, những ai sẽ bị hủy diệt, những ai bước vào sự nghỉ ngơi – hết thảy những lời này đều phải được ứng nghiệm. Đây là công tác chủ yếu do Đức Chúa Trời nhập thể hoàn tất trong thời kỳ sau rốt. Ngài khiến con người hiểu được những người được Đức Chúa Trời tiền định thì thuộc về đâu và những người không được Đức Chúa Trời tiền định thì thuộc về đâu, những dân sự và các con trai của Ngài thì được phân định như thế nào, điều gì sẽ xảy ra với Y-sơ-ra-ên, điều gì sẽ xảy ra với Ai Cập – trong tương lai, từng lời một trong những lời này đều sẽ được thực hiện. Công tác của Đức Chúa Trời đang tăng tốc. Đức Chúa Trời dùng lời làm phương tiện để tiết lộ cho con người những việc phải làm trong mỗi thời đại, những việc phải được Đức Chúa Trời nhập thể thực hiện trong thời kỳ sau rốt, cũng như chức vụ Ngài cần phải thực hiện, và hết thảy những lời này đều nhằm hoàn thành ý nghĩa thực sự của Lời xuất hiện trong xác thật.

Trước đây Ta đã từng phán rằng: “Tất cả những ai chú tâm vào việc nhìn thấy những dấu kỳ và phép lạ sẽ đều bị từ bỏ; họ không phải là những người sẽ được làm cho hoàn thiện”. Ta đã phán rất nhiều lời, thế nhưng con người chẳng có được một chút hiểu biết nào về công tác này, và đến mức này mà mọi người vẫn đòi hỏi về những dấu kỳ và phép lạ. Có phải đức tin vào Đức Chúa Trời của người không hơn gì việc theo đuổi những dấu kỳ và phép lạ, hay là nhằm đạt được sự sống? Jê-sus cũng đã phán nhiều lời, và một số trong những lời đó vẫn chưa được ứng nghiệm. Người có thể nói rằng Jê-sus không phải Đức Chúa Trời không? Đức Chúa Trời đã làm chứng rằng Ngài là Đấng Christ và là Con yêu dấu của Đức Chúa Trời. Người có thể chối bỏ điều này không? Ngày nay, Đức Chúa Trời chỉ phán lời, và nếu người không biết căn cứ điều này, thì người không thể đứng vững được. Người tin vào Ngài bởi Ngài là Đức Chúa Trời, hay người tin Ngài dựa trên việc lời Ngài có ứng nghiệm hay không? Người tin vào những dấu kỳ và phép lạ, hay người tin vào Đức Chúa Trời? Ngày nay Ngài không làm những dấu kỳ và phép lạ – Ngài có thực sự là Đức Chúa Trời không? Nếu những lời Ngài phán ra không được ứng nghiệm, Ngài có thực sự là Đức Chúa Trời không? Thực chất của Đức Chúa Trời có được

quyết định bởi việc ứng nghiệm lời Ngài phán hay không? Tại sao một số người vẫn luôn chờ đợi sự ứng nghiệm của lời Đức Chúa Trời rồi mới tin vào Ngài? Chẳng phải điều này có nghĩa là họ không biết đến Đức Chúa Trời hay sao? Tất cả những ai có quan niệm như vậy đều là những người chối bỏ Đức Chúa Trời. Họ dùng những quan niệm để đo lường Đức Chúa Trời; nếu lời Đức Chúa Trời ứng nghiệm thì họ tin vào Ngài, và nếu không thì họ không tin vào Ngài; và họ luôn theo đuổi những dấu kỳ và phép lạ. Chẳng phải đây là những người Pha-ri-si của thời hiện đại đó sao? Việc người có thể đứng vững hay không phụ thuộc vào việc người có biết đến Đức Chúa Trời thực sự hay không – điều này là cốt yếu! Hiện thực của lời Đức Chúa Trời trong người càng nhiều, thì hiểu biết của người về tính hiện thực của Đức Chúa Trời càng nhiều, và người càng có thể đứng vững qua những thử luyện. Người càng chú tâm vào việc nhìn thấy những dấu kỳ và phép lạ bao nhiêu, thì người càng khó có thể đứng vững, và người sẽ gục ngã giữa những thử luyện. Những dấu kỳ và phép lạ không phải là nền tảng; chỉ có tính hiện thực của Đức Chúa Trời mới là sự sống. Một số người chẳng biết về những hiệu quả mà công tác của Đức Chúa Trời phải đạt được. Họ trải qua những ngày hoang mang mà không theo đuổi sự hiểu biết về công tác của Đức Chúa Trời. Mục đích sự theo đuổi của họ chỉ luôn là khiến cho Đức Chúa Trời đáp ứng những ước muốn của họ, và chỉ khi đó thì họ mới nghiêm túc trong đức tin của mình. Họ bảo rằng họ sẽ theo đuổi sự sống nếu những lời Đức Chúa Trời được ứng nghiệm, nhưng cũng bảo rằng nếu lời Ngài không được ứng nghiệm thì việc theo đuổi sự sống của họ sẽ không khả thi. Con người nghĩ rằng niềm tin vào Đức Chúa Trời chính là việc theo đuổi những dấu kỳ và phép lạ, cũng như là việc theo đuổi sự thăng thiên và đến tầng trời thứ ba. Chẳng ai trong số họ cho rằng đức tin nơi Đức Chúa Trời của họ là sự theo đuổi lối vào hiện thực, sự theo đuổi sự sống, và sự theo đuổi việc được Đức Chúa Trời thu phục. Sự theo đuổi như vậy thì có giá trị gì? Những ai không theo đuổi sự hiểu biết về Đức Chúa Trời và việc làm đẹp lòng Đức Chúa Trời đều là những người không tin vào Đức Chúa Trời; họ là những người bán bỏ Đức Chúa Trời!

Bây giờ các người đã hiểu đức tin nơi Đức Chúa Trời là gì chưa? Đức tin nơi Đức Chúa Trời có phải là trông thấy những dấu kỳ và phép lạ không? Hay đó có phải là sự thăng thiên không? Tin vào Đức Chúa Trời không hề là chuyện dễ dàng. Những nghi thức tôn giáo đó nên được dẹp bỏ; theo đuổi việc chữa lành người bệnh và xua đuổi ma quỷ, chú tâm vào những dấu kỳ và phép lạ, thêm muốn nhiều hơn những ân điển, bình an và niềm vui của Đức Chúa Trời, theo đuổi những triển vọng và sự thoải mái xác thịt – đây đều là những nghi thức tôn giáo, và những nghi thức tôn giáo như vậy là một loại đức tin mơ hồ. Đức tin thực sự nơi Đức Chúa Trời ngày nay là

gì? Đó là sự chấp nhận lời Đức Chúa Trời là thực tế của sự sống của người và biết đến Đức Chúa Trời từ lời Ngài nhằm đạt đến một tình yêu đích thực đối với Ngài. Để rõ ràng hơn: Đức tin nơi Đức Chúa Trời là để người có thể vâng lời Đức Chúa Trời, yêu thương Đức Chúa Trời, và thực hiện bổn phận phải được thực hiện bởi một loài thọ tạo của Đức Chúa Trời. Đây là mục tiêu của việc tin ở Đức Chúa Trời. Người phải đạt được sự hiểu biết về sự đáng mến của Đức Chúa Trời, về việc Đức Chúa Trời đáng tôn kính như thế nào, về việc Đức Chúa Trời đã thực hiện công tác cứu rỗi giữa những loài thọ tạo của Ngài và làm cho chúng hoàn thiện như thế nào – đây là những điều cốt yếu nhất trong đức tin của người nơi Đức Chúa Trời. Đức tin nơi Đức Chúa Trời chủ yếu là sự chuyển biến từ một đời sống xác thịt sang một đời sống yêu thương Đức Chúa Trời; từ việc sống trong sự bại hoại sang việc sống trong sự sống của lời Đức Chúa Trời; đó là sự bước ra dưới quyền của Sa-tan và sống dưới sự coi sóc và bảo vệ của Đức Chúa Trời; đó là khả năng đạt được sự vâng phục trước Đức Chúa Trời và không vâng lời xác thịt; đó là việc để cho Đức Chúa Trời chiếm trọn tâm lòng người, để cho Đức Chúa Trời làm cho người hoàn thiện, và giải phóng người khỏi tâm tính Sa-tan bại hoại. Đức tin nơi Đức Chúa Trời chủ yếu là để quyền năng và sự vinh hiển của Đức Chúa Trời có thể được tỏ hiện nơi người, để người có thể thực hiện ý muốn của Đức Chúa Trời, hoàn tất kế hoạch của Đức Chúa Trời, và có thể mang lời chứng cho Đức Chúa Trời trước Sa-tan. Đức tin nơi Đức Chúa Trời không nên chỉ xoay quanh mong muốn trông thấy những dấu kỳ và phép lạ, cũng không nên chỉ vì xác thịt của cá nhân người. Đó phải là về sự theo đuổi hiểu biết về Đức Chúa Trời, có thể vâng lời Đức Chúa Trời, và cũng như Phi-e-rơ, vâng lời Ngài đến tận lúc chết. Đây là những mục đích chính của việc tin vào Đức Chúa Trời. Người ta ăn uống lời Đức Chúa Trời là nhằm biết đến Đức Chúa Trời và làm đẹp lòng Ngài. Ăn uống lời Đức Chúa Trời cho người sự hiểu biết nhiều hơn về Đức Chúa Trời, chỉ sau đó thì người mới có thể vâng lời Ngài. Chỉ với hiểu biết về Đức Chúa Trời thì người mới có thể yêu thương Ngài, và đây là mục tiêu mà con người nên có trong đức tin của mình nơi Đức Chúa Trời. Trong đức tin của người nơi Đức Chúa Trời, nếu người đang luôn cố để trông thấy những dấu kỳ và phép lạ, thì quan điểm về đức tin này nơi Đức Chúa Trời là sai trật. Đức tin nơi Đức Chúa Trời chủ yếu là sự chấp nhận lời Đức Chúa Trời là thực tế của sự sống. Mục tiêu của Đức Chúa Trời chỉ đạt được bằng cách đưa vào thực hành những lời phán ra từ miệng Đức Chúa Trời và thực hiện chúng trong chính bản thân người. Khi tin vào Đức Chúa Trời, con người nên phấn đấu để được Đức Chúa Trời làm cho hoàn thiện, để có thể đầu phục Đức Chúa Trời, và để hoàn toàn vâng phục Đức Chúa Trời. Nếu người có thể vâng lời Đức Chúa Trời mà không ca thán, quan tâm đến những mong muốn của

Đức Chúa Trời, đạt tới vóc giạc của Phi-e-rơ, và sở hữu phong thái của Phi-e-rơ mà Đức Chúa Trời nhắc đến, thì đó mới là lúc người đã đạt được thành công trong đức tin nơi Đức Chúa Trời, và điều đó sẽ báo hiệu rằng người đã được Đức Chúa Trời thu phục.

Đức Chúa Trời làm công tác của Ngài trong toàn cõi vũ trụ. Tất cả những ai tin ở Ngài đều phải chấp nhận lời Ngài, và ăn uống lời Ngài; không một ai có thể được Đức Chúa Trời thu phục bằng việc trông thấy những dấu kỳ và phép lạ do Đức Chúa Trời làm. Xuyên suốt các thời đại, Đức Chúa Trời luôn dùng lời để làm cho con người hoàn thiện. Như vậy, các người không nên dành toàn bộ sự chú ý của mình vào những dấu kỳ và phép lạ, mà nên phấn đấu để được Đức Chúa Trời làm cho hoàn thiện. Vào Thời đại Luật pháp trong Cựu Ước, Đức Chúa Trời đã phán một số lời, và vào Thời đại Ân điển, Jê-sus cũng đã phán nhiều lời. Sau khi Jê-sus đã phán nhiều lời, các sứ đồ và môn đồ đến sau đã dẫn dắt dân chúng thực hành theo các điều răn do Jê-sus ban ra và trải nghiệm theo các lời và nguyên tắc mà Jê-sus đã nói đến. Trong thời kỳ sau rốt, Đức Chúa Trời chủ yếu dùng lời để làm cho con người hoàn thiện. Ngài không dùng những dấu kỳ và phép lạ để chèn ép con người, hay thuyết phục con người; điều này chẳng thể làm rõ quyền năng của Đức Chúa Trời. Nếu Đức Chúa Trời chỉ làm những dấu kỳ và phép lạ, thì sẽ không thể nào làm rõ được tính hiện thực của Đức Chúa Trời, và như thế không thể làm cho con người hoàn thiện. Đức Chúa Trời không làm cho con người hoàn thiện bằng những dấu kỳ và phép lạ, mà dùng lời để chăm tưới và chăn dắt con người, sau đó mới đạt được sự vâng phục hoàn toàn của con người và sự hiểu biết của con người về Đức Chúa Trời. Đây là mục tiêu của công tác Ngài thực hiện và lời Ngài phán dạy. Đức Chúa Trời không dùng phương cách làm những dấu kỳ và phép lạ để làm cho con người hoàn thiện – Ngài dùng lời, và dùng nhiều phương cách làm việc khác nhau để làm cho con người hoàn thiện. Dù đó là sự tinh luyện, xử lý, tẩy rửa, hay chu cấp lời, Đức Chúa Trời phán từ những góc độ khác nhau để làm cho con người hoàn thiện, và để ban cho con người sự hiểu biết lớn hơn về công tác, sự khôn ngoan và sự diệu kỳ của Đức Chúa Trời. Khi con người được hoàn thiện vào lúc Đức Chúa Trời khép lại thời đại trong thời kỳ sau rốt, thì họ sẽ có đủ tư cách để xem những dấu kỳ và phép lạ. Khi người bắt đầu biết về Đức Chúa Trời và có thể vâng phục Đức Chúa Trời bất kể Ngài làm gì, thì người sẽ không còn bất kỳ quan niệm nào về Ngài khi người thấy các dấu kỳ và phép lạ. Hiện tại, người bại hoại và không có khả năng hoàn toàn vâng phục Đức Chúa Trời – người có nghĩ mình đủ tư cách để thấy những dấu kỳ và phép lạ trong tình trạng này không? Lúc Đức Chúa Trời làm những dấu kỳ và phép lạ là lúc Đức Chúa Trời trừng phạt con người, và cũng là lúc thời đại thay đổi, và hơn thế

nữa, là lúc thời đại kết thúc. Khi công tác của Đức Chúa Trời đang được triển khai bình thường, Ngài không làm những dấu kỳ và phép lạ. Làm những dấu kỳ và phép lạ là việc cực kỳ đơn giản đối với Ngài, nhưng đó không phải nguyên tắc mà Đức Chúa Trời làm việc, cũng chẳng phải là mục tiêu trong sự quản lý con người của Đức Chúa Trời. Nếu con người thấy được những dấu kỳ và phép lạ, và nếu thân thể thuộc linh của Đức Chúa Trời xuất hiện trước con người, liệu tất cả mọi người còn không tin vào Đức Chúa Trời hay không? Ta đã từng nói trước đây rằng một nhóm người đắc thắng được thu phục từ phương Đông, những người đắc thắng xuất hiện giữa cơn đại nạn. Những lời này có ý nghĩa gì? Chúng có nghĩa là những người đã được thu phục này chỉ thực sự vâng phục sau khi trải qua sự phán xét và hình phạt, sự xử lý và tĩa sửa, và mọi sự tinh luyện. Đức tin của những người này không mơ hồ và trừu tượng, mà rất thật. Họ chưa từng nhìn thấy bất cứ dấu kỳ hay phép lạ, hay bất cứ điều kỳ lạ nào; họ chẳng nói những chữ hay giáo lý thâm thúy, hay những sự thông sáng sâu sắc nào; mà thay vào đó họ có hiện thực và lời Đức Chúa Trời, và một sự hiểu biết thực sự về tính hiện thực của Đức Chúa Trời. Chẳng phải nhóm người như thế có khả năng tốt hơn trong việc làm rõ quyền năng của Đức Chúa Trời hay sao? Công tác của Đức Chúa Trời trong thời kỳ sau rốt là công tác thực. Trong thời đại của Jêsus, Ngài không đến để làm cho con người hoàn thiện, mà để cứu chuộc con người, và như vậy Ngài đã làm một vài phép lạ để khiến con người đi theo Ngài. Bởi Ngài đến chủ yếu để hoàn tất việc chịu đóng đinh lên thập tự, và việc làm các dấu kỳ không thuộc phần việc trong chức vụ của Ngài. Những dấu kỳ và phép lạ như vậy là công tác được thực hiện nhằm làm cho công tác của Ngài có hiệu quả; đó là những việc phụ, và không đại diện cho công tác của cả thời đại. Trong Thời đại Luật pháp Cựu Ước, Đức Chúa Trời cũng đã làm một vài dấu kỳ và phép lạ – nhưng công tác của Đức Chúa Trời làm ngày hôm nay là việc thực, và Ngài chắc chắn sẽ không làm những dấu kỳ và phép lạ lúc này. Nếu Ngài làm những dấu kỳ và phép lạ, công tác thực của Ngài sẽ bị xáo trộn, và Ngài sẽ không thể làm thêm việc nào khác. Nếu Đức Chúa Trời phán ra để dùng lời làm cho con người hoàn thiện, nhưng cũng làm những dấu kỳ và phép lạ, thì liệu việc con người có thực sự tin vào Ngài hay không có thể được thông tỏ? Như vậy, Đức Chúa Trời không làm những việc đó. Có quá nhiều tôn giáo trong con người; Đức Chúa Trời đã đến trong thời kỳ sau rốt để dẹp bỏ mọi quan niệm tôn giáo và những điều siêu nhiên trong con người, và khiến con người biết đến tính hiện thực của Đức Chúa Trời. Ngài đã đến để loại bỏ hình tượng một Đức Chúa Trời trừu tượng và tưởng tượng – hình tượng về một Đức Chúa Trời mà nói cách khác là hoàn toàn không hề tồn tại. Và như vậy, điều duy nhất quý giá lúc này là người phải có được sự hiểu biết về hiện thực! Lẽ

thật quan trọng hơn tất cả. Người đã có được bao nhiêu lẽ thật ngày nay? Có phải tất cả những người tỏ dấu kỳ và phép lạ đều là Đức Chúa Trời hay không? Những tà linh cũng có thể làm những dấu kỳ và phép lạ; hết thảy chúng có phải là Đức Chúa Trời hay không? Trong đức tin của con người nơi Đức Chúa Trời, điều họ tìm kiếm là lẽ thật, và điều họ theo đuổi là sự sống, hơn là những dấu kỳ và phép lạ. Điều này nên là mục tiêu của hết thảy những ai tin vào Đức Chúa Trời.

Những người được làm cho hoàn thiện phải trải qua sự tinh luyện

Nếu người tin vào Đức Chúa Trời, thì người phải vâng phục Đức Chúa Trời, đưa lẽ thật vào thực hành, và hoàn thành mọi bổn phận của mình. Ngoài ra, người phải hiểu những điều mà người nên trải nghiệm. Nếu người chỉ trải nghiệm việc bị xử lý, bị sửa dạy, và bị phán xét, nếu người chỉ có thể tận hưởng Đức Chúa Trời nhưng người vẫn không thể cảm nhận khi nào Đức Chúa Trời sẽ sửa dạy người hay xử lý người – thì điều này không thể chấp nhận được. Có lẽ trong trường hợp tinh luyện này, người có thể giữ vững lập trường, nhưng điều này vẫn chưa đủ; người phải vẫn tiếp tục tiến về phía trước. Bài học yêu Đức Chúa Trời là không ngừng và vô tận. Mọi người thấy việc tin vào Đức Chúa Trời là điều gì đó cực kỳ đơn giản, nhưng một khi họ có được một số kinh nghiệm thực tế, thì họ nhận ra rằng niềm tin vào Đức Chúa Trời không đơn giản như mọi người tưởng. Khi Đức Chúa Trời hoạt động để tinh luyện con người, thì con người chịu khổ. Sự tinh luyện dành cho một người càng nhiều, thì tình yêu của họ dành cho Đức Chúa Trời sẽ càng lớn, và sức mạnh của Đức Chúa Trời sẽ càng được bộc lộ nơi họ. Trái lại, sự tinh luyện một người nhận được càng ít, thì tình yêu của họ dành cho Đức Chúa Trời sẽ trở nên ngày càng ít, và sức mạnh của Đức Chúa Trời sẽ càng ít được bộc lộ nơi họ. Sự tinh luyện và nỗi đau của một người càng lớn và sự dẫn dắt họ trải qua càng nhiều, thì tình yêu Đức Chúa Trời của họ sẽ trở nên càng sâu đậm, đức tin của họ vào Đức Chúa Trời sẽ trở nên càng chân thật, và kiến thức về Đức Chúa Trời của họ sẽ càng sâu sắc. Trong những trải nghiệm của mình, người sẽ thấy những người chịu khổ rất nhiều khi họ được tinh luyện, những người được xử lý và sửa dạy nhiều, và người sẽ thấy chính những người đó lại có một tình yêu sâu sắc dành cho Đức Chúa Trời cùng một kiến thức sâu sắc và thấu suốt hơn về Đức Chúa Trời. Những người chưa trải nghiệm việc bị xử lý chỉ có một kiến thức hời hợt, và họ chỉ có thể nói rằng: “Đức Chúa Trời thật tốt lành, Ngài ban ân điển cho mọi người hầu cho họ có thể tận hưởng Ngài”. Nếu người ta đã trải nghiệm việc bị xử lý và sửa dạy, thì họ có thể nói ra kiến thức

đúng đắn về Đức Chúa Trời. Vì vậy, công tác của Đức Chúa Trời trong con người càng kỳ diệu bao nhiêu, thì nó càng có giá trị và ý nghĩa bấy nhiêu. Công tác của Đức Chúa Trời càng không thể hiểu thấu đối với người bao nhiêu và càng không tương hợp với các quan niệm của người bao nhiêu, thì nó càng có thể chinh phục người, thu phục người, và làm cho người hoàn thiện bấy nhiêu. Ý nghĩa công tác của Đức Chúa Trời thật lớn lao! Nếu Đức Chúa Trời không tinh luyện con người theo cách này, nếu Ngài không làm việc theo phương pháp này, thì công tác của Ngài sẽ không hiệu quả và không có ý nghĩa. Người ta đã nói trước đây rằng Đức Chúa Trời sẽ lựa chọn và thu phục nhóm người này, và làm cho họ hoàn thiện trong thời kỳ sau rốt; trong việc này có một ý nghĩa phi thường. Công tác mà Ngài thực hiện bên trong các người càng lớn lao bao nhiêu, thì tình yêu của các người dành cho Đức Chúa Trời càng sâu sắc và thuần khiết bấy nhiêu. Công tác của Đức Chúa Trời càng vĩ đại bao nhiêu, thì con người càng có thể nắm bắt được điều gì đó trong sự khôn ngoan của Ngài và hiểu biết của con người về Ngài càng sâu sắc bấy nhiêu. Trong thời kỳ sau rốt, kế hoạch quản lý sáu nghìn năm của Đức Chúa Trời sẽ đi đến hồi kết. Nó có thể nào thực sự kết thúc dễ dàng như thế không? Một khi Ngài chinh phục nhân loại, công tác của Ngài sẽ kết thúc hay sao? Nó có thể nào đơn giản như vậy không? Mọi người thực sự tưởng rằng nó đơn giản như thế này, nhưng những gì Đức Chúa Trời làm không đơn giản như vậy. Cho dù là phần nào trong công tác của Đức Chúa Trời mà người muốn đề cập, thì tất cả đều không thể dò lường đối với con người. Nếu người có thể dò lường được nó, thì công tác của Đức Chúa Trời sẽ không có ý nghĩa hay giá trị. Công tác được thực hiện bởi Đức Chúa Trời là không thể dò lường; nó hoàn toàn đi ngược lại các quan niệm của người, và nó càng không thể hòa hợp với các quan niệm của người bao nhiêu, thì điều đó càng cho thấy công tác của Đức Chúa Trời có ý nghĩa bấy nhiêu; nếu nó tương hợp với các quan niệm của người, thì nó sẽ vô nghĩa. Ngày nay, người cảm thấy rằng công tác của Đức Chúa Trời quá kỳ diệu, và người cảm thấy nó càng kỳ diệu bao nhiêu, thì người càng cảm thấy Đức Chúa Trời là không thể dò lường bấy nhiêu, và người thấy được những việc làm của Đức Chúa Trời vĩ đại ra sao. Nếu Ngài chỉ làm một số việc hời hợt, qua loa để chinh phục con người và sau đó không làm gì khác, thì con người sẽ không có khả năng thấy được ý nghĩa công tác của Đức Chúa Trời. Mặc dù bây giờ người đang nhận được một chút tinh luyện, nhưng nó rất có lợi cho sự phát triển của người trong cuộc sống; vì vậy, điều tối cần thiết đối với các người là trải qua sự khó nhọc như thế. Ngày hôm nay, người đang nhận được một chút tinh luyện, nhưng sau này người sẽ thực sự có thể nhìn thấy những việc làm của Đức Chúa Trời, và cuối cùng người sẽ nói: “Những việc làm của Đức Chúa Trời thật kỳ diệu!” Đây sẽ là những lời trong lòng

người. Sau khi đã trải qua sự tinh luyện của Đức Chúa Trời trong một thời gian (sự thử luyện của những kẻ phục vụ và thời gian bị hành phạt), một số người cuối cùng đã nói: “Tin vào Đức Chúa Trời thực sự khó!” Việc họ đã sử dụng những từ “thực sự khó” cho thấy rằng những việc làm của Đức Chúa Trời là không thể dò lường, rằng công tác của Đức Chúa Trời có ý nghĩa và giá trị to lớn, và rằng công tác của Ngài rất xứng đáng được con người trân trọng. Nếu, sau khi Ta đã làm quá nhiều việc, người vẫn không có chút kiến thức nào, thì có thể nào công tác của Ta lẽ vẫn còn giá trị? Nó sẽ khiến người nói rằng: “Phục vụ Đức Chúa Trời thực sự khó, những việc làm của Đức Chúa Trời thật kỳ diệu, và Đức Chúa Trời thực sự khôn ngoan! Đức Chúa Trời thật đáng mến!” Nếu sau khi trải qua một giai đoạn trải nghiệm, người có thể nói những lời như thế, thì điều này chứng tỏ người đã có được công tác của Đức Chúa Trời trong mình. Một ngày, khi người đang truyền bá Phúc Âm ra nước ngoài và ai đó hỏi người: “Đức tin của bạn vào Đức Chúa Trời thế nào?” thì người sẽ có thể nói: “Những hành động của Đức Chúa Trời thật kỳ diệu!” Họ sẽ cảm thấy rằng lời người nói lên những trải nghiệm thực sự. Đây thực sự là làm chứng. Người sẽ nói rằng công tác của Đức Chúa Trời đầy sự khôn ngoan, và công tác của Ngài trong người đã thực sự thuyết phục người và chinh phục tấm lòng của người. Người sẽ luôn yêu mến Ngài bởi vì Ngài xứng đáng hơn tình yêu của loài người! Nếu người có thể nói về những điều này, thì người có thể cảm động lòng người. Toàn bộ điều này là làm chứng. Nếu người có thể mang chứng ngôn vang dội, khiến mọi người cảm động đến rơi lệ, thì điều đó cho thấy người thực sự là một người yêu Đức Chúa Trời, vì người có thể làm chứng cho việc yêu Đức Chúa Trời, và thông qua người, những hành động của Đức Chúa Trời có thể được chứng thực. Nhờ chứng ngôn của người, những người khác buộc phải tìm ra công tác của Đức Chúa Trời, trải nghiệm công tác của Đức Chúa Trời, và trong bất kỳ môi trường nào họ trải nghiệm, họ sẽ đều có thể đứng vững. Đây là cách làm chứng đích thực, và đây chính xác là điều người được yêu cầu bây giờ. Người nên thấy rằng công tác của Đức Chúa Trời là cực kỳ giá trị và xứng đáng được mọi người trân trọng, rằng Đức Chúa Trời thật vô cùng quý giá và vô cùng dư dật; Ngài không chỉ có thể phán, mà Ngài còn có thể phán xét con người, tinh luyện lòng họ, mang lại cho họ sự vui thích, thu phục họ, chinh phục họ, và hoàn thiện họ. Từ kinh nghiệm của mình, người sẽ thấy rằng Đức Chúa Trời rất đáng mến. Thế bây giờ người yêu Đức Chúa Trời nhiều bao nhiêu? Người có thể thực sự nói những điều này từ trong lòng mình không? Khi người có thể bày tỏ những lời này từ sâu thẳm lòng mình, thì người sẽ có thể làm chứng. Một khi trải nghiệm của người đã đạt đến mức độ này, thì người sẽ có khả năng làm chứng nhân cho Đức Chúa Trời, và người sẽ đủ tư cách. Nếu người

không đạt đến mức độ này trong trải nghiệm của mình, thì người vẫn sẽ còn quá xa. Việc mọi người bộc lộ những yếu đuối trong quá trình tinh luyện là chuyện bình thường, nhưng sau khi tinh luyện, người nên có thể nói rằng: “Đức Chúa Trời vô cùng khôn ngoan trong công tác của Ngài!” Nếu người thực sự có thể đạt được sự hiểu biết thực tế về những lời này, thì đó sẽ trở thành điều người trân quý, và trải nghiệm của người sẽ có giá trị.

Giờ đây người nên theo đuổi điều gì? Liệu người có khả năng làm chứng cho công tác của Đức Chúa Trời hay không, liệu người có thể trở thành một sự chứng nhận và một sự biểu hiện của Đức Chúa Trời hay không, và liệu người có phù hợp để được Ngài sử dụng hay không – đây là những điều người nên tìm kiếm. Đức Chúa Trời đã thực sự làm được bao nhiêu việc trong người? Người đã nhìn thấy bao nhiêu, người đã chạm được bao nhiêu? Người đã kinh qua và nếm trải bao nhiêu? Bất kể Đức Chúa Trời đã thử người, xử lý, hay sửa dạy người, thì những hành động và công tác của Ngài đã được thực hiện trên người. Nhưng là một người tin vào Đức Chúa Trời và là một người sẵn sàng theo đuổi để được Ngài hoàn thiện, người có thể làm chứng cho công tác của Đức Chúa Trời trên cơ sở trải nghiệm thực tế của mình không? Người có thể sống trọn lời Đức Chúa Trời thông qua trải nghiệm thực tế của mình không? Người có thể chu cấp cho những người khác thông qua kinh nghiệm thực tế của bản thân, dâng trọn đời mình để làm chứng cho công tác của Đức Chúa Trời không? Để làm chứng cho công tác của Đức Chúa Trời, người phải dựa vào kinh nghiệm, kiến thức của người, và cái giá người đã trả. Chỉ như vậy người mới có thể đáp ứng ý muốn của Ngài. Người có phải là người làm chứng cho công tác của Đức Chúa Trời không? Người có khát vọng này không? Nếu người có thể làm chứng cho danh của Ngài, và hơn thế nữa, cho công tác của Ngài, và nếu người có thể sống trọn hình tượng mà Ngài yêu cầu đối với dân sự của Ngài, thì người là một chứng nhân cho Đức Chúa Trời. Làm thế nào để người thực sự làm chứng cho Đức Chúa Trời? Người làm điều đó bằng cách tìm kiếm và khao khát được sống trọn lời Đức Chúa Trời, và bằng cách làm chứng với lời nói của người, cho mọi người biết công tác của Ngài và thấy những hành động của Ngài. Nếu người thực sự tìm kiếm tất cả những điều này, thì Đức Chúa Trời sẽ hoàn thiện người. Nếu tất cả những gì người tìm kiếm là được Đức Chúa Trời hoàn thiện và sau hết được ban phước, thì quan điểm về đức tin của người vào Đức Chúa Trời không thuần khiết. Người nên theo đuổi cách để thấy những việc làm của Đức Chúa Trời trong đời thực, cách để làm thỏa lòng Ngài khi Ngài bày tỏ ý muốn của Ngài cho người, và tìm kiếm cách người nên làm chứng cho sự kỳ diệu và sự khôn ngoan của Ngài, và cách để làm chứng cho việc Ngài sửa dạy và xử lý người như thế nào. Đây toàn bộ

là những điều người phải đang suy ngẫm lúc này. Nếu tình yêu của người dành cho Đức Chúa Trời chỉ để người có thể chia sẻ sự vinh hiển của Đức Chúa Trời sau khi Ngài hoàn thiện người, thì tình yêu đó vẫn chưa đủ và không thể đáp ứng được những yêu cầu của Đức Chúa Trời. Người cần có khả năng làm chứng cho công tác của Đức Chúa Trời, đáp ứng những đòi hỏi của Ngài, và trải nghiệm công tác mà Ngài đã làm trên mọi người một cách thực tế. Cho dù là nỗi đau, nước mắt, hay nỗi buồn, người phải trải nghiệm tất cả những điều này trong khi thực hành. Chúng là để hoàn thiện người thành một người làm chứng cho Đức Chúa Trời. Chính xác thì điều gì hiện giờ đang buộc người chịu khổ và tìm kiếm sự hoàn thiện? Có phải sự đau khổ hiện tại của người thực sự là vì yêu Đức Chúa Trời và làm chứng cho Ngài không? Hay đó là vì những phước lành của xác thịt, vì triển vọng tương lai và số phận của người? Mọi ý định, động lực, và mục tiêu mà người theo đuổi phải được chinh đốn và không thể bị dẫn dắt bởi ý muốn riêng của người. Nếu một người tìm kiếm sự hoàn thiện để nhận được những phước lành và để cai trị bằng quyền lực, trong khi một người khác theo đuổi sự hoàn thiện để làm thỏa lòng Đức Chúa Trời, để mang chứng ngôn thực tế về công tác của Đức Chúa Trời, thì người sẽ chọn cách nào trong hai phương thức theo đuổi này? Nếu người chọn cách đầu tiên, thì người vẫn còn quá xa so với những tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời. Ta đã từng phán rằng những hành động của Ta sẽ được biết đến một cách công khai khắp toàn bộ vũ trụ và rằng Ta sẽ cai trị với tư cách là Vua trong vũ trụ. Mặt khác, điều các người đã được giao phó là đi làm chứng cho công tác của Đức Chúa Trời, chứ không phải để trở thành vua chúa và xuất hiện với toàn thể vũ trụ. Hãy để những việc làm của Đức Chúa Trời lấp đầy vũ trụ và vòm trời. Hãy để mọi người nhìn thấy chúng và thừa nhận chúng. Những lời này được nói liên quan đến chính Đức Chúa Trời, và điều con người nên làm là làm chứng cho Đức Chúa Trời. Giờ thì người biết về Đức Chúa Trời nhiều bao nhiêu? Người có thể làm chứng cho Đức Chúa Trời nhiều bao nhiêu? Mục đích Đức Chúa Trời khi hoàn thiện con người là gì? Một khi người hiểu được ý muốn của Đức Chúa Trời, thì người nên thể hiện sự quan tâm đến ý muốn của Ngài như thế nào? Nếu người sẵn sàng để được hoàn thiện và làm chứng cho công tác của Đức Chúa Trời thông qua những gì người sống bày tỏ ra, nếu người có động lực này, thì không gì là quá khó khăn. Điều mọi người cần lúc này là đức tin. Nếu người có động lực này, thì người sẽ dễ dàng buông bỏ mọi sự tiêu cực, thụ động, lười biếng và các quan niệm của xác thịt, các triết lý sống, tâm tính nổi loạn, cảm xúc, v.v.

Trong khi trải qua những sự thử luyện, việc người ta yếu đuối, hoặc có sự tiêu cực bên trong họ, hoặc thiếu sự rõ ràng về ý muốn của Đức Chúa Trời hoặc đường

hướng thực hành, là chuyện bình thường. Nhưng trong bất kỳ trường hợp nào, người phải có đức tin vào công tác của Đức Chúa Trời, và không được chối bỏ Đức Chúa Trời, giống như Gióp. Mặc dù Gióp đã yếu đuối và rửa sả ngày sinh của chính mình, nhưng ông đã không phủ nhận rằng mọi thứ trong cuộc đời con người đều được Đức Giê-hô-va ban cho, và rằng Đức Giê-hô-va cũng là Đáng lấy đi tất cả. Bất kể ông đã bị thử ra sao, ông vẫn duy trì niềm tin này. Trong trải nghiệm của người, bất kể người trải qua sự tinh luyện nào thông qua những lời của Đức Chúa Trời, thì những gì Đức Chúa Trời đòi hỏi ở nhân loại, tóm gọn lại, là đức tin và tình yêu của họ dành cho Ngài. Những gì Ngài hoàn thiện bằng cách làm việc như thế này là đức tin, tình yêu, và những khát vọng của mọi người. Đức Chúa Trời làm công tác hoàn thiện mọi người, và họ không thể nhìn thấy điều đó, không thể cảm nhận được điều đó; trong những trường hợp như vậy thì cần đến đức tin của người. Đức tin của mọi người cần phải có khi điều gì đó không thể được nhìn thấy bằng mắt thường, và đức tin của người cần phải có khi người không thể buông bỏ các quan niệm của chính mình. Khi người không có sự rõ ràng về công tác của Đức Chúa Trời, điều được đòi hỏi ở người là có đức tin, có một lập trường vững chắc và đứng ra làm chứng. Khi Gióp đạt đến điểm này, Đức Chúa Trời đã hiển linh và phán với ông. Nghĩa là, chỉ từ bên trong đức tin của mình thì người mới có thể nhìn thấy Đức Chúa Trời, và khi người có đức tin thì Đức Chúa Trời sẽ hoàn thiện người. Không có đức tin, Ngài không thể làm điều này. Đức Chúa Trời sẽ ban cho người bất kỳ điều gì người hy vọng đạt được. Nếu người không có đức tin, thì người không thể được hoàn thiện và người sẽ không thể thấy những hành động của Đức Chúa Trời, càng không thấy được sự toàn năng của Ngài. Khi người có đức tin rằng người sẽ thấy được những hành động của Ngài trong trải nghiệm thực tế của mình, thì Đức Chúa Trời sẽ hiển linh với người, và Ngài sẽ khai sáng và hướng dẫn người từ bên trong. Không có đức tin đó, Đức Chúa Trời sẽ không thể làm như vậy. Nếu người đã mất hy vọng vào Đức Chúa Trời, làm sao người có thể trải nghiệm công tác của Ngài? Vì thế, chỉ khi người có đức tin và người không nuôi những hoài nghi về Đức Chúa Trời, chỉ khi người có đức tin thực sự vào Ngài bất kể Ngài làm gì, thì Ngài mới khai sáng và soi sáng cho người qua những trải nghiệm của người, và chỉ khi đó người mới có thể thấy được những hành động của Ngài. Tất cả những điều này đều đạt được thông qua đức tin. Đức tin chỉ đến từ sự tinh luyện, và nếu thiếu sự tinh luyện, đức tin không thể phát triển được. Từ “đức tin” này ám chỉ điều gì? Đức tin là niềm tin chân thật và tấm lòng chân thành mà con người nên sở hữu khi họ không thể nhìn thấy hoặc chạm vào điều gì đó, khi công tác của Đức Chúa Trời không phù hợp với các quan niệm của con người, khi nó vượt tầm con người. Đây là đức tin mà Ta nói đến.

Mọi người cần đến đức tin trong những lúc khó khăn và tinh luyện, và đức tin là điều mà theo sau là sự tinh luyện; sự tinh luyện và đức tin không thể tách rời nhau. Bất kể Đức Chúa Trời hoạt động ra sao, và bất kể môi trường của người, người đều có thể theo đuổi sự sống tìm kiếm lẽ thật, tìm kiếm kiến thức về công tác của Đức Chúa Trời, và có được sự hiểu biết về những hành động của Đức Chúa Trời, cũng như người đều có thể hành động theo lẽ thật. Làm như vậy là có đức tin thật sự, và làm như vậy cho thấy người đã không mất đức tin vào Đức Chúa Trời. Người chỉ có thể có đức tin thật sự vào Đức Chúa Trời nếu người có thể kiên trì theo đuổi lẽ thật thông qua sự tinh luyện, nếu người có thể thực sự yêu Đức Chúa Trời và không nảy sinh những hoài nghi về Ngài, nếu bất luận Ngài làm gì, người vẫn thực hành lẽ thật để làm thỏa lòng Ngài, và nếu người có thể tìm kiếm sâu thẳm ý muốn của Ngài và quan tâm đến ý muốn của Ngài. Trước đây, khi Đức Chúa Trời phán rằng người sẽ trị vì như một vị vua, người đã yêu mến Ngài, và khi Ngài cởi mở bày tỏ chính Ngài với người, người đã theo đuổi Ngài. Nhưng lúc này Đức Chúa Trời đang ẩn dật, người không thể nhìn thấy Ngài, và những rắc rối đã đến với người – có phải lúc này người đang mất hy vọng vào Đức Chúa Trời không? Vậy nên, bất kỳ lúc nào, người cũng phải theo đuổi sự sống và tìm cách đáp ứng ý muốn của Đức Chúa Trời. Đây được gọi là đức tin chân thật, và đây là loại tình yêu thật nhất và đẹp nhất.

Trước đây, mọi người đều sẽ đến trước Đức Chúa Trời để thề nguyện, và họ sẽ nói rằng: “Ngay cả khi không ai khác yêu Đức Chúa Trời, con phải yêu Ngài”. Nhưng giờ đây, sự tinh luyện đến với người, và vì điều này không phù hợp với các quan niệm của người, nên người mất đức tin vào Đức Chúa Trời. Đây có phải là tình yêu chân thật không? Người đã đọc nhiều lần về những việc làm của Gióp – người đã quên chúng rồi chăng? Tình yêu đích thực chỉ có thể hình thành từ bên trong đức tin. Người nảy sinh tình yêu thực sự dành cho Đức Chúa Trời thông qua những sự tinh luyện người trải qua, và chính qua đức tin của mình mà người có thể quan tâm đến ý muốn của Đức Chúa Trời trong những trải nghiệm thực tế của người, và cũng chính qua đức tin của mình mà người từ bỏ xác thịt của bản thân và theo đuổi sự sống; đây là điều mọi người nên làm. Nếu người làm điều này, thì người sẽ có thể thấy những hành động của Đức Chúa Trời, nhưng nếu người thiếu đức tin, thì người sẽ không thể thấy được những hành động của Đức Chúa Trời hay trải nghiệm được công tác của Ngài. Nếu người muốn được Đức Chúa Trời sử dụng và hoàn thiện, thì người phải sở hữu mọi thứ: ý chí chịu khổ, đức tin, sức chịu đựng, sự vâng lời, và khả năng trải nghiệm công tác của Đức Chúa Trời, nắm bắt được ý muốn của Ngài, quan tâm đến nỗi buồn của Ngài, v.v. Hoàn thiện một người không phải là điều dễ dàng, và mỗi một sự tinh luyện mà người trải qua đều đòi hỏi đức tin và tình yêu

của người. Nếu người muốn được Đức Chúa Trời hoàn thiện, thì việc chỉ đơn thuần lao tới trên con đường là chưa đủ, cũng như chỉ đơn thuần dâng mình cho Đức Chúa Trời là chưa đủ. Người phải sở hữu nhiều điều để có thể trở thành một người được Đức Chúa Trời hoàn thiện. Khi người đối mặt với đau khổ, người phải có thể không màng đến xác thịt và không phàn nàn về Đức Chúa Trời. Khi Đức Chúa Trời ẩn mình Ngài khỏi người, người phải có thể có đức tin để theo Ngài, để duy trì tình yêu trước đó của người mà không để nó dao động hay tan biến. Bất kể Đức Chúa Trời làm gì, người phải quy phục kế hoạch của Ngài và sẵn sàng rửa sạch xác thịt của chính mình thay vì phàn nàn về Ngài. Khi người phải đối mặt với những sự thử luyện, người phải làm thỏa lòng Đức Chúa Trời, cho dù người có thể khóc trong cay đắng hay cảm thấy miễn cưỡng phải chia tay đối tượng yêu quý nào đó. Chỉ đây mới là tình yêu và đức tin đích thực. Cho dù vóc giạc thực tế của người là gì, trước tiên người phải sở hữu cả ý chí chịu khổ và đức tin thực sự, cũng như người phải có ý chí từ bỏ xác thịt. Người nên sẵn sàng chịu đựng những khó khăn cá nhân và chịu những tổn thất trong lợi ích cá nhân của mình để đáp ứng làm thỏa mãn ý muốn của Đức Chúa Trời. Người cũng phải có khả năng cảm thấy ân hận về bản thân trong lòng: Trong quá khứ, người đã không thể làm thỏa lòng Đức Chúa Trời, và hiện giờ, người có thể hối hận về bản thân. Người không được thiếu bất cứ điều gì trong những điểm này – chính nhờ những điều này mà Đức Chúa Trời sẽ hoàn thiện người. Nếu người không thể đáp ứng được những tiêu chí này, thì người không thể được hoàn thiện.

Một người phục vụ Đức Chúa Trời không chỉ nên biết cách chịu khổ vì Ngài, hơn thế nữa, họ nên hiểu rằng mục đích của việc tin vào Đức Chúa Trời là để theo đuổi tình yêu dành cho Ngài. Đức Chúa Trời sử dụng người không chỉ để tinh luyện người hoặc để khiến người chịu khổ, mà đúng hơn, Ngài sử dụng người để người có thể biết những hành động của Ngài, biết ý nghĩa thực sự của cuộc đời con người, và đặc biệt, để người có thể biết rằng phục vụ Đức Chúa Trời không phải là một nhiệm vụ dễ dàng. Trải nghiệm công tác của Đức Chúa Trời không phải là để tận hưởng ân điển, mà thay vào đó là chịu khổ vì tình yêu của người dành cho Ngài. Vì người được hưởng ân điển của Đức Chúa Trời, người cũng phải hưởng lấy hình phạt của Ngài; người phải trải nghiệm tất cả những điều này. Người có thể trải nghiệm sự khai sáng của Đức Chúa Trời trong người, và người cũng có thể trải nghiệm cách Ngài xử lý người và phán xét người. Bằng cách này, trải nghiệm của người sẽ toàn diện. Đức Chúa Trời đã thực hiện công tác phán xét và hình phạt của Ngài trên người. Lời Đức Chúa Trời đã xử lý người, nhưng không chỉ có vậy, nó còn khai sáng và soi sáng cho người. Khi người tiêu cực và yếu đuối, Đức Chúa Trời lo lắng cho người. Hết thảy công tác này là để cho người biết rằng mọi thứ về con người đều nằm trong những

sự sắp đặt của Đức Chúa Trời. Người có thể nghĩ rằng tin vào Đức Chúa Trời là chịu khổ, hoặc làm đủ thứ việc cho Ngài; người có thể nghĩ rằng mục đích của việc tin vào Đức Chúa Trời là để cho xác thịt người có thể được bình an, hoặc để cho mọi thứ trong cuộc đời người diễn ra suôn sẻ, hoặc để cho người có thể được thoải mái và thanh thản trong mọi việc. Tuy nhiên, không điều nào trong số này là mục đích mà mọi người nên gán cho niềm tin của họ nơi Đức Chúa Trời. Nếu người tin vì những mục đích này, thì quan điểm của người là không đúng, và đơn giản là người không thể được hoàn thiện. Những hành động của Đức Chúa Trời, tâm tính công chính của Đức Chúa Trời, sự khôn ngoan của Ngài, lời Ngài, cùng sự kỳ diệu và không thể dò lường của Ngài là tất cả những điều mọi người nên hiểu. Sau khi đã có được sự hiểu biết này rồi, người nên dùng nó để rũ bỏ khỏi lòng mình tất cả những yêu cầu, hy vọng, và quan niệm cá nhân. Chỉ bằng cách loại bỏ những điều này thì người mới có thể đáp ứng được những điều kiện Đức Chúa Trời đòi hỏi, và chỉ bằng cách làm điều này, người mới có thể có được sự sống và làm thỏa lòng Đức Chúa Trời. Mục đích tin vào Đức Chúa Trời là để làm thỏa lòng Ngài và để sống bày tỏ ra tâm tính mà Ngài đòi hỏi, hầu cho những hành động và sự vinh hiển của Ngài có thể được thể hiện qua nhóm người không xứng đáng này. Đây là quan điểm đúng đắn đối với việc tin vào Đức Chúa Trời, và đây cũng là mục tiêu người nên tìm kiếm. Người nên có quan điểm đúng đắn về việc tin vào Đức Chúa Trời và người nên tìm cách đạt được lời Đức Chúa Trời. Người cần phải ăn uống lời Đức Chúa Trời và người phải có thể sống bày tỏ ra lẽ thật, và đặc biệt, người phải có thể thấy được những việc làm thực tế của Ngài, những việc làm tuyệt vời của Ngài trên khắp toàn thể vũ trụ, cũng như công tác thực tế Ngài làm trong xác thịt. Thông qua những trải nghiệm thực tế của mình, mọi người có thể thấy rõ cách Đức Chúa Trời làm công tác của Ngài trên họ và ý muốn của Ngài đối với họ. Mục đích của hết thảy điều này là để loại bỏ tâm tính Sa-tan bại hoại của mọi người. Sau khi đã rũ bỏ mọi sự ô uế và bất chính bên trong người, gạt bỏ những ý định sai trái của người, và đã phát triển đức tin thực sự vào Đức Chúa Trời – chỉ với đức tin thật sự thì người mới có thể thực sự yêu Đức Chúa Trời. Người chỉ có thể thành thật yêu Đức Chúa Trời trên nền tảng niềm tin của người vào Ngài. Người có thể nào có được tình yêu dành cho Đức Chúa Trời mà không cần tin vào Ngài không? Vì người tin vào Đức Chúa Trời, người không thể mù mờ về điều đó. Một số người trở nên tràn đầy sức sống ngay khi họ thấy rằng đức tin vào Đức Chúa Trời sẽ mang lại cho họ những phước lành, nhưng rồi lại mất hết năng lượng ngay khi họ thấy mình phải chịu đựng những sự tinh luyện. Đó có phải là tin vào Đức Chúa Trời không? Cuối cùng, người phải đạt được sự vâng phục hoàn toàn và tuyệt đối trước Đức Chúa Trời trong đức tin của

mình. Người tin vào Đức Chúa Trời nhưng vẫn có những đòi hỏi với Ngài, có nhiều quan niệm tôn giáo người không thể đặt xuống, những lợi ích cá nhân người không thể từ bỏ, và người vẫn tìm kiếm những phước lành của xác thịt và muốn Đức Chúa Trời cứu rỗi xác thịt của người, cứu rỗi linh hồn người – đây đều là những hành vi của người có quan điểm sai lầm. Mặc dù những người có niềm tin tôn giáo có đức tin vào Đức Chúa Trời, nhưng họ không tìm cách thay đổi tâm tính của mình và không theo đuổi kiến thức về Đức Chúa Trời, mà thay vào đó, chỉ tìm kiếm những lợi ích của xác thịt. Nhiều người trong số các người có đức tin thuộc phạm trù niềm tin tôn giáo; đây không phải là đức tin thực sự vào Đức Chúa Trời. Để tin vào Đức Chúa Trời, con người phải sở hữu một tấm lòng sẵn sàng chịu khổ vì Ngài và ý chí từ bỏ chính mình. Trừ khi con người đáp ứng hai điều kiện này, nếu không đức tin của họ vào Đức Chúa Trời không có giá trị, và họ sẽ không thể đạt được sự thay đổi trong tâm tính của mình. Chỉ những người thực sự theo đuổi lẽ thật, tìm kiếm kiến thức về Đức Chúa Trời, và theo đuổi sự sống mới là những người thực sự tin vào Đức Chúa Trời.

Khi những sự thử luyện đến với mình, người sẽ áp dụng công tác của Đức Chúa Trời như thế nào để đối mặt với những sự thử luyện đó? Người sẽ tiêu cực, hay người sẽ hiểu được sự thử luyện và tinh luyện con người của Đức Chúa Trời từ một khía cạnh tích cực? Người sẽ đạt được gì qua những sự thử luyện và tinh luyện của Đức Chúa Trời? Tình yêu của người dành cho Đức Chúa Trời sẽ lớn lên chăng? Khi người chịu sự tinh luyện, người sẽ có thể áp dụng những sự thử luyện của Gióp và tham gia nghiêm túc vào công tác mà Đức Chúa Trời làm trong người chăng? Người có thể thấy được cách Đức Chúa Trời thử loài người thông qua những sự thử luyện của Gióp không? Những sự thử luyện của Gióp có thể mang lại cho người loại cảm hứng nào? Người sẽ sẵn sàng đứng ra làm chứng cho Đức Chúa Trời giữa những sự tinh luyện của mình, hay người sẽ muốn thỏa mãn xác thịt trong một môi trường thoải mái? Quan điểm của người về đức tin nơi Đức Chúa Trời thực sự là gì? Nó có thực sự là vì Ngài, chứ không phải vì xác thịt? Người có thực sự có một mục tiêu để theo đuổi trong khi tìm kiếm không? Người có sẵn lòng trải qua những sự tinh luyện để người có thể được Đức Chúa Trời hoàn thiện, hay người thà bị Đức Chúa Trời hành phạt và rửa sạch còn hơn? Quan điểm của người về vấn đề làm chứng cho Đức Chúa Trời thực sự là gì? Mọi người nên làm gì trong những hoàn cảnh nhất định để mang chứng ngôn thực sự cho Đức Chúa Trời? Đức Chúa Trời thực tế đã mặc khải rất nhiều trong công tác thực tế của Ngài trong người, vậy sao người luôn có những ý nghĩ bỏ đi? Niềm tin của người vào Đức Chúa Trời có phải vì Đức Chúa Trời không? Đối với hầu hết các người, niềm tin của các người là một phần của sự tính toán mà

các người thực hiện vì bản thân mình, vì sự theo đuổi lợi ích cá nhân của bản thân các người. Rất ít người tin vào Đức Chúa Trời vì Đức Chúa Trời; chẳng phải đây là sự dấy loạn sao?

Mục đích công tác tinh luyện chủ yếu là để hoàn thiện đức tin của mọi người. Cuối cùng, điều đạt được là người muốn bỏ đi nhưng đồng thời lại không thể; một số người vẫn có thể có đức tin ngay cả khi họ không còn một tia hy vọng nhỏ nhất nào; và mọi người không còn có hy vọng gì về những triển vọng tương lai của chính mình nữa. Chỉ lúc này, sự tinh luyện của Đức Chúa Trời mới được hoàn tất. Con người vẫn chưa đạt đến giai đoạn cận kề giữa sự sống và cái chết, và họ chưa ném trái cái chết, vì vậy, quá trình tinh luyện vẫn chưa xong. Ngay cả những người ở trong giai đoạn của những kẻ phục vụ cũng chưa được tinh luyện đến mức tối đa. Gióp trải qua sự tinh luyện tột cùng, và ông đã không còn gì để dựa vào. Mọi người phải trải qua những sự tinh luyện đến mức họ không có hy vọng và không còn gì để dựa vào – chỉ đây mới là sự tinh luyện thực sự. Trong thời kỳ của những kẻ phục vụ, nếu lòng người luôn tĩnh lặng trước Đức Chúa Trời, và nếu bất luận Ngài đã làm gì và bất luận ý muốn của Ngài đối với người là gì, người vẫn luôn vâng phục những sự sắp đặt của Ngài, thì ở cuối con đường, người sẽ hiểu mọi điều mà Đức Chúa Trời đã làm. Người trải qua những sự thử luyện của Gióp, và đồng thời người cũng trải qua những sự thử luyện của Phi-e-rơ. Khi Gióp bị thử, ông đã đứng ra làm chứng, và cuối cùng, Đức Giê-hô-va đã hiển linh với ông. Chỉ sau khi ông đứng ra làm chứng thì ông mới xứng đáng được thấy mặt Đức Chúa Trời. Vì sao lại nói: “Ta ẩn mình khỏi vùng đất ô trọc nhưng hiển hiện cho vương quốc thánh”? Điều đó có nghĩa là chỉ khi người thánh khiết và đứng ra làm chứng thì người mới có thể có phẩm cách để thấy mặt Đức Chúa Trời. Nếu người không thể đứng ra làm chứng cho Ngài, thì người không có phẩm cách để thấy mặt Ngài. Nếu người thoái lui hoặc phàn nàn về Đức Chúa Trời khi đối mặt với những sự tinh luyện, vì thế mà không thể đứng ra làm chứng cho Ngài và trở thành trò cười của Sa-tan, thì người sẽ không có được sự hiển linh của Đức Chúa Trời. Nếu người giống như Gióp, người ở giữa những sự thử luyện đã nguyện rửa xác thịt của chính mình, không phàn nàn về Đức Chúa Trời, và đã có thể ghê tởm xác thịt của chính mình mà không phàn nàn hoặc phạm tội qua lời nói của mình, thì người đang đứng ra làm chứng. Khi người trải qua những sự tinh luyện đến một mức độ nhất định và vẫn có thể giống như Gióp, hoàn toàn vâng phục trước Đức Chúa Trời và không có những yêu cầu nào khác với Ngài hoặc những quan niệm của riêng mình, thì Đức Chúa Trời sẽ hiển linh với người. Hiện giờ, Đức Chúa Trời không hiển linh với người bởi vì người có quá nhiều quan niệm, định kiến cá nhân, suy nghĩ ích kỷ, yêu cầu cá nhân và lợi ích xác thịt của riêng mình,

và người không xứng đáng được thấy mặt Ngài. Nếu người được nhìn thấy Đức Chúa Trời, thì người sẽ đánh giá Ngài thông qua các quan niệm của riêng người và như vậy thì Ngài sẽ bị đóng đinh vào thập tự giá vì người. Nếu nhiều điều xảy đến với người không phù hợp với các quan niệm của người, nhưng người vẫn có thể đặt chúng sang một bên và có được hiểu biết về những hành động của Đức Chúa Trời từ những điều này, và nếu giữa những sự tinh luyện, người bày tỏ tấm lòng yêu mến Đức Chúa Trời của mình, thì đây là đứng ra làm chứng. Nếu gia đình của người bình yên, người được hưởng những tiện nghi của xác thịt, không ai ngược đãi người, và anh chị em trong hội thánh vâng phục người, thì người có thể bày tỏ tấm lòng yêu mến Đức Chúa Trời của mình được không? Tình huống này có thể tinh luyện người được không? Chỉ qua sự tinh luyện mà tình yêu của người dành cho Đức Chúa Trời mới có thể được bày tỏ, và chỉ qua những điều xảy ra không phù hợp với các quan niệm của người thì người mới có thể được hoàn thiện. Nhờ nhiều điều trái nghịch và tiêu cực, cũng như nhờ sử dụng đủ loại biểu hiện của Sa-tan – những hành động, lời buộc tội, sự quấy nhiễu và sự lừa dối của nó – mà Đức Chúa Trời cho người thấy rõ bộ mặt gớm ghiếc của Sa-tan, từ đó hoàn thiện khả năng nhận diện Sa-tan của người, để người có thể căm ghét Sa-tan và từ bỏ nó.

Nhiều kinh nghiệm của người về sự thất bại, về sự yếu đuối, những giai đoạn tiêu cực, đều có thể nói là những sự thử luyện của Đức Chúa Trời. Điều này là bởi vì mọi thứ đều đến từ Đức Chúa Trời, và mọi sự vật, sự việc đều nằm trong tay Ngài. Cho dù người thất bại hay cho dù người yếu đuối và người vấp ngã, tất cả đều dựa vào Đức Chúa Trời và nằm trong tầm tay của Ngài. Đối với Đức Chúa Trời, đây là một sự thử luyện dành cho người, và nếu người không thể nhận ra điều đó, thì nó sẽ trở thành sự thử thách. Có hai loại trạng thái mà mọi người nên nhận ra: Một loại đến từ Đức Thánh Linh, và nguồn gốc của loại còn lại có thể là Sa-tan. Một loại là trạng thái mà ở đó Đức Thánh Linh soi sáng cho người và cho phép người biết chính mình, ghê tởm, cảm thấy hối hận về bản thân và có thể có tình yêu chân thật dành cho Đức Chúa Trời, để dồn tâm huyết của người vào việc làm thỏa lòng Ngài. Loại còn lại là một trạng thái mà ở đó người biết chính mình, nhưng người lại tiêu cực và yếu đuối. Có thể nói rằng trạng thái này là sự tinh luyện của Đức Chúa Trời, và cũng có thể nói rằng đó là sự thử thách của Sa-tan. Nếu người nhận ra rằng đây là sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời dành cho người và nếu người cảm thấy rằng người giờ đây đang mắc nợ Ngài sâu nặng, và nếu từ giờ trở đi, người cố gắng báo đáp Ngài và không còn rơi vào tình trạng suy đồi như vậy nữa, nếu người nỗ lực ăn uống lời Ngài, và nếu người luôn xem bản thân mình còn thiếu sót, và có một tấm lòng khao khát, thì đây là sự thử luyện của Đức Chúa Trời. Sau khi khổ đau đã qua và người

một lần nữa tiến về phía trước, Đức Chúa Trời vẫn sẽ dẫn dắt, soi sáng, khai sáng, và nuôi dưỡng người. Nhưng nếu người không nhận ra điều đó và người tiêu cực, hoàn toàn để bản thân rơi vào sự tuyệt vọng, nếu người nghĩ theo cách này, thì sự thử thách của Sa-tan đã đến với người. Khi Gióp trải qua những sự thử luyện, Đức Chúa Trời và Sa-tan đang đánh cược với nhau, và Đức Chúa Trời đã cho phép Sa-tan làm hại Gióp. Mặc dù chính là Đức Chúa Trời đang thử Gióp, nhưng sự thực Sa-tan đã đến với ông. Đối với Sa-tan, nó đang thử thách Gióp, nhưng Gióp đã đứng về phía Đức Chúa Trời. Nếu không phải vậy, Gióp hẳn đã rơi vào sự thử thách rồi. Ngay khi con người rơi vào sự thử thách, là họ rơi vào nguy hiểm. Việc trải qua sự tinh luyện có thể được cho là một sự thử luyện từ Đức Chúa Trời, nhưng nếu người không ở trong một trạng thái tốt, thì có thể nói đó là thử thách từ Sa-tan. Nếu người không rõ về khái tượng, thì Sa-tan sẽ cáo buộc người và khiến người mơ hồ về mặt khái tượng. Người sẽ rơi vào sự thử thách trước khi người biết điều đó.

Nếu người không trải nghiệm công tác của Đức Chúa Trời, thì người sẽ không bao giờ có thể được hoàn thiện. Trong trải nghiệm của mình, người cũng phải đi vào chi tiết. Ví dụ, những gì khiến người nảy sinh các quan niệm và quá nhiều động cơ, và người có những loại thực hành phù hợp nào để giải quyết những vấn đề này? Nếu người có thể trải nghiệm công tác của Đức Chúa Trời, điều này có nghĩa là người có vóc giặc. Nếu người chỉ ra vẻ mạnh mẽ, thì đây không phải là vóc giặc thực sự và người sẽ hoàn toàn không thể đứng vững được. Chỉ khi các người có thể trải nghiệm công tác của Đức Chúa Trời và các người có thể trải nghiệm cũng như suy ngẫm về nó mọi lúc mọi nơi, khi các người có thể rời khỏi chủ chăn và sống độc lập dựa vào Đức Chúa Trời, và các người có thể nhìn thấy những hành động thực tế của Đức Chúa Trời – chỉ khi đó ý muốn của Đức Chúa Trời mới đạt được. Ngay lúc này, hầu hết mọi người đều không biết cách trải nghiệm, và khi gặp phải một vấn đề, họ không biết cách giải quyết nó, họ không thể trải nghiệm công tác của Đức Chúa Trời, và họ không thể sống một đời sống thuộc linh. Người phải đưa lời và công tác của Đức Chúa Trời vào trong đời sống thực tế của mình.

Đôi khi Đức Chúa Trời ban cho người một loại cảm giác nhất định, một cảm giác khiến người mất đi sự vui thích bên trong và mất đi sự hiện diện của Đức Chúa Trời, để rồi người bị nhấn chìm trong sự tối tăm. Đây là một loại tinh luyện. Người cứ làm điều gì, là luôn hỏng điều đó, hoặc người đi vào ngõ cụt. Đây là sự sửa dạy của Đức Chúa Trời. Đôi lúc, khi người làm điều gì đó bất tuân và phản nghịch với Đức Chúa Trời, không ai khác có thể biết về điều đó – nhưng Đức Chúa Trời biết. Ngài sẽ không tha cho người, và Ngài sẽ sửa dạy người. Công tác của Đức Thánh Linh vô cùng tỉ mỉ. Ngài rất cẩn thận quan sát mọi lời nói và hành động của mọi người, nhất cử, nhất

động của họ, và mọi suy nghĩ, tư tưởng của họ hầu cho mọi người có thể đạt được nhận thức bên trong về những điều này. Người làm điều gì đó một lần và nó sai trật, người làm lại điều đó và nó vẫn sai trật, và dần dần người sẽ bắt đầu hiểu được công tác của Đức Thánh Linh. Qua nhiều lần bị sửa dạy, người sẽ biết phải làm gì để phù hợp với ý muốn của Đức Chúa Trời và điều gì không phù hợp với ý muốn của Ngài. Cuối cùng, người sẽ có những phản hồi chính xác với sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh từ bên trong. Đôi khi, người sẽ dấy loạn và người sẽ bị Đức Chúa Trời quở trách từ bên trong. Tất cả điều này đều đến từ sự sửa dạy của Đức Chúa Trời. Nếu người không trân trọng Đức Chúa Trời, nếu người xem nhẹ công tác của Ngài, thì Ngài sẽ không để tâm đến người. Người càng xem trọng lời Đức Chúa Trời, thì Ngài sẽ càng khai sáng cho người. Ngay lúc này, một số người trong hội thánh có đức tin mù mờ và mơ hồ, và họ làm rất nhiều điều không phù hợp và hành động vô kỷ luật, và vì vậy, công tác của Đức Thánh Linh không thể được nhìn thấy rõ trong họ. Một số người bỏ lại sau lưng những bồn phận của mình để kiếm tiền, ra ngoài làm ăn mà không được sửa dạy; loại người đó thậm chí còn gặp nguy hiểm nhiều hơn. Họ không chỉ không có công tác của Đức Thánh Linh trong hiện tại, mà trong tương lai, họ sẽ khó để được hoàn thiện. Có nhiều người mà trong họ không thể thấy được công tác của Đức Thánh Linh, và trong họ không thể thấy được sự sửa dạy của Đức Chúa Trời. Họ là những người không rõ về ý muốn của Đức Chúa Trời và là những người không biết công tác của Ngài. Những ai có thể đứng vững giữa những sự tinh luyện, những ai theo Đức Chúa Trời bất kể Ngài làm gì, và ít nhất là có thể không bỏ đi, hoặc đạt được 0,1% những gì Phi-e-rơ đã đạt được thì vẫn đang làm tốt, nhưng họ không có giá trị để Đức Chúa Trời sử dụng. Nhiều người nhanh chóng hiểu được mọi thứ, có tình yêu thực sự dành cho Đức Chúa Trời, và có thể vượt qua mức độ của Phi-e-rơ, và Đức Chúa Trời làm công tác hoàn thiện trên họ. Sự sửa dạy và khai sáng đến với những người như thế, và nếu có điều gì trong họ không phù hợp với ý muốn của Đức Chúa Trời, thì họ có thể gạt bỏ nó ngay lập tức. Những người như thế là vàng, bạc, đá quý – giá trị của họ là tột bậc! Nếu Đức Chúa Trời đã làm nhiều loại công tác mà người vẫn giống như cát hay đá, thì người là kẻ vô dụng!

Công tác của Đức Chúa Trời ở đất nước của con rồng lớn sắc đỏ thật kỳ diệu và không thể dò lường. Ngài sẽ hoàn thiện một nhóm người và loại bỏ một số người khác, bởi vì có đủ loại người trong hội thánh – có những người yêu lẽ thật, và có những người không; có những người trải nghiệm công tác của Đức Chúa Trời, và có những người không; có những người làm bồn phận của mình, và có những người không; có những người làm chứng cho Đức Chúa Trời, và có những người

không – và một phần trong số họ là những kẻ chẳng tin và những kẻ tà ác, chúng chắc chắn sẽ bị loại bỏ. Nếu người không biết rõ công tác của Đức Chúa Trời, thì người sẽ tiêu cực; đó là vì công tác của Đức Chúa Trời chỉ có thể được nhìn thấy ở một số ít người. Lúc này, ai thực sự yêu Đức Chúa Trời và ai không sẽ trở nên rõ ràng. Những ai thực sự yêu Đức Chúa Trời có công tác của Đức Thánh Linh, trong khi những ai không thực sự yêu Ngài sẽ bị vạch trần qua mỗi bước công tác của Ngài. Họ sẽ trở thành những đối tượng bị loại bỏ. Những người này sẽ bị vạch trần trong suốt quá trình của công tác chinh phục, và họ là những người không có giá trị để được hoàn thiện. Những người đã được hoàn thiện đã hoàn toàn được Đức Chúa Trời thu phục, và có khả năng yêu Đức Chúa Trời giống như Phi-e-rơ. Những người đã được chinh phục không có tình yêu tự phát, mà chỉ có tình yêu thụ động, và họ bị buộc phải yêu Đức Chúa Trời. Tình yêu tự phát nảy sinh thông qua sự hiểu biết có được từ trải nghiệm thực tế. Tình yêu này xâm chiếm lòng người và khiến họ tự nguyện tận hiến cho Đức Chúa Trời; lời Đức Chúa Trời trở thành nền tảng của họ và họ có thể chịu khổ vì Đức Chúa Trời. Tất nhiên, đây là những thứ thuộc sở hữu của một người đã được Đức Chúa Trời hoàn thiện. Nếu người chỉ tìm cách để được chinh phục, thì người không thể làm chứng cho Đức Chúa Trời; nếu Đức Chúa Trời chỉ đạt được mục tiêu cứu rỗi của Ngài thông qua việc chinh phục con người, thì giai đoạn của những người phục vụ sẽ hoàn tất công việc. Tuy nhiên, chinh phục mọi người không phải là mục tiêu cuối cùng của Đức Chúa Trời, mà là hoàn thiện mọi người. Vì vậy, thay vì nói rằng giai đoạn này là công tác chinh phục, thì hãy nói rằng đó là công tác hoàn thiện và loại bỏ. Một số người chưa được chinh phục hoàn toàn, và trong quá trình chinh phục họ, một nhóm người sẽ được hoàn thiện. Hai phần của công tác này được thực hiện đồng thời. Mọi người đã không bỏ đi ngay cả trong suốt một giai đoạn công tác dài như vậy, và điều này cho thấy mục tiêu chinh phục đã đạt được – đây là thực tế của việc được chinh phục. Những sự tinh luyện không phải là để được chinh phục, mà là để được hoàn thiện. Không có những sự tinh luyện, mọi người không thể được hoàn thiện. Vì vậy, những sự tinh luyện thực sự có giá trị! Ngày nay, một nhóm người đang được hoàn thiện và được thu phục. Mười phước lành đã được đề cập trước đây hết thảy đều nhắm đến những người đã được hoàn thiện. Mọi thứ về việc thay đổi hình tượng của họ trên đất đều nhắm vào những người đã được hoàn thiện. Những người chưa được hoàn thiện không đủ tư cách để nhận lời hứa của Đức Chúa Trời.

Chỉ bằng cách trải qua những sự thử luyện đau đớn, người mới có thể biết được sự đáng mến của Đức Chúa Trời

Ngày nay người yêu Đức Chúa Trời nhiều bao nhiêu? Và người biết về mọi điều Đức Chúa Trời đã thực hiện trong người nhiều bao nhiêu? Đây là những điều người nên tìm hiểu. Khi Đức Chúa Trời đến trên đất, mọi điều Ngài đã làm trong con người và đã cho phép con người nhìn thấy là để con người yêu kính Ngài và thực sự biết Ngài. Việc con người có thể chịu khổ vì Đức Chúa Trời và đã có thể đi xa đến như vậy, một mặt là nhờ tình yêu của Đức Chúa Trời, và mặt khác là nhờ sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời; hơn nữa, đó chính là nhờ sự phán xét và công tác hành phạt mà Đức Chúa Trời đã thực hiện trong con người. Nếu các người không có sự phán xét, hình phạt và những sự thử luyện của Đức Chúa Trời, và nếu Đức Chúa Trời đã không khiến cho các người chịu khổ, thì thành thật mà nói, các người không thực sự yêu mến Đức Chúa Trời. Công việc của Đức Chúa Trời trong con người càng vĩ đại, và sự đau khổ của con người càng lớn, thì càng thấy rõ công tác của Đức Chúa Trời có ý nghĩa ra sao, và lòng người càng có thể thực sự yêu kính Đức Chúa Trời. Làm thế nào để người học được cách yêu kính Đức Chúa Trời? Nếu thiếu sự dày vò và sự tinh luyện, nếu thiếu những sự thử luyện đau đớn – và hơn nữa, nếu tất cả những gì Đức Chúa Trời ban cho con người là ân điển, tình yêu và lòng thương xót – thì liệu người có thể đạt đến độ thực sự yêu kính Đức Chúa Trời không? Một mặt, trong những sự thử luyện của Đức Chúa Trời, con người biết được những thiếu sót của mình và thấy rằng họ tầm thường, đáng khinh và thấp hèn, rằng họ chẳng có gì và chẳng là gì cả; mặt khác, trong những sự thử luyện của Ngài, Đức Chúa Trời tạo ra những môi trường khác nhau cho con người để khiến con người có thể trải nghiệm nhiều hơn về sự đáng mến của Đức Chúa Trời. Mặc dù nỗi đau là rất lớn, và đôi khi không thể vượt qua được – thậm chí lên đến mức độ đau buồn tan nát – khi đã trải nghiệm nó, con người thấy được công tác của Đức Chúa Trời trong họ đáng mến ra sao, và chỉ dựa trên nền tảng này mới nảy sinh ra trong con người tình yêu Đức Chúa Trời thực sự. Ngày nay, con người nhận thấy rằng chỉ với ân điển, tình yêu và lòng thương xót của Đức Chúa Trời, họ không có khả năng thực sự hiểu được chính mình, huống gì là họ có thể biết được bản chất của con người. Chỉ thông qua vừa sự tinh luyện vừa sự phán xét của Đức Chúa Trời, và trong chính quá trình tinh luyện, thì con người mới có thể biết được những thiếu sót của họ, và biết rằng họ chẳng có gì. Do đó, tình yêu Đức Chúa Trời của con người được xây dựng trên nền tảng của sự tinh luyện và sự phán xét của Đức Chúa Trời. Nếu người chỉ vui hưởng ân điển

của Đức Chúa Trời, có một cuộc sống gia đình yên bình hoặc những phước lành vật chất, thì người đã không có được Đức Chúa Trời, và niềm tin của người vào Đức Chúa Trời không thể được coi là thành công. Đức Chúa Trời đã thực hiện một giai đoạn của công tác về ân điển trong xác thịt, và đã ban phước lành vật chất cho con người, nhưng con người không thể được làm cho hoàn thiện chỉ với ân điển, tình yêu và lòng thương xót mà thôi. Trong những trải nghiệm của con người, họ bắt gặp phần nào tình yêu của Đức Chúa Trời và thấy được tình yêu và lòng thương xót của Đức Chúa Trời, nhưng khi đã trải nghiệm một thời gian, họ nhận thấy rằng ân điển của Đức Chúa Trời, tình yêu và lòng thương xót của Ngài không thể làm hoàn thiện con người, không thể phơi bày điều nào là bại hoại bên trong con người, và không thể giúp con người thoát khỏi tâm tính bại hoại của mình, hoặc làm hoàn thiện tình yêu và đức tin của mình. Công tác về ân điển của Đức Chúa Trời là công việc của một giai đoạn, và con người không thể dựa vào việc tận hưởng ân điển của Đức Chúa Trời để biết Đức Chúa Trời.

Việc Đức Chúa Trời hoàn thiện con người được hoàn thành bằng cách nào? Điều đó được hoàn thành bằng tâm tính công chính của Ngài. Tâm tính của Đức Chúa Trời chủ yếu bao gồm sự công chính, cơn thanh nộ, sự oai nghi, sự phán xét, sự rửa sả, và Ngài hoàn thiện con người chủ yếu bằng sự phán xét. Một số người không hiểu, và hỏi vì sao Đức Chúa Trời chỉ có thể làm cho con người hoàn thiện thông qua sự phán xét và rửa sả. Họ nói rằng: “Nếu Đức Chúa Trời rửa sả con người, chẳng phải con người sẽ chết sao? Nếu Đức Chúa Trời phán xét con người, chẳng phải con người sẽ bị kết án sao? Vậy thì làm sao con người vẫn có thể được làm cho hoàn thiện?” Đó là những lời nói của những người không biết đến công tác của Đức Chúa Trời. Điều Đức Chúa Trời rửa sả là sự bất tuân của con người, và điều Ngài phán xét là những tội lỗi của con người. Mặc dù Ngài phán gay gắt và tàn nhẫn, nhưng Ngài vạch trần mọi điều bên trong con người, và vạch trần thông qua những lời nghiêm khắc này, những gì thuộc về bản chất bên trong con người, nhưng qua sự phán xét như thế, Ngài cho con người kiến thức sâu sắc về bản chất của xác thịt, và do đó con người đầu phục trước Đức Chúa Trời. Xác thịt con người thuộc về tội lỗi và thuộc về Sa-tan, nó bất tuân, và nó là đối tượng cho hình phạt của Đức Chúa Trời. Vì vậy, để cho con người biết về bản thân mình, những lời phán xét của Đức Chúa Trời phải xảy đến cho họ và phải sử dụng mọi hình thức tinh luyện; chỉ khi đó công tác của Đức Chúa Trời mới có thể đạt được hiệu quả.

Từ những lời được Đức Chúa Trời phán, có thể thấy rằng Ngài đã kết án xác thịt của con người. Vậy thì, những lời này chẳng phải là những lời rửa sả sao? Những lời được Đức Chúa Trời phán ra phơi bày những sắc thái thực sự của con người, và

qua sự phơi bày như thế con người bị phán xét, và khi họ thấy rằng mình không thể đáp ứng ý muốn của Đức Chúa Trời, bên trong họ cảm thấy đau buồn và hối hận, họ cảm thấy mình mắc nợ Đức Chúa Trời quá nhiều, và không thể đạt đến ý muốn của Đức Chúa Trời. Có những lúc Đức Thánh Linh sửa dạy người từ bên trong, và sự sửa dạy này đến từ sự phán xét của Đức Chúa Trời; có những lúc Đức Chúa Trời quở trách người và giấu mặt Ngài khỏi người, khi Ngài không chú ý đến người, và không hoạt động bên trong người, âm thầm hành phạt người để tinh luyện người. Công tác của Đức Chúa Trời trong con người chủ yếu là để làm rõ tâm tính công chính của Ngài. Rốt cuộc, con người mang lời chứng gì cho Đức Chúa Trời? Con người chứng thực rằng Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời công chính, rằng tâm tính của Ngài là sự công chính, cơn thanh nộ, hình phạt và sự phán xét; con người chứng thực cho tâm tính công chính của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời dùng sự phán xét của Ngài để làm cho con người hoàn thiện, Ngài đã yêu thương con người, và đã cứu rỗi con người – nhưng tình yêu của Ngài chứa đựng nhiều đến bao nhiêu? Có sự phán xét, sự oai nghi, cơn thanh nộ, và sự rửa sả. Mặc dù Đức Chúa Trời đã rửa sả con người trong quá khứ, nhưng Ngài đã không hoàn toàn ném con người xuống vực sâu không đáy, mà đã sử dụng phương cách đó để tinh luyện đức tin của con người; Ngài đã không xử tử con người, mà đã hành động để làm cho con người hoàn thiện. Bản chất của xác thịt thuộc về Sa-tan – Đức Chúa Trời phán điều đó hoàn toàn đúng, nhưng các sự thật do Đức Chúa Trời thực hiện không được trọn vẹn theo lời của Ngài. Ngài rửa sả người hầu cho người có thể yêu kính Ngài, và hầu cho người có thể biết được bản chất của xác thịt; Ngài hành phạt người hầu cho người có thể được tỉnh thức, để cho phép người biết những thiếu sót bên trong người, và để biết sự hoàn toàn không xứng đáng của con người. Do đó, những sự rửa sả của Đức Chúa Trời, sự phán xét của Ngài, sự oai nghi và cơn thanh nộ của Ngài – tất cả đều nhằm làm cho con người hoàn thiện. Tất cả những gì Đức Chúa Trời làm ngày nay, và tâm tính công chính mà Ngài tỏ rõ bên trong các người – tất cả đều nhằm làm cho con người hoàn thiện. Đó là tình yêu thương của Đức Chúa Trời.

Theo những quan niệm truyền thống của con người, họ tin rằng tình yêu thương của Đức Chúa Trời là ân điển, lòng thương xót, và sự cảm thông của Ngài đối với sự yếu đuối của con người. Mặc dù những điều này cũng là tình yêu thương của Đức Chúa Trời, nhưng chúng quá phiến diện, và không phải là phương thức chủ yếu để qua đó Đức Chúa Trời làm cho con người hoàn thiện. Một số người bắt đầu tin vào Đức Chúa Trời vì bệnh tật. Bệnh tật này là ân điển của Đức Chúa Trời dành cho người; không có nó, người sẽ không tin vào Đức Chúa Trời, và nếu người không tin vào Đức Chúa Trời thì người sẽ không đi xa đến như vậy – và do đó ngay cả ân điển

này cũng là tình yêu thương của Đức Chúa Trời. Trong thời gian tin vào Jêsus, người ta đã làm nhiều điều Đức Chúa Trời không thích bởi vì họ đã không hiểu lẽ thật, nhưng Đức Chúa Trời có tình yêu thương và lòng thương xót, và Ngài đã đưa con người đi xa đến ngày nay, và mặc dù con người không hiểu được gì, nhưng Đức Chúa Trời vẫn cho phép con người theo Ngài, và hơn nữa, Ngài đã dẫn dắt con người đến ngày nay. Đây chẳng phải là tình yêu thương của Đức Chúa Trời sao? Điều được thể hiện trong tâm tính của Đức Chúa Trời là tình yêu thương của Đức Chúa Trời – điều này hoàn toàn đúng! Khi việc xây dựng hội thánh đã đạt đến đỉnh điểm, Đức Chúa Trời đã thực hiện bước công tác của những kẻ phục vụ và ném con người xuống vực sâu không đáy. Mọi lời phán trong thời kỳ của những kẻ phục vụ đều là những lời rửa sả: rửa sả về xác thịt của người, rửa sả về tâm tính Sa-tan bại hoại của người, và rửa sả về những gì về người mà không đáp ứng ý muốn của Đức Chúa Trời. Công tác được Đức Chúa Trời thực hiện trong bước đó đã được biểu hiện như sự oai nghi, ngay sau đó Đức Chúa Trời đã thực hiện bước công tác hành phạt, rồi đến sự thử luyện về cái chết. Qua công tác đó, con người đã nhìn thấy cơn thanh ngộ, sự oai nghi, sự phán xét, và hình phạt của Đức Chúa Trời, nhưng họ cũng thấy được ân điển của Đức Chúa Trời, tình yêu thương và lòng thương xót của Ngài. Mọi điều Đức Chúa Trời đã làm, và mọi điều đã được biểu hiện như tâm tính của Ngài, là tình yêu thương của Đức Chúa Trời dành cho con người, và mọi điều Đức Chúa Trời đã làm đều có thể đáp ứng nhu cầu của con người. Ngài đã làm điều đó nhằm làm cho con người hoàn thiện, và Ngài đã chu cấp cho con người theo vóc giạc của họ. Nếu Đức Chúa Trời đã không làm điều này, thì con người sẽ không thể đến trước mặt Đức Chúa Trời, và sẽ không có cách nào biết được khuôn mặt thật của Đức Chúa Trời. Kể từ khi con người mới bắt đầu tin vào Đức Chúa Trời cho đến ngày nay, Đức Chúa Trời đã dần chu cấp cho con người theo vóc giạc của con người, hầu cho, bên trong, con người dần biết đến Ngài. Chỉ đến ngày nay con người mới nhận ra sự phán xét của Đức Chúa Trời tuyệt vời như thế nào. Bước công tác với những kẻ phục vụ là sự kiện đầu tiên của công tác rửa sả từ thuở sáng thế cho đến ngày nay. Con người đã bị rửa sả vào vực sâu không đáy. Nếu Đức Chúa Trời đã không làm điều đó, thì ngày nay con người sẽ không có kiến thức thực sự về Đức Chúa Trời; chỉ thông qua sự rửa sả của Đức Chúa Trời mà con người mới chính thức bắt gặp tâm tính của Ngài. Con người bị vạch trần thông qua sự thử luyện của những kẻ phục vụ. Họ thấy rằng lòng trung thành của họ là không thể chấp nhận được, rằng vóc giạc của họ quá nhỏ bé, rằng họ không có khả năng đáp ứng ý muốn của Đức Chúa Trời, và rằng những lời tuyên bố của họ về việc đáp ứng Đức Chúa Trời mọi lúc không hơn gì những lời nói suông. Mặc dù Đức Chúa Trời đã rửa sả con người

trong bước công tác của những kẻ phục vụ, giờ nhìn lại, bước công tác đó của Đức Chúa Trời thật tuyệt vời: Nó đã mang lại một bước ngoặt to lớn cho con người, và đã tạo ra một sự thay đổi lớn trong tâm tính sống của họ. Trước thời kỳ của những kẻ phục vụ, con người đã không hiểu gì về việc mưu cầu sự sống, ý nghĩa của việc tin vào Đức Chúa Trời, hoặc sự khôn ngoan trong công tác của Đức Chúa Trời, và họ cũng đã không hiểu được rằng công tác của Đức Chúa Trời có thể thử thách con người. Từ thời kỳ của những kẻ phục vụ cho đến ngày nay, con người thấy được công tác của Đức Chúa Trời kỳ diệu ra sao – điều đó thật không thể dò lường đối với con người. Con người không thể tưởng tượng được Đức Chúa Trời hoạt động như thế nào bằng cách sử dụng bộ não của họ, và họ cũng nhận thấy vóc giạc của họ nhỏ bé ra sao và thấy rằng có quá nhiều sự bất tuân trong họ. Khi Đức Chúa Trời rửa sả con người, đó là nhằm đạt được một hiệu quả, và Ngài đã không đưa xử tử con người. Mặc dù Ngài rửa sả con người, Ngài đã làm như thế qua lời, và sự rửa sả của Ngài đã không thực sự xảy đến cho con người, vì điều Đức Chúa Trời đã rửa sả là sự bất tuân của con người, và vì thế những lời rửa sả của Ngài cũng được phán ra nhằm làm cho con người hoàn thiện. Cho dù Đức Chúa Trời phán xét con người hay rửa sả họ, cả hai đều làm cho con người hoàn thiện: Cả hai đều được thực hiện nhằm hoàn thiện những gì bất khiết bên trong con người. Thông qua phương cách này con người được tinh luyện, và điều còn thiếu bên trong con người được hoàn thiện qua lời và công tác của Ngài. Mỗi bước trong công tác của Đức Chúa Trời – cho dù đó là những lời hà khắc, hay sự phán xét, hay hình phạt – đều làm cho con người hoàn thiện, và hoàn toàn phù hợp. Trong suốt các thời đại, Đức Chúa Trời chưa bao giờ làm công tác như thế này; ngày nay, Ngài hoạt động bên trong các người hầu cho các người cảm kích sự khôn ngoan của Ngài. Mặc dù các người đã phải chịu nỗi đau nào đó bên trong, nhưng lòng các người cảm thấy vững vàng và bình an; đó là phước lành của các người để có thể tận hưởng giai đoạn công tác này của Đức Chúa Trời. Bất kể các người có thể đạt được điều gì trong tương lai, tất cả những gì các người thấy về công tác của Đức Chúa Trời trong các người ngày nay là tình yêu. Nếu con người không trải qua sự phán xét và tinh luyện của Đức Chúa Trời, thì những hành động và sự sốt sắng của họ sẽ luôn ở mức độ bề nổi, và tâm tính của họ sẽ không bao giờ thay đổi. Điều này có được kể là đã được Đức Chúa Trời thu phục không? Ngày nay, mặc dù bên trong con người vẫn còn nhiều kiêu ngạo và tự phụ, nhưng tâm tính của con người đã ổn định hơn trước rất nhiều. Việc Đức Chúa Trời xử lý người được thực hiện nhằm cứu rỗi người, và mặc dù đôi khi người có thể cảm thấy một chút đau đớn, sẽ đến ngày xuất hiện một sự thay đổi trong tâm tính của người. Lúc đó, người sẽ nhìn lại và thấy được công

tác của Đức Chúa Trời khôn ngoan đến mức nào, và lúc đó, người sẽ có thể thực sự hiểu được ý muốn của Đức Chúa Trời. Ngày nay, có một số người nói rằng họ hiểu được ý muốn của Đức Chúa Trời, nhưng điều đó không thực tế lắm. Thực ra, họ đang nói dối, bởi vì hiện tại họ vẫn chưa hiểu được liệu ý muốn của Đức Chúa Trời là cứu rỗi hay rửa sạch con người. Có lẽ người không thể nhìn thấy điều đó rõ ràng lúc này, nhưng sẽ đến ngày người nhận thấy rằng ngày Đức Chúa Trời đạt được vinh hiển đã đến, và người sẽ nhận thấy việc yêu kính Đức Chúa Trời có ý nghĩa ra sao, để rồi người sẽ nhận biết cuộc sống của con người và xác thịt của người sẽ sống trong thế giới của Đức Chúa Trời yêu thương, để rồi linh hồn của người sẽ được giải phóng, cuộc sống của người sẽ tràn đầy niềm vui, và người sẽ luôn gần gũi với Đức Chúa Trời và ngưỡng vọng Ngài. Lúc đó, người sẽ thực sự biết được công tác của Đức Chúa Trời ngày nay có giá trị như thế nào.

Ngày nay, hầu hết mọi người đều không có kiến thức đó. Họ tin rằng việc chịu khổ là vô giá trị, họ bị thế giới từ bỏ, cuộc sống gia đình của họ gặp khó khăn, họ không được Đức Chúa Trời yêu thương, và tiền đồ của họ thật ảm đạm. Nỗi đau khổ của một số người đạt đến cực điểm, và suy nghĩ của họ chuyển sang cái chết. Đây không phải là sự yêu kính Đức Chúa Trời thực sự; những người như thế là những kẻ hèn nhát, họ không có sự kiên trì, họ yếu đuối và bất lực! Đức Chúa Trời mong muốn con người yêu kính Ngài, nhưng con người càng yêu kính Ngài thì con người càng chịu khổ, và con người càng yêu kính Ngài thì những sự thử luyện của con người càng lớn. Nếu người yêu kính Ngài, thì mọi loại đau khổ sẽ xảy đến với người – và nếu người không yêu kính, thì có lẽ mọi thứ sẽ diễn ra suôn sẻ cho người, và mọi thứ xung quanh người sẽ bình yên. Khi người yêu kính Đức Chúa Trời, người sẽ cảm thấy rằng nhiều thứ xung quanh người là không thể vượt qua được, và vì vóc dáng của người quá nhỏ bé nên người sẽ được tinh luyện; hơn nữa, người sẽ không có khả năng làm hài lòng Đức Chúa Trời, và người sẽ luôn cảm thấy rằng ý muốn của Đức Chúa Trời quá cao cả, rằng nó vượt khỏi tầm với của con người. Bởi vì tất cả những điều này, người sẽ được tinh luyện – bởi vì có nhiều sự yếu đuối bên trong người, và nhiều điều không có khả năng đáp ứng ý muốn của Đức Chúa Trời, người sẽ được tinh luyện bên trong. Tuy nhiên, các người phải thấy rõ rằng sự làm cho tinh sạch chỉ đạt được thông qua sự tinh luyện. Do đó, trong thời kỳ sau rốt này các người phải mang chứng ngôn cho Đức Chúa Trời. Cho dù nỗi đau khổ của các người lớn đến đâu, các người vẫn nên đi đến tận cùng, và thậm chí đến hơi thở sau cùng, các người vẫn phải trung tín với Đức Chúa Trời, và đầu phục sự sắp đặt của Đức Chúa Trời; chỉ có điều này mới là yêu kính Đức Chúa Trời thực sự, và chỉ có điều này mới là lời chứng mạnh mẽ và vang dội. Khi người bị Sa-tan thử thách,

người nên nói: “Lòng ta thuộc về Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời đã thu phục ta rồi. Ta không thể làm thỏa mãn người – ta phải dâng trọn mình để đáp ứng Đức Chúa Trời”. Người càng đáp ứng Đức Chúa Trời, thì Đức Chúa Trời càng ban phước cho người, và sức mạnh của tình yêu người dành cho Đức Chúa Trời càng lớn; cũng vậy, người sẽ có đức tin và quyết tâm, và sẽ cảm thấy rằng không điều gì xứng đáng hoặc quan trọng hơn một cuộc đời dành để yêu kính Đức Chúa Trời. Có thể nói rằng con người phải yêu Đức Chúa Trời để không phải buồn phiền. Mặc dù có những lúc xác thịt của người yếu đuối và người bị bủa vây bởi nhiều rắc rối thực sự, nhưng trong những lúc này người sẽ thực sự nương cậy vào Đức Chúa Trời, và trong tinh thần người, người sẽ được an ủi, người sẽ cảm thấy chắc chắn, và người có điều gì đó để trông cậy vào. Bằng cách này, người sẽ có thể vượt qua nhiều hoàn cảnh, và như thế người sẽ không phàn nàn về Đức Chúa Trời vì nỗi thống khổ mà người phải chịu đựng. Thay vào đó, người sẽ muốn ca hát, nhảy múa, và cầu nguyện, nhóm họp và tương giao, suy ngẫm về Đức Chúa Trời, và người sẽ cảm thấy rằng tất cả mọi người, mọi vấn đề, và mọi thứ xung quanh người được Đức Chúa Trời sắp đặt đều phù hợp. Nếu người không yêu kính Đức Chúa Trời, thì mọi điều người nhìn vào sẽ khiến người khó chịu và sẽ không có gì vừa mắt người cả; trong thần trí mình người sẽ không được tự do mà bị đè nén, lòng người sẽ luôn phàn nàn về Đức Chúa Trời, và người sẽ luôn cảm thấy rằng mình chịu quá nhiều đau khổ, và rằng điều đó thật bất công. Nếu người không mưu cầu để được hạnh phúc, mà để làm hài lòng Đức Chúa Trời và để không bị Sa-tan cáo buộc, thì việc mưu cầu như vậy sẽ cho người sức mạnh to lớn để yêu kính Đức Chúa Trời. Con người có thể thực hiện mọi điều Đức Chúa Trời phán, và mọi điều họ làm đều có thể làm hài lòng Đức Chúa Trời – đây là ý nghĩa của việc sở hữu hiện thực. Theo đuổi sự hài lòng của Đức Chúa Trời là dùng tình yêu của người dành cho Đức Chúa Trời để đưa lời Ngài vào thực hành; bất kể lúc nào – ngay cả khi những người khác không có sức mạnh – bên trong người vẫn có một tấm lòng yêu kính Đức Chúa Trời, hết sức khao khát và nhớ đến Đức Chúa Trời. Đây là vóc giạc thực sự. Vóc giạc của người to lớn ra sao tùy thuộc vào sự yêu kính Đức Chúa Trời của người lớn đến đâu, vào việc người có thể đứng vững khi bị thử luyện hay không, người có yếu đuối khi một hoàn cảnh nào đó xảy đến với mình hay không, và người có thể đứng vững khi anh em chị em của người hắt hủi người hay không; những sự thật xảy đến sẽ cho thấy sự yêu kính của người dành cho Đức Chúa Trời như thế nào. Từ phần lớn công tác của Đức Chúa Trời, có thể thấy rằng Đức Chúa Trời thực sự yêu thương con người, dù cho đôi mắt thuộc linh của con người vẫn chưa được khai mở hoàn toàn và họ không thể nhìn rõ được phần lớn công tác của Đức Chúa Trời cùng ý muốn của

Ngài, cũng như nhiều điều đáng mến về Đức Chúa Trời; con người có quá ít tình yêu thực sự dành cho Đức Chúa Trời. Người đã tin Đức Chúa Trời suốt thời gian này, và ngày nay Đức Chúa Trời đã cắt đứt mọi phương tiện tẩu thoát. Nói một cách thực tế, người không có lựa chọn nào khác ngoài việc đi đúng đường, con đường đúng đắn mà người đã được dẫn dắt bởi sự phán xét hà khắc và sự cứu rỗi tối cao của Đức Chúa Trời. Chỉ sau khi trải qua khó khăn và tinh luyện thì con người mới biết rằng Đức Chúa Trời thật đáng yêu mến. Khi đã trải nghiệm cho đến ngày nay, có thể nói rằng con người đã biết được phần nào sự đáng mến của Đức Chúa Trời, nhưng điều này vẫn chưa đủ, bởi vì con người còn quá thiếu sót. Con người phải trải nghiệm nhiều hơn công tác kỳ diệu của Đức Chúa Trời, và nhiều hơn tất cả sự tinh luyện đau khổ do Đức Chúa Trời sắp đặt. Chỉ sau đó tâm tính sống của con người mới có thể được thay đổi.

Chỉ yêu mến Đức Chúa Trời mới thực sự là tin vào Đức Chúa Trời

Hôm nay, khi các người tìm cách yêu mến và biết Đức Chúa Trời, một mặt, các người phải chịu gian khổ và tinh luyện, và mặt khác, các người phải trả giá. Không có bài học nào sâu sắc hơn bài học về yêu mến Đức Chúa Trời, và có thể nói rằng bài học con người học được từ cả đời tin Đức Chúa Trời là làm thế nào để yêu mến Đức Chúa Trời. Điều đó có nghĩa là, nếu người tin vào Đức Chúa Trời, người phải yêu mến Đức Chúa Trời. Nếu người chỉ tin vào Đức Chúa Trời nhưng không yêu mến Ngài và không đạt được sự hiểu biết về Đức Chúa Trời và chưa bao giờ yêu mến Đức Chúa Trời với một tình yêu đích thực xuất phát từ trong lòng mình, thì niềm tin của người vào Đức Chúa Trời là vô ích; nếu, trong niềm tin của người vào Đức Chúa Trời, người không yêu mến Đức Chúa Trời, thì người sống vô ích, và toàn bộ đời sống của người là thứ thấp kém nhất trong tất cả các sinh mệnh. Nếu, trong suốt cuộc đời của người, người chưa bao giờ yêu mến hay làm hài lòng Đức Chúa Trời, vậy thì người sống để làm gì? Và niềm tin vào Đức Chúa Trời của người để làm gì? Đó chẳng phải là một sự lãng phí công sức sao? Điều này có nghĩa là, nếu mọi người tin và yêu mến Đức Chúa Trời, thì họ phải trả giá. Thay vì cố gắng hành động theo một cách nào đó ở bên ngoài, họ nên tìm kiếm sự thấu hiểu thực sự trong sâu thẳm lòng mình. Nếu người nhiệt tình ca hát và nhảy múa, nhưng không có khả năng đưa lễ thật vào thực hành, thì người có thể được coi là yêu mến Đức Chúa Trời không? Yêu mến Đức Chúa Trời đòi hỏi phải tìm kiếm ý muốn của Đức Chúa Trời trong mọi việc, và người phải thăm dò sâu bên trong khi có bất cứ điều gì xảy đến với người,

cố gắng nắm bắt ý muốn của Đức Chúa Trời và cố gắng thấy được ý muốn của Đức Chúa Trời trong vấn đề là gì, Ngài yêu cầu người đạt được điều gì, và người nên lưu tâm đến ý muốn của Ngài như thế nào. Ví dụ: Một điều gì đó xảy ra đòi hỏi người phải chịu đựng gian khó, tại thời điểm đó, người nên hiểu ý muốn của Đức Chúa Trời là gì và người nên lưu tâm đến ý muốn của Ngài như thế nào. Người không được tự hài lòng: Trước tiên hãy gạt bản thân sang một bên. Không có gì đáng khinh hơn xác thịt. Người phải tìm cách làm Đức Chúa Trời hài lòng và người phải làm tròn bổn phận của mình. Với những suy nghĩ như vậy, Đức Chúa Trời sẽ đem đến sự khai sáng đặc biệt cho người trong vấn đề này và lòng người cũng sẽ tìm thấy sự ủi an. Dù lớn hay nhỏ, khi có điều gì đó xảy đến với người, trước tiên người phải gạt bản thân mình sang một bên và coi xác thịt là thứ thấp kém nhất trong tất cả mọi thứ. Người càng đáp ứng xác thịt thì nó càng tùy tiện; nếu người đáp ứng nó lần này, lần sau nó sẽ đòi hỏi nhiều hơn. Khi việc này tiếp diễn, con người sẽ bắt đầu yêu thích xác thịt hơn nữa. Xác thịt luôn có những ham muốn ngông cuồng; nó luôn yêu cầu người đáp ứng nó và làm nó hài lòng ở bên trong, cho dù đó là trong những thứ người ăn, những gì người mặc, hay trong lúc người mất bình tĩnh, hay xuôi theo những điểm yếu và sự lười biếng của chính người... Người càng đáp ứng xác thịt, ham muốn của nó càng trở nên lớn hơn và xác thịt càng trở nên đòi trụy hơn, cho đến khi nó lên đến mức mà xác thịt con người thậm chí còn nuôi những quan niệm ăn sâu hơn, bất tuân Đức Chúa Trời, tự tán dương nó, và trở nên nghi ngờ về công tác của Đức Chúa Trời. Người càng đáp ứng xác thịt, thì điểm yếu của xác thịt càng lớn; người sẽ luôn cảm thấy không ai đồng cảm với những điểm yếu của mình, người sẽ luôn tin rằng Đức Chúa Trời đã đi quá xa, và người sẽ nói: “Làm sao Đức Chúa Trời có thể nghiêm khắc như vậy? Tại sao Ngài không tha cho mọi người?” Khi con người đáp ứng xác thịt và trân quý nó quá nhiều, thì họ tự hủy hoại chính mình. Nếu người thực sự yêu mến Đức Chúa Trời và không đáp ứng xác thịt, thì người sẽ thấy rằng mọi việc Đức Chúa Trời làm đều rất đúng đắn và rất tốt đẹp, và lời nguyện rửa của Ngài về sự dấy loạn của người và sự phán xét của Ngài về sự bất chính của người là xác đáng. Sẽ có những lúc Đức Chúa Trời sửa phạt, sửa dạy người và tạo ra một môi trường để tôi luyện người, buộc người phải đến trước Ngài – và người sẽ luôn cảm thấy rằng những gì Đức Chúa Trời đang làm là tuyệt diệu. Do đó, người sẽ cảm thấy như không có nhiều đau đớn, và Đức Chúa Trời thật đáng yêu. Nếu người xuôi theo những điểm yếu của xác thịt và nói rằng Đức Chúa Trời đi quá xa, thì người sẽ luôn cảm thấy đau đớn, sẽ luôn phiền muộn, và người sẽ không rõ về toàn bộ công tác của Đức Chúa Trời, và sẽ dường như Đức Chúa Trời không đồng cảm với sự yếu đuối của con người chút nào và không biết được những khó khăn

của con người. Và do đó, người sẽ luôn cảm thấy đau khổ và cô đơn, như thể người phải chịu sự bất công lớn, và lúc này, người sẽ bắt đầu phàn nàn. Người càng xuôi theo những điểm yếu của xác thịt theo cách này, người sẽ càng cảm thấy Đức Chúa Trời đi quá xa, cho đến khi nó trở nên tệ đến mức người từ chối công tác của Đức Chúa Trời, bắt đầu chống lại Đức Chúa Trời, và trở nên đầy ắp sự bất tuân. Do đó, người phải nổi loạn chống lại xác thịt, và không được xuôi theo nó: “Chồng (vợ), con cái, tiền đồ, hôn nhân, gia đình của tôi – chẳng có gì trong đó quan trọng cả! Trong lòng tôi chỉ có duy nhất Đức Chúa Trời và tôi phải cố gắng hết sức để làm Đức Chúa Trời hài lòng và không được đáp ứng xác thịt”. Người phải có quyết tâm này. Nếu người luôn có quyết tâm như vậy, thì khi người đưa lễ thật vào thực hành và gạt bản thân mình sang một bên, người sẽ có thể làm điều đó chỉ với một chút nỗ lực. Chuyện kể rằng có một người nông dân nhìn thấy một con rắn bị đông cứng trên đường. Người nông dân nhặt nó lên và ôm nó vào ngực, và sau khi con rắn hồi sinh, nó đã cắn chết người nông dân. Xác thịt của con người giống như con rắn: Bản chất của nó là làm hại đời sống của họ – và khi nó hoàn toàn được theo ý mình, thì cuộc sống của người sẽ bị tước mất. Xác thịt thuộc về Sa-tan. Bên trong nó là những ham muốn nồng cuồng, nó chỉ nghĩ cho bản thân nó, nó muốn tận hưởng sự thoải mái và say sưa trong an nhàn, đắm mình trong sự lười biếng và nhàn rỗi, và khi đã thỏa mãn nó đến một mức nào đó thì cuối cùng người sẽ bị nó nuốt chửng. Điều đó có nghĩa là, nếu người đáp ứng nó lần này, thì lần sau nó sẽ đến yêu cầu thêm. Nó luôn có những ham muốn nồng cuồng và những đòi hỏi mới, và lợi dụng sự xuôi theo xác thịt của người để khiến cho người trân trọng nó hơn nữa và sống giữa sự thoải mái của nó – và nếu người không vượt qua nó được, người cuối cùng sẽ tự hủy hoại chính mình. Liệu người có thể đạt được sự sống trước Đức Chúa Trời hay không và kết cục cuối cùng của người sẽ là gì, tùy thuộc vào cách người thực hiện cuộc nổi loạn chống lại xác thịt. Đức Chúa Trời đã cứu rỗi người và chọn người và tiền định người, nhưng nếu hôm nay người không muốn làm hài lòng Ngài, người không sẵn lòng đưa lễ thật vào thực hành, người không sẵn lòng nổi loạn chống lại xác thịt của chính mình với một tấm lòng thực sự yêu mến Đức Chúa Trời, thì cuối cùng người sẽ tự hủy hoại chính mình, và vì thế sẽ chịu đựng nỗi đau cùng cực. Nếu người luôn xuôi theo xác thịt, Sa-tan sẽ dần dần nuốt chửng người, và khiến người không còn sự sống, hay sự cảm hóa của Thần, cho đến ngày người hoàn toàn tối tăm ở bên trong. Khi người sống trong bóng tối, người sẽ bị Sa-tan bắt giữ, người sẽ không còn Đức Chúa Trời trong lòng mình nữa, và lúc đó người sẽ từ chối sự tồn tại của Đức Chúa Trời và rời xa Ngài. Như vậy, nếu con người muốn yêu mến Đức Chúa Trời, họ phải trả giá bằng nỗi đau và chịu đựng gian khó. Không cần sự nhiệt thành và

gian khó bên ngoài, đọc nhiều hơn và chạy xuôi ngược nhiều hơn; mà thay vào đó, họ nên gạt những thứ bên trong họ sang một bên: những suy nghĩ ngông cuồng, lợi ích cá nhân và những cân nhắc, quan niệm và ý định của bản thân họ. Đó là ý muốn của Đức Chúa Trời.

Việc Đức Chúa Trời xử lý tâm tính bên ngoài của con người cũng là một phần trong công tác của Ngài; ví dụ như: xử lý nhân tính bất thường, bên ngoài của con người, hay lối sống và thói quen, cách thức và phong tục, cũng như những thông lệ bên ngoài và sự nhiệt thành của họ. Nhưng khi Ngài yêu cầu con người đưa lẽ thật vào thực hành và thay đổi tâm tính của họ, thứ chủ yếu đang được xử lý là những ý định và quan niệm bên trong họ. Chỉ xử lý tâm tính bên ngoài của người thì không khó; nó giống như yêu cầu người không ăn những món người thích, điều đó dễ thôi. Tuy vậy, những thứ động chạm đến quan niệm bên trong người thì không dễ gì buông bỏ. Nó đòi hỏi con người phải nổi loạn chống lại xác thịt, trả giá, và chịu đau khổ trước Đức Chúa Trời. Điều này đặc biệt đúng với những ý định của mọi người. Kể từ khi mọi người bắt đầu tin vào Đức Chúa Trời, họ đã nung nấu nhiều ý định không đúng. Khi người không đưa lẽ thật vào thực hành, người cảm thấy rằng tất cả các ý định của người đều đúng, nhưng khi điều gì đó xảy ra với người, người sẽ thấy rằng có nhiều ý định không đúng trong người. Do đó, khi Đức Chúa Trời làm cho con người hoàn thiện, Ngài khiến họ nhận ra rằng có nhiều quan niệm trong họ đang cản trở sự hiểu biết của họ về Đức Chúa Trời. Khi người nhận ra rằng các ý định của người là sai, nếu người có thể ngừng thực hành theo các quan niệm và ý định của mình, có thể mang chứng ngôn cho Đức Chúa Trời, và giữ vững lập trường trong tất cả những gì xảy đến với người, thì điều này chứng tỏ rằng người đã nổi loạn chống lại xác thịt. Khi người nổi loạn chống lại xác thịt, chắc chắn sẽ có một trận chiến ở trong người. Sa-tan sẽ cố và khiến mọi người theo nó, sẽ cố và khiến họ đi theo những quan niệm về xác thịt và đề cao lợi ích của xác thịt – nhưng lời Đức Chúa Trời sẽ khai sáng và soi sáng cho mọi người từ bên trong, và lúc này việc người theo Đức Chúa Trời hay theo Sa-tan là tùy thuộc vào người. Đức Chúa Trời yêu cầu mọi người đưa lẽ thật vào thực hành chủ yếu để đối phó với những thứ bên trong họ, để đối phó với những suy nghĩ và quan niệm của họ mà không hợp lòng Đức Chúa Trời. Đức Thánh Linh cảm hóa mọi người trong lòng, khai sáng và soi sáng họ. Vì vậy, đằng sau tất cả những gì xảy ra là một trận chiến: Mỗi khi mọi người đưa lẽ thật vào thực hành, hoặc đưa sự yêu mến Đức Chúa Trời vào thực hành, thì đều có một trận chiến lớn, và mặc dù mọi thứ có vẻ ổn với xác thịt của họ, nhưng trên thực tế, trong sâu thẳm lòng họ, một trận chiến sinh tử đang xảy ra – và chỉ sau trận chiến khốc liệt này, sau rất nhiều sự phản tự, thì việc chiến thắng hay thất bại mới có thể được

quyết định. Người ta không biết nên cười hay khóc. Bởi vì nhiều ý định trong con người là sai trái, không thì vì phần lớn công tác của Đức Chúa Trời là mâu thuẫn với quan niệm của họ, nên khi mọi người đưa lẽ thật vào thực hành, một trận chiến lớn được tiến hành ở đằng sau. Khi đưa lẽ thật này vào thực hành, ẩn đằng sau, mọi người sẽ phải rơi biết bao giọt nước mắt buồn trước khi cuối cùng quyết định làm Đức Chúa Trời hài lòng. Chính vì trận chiến này mà mọi người chịu đựng đau khổ và tinh luyện; đây là sự đau khổ thực sự. Khi trận chiến xảy ra với người, nếu người có thể thực sự đứng về phía Đức Chúa Trời, người sẽ có thể làm Ngài hài lòng. Trong khi thực hành lẽ thật, điều không thể tránh khỏi là một người sẽ phải chịu đau khổ bên trong; nếu khi con người đưa lẽ thật vào thực hành, mọi thứ trong họ đều đúng, thì họ sẽ không cần phải được Đức Chúa Trời làm cho hoàn thiện, và sẽ không có trận chiến nào, và họ sẽ không phải chịu đau khổ. Đó là bởi vì có nhiều thứ trong con người không phù hợp để Đức Chúa Trời sử dụng, và bởi vì có nhiều tâm tính dấy loạn của xác thịt, nên mọi người mới cần học bài học nổi loạn chống lại xác thịt sâu sắc hơn. Đây là những gì Đức Chúa Trời gọi là sự đau khổ mà Ngài yêu cầu con người trải qua với Ngài. Khi người gặp khó khăn, hãy nhanh chóng cầu nguyện với Đức Chúa Trời: “Lạy Đức Chúa Trời! Con muốn làm Ngài hài lòng, con muốn chịu đựng những gian khó cuối cùng để thỏa lòng Ngài, và bất chấp những thất bại mà con gặp phải lớn đến đâu, con vẫn phải làm Ngài hài lòng. Ngay cả khi con phải từ bỏ cả cuộc đời mình, con vẫn phải làm Ngài hài lòng!” Với quyết tâm này, khi người cầu nguyện như vậy, người sẽ có thể đứng vững trong chứng ngôn của mình. Mỗi lần họ đưa lẽ thật vào thực hành, mỗi lần họ trải qua sự tinh luyện, mỗi lần họ bị thử luyện và mỗi lần công tác của Đức Chúa Trời đến với họ, con người đều phải chịu đựng nỗi đau cùng cực. Toàn bộ điều này là một bài kiểm tra cho con người, và vì vậy trong tất cả bọn họ đều có một trận chiến. Đây là cái giá thực tế mà họ phải trả. Đọc thêm những lời Đức Chúa Trời và chạy ngược xuôi nhiều hơn là một phần của cái giá đó. Đó là những gì mọi người nên làm, đó là bổn phận của họ, và trách nhiệm mà họ phải làm tròn, nhưng con người phải gạt sang một bên điều bên trong họ, điều cần phải được gạt bỏ. Nếu người không làm vậy, thì cho dù nỗi đau bên ngoài của người lớn đến đâu, cho dù người có chạy ngược xuôi nhiều bao nhiêu, tất cả sẽ là vô ích! Có nghĩa là, chỉ những thay đổi bên trong người mới có thể xác định liệu gian khó bên ngoài của người có giá trị hay không. Khi tâm tính bên trong của người đã thay đổi và người đã đưa lẽ thật vào thực hành, thì tất cả những đau khổ bên ngoài của người sẽ đạt được sự chấp thuận của Đức Chúa Trời; nếu không có sự thay đổi nào trong tâm tính bên trong của người, thì cho dù người có chịu đựng bao nhiêu đau khổ hay người chạy xuôi ngược bên ngoài bao nhiêu đi chăng nữa, vẫn sẽ không

có sự chấp thuận nào từ Đức Chúa Trời – và gian khó mà không được Đức Chúa Trời xác nhận là vô ích. Do đó, cái giá mà người đã trả có được Đức Chúa Trời chấp thuận hay không được quyết định bởi việc có hay không có sự thay đổi trong người, và bằng việc liệu người có hay không đưa lẽ thật vào thực hành và nổi loạn chống lại những ý định và quan niệm riêng của mình để đạt được sự thỏa mãn ý muốn của Đức Chúa Trời, sự hiểu biết về Đức Chúa Trời và lòng trung thành với Đức Chúa Trời. Cho dù người có chạy ngược xuôi bao nhiêu đi chăng nữa, nếu người chưa bao giờ biết nổi loạn chống lại các ý định của chính mình, mà chỉ tìm kiếm những hành động và sự nhiệt thành bên ngoài, và không bao giờ chú ý đến đời sống của người, thì gian khó của người sẽ là vô ích. Nếu trong một môi trường nhất định, người có điều gì muốn nói, nhưng bên trong người cảm thấy rằng nói điều đó không đúng, rằng nói điều đó không có lợi cho anh chị em của người và có thể làm tổn thương họ, thì người sẽ không nói ra, muốn bị đau đớn bên trong hơn, vì những lời này không thể đáp ứng ý muốn của Đức Chúa Trời. Lúc này, sẽ có một trận chiến bên trong người, nhưng người sẽ sẵn sàng chịu đựng nỗi đau và từ bỏ thứ mà người yêu quý. Người sẽ sẵn sàng chịu đựng gian khổ này để làm Đức Chúa Trời hài lòng, và mặc dù người sẽ chịu đau đớn bên trong, nhưng người sẽ không xuôi theo xác thịt, và Đức Chúa Trời sẽ được thỏa lòng, và vì thế người cũng sẽ được an ủi ở bên trong. Đây thực sự là trả giá, và là cái giá mà Đức Chúa Trời mong muốn. Nếu người thực hành theo cách này, Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ ban phước cho người; nếu người không thể đạt được điều này, thì dù người có hiểu được bao nhiêu, hoặc người có thể nói hay đến đâu, tất cả sẽ là vô nghĩa! Nếu trên con đường yêu mến Đức Chúa Trời, người có thể đứng về phía Đức Chúa Trời khi Ngài chiến đấu với Sa-tan, và người không quay lại với Sa-tan, thì người sẽ đạt được sự yêu mến Đức Chúa Trời, và người sẽ đứng vững trong chứng ngôn của mình.

Trong mỗi bước công tác mà Đức Chúa Trời thực hiện bên trong con người, bên ngoài dường như là những tương tác giữa con người với nhau, như thể được sinh ra từ sự sắp đặt của con người hoặc từ sự can thiệp của con người. Nhưng ẩn ở phía sau, mỗi bước công tác và mọi thứ xảy ra, là một cuộc đánh cược do Sa-tan đặt ra trước Đức Chúa Trời đòi hỏi mọi người kiên vững làm chứng cho Đức Chúa Trời. Lấy ví dụ khi Gióp bị thử luyện: Ở phía sau, Sa-tan đang đặt cược với Đức Chúa Trời, và điều đã xảy ra với Gióp là những việc làm của con người và sự can thiệp của con người. Đằng sau mỗi bước công tác mà Đức Chúa Trời thực hiện trong các người là cuộc đánh cược của Sa-tan với Đức Chúa Trời – đằng sau nó tất cả là một trận chiến. Ví dụ, nếu người có thành kiến với anh chị em của mình, người sẽ có những lời muốn nói – những lời mà người cảm thấy có thể làm phật lòng Đức

Chúa Trời – nhưng nếu người không nói ra, người sẽ cảm thấy sự khó chịu ở bên trong, và lúc này, một trận chiến sẽ bắt đầu trong người: “Mình có nói hay không?” Đây là trận chiến. Do đó, trong mọi thứ người gặp phải đều có một trận chiến, và khi có một trận chiến trong người, nhờ vào sự hợp tác thực sự và đau khổ thực sự của người mà Đức Chúa Trời làm việc trong người. Cuối cùng, người có thể gạt vấn đề sang một bên trong người và sự tức giận được dập tắt một cách tự nhiên. Đó là kết quả cho sự hợp tác của người với Đức Chúa Trời. Tất cả mọi chuyện con người làm đều yêu cầu họ phải trả một cái giá nhất định trong những nỗ lực của mình. Không có gian khó thực sự, họ không thể làm Đức Chúa Trời hài lòng; họ thậm chí không đến gần với việc làm Đức Chúa Trời hài lòng, và họ chỉ đang phun ra những khẩu hiệu trống rỗng! Những khẩu hiệu trống rỗng này có thể làm Đức Chúa Trời hài lòng sao? Khi Đức Chúa Trời và Sa-tan chiến đấu trong lĩnh vực thuộc linh, người nên làm thế nào để làm Đức Chúa Trời hài lòng, và người nên đứng vững trong chứng ngôn của mình với Ngài như thế nào? Người nên biết rằng mọi thứ xảy ra với người là một thử luyện lớn và là lúc Đức Chúa Trời cần người mang chứng ngôn. Mặc dù bên ngoài chúng có vẻ không quan trọng, nhưng khi những điều này xảy ra, chúng cho thấy người có yêu mến Đức Chúa Trời hay không. Nếu người yêu Ngài, người sẽ có thể đứng vững trong chứng ngôn của mình với Ngài, và nếu người không đưa sự yêu mến Ngài vào thực hành, điều này cho thấy người không phải là người đưa lẽ thật vào thực hành, rằng người không có lẽ thật, và không có sự sống, rằng người là rơm rác! Mọi việc xảy ra với mọi người xảy ra khi Đức Chúa Trời cần họ đứng vững trong chứng ngôn của họ với Ngài. Mặc dù hiện tại không có gì lớn đang xảy ra với người và người không mang chứng ngôn tuyệt vời, nhưng mọi chi tiết trong cuộc sống hàng ngày của người đều là vấn đề chứng ngôn với Đức Chúa Trời. Nếu người có thể giành được sự ngưỡng mộ của các anh chị em, các thành viên gia đình và mọi người xung quanh người; nếu, một ngày nào đó, những người ngoại đạo đến và ngưỡng mộ tất cả những gì người làm, và thấy rằng tất cả những gì Đức Chúa Trời làm là tuyệt diệu, thì người sẽ mang chứng ngôn. Mặc dù người không có sự thông sáng và năng lực của người kém, nhưng nhờ sự hoàn thiện của Đức Chúa Trời đối với người, người có thể làm Ngài hài lòng và lưu tâm đến ý muốn của Ngài, cho người khác thấy những kỳ công Ngài đã làm trong những người có năng lực kém cỏi nhất. Khi mọi người bắt đầu biết Đức Chúa Trời và trở thành những người đắc thắng trước Sa-tan, trung thành với Đức Chúa Trời vô cùng, thì không ai có nhiều nghị lực hơn nhóm người này, và đây là chứng ngôn tuyệt vời nhất. Mặc dù người không có khả năng làm việc lớn, nhưng người có thể làm Đức Chúa Trời hài lòng. Những người khác không thể gạt bỏ quan niệm của họ, nhưng người có thể;

những người khác không thể mang chứng ngôn cho Đức Chúa Trời trong những trải nghiệm thực tế của họ, nhưng người có thể dùng óc giác và hành động thực tế của mình để đền đáp tình yêu của Đức Chúa Trời và mang chứng ngôn vang dội cho Ngài. Chỉ điều này mới được tính là thực sự yêu mến Đức Chúa Trời. Nếu người không có khả năng làm điều này, thì người không mang chứng ngôn giữa các thành viên trong gia đình mình, giữa các anh chị em mình, hay trước mọi người trên thế giới. Nếu người không thể mang chứng ngôn trước Sa-tan, Sa-tan sẽ cười nhạo người, nó sẽ coi người như một trò đùa, như một thứ đồ chơi, nó sẽ thường biến người thành kẻ ngốc và khiến người phát điên. Trong tương lai, những thử luyện lớn có thể ập xuống người – nhưng hôm nay, nếu người yêu mến Đức Chúa Trời bằng tấm lòng chân thật, và nếu, bất kể những thử luyện phía trước to lớn như thế nào, bất kể điều gì xảy đến với người, người vẫn có thể đứng vững trong chứng ngôn của mình và có thể làm Đức Chúa Trời hài lòng, thì lòng người sẽ được an ủi, và người sẽ không sợ cho dù những thử luyện mà người gặp phải trong tương lai to lớn đến đâu. Các người không thể thấy được những gì sẽ xảy ra trong tương lai; các người chỉ có thể làm Đức Chúa Trời hài lòng trong những hoàn cảnh của ngày hôm nay. Các người không có khả năng làm bất cứ việc lớn nào và nên tập trung vào việc làm Đức Chúa Trời hài lòng bằng cách trải nghiệm những lời Ngài trong đời thực, và mang chứng ngôn mạnh mẽ, vang dội, điều mang lại sự hổ thẹn cho Sa-tan. Mặc dù xác thịt của người sẽ vẫn không được thỏa mãn và sẽ phải chịu thống khổ, nhưng người sẽ làm Đức Chúa Trời hài lòng và mang lại sự hổ thẹn cho Sa-tan. Nếu người luôn thực hành theo cách này, Đức Chúa Trời sẽ mở ra một đường đi trước người. Một ngày nào đó, khi một thử luyện lớn xảy ra, những người khác sẽ ngã xuống, nhưng người vẫn có thể đứng vững: Vì cái giá mà người đã trả, Đức Chúa Trời sẽ bảo vệ người để cho người có thể đứng vững và không ngã xuống. Thông thường, nếu người có thể đưa lẽ thật vào thực hành và làm Đức Chúa Trời hài lòng với một tấm lòng thực sự yêu mến Ngài, thì Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ bảo vệ người trong những thử luyện tương lai. Mặc dù người ngu ngốc, có óc giác nhỏ bé và tố chất kém, nhưng Đức Chúa Trời sẽ không phân biệt đối xử với người. Điều đó phụ thuộc vào việc liệu những ý định của người có đúng hay không. Hôm nay, người có thể làm Đức Chúa Trời hài lòng, trong đó người chú ý đến từng chi tiết nhỏ nhất, người làm Đức Chúa Trời hài lòng trong mọi việc, người có một tấm lòng thực sự yêu mến Đức Chúa Trời, người trao tấm lòng thật của mình cho Đức Chúa Trời, và mặc dù có một số điều mà người không thể hiểu được, người vẫn có thể đến trước Đức Chúa Trời để chấn chỉnh những ý định của mình và tìm kiếm ý muốn của Đức Chúa Trời, và người làm mọi thứ cần thiết để làm Đức Chúa Trời hài lòng. Có lẽ anh chị

em của người sẽ bỏ rơi người, nhưng lòng người sẽ làm Đức Chúa Trời hài lòng, và người sẽ không thèm muốn những hưởng thụ xác thịt. Nếu người luôn luôn thực hành theo cách này, người sẽ được bảo vệ khi những thử luyện lớn xảy đến với người.

Những thử luyện nhắm vào tình trạng bên trong nào của con người? Chúng nhắm vào tâm tính đầy loạn trong những người không có khả năng làm Đức Chúa Trời hài lòng. Có nhiều điều ô uế bên trong con người, và nhiều điều đạo đức giả, và vì thế Đức Chúa Trời khiến con người phải trải qua những thử luyện để làm họ tinh sạch. Nhưng nếu hôm nay, người có thể làm Đức Chúa Trời hài lòng, thì những thử luyện trong tương lai sẽ là một sự hoàn thiện cho người. Nếu hôm nay, người không thể làm Đức Chúa Trời hài lòng, thì những thử luyện trong tương lai sẽ cám dỗ người, và người sẽ vô tình gục ngã, và lúc đó người sẽ không thể tự giúp mình, vì người không thể theo kịp công tác của Đức Chúa Trời và không có vóc giặc thực sự. Và vì vậy, nếu người muốn có thể đứng vững trong tương lai, làm Ngài hài lòng hơn và theo Ngài đến tận cùng, thì hôm nay người phải xây dựng một nền tảng vững chắc. Người phải làm Đức Chúa Trời hài lòng bằng cách đưa lẽ thật vào thực hành trong mọi việc và lưu tâm đến ý muốn của Ngài. Nếu người luôn luôn thực hành theo cách này, sẽ có một nền tảng ở trong người và Đức Chúa Trời sẽ cảm thúc trong người một tấm lòng yêu mến Ngài, và Ngài sẽ ban cho người đức tin. Một ngày kia, khi một thử luyện thực sự ập xuống người, người có thể cũng phải chịu đau đớn nào đó, cảm thấy đau khổ đến một mức nào đó, và chịu đựng nỗi đau tan nát, như thể người đã chết – nhưng sự yêu mến dành cho Đức Chúa Trời của người sẽ không thay đổi, và sẽ còn trở nên sâu đậm hơn nữa. Đó là những ơn phước của Đức Chúa Trời. Nếu người có thể chấp nhận tất cả những gì Đức Chúa Trời phán và làm hôm nay với một tấm lòng vâng phục, thì người chắc chắn sẽ được Đức Chúa Trời ban phước, và vì thế người sẽ là người được Đức Chúa Trời ban phước và nhận lãnh lời hứa của Ngài. Nếu hôm nay người không thực hành, thì khi những thử luyện ập xuống người một ngày nào đó, người sẽ không có đức tin hay một tấm lòng yêu thương, và lúc đó thử luyện sẽ trở thành cám dỗ; người sẽ bị chìm vào giữa sự cám dỗ của Sa-tan và sẽ không có cách nào để trốn thoát. Hôm nay, người có thể đứng vững khi một thử luyện nhỏ ập xuống người, nhưng người không hẳn là có thể đứng vững khi một thử luyện lớn ập xuống người một ngày nào đó. Một số người tự phụ và nghĩ rằng họ đã gần hoàn hảo rồi. Nếu người không đi sâu hơn nữa vào những lúc như vậy và vẫn tự mãn, thì người sẽ gặp nguy hiểm. Hôm nay, Đức Chúa Trời không thực hiện công tác của những thử luyện lớn hơn và mọi thứ có vẻ ổn, nhưng khi Đức Chúa Trời thử luyện người, người sẽ phát hiện ra rằng người quá thiếu

sót, vì vóc giạc của người quá nhỏ bé và người không có khả năng chịu đựng những thử luyện lớn. Nếu người vẫn như hiện tại và trong tình trạng trì trệ, thì khi những thử luyện đến, người sẽ gục ngã. Các người nên thường xuyên nhìn xem vóc giạc của mình nhỏ bé như thế nào; chỉ bằng cách này thì các người mới đạt được tiến bộ. Nếu chỉ trong những thử luyện người mới thấy rằng vóc giạc của mình quá nhỏ bé, ý chí của mình quá yếu ớt, trong người có quá ít hiện thực, và người không xứng với ý muốn của Đức Chúa Trời – nếu người chỉ có thể nhận ra những điều này lúc đó, thì sẽ là quá muộn.

Nếu người không biết tâm tính của Đức Chúa Trời, thì chắc chắn người sẽ thất bại trong các thử luyện, bởi vì người không biết Đức Chúa Trời làm cho mọi người hoàn thiện như thế nào, bằng phương thức nào, và khi những thử luyện của Đức Chúa Trời xảy đến với người và chúng không phù hợp với những quan niệm của người, người sẽ không thể đứng vững. Tình yêu đích thực của Đức Chúa Trời là toàn bộ tâm tính của Ngài, và khi toàn bộ tâm tính của Đức Chúa Trời được tỏ rõ cho con người, điều này mang lại điều gì cho xác thịt của người? Khi tâm tính công chính của Đức Chúa Trời được tỏ rõ cho con người, xác thịt của họ chắc chắn sẽ phải chịu nhiều đau đớn. Nếu người không chịu nổi đau này, thì người không thể được Đức Chúa Trời làm cho hoàn thiện, hay người cũng không thể dành trọn tình yêu đích thực cho Đức Chúa Trời. Nếu Đức Chúa Trời làm cho người hoàn thiện, chắc chắn Ngài sẽ thể hiện toàn bộ tâm tính của Ngài đối với người. Từ thuở sáng thế cho đến nay, Đức Chúa Trời chưa bao giờ thể hiện toàn bộ tâm tính của mình đối với con người nhưng trong những ngày sau rốt, Ngài tiết lộ điều đó với nhóm người mà Ngài đã tiền định và lựa chọn, và bằng cách làm cho mọi người hoàn thiện, Ngài đã tỏ trần những tâm tính của mình, thông qua đó, Ngài làm cho một nhóm người trọn vẹn. Đó là tình yêu đích thực của Đức Chúa Trời dành cho con người. Trải nghiệm tình yêu đích thực của Đức Chúa Trời đòi hỏi con người phải chịu đựng nỗi đau cùng cực và phải trả giá đắt. Chỉ sau điều này thì họ mới được Đức Chúa Trời thu phục và có thể trao lại tình yêu đích thực của mình cho Đức Chúa Trời, và chỉ khi đó, Đức Chúa Trời mới được thỏa lòng. Nếu con người muốn được Đức Chúa Trời làm cho hoàn thiện, và nếu họ muốn thực hiện ý muốn của Ngài, và hoàn toàn trao tình yêu đích thực của mình cho Đức Chúa Trời, thì họ phải trải qua nhiều đau khổ và nhiều dằn vặt từ những hoàn cảnh của họ, để chịu đựng nỗi đau đớn còn hơn cả cái chết. Cuối cùng, họ sẽ buộc phải trao lại tấm lòng thật của mình cho Đức Chúa Trời. Một người có thực sự yêu Đức Chúa Trời hay không được tỏ lộ trong sự gian khó và tinh luyện. Đức Chúa Trời làm tinh sạch tình yêu của con người, và điều này cũng chỉ đạt được giữa sự gian khó và tinh luyện.

Bài nói ngắn về “Vương quốc Một Nghìn năm đã đến”

Các người nghĩ gì về khái tượng của Vương quốc Một Nghìn năm? Một số người nghĩ về điều đó rất nhiều, và họ nói rằng: “Vương quốc Một Nghìn năm sẽ kéo dài một nghìn năm trên đất, vậy nếu các thành viên lớn tuổi của hội thánh không kết hôn, họ có cần phải kết hôn không? Gia đình tôi không có tiền, tôi có nên bắt đầu kiếm tiền không? ...” Vương quốc Một Nghìn năm là gì? Các người có biết không? Mọi người đều mù mờ và phải chịu một thử thách to lớn. Trên thực tế, Vương quốc Một Nghìn năm vẫn chưa đến một cách chính thức. Trong giai đoạn làm cho con người hoàn thiện, Vương quốc Một Nghìn năm chỉ là một thứ còn non trẻ; vào thời điểm của Vương quốc Một Nghìn năm mà Đức Chúa Trời nói đến, con người lúc đấy đã được làm cho hoàn thiện. Trước đây, người ta nói rằng mọi người sẽ giống như các thánh đồ và đứng vững vàng trong vùng đất của Si-ni. Chỉ khi con người được trở nên hoàn thiện – khi họ trở nên các thánh đồ được Đức Chúa Trời nói đến – thì lúc ấy Vương quốc Một Nghìn năm đã đến. Khi Đức Chúa Trời làm cho con người hoàn thiện, Ngài làm cho họ thanh sạch, và họ càng tinh sạch bao nhiêu thì họ càng được Đức Chúa Trời làm cho hoàn thiện bấy nhiêu. Khi sự ô uế, dấy loạn, chống đối và những thứ của xác thịt bên trong người bị trục xuất, khi người đã được làm cho tinh sạch, thì người sẽ được Đức Chúa Trời yêu mến (nói cách khác, người sẽ là một thánh đồ); khi người được Đức Chúa Trời làm cho hoàn thiện và trở nên một thánh đồ, người sẽ ở trong Vương quốc Một Nghìn năm. Bây giờ là Thời đại Vương quốc. Trong Thời đại Vương quốc Một Nghìn năm, mọi người sẽ dựa vào lời Đức Chúa Trời để sống, tất cả các quốc gia sẽ thuộc về danh Đức Chúa Trời, và tất cả sẽ đến để đọc lời Đức Chúa Trời. Lúc đó, một số người sẽ gọi bằng điện thoại, một số người sẽ fax... họ sẽ sử dụng mọi phương tiện để tiếp cận lời Đức Chúa Trời, và các người cũng sẽ chịu sự kiểm soát của những lời của Đức Chúa Trời. Tất cả điều này là những gì sẽ xảy ra sau khi mọi người được trở nên hoàn thiện. Ngày nay, mọi người được làm cho hoàn thiện, được tinh luyện, được khai sáng và được hướng dẫn thông qua lời; đây là Thời đại Vương quốc, nó là giai đoạn con người được làm cho hoàn thiện và nó không có liên quan đến Thời đại Vương quốc Một Nghìn năm. Trong Thời đại Vương quốc Một Nghìn năm, mọi người đã được làm cho hoàn thiện và những tâm tính bại hoại bên trong họ đã được làm cho tinh sạch. Vào thời điểm đó, những lời Đức Chúa Trời phán sẽ hướng dẫn mọi người từng bước một, và mặc khải tất cả những lẽ màu nhiệm về công tác của Đức Chúa Trời từ lúc sáng thế cho đến ngày nay, và những lời của Ngài sẽ cho mọi người biết về những hành động của

Đức Chúa Trời trong mọi thời đại và mỗi ngày, cách Ngài hướng dẫn mọi người bên trong, công tác Ngài làm trong cõi thuộc linh, và sẽ cho họ biết về những động lực của cõi thuộc linh. Chỉ khi đó nó mới thực sự trở thành Thời đại của Lời; giờ đây nó chỉ đơn thuần ở trong một trạng thái non trẻ mà thôi. Nếu mọi người không được làm cho hoàn thiện và được làm cho tinh sạch thì họ sẽ không có cách nào sống được một nghìn năm trên đất, và xác thịt của họ chắc chắn sẽ hư nát; nếu mọi người được làm cho tinh sạch bên trong, và họ không còn thuộc về Sa-tan và xác thịt nữa, thì họ sẽ vẫn còn sống trên đất. Trong giai đoạn này, người vẫn còn mù mờ, và mọi thứ các người trải nghiệm là việc yêu mến Đức Chúa Trời và làm chứng cho Ngài mỗi ngày các người sống trên đất.

“Vương quốc Một Nghìn năm đã đến” là một lời tiên tri, nó tương tự như lời tiên báo của một nhà tiên tri, trong đó Đức Chúa Trời tiên tri về những gì sẽ xảy ra trong tương lai. Những lời Đức Chúa Trời phán trong tương lai và những lời Ngài phán hôm nay không giống nhau: Những lời của tương lai sẽ dẫn dắt thời đại, trong khi những lời Ngài phán hôm nay làm cho mọi người hoàn thiện, tinh luyện họ và xử lý họ. Thời đại của Lời trong tương lai khác với Thời đại của Lời ngày nay. Ngày nay, tất cả những lời được phán bởi Đức Chúa Trời – bất kể Ngài phán bằng phương tiện nào – đều nhằm để làm cho con người hoàn thiện, để làm tinh sạch những thứ ô uế bên trong họ, khiến họ thánh khiết và khiến họ công chính trước Đức Chúa Trời. Những lời được phán ngày nay, và những lời được phán trong tương lai, là hai điều riêng biệt. Những lời được phán trong Thời đại Vương quốc là để khiến mọi người bước vào mọi sự rèn tập, để đưa mọi người đi đúng hướng trong mọi sự, để tống khứ mọi thứ ô uế trong họ. Đó là những gì Đức Chúa Trời làm trong thời đại này. Ngài tạo ra một nền tảng của lời Ngài trong mỗi người, Ngài biến lời của Ngài thành sự sống của mỗi người, và Ngài dùng lời của Ngài để liên tục khai sáng và hướng dẫn họ bên trong. Và khi họ không quan tâm đến ý muốn của Đức Chúa Trời thì lời Đức Chúa Trời sẽ ở trong họ để quở trách và sửa dạy họ. Những lời của hôm nay phải trở thành sự sống của con người; chúng trực tiếp cung cấp mọi thứ mà con người cần, mọi thứ mà người còn thiếu bên trong đều được cung cấp bởi lời của Đức Chúa Trời, và tất cả những ai chấp nhận lời Đức Chúa Trời đều được khai sáng bằng cách ăn uống lời của Ngài. Những lời được Đức Chúa Trời phán trong tương lai hướng dẫn mọi người của toàn vũ trụ; ngày nay, những lời này chỉ được phán tại Trung Quốc, và chúng không đại diện cho những lời được phán trên khắp toàn vũ trụ. Đức Chúa Trời sẽ chỉ phán với toàn vũ trụ khi Vương quốc Một Nghìn năm đến. Hãy biết rằng tất cả những lời Đức Chúa Trời phán hôm nay đều là để làm cho mọi người hoàn thiện; những lời Đức Chúa Trời phán trong giai đoạn này là nhằm cung

cấp cho nhu cầu của mọi người, chứ không phải nhằm cho phép người biết những lẽ mầu nhiệm hoặc nhìn thấy những phép lạ của Đức Chúa Trời. Việc Ngài phán thông qua nhiều phương tiện là nhằm cung cấp cho nhu cầu của mọi người. Thời đại Vương quốc Một Nghìn năm vẫn chưa đến – Thời đại Vương quốc Một Nghìn năm được nói đến là ngày vinh quang của Đức Chúa Trời. Sau khi công tác của Jêsus tại Giu-đê đã hoàn tất, Đức Chúa Trời đã chuyển công tác của Ngài đến Trung Quốc đại lục và tạo ra một kế hoạch khác. Ngài thực hiện một phần công tác khác của Ngài trong các người, Ngài thực hiện công tác làm cho mọi người hoàn thiện bằng lời, và Ngài dùng lời để khiến mọi người phải chịu nhiều đau khổ cũng như nhận được nhiều ân điển của Đức Chúa Trời. Giai đoạn công tác này sẽ tạo ra một nhóm người đắc thắng, và sau khi Ngài đã tạo ra nhóm người đắc thắng này, họ sẽ có thể chứng thực cho những việc làm của Ngài, họ sẽ có thể sống trọn vẹn với hiện thực, và họ sẽ thực sự làm hài lòng Ngài và trung thành với Ngài cho đến chết, và theo cách này Đức Chúa Trời sẽ đạt được vinh hiển. Khi Đức Chúa Trời đạt được vinh hiển – nghĩa là khi Ngài làm cho nhóm người này hoàn thiện – đó sẽ là Thời đại Vương quốc Một Nghìn năm.

Jêsus đã ở trần gian ba mươi ba năm rưỡi, Ngài đã đến để thực hiện công tác chịu đóng đinh trên thập tự giá, và thông qua việc chịu đóng đinh trên thập tự giá, Đức Chúa Trời đã đạt được một phần vinh quang của Ngài. Khi Đức Chúa Trời đến trong xác thịt, Ngài đã có thể khiêm nhường và ẩn giấu, và đã có thể chịu đựng đau khổ cùng cực. Mặc dù Ngài chính là Đức Chúa Trời, nhưng Ngài vẫn chịu đựng mọi sự sỉ nhục và mọi lời mắng nhiếc, và Ngài đã chịu đựng nỗi đau to lớn qua việc bị đóng đinh trên thập tự giá để hoàn tất công tác cứu chuộc. Sau khi giai đoạn công tác này đã khép lại, mặc dù mọi người thấy rằng Đức Chúa Trời đã đạt được vinh quang to lớn, nhưng đây không phải là toàn bộ vinh quang của Ngài; nó chỉ là một phần trong vinh quang của Ngài, là điều mà Ngài đã đạt được từ Jêsus. Mặc dù Jêsus đã có thể chịu đựng mọi khó khăn, đã khiêm nhường và ẩn giấu, chịu đóng đinh trên thập tự giá vì Đức Chúa Trời, nhưng Đức Chúa Trời chỉ đạt được một phần vinh quang của Ngài, và vinh quang của Ngài đã đạt được tại Y-sơ-ra-ên. Đức Chúa Trời vẫn còn có một phần vinh quang khác: đến trần gian để hành động một cách thực tế và làm cho một nhóm người hoàn thiện. Trong giai đoạn công tác của Jêsus, Ngài đã làm một số việc siêu nhiên, nhưng giai đoạn công tác đó hoàn toàn không phải chỉ để thực hiện các dấu kỳ phép lạ. Nó chủ yếu là để cho thấy rằng Jêsus có thể chịu khổ và chịu đóng đinh trên thập tự giá vì Đức Chúa Trời, rằng Jêsus có thể chịu nỗi đau cùng cực vì Ngài yêu mến Đức Chúa Trời và mặc dù Đức Chúa Trời đã bỏ rơi Ngài, nhưng Ngài vẫn sẵn sàng hy sinh mạng sống của mình vì ý muốn của

Đức Chúa Trời. Sau khi Đức Chúa Trời đã hoàn tất công tác của Ngài tại Y-sơ-ra-ên và Jê-sus đã chịu đóng đinh trên thập tự giá, Đức Chúa Trời đã đạt được vinh hiển, và Ngài đã làm chứng trước Sa-tan. Các người không biết và cũng chưa thấy Đức Chúa Trời trở nên xác thịt tại Trung Quốc như thế nào, vậy làm thế nào các người có thể thấy rằng Đức Chúa Trời đã đạt được vinh hiển? Khi Đức Chúa Trời thực hiện nhiều công tác chinh phục trong các người và các người đứng vững vàng, thì giai đoạn công tác này của Đức Chúa Trời đã thành công, và đây là một phần vinh quang của Đức Chúa Trời. Các người chỉ nhìn thấy điều này, và các người vẫn chưa được Đức Chúa Trời làm cho hoàn thiện, vẫn chưa trao trọn lòng mình cho Đức Chúa Trời. Các người vẫn chưa hoàn toàn nhìn thấy được vinh quang này; các người chỉ thấy rằng Đức Chúa Trời đã chinh phục lòng của các người, rằng các người không bao giờ có thể rời bỏ Ngài, và sẽ theo Đức Chúa Trời cho đến tận cùng và lòng các người sẽ không thay đổi, và rằng đây là vinh quang của Đức Chúa Trời. Các người thấy vinh quang của Đức Chúa Trời qua điều gì? Qua những ảnh hưởng của công tác Ngài trong con người. Mọi người thấy rằng Đức Chúa Trời rất đáng mến, họ có Đức Chúa Trời trong lòng và không muốn rời xa Ngài, và đây là vinh quang của Đức Chúa Trời. Khi sức mạnh của các anh chị em trong hội thánh nổi lên, và họ có thể yêu mến Đức Chúa Trời từ trong lòng mình, nhìn thấy sức mạnh tối thượng của công tác được thực hiện bởi Đức Chúa Trời, sức mạnh vô song của lời Ngài, khi họ thấy rằng những lời của Ngài mang thẩm quyền và rằng Ngài có thể bắt tay vào công tác của Ngài tại thị trấn ma quỷ của Trung Quốc đại lục, khi mọi người mặc dù yếu đuối, nhưng lòng họ cúi lạy trước Đức Chúa Trời và họ sẵn sàng chấp nhận lời của Đức Chúa Trời, và khi họ mặc dù yếu đuối và không xứng đáng, nhưng họ có thể thấy rằng lời Đức Chúa Trời thật đáng yêu, và thật xứng đáng với sự yêu mến của họ, thì đây là vinh quang của Đức Chúa Trời. Khi đến ngày mà mọi người được Đức Chúa Trời làm cho hoàn thiện, có thể đầu hàng trước Ngài, có thể hoàn toàn vâng lời Đức Chúa Trời, và giao phó tiền đồ và số phận của họ trong tay Đức Chúa Trời, thì phần thứ hai của vinh quang Đức Chúa Trời sẽ hoàn toàn đạt được. Điều đó có nghĩa là, khi công tác của Đức Chúa Trời thực tế đã được hoàn tất một cách trọn vẹn thì công tác của Ngài tại Trung Quốc đại lục sẽ kết thúc. Nói cách khác, khi những người được Đức Chúa Trời định trước và chọn lựa đã được làm cho hoàn thiện thì Đức Chúa Trời cũng đã đạt được vinh hiển. Đức Chúa Trời đã phán rằng Ngài đã mang phần thứ hai của vinh quang Ngài đến phương Đông, tuy nhiên điều này là vô hình đối với mắt thường. Đức Chúa Trời đã mang công tác của Ngài đến phương Đông: Ngài đã đến phương Đông, và đây là vinh quang của Đức Chúa Trời. Ngày nay, mặc dù công tác của Ngài vẫn chưa được hoàn tất, nhưng bởi vì Đức Chúa Trời đã quyết định

hành động nên nó chắc chắn sẽ được thành toàn. Đức Chúa Trời đã quyết định Ngài sẽ hoàn tất công tác này tại Trung Quốc, và Ngài đã quyết tâm làm cho các người trọn vẹn. Như thế, Ngài không cho người lối thoát – Ngài đã chinh phục lòng của người, và người phải tiếp tục cho dù người có muốn hay không, và khi người được Đức Chúa Trời thu phục thì Đức Chúa Trời đạt được vinh hiển. Ngày nay, Đức Chúa Trời vẫn chưa đạt được sự vinh hiển toàn vẹn, bởi vì các người vẫn chưa được làm cho hoàn thiện. Mặc dù lòng của các người đã trở lại với Đức Chúa Trời, nhưng vẫn còn nhiều sự yếu đuối trong xác thịt của các người, các người không có khả năng làm hài lòng Đức Chúa Trời, các người không thể quan tâm đến ý muốn của Đức Chúa Trời, và các người vẫn sở hữu những điều tiêu cực mà các người phải tự giải thoát khỏi chúng cũng như các người phải trải qua nhiều thử luyện và sự tinh luyện. Chỉ bằng cách đó thì những tâm tính sống của các người mới thay đổi và các người mới có thể được Đức Chúa Trời thu phục.

Chỉ những ai biết Đức Chúa Trời mới có thể làm chứng cho Đức Chúa Trời

Tin vào Đức Chúa Trời và biết Đức Chúa Trời là do Trời định và đất công nhận, và ngày nay – trong một thời đại mà Đức Chúa Trời nhập thể đang đích thân thực hiện công tác của Ngài – là một thời điểm đặc biệt tốt để biết Đức Chúa Trời. Việc làm hài lòng Đức Chúa Trời là điều đạt được bằng cách dựa trên nền tảng hiểu ý muốn của Đức Chúa Trời, và để hiểu được ý muốn của Đức Chúa Trời, cần phải có một số kiến thức về Đức Chúa Trời. Kiến thức về Đức Chúa Trời này là khái tượng mà một người tin Đức Chúa Trời phải có; nó là nền tảng cho niềm tin vào Đức Chúa Trời của con người. Thiếu kiến thức này, niềm tin vào Đức Chúa Trời của con người sẽ tồn tại trong một trạng thái mơ hồ, giữa lý thuyết sáo rỗng. Ngay cả khi những người như thế này có quyết tâm theo Đức Chúa Trời, họ cũng sẽ chẳng đạt được điều gì. Tất cả những ai không đạt được điều gì trong dòng chảy này là những kẻ sẽ bị loại bỏ – họ đều là những kẻ ăn bám. Bất kỳ bước nào trong công tác của Đức Chúa Trời mà người trải nghiệm, người cũng nên có một khái tượng vĩ đại đi kèm. Nếu không, sẽ thật khó để người chấp nhận mỗi bước công tác mới, vì công tác mới của Đức Chúa Trời nằm ngoài khả năng tưởng tượng của con người, và nằm ngoài giới hạn khái niệm của họ. Vì vậy, nếu thiếu người chặn để chăm sóc con người, nếu thiếu người chặn để tham gia thông công về các khái tượng, thì con người không có khả năng chấp nhận công tác mới này. Nếu con người không thể nhận được các khái tượng, thì họ không thể nhận được công tác mới của Đức Chúa Trời, và nếu

con người không thể vâng phục công tác mới của Đức Chúa Trời, thì con người sẽ không thể hiểu được ý muốn của Đức Chúa Trời, và vì vậy, kiến thức của họ về Đức Chúa Trời sẽ chẳng có gì. Trước khi con người thực hiện lời Đức Chúa Trời, họ phải biết lời Đức Chúa Trời; nghĩa là họ phải hiểu ý muốn của Đức Chúa Trời. Chỉ bằng cách này thì lời Đức Chúa Trời mới có thể được thực hiện một cách chính xác và phù hợp với ý muốn của Đức Chúa Trời. Đây là điều mà tất cả những ai tìm kiếm lẽ thật đều phải sở hữu, và đây cũng là quá trình mà tất cả những ai cố gắng để biết Đức Chúa Trời đều phải trải qua. Quá trình biết đến lời Đức Chúa Trời là quá trình biết đến Đức Chúa Trời và công tác của Đức Chúa Trời. Vì vậy, việc biết các khái tượng không chỉ đề cập đến việc biết nhân tính của Đức Chúa Trời nhập thể, mà còn bao gồm cả việc biết lời và công tác của Đức Chúa Trời. Từ lời của Đức Chúa Trời, mọi người bắt đầu hiểu được ý muốn của Đức Chúa Trời, và từ công tác của Đức Chúa Trời, họ bắt đầu biết được tâm tính của Đức Chúa Trời và biết được Đức Chúa Trời là gì. Niềm tin vào Đức Chúa Trời là bước đầu tiên để biết Đức Chúa Trời. Quá trình chuyển từ niềm tin ban đầu này vào Đức Chúa Trời lên niềm tin sâu sắc nhất vào Ngài là quá trình biết đến Đức Chúa Trời, quá trình trải nghiệm công tác của Đức Chúa Trời. Nếu người tin vào Đức Chúa Trời chỉ để tin vào Đức Chúa Trời, chứ không phải để biết Ngài, thì chẳng có chút thực tế nào trong đức tin của người, và đức tin của người không thể trở nên thuần khiết – điều này là chắc chắn. Nếu trong quá trình trải nghiệm công tác của Đức Chúa Trời, con người dần dần biết đến Đức Chúa Trời, thì tâm tính của họ sẽ dần thay đổi, và niềm tin của họ sẽ trở nên ngày càng chân thật. Theo cách này, khi con người đạt được thành công trong niềm tin của mình vào Đức Chúa Trời, thì lúc đó họ đã hoàn toàn có được Đức Chúa Trời. Lý do khiến Đức Chúa Trời đã nỗ lực nhiều đến vậy để trở nên xác thật lần thứ hai nhằm đích thân thực hiện công tác của Ngài là để cho con người có thể biết về Ngài và nhìn thấy Ngài. Biết Đức Chúa Trời^[a] là kết quả cuối cùng phải đạt được khi công tác của Đức Chúa Trời kết thúc; đó là yêu cầu cuối cùng mà Đức Chúa Trời đưa ra cho nhân loại. Lý do Ngài làm điều này là vì lời chứng cuối cùng của Ngài; Ngài thực hiện công tác này để cho con người cuối cùng có thể hoàn toàn hướng về Ngài. Con người chỉ có thể trở nên yêu Đức Chúa Trời bằng cách biết Đức Chúa Trời, và để yêu Đức Chúa Trời thì họ phải biết Đức Chúa Trời. Bất kể họ tìm kiếm như thế nào, hoặc bất kể họ cố gắng để đạt được những gì, họ đều phải có thể đạt được kiến thức về Đức Chúa Trời. Chỉ bằng cách này thì con người mới có thể làm thỏa lòng Đức Chúa Trời. Chỉ bằng cách biết Đức Chúa Trời thì con người mới có thể có đức

a. Nguyên bản ghi là “Công tác biết Đức Chúa Trời”.

tin thật vào Đức Chúa Trời, và chỉ bằng cách biết Đức Chúa Trời thì họ mới có thể thực sự tôn kính và vâng phục Đức Chúa Trời. Những người không biết Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ đạt đến sự vâng phục và tôn kính Đức Chúa Trời thực sự. Việc biết Đức Chúa Trời bao gồm việc biết tâm tính của Ngài, hiểu ý muốn của Ngài, và biết Ngài là gì. Tuy nhiên, cho dù người ta biết đến khía cạnh nào, thì mỗi khía cạnh đều yêu cầu con người phải trả giá và đòi hỏi ý chí để vâng phục, nếu thiếu những điều này thì sẽ không ai có thể tiếp tục theo đến cuối cùng được. Công tác của Đức Chúa Trời quá mâu thuẫn với các quan niệm của con người. Tâm tính của Đức Chúa Trời và Đức Chúa Trời là gì quá khó để con người biết được, và tất cả những gì Đức Chúa Trời phán và làm đều quá khó hiểu đối với con người: Nếu con người muốn đi theo Đức Chúa Trời nhưng lại không sẵn sàng vâng phục Ngài, thì con người sẽ chẳng đạt được điều gì. Từ khi sáng thế cho đến ngày nay, Đức Chúa Trời đã thực hiện nhiều công tác khó hiểu đối với con người và con người đã thấy khó mà chấp nhận, và Đức Chúa Trời đã phán nhiều điều khiến cho các quan niệm của con người khó mà hàn gắn được. Nhưng Ngài chưa bao giờ ngừng công tác của Ngài vì con người có quá nhiều khó khăn; thay vào đó, Ngài đã tiếp tục làm việc và phán dạy, và mặc dù rất nhiều “chiến binh” đã ngã xuống bên đường, Ngài vẫn đang làm công tác của mình, và tiếp tục không ngừng để lựa chọn hết nhóm người này đến nhóm người khác, những người sẵn sàng quy phục công tác mới của Ngài. Ngài không thương hại “những anh hùng” đã ngã xuống ấy, và thay vào đó lại quý trọng những người chấp nhận công tác và những lời mới của Ngài. Nhưng Ngài làm việc theo cách này, từng bước một, nhằm mục đích gì? Tại sao Ngài luôn loại bỏ một số người và lựa chọn những người khác? Tại sao Ngài luôn sử dụng phương pháp như vậy? Mục đích công tác của Ngài là để cho con người biết về Ngài, và do đó được Ngài thu phục. Nguyên tắc trong công tác của Ngài là làm việc trên những người có thể quy phục công tác Ngài làm ngày nay, và không làm việc trên những người quy phục công tác Ngài đã làm trong quá khứ trong khi lại chống đối công tác Ngài làm ngày nay. Đây chính là lý do tại sao Ngài đã loại bỏ rất nhiều người.

Những kết quả của bài học về việc biết đến Đức Chúa Trời không thể đạt được trong ngày một ngày hai: Con người phải tích lũy kinh nghiệm, trải qua khổ đau, và đạt được sự quy phục thực sự. Trước hết, hãy bắt đầu từ công tác và những lời của Đức Chúa Trời. Người bắt buộc phải hiểu những gì được bao gồm trong kiến thức về Đức Chúa Trời, làm thế nào để đạt được kiến thức này, và làm thế nào để thấy được Đức Chúa Trời trong những trải nghiệm của người. Đây là điều mà mọi người phải làm khi họ chưa biết Đức Chúa Trời. Không ai có thể một phát nắm bắt được công tác và những lời của Đức Chúa Trời, và không ai có thể đạt được kiến thức về

toàn bộ Đức Chúa Trời trong một thời gian ngắn. Có một quá trình trải nghiệm cần thiết, mà nếu thiếu nó thì sẽ không ai có thể biết Đức Chúa Trời hoặc đi theo Ngài một cách chân thành được. Đức Chúa Trời càng làm nhiều việc, thì con người càng biết nhiều về Ngài. Công tác của Đức Chúa Trời càng mâu thuẫn với các quan niệm của con người, thì kiến thức của con người về Ngài càng được đổi mới và đào sâu. Nếu công tác của Đức Chúa Trời cứ mãi cố định và không thay đổi, thì con người sẽ không có nhiều kiến thức về Ngài. Giữa thời điểm sáng thế và hiện tại, những gì Đức Chúa Trời đã làm trong Thời đại Luật pháp, những gì Ngài đã làm trong Thời đại Ân điển, và những gì Ngài làm trong Thời đại Vương quốc – các người phải thật rõ ràng về những khái tượng này. Các người phải biết công tác của Đức Chúa Trời. Chỉ sau khi đi theo Jê-sus, Phi-e-rơ mới dần dần biết về phần lớn công tác mà Thần đã làm trong Jê-sus. Ông đã nói rằng: “Dựa vào những kinh nghiệm của con người thì không đủ để đạt được kiến thức trọn vẹn; phải có nhiều điều mới từ công tác của Đức Chúa Trời để giúp chúng ta biết về Ngài”. Ban đầu, Phi-e-rơ đã tin rằng Jê-sus là một người được Đức Chúa Trời sai đến, giống như một sứ đồ, và ông đã không xem Jê-sus là Đấng Christ. Lúc này, khi ông bắt đầu đi theo Jê-sus, Jê-sus đã hỏi ông rằng: “Hỡi Si-môn, con Giô-na, người sẽ theo Ta chứ?” Phi-e-rơ thưa rằng: “Tôi phải đi theo người được Cha trên trời sai đến. Tôi phải công nhận người được Đức Thánh Linh lựa chọn. Tôi sẽ đi theo Ngài”. Từ những lời của ông, có thể thấy rằng Phi-e-rơ đã hoàn toàn không có kiến thức về Jê-sus; ông đã trải nghiệm những lời của Đức Chúa Trời, đã tự đối phó với bản thân, và đã chịu đựng gian khổ vì Đức Chúa Trời, nhưng ông đã không có kiến thức về công tác của Đức Chúa Trời. Sau một thời gian trải nghiệm, Phi-e-rơ đã thấy nơi Jê-sus nhiều việc làm của Đức Chúa Trời, ông đã thấy sự đáng mến của Đức Chúa Trời, và ông đã thấy nhiều điều thuộc hữu thể của Đức Chúa Trời nơi Jê-sus. Ông cũng đã thấy rằng những lời Jê-sus đã phán không thể được nói ra bởi con người, và những công việc mà Jê-sus đã làm không thể được thực hiện bởi con người. Hơn nữa, trong những lời phán và hành động của Jê-sus, Phi-e-rơ đã thấy nhiều sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời và nhiều công việc mang bản chất thần linh. Trong những trải nghiệm của mình, ông đã không chỉ đơn thuần bắt đầu biết được chính mình, mà còn chú ý kỹ càng đến mọi hành động của Jê-sus, từ đó, ông đã phát hiện ra nhiều điều mới, cụ thể là, có nhiều biểu hiện của Đức Chúa Trời thực tế trong công tác mà Đức Chúa Trời đã làm qua Jê-sus, và Jê-sus khác với một người bình thường ở những lời Ngài phán và những hành động Ngài làm, cũng như cách Ngài chấn dất các hội thánh và những công tác Ngài thực hiện. Vì thế, Phi-e-rơ đã học được từ Jê-sus nhiều bài học mà ông cần phải học, và vào lúc Jê-sus sắp bị đóng đinh trên thập tự giá, ông đã đạt được một lượng kiến thức nhất định về

Jêsus – kiến thức đã trở thành nền tảng cho lòng trung thành trọn đời của ông với Jêsus và cho sự đóng đinh ngược mà ông đã chịu đựng vì Chúa. Mặc dù ban đầu ông đã sở hữu một số quan niệm và không có kiến thức rõ ràng về Jêsus, những điều như vậy không tránh khỏi là một phần của con người bại hoại. Khi Jêsus sắp ra đi, Ngài đã bảo Phi-e-rơ rằng việc chịu đóng đinh trên thập tự giá của Ngài là công tác mà Ngài đã đến để thực hiện: Điều cần thiết là Ngài phải bị thời đại từ bỏ, và thời đại xưa cũ và bất khiết này phải đóng đinh Ngài trên thập tự giá; Ngài đã đến để hoàn thành công tác cứu chuộc, và khi đã hoàn thành xong công tác này, chức vụ của Ngài sẽ chấm dứt. Nghe điều này, Phi-e-rơ trĩu nặng đau buồn, và trở nên còn gần bó hơn với Jêsus. Khi Jêsus bị đóng đinh trên thập tự giá, Phi-e-rơ đã lặng lẽ khóc lóc đắng cay. Trước đó, ông đã hỏi Jêsus: “Lạy Chúa! Ngài phán rằng Ngài sẽ bị đóng đinh. Sau khi Ngài đi rồi, khi nào chúng tôi mới gặp lại Ngài?” Có phải chẳng có yếu tố pha tạp nào trong những lời ông nói không? Có phải chẳng có những quan niệm nào trộn lẫn vào chúng không? Trong lòng, ông biết rằng Jêsus đã đến để hoàn thành một phần công tác của Đức Chúa Trời, và rằng sau khi Jêsus rời xa, Thần sẽ ở cùng ông; mặc dù Ngài sẽ bị đóng đinh trên thập tự giá và thăng thiên, tuy nhiên Thần của Đức Chúa Trời sẽ ở cùng ông. Thời điểm đó, Phi-e-rơ đã có một số kiến thức về Jêsus: Ông biết rằng Jêsus đã được Thần của Đức Chúa Trời sai đến, rằng Thần của Đức Chúa Trời ở trong Ngài, và rằng Jêsus là chính Đức Chúa Trời, rằng Ngài là Đấng Christ. Tuy nhiên, chính vì tình yêu của ông dành cho Jêsus, và vì sự yếu đuối của con người, mà Phi-e-rơ đã nói những lời như vậy. Nếu như, trong mỗi bước công tác của Đức Chúa Trời, một người có thể quan sát và trải nghiệm một cách cẩn thận, thì họ sẽ có thể dần dần khám phá ra sự đáng mến của Đức Chúa Trời. Và Phao-lô đã lấy điều gì làm khái tượng cho mình? Khi Jêsus hiện ra cùng ông, Phao-lô đã nói rằng: “Lạy Chúa, Chúa là ai?” Jêsus phán: “Ta là Jêsus mà ngươi bắt bớ”. Đây là khái tượng của Phao-lô. Phi-e-rơ đã lấy sự phục sinh của Jêsus, sự hiện ra của Ngài trong 40 ngày, và những lời dạy dỗ trong suốt cuộc đời của Jêsus, làm khái tượng của mình cho đến cuối hành trình của ông.

Con người trải nghiệm công tác của Đức Chúa Trời, dần nhận biết chính mình, trừ khử tâm tính bại hoại của mình, và tìm kiếm sự phát triển trong đời sống, tất cả đều là để biết về Đức Chúa Trời. Nếu người chỉ cố gắng để nhận biết bản thân và đối phó với tâm tính bại hoại của chính mình, nhưng không có kiến thức về việc Đức Chúa Trời làm công tác gì trên con người, về sự cứu rỗi của Ngài vĩ đại ra sao, hoặc về cách người trải nghiệm công tác của Đức Chúa Trời và làm chứng cho những việc làm của Ngài, thì kinh nghiệm này của người còn khờ dại. Nếu người nghĩ rằng cuộc đời một người đã đạt được sự trưởng thành chỉ vì người đó có thể đưa lẽ thật

vào thực hành và chịu đựng, thì điều này có nghĩa là người vẫn chưa nắm bắt được ý nghĩa thực sự của sự sống hoặc mục đích của Đức Chúa Trời khi hoàn thiện con người. Một ngày nào đó, khi người ở trong các hội thánh tôn giáo, giữa các thành viên của Hội thánh Sám hối hoặc của Hội thánh Sự sống, người sẽ bắt gặp nhiều người sùng đạo, mà những lời cầu nguyện của họ chứa “các khái tượng”, và những người mà khi theo đuổi sự sống, họ cảm thấy xúc động và được hướng dẫn bởi lời. Hơn thế nữa, họ có thể chịu đựng và từ bỏ chính mình trong nhiều vấn đề, và không bị dẫn dắt bởi xác thịt. Vào lúc đó, người sẽ không thể phân biệt được: Người sẽ tin rằng mọi thứ họ làm là đúng, là biểu hiện tự nhiên của sự sống, và thật đáng tiếc vô cùng khi danh mà họ tin là sai lầm. Chẳng phải những quan điểm như vậy thật ngu ngốc sao? Tại sao lại nói rằng nhiều người không có sự sống? Bởi vì họ không biết Đức Chúa Trời, và do đó nói rằng họ không có Đức Chúa Trời trong lòng và không có sự sống. Nếu niềm tin vào Đức Chúa Trời của người đã đạt đến độ người có khả năng nhận biết thấu đáo những việc làm của Đức Chúa Trời, tính hiện thực của Đức Chúa Trời, và mọi giai đoạn trong công tác của Đức Chúa Trời, thì người sở hữu lẽ thật. Nếu người không biết công tác và tâm tính của Đức Chúa Trời, thì vẫn còn thiếu điều gì đó trong kinh nghiệm của người. Cách Jêsus đã thực hiện giai đoạn công tác đó của Ngài, cách giai đoạn này đang được thực hiện, cách Đức Chúa Trời đã làm công tác của Ngài trong Thời đại Ân điển và công tác nào đã được thực hiện, công tác nào đang được thực hiện trong giai đoạn này – nếu người không có kiến thức thấu đáo về những điều này, thì người sẽ không bao giờ cảm thấy yên tâm và người sẽ luôn bất an. Nếu như, sau một thời gian trải nghiệm, người có thể biết được công tác do Đức Chúa Trời thực hiện và từng bước trong công tác của Ngài, và nếu người đã đạt được kiến thức thấu đáo về những mục đích của Đức Chúa Trời khi phán lời Ngài, và tại sao quá nhiều lời Ngài đã phán chưa được ứng nghiệm, thì người có thể mạnh dạn và không do dự theo đuổi con đường phía trước, thoát khỏi sự lo lắng và tinh luyện. Các người nên thấy Đức Chúa Trời đã đạt được rất nhiều điều trong công tác của Ngài bằng cách nào. Ngài dùng những lời Ngài phán, tinh luyện con người và chuyển hóa các quan niệm của họ bằng nhiều kiểu lời phán khác nhau. Mọi đau khổ mà các người đã phải chịu đựng, mọi sự tinh luyện mà các người đã trải qua, sự xử lý mà các người đã chấp nhận bên trong, sự khai sáng mà các người đã trải nghiệm – tất cả những điều này đều đã đạt được bằng những lời Đức Chúa Trời đã phán dạy. Con người theo Đức Chúa Trời vì điều gì? Họ theo vì những lời của Đức Chúa Trời! Những lời của Đức Chúa Trời vô cùng màu nhiệm, và hơn nữa, chúng có thể lay động lòng người, tiết lộ những điều được chôn sâu trong đó, khiến họ biết những điều đã diễn ra trong quá khứ, và cho phép họ thâm nhập vào tương lai. Vì

vậy, con người chịu khổ vì lời của Đức Chúa Trời, và cũng được làm cho hoàn thiện nhờ lời của Đức Chúa Trời: Chỉ tại thời điểm này, con người mới đi theo Đức Chúa Trời. Những gì con người nên làm trong giai đoạn này là chấp nhận lời của Đức Chúa Trời, và bất kể họ được làm cho hoàn thiện hay phải chịu sự tinh luyện, những lời của Đức Chúa Trời là điều then chốt. Đây là công tác của Đức Chúa Trời, và đây cũng là khái tượng mà con người phải biết ngày nay.

Đức Chúa Trời hoàn thiện con người như thế nào? Tâm tính của Đức Chúa Trời là gì? Những gì chứa đựng bên trong tâm tính của Ngài? Để làm rõ tất cả những điều này: người ta gọi đó là loan truyền danh Đức Chúa Trời, người ta gọi đó là làm chứng cho Đức Chúa Trời, và người ta gọi đó là tôn cao Đức Chúa Trời. Con người, dựa trên nền tảng biết về Đức Chúa Trời, cuối cùng sẽ trở nên được chuyển hóa trong tâm tính sự sống của mình. Con người càng trải qua việc được xử lý và tinh luyện thì họ càng được tiếp thêm sinh lực; các bước trong công tác của Đức Chúa Trời càng nhiều, thì con người càng được làm cho hoàn thiện. Ngày nay, trong trải nghiệm của con người, mỗi một bước đi trong công tác của Đức Chúa Trời đều đánh bật lại những quan niệm của họ, và tất cả đều vượt quá trí tuệ của con người cũng như nằm ngoài mong đợi của họ. Đức Chúa Trời cung cấp mọi thứ con người cần, và điều này mâu thuẫn trong mọi khía cạnh với các quan niệm của họ. Đức Chúa Trời phán ra những lời của Ngài trong lúc người yếu đuối; chỉ bằng cách này, Ngài mới có thể cung cấp cho cuộc sống của người. Bằng cách đánh bật lại các quan niệm của người, Ngài buộc người chấp nhận sự xử lý của Đức Chúa Trời; chỉ bằng cách này người mới có thể giải thoát bản thân khỏi sự bại hoại của mình. Ngày nay, Đức Chúa Trời nhập thể làm việc bên trong trạng thái thần tính ở một khía cạnh, nhưng ở một khía cạnh khác, Ngài làm việc trong trạng thái nhân tính bình thường. Khi người không thể từ chối bất kỳ công tác nào của Đức Chúa Trời, khi người có thể quy phục cho dù Đức Chúa Trời phán gì hoặc làm gì trong trạng thái nhân tính bình thường, khi người có thể quy phục và hiểu được bất kể loại trạng thái bình thường nào mà Ngài biểu lộ, và khi người đã có được kinh nghiệm thực tế, chỉ khi đó người mới có thể chắc chắn rằng Ngài là Đức Chúa Trời, chỉ khi đó người mới ngừng tạo ra các quan niệm, và chỉ khi đó người mới có thể đi theo Ngài đến cùng. Có sự khôn ngoan trong công tác của Đức Chúa Trời, và Ngài biết làm thế nào để con người có thể đứng vững trong chứng ngôn về Ngài. Ngài biết yếu điểm chí tử của con người nằm ở đâu, và những lời Ngài phán ra có thể đánh vào yếu điểm chí tử của người, nhưng Ngài cũng dùng những lời khôn ngoan và oai nghi của Ngài để khiến người đứng vững trong chứng ngôn về Ngài. Đó là những việc làm kỳ diệu của Đức Chúa Trời. Công tác Đức Chúa Trời thực hiện là không thể tưởng tượng được

đối với trí tuệ con người. Những kiểu bại hoại nào mà con người thuộc về xác thịt sở hữu, và những gì cấu thành bản chất của con người – tất cả những điều này đều được phơi bày thông qua sự phán xét của Đức Chúa Trời, khiến con người xấu hổ không biết trốn đi đâu.

Đức Chúa Trời thực hiện công tác phán xét và hành phạt hầu cho con người có thể đạt được kiến thức về Ngài, và vì lời chứng của Ngài. Thiếu sự phán xét của Ngài về tâm tính bại hoại của con người, con người không thể nào biết được tâm tính công chính của Ngài, điều không được phép xúc phạm, và con người cũng sẽ không thể nào biến kiến thức cũ của họ về Đức Chúa Trời thành một kiến thức mới. Vì lời chứng của Ngài, và vì sự quản lý của Ngài, nên Ngài công khai toàn bộ về Ngài, do đó cho phép con người, thông qua sự xuất hiện công khai của Ngài, đạt được kiến thức về Đức Chúa Trời, được chuyển hóa trong tâm tính mình, và làm chứng vang dội cho Đức Chúa Trời. Sự chuyển hóa tâm tính con người đạt được thông qua nhiều loại công tác khác nhau của Đức Chúa Trời; nếu thiếu những thay đổi như vậy trong tâm tính mình, thì con người sẽ không thể làm chứng cho Đức Chúa Trời và hợp lòng Đức Chúa Trời được. Sự chuyển hóa trong tâm tính của con người biểu thị rằng con người đã tự giải thoát khỏi sự trói buộc của Sa-tan và khỏi ảnh hưởng của sự tối tăm, và đã thực sự trở thành một kiểu mẫu và hình mẫu cho công tác của Đức Chúa Trời, một chứng nhân của Đức Chúa Trời, và là người hợp lòng Đức Chúa Trời. Ngày nay, Đức Chúa Trời nhập thể đã đến để thực hiện công tác của Ngài trên đất, và Ngài đòi hỏi con người phải đạt được kiến thức về Ngài, vâng phục Ngài, làm chứng cho Ngài, để biết công tác thực tế và bình thường của Ngài, để vâng phục mọi lời phán và công tác của Ngài, những điều không phù hợp với các quan niệm của con người, và để làm chứng về mọi công tác Ngài thực hiện để cứu rỗi con người, cũng như mọi việc làm mà Ngài hoàn thành để chinh phục con người. Những người làm chứng cho Đức Chúa Trời phải có kiến thức về Đức Chúa Trời; chỉ có loại lời chứng này mới chính xác và thực tế, và chỉ có loại lời chứng này mới có thể khiến Sa-tan hổ thẹn. Đức Chúa Trời dùng những người đã biết đến Ngài thông qua việc chịu sự phán xét và hành phạt, xử lý và tẩy rửa của Ngài, để làm chứng cho Ngài. Ngài dùng những kẻ đã bị Sa-tan làm bại hoại để làm chứng cho Ngài, và vì thế, Ngài cũng dùng những người có tâm tính đã thay đổi, và do đó là những người đã có được các phước lành của Ngài, để làm chứng cho Ngài. Ngài không cần con người ca ngợi Ngài bằng môi miệng, Ngài cũng không cần sự ngợi khen và lời chứng của những kẻ cùng một giuộc với Sa-tan, những kẻ chưa được Ngài cứu rỗi. Chỉ những ai biết Đức Chúa Trời mới đủ tư cách làm chứng cho Ngài, và chỉ những ai đã được chuyển hóa trong tâm tính mới đủ tư

cách làm chứng cho Ngài. Đức Chúa Trời sẽ không cho phép con người cố tình mang đến sự hổ thẹn cho danh Ngài.

Phi-e-rơ biết Jê-sus bằng cách nào

Trong thời gian Phi-e-rơ ở cùng với Jê-sus, ông đã thấy nhiều tính cách đáng mến của Jê-sus, nhiều khía cạnh đáng để noi theo và nhiều khía cạnh cung cấp cho ông. Dù cho Phi-e-rơ thấy hữu thể của Đức Chúa Trời trong Jê-sus theo nhiều cách, và thấy nhiều tố chất đáng mến, nhưng lúc đầu ông đã không biết Jê-sus. Phi-e-rơ bắt đầu theo Jê-sus từ năm 20 tuổi, và tiếp tục theo Ngài trong sáu năm. Trong thời gian đó, ông chưa hề biết Jê-sus, Phi-e-rơ sẵn lòng theo Jê-sus chỉ vì lòng ngưỡng mộ mà thôi. Khi Jê-sus lần đầu gọi ông trên bờ Biển Ga-li-lê, Ngài đã hỏi: “Si-môn, con Giô-na, ngươi có theo Ta không?” Phi-e-rơ thưa: “Tôi phải theo đáng được Cha trên trời sai đến. Tôi phải công nhận đáng được Đức Thánh Linh chọn. Tôi sẽ theo Ngài”. Lúc đó, Phi-e-rơ đã nghe về một người tên là Jê-sus – tiên tri vĩ đại nhất và là Con yêu dấu của Đức Chúa Trời – và Phi-e-rơ đã không ngừng hy vọng tìm được Ngài và hy vọng có cơ hội gặp Ngài (bởi Đức Thánh Linh đã dẫn dắt ông như thế). Dù cho Phi-e-rơ chưa hề gặp Ngài và chỉ mới nghe đồn về Ngài, nhưng sự mong mỏi và kính mến dành cho Jê-sus lớn dần trong lòng ông, và ông thường mong mỗi đến một ngày được thấy Jê-sus. Và Jê-sus đã kêu gọi Phi-e-rơ như thế nào? Ngài cũng đã nghe về một người tên là Phi-e-rơ, nhưng không phải Đức Thánh Linh đã chỉ dẫn Ngài rằng: “Hãy đến Biển Ga-li-lê, nơi có một người tên là Si-môn, con Giô-na”. Jê-sus đã nghe có người nói rằng có một người tên là Si-môn, con Giô-na, rằng mọi người đã nghe ông giảng, rằng ông cũng giảng Phúc Âm của vương quốc thiên đàng và những người nghe ông đều xúc động đến rơi lệ. Sau khi nghe chuyện đó, Jê-sus theo người đó đến Biển Ga-li-lê, khi Phi-e-rơ chấp nhận lời kêu gọi của Jê-sus, ông đã theo Ngài.

Trong thời gian theo Jê-sus, Phi-e-rơ đã có nhiều quan điểm về Ngài và luôn phán xét Ngài từ quan điểm của riêng mình. Dù cho Phi-e-rơ có mức độ nhận thức nhất định về Thần, nhưng nhận thức của ông có phần không rõ ràng, vì thế ông đã nói: “Tôi phải theo đáng được Cha trên trời sai đến. Tôi phải công nhận đáng được Đức Thánh Linh chọn”. Ông đã không hiểu được những việc Jê-sus làm và thiếu nhận thức rõ ràng về chúng. Sau khi theo Jê-sus một thời gian, Phi-e-rơ dần hứng thú với những gì Ngài làm và phán, và cả với chính Jê-sus. Ông đã cảm nhận rằng Jê-sus khơi gợi cả sự cảm mến lẫn sự kính trọng, ông thích kết giao với Ngài và ở cạnh Ngài, và lắng nghe những lời của Jê-sus cho ông sự tiếp tế và nâng đỡ. Trong thời gian theo Jê-sus, Phi-e-rơ đã quan sát và khắc cốt ghi tâm mọi điều về cuộc sống

của Ngài: những hành động, lời nói, hoạt động và sự bày tỏ của Ngài. Ông đã có nhận thức sâu sắc rằng Jêsus không như người thường. Dù cho diện mạo con người của Ngài quá sức bình thường, nhưng Ngài đầy yêu thương, trắc ẩn và khoan dung đối với con người. Mọi việc Ngài đã phán hay đã làm đều là sự nâng đỡ lớn lao cho người khác, và Phi-e-rơ đã thấy và đạt được từ Jêsus những điều ông chưa hề thấy hay có được trước đó. Ông đã thấy rằng dù cho Jêsus không có vóc giạc vĩ đại cũng như bất kỳ nhân tính bất thường nào, nhưng Ngài có một khí sắc thật sự lạ thường và phi thường về mình. Dù Phi-e-rơ không thể giải thích tường tận, nhưng ông có thể thấy rằng Jêsus hành động khác với mọi người khác, vì những việc Ngài làm rất khác với việc của những người bình thường. Từ thời gian tiếp xúc với Jêsus, Phi-e-rơ cũng thấy được tính cách của Ngài khác với tính cách của người thường. Ngài luôn hành động một cách ổn định và không bao giờ hấp tấp, không bao giờ phóng đại hay hạ thấp một vấn đề, và Ngài sống đời mình theo cách thể hiện được một tính cách vừa bình thường vừa đáng ngưỡng mộ. Khi nói chuyện, Jêsus nói năng mộc mạc và thanh tao, luôn giao tiếp vui tươi nhưng bình thản – mà lại không bao giờ đánh mất phẩm giá khi thực hiện công tác của Ngài. Phi-e-rơ thấy Jêsus đôi khi ít nói, nhưng nhiều lúc khác Ngài lại nói không ngừng. Đôi lúc, Ngài quá vui vẻ đến nỗi trông như chú bò câu nhảy nhót nô đùa, và những lúc khác Ngài lại quá buồn bã đến nỗi không nói gì, trông nặng trĩu u sầu như thể Ngài là một người mẹ mệt mỏi kiệt sức. Thỉnh thoảng, Ngài đầy giận dữ như một chiến binh can trường xông lên hạ sát kẻ địch, hoặc như đôi lúc, Ngài thậm chí còn như một con sư tử gầm rống. Đôi lúc Ngài cười lớn, nhiều lúc khác Ngài cầu nguyện và khóc. Dù Jêsus có hành động thế nào, Phi-e-rơ dần có một tình yêu thương và sự kính trọng vô bờ bến dành cho Ngài. Tiếng cười của Jêsus cho ông đầy tràn hạnh phúc, nỗi buồn của Ngài đẩy ông vào u sầu, cơn giận của Ngài khiến ông kinh hãi, còn lòng thương xót, sự tha thứ và những yêu cầu khát khe Ngài đưa ra cho thiên hạ khiến ông thật sự yêu mến Jêsus và dần có một lòng tôn kính và khao khát thật sự dành cho Ngài. Dĩ nhiên, đến tận sau khi Phi-e-rơ sống cạnh Jêsus nhiều năm, ông mới dần dà nhận ra mọi điều này.

Phi-e-rơ là một người đặc biệt nhạy bén, có thông minh bẩm sinh, dẫu vậy ông đã làm nhiều điều ngu dại khi theo Jêsus. Mới đầu, ông có vài quan niệm về Jêsus. Ông đã hỏi: “Người ta nói Ngài là một tiên tri, vậy khi Ngài tám tuổi và bắt đầu hiểu chuyện, Ngài đã biết mình là Đức Chúa Trời chưa? Ngài có biết mình được thụ thai bởi Đức Thánh Linh không?” Jêsus trả lời: “Không, Ta không biết. Chẳng lẽ với người, Ta không giống như một người bình thường sao? Ta cũng như mọi người khác. Người mà Đức Cha sai đến là một người bình thường, không phải người phi thường. Và mặc dù công tác Ta làm đại diện cho Cha Ta trên trời, nhưng ảnh tượng của Ta,

thân vị Ta đang hiện hữu và thân xác này của Ta không thể nào đại diện trọn vẹn cho Cha Ta trên trời – chỉ có thể đại diện một phần của Ngài mà thôi. Dù Ta đến từ Thần, Ta vẫn là một con người bình thường, và Cha Ta sai Ta đến thế gian như một người bình thường, chứ không phải người phi thường”. Chỉ khi Phi-e-rơ nghe những lời này, ông mới có chút nhận thức về Jê-sus. Và chỉ sau khi ông đã trải qua công tác của Jê-sus, lời dạy của Ngài, việc chần dốt của Ngài và sự nâng đỡ của Ngài vô số giờ, ông mới có được một nhận thức sâu sắc hơn nhiều. Đến năm Jê-sus 30 tuổi, Ngài đã nói với Phi-e-rơ về chuyện Ngài sắp chịu đóng đinh trên thập giá và rằng Ngài đã đến để thực hiện một giai đoạn công tác – là công tác chịu đóng đinh – để cứu chuộc toàn nhân loại. Jê-sus cũng bảo Phi-e-rơ rằng ba ngày sau khi chịu đóng đinh, Con người sẽ sống lại, và khi sống lại rồi, Ngài sẽ hiện ra với mọi người trong 40 ngày. Khi nghe những lời này, Phi-e-rơ đã buồn và ghi khắc chúng trong lòng, rồi từ đó ông càng thân thiết với Jê-sus hơn bao giờ hết. Sau khi đã trải nghiệm một thời gian, Phi-e-rơ nhận ra rằng mọi việc Jê-sus làm là của hữu thể của Đức Chúa Trời, và ông đã nghĩ rằng Jê-sus thật vô cùng đáng mến. Chỉ khi ông có được nhận thức này, Đức Thánh Linh mới khai sáng cho ông từ bên trong. Chính sau lúc đó, Jê-sus quay sang các môn đồ và những kẻ khác theo Ngài mà hỏi rằng: “Giăng, người nói Ta là ai?” Giăng trả lời: “Ngài là Môi-sê”. Rồi Ngài quay sang Lu-ca: “Còn người, Lu-ca, người nói Ta là ai?” Lu-ca trả lời: “Ngài là tiên tri vĩ đại nhất”. Rồi Ngài hỏi một người chị em, và bà ấy trả lời: “Ngài là tiên tri vĩ đại nhất, nói nhiều lời trường tồn đời đời. Không ai có lời tiên tri vĩ đại như của Ngài, không ai có hiểu biết vượt được Ngài, Ngài là một tiên tri”. Rồi Jê-sus quay sang Phi-e-rơ mà hỏi: “Phi-e-rơ, người nói Ta là ai?” Phi-e-rơ trả lời: “Ngài là Đấng Christ, Con của Đức Chúa Trời hằng sống. Ngài đến từ trời. Ngài không thuộc về địa cầu. Ngài không như các tạo vật của Đức Chúa Trời. Chúng tôi ở trên địa cầu và Ngài ở đây với chúng tôi, nhưng Ngài thuộc về trời và không thuộc về thế gian, và Ngài không thuộc về địa cầu”. Chính qua trải nghiệm của Phi-e-rơ mà Đức Thánh Linh đã khai sáng cho ông, cho ông có thể có được nhận thức này. Sau khi được khai sáng, ông càng ngưỡng mộ mọi việc Jê-sus làm hơn nữa, nghĩ Ngài đáng mến hơn nữa, và trong lòng luôn miễn cưỡng không chịu rời xa Jê-sus. Thế nên, lần đầu tiên Jê-sus mặc khải với Phi-e-rơ sau khi Ngài chịu đóng đinh và sống lại, Phi-e-rơ đã kêu lên với niềm hạnh phúc tốt độ. “Lạy Chúa! Ngài sống lại rồi!” Rồi Phi-e-rơ vừa khóc, vừa bắt một con cá cực kỳ lớn, nấu lên rồi dọn ra cho Jê-sus. Jê-sus cười, nhưng không nói. Dù Phi-e-rơ biết Jê-sus đã được sống lại, ông vẫn không hiểu được lẽ mầu nhiệm của chuyện này. Khi ông đưa cho Jê-sus con cá để ăn, Jê-sus không khước từ, nhưng Ngài không nói cũng không ngồi xuống để ăn. Thay vào đó, Ngài đột nhiên biến mất. Đây là cú sốc cực nặng với

Phi-e-rơ, và chỉ khi đó ông mới hiểu được rằng Jêsus sống lại thì khác với Jêsus trước đây. Khi nhận ra được điều đó rồi, Phi-e-rơ đau buồn, nhưng ông cũng được an ủi vì biết rằng Chúa đã hoàn thành công tác của Ngài. Ông biết rằng Jêsus đã hoàn thành công tác của Ngài, rằng thời gian Ngài ở với con người đã hết, và từ giờ trở đi con người sẽ phải tự bước đi con đường của riêng mình. Jêsus từng bảo ông rằng: “Người cũng phải uống chén đắng mà Ta đã uống (đây là điều Ngài đã nói sau khi phục sinh). Người cũng phải đi con đường Ta đã đi. Người phải từ bỏ mạng sống mình vì Ta”. Không như bây giờ, công tác vào thời đó không có kiểu đối đáp trực diện. Trong Thời đại Ân điển, công tác của Đức Thánh Linh đặc biệt kín đáo, và Phi-e-rơ đã chịu nhiều gian khổ. Đôi lúc, Phi-e-rơ đến mức phải kêu lên: “Lạy Đức Chúa Trời! Con chẳng có gì ngoài mạng sống này. Dù nó chẳng đáng gì với Ngài, con ước mong được dâng hiến nó cho Ngài. Dù con người chẳng xứng đáng để yêu mến Ngài, và tình yêu cũng như tâm hồn họ vô giá trị, nhưng con tin Ngài biết khao khát trong lòng con người. Và dù thân xác con người không được Ngài chấp nhận, con ước mong Ngài chấp nhận tấm lòng con”. Thốt lên những lời cầu nguyện như thế này cho ông sự khích lệ, nhất là khi ông cầu nguyện: “Con sẵn sàng dâng hiến trọn vẹn tấm lòng con cho Đức Chúa Trời. Dù cho con không thể làm được gì cho Đức Chúa Trời, con nguyện trung thành làm đẹp lòng Đức Chúa Trời và toàn tâm dâng hiến trọn bản thân con cho Ngài. Con tin Đức Chúa Trời hẳn phải xét tới tấm lòng của con”. Ông đã nói: “Con không xin gì trong đời mình, nhưng xin cho những tâm tư yêu mến dành cho Đức Chúa Trời và khao khát trong lòng con được Đức Chúa Trời chấp nhận. Con đã ở cùng Đức Chúa Jêsus một thời gian quá lâu, nhưng con đã không hề yêu mến Ngài, đây là mối nợ lớn nhất của con. Dù con đã ở với Ngài, con đã chẳng biết Ngài, và con còn nói những lời không thích hợp sau lưng Ngài. Nghĩ về những chuyện này khiến con thấy mình còn mang nợ hơn nữa với Đức Chúa Jêsus”. Ông đã luôn cầu nguyện với cung cách như thế. Ông nói: “Con còn chẳng bằng tro bụi. Con chẳng thể làm gì ngoài dâng hiến tâm hồn trung thành này cho Đức Chúa Trời”.

Trong những trải nghiệm của Phi-e-rơ, có một lần đỉnh điểm, khi cơ thể của ông gần như sụp đổ hoàn toàn, nhưng Jêsus vẫn ban cho ông sự khích lệ trong lòng. Và có một lần, Jêsus hiện ra với Phi-e-rơ. Khi Phi-e-rơ đang chịu đau khổ ghê gớm và cảm thấy lòng mình tan nát, thì Jêsus giáo huấn ông rằng: “Người đã ở bên Ta trên đất, và Ta đã ở đây với người. Và dù trước đây chúng ta từng ở cùng nhau trong thiên đàng, xét cho cùng, nó thuộc cõi thuộc linh. Giờ ta trở về cõi thuộc linh, và người ở trên đất, vì Ta không thuộc về trần thế, và dù người cũng không thuộc trần thế, người phải chu toàn chức phận của người trên đất. Vì người là kẻ hầu việc,

người phải thực hiện bổn phận mình”. Khi nghe mình có thể trở về bên Đức Chúa Trời, Phi-e-rơ cảm thấy được an ủi. Lúc đó, Phi-e-rơ đau đớn tột cùng đến nỗi ông gần như nằm liệt giường, ông cảm thấy ăn năn đến mức nói rằng: “Con quá bại hoại đến nỗi không thể làm đẹp lòng Đức Chúa Trời”. Jê-sus đã xuất hiện với ông và nói: “Phi-e-rơ, có thể nào người đã quên những quyết chí người từng tuyên bố trước mặt Ta? Người thật sự đã quên mọi điều Ta phán rồi sao? Người đã quên quyết chí người tuyên bố với Ta rồi sao?” Thấy đó chính là Jê-sus, Phi-e-rơ bật dậy khỏi giường, và Jê-sus an ủi ông rằng: “Ta không thuộc về trần thế, Ta đã bảo người rồi – chuyện này người phải hiểu, nhưng người đã quên chuyện khác Ta bảo người rồi sao? ‘Người cũng không thuộc về trần thế, không thuộc về thế gian’. Hiện giờ có công việc mà người cần phải làm. Người không được đau buồn như thế này. Người không được đau khổ như thế này. Dù con người và Đức Chúa Trời không thể cùng tồn tại trong một thế giới, Ta có công tác của Ta và người có công việc của người, và đến một ngày khi công việc của người được hoàn thành, chúng ta sẽ cùng chung một cõi, và Ta sẽ dẫn dắt người ở cùng Ta mãi mãi”. Phi-e-rơ được an ủi và an lòng sau khi nghe những lời này. Ông biết rằng đau khổ này là điều ông phải chịu đựng và trải qua, và từ đó, ông được soi dẫn. Jê-sus đặc biệt hiện ra cho ông trong mọi thời khắc then chốt, cho ông sự khai sáng và hướng dẫn đặc biệt, và Ngài đã làm nhiều việc trên ông. Và Phi-e-rơ hối tiếc điều gì nhất? Không lâu sau khi Phi-e-rơ nói “Ngài là Con của Đức Chúa Trời hằng sống”, Jê-sus đã đặt cho Phi-e-rơ một câu hỏi khác (dù câu này không được ghi lại trong Kinh Thánh theo cách này). Jê-sus đã hỏi ông: “Phi-e-rơ! Người có bao giờ yêu mến Ta không?” Phi-e-rơ hiểu ý của Ngài và nói: “Lạy Chúa! Tôi từng yêu mến Cha trên trời, nhưng tôi thừa nhận tôi chưa hề yêu mến Ngài”. Jê-sus bèn nói: “Nếu người ta không yêu Cha trên trời, làm sao họ có thể yêu mến Con dưới đất? Và nếu người ta không yêu mến Con được Đức Chúa Cha sai đến, làm sao họ có thể yêu mến Cha trên trời? Nếu người ta thật sự yêu mến Con dưới đất thì họ thật sự yêu mến Cha trên trời”. Khi Phi-e-rơ nghe những lời này, ông nhận ra mình đã thiếu gì. Ông đã luôn cảm thấy ăn năn đến độ rơi lệ vì những lời nói của mình: “Tôi từng yêu mến Cha trên trời, nhưng tôi chưa hề yêu mến Ngài”. Sau khi Jê-sus phục sinh và thăng thiên, ông còn thấy ăn năn và đau buồn hơn nữa vì những lời này. Nhớ lại công việc trước đây và vóc giặc hiện tại của mình, ông thường tìm đến Jê-sus trong lời cầu nguyện, luôn luôn thấy hối hận và mang nợ vì đã không đáp ứng ý muốn của Đức Chúa Trời và không đạt đến tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời. Những vấn đề này đã trở thành ưu tư lớn nhất của ông. Ông đã nói: “Đến một ngày, con sẽ dâng hiến cho Ngài mọi sự con có và mọi sự con là, và con sẽ dâng Ngài bất kỳ điều gì giá trị nhất”. Ông đã nói: “Lạy Đức Chúa Trời! Con chỉ có một đức

tin và một tình yêu mến. Mạng sống con chẳng xứng đáng gì, và thân xác con chẳng xứng đáng gì. Con chỉ có một đức tin và một tình yêu mến. Con có đức tin nơi Ngài trong tâm trí và tình yêu dành cho Ngài trong lòng, con chỉ có hai điều này để dâng Ngài, ngoài ra chẳng còn gì nữa”. Phi-e-rơ được khích lệ rất lớn nhờ những lời của Jê-sus, vì trước khi Jê-sus chịu đóng đinh, Ngài đã bảo Phi-e-rơ: “Ta không thuộc về thế gian này, và người cũng không thuộc về thế gian này”. Về sau, khi Phi-e-rơ đến độ đau đớn cùng cực, Jê-sus đã nhắc nhở ông: “Phi-e-rơ, người đã quên rồi sao? Ta không thuộc về thế gian này, và chỉ vì công tác của Ta mà Ta đã phải đi trước. Người cũng không thuộc thế gian, người đã thật sự quên rồi sao? Ta đã bảo người hai lần, người không nhớ sao?” Nghe lời này, Phi-e-rơ nói: “Tôi chưa quên!” Jê-sus bèn nói: “Người từng có quãng thời gian hạnh phúc cùng ta trong thiên đàng và một quãng thời gian bên cạnh Ta. Người nhớ Ta và Ta nhớ người. Dù cho trong mắt Ta, những tạo vật không xứng đáng được nhắc đến, nhưng làm sao Ta có thể không yêu thương kẻ vô tội và đáng yêu chứ? Người quên lời hứa của Ta rồi sao? Người phải chấp nhận sự ủy thác của Ta trên đất; người phải chu toàn nhiệm vụ Ta giao phó cho người. Đến một ngày, chắc chắn Ta sẽ dẫn người đến bên cạnh Ta”. Sau khi nghe lời này, Phi-e-rơ trở nên càng được khích lệ hơn và được nhận lãnh sự soi dẫn lớn lao hơn, đến nỗi khi bị treo trên thập giá, ông đã có thể thốt lên rằng: “Lạy Đức Chúa Trời! Con không thể yêu Ngài cho đủ! Dù Ngài có bảo con chết, con vẫn không thể yêu Ngài cho đủ. Dù Ngài đưa linh hồn con đi đâu, dù Ngài thành toàn những lời hứa quá khứ của Ngài hay không, dù sau này Ngài làm gì đi nữa, con vẫn yêu mến Ngài và tin tưởng nơi Ngài”. Điều mà ông bám vào là đức tin và tình yêu đích thực của ông.

Một tối nọ, vài môn đồ, bao gồm Phi-e-rơ, đang ngồi trên thuyền đánh cá cùng Jê-sus, và Phi-e-rơ đã hỏi Jê-sus một câu rất ngây ngô: “Thưa Chúa! Tôi xin hỏi Ngài một câu mà tôi đã mang trong lòng rất lâu”. Jê-sus trả lời: “Thế thì hỏi đi!” Phi-e-rơ bèn hỏi: “Công tác đã được thực hiện trong Thời đại Luật pháp là việc Ngài làm?” Jê-sus mỉm cười, như thể nói rằng: “Đứa trẻ này, thật ngây thơ làm sao!” Rồi Ngài cố tình tiếp lời: “Đấy không phải việc Ta làm. Đấy là việc của Đức Giê-hô-va và Mô-i-sê”. Phi-e-rơ nghe lời này và thốt lên: “Ồ! Vậy đấy không phải việc Ngài làm”. Khi Phi-e-rơ nói xong lời này, Jê-sus không nói gì nữa. Phi-e-rơ tự nhủ: “Không phải Ngài làm việc đó, chẳng trách Ngài đã đến để xóa sổ lề luật, bởi nó không phải việc Ngài làm”. Lòng ông cũng được thanh thản. Sau đó, Jê-sus nhận ra rằng Phi-e-rơ khá ngây thơ, nhưng bởi lúc đó ông chẳng có hiểu biết, nên Jê-sus không nói gì nữa, cũng không bắt bẻ ông trực tiếp. Có lần, Jê-sus giảng trong hội đường, nơi nhiều người hiện diện, gồm cả Phi-e-rơ. Trong bài giảng, Jê-sus phán: “Đấng sẽ đến hằng có đời đời sẽ thực hiện công tác cứu chuộc trong Thời đại Ân điển để cứu chuộc toàn thể nhân loại khỏi

tội lỗi, nhưng Ngài sẽ không bị kìm hãm bởi bất kỳ quy định nào trong việc dẫn dắt con người thoát khỏi tội lỗi. Ngài sẽ ra khỏi lề luật và bước vào Thời đại Ân điển. Ngài sẽ cứu chuộc toàn thể nhân loại. Ngài sẽ tiến bước dài từ Thời đại Luật pháp vào Thời đại Ân điển, tuy nhiên không một ai biết Ngài, Ngài đến từ Đức Giê-hô-va. Công tác Môi-sê đã làm là do Đức Giê-hô-va ban cho; Môi-sê đã thảo ra luật pháp nhờ công tác mà Đức Giê-hô-va đã thực hiện”. Khi đã nói thế rồi, Ngài tiếp tục: “Những ai bãi bỏ các điều răn của Thời đại Ân điển trong Thời đại Ân điển thì sẽ gặp tai họa. Chúng phải đứng trong đền thờ và nhận lấy sự hủy diệt của Đức Chúa Trời cùng lửa đổ xuống trên chúng”. Nghe những lời này, Phi-e-rơ đã được tác động theo cách nào đó, và xuyên suốt một giai đoạn trải nghiệm của ông, Jê-sus đã chặn dắt và nâng đỡ cho Phi-e-rơ, nói chuyện tâm tình với ông, từ đó cho Phi-e-rơ hiểu biết khá hơn một chút về Jê-sus. Khi Phi-e-rơ nghĩ lại những lời Jê-sus đã giảng dạy trong ngày hôm đó và câu hỏi ông đã hỏi Jê-sus khi họ đang ở trên thuyền đánh cá, lời đáp của Jê-sus cũng như cách Ngài mỉm cười, cuối cùng Phi-e-rơ đã có được hiểu biết trọn vẹn về chuyện đó. Sau đó, Đức Thánh Linh khai sáng cho Phi-e-rơ, và chỉ khi đó ông mới hiểu được Jê-sus là Con của Đức Chúa Trời hằng sống. Hiểu biết của Phi-e-rơ đến từ sự khai sáng của Đức Thánh Linh, nhưng có cả một tiến trình để ông có được hiểu biết của mình. Chính nhờ đặt những câu hỏi, nghe Jê-sus giảng dạy, rồi qua việc đón nhận sự thông công đặc biệt của Jê-sus và sự chặn dắt đặc biệt của Ngài, mà Phi-e-rơ nhận ra rằng Jê-sus là Con của Đức Chúa Trời hằng sống. Điều này không có được trong một sớm một chiều, nó là một tiến trình, và điều này đã giúp ông trong những trải nghiệm về sau. Tại sao Jê-sus không thực hiện công tác hoàn thiện nơi người khác, mà chỉ thực hiện nơi Phi-e-rơ? Bởi chỉ có Phi-e-rơ hiểu được rằng Jê-sus là Con của Đức Chúa Trời hằng sống; không có một ai khác biết điều đó. Mặc dù có nhiều môn đồ biết nhiều trong thời gian theo Ngài, nhưng hiểu biết của họ còn nông cạn. Đây là lý do Jê-sus chọn Phi-e-rơ như hình mẫu để được làm cho hoàn thiện. Điều Jê-sus đã nói với Phi-e-rơ khi đó cũng là điều Ngài nói với con người thời nay, những người có hiểu biết và lối vào sự sống phải đạt đến mức độ của Phi-e-rơ. Đức Chúa Trời sẽ hoàn thiện tất cả mọi người phù hợp với yêu cầu này và con đường này. Tại sao con người thời nay cần phải có đức tin thật và tình yêu thương đích thực? Các người cũng phải trải qua điều Phi-e-rơ đã trải qua; thành quả mà Phi-e-rơ đạt được từ trải nghiệm của mình cũng phải được thể hiện nơi các người; và các người cũng phải trải qua nỗi đau mà Phi-e-rơ đã trải qua. Con đường các người đi cũng là con đường Phi-e-rơ đã đi. Nỗi đau các người chịu cũng là nỗi đau Phi-e-rơ đã chịu. Khi các người đón nhận vinh quang và khi các người sống trọn một cuộc đời đích thực, thì các người sống thể hiện ra hình ảnh

của Phi-e-rơ. Con đường là như nhau, và người ta được làm cho hoàn thiện bằng cách đi theo nó. Tuy nhiên, tổ chất của các người có phần thiếu sót khi so với Phi-e-rơ, vì thời đại đã đổi thay, và mức độ bại hoại của con người cũng thế, và bởi xứ Giu-đê là một vương quốc lâu đời với nền văn hóa cổ xưa. Do đó, các người phải làm mọi điều có thể để cải thiện tổ chất của mình.

Phi-e-rơ là một người rất khôn ngoan, sắc sảo trong mọi việc ông làm, và ông cũng cực kỳ trung thực. Ông đã chịu nhiều trở ngại. Lần đầu tiên ông tiếp xúc với xã hội là hồi năm 14 tuổi, khi ông đi học và đến hội đường. Ông rất nhiệt tình và luôn sẵn sàng dự các buổi hội họp. Thời đó, Jê-sus chưa chính thức bắt đầu công tác của Ngài; lúc này mới chỉ là khởi đầu của Thời đại Ân điển. Năm 14 tuổi, Phi-e-rơ đã bắt đầu có liên hệ với các nhân vật tôn giáo, đến năm 18 tuổi, ông đã có liên hệ với giới tinh hoa tôn giáo, nhưng sau khi thấy sự hỗn loạn ẩn đằng sau tôn giáo, ông đã rút lui khỏi nó. Thấy những người này thật quý quý, mưu chước, gian trá, ông đã cực kỳ ghê tởm (đây là cách Đức Thánh Linh làm việc vào thời đó, để làm cho ông hoàn thiện. Ngài đặc biệt cảm thúc ông và thực hiện vài việc đặc biệt trên ông), và thế là ông rút lui khỏi hội đường vào tuổi 18. Cha mẹ ông ngược đãi ông và không cho ông tin (họ là ma quỷ và là những người không tin). Cuối cùng, Phi-e-rơ bỏ nhà và đi khắp nơi, đánh cá và rao giảng trong hai năm, trong thời gian đó ông cũng dẫn dắt một số người. Giờ người phải có thể thấy rõ ràng chính xác con đường mà Phi-e-rơ đã đi. Nếu người có thể thấy rõ con đường của Phi-e-rơ, thì người sẽ chắc chắn về công tác được thực hiện hôm nay, để người sẽ không phàn nàn hay tiêu cực hay khao khát bất kỳ điều gì. Người phải cảm nghiệm được tâm trạng của Phi-e-rơ lúc đó: Ông trĩu nặng buồn sầu; ông không còn cầu xin được có tương lai hay phúc lành gì. Ông không tìm kiếm lợi lộc, hạnh phúc, danh vọng hay tiền tài trong thế gian; ông chỉ tìm cách sống cuộc đời ý nghĩa nhất, đó là đền đáp tình yêu của Đức Chúa Trời và dâng hiến những gì ông trân quý tốt bậc cho Đức Chúa Trời. Được vậy thì ông sẽ mãn nguyện trong lòng. Ông thường xuyên cầu nguyện với Jê-sus bằng những lời này: “Đức Chúa Jê-sus Christ, tôi từng yêu mến Ngài, nhưng tôi chưa hề thật sự yêu mến Ngài. Dù tôi đã nói mình có đức tin nơi Ngài, nhưng tôi chưa hề yêu mến Ngài thật lòng. Tôi chỉ ngưỡng mộ Ngài, tôn thờ Ngài và nhớ Ngài, nhưng tôi chưa hề yêu mến Ngài, cũng không thật sự có đức tin nơi Ngài”. Ông không ngừng cầu nguyện để quyết chí, và ông đã luôn được khích lệ bởi những lời của Jê-sus và lấy động lực từ đó. Về sau, sau một thời gian trải nghiệm, Jê-sus đã thử luyện ông, khơi gợi ông mong mỏi Ngài hơn nữa. Ông đã nói: “Đức Chúa Jê-sus Christ! Tôi nhớ Ngài biết bao và khát khao được nhìn thấy Ngài biết bao. Tôi thiếu sót quá nhiều và không thể bù đắp nỗi tình yêu của Ngài. Tôi nài xin Ngài sớm đưa tôi đi. Khi nào Ngài cần đến tôi?

Khi nào Ngài đưa tôi đi? Khi nào tôi được một lần nữa nhìn thấy dung nhan Ngài? Tôi không ước ao được sống lâu hơn nữa trong thân xác này, không ước ao tiếp tục bị bại hoại, tôi cũng không có mong ước dấy loạn nữa. Tôi sẵn sàng dâng hiến tất cả những gì tôi có cho Ngài sớm nhất có thể, và tôi không mong muốn làm buồn lòng Ngài thêm nữa”. Đây là cách ông cầu nguyện, nhưng lúc đó ông đã không biết Jêsus sẽ hoàn thiện điều gì nơi ông. Trong cơn thống khổ của thử luyện ông chịu, Jêsus hiện ra với ông lần nữa và nói: “Phi-e-rơ, Ta mong ước làm cho người hoàn thiện, để người trở nên hoa trái, là kết tinh của việc Ta hoàn thiện người, và đấy là điều Ta sẽ vui hưởng. Người có thể thật sự chứng thực cho Ta không? Người đã làm những gì Ta yêu cầu người làm chưa? Người có sống theo những lời Ta đã phán không? Người từng yêu mến Ta, nhưng dù người yêu mến Ta, người đã sống thể hiện ra Ta chưa? Người đã làm gì cho Ta? Người nhận ra rằng người không xứng đáng với tình yêu của Ta, nhưng người đã làm gì cho Ta?” Phi-e-rơ thấy rằng ông đã không làm gì cho Jêsus và nhớ lại lời thề trước đây của ông là dâng mạng sống này cho Đức Chúa Trời. Và thế là ông không còn than vãn, và lời cầu nguyện của ông từ đó tốt hơn nhiều. Ông cầu nguyện rằng: “Đức Chúa Jêsus Christ! Tôi từng bỏ Ngài, và Ngài cũng từng bỏ tôi. Chúng ta đã có thời gian xa cách, và thời gian bầu bạn. Tuy thế, Ngài yêu mến tôi hơn bất kỳ ai khác. Tôi đã nhiều lần dấy loạn chống lại Ngài, và nhiều lần làm Ngài buồn lòng. Làm sao tôi quên được những điều đó? Tôi luôn ghi trong tâm trí và không bao giờ quên việc Ngài đã làm trên tôi và việc Ngài đã giao phó cho tôi. Tôi đã làm mọi việc có thể cho công tác mà Ngài đã làm trên tôi. Ngài biết tôi có thể làm gì, và hơn nữa Ngài còn biết tôi có thể đóng vai trò gì. Tôi ước được quy phục theo những sắp đặt của Ngài, và tôi sẽ dâng hiến mọi sự tôi có cho Ngài. Chỉ có Ngài biết tôi có thể làm gì cho Ngài. Dù cho Sa-tan đã lừa phỉnh tôi rất nhiều và tôi đã dấy loạn chống lại Ngài, nhưng tôi tin Ngài không nhớ về tôi vì những sự vi phạm đó và Ngài không đối xử với tôi dựa theo chúng. Tôi ước ao dâng hiến toàn bộ cuộc đời tôi cho Ngài. Tôi chẳng cầu xin gì và tôi cũng không có hy vọng hay kế hoạch gì khác; tôi chỉ ước ao hành động theo ý định của Ngài và thực thi ý muốn của Ngài. Tôi sẽ uống chén đắng của Ngài và tôi đây tùy Ngài sai bảo”.

Các người phải rõ con đường các người đi, các người phải rõ về con đường các người sẽ đi trong tương lai, về điều gì Đức Chúa Trời sẽ làm cho hoàn thiện, và điều gì được giao phó cho các người. Đến một ngày, có lẽ các người sẽ được thử luyện và khi thời điểm đó đến, nếu các người có thể được truyền cảm hứng từ những trải nghiệm của Phi-e-rơ, nó sẽ cho thấy rằng các người thật sự đang đi con đường của Phi-e-rơ. Phi-e-rơ đã được Đức Chúa Trời khen ngợi vì đức tin và tình yêu mến thực sự và lòng trung thành của ông đối với Đức Chúa Trời. Và chính nhờ sự trung thực

của ông và sự khao khát Đức Chúa Trời trong lòng ông mà Đức Chúa Trời làm cho ông hoàn thiện. Nếu người thật sự có cùng lòng yêu mến và đức tin như Phi-e-rơ, thì chắc chắn Jêsus sẽ làm cho người hoàn thiện.

Những ai yêu mến Đức Chúa Trời sẽ sống đời đời trong sự sáng của Ngài

Thực chất của niềm tin nơi Đức Chúa Trời của hầu hết mọi người chính là tín ngưỡng: Họ không thể yêu mến Đức Chúa Trời, và chỉ có thể đi theo Đức Chúa Trời như một người máy, không thể thực sự khao khát Đức Chúa Trời hay tôn thờ Ngài. Họ chỉ đơn thuần lạng lẽ đi theo Ngài. Nhiều người tin Đức Chúa Trời, nhưng có rất ít người yêu mến Đức Chúa Trời; họ chỉ “tôn kính” Đức Chúa Trời bởi vì họ sợ thảm họa, hoặc nếu không thì họ “cảm phục” Đức Chúa Trời bởi vì Ngài cao cả và đầy quyền năng – nhưng trong sự tôn kính và cảm phục của họ lại không có tình yêu hay sự khao khát thực sự. Trong những sự trải nghiệm của mình, họ tìm kiếm những điều vụn vặt của lẽ thật, hoặc nếu không thì một vài lẽ mà nhiệm không quan trọng. Hầu hết mọi người chỉ đơn thuần đi theo, thừa nước đục thả câu để nhận được các phước lành; họ không tìm kiếm lẽ thật, họ cũng không thực sự vâng lời Đức Chúa Trời để nhận được các phước lành của Đức Chúa Trời. Đời sống đức tin nơi Đức Chúa Trời của tất cả mọi người là vô nghĩa, nó không có giá trị, và trong nó là những sự suy tính và theo đuổi mang tính cá nhân; họ không tin Đức Chúa Trời để yêu mến Đức Chúa Trời, mà là vì để được ban phước. Nhiều người hành động tùy ý, làm bất kỳ điều gì họ muốn, và không bao giờ xem xét đến những lợi ích của Đức Chúa Trời, hoặc là điều họ làm có phù hợp với ý muốn của Đức Chúa Trời hay không. Những người như thế thậm chí không thể đạt được niềm tin thực sự, chứ đừng nói đến tình yêu dành cho Đức Chúa Trời. Thực chất của Đức Chúa Trời không chỉ để cho con người tin, hơn nữa, là để cho con người yêu mến. Nhưng nhiều người trong số những người tin Đức Chúa Trời không thể khám phá ra “bí mật” này. Con người không dám yêu mến Đức Chúa Trời, họ cũng không cố gắng yêu mến Ngài. Họ chưa bao giờ khám phá ra rằng có rất nhiều điều đáng yêu kính về Đức Chúa Trời; họ chưa bao giờ khám phá ra rằng Đức Chúa Trời là Đáng yêu thương con người, và Ngài là Đức Chúa Trời để con người yêu mến. Về đáng mến của Đức Chúa Trời được bày tỏ trong công tác của Ngài: Chỉ khi con người trải nghiệm được công tác của Ngài, họ mới có thể phát hiện ra vẻ đáng mến của Ngài; chỉ trong những trải nghiệm thực tế, họ mới có thể nhận thức được vẻ đáng mến của Đức Chúa Trời; và nếu không quan sát điều đó trong đời sống thực tế, không ai có thể khám phá ra vẻ

đáng mến của Đức Chúa Trời. Có rất nhiều điều về Đức Chúa Trời để yêu, nhưng khi không thực sự gắn bó với Ngài thì con người không thể khám phá được điều đó. Điều đó có nghĩa là, nếu Đức Chúa Trời không trở nên xác thịt, con người không thể gắn bó thực sự với Ngài, và nếu họ không thể gắn bó thực sự với Ngài, họ cũng sẽ không thể trải nghiệm được công tác của Ngài – và vì thế tình yêu họ dành cho Đức Chúa Trời sẽ bị vấy bẩn bởi nhiều sự giả dối và tưởng tượng. Tình yêu thương dành cho Đức Chúa Trời ở trên trời thì không thật như tình yêu dành cho Đức Chúa Trời ở dưới đất, vì sự hiểu biết của con người về Đức Chúa Trời ở trên trời được xây dựng trên trí tưởng tượng của họ, thay vì dựa trên những điều họ tận mắt nhìn thấy, và điều họ đã tự trải nghiệm. Khi Đức Chúa Trời đến thế gian, con người có thể thấy những việc làm thực tế và những vẻ đáng mến của Ngài, và họ có thể nhìn thấy mọi điều trong tâm tính thực tế và bình thường của Ngài, tất cả những gì thực tế hơn hàng ngàn lần so với sự hiểu biết về Đức Chúa Trời ở trên trời. Bất kể con người có yêu mến Đức Chúa Trời ở trên trời nhiều bao nhiêu, không có gì thật về tình yêu này cả, và nó đầy dẫy những ý tưởng của con người. Cho dù tình yêu họ dành cho Đức Chúa Trời ở dưới đất có ít ỏi đến mức nào, nó vẫn là tình yêu thật; ngay cả khi chỉ có một chút thôi, nó vẫn là thật. Đức Chúa Trời khiến con người biết đến Ngài qua công tác thật của Ngài, và qua sự hiểu biết này Ngài có được tình yêu của họ. Giống như Phi-e-rơ: Nếu ông không từng sống với Jêsus, thì ông không thể cảm phục Jêsus. Vì thế, lòng trung thành của ông đối với Jêsus cũng được xây dựng trên sự gắn bó của ông với Jêsus. Để làm cho con người yêu mến Ngài, Đức Chúa Trời đã đến giữa con người và sống cùng với họ, và tất cả những gì Ngài làm con người nhìn thấy và trải nghiệm chính là tính hiện thực của Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời dùng hiện thực và sự diễn ra của sự thật để làm cho con người hoàn thiện; những lời của Đức Chúa Trời hoàn thành một phần công tác hoàn thiện con người của Ngài, và đây là công tác hướng dẫn và mở đường. Điều đó có nghĩa là, trong những lời của Đức Chúa Trời, người phải tìm thấy phương cách thực hành và sự hiểu biết về những khái tượng. Bằng cách hiểu được những điều này, con người sẽ có được phương cách và những khái tượng trong việc thực hành thực sự, và họ sẽ có thể đạt được sự khai sáng nhờ lời Đức Chúa Trời; họ sẽ có thể hiểu được những điều này đã đến từ Đức Chúa Trời và có thể nhận biết nhiều điều. Sau khi hiểu được, con người phải bước vào hiện thực này ngay lập tức và phải dùng lời Đức Chúa Trời để làm thỏa lòng Đức Chúa Trời trong đời sống thực của mình. Đức Chúa Trời sẽ hướng dẫn người trong mọi điều và sẽ ban cho người một phương cách thực hành, và làm người cảm thấy rằng Ngài đặc biệt đáng yêu mến, và cho phép người nhìn thấy rằng từng bước công tác của Đức Chúa Trời thực hiện trong

người là nhằm làm cho người hoàn thiện. Nếu người muốn thấy được tình yêu thương của Đức Chúa Trời, nếu người muốn thực sự trải nghiệm tình yêu thương của Đức Chúa Trời, thì người phải đi sâu vào thực tế, người phải đi sâu vào đời sống thực và nhìn thấy rằng mọi điều Đức Chúa Trời làm là tình yêu thương và sự cứu rỗi, và rằng tất cả những gì Ngài làm là để cho con người có thể bỏ lại phía sau những gì ô ứ, và để tinh luyện những gì bên trong con người, những điều không thể đáp ứng ý muốn của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời dùng lời để chu cấp cho con người; Ngài sắp đặt những hoàn cảnh đời thực để con người trải nghiệm, và nếu con người ăn và uống nhiều lời Đức Chúa Trời, thì khi họ thật sự thực hành chúng, họ có thể giải quyết được mọi khó khăn trong đời sống mình bằng cách dùng nhiều lời của Đức Chúa Trời. Điều đó có nghĩa là, người phải có những lời của Đức Chúa Trời để đi sâu vào thực tế, nếu người không ăn và uống những lời của Đức Chúa Trời, và không có công tác của Đức Chúa Trời, thì người sẽ không có hướng đi nào trong đời sống thực. Nếu người không bao giờ ăn hay uống những lời của Đức Chúa Trời, thì người sẽ bị bối rối khi điều gì đó xảy ra với người. Người chỉ biết rằng người nên yêu mến Đức Chúa Trời, nhưng người không có bất kỳ khả năng phân biệt nào và không có phương cách thực hành; người bị lẫn lộn và bối rối, và đôi khi người thậm chí còn tin rằng bằng cách thỏa mãn xác thịt là người đang làm thỏa lòng Đức Chúa Trời – tất cả những điều này là hậu quả của việc không ăn và uống lời Đức Chúa Trời. Điều đó có nghĩa là, nếu người không có sự hỗ trợ từ lời Đức Chúa Trời, và chỉ dò dẫm trong thực tế, thì người về cơ bản là không thể tìm thấy phương cách thực hành. Những người như thế đơn giản không hiểu được tin vào Đức Chúa Trời có nghĩa là gì, họ càng không hiểu được yêu mến Đức Chúa Trời có nghĩa là gì. Nếu dùng sự khai sáng và hướng dẫn của lời Đức Chúa Trời, người thường xuyên cầu nguyện, tìm hiểu, và tìm kiếm, và qua đây, người khám phá ra điều người cần phải đưa vào thực hành, tìm thấy cơ hội cho công tác của Đức Thánh Linh, hợp tác thực sự với Đức Chúa Trời, không bị lẫn lộn và bối rối, thì người sẽ có hướng đi trong đời sống thực, và sẽ thực sự làm thỏa lòng Đức Chúa Trời. Khi người đã làm thỏa lòng Đức Chúa Trời, sẽ có sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời bên trong người, và người sẽ được Đức Chúa Trời ban phước một cách đặc biệt, điều đó cho người một cảm giác của sự vui thỏa: Người sẽ cảm thấy đặc biệt vinh dự rằng người đã làm thỏa lòng Đức Chúa Trời, người sẽ cảm thấy sáng suốt một cách đặc biệt ở bên trong, và trong lòng mình, người cảm thấy tinh sạch và bình an. Lương tâm người sẽ được an ủi và thoát khỏi những sự cáo buộc, và người sẽ cảm thấy dễ chịu bên trong khi gặp các anh chị em mình. Đây là ý nghĩa của việc vui hưởng tình yêu thương của Đức Chúa Trời, và duy nhất điều này là thực sự vui hưởng Đức Chúa Trời. Sự vui hưởng

tình yêu thương Đức Chúa Trời của con người có được qua trải nghiệm: Bằng cách trải qua khó khăn, và trải nghiệm việc thực hành lẽ thật, họ có được các phước lành của Đức Chúa Trời. Nếu người chỉ nói rằng Đức Chúa Trời thực sự yêu người, rằng Đức Chúa Trời đã thực sự trả giá đắt vì lợi ích của con người, rằng Ngài đã kiên nhẫn và nhân từ phán ra rất nhiều lời phán và luôn luôn cứu rỗi loài người, thì việc người thoát ra những lời này chỉ là một mặt của sự vui hưởng Đức Chúa Trời. Tuy thế, sự vui hưởng to lớn hơn – sự vui hưởng thật sự – là khi con người đưa lẽ thật vào thực hành trong đời sống thực của họ, sau đó họ được bình an và tinh sạch trong lòng mình. Họ cảm thấy vô cùng xúc động bên trong, và rằng Đức Chúa Trời thật đáng yêu kính nhất. Người sẽ cảm thấy rằng cái giá mà người đã trả là quá hợp lý. Sau khi đã trả giá đắt trong những nỗ lực của mình, người sẽ đặc biệt sáng suốt ở bên trong: Người sẽ cảm thấy mình đang thực sự vui hưởng tình yêu thương của Đức Chúa Trời và người sẽ hiểu rằng Đức Chúa Trời đã thực hiện công tác cứu rỗi trong con người, rằng sự tinh luyện con người của Ngài là nhằm làm tinh sạch họ, và rằng Đức Chúa Trời thử luyện con người để kiểm tra xem họ có thật sự yêu mến Ngài hay không. Nếu người luôn thực hành lẽ thật theo cách này, thì người sẽ dần dần phát triển một sự hiểu biết rõ ràng về phần lớn công tác của Đức Chúa Trời, và khi đó người sẽ cảm thấy rằng lời Đức Chúa Trời trước mặt người rõ ràng như pha lê. Nếu người có thể hiểu rõ nhiều lẽ thật, người sẽ cảm thấy rằng mọi vấn đề đều dễ dàng đưa vào thực hành, rằng người có thể vượt qua bất kỳ vấn đề nào cũng như vượt qua bất kỳ sự thử thách nào, và người sẽ thấy rằng không có gì là nan đề đối với người, điều đó sẽ giải phóng và giải thoát cho người rất nhiều. Lúc này, người sẽ vui hưởng tình yêu thương của Đức Chúa Trời, và tình yêu thương thực sự của Đức Chúa Trời sẽ đến trên người. Đức Chúa Trời ban phước cho những ai có khái tượng, những ai có lẽ thật, những ai có sự hiểu biết, và những ai thực sự yêu mến Ngài. Nếu con người mong muốn được nhìn thấy tình yêu thương của Đức Chúa Trời, họ phải thực hành lẽ thật trong đời sống thực, họ sẽ phải sẵn lòng chịu đau đớn và phản bội những gì họ yêu thích để làm thỏa lòng Đức Chúa Trời, và dù mất có nhòa lệ, họ vẫn phải có thể làm thỏa lòng Đức Chúa Trời. Theo cách này, chắc chắn Đức Chúa Trời sẽ ban phước cho người, và nếu người chịu được khó khăn như thế, tiếp theo sau sẽ là công tác của Đức Thánh Linh. Qua đời sống thực tế, và qua việc trải nghiệm lời Đức Chúa Trời, con người có thể thấy được vẻ đáng mến của Đức Chúa Trời, và chỉ khi họ nếm trải được tình yêu thương của Đức Chúa Trời thì họ mới có thể thực sự yêu mến Ngài.

Người càng thực hành lẽ thật, người càng có nhiều lẽ thật; người càng thực hành lẽ thật, người càng sở hữu tình yêu thương của Đức Chúa Trời; và càng thực hành

lẽ thật, người càng được Đức Chúa Trời ban phước. Nếu người luôn luôn thực hành theo cách này, tình yêu thương của Đức Chúa Trời dành cho người sẽ dần dần giúp người có thể thấy, cũng như khi Phi-e-rơ đã bắt đầu biết Đức Chúa Trời: Phi-e-rơ đã nói rằng Đức Chúa Trời không chỉ có sự khôn ngoan để tạo dựng nên trời đất và muôn vật, mà, hơn nữa, Ngài cũng có sự khôn ngoan để làm những công tác thực sự trong loài người. Phi-e-rơ đã nói rằng Ngài không chỉ xứng đáng với tình yêu của loài người bởi vì sự tạo dựng ra trời đất và muôn vật của Ngài, mà hơn nữa, còn bởi khả năng tạo ra con người, cứu rỗi con người, làm cho con người hoàn thiện, và để lại tình yêu thương của Ngài cho con người. Vì thế, Phi-e-rơ cũng đã nói rằng có nhiều điều trong Ngài xứng đáng với tình yêu của con người. Phi-e-rơ đã nói với Jê-sus: “Lẽ nào việc tạo dựng ra trời đất và muôn vật là lí do duy nhất Ngài xứng đáng nhận được tình yêu của con người? Có nhiều điều đáng yêu kính trong Ngài, Ngài hành động và hoạt động trong đời thực, Thần của Ngài lay động tôi ở bên trong, Ngài sửa dạy tôi, Người quở trách tôi – những điều này thậm chí còn xứng đáng tình yêu của con người hơn”. Nếu người mong muốn nhìn thấy và trải nghiệm tình yêu thương của Đức Chúa Trời, thì người phải tìm hiểu và tìm kiếm trong đời thật, và phải sẵn lòng dẹp sang một bên xác thịt của chính người. Người phải đặt ra quyết tâm này. Người phải là người có sự kiên quyết, người có thể làm thỏa lòng Đức Chúa Trời trong mọi sự, không biếng nhác hay thêm muốn sự hưởng thụ xác thịt, không sống vì xác thịt mà sống vì Đức Chúa Trời. Có thể có những lúc người không làm thỏa lòng Đức Chúa Trời. Đó là bởi vì người không hiểu được ý muốn của Đức Chúa Trời; lần sau, mặc dù sẽ mất nhiều công sức hơn, người phải làm thỏa lòng Ngài và không được thỏa mãn xác thịt. Khi người trải nghiệm theo cách này, người sẽ biết đến Đức Chúa Trời. Người sẽ thấy rằng Đức Chúa Trời có thể tạo dựng nên trời đất và muôn vật, rằng Ngài đã trở nên xác thịt để con người có thể thực sự nhìn thấy Ngài và thực sự tiếp xúc với Ngài; người sẽ thấy rằng Ngài có thể đi giữa con người, và rằng Thần của Ngài có thể làm cho con người hoàn thiện trong đời sống thực, cho phép họ nhìn thấy sự đáng mến của Ngài và trải nghiệm sự sửa dạy của Ngài, sự sửa phạt của Ngài, và những phước lành của Ngài. Nếu người luôn luôn trải nghiệm theo cách này, thì trong đời thực người sẽ không thể tách rời khỏi Đức Chúa Trời, và nếu một ngày mối quan hệ của người với Đức Chúa Trời không còn bình thường, người sẽ có thể chịu sự quở trách và cảm thấy hối hận. Khi người có một mối quan hệ bình thường với Đức Chúa Trời, người sẽ không bao giờ muốn rời xa Đức Chúa Trời, và nếu một ngày Đức Chúa Trời phán Ngài sẽ rời xa người, người sẽ sợ, và người sẽ nói rằng người thà chết hơn là bị Đức Chúa Trời lìa bỏ. Ngay sau khi người có những cảm xúc này, người sẽ cảm thấy rằng người không thể rời xa

Đức Chúa Trời, và bằng cách này, người sẽ có một nền tảng, và sẽ thực sự vui hưởng tình yêu thương của Đức Chúa Trời.

Con người thường nói về việc để Đức Chúa Trời là cuộc sống của họ, nhưng trải nghiệm của họ chưa đến mức đó. Người chỉ đơn thuần nói rằng Đức Chúa Trời là cuộc sống của người, rằng Ngài hướng dẫn người mỗi ngày, rằng người ăn và uống lời Ngài mỗi ngày, và rằng người cầu nguyện với Ngài mỗi ngày, vì thế Ngài đã trở thành cuộc sống của người. Sự hiểu biết của những ai nói những lời này khá nông cạn. Trong nhiều người không có nền tảng; những lời Đức Chúa Trời đã được gieo trong họ, nhưng chúng vẫn chưa nảy mầm, huống chi là chúng sinh hoa kết trái nào. Ngày nay, người đã trải nghiệm đến mức độ nào? Chỉ bây giờ, sau khi Đức Chúa Trời đã buộc người tiến xa đến mức này, người mới cảm thấy rằng người không thể rời xa Đức Chúa Trời. Vào một ngày, khi sự trải nghiệm của người đã đạt đến một mức nào đó, nếu Đức Chúa Trời khiến người phải rời xa, người sẽ không thể làm vậy. Người sẽ luôn cảm thấy rằng người không thể không có Đức Chúa Trời bên trong người; người có thể không có chồng, vợ hay con cái, không có gia đình, không có mẹ hoặc cha, không có những thú vui xác thịt, nhưng người không thể không có Đức Chúa Trời. Không có Đức Chúa Trời sẽ giống như đánh mất sự sống của người; người sẽ không thể sống mà không có Đức Chúa Trời. Khi đã trải nghiệm đến mức này, người sẽ thành công trong đức tin của người nơi Đức Chúa Trời, và bằng cách này Đức Chúa Trời sẽ trở thành sự sống của người, Ngài sẽ trở thành nền tảng cho sự hiện hữu của người. Người sẽ không bao giờ có thể lại rời xa Đức Chúa Trời. Khi người đã trải nghiệm đến mức độ này, người sẽ thực sự vui hưởng tình yêu thương của Đức Chúa Trời, và khi người có mối quan hệ đủ mật thiết với Đức Chúa Trời, Ngài sẽ là sự sống của người, tình yêu của người, và khi đó người sẽ cầu nguyện với Đức Chúa Trời và thưa rằng: “Lạy Đức Chúa Trời! Con không thể rời xa Ngài, Ngài là sự sống của con. Con có thể bước đi mà không có những thứ khác – nhưng không có Ngài, con không thể tiếp tục sống”. Đây là vóc giặc thực sự của con người; nó là đời sống thật. Một vài người bị bắt buộc đạt đến mức như hiện nay: Họ phải tiếp tục dù muốn hay không, và họ luôn cảm thấy như thể họ đang tiến thoái lưỡng nan. Người phải trải nghiệm đến mức Đức Chúa Trời là sự sống của người, đến mức nếu Đức Chúa Trời bị lấy đi khỏi lòng người, thì điều đó giống như đánh mất sự sống của người; Đức Chúa Trời phải là sự sống của người, và người ắt hẳn không thể rời xa Ngài. Bằng cách này, người sẽ thực sự trải nghiệm Đức Chúa Trời, và tại thời điểm này, khi người yêu mến Đức Chúa Trời, người sẽ thực sự yêu mến Đức Chúa Trời, và nó sẽ là một tình yêu duy nhất và thuần khiết. Một ngày khi những kinh nghiệm của người làm cho cuộc đời người đạt đến một mức nhất định, khi người

cầu nguyện với Đức Chúa Trời, và ăn uống lời của Đức Chúa Trời, người sẽ không thể rời xa Đức Chúa Trời ở bên trong, người cũng sẽ không thể quên được Ngài ngay cả nếu người muốn. Đức Chúa Trời sẽ trở thành sự sống của người; người có thể quên đi thế giới, người có thể quên đi vợ, chồng hay con cái mình, nhưng người sẽ khó mà quên được Đức Chúa Trời – làm như vậy sẽ là bất khả thi, đây là sự sống thực sự của người và tình yêu thực sự của người dành cho Đức Chúa Trời. Khi tình yêu của con người dành cho Đức Chúa Trời đã đạt đến một mức nhất định, họ không yêu gì bằng yêu Đức Chúa Trời; tình yêu của họ dành cho Đức Chúa Trời là hàng đầu. Bằng cách này, người có thể từ bỏ mọi thứ khác, và sẵn lòng chấp nhận mọi sự xử lý và tía sửa từ Đức Chúa Trời. Khi người đã đạt được một tình yêu dành cho Đức Chúa Trời vượt trên mọi thứ khác, người sẽ sống trong hiện thực và trong tình yêu thương của Đức Chúa Trời.

Ngay sau khi Đức Chúa Trời trở nên sự sống trong con người, con người trở nên không thể rời xa Đức Chúa Trời. Chẳng lẽ đây không phải là việc làm của Đức Chúa Trời sao? Không có một chứng ngôn nào tuyệt vời hơn! Đức Chúa Trời đã làm việc đến một mức nhất định; Ngài đã phán để con người phục vụ, bị hành phạt hoặc là chết, và con người đã không lùi bước, điều này cho thấy rằng họ đã được Đức Chúa Trời chinh phục. Những người có lẽ thật là những người mà, trong những kinh nghiệm thực tế của họ, có thể đứng vững trong chứng ngôn của họ, kiên định với lập trường của họ, đứng về phía Đức Chúa Trời, không bao giờ rút lui, và những người có thể có mối liên hệ bình thường với những ai yêu mến Đức Chúa Trời, những người có thể vâng lời Đức Chúa Trời một cách tuyệt đối khi mọi việc xảy ra với họ, và có thể vâng lời Đức Chúa Trời cho đến chết. Sự thực hành và tỏ lộ của người trong đời thực là chứng ngôn về Đức Chúa Trời, chúng là việc sống bày tỏ ra của con người và lời chứng về Đức Chúa Trời, và điều này là thực sự vui hưởng tình yêu thương của Đức Chúa Trời; khi người đã trải nghiệm đến mức này thì sẽ đạt được hiệu quả xứng đáng. Người được sở hữu sự sống bày tỏ ra thật sự và mỗi hành động của người được những người khác nhìn với vẻ ngưỡng mộ. Trang phục và diện mạo bên ngoài của người không nổi bật, nhưng người sống bày tỏ ra một cuộc sống vô cùng tin kính, và khi người truyền đạt lời của Đức Chúa Trời, người được Ngài hướng dẫn và khai sáng. Người có thể nói ý muốn của Đức Chúa Trời bằng lời của người, truyền đạt hiện thực, và người hiểu nhiều về việc phụng sự trong linh hồn. Người thẳng thắn trong cách nói, người đàng hoàng và chính trực, không dối đầu và đúng mực, có thể vâng theo sự xếp đặt của Đức Chúa Trời và đứng vững trong chứng ngôn của mình khi mọi việc xảy ra với người, và người bình tĩnh, điềm tĩnh bất kể đang đối phó chuyện gì đi nữa. Loại người này đã thực sự thấy được tình

yêu thương của Đức Chúa Trời. Một số người vẫn còn trẻ, nhưng họ hành động như một người ở tuổi trung niên; họ chín chắn; sở hữu lẽ thật, và được những người khác ngưỡng mộ – và đây là những người có chứng ngôn và là sự biểu hiện của Đức Chúa Trời. Điều đó có nghĩa là, khi họ đã trải nghiệm đến một mức nhất định, bên trong họ sẽ có sự hiểu biết sâu sắc về Đức Chúa Trời, và tâm tính bên ngoài của họ cũng sẽ ổn định. Nhiều người không thực hành lẽ thật và không đứng vững trong lời chứng của họ. Trong những người như thế không có tình yêu dành cho Đức Chúa Trời, hay là lời chứng về Đức Chúa Trời, và đây là những người bị Đức Chúa Trời ghê tởm nhất. Họ đọc lời Đức Chúa Trời trong những buổi tụ họp, nhưng những gì họ sống bày tỏ ra là Sa-tan, và điều này làm ô danh Đức Chúa Trời, phỉ báng Đức Chúa Trời và báng bổ Đức Chúa Trời. Trong những con người như thế không có dấu hiệu của tình yêu thương của Đức Chúa Trời, và họ không có công tác của Đức Thánh Linh chút nào. Vì vậy, những lời nói và hành động của mọi người đại diện cho Sa-tan. Nếu lòng người luôn bình an trước Đức Chúa Trời, và người luôn chú ý đến những người và những thứ xung quanh người, cùng những gì đang diễn ra xung quanh người, và nếu người quan tâm đến trọng trách của Đức Chúa Trời, và luôn có một lòng tôn kính Đức Chúa Trời, thì Đức Chúa Trời sẽ thường xuyên khai sáng người ở bên trong. Trong hội thánh, có những người là “các giám sát viên”: Họ đề ra việc theo dõi những khiếm khuyết của người khác, rồi sao chép và bắt chước theo họ. Họ không thể phân biệt, họ không ghét tội lỗi và họ không ghét hay cảm thấy ghê tởm bởi những thứ của Sa-tan. Những người như thế chứa đầy dẫy những thứ của Sa-tan, và cuối cùng họ sẽ bị Đức Chúa Trời từ bỏ hoàn toàn. Lòng người nên hằng tỏ ra tôn kính trước Đức Chúa Trời, người nên chừng mực trong lời nói, hành động và đừng bao giờ muốn chống đối hay làm buồn lòng Đức Chúa Trời. Người đừng bao giờ để công việc của Đức Chúa Trời trong người trở nên vô nghĩa, hoặc là để tất cả những khó khăn người đã chịu đựng và tất cả những gì người đã thực hành trở thành con số không. Người phải sẵn sàng làm việc chăm chỉ hơn và yêu mến Đức Chúa Trời nhiều hơn trên con đường phía trước. Đây là những người có một khái tượng làm nền tảng của họ. Đây là những người tìm kiếm sự tiến bộ.

Nếu con người tin Đức Chúa Trời và trải nghiệm lời Đức Chúa Trời với lòng tôn kính Đức Chúa Trời, thì trong những con người như thế có thể thấy được sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời và tình yêu thương của Đức Chúa Trời. Những người này có thể chứng thực về Đức Chúa Trời; họ sống bày tỏ ra lẽ thật, và điều họ chứng thực cũng là lẽ thật, là Đức Chúa Trời là gì, và tâm tính của Đức Chúa Trời. Họ sống giữa tình yêu thương của Đức Chúa Trời và đã nhìn thấy tình yêu thương của Đức Chúa Trời. Nếu con người muốn yêu mến Đức Chúa Trời, họ phải nếm trải sự đáng mến của

Đức Chúa Trời và nhìn thấy sự đáng mến của Đức Chúa Trời; chỉ khi đó mới có thể dấy lên trong họ một tấm lòng yêu mến Đức Chúa Trời, một tấm lòng cảm thúc con người hiến dâng bản thân cho Đức Chúa Trời một cách trung tín. Đức Chúa Trời không khiến con người yêu mến Ngài qua lời nói và sự bày tỏ hoặc qua sự tưởng tượng của họ, và Ngài không ép con người phải yêu mến Ngài. Thay vào đó, Ngài để họ tự nguyện yêu mến Ngài; và Ngài để họ nhìn thấy sự đáng mến của Ngài trong công tác và những lời phán của Ngài, để sau đó tình yêu dành cho Đức Chúa Trời được nảy nở trong họ. Chỉ bằng cách này con người mới có thể thực sự mang lời chứng về Đức Chúa Trời. Con người không yêu mến Đức Chúa Trời bởi vì họ bị những người khác thúc giục làm như thế, cũng không phải là sự bốc đồng cảm xúc tức thời. Họ yêu mến Đức Chúa Trời bởi vì họ đã nhìn thấy sự đáng mến của Ngài, họ đã nhìn thấy rằng có rất nhiều điều về Ngài xứng đáng với tình yêu của con người, bởi vì họ đã nhìn thấy sự cứu rỗi, sự khôn ngoan và những việc làm kỳ diệu của Đức Chúa Trời – và kết quả là, họ thực sự ngợi khen Đức Chúa Trời, và thực sự khao khát Ngài, và trong họ dấy lên một niềm đam mê đến nỗi họ không thể tồn tại nếu không có được Đức Chúa Trời. Lý do tại sao những người thực sự chứng thực về Đức Chúa Trời có thể đưa ra một chứng ngôn vang dội về Ngài là vì chứng ngôn của họ dựa trên nền tảng của sự hiểu biết thật và sự khao khát thật về Đức Chúa Trời. Chứng ngôn như vậy không phải được đưa ra theo một sự bốc đồng về cảm xúc, mà dựa theo sự hiểu biết của họ về Đức Chúa Trời và tâm tính của Ngài. Bởi vì họ đã biết đến Đức Chúa Trời, họ cảm thấy rằng họ chắc chắn phải chứng thực về Ngài, và làm cho tất cả những ai khao khát Đức Chúa Trời biết đến Đức Chúa Trời, và nhận thức được sự đáng mến của Đức Chúa Trời, và tính thực tế của Ngài. Giống như tình yêu của con người dành cho Đức Chúa Trời, chứng ngôn của họ là tự phát; nó là thật và có ý nghĩa cùng giá trị thực sự. Nó không thụ động hay trống rỗng và vô nghĩa. Lý do chỉ những ai thực sự yêu mến Đức Chúa Trời mới có được giá trị và ý nghĩa lớn lao nhất trong cuộc đời của họ, lí do chỉ họ mới thực sự tin Đức Chúa Trời, là vì những người này có thể sống trong sự sáng của Đức Chúa Trời, và có thể sống cho công tác và sự quản lý của Đức Chúa Trời. Đó là bởi vì họ không sống trong bóng tối, mà sống trong sự sáng; họ không sống những cuộc đời vô nghĩa, mà là những cuộc đời được ban phước bởi Đức Chúa Trời. Chỉ những ai yêu mến Đức Chúa Trời mới có thể chứng thực về Đức Chúa Trời, chỉ có họ mới là chứng nhân của Đức Chúa Trời, chỉ có họ mới được Đức Chúa Trời ban phước, và chỉ có họ mới có thể nhận được những lời hứa của Đức Chúa Trời. Những ai yêu mến Đức Chúa Trời là người tâm phúc của Đức Chúa Trời; họ là những người được Đức Chúa Trời yêu thương, và họ có thể vui hưởng các phước lành cùng với Đức Chúa Trời. Chỉ

những người như thế sẽ sống đời đời, và chỉ có họ sẽ sống mãi trong sự chăm sóc và bảo vệ của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời là Đáng để con người yêu mến, và Ngài xứng đáng với tình yêu của tất cả con người, nhưng không phải tất cả mọi người đều có thể yêu mến Đức Chúa Trời, và không phải tất cả mọi người đều có thể chứng thực về Đức Chúa Trời và nắm giữ quyền lực cùng với Đức Chúa Trời. Bởi họ có thể chứng thực về Đức Chúa Trời và tận hiến tất cả nỗ lực của mình cho công tác của Đức Chúa Trời, nên những ai thực sự yêu mến Đức Chúa Trời có thể đi bất cứ nơi nào dưới các tầng trời mà không có ai dám chống đối họ, và họ có thể nắm giữ quyền lực trên đất và cai trị tất cả dân sự của Đức Chúa Trời. Những người này đã họp lại với nhau từ khắp nơi trên thế giới. Họ nói những ngôn ngữ khác nhau và có các màu da khác nhau, nhưng sự tồn tại của họ thì có cùng ý nghĩa; tất cả họ đều có lòng yêu mến Đức Chúa Trời, tất cả họ cùng mang một chứng ngôn, và có cùng quyết tâm, cùng ước muốn. Những ai yêu mến Đức Chúa Trời có thể đi lại tự do trên khắp thế giới, và những ai chứng thực về Đức Chúa Trời có thể du hành khắp vũ trụ. Những người này được Đức Chúa Trời yêu thương, họ được Đức Chúa Trời ban phước, và họ sẽ sống đời đời trong sự sáng của Ngài.

Công tác của Đức Thánh Linh và công việc của Sa-tan

Làm thế nào để hiểu được các chi tiết trong tâm linh? Đức Thánh Linh làm việc trong con người như thế nào? Sa-tan làm việc trong con người như thế nào? Tà linh làm việc trong con người như thế nào? Những biểu hiện là gì? Khi một điều gì đó xảy ra với người, nó có đến từ Đức Thánh Linh không, và người nên vâng lời hay là bác bỏ nó? Trong việc thực hành thực tế của mọi người, nhiều điều nảy sinh từ ý muốn của con người mà mọi người luôn luôn tin là chúng đến từ Đức Thánh Linh. Một số điều đến từ các tà linh, nhưng mọi người vẫn nghĩ rằng chúng đến từ Đức Thánh Linh, và đôi khi Đức Thánh Linh hướng dẫn mọi người từ bên trong, nhưng mọi người lại sợ rằng sự hướng dẫn như thế đến từ Sa-tan và vì vậy, không dám vâng lời, khi trong thực tế sự hướng dẫn đó lại là sự khai sáng của Đức Thánh Linh. Do đó, trừ khi một người thực hành sự phân biệt, nếu không thì không có cách nào để trải nghiệm trong trải nghiệm thực tế của họ; không có sự phân biệt, thì không cách nào có được sự sống. Đức Thánh Linh làm việc như thế nào? Tà linh làm việc thế nào? Điều gì đến từ ý muốn của con người? Và điều gì được sinh ra từ sự hướng dẫn và sự khai sáng của Đức Thánh Linh? Nếu người nắm bắt được các mô thức công tác của Đức Thánh Linh bên trong con người, thì trong

cuộc sống hàng ngày của người và trong trải nghiệm thực tế của người, người sẽ có thể gia tăng kiến thức và rút ra những sự khác biệt; người sẽ biết đến Đức Chúa Trời, người sẽ có thể hiểu và nhận ra Sa-tan; người sẽ không bối rối trong sự vâng lời hay theo đuổi của mình, và người sẽ là người có những suy nghĩ rõ ràng, là người vâng phục công tác của Đức Thánh Linh.

Công tác của Đức Thánh Linh là một dạng hướng dẫn chủ động và khai sáng tích cực. Nó không cho phép mọi người thụ động. Nó đem đến cho họ sự an ủi, cho họ đức tin và quyết tâm, cũng như giúp họ theo đuổi để được Đức Chúa Trời làm cho hoàn thiện. Khi Đức Thánh Linh làm việc, mọi người có thể chủ động bước vào, họ không thụ động hay bị ép buộc, mà tự mình hành động. Khi Đức Thánh Linh làm việc, con người vui mừng và sẵn lòng, sẵn sàng vâng lời và vui vẻ hạ mình. Mặc dù họ đau khổ và mỏng manh bên trong, nhưng họ có quyết tâm hợp tác; họ chịu khổ một cách vui vẻ, họ có thể vâng lời, và họ không bị ô uế bởi ý muốn của con người, không bị ô uế bởi tư tưởng của con người, và chắc chắn họ không bị ô uế bởi những ham muốn và động cơ của con người. Khi con người trải nghiệm công tác của Đức Thánh Linh, họ đặc biệt thánh khiết ở bên trong. Những ai sở hữu công tác của Đức Thánh Linh sống bày tỏ ra tình yêu dành cho Đức Chúa Trời và tình yêu dành cho các anh chị em mình; họ vui thích những điều làm Đức Chúa Trời vui thích và ghét những điều Đức Chúa Trời ghét. Những người được công tác của Đức Thánh Linh chạm đến có một nhân tính bình thường, và họ thường xuyên theo đuổi lẽ thật cũng như có được nhân tính. Khi Đức Thánh Linh làm việc trong con người, tình trạng của họ trở nên ngày càng tốt hơn, nhân tính của họ trở nên ngày càng bình thường hơn, và cho dù một vài sự hợp tác của họ có thể là ngốc nghếch, nhưng những động cơ của họ là đúng đắn, sự bước vào của họ là tích cực, họ không cố làm gián đoạn, và trong họ không có ác ý. Công tác của Đức Thánh Linh bình thường và thực tế, Đức Thánh Linh làm việc trong con người theo những quy tắc đời thường của con người, và Ngài thực hiện việc khai sáng và hướng dẫn trong con người tùy theo sự theo đuổi thực sự của người bình thường. Khi Đức Thánh Linh làm việc trong con người, Ngài hướng dẫn và khai sáng họ theo nhu cầu của con người bình thường. Ngài chu cấp cho họ theo nhu cầu của họ, Ngài tích cực hướng dẫn và khai sáng cho họ tùy theo những gì họ còn thiếu, và tùy theo những thiếu sót của họ. Công tác của Đức Thánh Linh là để khai sáng và hướng dẫn con người trong đời thực; chỉ khi họ trải nghiệm lời Đức Chúa Trời trong cuộc sống thực tế, thì họ mới có thể thấy được công tác của Đức Thánh Linh. Nếu trong đời sống hàng ngày, con người ở trong trạng thái tích cực và có một đời sống thuộc linh bình thường, thì họ sở hữu công tác của Đức Thánh Linh. Trong trạng

thái như thế, khi họ ăn uống lời của Đức Chúa Trời, họ có đức tin; khi họ cầu nguyện, họ được soi dẫn; khi họ đối diện với chuyện gì đó, họ không thụ động; và khi mọi chuyện xảy ra, họ có thể nhìn thấy bài học trong những chuyện mà Đức Chúa Trời đòi hỏi họ phải học đó. Họ không thụ động hay yếu đuối, và dù họ gặp khó khăn thực sự, nhưng họ sẵn sàng vâng phục mọi sự sắp đặt của Đức Chúa Trời.

Những hiệu quả nào đạt được bởi công tác của Đức Thánh Linh? Người có thể ngu dại, và người có thể không sáng suốt, nhưng Đức Thánh Linh chỉ cần làm việc và sẽ có đức tin trong người, cũng như người sẽ luôn luôn cảm thấy rằng người không thể yêu mến Đức Chúa Trời cho đủ. Người sẽ sẵn sàng hợp tác, cho dù những khó khăn phía trước có lớn đến đâu. Có những chuyện sẽ xảy ra với người và người sẽ không rõ chúng đến từ Đức Chúa Trời hay từ Sa-tan, nhưng người sẽ có thể chờ đợi, và người sẽ không thụ động hay chểnh mảng. Đây là công tác bình thường của Đức Thánh Linh. Khi Đức Thánh Linh làm việc bên trong người, người vẫn gặp phải những khó khăn thực sự: Đôi khi người sẽ rơi nước mắt, và đôi khi sẽ có những thứ người không thể vượt qua, nhưng đây đều chỉ là một giai đoạn công tác bình thường của Đức Thánh Linh. Mặc dù người đã không vượt qua được những khó khăn đó, và mặc dù lúc đó, người yếu đuối và đầy những lời phàn nàn, nhưng sau đó người vẫn có thể yêu mến Đức Chúa Trời với một đức tin tuyệt đối. Sự thụ động của người không thể ngăn người có những sự trải nghiệm bình thường, và bất kể người khác có nói gì, và người khác công kích người ra sao, người vẫn có thể yêu mến Đức Chúa Trời. Trong khi cầu nguyện, người luôn luôn cảm thấy rằng trong quá khứ, người đã mắc nợ Đức Chúa Trời rất nhiều, và người quyết tâm làm thỏa lòng Đức Chúa Trời cũng như từ bỏ xác thịt bất cứ khi nào người gặp lại những điều như thế. Sức mạnh này cho thấy công tác của Đức Thánh Linh ở bên trong người. Đây là trạng thái bình thường của công tác của Đức Thánh Linh.

Công việc nào đến từ Sa-tan? Trong công việc đến từ Sa-tan, những khái tượng trong con người thì mơ hồ; và con người không có nhân tính bình thường, động cơ phía sau những hành động của họ thì sai trái, và dù họ muốn yêu mến Đức Chúa Trời, nhưng luôn luôn có những lời buộc tội bên trong họ, và những lời buộc tội cùng những suy nghĩ này gây ra sự cản trở liên tục bên trong họ, kìm hãm sự phát triển của đời sống họ và ngăn họ đến trước Đức Chúa Trời trong trạng thái bình thường. Điều đó có nghĩa là, ngay sau khi công việc của Sa-tan ở bên trong con người, lòng của họ không thể bình an trước Đức Chúa Trời. Những người như thế không biết làm gì với chính mình – khi họ nhìn thấy mọi người tụ họp lại với nhau, họ muốn chạy trốn, và họ không thể nhắm mắt lại khi người khác cầu nguyện. Công việc của tà linh phá hỏng mối quan hệ bình thường giữa con người và Đức Chúa Trời, và làm

đảo lộn những khái tượng trước đây của con người hoặc con đường bước vào sự sống của họ trước đây; trong lòng mình, họ không bao giờ có thể đến gần với Đức Chúa Trời, và những sự việc luôn xảy ra gây gián đoạn cho họ và trói buộc họ. Lòng họ không thể tìm thấy sự bình an, họ không còn sức lực để yêu mến Đức Chúa Trời và tinh thần họ chìm xuống. Đó là những biểu hiện của công việc từ Sa-tan. Những biểu hiện của công việc từ Sa-tan là: không thể giữ vững lập trường và đứng ra làm chứng, khiến người trở thành một người có lỗi trước Đức Chúa Trời và là người không có sự trung tín với Đức Chúa Trời. Khi Sa-tan can thiệp, người đánh mất đi tình yêu thương và lòng trung thành với Đức Chúa Trời bên trong người, người bị tước mất mối quan hệ bình thường với Đức Chúa Trời, người không theo đuổi lẽ thật hay sự hoàn thiện bản thân; người thoái lui và trở nên thụ động, người nuông chiều bản thân, người dễ tội lỗi tự do lan rộng, và không căm ghét tội lỗi; hơn nữa, sự can thiệp của Sa-tan làm cho người trở nên suy đồi; nó khiến sự chạm đến của Đức Chúa Trời biến mất trong người, khiến người phản nản về Đức Chúa Trời và chống đối Ngài, dẫn đến việc người nghi ngờ Đức Chúa Trời; thậm chí có nguy cơ người sẽ từ bỏ Đức Chúa Trời. Hết thấy điều này đến từ Sa-tan.

Khi điều gì đó xảy ra với người trong cuộc sống hàng ngày của người, làm sao người phân biệt được nó đến từ công tác của Đức Thánh Linh hay từ công việc của Sa-tan? Khi trạng thái của con người bình thường, thì đời sống thuộc linh và đời sống trong xác thịt của họ bình thường và lý trí của họ bình thường, có lẽ lỗi. Khi họ ở trong trạng thái này, những gì họ trải nghiệm và nhận biết bên trong họ nói chung có thể nói là đến từ việc được Đức Thánh Linh chạm đến (có được sự thông sáng hoặc một vài kiến thức đơn giản khi họ ăn uống lời của Đức Chúa Trời, hoặc trung tín trong một số việc, hoặc có sức mạnh để yêu mến Đức Chúa Trời trong một số việc – tất cả những điều này đều đến từ Đức Thánh Linh). Công tác của Đức Thánh Linh trong con người thì đặc biệt bình thường; con người không có khả năng cảm nhận nó, và nó dường như đến thông qua chính con người, mặc dù, thật ra nó là công tác của Đức Thánh Linh. Trong cuộc sống hàng ngày, Đức Thánh Linh thực hiện cả công tác lớn lẫn nhỏ trong mọi người, và chỉ có mức độ của công tác này là khác nhau. Một vài người có tố chất tốt, họ hiểu mọi việc nhanh chóng, và sự khai sáng của Đức Thánh Linh đặc biệt lớn lao bên trong họ. Trong khi đó, một vài người có tố chất kém, họ mất nhiều thời gian hơn để hiểu mọi việc, nhưng Đức Thánh Linh chạm đến họ ở bên trong và họ cũng có thể đạt được sự trung tín với Đức Chúa Trời – Đức Thánh Linh làm việc trong tất cả những ai theo đuổi Đức Chúa Trời. Trong cuộc sống hàng ngày, khi mọi người không chống đối, hoặc phản nghịch Đức Chúa Trời, không làm những việc trái với sự quản lý của Đức Chúa Trời và

không can thiệp vào công tác của Đức Chúa Trời, thì trong từng người họ, Thần của Đức Chúa Trời đều làm việc ở mức độ nhiều hơn hay ít hơn; Ngài chạm đến họ, khai sáng họ, ban cho họ đức tin, ban cho họ sức mạnh, và cảm thúc họ để họ bước vào một cách chủ động, không biếng nhác hay ham muốn sự vui thú của xác thịt, sẵn sàng thực hành lẽ thật, và khao khát lời của Đức Chúa Trời. Hết thấy điều này là công tác đến từ Đức Thánh Linh.

Khi trạng thái của con người không bình thường, thì họ bị Đức Thánh Linh từ bỏ; trong tâm trí, họ dễ phản nản, động cơ của họ sai trái, họ biếng nhác, họ ham muốn xác thịt, và lòng họ phản nghịch lại lẽ thật. Hết thấy điều này đến từ Sa-tan. Khi điều kiện của con người không bình thường, khi bên trong họ tối tăm và đã đánh mất lý trí bình thường, bị Đức Thánh Linh từ bỏ, và không thể cảm nhận Đức Chúa Trời ở trong chính mình, thì đây là lúc Sa-tan đang làm việc trong họ. Nếu con người luôn luôn có sức mạnh bên trong mình và luôn luôn yêu mến Đức Chúa Trời, thì nói chung, khi mọi việc xảy đến với họ, những việc đó đến từ Đức Thánh Linh, và bất kỳ ai họ gặp gỡ, cuộc gặp gỡ đó cũng là kết quả của những sắp đặt bởi Đức Chúa Trời. Điều này có nghĩa là, khi người ở trong điều kiện bình thường, khi người đang ở trong công tác lớn lao của Đức Thánh Linh, thì Sa-tan không thể làm người dao động. Dựa trên nền tảng này, có thể nói rằng mọi việc đều đến từ Đức Thánh Linh, và mặc dù người có thể có những suy nghĩ không đúng, nhưng người có thể từ bỏ chúng và không làm theo chúng. Hết thấy điều này đến từ công tác của Đức Thánh Linh. Sa-tan xen vào trong những tình huống nào? Sa-tan dễ dàng để làm việc trong người khi điều kiện của người không bình thường, khi người chưa được Đức Chúa Trời chạm đến và không có công tác của Đức Chúa Trời, khi người khô khan và cần cỗi bên trong, khi người cầu nguyện với Đức Chúa Trời nhưng không nắm bắt được gì, và khi người ăn uống lời của Đức Chúa Trời nhưng không được khai sáng hay soi sáng. Nói cách khác, khi người đã bị Đức Thánh Linh từ bỏ và người không thể cảm nhận được Đức Chúa Trời, thì nhiều điều xảy ra với người đến từ sự cám dỗ của Sa-tan. Khi Đức Thánh Linh làm việc, Sa-tan cũng đang làm việc trong suốt thời gian đó. Đức Thánh Linh chạm đến bên trong con người, trong khi cùng lúc Sa-tan can thiệp vào con người. Tuy nhiên, công tác của Đức Thánh Linh chiếm thế thượng phong, và những ai có điều kiện bình thường có thể chiến thắng; đây là chiến thắng của công tác của Đức Thánh Linh đối với công tác của Sa-tan. Trong khi Đức Thánh Linh làm việc, tâm tính bại hoại vẫn tồn tại bên trong con người; tuy nhiên, trong quá trình công tác của Đức Thánh Linh, con người dễ dàng phát hiện và nhận ra sự phản nghịch, những động cơ và sự ô tạp của họ. Chỉ khi đó, con người mới cảm thấy ân hận và trở nên sẵn lòng ăn năn. Như thế, những tâm tính phản nghịch và bại hoại

của họ dần được rũ bỏ trong công tác của Đức Chúa Trời. Công tác của Đức Thánh Linh thì đặc biệt bình thường; khi Ngài làm việc trong con người, họ vẫn còn gặp rắc rối, họ vẫn khóc lóc, họ vẫn đau khổ, họ vẫn yếu đuối và vẫn còn nhiều điều chưa rõ ràng đối với họ, tuy nhiên trong trạng thái này, họ có thể ngăn mình không thoái lui, và họ có thể yêu mến Đức Chúa Trời, và mặc dù họ than khóc và đau buồn, nhưng họ vẫn có thể ca ngợi Đức Chúa Trời; công tác của Đức Thánh Linh thì đặc biệt bình thường, không có một chút gì siêu nhiên. Hầu hết mọi người tin rằng, ngay sau khi Đức Thánh Linh bắt đầu làm việc, những sự thay đổi xảy ra trong trạng thái của con người và những thứ là bản chất của họ bị loại bỏ. Những niềm tin như thế là sai lầm. Khi Đức Thánh Linh làm việc trong con người, những điều thụ động của con người vẫn còn đó và vóc giạc của họ vẫn như cũ, nhưng họ có được sự soi sáng và khai sáng của Đức Thánh Linh và vì thế, trạng thái của họ trở nên chủ động hơn, điều kiện bên trong họ trở nên bình thường, và họ thay đổi nhanh chóng. Trong những trải nghiệm thực tế của con người, họ chủ yếu trải nghiệm công tác của Đức Thánh Linh hoặc của Sa-tan, và nếu họ không thể nắm bắt những trạng thái này và không phân biệt được, thì việc bước vào những trải nghiệm thực tế là điều không thể, chứ đừng nói gì đến những thay đổi trong tâm tính. Vì thế, chìa khóa để trải nghiệm công tác của Đức Chúa Trời là có thể nhìn thấu những điều đó; bằng cách này, họ sẽ dễ dàng trải nghiệm nó hơn.

Công tác của Đức Thánh Linh là tiến trình tích cực, trong khi công tác của Sa-tan lại là sự thoái lui, tiêu cực, phản nghịch, chống đối Đức Chúa Trời, đánh mất đức tin nơi Đức Chúa Trời, thậm chí không muốn hát thánh ca, và quá yếu đuối để thực hiện bổn phận của mình. Mọi thứ bắt nguồn từ sự khai sáng của Đức Thánh Linh thì hoàn toàn tự nhiên; không ép buộc người. Nếu người làm theo chúng, thì người sẽ có bình an; nếu người không làm theo, thì sau đó, người sẽ bị quở trách. Với sự khai sáng của Đức Thánh Linh, không gì người làm lại bị can thiệp hay kìm hãm; người sẽ được tự do, sẽ có một con đường thực hành trong các hành động của người, và người sẽ không phải chịu bất kỳ sự ràng buộc nào, mà có thể hành động theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Công tác của Sa-tan gây cản trở cho người trong nhiều việc, nó khiến người không muốn cầu nguyện, quá lười ăn uống lời của Đức Chúa Trời, không sẵn sàng sống đời sống hội thánh, và nó khiến người xa rời đời sống thuộc linh. Công tác của Đức Thánh Linh không can thiệp vào cuộc sống hàng ngày của người, và không can thiệp vào đời sống thuộc linh bình thường của người. Người không thể nhận ra nhiều điều ngay tại thời điểm chúng xảy ra, tuy nhiên, sau một vài ngày, lòng người trở nên sáng tỏ hơn và tâm trí người minh mẫn hơn. Người bắt đầu có một chút ý thức về những điều thuộc linh, và từ từ, người có thể phân biệt một

suy nghĩ đến từ Đức Chúa Trời hay từ Sa-tan. Một vài điều rõ ràng khiến người chống đối Đức Chúa Trời và phản nghịch Đức Chúa Trời, hoặc ngăn cản người thực hành lời Đức Chúa Trời; tất cả những điều này đều đến từ Sa-tan. Một vài điều không rõ ràng, và người không thể phân biệt chúng là gì tại thời điểm đó; sau đó, người có thể nhìn thấy những biểu hiện của chúng và rồi tiến hành suy xét. Nếu người có thể phân biệt rõ điều gì đến từ Sa-tan và điều gì được hướng dẫn bởi Đức Thánh Linh, thì người sẽ không dễ bị làm đường lạc lối trong những trải nghiệm của mình. Đôi lúc, khi điều kiện của người không tốt, thì người có những suy nghĩ nhất định kéo người ra khỏi trạng thái thụ động. Điều này cho thấy rằng ngay cả khi điều kiện của người không thuận lợi, một vài suy nghĩ của người vẫn có thể đến từ Đức Thánh Linh. Điều đó không đúng rằng khi người thụ động, tất cả các suy nghĩ của người đều đến từ Sa-tan; nếu điều đó đúng, thì khi nào người mới có thể chuyển sang trạng thái tích cực? Sau khi người thụ động một thời gian, Đức Thánh Linh cho người một cơ hội để được làm cho hoàn thiện; Ngài chạm đến người, và đem người ra khỏi trạng thái thụ động của mình.

Sau khi biết được công tác của Đức Thánh Linh là gì, và công việc của Sa-tan là gì, người có thể so sánh những điều này với trạng thái của chính người trong suốt quá trình trải nghiệm của người, với những kinh nghiệm của chính người, và theo cách này, sẽ có nhiều lẽ thật nữa liên quan đến nguyên tắc trong những trải nghiệm của người. Sau khi hiểu được những lẽ thật về nguyên tắc này, người sẽ có thể làm chủ trạng thái thực tại của mình, và người sẽ có thể phân biệt được giữa những con người và sự việc, và người sẽ không phải tốn quá nhiều công sức để có được công tác của Đức Thánh Linh. Dĩ nhiên, điều này phụ thuộc vào việc động cơ của người phải đúng đắn, cũng như vào sự sẵn lòng tìm kiếm và thực hành của người. Ngôn ngữ như thế này – ngôn ngữ liên quan đến các nguyên tắc – nên đóng vai trò quan trọng trong những trải nghiệm của người. Không có nó, những trải nghiệm của người sẽ đầy dẫy sự can thiệp của Sa-tan và những kiến thức ngu ngốc. Nếu người không hiểu được Đức Thánh Linh làm việc như thế nào, thì người không hiểu được người sẽ bước vào như thế nào, và nếu người không hiểu được Sa-tan làm việc như thế nào, thì người không hiểu được người phải cẩn trọng trong từng bước người đi như thế nào. Con người nên hiểu cả việc Đức Thánh Linh làm việc như thế nào lẫn việc Sa-tan làm việc như thế nào; cả hai là một phần không thể thiếu trong những trải nghiệm của con người.

Lời cảnh báo cho những ai không thực hành lễ thật

Những người trong số các anh chị em luôn luôn tuân ra điều tiêu cực của mình là những tên tay sai của Sa-tan và họ làm nhiều loạn hội thánh. Những người như thế một ngày nào đó phải bị trục xuất và loại bỏ. Trong niềm tin của họ vào Đức Chúa Trời, nếu con người không có một tấm lòng tôn kính Đức Chúa Trời, nếu họ không có một tấm lòng vâng phục Đức Chúa Trời, thì không những họ sẽ không thể thực hiện bất kỳ công việc gì cho Ngài, mà ngược lại sẽ trở thành những kẻ làm nhiều loạn công tác của Ngài và những kẻ chống đối Ngài. Tin vào Đức Chúa Trời nhưng không vâng phục hoặc tôn kính Ngài, mà thay vào đó lại chống đối Ngài, là một điều nhục nhã nhất đối với một tín đồ. Nếu các tín đồ chỉ tùy tiện và không kiểm chế trong lời nói của mình và hành xử như những kẻ chẳng tin, thì họ thậm chí còn xấu xa hơn những kẻ chẳng tin; họ là những con quỷ hiện nguyên hình. Những kẻ tuân ra những lời độc hại, hiểm ác trong hội thánh, những kẻ loan tin đồn, xúi giục bất hòa, và lập băng nhóm giữa các anh chị em – lẽ ra họ phải bị trục xuất khỏi hội thánh. Tuy nhiên vì hiện nay là một thời đại khác trong công tác của Đức Chúa Trời, nên những kẻ này bị giới hạn, bởi họ đối mặt với sự loại bỏ chắc chắn. Hết thầy những kẻ đã bị Sa-tan làm cho bại hoại đều có tâm tính bại hoại. Một số không có gì ngoài tâm tính bại hoại, trong khi những kẻ còn lại thì khác: Không những họ có những tâm tính Sa-tan bại hoại, mà bản tính của họ cũng cực kỳ hiểm độc. Không chỉ lời nói và hành động của họ tỏ lộ những tâm tính Sa-tan bại hoại của mình; hơn nữa, những kẻ này là quỷ Sa-tan đích thực. Hành vi của họ làm gián đoạn và làm nhiều loạn công tác của Đức Chúa Trời, nó phá hoại việc bước vào sự sống của anh chị em, và nó làm hại đời sống bình thường của hội thánh. Sớm muộn gì thì những con sói đội lốt cừu này cũng phải bị tổng cổ; cần phải tỏ một thái độ không thương xót, một thái độ cự tuyệt đối với những tên tay sai này của Sa-tan. Chỉ điều này mới là đứng về phía Đức Chúa Trời, và những ai không làm được như vậy thì đang lăn lóc trong vũng bùn cùng với Sa-tan. Những người thực sự tin vào Đức Chúa Trời luôn luôn có Ngài trong lòng, và họ luôn luôn mang trong mình một tấm lòng tôn kính Đức Chúa Trời, một tấm lòng yêu mến Đức Chúa Trời. Những ai tin vào Đức Chúa Trời nên làm mọi việc cẩn trọng và khôn khéo, và tất cả những gì họ làm nên phù hợp với những yêu cầu của Đức Chúa Trời và có thể làm thỏa lòng Ngài. Họ không nên cứng đầu, làm bất cứ điều gì mình muốn; điều đó không hợp với sự đúng đắn thánh thiện. Con người không được chạy lòng lộn, nơi nào cũng vấy lá cờ của Đức Chúa Trời trong khi vênh váo và bịp bợm khắp mọi nơi; đây là loại hành vi phản nghịch nhất. Quốc

có quốc pháp và gia có gia quy – và chẳng phải điều đó thậm chí còn hơn thế nữa trong nhà của Đức Chúa Trời sao? Chẳng phải các tiêu chuẩn thậm chí còn nghiêm ngặt hơn sao? Chẳng phải thậm chí còn có nhiều sắc lệnh quản trị hơn sao? Con người tự do làm những gì họ muốn, nhưng các sắc lệnh quản trị của Đức Chúa Trời không thể bị thay đổi một cách tùy tiện. Đức Chúa Trời là một Đức Chúa Trời không dung thứ cho những sự xúc phạm từ con người; Ngài là một Đức Chúa Trời xử tử con người. Chẳng phải con người thực sự đã biết điều này rồi sao?

Mọi hội thánh đều có những người gây rắc rối cho hội thánh hoặc xen vào công tác của Đức Chúa Trời. Họ hết thảy đều là những Sa-tan giả dạng đã thâm nhập vào nhà của Đức Chúa Trời. Những kẻ như thế diễn rất giỏi: Họ đến trước mặt Ta với sự sùng kính, tỏ vẻ khúm núm, sống như những con chó ghẻ và hiển dưng “mọi thứ” của họ để đạt được những mục tiêu của chính mình – nhưng trước các anh chị em, họ lộ ra mặt xấu của mình. Khi họ thấy những người thực hành lẽ thật, thì họ loại bỏ và gạt những người đó sang một bên; khi họ thấy những người còn ghê gớm hơn bản thân mình, thì họ tăng bốc và bợ đỡ. Họ chạy lung tung trong hội thánh. Có thể nói rằng “những kẻ hay bắt nạt nội bộ” như thế, “những tên tay sai” như thế, tồn tại trong hầu hết các hội thánh. Họ cùng nhau hành động quỷ quái, trao nhau những cái nháy mắt và ám hiệu, và không một ai trong số họ thực hành lẽ thật. Kẻ nào độc ác nhất là “quỷ đầu đàn”, và kẻ nào có uy tín nhất thì cầm đầu họ, giương cao ngọn cờ của họ. Những kẻ này hoành hành khắp hội thánh, lan truyền tính tiêu cực của mình, tuôn ra sự chết chóc, muốn làm gì thì làm, muốn nói gì thì nói và không ai dám ngăn cản họ. Họ đầy dẫy tâm tính của Sa-tan. Ngay sau khi họ gây ra một sự nhiễu loạn thì một bầu không khí chết chóc bước vào hội thánh. Những người trong hội thánh thực hành lẽ thật bị đuổi ra ngoài, không thể cống hiến hết mình, trong khi những kẻ làm nhiễu loạn hội thánh và lan truyền sự chết thì hoành hành bên trong – và hơn nữa, hầu hết mọi người đều theo họ. Những hội thánh như thế bị Sa-tan thống trị, rõ ràng và đơn giản; con quỷ là vua của họ. Nếu hội chúng không đứng lên và loại bỏ những con quỷ đầu đàn, thì không sớm thì muộn họ cũng sẽ đi đến chỗ hủy hoại. Từ giờ trở đi, phải có biện pháp đối với những hội thánh như thế. Nếu những người có khả năng thực hành một chút lẽ thật không cố gắng, thì hội thánh đó sẽ bị xóa sổ. Nếu một hội thánh không có một ai sẵn lòng thực hành lẽ thật và không một ai có thể đứng vững làm chứng cho Đức Chúa Trời, thì hội thánh đó nên bị cô lập hoàn toàn, và các mối liên hệ của nó với những hội thánh khác phải bị cắt đứt. Điều này được gọi là “chết chôn”; điều này có nghĩa là trục xuất Sa-tan. Nếu một hội thánh có vài kẻ hay bắt nạt nội bộ, và họ được “những con ruồi nhặng” hoàn toàn thiếu nhận thức theo sau – và nếu hội chúng, ngay cả sau khi thấy được lẽ thật, vẫn không có

khả năng loại bỏ những sự ràng buộc và thao túng của những kẻ hay bắt nạt này, thì hết thảy những kẻ ngu ngốc đó cuối cùng sẽ bị loại trừ. Những con ruồi nhặng này có thể đã chưa làm điều gì ghê gớm, nhưng chúng thậm chí còn giả dối hơn, thậm chí còn tài tình và quỷ quyệt hơn, và mọi kẻ như thế đều sẽ bị loại bỏ. Không một kẻ nào sót lại! Những kẻ thuộc về Sa-tan sẽ về với Sa-tan, còn những ai thuộc về Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ đi tìm kiếm lẽ thật; điều này được quyết định bởi bản tính của họ. Hãy để tất cả những kẻ theo Sa-tan đều bị diệt vong! Sẽ không tỏ ra sự thương xót nào cho những kẻ như thế. Hãy để những ai tìm kiếm lẽ thật được chu cấp, và họ có thể vui hưởng lời Đức Chúa Trời một cách thỏa lòng. Đức Chúa Trời là Đấng công chính; Ngài sẽ không thiên vị với bất kỳ ai. Nếu người là một con quỷ, thì người không có khả năng thực hành lẽ thật; còn nếu người là người tìm kiếm lẽ thật, thì chắc chắn rằng người sẽ không bị Sa-tan bắt giữ. Điều này là chắc chắn.

Những người không cố gắng để đạt được sự tiến bộ luôn luôn mong muốn những người khác cũng tiêu cực và biếng nhác như chính họ. Những ai không thực hành lẽ thật thì ghen tỵ với những người có thực hành, và luôn luôn cố lừa gạt những kẻ đần độn và thiếu sự nhận thức sâu sắc. Những điều mà những người này thốt ra có thể khiến người suy đồi, tuột dốc, hình thành một trạng thái không bình thường, và đầy dẫy sự tối tăm. Chúng khiến người trở nên xa cách với Đức Chúa Trời, yêu mến xác thịt và buông thả. Những ai không yêu lẽ thật và những ai luôn luôn làm chiều lệ đối với Đức Chúa Trời thì không có tính tự nhận thức, và tâm tính của những người như thế lôi kéo những người khác phạm tội và chống đối Đức Chúa Trời. Họ không thực hành lẽ thật, cũng không để những người khác thực hành nó. Họ yêu mến tội lỗi và không hề ghét bản thân mình. Họ không biết chính mình, và họ ngăn những người khác biết bản thân mình; họ cũng ngăn những người khác khao khát lẽ thật. Những người họ lừa gạt không thể thấy được sự sáng. Họ rơi vào sự tối tăm, không biết chính mình, không rõ về lẽ thật, và trở nên ngày càng xa cách với Đức Chúa Trời. Họ không thực hành lẽ thật và họ ngăn những người khác thực hành lẽ thật, đem tất cả những kẻ đại đó đến trước họ. Thay vì nói rằng họ tin vào Đức Chúa Trời, tốt hơn là nên nói rằng họ tin vào tổ tiên của mình, hoặc rằng những gì họ tin là các thần tượng ở trong lòng. Tốt nhất là những người tuyên bố theo Đức Chúa Trời mở mắt mình ra và nhìn kỹ xem người họ tin chính xác là ai: Thực sự người tin vào Đức Chúa Trời hay Sa-tan? Nếu người biết rằng thứ mà người tin không phải là Đức Chúa Trời, mà là những thần tượng của riêng người, thì tốt nhất người đừng xưng là một tín đồ. Nếu người thật sự không biết mình tin vào ai, thì một lần nữa, tốt nhất người đừng xưng là một tín đồ. Nói như thế là điều báng bổ! Không ai ép người tin vào Đức Chúa Trời. Đừng nói các người tin vào Ta; Ta nghe những lời như thế đủ

rồi, và không muốn nghe lại, bởi vì những gì các người tin là những thần tượng trong lòng các người và những kẻ hay bắt nạt nội bộ trong số các người. Những kẻ lắc đầu từ chối khi nghe lẽ thật, những kẻ cười toe toét khi nghe nói về cái chết, thì hết thảy đều là dòng giống của Sa-tan, và họ là những kẻ sẽ bị loại bỏ. Nhiều người trong hội thánh không có khả năng phân định. Khi có điều gì đó giả dối xảy ra, thật không ngờ, họ lại về phe Sa-tan; thậm chí họ còn thấy bị xúc phạm khi bị gọi là tay sai của Sa-tan. Dù mọi người có thể nói họ không có khả năng phân định, nhưng họ luôn đứng về phía không có lẽ thật, họ không bao giờ đứng về phía lẽ thật vào thời điểm quan trọng, họ không bao giờ đứng lên và biện luận cho lẽ thật. Có phải họ thực sự thiếu sự phân định không? Tại sao họ lại đột ngột đứng về phía Sa-tan? Tại sao họ không bao giờ nói một lời công bằng và phải lẽ để ủng hộ lẽ thật? Có phải tình huống này đích thực nảy sinh như một kết quả của sự mơ hồ nhất thời của họ không? Con người càng có ít phân định, thì họ càng ít khả năng đứng về phía lẽ thật. Điều này cho thấy những gì? Chẳng phải nó cho thấy rằng con người không có sự khả năng phân định thì yêu sự xấu xa sao? Chẳng phải nó cho thấy rằng họ là dòng giống trung thành của Sa-tan sao? Tại sao họ lại luôn luôn có thể đứng về phía Sa-tan và nói ngôn ngữ của nó? Mỗi lời nói và việc làm của họ, những biểu cảm trên gương mặt họ, hết thảy đều đủ để chứng minh rằng họ không thuộc loại nào trong những người yêu mến lẽ thật cả; đúng hơn, họ là những kẻ khinh ghét lẽ thật. Việc họ có thể đứng về phía Sa-tan đủ để chứng minh rằng Sa-tan thực sự yêu những con quỷ nhỏ này, những kẻ dành trọn đời mình tranh đấu vì Sa-tan. Chẳng phải những sự thật này đều rất rõ ràng sao? Nếu người thật sự là người yêu lẽ thật, thì tại sao người không quan tâm gì đến những người thực hành lẽ thật, và tại sao người lập tức đi theo những kẻ không thực hành lẽ thật ngay từ cái nhìn lướt qua của họ. Chuyện này là sao? Ta không quan tâm việc người có sự nhận thức sâu sắc hay không. Ta không quan tâm người đã trả một cái giá đắt như thế nào. Ta không quan tâm các thế lực của người hùng mạnh như thế nào, và Ta không quan tâm người có phải là một kẻ hay bắt nạt nội bộ hay một kẻ dẫn đầu cầm cờ hay không. Nếu các thế lực của người hùng mạnh, thì đó chỉ là có sự giúp đỡ từ sức mạnh của Sa-tan. Nếu người có nhiều uy tín, thì điều đó chỉ vì có quá nhiều người xung quanh người không thực hành lẽ thật. Nếu người chưa bị đuổi ra, thì đó chính là vì hiện nay không phải là thời điểm cho công tác trục xuất; mà đúng hơn, là thời điểm cho công tác loại bỏ. Không cần phải vội trục xuất người bây giờ. Ta chỉ chờ đợi ngày mà Ta sẽ trừng phạt người sau khi người đã bị loại bỏ. Bất kỳ ai không thực hành lẽ thật đều sẽ bị loại bỏ!

Những ai thành thật tin vào Đức Chúa Trời là những người sẵn lòng đưa lời Đức

Chúa Trời vào thực hành và sẵn lòng thực hành lẽ thật. Những ai thực sự có thể đứng vững trong lời chứng của mình đối với Đức Chúa Trời cũng là những người sẵn lòng đưa lời Ngài vào thực hành và đích thực có thể đứng về phía lẽ thật. Những kẻ phải dùng đến thủ đoạn và sự bất công hết thảy đều thiếu lẽ thật, và tất cả họ đều mang lại sự xấu hổ cho Đức Chúa Trời. Những kẻ gây ra những tranh cãi trong hội thánh là những tay sai của Sa-tan, họ là hiện thân của Sa-tan. Những kẻ như thế quá độc ác. Những kẻ không có sự nhận thức sâu sắc và không có khả năng đứng về phía lẽ thật hết thảy đều nuôi dưỡng những ý định xấu xa và bôi nhọ lẽ thật. Hơn thế nữa, họ là những kẻ đại diện cho Sa-tan hiện nguyên hình. Họ không thể được cứu chuộc, và tự nhiên sẽ bị loại bỏ. Gia đình của Đức Chúa Trời không cho phép những kẻ không thực hành lẽ thật tồn tại, cũng không cho phép tồn tại những kẻ cố ý phá hoại hội thánh. Tuy nhiên bây giờ không phải lúc thực hiện công tác trục xuất; những kẻ như thế cuối cùng sẽ đơn thuần bị phơi bày và loại bỏ. Không còn những việc làm vô ích được dành cho những người này nữa; những kẻ thuộc về Sa-tan không thể đứng về phía lẽ thật, trong khi những ai mưu cầu lẽ thật thì có thể. Những ai không thực hành lẽ thật thì không xứng đáng được nghe về con đường lẽ thật và không xứng đáng làm chứng cho lẽ thật. Lẽ thật đơn thuần là không dành cho họ nghe; đúng hơn, nó được nhằm vào những ai thực hành nó. Trước khi kết cục của mỗi người được tỏ lộ, thì những kẻ làm nhiều loạn hội thánh và làm gián đoạn công tác của Đức Chúa Trời trước hết sẽ được để qua một bên vào lúc này, để được xử lý sau. Một khi công tác hoàn tất, những kẻ này từng người một sẽ bị phơi bày, và sau đó họ sẽ bị loại bỏ. Trong thời điểm hiện nay, trong khi lẽ thật đang được ban phát, họ sẽ được bỏ qua. Khi toàn bộ lẽ thật được tỏ lộ cho nhân loại, thì những kẻ đó phải bị loại bỏ; đó sẽ là lúc mà hết thảy mọi người đều sẽ được phân chia theo loại của mình. Những trò bịp bợm cùn con của những kẻ không có sự nhận biết sâu sắc sẽ dẫn họ đến sự hủy diệt trong tay của những kẻ gian ác, họ sẽ bị chúng lôi kéo, không bao giờ quay lại. Và sự đối xử như thế là xứng đáng cho họ, bởi vì họ không yêu lẽ thật, bởi vì họ không có khả năng đứng về phía lẽ thật, bởi vì họ theo những kẻ ác và đứng về phía những kẻ ác, và bởi vì họ đồng lõa với kẻ ác và chống đối Đức Chúa Trời. Họ biết rất rõ rằng những gì những kẻ ác đó phát tán là điều xấu xa, vậy mà họ cứng lòng và xoay lưng lại với lẽ thật để đi theo chúng. Chẳng phải những kẻ không thực hành lẽ thật nhưng lại thực hiện những điều hủy diệt và ghê tởm hết thảy đều đang phạm tội sao? Mặc dù có những người trong số họ tự xưng là vua và những người còn lại đi theo họ, nhưng chẳng phải những bản tính chống đối Đức Chúa Trời của họ hết thảy đều giống nhau sao? Họ có thể có cơ gì để tuyên bố rằng Đức Chúa Trời không cứu rỗi họ? Họ có thể có cơ gì để tuyên bố rằng Đức

Chúa Trời không công chính? Chẳng phải sự xấu xa của chính họ là điều đang hủy diệt họ sao? Chẳng phải sự dấy loạn của chính họ là điều đang kéo họ xuống địa ngục sao? Cuối cùng, những người thực hành lẽ thật sẽ được cứu rỗi và được trở nên hoàn thiện vì có lẽ thật. Cuối cùng, những kẻ không thực hành lẽ thật sẽ tự chuốc lấy sự hủy diệt vì có lẽ thật. Đây là những kết cục dành cho những ai thực hành lẽ thật và những kẻ không thực hành lẽ thật. Ta khuyên những kẻ không đang lên kế hoạch thực hành lẽ thật hãy rời khỏi hội thánh càng sớm càng tốt để tránh phạm thêm tội. Khi thời giờ đến, sẽ quá trễ để hối tiếc. Đặc biệt là, những kẻ lập băng nhóm và tạo sự ly giáo, và những kẻ hay bắt nạt nội bộ trong hội thánh, càng phải rời khỏi sớm hơn. Những kẻ như thế, những kẻ có bản tính xấu xa của những con sói, thì không có khả năng thay đổi. Tốt hơn là họ rời khỏi hội thánh vào dịp sớm nhất, đừng bao giờ làm nhiễu loạn đời sống bình thường của các anh chị em nữa, và bằng cách ấy mới tránh được sự trừng phạt của Đức Chúa Trời. Những ai trong các người là người đã đi cùng với họ sẽ làm cho tốt để tận dụng cơ hội này suy ngẫm về chính mình. Các người sẽ rời khỏi hội thánh cùng với những kẻ xấu xa, hay là ở lại và đi theo một cách vâng phục? Các người phải xem xét kỹ vấn đề này. Ta ban cho các người thêm một cơ hội này nữa để chọn, và Ta trông chờ đáp án của các người.

Người có phải người đã sống dậy không?

Chỉ khi người đã vứt bỏ những tâm tính bại hoại của mình và đạt được việc sống bày tỏ ra nhân tính bình thường, thì người mới được làm cho hoàn thiện. Mặc dù người sẽ không thể tiên tri, cũng không có bất kỳ lễ mầu nhiệm nào, người sẽ sống bày tỏ ra và tỏ lộ hình ảnh của một con người. Đức Chúa Trời đã tạo nên con người nhưng sau đó con người đã bị Sa-tan làm bại hoại, đến nỗi con người đã trở thành “những kẻ chết”. Do vậy, sau khi người đã thay đổi, người sẽ không còn giống với những kẻ chết này nữa. Chính lời Đức Chúa Trời đã khơi lại linh hồn con người và khiến họ được tái sinh, và khi linh hồn của con người được tái sinh, thì họ sẽ sống dậy. Khi Ta nói đến “những kẻ chết” nghĩa là Ta đang ám chỉ những cái xác không hồn, là những kẻ mà linh hồn của họ đã chết trong họ. Khi linh hồn của con người được khơi lại, thì họ sẽ sống dậy. Các thánh đồ được nói đến trước kia ám chỉ những người đã sống dậy, những người đã chịu sự ảnh hưởng của Sa-tan nhưng đã đánh bại Sa-tan. Những người được chọn ở Trung Quốc đã phải chịu sự bắt bớ và sự lừa bịp tàn nhẫn và vô nhân tính của con rồng lớn sắc đỏ, khiến họ bị tổn hại về tinh thần và không có chút dũng khí nào để sống. Do vậy, việc thức tỉnh linh hồn của họ phải

bắt đầu với thực chất của họ: Từng chút một, trong thực chất của họ, linh hồn của họ phải được đánh thức. Khi mà, một ngày nào đó, họ sống dậy, sẽ không còn những chướng ngại nữa, và tất cả sẽ tiến triển êm đẹp. Hiện tại, điều này vẫn chưa thể đạt được. Hầu hết mọi người đều sống theo một cách mà mang lại nhiều luồng không khí chết chóc, họ bị vùi trong hơi thở của sự chết, và họ thiếu thốn quá nhiều. Lời nói của một số người mang sự chết, hành động của họ mang sự chết, và hầu như mọi thứ mà họ mang lại trong cách họ sống đều chứa đựng sự chết. Nếu ngày nay con người công khai mang lời chứng cho Đức Chúa Trời thì họ sẽ thất bại trong việc này, bởi vì họ chưa hoàn toàn sống dậy, và có quá nhiều kẻ chết trong số các người. Ngày nay, một số người hỏi tại sao Đức Chúa Trời không tỏ ra một số dấu kỳ phép lạ để Ngài có thể nhanh chóng loan báo công tác của mình giữa các dân ngoại. Người chết không thể mang lời chứng cho Đức Chúa Trời; đó là thứ mà chỉ người sống mới có thể làm, thế nhưng hầu hết mọi người ngày nay đều là những kẻ chết; quá nhiều người sống dưới vãi liệm của sự chết, dưới sự ảnh hưởng của Sa-tan, và không thể giành được chiến thắng. Và như vậy thì làm sao họ có thể mang lời chứng cho Đức Chúa Trời? Làm sao họ có thể loan báo công tác Phúc Âm?

Tất cả những kẻ sống dưới sự ảnh hưởng của bóng tối là những kẻ sống giữa sự chết, những kẻ bị Sa-tan ám. Nếu không được Đức Chúa Trời cứu rỗi, và không được Đức Chúa Trời phán xét và hành phạt, thì người ta không thể thoát khỏi ảnh hưởng của sự chết, họ không thể trở thành người sống. Những kẻ chết này không thể mang lời chứng cho Đức Chúa Trời, và họ cũng không thể được Đức Chúa Trời sử dụng, càng không thể bước vào vương quốc. Đức Chúa Trời muốn lời chứng của người sống chứ không phải của kẻ chết, và Ngài bảo người sống, không phải kẻ chết, làm việc cho Ngài. “Kẻ chết” là những kẻ chống đối và phản nghịch Đức Chúa Trời; họ là những người bị tê liệt về linh hồn và không hiểu lời Đức Chúa Trời; họ là những người không đưa lẽ thật vào thực hành và chưa có chút lòng trung thành nào với Đức Chúa Trời, và họ là những người sống dưới quyền của Sa-tan và bị Sa-tan lợi dụng. Kẻ chết thể hiện bản thân bằng cách chống đối lẽ thật, bằng cách phản nghịch Đức Chúa Trời, và bằng sự hèn mọn, đê tiện, hiểm độc, tàn bạo, giả dối, và xảo quyệt. Ngay cả khi những người như thế ăn và uống lời Đức Chúa Trời, họ vẫn không thể sống bày tỏ ra lời Đức Chúa Trời; mặc dù họ sống, nhưng họ chỉ là những cái xác biết đi, biết thờ. Kẻ chết hoàn toàn không thể làm vừa lòng Đức Chúa Trời, càng không thể tuyệt đối vâng lời Ngài. Họ chỉ có thể lừa dối Ngài, báng bổ đến Ngài, và phản bội Ngài, và tất cả những gì họ mang lại trong cách họ sống đều bộc lộ bản tính của Sa-tan. Nếu con người muốn trở thành những hữu thể sống, và muốn làm chứng cho Đức Chúa Trời, và được Đức Chúa Trời chấp thuận, thì họ phải chấp

nhận sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời; họ phải vui vẻ quy phục sự phán xét và hình phạt của Ngài, và phải vui vẻ chấp nhận việc tẩy rửa của Đức Chúa Trời và chịu sự xử lý của Ngài. Chỉ khi đó họ mới có thể đưa mọi lẽ thật mà Đức Chúa Trời yêu cầu vào thực hành, và chỉ khi đó họ mới có được sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời, và thật sự trở thành người sống. Người sống được Đức Chúa Trời cứu rỗi, họ được Đức Chúa Trời phán xét và hành phạt, họ sẵn lòng dâng mình và họ vui vẻ hy sinh sự sống của mình cho Đức Chúa Trời, và họ sẽ hoan hỉ dành cả cuộc đời mình cho Đức Chúa Trời. Chỉ khi người sống làm chứng cho Đức Chúa Trời, Sa-tan mới có thể bị hổ thẹn, chỉ người sống mới có thể loan báo công tác Phúc Âm của Đức Chúa Trời, chỉ người sống mới có thể sống hợp lòng Đức Chúa Trời, và chỉ người sống mới là người thực sự. Ban đầu, con người do Đức Chúa Trời tạo nên thì sống, nhưng bởi sự bại hoại của Sa-tan, con người sống giữa sự chết và sống dưới sự ảnh hưởng của Sa-tan, và do đó, theo cách này, con người đã trở thành những kẻ chết không hồn, họ đã trở thành những kẻ thù chống đối Đức Chúa Trời, họ đã trở thành công cụ của Sa-tan, và họ đã trở thành tù nhân của Sa-tan. Tất cả những người sống mà Đức Chúa Trời đã tạo ra đã trở thành kẻ chết, và do đó Đức Chúa Trời đã mất đi lời chứng của Ngài, và Ngài đã mất đi nhân loại mà Ngài đã tạo nên và là loài duy nhất có hơi thở của Ngài. Nếu Đức Chúa Trời lấy lại lời chứng của Ngài, và lấy lại những ai do tay Ngài tạo ra nhưng đã bị Sa-tan cầm tù, khi ấy Ngài phải làm họ sống lại để họ có thể trở thành những người sống, và Ngài phải giác ngộ cho họ để họ sống trong ánh sáng của Ngài. Những kẻ chết là những kẻ không có linh hồn, những kẻ tê liệt hoàn toàn, và những kẻ chống đối Đức Chúa Trời. Hơn hết, họ là những kẻ không biết Đức Chúa Trời. Những người này không có chút ý định nào về việc vâng lời Đức Chúa Trời; họ chỉ phản nghịch Ngài và chống đối Ngài, và không có chút lòng trung thành nào. Những người sống là những người có linh hồn được tái sinh, những người biết vâng lời Đức Chúa Trời, và những người trung thành với Đức Chúa Trời. Họ có lẽ thật, và lời chứng, và chỉ mỗi những người này mới làm đẹp lòng Đức Chúa Trời trong nhà Ngài. Đức Chúa Trời cứu rỗi những người có thể sống dậy, những người có thể nhìn thấy sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời, những người có thể trung thành với Đức Chúa Trời, và sẵn lòng tìm kiếm Đức Chúa Trời. Ngài cứu rỗi những ai tin vào sự nhập thể của Đức Chúa Trời, và tin vào sự xuất hiện của Ngài. Một số người có thể sống dậy, và một số người thì không thể; điều này phụ thuộc vào việc bản tính của họ có thể được cứu rỗi hay không. Nhiều người đã nghe nhiều lời của Đức Chúa Trời nhưng không hiểu ý muốn của Đức Chúa Trời, và vẫn không thể đưa những lời ấy vào thực hành. Những người như thế không thể sống bày tỏ ra bất kỳ lẽ thật nào và cũng cố ý can thiệp vào công tác của Đức Chúa Trời. Họ

không thể làm bất kỳ công việc nào cho Đức Chúa Trời, họ không thể dâng bất cứ điều gì cho Ngài, và họ cũng âm thầm tiêu tiền của hội thánh và ăn miễn phí trong nhà Đức Chúa Trời. Những người này là những kẻ chết, và họ sẽ không được cứu rỗi. Đức Chúa Trời cứu rỗi hết thảy những ai ở giữa công tác của Ngài, nhưng có một bộ phận trong số họ không thể nhận lãnh sự cứu rỗi của Ngài; chỉ một số ít người có thể nhận lãnh sự cứu rỗi của Ngài. Điều này là bởi hầu hết mọi người đều đã bị bại hoại quá sâu, đã trở thành người chết, và họ không thể được cứu rỗi; họ đã bị Sa-tan bóc lột hoàn toàn, và họ quá độc ác trong bản tính của họ. Số ít người đó cũng không thể hoàn toàn vâng lời Đức Chúa Trời. Họ không phải là những người trung thành tuyệt đối với Đức Chúa Trời từ ban đầu, hay những người có tình yêu tốt cùng với Đức Chúa Trời từ ban đầu; thay vào đó, họ đã trở nên vâng lời Đức Chúa Trời bởi công tác chinh phục của Ngài, họ nhìn thấy Đức Chúa Trời bởi tình yêu tốt bậc của Ngài, có những sự thay đổi trong tâm tính của họ bởi tâm tính công chính của Đức Chúa Trời, và họ trở nên nhận biết Đức Chúa Trời bởi công tác của Ngài, công tác mà vừa thực tế vừa bình thường. Nếu không có công tác này của Đức Chúa Trời thì dù những người này có tốt như thế nào thì họ cũng vẫn thuộc về Sa-tan, họ cũng vẫn thuộc về sự chết, và họ vẫn sẽ chết. Thực tế rằng những người này hôm nay có thể nhận lãnh sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời đơn thuần là vì họ sẵn lòng hợp tác với Đức Chúa Trời.

Bởi lòng trung thành với Đức Chúa Trời, người sống có thể được Đức Chúa Trời thu phục và sống giữa những lời hứa của Ngài, và bởi sự chống đối với Đức Chúa Trời, kẻ chết sẽ bị Đức Chúa Trời khinh ghét, loại bỏ, sống giữa sự trừng phạt và sự rửa sả của Ngài. Đó là tâm tính công chính của Đức Chúa Trời, điều không thể bị thay đổi bởi bất kỳ người nào. Bởi sự tìm kiếm của riêng mình, nên con người nhận lãnh sự chấp thuận của Đức Chúa Trời và sống trong sự sáng; bởi những mưu đồ mưu chước của mình, nên con người bị rửa sả bởi Đức Chúa Trời và bị sa vào trừng phạt; bởi những điều làm ác của mình, con người bị Đức Chúa Trời trừng phạt; và bởi sự khao khát và lòng trung thành của mình, con người nhận lãnh phúc lành của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời rất công chính: Ngài ban phúc lành cho người sống, và rửa sả kẻ chết hầu cho họ luôn ở giữa sự chết, và sẽ không bao giờ sống trong ánh sáng của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời sẽ đưa người sống vào vương quốc của Ngài, và vào những phúc lành của Ngài để được ở với Ngài mãi mãi. Còn đối với kẻ chết thì Ngài sẽ đánh họ và đưa vào sự chết đời đời; họ là đối tượng hủy diệt của Ngài, và sẽ luôn thuộc về Sa-tan. Đức Chúa Trời không đối xử bất công với ai cả. Hết thảy những ai thật sự tìm kiếm Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ vẫn được ở trong nhà Đức Chúa Trời, và hết thảy những ai không vâng lời Đức Chúa Trời và

không tương hợp với Ngài chắc chắn sẽ sống giữa sự trừng phạt của Ngài. Có lẽ người không chắc về công tác của Đức Chúa Trời trong xác thịt – nhưng một ngày nào đó xác thịt của Đức Chúa Trời sẽ không trực tiếp sắp đặt kết cục của con người; thay vào đó, Thần của Ngài sẽ sắp đặt đích đến của con người, và vào lúc đó con người sẽ biết rằng xác thịt của Đức Chúa Trời và Thần của Ngài là một, rằng xác thịt của Ngài không thể sai phạm, và rằng Thần của Ngài thậm chí càng không thể sai phạm. Cuối cùng, Ngài chắc chắn sẽ đưa những ai đã sống dậy vào vương quốc của Ngài; không thừa cũng chẳng thiếu một người nào. Còn đối với những kẻ chết mà chưa sống dậy, họ sẽ bị ném vào hang ổ của Sa-tan.

Có một tâm tính không thay đổi là thù nghịch với Đức Chúa Trời

Sau vài nghìn năm bại hoại, con người bị tê liệt và đần độn; họ đã trở thành một con quỷ chống đối Đức Chúa Trời, đến mức sự dấy loạn cùng Đức Chúa Trời của con người đã được ghi lại trong những cuốn sách lịch sử, và thậm chí chính con người cũng không thể kể hết về hành vi dấy loạn của mình – bởi vì con người đã bị Sa-tan làm cho bại hoại sâu sắc, và đã bị Sa-tan làm cho lầm đường lạc lối đến nỗi không biết làm sao. Ngay cả ngày nay, con người vẫn còn phản bội Đức Chúa Trời: Khi con người nhìn thấy Đức Chúa Trời, họ phản bội Ngài, và khi họ không thể nhìn thấy Đức Chúa Trời, họ cũng phản bội Ngài như thế. Thậm chí có những người, sau khi chứng kiến những sự rửa sạch của Đức Chúa Trời và cơn thanh ngộ của Đức Chúa Trời, vẫn phản bội Ngài. Và vì thế, Ta phán rằng ý thức của con người đã đánh mất chức năng ban đầu của nó, và rằng lương tâm của con người cũng đã đánh mất chức năng ban đầu của nó. Con người mà Ta nhìn thấy là một con thú đội lốt người, họ là con rắn độc, và cho dù họ có cố gắng tỏ ra đáng thương trước mắt Ta thế nào đi nữa, Ta cũng sẽ không bao giờ thương xót họ, bởi vì con người không nắm được sự khác biệt giữa trắng và đen, sự khác biệt giữa lẽ thật và không phải lẽ thật. Ý thức của con người quá tê liệt, nhưng họ vẫn ao ước có được các phước lành; nhân tính của họ quá đê hèn, nhưng họ vẫn ao ước sở hữu quyền tối thượng của một vị vua. Với ý thức như thế, họ có thể làm vua của ai? Với nhân tính như thế, làm sao họ có thể ngồi trên ngai vàng? Con người thực sự không biết xấu hổ! Họ thật là những kẻ đê tiện tự phụ! Đối với những ai trong các ngươi ao ước có được các phước lành, Ta đề nghị các ngươi trước tiên hãy tìm một cái gương và nhìn vào hình ảnh phản chiếu xấu xa của chính các ngươi – ngươi có những gì cần để làm một vị vua không? Ngươi có gương mặt của một người có thể có được các phước lành

không? Chưa có chút thay đổi nào trong tâm tính của người và người chưa đưa được bất kỳ lẽ thật nào vào thực hành, nhưng người vẫn ao ước có một ngày mai tuyệt vời. Người đang ảo tưởng! Được sinh ra trong một vùng đất ô uế như thế, con người đã bị xã hội tiêm nhiễm nghiêm trọng, họ bị ảnh hưởng bởi những đạo đức phong kiến, và họ đã được dạy dỗ tại “các học viện cao học”. Suy nghĩ lạc hậu, đạo đức bại hoại, quan điểm về cuộc sống tầm thường, triết lý sống hèn hạ, sự tồn tại hoàn toàn vô giá trị, lối sống và tập quán suy đồi – tất cả những điều này đã xâm nhập nghiêm trọng vào lòng người, xói mòn và tấn công nặng nề lương tâm họ. Kết quả là, con người ngày càng xa cách Đức Chúa Trời, và ngày càng chống đối Đức Chúa Trời. Tâm tính của con người trở nên xấu xa hơn theo từng ngày, và không có một ai sẽ sẵn lòng từ bỏ bất cứ điều gì vì Đức Chúa Trời, không một ai sẽ sẵn lòng vâng lời Đức Chúa Trời, hơn nữa, cũng không một ai sẽ sẵn lòng tìm kiếm sự xuất hiện của Đức Chúa Trời. Thay vào đó, dưới quyền của Sa-tan, con người không làm gì ngoài việc theo đuổi thú vui, đắm chìm trong sự bại hoại của xác thịt trong vùng đất bùn lầy. Ngay cả khi họ nghe về lẽ thật, thì những ai sống trong bóng tối cũng không nghĩ đến việc đưa nó vào thực hành, họ cũng không có xu hướng tìm kiếm Đức Chúa Trời ngay cả khi họ đã thấy sự xuất hiện của Ngài. Làm sao một nhân loại đồi bại như thế lại có thể có bất kỳ cơ hội được cứu rỗi nào? Làm sao một nhân loại suy đồi như thế có thể sống trong sự sáng?

Thay đổi tâm tính con người bắt đầu từ sự hiểu biết về thực chất của họ và qua những thay đổi trong suy nghĩ, bản chất, và quan điểm tinh thần của họ – qua những thay đổi cơ bản. Chỉ bằng cách này thì mới đạt được những thay đổi thực sự trong tâm tính con người. Tâm tính bại hoại của con người bắt nguồn từ việc họ bị Sa-tan đầu độc và chà đạp, từ sự tổn hại nghiêm trọng mà Sa-tan đã gây ra đối với suy nghĩ, đạo đức, sự thông sáng, và ý thức của họ. Chính vì những điều cơ bản của con người đã bị Sa-tan làm cho bại hoại, và hoàn toàn không giống như cách Đức Chúa Trời ban đầu đã tạo ra họ, nên con người chống đối Đức Chúa Trời và không hiểu được lẽ thật. Vì thế, những thay đổi trong tâm tính của con người nên bắt đầu với những thay đổi trong suy nghĩ, sự thông sáng, và ý thức của họ mà sẽ làm thay đổi hiểu biết của họ về Đức Chúa Trời và hiểu biết của họ về lẽ thật. Những ai được sinh ra nơi vùng đất bị bại hoại sâu sắc nhất trong tất cả còn càng không biết Đức Chúa Trời là gì, hay tin vào Đức Chúa Trời có nghĩa là gì. Mọi người càng bị làm bại hoại, họ càng ít biết đến sự tồn tại của Đức Chúa Trời, ý thức và sự thông sáng của họ càng kém. Nguồn gốc của sự chống đối và sự dấy loạn chống lại Đức Chúa Trời của con người chính là sự bại hoại của họ gây ra bởi Sa-tan. Bởi vì sự bại hoại của Sa-tan, lương tâm của con người đã trở nên tê liệt; họ vô đạo đức, những suy nghĩ

của họ thì suy đồi, và họ có một quan điểm tinh thần lạc hậu. Trước khi bị Sa-tan làm bại hoại, con người đã vâng phục Đức Chúa Trời một cách tự nhiên và vâng theo lời Ngài sau khi nghe chúng. Họ đã tự nhiên có ý thức cùng lương tâm tốt, và có nhân tính bình thường. Sau khi bị Sa-tan làm cho bại hoại, thì ý thức, lương tâm và nhân tính ban đầu của con người trở nên trì độn và bị hư hoại bởi Sa-tan. Do đó, họ đã đánh mất sự vâng lời và tình yêu đối với Đức Chúa Trời. Ý thức của con người đã trở nên khác thường, tâm tính của họ đã trở nên giống như của một con vật, và sự dấy loạn cùng Đức Chúa Trời của họ ngày càng thường xuyên và trầm trọng hơn. Ấy vậy mà con người vẫn không biết, cũng không thừa nhận điều này, và chỉ đơn thuần chống đối và dấy loạn một cách mù quáng. Tâm tính của con người được bộc lộ trong những biểu hiện về ý thức, sự thông sáng và lương tâm của họ; bởi vì ý thức và sự thông sáng của họ không tốt, và lương tâm của họ đã trở nên vô cùng tăm tối, thế nên tâm tính của họ dấy loạn chống lại Đức Chúa Trời. Nếu ý thức và sự thông sáng của con người không thể thay đổi, thì những sự thay đổi trong tâm tính của họ là điều không thể, cũng như việc tuân theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Nếu ý thức của con người không tốt, thì họ không thể hầu việc Đức Chúa Trời và không phù hợp để Đức Chúa Trời sử dụng. “Ý thức bình thường” nói đến việc vâng lời và trung tín với Đức Chúa Trời, khao khát Đức Chúa Trời, tuyệt đối hướng về Đức Chúa Trời, và có lương tâm đối với Đức Chúa Trời. Nó nói đến việc một lòng một dạ với Đức Chúa Trời, và không cố tình chống đối Đức Chúa Trời. Có một ý thức khác thường thì không giống như vậy. Từ khi con người bị Sa-tan làm cho bại hoại, họ đã dấy lên những quan niệm về Đức Chúa Trời, và họ đã không có lòng trung thành với Đức Chúa Trời hay sự khao khát Ngài, chứ đừng nói đến việc có lương tâm với Đức Chúa Trời. Con người cố tình chống đối Đức Chúa Trời và phán xét Ngài, và hơn thế nữa, ném những lời công kích thậm tệ vào Ngài sau lưng Ngài. Con người phán xét Đức Chúa Trời sau lưng Ngài, trong khi biết rõ rằng Ngài là Đức Chúa Trời; con người không có ý định vâng lời Đức Chúa Trời, và chỉ đơn thuần đưa ra những đòi hỏi và yêu cầu mù quáng đối với Ngài. Những kẻ như thế – những kẻ có ý thức khác thường – không có khả năng nhận biết các hành vi hèn hạ của chính mình hoặc hối hận về sự dấy loạn của mình. Nếu mọi người có khả năng nhận biết chính mình, thì họ đã lấy lại được một chút ý thức; mọi người càng dấy loạn chống lại Đức Chúa Trời, nhưng không thể nhận biết chính mình, thì ý thức của họ càng kém.

Sự phơi bày tâm tính bại hoại của con người bắt nguồn từ không gì khác hơn chính lương tâm tăm tối của con người, bản tính hiểm độc và ý thức kém của họ; nếu lương tâm và ý thức của con người có thể trở lại bình thường, thì họ có thể trở thành người phù hợp để được sử dụng trước Đức Chúa Trời. Đơn giản là vì lương

tâm của con người đã luôn luôn tê liệt, và bởi vì ý thức của con người, thứ chưa bao giờ tốt, đang trở nên ngày càng trì độn, mà con người đang ngày càng dấy loạn cùng Đức Chúa Trời, đến mức họ thậm chí đã đóng đinh Jêsus lên thập tự giá và từ chối để Đức Chúa Trời nhập thể trong thời kỳ sau rốt bước vào nhà họ, lên án xác thịt của Đức Chúa Trời, và xem xác thịt của Đức Chúa Trời là thấp hèn. Nếu con người có dù chỉ một chút nhân tính, thì họ đã không đối xử tàn nhẫn với xác thịt Đức Chúa Trời nhập thể đến thế; nếu họ có dù chỉ một chút ý thức, thì họ đã không đối xử độc ác với xác thịt của Đức Chúa Trời nhập thể đến thế; nếu họ có dù chỉ một chút lương tâm, thì họ đã không “tạ ơn” Đức Chúa Trời nhập thể theo cách này. Con người sống trong kỷ nguyên Đức Chúa Trời trở nên xác thịt, nhưng họ không có khả năng tạ ơn Đức Chúa Trời vì đã ban cho họ một cơ hội tốt như vậy, mà thay vào đó lại rửa sả sự hiện đến của Đức Chúa Trời, hay hoàn toàn phớt lờ sự thật nhập thể của Đức Chúa Trời, và dường như chống lại nó và chán ngán về nó. Bất kể con người đối xử với sự hiện đến của Đức Chúa Trời như thế nào đi nữa, nói tóm lại, Đức Chúa Trời đã luôn luôn kiên nhẫn tiếp tục công tác của Ngài – cho dù con người đã không mấy may chào đón Ngài, và đưa ra các yêu cầu với Ngài một cách mù quáng. Tâm tính của con người đã trở nên tốt cùng xấu xa, ý thức của họ đã trở nên tốt cùng trì độn, và lương tâm của họ đã hoàn toàn bị kẻ ác chà đạp và từ lâu đã không còn là lương tâm ban đầu của con người. Con người không chỉ không biết ơn Đức Chúa Trời nhập thể vì đã ban cho loài người rất nhiều sự sống và ân sủng, mà thậm chí còn trở nên oán giận Đức Chúa Trời vì đã ban cho họ lẽ thật; chính vì con người không quan tâm chút nào đến lẽ thật nên họ đã trở nên oán giận Đức Chúa Trời. Con người không chỉ không thể hy sinh mạng sống mình vì Đức Chúa Trời nhập thể, mà họ còn cố gắng moi ân huệ từ Ngài, và đòi lợi ích lớn hơn gấp nhiều lần những gì con người đã dâng cho Đức Chúa Trời. Những người có lương tâm và ý thức như thế nghĩ rằng đây không phải là vấn đề lớn, và vẫn tin rằng họ đã dâng mình rất nhiều cho Đức Chúa Trời, và rằng Đức Chúa Trời đã ban cho họ quá ít. Có những người, đã cho Ta một bát nước, chìa tay đòi Ta trả lại họ hai bát sữa, hoặc đã cho Ta chỗ trọ trong một đêm, đòi Ta trả tiền thuê cho vài đêm. Với một nhân tính như thế và một lương tâm như thế, làm sao các người vẫn còn có thể ao ước có được sự sống? Các người thật là những kẻ đê tiện đáng khinh! Thứ nhân tính này trong con người và thứ lương tâm này trong con người là điều khiến Đức Chúa Trời nhập thể lang thang khắp vùng, không nơi nào tìm được chỗ nương thân. Những ai thật sự sở hữu lương tâm và nhân tính nên thờ phượng và hết lòng hầu việc Đức Chúa Trời nhập thể, không phải vì bao nhiêu công tác Ngài đã làm, mà ngay cả khi Ngài không làm công tác nào cả. Đây là điều mà những người có ý thức tốt nên làm, và đây là bổn phận của con

người. Hầu hết mọi người thậm chí còn nói về những điều kiện để họ hầu việc Đức Chúa Trời: Họ không quan tâm Ngài là Đức Chúa Trời hay là con người, và họ chỉ nói về những điều kiện của riêng họ, và chỉ tìm cách thỏa mãn những ham muốn của riêng họ. Khi các người nấu ăn cho Ta, thì các người đòi tiền công phục vụ, khi các người chạy vì Ta thì các người đòi tiền công cho việc chạy, khi các người làm việc cho Ta thì các người đòi tiền công làm việc, khi các người giặt quần áo của Ta thì các người đòi tiền công giặt giũ, khi các người cung cấp cho hội thánh thì các người đòi những khoản thu hồi, khi các người diễn thuyết thì các người đòi tiền công diễn giả, khi các người phân phát những quyển sách thì các người đòi tiền công phân phối, và khi các người viết thì các người đòi tiền nhuận bút. Với những người Ta đã xử lý thậm chí còn đòi bồi thường từ Ta, còn những người đã được cho về nhà thì đòi đền bù cho sự tổn hại đến danh của họ; những người chưa lập gia đình thì đòi của hồi môn, hoặc là sự bồi thường cho tuổi trẻ đã mất của họ; những người giết một con gà thì đòi tiền công của người mổ thịt, những người chiên xào thức ăn thì đòi tiền công xào nấu, và những người làm món súp thì cũng đòi tiền công cho việc đó... Đây là nhân tính cao cả và vĩ đại của các người, và đây là những hành động do lương tâm nồng hậu của các người sai khiến. Ý thức của các người ở đâu? Nhân tính của các người ở đâu? Để Ta nói cho các người biết! Nếu các người cứ tiếp tục như thế này, Ta sẽ ngừng làm việc giữa các người. Ta sẽ không làm việc giữa một bầy thú đội lốt người, Ta sẽ không chịu khổ đến thế vì một nhóm người mặt mũi đẹp để che giấu lòng lang dạ sói như vậy, Ta sẽ không chịu đựng vì một bầy thú vật không có chút khả năng được cứu rỗi như thế. Ngày mà Ta quay lưng lại với các người là ngày các người chết, đó là ngày bóng tối bao trùm các người, và là ngày các người bị sự sáng bỏ lại. Để Ta nói cho các người biết! Ta sẽ không bao giờ nhân từ với một nhóm như các người, một nhóm còn thấp kém hơn cả thú vật! Có những giới hạn trong lời và hành động của Ta, và với nhân tính và lương tâm của các người như hiện nay, Ta sẽ không làm thêm công tác nào nữa, vì các người quá thiếu lương tâm, các người đã khiến Ta đau quá nhiều, và hành vi hèn hạ của các người cũng làm Ta quá ghê tởm. Những kẻ thiếu nhân tính và lương tâm như thế sẽ không bao giờ có một cơ hội được cứu rỗi; Ta sẽ không bao giờ cứu những kẻ vô tâm và vô ơn như thế. Khi ngày của Ta đến, Ta sẽ trút những ngọn lửa hùng cho đến đời đời của Ta lên những đứa con bất tuân đã từng khiêu khích cơn thịnh nộ của Ta, Ta sẽ áp sự trừng phạt đời đời của Ta lên những con vật đã từng ném lời công kích thậm tệ vào Ta và từ bỏ Ta, với ngọn lửa thịnh nộ của Ta, Ta sẽ đốt cháy đến đời đời những đứa con bất tuân, những kẻ đã từng ăn và sống cùng Ta nhưng chẳng tin Ta, những kẻ đã sỉ nhục và phản bội Ta. Ta sẽ bắt những ai chọc giận Ta phải chịu sự trừng

phạt của Ta, Ta sẽ trút toàn bộ cơn nóng giận của Ta lên những con thú đã từng muốn đứng ngang hàng bên Ta nhưng không thờ phượng hay vâng lời Ta; cây gậy Ta dùng để đánh con người sẽ giáng xuống những con vật từng vui hưởng sự chăm sóc của Ta và đã từng vui hưởng những lễ mầu nhiệm Ta phán, và những con vật đã từng đã cố lấy những thú vui vật chất từ Ta. Ta sẽ không tha thứ cho ai cố chiếm lấy vị trí của Ta; Ta sẽ không tha cho bất kỳ ai cố moi cái ăn, cái mặc từ Ta. Hiện giờ, các người vẫn chưa bị tổn hại gì và tiếp tục đi quá xa trong những đòi hỏi các người đặt ra cho Ta. Khi ngày thanh nợ đến, các người sẽ không đưa ra yêu cầu nào với Ta nữa; lúc đó, Ta sẽ để các người “tận hưởng” cho vừa lòng các người, Ta sẽ dìm mặt các người xuống đất và các người sẽ không bao giờ ngóc cổ dậy được nữa! Sớm muộn gì Ta cũng sẽ “báo trả” món nợ này cho các người – và Ta hy vọng các người nhẩn nại chờ ngày ấy đến.

Nếu những con người đáng khinh này có thể gác sang một bên những ham muốn cuồng cuồng của chúng và quay về với Đức Chúa Trời, thì chúng vẫn còn cơ hội được cứu rỗi; nếu con người có một tấm lòng thực sự khao khát Đức Chúa Trời, thì họ sẽ không bị Đức Chúa Trời từ bỏ. Con người không có được Đức Chúa Trời không phải vì Đức Chúa Trời có cảm xúc, hay vì Đức Chúa Trời không muốn con người có được Ngài, mà bởi vì con người không muốn có được Đức Chúa Trời, và bởi vì con người không khẩn trương tìm kiếm Đức Chúa Trời. Làm sao một trong những người thật sự tìm kiếm Đức Chúa Trời lại có thể bị Đức Chúa Trời rửa sạch được? Làm sao một người có ý thức tốt và lương tâm nhạy cảm lại có thể bị Đức Chúa Trời rửa sạch được? Làm sao một người thực sự thờ phượng và hầu việc Đức Chúa Trời lại có thể bị ngọn lửa thanh nợ của Ngài thiêu rụi được? Làm sao một người vui vẻ vâng lời Đức Chúa Trời lại có thể bị đá ra khỏi nhà Đức Chúa Trời được? Làm sao một người yêu thương Đức Chúa Trời không biết bao nhiêu cho đủ có thể sống trong sự trừng phạt của Đức Chúa Trời được? Làm sao một người vui vẻ từ bỏ mọi thứ vì Đức Chúa Trời có thể không còn lại gì được? Con người không sẵn lòng theo đuổi Đức Chúa Trời, không sẵn lòng dành những thứ thuộc sở hữu của mình cho Đức Chúa Trời, và không sẵn lòng tận hiến nỗ lực cả đời cho Đức Chúa Trời; thay vào đó, họ lại nói rằng Đức Chúa Trời đã đi quá xa, rằng có quá nhiều điều về Đức Chúa Trời mâu thuẫn với những quan niệm của con người. Với một nhân tính như thế này, ngay cả khi các người không tiếm nỗ lực thì các người vẫn không thể được Đức Chúa Trời chấp thuận, chứ đừng nói gì đến việc các người không tìm kiếm Đức Chúa Trời. Chẳng lẽ các người không biết rằng mình là món hàng lỗi của loài người sao? Chẳng lẽ các người không biết rằng không có nhân tính nào thấp hèn hơn nhân tính của các người sao? Chẳng lẽ các người không biết

những người khác gọi các người là gì để tôn vinh các người sao? Những ai thực sự yêu mến Đức Chúa Trời gọi các người là cha của sói, mẹ của sói, con của sói, cháu của sói; các người là những con cháu của sói, dân sự của sói, và các người nên biết thân phận của chính mình và đừng bao giờ quên nó. Đừng nghĩ rằng các người là nhân vật thượng cấp nào đó: Các người là nhóm xấu xa nhất gồm những kẻ không phải là người trong nhân loại. Chẳng lẽ các người không biết gì về điều này sao? Các người có biết Ta đã chịu bao nhiêu rủi ro khi làm việc giữa các người không? Nếu ý thức của các người không thể trở lại bình thường, và lương tâm của các người không thể hoạt động bình thường, thì các người sẽ không bao giờ vứt bỏ được cái tên “chó sói”, các người sẽ không bao giờ thoát khỏi ngày rửa sạch và sẽ không bao giờ thoát khỏi ngày trừng phạt của các người. Các người sinh ra đã thấp kém, một vật không có chút giá trị gì. Các người bản tính là một bầy sói đói, một đồng mảnh vụn và rác rưởi, và Ta, không giống các người, không làm việc trên các người để lấy ân huệ, mà bởi vì nhu cầu công việc. Nếu các người tiếp tục đẩy loạn theo cách này, thì Ta sẽ dừng công tác của Ta, và sẽ không bao giờ làm việc lại trên các người nữa; ngược lại, Ta sẽ chuyển công tác của Ta sang một nhóm khác làm hài lòng Ta, và theo cách này sẽ rời xa các người mãi mãi, bởi vì Ta không muốn nhìn thấy những kẻ thù nghịch với Ta. Vậy thì, các người có mong muốn được tương hợp với Ta không, hay là thù nghịch chống lại Ta?

Tất cả những ai không biết Đức Chúa Trời đều là những người chống đối Đức Chúa Trời

Nắm bắt được mục đích của công tác của Đức Chúa Trời, hiệu quả công tác của Ngài đạt được nơi con người, và ý muốn của Ngài đối với con người chính xác là gì: đây là điều mọi người theo Đức Chúa Trời nên đạt được. Ngày nay sự hiểu biết về công tác của Đức Chúa Trời chính là điều mà tất cả mọi người đang thiếu. Những việc Đức Chúa Trời đã làm trên con người, toàn bộ công tác của Đức Chúa Trời, và ý muốn của Ngài dành cho con người chính xác là gì, từ khi sáng thế đến thời điểm hiện tại – đây là những điều mà con người không biết mà cũng không lĩnh hội được. Sự thiếu hụt này không những được nhìn thấy trên khắp giới tôn giáo, mà còn ở tất cả những ai tin vào Đức Chúa Trời. Khi đến ngày người thực sự trông thấy Đức Chúa Trời, khi người thực sự cảm kích sự khôn ngoan của Ngài, khi người trông thấy tất cả những việc Đức Chúa Trời đã làm, khi người nhận ra Đức Chúa Trời là gì và có gì – khi người đã nhìn thấy sự rộng lượng, sự khôn ngoan, sự kỳ diệu của

Ngài và tất cả những gì Ngài đã làm trên con người – thì lúc đó người sẽ đạt được thành công trong đức tin của mình nơi Đức Chúa Trời. Khi người ta nói Đức Chúa Trời là toàn diện và rộng lượng, trong phương diện nào Ngài đúng là toàn diện, và trong phương diện nào Ngài rộng lượng? Nếu người không hiểu được điều này, thì người không thể được xem là tin vào Đức Chúa Trời. Tại sao Ta phán rằng những người trong giới tôn giáo không phải là những người tin vào Đức Chúa Trời mà là những kẻ hành ác, cùng giuộc với ma quỷ? Khi Ta phán họ là những kẻ hành ác, chính là vì họ không hiểu được ý muốn của Đức Chúa Trời và không thể nhìn thấy sự khôn ngoan của Ngài. Đức Chúa Trời chưa bao giờ tiết lộ công tác của Ngài cho họ. Họ đui mù; họ không thể thấy những việc làm của Đức Chúa Trời, họ đã bị Đức Chúa Trời từ bỏ, và họ hoàn toàn thiếu sự chăm sóc và bảo vệ của Đức Chúa Trời, chứ đừng kể gì đến công việc của Đức Thánh Linh. Những ai không có công tác của Đức Chúa Trời là những kẻ hành ác và là những kẻ chống đối Đức Chúa Trời. Những kẻ chống đối Đức Chúa Trời mà Ta phán ám chỉ những người không biết Đức Chúa Trời, những người thừa nhận Đức Chúa Trời bằng môi miệng nhưng lại không biết Ngài, những người đi theo Đức Chúa Trời nhưng không vâng lời Ngài, và những người say sưa trong ân điển của Đức Chúa Trời nhưng không thể đứng ra làm chứng về Ngài. Không có sự hiểu biết về mục đích của công tác của Đức Chúa Trời hoặc sự hiểu biết về công tác Đức Chúa Trời thực hiện nơi con người, thì con người không thể phù hợp với ý muốn của Đức Chúa Trời, và cũng không thể đứng ra làm chứng về Đức Chúa Trời. Lý do con người chống đối Đức Chúa Trời, một mặt, đến từ tâm tính bại hoại của con người, và mặt khác, từ sự không biết Đức Chúa Trời và sự thiếu hiểu biết về những nguyên tắc làm việc của Đức Chúa Trời và ý muốn của Ngài đối với con người. Hai khía cạnh này, được kết hợp với nhau, tạo thành một lịch sử chống đối Đức Chúa Trời của con người. Những tấn hủu chống đối Đức Chúa Trời bởi vì sự chống đối như thế nằm trong bản tính của họ, trong khi sự chống đối Đức Chúa Trời của những tấn hủu lâu năm là kết quả của sự không biết đến Ngài của họ, bên cạnh tâm tính bại hoại của họ. Trong thời gian trước khi Đức Chúa Trời đã trở nên xác thịt, thước đo xem con người có chống đối Đức Chúa Trời hay không được dựa trên việc họ có tuân thủ các sắc lệnh do Đức Chúa Trời trên trời đã đặt ra hay không. Ví dụ, trong Thời đại Luật pháp, bất kỳ ai không tuân thủ luật pháp của Đức Giê-hô-va đều bị xem là kẻ chống đối Đức Chúa Trời; bất kỳ ai ăn cắp các vật tế lễ dâng cho Đức Giê-hô-va, hoặc bất kỳ ai chống đối những người được ơn bởi Đức Giê-hô-va, đều bị xem là kẻ chống đối Đức Chúa Trời và sẽ bị ném đá đến chết; bất kỳ ai đã không hiểu kính cha mẹ mình, và bất kỳ ai đã đánh đập hay rủa sả người khác, đều bị xem là người không tuân thủ luật pháp. Và tất cả những ai đã không

tuân thủ luật pháp của Đức Giê-hô-va đều bị xem là chống đối Ngài. Điều này đã không còn như thế trong Thời đại Ân điển, khi bất kỳ ai chống đối Jêsus đều bị xem là kẻ chống đối Đức Chúa Trời, và bất kỳ ai không vâng theo những lời đã được phán bởi Jêsus đều bị xem là kẻ chống đối Đức Chúa Trời. Vào thời điểm này, cách định nghĩa về sự chống đối Đức Chúa Trời đã trở nên vừa chính xác vừa thực tế hơn. Vào thời điểm khi Đức Chúa Trời chưa trở nên xác thịt, thước đo xem con người có chống đối Đức Chúa Trời hay không đã được dựa trên việc con người có thờ phượng Đức Chúa Trời và có tôn kính Đức Chúa Trời vô hình trên thiên đàng hay không. Cách thức chống đối Đức Chúa Trời được định nghĩa khi đó đã không hoàn toàn thực tế, vì con người đã không thể nhìn thấy Đức Chúa Trời, mà cũng không biết ảnh tượng của Đức Chúa Trời như thế nào, hoặc Ngài đã làm việc và phán như thế nào. Con người đã không có quan niệm gì về Đức Chúa Trời, và họ đã tin vào Đức Chúa Trời một cách mơ hồ, bởi vì Đức Chúa Trời chưa hiện ra với con người. Vì thế, dù con người đã tin vào Đức Chúa Trời trong sự tưởng tượng của họ thế nào đi nữa, Đức Chúa Trời đã không kết án con người hoặc đưa ra quá nhiều yêu cầu cho họ, bởi vì con người đã hoàn toàn không thể nhìn thấy Đức Chúa Trời. Khi Đức Chúa Trời trở nên xác thịt và đến làm việc giữa con người, tất cả mọi người trông thấy Ngài và nghe thấy những lời của Ngài, và tất cả mọi người nhìn thấy những việc mà Đức Chúa Trời làm trong thân thể xác thịt của Ngài. Vào lúc đó, tất cả những quan niệm của con người đều trở thành bọt nước. Với những ai đã nhìn thấy Đức Chúa Trời xuất hiện trong xác thịt, họ sẽ không bị kết án nếu họ sẵn sàng vâng lời Ngài, trong khi những ai cố tình chống đối Ngài sẽ bị xem là người chống đối Đức Chúa Trời. Những con người như thế là những kẻ địch lại Đấng Christ, những kẻ thù cố ý chống đối Đức Chúa Trời. Những ai nuôi dưỡng những quan niệm liên quan đến Đức Chúa Trời nhưng vẫn sẵn sàng và sẵn lòng vâng lời Ngài sẽ không bị kết án. Đức Chúa Trời kết án con người dựa trên những ý định và hành động của con người, không bao giờ vì những suy nghĩ và ý kiến của họ. Nếu Ngài kết án con người dựa trên những suy nghĩ và ý kiến của họ, thì không một ai sẽ có thể thoát khỏi bàn tay thịnh nộ của Đức Chúa Trời. Những ai cố ý chống đối Đức Chúa Trời nhập thể sẽ bị trừng phạt vì sự bất tuân của họ. Đối với những kẻ cố ý chống đối Đức Chúa Trời, sự chống đối của họ bắt nguồn từ thực tế rằng họ nuôi dưỡng những quan niệm về Đức Chúa Trời, theo đó điều này dẫn họ vào những hành động làm gián đoạn công tác của Đức Chúa Trời. Những người này cố ý chống đối và hủy hoại công tác của Đức Chúa Trời. Họ không chỉ đơn thuần có những quan niệm về Đức Chúa Trời, mà họ còn tham gia vào những hoạt động làm gián đoạn công việc của Ngài, và vì lý do này mà những người kiểu này sẽ bị kết án. Những ai không cố ý

làm gián đoạn công tác của Đức Chúa Trời sẽ không bị kết án như những tội nhân, bởi vì họ có thể sẵn sàng vâng lời và không tham gia vào những hoạt động gây ra sự gián đoạn và nhiễu loạn. Những người như thế sẽ không bị kết án. Tuy nhiên, khi con người đã trải nghiệm công tác của Đức Chúa Trời trong nhiều năm, nếu họ tiếp tục nuôi dưỡng những quan niệm về Đức Chúa Trời và vẫn không thể biết về công tác của Đức Chúa Trời nhập thể, và nếu, cho dù họ đã trải nghiệm công tác của Ngài bao nhiêu năm đi nữa, họ tiếp tục chứa đầy những quan niệm về Đức Chúa Trời và vẫn không thể biết đến Ngài, thì ngay cả khi họ không tham gia vào những hoạt động gây rối nào, tuy nhiên lòng họ vẫn chứa đầy nhiều quan niệm về Đức Chúa Trời, và ngay cả khi những quan niệm này không trở nên rõ ràng, thì những con người như thế này không giúp gì được cho công tác của Đức Chúa Trời. Họ không thể rao truyền Phúc Âm về Đức Chúa Trời hoặc đứng ra làm chứng về Ngài. Những người như thế là những kẻ vô tích sự và là những kẻ khờ dại. Bởi vì họ không biết Đức Chúa Trời và hơn nữa hoàn toàn không có khả năng vứt bỏ những quan niệm của họ về Ngài, vì thế họ bị kết án. Có thể nói thế này: Các tân tín hữu nắm giữ những quan niệm về Đức Chúa Trời hoặc không biết gì về Ngài là điều bình thường, nhưng đối với người đã tin Đức Chúa Trời nhiều năm và đã trải nghiệm nhiều về công tác của Ngài, thì việc một người như thế tiếp tục nắm giữ những quan niệm sẽ là điều không bình thường, và sẽ càng bất thường khi một người như thế lại không có sự hiểu biết về Đức Chúa Trời. Chính vì đây là một trạng thái không bình thường nên họ bị kết án. Những kẻ bất thường này hết thảy đều là rác rưởi; họ là những kẻ chống đối Đức Chúa Trời nhất và là những người đã vui hưởng ân điển của Đức Chúa Trời mà không mất gì cả. Cuối cùng tất cả những người như thế sẽ bị loại bỏ!

Bất kỳ ai không hiểu mục đích công tác của Đức Chúa Trời đều là kẻ chống đối Ngài, và người nào đã hiểu được mục đích công tác của Đức Chúa Trời nhưng vẫn không tìm cách để làm thỏa lòng Đức Chúa Trời thì thậm chí càng bị xem là người chống đối của Đức Chúa Trời nhiều hơn. Có những người đọc Kinh Thánh trong những hội thánh lớn và nghe ngao nó suốt cả ngày, nhưng không ai trong số họ hiểu được mục đích công tác của Đức Chúa Trời. Không ai trong số họ có thể biết Đức Chúa Trời; càng không ai trong số họ có thể phù hợp với ý muốn của Đức Chúa Trời. Họ đều là những người vô giá trị, hèn hạ, từng người một đứng trên cao để dạy bảo Đức Chúa Trời. Họ cố ý chống đối Đức Chúa Trời ngay cả khi họ mang cờ xí của Ngài. Trong khi họ tuyên xưng đức tin ở nơi Đức Chúa Trời, họ vẫn ăn thịt và uống huyết của con người. Tất cả những kẻ như thế là những con quỷ nuốt linh hồn của con người, những con quỷ vương cổ tình cản đường những ai đang cố gắng bước trên con đường đúng, và là những chướng ngại vật cản trở những ai tìm kiếm

Đức Chúa Trời. Họ có thể ra vẻ có “thể chất tốt”, nhưng làm sao những người đi theo họ biết rằng họ không ai khác hơn là những kẻ địch lại Đấng Christ, là những người dẫn dắt con người chống lại Đức Chúa Trời? Làm sao những người đi theo họ biết rằng họ là những con quỷ sống hết mình trong việc nuốt những linh hồn của con người? Những ai tự tôn vinh mình trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời là những kẻ thấp hèn nhất, trong khi những ai nghĩ mình thấp hèn thì là những người đáng được kính trọng nhất. Và những ai nghĩ rằng mình biết công tác của Đức Chúa Trời và, hơn nữa, có khả năng rao truyền công tác của Đức Chúa Trời cho những người khác với sự phô trương quá ầm ĩ ngay cả khi họ nhìn thẳng vào Ngài – đây là những kẻ ngu dốt nhất. Những người như thế không có lời chứng về Đức Chúa Trời, kêu ngạo và đầy tự phụ. Những ai tin rằng họ có quá ít kiến thức về Đức Chúa Trời, mặc dù có kinh nghiệm thực tiễn và kiến thức thực tế về Ngài, là những người được Ngài yêu quý nhất. Chỉ những người như thế mới thực sự có lời chứng và thực sự có khả năng được Đức Chúa Trời làm cho hoàn thiện. Những ai không hiểu được ý muốn của Đức Chúa Trời đều là người chống đối Đức Chúa Trời; những ai hiểu được ý muốn của Đức Chúa Trời nhưng không thực hành lẽ thật đều là người chống đối Đức Chúa Trời; những ai ăn uống lời của Đức Chúa Trời, nhưng đi ngược lại thực chất của lời Đức Chúa Trời, đều là người chống đối Đức Chúa Trời; những ai có những quan niệm về Đức Chúa Trời nhập thể, hơn nữa có ý định tham gia vào cuộc dấy loạn, đều là người chống đối Đức Chúa Trời; những ai phán xét Đức Chúa Trời đều là kẻ chống đối Đức Chúa Trời; và bất kỳ ai không thể biết Đức Chúa Trời hoặc làm chứng về Ngài đều là người chống đối Đức Chúa Trời. Vì vậy Ta khuyên giục các người: Nếu các người thực sự có đức tin rằng các người có thể đi con đường này, thì hãy tiếp tục đi theo nó. Nhưng nếu các người không thể kiềm chế việc chống đối Đức Chúa Trời, thì tốt nhất các người hãy rời khỏi trước khi quá muộn. Nếu không, khả năng mọi việc trở nên tồi tệ cho các người lên rất cao, bởi vì bản tính của các người đơn giản là quá bại hoại. Về lòng trung thành hoặc sự vâng lời, hoặc một tấm lòng khao khát sự công chính và lẽ thật, hoặc tình yêu dành cho Đức Chúa Trời, thì các người không có một chút nào. Có thể nói rằng tình cảnh của các người trước Đức Chúa Trời là hoàn toàn rối ren. Các người không thể tuân theo điều các người nên tuân theo, và không thể nói những điều nên nói. Điều các người nên đưa vào thực hành, thì các người đã không đưa vào thực hành được; và các chức năng các người nên thực hiện, thì các người không thể thực hiện được. Các người không có lòng trung thành, lương tâm, sự vâng lời hoặc quyết tâm mà các người nên có. Các người đã không chịu đựng đau khổ mà các người cần phải chịu đựng, và các người không có đức tin mà các người nên có. Rất đơn giản, các người hoàn toàn không

có phẩm chất nào: Chẳng lẽ các người không xấu hổ khi tiếp tục sống sao? Hãy để Ta khuyên các người rằng tốt hơn là các người hãy nhắm mắt mình trong sự yên nghỉ đời đời, như thế Đức Chúa Trời không phải lo lắng về phần các người và chịu đau khổ vì các người. Các người tin vào Đức Chúa Trời nhưng lại không biết ý muốn của Ngài; các người ăn uống lời của Đức Chúa Trời nhưng lại không thể tuân theo những điều Đức Chúa Trời yêu cầu ở con người. Các người tin vào Đức Chúa Trời nhưng lại không biết Ngài, và các người sống mà không có một mục tiêu để phấn đấu, không có bất kỳ giá trị nào, không có bất kỳ ý nghĩa nào. Các người sống như một con người nhưng lại không có chút lương tâm, sự chính trực, hoặc sự tín nhiệm nào – các người vẫn có thể tự cho mình là con người sao? Các người tin vào Đức Chúa Trời nhưng lại lừa dối Ngài; hơn nữa, các người lấy tiền của Đức Chúa Trời và ăn những của lễ được dâng cho Ngài. Vậy mà, cuối cùng các người vẫn không tỏ ra chút quan tâm nào đến cảm xúc của Đức Chúa Trời hoặc có chút lương tâm nào đối với Ngài. Ngay cả những yêu cầu nhỏ nhất nhất của Đức Chúa Trời các người cũng không thể đáp ứng được. Các người vẫn có thể tự cho mình là con người sao? Ăn thức ăn Đức Chúa Trời chu cấp và thở không khí Ngài ban cho các người, vui hưởng ân điển của Ngài, vậy mà, cuối cùng, các người không có chút hiểu biết gì về Đức Chúa Trời. Ngược lại, các người đã trở nên những kẻ vô tích sự chống đối Đức Chúa Trời. Điều đó chẳng phải đã biến các người thành một con thú còn thấp hèn hơn một con chó sao? Trong số những loài thú vật, có loài vật nào hung ác hơn các người không?

Những mục sư và các vị trưởng lão đứng trên bục cao giảng dạy cho những người khác là những kẻ chống đối Đức Chúa Trời và là những đồng minh của Satan; chẳng phải những người trong các người, là những người không đứng trên bục cao giảng dạy cho những người khác, còn là kẻ chống đối Đức Chúa Trời hơn sao? Chẳng phải các người còn hơn cả họ trong việc thông đồng với Sa-tan sao? Những ai không hiểu mục đích công tác của Đức Chúa Trời không biết làm thế nào để phù hợp với ý muốn của Đức Chúa Trời. Chắc chắn, không thể nào những người hiểu được mục đích công tác của Ngài không biết làm sao để phù hợp với ý muốn của Đức Chúa Trời. Công tác của Đức Chúa Trời không bao giờ có sai sót; đúng hơn, chính sự theo đuổi của con người có thiếu sót. Chẳng phải những kẻ suy đồi cố tình chống đối Đức Chúa Trời còn nham hiểm và độc ác hơn những mục sư và những vị trưởng lão sao? Nhiều người chống đối Đức Chúa Trời, nhưng trong số họ, cũng có nhiều cách khác nhau để chống đối Đức Chúa Trời. Vì có mọi hạng tín đồ, nên cũng có mọi hạng người chống đối Đức Chúa Trời, không hạng nào giống hạng nào. Không một ai trong số những kẻ không nhận ra rõ ràng mục đích của công việc của

Đức Chúa Trời có thể được cứu rỗi. Bất kể con người có thể đã chống đối Đức Chúa Trời như thế nào trong quá khứ, nhưng khi con người hiểu được mục đích công tác của Đức Chúa Trời và dành trọn nỗ lực của mình để làm thỏa lòng Đức Chúa Trời, thì Đức Chúa Trời sẽ xóa sạch những tội lỗi trước đây của họ. Chừng nào con người còn tìm kiếm lẽ thật và thực hành lẽ thật, thì Đức Chúa Trời sẽ không ghi nhớ những gì họ đã làm. Hơn nữa, dựa trên cơ sở việc thực hành lẽ thật của con người mà Đức Chúa Trời xưng công bình cho họ. Đây là sự công chính của Đức Chúa Trời. Trước khi con người nhìn thấy Đức Chúa Trời hoặc trải nghiệm công tác của Ngài, bất kể con người hành động như thế nào đối với Đức Chúa Trời, Ngài không ghi nhớ điều đó. Tuy nhiên, một khi con người đã nhìn thấy Đức Chúa Trời và trải nghiệm công tác của Ngài, mọi việc làm và hành động của con người sẽ được Đức Chúa Trời ghi lại trong sách “biên niên sử”, vì con người đã nhìn thấy Đức Chúa Trời và sống giữa công tác của Ngài.

Khi con người đã thực sự nhìn thấy Đức Chúa Trời có gì và là gì, khi họ đã nhìn thấy uy quyền tối cao của Ngài, và khi họ đã thực sự biết đến công tác của Đức Chúa Trời, và hơn nữa, khi tâm tính cũ của con người được thay đổi, thì con người sẽ hoàn toàn vứt bỏ tâm tính dấy loạn chống đối Đức Chúa Trời của họ. Có thể nói rằng mọi người tại một thời điểm nào đó đã chống đối Đức Chúa Trời và mọi người tại một thời điểm nào đó đã dấy loạn cùng Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, nếu người sẵn lòng vâng lời Đức Chúa Trời nhập thể, và từ thời điểm này làm thỏa lòng Đức Chúa Trời với lòng trung thành của người, thực hành lẽ thật mà người nên thực hành, thực hiện bổn phận mà người nên thực hiện, và tuân thủ những quy định mà người nên tuân thủ, thì người là người sẵn sàng vứt bỏ sự dấy loạn của mình để làm thỏa lòng Đức Chúa Trời và là người có thể được Đức Chúa Trời làm cho hoàn thiện. Nếu người ngoan cố không chịu nhìn ra những lỗi lầm của mình và không có ý định ăn năn về bản thân, nếu người cứ khăng khăng trong hành vi dấy loạn của mình mà không có chút ý định hợp tác với Đức Chúa Trời và làm thỏa lòng Ngài, thì một kẻ cố chấp và không thể sửa đổi như người chắc chắn sẽ bị trừng phạt và chắc chắn sẽ không bao giờ là người được Đức Chúa Trời làm cho hoàn thiện. Như vậy, người là kẻ thù của Đức Chúa Trời hôm nay và ngày mai người cũng sẽ là kẻ thù của Đức Chúa Trời, và vì thế người cũng sẽ vẫn là kẻ thù của Đức Chúa Trời ngày kế tiếp; người sẽ mãi mãi là kẻ chống đối Đức Chúa Trời và là kẻ thù của Đức Chúa Trời. Trong trường hợp đó, làm sao Đức Chúa Trời có thể tha cho người? Con người chống đối Đức Chúa Trời từ trong bản tính, nhưng con người chớ nên cố tình tìm ra “bí quyết” chống đối Đức Chúa Trời chỉ vì việc thay đổi bản tính của họ là một nhiệm vụ không thể thực hiện được. Nếu là như vậy, thì tốt hơn người nên đi khỏi trước khi

quá muộn, kéo hình phạt của người trong tương lai sẽ trở nên nghiêm trọng hơn, và kéo bản tính tàn bạo của người bùng nổ và trở nên bất trị, cho đến khi thân thể xác thịt của người bị Đức Chúa Trời kết liễu vào lúc cuối cùng. Người tin Đức Chúa Trời để nhận được các phước lành; nhưng nếu cuối cùng, chỉ có điều không may xảy ra với người, điều đó chẳng phải là một sự xấu hổ sao? Ta khuyên giục các người, tốt hơn các người nên lập một kế hoạch khác. Bất kỳ điều gì các người có thể làm sẽ tốt hơn việc tin vào Đức Chúa Trời: Chắc chắn không thể chỉ có một con đường này. Chẳng lẽ các người sẽ không tiếp tục sống sót nếu các người không tìm kiếm lẽ thật sao? Tại sao các người phải bất hòa với Đức Chúa Trời theo cách này?

Khải tượng về công tác của Đức Chúa Trời (1)

Giăng đã làm việc bảy năm cho Jêsus, và đã dọn đường khi Jêsus đến. Trước đó, Phúc Âm về thiên quốc do Giăng rao giảng đã được nghe thấy khắp vùng, đến nỗi lan rộng khắp xứ Giu-đê, và mọi người gọi ông là một tiên tri. Lúc đó, Vua Hê-rốt muốn giết Giăng, nhưng lại không dám, vì dân chúng rất kính trọng Giăng, và Hê-rốt sợ rằng nếu vua giết Giăng thì họ sẽ nổi dậy chống lại vua. Công việc được Giăng thực hiện đã bén rễ trong dân thường, và ông đã tạo nên những tín đồ người Do Thái. Trong bảy năm, ông đã dọn đường cho Jêsus, cho đến tận khi Jêsus bắt đầu thực hiện chức vụ của Ngài. Vì lý do này, Giăng là người vĩ đại nhất trong tất cả các tiên tri. Chỉ sau khi Giăng bị cầm tù, Jêsus mới bắt đầu công tác chính thức của Ngài. Trước Giăng, chưa từng có một tiên tri nào dọn đường cho Đức Chúa Trời, bởi vì trước Jêsus, Đức Chúa Trời chưa bao giờ trở nên xác thịt. Vì vậy, trong số tất cả các tiên tri cho đến Giăng, ông là tiên tri duy nhất dọn đường cho Đức Chúa Trời nhập thể, và bằng cách này, Giăng đã trở thành tiên tri vĩ đại nhất của Cựu và Tân Ước. Giăng đã bắt đầu rao truyền Phúc Âm của thiên quốc bảy năm trước khi Jêsus nhận phép báp-têm. Đối với mọi người, công việc ông đã làm dường như vượt trên công tác sau đó của Jêsus, tuy nhiên, ông vẫn chỉ là một tiên tri mà thôi. Ông đã làm việc và phán dạy không phải bên trong đền thờ, mà ở các thị trấn và làng mạc bên ngoài đền thờ. Tất nhiên, ông đã làm điều này giữa dân chúng của quốc gia Do Thái, đặc biệt là những người nghèo khổ. Hiếm khi Giăng tiếp xúc với những người thuộc tầng lớp thượng lưu của xã hội, và ông sẽ chỉ rao truyền Phúc Âm giữa những thường dân tại Giu-đê. Đó là để chuẩn bị những người phù hợp cho Đức Chúa Jêsus, và chuẩn bị những địa điểm thích hợp để Ngài làm việc. Được một tiên tri như Giăng mở đường, Đức Chúa Jêsus đã có thể bắt đầu ngay con đường thập tự giá của Ngài khi Ngài đến. Khi Đức Chúa Trời trở nên xác thịt để làm công tác của Ngài, Ngài đã

không phải làm công việc chọn người, và Ngài cũng không cần phải đích thân tìm người, hay địa điểm để làm việc. Ngài không làm những việc như thế khi Ngài đến; người thích hợp đã chuẩn bị những việc như vậy cho Ngài trước khi Ngài đến. Giăng đã hoàn thành công việc này trước khi Jêsus bắt đầu công tác của Ngài, vì khi Đức Chúa Trời nhập thể đến để thực hiện công tác của mình, Ngài đã bắt tay vào làm việc ngay trên những người đã chờ đợi Ngài từ lâu. Jêsus đã đến không phải để thực hiện công tác cải chính con người. Ngài đến chỉ để thực hiện chức vụ mà chính Ngài phải thực hiện; mọi thứ khác đều không liên quan đến Ngài. Khi Giăng đến, ông đã không làm gì khác ngoài việc đưa ra khỏi đền thờ và giữa vòng dân Do Thái một nhóm người chấp nhận Phúc Âm của thiên quốc, để họ có thể trở thành những đối tượng cho công tác của Đức Chúa Jêsus. Giăng đã làm việc trong bảy năm, có nghĩa là ông đã rao truyền Phúc Âm trong bảy năm. Trong công việc của mình, Giăng đã không thực hiện nhiều phép lạ, vì công việc của ông là dọn đường; công việc của ông là công việc chuẩn bị. Tất cả những công tác khác, công tác Jêsus sẽ làm, không liên quan đến ông; ông đã chỉ yêu cầu con người xưng tội, ăn năn, và làm phép báp-têm cho mọi người, hầu cho họ có thể được cứu rỗi. Mặc dù ông đã làm công việc mới và đã mở ra một con đường mà con người chưa từng đi trước đó, nhưng ông vẫn chỉ dọn đường cho Jêsus mà thôi. Ông chỉ đơn thuần là một tiên tri đã làm công việc chuẩn bị, và ông không có khả năng làm công tác của Jêsus. Mặc dù Jêsus không phải là người đầu tiên rao giảng Phúc Âm về thiên quốc, và mặc dù Ngài tiếp tục theo con đường mà Giăng đã mở ra, nhưng vẫn không có ai khác có thể làm công tác của Ngài, và nó vượt lên trên công việc của Giăng. Jêsus không thể chuẩn bị con đường của chính Ngài; công tác của Ngài đã được thực hiện trực tiếp nhân danh Đức Chúa Trời. Và vì vậy, cho dù Giăng đã làm việc bao nhiêu năm, thì ông vẫn là một tiên tri, và vẫn là một người dọn đường. Ba năm công tác do Jêsus thực hiện đã vượt qua bảy năm công tác của Giăng, vì thực chất công tác của Ngài không giống như của Giăng. Khi Jêsus bắt đầu thực hiện chức vụ của Ngài, cũng là lúc công việc của Giăng kết thúc, Giăng đã chuẩn bị đủ người và địa điểm cho Đức Chúa Jêsus sử dụng, và chúng đủ để Đức Chúa Jêsus bắt đầu ba năm công tác. Và vì vậy, ngay khi công việc của Giăng kết thúc, Đức Chúa Jêsus đã chính thức bắt đầu công tác của riêng Ngài, và những lời Giăng đã nói bị gạt sang một bên. Đó là do công việc mà Giăng thực hiện chỉ nhằm mục đích chuyển tiếp, và những lời của ông không phải là những lời của sự sống sẽ đưa con người đến sự phát triển mới; cuối cùng, những lời của ông chỉ có ích lợi tạm thời mà thôi.

Công tác Jêsus đã làm không phải là siêu nhiên; đó là một quá trình, và tất cả đều tiến triển theo quy luật bình thường của sự vật. Trước sáu tháng cuối đời của

mình, Jêsus đã biết chắc rằng Ngài đến để làm công tác này, và Ngài đã biết rằng Ngài đến để chịu đóng đinh trên thập tự giá. Trước khi chịu đóng đinh, Jêsus đã liên tục cầu nguyện với Đức Chúa Cha, giống như Ngài đã cầu nguyện ba lần trong vườn Ghết-sê-ma-nê. Sau khi chịu phép báp-têm, Jêsus đã thực hiện chức vụ của Ngài trong ba năm rưỡi, và công tác chính thức của Ngài đã kéo dài hai năm rưỡi. Trong năm đầu tiên, Ngài đã bị Sa-tan buộc tội, bị con người quấy nhiễu, và chịu sự căm dỗ của con người. Ngài đã chiến thắng nhiều cám dỗ trong khi Ngài thực hiện công tác của Ngài. Trong sáu tháng cuối cùng, khi Jêsus sắp bị đóng đinh, từ miệng Phi-e-rơ đã cất lên những lời rằng Ngài là Con Đức Chúa Trời hằng sống, rằng Ngài là Đấng Christ. Chỉ khi đó, công tác của Ngài mới được tất cả mọi người biết đến, và chỉ khi đó, thân phận của Ngài mới được công khai. Sau đó, Jêsus đã bảo các môn đồ của Ngài rằng Ngài sẽ bị đóng đinh vì con người, và rằng ba ngày sau Ngài sẽ sống lại; rằng Ngài đã đến để thực hiện công tác cứu chuộc, và Ngài là Đấng Cứu Thế. Chỉ trong sáu tháng cuối cùng, Ngài mới tiết lộ thân phận của mình và công tác Ngài dự định làm. Đây cũng là thời điểm của Đức Chúa Trời, và đây là cách công tác sẽ được thực hiện. Vào thời điểm đó, một phần công tác của Jêsus phù hợp với Cựu Ước, cũng như với luật pháp của Môi-se và những lời của Đức Giê-hô-va trong Thời đại Luật pháp. Tất cả những điều này Jêsus đã sử dụng để thực hiện phần công tác của Ngài. Ngài đã rao giảng cho dân chúng và dạy dỗ họ trong các nhà hội, và Ngài đã dùng những lời tiên báo của các tiên tri trong Cựu Ước để quở trách người Pha-ri-si đang thù địch với Ngài, và dùng những lời từ Kinh Thánh để vạch trần sự bất tuân của họ và qua đó lên án họ. Vì họ xem thường những gì Jêsus đã làm; đặc biệt, phần lớn công tác của Jêsus đã không được thực hiện theo luật pháp trong Kinh Thánh, và hơn thế nữa, những gì Ngài đã dạy dỗ còn cao hơn những lời của chính họ, và thậm chí cao hơn những gì đã được các tiên tri tiên báo trong Kinh Thánh. Công tác của Jêsus chỉ vì mục đích cứu chuộc con người và chịu đóng đinh trên thập tự giá, và vì vậy, Ngài không cần phải phán thêm lời nào nhằm chinh phục bất kỳ con người nào. Phần lớn những gì Ngài đã dạy dỗ con người được rút ra từ những lời của Kinh Thánh, và ngay cả khi công tác của Ngài không vượt quá Kinh Thánh, thì Ngài vẫn có thể hoàn thành công tác chịu đóng đinh. Công tác của Ngài không phải là công tác của lời, cũng không phải là công tác được thực hiện vì mục đích chinh phục loài người, mà là công tác được thực hiện để cứu chuộc nhân loại. Ngài đã chỉ đóng vai trò là của lễ chuộc tội cho nhân loại, và không đóng vai trò là nguồn của lời dành cho nhân loại. Ngài đã không làm công tác của dân ngoại, là công tác chinh phục con người, mà làm công tác chịu đóng đinh, là công tác được thực hiện giữa những người tin rằng có một Đức Chúa Trời. Mặc dù công tác của

Ngài đã được thực hiện trên nền tảng Kinh Thánh, và mặc dù Ngài đã dùng những điều được tiên báo bởi các tiên tri xưa để kết án người Pha-ri-si, nhưng điều này cũng đủ để hoàn thành công tác chịu đóng đinh. Nếu công tác của ngày nay vẫn được thực hiện dựa trên nền tảng những lời tiên báo của các tiên tri xưa trong Kinh Thánh, thì nó sẽ không thể chinh phục được các người, vì Cựu Ước không có ghi chép nào về sự bất tuân và tội lỗi của người Trung Quốc các người, và không có lịch sử về tội lỗi của các người. Vì vậy, nếu công tác này vẫn còn quanh quẩn trong Kinh Thánh, thì các người sẽ không bao giờ chịu khuất phục. Kinh Thánh chỉ ghi lại một lịch sử giới hạn của dân Y-sơ-ra-ên, điều không có khả năng xác minh các người là xấu hay tốt, hoặc phán xét các người. Thử tưởng tượng Ta phán xét các người dựa trên lịch sử của dân Y-sơ-ra-ên – liệu các người có còn theo Ta như ngày nay không? Các người có biết mình khó khăn như thế nào không? Nếu không có lời nào được phán ra trong giai đoạn này, thì sẽ không thể nào hoàn thành công tác chinh phục. Bởi vì Ta đã đến không phải để chịu đóng đinh trên thập tự giá, nên Ta phải phán những lời tách biệt với Kinh Thánh, để các người có thể được chinh phục. Công tác đã được Jêsus thực hiện chỉ đơn thuần là một giai đoạn cao hơn Cựu Ước; nó được dùng để bắt đầu một thời đại, và để dẫn dắt thời đại đó. Tại sao Ngài lại phán: “Ta đến không phải để phá luật pháp, song để làm cho trọn luật pháp”? Tuy nhiên, trong công tác của Ngài, có nhiều điều khác biệt với các luật lệ đã được thực hành và các điều răn đã được dân Y-sơ-ra-ên tuân theo trong Cựu Ước, vì Ngài đã không đến để vâng theo luật pháp, mà là để làm trọn nó. Quá trình làm trọn nó bao gồm nhiều điều thực tế: Công tác của Ngài thiết thực và thực tế hơn, và hơn nữa, nó sống động hơn, và không phải là sự mù quáng tuân theo các phép tắc. Chẳng phải dân Y-sơ-ra-ên đã giữ ngày Sa-bát sao? Khi Jêsus đến, Ngài đã không tuân giữ ngày Sa-bát, vì Ngài phán rằng Con người là Chúa của ngày Sa-bát, và khi Chúa của ngày Sa-bát đến, Ngài sẽ làm như Ngài muốn. Ngài đã đến để làm trọn luật pháp của Cựu Ước và để thay đổi luật pháp. Tất cả những gì được thực hiện ngày nay đều dựa trên hiện tại, nhưng nó vẫn dựa trên nền tảng công tác của Đức Giê-hô-va trong Thời đại Luật pháp, và nó không vượt quá phạm vi này. Ví dụ, cẩn thận với cái lưỡi của các người, và đừng phạm tội tà dâm – đây chẳng phải là những luật lệ của Cựu Ước sao? Ngày nay, những gì được yêu cầu ở các người không chỉ giới hạn trong Mười Điều Răn, mà bao gồm các điều răn và luật lệ bậc cao hơn những điều đã có trước đây. Thế nhưng, điều này không có nghĩa là những gì đến trước đã bị bãi bỏ, vì mỗi giai đoạn công tác của Đức Chúa Trời đều được thực hiện trên nền tảng của giai đoạn trước đó. Về công tác mà Đức Giê-hô-va đã thực hiện thời ấy ở Y-sơ-ra-ên, chẳng hạn như yêu cầu mọi người phải dâng vật tế, hiếu kính cha mẹ, không thờ thần tượng,

không đánh đập hay rửa sả người khác, không phạm tội tà dâm, không hút thuốc hay uống rượu, và không ăn những vật chết hoặc uống huyết – chẳng phải điều này hình thành nền tảng cho sự thực hành của các người thậm chí đến ngày nay sao? Chính trên nền tảng của quá khứ mà công tác đã được thực hiện cho đến ngày nay. Mặc dù các luật lệ của quá khứ không còn được đề cập đến và các yêu cầu mới đã được đưa ra cho các người, nhưng các luật lệ này, chẳng những không bị bãi bỏ, mà thay vào đó còn được nâng lên cao hơn. Nói rằng chúng đã bị bãi bỏ có nghĩa là thời đại trước đã lỗi thời, trong khi có một số điều răn mà người phải tôn trọng đời đời. Các điều răn trong quá khứ đã được đưa vào thực hành, đã trở thành hữu thể của con người, và không cần phải chú trọng đặc biệt đến những điều răn như “Không hút thuốc”, và “Không uống rượu”, v.v. Dựa trên nền tảng này, các điều răn mới được đặt ra theo những nhu cầu của các người ngày nay, theo vóc giạc của các người, và theo công tác của ngày nay. Việc ban hành các điều răn cho thời đại mới không có nghĩa là bãi bỏ các điều răn của thời đại cũ, mà là nâng chúng lên cao hơn dựa trên nền tảng này, để làm cho những hành động của con người được trọn vẹn hơn, và phù hợp hơn với thực tế. Nếu ngày nay, các người chỉ được yêu cầu tuân theo các điều răn và tuân thủ luật pháp của Cựu Ước giống như dân Y-sơ-ra-ên, và nếu các người thậm chí còn được yêu cầu ghi nhớ luật pháp do Đức Giê-hô-va đặt ra, thì sẽ không bao giờ các người có thể thay đổi được. Nếu các người chỉ tuân thủ một vài điều răn có hạn hoặc ghi nhớ vô số luật lệ, thì tâm tính cũ của các người sẽ vẫn ăn sâu, và sẽ không có cách nào để nhổ rễ nó. Vì thế, các người sẽ trở nên ngày càng suy đồi, và không một ai trong các người sẽ trở nên vâng lời. Điều này có nghĩa là một vài điều răn đơn giản hoặc vô số luật lệ không thể giúp các người biết những việc làm của Đức Giê-hô-va. Các người không giống như dân Y-sơ-ra-ên: Bằng cách tuân theo luật pháp và ghi nhớ các điều răn, họ đã có thể làm chứng cho những việc làm của Đức Giê-hô-va. Nhưng các người không thể đạt được điều này, và một vài điều răn của thời đại Cựu Ước không chỉ không thể khiến cho các người dâng phó lòng mình, hay bảo vệ các người, mà thay vào đó sẽ khiến các người lợi lòng, và sẽ khiến các người rơi xuống âm phủ. Vì công tác của Ta là công tác chinh phục, và nó nhắm vào sự bất tuân cùng tâm tính cũ của các người. Những lời tử tế của Đức Giê-hô-va và Jê-sus còn thua xa những lời phán xét gay gắt ngày nay. Nếu không có những lời gay gắt như vậy, sẽ không thể chinh phục được “các chuyên gia” như các người, những kẻ đã bất tuân trong hàng nghìn năm. Luật pháp của Cựu Ước đã mất tác dụng với các người từ lâu, và sự phán xét của ngày nay còn kinh khủng hơn nhiều so với luật pháp cũ. Điều thích hợp nhất với các người là sự phán xét, chứ không phải là những hạn chế vật vãnh của luật pháp, vì các người không phải là

nhân loại của thuở sơ khai, mà là nhân loại đã bị bại hoại qua hàng nghìn năm. Những gì con người phải đạt được lúc này phù hợp với tình trạng thực tế của con người ngày nay, dựa trên tố chất và vóc giạc thực tế của con người hiện nay, và nó không đòi hỏi người phải tuân theo các phép tắc. Điều này là để có thể đạt được những thay đổi trong tâm tính cũ của người, và để người có thể gạt bỏ những quan niệm của mình. Người có nghĩ rằng các điều răn là phép tắc không? Có thể nói chúng là những yêu cầu bình thường dành cho con người. Chúng không phải là các phép tắc mà người phải tuân theo. Lấy ví dụ việc cấm hút thuốc – đó có phải là một phép tắc không? Nó không phải là một phép tắc! Nó là điều nhân tính bình thường cần có; nó không phải là một phép tắc, mà là một điều được quy định cho toàn thể nhân loại. Ngày nay, hàng chục những điều răn đã được đặt ra cũng không phải là phép tắc; chúng là những điều cần thiết để đạt được nhân tính bình thường. Mọi người đã không có hoặc không biết về những điều như thế trong quá khứ, và vì vậy mọi người được yêu cầu phải đạt được chúng ngày nay, và những điều như vậy không được tính là các phép tắc. Luật pháp không giống với các phép tắc. Các phép tắc mà Ta nói đến là các nghi lễ, thủ tục hoặc những sự thực hành lệch lạc và sai lầm của con người; chúng là những quy định chẳng giúp ích gì cho con người, chẳng có lợi gì cho họ; chúng hình thành một lối hành động vô nghĩa. Đây là điển hình cho các phép tắc, và các phép tắc như thế phải bị loại bỏ, vì chúng không mang lại lợi ích gì cho con người. Chỉ những điều có lợi cho con người mới phải đưa vào thực hành.

Khải tượng về công tác của Đức Chúa Trời (2)

Phúc Âm về sự ăn năn đã được rao giảng trong Thời đại Ân điển, và quy định rằng con người phải tin thì họ mới được cứu. Ngày nay, thay vì sự cứu rỗi, người ta chỉ nói về sự chinh phục và sự hoàn thiện. Người ta không bao giờ nói rằng nếu một người tin thì cả gia đình của họ sẽ được ban phước, hoặc một khi được cứu rỗi thì luôn luôn được cứu rỗi. Ngày nay, không ai nói những lời này, và những điều như thế là lỗi thời. Vào thời điểm đó, công tác của Jêsus là công tác cứu chuộc cả nhân loại. Tội lỗi của tất cả những ai tin vào Ngài đã được tha thứ; miễn là người tin vào Ngài, Ngài sẽ cứu chuộc người; nếu người tin vào Ngài, người không còn tội lỗi nữa, người đã được giải thoát khỏi tội lỗi của mình. Điều này là ý nghĩa của việc được cứu, và được xưng công chính bởi đức tin. Tuy nhiên, trong những người tin, vẫn còn có sự dấy loạn và chống đối Đức Chúa Trời, và điều đó vẫn phải bị loại bỏ từ từ. Sự cứu rỗi không có nghĩa là con người đã được Jêsus hoàn toàn thu phục, mà có nghĩa là con người không còn tội lỗi nữa, họ đã được tha tội: Miễn là người tin, thì

người sẽ không bao giờ còn tội lỗi nữa. Vào thời điểm đó, Jêsus đã làm nhiều việc mà các môn đệ của Ngài không thể hiểu nổi, và đã phán nhiều điều mà mọi người không hiểu được. Điều này là vì, tại thời điểm đó, Ngài đã không đưa ra lời giải thích. Do đó, vài năm sau khi Ngài rời đi, Ma-thi-ơ đã lập phả hệ cho Jêsus, và những người khác cũng đã làm nhiều việc theo ý muốn của con người. Jêsus đã không đến để hoàn thiện và thu phục con người, mà để thực hiện một giai đoạn của công tác: đưa ra Phúc Âm của vương quốc thiên đàng và hoàn thành công tác chịu đóng đinh. Và vì thế, một khi Jêsus đã bị đóng đinh, công tác của Ngài hoàn toàn chấm dứt. Nhưng trong giai đoạn hiện nay – công tác chinh phục – nhiều lời hơn phải được phán ra, nhiều công tác hơn phải được thực hiện, và phải có nhiều quá trình. Những sự mầu nhiệm về công tác của Jêsus và Đức Giê-hô-va cũng phải được tiết lộ, hầu cho tất cả mọi người có thể có sự hiểu biết và sự rõ ràng trong niềm tin của họ, vì đây là công tác của những ngày sau rốt, và những ngày sau rốt là hồi cuối trong công tác của Đức Chúa Trời, thời điểm kết thúc công tác này. Giai đoạn công tác này sẽ làm cho người sáng tỏ về luật pháp của Đức Giê-hô-va và sự cứu chuộc của Jêsus, và chủ yếu để người có thể hiểu được toàn bộ công tác của kế hoạch quản lý sáu nghìn năm của Đức Chúa Trời, và đánh giá cao tất cả ý nghĩa và thực chất của kế hoạch quản lý sáu nghìn năm này, hiểu được mục đích của tất cả công tác đã được Jêsus thực hiện và những lời Ngài đã phán, và thậm chí cả lòng tin mù quáng cùng sự sùng bái Kinh Thánh của người. Tất cả điều này sẽ cho phép người hiểu một cách thấu đáo. Người sẽ hiểu được cả công tác được thực hiện bởi Jêsus lẫn công tác của Đức Chúa Trời ngày nay; người sẽ hiểu và thấy được mọi lẽ thật, sự sống và đường đi. Trong giai đoạn công tác do Jêsus thực hiện, tại sao Jêsus lại rời đi mà không thực hiện công tác kết thúc? Bởi vì giai đoạn công tác của Jêsus không phải là công tác kết thúc. Khi Ngài bị đóng đinh trên thập tự giá, những lời của Ngài cũng chấm dứt; sau khi Ngài bị đóng đinh, công tác của Ngài đã hoàn thành trọn vẹn. Giai đoạn hiện nay thì khác: Chỉ sau khi những lời được phán ra đến cuối cùng và toàn bộ công tác của Đức Chúa Trời kết thúc thì công tác của Ngài mới hoàn thành. Trong giai đoạn công tác của Jêsus, đã có nhiều lời vẫn chưa được phán ra, hoặc chưa được phán rõ ràng đầy đủ. Tuy nhiên, Jêsus đã không quan tâm đến những gì Ngài phán hoặc không phán, vì chức vụ của Ngài không phải là một chức vụ của lời phán, và vì vậy sau khi Ngài đã bị đóng đinh trên thập tự giá thì Ngài đã rời đi. Giai đoạn công tác đó chủ yếu là để chịu đóng đinh, và khác với giai đoạn ngày nay. Giai đoạn công tác này chủ yếu là để hoàn thành, làm sáng tỏ, và đưa đến kết thúc toàn bộ công tác. Nếu những lời không được phán ra đến cùng, sẽ không có cách nào để kết thúc công tác này, vì trong giai đoạn công tác này, tất cả công tác

đều được kết thúc và hoàn thành bằng cách sử dụng những lời phán. Vào thời điểm đó, Jêsus đã làm nhiều việc mà con người không thể hiểu được. Ngài đã lặng lẽ rời đi, và ngày nay vẫn còn nhiều người không hiểu lời của Ngài, sự hiểu biết của họ là sai lầm nhưng vẫn được họ tin là đúng, và không biết rằng mình sai. Giai đoạn cuối cùng sẽ đưa đến kết thúc hoàn toàn công tác của Đức Chúa Trời và sẽ khép lại nó. Tất cả sẽ hiểu và biết được về kế hoạch quản lý của Đức Chúa Trời. Những quan niệm bên trong con người, những ý định của họ, sự hiểu biết sai lầm và phi lý của họ, những quan niệm của họ về công tác của Đức Giê-hô-va và Jêsus, những quan điểm của họ về dân ngoại, và những sự lệch lạc và sai lầm khác của họ sẽ được chỉnh đốn. Và con người sẽ hiểu mọi con đường đúng đắn của sự sống, tất cả những công tác được Đức Chúa Trời thực hiện, và toàn bộ lẽ thật. Khi điều đó xảy ra, giai đoạn công tác này sẽ đi đến kết thúc. Công tác của Đức Giê-hô-va là sự sáng thế, đó là sự khởi đầu; giai đoạn công tác này là sự kết thúc của công tác, và nó là sự chấm dứt. Vào lúc bắt đầu, công tác của Đức Chúa Trời đã được thực hiện giữa những người được chọn của Y-sơ-ra-ên, và đó là buổi bình minh của một kỷ nguyên mới ở nơi thánh khiết nhất trong mọi nơi. Giai đoạn cuối cùng của công tác được thực hiện ở nơi ô uế nhất của mọi quốc gia, để phán xét thế gian và kết thúc thời đại. Trong giai đoạn đầu tiên, công tác của Đức Chúa Trời đã được thực hiện ở nơi sáng sủa nhất trong mọi nơi, và giai đoạn cuối cùng được thực hiện ở nơi tối tăm nhất trong mọi nơi, và sự tối tăm này sẽ bị xua tan, ánh sáng được mang lại, và tất cả mọi người đều được chinh phục. Khi con người ở nơi ô uế và đen tối nhất trong mọi nơi này đã được chinh phục, và toàn thể dân chúng đã công nhận rằng có một Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Trời thật, và mọi người đã bị thuyết phục hoàn toàn, thì sự thật này sẽ được dùng để thực hiện công tác chinh phục khắp toàn thể vũ trụ. Giai đoạn công tác này mang tính tượng trưng: Một khi công tác của thời đại này đã được hoàn thành, công tác quản lý sáu nghìn năm sẽ hoàn toàn kết thúc. Một khi những người ở nơi tối tăm nhất trong mọi nơi đã được chinh phục, hiển nhiên cũng sẽ là như thế ở mọi nơi khác. Như vậy, chỉ có công tác chinh phục ở Trung Quốc mang tính tượng trưng đầy ý nghĩa. Trung Quốc tiêu biểu cho mọi thể lực của sự tối tăm, và người dân Trung Quốc đại diện cho tất cả những ai thuộc về xác thịt, thuộc về Sa-tan, thuộc về thịt và huyết. Chính người dân Trung Quốc là những người đã bị bại hoại nhất bởi con rồng lớn sắc đỏ, là những người có sự chống đối mạnh mẽ nhất đối với Đức Chúa Trời, nhân tính của họ là hèn hạ và ô uế nhất, và vì vậy họ là nguyên mẫu của cả loài người bại hoại. Điều này không có nghĩa là các quốc gia khác không có vấn đề gì cả; các quan niệm của con người đều giống nhau, và mặc dù người dân của các quốc gia này có thể có tố chất tốt, nhưng nếu họ không biết Đức Chúa Trời, thì

chắc chắn họ chống đối Ngài. Tại sao người Do Thái cũng đã chống đối và thách thức Đức Chúa Trời? Tại sao những người Pha-ri-si cũng đã chống đối Ngài? Tại sao Giu-đa phản bội Jêsus? Vào thời điểm đó, nhiều môn đệ đã không biết Jêsus. Tại sao sau khi Jêsus đã bị đóng đinh và sống lại, mọi người vẫn không tin Ngài? Chẳng phải sự bất tuân của con người hết thấy đều giống nhau sao? Chỉ là người dân Trung Quốc được lấy làm gương, và khi được chinh phục thì họ sẽ trở thành một kiểu mẫu và hình mẫu, và sẽ là sự tham khảo cho những người khác. Tại sao Ta đã luôn phán rằng các người là một sự hỗ trợ cho kế hoạch quản lý của Ta? Chính ở người dân Trung Quốc mà sự bại hoại, ô uế, bất chính, chống đối và nổi loạn được thể hiện đầy đủ nhất và được biểu lộ dưới mọi hình thức khác nhau của chúng. Một mặt, họ có tố chất kém, và mặt khác, đời sống và tư duy của họ lạc hậu, và những thói quen, môi trường xã hội, gia đình sinh ra họ – tất cả đều nghèo nàn và lạc hậu nhất. Vóc giạc của họ cũng thấp kém. Công tác ở nơi này mang tính tượng trưng, và sau khi công tác thử nghiệm này đã được thành toàn, công tác tiếp theo của Ngài sẽ dễ dàng hơn nhiều. Nếu bước công tác này có thể được hoàn thành, thì công tác tiếp theo sẽ khỏi phải bàn. Một khi bước công tác này đã được hoàn thành, thành công lớn sẽ đạt được trọn vẹn, và công tác chinh phục khắp toàn thể vũ trụ sẽ hoàn toàn kết thúc. Trên thực tế, một khi công tác giữa các người đã thành công, điều này sẽ tương đương với thành công khắp toàn thể vũ trụ. Đây là ý nghĩa của lý do Ta bắt các người hành động như một kiểu mẫu và hình mẫu. Sự nổi loạn, chống đối, ô uế, bất chính – tất cả đều được tìm thấy ở những người này, và ở họ đại diện cho mọi sự nổi loạn của loài người. Họ thực sự rất đặc biệt. Do đó, họ được xem là hình mẫu của sự chinh phục, và một khi họ đã được chinh phục thì họ sẽ tự nhiên trở thành một kiểu mẫu và hình mẫu cho những người khác. Không có gì mang tính tượng trưng hơn giai đoạn đầu tiên được thực hiện ở Y-sơ-ra-ên: Người Y-sơ-ra-ên là những người thánh khiết nhất và ít bại hoại nhất trong mọi dân tộc, và vì vậy, buổi bình minh của kỷ nguyên mới ở vùng đất này cực kỳ có ý nghĩa. Có thể nói rằng tổ tiên của loài người đã đến từ Y-sơ-ra-ên, và rằng Y-sơ-ra-ên là nơi sinh ra công tác của Đức Chúa Trời. Ban đầu, những người này là những người thánh khiết nhất, và tất cả họ đều đã thờ phượng Đức Giê-hô-va, và công tác của Đức Chúa Trời trong họ đã có thể mang lại những kết quả tốt nhất. Toàn bộ Kinh Thánh ghi lại công tác của hai thời đại: Một là công tác của Thời đại Luật pháp, và một là công tác của Thời đại Ân điển. Cựu Ước ghi lại những lời của Đức Giê-hô-va dành cho dân Y-sơ-ra-ên và công tác của Ngài tại Y-sơ-ra-ên; Tân Ước ghi lại công tác của Jêsus tại Giu-đê. Nhưng tại sao Kinh Thánh lại không có chứa bất kỳ tên Trung Quốc nào? Bởi vì hai phần đầu tiên của công tác của Đức Chúa Trời đã được thực hiện

ở Y-sơ-ra-ên, bởi vì người dân Y-sơ-ra-ên là những người được chọn – có nghĩa là họ là những người đầu tiên đã chấp nhận công tác của Đức Giê-hô-va. Họ là những người ít bại hoại nhất trong toàn thể nhân loại, và ban đầu, họ đã có tâm thế tìm kiếm Đức Chúa Trời và tôn kính Ngài. Họ đã vâng theo lời của Đức Giê-hô-va, luôn hầu việc trong đền thờ, và mặc áo choàng hoặc đội mũ của thầy tế lễ. Họ là những người đầu tiên thờ phượng Đức Chúa Trời và là đối tượng đầu tiên cho công tác của Ngài. Những người này đã là một kiểu mẫu và hình mẫu cho toàn thể nhân loại. Họ là những kiểu mẫu và hình mẫu của sự thánh khiết, của người công chính. Những người như Gióp, Áp-ra-ham, Lót, hoặc Phi-e-rơ và Ti-mô-thê – tất cả họ đều là người Y-sơ-ra-ên, và là những hình mẫu và kiểu mẫu thánh khiết nhất. Y-sơ-ra-ên là quốc gia đầu tiên thờ phượng Đức Chúa Trời giữa nhân loại, và người công chính đã đến từ nơi đây nhiều hơn bất kỳ nơi nào khác. Đức Chúa Trời đã làm việc trong họ để Ngài có thể quản lý loài người trên khắp vùng đất trong tương lai tốt hơn. Những thành tựu của họ và việc làm công chính của họ trong sự thờ phượng Đức Giê-hô-va đã được ghi lại, hầu cho chúng có thể làm những hình mẫu và kiểu mẫu cho những người ngoài Y-sơ-ra-ên trong Thời đại Ân điển; và những hành động của họ đã duy trì vài nghìn năm công tác, cho đến tận ngày nay.

Sau khi sáng lập ra thế giới, giai đoạn công tác đầu tiên của Đức Chúa Trời đã được thực hiện ở Y-sơ-ra-ên, và do đó Y-sơ-ra-ên là nơi sinh ra công tác của Đức Chúa Trời trên đất, và là cơ sở cho công tác của Đức Chúa Trời trên đất. Phạm vi công tác của Jê-sus đã bao trùm toàn bộ Giu-đê. Trong công tác của Ngài, rất ít người bên ngoài Giu-đê biết về nó, vì Ngài đã không làm bất kỳ công tác nào vượt ra ngoài Giu-đê. Ngày nay, công tác của Đức Chúa Trời đã được đưa đến Trung Quốc, và nó hoàn toàn được thực hiện trong phạm vi này. Trong giai đoạn này, không có công tác nào được khởi động bên ngoài Trung Quốc; sự lan rộng vượt ra ngoài Trung Quốc của nó là công tác sẽ đến sau này. Giai đoạn công tác này tiếp nối từ giai đoạn công tác của Jê-sus. Jê-sus đã làm công tác cứu chuộc, và giai đoạn này là công tác tiếp nối từ công tác đó; công tác cứu chuộc đã được hoàn thành, và trong giai đoạn này không cần có sự thai dựng bởi Đức Thánh Linh, vì giai đoạn công tác này khác với giai đoạn trước đó, và hơn nữa, vì Trung Quốc khác với Y-sơ-ra-ên. Jê-sus đã thực hiện một giai đoạn của công tác cứu chuộc. Con người đã trông thấy Jê-sus, và không lâu sau đó, công tác của Ngài đã bắt đầu lan rộng đến dân ngoại. Ngày nay, có nhiều người tin Đức Chúa Trời ở Hoa Kỳ, Anh và Nga, vậy tại sao lại có ít người tin hơn ở Trung Quốc? Bởi vì Trung Quốc là quốc gia khép kín nhất. Như vậy, Trung Quốc là quốc gia cuối cùng chấp nhận con đường của Đức Chúa Trời, và thậm chí hiện tại còn chưa đến một trăm năm kể từ khi nó chấp nhận – muộn hơn nhiều so

với Hoa Kỳ và Anh. Giai đoạn công tác cuối cùng của Đức Chúa Trời được thực hiện ở vùng đất Trung Quốc nhằm đưa công tác của Ngài đến hồi kết, và để cho mọi công tác của Ngài có thể được hoàn thành. Mọi người dân ở Y-sơ-ra-ên đều đã gọi Đức Giê-hô-va là Chúa của họ. Vào thời điểm đó, họ đã xem Ngài là Đấng đứng đầu gia đình của họ, và toàn thể Y-sơ-ra-ên đã trở thành một đại gia đình, trong đó mọi người đều thờ phượng Chúa Giê-hô-va của họ. Thần của Đức Giê-hô-va thường hiện ra với họ, Ngài đã phán và cất tiếng với họ, và đã dùng một trụ mây và âm thanh để hướng dẫn đời sống của họ. Vào thời điểm đó, Thần đã trực tiếp cung cấp sự hướng dẫn của Ngài ở Y-sơ-ra-ên, phán và cất tiếng Ngài với mọi người, và họ đã nhìn thấy những đám mây và nghe thấy những tiếng sấm, và theo cách này Ngài đã hướng dẫn đời sống của họ trong hàng nghìn năm. Vì thế, chỉ có dân Y-sơ-ra-ên đã luôn thờ phượng Đức Giê-hô-va. Họ tin rằng Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời của họ, và rằng Ngài không phải là Đức Chúa Trời của dân ngoại. Điều này chẳng có gì ngạc nhiên: Xét cho cùng, Đức Giê-hô-va đã làm việc giữa họ gần bốn nghìn năm. Ở vùng đất Trung Quốc, sau khi hàng nghìn năm ngủ mê, chỉ đến bây giờ những kẻ suy đồi mới biết rằng trời đất và muôn vật đã không phải được hình thành một cách tự nhiên, mà đã được dựng nên bởi Đấng Tạo Hóa. Bởi vì Phúc Âm này đã đến từ nước ngoài nên những người có tư tưởng phong kiến, phản động đó tin rằng tất cả những ai chấp nhận Phúc Âm này đều bất trung, họ là những kẻ hèn nhát phản bội Đức Phật – tổ tiên của họ. Hơn nữa, nhiều người trong số những bộ óc phong kiến này hỏi rằng: “Làm sao người Trung Quốc có thể tin vào Đức Chúa Trời của người nước ngoài? Chẳng phải họ đang phản bội tổ tiên của mình sao? Chẳng phải họ đang phạm tội ác sao?” Ngày nay, mọi người từ lâu đã quên rằng Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời của họ. Từ lâu, họ đã cố làm lơ Đấng Tạo Hóa, và thay vào đó họ tin vào sự tiến hóa, nghĩa là con người đã tiến hóa từ loài vượn, và thế giới tự nhiên đã xuất hiện như một lẽ đương nhiên. Mọi món ngon mà con người tận hưởng đều được cung cấp bởi tự nhiên, có trật tự cho sự sống và cái chết của con người, và không tồn tại một Đức Chúa Trời là Đấng cai trị muôn vật. Hơn nữa, có nhiều người vô thần tin rằng việc Đức Chúa Trời cai trị muôn vật là mê tín dị đoan và phản khoa học. Nhưng khoa học có thể thay thế công tác của Đức Chúa Trời không? Khoa học có thể cai trị loài người không? Việc rao giảng Phúc Âm ở một đất nước được cai trị bởi chủ nghĩa vô thần không phải là nhiệm vụ dễ dàng, và nó chứa đựng những trở ngại to lớn. Ngày nay, chẳng phải có nhiều người chống đối Đức Chúa Trời theo cách này sao?

Khi Jê-sus đến để làm công tác của Ngài, nhiều người đã so sánh công tác của Ngài với công tác của Đức Giê-hô-va, và khi họ thấy chúng mâu thuẫn, họ đã đóng

đình Jêsus trên thập tự giá. Nhưng tại sao họ lại không tìm thấy những sự nhất quán giữa công tác của các Ngài? Một phần là bởi vì Jêsus đã làm công tác mới, và cũng bởi vì trước khi Jêsus bắt đầu công tác của Ngài, không một ai từng viết phả hệ của Ngài. Nếu ai đó đã viết thì thật tốt – khi ấy ai sẽ đóng đình Jêsus trên thập tự giá kia chứ? Nếu Ma-thi-ơ đã viết phả hệ của Jêsus vài thập kỷ trước đó, thì Jêsus sẽ không phải chịu sự bức hại khủng khiếp như vậy. Chẳng phải thế sao? Ngay khi mọi người đọc về phả hệ của Jêsus – rằng Ngài là con trai của Áp-ra-ham và là dòng dõi của Đa-vít – thì họ sẽ ngừng bức hại Ngài. Chẳng phải thật đáng tiếc khi phả hệ của Ngài đã được viết quá muộn sao? Và thật đáng tiếc khi Kinh Thánh chỉ ghi lại hai giai đoạn công tác của Đức Chúa Trời: một giai đoạn là công tác của Thời đại Luật pháp, và một giai đoạn là công tác của Thời đại Ân điển; một giai đoạn là công tác của Đức Giê-hô-va, và một giai đoạn là công tác của Jêsus. Sẽ tốt hơn biết bao nếu một tiên tri vĩ đại đã tiên báo công tác của ngày hôm nay. Sẽ có thêm một phần trong Kinh Thánh có tên là “Công tác của những ngày sau rốt” – chẳng phải điều đó sẽ tốt hơn nhiều sao? Tại sao con người phải chịu rất nhiều khó khăn ngày nay? Các người đã có một thời gian khó khăn như thế! Nếu bất kỳ ai đáng bị ghét, thì đó là Ê-sai và Đa-ni-ên vì đã không tiên báo công tác của những ngày sau rốt, và nếu có bất kỳ ai để đổ lỗi, thì đó là các sứ đồ của Tân Ước, những người đã không liệt kê phả hệ của lần nhập thể thứ hai của Đức Chúa Trời sớm hơn. Điều đó thật đáng tiếc! Các người phải tìm kiếm bằng chứng khắp nơi, và thậm chí sau khi tìm thấy rải rác một số từ ngữ nhỏ nhặt thì các người vẫn không thể khẳng định liệu chúng có thực sự là bằng chứng hay không. Thật đáng xấu hổ! Tại sao Đức Chúa Trời lại bí mật trong công tác của Ngài như vậy? Ngày nay, nhiều người vẫn chưa tìm thấy bằng chứng thuyết phục, nhưng họ cũng không thể phủ nhận điều đó. Vậy họ nên làm gì? Họ không thể kiên quyết đi theo Đức Chúa Trời, nhưng họ cũng không thể tiến về phía trước trong sự nghi ngờ như thế. Và vì vậy, nhiều “học giả thông minh và tài năng” đã giữ thái độ “cứ thử xem sao” khi họ đi theo Đức Chúa Trời. Điều này quá rắc rối! Chẳng phải mọi thứ sẽ dễ dàng hơn rất nhiều nếu Ma-thi-ơ, Mác, Lu-ca và Giăng đã có thể tiên báo tương lai sao? Sẽ tốt hơn nếu Giăng đã trông thấy sự thật bên trong của sự sống ở vương quốc – thật đáng tiếc khi ông ấy chỉ nhìn thấy các khái tượng và đã không nhìn thấy công tác thực sự, hữu hình trên đất. Điều đó thật đáng xấu hổ! Có chuyện gì với Đức Chúa Trời vậy? Tại sao, sau khi công tác của Ngài đã diễn ra rất tốt đẹp ở Y-sơ-ra-ên, giờ đây Ngài lại đến Trung Quốc, và tại sao Ngài đã phải trở nên xác thịt, và đích thân làm việc và sống giữa mọi người? Đức Chúa Trời quá vô tâm với con người! Ngài không những đã không báo trước với mọi người, mà còn bất ngờ đưa ra hình phạt và sự phán xét của Ngài. Điều đó thật phi lý! Lần đầu tiên

Đức Chúa Trời trở nên xác thịt, Ngài đã chịu nhiều khổ cực vì đã không báo trước cho con người mọi sự thật bên trong. Chắc chắn Ngài không thể quên điều đó? Vậy tại sao lần này Ngài vẫn không báo với con người? Ngày nay, thật đáng tiếc khi chỉ có sáu mươi sáu sách trong Kinh Thánh. Chỉ cần có thêm một lời tiên báo về công tác của những ngày sau rốt nữa thôi! Người không nghĩ thế sao? Ngay cả Đức Giê-hô-va, Ê-sai và Đa-vít cũng đã không đề cập đến công tác của ngày nay. Họ đã cách xa hiện tại hơn, với cách biệt về thời gian hơn bốn nghìn năm. Jê-sus cũng đã không tiên báo đầy đủ công tác của ngày nay, chỉ phán một chút về nó, và con người vẫn không tìm được đủ bằng chứng. Nếu người so sánh công tác của ngày nay với trước đây, làm sao hai công tác có thể ăn khớp với nhau được? Giai đoạn công tác của Đức Giê-hô-va đã nhắm vào Y-sơ-ra-ên, vì vậy nếu người so sánh công tác của ngày nay với nó thì thậm chí sẽ còn có sự thiếu nhất quán lớn hơn nữa; hai công tác này chỉ đơn giản là không thể so sánh được. Người cũng không phải là người Y-sơ-ra-ên hay người Do Thái; tổ chất của người và mọi thứ về người đều đang thiếu sót – làm sao người có thể so sánh bản thân với họ được? Điều này có thể không? Hãy biết rằng ngày nay là Thời đại Vương quốc, và nó khác với Thời đại Luật pháp và Thời đại Ân điển. Trong bất kỳ trường hợp nào, đừng thử và áp dụng một công thức; Đức Chúa Trời không thể được tìm thấy trong bất kỳ công thức nào như thế.

Jê-sus đã sống như thế nào trong suốt 29 năm sau khi Ngài được sinh ra? Kinh Thánh không ghi lại gì về tuổi thơ và tuổi trẻ của Ngài; người có biết chúng như thế nào không? Lẽ nào Ngài đã không có tuổi thơ hay tuổi trẻ, và khi Ngài được sinh ra thì Ngài đã 30 tuổi rồi? Người biết quá ít, vì vậy đừng quá bất cẩn trong việc bộc lộ các quan điểm của người. Điều đó không tốt cho người! Kinh Thánh chỉ ghi lại rằng trước sinh nhật lần thứ 30 của Jê-sus, Ngài đã chịu báp-têm và được Đức Thánh Linh dẫn vào đồng vắng để chịu sự cám dỗ của ma quỷ. Và Bốn Sách Phúc Âm ghi lại ba năm rưỡi công tác của Ngài. Không có ghi chép về tuổi thơ và tuổi trẻ của Ngài, nhưng điều này không chứng minh rằng Ngài đã không có tuổi thơ và tuổi trẻ; chỉ là, lúc ban đầu, Ngài đã không làm công tác nào cả, và là một con người bình thường. Lẽ nào người nói rằng, vậy thì, Ngài đã sống 33 năm mà không có tuổi trẻ hay tuổi thơ sao? Lẽ nào Ngài có thể đột nhiên đạt đến độ tuổi 33,5? Mọi thứ con người nghĩ về Ngài đều là siêu nhiên và không thực tế. Chắc chắn rằng Đức Chúa Trời nhập thể sở hữu nhân tính thông thường và bình thường, nhưng khi Ngài thực hiện công tác của mình thì Ngài làm trực tiếp với nhân tính không trọn vẹn và thần tính trọn vẹn của Ngài. Chính vì điều này mà mọi người nghi ngờ về công tác của ngày nay, và thậm chí về công tác của Jê-sus. Mặc dù công tác của Đức Chúa Trời khác nhau giữa hai lần Ngài trở nên xác thịt, nhưng thực chất của Ngài thì không. Tất nhiên, nếu

người đọc các bản ghi chép của Bốn Sách Phúc Âm, những khác biệt là rất lớn. Làm sao người có thể trở lại cuộc đời của Jêsus trong suốt tuổi thơ và tuổi trẻ của Ngài? Làm sao người có thể hiểu thấu được nhân tính bình thường của Jêsus? Có thể người có một sự hiểu biết vững chắc về nhân tính của Đức Chúa Trời ngày nay, nhưng người không nắm bắt được nhân tính của Jêsus, người càng không hiểu về nó. Nếu nó đã không được Ma-thi-ơ ghi lại, người sẽ không có may ý niệm nào về nhân tính của Jêsus. Có thể, khi Ta kể với người những câu chuyện về Jêsus trong suốt cuộc đời của Ngài, và kể với người về những lẽ thật bên trong tuổi thơ và tuổi trẻ của Jêsus, người sẽ lắc đầu và nói: “Không! Ngài ấy không thể như thế được. Ngài ấy không thể có bất kỳ sự yếu đuối nào, Ngài ấy càng không sở hữu bất kỳ nhân tính nào!” Người sẽ thậm chí còn la hét lên. Chính vì người không hiểu Jêsus nên người có những quan niệm về Ta. Người tin rằng Jêsus quá thần thánh, không có gì thuộc về xác thịt ở Ngài. Nhưng sự thật vẫn là sự thật. Không ai muốn nói bất chấp sự thật của sự thật, vì khi Ta phán thì điều đó liên quan đến lẽ thật; nó không phải là sự suy đoán, cũng không phải là lời tiên tri. Hãy biết rằng Đức Chúa Trời có thể vươn lên những tầm cao vĩ đại, và hơn thế nữa, Ngài có thể ẩn trong những chiều sâu thăm thẳm. Ngài không phải là điều người có thể dựng lên trong trí óc mình – Ngài là Đức Chúa Trời của mọi tạo vật, chứ không phải là một Đức Chúa Trời cá nhân được thụ thai bởi một con người cụ thể.

Khái tượng về công tác của Đức Chúa Trời (3)

Lần đầu tiên Đức Chúa Trời trở nên xác thịt là nhờ sự thai dựng của Đức Thánh Linh, và điều đó liên quan đến công tác Ngài đã dự định làm. Thời đại Ân điển bắt đầu với danh Jêsus. Khi Jêsus bắt đầu thực hiện chức vụ của Ngài, Đức Thánh Linh đã bắt đầu chứng thực cho danh Jêsus, và danh Đức Giê-hô-va không còn được nhắc đến nữa; thay vào đó, Đức Thánh Linh đã đảm nhận công tác mới chủ yếu dưới danh Jêsus. Những người tin vào Ngài đã mang chứng ngôn cho Đức Chúa Jêsus Christ, và công tác họ làm cũng là vì Đức Chúa Jêsus Christ. Sự kết thúc của Thời đại Luật pháp trong Cựu Ước có nghĩa là công tác chủ yếu được thực hiện dưới danh Đức Giê-hô-va đã kết thúc. Từ đây trở đi, danh của Đức Chúa Trời không còn là Giê-hô-va nữa; thay vào đó, Ngài được gọi là Jêsus, và kể từ đây, Đức Thánh Linh đã bắt đầu công tác chủ yếu dưới danh Jêsus. Vì vậy, người nào mà ngày nay vẫn còn ăn uống lời của Đức Giê-hô-va, và vẫn làm mọi việc theo công tác của Thời đại Luật pháp – chẳng phải người đang mù quáng tuân thủ những luật lệ sao? Chẳng phải người đang bị mắc kẹt trong quá khứ sao? Các người giờ đây biết rằng thời kỳ

sau rốt đã đến. Lẽ nào khi Jêsus đến, Ngài vẫn được gọi là Jêsus? Đức Giê-hô-va đã bảo dân Y-sơ-ra-ên rằng một Đấng Mê-si sẽ đến, nhưng khi Ngài đến, Ngài đã không được gọi là Đấng Mê-si mà là Jêsus. Jêsus đã phán rằng Ngài sẽ trở lại, và rằng Ngài sẽ đến như Ngài đã rời đi. Đây là những lời của Jêsus, nhưng người đã nhìn thấy cách Jêsus rời đi chưa? Jêsus đã cưỡi trên một đám mây trắng rời đi, nhưng có thể nào Ngài sẽ đích thân trở lại giữa con người trên một đám mây trắng? Nếu theo cách như vậy, chẳng phải Ngài vẫn sẽ được gọi là Jêsus sao? Khi Jêsus trở lại, lúc đó thời đại đã thay đổi, vậy lẽ nào Ngài vẫn được gọi là Jêsus? Phải chăng Đức Chúa Trời chỉ có thể được biết đến với danh Jêsus? Chẳng lẽ Ngài không thể được gọi bằng một danh mới trong một thời đại mới? Liệu ảnh tượng của một con người và một danh xưng cụ thể có thể đại diện cho toàn bộ Đức Chúa Trời được không? Trong từng thời đại, Đức Chúa Trời làm công tác mới và được gọi bằng một danh mới; làm sao Ngài có thể làm cùng một công tác trong các thời đại khác nhau? Làm sao Ngài có thể bám lấy cái cũ? Danh Jêsus đã được dùng cho công tác cứu chuộc, vậy Ngài có còn được gọi bằng cùng một danh đó khi Ngài trở lại trong thời kỳ sau rốt không? Liệu Ngài có còn làm công tác cứu chuộc không? Tại sao Đức Giê-hô-va và Jêsus là một, nhưng Họ lại được gọi bằng những danh xưng khác nhau trong các thời đại khác nhau? Chẳng phải vì thời đại của công tác Họ làm khác nhau sao? Liệu chỉ một danh xưng có thể đại diện cho toàn bộ Đức Chúa Trời được không? Như vậy, Đức Chúa Trời phải được gọi bằng một danh xưng khác trong một thời đại khác, và Ngài phải dùng danh xưng để thay đổi thời đại và đại diện cho thời đại. Vì không một danh xưng nào có thể đại diện đầy đủ cho chính Đức Chúa Trời, và mỗi danh xưng chỉ có thể đại diện cho khía cạnh đương thời của tâm tính Đức Chúa Trời trong một thời đại nhất định; tất cả những gì nó cần làm là đại diện cho công tác của Ngài. Do đó, Đức Chúa Trời có thể chọn bất kỳ danh xưng nào phù hợp với tâm tính của Ngài để đại diện cho toàn bộ thời đại. Bất kể đó là thời đại của Đức Giê-hô-va hay thời đại của Jêsus, mỗi thời đại đều được đại diện bằng một danh xưng. Vào cuối Thời đại Ân điển, thời đại cuối cùng đã đến, và Jêsus đã đến. Làm sao Ngài vẫn có thể được gọi là Jêsus? Làm sao Ngài vẫn có thể mang hình dáng của Jêsus giữa con người được? Người đã quên rằng Jêsus chỉ là hình ảnh của một người Na-xa-rét sao? Người đã quên rằng Jêsus chỉ là Đấng Cứu Chuộc của nhân loại sao? Làm sao Ngài có thể đảm nhận công tác chinh phục và hoàn thiện con người trong thời kỳ sau rốt được? Jêsus đã rời đi trên một đám mây trắng – đây là sự thật – nhưng làm sao Ngài có thể trở lại trên một đám mây trắng giữa con người và vẫn được gọi là Jêsus? Nếu Ngài thực sự đến trên một đám mây, làm sao con người lại không nhận ra Ngài? Dân chúng trên toàn thế giới sẽ chẳng nhận ra Ngài sao? Trong trường

hợp đó, chẳng phải chỉ một mình Jêsus là Đức Chúa Trời sao? Trong trường hợp đó, ảnh tượng của Đức Chúa Trời sẽ là diện mạo của một người Do Thái, và hơn nữa, sẽ mãi mãi như thế. Jêsus đã phán rằng Ngài sẽ đến như Ngài đã rời đi, nhưng người có biết ý nghĩa thực sự của lời Ngài không? Lẽ nào Ngài đã phán với nhóm này các người? Tất cả những gì người biết là Ngài sẽ đến như Ngài đã đi, cưỡi trên một đám mây, nhưng người có biết chính xác bản thân Đức Chúa Trời làm công tác của Ngài như thế nào không? Nếu người thực sự có thể nhìn thấy, thì những lời Jêsus đã phán sẽ được giải thích như thế nào? Ngài đã phán: Khi Con người đến vào thời kỳ sau rốt, chính Ngài sẽ không biết, các thiên sứ sẽ không biết, các sứ giả trên trời sẽ không biết, và cả nhân loại sẽ không biết. Chỉ Cha mới biết, nghĩa là, chỉ có Thần mới biết. Ngay cả bản thân Con người cũng không biết, vậy mà người có thể thấy và biết sao? Nếu người có thể biết và thấy tận mắt, thì chẳng phải những lời này hẳn là được phán ra vô ích sao? Và Jêsus đã phán gì vào thời điểm đó? “Về ngày và giờ đó, chẳng có ai biết chi cả, thiên sứ trên trời hay là Con cũng vậy, song chỉ một mình Cha biết thôi. Trong đời Nô-ê thế nào, khi Con người đến cũng thế ấy. ... Vậy thì các người cũng hãy chực cho sẵn, vì Con người sẽ đến trong giờ các người không ngờ”. Khi ngày đó đến, bản thân Con người sẽ không biết điều đó. Con người ám chỉ xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời, một người bình thường và thông thường. Ngay cả bản thân Con người cũng không biết, vậy thì làm sao người có thể biết được? Jêsus đã phán rằng Ngài sẽ đến như Ngài đã rời đi. Khi Ngài đến, ngay cả bản thân Ngài cũng không biết, vậy liệu Ngài có thể báo trước cho người không? Người có thể thấy Ngài đến không? Đó chẳng phải là một trò đùa sao? Mỗi lần Đức Chúa Trời đến thế gian, Ngài thay đổi danh xưng, giới tính, ảnh tượng, và công tác của mình; Ngài không lặp lại công tác của mình. Ngài là một Đức Chúa Trời luôn mới và không bao giờ cũ. Khi Ngài đến trước đây, Ngài đã được gọi là Jêsus; có thể nào lần này Ngài vẫn được gọi là Jêsus khi Ngài tái lâm? Khi Ngài đến trước đây, Ngài là nam; có thể nào lần này Ngài lại là nam không? Công tác của Ngài khi Ngài đến trong Thời đại Ân điển là chịu đóng đinh trên thập tự giá; khi Ngài tái lâm, lẽ nào Ngài vẫn cứu chuộc loài người khỏi tội lỗi? Lẽ nào Ngài lại bị đóng đinh trên thập tự giá? Chẳng phải như thế sẽ là lặp lại công tác của Ngài sao? Chẳng lẽ người không biết rằng Đức Chúa Trời luôn mới và không bao giờ cũ sao? Có những người nói rằng Đức Chúa Trời là bất biến. Điều đó là chính xác, nhưng nó nói đến sự bất biến của tâm tính Đức Chúa Trời và thực chất của Ngài. Những thay đổi trong danh xưng và công tác của Ngài không chứng minh rằng thực chất của Ngài đã thay đổi; nói cách khác, Đức Chúa Trời sẽ luôn là Đức Chúa Trời, và điều này sẽ không bao giờ thay đổi. Nếu người cho rằng công tác của Đức Chúa Trời không thay đổi, thì liệu Ngài

có thể hoàn thành kế hoạch quản lý sáu nghìn năm của mình không? Người chỉ biết rằng Đức Chúa Trời mãi mãi không thay đổi, nhưng người có biết rằng Đức Chúa Trời luôn mới và không bao giờ cũ? Nếu công tác của Đức Chúa Trời không thay đổi, thì Ngài có thể dẫn dắt loài người đến tận ngày nay không? Nếu Đức Chúa Trời là bất biến, vậy thì tại sao Ngài đã thực hiện xong công tác của hai thời đại? Công tác của Ngài không bao giờ ngừng tấn tới, điều đó có nghĩa là tâm tính của Ngài dần dần được tỏ lộ cho con người, và những gì được tỏ lộ là tâm tính vốn có của Ngài. Ban đầu, tâm tính của Đức Chúa Trời đã bị ẩn giấu khỏi con người, Ngài không bao giờ công khai tỏ lộ tâm tính của mình cho con người, và con người hoàn toàn không biết gì về Ngài. Vì vậy, Ngài dùng công tác của mình để dần dần tỏ lộ tâm tính Ngài cho con người, nhưng làm việc theo cách này không có nghĩa là tâm tính của Đức Chúa Trời thay đổi trong mọi thời đại. Không phải là tâm tính của Đức Chúa Trời liên tục thay đổi bởi vì ý muốn của Ngài luôn thay đổi. Đúng hơn, đó là bởi những thời đại công tác của Ngài là khác nhau, Đức Chúa Trời mang toàn bộ tâm tính vốn có của Ngài, và từng bước tỏ lộ nó cho con người, hầu cho con người có thể biết Ngài. Nhưng điều này không thể là bằng chứng cho thấy ban đầu Đức Chúa Trời không có tâm tính riêng hoặc tâm tính của Ngài đã dần thay đổi qua các thời đại – cách hiểu như thế là sai lầm. Đức Chúa Trời tỏ lộ cho con người về tâm tính riêng vốn có của Ngài – Ngài là gì – qua các thời đại; công tác của một thời đại riêng lẻ không thể biểu lộ toàn bộ tâm tính của Đức Chúa Trời. Và vì vậy, những lời “Đức Chúa Trời luôn mới và không bao giờ cũ” nói về công tác của Ngài, và những lời “Đức Chúa Trời là bất biến” nói về Đức Chúa Trời vốn có gì và là gì. Dù sao đi nữa, người không thể khiến công tác của sáu nghìn năm xoay quanh một điểm duy nhất, hoặc giới hạn nó bằng những lời đã chết. Đó là sự ngu ngốc của con người. Đức Chúa Trời không đơn giản như con người tưởng tượng, và công tác của Ngài không thể nắn nát trong bất kỳ thời đại nào. Chẳng hạn, Đức Giê-hô-va không thể luôn luôn đại diện cho danh của Đức Chúa Trời; Đức Chúa Trời còn có thể làm công tác của Ngài dưới danh Jêsus. Đây là một dấu hiệu cho thấy công tác của Đức Chúa Trời luôn tiến triển về phía trước.

Đức Chúa Trời luôn là Đức Chúa Trời, và Ngài sẽ không bao giờ trở thành Sa-tan; Sa-tan luôn là Sa-tan, và nó sẽ không bao giờ trở thành Đức Chúa Trời. Sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời, sự kỳ diệu của Đức Chúa Trời, sự công chính của Đức Chúa Trời, và sự oai nghi của Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ thay đổi. Thực chất của Ngài cùng những gì Ngài có và những gì về Ngài sẽ không bao giờ thay đổi. Tuy nhiên, đối với công tác của Ngài, nó luôn tiến triển về phía trước, luôn đi sâu hơn, vì Ngài luôn mới và không bao giờ cũ. Trong mỗi thời đại, Đức Chúa Trời mang một

danh mới, trong mỗi thời đại, Ngài làm công tác mới, và trong mỗi thời đại, Ngài cho phép các loài thọ tạo của Ngài thấy được ý muốn mới và tâm tính mới của Ngài. Nếu trong một thời đại mới, mọi người không nhìn thấy sự biểu hiện tâm tính mới của Đức Chúa Trời, chẳng phải họ sẽ đóng đinh Ngài trên thập tự giá mãi mãi sao? Và bằng cách làm như vậy, chẳng phải họ sẽ định nghĩa Đức Chúa Trời sao? Nếu Đức Chúa Trời trở nên xác thịt chỉ là một người nam, mọi người sẽ định nghĩa Ngài là nam, là Đức Chúa Trời của người nam, và sẽ không bao giờ tin Ngài là Đức Chúa Trời của người nữ. Khi đó, người nam sẽ cho rằng Đức Chúa Trời có cùng giới tính như người nam, rằng Đức Chúa Trời là thủ lĩnh của người nam – nhưng vậy còn người nữ thì sao? Điều này không công bằng; chẳng phải đó là sự thiên vị sao? Nếu đúng như vậy, thì tất cả những người được Đức Chúa Trời cứu sẽ là người nam giống như Ngài, và sẽ không một người nữ nào được cứu. Khi Đức Chúa Trời dựng nên loài người, Ngài đã dựng nên A-đam và Ngài đã dựng nên Ê-va. Ngài đã không chỉ dựng nên A-đam, mà dựng nên cả người nam và người nữ theo hình Ngài. Đức Chúa Trời không chỉ là Đức Chúa Trời của người nam – Ngài còn là Đức Chúa Trời của người nữ. Đức Chúa Trời bước vào một giai đoạn công tác mới trong thời kỳ sau rốt. Ngài sẽ tỏ lộ nhiều hơn nữa về tâm tính của Ngài, và đó sẽ không phải là lòng nhân từ và tình yêu của thời đại Jêsus. Vì Ngài có công tác mới trong tay, công tác mới này sẽ đi kèm một tâm tính mới. Vì vậy, nếu công tác này được thực hiện bởi Thần – nếu Đức Chúa Trời không trở nên xác thịt, mà thay vào đó, Thần phán trực tiếp qua tiếng sấm hầu cho con người không có cách nào tiếp xúc với Ngài, thì liệu con người có thể biết được tâm tính của Ngài không? Nếu chỉ có Thần làm công tác, thì con người sẽ không có cách nào biết được tâm tính của Đức Chúa Trời. Mọi người chỉ có thể tận mắt thấy được tâm tính của Đức Chúa Trời khi Ngài trở nên xác thịt, khi Lời xuất hiện trong xác thịt, và Ngài biểu lộ toàn bộ tâm tính của mình thông qua xác thịt. Đức Chúa Trời quả thật và thực sự sống giữa con người. Ngài là hữu hình; con người thực sự có thể tiếp xúc với tâm tính của Ngài, tiếp xúc với những gì Ngài có và những gì về Ngài; chỉ bằng cách này, con người mới có thể thực sự nhận biết Ngài. Đồng thời, Đức Chúa Trời cũng đã hoàn thành công tác mà trong đó “Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời của người nam và Đức Chúa Trời của người nữ”, và đã thành tựu toàn bộ công tác của Ngài trong xác thịt. Ngài không lặp lại công tác ở bất kỳ thời đại nào. Vì thời kỳ sau rốt đã đến, Ngài sẽ thực hiện công tác Ngài làm trong thời kỳ sau rốt, và tỏ lộ toàn bộ tâm tính của chính Ngài trong thời kỳ sau rốt. Nói về thời kỳ sau rốt là nói về một thời đại riêng biệt, thời đại mà Jêsus đã phán rằng các người chắc chắn sẽ gặp phải tai họa, gặp phải động đất, đói kém và dịch bệnh, điều sẽ cho thấy đây là một thời đại mới, và không còn là Thời đại Ân điển cũ nữa. Giả

sử như mọi người nói, Đức Chúa Trời mãi mãi không thay đổi, tâm tính của Ngài luôn nhân từ và yêu thương, Ngài yêu con người như chính bản thân mình, Ngài ban cho từng người sự cứu rỗi và không bao giờ ghét bỏ con người, thì liệu công tác của Ngài có bao giờ kết thúc được không? Khi Jêsus đã đến và chịu đóng đinh trên thập tự giá, hy sinh thân mình cho tất cả tội nhân và dâng chính mình lên bàn thờ, Ngài đã hoàn tất công tác cứu chuộc và kết thúc Thời đại Ân điển rồi. Vậy thì lặp lại công tác của thời đại đó trong thời kỳ sau rốt có nghĩa lý gì? Chẳng phải làm cùng một việc sẽ là phủ nhận công tác của Jêsus sao? Nếu Đức Chúa Trời không làm công tác chịu đóng đinh lên thập tự giá khi Ngài đến trong giai đoạn này, nhưng vẫn yêu thương và nhân từ, thì liệu Ngài có thể chấm dứt thời đại được không? Liệu một Đức Chúa Trời yêu thương và nhân từ có thể kết thúc thời đại được không? Trong công tác cuối cùng kết thúc thời đại của Đức Chúa Trời, tâm tính của Ngài là một tâm tính hành phạt và phán xét, mà qua đó, Ngài vạch trần tất cả mọi điều bất chính, để công khai phán xét tất cả mọi người, và hoàn thiện những ai yêu mến Ngài với một tấm lòng chân thành. Chỉ một tâm tính như vậy mới có thể kết thúc thời đại. Thời kỳ sau rốt đã đến rồi. Mọi thứ trong tạo vật sẽ được phân chia theo loại của chúng, và được chia thành các loại khác nhau dựa trên bản tính của chúng. Đây là thời điểm Đức Chúa Trời tiết lộ kết cục của loài người và đích đến của họ. Nếu mọi người không trải qua hình phạt và phán xét, thì sẽ không có cách nào phơi bày sự bất tuân và bất chính của họ. Chỉ thông qua hình phạt và phán xét, kết cục của muôn loài thọ tạo mới có thể được tiết lộ. Con người chỉ thể hiện bản chất thật của mình khi bị hành phạt và phán xét. Ác sẽ được xếp với ác, thiện với thiện, và toàn thể nhân loại sẽ được phân chia theo loại của họ. Thông qua hình phạt và phán xét, kết cục của muôn loài thọ tạo sẽ được tiết lộ, hầu cho kẻ ác có thể bị trừng phạt và người thiện có thể được ban thưởng, và tất cả mọi người đều trở nên khuất phục sự thống trị của Đức Chúa Trời. Toàn bộ công tác này phải đạt được thông qua hình phạt và phán xét công chính. Bởi vì sự bại hoại của con người đã lên đến đỉnh điểm và sự bất tuân của họ trở nên cực kỳ nghiêm trọng, chỉ có tâm tính công chính của Đức Chúa Trời, tâm tính chủ yếu được kết hợp bởi hình phạt và phán xét và được tỏ lộ trong thời kỳ sau rốt, mới có thể chuyển hóa hoàn toàn và làm cho con người trọn vẹn. Chỉ có tâm tính này mới có thể vạch trần cái ác và qua đó trừng phạt nghiêm khắc tất cả những kẻ bất chính. Do đó, một tâm tính như vậy thấm nhuần ý nghĩa thời đại, và sự tỏ lộ, biểu lộ tâm tính của Ngài được thể hiện rõ vì công tác của mỗi thời đại mới. Không phải là Đức Chúa Trời tỏ lộ tâm tính của Ngài một cách tùy tiện và vô nghĩa. Giả sử, khi tiết lộ kết cục của con người trong thời kỳ sau rốt, Đức Chúa Trời vẫn ban cho con người lòng nhân từ cùng tình yêu vô hạn và tiếp tục yêu thương họ, không bắt

con người phải chịu sự phán xét công chính mà cho họ thấy sự khoan dung, kiên nhẫn, tha thứ, và tha tội cho con người dù tội lỗi của họ nghiêm trọng đến mức nào, mà không có bất kỳ sự phán xét công chính nào: vậy thì bao giờ mọi sự quản lý của Đức Chúa Trời mới kết thúc được? Khi nào thì một tâm tính như vậy có thể dẫn mọi người tới đích đến thích hợp của loài người? Lấy ví dụ, một quan tòa luôn yêu thương, một quan tòa với khuôn mặt nhân hậu và một tấm lòng nhu mì. Người yêu mến mọi người bất kể những tội ác mà họ có thể đã gây ra, và người yêu thương, nhẫn nại với họ bất kể họ là ai. Trong trường hợp đó, bao giờ người mới có thể đạt được một phán quyết công bình? Trong thời kỳ sau rốt, chỉ có sự phán xét công chính mới có thể phân chia con người theo loại của họ và đưa con người vào một cõi mới. Theo cách này, toàn bộ thời đại được kết thúc thông qua tâm tính phán xét và hành phạt công chính của Đức Chúa Trời.

Công tác của Đức Chúa Trời xuyên suốt mọi sự quản lý của Ngài là hoàn toàn rõ ràng: Thời đại Ân điển là Thời đại Ân điển, và thời kỳ sau rốt là thời kỳ sau rốt. Có những khác biệt rõ rệt giữa mỗi thời đại, vì trong mỗi thời đại, Đức Chúa Trời làm công tác đại diện cho thời đại đó. Để công tác của thời kỳ sau rốt được hoàn thành, phải có sự thiêu đốt, sự phán xét, hình phạt, cơn thịnh nộ, và sự hủy diệt để kết thúc thời đại. Thời kỳ sau rốt ám chỉ thời đại cuối cùng. Trong thời đại cuối cùng, chẳng phải Đức Chúa Trời sẽ kết thúc thời đại sao? Để kết thúc thời đại, Đức Chúa Trời phải mang theo hình phạt và sự phán xét với Ngài. Chỉ bằng cách này, Ngài mới có thể kết thúc thời đại. Mục đích của Jêsus là để con người có thể tiếp tục tồn tại, tiếp tục sống, và để họ có thể tồn tại theo cách tốt hơn. Ngài đã cứu rỗi con người khỏi tội lỗi hầu cho họ không còn rơi vào sự suy đồi và không còn sống trong âm phủ và địa ngục nữa, và bằng cách cứu rỗi con người khỏi âm phủ và địa ngục, Jêsus đã cho phép họ tiếp tục sống. Giờ đây, thời kỳ sau rốt đã đến. Đức Chúa Trời sẽ tiêu diệt con người và hủy diệt hoàn toàn loài người, nghĩa là Ngài sẽ chuyển hóa sự phản nghịch loài người. Vì lý do này, với tâm tính nhân từ và yêu thương của quá khứ, sẽ là bất khả thi để Đức Chúa Trời chấm dứt thời đại hoặc mang lại thành quả cho kế hoạch quản lý sáu nghìn năm của Ngài. Mỗi thời đại đều là một đại diện đặc biệt cho tâm tính của Đức Chúa Trời, và mỗi thời đại đều chứa đựng công tác phải được Đức Chúa Trời thực hiện. Vì vậy, công tác được chính Đức Chúa Trời thực hiện trong mỗi thời đại chứa đựng sự biểu lộ tâm tính thật của Ngài, và cả danh xưng của Ngài lẫn công tác Ngài làm đều thay đổi cùng với thời đại – tất cả chúng đều mới. Trong Thời đại Luật pháp, công tác hướng dẫn nhân loại đã được thực hiện dưới danh Đức Giê-hô-va, và giai đoạn công tác đầu tiên đã được khởi đầu trên đất. Ở giai đoạn này, công tác bao gồm việc xây dựng đền thờ, bàn thờ, và dùng luật

pháp để hướng dẫn dân Y-sơ-ra-ên và làm việc giữa họ. Bằng cách hướng dẫn dân Y-sơ-ra-ên, Ngài đã thiết lập một căn cứ cho công tác của Ngài trên đất. Từ căn cứ này, Ngài đã mở rộng công tác của mình ra ngoài Y-sơ-ra-ên, nghĩa là, bắt đầu từ Y-sơ-ra-ên, Ngài đã mở rộng công tác của mình ra bên ngoài, hầu cho các thế hệ sau dần dần biết rằng Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời, rằng chính Đức Giê-hô-va đã dựng nên trời đất và muôn vật, và rằng chính Đức Giê-hô-va đã dựng nên mọi sinh vật. Ngài đã lan truyền công tác của mình thông qua dân Y-sơ-ra-ên ra bên ngoài họ. Vùng đất Y-sơ-ra-ên là thánh địa đầu tiên cho công tác của Đức Giê-hô-va trên đất, và chính tại vùng đất của Y-sơ-ra-ên mà Đức Chúa Trời lần đầu tiên làm việc trên đất. Đó là công tác của Thời đại Luật pháp. Trong Thời đại Ân điển, Jêsus là Đức Chúa Trời đã cứu rỗi con người. Những gì Ngài có và là chính là ân điển, tình yêu, lòng nhân từ, sự nhẫn nại, sự nhịn nhục, sự khiêm nhường, sự quan tâm, và lòng khoan dung, và rất nhiều công tác Ngài đã làm là để cứu chuộc con người. Tâm tính của Ngài là lòng nhân từ và tình yêu, và vì Ngài nhân từ và yêu thương, nên Ngài đã phải chịu đóng đinh trên thập tự giá vì con người, để chứng tỏ rằng Đức Chúa Trời yêu thương con người như chính Ngài, nhiều đến nỗi Ngài đã phó dâng toàn bộ bản thân mình. Trong Thời đại Ân điển, danh của Đức Chúa Trời là Jêsus, có nghĩa là, Đức Chúa Trời là một Đức Chúa Trời đã cứu con người, và Ngài là một Đức Chúa Trời nhân từ và yêu thương. Đức Chúa Trời đã ở với con người. Tình yêu của Ngài, lòng nhân từ, và sự cứu rỗi của Ngài đã đồng hành với mỗi một con người. Chỉ bằng cách chấp nhận danh Jêsus và sự hiện diện của Ngài thì con người mới có thể đạt được sự bình an và niềm vui, để nhận được phước lành của Ngài, những ân điển bao la và vô lượng của Ngài, cùng sự cứu rỗi của Ngài. Thông qua sự chịu đóng đinh trên thập tự giá của Jêsus, tất cả những ai theo Ngài đều đã nhận được sự cứu rỗi và được tha tội. Trong Thời đại Ân điển, Jêsus là danh của Đức Chúa Trời. Nói cách khác, công tác của Thời đại Ân điển đã được thực hiện chủ yếu dưới danh Jêsus. Trong thời đại Ân điển, Đức Chúa Trời được gọi là Jêsus. Ngài đã thực hiện một giai đoạn công tác mới ngoài Cựu Ước, và công tác của Ngài đã kết thúc bằng việc chịu đóng đinh trên thập tự giá. Đây là toàn bộ công tác của Ngài. Do đó, trong Thời đại Luật pháp, Đức Giê-hô-va là danh của Đức Chúa Trời, và trong Thời đại Ân điển, danh Jêsus đã đại diện cho Đức Chúa Trời. Trong thời kỳ sau rốt, danh của Ngài là Đức Chúa Trời Toàn Năng – Đấng Toàn Năng, Đấng dùng quyền năng của Ngài để hướng dẫn con người, chinh phục con người, thu nhận con người, và cuối cùng sẽ kết thúc thời đại. Trong mọi thời đại, ở mọi giai đoạn công tác của Đức Chúa Trời, tâm tính của Ngài đều rõ ràng.

Ban đầu, việc hướng dẫn con người trong Thời đại Luật pháp của Cựu Ước

giống như việc hướng dẫn cuộc sống của một đứa trẻ. Nhân loại sơ khai là những người mới được sinh ra bởi Đức Giê-hô-va; họ là dân Y-sơ-ra-ên. Họ đã không hiểu cách tôn kính Đức Chúa Trời hoặc cách sống trên đất. Nghĩa là, Đức Giê-hô-va đã dựng nên loài người, tức là Ngài đã dựng nên A-đam và Ê-va, nhưng Ngài không ban cho họ khả năng hiểu cách tôn kính Đức Giê-hô-va hoặc tuân theo luật pháp của Đức Giê-hô-va trên đất. Nếu không có sự hướng dẫn trực tiếp của Đức Giê-hô-va, không ai có thể trực tiếp biết điều này, vì ban đầu, con người không sở hữu những khả năng như thế. Con người chỉ biết rằng Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời, nhưng về cách tôn kính Ngài, loại hành xử nào có thể được gọi là tôn kính Ngài, người ta phải tôn kính Ngài với tâm như thế nào, hoặc phải dâng lên cái gì để tỏ lòng tôn kính Ngài: con người hoàn toàn không biết gì. Con người chỉ biết cách tận hưởng những gì có thể tận hưởng trong số muôn vật Đức Giê-hô-va đã dựng nên, nhưng còn về loại đời sống nào trên đất xứng đáng cho một loài thọ tạo của Đức Chúa Trời thì con người lại không có bất kỳ ý niệm gì. Nếu không có ai chỉ dẫn họ, không có ai đích thân hướng dẫn họ, thì nhân loại này sẽ không bao giờ sống một cuộc sống phù hợp thích đáng với loài người, mà chỉ có bị Sa-tan ngấm ngầm giam cầm. Đức Giê-hô-va đã dựng nên loài người, nghĩa là Ngài đã dựng nên tổ tiên của loài người, Ê-va và A-đam, nhưng Ngài không ban cho họ thêm bất kỳ trí tuệ hay sự khôn ngoan nào. Mặc dù họ đã sống trên đất, nhưng họ hầu như không hiểu gì cả. Và vì vậy, công tác của Đức Giê-hô-va trong việc dựng nên loài người mới chỉ hoàn thành một nửa, và còn xa mới hoàn tất. Ngài mới chỉ dựng nên một mẫu con người từ đất sét và ban cho nó hơi thở của Ngài, nhưng đã không ban cho con người đủ sự sẵn sàng để tôn kính Ngài. Thuở ban đầu, con người không có tâm thế tôn kính Ngài hay kính sợ Ngài. Con người chỉ biết cách lắng nghe lời Ngài nhưng lại không biết gì về kiến thức cơ bản cho cuộc sống trên đất và những quy tắc bình thường của đời sống con người. Và vì vậy, mặc dù Đức Giê-hô-va đã dựng nên người nam và người nữ và đã hoàn thành công cuộc bảy ngày, nhưng Ngài chưa hoàn tất việc dựng nên con người chút nào, vì con người chỉ là một cái vỏ và thiếu thực tế làm người. Con người chỉ biết rằng chính Đức Giê-hô-va đã dựng nên loài người, nhưng họ không có ý niệm gì về việc làm thế nào để tuân theo những lời hoặc luật pháp của Đức Giê-hô-va. Và vì vậy, sau khi loài người ra đời, công tác của Đức Giê-hô-va còn xa mới kết thúc. Ngài vẫn phải hướng dẫn đầy đủ để loài người đến trước Ngài, hầu cho họ có thể chung sống trên đất và tôn kính Ngài, và hầu cho với sự hướng dẫn của Ngài, họ có thể bước vào con đường đúng đắn của một đời sống con người bình thường trên đất. Chỉ bằng cách này, công tác đã được thực hiện chủ yếu dưới danh Đức Giê-hô-va mới hoàn tất trọn vẹn; nghĩa là, chỉ bằng cách này, công tác sáng thế của Đức

Giê-hô-va mới hoàn toàn kết thúc. Và vì vậy, sau khi đã dựng nên loài người, Ngài phải hướng dẫn cho cuộc sống của loài người trên đất trong vài nghìn năm, để loài người có thể tuân theo các sắc lệnh và luật pháp của Ngài, và tham gia vào mọi hoạt động của một đời sống con người bình thường trên đất. Chỉ khi đó, công tác của Đức Giê-hô-va mới hoàn tất trọn vẹn. Ngài đã thực hiện công tác này sau khi dựng nên loài người và đã tiếp tục công tác đó cho đến thời đại của Gia-cốp, khi Ngài đã biến mười hai con trai của Gia-cốp lập thành mười hai chi phái của Y-sơ-ra-ên. Từ thời điểm đó trở đi, tất cả người dân Y-sơ-ra-ên đã trở thành loài người chính thức được Ngài dẫn dắt trên đất, và Y-sơ-ra-ên đã trở thành địa điểm cụ thể trên đất, nơi Ngài làm công tác của mình. Đức Giê-hô-va đã đặt những người này làm nhóm người đầu tiên mà Ngài chính thức thực hiện công tác của mình trên đất đối với họ, và Ngài đã đặt toàn bộ vùng đất Y-sơ-ra-ên làm điểm khởi nguồn cho công tác của Ngài, dùng họ làm sự khởi đầu cho công tác vĩ đại hơn nữa, hầu cho tất cả mọi người được sinh ra từ Ngài trên đất sẽ biết cách tôn kính Ngài và cách sống trên đất. Và vì vậy, những việc làm của dân Y-sơ-ra-ên đã trở thành một tấm gương được dân chúng của các quốc gia dân ngoại noi theo, và những gì được phán giữa dân Y-sơ-ra-ên đã trở thành những lời được dân chúng của các quốc gia dân ngoại nghe theo. Vì họ là những người đầu tiên nhận được luật pháp và các điều răn của Đức Giê-hô-va, nên họ cũng là những người đầu tiên biết cách tôn kính những đường lối của Đức Giê-hô-va. Họ là tổ tiên của loài người, là những người biết đường lối của Đức Giê-hô-va, cũng là những đại diện của loài người được Đức Giê-hô-va lựa chọn. Khi Thời đại Ân điển đến, Đức Giê-hô-va không còn hướng dẫn con người theo cách này nữa. Con người đã phạm tội và sa vào tội lỗi, và vì thế, Ngài đã bắt đầu cứu rỗi con người khỏi tội lỗi. Bằng cách này, Ngài đã quở trách con người cho đến khi con người được cứu rỗi hoàn toàn khỏi tội lỗi. Trong thời kỳ sau rốt, con người đã chìm sâu vào suy đồi đến độ công tác của giai đoạn này chỉ có thể được thực hiện thông qua sự phán xét và hình phạt. Chỉ bằng cách này, công tác mới có thể được hoàn thành. Đây đã là công tác của vài thời đại. Nói cách khác, Đức Chúa Trời sử dụng danh của Ngài, công tác của Ngài, và những ảnh tượng khác nhau của Đức Chúa Trời để phân chia thời đại này với thời đại khác và chuyển đổi giữa chúng; danh của Đức Chúa Trời và công tác của Ngài đại diện cho thời đại của Ngài và đại diện cho công tác của Ngài trong từng thời đại. Giả sử công tác của Đức Chúa Trời trong mọi thời đại luôn giống nhau, và Ngài luôn được gọi bằng cùng một danh xưng, thì làm sao con người biết được Ngài? Đức Chúa Trời phải được gọi là Đức Giê-hô-va, và ngoài một Đức Chúa Trời được gọi là Đức Giê-hô-va, bất kỳ ai được gọi bằng bất kỳ danh nào khác đều không phải là Đức Chúa Trời. Nếu không thì Đức Chúa Trời chỉ

có thể là Jêsus, và ngoài danh Jêsus, Ngài không thể được gọi bằng bất kỳ danh nào khác; ngoài Jêsus, Đức Giê-hô-va không phải là Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời Toàn Năng cũng không phải là Đức Chúa Trời. Con người tin rằng quả thật Đức Chúa Trời là toàn năng, nhưng Đức Chúa Trời là một Đức Chúa Trời ở với con người, và Ngài phải được gọi là Jêsus, vì Đức Chúa Trời ở với con người. Làm thế là tuân theo giáo lý, và giới hạn Đức Chúa Trời trong một phạm vi nhất định. Vì vậy, trong mọi thời đại, công tác Đức Chúa Trời làm, danh Ngài được gọi, và ảnh tượng Ngài mang – công tác Ngài làm ở mọi giai đoạn cho đến tận ngày nay – những điều này không tuân theo một quy định nào, và không phải chịu bất kỳ giới hạn nào. Ngài là Đức Giê-hô-va, nhưng Ngài cũng là Jêsus, cũng là Đấng Mê-si, và Đức Chúa Trời Toàn Năng. Công tác của Ngài có thể trải qua sự biến đổi dần dần, với những thay đổi tương ứng trong danh của Ngài. Không một danh xưng nào có thể đại diện đầy đủ cho Ngài, nhưng mọi danh Ngài được gọi đều có thể đại diện cho Ngài, và công tác Ngài làm trong từng thời đại đều đại diện cho tâm tính của Ngài. Giả sử, khi thời kỳ sau rốt đến, Đức Chúa Trời mà người trông thấy vẫn là Jêsus, và hơn nữa, Ngài đang cười trên một đám mây trắng, Ngài vẫn có diện mạo của Jêsus, và những lời mà Ngài phán vẫn là những lời của Jêsus: “Các người phải yêu kẻ lân cận như chính mình, các người phải kiêng ăn và cầu nguyện, yêu kẻ thù như người trân trọng mạng sống của chính mình, nhẫn nại với người khác, nhịn nhục và khiêm nhường. Các người phải làm tất cả những điều này trước khi các người có thể trở thành môn đồ của Ta. Và bằng cách làm tất cả những điều này, các người có thể bước vào vương quốc của Ta”. Chẳng phải điều này sẽ thuộc về công tác của Thời đại Ân điển sao? Chẳng phải những gì Ngài phán là con đường của Thời đại Ân điển sao? Các người sẽ cảm thấy thế nào nếu nghe những lời này? Chẳng phải các người sẽ cảm thấy đây vẫn là công tác của Jêsus sao? Chẳng phải đây sẽ là lặp lại công tác đó sao? Con người có thể nào tìm thấy niềm vui trong việc này không? Các người sẽ cảm thấy công tác của Đức Chúa Trời chỉ có thể giữ nguyên như hiện tại mà không tiến triển thêm nữa. Ngài chỉ là có rất nhiều quyền năng, và không còn công tác mới nào để làm nữa, và Ngài đã sử dụng tối đa quyền năng của mình. Hai nghìn năm trước đây là Thời đại Ân điển, hai nghìn năm sau, Ngài vẫn đang rao giảng con đường của Thời đại Ân điển, và vẫn đang bắt mọi người phải ăn năn. Mọi người sẽ nói rằng: “Lạy Đức Chúa Trời, Ngài chỉ là có rất nhiều quyền năng. Con đã tin rằng Ngài rất khôn ngoan, nhưng Ngài chỉ biết nhẫn nại và chỉ quan tâm đến sự nhịn nhục. Ngài chỉ biết cách yêu kẻ thù của mình, và không gì khác hơn”. Trong tâm trí của con người, Đức Chúa Trời sẽ mãi mãi giống như Ngài ở Thời đại Ân điển, và con người sẽ luôn tin rằng Đức Chúa Trời yêu thương và nhân từ. Người có nghĩ rằng công tác

của Đức Chúa Trời sẽ luôn đậm chân tại chỗ không? Và vì vậy, trong giai đoạn công tác này của mình, Ngài sẽ không chịu đóng đinh lên thập tự giá, và mọi thứ các người nhìn thấy và chạm vào sẽ không giống với bất kỳ điều gì các người từng tưởng tượng hoặc nghe kể. Ngày nay, Đức Chúa Trời không tiếp xúc với người Pha-ri-si, Ngài cũng không để cho thế gian biết, và những người biết Ngài chỉ là các người, những người theo Ngài, vì Ngài sẽ không bị đóng đinh lên thập tự giá lần nữa. Trong Thời đại Ân điển, Jêsus đã rao giảng công khai trên khắp xứ vì công tác Phúc Âm của Ngài. Ngài đã tiếp xúc với những người Pha-ri-si vì công tác chịu đóng đinh lên thập tự giá; nếu Ngài không tiếp xúc với người Pha-ri-si và những kẻ cầm quyền chưa từng biết đến Ngài, thì làm sao Ngài có thể bị kết án, và rồi bị phản bội và bị đóng đinh lên thập tự giá? Và vì vậy, Ngài đã tiếp xúc với những người Pha-ri-si để chịu đóng đinh lên thập tự giá. Ngày nay, Ngài làm công tác của mình trong bí mật để tránh sự cám dỗ. Trong hai lần nhập thể của Đức Chúa Trời, công tác và ý nghĩa là khác nhau, và bối cảnh cũng khác nhau, vậy thì làm sao công tác Ngài thực hiện có thể hoàn toàn giống nhau được?

Có thể nào danh Jêsus – “Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta” – đại diện cho toàn bộ tâm tính của Đức Chúa Trời không? Có thể nào nó nói rõ được đầy đủ về Đức Chúa Trời không? Nếu con người nói rằng Đức Chúa Trời chỉ có thể được gọi là Jêsus và không thể có bất kỳ danh nào khác bởi vì Đức Chúa Trời không thể thay đổi tâm tính của Ngài, thì những lời này quả thật là báng bổ! Người có tin rằng danh Jêsus, Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta, một mình có thể đại diện cho toàn bộ Đức Chúa Trời được không? Đức Chúa Trời có thể được gọi bằng nhiều danh xưng, nhưng trong số nhiều danh xưng này, không một danh nào có thể tóm lược mọi điều về Đức Chúa Trời, không một danh nào có thể đại diện đầy đủ cho Đức Chúa Trời. Và vì vậy, Đức Chúa Trời có rất nhiều danh xưng, nhưng nhiều danh xưng này không thể nói rõ đầy đủ tâm tính của Đức Chúa Trời, vì tâm tính của Đức Chúa Trời quá phong phú đến nỗi nó đơn giản vượt quá khả năng hiểu biết của con người về Ngài. Sử dụng ngôn ngữ của loài người, con người không có cách nào để tóm lược đầy đủ về Đức Chúa Trời. Nhân loại chỉ có một vốn từ vựng hạn chế để tóm lược mọi điều họ biết về tâm tính của Đức Chúa Trời: vĩ đại, đáng kính, kỳ diệu, không thể dò lường, tối cao, thánh khiết, công chính, khôn ngoan, v.v. Quá nhiều từ! Vốn từ vựng hạn chế này không có khả năng mô tả chút ít những gì con người đã chứng kiến về tâm tính của Đức Chúa Trời. Theo thời gian, nhiều người khác đã thêm vào những từ mà họ nghĩ có thể mô tả tốt hơn sự sốt sắng trong lòng: Đức Chúa Trời quá vĩ đại! Đức Chúa Trời quá thánh khiết! Đức Chúa Trời quá đáng mến! Ngày nay, những câu nói như thế này của con người đã đạt đến cực hạn, nhưng con người vẫn không

có khả năng bày tỏ rõ chính mình. Và vì vậy, đối với con người, Đức Chúa Trời có nhiều danh xưng, nhưng Ngài lại không có một danh xưng nào, và đó là do Đức Chúa Trời quá phong phú, còn ngôn ngữ của con người thì quá nghèo nàn. Một từ hay một danh xưng cụ thể không thể đại diện cho toàn bộ Đức Chúa Trời, vậy người có nghĩ danh Ngài có thể nào cố định được không? Đức Chúa Trời vô cùng vĩ đại và vô cùng thánh khiết, thế mà người sẽ không cho phép Ngài thay đổi danh Ngài trong mỗi thời đại mới sao? Do đó, trong từng thời đại mà Đức Chúa Trời đích thân làm công tác riêng của mình, Ngài dùng một danh xưng phù hợp với thời đại để tóm lược công tác Ngài dự định làm. Ngài dùng danh xưng cụ thể này, một danh xưng có ý nghĩa đương thời, để đại diện cho tâm tính của Ngài trong thời đại đó. Đây là Đức Chúa Trời dùng ngôn ngữ của loài người để bày tỏ tâm tính của chính Ngài. Ngay cả như vậy, nhiều người đã có những trải nghiệm thuộc linh và đã đích thân nhìn thấy Đức Chúa Trời, nhưng vẫn cảm thấy một danh xưng cụ thể này không thể đại diện cho toàn bộ Đức Chúa Trời – than ôi, đành vậy thôi – vì vậy, con người không còn gọi Đức Chúa Trời bằng bất kỳ danh xưng nào, mà chỉ đơn giản gọi Ngài là “Đức Chúa Trời”. Như thế tấm lòng của con người đầy tình yêu nhưng cũng đầy mâu thuẫn, vì con người không biết cách nào để giải thích Đức Chúa Trời. Những gì về Đức Chúa Trời quá phong phú đến nỗi đơn giản là không có cách nào để mô tả. Không một danh xưng nào có thể tóm lược tâm tính của Đức Chúa Trời, và không có một danh xưng nào có thể mô tả tất cả Đức Chúa Trời có gì và là gì. Nếu ai đó hỏi Ta rằng: “Chính xác thì Ngài dùng danh nào?” Ta sẽ bảo họ rằng: “Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời!” Chẳng phải đó là danh xưng tốt nhất dành cho Đức Chúa Trời sao? Chẳng phải đó là sự tóm lược tốt nhất về tâm tính của Đức Chúa Trời sao? Như vậy, tại sao các người lại tốn quá nhiều công sức để tìm kiếm danh của Đức Chúa Trời? Tại sao các người phải vắt óc suy nghĩ, mất ăn mất ngủ, tất cả chỉ vì một danh xưng? Sẽ đến ngày Đức Chúa Trời không được gọi là Đức Giê-hô-va, Jê-sus, hay Đấng Mê-si – Ngài sẽ chỉ đơn giản là Đấng Tạo Hóa. Lúc đó, mọi danh xưng Ngài đã mang trên đất sẽ chấm dứt, vì công tác của Ngài trên đất đã kết thúc, sau đó những danh xưng của Ngài sẽ không còn nữa. Khi mọi thứ đều chịu sự thống trị của Đấng Tạo Hóa, thì Ngài cần gì một danh xưng rất phù hợp nhưng không đầy đủ nữa? Giờ đây người vẫn đang tìm kiếm danh của Đức Chúa Trời sao? Người vẫn dám nói rằng Đức Chúa Trời chỉ được gọi là Đức Giê-hô-va sao? Người vẫn dám nói rằng Đức Chúa Trời chỉ có thể được gọi là Jê-sus sao? Người có thể gánh lấy tội báng bổ Đức Chúa Trời không? Người nên biết Đức Chúa Trời ban đầu không có danh xưng. Ngài đã chỉ lấy một, hoặc hai, hoặc nhiều danh xưng vì Ngài có công tác phải làm và phải quản lý nhân loại. Bất kỳ danh xưng nào Ngài được gọi – chẳng

phải chính Ngài đã tự do lựa chọn danh đó sao? Ngài có cần người – một trong những loài thọ tạo của Ngài – quyết định điều đó không? Danh xưng Đức Chúa Trời được gọi là một danh xưng phù hợp với những gì con người có thể hiểu được, với ngôn ngữ của loài người, nhưng danh xưng này không phải là điều con người có thể khái quát hóa. Người chỉ có thể nói rằng có một Đức Chúa Trời trên trời, rằng Ngài được gọi là Đức Chúa Trời, rằng Ngài là chính Đức Chúa Trời có quyền năng vĩ đại, Đấng quá khôn ngoan, quá cao quý, quá kỳ diệu, quá mầu nhiệm và quá toàn năng, và sau đó người không thể nói thêm gì nữa; chút ít này là tất cả những gì người có thể biết. Như vậy, chỉ đơn thuần danh Jêsus có thể đại diện cho chính Đức Chúa Trời được không? Khi thời kỳ sau rốt đến, mặc dù vẫn là Đức Chúa Trời làm công tác của Ngài, nhưng danh của Ngài phải thay đổi, vì đó là một thời đại khác.

Đức Chúa Trời là Đấng vĩ đại nhất trong khắp vũ trụ và cõi trên, liệu Ngài có thể giải thích đầy đủ về chính Ngài bằng cách dùng hình ảnh của một xác thịt không? Đức Chúa Trời mặc lấy xác thịt này để thực hiện một giai đoạn công tác của Ngài. Không có ý nghĩa đặc biệt gì trong hình ảnh của xác thịt này, nó không liên quan đến sự trôi qua của các thời đại, cũng không liên quan gì đến tâm tính của Đức Chúa Trời. Tại sao Jêsus không cho lưu lại ảnh tượng của Ngài? Tại sao Ngài không cho con người họa lại ảnh tượng của Ngài để có thể truyền lại cho các thế hệ sau? Tại sao Ngài không cho phép mọi người thừa nhận ảnh tượng của Ngài là ảnh tượng của Đức Chúa Trời? Mặc dù hình của con người đã được dựng nên theo hình của Đức Chúa Trời, nhưng liệu diện mạo của con người có thể đại diện cho ảnh tượng cao quý của Đức Chúa Trời được không? Khi Đức Chúa Trời trở nên xác thịt, Ngài chỉ giáng xuống từ trời vào một xác thịt cụ thể. Chính Thần của Ngài giáng xuống một xác thịt, mà qua đó Ngài làm công tác của Thần. Chính Thần được biểu lộ trong xác thịt, và chính Thần làm công tác của Ngài trong xác thịt. Công tác được thực hiện trong xác thịt đại diện hoàn toàn cho Thần, và xác thịt là để phục vụ cho công tác, nhưng điều đó không có nghĩa là hình ảnh của xác thịt thay thế cho ảnh tượng thật của chính Đức Chúa Trời; đây không phải là mục đích hay ý nghĩa của việc Đức Chúa Trời trở nên xác thịt. Ngài trở nên xác thịt chỉ để Thần có thể tìm được một nơi cư ngụ thích hợp cho việc Ngài làm công tác, để đạt được công tác trong xác thịt của Ngài hiệu quả hơn, hầu cho mọi người có thể nhìn thấy những việc làm của Ngài, hiểu được tâm tính Ngài, nghe thấy lời Ngài, và biết sự kỳ diệu trong công tác của Ngài. Danh Ngài đại diện cho tâm tính Ngài, công tác của Ngài đại diện cho thân phận Ngài, nhưng Ngài chưa bao giờ phán rằng diện mạo của Ngài trong xác thịt đại diện cho ảnh tượng của Ngài; đó chỉ đơn thuần là một quan niệm của con người. Và vì vậy, các khía cạnh quan trọng trong sự nhập thể của Đức Chúa Trời là danh Ngài,

công tác của Ngài, tâm tính Ngài và giới tính Ngài. Những điều này được dùng để đại diện cho sự quản lý của Ngài trong thời đại này. Diện mạo của Ngài trong xác thịt không liên quan đến sự quản lý của Ngài, mà chỉ nhằm mục đích phục vụ cho công tác của Ngài vào thời điểm đó. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời nhập thể không thể không có diện mạo cụ thể, và vì vậy, Ngài chọn gia đình thích hợp để xác định diện mạo của mình. Nếu diện mạo của Đức Chúa Trời có ý nghĩa đại diện, thì tất cả những ai sở hữu các đặc điểm khuôn mặt tương tự như của Ngài cũng sẽ đều đại diện cho Đức Chúa Trời. Chẳng phải đó sẽ là một sai lầm nghiêm trọng sao? Chân dung của Jêsus đã được con người vẽ để con người có thể thờ phượng Ngài. Vào thời điểm đó, Đức Thánh Linh đã không đưa ra những chỉ dẫn đặc biệt nào, và vì thế, con người đã truyền lại chân dung tưởng tượng đó cho đến ngày nay. Thật ra, theo ý định ban đầu của Đức Chúa Trời, con người lẽ ra không nên làm điều này. Chính lòng sốt sắng của con người đã khiến chân dung của Jêsus tồn tại cho đến ngày nay. Đức Chúa Trời là Thần, và con người sẽ không bao giờ có khả năng khái quát hóa được ảnh tượng của Ngài là gì trong phân tích sau cùng. Ảnh tượng của Ngài chỉ có thể được đại diện bởi tâm tính của Ngài. Đối với diện mạo về mũi, miệng, mắt và tóc của Ngài, những điều này vượt quá khả năng khái quát hóa của người. Khi sự mặc khải đến với Giăng, ông đã trông thấy ảnh tượng của Con người: Từ miệng Ngài là một thanh gươm sắc hai lưỡi, đôi mắt Ngài như hai ngọn lửa, đầu và tóc Ngài trắng như len, chân Ngài giống như đồng bóng láng, và có một dây đai bằng vàng quanh ngực Ngài. Mặc dù những lời của ông vô cùng sống động, nhưng ảnh tượng của Đức Chúa Trời mà ông mô tả không phải là hình ảnh của một loài thọ tạo. Những gì ông đã nhìn thấy chỉ là một khái tượng, chứ không phải là hình ảnh của một con người từ thế giới vật chất. Giăng đã nhìn thấy một khái tượng, nhưng ông đã chưa chứng kiến diện mạo thực sự của Đức Chúa Trời. Hình ảnh xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời, là hình ảnh của một loài thọ tạo, không có khả năng đại diện cho toàn bộ tâm tính của Đức Chúa Trời. Khi Đức Giê-hô-va dựng nên loài người, Ngài phán rằng Ngài làm như vậy theo hình của chính Ngài và đã dựng nên người nam và người nữ. Vào thời điểm đó, Ngài đã phán rằng Ngài dựng nên người nam và người nữ theo hình của Đức Chúa Trời. Mặc dù hình của con người giống với hình của Đức Chúa Trời, nhưng điều này không thể được hiểu theo nghĩa diện mạo của con người là ảnh tượng của Đức Chúa Trời. Người cũng không thể dùng ngôn ngữ của loài người để tóm lược đầy đủ về ảnh tượng của Đức Chúa Trời, vì Đức Chúa Trời quá cao quý, quá vĩ đại, quá kỳ diệu và không thể dò lường!

Khi Jêsus đến để làm công tác của Ngài, đó là dưới sự chỉ dẫn của Đức Thánh Linh; Ngài đã làm những gì Đức Thánh Linh muốn, chứ không phải theo Thời đại

Luật pháp trong Cựu Ước hay theo công tác của Đức Giê-hô-va. Mặc dù công tác Jê-sus đã đến làm không tuân theo luật pháp của Đức Giê-hô-va hay các điều răn của Đức Giê-hô-va, nhưng nguồn gốc của Họ là một và như nhau. Công tác Jê-sus đã làm đại diện cho danh Jê-sus, và nó đại diện cho Thời đại Ân điển; còn công tác được thực hiện bởi Đức Giê-hô-va thì đại diện cho Đức Giê-hô-va, và đại diện cho Thời đại Luật pháp. Công tác của Họ là công tác của một Thần trong hai thời đại khác nhau. Công tác Jê-sus đã làm chỉ có thể đại diện cho Thời đại Ân điển, còn công tác Đức Giê-hô-va đã làm chỉ có thể đại diện cho Thời đại Luật pháp trong Cựu Ước. Đức Giê-hô-va đã chỉ hướng dẫn người dân của Y-sơ-ra-ên và của Ê-díp-tô, cùng mọi quốc gia ngoài Y-sơ-ra-ên. Công tác của Jê-sus trong Thời đại Ân điển của Tân Ước là công tác của Đức Chúa Trời dưới danh Jê-sus khi Ngài dẫn dắt thời đại. Nếu người nói rằng công tác của Jê-sus dựa trên công tác của Đức Giê-hô-va, rằng Ngài đã không khởi xướng bất kỳ công tác mới nào, và rằng mọi thứ Ngài đã làm là theo lời của Đức Giê-hô-va, theo công tác của Đức Giê-hô-va và các lời tiên tri của Ê-sai, thì Jê-sus hẳn không phải là Đức Chúa Trời trở nên xác thịt. Nếu Ngài tiến hành công tác của mình theo cách này, Ngài hẳn đã là một sứ đồ hoặc một cộng sự của Thời đại Luật pháp. Nếu đúng như người nói, thì Jê-sus hẳn đã không thể khai mở một thời đại, và Ngài cũng đã không thể làm bất kỳ công tác nào khác. Tương tự, Đức Thánh Linh phải chủ yếu thực hiện công tác của Ngài qua Đức Giê-hô-va, và nếu không qua Đức Giê-hô-va, Đức Thánh Linh hẳn đã không thể thực hiện bất kỳ công tác mới nào. Thật sai lầm khi con người hiểu công tác của Jê-sus theo cách này. Nếu con người tin rằng công tác do Jê-sus thực hiện là theo lời của Đức Giê-hô-va và những lời tiên tri của Ê-sai, thì Jê-sus là Đức Chúa Trời nhập thể, hay Ngài là một trong các tiên tri? Theo quan điểm này, hẳn sẽ không có Thời đại Ân điển, và Jê-sus sẽ không phải là sự nhập thể của Đức Chúa Trời, vì công tác Ngài đã làm không thể đại diện cho Thời đại Ân điển và chỉ có thể đại diện cho Thời đại Luật pháp trong Cựu Ước. Chỉ có thể có một thời đại mới khi Jê-sus đến để làm công tác mới, để khai mở một thời đại mới, để đột phá công tác đã làm trước đó ở Y-sơ-ra-ên, và để thực hiện công tác của Ngài không theo công tác do Đức Giê-hô-va đã thực hiện ở Y-sơ-ra-ên, hay các luật lệ cũ của Ngài, hay tuân theo bất kỳ quy định nào, mà là để làm công tác mới Ngài phải làm. Chính Đức Chúa Trời đến để khai mở thời đại, và chính Đức Chúa Trời đến để kết thúc thời đại. Con người không có khả năng làm công tác mở đầu thời đại và kết thúc thời đại. Nếu Jê-sus đã không kết thúc công tác của Đức Giê-hô-va sau khi Ngài đến, thì đó sẽ là bằng chứng cho thấy Ngài chỉ đơn thuần là một con người và không có khả năng đại diện cho Đức Chúa Trời. Chính bởi vì Jê-sus đã đến và kết thúc công tác của Đức Giê-hô-va, tiếp tục công tác của Đức

Giê-hô-va, và hơn nữa là thực hiện công tác của riêng mình, một công tác mới, nên điều đó chứng tỏ rằng đây là một thời đại mới, và rằng Jê-sus chính là Đức Chúa Trời. Họ đã thực hiện hai giai đoạn công tác khác nhau rõ ràng. Một giai đoạn đã được thực hiện trong đền thờ, và giai đoạn kia đã được tiến hành ngoài đền thờ. Một giai đoạn là để dẫn dắt đời sống của con người theo luật pháp, và giai đoạn kia là để dâng lên một của lễ chuộc tội. Hai giai đoạn công tác này khác nhau rõ rệt; điều này phân chia thời đại mới với thời đại cũ, và tuyệt đối chính xác khi nói chúng là hai thời đại khác nhau. Địa điểm công tác của Họ khác nhau, nội dung công tác của Họ khác nhau, và mục tiêu công tác của Họ khác nhau. Như vậy, chúng có thể được chia thành hai thời đại: Tân Ước và Cựu Ước, nghĩa là thời đại mới và thời đại cũ. Khi Jê-sus đến, Ngài đã không đi vào đền thờ, điều đó chứng tỏ thời đại của Đức Giê-hô-va đã hết. Ngài đã không bước vào đền thờ bởi vì công tác của Đức Giê-hô-va trong đền thờ đã hoàn tất, không cần được thực hiện lại, và thực hiện lại sẽ là lặp lại nó. Chỉ bằng cách rời khỏi đền thờ, bắt đầu một công tác mới và mở ra một con đường mới bên ngoài đền thờ, Ngài mới có thể đưa công tác của Đức Chúa Trời lên đỉnh cao. Nếu Ngài không ra khỏi đền thờ để làm công tác của Ngài, thì công tác của Đức Chúa Trời sẽ bị đình trệ trên các nền móng của đền thờ, và sẽ không bao giờ có bất kỳ thay đổi mới nào. Và vì vậy, khi Jê-sus đến, Ngài đã không bước vào đền thờ, và không làm công tác của Ngài trong đền thờ. Ngài đã làm công tác của Ngài bên ngoài đền thờ, và dẫn dắt các môn đồ, bắt tay vào công tác của Ngài một cách tự do. Đức Chúa Trời rời khỏi đền thờ để làm công tác của Ngài có nghĩa là Đức Chúa Trời đã có một kế hoạch mới. Công tác của Ngài đã được tiến hành bên ngoài đền thờ, và đó phải là công tác mới không bị gò bó trong cách thức thực hiện. Ngay khi Jê-sus đến, Ngài đã kết thúc công tác của Đức Giê-hô-va trong thời đại Cựu Ước. Mặc dù Họ đã được gọi bằng hai danh xưng khác nhau, nhưng đó là cùng một Thần hoàn tất cả hai giai đoạn công tác, và công tác được thực hiện là liên tục. Vì danh xưng khác nhau và nội dung của công tác khác nhau, nên thời đại cũng khác nhau. Khi Đức Giê-hô-va đến, đó là thời đại của Đức Giê-hô-va, và khi Jê-sus đến, đó là thời đại của Jê-sus. Và như vậy, với mỗi lần đến, Đức Chúa Trời đều được gọi bằng một danh xưng, Ngài đại diện cho một thời đại, và Ngài khai mở một con đường mới; và trên mỗi con đường mới, Ngài mang một danh mới, điều cho thấy Đức Chúa Trời luôn mới và không bao giờ cũ và công tác của Ngài không bao giờ ngừng tiến triển về phía trước. Lịch sử luôn tiến về phía trước, và công tác của Đức Chúa Trời luôn tiến về phía trước. Để kế hoạch quản lý sáu nghìn năm của Ngài đi đến hồi kết, nó phải tiếp tục tiến triển về phía trước. Mỗi ngày Ngài phải làm công tác mới, mỗi năm Ngài phải làm công tác mới; Ngài phải mở ra những con đường mới, khai mở những

thời đại mới, bắt đầu công tác mới và vĩ đại hơn, và cùng với đó, mang những danh mới và công tác mới. Từng khoảnh khắc trôi qua, Thần của Đức Chúa Trời đang thực hiện công tác mới, không bao giờ bám vào những cách thức và luật lệ cũ. Công tác của Ngài cũng chưa bao giờ dừng lại, mà đang diễn ra theo từng khoảnh khắc trôi qua. Nếu người nói rằng công tác của Đức Thánh Linh là bất biến, thì tại sao Đức Giê-hô-va đã yêu cầu các thầy tế lễ hầu việc Ngài trong đền thờ, nhưng Jê-sus lại không bước vào đền thờ mặc dù khi Ngài đến, mọi người cũng đã nói rằng Ngài là thầy tế lễ thượng phẩm, rằng Ngài thuộc về nhà của Đa-vít, cũng là thầy tế lễ thượng phẩm và là Vua vĩ đại? Và tại sao Ngài đã không dâng của tế lễ? Bước vào đền thờ hay không bước vào đền thờ – chẳng phải tất cả đều là công tác của chính Đức Chúa Trời sao? Nếu, như con người tưởng tượng, Jê-sus sẽ trở lại, và trong thời kỳ sau rốt vẫn được gọi là Jê-sus, và vẫn đến trên một đám mây trắng, giáng xuống giữa con người trong ảnh tượng của Jê-sus: thì chẳng phải đó sẽ là sự lặp lại công tác của Ngài sao? Liệu Đức Thánh Linh có thể bám lấy cái cũ không? Mọi thứ con người tin đều là các quan niệm, và mọi thứ con người hiểu đều theo nghĩa đen, và cũng theo trí tưởng tượng của họ; chúng không phù hợp với các nguyên tắc làm việc của Đức Thánh Linh, và không phù hợp với những ý định của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời sẽ không làm việc theo cách đó; Đức Chúa Trời không đại dốt và ngu ngốc như thế, và công tác của Ngài không quá đơn giản như người tưởng tượng. Dựa trên mọi thứ con người hình dung, Jê-sus sẽ đến cưỡi trên một đám mây và giáng xuống giữa các người. Các người sẽ trông thấy Ngài, Đấng cưỡi một đám mây, sẽ bảo các người rằng Ngài là Jê-sus. Các người cũng sẽ trông thấy các dấu đinh trong tay Ngài, và sẽ biết Ngài là Jê-sus. Và Ngài sẽ cứu các người một lần nữa, và sẽ là Đức Chúa Trời quyền năng của các người. Ngài sẽ cứu các người, ban cho các người một danh mới, và ban cho mỗi người trong các người một hòn sỏi trắng, sau đó các người sẽ được phép bước vào thiên quốc và được đón nhận vào thiên đàng. Chẳng phải những niềm tin như thế là các quan niệm của con người sao? Đức Chúa Trời làm việc theo các quan niệm của con người, hay Ngài làm việc chống lại các quan niệm của con người? Chẳng phải các quan niệm của con người đều bắt nguồn từ Sa-tan sao? Chẳng phải tất cả mọi người đều đã bị làm cho bại hoại bởi Sa-tan sao? Nếu Đức Chúa Trời thực hiện công tác của Ngài theo những quan niệm của con người, chẳng phải khi ấy Ngài sẽ trở thành Sa-tan sao? Chẳng phải Ngài sẽ cùng loại với các loài thọ tạo của mình sao? Vì những loài thọ tạo của Ngài đã bị Sa-tan làm cho bại hoại đến nỗi con người đã trở thành hiện thân của Sa-tan, nên nếu Đức Chúa Trời làm việc phù hợp với những thứ của Sa-tan, thì chẳng phải Ngài sẽ thông đồng với Sa-tan sao? Làm sao con người có thể dò lường được công tác của

Đức Chúa Trời? Do đó, Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ làm việc theo những quan niệm của con người, và sẽ không bao giờ làm việc theo những cách người tưởng tượng. Có những người nói rằng chính Đức Chúa Trời đã phán Ngài sẽ đến trên một đám mây. Đúng là chính Đức Chúa Trời đã phán như vậy, nhưng chẳng lẽ người không biết rằng không ai có thể dò lường được những lẽ mầu nhiệm của Đức Chúa Trời sao? Chẳng lẽ người không biết rằng không ai có thể giải thích những lời của Đức Chúa Trời sao? Người có chắc chắn, không chút nghi ngờ, rằng người đã được Đức Thánh Linh khai sáng và soi sáng không? Chắc chắn không phải Đức Thánh Linh đã chỉ cho người thấy một cách trực tiếp như thế chứ? Có phải là Đức Thánh Linh đã chỉ dẫn người, hay chính những quan niệm của người đã khiến người nghĩ như vậy? Người đã nói rằng: “Điều này đã được phán bởi chính Đức Chúa Trời”. Nhưng chúng ta không thể dùng các quan niệm và tâm trí của riêng mình để đo lường những lời của Đức Chúa Trời. Đối với những lời do Ê-sai nói ra, người có thể giải thích được những lời của ông với sự chắc chắn tuyệt đối không? Người có dám giải thích những lời của ông không? Vì người không dám giải thích những lời của Ê-sai, vậy sao người lại dám giải thích những lời của Jê-sus? Ai cao quý hơn, Jê-sus hay Ê-sai? Vì câu trả lời là Jê-sus, vậy thì tại sao người lại giải thích những lời Jê-sus phán? Liệu Đức Chúa Trời có cho người biết trước công tác của Ngài không? Không một loài thọ tạo nào có thể biết, ngay cả các sứ giả trên thiên đàng, Con người cũng không, vậy thì làm sao người có thể biết được? Con người đang quá thiếu sót. Điều quan trọng đối với các người giờ đây là phải biết ba giai đoạn công tác. Từ công tác của Đức Giê-hô-va đến công tác của Jê-sus, và từ công tác của Jê-sus đến giai đoạn hiện tại này, ba giai đoạn này bao trùm trong một chuỗi liên tục toàn bộ sự quản lý của Đức Chúa Trời, và tất cả đều là công tác của một Thần. Kể từ khi sáng thế, Đức Chúa Trời đã luôn làm công tác quản lý loài người. Ngài là Khởi đầu và Kết thúc, Ngài là Đầu tiên và Cuối cùng, Ngài là Đấng mở đầu một thời đại và là Đấng kết thúc thời đại. Ba giai đoạn công tác, trong các thời đại khác nhau và các địa điểm khác nhau, rõ ràng là công tác của một Thần. Tất cả những ai phân tách ba giai đoạn này đều chống lại Đức Chúa Trời. Giờ đây, các người phải hiểu rằng mọi công tác từ giai đoạn đầu tiên cho đến ngày nay đều là công tác của một Đức Chúa Trời, công tác của một Thần. Điều này là chắc chắn.

Lẽ mầu nhiệm của sự nhập thể (1)

Trong Thời đại Ân điển, Giăng đã dọn đường cho Jêsus. Giăng không thể làm công tác của chính Đức Chúa Trời mà chỉ đơn thuần thực hiện bổn phận của con người. Mặc dù Giăng là đáng tiên phong của Chúa, nhưng ông không thể đại diện cho Đức Chúa Trời; ông chỉ là một con người được Đức Thánh Linh sử dụng. Sau khi Jêsus được làm phép báp-têm, Đức Thánh Linh đã ngự xuống Ngài như chim bồ câu. Sau đó, Ngài đã bắt đầu công tác của mình, nghĩa là Ngài bắt đầu thực hiện chức vụ của Đấng Christ. Đó là lý do Ngài mang thân phận của Đức Chúa Trời, vì Ngài đã đến từ chính Đức Chúa Trời. Bất kể đức tin của Ngài ra sao trước đây – đức tin ấy có thể đôi khi yếu đuối hay đôi khi mạnh mẽ – thì tất cả cũng đều thuộc về đời sống con người bình thường mà Ngài đã sống trước khi thực hiện chức vụ của mình. Sau khi Ngài chịu phép báp-têm (nghĩa là được xức dầu), quyền năng và sự vinh hiển của Đức Chúa Trời ngay lập tức có trong Ngài, và vì thế, Ngài đã bắt đầu thực hiện chức vụ của mình. Ngài có thể làm những dấu kỳ phép lạ, thực hiện những phép mầu, và Ngài có quyền năng cùng thẩm quyền, vì Ngài đang trực tiếp làm việc nhân danh chính Đức Chúa Trời; Ngài đang làm công tác của Thần thay mặt cho Thần và đang bày tỏ tiếng phán của Thần. Vì vậy, Ngài chính là Đức Chúa Trời; điều này không thể bàn cãi. Giăng là người đã được Đức Thánh Linh sử dụng. Ông không thể đại diện cho Đức Chúa Trời, cũng không có khả năng đại diện cho Đức Chúa Trời. Nếu ông có muốn làm như vậy, Đức Thánh Linh cũng sẽ không cho phép, vì ông không thể làm công tác mà chính Đức Chúa Trời đã dự định hoàn thành. Có lẽ phần nhiều trong ông là ý muốn của con người, hay điều gì đó lệch lạc; trong bất kỳ trường hợp nào, ông cũng không thể trực tiếp đại diện cho Đức Chúa Trời. Những lỗi lầm và sự ngớ ngẩn của ông chỉ đại diện cho bản thân ông, nhưng công việc của ông đại diện cho Đức Thánh Linh. Tuy nhiên, người không thể nói rằng mọi thứ của ông đều đại diện cho Đức Chúa Trời. Lẽ nào sự lệch lạc và sai sót của ông cũng đại diện cho Đức Chúa Trời? Sai sót khi đại diện cho con người là chuyện bình thường, nhưng nếu một người lệch lạc khi đại diện cho Đức Chúa Trời, thì chẳng phải đó sẽ là sỉ nhục Đức Chúa Trời sao? Chẳng phải đó sẽ là sự báng bổ Đức Thánh Linh sao? Đức Thánh Linh không dễ dàng cho phép con người thay thế cho Đức Chúa Trời, ngay cả khi họ được người khác đề cao. Nếu họ không phải là Đức Chúa Trời, cuối cùng họ sẽ không thể đứng vững. Đức Thánh Linh không cho phép con người đại diện cho Đức Chúa Trời theo ý muốn của con người! Chẳng hạn, chính Đức Thánh Linh đã làm chứng cho Giăng và cũng chính Đức Thánh Linh đã mặc khải Giăng sẽ là người dọn đường cho Jêsus, nhưng công tác Đức Thánh Linh thực

hiện trên ông đã được cân nhắc kỹ càng. Tất cả những gì yêu cầu ở Giăng là trở thành người dọn đường cho Jêsus, để chuẩn bị con đường cho Ngài. Điều đó có nghĩa là, Đức Thánh Linh chỉ ủng hộ công việc dọn đường của ông và chỉ cho phép ông làm công việc đó – ông không được phép làm công việc nào khác. Giăng đại diện cho Ê-li, và đại diện cho một nhà tiên tri mở đường. Đức Thánh Linh đã ủng hộ ông làm điều này; miễn công việc của ông là mở đường, thì Đức Thánh Linh ủng hộ ông. Tuy nhiên, nếu ông tuyên bố mình là chính Đức Chúa Trời và nói rằng ông đã đến để hoàn thành công tác cứu chuộc, thì Đức Thánh Linh sẽ phải sửa dạy ông. Cho dù công việc của Giăng vĩ đại đến đâu, và dù nó đã được Đức Thánh Linh ủng hộ, nhưng công việc của ông không phải không có ranh giới. Cứ cho rằng Đức Thánh Linh đã thực sự ủng hộ công việc của ông, thì quyền năng ban cho ông vào thời điểm đó chỉ giới hạn trong việc dọn đường. Ông không thể nào làm bất kỳ công việc nào khác, vì ông chỉ là Giăng, người dọn đường, chứ không phải Jêsus. Do đó, lời chứng của Đức Thánh Linh là mấu chốt, nhưng công việc Đức Thánh Linh cho phép con người thực hiện còn quan trọng hơn. Chẳng phải lúc đó Giăng đã nhận được lời chứng vang dội sao? Công việc của ông chẳng phải cũng vĩ đại sao? Nhưng công việc ông đã làm không thể vượt qua công tác của Jêsus, vì ông không hơn gì một con người được Đức Thánh Linh sử dụng và không thể trực tiếp đại diện cho Đức Chúa Trời, và vì vậy, công việc ông làm có hạn. Sau khi ông đã hoàn thành công việc dọn đường, Đức Thánh Linh đã không còn ủng hộ lời chứng của ông, không có công việc mới nào theo sau ông, và ông đã rời đi khi công tác của chính Đức Chúa Trời bắt đầu.

Có một số người bị quỷ dữ ám và kêu gào om sòm rằng: “Ta là Đức Chúa Trời!” Tuy nhiên, cuối cùng họ cũng bị bại lộ, vì họ đã sai về điều họ đại diện. Họ đại diện cho Sa-tan, và Đức Thánh Linh không chú ý gì đến họ. Cho dù người dâng bốc bản thân lên cao đến đâu hay người gào thét mạnh mẽ ra sao, thì người vẫn là một tạo vật và là kẻ thuộc về Sa-tan. Ta không bao giờ gào lên: “Ta là Đức Chúa Trời, Ta là Con yêu dấu của Đức Chúa Trời!” Nhưng công tác Ta làm là công tác của Đức Chúa Trời. Ta có cần phải hét lên không? Không cần phải dâng bốc. Đức Chúa Trời tự làm công tác của riêng Ngài và không cần con người phong cho Ngài một địa vị hay trao cho Ngài một danh hiệu cao quý: công tác của Ngài đại diện cho thân phận và địa vị của Ngài. Trước khi chịu phép báp-têm, chẳng phải Jêsus là chính Đức Chúa Trời sao? Chẳng phải Ngài là xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời sao? Chắc chắn không thể nói rằng chỉ sau khi nhận được lời chứng thì Ngài mới trở thành Con một của Đức Chúa Trời chứ? Rất lâu trước khi Ngài bắt đầu công tác của mình, chẳng phải đã có một người tên là Jêsus rồi sao? Người không thể đưa ra những con

đường mới hay đại diện cho Thần được. Người không thể bày tỏ công tác của Thần hay những lời Ngài phán được. Người không thể làm công tác của chính Đức Chúa Trời, và người không thể làm công tác của Thần. Sự khôn ngoan, phép lạ và sự không thể dò lường của Đức Chúa Trời, cùng toàn bộ tâm tính mà qua đó Đức Chúa Trời hành phạt con người – tất cả những điều này đều vượt quá khả năng bày tỏ của người. Vì vậy, sẽ vô ích khi cố gắng tự xưng là Đức Chúa Trời; người sẽ chỉ là hữu danh vô thực. Chính Đức Chúa Trời đã đến, nhưng không ai nhận ra Ngài, tuy vậy Ngài vẫn tiếp tục trong công tác của Ngài và làm việc đại diện cho Thần. Cho dù người gọi Ngài là con người hay Đức Chúa Trời, là Chúa hay Đấng Christ, hay gọi Ngài là chị, thì điều đó không cũng quan trọng. Nhưng công tác Ngài làm là của Thần và đại diện cho công tác của chính Đức Chúa Trời. Ngài không quan tâm đến danh xưng con người gọi Ngài. Liệu danh xưng đó có thể quyết định công tác của Ngài không? Bất kể người gọi Ngài là gì, khi nói đến Đức Chúa Trời, Ngài là xác thịt nhập thể của Thần Đức Chúa Trời; Ngài đại diện cho Thần và được Thần chấp thuận. Nếu người không thể dọn đường cho một thời đại mới, hay kết thúc thời đại cũ, hay mở ra một thời đại mới, hay làm công tác mới, thì người không thể được gọi là Đức Chúa Trời!

Ngay cả một người được Đức Thánh Linh sử dụng cũng không thể đại diện cho chính Đức Chúa Trời. Điều này không chỉ có nghĩa là một người như vậy không thể đại diện cho Đức Chúa Trời, mà còn có nghĩa là công việc họ làm không thể đại diện trực tiếp cho Đức Chúa Trời. Nói cách khác, kinh nghiệm của con người không thể được đưa trực tiếp vào trong sự quản lý của Đức Chúa Trời, và nó không thể đại diện cho sự quản lý của Đức Chúa Trời. Công tác chính Đức Chúa Trời thực hiện hoàn toàn là công tác Ngài dự định làm trong kế hoạch quản lý của chính Ngài và nó gắn liền với sự quản lý vĩ đại. Công việc được con người thực hiện bao gồm việc cung cấp kinh nghiệm cá nhân của họ. Nó bao gồm việc tìm ra một con đường trải nghiệm mới vượt ra khỏi con đường mà những người đi trước đã bước, và việc hướng dẫn anh chị em của họ dưới sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh. Những gì mà những người này cung cấp là kinh nghiệm cá nhân của họ hoặc các tác phẩm tâm linh của những con người thuộc linh. Mặc dù những người này được Đức Thánh Linh sử dụng, nhưng công việc họ làm không liên quan đến công tác quản lý vĩ đại trong kế hoạch 6.000 năm. Họ chỉ đơn thuần là những người đã được Đức Thánh Linh dấy lên trong các thời kỳ khác nhau để dẫn dắt mọi người trong dòng chảy của Đức Thánh Linh, cho đến khi kết thúc các chức năng họ có thể thực hiện hoặc cho đến khi kết thúc cuộc đời họ. Công việc họ làm chỉ là chuẩn bị một con đường thích hợp cho chính Đức Chúa Trời hoặc tiếp tục một khía cạnh nhất định trong sự quản

lý của chính Đức Chúa Trời trên đất. Tự bản thân họ, những người này không thể làm công tác quản lý vĩ đại hơn của Ngài, họ cũng chẳng thể mở ra những lối thoát mới, càng chẳng có ai trong số họ có thể khép lại tất cả công tác của Đức Chúa Trời từ thời đại trước. Do đó, công việc họ làm chỉ đại diện cho một tạo vật đang thực hiện chức năng của mình và không thể đại diện cho chính Đức Chúa Trời thực hiện chức vụ của Ngài. Điều này là do công việc họ làm không giống với công tác do chính Đức Chúa Trời làm. Công tác mở ra một thời đại mới không phải là điều con người có thể thực hiện thay cho Đức Chúa Trời. Nó không thể được thực hiện bởi bất kỳ ai khác ngoài chính Đức Chúa Trời. Tất cả các công việc do con người thực hiện bao gồm việc thực hiện bổn phận của họ như một tạo vật và được thực hiện khi họ được Đức Thánh Linh cảm thúc hoặc khai sáng. Sự hướng dẫn những người này cung cấp chỉ bao gồm việc cho con người thấy con đường thực hành trong đời sống hàng ngày và cách họ nên hành động cho hòa hợp với ý muốn của Đức Chúa Trời. Công việc của con người không liên quan đến sự quản lý của Đức Chúa Trời, cũng không đại diện cho công tác của Thần. Ví dụ, công việc của Lý Thường Thụ và Nghê Thác Thanh là dẫn đường. Dù là con đường mới hay cũ, công việc đó cũng dựa trên nguyên tắc không vượt quá phạm vi Kinh Thánh. Dù là để khôi phục hội thánh địa phương hay xây dựng hội thánh địa phương, công việc của họ phải liên quan đến việc thiết lập các hội thánh. Công việc họ làm đã tiếp nối công tác còn dang dở hoặc chưa được phát triển thêm của Jêsus và các sứ đồ của Ngài trong Thời đại Ân điển. Những gì họ đã làm trong công việc của mình là khôi phục lại những gì Jêsus trong công tác lúc bấy giờ của Ngài đã yêu cầu đối với những thế hệ sau Ngài, như trùm đầu, nhận phép báp-tem, bẻ bánh, hoặc uống rượu. Có thể nói rằng công việc của họ là tuân giữ Kinh Thánh và tìm kiếm những con đường bên trong Kinh Thánh. Họ không tạo nên bất kỳ một bước tiến mới nào dưới bất kỳ hình thức nào. Do đó, người ta chỉ có thể thấy trong công việc của họ sự khám phá ra những con đường mới bên trong Kinh Thánh, cũng như những sự thực hành tốt hơn và thực tế hơn. Nhưng người ta không thể tìm thấy trong công việc của họ ý muốn hiện tại của Đức Chúa Trời, càng không thể tìm thấy công tác mới mà Đức Chúa Trời trong thời kỳ sau rất dự định làm. Đó là bởi con đường họ đã bước đi vẫn là một con đường cũ – không có sự đổi mới và không có sự tiến bộ nào. Họ tiếp tục bám vào sự thật Jêsus bị đóng đinh trên thập tự giá, để giữ tục lệ yêu cầu mọi người ăn năn và xưng tội, bám chặt lấy những câu nói rằng người chịu đựng đến cùng sẽ được cứu rỗi, rằng người nam là đầu của người nữ, và người nữ phải vâng lời chồng mình, và thậm chí còn theo quan niệm truyền thống rằng chị em không thể thuyết giảng, mà chỉ được vâng lời. Nếu cách thức lãnh đạo như vậy tiếp tục được tuân giữ, thì Đức Thánh Linh hẳn đã

không bao giờ có thể thực hiện công tác mới, giải phóng mọi người khỏi những phép tắc, hay dẫn dắt họ vào một cõi tự do và đẹp đẽ. Do đó, giai đoạn công tác này, công tác làm thay đổi thời đại đòi hỏi rằng chính Đức Chúa Trời phải làm việc và phán dạy; nếu không thì không ai có thể làm thay cho Ngài. Cho đến nay, tất cả các công tác của Đức Thánh Linh bên ngoài dòng chảy này đều đi vào bế tắc, và những người được Đức Thánh Linh sử dụng đã mất phương hướng. Do đó, vì công việc của những người được Đức Thánh Linh sử dụng không giống với công tác do chính Đức Chúa Trời thực hiện, nên thân phận của họ và chủ thể mà họ thay mặt hành động cũng khác nhau. Đó là bởi các công tác Đức Thánh Linh dự định thực hiện là khác nhau, và vì lý do này, những người làm công việc giống nhau được ban cho thân phận và địa vị khác nhau. Những người được Đức Thánh Linh sử dụng cũng có thể làm một số công việc mới và cũng có thể loại bỏ một số công việc đã được thực hiện trong thời đại trước, nhưng những gì họ làm không thể bày tỏ tâm tính và ý muốn của Đức Chúa Trời trong thời đại mới. Họ làm việc chỉ để loại bỏ công việc của thời đại cũ, chứ không phải để làm công việc mới với mục đích trực tiếp đại diện cho tâm tính của chính Đức Chúa Trời. Do đó, cho dù họ có bãi bỏ bao nhiêu sự thực hành lỗi thời hay họ có đưa ra bao nhiêu sự thực hành mới đi nữa, thì họ vẫn đại diện cho con người và những tạo vật. Tuy nhiên, khi chính Đức Chúa Trời thực hiện công tác, Ngài không công khai tuyên bố bãi bỏ những sự thực hành của thời đại cũ hay trực tiếp tuyên bố bắt đầu một thời đại mới. Ngài trực tiếp và thẳng thắn trong công tác của Ngài. Ngài quả quyết trong việc thực hiện công tác Ngài dự định làm; nghĩa là, Ngài trực tiếp bày tỏ công tác mà Ngài đã mang đến, trực tiếp thực hiện công tác của Ngài như dự định ban đầu, bày tỏ hữu thể và tâm tính của Ngài. Như con người thấy, tâm tính Ngài và công tác của Ngài cũng khác với các thời đại trước. Tuy nhiên, từ góc độ của chính Đức Chúa Trời, đây chỉ đơn thuần là sự tiếp nối và phát triển thêm công tác Ngài. Khi chính Đức Chúa Trời làm việc, Ngài bày tỏ lời Ngài và trực tiếp mang đến công tác mới. Ngược lại, khi con người làm việc, đó là thông qua sự xem xét kỹ lưỡng và nghiên cứu, hoặc đó là một sự mở rộng kiến thức và hệ thống hóa việc thực hành dựa trên công trình của người khác. Điều đó có nghĩa là, bản chất của công việc do con người thực hiện là tuân theo một trật tự đã định sẵn và “đi những con đường cũ trong đôi giày mới”. Điều này có nghĩa là ngay cả con đường mà những người được Đức Thánh Linh sử dụng đã đi cũng được xây trên con đường do chính Đức Chúa Trời đã mở ra. Vì vậy, xét cho cùng, con người vẫn là con người, và Đức Chúa Trời vẫn là Đức Chúa Trời.

Giăng đã được sinh ra theo lời hứa, cũng giống như Y-sác đã được sinh ra cho Áp-ra-ham. Ông đã dọn đường cho Jê-sus và làm nhiều việc, nhưng ông không phải

là Đức Chúa Trời. Thay vào đó, ông là một trong các tiên tri, bởi vì ông chỉ dọn đường cho Jêsus mà thôi. Công việc của ông cũng vĩ đại, và chỉ sau khi ông đã dọn đường xong, Jêsus mới chính thức bắt đầu công tác của Ngài. Về bản chất, ông chỉ đơn giản là dốc sức cho Jêsus, và công việc ông đã làm phục vụ cho công tác của Jêsus. Sau khi ông hoàn thành việc dọn đường, Jêsus đã bắt đầu công tác của Ngài, công tác mới hơn, cụ thể hơn, và chi tiết hơn. Giảng chỉ làm phần đầu của công tác; phần lớn công tác mới do Jêsus thực hiện. Giảng cũng làm công việc mới, nhưng ông không phải là người mở ra một thời đại mới. Giảng đã được sinh ra theo lời hứa, và tên của ông được thiên sứ đặt cho. Vào thời điểm đó, một số người muốn đặt tên cho ông theo tên cha của ông là Xa-cha-ri, nhưng mẹ ông đã lên tiếng phản đối: “Đứa trẻ này không thể được gọi bằng tên đó. Nó phải được gọi là Giảng”. Toàn bộ việc này đều theo lệnh của Đức Thánh Linh. Jêsus cũng đã được đặt tên theo lệnh của Đức Thánh Linh, Ngài đã được sinh ra từ Đức Thánh Linh, và Ngài đã được hứa bởi Đức Thánh Linh. Jêsus là Đức Chúa Trời, Đấng Christ, và là Con người. Nhưng công việc của Giảng cũng vĩ đại, tại sao ông không được gọi là Đức Chúa Trời? Chính xác thì sự khác biệt giữa công tác do Jêsus thực hiện và công việc do Giảng thực hiện là gì? Có phải chỉ vì Giảng là người dọn đường cho Jêsus không? Hay bởi vì điều này đã được Đức Chúa Trời định trước? Mặc dù Giảng cũng đã nói: “Các ngươi phải ăn năn, vì nước thiên đàng đã đến gần”, và ông cũng đã rao giảng Phúc Âm về vương quốc thiên đàng, nhưng công việc của ông không được phát triển thêm mà chỉ đơn thuần là một sự khởi đầu. Ngược lại, Jêsus đã mở ra một thời đại mới cũng như kết thúc thời đại cũ, nhưng Ngài cũng đã thực thi luật pháp của Cựu Ước. Công tác Ngài đã làm vĩ đại hơn của Giảng, và hơn thế nữa, Ngài đã đến để cứu chuộc toàn thể nhân loại – Ngài đã hoàn thành giai đoạn công tác đó. Về phần Giảng, ông chỉ đơn giản là chuẩn bị con đường. Mặc dù công việc của ông vĩ đại, những lời của ông cũng nhiều, và những môn đệ đã theo ông rất đông, nhưng công việc của ông chỉ là mang đến cho con người một sự khởi đầu mới. Con người không bao giờ nhận được từ ông sự sống, đường đi, hay những lẽ thật sâu nhiệm hơn, con người cũng không đạt được một sự hiểu biết về ý muốn của Đức Chúa Trời thông qua ông. Giảng là một tiên tri vĩ đại (Ê-li), người đã mở ra một nền tảng mới cho công tác của Jêsus và chuẩn bị những người được chọn; ông là đấng tiên phong của Thời đại Ân điển. Những vấn đề như vậy không thể nhận ra được chỉ bằng cách quan sát về ngoài con người bình thường của họ. Điều này càng đúng hơn bởi vì Giảng cũng đã làm công việc khá lớn, và hơn nữa, ông đã được hứa bởi Đức Thánh Linh, và công việc của ông đã được Đức Thánh Linh ủng hộ. Vì vậy, chỉ thông qua công việc họ làm, người ta mới có thể phân biệt được thân phận tương ứng của họ, vì không có

cách nào để xác định thực chất của một người từ vẻ bề ngoài của họ, cũng không có bất kỳ cách nào để con người xác định được đâu là lời chứng của Đức Thánh Linh. Công việc do Giăng thực hiện và công tác do Jêsus thực hiện không giống nhau và mang bản chất khác nhau. Chính từ đó người ta có thể xác định Giăng có phải là Đức Chúa Trời hay không. Công tác của Jêsus là khởi đầu, tiếp tục, kết thúc và thành tựu. Ngài đã thực hiện từng bước này, trong khi công việc của Giăng chỉ là khởi đầu. Ban đầu, Jêsus đã rao truyền Phúc Âm và rao giảng con đường của sự ăn năn, sau đó làm phép báp-tem cho con người, chữa lành người bệnh, và đuổi quỷ. Cuối cùng, Ngài đã cứu chuộc loài người khỏi tội lỗi và hoàn thành công tác của Ngài cho cả thời đại. Ngài cũng đã đi khắp nơi rao giảng cho con người và truyền bá Phúc Âm của vương quốc thiên đàng. Về điểm này, Ngài và Giăng giống nhau, sự khác biệt là Jêsus đã mở ra một thời đại mới và mang đến Thời đại Ân điển cho con người. Từ miệng Ngài phán ra lời về những gì con người nên thực hành và con đường mà con người nên đi theo trong Thời đại Ân điển, và cuối cùng, Ngài đã hoàn thành công tác cứu chuộc. Giăng không bao giờ có thể thực hiện công tác này. Và vì vậy, chính Jêsus đã làm công tác của chính Đức Chúa Trời, Ngài chính là Đức Chúa Trời, và là Đấng trực tiếp đại diện cho Đức Chúa Trời. Quan niệm của con người cho rằng tất cả những ai được sinh ra theo lời hứa, được sinh ra từ Thần, được Đức Thánh Linh ủng hộ, và những người mở ra những lối thoát mới đều là Đức Chúa Trời. Theo lý luận này, Giăng cũng sẽ là Đức Chúa Trời, và Môi-se, Áp-ra-ham và Đa-vít..., tất cả họ cũng sẽ là Đức Chúa Trời. Đây chẳng phải là một trò đùa quá lố hay sao?

Trước khi thực hiện chức vụ của mình, Jêsus cũng chỉ là một con người bình thường, hành động theo bất kỳ điều gì Đức Thánh Linh đã làm. Bất kể Ngài có nhận thức được thân phận của chính mình vào thời điểm đó hay không, Ngài đã vâng theo mọi điều đến từ Đức Chúa Trời. Đức Thánh Linh không bao giờ tiết lộ thân phận của Ngài trước khi chức vụ của Ngài bắt đầu. Chỉ sau khi Ngài đã bắt đầu chức vụ của mình, Ngài mới bãi bỏ các phép tắc và luật lệ đó, và phải đến khi Ngài chính thức bắt đầu thực hiện chức vụ của mình thì những lời của Ngài mới trở nên đầy thẩm quyền và quyền năng. Chỉ sau khi Ngài bắt đầu chức vụ của mình thì công tác mang đến một thời đại mới của Ngài mới bắt đầu. Trước đó, Đức Thánh Linh vẫn ẩn giấu bên trong Ngài suốt 29 năm, trong thời gian đó, Ngài chỉ đại diện cho một con người và không mang thân phận của Đức Chúa Trời. Công tác của Đức Chúa Trời bắt đầu với việc Ngài làm việc và thực hiện chức vụ của mình, Ngài đã thực hiện công tác của mình theo kế hoạch bên trong của Ngài mà không quan tâm đến việc con người biết về Ngài bao nhiêu, và công tác Ngài đã làm là đại diện trực tiếp cho chính Đức Chúa Trời. Lúc đó, Jêsus đã hỏi những người xung quanh Ngài: “Các người nói Ta

là ai?” Họ đáp rằng: “Ngài là đáng vĩ đại nhất trong số các tiên tri và là thầy thuốc xuất sắc của chúng tôi”. Và một số người đáp rằng: “Ngài là thầy tế lễ cả của chúng tôi”, v.v. Đủ loại câu trả lời đã được đưa ra, một số người thậm chí còn nói rằng Ngài là Giảng, rằng Ngài là Ê-li. Sau đó, Jê-sus quay sang Si-môn Phi-e-rơ và hỏi: “Người nói Ta là ai?” Phi-e-rơ thưa rằng: “Chúa là Đáng Christ, con Đức Chúa Trời hằng sống”. Từ đó trở đi, mọi người nhận ra Ngài là Đức Chúa Trời. Khi thân phận của Ngài được biết đến, chính Phi-e-rơ là người đầu tiên nhận ra điều này và chính từ miệng của ông đã nói ra điều này. Sau đó, Jê-sus tuyên bố: “Những gì người nói không phải được tỏ lộ bởi thịt và huyết, mà bởi Cha Ta”. Sau khi Ngài chịu phép báp-têm, cho dù người khác có biết điều này hay không, công tác Ngài đã làm là nhân danh Đức Chúa Trời. Ngài đã đến để thực hiện công tác của Ngài, chứ không phải để tiết lộ thân phận Ngài. Chỉ sau khi Phi-e-rơ nói về điều đó thì thân phận của Ngài mới được biết đến một cách công khai. Cho dù người có nhận ra Ngài là chính Đức Chúa Trời hay không, thì khi đến lúc, Ngài vẫn bắt đầu công tác của mình. Và cho dù người có biết điều đó hay không, Ngài vẫn tiếp tục công tác của mình như trước. Ngay cả khi người phủ nhận điều đó, Ngài vẫn sẽ thực hiện công tác của Ngài và sẽ thực hiện nó khi đến lúc phải làm. Ngài đã đến để làm công tác của Ngài và thực hiện chức vụ của Ngài, không phải để con người có thể biết đến xác thịt của Ngài, mà là để con người tiếp nhận công tác của Ngài. Nếu người không nhận ra giai đoạn công tác ngày nay là công tác của chính Đức Chúa Trời, thì đó là do người thiếu khái tượng. Tuy nhiên, người không thể phủ nhận giai đoạn công tác này; người không nhận ra nó không chứng tỏ Đức Thánh Linh không làm việc hay công tác của Ngài sai trật. Có những người thậm chí còn đối chiếu công tác của hiện tại với công tác của Jê-sus trong Kinh Thánh và sử dụng bất kỳ sự mâu thuẫn nào để phủ nhận giai đoạn công tác này. Đây chẳng phải là hành động của những kẻ mù quáng sao? Những điều được ghi lại trong Kinh Thánh thì hữu hạn; chúng không thể đại diện cho toàn bộ công tác của Đức Chúa Trời. Bốn Sách Phúc Âm có tổng cộng ít hơn một trăm chương trong đó ghi lại số lượng hữu hạn các sự kiện, như Jê-sus rửa cây vả, ba lần chối Chúa của Phi-e-rơ, Jê-sus xuất hiện trước các môn đồ sau khi bị đóng đinh trên thập tự giá và phục sinh, dạy về việc kiêng ăn, dạy về cầu nguyện, dạy về ly dị, sự ra đời và gia phả của Jê-sus, sự bổ nhiệm các môn đệ của Jê-sus, v.v. Tuy nhiên, con người xem chúng như báu vật, thậm chí đối chiếu công tác của ngày nay với chúng. Họ thậm chí còn tin rằng toàn bộ công tác Jê-sus đã làm trong cuộc đời Ngài chỉ có bấy nhiêu thôi, như thể Đức Chúa Trời chỉ có khả năng làm bấy nhiêu việc này và không làm được gì hơn. Điều này chẳng phải là ngớ ngẩn sao?

Thời gian Jê-sus đã có trên trần gian là ba mươi ba năm rưỡi, nghĩa là Ngài đã

sống trên đất ba mươi ba năm rưỡi. Trong thời gian này, chỉ có ba năm rưỡi dành cho việc thực hiện chức vụ của Ngài; thời gian còn lại, Ngài chỉ sống một đời sống con người bình thường. Ban đầu, Ngài đã tham dự các buổi lễ trong nhà hội và tại đó Ngài đã lắng nghe các thầy tế lễ giải nghĩa Kinh Thánh và những người khác thuyết giảng. Ngài đã có được nhiều kiến thức về Kinh Thánh: Không phải Ngài bẩm sinh đã có kiến thức đó, mà chỉ có được thông qua việc đọc và nghe. Kinh Thánh ghi rõ rằng Ngài đã đặt câu hỏi cho các thầy giáo trong nhà hội ở tuổi 12: Những lời tiên tri của các tiên tri thời xưa là gì? Luật pháp của Môi-se có gì? Về Cựu Ước thì sao? Và những người hầu việc Đức Chúa Trời mặc áo choàng của thầy tế lễ trong đền thờ là như thế nào? ... Ngài đã hỏi nhiều câu hỏi, vì Ngài không có kiến thức cũng không hiểu biết. Mặc dù Ngài đã được thai dựng bởi Đức Thánh Linh, nhưng Ngài được sinh ra là một con người hoàn toàn bình thường; bất kể những điểm đặc biệt nhất định mà Ngài có, Ngài vẫn là một con người bình thường. Sự khôn ngoan của Ngài liên tục tăng lên tương xứng với vóc giạc và tuổi tác của Ngài, và Ngài đã trải qua các giai đoạn cuộc sống của một con người bình thường. Trong trí tưởng tượng của mọi người, Jêsus không trải qua thời thơ ấu và không có thời niên thiếu; Ngài đã bắt đầu sống đời sống của một người nam 30 tuổi ngay khi Ngài được sinh ra, và Ngài đã bị đóng đinh trên thập tự giá ngay sau khi hoàn thành công tác của mình. Ngài chắc hẳn đã không trải qua các giai đoạn trong đời sống của một con người bình thường; Ngài không ăn và cũng không kết giao với những người khác, và không dễ gì để mọi người thoáng thấy Ngài. Ngài chắc hẳn là một người dị thường, người sẽ khiến những ai nhìn thấy Ngài phải hoảng sợ, bởi vì Ngài là Đức Chúa Trời. Mọi người tin rằng Đức Chúa Trời đến trong xác thịt chắc chắn không sống như một người bình thường; họ tin rằng Ngài sạch sẽ mà không cần phải đánh răng hay rửa mặt, vì Ngài là một người thánh khiết. Đây chẳng phải chỉ là những quan niệm của con người sao? Kinh Thánh không ghi chép về đời sống của Jêsus như một con người, chỉ ghi chép về công tác của Ngài, nhưng điều này không chứng minh rằng Ngài không có nhân tính bình thường hay Ngài không sống một đời sống con người bình thường trước tuổi 30. Ngài đã chính thức bắt đầu công tác của mình ở tuổi 29, nhưng người không thể xóa bỏ toàn bộ đời sống của Ngài như một con người trước độ tuổi đó. Kinh Thánh chỉ đơn thuần bỏ qua giai đoạn đó trong các ghi chép; vì đó là cuộc sống của Ngài như một con người bình thường và không phải là giai đoạn công tác thần thánh của Ngài, nên không cần phải ghi lại. Vì trước khi Jêsus chịu phép báp-têm, Đức Thánh Linh đã không hoạt động trực tiếp, mà chỉ đơn thuần duy trì Ngài trong cuộc sống như một con người bình thường cho đến ngày Jêsus phải thực hiện chức vụ của mình. Mặc dù Ngài là Đức Chúa Trời nhập thể, nhưng Ngài

đã trải qua quá trình trưởng thành như một con người bình thường. Quá trình trưởng thành này bị bỏ qua trong Kinh Thánh. Nó đã bị bỏ qua bởi vì nó không thể giúp ích gì nhiều cho sự phát triển của con người trong sự sống. Giai đoạn trước khi Ngài chịu phép rửa-báp-têm là một giai đoạn ẩn giấu, trong đó Ngài đã không làm dấu kỳ phép lạ nào. Chỉ sau khi Jêsus chịu phép rửa-báp-têm, Ngài mới bắt đầu mọi công tác cứu chuộc nhân loại, công tác dư dật và tràn đầy ân điển, lẽ thật, của tình yêu và lòng thương xót. Sự khởi đầu của công tác này cũng chính là sự khởi đầu của Thời đại Ân điển; vì lý do này, nó đã được ghi lại và lưu truyền cho đến nay. Nó nhằm mở ra một lối thoát và mang lại thành quả cho tất cả những ai trong Thời đại Ân điển bước đi trên con đường của Thời đại Ân điển và con đường của thập tự giá. Mặc dù nó xuất phát từ các bản ghi chép do con người viết ra, nhưng mọi thứ đều là sự thật, ngoại trừ đâu đó có những lỗi nhỏ được tìm thấy. Mặc dù vậy, các bản ghi chép này không thể được xem là sai sự thật. Mọi chuyện được ghi chép lại đều hoàn toàn có thật, chỉ là khi viết chúng ra, mọi người đã mắc lỗi. Có một số người sẽ nói rằng, nếu Jêsus là một người có nhân tính thông thường và bình thường, thì làm sao Ngài có khả năng làm những dấu kỳ phép lạ? 40 ngày bị cám dỗ mà Jêsus đã trải qua là một dấu kỳ, điều mà một con người bình thường sẽ không thể đạt được. 40 ngày bị cám dỗ của Ngài thuộc về bản chất của Đức Thánh Linh đang hoạt động; vậy thì làm sao người ta có thể nói rằng không hề có một chút siêu nhiên nào trong Ngài? Khả năng làm dấu kỳ phép lạ của Ngài không chứng tỏ rằng Ngài là một người siêu việt và không phải là một con người bình thường; chỉ là Đức Thánh Linh đã hoạt động trong một con người bình thường như Ngài, do đó khiến cho Ngài có thể thực hiện những phép lạ và làm được những việc còn vĩ đại hơn. Trước khi Jêsus thực hiện chức vụ của Ngài, hoặc như Kinh Thánh nói, trước khi Đức Thánh Linh ngự xuống Ngài, Jêsus chỉ là một con người bình thường và không hề siêu nhiên. Khi Đức Thánh Linh ngự xuống Ngài, nghĩa là khi Ngài bắt đầu thực hiện chức vụ của mình, Ngài đã trở nên đầy siêu nhiên. Theo cách này, con người bắt đầu tin rằng xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời không có nhân tính bình thường; hơn nữa, họ lầm tưởng rằng Đức Chúa Trời nhập thể chỉ có thần tính, không có nhân tính. Chắc chắn khi Đức Chúa Trời đến thế gian để thực hiện công tác của Ngài, tất cả những gì con người thấy là những sự kiện siêu nhiên. Những gì họ mắt thấy tai nghe đều là siêu nhiên, vì công tác và lời của Ngài là điều không thể hiểu được và không thể đạt được đối với họ. Nếu một cái gì đó của thiên đàng được đưa đến trần gian, làm sao nó có thể là bất cứ điều gì ngoài sự siêu nhiên? Khi những lễ mầu nhiệm của vương quốc thiên đàng được đưa đến trần gian, những lễ mầu nhiệm không thể hiểu được và không thể dò lường đối với con người, là những điều quá kỳ diệu và khôn ngoan – chẳng phải

chúng đều là siêu nhiên sao? Tuy nhiên, người nên biết, bất kể chúng siêu nhiên thế nào, mọi thứ đều được thực hiện bên trong nhân tính bình thường của Ngài. Xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời đầy nhân tính; nếu Ngài không phải vậy, thì Ngài sẽ không phải là xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời. Jêsus đã thực hiện rất nhiều phép lạ trong thời đại của Ngài. Những gì người Y-sơ-ra-ên thời đó đã thấy đầy những thứ siêu nhiên; họ đã trông thấy các thiên sứ và các sứ giả, và họ đã nghe thấy tiếng của Đức Giê-hô-va. Chẳng phải tất cả những điều này đều là siêu nhiên sao? Chắc chắn, có một số quỷ dữ ngày nay đánh lừa con người bằng những thứ siêu nhiên; đó chỉ là sự bắt chước về phần chúng, để đánh lừa con người thông qua công tác hiện không được Đức Thánh Linh thực hiện. Nhiều người thực hiện các phép lạ, chữa lành người bệnh và đuổi quỷ; những điều này chỉ là việc của các quỷ dữ, vì Đức Thánh Linh không còn làm công tác như vậy trong thời đại ngày nay, và tất cả những ai đã bắt chước công tác của Đức Thánh Linh từ thời đó trở đi đều thật sự là quỷ dữ. Tất cả các công tác được thực hiện tại Y-sơ-ra-ên vào thời điểm đó đều là công tác mang bản chất siêu nhiên, mặc dù hiện nay Đức Thánh Linh không làm việc theo cách như vậy, và bất kỳ công tác nào như vậy hiện giờ đều là sự bắt chước và nguy trang của Sa-tan, cũng như là sự quấy rầy của nó. Nhưng người không thể nói rằng bất kỳ điều gì siêu nhiên đều đến từ quỷ dữ – điều này sẽ phụ thuộc vào thời đại công tác của Đức Chúa Trời. Hãy xem xét công tác được thực hiện bởi Đức Chúa Trời nhập thể ngày nay: Khía cạnh nào của nó không phải là siêu nhiên? Những lời của Ngài là không thể hiểu hết được và không thể đạt được đối với người, và công tác Ngài làm không ai có thể làm được. Những gì Ngài hiểu thì con người không thể hiểu, còn về kiến thức của Ngài, con người không biết nó từ đâu đến. Có một số người nói rằng: “Tôi cũng bình thường giống như Ngài, nhưng sao tôi lại không biết những gì Ngài biết? Tôi lớn tuổi hơn và giàu kinh nghiệm hơn, nhưng sao Ngài lại có thể biết những điều tôi không biết?” Tất cả những điều này, đối với con người, là điều con người không cách nào đạt được. Rồi có những người nói rằng: “Không ai biết về công tác đã được thực hiện tại Y-sơ-ra-ên, và ngay cả các nhà giải nghĩa Kinh Thánh cũng không thể đưa ra lời giải thích; làm sao Ngài lại biết được?” Chẳng phải tất cả những điều này đều là chuyện siêu nhiên sao? Ngài không có trải nghiệm phép lạ nào, nhưng Ngài biết tất cả; Ngài phán và tỏ lộ lẽ thật một cách dễ dàng nhất. Đây chẳng phải là điều siêu nhiên sao? Công tác của Ngài vượt quá những gì xác thịt có thể đạt được. Đó là điều không thể đạt được trong suy nghĩ của bất kỳ con người nào có một thân thể xác thịt và hoàn toàn không thể mừng tượng nổi đối với lý luận của trí óc con người. Mặc dù Ngài chưa bao giờ đọc Kinh Thánh, nhưng Ngài hiểu công tác của Đức Chúa Trời tại Y-sơ-ra-ên. Và

mặc dù Ngài đứng trên đất khi Ngài phán, nhưng Ngài phán về những lẽ mầu nhiệm của tầng trời thứ ba. Khi con người đọc những lời này, cảm giác này sẽ tràn ngập trong họ: “Đây chẳng phải là ngôn ngữ của tầng trời thứ ba sao?” Chẳng phải đây đều là những chuyện vượt quá những gì một con người bình thường có khả năng đạt được sao? Vào thời điểm đó, khi Jêsus đã trải qua 40 ngày kiêng ăn, đó chẳng phải là siêu nhiên sao? Nếu người nói rằng 40 ngày kiêng ăn trong mọi trường hợp đều là siêu nhiên, là một hành động của quỷ dữ, thì chẳng phải người đã lên án Jêsus sao? Trước khi thực hiện chức vụ của mình, Jêsus giống như một con người bình thường. Ngài cũng đến trường; còn cách nào khác để Ngài có thể học đọc và viết? Khi Đức Chúa Trời trở nên xác thịt, Thần ẩn bên trong xác thịt. Tuy nhiên, là một con người bình thường, Ngài cần thiết phải trải qua một quá trình phát triển và trưởng thành, và cho đến khi khả năng nhận thức của Ngài đã trưởng thành, và Ngài đã có khả năng nhận thức mọi thứ, thì Ngài mới có thể được xem là một con người bình thường. Chỉ sau khi nhân tính của Ngài đã trưởng thành, Ngài mới có thể thực hiện chức vụ của mình. Làm sao Ngài có thể thực hiện chức vụ của mình trong khi nhân tính bình thường của Ngài vẫn còn non nớt và lý luận của Ngài chưa vững chắc? Chắc chắn không thể mong đợi Ngài thực hiện chức vụ của mình khi sáu hoặc bảy tuổi! Tại sao Đức Chúa Trời không xuất hiện công khai lúc đầu khi Ngài trở nên xác thịt? Đó là bởi nhân tính của xác thịt Ngài vẫn còn non nớt; các quá trình nhận thức của xác thịt Ngài, cũng như nhân tính bình thường của xác thịt này, chưa hoàn toàn thuộc sở hữu của Ngài. Vì lý do này, điều tối cần thiết là Ngài phải sở hữu nhân tính bình thường và ý thức thông thường của một con người bình thường – đến mức Ngài đã được trang bị đầy đủ để đảm nhận công tác của mình trong xác thịt – trước khi Ngài có thể bắt đầu công tác của mình. Nếu Ngài chưa đủ khả năng làm nhiệm vụ, Ngài sẽ cần phải tiếp tục phát triển và trưởng thành. Nếu Jêsus bắt đầu công tác của mình khi bảy hoặc tám tuổi, thì chẳng phải con người sẽ xem Ngài như một thần đồng sao? Chẳng phải tất cả mọi người sẽ nghĩ Ngài là một đứa trẻ sao? Ai sẽ thấy Ngài có sức thuyết phục? Một đứa trẻ bảy hoặc tám tuổi không cao hơn bụi giăng mà mình đứng đằng sau – liệu Ngài có phù hợp để thuyết giảng không? Trước khi nhân tính bình thường của Ngài trưởng thành, Ngài chưa đủ khả năng làm nhiệm vụ. Đối với nhân tính còn non nớt của Ngài, một phần lớn công tác đơn giản là không thể đạt được. Công tác của Thần Đức Chúa Trời trong xác thịt cũng bị chi phối bởi các nguyên tắc riêng của nó. Chỉ khi Ngài được trang bị nhân tính bình thường thì Ngài mới có thể đảm nhận công tác và nhận mệnh lệnh của Cha. Chỉ khi đó, Ngài mới có thể bắt đầu công tác của mình. Thời thơ ấu, Jêsus đơn giản là không thể thấu hiểu được gì về phần lớn những gì đã xảy ra trong thời cổ đại, và chỉ bằng cách

hỏi các thầy giáo trong nhà hội thì Ngài mới hiểu được. Nếu Ngài bắt đầu công tác của mình ngay khi Ngài học nói, thì làm sao Ngài có thể không phạm sai lầm được? Làm sao Đức Chúa Trời có thể sơ suất được? Do đó, chỉ sau khi Ngài có khả năng làm việc thì Ngài mới bắt đầu công tác của mình; Ngài đã không thực hiện bất kỳ công tác nào cho đến khi Ngài hoàn toàn có khả năng đảm nhận. Ở tuổi 29, Jêsus đã khá trưởng thành và nhân tính của Ngài đủ để đảm nhận công tác Ngài phải làm. Chỉ khi đó Thần của Đức Chúa Trời mới chính thức bắt đầu hoạt động trong Ngài. Vào thời điểm đó, Giăng đã chuẩn bị trong bảy năm để mở đường cho Ngài, và sau khi kết thúc công việc của mình, ông đã bị tổng vào tù. Gánh nặng khi đó đổ hết lên Jêsus. Nếu Ngài đảm nhận công tác này ở tuổi 21 hoặc 22, vào thời điểm nhân tính của Ngài vẫn còn thiếu sót, khi Ngài chỉ mới bước vào lứa tuổi thanh niên, và có nhiều điều Ngài vẫn không hiểu, thì Ngài sẽ không có khả năng lèo lái. Vào thời điểm đó, Giăng đã thực hiện công tác của mình một thời gian trước khi Jêsus bắt đầu công tác của Ngài, đến lúc đó Ngài đã ở tuổi trung niên. Ở tuổi đó, nhân tính bình thường của Ngài đã đủ để đảm nhận công tác Ngài phải làm. Giờ đây, Đức Chúa Trời nhập thể cũng có nhân tính bình thường, và tuy rằng chưa trưởng thành nhiều so với những người cao tuổi hơn trong số các người, nhưng nhân tính này đã đầy đủ như hiện có để đảm nhận công tác của Ngài. Hoàn cảnh xung quanh công tác ngày nay không hoàn toàn giống hoàn cảnh trong thời của Jêsus. Tại sao Jêsus lại chọn mười hai sứ đồ? Tất cả là để hỗ trợ cho công tác của Ngài và phối hợp với nó. Một mặt, điều đó nhằm đặt nền móng cho công tác của Ngài vào thời điểm đó, trong khi mặt khác, điều đó đặt nền móng cho công tác của Ngài trong những thời kỳ tiếp theo. Theo công tác lúc bấy giờ, ý muốn của Jêsus là chọn ra mười hai sứ đồ, vì đó là ý muốn của chính Đức Chúa Trời. Ngài tin rằng Ngài nên chọn ra mười hai sứ đồ và sau đó dẫn họ đi rao giảng ở mọi nơi. Nhưng ngày nay không cần đến điều này trong số các người! Khi Đức Chúa Trời nhập thể làm việc trong xác thịt, có nhiều nguyên tắc, và có nhiều vấn đề mà con người đơn giản là không hiểu được; con người liên tục sử dụng các quan niệm của riêng mình để đánh giá Ngài, hoặc đưa ra những đòi hỏi quá đáng cho Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, cho đến ngày nay, nhiều người hoàn toàn không biết rằng kiến thức của họ chỉ bao gồm các quan niệm của riêng họ. Bất kể thời đại nào hay nơi chốn nào Đức Chúa Trời được nhập thể, thì các nguyên tắc cho công tác của Ngài trong xác thịt vẫn không thay đổi. Ngài không thể trở nên xác thịt nhưng lại vượt lên trên xác thịt trong công tác của Ngài; Ngài càng không thể trở nên xác thịt nhưng lại không làm việc trong nhân tính bình thường của xác thịt. Nếu không, ý nghĩa của sự nhập thể của Đức Chúa Trời sẽ tan thành mây khói, và Lời trở nên xác thịt sẽ trở nên hoàn toàn vô nghĩa. Hơn nữa, chỉ có Cha trên trời (Thần) mới

biết về sự nhập thể của Đức Chúa Trời, và không ai khác, ngay cả chính xác thịt của Ngài hay các sứ giả của thiên đàng. Vì vậy, công tác trong xác thịt của Đức Chúa Trời càng bình thường hơn và càng có thể chứng minh rằng Lời quả thực đã trở nên xác thịt, và xác thịt nghĩa là một con người bình thường và thông thường.

Một số người có thể tự hỏi: “Tại sao thời đại phải được chính Đức Chúa Trời mở ra? Một tạo vật không thể thay mặt cho Ngài được sao?” Tất cả các người đều biết rằng Đức Chúa Trời trở nên xác thịt vì mục đích rõ ràng là mở ra một thời đại mới, và tất nhiên, khi Ngài mở ra một thời đại mới, Ngài sẽ đồng thời kết thúc thời đại cũ. Đức Chúa Trời là Đầu Tiên và Cuối Cùng; chính Ngài là Đấng khởi động công tác của Ngài và vì vậy, chính Ngài phải là Đấng kết thúc thời đại cũ. Đó là bằng chứng về việc Ngài đánh bại Sa-tan và về việc chinh phục thế gian của Ngài. Mỗi lần chính Ngài làm việc giữa con người, đó đều là sự khởi đầu của một trận chiến mới. Không có sự khởi đầu của công tác mới, đương nhiên sẽ không có sự kết thúc của công tác cũ. Và khi không có sự kết thúc của công tác cũ, đây là bằng chứng cho thấy trận chiến với Sa-tan vẫn chưa đi đến kết thúc. Chỉ khi chính Đức Chúa Trời đến và thực hiện công tác mới giữa con người, thì con người mới có thể hoàn toàn thoát khỏi quyền lực của Sa-tan và có được một đời sống mới và một khởi đầu mới. Nếu không, con người sẽ mãi mãi sống trong thời đại cũ và mãi mãi sống dưới ảnh hưởng cũ của Sa-tan. Với mỗi thời đại được Đức Chúa Trời dẫn dắt, một bộ phận nhân loại được giải phóng, và do đó, con người tiến tới cùng với công tác của Đức Chúa Trời hướng đến thời đại mới. Chiến thắng của Đức Chúa Trời có nghĩa là một chiến thắng dành cho tất cả những ai theo Ngài. Nếu loài người thọ tạo được giao nhiệm vụ kết thúc thời đại, thì trong mắt con người hay Sa-tan, việc này sẽ không khác gì một hành động chống đối hay phản bội Đức Chúa Trời, không phải là một hành động vâng lời Đức Chúa Trời, và công việc của con người sẽ trở thành một công cụ cho Sa-tan. Chỉ khi con người vâng lời và đi theo Đức Chúa Trời trong một thời đại do chính Đức Chúa Trời mở ra, thì Sa-tan mới có thể bị thuyết phục hoàn toàn, vì đó là bản phận của một tạo vật. Vì vậy, Ta phán rằng các người chỉ cần đi theo và vâng lời, không đòi hỏi thêm gì ở các người. Điều này có nghĩa là mỗi người giữ đúng bản phận của mình và mỗi người thực hiện chức năng tương ứng của mình. Đức Chúa Trời làm công tác riêng của Ngài và không cần con người làm điều đó thay Ngài, Ngài cũng không tham gia vào công việc của các tạo vật. Con người thực hiện bản phận của riêng mình và không tham gia vào công tác của Đức Chúa Trời. Chỉ đây mới là sự vâng lời, và là bằng chứng về sự thất bại của Sa-tan. Sau khi chính Đức Chúa Trời đã hoàn tất việc mở ra thời đại mới, Ngài không còn ngự xuống để làm việc giữa loài người nữa. Chỉ khi đó con người mới chính thức bước vào thời đại

mới để thực hiện bổn phận của mình và thực hiện sứ mệnh của mình như một tạo vật. Đây là những nguyên tắc Đức Chúa Trời làm việc, mà không ai có thể vi phạm. Chỉ làm việc theo cách này mới là đúng đắn và hợp lý. Công tác của Đức Chúa Trời phải do chính Đức Chúa Trời thực hiện. Chính Ngài là Đấng khởi động công tác của mình, và chính Ngài là Đấng kết thúc công tác của mình. Chính Ngài là Đấng hoạch định công tác, và chính Ngài là Đấng quản lý nó, và còn hơn thế nữa, chính Ngài là Đấng mang lại thành quả cho công tác. Như đã nói trong Kinh Thánh: “Ta là Đầu Tiên và Cuối Cùng; Ta là Người Gieo và Người Gặt”. Tất cả những gì liên quan đến công tác quản lý của Đức Chúa Trời đều do chính Ngài thực hiện. Ngài là Đấng Cai Trị kế hoạch quản lý 6.000 năm; không ai có thể làm công tác của Ngài thay cho Ngài và không ai có thể kết thúc công tác của Ngài, vì chính Ngài là Đấng nắm giữ mọi thứ trong tay Ngài. Khi đã dựng nên thế giới, Ngài sẽ dẫn dắt toàn bộ thế giới sống trong sự sáng của Ngài, và Ngài cũng sẽ kết thúc toàn bộ thời đại, qua đó mang lại thành quả cho toàn bộ kế hoạch của Ngài!

Lẽ mầu nhiệm của sự nhập thể (2)

Thời điểm Jêsus làm việc tại Giu-đê, Ngài đã làm việc công khai, nhưng hiện nay, Ta làm việc và phán giữa các người trong bí mật. Những người ngoại đạo hoàn toàn không hay biết về việc đó. Công tác của Ta giữa các người khép kín đối với người ngoài. Những lời này, những hình phạt và sự phán xét này, chỉ các người chứ không ai khác được biết. Tất cả công tác này được thực hiện giữa các người và được tiết lộ chỉ cho các người; không ai trong số những người ngoại đạo biết điều này, vì vẫn chưa đến lúc. Những người này ở đây sắp được làm cho trọn vẹn sau khi chịu những hình phạt, nhưng người ngoài không hay biết gì về điều này. Công tác này quá ẩn giấu! Đối với họ, việc Đức Chúa Trời trở nên xác thịt được giấu kín, nhưng đối với những người trong dòng chảy này, có thể nói rằng Ngài công khai. Mặc dù ở Đức Chúa Trời, tất cả đều công khai, tất cả đều được tỏ lộ, và tất cả đều được giải phóng, nhưng điều này chỉ đúng với những người tin vào Ngài; đối với phần còn lại, những người ngoại đạo, thì không được biết gì cả. Công tác hiện đang được tiến hành giữa các người và ở Trung Quốc được khép chặt, để không cho họ biết. Nếu họ biết đến công tác này, tất cả những gì họ sẽ làm là lên án và bức hại. Họ sẽ không tin vào nó. Để làm việc trong quốc gia của con rồng lớn sắc đỏ, nơi lạc hậu nhất này, không phải là nhiệm vụ dễ dàng. Nếu công tác này được đưa ra công khai, nó sẽ không thể nào tiếp tục. Giai đoạn công tác này đơn giản là không thể được thực hiện tại nơi này. Nếu công tác này được thực hiện công khai, làm sao họ có thể cho phép nó tiếp tục

được? Chẳng phải điều này sẽ khiến công tác gặp rủi ro còn lớn hơn sao? Nếu công tác này không được che giấu, mà lại được thực hiện như trong thời của Jêsus, khi Ngài đã chữa lành người bệnh và đuổi quỷ một cách ngoạn mục, thì chẳng phải nó đã bị ma quỷ “bắt giữ” từ lâu rồi sao? Liệu chúng có thể chịu được sự tồn tại của Đức Chúa Trời không? Nếu giờ đây Ta bước vào các hội đường để rao giảng và thuyết giáo cho con người, thì chẳng phải Ta đã tan thành từng mảnh từ lâu rồi sao? Và nếu điều này xảy ra, thì làm sao công tác của Ta có thể tiếp tục được thực hiện? Lý do không hề có dấu kỳ phép lạ nào được thể hiện công khai là vì mục đích che giấu. Vì vậy, đối với những người ngoại đạo, công tác của Ta không thể nhìn thấy, biết đến hoặc khám phá. Nếu giai đoạn công tác này được thực hiện theo cách tương tự như của Jêsus trong Thời đại Ân điển, thì nó không thể được vững chắc như bây giờ. Vì vậy, làm việc bí mật theo cách này có lợi cho các người và cho công tác nói chung. Khi công tác của Đức Chúa Trời trên đất chấm dứt, nghĩa là khi công tác bí mật này kết thúc, thì giai đoạn công tác này sẽ lộ lên công khai. Tất cả sẽ biết rằng có một nhóm người đắc thắng ở Trung Quốc; tất cả sẽ biết rằng Đức Chúa Trời trở nên xác thịt ở Trung Quốc và công tác của Ngài đã kết thúc. Chỉ khi đó con người mới chợt nhận ra: Tại sao Trung Quốc vẫn chưa có biểu hiện suy tàn hay sụp đổ? Hóa ra Đức Chúa Trời đang đích thân thực hiện công tác của Ngài tại Trung Quốc và đã hoàn thiện một nhóm người thành những người đắc thắng.

Đức Chúa Trời trở nên xác thịt chỉ xuất hiện với một bộ phận những người theo Ngài trong giai đoạn này khi Ngài đích thân thực hiện công tác của Ngài, chứ không phải cho mọi loài thọ tạo. Ngài đã trở nên xác thịt chỉ để hoàn thành một giai đoạn trong công tác của Ngài, chứ không phải để cho con người thấy hình ảnh của Ngài. Tuy nhiên, công tác của Ngài phải được chính Ngài thực hiện, do đó, Ngài cần phải thực hiện nó trong xác thịt. Khi công tác này kết thúc, Ngài sẽ rời khỏi nhân thể; Ngài không thể nán lại lâu dài giữa nhân loại để tránh cản trở công tác sắp tới. Những gì Ngài biểu lộ cho dân chúng chỉ là tâm tính công chính và mọi việc làm của Ngài, chứ không phải hình ảnh của hai lần Ngài đã trở nên xác thịt, vì ảnh tượng của Đức Chúa Trời chỉ có thể được thể hiện thông qua tâm tính Ngài, và không thể thay thế bằng hình ảnh xác thịt nhập thể của Ngài. Hình ảnh của xác thịt Ngài chỉ được tỏ cho một số lượng người giới hạn thấy, chỉ cho những người theo Ngài thấy khi Ngài làm việc trong xác thịt. Đây là lý do tại sao công tác đang được thực hiện giờ đây được làm trong bí mật. Tương tự, Jêsus đã chỉ xuất hiện với người Do Thái khi Ngài làm công tác của mình, và không bao giờ công khai xuất hiện với bất kỳ quốc gia nào khác. Vì thế, một khi hoàn thành công tác của mình, Ngài đã nhanh chóng rời khỏi nhân gian và không ở lại; sau đó, không phải Ngài, hình ảnh này của con người, là Đấng đã

cho con người thấy Ngài, mà là Đức Thánh Linh đã trực tiếp thực hiện công tác. Một khi công tác của Đức Chúa Trời trở nên xác thịt được hoàn thành trọn vẹn, Ngài sẽ rời khỏi phàm trần, và sẽ không bao giờ Ngài làm bất kỳ công tác nào tương tự như những gì Ngài đã làm khi ở trong xác thịt nữa. Sau đây, tất cả công tác đều được Đức Thánh Linh trực tiếp thực hiện. Trong giai đoạn này, con người hầu như không thể nhìn thấy hình ảnh bằng xương bằng thịt của Ngài; Ngài không hề xuất hiện trước con người, mà vẫn luôn ẩn giấu. Thời gian cho công tác của Đức Chúa Trời trở nên xác thịt có hạn. Nó được thực hiện trong một thời đại, một giai đoạn, một quốc gia cụ thể, và giữa những con người cụ thể. Công tác này chỉ đại diện cho công tác trong giai đoạn nhập thể của Đức Chúa Trời; nó đại diện cho thời đại, và nó đại diện cho công tác của Thần Đức Chúa Trời trong một thời đại cụ thể, chứ không phải cho toàn bộ công tác của Ngài. Do đó, hình ảnh của Đức Chúa Trời trở nên xác thịt sẽ không được xuất hiện với mọi dân tộc. Những gì được tỏ cho dân chúng thấy là sự công chính của Đức Chúa Trời và toàn bộ tâm tính của Ngài, thay vì hình ảnh của Ngài khi Ngài đã hai lần trở nên xác thịt. Đó không phải chỉ là một hình ảnh xuất hiện với con người, cũng không phải là hai hình ảnh kết hợp lại. Do đó, xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời buộc phải rời khỏi trần gian ngay sau khi hoàn thành công tác Ngài cần làm, vì Ngài chỉ đến để làm công tác Ngài phải làm, chứ không phải để cho mọi người thấy hình ảnh của Ngài. Mặc dù ý nghĩa của sự nhập thể đã trọn qua hai lần Đức Chúa Trời trở nên xác thịt, nhưng Ngài vẫn sẽ không công khai xuất hiện với bất kỳ quốc gia nào chưa từng thấy Ngài trước đây. Jê-sus sẽ không bao giờ tái xuất hiện với người Do Thái như Mặt Trời công chính, và Ngài cũng sẽ không đứng trên đỉnh núi Ô-li-ve và xuất hiện với mọi dân tộc; tất cả những gì người Do Thái đã thấy là chân dung của Jê-sus trong thời gian Ngài ở Giu-đê. Đó là do công tác của Jê-sus trong sự nhập thể của Ngài đã kết thúc hai nghìn năm trước; Ngài sẽ không trở lại Giu-đê trong hình ảnh của một người Do Thái, càng không xuất hiện trong hình ảnh của một người Do Thái với bất kỳ quốc gia dân ngoại nào, vì hình ảnh của Jê-sus trở nên xác thịt chỉ là hình ảnh của một người Do Thái, chứ không phải là ảnh tượng của Con người mà Giăng đã nhìn thấy. Mặc dù Jê-sus đã hứa với các môn đệ của Ngài rằng Ngài sẽ trở lại, nhưng Ngài sẽ không chỉ đơn giản xuất hiện trong hình ảnh của một người Do Thái với tất cả mọi người ở các quốc gia dân ngoại. Các người phải biết rằng công tác của Đức Chúa Trời trở nên xác thịt là để mở ra một thời đại. Công tác này giới hạn trong một vài năm, và Ngài không thể hoàn thành mọi công tác của Thần Đức Chúa Trời được, giống như hình ảnh của Jê-sus là một người Do Thái chỉ có thể tượng trưng cho ảnh tượng của Đức Chúa Trời khi Ngài làm việc tại Giu-đê, và Ngài đã chỉ có thể làm công tác chịu đóng đinh trên thập tự giá. Trong

giai đoạn Jêsus ở trong xác thịt, Ngài đã không thể làm công tác chấm dứt thời đại hoặc hủy diệt loài người. Do đó, sau khi Ngài bị đóng đinh trên thập tự giá và kết thúc công tác của mình, Ngài đã thăng lên tầng cao nhất và mãi mãi ẩn mình khỏi con người. Từ đó trở đi, các tín hữu trung thành từ các quốc gia dân ngoại đã không thể nhìn thấy sự linh hiển của Đức Chúa Jêsus, mà chỉ có thể nhìn bức chân dung của Ngài mà họ đã dán trên tường. Bức chân dung này chỉ là một thứ do con người vẽ ra, chứ không phải là ảnh tượng của Đức Chúa Trời khi chính Ngài đã hiện ra với con người. Đức Chúa Trời sẽ không công khai xuất hiện với dân chúng trong hình ảnh của hai lần Ngài đã trở nên xác thịt. Công tác Ngài thực hiện giữa nhân loại là để cho phép họ hiểu được tâm tính của Ngài. Tất cả điều này được thể hiện cho con người thấy bằng công tác của các thời đại khác nhau; nó đạt được thông qua tâm tính Ngài đã cho biết và công tác Ngài đã thực hiện, hơn là thông qua sự xuất hiện của Jêsus. Điều đó có nghĩa là, ảnh tượng của Đức Chúa Trời được cho con người biết không phải thông qua hình ảnh nhập thể, mà đúng hơn là thông qua công tác được thực hiện bởi Đức Chúa Trời nhập thể, Đáng có cả hình và ảnh; và công tác của Ngài cho thấy ảnh tượng của Ngài và cho biết tâm tính của Ngài. Đây là ý nghĩa của công tác Ngài muốn thực hiện trong xác thịt.

Một khi công tác của hai lần nhập thể của Đức Chúa Trời kết thúc, Ngài sẽ bắt đầu cho thấy tâm tính công chính của Ngài trên khắp tất cả các quốc gia của những người ngoại đạo, cho phép dân chúng nhìn thấy ảnh tượng của Ngài. Ngài sẽ biểu lộ tâm tính của Ngài, và bằng cách này, làm rõ kết cục của những loại người khác nhau, từ đó khép lại hoàn toàn thời đại cũ. Lý do công tác trong xác thịt của Ngài không mở rộng trên một phạm vi rộng lớn (cũng như Jêsus đã chỉ làm việc tại Giu-đê, và ngày nay Ta chỉ làm việc giữa các người) là vì công tác của Ngài trong xác thịt có những ranh giới và giới hạn. Ngài chỉ đơn thuần đang thực hiện một giai đoạn ngắn của công tác trong hình ảnh của một xác thịt thông thường và bình thường; Ngài không sử dụng xác thịt nhập thể này để làm công tác đời đời hoặc công tác xuất hiện với các dân tộc của các quốc gia của người ngoại đạo. Công tác trong xác thịt này chỉ có thể được giới hạn trong một phạm vi (chẳng hạn như chỉ làm việc tại Giu-đê hoặc chỉ ở giữa các người), và rồi, bằng công tác được thực hiện trong các ranh giới này, phạm vi của nó sau đó có thể được mở rộng. Tất nhiên, công tác mở rộng sẽ được thực hiện trực tiếp bởi Thần của Ngài và khi đó sẽ không còn là công tác của xác thịt nhập thể của Ngài nữa. Vì công tác trong xác thịt có những ranh giới và không mở rộng ra mọi ngóc ngách của vũ trụ – điều này nó không thể thực hiện được. Thông qua công tác trong xác thịt, Thần của Ngài thực hiện công tác tiếp theo. Do đó, công tác được thực hiện trong xác thịt có tính chất mở đầu, được thực hiện

trong những ranh giới nhất định; sau đấy, chính Thần của Ngài tiếp tục công tác này, và hơn thế nữa, Ngài làm như vậy trong một phạm vi mở rộng.

Đức Chúa Trời đến để làm công tác trên đất chỉ để dẫn dắt thời đại; Ngài chỉ định mở ra một thời đại mới và kết thúc thời đại cũ. Ngài đã đến không phải để sống trọn sự sống của một con người trên đất, để tự mình trải nghiệm những vui buồn của cuộc sống trong nhân thế, hay để tự tay Ngài hoàn thiện một người nào đó hoặc đích thân theo dõi một người nào đó trưởng thành. Đây không phải là công tác của Ngài; công tác của Ngài chỉ là bắt đầu thời đại mới và kết thúc thời đại cũ. Nghĩa là, Ngài sẽ đích thân bắt đầu một thời đại, đích thân kết thúc thời đại cũ, và đánh bại Sa-tan bằng cách đích thân thực hiện công tác của Ngài. Mỗi lần Ngài đích thân thực hiện công tác của mình, đều như thể Ngài đang đặt một chân lên chiến trường. Đầu tiên, Ngài chinh phục thế gian và đánh bại Sa-tan trong khi ở trong xác thịt; Ngài sở hữu mọi vinh quang và vén màn về toàn bộ công tác của hai nghìn năm, sao cho tất cả mọi người trên đất có con đường đúng đắn để bước đi và một cuộc sống an vui để sống. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời không thể sống lâu với con người trên đất, vì Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời, và dù sao cũng không giống con người. Ngài không thể sống cả cuộc đời của một người bình thường, nghĩa là Ngài không thể sống trên đất như một người không có gì khác thường, vì Ngài chỉ có được phần tối thiểu trong nhân tính bình thường của một người bình thường để duy trì cuộc sống con người của Ngài. Nói cách khác, làm sao Đức Chúa Trời có thể lập gia đình, có sự nghiệp, và nuôi dạy con cái trên đất được? Chẳng phải đây sẽ là một sự ô nhục đối với Ngài sao? Việc Ngài có nhân tính bình thường chỉ nhằm mục đích thực hiện công tác một cách bình thường, chứ không phải để Ngài có thể có gia đình và sự nghiệp như một người bình thường. Ý thức bình thường, tâm trí bình thường của Ngài, và việc ăn mặc bình thường của xác thịt Ngài đủ để chứng minh Ngài có một nhân tính bình thường; Ngài không cần phải có một gia đình hay một sự nghiệp để chứng minh Ngài được trang bị một nhân tính bình thường. Điều này hoàn toàn không cần thiết! Đức Chúa Trời đến trần gian là Lời trở nên xác thịt; Ngài chỉ đơn giản đang cho phép con người hiểu lời Ngài và thấy lời Ngài, nghĩa là, cho phép con người thấy công tác được thực hiện bởi xác thịt. Ý định của Ngài không phải là để mọi người đối xử với xác thịt của Ngài theo một cách nào đó, mà chỉ là để con người vâng lời đến cùng, nghĩa là vâng theo mọi lời phán ra từ miệng Ngài, và quy phục mọi công tác Ngài làm. Ngài chỉ đơn thuần đang làm việc trong xác thịt; Ngài không chủ ý yêu cầu con người tôn vinh sự vĩ đại và thánh khiết của xác thịt Ngài, mà thay vào đó, cho con người thấy sự khôn ngoan trong công tác của Ngài và mọi thẩm quyền Ngài nắm giữ. Do đó, mặc dù Ngài có một nhân tính xuất chúng, nhưng Ngài chẳng loan báo

điều gì, mà chỉ tập trung vào công tác Ngài nên làm. Các người nên biết lý do tại sao Đức Chúa Trời đã trở nên xác thịt mà vẫn không công khai hay chứng thực cho nhân tính bình thường của Ngài, mà thay vào đó chỉ đơn giản thực hiện công tác Ngài muốn làm. Vì vậy, tất cả những gì các người có thể thấy từ Đức Chúa Trời nhập thể là những gì về Ngài ở khía cạnh thần tính; đây là do Ngài không bao giờ tuyên bố Ngài là gì về mặt nhân tính để con người noi theo. Chỉ khi con người dẫn dắt con người, thì họ mới phải nói họ là gì về mặt nhân tính, để có được nhiều hơn sự ngưỡng mộ và vững tin của mọi người, và qua đó, lãnh đạo được người khác. Ngược lại, Đức Chúa Trời chinh phục con người chỉ thông qua công tác của Ngài (nghĩa là công tác không thể đạt được đối với con người); không quan trọng chuyện Ngài được con người ngưỡng mộ, hoặc bắt con người ngưỡng mộ Ngài. Tất cả những gì Ngài làm là truyền cho con người một cảm giác tôn kính Ngài hoặc một ý thức về sự không thể dò lường của Ngài. Đức Chúa Trời không có nhu cầu gây ấn tượng với con người; tất cả những gì Ngài cần là người phải tôn kính Ngài một khi người đã chứng kiến tâm tính của Ngài. Công tác Đức Chúa Trời làm là của riêng Ngài; con người không thể làm điều đó thay Ngài, và con người cũng không thể đạt được điều đó. Chỉ đích thân Đức Chúa Trời mới có thể thực hiện công tác của chính Ngài và mở ra một thời đại mới để dẫn dắt con người vào đời sống mới. Công tác Ngài làm là giúp con người có được một đời sống mới và bước vào một thời đại mới. Phần còn lại của công tác được chuyển giao cho những người có nhân tính bình thường được người khác ngưỡng mộ. Do đó, trong Thời đại Ân điển, Ngài đã hoàn tất công tác của hai nghìn năm chỉ trong ba năm rưỡi trong số ba mươi ba năm trong xác thịt của Ngài. Khi Đức Chúa Trời đến thế gian để thực hiện công tác của Ngài, Ngài luôn hoàn tất công tác của hai nghìn năm hoặc của toàn bộ thời đại trong khoảng thời gian vài năm ngắn nhất. Ngài không nấn ná, và Ngài không trì hoãn; Ngài chỉ đơn giản cô đọng công tác của nhiều năm hầu cho nó được hoàn thành chỉ trong một vài năm ngắn ngủi. Đó là bởi công tác Ngài đích thân thực hiện hoàn toàn là để mở ra một lối thoát mới và dẫn dắt một thời đại mới.

Lẽ mẫu nhiệm của sự nhập thể (3)

Khi Đức Chúa Trời thực hiện công tác của mình, Ngài đến không phải để tham gia vào bất kỳ việc xây dựng hoặc phong trào nào, mà là để thi hành chức vụ của Ngài. Mỗi lần Ngài trở nên xác thịt, đó chỉ là để hoàn tất một giai đoạn công tác và khởi đầu một thời đại mới. Giờ đây, Thời đại Vương quốc đã đến, cũng như việc đào tạo của vương quốc. Giai đoạn công tác này không phải là công tác của con người,

và nó không phải để nhào nặn con người đến một mức độ cụ thể; mà chỉ là để hoàn tất một phần công tác của Đức Chúa Trời. Những gì Ngài làm không phải là công tác của con người, nó không phải để đạt được một kết quả nhất định trong việc nhào nặn con người trước khi Ngài rời khỏi thế gian; nó là để thi hành chức vụ của Ngài và hoàn thành công tác Ngài phải làm, đó là sắp xếp hợp lý cho công tác của Ngài trên đất, và qua đó đạt được vinh hiển. Công tác của Đức Chúa Trời nhập thể không giống với của những người được Đức Thánh Linh sử dụng. Khi Đức Chúa Trời đến để làm công tác của Ngài trên đất, Ngài chỉ quan tâm đến việc thi hành chức vụ của Ngài. Đối với mọi vấn đề khác không liên quan đến chức vụ của Ngài, Ngài hầu như không tham gia, thậm chí đến mức nhắm mắt làm ngơ. Ngài chỉ đơn giản thực hiện công tác Ngài phải làm, và Ngài đặc biệt không quan tâm đến công việc con người phải làm. Công tác Ngài làm chỉ là công tác liên quan đến thời đại Ngài đang sống và đến chức vụ Ngài phải thi hành, như thể mọi vấn đề khác đều nằm ngoài phạm vi của Ngài. Ngài không trang bị cho mình kiến thức cơ bản hơn về việc sống như một con người giữa nhân loại, Ngài cũng không học thêm các kỹ năng xã hội, cũng không trang bị cho mình bất kỳ điều gì khác mà con người hiểu. Mọi thứ con người phải sở hữu không hề làm Ngài bận tâm và Ngài chỉ đơn giản làm công tác là bổn phận của Ngài. Và vì vậy, như con người nhận thấy, Đức Chúa Trời nhập thể còn thiếu rất nhiều đến nỗi Ngài thậm chí không chú ý đến nhiều thứ con người phải sở hữu, và Ngài không có sự hiểu biết về những vấn đề như thế. Những thứ như kiến thức thông thường về cuộc sống, cũng như các nguyên tắc điều chỉnh hành vi cá nhân và sự tương tác với người khác, dường như không liên quan đến Ngài. Nhưng người hoàn toàn không thể cảm nhận được từ Đức Chúa Trời nhập thể một chút dấu hiệu của sự bất thường nào. Điều đó có nghĩa là, nhân tính của Ngài chỉ duy trì cuộc sống của Ngài như một người bình thường và sự suy luận bình thường của bộ não Ngài, cho Ngài khả năng phân biệt đúng sai. Tuy nhiên, Ngài không được trang bị thêm bất kỳ điều gì khác, mọi thứ đó đều là những thứ mà chỉ riêng con người (những loài thọ tạo) nên sở hữu. Đức Chúa Trời trở nên xác thịt chỉ để thi hành chức vụ của riêng Ngài. Công tác của Ngài nhắm đến cả một thời đại, không phải đến bất kỳ một người nào hoặc một nơi nào, mà là toàn bộ vũ trụ. Đây là phương hướng cho công tác của Ngài và là nguyên tắc Ngài làm việc. Không ai có thể thay đổi điều này, và con người không có cách nào tham gia vào. Mỗi lần Đức Chúa Trời trở nên xác thịt, Ngài mang theo công tác của thời đại đó, và không có ý định sống bên cạnh con người trong hai mươi, ba mươi, bốn mươi, hoặc thậm chí bảy mươi hay tám mươi năm để họ có thể hiểu rõ hơn và có được sự thông sáng về Ngài. Không cần như thế! Làm vậy sẽ không cách nào đào sâu thêm kiến thức con người có về tâm tính

vốn có của Đức Chúa Trời; thay vào đó, nó sẽ chỉ làm tăng thêm các quan niệm của họ và khiến cho các quan niệm và suy nghĩ của họ trở nên hủ lậu. Vì vậy, tất cả các người phải hiểu chính xác công tác của Đức Chúa Trời nhập thể là gì. Chắc chắn các người không thể không hiểu những lời Ta đã phán cùng các người rằng: “Ta đã đến không phải để trải nghiệm cuộc sống của một con người bình thường” chứ? Các người đã quên những lời rằng: “Đức Chúa Trời đến thế gian không phải để sống cuộc đời của một con người bình thường” rồi sao? Các người không hiểu mục đích của Đức Chúa Trời trong việc trở nên xác thịt, và các người cũng không biết ý nghĩa của câu: “Làm sao Đức Chúa Trời có thể đến thế gian với ý định trải nghiệm cuộc sống của một loài thọ tạo được?” Đức Chúa Trời đến thế gian chỉ để hoàn tất công tác của Ngài, và vì vậy, công tác của Ngài trên đất thật ngắn ngủi. Ngài đến thế gian không phải với ý định khiến cho Thần của Đức Chúa Trời trau dồi thân thể xác thịt của Ngài để trở thành một con người siêu việt, người sẽ dẫn dắt hội thánh. Khi Đức Chúa Trời đến thế gian, đó là Lời trở nên xác thịt; tuy nhiên, con người không biết về công tác của Ngài và quy mọi thứ cho Ngài một cách cưỡng ép. Nhưng tất cả các người nên nhận ra rằng Đức Chúa Trời là “Lời trở nên xác thịt”, không phải là một thân thể xác thịt đã được Thần của Đức Chúa Trời trau dồi để đảm nhận vai trò của Đức Chúa Trời trong một thời gian. Bản thân Đức Chúa Trời không phải là sản phẩm của sự trau dồi, mà là Lời trở nên xác thịt, và ngày nay, Ngài chính thức thực hiện công tác của Ngài giữa tất cả các người. Tất cả các người đều biết và thừa nhận rằng sự nhập thể của Đức Chúa Trời là một sự thật, thế mà các người làm như các người hiểu điều đó rồi. Từ công tác của Đức Chúa Trời nhập thể cho đến ý nghĩa và thực chất sự nhập thể của Ngài, các người không có khả năng nắm bắt được những điều này một chút nào và chỉ làm theo người khác liến thoắng đọc thuộc lòng những câu từ. Người có tin là Đức Chúa Trời nhập thể giống như người tưởng tượng không?

Đức Chúa Trời trở nên xác thịt chỉ để dẫn dắt thời đại và khởi động công tác mới. Các người cần hiểu được điểm này. Điều này khác biệt rất nhiều so với chức năng của con người, và cả hai không thể được đánh đồng. Con người cần phải được trau dồi và hoàn thiện qua một thời gian dài trước khi họ có thể được sử dụng để thực hiện công việc, và loại nhân tính cần có là một loại đặc biệt cao. Con người không chỉ phải có khả năng duy trì ý thức của con người bình thường, mà họ còn phải hiểu thêm nhiều nguyên tắc và quy tắc điều chỉnh hành vi của mình trong mối quan hệ với người khác, và hơn nữa, họ còn phải cam kết học hỏi nhiều hơn về sự khôn ngoan và hiểu biết về đạo đức của con người. Đây là những gì con người nên được trang bị. Tuy nhiên, đối với Đức Chúa Trời trở nên xác thịt thì không như vậy, vì công

tác của Ngài không đại diện cho con người, cũng không phải là công tác của con người; đúng hơn, đó là một sự thể hiện trực tiếp hữu thể của Ngài và là một sự thực hiện trực tiếp công tác Ngài phải làm. (Đương nhiên, công tác của Ngài được thực hiện vào thời điểm thích hợp, chứ không phải một cách tình cờ hay ngẫu nhiên, và nó được bắt đầu khi đến lúc thi hành chức vụ của Ngài). Ngài không tham gia vào cuộc sống của con người hoặc công việc của con người, nghĩa là, nhân tính của Ngài không được trang bị bất kỳ điều nào trong số này (mặc dù việc này không ảnh hưởng đến công tác của Ngài). Ngài chỉ thi hành chức vụ của mình khi đến lúc Ngài phải làm như vậy; bất kể địa vị của Ngài là gì, Ngài chỉ đơn giản tiến lên với công tác Ngài phải làm. Bất kể con người biết gì về Ngài và bất kể ý kiến của họ về Ngài ra sao, công tác của Ngài hoàn toàn không bị ảnh hưởng. Chẳng hạn, khi Jêsus thực hiện công tác của Ngài, đã không ai biết chính xác Ngài là ai, nhưng Ngài chỉ đơn giản tiến lên trong công tác của Ngài. Chẳng điều gì trong số này cản trở Ngài thực hiện công tác Ngài phải làm. Do đó, ban đầu, Ngài đã không xưng nhận hoặc công bố thân phận của chính Ngài, mà chỉ đơn thuần để cho con người đi theo Ngài. Đương nhiên, đây không chỉ là sự khiêm nhường của Đức Chúa Trời, mà còn là cách Đức Chúa Trời đã làm việc trong xác thịt. Ngài chỉ có thể làm việc theo cách này, vì con người không cách nào nhận ra Ngài bằng mắt thường. Và kể cả con người có nhận ra Ngài, họ cũng sẽ không thể giúp gì được trong công tác của Ngài. Hơn nữa, Ngài đã không trở nên xác thịt để cho con người biết đến xác thịt của Ngài; mà là để thực hiện công tác và thi hành chức vụ của Ngài. Vì lý do này, Ngài đã không đặt nặng việc công khai thân phận của Ngài. Khi Ngài đã hoàn tất mọi công tác Ngài phải làm, toàn bộ thân phận và địa vị của Ngài tự nhiên trở nên rõ ràng đối với con người. Đức Chúa Trời trở nên xác thịt giữ im lặng và không bao giờ đưa ra bất kỳ lời tuyên bố nào. Ngài cũng không để tâm đến con người, cũng như đến tình hình họ đang theo Ngài như thế nào, mà chỉ đơn giản tiến lên trong việc thi hành chức vụ của Ngài và thực hiện công tác Ngài phải làm. Không ai có thể cản trở công tác của Ngài. Khi đến lúc Ngài kết thúc công tác của Ngài, nó chắc chắn sẽ được kết thúc và chấm dứt, và không ai có thể ra lệnh khác đi. Chỉ sau khi Ngài rời khỏi con người lúc hoàn tất công tác của mình thì con người mới hiểu được công tác Ngài làm, mặc dù vẫn chưa hoàn toàn rõ ràng. Và sẽ mất một thời gian dài để con người hoàn toàn hiểu được ý định Ngài đã thực hiện công tác của mình lúc ban đầu. Nói cách khác, công tác của thời đại Đức Chúa Trời nhập thể được chia làm hai phần. Một phần bao gồm công tác mà xác thịt nhập thể của chính Đức Chúa Trời thực hiện và những lời mà xác thịt nhập thể của chính Đức Chúa Trời phán. Một khi chức vụ của xác thịt Ngài được thi hành trọn vẹn, phần còn lại của công tác vẫn được thực

hiện bởi những người được Đức Thánh Linh sử dụng. Đây chính là lúc con người nên thực hiện chức năng của mình, vì Đức Chúa Trời đã mở đường, và con người cần phải tự bước đi trên đó. Điều đó có nghĩa là, Đức Chúa Trời trở nên xác thịt thực hiện một phần của công tác, và sau đó, Đức Thánh Linh cùng những người được Đức Thánh Linh sử dụng sẽ nối tiếp công tác này. Do đó, con người nên biết những gì mà công tác chủ yếu được Đức Chúa Trời trở nên xác thịt thực hiện ở giai đoạn này đòi hỏi, họ phải hiểu chính xác ý nghĩa của việc Đức Chúa Trời trở nên xác thịt và công tác Ngài phải làm là gì, và không được đưa ra những đòi hỏi ở Đức Chúa Trời theo những đòi hỏi được đặt ra cho con người. Sai lầm của con người, quan niệm của họ, và thậm chí cả sự bất tuân của họ nằm ở đây.

Đức Chúa Trời trở nên xác thịt không phải với ý định để cho con người biết đến xác thịt của Ngài, hoặc để cho con người phân biệt những điểm khác nhau giữa xác thịt của Đức Chúa Trời nhập thể và của con người; Đức Chúa Trời cũng không trở nên xác thịt để rèn luyện năng lực phân biệt của con người, và Ngài càng không làm như vậy với ý định để cho con người thờ phượng xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời, qua đó có được vinh hiển to lớn. Không điều nào trong số này là ý định của Đức Chúa Trời khi trở nên xác thịt. Đức Chúa Trời cũng không trở nên xác thịt để kết án con người, cũng không cố tình vạch trần con người, cũng không làm khó họ. Không điều nào trong số này là ý định của Đức Chúa Trời. Mỗi lần Đức Chúa Trời trở nên xác thịt, đó là một hình thức công tác không thể tránh khỏi. Chính vì công tác vĩ đại hơn và sự quản lý vĩ đại hơn của Ngài mà Ngài hành động như vậy, và không phải vì những lý do con người tưởng tượng ra. Đức Chúa Trời đến thế gian chỉ khi công tác của Ngài đòi hỏi, và chỉ khi cần thiết. Ngài không đến thế gian với ý định đơn giản để nhìn quanh, mà là để thực hiện công tác Ngài phải làm. Nếu không thì tại sao Ngài lại mang một gánh nặng lớn như vậy và chịu những rủi ro lớn như vậy để thực hiện công tác này? Đức Chúa Trời trở nên xác thịt chỉ khi Ngài phải như thế, và luôn với ý nghĩa độc nhất. Nếu chỉ vì để cho con người nhìn Ngài và mở mang tầm nhìn của họ, thì chắc chắn tuyệt đối là Ngài sẽ không bao giờ đến giữa con người một cách dễ dàng như vậy. Ngài đến thế gian vì sự quản lý của Ngài và công tác vĩ đại hơn của Ngài, và để Ngài có thể thu nhận được nhiều người hơn trong nhân loại. Ngài đến để đại diện cho thời đại, Ngài đến để đánh bại Sa-tan, và Ngài mặc lấy xác thịt để đánh bại Sa-tan. Thậm chí, Ngài còn đến để hướng dẫn toàn thể loài người sống cuộc đời họ. Tất cả những điều này liên quan đến sự quản lý của Ngài, và nó liên quan đến công tác của toàn vũ trụ. Nếu Đức Chúa Trời trở nên xác thịt chỉ đơn thuần để cho con người biết đến xác thịt của Ngài và để mở mắt mọi người, thì tại sao Ngài không đi đến mọi quốc gia? Chẳng phải đây sẽ là một việc

quá dễ dàng sao? Nhưng Ngài đã không làm như vậy, mà thay vào đó chọn một nơi thích hợp để an cư và bắt đầu công tác Ngài phải làm. Chỉ xác thịt này thôi cũng đã có ý nghĩa to lớn. Ngài đại diện cho cả một thời đại, và cũng thực hiện công tác của cả một thời đại; Ngài vừa kết thúc thời đại cũ, vừa mở ra thời đại mới. Tất cả những điều này là một vấn đề quan trọng liên quan đến sự quản lý của Đức Chúa Trời, và tất cả những điều này là ý nghĩa của một giai đoạn công tác mà Đức Chúa Trời đến thế gian để thực hiện. Khi Jêsus đến thế gian, Ngài chỉ phán một vài lời và thực hiện một vài công tác; Ngài đã không quan tâm đến sự sống của con người, và Ngài đã rời đi ngay khi Ngài hoàn tất công tác của mình. Ngày nay, khi Ta đã hoàn tất việc phán dạy và truyền đạt lời Ta cho các người, và khi tất cả các người đều đã hiểu, thì bước này trong công tác của Ta sẽ kết thúc, bất kể sự sống của các người sẽ ra sao. Trong tương lai, phải có một số người tiếp tục bước này trong công tác của Ta và tiếp tục làm việc trên thế gian theo những lời này; lúc đó, công tác của con người và việc xây dựng của con người sẽ bắt đầu. Nhưng hiện tại, Đức Chúa Trời chỉ làm công tác của Ngài để thi hành chức vụ của Ngài và để hoàn tất một bước trong công tác của Ngài. Đức Chúa Trời làm việc theo một cách thức không giống với của con người. Con người thích các hội nhóm và diễn đàn, đặt nặng nghi lễ, trong khi điều Đức Chúa Trời ghét nhất chính là các hội nhóm và các buổi nhóm họp của con người. Đức Chúa Trời đối thoại và phán dạy con người một cách thân mật; đây là công việc của Đức Chúa Trời, đặc biệt tự do và cũng giải phóng cho các người. Tuy nhiên, Ta cực kỳ ghét việc tụ họp với các người, và Ta không thể quen được với một cuộc sống quá khuôn phép như của các người. Ta ghét nhất các phép tắc; chúng đặt những ràng buộc lên con người đến mức khiến họ sợ phải cử động, sợ phải nói, và sợ phải hát, mắt họ nhìn người trừng trừng. Ta cực kỳ ghét cách thức tụ họp của các người và Ta cực kỳ ghét các hội nhóm lớn. Ta chỉ đơn giản từ chối tụ họp với các người theo cách này, vì cách sống này khiến người ta cảm thấy bị trói buộc và các người tuân theo quá nhiều nghi lễ và quá nhiều phép tắc. Nếu các người được phép lãnh đạo, thì các người sẽ dẫn dắt tất cả mọi người vào trong khuôn khổ của các phép tắc, và họ sẽ không có cách nào gạt các phép tắc sang một bên dưới sự lãnh đạo của các người; thay vào đó, mùi tôn giáo sẽ chỉ trở nên ngày càng nồng nặc hơn, và những thực hành của con người sẽ chỉ tiếp tục sinh sôi. Một số người tiếp tục nói và diễn thuyết khi họ tụ họp và họ không bao giờ cảm thấy mệt mỏi, và một số người có thể tiếp tục rao giảng hàng chục ngày không ngừng. Đây hết thảy đều được xem là các hội nhóm và các buổi nhóm họp lớn của con người; chúng không liên quan gì đến một đời sống ăn uống, thưởng thức, hoặc tinh thần được giải phóng. Đây hết thảy đều là các buổi nhóm họp! Các buổi nhóm họp với đồng nghiệp

của các người, cũng như các hội nhóm lớn và nhỏ, tất cả đều gớm ghiếc đối với Ta, và Ta chưa bao giờ cảm thấy có bất kỳ hứng thú gì với chúng. Đây là nguyên tắc Ta làm việc: Ta không sẵn lòng thuyết giảng trong các hội nhóm, Ta cũng không muốn tuyên bố bất kỳ điều gì trong một cuộc hội họp công cộng lớn, và thậm chí càng không triệu tập tất cả các người cho vài ngày hội nghị đặc biệt. Ta không thấy tán thành việc tất cả các người phải ngồi, nghiêm chỉnh và ngay ngắn, tại một buổi nhóm họp; Ta ghét phải nhìn thấy các người sống trong những giới hạn của bất kỳ nghi lễ nào, và thậm chí, Ta còn từ chối tham gia vào nghi lễ như thế của các người. Các người càng làm điều này, Ta càng thấy gớm ghiếc. Ta không có chút hứng thú nào với các nghi lễ và phép tắc này của các người; bất kể các người làm những việc đó tốt như thế nào, Ta thấy tất cả đều gớm ghiếc. Không phải những sự sắp xếp của các người không phù hợp hoặc các người quá thấp kém; mà là do Ta ghét cách sống của các người, và thậm chí, Ta còn không thể nào quen với điều đó. Các người không hiểu chút gì về công tác Ta muốn làm. Khi xưa, lúc Jêsus thực hiện công tác của Ngài, sau khi giảng xong một bài giảng ở nơi nào đó, Ngài sẽ dẫn theo các môn đồ của mình rời khỏi thành và phán với họ về những đường lối họ cần phải hiểu. Ngài thường làm việc theo cách như thế. Công tác của Ngài giữa đám đông rất hiếm hoi. Theo những gì các người yêu cầu ở Ngài, Đức Chúa Trời trở nên xác thịt không nên có cuộc sống của một con người bình thường; Ngài phải thực hiện công tác của Ngài, và cho dù Ngài đang ngồi, đang đứng, hay đang đi, Ngài đều phải phán dạy. Ngài phải làm việc mọi lúc và không bao giờ có thể ngừng “vận hành”, nếu không thì sẽ là Ngài đang lơ là các bổn phận của mình. Những đòi hỏi này của con người có phù hợp với ý thức của con người không? Nhân cách của các người ở đâu? Chẳng phải các người đòi hỏi quá nhiều sao? Ta có cần người kiểm tra Ta khi Ta làm việc không? Ta có cần người giám sát khi Ta thi hành chức vụ của mình không? Ta biết rõ công tác nào Ta phải làm và khi nào Ta phải làm công tác đó; không cần người khác phải can thiệp. Có khi người thấy như thể Ta chưa làm được gì nhiều, nhưng đến lúc đó, công tác của Ta đã kết thúc. Lấy ví dụ về những lời của Jêsus trong bốn sách Phúc Âm: Chẳng phải chúng cũng có giới hạn sao? Lúc đó, khi Jêsus bước vào nhà hội và giảng một bài giảng, Ngài đã hoàn thành trong vòng tối đa là vài phút, và khi Ngài đã phán dạy xong, Ngài dẫn các môn đồ của mình lên thuyền và rời đi không một lời giải thích. Cùng lắm thì những người bên trong nhà hội đã bàn luận với nhau, nhưng Jêsus thì không còn liên quan gì nữa. Đức Chúa Trời chỉ làm công tác Ngài phải làm, không hơn. Giờ đây, nhiều người muốn Ta phán dạy nhiều hơn và trò chuyện nhiều hơn, ít nhất là vài giờ một ngày. Như các người thấy thì Đức Chúa Trời không còn là Đức Chúa Trời trừ phi Ngài phán, và chỉ có Ngài lúc phán

dạy mới là Đức Chúa Trời. Tất cả các người đều mù quáng! Tất cả đều là súc vật! Tất cả các người đều là đồ ngu dốt vô ý thức! Các người có quá nhiều quan niệm! Những đòi hỏi của các người đi quá xa! Các người thật vô nhân tính! Các người không hiểu chút gì về Đức Chúa Trời là gì! Các người tin rằng tất cả các diễn giả và nhà hùng biện đều là Đức Chúa Trời, và rằng bất kỳ ai sẵn sàng cung cấp cho các người những lời phán đều là cha của các người. Hãy nói Ta nghe, liệu tất cả các người, với những tướng tốt và diện mạo khác thường của mình, vẫn còn có dù chỉ một chút ý thức hay không? Các người vẫn chưa biết mặt trời thiên đàng sao! Mỗi người các người đều giống như một quan chức tham lam và bại hoại, vậy thì làm sao các người có thể tỉnh ra được? Làm sao các người có thể phân biệt đúng sai? Ta đã ban cho các người rất nhiều, nhưng có bao nhiêu người trong các người đã trân quý những điều đó? Ai hoàn toàn sở hữu được những điều đó? Các người không biết ai là người đã mở ra con đường mà các người đi ngày nay, vì vậy các người tiếp tục đưa ra những đòi hỏi ở Ta, đặt ra cho Ta những yêu cầu lố bịch và ngớ ngẩn này. Các người không đổ mặt vì hổ thẹn hay sao? Ta đã phán dạy chưa đủ hay sao? Ta đã làm chưa đủ hay sao? Ai trong số các người có thể thực sự trân quý lời Ta như báu vật? Các người dâng bực Ta khi có mặt Ta, nhưng các người lại dối trá và lừa gạt khi Ta vắng mặt! Những hành động của các người quá hèn hạ, và chúng khiến Ta ghê tởm! Ta biết rằng các người yêu cầu Ta phán dạy và làm việc không vì lý do nào khác ngoài việc đãi mắt các người và mở rộng tầm nhìn của các người, chứ không phải để chuyển hóa đời sống của các người. Ta đã phán dạy các người quá nhiều rồi. Đời sống của các người lẽ ra đã thay đổi từ lâu, vậy thì tại sao đến giờ các người vẫn cứ rơi lại vào tình trạng cũ? Lẽ nào những lời của Ta đã bị cướp đi khỏi các người và các người đã không nhận được chúng? Nói thật, Ta không muốn phán thêm bất kỳ điều gì nữa cho những kẻ suy đồi như các người – sẽ vô ích thôi! Ta không muốn làm quá nhiều việc vô bổ! Các người chỉ muốn mở rộng tầm nhìn của mình hoặc đãi mắt mình, chứ không muốn có được sự sống! Tất cả các người đều đang tự lừa dối mình! Ta hỏi các người, có bao nhiêu điều Ta đã phán trực tiếp với các người mà các người đã đưa vào thực hành? Tất cả những gì các người làm là giở trò lừa gạt người khác! Ta ghét những kẻ trong các người thích đứng nhìn như khán giả, và Ta thấy sự tò mò của các người thật vô cùng đáng ghét. Nếu các người không ở đây để mưu cầu con đường thật hoặc khao khát lẽ thật, thì các người là đối tượng Ta khinh ghét! Ta biết các người lắng nghe Ta phán chỉ để thỏa mãn sự tò mò của các người hoặc để thực hiện những ham muốn tham lam này nọ của các người. Các người không nghĩ về việc tìm kiếm sự hiện hữu của lẽ thật, hoặc khám phá con đường đúng đắn để bước vào sự sống; những nhu cầu này

đơn giản là không tồn tại giữa các người. Mọi thứ các người làm là đối xử với Đức Chúa Trời như một thứ đồ chơi mà các người nghiền cứu và trầm trồ. Các người có quá ít đam mê cho việc mưu cầu sự sống, nhưng lại có rất nhiều ham muốn tò mò! Giải thích con đường sự sống cho những kẻ như thế cũng như nói chuyện với không khí; tốt hơn Ta không nên phán dạy gì! Để Ta nói cho các người biết: Nếu các người chỉ đơn thuần đang tìm cách lấp đầy khoảng trống trong lòng mình, thì tốt nhất các người đừng đến với Ta! Các người phải xem trọng việc đạt được sự sống! Đừng tự lừa dối mình! Tốt nhất các người đừng lấy sự tò mò của mình làm cơ sở cho việc theo đuổi sự sống của các người hoặc dùng nó như một cái cớ để yêu cầu Ta phán dạy các người. Đây là tất cả những mảnh khoe mà các người rất lão luyện! Ta hỏi người lần nữa: Có bao nhiêu điều Ta yêu cầu người bước vào mà người đã thực sự bước vào? Người đã nắm bắt được mọi điều mà Ta đã phán với người chưa? Người đã đưa vào thực hành được mọi điều mà Ta đã phán với người chưa?

Công tác của mỗi thời đại được khởi xướng bởi chính Đức Chúa Trời, nhưng người nên biết rằng, bất kể Đức Chúa Trời làm việc theo cách nào, Ngài không đến để bắt đầu một phong trào, hoặc để tổ chức các hội nghị đặc biệt, hoặc để thiết lập bất kỳ loại tổ chức nào thay mặt các người. Ngài đến chỉ để thực hiện công tác Ngài phải làm. Công tác của Ngài không chịu sự ràng buộc của bất kỳ con người nào. Ngài làm công tác của mình theo cách Ngài muốn; bất kể con người nghĩ gì hoặc biết gì về nó, Ngài chỉ quan tâm đến việc thực hiện công tác của mình. Từ buổi sáng thế đến nay, đã có ba giai đoạn công tác; từ Đức Giê-hô-va đến Jê-sus, và từ Thời đại Luật pháp đến Thời đại Ân điển, Đức Chúa Trời đã không bao giờ triệu tập một cuộc họp đặc biệt cho con người, Ngài cũng chưa từng tập họp toàn thể nhân loại lại với nhau để triệu tập một hội nghị công tác toàn cầu đặc biệt và qua đó mở rộng phạm vi công tác của Ngài. Tất cả những gì Ngài làm là thực hiện công tác khởi đầu của cả một thời đại vào một thời điểm thích hợp và ở một địa điểm thích hợp, qua đó mở ra thời đại và dẫn dắt loài người cách sống cuộc đời họ. Các hội nghị đặc biệt là các hội nhóm của con người; tập họp mọi người lại với nhau để ăn mừng các ngày lễ là việc của con người. Đức Chúa Trời không tuân theo những ngày lễ, và hơn nữa còn thấy chúng thật gớm ghiếc; Ngài không triệu tập các hội nghị đặc biệt, và hơn nữa, Ngài còn thấy chúng thật gớm ghiếc. Giờ đây người nên hiểu chính xác công tác được Đức Chúa Trời nhập thể thực hiện là gì!

Lẽ mầu nhiệm của sự nhập thể (4)

Các người nên biết về câu chuyện đằng sau Kinh Thánh và về sự hình thành của nó. Kiến thức này không thuộc về những ai chưa chấp nhận công tác mới của Đức Chúa Trời. Họ không biết. Nếu người nói rõ những vấn đề quan trọng này với họ, họ sẽ không còn là người câu nệ về Kinh Thánh với người nữa. Họ đang liên tục đào sâu vào những gì đã được tiên tri: Tuyên bố này đã xảy ra chưa? Tuyên bố kia đã xảy ra chưa? Việc chấp nhận Phúc Âm của họ là phù hợp với Kinh Thánh, và họ rao giảng Phúc Âm theo Kinh Thánh. Niềm tin của họ nơi Đức Chúa Trời dựa vào những lời trong Kinh Thánh; không có Kinh Thánh, họ sẽ không tin vào Đức Chúa Trời. Đây là cách họ sống, đưa Kinh Thánh ra soi xét nhỏ nhặt. Khi họ một lần nữa đi đào sâu vào Kinh Thánh và yêu cầu người giải thích, người nói: “Trước tiên, chúng ta đừng xác minh từng lời tuyên bố. Thay vào đó, chúng ta hãy nhìn vào cách Đức Thánh Linh làm việc. Chúng ta hãy lấy con đường mình đi và so sánh nó với lẽ thật để xem liệu con đường này có thực sự là công tác của Đức Thánh Linh hay không, và chúng ta hãy dùng công tác của Đức Thánh Linh để kiểm tra xem liệu con đường như thế có đúng đắn hay không. Về việc tuyên bố này hoặc tuyên bố kia đã xảy ra như tiên báo hay chưa, con người chúng ta không nên xía mũi vào. Thay vào đó, tốt hơn là chúng ta nên nói về công tác của Đức Thánh Linh và công tác mới nhất mà Đức Chúa Trời đã và đang làm”. Những lời tiên tri trong Kinh Thánh là những lời của Đức Chúa Trời được truyền lại vào thời đó bởi các tiên tri và những lời được viết ra bởi những người được Đức Chúa Trời sử dụng sau khi họ đã đạt được sự linh hứng; chỉ chính Đức Chúa Trời mới có thể giải thích được những lời đó, chỉ Đức Thánh Linh mới có thể cho biết ý nghĩa của những lời đó, và chỉ chính Đức Chúa Trời mới có thể tháo bẫy cái ẩn và mở quyền sách. Người nói: “Bạn không phải là Đức Chúa Trời, và tôi cũng vậy, vậy ai dám giải thích những lời của Đức Chúa Trời một cách khinh suất? Bạn có dám giải thích những lời đó không? Ngay cả khi các tiên tri Giê-rê-mi, Giăng và Ê-li có đến, họ cũng sẽ không dám cố thử và giải thích những lời đó, vì họ không phải là Chiên Con. Chỉ Chiên Con mới có thể tháo bẫy cái ẩn và mở quyền sách, và không ai khác có thể giải thích lời của Ngài. Tôi không dám choán lấy danh của Đức Chúa Trời, càng không cố gắng giải thích những lời của Đức Chúa Trời. Tôi chỉ có thể là một người vâng lời Đức Chúa Trời. Bạn có phải là Đức Chúa Trời không? Không loài thọ tạo nào của Đức Chúa Trời dám mở quyền sách hoặc giải thích những lời đó, và vì vậy, tôi cũng không dám giải thích chúng. Tốt hơn bạn không nên cố gắng giải thích chúng. Không ai nên cố gắng giải thích chúng. Chúng ta hãy nói về công tác của Đức Thánh Linh; bấy nhiêu đây thì con người có thể làm

được. Tôi biết chút ít về công tác của Đức Giê-hô-va và Jê-sus, nhưng vì tôi không có kinh nghiệm cá nhân về những công tác đó, tôi chỉ có thể nói một chút về chúng. Về ý nghĩa của những lời mà Ê-sai hoặc Jê-sus đã phán trong thời đại của họ, tôi sẽ không đưa ra lời giải thích nào. Tôi không nghiên cứu Kinh Thánh, mà thay vào đó, tôi theo công tác hiện tại của Đức Chúa Trời. Bạn thực sự xem Kinh Thánh như quyển sách nhỏ, nhưng chẳng phải nó là thứ mà chỉ Chiên Con mới có thể mở ra sao? Ngoài Chiên Con, còn ai khác có thể mở nó ra? Bạn không phải là Chiên Con, và tôi thì càng không dám tự nhận mình là chính Đức Chúa Trời, vậy nên, chúng ta đừng phân tích Kinh Thánh hoặc đưa nó ra soi xét nhỏ nhặt. Tốt hơn nhiều là nên thảo luận công tác do Đức Thánh Linh thực hiện, nghĩa là công tác hiện tại được chính Đức Chúa Trời thực hiện. Chúng ta hãy xem các nguyên tắc Đức Chúa Trời làm việc là gì và thực chất công tác của Ngài là gì, dùng những điều này để xác minh xem liệu con đường chúng ta đi ngày nay có đúng hay không, và theo cách này xác quyết được về điều đó". Nếu các người muốn rao giảng Phúc Âm, đặc biệt là cho những người trong giới tôn giáo, thì các người phải hiểu Kinh Thánh và nắm vững câu chuyện bên trong nó; nếu không, sẽ không có cách nào để người rao giảng Phúc Âm. Một khi người đã am tường về bức tranh lớn hơn, và ngừng soi xét vụn vặt những lời đã chết của Kinh Thánh, mà chỉ nói về công tác của Đức Chúa Trời và lẽ thật của sự sống, thì người sẽ có thể thu phục được những người tìm kiếm với một tấm lòng chân thật.

Công tác của Đức Giê-hô-va, những luật lệ Ngài đã đặt ra, và những nguyên tắc Ngài đã hướng dẫn con người sống cuộc sống của họ, nội dung công tác Ngài đã làm trong Thời đại Luật pháp, ý nghĩa của việc Ngài đặt ra luật pháp của Ngài, ý nghĩa công tác của Ngài đối với Thời đại Ân điển, và công tác nào Đức Chúa Trời thực hiện trong giai đoạn cuối cùng này: đây là những điều mà các người nên hiểu. Giai đoạn đầu tiên là công tác của Thời đại Luật pháp, giai đoạn thứ hai là công tác của Thời đại Ân điển, và giai đoạn thứ ba là công tác của thời kỳ sau rốt. Các người phải rõ về các giai đoạn công tác này của Đức Chúa Trời. Từ đầu đến cuối, có tổng cộng ba giai đoạn. Thực chất của từng giai đoạn công tác là gì? Có bao nhiêu giai đoạn được thực hiện trong công tác của kế hoạch quản lý sáu nghìn năm? Các giai đoạn này được thực hiện thế nào, và tại sao từng giai đoạn lại được thực hiện theo cách riêng của nó? Đây là tất cả các câu hỏi cốt yếu. Công tác của mỗi thời đại đều có giá trị tượng trưng. Đức Giê-hô-va đã thực hiện công tác gì? Tại sao Ngài thực hiện nó theo cách đặc biệt đó? Tại sao Ngài được gọi là Đức Giê-hô-va? Cũng như thế, Jê-sus đã thực hiện công tác gì trong Thời đại Ân điển, và Ngài đã làm điều đó theo cách nào? Những khía cạnh nào của tâm tính Đức Chúa Trời được thể hiện bởi

từng giai đoạn công tác và từng thời đại? Những khía cạnh nào của tâm tính Ngài đã được thể hiện trong Thời đại Luật pháp? Những khía cạnh nào được thể hiện trong Thời đại Ân điển? Và những khía cạnh nào được thể hiện trong thời đại cuối cùng? Đây là những câu hỏi thiết yếu mà các người phải hiểu rõ. Toàn bộ tâm tính của Đức Chúa Trời đã được tỏ lộ trong tiến trình của kế hoạch quản lý sáu nghìn năm. Nó được tỏ lộ không chỉ trong Thời đại Ân điển, cũng không chỉ trong Thời đại Luật pháp, càng không chỉ trong giai đoạn này của thời kỳ sau rốt. Công tác được thực hiện trong thời kỳ sau rốt đại diện cho sự phán xét, thịnh nộ và hành phạt. Công tác được thực hiện trong thời kỳ sau rốt không thể thay thế công tác của Thời đại Luật pháp hoặc của Thời đại Ân điển. Tuy nhiên, ba giai đoạn liên kết với nhau tạo thành một thực thể, và tất cả đều là công tác của một Đức Chúa Trời. Đương nhiên, việc thực hiện công tác này được chia thành các thời đại riêng biệt. Công tác được thực hiện trong thời kỳ sau rốt kết thúc mọi thứ; công tác được thực hiện trong Thời đại Luật pháp là công tác khởi đầu; và công tác được thực hiện trong Thời đại Ân điển là công tác cứu chuộc. Đối với các khái tượng về công tác trong toàn bộ kế hoạch quản lý sáu nghìn năm này, không ai có thể đạt được sự thông sáng hoặc hiểu biết, và các khái tượng này vẫn còn là những bí ẩn. Trong thời kỳ sau rốt, chỉ có công tác của lời được thực hiện để mở ra Thời đại Vương quốc, nhưng nó không đại diện cho mọi thời đại. Thời kỳ sau rốt chỉ là thời kỳ sau rốt không hơn và chỉ là Thời đại Vương quốc không hơn, và nó không đại diện cho Thời đại Ân điển hay Thời đại Luật pháp. Chỉ là, trong thời kỳ sau rốt, mọi công tác trong kế hoạch quản lý sáu nghìn năm được tiết lộ cho các người. Đây là sự vén mở lẽ mầu nhiệm. Loại mầu nhiệm này là điều không thể được vén mở bởi bất kỳ con người nào. Cho dù con người có sự hiểu biết về Kinh Thánh nhiều đến đâu, nó vẫn chẳng là gì hơn ngôn từ, vì con người không hiểu được thực chất của Kinh Thánh. Khi đọc Kinh Thánh, con người có thể hiểu một vài lẽ thật, giải thích một vài từ, hoặc đưa một số đoạn và chương nổi tiếng ra soi xét vụn vặt, nhưng họ sẽ không bao giờ có thể bóc tách được ý nghĩa chứa đựng bên trong những lời đó, vì mọi thứ mà con người nhìn thấy đều là những ngôn từ chết, không phải là những cảnh tượng về công tác của Đức Giê-hô-va và của Jê-sus, và con người không có cách nào làm sáng tỏ lẽ mầu nhiệm của công tác này. Do đó, lẽ mầu nhiệm của kế hoạch quản lý sáu nghìn năm là lẽ mầu nhiệm lớn nhất, ẩn sâu nhất, và hoàn toàn không thể dò lường đối với con người. Không ai có thể trực tiếp nắm bắt được ý muốn của Đức Chúa Trời, trừ phi chính Đức Chúa Trời giải thích và tiết lộ nó cho con người; nếu không, những điều này sẽ vẫn mãi mãi là những bí ẩn đối với con người, vẫn mãi mãi là những lẽ mầu nhiệm sâu kín. Đừng bận tâm đến những người trong giới tôn giáo; nếu hôm nay

các người không được nói cho biết, các người cũng sẽ không nắm bắt được nó. Công tác của sáu nghìn năm này còn mầu nhiệm hơn mọi lời tiên tri của các tiên tri. Đó là lẽ mầu nhiệm vĩ đại nhất từ khi sáng thế cho đến nay, và không ai trong số các tiên tri trong mọi thời đại từng có thể dò lường được nó, vì lẽ mầu nhiệm này chỉ được vén mở trong thời đại cuối cùng và chưa từng được tiết lộ trước đây. Nếu các người có thể nắm bắt được lẽ mầu nhiệm này, và nếu các người có thể đón nhận được toàn bộ điều đó, thì tất cả những người theo tôn giáo sẽ được lẽ mầu nhiệm này chinh phục. Chỉ đây mới là khái tượng vĩ đại nhất trong tất cả; nó chính là điều con người mong mỏi nắm bắt nhất nhưng cũng là điều không rõ ràng nhất đối với họ. Khi các người ở trong Thời đại Ân điển, các người không biết công tác Jê-sus đã làm là gì hoặc công tác Đức Giê-hô-va đã làm là gì. Mọi người đã không hiểu tại sao Đức Giê-hô-va lại đặt ra luật pháp, tại sao Ngài lại yêu cầu dân chúng giữ luật pháp hoặc tại sao đền thờ phải được xây dựng, và mọi người càng không hiểu được tại sao dân Y-sơ-ra-ên được dẫn từ Ê-díp-tô vào đồng vắng rồi sau đó đến Ca-na-an. Mãi cho đến ngày nay, những vấn đề này mới được tiết lộ.

Công tác trong thời kỳ sau rốt là giai đoạn cuối cùng trong ba giai đoạn. Đó là công tác của một thời đại mới khác và không đại diện cho toàn bộ công tác quản lý. Kế hoạch quản lý sáu nghìn năm được chia thành ba giai đoạn công tác. Không giai đoạn nào có thể một mình đại diện cho công tác của ba thời đại, mà chỉ là một phần của tổng thể. Danh Giê-hô-va không thể đại diện cho toàn bộ tâm tính của Đức Chúa Trời. Việc Ngài đã thực hiện công tác của mình trong Thời đại Luật pháp không chứng minh rằng Đức Chúa Trời chỉ có thể là Đức Chúa Trời theo luật pháp. Đức Giê-hô-va đã đặt ra luật pháp cho con người và ban truyền các điều răn cho họ, yêu cầu con người xây dựng đền thờ và bàn thờ; công tác Ngài đã làm chỉ đại diện cho Thời đại Luật pháp. Công tác mà Ngài đã làm này không chứng minh rằng Đức Chúa Trời chỉ là một Đức Chúa Trời yêu cầu con người tuân giữ luật pháp, hoặc rằng Ngài là Đức Chúa Trời trong đền thờ, hoặc rằng Ngài là Đức Chúa Trời trước bàn thờ. Nói vậy sẽ là sai sự thật. Công tác đã được thực hiện theo luật pháp chỉ có thể đại diện cho một thời đại. Do đó, nếu Đức Chúa Trời chỉ làm công tác trong Thời đại Luật pháp, thì con người sẽ giới hạn Đức Chúa Trời trong định nghĩa sau đây, cho rằng: “Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời trong đền thờ, và để hầu việc Đức Chúa Trời, chúng ta phải mặc áo choàng của thầy tế lễ và bước vào đền thờ”. Nếu công tác trong Thời đại Ân điển chưa bao giờ được thực hiện và Thời đại Luật pháp vẫn tiếp tục cho đến hiện tại, thì con người sẽ không biết được rằng Đức Chúa Trời cũng nhân từ và yêu thương. Nếu công tác trong Thời đại Luật pháp đã không được thực hiện, và thay vào đó chỉ có công tác trong Thời đại Ân điển, thì tất cả những gì con

người biết sẽ là Đức Chúa Trời chỉ có thể cứu chuộc con người và tha thứ cho những tội lỗi của con người. Con người sẽ chỉ biết rằng Ngài thánh khiết và vô tội, và rằng vì con người mà Ngài có thể hy sinh bản thân và chịu đóng đinh. Con người sẽ chỉ biết những điều này mà không có hiểu biết về điều gì khác. Do đó, mỗi thời đại đều đại diện cho một phần tâm tính của Đức Chúa Trời. Về việc các khía cạnh nào của tâm tính Đức Chúa Trời được thể hiện trong Thời đại Luật pháp, khía cạnh nào trong Thời đại Ân điển, và khía cạnh nào trong giai đoạn hiện tại này: chỉ khi cả ba giai đoạn đã được hợp nhất thành một tổng thể thì chúng mới có thể tiết lộ toàn bộ tâm tính của Đức Chúa Trời. Chỉ khi con người biết đến cả ba giai đoạn thì họ mới có thể hiểu đầy đủ về nó. Không giai đoạn nào trong ba giai đoạn này có thể bỏ qua. Người sẽ chỉ thấy toàn bộ tâm tính của Đức Chúa Trời sau khi biết được ba giai đoạn công tác này. Việc Đức Chúa Trời đã hoàn tất công tác của Ngài trong Thời đại Luật pháp không chứng minh rằng Ngài chỉ là Đức Chúa Trời theo luật pháp, và việc Ngài đã hoàn tất công tác cứu chuộc của mình không có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ mãi mãi cứu chuộc nhân loại. Đây đều là những kết luận mà con người rút ra. Thời đại Ân điển đã kết thúc, vậy thì người không thể nói rằng Đức Chúa Trời chỉ thuộc về thập tự giá và chỉ một mình thập tự giá đại diện được cho sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời. Làm vậy sẽ là định nghĩa Đức Chúa Trời. Trong giai đoạn hiện tại, Đức Chúa Trời chủ yếu đang làm công tác của lời, nhưng người không thể vì thế mà nói rằng Đức Chúa Trời chưa bao giờ thương xót con người, và rằng tất cả những gì Ngài đã mang lại đều là sự hành phạt và phán xét. Công tác trong thời kỳ sau rất tỏ bày công tác của Đức Giê-hô-va và Jêsus cùng mọi lẽ mầu nhiệm mà con người không hiểu được, để tiết lộ đích đến và kết cục của loài người và kết thúc mọi công tác cứu rỗi giữa nhân loại. Giai đoạn công tác này trong thời kỳ sau rất khép lại mọi thứ. Mọi lẽ mầu nhiệm mà con người không hiểu cần phải được làm sáng tỏ để cho phép con người dò đến tận đáy của chúng và có một sự hiểu biết hoàn toàn rõ ràng trong lòng họ. Chỉ khi đó loài người mới có thể được phân chia theo loại. Chỉ sau khi kế hoạch quản lý sáu nghìn năm được hoàn tất thì con người mới hiểu được toàn bộ tâm tính của Đức Chúa Trời, vì sự quản lý của Ngài khi đó đã kết thúc. Giờ đây các người đã trải nghiệm công tác của Đức Chúa Trời trong thời đại cuối cùng, thế thì tâm tính của Đức Chúa Trời là gì? Liệu người có dám nói rằng Đức Chúa Trời là một Đức Chúa Trời chỉ đơn thuần phán lời và không có gì hơn? Người sẽ không dám đưa ra kết luận như thế. Một số người sẽ nói rằng Đức Chúa Trời là một Đức Chúa Trời vén mở những lẽ mầu nhiệm, rằng Đức Chúa Trời là Chiên Con và là Đấng tháo bảy cái ấn. Nhưng không ai dám đưa ra kết luận như thế. Những người khác có thể nói rằng Đức Chúa Trời là xác thịt nhập thể, nhưng điều này sẽ vẫn không chính xác. Những

người khác nữa có thể nói rằng Đức Chúa Trời nhập thể chỉ phán lời và không làm các dấu kỳ phép lạ, nhưng người sẽ càng không dám nói theo cách này, vì Jêsus đã trở nên xác thịt và làm các dấu kỳ phép lạ, vì vậy, người sẽ không dám định nghĩa Đức Chúa Trời một cách quá khinh suất. Mọi công tác được thực hiện trong suốt kế hoạch quản lý sáu nghìn năm chỉ đến bây giờ mới kết thúc. Chỉ sau khi tất cả các công tác này đã được tiết lộ cho con người và được thực hiện giữa loài người thì nhân loại mới biết toàn bộ tâm tính của Đức Chúa Trời, và biết Ngài có gì và là gì. Khi công tác của giai đoạn này đã được hoàn tất trọn vẹn, lúc ấy mọi lẽ mầu nhiệm mà con người không hiểu đã được tiết lộ, mọi lẽ thật trước đây họ không hiểu đã được làm rõ, và loài người đã được cho biết về con đường và đích đến tương lai của họ. Đây là toàn bộ công tác phải được thực hiện trong giai đoạn hiện tại. Mặc dù con đường mà con người đi ngày nay cũng là con đường của thập tự giá và con đường chịu khổ, nhưng những gì con người thực hành, và những gì họ ăn, uống và tận hưởng ngày nay khác xa so với những gì diễn ra với con người theo luật pháp và trong Thời đại Ân điển. Những gì được yêu cầu ở con người ngày nay không giống trong quá khứ và thậm chí càng không giống với những gì được yêu cầu ở con người trong Thời đại Luật pháp. Giờ, con người đã được yêu cầu những gì theo luật pháp khi Đức Chúa Trời đang làm công tác của Ngài ở Y-sơ-ra-ên? Chẳng có gì hơn ngoài việc con người phải giữ ngày Sa-bát và luật pháp của Đức Giê-hô-va. Không ai được lao động trong ngày Sa-bát hoặc vi phạm luật pháp của Đức Giê-hô-va. Nhưng bây giờ thì không như vậy. Vào ngày Sa-bát, con người làm việc, nhóm họp, và cầu nguyện như thường lệ, và không có hạn chế nào áp lên họ. Những người trong Thời đại Ân điển phải chịu phép báp-têm, và họ còn được yêu cầu phải kiêng ăn, bẻ bánh, uống rượu, trùm đầu và rửa chân cho người khác. Giờ đây, những quy tắc này đã bị bãi bỏ, nhưng những đòi hỏi lớn hơn được đặt ra cho con người, vì công tác của Đức Chúa Trời không ngừng đào sâu và sự bước vào của con người ngày càng lên cao hơn. Trong quá khứ, Jêsus đã đặt tay lên con người và cầu nguyện, nhưng giờ đây khi mọi thứ đều đã được phán ra, thì việc đặt tay có tác dụng gì? Chỉ riêng những lời thôi cũng có thể đạt được kết quả. Khi Ngài đặt tay lên con người trong quá khứ, đó là để ban phước cho con người và cũng là để chữa lành những bệnh tật của họ. Đây là cách Đức Thánh Linh đã làm việc vào thời đó, nhưng bây giờ thì không như vậy. Giờ đây Đức Thánh Linh dùng lời để làm việc và đạt được kết quả. Lời Ngài đã được làm rõ cho các người, và các người nên đưa chúng vào thực hành đúng như được yêu cầu. Lời của Ngài là ý muốn của Ngài; chúng là công tác Ngài muốn làm. Qua lời của Ngài, người sẽ hiểu được ý muốn của Ngài và những gì Ngài yêu cầu người phải đạt được, và người có thể chỉ cần trực tiếp đưa lời Ngài

vào thực hành mà không cần đến việc đặt tay. Một số người có thể nói: “Xin hãy đặt tay Ngài lên con! Xin hãy đặt tay Ngài lên con để con có thể nhận được phước lành của Ngài và để con có thể dự phần cùng Ngài”. Tất cả những điều này đều là những thực hành cổ lỗ từ quá khứ, giờ đã lỗi thời, vì thời đại đã thay đổi. Đức Thánh Linh làm việc theo thời đại, không phải ngẫu nhiên, cũng không theo quy luật cố định. Thời đại đã thay đổi, và một thời đại mới nhất thiết phải mang theo công tác mới. Điều này đúng với mọi giai đoạn công tác, và vì vậy, công tác của Ngài không bao giờ lặp lại. Trong Thời đại Ân điển, Jêsus đã thực hiện một lượng tương đối các công tác dạng đó, chẳng hạn như chữa bệnh, đuổi quỷ, đặt tay lên con người để cầu nguyện cho họ, và ban phước cho con người. Tuy nhiên, làm như vậy một lần nữa sẽ là vô nghĩa trong thời đại ngày nay. Đức Thánh Linh đã làm việc theo cách đó vào thời điểm đó, vì đó là Thời đại Ân điển, và có đủ ân điển để con người tận hưởng. Họ đã không bị đòi hỏi phải trả bất kỳ cái giá nào, và miễn là họ có đức tin thì họ sẽ nhận được ân điển. Tất cả đều đã được vô cùng ân ái. Giờ đây thời đại đã thay đổi, và công tác của Đức Chúa Trời đã tiến xa hơn; chính thông qua sự hành phạt và phán xét mà sự phản nghịch của con người cùng những điều ô uế bên trong con người sẽ bị gột sạch. Giai đoạn đó là giai đoạn cứu chuộc, Đức Chúa Trời đã cần phải làm việc theo cách đó, tỏ bày đủ ân điển để con người tận hưởng, hầu cho con người có thể được cứu chuộc khỏi tội lỗi và nhờ ân điển mà được tha tội. Giai đoạn hiện tại này là để vạch trần sự bất chính trong con người bằng sự hành phạt, phán xét, sự đánh đòn của lời, cũng như sự sửa dạy và mặc khải của lời, hầu cho sau đó nhân loại có thể được cứu rỗi. Đây là công tác sâu hơn việc cứu chuộc. Ân điển trong Thời đại Ân điển đã đủ cho con người tận hưởng; giờ đây con người đã trải nghiệm ân điển này rồi, nên họ không còn được hưởng nó nữa. Công tác này giờ đã lỗi thời và không còn được thực hiện nữa. Ngày nay, con người sẽ được cứu rỗi thông qua sự phán xét của lời. Sau khi con người bị phán xét, hành phạt, và tinh luyện, tâm tính của họ nhờ đó được thay đổi. Chẳng phải tất cả điều này đều là nhờ những lời Ta đã phán sao? Mỗi giai đoạn công tác đều được thực hiện phù hợp với sự tiến bộ của toàn nhân loại và với thời đại. Mọi công tác đều ý nghĩa, và tất cả đều được thực hiện vì sự cứu rỗi sau cùng, để nhân loại có thể có một đích đến tốt đẹp trong tương lai, và để cuối cùng loài người có thể được phân chia theo loại.

Công tác của thời kỳ sau rốt là phán lời. Những thay đổi to lớn có thể đạt được nơi con người thông qua lời. Những thay đổi hiện đã đạt được nơi những con người này khi họ chấp nhận những lời này lớn hơn nhiều so với những thay đổi đạt được nơi những người chấp nhận các dấu kỳ phép lạ của Thời đại Ân điển. Vì trong Thời đại Ân điển, ma quỷ đã bị đuổi ra khỏi con người nhờ việc đặt tay và cầu nguyện,

nhưng những tâm tính bại hoại trong con người thì vẫn còn. Con người đã được chữa lành bệnh tật và được tha tội, nhưng còn về việc chính xác làm thế nào con người được gột sạch những tâm tính Sa-tan bại hoại trong họ, thì công tác này vẫn chưa được thực hiện. Con người đã chỉ được cứu rỗi và được tha tội nhờ đức tin của mình, nhưng bản tính tội lỗi của con người đã không bị tiết trừ mà vẫn còn trong họ. Những tội lỗi của con người đã được tha thứ thông qua Đức Chúa Trời nhập thể, nhưng điều này không có nghĩa là con người không còn tội lỗi trong mình nữa. Những tội lỗi của con người có thể được tha thứ thông qua của lễ chuộc tội, nhưng về việc làm sao con người có thể được làm cho không còn phạm tội nữa, và làm sao bản tính tội lỗi của họ có thể bị tiết trừ hoàn toàn và được chuyển hóa, thì họ không có cách nào giải quyết được vấn đề này. Những tội lỗi của con người đã được tha thứ, và điều này là nhờ công tác chịu đóng đinh của Đức Chúa Trời, nhưng con người vẫn tiếp tục sống trong tâm tính Sa-tan bại hoại như cũ. Như vậy, con người phải được cứu rỗi hoàn toàn khỏi tâm tính Sa-tan bại hoại của mình, hầu cho bản tính tội lỗi của họ có thể bị tiết trừ hoàn toàn, không bao giờ phát triển trở lại, theo đó cho phép tâm tính của con người được chuyển hóa. Điều này sẽ đòi hỏi con người phải nắm bắt được con đường phát triển trong sự sống, nắm bắt được con đường sự sống, và nắm bắt được cách thay đổi tâm tính của mình. Hơn nữa, nó sẽ đòi hỏi con người phải hành động theo con đường này, hầu cho tâm tính của họ có thể dần dần được thay đổi và họ có thể sống dưới sự chiếu soi của sự sáng, hầu cho mọi điều họ làm đều có thể phù hợp với ý muốn của Đức Chúa Trời, hầu cho họ có thể vứt bỏ tâm tính Sa-tan bại hoại của mình, và hầu cho họ có thể thoát khỏi ảnh hưởng bóng tối của Sa-tan, từ đó hoàn toàn thoát khỏi tội lỗi. Chỉ khi đó con người mới nhận lãnh được sự cứu rỗi hoàn toàn. Vào thời điểm Jêsus đang thực hiện công tác của Ngài, sự hiểu biết của con người về Ngài vẫn còn mơ hồ và không rõ ràng. Con người đã luôn tin Ngài là con trai của Đa-vít, và tuyên bố Ngài là một tiên tri vĩ đại, vị Chúa nhân từ đã cứu chuộc tội lỗi của con người. Một số người, dựa trên đức tin của mình, đã được chữa lành chỉ bằng cách chạm vào mép áo của Ngài; người mù đã có thể nhìn thấy và thậm chí người chết đã có thể được sống lại. Tuy nhiên, con người đã không thể phát hiện ra tâm tính Sa-tan bại hoại ẩn sâu bên trong mình, họ cũng không biết làm sao để loại bỏ nó. Con người đã nhận được nhiều ân điển, chẳng hạn như sự bình an và hạnh phúc của xác thịt, đức tin của một thành viên mang lại phước lành cho cả gia đình, chữa lành bệnh tật, v.v. Phần còn lại là những việc lành của con người và vẻ ngoài tin kính của họ; nếu ai có thể sống trên cơ sở của những điều này, thì họ được xem là một tín đồ có thể được chấp nhận. Chỉ những tín đồ thuộc loại này mới có thể bước vào thiên đàng sau khi chết, điều đó có

nghĩa là họ đã được cứu rỗi. Nhưng, trong cuộc đời của mình, những người này đã không hiểu gì về con đường sự sống. Tất cả những gì họ đã làm là phạm tội rồi sau đó xưng tội trong một chu kỳ liên tục mà không có bất kỳ con đường nào để thay đổi tâm tính của họ: Đó là tình trạng của con người trong Thời đại Ân điển. Con người đã nhận được sự cứu rỗi hoàn toàn chưa? Chưa! Do đó, sau khi giai đoạn công tác đó đã kết thúc, vẫn còn công tác phán xét và hành phạt. Giai đoạn này là để làm cho con người tinh sạch thông qua lời, và từ đó cho họ một con đường để đi theo. Giai đoạn này sẽ không có kết quả hoặc ý nghĩa nếu nó tiếp tục với việc đuổi quỷ, vì nó sẽ không tiết trừ được bản tính tội lỗi của con người, và con người sẽ đi vào bế tắc trước sự tha thứ cho tội lỗi của họ. Nhờ của lễ chuộc tội, con người đã được tha tội, vì công tác chịu đóng đinh đã kết thúc và Đức Chúa Trời đã đánh bại Sa-tan. Nhưng tâm tính bại hoại của con người vẫn còn trong họ, con người vẫn có thể phạm tội và chống lại Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời vẫn chưa thu phục được loài người. Đó là lý do tại sao trong giai đoạn công tác này, Đức Chúa Trời dùng lời để phơi bày tâm tính bại hoại của con người, khiến họ phải thực hành theo con đường đúng đắn. Giai đoạn này có ý nghĩa hơn giai đoạn trước, cũng như có hiệu quả hơn, vì bây giờ chính lời trực tiếp cung cấp cho sự sống của con người và cho phép tâm tính của con người được đổi mới hoàn toàn; đó là một giai đoạn công tác triệt để hơn nhiều. Do đó, sự nhập thể trong thời kỳ sau rất đã hoàn tất ý nghĩa sự nhập thể của Đức Chúa Trời và hoàn thành trọn vẹn kế hoạch quản lý của Đức Chúa Trời cho việc cứu rỗi con người.

Việc cứu rỗi con người của Đức Chúa Trời không được thực hiện trực tiếp bằng phương cách của Thần và thân phận của Thần, vì con người không thể chạm vào hay nhìn thấy Thần của Ngài, cũng không thể đến gần. Nếu Ngài cố gắng cứu con người trực tiếp theo cách của Thần, thì con người sẽ không thể nhận lãnh sự cứu rỗi của Ngài. Nếu Đức Chúa Trời không mặc lấy hình dáng bên ngoài của một con người thọ tạo, thì sẽ không có cách nào để con người nhận được sự cứu rỗi này. Vì con người không có cách nào tiếp cận Ngài, cũng như không ai có thể đến gần đám mây của Đức Giê-hô-va. Chỉ bằng cách trở thành một con người thọ tạo, nghĩa là, chỉ bằng cách đặt lời của Ngài vào trong thân thể xác thịt mà Ngài sắp trở thành, thì Ngài mới có thể đích thân làm thấm nhuần lời này bên trong tất cả những ai theo Ngài. Chỉ khi đó con người mới có thể đích thân nhìn và nghe thấy lời Ngài, và hơn nữa mới có thể sở hữu được lời Ngài, và bằng cách này, họ mới đi đến chỗ được cứu rỗi hoàn toàn. Nếu Đức Chúa Trời không trở nên xác thịt, sẽ không một con người nào của thịt và huyết có thể nhận được sự cứu rỗi lớn lao như thế, cũng không một người nào sẽ được cứu rỗi. Nếu Thần của Đức Chúa Trời hoạt động trực tiếp

giữa nhân loại, thì toàn bộ nhân loại sẽ bị hạ gục, nếu không, không có cách nào để tiếp xúc được với Đức Chúa Trời, họ sẽ hoàn toàn bị Sa-tan bắt giữ. Lần nhập thể đầu tiên là để cứu chuộc con người khỏi tội lỗi, để cứu chuộc họ bằng thân thể xác thịt của Jêsus, nghĩa là Ngài đã cứu con người khỏi thập tự giá, nhưng tâm tính Sa-tan bại hoại vẫn còn trong con người. Lần nhập thể thứ hai không còn để làm một của lễ chuộc tội nữa, mà là để cứu rỗi hoàn toàn những ai đã được cứu chuộc khỏi tội lỗi. Điều này được thực hiện hầu cho những ai đã được tha thứ có thể được giải thoát khỏi tội lỗi của mình và được làm thanh sạch hoàn toàn, và qua việc đạt được một tâm tính thay đổi, mà thoát khỏi ảnh hưởng bóng tối của Sa-tan và trở lại trước ngai của Đức Chúa Trời. Chỉ bằng cách này, con người mới có thể được nên thánh hoàn toàn. Sau khi Thời đại Luật pháp kết thúc, và bắt đầu với Thời đại Ân điển, Đức Chúa Trời đã bắt đầu công tác cứu rỗi, tiếp tục cho đến thời kỳ sau rốt, khi mà thông qua việc phán xét và hành phạt loài người vì sự phản nghịch của họ, Ngài sẽ hoàn toàn làm tinh sạch loài người. Chỉ khi đó Đức Chúa Trời mới kết thúc công tác cứu rỗi của Ngài và bước vào sự nghỉ ngơi. Do đó, trong ba giai đoạn công tác, chỉ có hai lần Đức Chúa Trời đã đích thân trở nên xác thịt để thực hiện công tác của Ngài giữa con người. Đó là bởi vì chỉ có một trong ba giai đoạn công tác là hướng dẫn con người sống cuộc sống của họ, trong khi hai giai đoạn còn lại bao gồm công tác cứu rỗi. Chỉ bằng cách trở nên xác thịt, Đức Chúa Trời mới có thể sống bên cạnh con người, trải nghiệm sự đau khổ của trần gian, và sống trong một thân thể xác thịt bình thường. Chỉ bằng cách này, Ngài mới có thể cung cấp cho con người con đường thực tế mà loài thọ tạo như họ cần. Chính nhờ thông qua sự nhập thể của Đức Chúa Trời mà con người nhận được sự cứu rỗi hoàn toàn từ Đức Chúa Trời, chứ không phải trực tiếp từ thiên đàng để đáp lại những lời cầu nguyện của họ. Vì con người thuộc về thịt và máu, nên họ không có cách nào nhìn thấy Thần của Đức Chúa Trời, càng không tiếp cận được Thần của Ngài. Tất cả những gì con người có thể tiếp xúc là xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời, và chỉ bằng cách này, con người mới có thể nắm bắt được mọi con đường cùng mọi lẽ thật và nhận được sự cứu rỗi trọn vẹn. Lần nhập thể thứ hai sẽ đủ để gột sạch những tội lỗi của con người và để hoàn toàn làm tinh sạch họ. Do đó, với lần nhập thể thứ hai, toàn bộ công tác của Đức Chúa Trời trong xác thịt sẽ được khép lại và ý nghĩa sự nhập thể của Đức Chúa Trời sẽ được làm trọn vẹn. Từ đó, công tác của Đức Chúa Trời trong xác thịt sẽ hoàn toàn kết thúc. Sau lần nhập thể thứ hai, Ngài sẽ không trở nên xác thịt lần thứ ba cho công tác của Ngài. Vì toàn bộ sự quản lý của Ngài khi đó đã kết thúc. Sự nhập thể của thời kỳ sau rốt khi ấy đã hoàn toàn thu phục được những người được chọn của Ngài, và loài người trong thời kỳ sau rốt đã được phân theo loại. Ngài sẽ không còn

làm công tác cứu rỗi nữa, Ngài cũng sẽ không trở lại xác thịt để thực hiện bất kỳ công tác nào nữa. Trong công tác của thời kỳ sau rốt, lời có sức mạnh hơn việc làm các dấu kỳ phép lạ, và thẩm quyền của lời vượt qua các dấu kỳ phép lạ. Lời phơi bày mọi tâm tính bại hoại chôn sâu trong lòng con người. Người không có cách nào tự nhận ra chúng được. Khi chúng bị bóc trần trước mặt người thông qua lời, người sẽ tự nhiên phát hiện ra chúng; người sẽ không thể phủ nhận chúng, và người sẽ được thuyết phục hoàn toàn. Đây chẳng phải là thẩm quyền của lời sao? Đây là kết quả đạt được bởi công tác của lời ngày nay. Do đó, không phải nhờ việc chữa bệnh và đuổi quỷ mà con người có thể được cứu hoàn toàn khỏi tội lỗi của mình, và họ cũng không thể được làm cho trọn vẹn hoàn toàn bằng việc làm các dấu kỳ phép lạ. Thẩm quyền chữa bệnh và đuổi quỷ chỉ ban cho con người ân điển, nhưng xác thịt của con người vẫn thuộc về Sa-tan và tâm tính Sa-tan bại hoại vẫn còn trong con người. Nói cách khác, những thứ chưa được làm thanh sạch vẫn thuộc về tội lỗi và sự ô uế. Chỉ sau khi con người đã được làm thanh sạch thông qua lời thì họ mới có thể được Đức Chúa Trời thu phục và được nên thánh. Khi ma quỷ đã bị đuổi ra khỏi con người và họ đã được cứu chuộc, thì điều này chỉ có nghĩa là họ đã được giắt khỏi tay của Sa-tan và trở lại với Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, nếu không được Đức Chúa Trời làm cho thanh sạch hay thay đổi, họ vẫn là con người bại hoại. Bên trong con người vẫn tồn tại sự ô uế, chống đối, và phản nghịch; con người đã chỉ trở về với Đức Chúa Trời thông qua sự cứu chuộc của Ngài, nhưng họ không có chút kiến thức nào về Đức Chúa Trời và vẫn có thể chống lại và phản bội Ngài. Trước khi con người được cứu chuộc, nhiều nọc độc của Sa-tan đã bị gieo vào bên trong họ, và sau hàng nghìn năm bị Sa-tan làm cho bại hoại, họ có trong mình một bản tính thâm căn chống lại Đức Chúa Trời. Do đó, khi con người đã được cứu chuộc, điều đó không hơn gì một trường hợp cứu chuộc mà con người được mua với giá cao, nhưng bản tính độc địa bên trong họ vẫn chưa được loại bỏ. Con người quá nhơ nhuốc phải trải qua một sự thay đổi trước khi trở nên xứng đáng để hầu việc Đức Chúa Trời. Thông qua công tác phán xét và hành phạt này, con người sẽ hoàn toàn biết được thực chất ô uế và bại hoại trong chính bản thân mình, họ sẽ có thể thay đổi hoàn toàn và trở nên thanh sạch. Chỉ bằng cách này, con người mới có thể trở nên xứng đáng để trở lại trước ngai của Đức Chúa Trời. Mọi công tác được thực hiện ngày hôm nay là để con người có thể được làm cho thanh sạch và được thay đổi; thông qua sự phán xét và hành phạt bằng lời, cũng như thông qua sự tinh luyện, con người có thể gột sạch sự bại hoại của mình và được làm cho tinh sạch. Thay vì xem giai đoạn công tác này là công tác cứu rỗi, sẽ thích hợp hơn khi nói đó là công tác làm tinh sạch. Trên thực tế, giai đoạn này là giai đoạn chinh phục cũng như là giai

đoạn thứ hai trong công tác cứu rỗi. Chính nhờ sự phán xét và hành phạt bằng lời mà con người mới đi đến chỗ được Đức Chúa Trời thu phục; và thông qua việc dùng lời để tinh luyện, phán xét và vạch trần mà mọi điều bất khiết, các quan niệm, động cơ và khát vọng cá nhân trong lòng con người mới được phơi bày hoàn toàn. Mặc dù con người có thể đã được cứu chuộc và được tha tội, nhưng điều đó chỉ có thể được xem là Đức Chúa Trời không nhớ đến những vi phạm của con người và không đối đãi với con người theo những vi phạm của họ. Tuy nhiên, khi con người, những kẻ sống trong thân thể xác thịt, chưa được giải thoát khỏi tội lỗi, thì họ chỉ có thể tiếp tục phạm tội, không ngừng bộc lộ tâm tính Sa-tan bại hoại của mình. Đây là cuộc sống mà con người đang sống, một chu kỳ vô tận của việc phạm tội và được tha thứ. Phần lớn nhân loại phạm tội vào ban ngày chỉ để xưng tội vào ban đêm. Theo cách này, cho dù cửa lễ chuộc tội có tác dụng đòi hỏi đối với con người, nó cũng sẽ không thể cứu được con người khỏi tội lỗi. Chỉ một nửa công tác cứu rỗi đã được hoàn tất, vì con người vẫn còn có một tâm tính bại hoại. Ví dụ, khi mọi người nhận ra rằng họ thuộc dòng dõi của Mô-áp, họ đã thốt ra những lời ca thán, ngừng theo đuổi sự sống, và trở nên hoàn toàn tiêu cực. Chẳng phải điều này cho thấy loài người vẫn không thể hoàn toàn quy phục dưới sự thống trị của Đức Chúa Trời sao? Đây chẳng phải chính là tâm tính Sa-tan bại hoại của họ sao? Khi người đang không chịu hình phạt, tay người đã giơ lên cao hơn tất cả những người khác, thậm chí cả của Jê-sus. Và người đã kêu lên thật to rằng: “Hãy làm con trai yêu dấu của Đức Chúa Trời! Hãy làm một người thân tín của Đức Chúa Trời! Chúng ta thà chết còn hơn cúi đầu trước Sa-tan! Hãy nổi dậy chống lại Sa-tan già nua! Hãy nổi dậy chống lại con rồng lớn sắc đỏ! Nguyện con rồng lớn sắc đỏ mất đi quyền lực một cách khốn khổ! Nguyện Đức Chúa Trời làm cho chúng ta trọn vẹn!” Tiếng hô hào của người to hơn tất cả những người khác. Nhưng rồi thời kỳ hành phạt đến, và một lần nữa, tâm tính bại hoại của loài người đã được bộc lộ. Sau đó, tiếng hô hào của họ đã ngừng lại, và quyết tâm của họ đã thất bại. Đây là sự bại hoại của con người; ăn sâu hơn cả tội lỗi, nó là thứ bị Sa-tan gieo vào và bén rễ sâu bên trong con người. Không dễ để con người trở nên nhận thức được tội lỗi của mình; họ không có cách nào nhận ra bản tính đã thâm căn cố đế của chính mình, và họ phải dựa vào sự phán xét bằng lời để đạt được kết quả này. Chỉ như vậy thì con người mới có thể dần dần được thay đổi từ thời điểm này trở đi. Con người đã hô hào lên như thế trong quá khứ bởi vì họ không hiểu về tâm tính bại hoại cố hữu của mình. Đây là những thứ bất khiết tồn tại bên trong con người. Trong suốt một thời gian dài của sự phán xét và hành phạt như thế, con người đã sống trong một bầu không khí căng thẳng. Chẳng phải tất cả những điều này đều đạt được thông qua lời sao? Chẳng phải người cũng đã

hồ hào rất to trước khi có sự thử luyện của những kẻ phục vụ sao? “Hãy bước vào vương quốc! Tất cả những ai chấp nhận danh này sẽ bước vào vương quốc! Tất cả sẽ dự phần với Đức Chúa Trời!” Khi sự thử luyện của những kẻ phục vụ đến, người đã không còn hồ hào nữa. Ngay từ đầu, tất cả đều đã kêu lên: “Lạy Đức Chúa Trời! Dù Ngài đặt con ở bất kỳ nơi nào, con cũng sẽ quy phục để được Ngài dẫn dắt”. Khi đọc những lời của Đức Chúa Trời: “Ai sẽ là Phao-lô của Ta?” thì người ta đã đáp rằng: “Con sẵn sàng!” Sau đó họ thấy những lời này: “Còn đức tin của Gióp thì sao?” thì đáp rằng: “Con sẵn sàng mang đức tin của Gióp. Lạy Đức Chúa Trời, xin Ngài hãy thử luyện con!” Khi sự thử luyện của những kẻ phục vụ đến, họ đã ngã quỵ ngay lập tức và gần như không thể đứng dậy được nữa. Sau đó, từng chút một, những thứ bất khiết trong lòng họ dần dần giảm đi. Chẳng phải điều này đạt được thông qua lời sao? Vì vậy, những gì các người đã trải nghiệm ngày hôm nay là những kết quả đạt được thông qua lời, thậm chí còn to lớn hơn những gì đã đạt được thông qua việc làm các dấu kỳ phép lạ của Jêsus. Vinh quang của Đức Chúa Trời mà người thấy và thẩm quyền của chính Đức Chúa Trời mà người thấy không chỉ đơn thuần thấy được qua việc chịu đóng đinh, qua việc chữa bệnh và đuổi quỷ, mà thậm chí còn hơn thế nữa, qua sự phán xét bằng lời Ngài. Điều này cho người thấy rằng thẩm quyền và quyền năng của Đức Chúa Trời không chỉ bao gồm việc làm các dấu kỳ, chữa bệnh và đuổi quỷ, mà sự phán xét bằng lời của Đức Chúa Trời có thể đại diện tốt hơn cho thẩm quyền của Đức Chúa Trời và tỏ lộ tốt hơn sự toàn năng của Ngài.

Những gì con người đã đạt được lúc này – vóc giặc hiện tại, kiến thức, tình yêu thương, lòng trung thành, sự vâng lời và sự thông sáng của họ – đây là những kết quả đạt được thông qua sự phán xét của lời. Việc người có thể có lòng trung thành và vẫn đứng vững cho đến ngày nay là đạt được thông qua lời. Giờ đây con người thấy rằng công tác của Đức Chúa Trời nhập thể thực sự phi thường, và có nhiều điều trong đó mà con người không thể đạt được; đây là những lễ mầu nhiệm và phép lạ. Do đó, nhiều người đã quy phục. Một số người chưa từng quy phục bất kỳ ai kể từ khi sinh ra, nhưng khi họ thấy những lời của Đức Chúa Trời ngày nay, họ hoàn toàn quy phục tự lúc nào không hay, và họ không mạo muội dò xét hoặc nói bất kỳ điều gì khác. Loài người đã chịu phục dưới lời và phủ phục dưới sự phán xét bằng lời. Nếu Thần của Đức Chúa Trời phán trực tiếp với con người, toàn nhân loại sẽ quy phục trước tiếng phán, sấp mình xuống mà không cần lời mặc khải, cũng giống như cách Phao-lô đã ngã xuống đất trong ánh sáng trên đường đến Đa-mách. Nếu Đức Chúa Trời tiếp tục làm việc theo cách này, con người sẽ không bao giờ có thể biết được sự bại hoại của chính mình thông qua sự phán xét của lời và nhờ đó đạt được sự cứu rỗi. Chỉ thông qua việc trở nên xác thịt, Đức Chúa Trời mới có thể đích

thân truyền lời của Ngài đến tai của mỗi một con người, hầu cho tất cả những ai có tai đều có thể nghe thấy lời Ngài và nhận lấy công tác phán xét bằng lời của Ngài. Chỉ đây mới là kết quả đạt được bằng lời Ngài, thay vì Thần trở nên hiển hiện để khiến con người sợ hãi mà quy phục. Chỉ qua công tác thực tế mà phi thường này, thì tâm tính cũ của con người, ẩn sâu bên trong nhiều năm, mới có thể bị phơi bày hoàn toàn, hầu cho con người có thể nhận ra nó và làm cho nó thay đổi. Tất cả những điều này đều là công tác thực tế của Đức Chúa Trời nhập thể, mà trong đó, với việc phán dạy và thi hành sự phán xét một cách thực tế, Ngài đạt được những kết quả của sự phán xét con người bằng lời. Đây là thẩm quyền của Đức Chúa Trời nhập thể và là ý nghĩa sự nhập thể của Đức Chúa Trời. Nó được thực hiện để cho biết thẩm quyền của Đức Chúa Trời nhập thể, để cho biết những kết quả đạt được bởi công tác của lời, và để cho biết Thần đã đến trong xác thịt và thể hiện thẩm quyền của Ngài thông qua việc phán xét con người bằng lời. Mặc dù xác thịt của Ngài là hình thức bên ngoài của một nhân tính thông thường và bình thường, nhưng chính những kết quả mà lời Ngài đạt được đã cho con người thấy rằng Ngài đầy thẩm quyền, rằng Ngài là chính Đức Chúa Trời, và rằng những lời của Ngài là sự bày tỏ của chính Đức Chúa Trời. Bằng cách này, toàn thể nhân loại được cho thấy rằng Ngài là chính Đức Chúa Trời, rằng Ngài là chính Đức Chúa Trời đã trở nên xác thịt, và rằng không ai được xúc phạm Ngài, và rằng không ai có thể vượt qua sự phán xét bằng lời của Ngài, và không một thế lực bóng tối nào có thể lấn át thẩm quyền của Ngài. Con người quy phục Ngài hoàn toàn vì Ngài là Lời trở nên xác thịt, vì thẩm quyền của Ngài, và vì sự phán xét bằng lời của Ngài. Công tác do xác thịt nhập thể của Ngài mang lại là thẩm quyền mà Ngài sở hữu. Lý do Ngài trở nên xác thịt là bởi vì xác thịt cũng có thể sở hữu thẩm quyền, và Ngài có khả năng thực hiện công tác một cách thực tế giữa nhân loại, theo cách hiển hiện và hữu hình đối với con người. Công tác này thiết thực hơn nhiều so với công tác được thực hiện trực tiếp bởi Thần của Đức Chúa Trời, Đấng sở hữu mọi thẩm quyền, và những kết quả của nó cũng rõ ràng. Điều này là do xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời có thể phán dạy và làm việc một cách thực tế. Hình dạng bên ngoài của xác thịt Ngài không có thẩm quyền, và con người có thể tiếp cận, trong khi thực chất của Ngài mang thẩm quyền, nhưng không ai có thể thấy được thẩm quyền của Ngài. Khi Ngài phán và làm việc, con người không thể phát hiện ra sự tồn tại của thẩm quyền của Ngài; điều này tạo điều kiện cho Ngài thực hiện công tác mang tính chất thực tế. Tất cả công tác thực tế này có thể đạt được kết quả. Mặc dù không ai nhận ra Ngài nắm giữ thẩm quyền, hoặc thấy rằng Ngài không thể bị xúc phạm, hoặc nhìn thấy cơn thịnh nộ của Ngài, nhưng Ngài đạt được những kết quả dự định của lời Ngài thông qua thẩm quyền được che

giấu của Ngài, cơn thịnh nộ ẩn giấu của Ngài, và những lời mà Ngài phán công khai. Nói cách khác, qua giọng điệu của Ngài, sự nghiêm khắc trong lời nói của Ngài, và tất cả sự khôn ngoan của lời Ngài, con người hoàn toàn được thuyết phục. Theo cách này, con người quy phục lời của Đức Chúa Trời nhập thể, Đáng dường như không có thẩm quyền gì, qua đó hoàn thành mục tiêu cứu rỗi con người của Đức Chúa Trời. Đây là một khía cạnh khác về ý nghĩa sự nhập thể của Ngài: để phán một cách thiết thực hơn và để cho hiện thực của lời Ngài có ảnh hưởng đến con người, hầu cho con người có thể chứng kiến quyền năng của lời Đức Chúa Trời. Do đó, nếu công tác này không được thực hiện thông qua sự nhập thể, thì sẽ không đạt được một chút kết quả nào và sẽ không thể hoàn toàn cứu rỗi được những con người tội lỗi. Nếu Đức Chúa Trời không trở nên xác thịt, Ngài sẽ vẫn là Thần, Đáng vừa không thể nhìn thấy, vừa không thể tiếp cận đối với con người. Con người là một loài thọ tạo thuộc xác thịt, họ và Đức Chúa Trời thuộc về hai thể giới khác nhau và sở hữu những bản chất khác nhau. Thần của Đức Chúa Trời không tương hợp với con người, những kẻ thuộc về xác thịt, và đơn giản là không cách nào thiết lập được mối quan hệ giữa họ, chưa kể rằng con người không có khả năng biến hóa thành thần. Như vậy, Thần của Đức Chúa Trời phải trở thành một loài thọ tạo để làm công tác ban đầu của Ngài. Đức Chúa Trời có thể vừa thăng lên nơi cao nhất, vừa hạ mình xuống để trở thành một con người thọ tạo, làm việc giữa loài người và sống giữa họ, nhưng con người không thể thăng lên nơi cao nhất và trở thành thần, họ càng không thể giáng xuống nơi thấp nhất. Đây là lý do Đức Chúa Trời phải trở nên xác thịt để thực hiện công tác của Ngài. Cũng vậy, trong lần nhập thể đầu tiên, chỉ xác thịt của Đức Chúa Trời nhập thể mới có thể cứu chuộc con người thông qua việc chịu đóng đinh của Ngài, trong khi sẽ không có cách nào để Thần của Đức Chúa Trời bị đóng đinh như một của lễ chuộc tội cho con người. Đức Chúa Trời có thể trực tiếp trở nên xác thịt để làm của lễ chuộc tội cho con người, nhưng con người không thể trực tiếp thăng thiên để nhận lấy của lễ chuộc tội mà Đức Chúa Trời đã chuẩn bị cho họ. Như vậy, tất cả những gì khả thi là cầu xin Đức Chúa Trời di chuyển qua lại vài lần giữa trời và đất, chứ không phải để con người thăng thiên để nhận lấy sự cứu rỗi này, vì con người đã sa ngã và hơn nữa, con người đơn giản là không thể thăng thiên, càng không thể có được của lễ chuộc tội. Do đó, Jêsus đã cần phải đến giữa loài người và đích thân làm công tác mà con người đơn giản là không thể thực hiện được. Mỗi lần Đức Chúa Trời trở nên xác thịt, đó là điều tuyệt đối cần thiết. Nếu bất kỳ giai đoạn nào cũng có thể được thực hiện trực tiếp bởi Thần của Đức Chúa Trời, thì Ngài đã không phải chịu sự nhục nhã của việc nhập thể.

Trong giai đoạn công tác cuối cùng này, những kết quả đạt được thông qua lời.

Thông qua lời, con người hiểu được nhiều lẽ mầu nhiệm và công tác mà Đức Chúa Trời đã thực hiện qua nhiều thế hệ trong quá khứ; thông qua lời, con người được Đức Thánh Linh khai sáng; thông qua lời, con người hiểu được những lẽ mầu nhiệm chưa từng được làm sáng tỏ bởi các thế hệ trước, cũng như hiểu được công tác của các tiên tri và sứ đồ thời xưa, và các nguyên tắc họ làm việc; thông qua lời, con người cũng hiểu được tâm tính của chính Đức Chúa Trời, cũng như sự phản nghịch và chống đối của con người, và họ biết được thực chất của chính mình. Thông qua các bước công tác này và thông qua mọi lời được phán, con người biết được công tác của Thần, công tác mà xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời làm, và còn hơn thế nữa, biết được toàn bộ tâm tính của Ngài. Kiến thức của người về công tác quản lý của Đức Chúa Trời trong sáu nghìn năm cũng đã đạt được thông qua lời. Chẳng phải sự hiểu biết về các quan niệm trước đây của người và sự thành công của người trong việc dẹp chúng sang một bên cũng đã đạt được thông qua lời sao? Trong giai đoạn trước đây, Jê-sus đã làm các dấu kỳ phép lạ, nhưng không có dấu kỳ phép lạ nào trong giai đoạn này. Chẳng phải sự hiểu biết của các người về lý do Đức Chúa Trời không tỏ lộ các dấu kỳ phép lạ cũng đã đạt được thông qua lời sao? Do đó, những lời được phán trong giai đoạn này vượt qua công tác đã được thực hiện bởi các sứ đồ và tiên tri của những thế hệ trước. Ngay cả những lời tiên tri đã được nói bởi các tiên tri cũng không thể đạt được kết quả này. Các tiên tri đã chỉ nói những lời tiên tri, họ nói về những gì sẽ xảy ra trong tương lai, nhưng không phải về công tác mà Đức Chúa Trời muốn làm vào thời điểm đó. Họ cũng đã không phán dạy để hướng dẫn loài người trong cuộc sống của họ, hoặc để ban những lẽ thật cho loài người, hoặc tiết lộ những lẽ mầu nhiệm cho họ, càng không phải để ban sự sống. Trong số những lời được phán trong giai đoạn này, có lời tiên tri và lẽ thật, nhưng chủ yếu những lời này là để ban sự sống cho con người. Những lời hiện nay không giống với những lời tiên tri của các tiên tri. Đây là một giai đoạn công tác vì sự sống của con người, để thay đổi tâm tính sự sống của con người, chứ không phải để nói tiên tri. Giai đoạn đầu tiên là công tác của Đức Giê-hô-va: công tác của Ngài là chuẩn bị một con đường để con người thờ phượng Đức Chúa Trời trên đất. Đó là công tác bắt đầu để tìm một nơi khởi nguồn cho công tác trên đất. Vào lúc đó, Đức Giê-hô-va đã dạy dân Y-sơ-ra-ên tuân giữ ngày Sa-bát, kính trọng cha mẹ, và sống hòa thuận với nhau. Điều này là bởi dân chúng thời đó không hiểu được những gì đã cấu thành nên họ, họ cũng không hiểu làm sao để sống trên đất. Điều cần thiết trong giai đoạn đầu tiên của công tác là Ngài hướng dẫn loài người sống cuộc sống của họ. Mọi điều Đức Giê-hô-va phán với họ chưa được nhân loại biết đến hoặc có được trước đó. Vào thời điểm đó, Đức Chúa Trời đã dấy lên nhiều tiên tri để nói những lời tiên tri,

và tất cả họ đều đã làm như vậy dưới sự hướng dẫn của Đức Giê-hô-va. Đây chỉ đơn giản là một hạng mục trong công tác của Đức Chúa Trời. Trong giai đoạn đầu tiên, Đức Chúa Trời đã không trở nên xác thịt, và vì thế, Ngài đã chỉ dẫn tất cả các chi phái và dân tộc thông qua các tiên tri. Khi Jêsus làm việc trong thời đại của mình, Ngài đã không phán nhiều như thời nay. Giai đoạn công tác này của lời trong thời kỳ sau rốt chưa từng được thực hiện trước đây trong các thời đại và các thế hệ trước. Mặc dù Ê-sai, Đa-ni-ên và Giăng đã nói nhiều lời tiên tri, nhưng những lời tiên tri của họ hoàn toàn khác với những lời được phán hiện giờ. Những gì họ đã nói chỉ là những lời tiên tri, nhưng những lời được nói hiện giờ thì không. Nếu Ta biến tất cả những gì Ta phán hiện giờ thành những lời tiên tri, liệu các người có thể hiểu được không? Giả sử những gì Ta phán là về những chuyện sau khi Ta đã rời khỏi, thì làm sao người có thể hiểu được? Công tác của lời chưa từng được thực hiện trong thời của Jêsus hoặc trong Thời đại Luật pháp. Có lẽ một số người sẽ nói: “Chẳng phải Đức Giê-hô-va cũng đã phán lời trong thời gian công tác của Ngài sao? Chẳng phải Jêsus ngoài việc chữa bệnh, đuổi quỷ, và làm các dấu kỳ phép lạ, cũng đã phán những lời lúc Ngài đang làm việc đó sao?”. Có những khác biệt giữa những điều được phán ra. Thực chất của những lời được Đức Giê-hô-va phán ra là gì? Ngài chỉ hướng dẫn con người sống cuộc sống của họ trên đất, vốn không chạm đến các vấn đề thuộc linh trong sự sống. Tại sao người ta nói rằng, khi Đức Giê-hô-va phán, đó là để chỉ dẫn cho dân chúng ở mọi nơi? Từ “chỉ dẫn” có nghĩa là nói một cách rõ ràng và ra lệnh một cách trực tiếp. Ngài đã không cung cấp cho con người sự sống; đúng hơn, Ngài chỉ đơn giản là cầm tay chỉ việc cho con người cách tôn kính Ngài, mà không cần quá nhiều phép ẩn dụ. Công tác Đức Giê-hô-va đã làm ở Y-sơ-ra-ên không phải là để xử lý hoặc sửa phạt con người hoặc để đưa ra sự phán xét và hành phạt; nó là để hướng dẫn họ. Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho Môi-se bảo dân sự của Ngài lượm ma-na trong đồng vắng. Mỗi buổi sáng trước khi mặt trời mọc, họ phải lượm ma-na, chỉ đủ cho họ ăn trong ngày hôm đó. Ma-na không thể để được đến ngày hôm sau, vì nó sẽ bị mốc. Ngài đã không giáo huấn con người hoặc vạch trần bản tính của họ, Ngài cũng đã không phơi bày những tư tưởng và suy nghĩ của họ. Ngài đã không thay đổi con người, mà thay vào đó, hướng dẫn họ sống cuộc sống của họ. Những người thời đó giống như trẻ con, không hiểu gì và chỉ có khả năng thực hiện một số động tác máy móc cơ bản; và vì vậy Đức Giê-hô-va đã chỉ ban hành luật pháp để hướng dẫn dân chúng mà thôi.

Để truyền bá Phúc Âm, hầu cho tất cả những ai tìm kiếm với một tấm lòng chân thật đều có thể đạt được kiến thức về công tác được thực hiện ngày nay và được thuyết phục hoàn toàn, người phải đạt đến một sự hiểu biết rõ ràng về câu chuyện

bên trong, thực chất và ý nghĩa của công tác được thực hiện trong từng giai đoạn. Hãy làm sao để, bằng cách lắng nghe sự thông công của người, những người khác có thể hiểu công tác của Đức Giê-hô-va, công tác của Jêsus, và hơn thế nữa, hiểu được mọi công tác của Đức Chúa Trời ngày nay, cũng như những mối liên hệ và sự khác biệt giữa ba giai đoạn công tác. Hãy làm sao để, sau khi nghe xong, những người khác sẽ thấy rằng ba giai đoạn không gây rối lẫn nhau, mà tất cả đều là công tác của cùng một Thần. Mặc dù Họ làm việc trong các thời đại khác nhau, nội dung công tác Họ thực hiện là khác nhau, và những lời Họ phán khác nhau, thế nhưng những nguyên tắc mà qua đó họ làm việc là một và như nhau. Đây là những khái tượng vĩ đại nhất mà tất cả mọi người theo Đức Chúa Trời nên hiểu.

Hai lần nhập thể hoàn tất ý nghĩa của sự nhập thể

Mỗi giai đoạn công tác được Đức Chúa Trời thực hiện đều có ý nghĩa thực tế riêng của nó. Thời xưa, khi Jêsus đến, Ngài đến trong hình hài người nam, và khi Đức Chúa Trời đến lần này, hình hài của Ngài là người nữ. Từ điều này, người có thể thấy rằng sự tạo dựng cả người nam và người nữ của Đức Chúa Trời đều có thể hữu dụng trong công tác của Ngài, và với Ngài không có sự phân biệt giới tính. Khi Thần của Ngài đến, Ngài có thể mang lấy bất kỳ xác thịt nào mà Ngài muốn, và xác thịt đó có thể đại diện cho Ngài; dù là nam hay nữ, nó có thể đại diện cho Đức Chúa Trời miễn nó là xác thịt nhập thể của Ngài. Nếu Jêsus đã xuất hiện trong thân phận một người nữ khi Ngài đến, nói cách khác, nếu một bé gái sơ sinh, chứ không phải một bé trai, đã được thai dựng bởi Đức Thánh Linh, thì giai đoạn công tác đó sẽ được hoàn thành dù thể nào đi chăng nữa. Nếu đúng là như thế, thì giai đoạn công tác hiện tại thay vào đó sẽ phải được hoàn thành bởi một người nam, nhưng công tác sẽ được hoàn thành dù thể nào đi chăng nữa. Công tác được thực hiện trong mỗi giai đoạn đều có ý nghĩa; không có giai đoạn công tác nào bị lặp lại, chúng cũng không mâu thuẫn với nhau. Vào thời điểm đó, Jêsus, khi thực hiện công tác của Ngài, đã được gọi là Con trai một, và “Con trai” ám chỉ giới tính nam. Tại sao Con trai một không được đề cập trong giai đoạn hiện tại này? Bởi vì những yêu cầu của công việc đã đòi hỏi một sự thay đổi về giới tính so với của Jêsus. Với Đức Chúa Trời, không có sự phân biệt giới tính. Ngài làm công tác của Ngài như Ngài muốn, và khi thực hiện công tác của mình thì Ngài không phải chịu bất kỳ sự hạn chế nào, mà được đặc biệt tự do. Tuy nhiên, mỗi giai đoạn công tác đều có ý nghĩa thực tế riêng của nó. Đức Chúa Trời đã trở nên xác thịt hai lần, và điều hiển nhiên là sự nhập thể của Ngài trong thời kỳ sau rốt là lần cuối cùng. Ngài đã đến để khiến cho mọi

việc làm của Ngài được biết đến. Nếu trong giai đoạn này Ngài không trở nên xác thịt để đích thân làm việc cho con người chứng kiến, thì con người sẽ mãi mãi bám lấy quan niệm cho rằng Đức Chúa Trời chỉ là nam, chứ không phải là nữ. Trước đó, toàn thể nhân loại đều đã tin rằng Đức Chúa Trời chỉ có thể là nam và rằng một người nữ thì không thể được gọi là Đức Chúa Trời, vì toàn thể nhân loại đều xem người nam có thẩm quyền hơn người nữ. Họ tin rằng không người nữ nào có thể nắm quyền, chỉ có người nam mà thôi. Hơn thế nữa, họ thậm chí còn nói rằng người nam là đầu của người nữ và rằng người nữ phải vâng lời người nam và không thể vượt qua người nam. Trong quá khứ, khi người ta nói rằng người nam là đầu của người nữ, điều này nhắm vào A-đam và Ê-va, những người đã bị con rắn dụ dỗ – không phải nhắm vào người nam và người nữ như khi họ được Đức Giê-hô-va tạo dựng nên lúc ban đầu. Tất nhiên, một người phụ nữ phải vâng lời và yêu thương chồng mình, còn một người chồng phải học cách nuôi dưỡng và chu cấp cho gia đình mình. Đây là những luật lệ và sắc lệnh do Đức Giê-hô-va đặt ra mà loài người phải tuân theo trong cuộc sống của họ trên đất. Đức Giê-hô-va đã phán với người nữ: “Sự dục vọng người phải xu hướng về chồng, và chồng sẽ cai trị người”. Ngài chỉ phán như vậy hầu cho loài người (nghĩa là, cả người nam và người nữ) có thể sống cuộc đời bình thường dưới sự thống trị của Đức Giê-hô-va, và hầu cho cuộc sống của loài người có thể có được một kết cấu, và không chệch ra khỏi trật tự đúng đắn của chúng. Do đó, Đức Giê-hô-va đã đưa ra các quy tắc phù hợp về cách người nam và người nữ nên hành động, mặc dù điều này chỉ liên quan đến muôn loài thọ tạo sống trên đất, và không liên quan gì đến xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời. Làm sao Đức Chúa Trời có thể giống như những loài thọ tạo của Ngài được? Những lời của Ngài chỉ nhắm vào loài người được Ngài dựng nên mà thôi; chính vì để cho loài người sống cuộc đời bình thường mà Ngài đã thiết lập các quy tắc cho người nam và người nữ. Ban đầu, khi Đức Giê-hô-va dựng nên loài người, Ngài đã dựng nên hai loại người, cả nam và nữ; và do đó có sự phân chia giữa nam và nữ trong các xác thịt nhập thể của Ngài. Ngài đã không quyết định công việc của Ngài dựa trên những lời Ngài đã phán với A-đam và Ê-va. Hai lần Ngài trở nên xác thịt đã được quyết định hoàn toàn dựa theo suy nghĩ của Ngài tại thời điểm Ngài tạo dựng nên loài người lần đầu tiên; nghĩa là, Ngài đã hoàn tất công tác của hai lần nhập thể của Ngài dựa trên người nam và người nữ trước khi họ bị bại hoại. Nếu loài người lấy những lời Đức Giê-hô-va đã phán với A-đam và Ê-va, là những người đã bị con rắn dụ dỗ, và áp dụng chúng cho công tác trong sự nhập thể của Đức Chúa Trời, thì chẳng phải Jê-sus cũng phải yêu vợ như Ngài phải làm hay sao? Theo cách này, liệu Đức Chúa Trời có còn là Đức Chúa Trời hay không? Và như vậy, liệu Ngài vẫn sẽ

có thể hoàn tất công tác của Ngài chứ? Nếu việc xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời trở thành người nữ là sai trật, thì chẳng phải việc Đức Chúa Trời đã tạo dựng nên người nữ cũng sẽ là một sai lầm nghiêm trọng nhất hay sao? Nếu mọi người vẫn tin rằng việc Đức Chúa Trời nhập thể thành người nữ là sai trật, thì chẳng phải Jê-sus, Đấng không kết hôn và do đó không thể yêu vợ mình, cũng sai lầm như sự nhập thể hiện tại hay sao? Vì người dùng những lời Đức Giê-hô-va đã phán với Ê-va để đo lường sự thật về sự nhập thể của Đức Chúa Trời trong thời đại ngày nay, nên người phải dùng những lời Đức Giê-hô-va đã phán với A-đam để phán xét Đức Chúa Jê-sus, là Đấng đã trở nên xác thịt trong Thời đại Ân điển. Chẳng phải những điều này là một hay sao? Vì người đo lường Đức Chúa Jê-sus dựa theo người nam chưa bị con rắn dụ dỗ, nên người không thể phán xét sự thật của sự nhập thể ngày nay dựa theo người nữ đã bị con rắn dụ dỗ được. Điều này sẽ là bất công! Đo lường Đức Chúa Trời dựa theo cách này chứng tỏ rằng người thiếu hợp lý. Khi Đức Giê-hô-va hai lần trở nên xác thịt, giới tính của xác thịt Ngài liên quan đến người nam và người nữ chưa bị con rắn cám dỗ; chính vì thế phù hợp với người nam và người nữ chưa bị con rắn lừa gạt mà Ngài đã hai lần trở nên xác thịt. Đừng nghĩ rằng nam tính của Jê-sus cũng giống như của A-đam, người đã bị con rắn dụ dỗ. Hai người hoàn toàn không liên quan, họ là hai người nam với hai bản chất khác nhau. Chắc chắn không thể nào nam tính của Jê-sus lại chứng minh Ngài là đầu của mọi người nữ mà không phải là đầu của mọi người nam? Chẳng phải Ngài là Vua của tất cả người Do Thái (bao gồm cả nam và nữ) sao? Ngài chính là Đức Chúa Trời, không chỉ là đầu của người nữ mà cũng là đầu của người nam. Ngài là Chúa của mọi tạo vật và là đầu của mọi tạo vật. Làm sao người có thể định đoạt nam tính của Jê-sus là biểu tượng của đầu của người nữ? Điều này chẳng phải là phạm thượng sao? Jê-sus là một người nam chưa bị bại hoại. Ngài là Đức Chúa Trời; Ngài là Đấng Christ; Ngài là Chúa. Làm sao Ngài có thể là một người nam giống như A-đam, là người đã bị bại hoại được? Jê-sus là xác thịt được mặc lấy bởi Thần thánh khiết nhất của Đức Chúa Trời. Làm sao người có thể nói Ngài là một Đức Chúa Trời sở hữu nam tính của A-đam? Trong trường hợp đó, chẳng lẽ mọi công tác của Đức Chúa Trời đều đã sai trật ư? Liệu Đức Giê-hô-va có kết hợp bên trong Jê-sus nam tính của A-đam, là người đã bị con rắn dụ dỗ không? Chẳng phải sự nhập thể của thời hiện tại là một ví dụ khác về công tác của Đức Chúa Trời nhập thể, Đấng khác giới tính với Jê-sus nhưng giống Ngài về bản chất sao? Người vẫn dám nói rằng Đức Chúa Trời nhập thể không thể là người nữ, bởi vì người nữ là người đầu tiên bị con rắn dụ dỗ sao? Người vẫn dám nói rằng, vì người nữ là người ô uế nhất và là nguồn gốc cho sự bại hoại của loài người, nên Đức Chúa Trời không thể nào trở nên xác thịt như một người nữ

sao? Người có dám khẳng định nói rằng “người nữ phải luôn vâng lời người nam và không bao giờ có thể biểu lộ hay đại diện trực tiếp cho Đức Chúa Trời” không? Người đã không hiểu trong quá khứ, nhưng bây giờ người có thể tiếp tục nói phạm đến công tác của Đức Chúa Trời, đặc biệt là xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời sao? Nếu người không thấy rõ điều này, thì tốt nhất hãy cẩn thận lời ăn tiếng nói của mình, kẻo sự đại dốt và ngu dốt của người bị phơi bày và sự xấu xí của người bị vạch trần. Đừng nghĩ rằng người hiểu hết mọi thứ. Ta nói cho người hay mọi thứ người đã nhìn thấy và trải nghiệm không đủ để người hiểu được dù là một phần nghìn trong kế hoạch quản lý của Ta. Vậy thì tại sao người lại hành động ngạo mạn như vậy? Một chút tài năng và một ít kiến thức nhỏ bé mà người có đó không đủ để Jê-sus sử dụng dù chỉ là một giây trong công tác của Ngài! Người thực sự có được bao nhiêu kinh nghiệm? Những gì người đã thấy và mọi điều người đã nghe trong suốt cuộc đời mình cùng những gì người đã tưởng tượng còn ít hơn cả công việc mà Ta thực hiện trong một khoảnh khắc! Tốt nhất là người đừng bới lông tìm vết. Người có thể kiêu ngạo tùy ý, nhưng người chẳng hơn gì một tạo vật thậm chí còn không bằng một con kiến! Mọi thứ người giữ trong bụng mình còn ít hơn những thứ ở trong bụng một con kiến! Đừng nghĩ rằng người có quyền khoa tay múa chân và huênh hoang chỉ vì người đã có được một ít kinh nghiệm và thâm niên. Chẳng phải kinh nghiệm và thâm niên của người là sản phẩm của những lời mà Ta đã phán ra hay sao? Người tin rằng chúng đã đổi lấy công lao khó nhọc của người sao? Ngày nay, người thấy rằng Ta đã trở nên xác thịt, và chỉ vì lý do này mà trong người có tràn ngập những khái niệm và từ đó là những quan niệm vô tận. Nếu không phải vì sự nhập thể của Ta, thì cho dù người sở hữu những tài năng phi thường, người cũng sẽ không có được quá nhiều khái niệm; và chẳng phải từ những điều này mà các quan niệm của người phát sinh hay sao? Nếu Jê-sus không trở nên xác thịt lần đầu tiên ấy, thì người thậm chí có biết về sự nhập thể hay không? Chẳng phải vì lần nhập thể đầu tiên đã cho người kiến thức nên người có hành động láo xược cố gắng phán xét lần nhập thể thứ hai hay sao? Tại sao, thay vì là một môn đệ ngoan ngoãn, người lại đang phải học điều đó? Khi người đã bước vào dòng chảy này và đến trước mặt Đức Chúa Trời nhập thể, liệu Ngài có cho phép người nghiên cứu về Ngài không? Người có thể nghiên cứu lịch sử gia đình của mình, nhưng nếu người cố gắng nghiên cứu “lịch sử gia đình” của Đức Chúa Trời thì liệu Đức Chúa Trời của ngày nay có cho phép người thực hiện một nghiên cứu như vậy hay không? Chẳng phải người bị mù sao? Chẳng phải người tự chuốc lấy sự khinh miệt cho chính mình sao?

Nếu chỉ có công việc của Jê-sus được thực hiện, và không được bổ sung bằng công việc trong giai đoạn của thời kỳ sau rốt này, thì con người sẽ mãi mãi bám lấy

quan niệm cho rằng duy chỉ Jêsus là Con trai một của Đức Chúa Trời, nghĩa là Đức Chúa Trời chỉ có duy nhất một con trai, và rằng bất cứ ai đến sau đó bởi một danh xưng khác thì sẽ không phải là Con trai một của Đức Chúa Trời, càng không phải là chính Đức Chúa Trời. Con người có quan niệm rằng bất kỳ ai hầu việc như một của lễ chuộc tội hoặc là người nắm quyền lực nhân danh Đức Chúa Trời và cứu chuộc toàn nhân loại, thì đều là Con trai một của Đức Chúa Trời. Có một số người tin rằng chỉ cần Đấng hiện đến là một người nam, thì Ngài có thể được xem là Con trai một của Đức Chúa Trời và là đại diện của Đức Chúa Trời. Thậm chí có những người còn nói rằng Jêsus là Con trai của Đức Giê-hô-va, Con trai một của Ngài. Chẳng phải những quan niệm như thế bị thổi phồng sao? Nếu giai đoạn công tác này không được thực hiện trong thời đại cuối cùng, thì đối với Đức Chúa Trời, toàn thể nhân loại sẽ bị che phủ dưới một bóng đen. Nếu vậy, người nam sẽ nghĩ mình cao trọng hơn người nữ, và người nữ sẽ không bao giờ có thể ngẩng đầu lên được, và khi đó thậm chí không một phụ nữ nào có thể được cứu rỗi. Mọi người luôn tin rằng Đức Chúa Trời là nam, và hơn nữa, rằng Ngài luôn xem thường người nữ và sẽ không ban sự cứu rỗi cho người nữ. Nếu vậy, chẳng phải đúng là tất cả người nữ, là những người đã được tạo dựng nên bởi Đức Giê-hô-va và những người cũng đã bị bại hoại, sẽ không bao giờ có cơ hội được cứu rỗi sao? Vậy thì chẳng phải sẽ là vô nghĩa khi Đức Giê-hô-va tạo dựng nên người nữ, nghĩa là tạo dựng nên Ê-va sao? Và chẳng phải người nữ sẽ bị diệt mất đời đời sao? Vì lý do này, giai đoạn công tác trong thời kỳ sau rất được thực hiện để cứu rỗi toàn thể nhân loại, chứ không chỉ người nữ. Nếu bất cứ ai nghĩ rằng Đức Chúa Trời phải nhập thể trở thành người nữ chỉ để cứu rỗi người nữ, thì người đó thực sự là một kẻ ngốc!

Công tác của ngày nay đã thúc đẩy công tác của Thời đại Ân điển; nghĩa là, công tác trong toàn bộ kế hoạch quản lý sáu nghìn năm đã tiến lên phía trước. Mặc dù Thời đại Ân điển đã kết thúc, nhưng công tác của Đức Chúa Trời vẫn tiến triển. Tại sao Ta phán hết lần này đến lần khác rằng giai đoạn công tác này xây dựng dựa trên Thời đại Ân điển và Thời đại Luật pháp? Bởi vì công tác của ngày nay là một sự tiếp nối của công tác được thực hiện trong Thời đại Ân điển, và một sự tiến bộ so với công tác được thực hiện trong Thời đại Luật pháp. Ba giai đoạn được liên kết chặt chẽ với nhau, với mỗi mắt xích trong chuỗi liên kết được gắn chặt với mắt xích kế tiếp. Tại sao Ta cũng phán rằng giai đoạn công tác này xây dựng dựa trên giai đoạn được thực hiện bởi Jêsus? Giả sử rằng giai đoạn này không xây dựng dựa trên công tác được thực hiện bởi Jêsus, thì một sự đóng đinh khác sẽ phải diễn ra trong giai đoạn này, và công tác cứu chuộc của giai đoạn trước sẽ phải được thực hiện lại từ đầu. Điều này sẽ là vô nghĩa. Và do đó, không phải là công tác được kết thúc hoàn

toàn, mà là thời đại đã tiến lên và mức độ của công tác đã được nâng lên cao hơn trước. Có thể nói rằng giai đoạn công tác này được xây dựng trên nền tảng của Thời đại Luật pháp và trên tảng đá công trình của Jêsus. Công tác của Đức Chúa Trời được xây dựng theo từng giai đoạn, và giai đoạn này không phải là một sự khởi đầu mới. Chỉ có sự kết hợp của ba giai đoạn công tác mới có thể được xem là kế hoạch quản lý sáu nghìn năm. Công tác của giai đoạn này được thực hiện trên nền tảng công tác của Thời đại Ân điển. Nếu hai giai đoạn công tác này không liên quan đến nhau, thì tại sao sự đóng đinh không bị lặp lại trong giai đoạn này? Tại sao Ta không mang tội lỗi của con người, mà thay vào đó lại đến để trực tiếp phán xét và hành phạt con người? Nếu công tác phán xét và hành phạt con người của Ta không theo sau việc bị đóng đinh, cùng sự đến của Ta bây giờ không được hình thành bởi Đức Thánh Linh, thì Ta sẽ không đủ tư cách để phán xét và hành phạt con người. Chính bởi vì Ta và Jêsus là một nên Ta đến trực tiếp để hành phạt và phán xét con người. Công tác ở giai đoạn này được xây dựng hoàn toàn dựa trên công tác ở giai đoạn trước. Đó là lý do tại sao chỉ có loại công tác này mới có thể đưa con người, từng bước một, vào sự cứu rỗi. Jêsus và Ta đến từ cùng một Thần. Mặc dù xác thịt của Chúng Ta không liên quan đến nhau, nhưng Thần của Chúng Ta là một; mặc dù nội dung của những gì Chúng Ta làm và công tác Chúng Ta đảm nhận không giống nhau, nhưng Chúng Ta giống nhau về bản chất; xác thịt của Chúng Ta mang hình dạng khác nhau, nhưng điều này là do sự thay đổi trong thời đại và các yêu cầu khác nhau trong công tác của Chúng Ta; chức vụ của Chúng Ta không giống nhau, vì vậy công tác Chúng Ta làm ra và những tâm tính mà Chúng Ta tỏ lộ ra cho con người cũng khác nhau. Đó là lý do tại sao những gì con người thấy và hiểu ngày nay không giống như trong quá khứ, là do sự thay đổi trong thời đại. Mặc dù Họ khác nhau về giới tính và hình dạng xác thịt của Họ, và Họ không được sinh ra trong cùng một gia đình, càng không sống trong cùng một khoảng thời gian, nhưng Thần của Họ vẫn là một. Mặc dù xác thịt của Họ không có mối quan hệ về huyết thống cũng như về thể chất dưới bất kỳ hình thức nào, nhưng không thể phủ nhận rằng Họ là những xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời trong hai thời kỳ khác nhau. Việc Họ là những xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời là một sự thật không thể chối cãi. Tuy nhiên, Họ không cùng huyết thống và không dùng chung một thứ ngôn ngữ của loài người (một người là nam nói tiếng của người Do Thái còn người kia là nữ chỉ nói tiếng Trung Quốc). Chính vì những lý do này mà Họ đã sống ở những quốc gia khác nhau để thực hiện công việc mà từng người cần phải làm, và còn trong những thời kỳ khác nhau nữa. Mặc dù thực tế rằng Họ là cùng một Thần, có cùng bản chất, nhưng không có những sự tương đồng tuyệt đối giữa vẻ bề ngoài của xác thịt Họ. Tất cả những gì Họ có

chung là cùng một nhân tính, nhưng xét về hình dạng bên ngoài của xác thịt Họ và hoàn cảnh sinh ra của Họ, thì Họ không giống nhau. Những điều này không ảnh hưởng đến công việc tương ứng của Họ hoặc đến kiến thức mà con người có về Họ, vì xét cho cùng, Họ là cùng một Thần và không ai có thể tách rời Họ. Mặc dù Họ không có quan hệ huyết thống, nhưng toàn bộ hữu thể của Họ chịu trách nhiệm về Thần của họ, phân bổ cho Họ những công việc khác nhau trong những thời kỳ khác nhau, và xác thịt của Họ thuộc các dòng dõi huyết thống khác nhau. Thần của Đức Giê-hô-va không phải là cha của Thần của Jê-sus, và Thần của Jê-sus không phải là con trai của Thần của Đức Giê-hô-va: Họ là cùng một Thần. Tương tự như vậy, Đức Chúa Trời nhập thể ngày nay và Jê-sus không có quan hệ về huyết thống, nhưng Họ là một, điều này là do Thần của Họ là một. Đức Chúa Trời có thể làm công tác của lòng thương xót và nhân từ, cũng như công tác của sự phán xét công chính và hành phạt con người, và việc giáng sự rửa sả xuống cho con người; và cuối cùng, Ngài có thể làm công việc hủy diệt thế gian và trừng phạt kẻ ác. Chẳng phải chính Ngài làm tất cả những điều này sao? Đây chẳng phải là sự toàn năng của Đức Chúa Trời sao? Ngài có thể vừa ban hành luật pháp cho con người vừa ban các điều răn cho họ, và Ngài cũng có thể dẫn dắt những người Y-sơ-ra-ên đầu tiên sống cuộc đời của họ trên trần gian và hướng dẫn họ trong việc xây dựng đền thờ và bàn thờ, giữ tất cả dân Y-sơ-ra-ên ở dưới sự thống trị của Ngài. Nhờ thẩm quyền của mình, Ngài đã sống trên trần gian với dân Y-sơ-ra-ên trong hai nghìn năm. Dân Y-sơ-ra-ên đã không dám dấy loạn chống lại Ngài; tất cả đều tôn kính Đức Giê-hô-va và tuân theo các điều răn của Ngài. Đó là công việc được thực hiện nhờ thẩm quyền và sự toàn năng của Ngài. Sau đó, trong Thời đại Ân điển, Jê-sus đã đến để cứu chuộc toàn thể nhân loại sa ngã (không chỉ dân Y-sơ-ra-ên). Ngài đã tỏ lòng thương xót và nhân từ đối với con người. Jê-sus mà con người nhìn thấy trong Thời đại Ân điển có đầy lòng nhân từ và luôn yêu thương đối với con người, vì Ngài đã đến để cứu rỗi nhân loại khỏi tội lỗi. Ngài đã có thể tha thứ cho tội lỗi của họ cho đến khi sự đóng đinh của Ngài hoàn toàn cứu chuộc nhân loại khỏi tội lỗi. Trong giai đoạn này, Đức Chúa Trời đã xuất hiện trước con người với lòng thương xót và nhân từ; nghĩa là, Ngài đã trở thành một cửa lễ chuộc tội cho con người và đã bị đóng đinh vì tội lỗi của con người, hầu cho họ có thể mãi mãi được tha thứ. Ngài nhân từ, thương xót, nhịn nhục và yêu thương. Và tất cả những người theo Jê-sus trong Thời đại Ân điển cũng đã cố gắng nhịn nhục và yêu thương trong mọi sự. Họ chậm nóng giận, và không bao giờ chống trả ngay cả khi bị đánh đập, bị rửa sả hoặc bị ném đá. Nhưng trong giai đoạn cuối cùng thì không còn có thể như vậy nữa. Công tác của Jê-sus và Đức Giê-hô-va không hoàn toàn giống nhau mặc dù Họ thuộc cùng một Thần. Công tác của Đức

Giê-hô-va đã không mang thời đại đến hồi kết thúc, mà là dẫn dắt thời đại, mở ra đời sống của loài người trên trái đất, và công tác của ngày nay là chinh phục các dân tại các quốc gia dân ngoại, những người đã bị bại hoại sâu sắc, và dẫn dắt không chỉ dân sự được Đức Chúa Trời chọn ở Trung Quốc, mà còn cả toàn bộ vũ trụ và toàn thể nhân loại. Có thể người thấy rằng công tác này chỉ được thực hiện ở Trung Quốc, nhưng trong thực tế nó đã bắt đầu lan rộng ra nước ngoài. Tại sao những người ở ngoài Trung Quốc lại tìm kiếm con đường thật, hết lần này đến lần khác? Đó là bởi vì Thần đã bắt đầu làm việc, và những lời được phán ngày nay nhắm vào con người khắp vũ trụ. Với điều này, một nửa công việc đã được tiến hành. Từ lúc sáng thế cho đến hiện tại, Thần của Đức Chúa Trời đã khởi động công trình vĩ đại này, và hơn nữa đã thực hiện các công tác khác nhau ở các thời đại khác nhau và giữa các quốc gia khác nhau. Con người ở mỗi thời đại nhìn thấy một tâm tính khác nhau của Ngài, được tỏ lộ một cách tự nhiên thông qua các công tác khác nhau mà Ngài thực hiện. Ngài là Đức Chúa Trời, tràn đầy sự thương xót và nhân từ; Ngài là của lễ chuộc tội cho con người và là Đấng chặn dắt của con người; nhưng Ngài cũng là sự phán xét, hình phạt và rửa sạch của con người. Ngài có thể dẫn dắt con người sống trên đất trong hai nghìn năm, và Ngài cũng có thể cứu chuộc loài người bại hoại khỏi tội lỗi. Ngày nay, Ngài cũng có thể chinh phục loài người, những người không biết Ngài, và bắt họ phải phục phục dưới sự thống trị của Ngài, hầu cho tất cả đều quy phục Ngài hoàn toàn. Cuối cùng, Ngài sẽ thiêu rụi tất cả những gì ô uế và bất chính bên trong con người trên khắp vũ trụ, để cho họ thấy rằng Ngài không chỉ là một Đức Chúa Trời thương xót và yêu thương, không chỉ là một Đức Chúa Trời của sự khôn ngoan và phép lạ, không chỉ là một Đức Chúa Trời thánh khiết, mà hơn nữa, còn là một Đức Chúa Trời phán xét con người. Đối với những kẻ xấu xa ở giữa loài người, Ngài là sự thiêu đốt, sự phán xét và trừng phạt; đối với những người phải được hoàn thiện, Ngài là cơn hoạn nạn, sự tinh luyện và những thử luyện, cũng như sự yên ủi, sự nuôi dưỡng, sự chu cấp lời, sự xử lý và tía sữa. Và đối với những người bị loại trừ, Ngài là sự trừng phạt và sự báo trả. Hãy nói cho Ta biết, Đức Chúa Trời không phải là toàn năng sao? Ngài có khả năng làm bất kỳ công việc nào, không chỉ là sự đóng đinh, như người tưởng tượng. Người quá xem thường Đức Chúa Trời! Người tin rằng tất cả những gì Ngài có thể làm là cứu chuộc toàn nhân loại thông qua việc đóng đinh của Ngài, và chỉ có vậy hay sao? Và sau đó, người sẽ theo Ngài lên thiên đàng để ăn trái từ cây sự sống và uống từ sông nước sự sống sao? ... Có thể nào lại đơn giản đến thế? Hãy nói cho Ta biết, người đã hoàn thành được những gì? Người có sự sống của Jêsus không? Người quả thật đã được Ngài cứu chuộc, nhưng sự đóng đinh là công tác của chính Jêsus. Người đã thực hiện bổn phận gì

với tư cách là một con người? Người chỉ có lòng mộ đạo bề ngoài, nhưng người không hiểu đường lối của Ngài. Có phải đó là cách người biểu lộ Ngài hay không? Nếu người chưa đạt được sự sống của Đức Chúa Trời hoặc chưa nhìn thấy toàn bộ tâm tính công chính của Ngài, thì người không thể tự xưng là người có sự sống được, và người không xứng đáng để đi qua cổng của thiên quốc.

Đức Chúa Trời không chỉ là Thần, Ngài còn có thể trở nên xác thịt. Hơn nữa, Ngài là một thân thể vinh hiển. Mặc dù các người đã không nhìn thấy Jêsus, nhưng Ngài đã được chứng kiến bởi dân Y-sơ-ra-ên – những người Do Thái vào thời đó. Lúc đầu, Ngài là một thân thể xác thịt, nhưng sau khi Ngài bị đóng đinh, Ngài đã trở thành thân thể vinh hiển. Ngài là Thần toàn diện và có thể làm việc ở mọi nơi. Ngài có thể là Đức Giê-hô-va, hoặc Jêsus, hoặc Đấng Mê-si; cuối cùng, Ngài cũng có thể trở thành Đức Chúa Trời Toàn Năng. Ngài là sự công chính, sự phán xét và hình phạt; Ngài là sự rửa sạch và cơn thịnh nộ; nhưng Ngài cũng là sự thương xót và nhân từ. Tất cả những công việc mà Ngài đã làm đều có khả năng đại diện cho Ngài. Người cho rằng Ngài thuộc loại nào? Người không thể giải thích được. Nếu người thật sự không thể giải thích, thì người không nên đi đến kết luận về Đức Chúa Trời. Đừng rút ra kết luận rằng Đức Chúa Trời mãi mãi là một Đức Chúa Trời của sự thương xót và nhân từ chỉ vì Ngài đã làm công tác cứu chuộc trong một giai đoạn. Người có thể nào chắc chắn rằng Ngài chỉ là một Đức Chúa Trời thương xót và yêu thương hay không? Nếu Ngài chỉ đơn thuần là một Đức Chúa Trời nhân từ và yêu thương, thì tại sao Ngài sẽ mang thời đại đến hồi kết thúc trong thời kỳ sau rốt? Tại sao Ngài sẽ giáng xuống rất nhiều tai họa? Theo những quan niệm và suy nghĩ của mọi người, Đức Chúa Trời nên nhân từ và yêu thương cho đến tận cùng, hầu cho từng thành viên cuối cùng của loài người sẽ được cứu rỗi. Nhưng tại sao, trong thời kỳ sau rốt, Ngài lại giáng xuống những tai họa thật khủng khiếp như động đất, bệnh dịch, và nạn đói để hủy diệt loài người tà ác này, những kẻ xem Đức Chúa Trời như kẻ thù? Tại sao Ngài lại để cho con người phải chịu những tai họa này? Còn về việc Đức Chúa Trời thuộc loại nào, không ai trong số các người dám nói, và không ai có thể giải thích. Người có dám chắc rằng Ngài là Thần không? Người có dám nói rằng Ngài không phải là gì khác ngoài xác thịt của Jêsus không? Và người có dám nói rằng Ngài là một Đức Chúa Trời sẽ mãi mãi bị đóng đinh vì con người không?

Ba Ngôi có tồn tại không?

Sau khi sự thật về Jêsus trở nên xác thật trở thành hiện thực, con người đã tin điều rằng trên trời không chỉ có Cha, mà còn có Con, và thậm chí là Thần. Đây là quan niệm thông thường mà con người nắm giữ, rằng có một Đức Chúa Trời như thế này trên trời: một Đức Chúa Trời ba ngôi là Cha, Con và Đức Thánh Linh. Tất cả nhân loại đều có những quan niệm này: Đức Chúa Trời là một Đức Chúa Trời, nhưng bao gồm ba phần, điều mà tất cả những kẻ cực kỳ cố chấp trong các quan niệm thông thường cho là Cha, Con và Đức Thánh Linh. Chỉ khi ba phần đó hợp nhất mới là toàn thể Đức Chúa Trời. Không có Cha Thánh, Đức Chúa Trời sẽ không trọn vẹn. Tương tự, Đức Chúa Trời cũng sẽ không trọn vẹn nếu không có Con hoặc Đức Thánh Linh. Theo các quan niệm của mình, họ tin rằng một mình Cha hoặc một mình Con không thể được xem là Đức Chúa Trời. Chỉ có Cha, Con và Đức Thánh Linh hợp lại mới có thể được xem là chính Đức Chúa Trời. Giờ đây, mọi tín đồ tôn giáo, và thậm chí mỗi người đi theo trong số các người, đều giữ niềm tin này. Tuy nhiên, về việc liệu niềm tin này có chính xác hay không thì không ai có thể giải thích, vì các người luôn trong tình trạng hoang mang lẫn lộn về các vấn đề của chính Đức Chúa Trời. Mặc dù đây là những quan niệm, nhưng các người không biết liệu chúng đúng hay sai, vì các người đã bị nhiễm nặng các quan niệm tôn giáo. Các người đã chấp nhận quá sâu sắc những quan niệm tôn giáo thông thường này, và chất độc này đã thấm quá sâu trong các người. Do đó, trong vấn đề này các người cũng đã không chống nổi ảnh hưởng nguy hại này, vì Đức Chúa Trời ba ngôi đơn giản là không tồn tại. Nghĩa là, Ba Ngôi gồm Cha, Con và Đức Thánh Linh đơn giản là không tồn tại. Đây đều là những quan niệm thông thường của con người, và những niềm tin sai lầm của con người. Trong suốt nhiều thế kỷ, con người đã tin vào Ba Ngôi này, được dựng lên bởi những quan niệm trong tâm trí của con người, được tạo ra bởi con người và chưa từng được con người nhìn thấy trước đây. Suốt nhiều năm nay, đã có nhiều nhà diễn giải Kinh Thánh giải thích về “ý nghĩa thực sự” của Ba Ngôi, nhưng những lời giải thích về Đức Chúa Trời Ba Ngôi là ba thân vị đồng thể riêng biệt như thế lại mơ hồ và không rõ ràng, và mọi người đều hoang mang bởi “cấu trúc” của Đức Chúa Trời. Không một vĩ nhân nào từng có thể đưa ra được một lời giải thích thấu đáo; hầu hết những lời giải thích đều được cho là hợp lý về mặt lý luận và trên lý thuyết, nhưng không một con người nào có một sự hiểu biết hoàn toàn rõ ràng về ý nghĩa của nó. Điều này là do Ba Ngôi vĩ đại này mà con người giữ trong lòng đơn giản là không tồn tại. Vì chưa ai đã từng nhìn thấy diện mạo thực sự của Đức Chúa Trời hoặc từng đủ may mắn để lên đến nơi trú ngụ của Đức Chúa Trời dò xét xem

những thứ gì hiện có ở nơi Đức Chúa Trời ngự, để xác định chính xác có bao nhiêu chục nghìn hoặc trăm triệu thể hệ đang ở trong “nhà của Đức Chúa Trời” hoặc để điều tra xem chính xác có bao nhiêu phần tạo thành cấu trúc vốn có của Đức Chúa Trời. Điều chủ yếu cần được xem xét là: tuổi của Cha và Con, cũng như Đức Thánh Linh; ngoại hình tương ứng của từng thân vị; chính xác là Họ được phân chia ra như thế nào, và Họ được hợp nhất ra sao. Thật không may, trong suốt nhiều năm nay, không một con người nào có thể xác định được sự thật của những vấn đề này. Tất cả họ đều đơn giản là phỏng đoán, vì không một con người nào đã từng lên thiên đàng tham quan và trở về với một “bản báo cáo điều tra” cho cả nhân loại để báo cáo về sự thật của vấn đề cho tất cả những tín đồ tôn giáo nhiệt thành và sùng đạo quan tâm về Ba Ngôi. Dĩ nhiên, không thể đổ lỗi cho con người vì đã hình thành nên những quan niệm như thế, vì tại sao Đức Giê-hô-va là Cha đã không có Jê-sus là Con đồng hành với Ngài khi Ngài dựng nên loài người? Nếu ngay từ đầu, tất cả đều theo danh của Đức Giê-hô-va, thì sẽ tốt hơn. Nếu phải đổ lỗi, hãy đổ cho sai lầm nhất thời của Giê-hô-va Đức Chúa Trời, Đấng đã không gọi Con và Đức Thánh Linh đến trước Ngài trong thời điểm sáng thế, mà chỉ thực hiện công tác của Ngài một mình. Nếu tất cả Họ đều đã làm việc cùng một lúc, thì chẳng phải Họ sẽ trở thành một sao? Nếu ngay từ lúc bắt đầu cho đến khi kết thúc, chỉ có danh Giê-hô-va chứ không có danh của Jê-sus từ Thời đại Ân điển, hoặc nếu khi đó Ngài vẫn được gọi là Đức Giê-hô-va, thì chẳng phải Đức Chúa Trời sẽ không phải chịu sự đau khổ của việc bị nhân loại phân chia như thế này sao? Hẳn nhiên, Đức Giê-hô-va không thể bị trách cứ vì tất cả điều này; nếu phải đổ lỗi, hãy đổ nó lên Đức Thánh Linh, Đấng đã tiếp tục công tác của Ngài trong hàng nghìn năm bằng danh của Đức Giê-hô-va, của Jê-sus, và thậm chí của Đức Thánh Linh, khiến con người hoang mang và bối rối đến nỗi con người không thể biết chính xác ai là Đức Chúa Trời. Nếu chính Đức Thánh Linh đã làm việc mà không có hình dạng hay hình ảnh, và hơn nữa, không có danh xưng chẳng hạn như Jê-sus, và con người cũng không thể chạm vào hoặc nhìn thấy Ngài, chỉ nghe thấy những tiếng sấm, thì chẳng phải loại công tác này sẽ có lợi hơn cho nhân loại sao? Vậy có thể làm được gì bây giờ? Các quan niệm của con người đã chất cao như núi và rộng như biển, đến mức mà Đức Chúa Trời của ngày nay không thể chịu đựng được chúng nữa và hoàn toàn không biết phải làm gì. Trong quá khứ, khi chỉ có Đức Giê-hô-va, Jê-sus, và Đức Thánh Linh ở giữa Họ, con người đã không biết làm thế nào để đối phó rồi, và bây giờ còn có thêm Đấng Toàn Năng, Đấng thậm chí cũng được cho là một phần của Đức Chúa Trời. Ai biết được Ngài là ai và thân vị nào trong Ba Ngôi mà Ngài đã hòa lẫn hoặc ẩn dụ cho bao nhiêu năm đi nữa? Làm thế nào con người có thể chịu đựng được điều này? Chỉ riêng Đức

Chúa Trời ba ngôi đã đủ để con người mất cả cuộc đời để giải thích, nhưng giờ đây lại có “một Đức Chúa Trời trong bốn thân vị”. Điều này có thể được giải thích như thế nào? Người có thể giải thích điều đó không? Các anh chị em! Làm sao các người lại tin vào một Đức Chúa Trời như thế cho đến ngày nay? Ta đến ngả mũ thán phục trước các người. Đức Chúa Trời ba ngôi là đã đủ để chịu đựng; sao mà các người lại có thể tiếp tục có niềm tin không thể lay chuyển như thế vào một Đức Chúa Trời trong bốn thân vị này được? Các người đã được thúc giục để thoát ra, nhưng các người lại từ chối. Thật không thể tin được! Các người cũng được đẩy! Một người thực sự có thể đi xa đến mức tin vào bốn Đức Chúa Trời và chẳng để ý gì về điều đó; các người không nghĩ đây là một phép lạ sao? Nhìn vào các người, không ai biết các người lại có thể làm một phép lạ vĩ đại như thế! Để Ta nói cho các người hay, thật ra, Đức Chúa Trời ba ngôi không tồn tại ở bất kỳ nơi đâu trong vũ trụ này. Đức Chúa Trời không có Cha và không có Con, huống chi là có một khái niệm rằng Cha và Con cùng sử dụng Đức Thánh Linh như một công cụ. Tất cả điều này là một sai lầm lớn nhất trong thế giới này và đơn giản là không tồn tại! Tuy nhiên, ngay cả một sai lầm như vậy cũng có nguồn gốc của nó và không hoàn toàn là không có cơ sở, vì tâm trí của các người không đơn giản như vậy, và tư tưởng của các người không phải là không có lý lẽ. Thay vào đó, chúng khá phù hợp và tài tình, đến mức chúng là bất khả xâm phạm ngay cả với bất kỳ Sa-tan nào. Điều đáng tiếc là những suy nghĩ này đều là nguy hiểm và đơn giản là không tồn tại! Các người đã chưa hề thấy sự thật thực sự nào; các người chỉ đơn thuần đưa ra những phỏng đoán và tưởng tượng, rồi thêu dệt tất cả thành một câu chuyện để lừa giành được sự tin tưởng của người khác và giành quyền thống trị những kẻ ngu ngốc nhất không có trí tuệ hoặc lý trí, hầu cho họ tin vào “những lời dạy chuyên gia” vĩ đại và nổi tiếng của các người. Đây có phải là lẽ thật không? Đây có phải là con đường sự sống mà con người nên nhận lấy không? Tất cả đều nhằm nhĩ! Không một lời nào là phù hợp! Suốt nhiều năm nay, Đức Chúa Trời đã bị các người phân chia theo cách này, bị phân chia ngày càng nhỏ hơn theo từng thế hệ, đến mức một Đức Chúa Trời đã bị công khai phân chia thành ba Đức Chúa Trời. Và giờ đây con người hoàn toàn không thể sáp nhập Đức Chúa Trời lại làm một, vì các người đã phân chia Ngài ra quá nhỏ! Nếu không phải vì công tác tức thời của Ta trước khi quá muộn, thật khó nói các người sẽ tiếp tục trơ tráo theo cách này bao lâu! Tiếp tục phân chia Đức Chúa Trời theo cách này, làm sao Ngài vẫn có thể là Đức Chúa Trời của các người được? Liệu các người vẫn sẽ nhận ra Đức Chúa Trời chứ? Các người vẫn sẽ tìm được cội nguồn của mình chứ? Nếu Ta đến muộn hơn chút nữa, khả năng là các người sẽ đưa “Cha và Con”, Đức Giê-hô-va và Jê-sus trở lại Y-sơ-ra-ên và tuyên bố rằng chính các người là một

phần của Đức Chúa Trời. May mắn thay, hiện nay là thời kỳ sau rốt. Cuối cùng, ngày mà Ta đã chờ đợi từ lâu này đã đến, và chỉ sau khi Ta đã tự tay thực hiện giai đoạn công tác này thì việc phân chia chính Đức Chúa Trời của các người mới dừng lại. Nếu không vì điều này, các người sẽ lẫn tới, thậm chí đặt tất cả những Sa-tan trong số các người lên bàn để thờ phượng. Đây là thủ đoạn của các người! Đây là phương thức phân chia Đức Chúa Trời của các người! Giờ các người sẽ tiếp tục làm như vậy chứ? Để Ta hỏi các người: Có bao nhiêu Đức Chúa Trời? Đức Chúa Trời nào sẽ mang lại cho các người sự cứu rỗi? Đó có phải là Đức Chúa Trời đầu tiên, thứ hai hoặc thứ ba mà các người luôn cầu nguyện không? Ai là Đấng các người luôn tin vào? Có phải là Cha? Hay là Con? Hay là Thần? Hãy nói cho Ta biết người tin vào ai. Mặc dù mỗi lời các người đều nói mình tin vào Đức Chúa Trời, nhưng những gì các người thực sự tin là bộ não của chính mình! Các người hoàn toàn không có Đức Chúa Trời trong lòng mình! Vậy mà trong tâm trí các người là một số Ba Ngôi như thế! Các người không đồng ý sao?

Nếu ba giai đoạn công tác được đánh giá theo khái niệm về Ba Ngôi này, thì phải có ba Đức Chúa Trời vì công tác được thực hiện bởi mỗi Đức Chúa Trời là không giống nhau. Nếu bất kỳ ai trong số các người nói rằng Ba Ngôi thực sự tồn tại, vậy thì hãy giải thích chính xác một Đức Chúa Trời trong ba thân vị này là gì. Cha Thánh là gì? Con là gì? Đức Thánh Linh là gì? Đức Giê-hô-va có phải là Cha Thánh không? Jê-sus có phải là Con không? Vậy còn Đức Thánh Linh là gì? Chẳng phải Cha là một Thần sao? Chẳng phải thực chất Con cũng là một Thần sao? Chẳng phải công tác của Jê-sus là công tác của Đức Thánh Linh sao? Chẳng phải công tác của Đức Giê-hô-va vào thời điểm đó đã được thực hiện bởi một Thần giống như Jê-sus sao? Đức Chúa Trời có thể có bao nhiêu Thần? Theo lời giải thích của người, ba thân vị của Cha, Con và Đức Thánh Linh là một; nếu vậy thì có ba Thần, nhưng có ba Thần nghĩa là có ba Đức Chúa Trời. Điều này có nghĩa là không có Đức Chúa Trời thật duy nhất; làm sao dạng Đức Chúa Trời này vẫn có thể có thực chất vốn có của Đức Chúa Trời được? Nếu người chấp nhận rằng chỉ có một Đức Chúa Trời, thì làm sao Ngài có thể có một con trai và là một người cha được? Chẳng phải đây hoàn toàn là những quan niệm của người sao? Chỉ có một Đức Chúa Trời, chỉ có một thân vị trong Đức Chúa Trời này, và chỉ có một Thần của Đức Chúa Trời, giống như được viết trong Kinh Thánh rằng: “Chỉ có một Đức Thánh Linh và chỉ có một Đức Chúa Trời”. Bất kể Cha và Con mà người nói đến có tồn tại hay không, cuối cùng cũng chỉ có một Đức Chúa Trời, và thực chất của Cha, Con và Đức Thánh Linh mà các người tin vào là thực chất của Đức Thánh Linh. Nói cách khác, Đức Chúa Trời là Thần, nhưng Ngài có thể trở nên xác thịt và sống giữa con người, cũng như vượt lên trên

muôn vật. Thần của Ngài toàn diện và ở khắp mọi nơi. Ngài có thể đồng thời ở trong xác thịt, và ở trong và trên vũ trụ. Vì tất cả mọi người nói rằng Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời có thật duy nhất, nên chỉ có một Đức Chúa Trời, không thể bị phân chia theo ý muốn của ai cả! Đức Chúa Trời chỉ là một Thần, và chỉ có một thân vị; và đó là Thần của Đức Chúa Trời. Nếu như người nói, Cha, Con và Đức Thánh Linh, thì chẳng phải Họ là ba Đức Chúa Trời sao? Đức Thánh Linh là một chuyện, Con là một chuyện khác, và Cha là một chuyện khác nữa. Những thân vị của họ khác nhau và bản chất của Họ khác nhau, vậy làm sao từng vị Họ có thể là một phần của một Đức Chúa Trời duy nhất được? Đức Thánh Linh là một Thần; điều này dễ hiểu đối với con người. Nếu vậy, thì Cha thậm chí còn hơn cả một Thần. Ngài chưa bao giờ giáng thế và chưa bao giờ trở nên xác thịt; Ngài là Giê-hô-va Đức Chúa Trời trong lòng con người, và Ngài chắc chắn cũng là một Thần. Vậy thì mối quan hệ giữa Ngài và Đức Thánh Linh là gì? Có phải đó là mối quan hệ giữa Cha và Con không? Hay đó là mối quan hệ giữa Đức Thánh Linh và Thần của Cha? Thực chất của từng Thần có giống nhau không? Hay Đức Thánh Linh là một công cụ của Cha? Điều này có thể được giải thích như thế nào? Và rồi mối quan hệ giữa Con và Đức Thánh Linh là gì? Đó có phải là một mối quan hệ giữa hai Thần hay là mối quan hệ giữa một con người và một Thần? Đây là tất cả những vấn đề không thể có lời giải thích! Nếu tất cả Họ là một Thần, thì không thể nói là ba thân vị, vì Họ sở hữu một Thần duy nhất. Nếu Họ là những thân vị khác nhau, thì Thần của Họ sẽ có sức mạnh khác nhau, và Họ hoàn toàn không thể là một Thần duy nhất. Khái niệm về Cha, Con và Đức Thánh Linh này là ngớ ngẩn nhất! Điều này phân khúc Đức Chúa Trời và phân chia Ngài thành ba thân vị, từng thân vị có một thân thể và Thần; vậy thì làm sao Ngài vẫn có thể là một Thần và một Đức Chúa Trời được? Hãy cho Ta biết, trời đất và muôn vật đã được tạo ra bởi Cha, Con hay Đức Thánh Linh? Một số người nói rằng Họ đã cùng nhau tạo dựng nên tất cả. Vậy ai đã cứu chuộc nhân loại? Đó là Đức Thánh Linh, Con hay Cha? Một số người nói rằng chính Con đã cứu chuộc nhân loại. Vậy thì ai là Con về bản chất? Chẳng phải Ngài là sự nhập thể của Thần của Đức Chúa Trời sao? Đáng nhập thể gọi Đức Chúa Trời trên trời bằng danh của Cha từ góc độ của một con người được thọ tạo. Người không biết Jêsus đã được sinh ra từ sự thai dựng bởi Đức Thánh Linh sao? Trong Ngài là Đức Thánh Linh; dù người nói gì đi nữa, Ngài với Đức Chúa Trời trên trời vẫn là một, vì Ngài là sự nhập thể của Thần của Đức Chúa Trời. Quan niệm này về Con hoàn toàn không đúng sự thật. Chính một Thần thực hiện mọi công tác; chỉ có chính Đức Chúa Trời, nghĩa là Thần của Đức Chúa Trời thực hiện công tác của Ngài. Ai là Thần của Đức Chúa Trời? Chẳng phải đó là Đức Thánh Linh sao? Chẳng phải Đức Thánh Linh là Đấng làm việc qua

Jêsus sao? Nếu công tác không được thực hiện bởi Đức Thánh Linh (nghĩa là Thần của Đức Chúa Trời), thì công tác của Ngài có thể nào đại diện cho chính Đức Chúa Trời không? Khi Jêsus gọi Đức Chúa Trời trên trời bằng danh của Cha khi Ngài cầu nguyện, điều này chỉ được thực hiện từ góc độ của một con người thọ tạo, chỉ bởi vì Thần của Đức Chúa Trời đã mặc lấy một xác thịt thông thường và bình thường và đã có vỏ bọc bên ngoài của một loài thọ tạo. Ngay cả khi bên trong Ngài là Thần của Đức Chúa Trời, diện mạo bên ngoài của Ngài vẫn là của một con người bình thường; nói cách khác, Ngài đã trở thành “Con người” mà tất cả mọi người, kể cả chính Jêsus, đã nói đến. Xét việc Ngài được gọi là Con người, Ngài là một con người (dù là nam hay nữ, trong bất kỳ trường hợp nào cũng đều là người có vỏ ngoài của một con người) được sinh ra trong một gia đình bình thường của người thường. Do đó, việc Jêsus gọi Đức Chúa Trời trên trời bằng danh của Cha cũng giống như cách mà ban đầu các người đã gọi Ngài là Cha; Ngài đã làm như vậy từ góc độ của một con người thọ tạo. Các người có còn nhớ Bài Cầu nguyện Chung mà Jêsus đã dạy các người phải ghi nhớ không? “Lạy Cha chúng con ở trên trời...” Ngài đã yêu cầu tất cả mọi người gọi Đức Chúa Trời trên trời bằng danh của Cha. Và vì Ngài cũng gọi Đức Chúa Trời là Cha, nên Ngài đã làm như vậy từ góc độ của một con người bình đẳng với tất cả các người. Vì các người gọi Đức Chúa Trời trên trời bằng danh của Cha, nên Jêsus đã xem bản thân Ngài bình đẳng với các người, và như một con người trên đất lựa chọn bởi Đức Chúa Trời (nghĩa là Con của Đức Chúa Trời). Nếu các người gọi Đức Chúa Trời là Cha, điều này chẳng phải vì các người là loài thọ tạo sao? Dù thẩm quyền của Jêsus trên đất vĩ đại ra sao, trước khi bị đóng đinh, Ngài chỉ đơn thuần là một Con người, được cai quản bởi Đức Thánh Linh (nghĩa là Đức Chúa Trời), và là một trong những loài thọ tạo trên đất, vì Ngài chưa hoàn tất công tác của mình. Do đó, việc Ngài gọi Đức Chúa Trời trên trời là Cha chỉ là sự khiêm nhường và vâng lời của Ngài. Tuy nhiên, việc Ngài xưng hô với Đức Chúa Trời (nghĩa là Thần trên trời) theo cách như thế không chứng minh rằng Ngài là Con của Thần của Đức Chúa Trời trên trời. Thay vào đó, chỉ đơn giản là góc độ của Ngài khác biệt, chứ không phải Ngài là một thân vị khác. Sự tồn tại của những thân vị riêng biệt là một sự nguy hiểm! Trước khi bị đóng đinh, Jêsus là Con người bị ràng buộc bởi những giới hạn của xác thịt, và Ngài đã không hoàn toàn sở hữu thẩm quyền của Thần. Đó là lý do Ngài chỉ có thể tìm kiếm ý muốn của Đức Chúa Cha từ góc độ của một loài thọ tạo. Đó là khi Ngài đã ba lần cầu nguyện tại Ghết-sê-ma-nê: “Không theo ý muốn Con, mà theo ý muốn Cha”. Trước khi Ngài bị đưa lên thập tự giá, Ngài chỉ là Vua của dân Giu-đa; Ngài là Đấng Christ, Con người, chứ không phải là một thân thể vinh hiển. Đó là lý do tại sao, từ quan điểm của một loài thọ tạo, Ngài

đã gọi Đức Chúa Trời là Cha. Giờ đây, người không thể nói rằng tất cả những ai gọi Đức Chúa Trời là Cha thì đều là Con. Nếu là như vậy, thì chẳng phải tất cả các người sẽ trở thành Con một khi Jêsus dạy các người Bài Cầu Nguyện Chung sao? Nếu các người vẫn không tin chắc, thì hãy cho Ta biết, ai là Đấng mà các người gọi là Cha? Nếu các người đang đề cập đến Jêsus, thì theo các người ai là Cha của Jêsus? Sau khi Jêsus đã ra đi, quan niệm về Cha và Con này không còn nữa. Quan niệm này chỉ thích hợp cho những năm tháng Jêsus trở nên xác thịt; trong mọi hoàn cảnh khác, mối quan hệ này là mối quan hệ giữa Chúa của sự sáng tạo và một loài thọ tạo khi các người gọi Đức Chúa Trời là Cha. Không khi nào quan niệm về Ba Ngôi của Cha, Con và Đức Thánh Linh này có thể có giá trị; đó là một sự ngụy biện hiếm thấy qua các thời đại và nó không tồn tại!

Điều này có thể gọi cho hầu hết mọi người nhớ lại những lời của Đức Chúa Trời từ Sáng thế ký: “Chúng ta hãy làm nên loài người như hình Ta và theo tượng Ta”. Xét thấy Đức Chúa Trời phán hãy để “Chúng ta hãy làm nên loài người như hình Ta”, vậy thì “Chúng ta” ám chỉ hai hoặc nhiều hơn; vì Ngài đã xưng “Chúng ta”, vậy thì không chỉ có một Đức Chúa Trời. Theo cách này, con người đã bắt đầu suy nghĩ trừu tượng về những thân vị khác nhau, và từ những lời này nảy sinh quan niệm về Cha, Con và Đức Thánh Linh. Vậy thì Cha là như thế nào? Con là như thế nào? Và Đức Thánh Linh là như thế nào? Có thể nào nhân loại ngày nay đã được tạo ra theo hình ảnh của một thân vị được kết hợp từ ba thân vị không? Vậy thì hình ảnh của con người giống như của Cha, Con hay Đức Thánh Linh? Con người theo hình tượng của ai trong số các thân vị của Đức Chúa Trời? Quan niệm này của con người hoàn toàn không chính xác và vô lý! Nó chỉ có thể phân chia một Đức Chúa Trời thành nhiều Đức Chúa Trời. Vào thời điểm Môi-se viết Sáng thế ký, đó là sau khi nhân loại đã được dựng nên sau công cuộc sáng thế. Ngay từ đầu, khi thế giới bắt đầu, Môi-se đã không tồn tại. Và mãi đến sau này Môi-se mới viết Kinh Thánh, vậy làm sao ông ấy có thể biết được những gì Đức Chúa Trời trên trời đã phán? Ông ấy đã không có may mắn ý niệm gì về cách mà Đức Chúa Trời dựng nên thế giới. Trong Cựu Ước của Kinh Thánh không đề cập đến Cha, Con và Đức Thánh Linh, chỉ có một Đức Chúa Trời thật duy nhất, Đức Giê-hô-va, thực hiện công tác của Ngài ở Y-sơ-ra-ên. Ngài được gọi bằng nhiều danh xưng khác nhau khi thời đại thay đổi, nhưng điều này không thể chứng minh rằng mỗi danh xưng chỉ một thân vị khác nhau. Nếu là như vậy, thì chẳng phải sẽ có vô số thân vị trong Đức Chúa Trời sao? Những gì được viết trong Cựu Ước là công tác của Đức Giê-hô-va, một giai đoạn công tác của chính Đức Chúa Trời cho sự khởi đầu trong Thời đại Luật pháp. Đó là công tác của Đức Chúa Trời, nơi Ngài phán, nó được nên, và khi Ngài ra lệnh, nó đứng vững. Không

bao giờ Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài là Cha đến để thực hiện công tác, hoặc Ngài đã từng tiên tri rằng Con sẽ đến để cứu chuộc nhân loại. Khi đến thời của Jê-sus, mọi người chỉ nói rằng Đức Chúa Trời đã trở nên xác thịt để cứu chuộc toàn thể nhân loại, chứ không phải là Con đã đến. Bởi vì các thời đại không giống nhau và công tác mà chính Đức Chúa Trời làm cũng khác nhau, nên Ngài cần phải thực hiện công tác của mình trong các lĩnh vực khác nhau. Theo cách này, thân phận mà Ngài đại diện cũng khác nhau. Con người tin rằng Đức Giê-hô-va là Cha của Jê-sus, nhưng điều này thực ra đã không được Jê-sus công nhận, Ngài đã phán rằng: “Chúng ta chưa từng bị phân biệt như Cha và Con; Ta và Cha trên trời là một. Cha ở trong Ta và Ta ở trong Cha; khi con người nhìn thấy Con, họ đang thấy Cha trên trời”. Nói cho cùng, dù là Cha hay Con, Họ là một Thần, không bị phân chia thành những thân vị riêng biệt. Một khi con người nỗ lực giải thích, vấn đề trở nên phức tạp với quan niệm về những thân vị riêng biệt, cũng như mối quan hệ giữa Cha, Con và Thần. Khi con người nói về những thân vị riêng biệt, chẳng phải điều này cụ thể hóa Đức Chúa Trời sao? Con người thậm chí xếp hạng những thân vị này thành hạng nhất, hạng nhì và hạng ba; đây đều chỉ là những tưởng tượng của con người, không đáng để nhắc đến, và hoàn toàn phi thực tế! Nếu người hỏi họ: “Có bao nhiêu Đức Chúa Trời?” thì họ sẽ nói rằng Đức Chúa Trời là Ba Ngôi gồm Cha, Con và Đức Thánh Linh: Đức Chúa Trời thật duy nhất. Nếu người hỏi thêm rằng: “Ai là Cha?” thì họ sẽ nói rằng: “Cha là Thần của Đức Chúa Trời trên trời; Ngài phụ trách mọi thứ, và là Chủ của thiên đàng”. “Vậy thì Đức Giê-hô-va là Thần sao?” Họ sẽ nói: “Phải!” Nếu khi đó người hỏi họ rằng: “Ai là Con?” thì tất nhiên họ sẽ nói rằng Jê-sus là Con. “Vậy thì câu chuyện về Jê-sus là gì? Ngài đến từ đâu?” Họ sẽ nói: “Jê-sus đã được sinh ra bởi Ma-ri qua sự thai dục của Đức Thánh Linh”. Vậy chẳng phải thực chất của Ngài cũng là Thần sao? Chẳng phải công tác của Ngài cũng đại diện cho Đức Thánh Linh sao? Đức Giê-hô-va là Thần, và thực chất của Jê-sus cũng vậy. Giờ đây trong thời kỳ sau rốt, càng không cần nói rằng đó vẫn là Thần; làm sao Họ có thể là những thân vị khác nhau được? Chẳng phải chỉ đơn giản là Thần của Đức Chúa Trời đang thực hiện công tác của Thần từ những góc độ khác nhau sao? Như vậy, không có sự phân biệt giữa những thân vị. Jê-sus đã được thai dục bởi Đức Thánh Linh, và rõ ràng, công tác của Ngài chính là của Đức Thánh Linh. Trong giai đoạn đầu tiên của công tác do Đức Giê-hô-va thực hiện, Ngài đã không trở nên xác thịt cũng không hiện ra với con người. Vì vậy, con người đã chưa từng nhìn thấy sự xuất hiện của Ngài. Cho dù Ngài vĩ đại và cao lớn như thế nào, Ngài vẫn là Thần, là chính Đức Chúa Trời, Đấng dựng nên con người buổi ban đầu. Nghĩa là, Ngài là Thần của Đức Chúa Trời. Ngài phán với con người từ giữa những đám mây, chỉ đơn thuần là một

Thần, và không ai đã chứng kiến sự xuất hiện của Ngài. Chỉ trong Thời đại Ân điển khi Thần của Đức Chúa Trời trở nên xác thịt và được nhập thể ở Giu-đê thì con người mới lần đầu tiên nhìn thấy hình ảnh nhập thể thành một người Giu-đa. Không có gì của Đức Giê-hô-va ở Ngài. Tuy nhiên, Ngài đã được thai dựng bởi Đức Thánh Linh, nghĩa là được thai dựng bởi Thần của chính Đức Giê-hô-va, và Jê-sus vẫn được sinh ra như hiện thân của Thần của Đức Chúa Trời. Điều mà con người lần đầu tiên nhìn thấy là Đức Thánh Linh giáng xuống như chim bồ câu đậu trên Jê-sus; đó không phải là Thần dành riêng cho Jê-sus, mà đúng hơn là Đức Thánh Linh. Vậy thì Thần của Jê-sus có thể bị tách rời khỏi Đức Thánh Linh không? Nếu Jê-sus là Jê-sus, Con, và Đức Thánh Linh là Đức Thánh Linh, thì làm sao Họ có thể là một được? Công tác không thể được thực hiện nếu là như vậy. Thần bên trong Jê-sus, Thần trên trời, và Thần của Đức Giê-hô-va hết thảy đều là một. Đó được gọi là Đức Thánh Linh, Thần của Đức Chúa Trời, Thần mạnh gấp bảy lần, và Thần bao hàm tất cả. Thần của Đức Chúa Trời có thể thực hiện nhiều công tác. Ngài có thể tạo ra thế giới và hủy diệt nó bằng cách làm ngập lụt trái đất; Ngài có thể cứu chuộc cả nhân loại, và hơn nữa, Ngài có thể chinh phục và hủy diệt cả nhân loại. Tất cả công tác này đều do chính Đức Chúa Trời thực hiện và không thể được thực hiện bởi bất kỳ thân vị nào của Đức Chúa Trời thay cho Ngài. Thần của Ngài có thể được gọi bằng danh của Đức Giê-hô-va và Jê-sus, cũng như Đấng Toàn Năng. Ngài là Chúa, và là Đấng Christ. Ngài cũng có thể trở thành Con người. Ngài ở trên các tầng trời và ở cả dưới đất; Ngài ở rất cao phía trên các vũ trụ và ở giữa dân chúng. Ngài là Chủ duy nhất của trời và đất! Từ thời điểm sáng thế cho đến nay, công tác này đã được thực hiện bởi chính Thần của Đức Chúa Trời. Dù là công tác trên trời hay trong xác thịt, tất cả đều được thực hiện bởi chính Thần của Ngài. Mọi sinh vật, dù ở trên trời hay dưới đất, đều nằm trong lòng bàn tay toàn năng của Ngài; tất cả điều này là công tác của chính Đức Chúa Trời và không thể được thực hiện bởi bất kỳ ai khác thay cho Ngài. Trên trời, Ngài là Thần nhưng cũng chính là Đức Chúa Trời; giữa con người, Ngài là xác thịt nhưng vẫn chính là Đức Chúa Trời. Mặc dù Ngài có thể được gọi bằng hàng trăm nghìn danh xưng, nhưng Ngài vẫn là chính Ngài, là sự bày tỏ trực tiếp của Thần của Ngài. Sự cứu chuộc cả nhân loại qua việc chịu đóng đinh của Ngài là công tác trực tiếp của Thần của Ngài, và cũng là lời tuyên bố cho mọi quốc gia và mọi vùng đất trong thời kỳ sau rốt. Trong mọi lúc, Đức Chúa Trời chỉ có thể được gọi là Đức Chúa Trời toàn năng và có thật duy nhất, chính là Đức Chúa Trời bao hàm tất cả. Những thân vị riêng biệt không tồn tại, huống gì là cách nói về Cha, Con và Đức Thánh Linh này. Chỉ có một Đức Chúa Trời trên trời và dưới đất!

Kế hoạch quản lý của Đức Chúa Trời kéo dài sáu nghìn năm và được chia thành

ba thời đại dựa trên những khác biệt trong công tác của Ngài: Thời đại đầu tiên là Thời đại Luật pháp của Cựu Ước; thứ hai là Thời đại Ân điển; và thứ ba là thời đại của thời kỳ sau rốt – Thời đại Vương quốc. Trong mỗi thời đại, một thân phận khác nhau được đại diện. Điều này chỉ là do sự khác biệt trong công tác, nghĩa là các yêu cầu của công tác. Giai đoạn đầu tiên của công tác trong Thời đại Luật pháp đã được thực hiện ở Y-sơ-ra-ên và giai đoạn thứ hai để kết thúc công tác cứu chuộc đã được thực hiện ở Giu-đê. Vì công tác cứu chuộc, Jê-sus đã được sinh ra từ sự thai dục bởi Đức Thánh Linh và làm Con một. Tất cả điều này là do những yêu cầu của công tác. Vào thời kỳ sau rốt, Đức Chúa Trời mong muốn mở rộng công tác của Ngài sang các quốc gia dân ngoại và chinh phục người dân ở đó, hầu cho danh của Ngài có thể được nên vĩ đại giữa họ. Ngài mong muốn hướng dẫn để con người hiểu và bước vào mọi lẽ thật. Tất cả công tác này được thực hiện bởi một Thần. Mặc dù Ngài có thể làm như vậy từ những lập trường khác nhau, nhưng bản chất và những nguyên tắc của công tác vẫn như nhau. Một khi người quan sát những nguyên tắc và bản chất của công tác Họ đã thực hiện, thì người sẽ biết rằng tất cả đều được thực hiện bởi một Thần. Thế nhưng một số người có thể nói rằng: “Cha là Cha; Con là Con; Đức Thánh Linh là Đức Thánh Linh, và cuối cùng, Họ sẽ được hợp nhất”. Vậy thì người phải hợp nhất Họ như thế nào? Làm sao Cha và Đức Thánh Linh có thể hợp nhất? Nếu Họ vốn dĩ đã là hai, thì dù họ có kết hợp với nhau như thế nào, chẳng phải họ vẫn sẽ là hai phần sao? Khi người nói về việc hợp nhất Họ, chẳng phải chỉ đơn giản là kết hợp hai phần riêng biệt để tạo thành một tổng thể sao? Nhưng có phải Họ không là hai phần trước khi được hợp thành tổng thể không? Mỗi thần có một thực chất riêng biệt, và hai thần không thể được hợp thành một thần duy nhất. Thần không phải là một vật thể và không giống với bất kỳ điều gì khác trong thế giới vật chất. Như con người thấy, Cha là một Thần, Con là Thần khác, và Đức Thánh Linh là một Thần khác nữa, sau đó ba Thần hòa lẫn như ba ly nước thành một tổng thể. Chẳng phải khi đó cả ba được hợp nhất sao? Đây hoàn toàn là một lời giải thích sai lầm và phi lý! Đây chẳng phải là phân chia Đức Chúa Trời sao? Làm sao Cha, Con và Đức Thánh Linh hết thảy đều được hợp nhất? Chẳng phải Họ là ba phần, mỗi phần mang bản chất khác nhau sao? Vẫn còn có những người khác nói rằng: “Chẳng phải Đức Chúa Trời đã tuyên bố rõ ràng Jê-sus là Con yêu dấu của Ngài sao?” Jê-sus là Con yêu dấu của Đức Chúa Trời, người mà Ngài đẹp lòng – điều này chắc chắn đã được chính Đức Chúa Trời phán. Đó là Đức Chúa Trời làm chứng cho chính Ngài, nhưng chỉ đơn thuần từ một góc độ khác, đó là Thần trên trời làm chứng cho sự nhập thể của chính Ngài. Jê-sus là sự nhập thể của Ngài, không phải là Con của Ngài trên trời. Người có hiểu không? Chẳng phải những lời của

Jêsus: “Ta ở trong Cha và Cha ở trong Ta” chỉ ra rằng Họ là một Thần sao? Và chẳng phải vì sự nhập thể mà Họ đã bị tách biệt giữa trời và đất sao? Trong thực tế, Họ vẫn là một; dù thể nào đi chăng nữa, chỉ đơn giản là Đức Chúa Trời làm chứng cho chính Ngài. Do sự thay đổi trong các thời đại, những yêu cầu của công tác và các giai đoạn khác nhau trong kế hoạch quản lý của Ngài, danh xưng mà con người gọi Ngài cũng khác nhau. Khi Ngài đến để thực hiện giai đoạn đầu tiên của công tác, Ngài chỉ có thể được gọi là Đức Giê-hô-va, Đấng là Đấng chặn dất của dân Y-sơ-ra-ên. Trong giai đoạn thứ hai, Đức Chúa Trời nhập thể chỉ có thể được gọi là Chúa và Đấng Christ. Nhưng vào thời điểm đó, Thần trên trời chỉ tuyên bố rằng Ngài là Con yêu dấu của Đức Chúa Trời, chứ không đề cập đến việc Ngài là Con một của Đức Chúa Trời. Điều này đơn giản là không xảy ra. Làm sao Đức Chúa Trời có thể có một đứa con duy nhất được? Vậy chẳng phải Đức Chúa Trời đã trở thành con người sao? Bởi vì Ngài là sự nhập thể, Ngài đã được gọi là Con yêu dấu của Đức Chúa Trời, và từ đây xuất hiện mối quan hệ giữa Cha và Con. Điều đó chỉ đơn giản là vì sự tách biệt giữa trời và đất. Jêsus đã cầu nguyện từ góc độ của xác thịt. Vì Ngài đã mặc lấy xác thịt của một nhân tính bình thường như thế, nên từ góc độ của xác thịt mà Ngài đã phán rằng: “Vỏ ngoài của Ta là của một loài thọ tạo. Vì Ta đã mặc lấy một xác thịt để đến trái đất này, nên giờ đây Ta đang ở rất, rất xa thiên đàng”. Vì lý do này, Ngài chỉ có thể cầu nguyện với Đức Chúa Trời là Cha từ góc độ của xác thịt. Đây là bản phận của Ngài và là điều mà Thần của Đức Chúa Trời nhập thể nên có. Không thể nói rằng Ngài không phải là Đức Chúa Trời đơn giản vì Ngài cầu nguyện với Cha từ góc độ xác thịt. Mặc dù Ngài được gọi là Con yêu dấu của Đức Chúa Trời, nhưng Ngài vẫn chính là Đức Chúa Trời, vì Ngài chỉ là sự nhập thể của Thần, và thực chất của Ngài vẫn là Thần. Con người tự hỏi tại sao Ngài lại cầu nguyện nếu Ngài chính là Đức Chúa Trời. Điều này là do Ngài là Đức Chúa Trời nhập thể, Đức Chúa Trời sống trong xác thịt, chứ không phải là Thần trên trời. Như con người thấy, Cha, Con và Đức Thánh Linh hết thảy đều là Đức Chúa Trời. Chỉ khi cả ba hợp nhất mới có thể được xem là Đức Chúa Trời thật duy nhất, và theo cách này, quyền năng của Ngài đặc biệt vĩ đại. Có những người nói rằng chỉ bằng cách này thì Ngài mới là Thần mạnh gấp bảy lần. Khi Con cầu nguyện sau khi Ngài đến, chính là Ngài đã cầu nguyện với Thần đó. Trong thực tế, Ngài đang cầu nguyện từ góc độ của một loài thọ tạo. Vì xác thịt không hoàn chỉnh, Ngài không hoàn chỉnh và có nhiều yếu điểm khi Ngài trở nên xác thịt, và Ngài đã gặp nhiều rắc rối khi Ngài thực hiện công tác của mình trong xác thịt. Đó là lý do Ngài đã ba lần cầu nguyện với Đức Chúa Cha trước khi bị đóng đinh, cũng như nhiều lần cả trước đó nữa. Ngài đã cầu nguyện giữa các môn đồ của Ngài; Ngài đã cầu nguyện một mình trên núi; Ngài đã cầu

nguyện trên thuyền đánh cá; Ngài đã cầu nguyện giữa đám đông dân chúng; Ngài đã cầu nguyện khi bẻ bánh; và Ngài đã cầu nguyện khi ban phước cho người khác. Tại sao Ngài làm như vậy? Ngài đã cầu nguyện với Thần; Ngài đang cầu nguyện với Thần, với Đức Chúa Trời trên trời, từ góc độ của xác thịt. Do đó, từ quan điểm của con người, Jêsus đã trở thành Con trong giai đoạn công tác đó. Tuy nhiên, trong giai đoạn này, Ngài không cầu nguyện. Tại sao như vậy? Điều này là do những gì Ngài đưa ra là công tác của lời, cùng sự phán xét và hình phạt của lời. Ngài không cần những lời cầu nguyện, và chức vụ của Ngài là phán dạy. Ngài không bị đặt trên thập tự giá, và Ngài không bị con người giao nộp cho những kẻ cầm quyền. Ngài chỉ đơn giản là thực hiện công tác của mình. Vào thời điểm Jêsus cầu nguyện, Ngài đang cầu nguyện với Đức Chúa Cha cho sự hiện xuống của thiên quốc, cho ý muốn Cha được nên, và cho công tác sắp đến. Trong giai đoạn này, thiên quốc đã hiện xuống rồi, vậy Ngài có còn cần phải cầu nguyện không? Công tác của Ngài là kết thúc thời đại, và không còn những thời đại mới nào nữa, vậy có cần phải cầu nguyện cho giai đoạn tiếp theo không? Ta e là không!

Có nhiều mâu thuẫn trong những lời giải thích của con người. Quả thật, đây là tất cả các quan niệm của con người; nếu không xem xét thêm, tất cả các người sẽ tin rằng chúng là chính xác. Chẳng lẽ các người không biết rằng những tư tưởng như Đức Chúa Trời Ba Ngôi chỉ là những quan niệm của con người sao? Không có kiến thức nào của con người là đầy đủ và thấu đáo. Luôn có những sự bất khiết, và con người có quá nhiều quan niệm; điều này chứng tỏ rằng một loài thọ tạo đơn giản là không thể giải thích công tác của Đức Chúa Trời. Có quá nhiều điều trong tâm trí của con người, tất cả đều xuất phát từ logic và tư tưởng, những điều mâu thuẫn với lẽ thật. Logic của người có thể mổ xẻ thấu đáo công tác của Đức Chúa Trời không? Người có thể đạt được một sự thấu suốt về mọi công tác của Đức Giê-hô-va không? Có phải người là người có thể nhìn thấu tất cả, hay chính Đức Chúa Trời là Đấng có thể nhìn thấy từ trước vô cùng cho đến đời đời? Có phải người là người có thể nhìn thấy từ trước vô cùng rất lâu cho đến đời đời sắp đến, hay Đức Chúa Trời là Đấng có thể làm như vậy? Người nói gì? Làm sao người xứng đáng để giải thích Đức Chúa Trời? Lời giải thích của người dựa trên cơ sở nào? Người có phải là Đức Chúa Trời không? Trời đất và muôn vật đã được dựng nên bởi chính Đức Chúa Trời. Không phải người đã làm điều này, vậy tại sao người lại đang đưa ra những lời giải thích không chính xác? Giờ đây, người có tiếp tục tin vào Đức Chúa Trời ba ngôi không? Người không nghĩ rằng tin theo cách này quá mệt mỏi sao? Tốt nhất là người nên tin vào một Đức Chúa Trời, chứ không phải ba. Tốt nhất là hãy nhẹ nhàng, vì gánh nặng của Chúa là nhẹ nhàng.

Sự thật bên trong công tác chinh phục (1)

Bị Sa-tan làm cho bại hoại quá sâu, nhân loại chẳng biết rằng có một Đức Chúa Trời và đã thôi không thờ phượng Đức Chúa Trời. Buổi ban đầu, khi A-đam và Ê-va được dựng nên, sự vinh hiển và lời chứng của Đức Giê-hô-va đã từng hiện diện. Nhưng sau khi bị làm cho bại hoại, con người đã đánh mất sự vinh hiển và lời chứng, bởi ai cũng phản nghịch Đức Chúa Trời và hoàn toàn không còn tôn kính Ngài nữa. Công tác chinh phục của ngày nay là khôi phục lại mọi lời chứng cùng mọi sự vinh hiển, và khiến hết thảy mọi người đều thờ phượng Đức Chúa Trời, để có lời chứng giữa tạo vật; đây là công tác cần làm trong giai đoạn này. Chính xác thì nhân loại được chinh phục ra sao? Bằng cách dùng công tác giai đoạn này của lời để hoàn toàn thuyết phục con người; bằng cách vạch trần, phán xét, dùng hình phạt, và rửa sạch không thương xót để thuyết phục họ hoàn toàn; bằng cách phơi bày sự phản nghịch của con người và phán xét sự chống đối của họ để họ có thể biết được sự bất chính và ô uế của nhân loại, và vì thế, dùng những điều này như vật làm nền cho tâm tính công chính của Đức Chúa Trời. Chủ yếu thông qua những lời này mà con người được chinh phục và hoàn toàn bị thuyết phục. Lời là phương tiện để chinh phục sau cuối đối với nhân loại, và tất cả những ai chấp nhận sự chinh phục của Đức Chúa Trời đều phải chấp nhận sự đánh đòn và phán xét của lời Ngài. Quá trình phán dạy hôm nay chính là quá trình chinh phục. Và chính xác thì mọi người nên hợp tác như thế nào? Bằng cách biết cách ăn uống những lời này và đạt được sự hiểu biết về chúng. Về việc mọi người được chinh phục như thế nào, đây là điều mọi người không thể tự mình làm được. Thông qua việc ăn uống những lời này, tất cả những gì người có thể làm là biết được sự bại hoại và ô uế của người, sự phản nghịch và bất chính của người, và phủ phục trước Đức Chúa Trời. Nếu sau khi nắm bắt được ý muốn của Đức Chúa Trời, người có thể đưa ý Ngài vào thực hành, và nếu người có những khái tượng và có thể hoàn toàn quy phục những lời này, cũng như không tự mình đưa ra bất kỳ chọn lựa nào, thì khi đó người đã được chinh phục – và đó là nhờ những lời này. Tại sao nhân loại đã đánh mất lời chứng? Bởi chẳng ai có đức tin vào Đức Chúa Trời, bởi Đức Chúa Trời không có chỗ trong lòng con người. Chinh phục nhân loại là khôi phục đức tin của nhân loại. Con người luôn muốn lao đầu vào thế gian phàm tục, họ áp ủ quá nhiều hy vọng, mong muốn quá nhiều cho tương lai mình, và có quá nhiều đòi hỏi vô độ. Họ luôn nghĩ về xác thịt, lên kế hoạch cho xác thịt, và không hứng thú với việc tìm kiếm con đường tin vào Đức Chúa Trời. Lòng họ đã bị Sa-tan cướp mất, họ đã mất đi sự tôn kính Đức Chúa Trời, và họ gắn chặt vào Sa-tan. Nhưng con người do Đức Chúa Trời dựng

nên. Như thế, con người đã đánh mất lời chứng, nghĩa là họ đã đánh mất sự vinh hiển của Đức Chúa Trời. Mục đích của việc chinh phục nhân loại là để giành lại sự vinh hiển của lòng tôn kính con người dành cho Đức Chúa Trời. Có thể nói như thế này: Có nhiều người chẳng theo đuổi sự sống; ngay cả khi một số người có theo đuổi sự sống, thì số đó cũng chỉ đếm được trên đầu ngón tay. Người ta chỉ bận tâm đến tương lai của mình và chẳng để ý đến sự sống. Một số người phản nghịch và chống đối Đức Chúa Trời, phán xét Ngài sau lưng, và không thực hành lẽ thật. Những kẻ này được phốt lờ lúc này; bây giờ, đám con phản nghịch này chưa bị làm sao, nhưng trong tương lai, người sẽ sống trong sự tối tăm, khóc than và rên xiết. Người không cảm nhận được sự quý giá của sự sáng khi người đang sống trong đó, nhưng người sẽ nhận ra sự quý giá ấy một khi người đang sống trong đêm tối, và khi ấy người sẽ hối tiếc. Bây giờ người thấy ổn, nhưng sẽ có ngày người hối tiếc. Khi ngày đó đến, bóng tối buông xuống và sự sáng không bao giờ còn nữa, thì sẽ quá muộn để hối tiếc. Chính vì người vẫn không hiểu công tác của hôm nay nên người không trân quý thời gian người có bây giờ. Một khi công tác của toàn vũ trụ bắt đầu, nghĩa là khi mọi điều Ta đang phán hôm nay đã trở thành sự thật, nhiều người sẽ ôm đầu khóc than đau khổ. Và khi làm vậy, chẳng phải họ đã rơi vào bóng tối trong than khóc và rên xiết sao? Hết thấy những ai thực sự theo đuổi sự sống và được làm cho trọn vẹn đều có thể được sử dụng, trong khi tất cả những đứa con phản nghịch không phù hợp để sử dụng sẽ rơi vào bóng tối. Họ sẽ bị mất đi công tác của Đức Thánh Linh, và không có khả năng hiểu được bất cứ điều gì. Vì thế, họ sẽ nức nở khổ sở, bị rơi vào sự trừng phạt. Nếu người được trang bị tốt trong giai đoạn công tác này, và người đã trưởng thành trong đời sống, thì người phù hợp để sử dụng. Nếu người được trang bị tồi, thì cho dù người có được triệu gọi cho giai đoạn công tác tiếp theo, người cũng sẽ không phù hợp để sử dụng – lúc đó, cho dù người có muốn trang bị cho mình thì cũng không còn cơ hội nào khác. Đức Chúa Trời đã rời đi; người tìm đâu ra được loại cơ hội như đang có trước mặt người bây giờ? Người có thể đi đâu để nhận lãnh sự rèn tập do Đức Chúa Trời đích thân cung cấp? Đến lúc ấy, Đức Chúa Trời sẽ không đích thân phán dạy hay lên tiếng nữa; tất cả những gì người có thể làm là đọc những gì đang được phán dạy hôm nay – lúc đó làm sao sự hiểu biết đến dễ dàng được? Làm sao cuộc sống trong tương lai có thể tốt hơn cuộc sống hôm nay được? Khi ấy, chẳng phải người sẽ sống không bằng chết khi người khóc than và rên xiết ư? Những ơn phước đang được ban cho người bây giờ, mà người nào biết cách vui hưởng; người đang sống trong phước hạnh mà vẫn không hay biết. Điều này chứng tỏ người có số phải chịu khổ! Hiện tại, một số người chống đối, một số phản nghịch, một số làm điều này điều nọ, và Ta chỉ đơn giản là phốt lờ

điều đó – nhưng đừng nghĩ rằng Ta không hay biết những gì các người đang làm. Ta không hiểu bản chất của các người sao? Tại sao cứ đối chọi lại Ta? Chẳng phải người tin ở Đức Chúa Trời để theo đuổi sự sống và những ơn phước vì bản thân người sao? Chẳng phải vì chính bản thân người mà người có đức tin hay sao? Trong thời điểm hiện tại, Ta đang thực hiện công tác chinh phục chỉ bằng cách phán dạy, và một khi công tác chinh phục này đến hồi kết thúc, kết cục của người sẽ rõ ràng. Ta có phải nói rõ ra với người không?

Công tác chinh phục của ngày nay nhằm làm rõ kết cục của con người sẽ là gì. Tại sao lại nói rằng hình phạt và sự phán xét của ngày hôm nay là sự phán xét trước tòa lớn và trắng của thời kỳ sau rốt? Người không thấy điều này sao? Tại sao công tác chinh phục là giai đoạn cuối cùng? Chẳng phải đó chính là để làm rõ dạng kết cục mà mỗi hạng người sẽ gặp phải sao? Chẳng phải đó là để cho phép mọi người, trong quá trình của công tác chinh phục bằng hình phạt và sự phán xét, thể hiện bản chất thật của họ, rồi sau đó được phân theo loại hay sao? Thay vì nói rằng đây là sự chinh phục loài người, có lẽ tốt hơn nên nói rằng đây là việc chỉ ra dạng kết cục nào sẽ có cho mỗi hạng người. Điều này liên quan đến việc phán xét tội lỗi của con người và rồi phơi bày những hạng người khác nhau, qua đó quyết định xem họ là tà hay chính. Sau công tác chinh phục sẽ đến công tác thưởng thiện phạt ác. Những người hoàn toàn vâng phục – nghĩa là những người được chinh phục triệt để – sẽ được đưa vào bước tiếp theo là loan truyền công tác của Đức Chúa Trời cho toàn vũ trụ; những kẻ không được chinh phục sẽ bị đưa vào bóng tối và sẽ gặp tai họa. Như vậy, con người sẽ được phân theo loại, những kẻ hành ác sẽ được phân vào nhóm ác, chẳng bao giờ có được ánh mặt trời nữa, còn những người công chính sẽ được phân vào nhóm thiện, được nhận lãnh sự sáng và sống đời đời trong sự sáng. Hồi kết đã cận kề đối với vạn vật; kết cục của con người đã được tỏ bày trước mắt họ, và vạn vật sẽ được phân theo loại. Vậy thì làm sao con người có thể thoát khỏi nỗi thống khổ của việc mỗi người bị phân ra theo loại? Kết cục của từng hạng người được tiết lộ khi hồi kết cận kề đối với vạn vật, và việc này được thực hiện trong công tác chinh phục toàn vũ trụ (bao gồm toàn bộ công tác chinh phục, bắt đầu từ công tác hiện tại). Sự tiết lộ kết cục của toàn nhân loại được thực hiện trước tòa phán xét, trong quá trình dùng hình phạt, và trong quá trình công tác chinh phục của thời kỳ sau rốt. Phân con người theo loại không phải là trả con người về loại ban đầu của họ, bởi vì khi con người được dựng nên lúc sáng thế, chỉ có một loại người, sự phân chia duy nhất là giữa người nam và người nữ. Chẳng có nhiều loại người khác nhau. Chỉ sau vài ngàn năm bại hoại thì những hạng người khác nhau mới xuất hiện, một số thì dưới quyền của ma quỷ ô uế, một số thì dưới quyền của ma quỷ tà ác, và một

số những người theo đuổi con đường sự sống thì ở dưới sự thống trị của Đấng Toàn Năng. Chỉ bằng cách này, các hạng người mới dần dần xuất hiện giữa con người, và chỉ như thế, con người mới chia thành các hạng trong đại gia đình con người. Con người hết thảy đều bắt đầu có “những người cha” khác nhau; không phải ai cũng hoàn toàn ở dưới sự thống trị của Đấng Toàn Năng, bởi vì con người quá phản nghịch. Sự phán xét công chính phơi bày con người thật của mỗi loại người, chẳng có gì giấu giếm được. Mọi người đều lộ rõ bộ mặt thật của mình dưới ánh sáng. Thời điểm này, con người không còn như thuở ban đầu nữa, hình tượng nguyên thủy của tổ tiên họ đã biến mất từ lâu, bởi vì vô số con cháu của A-đam và Ê-va từ lâu đã bị Sa-tan bắt giữ, chẳng bao giờ còn biết đến mặt trời thiên đàng nữa, và bởi con người đã nhiễm đầy các kiểu độc tố của Sa-tan. Vì thế, mọi người có đích đến thích hợp của mình. Hơn nữa, chính trên cơ sở những độc tố khác nhau của mình mà họ được phân theo loại, nghĩa là họ được phân theo mức độ họ được chinh phục ngày nay. Kết cục của con người không phải là thứ đã được tiền định từ lúc sáng thế. Đó là bởi ban đầu, chỉ có một loại duy nhất, gọi chung là “nhân loại”, và con người lúc đầu không bị Sa-tan làm cho bại hoại, và hết thảy mọi người đều sống trong sự sáng của Đức Chúa Trời, không có bóng tối bao trùm họ. Nhưng sau khi con người bị Sa-tan làm cho bại hoại, đủ kiểu và đủ loại người trải khắp địa cầu – tất cả các kiểu và loại người đều xuất thân từ gia đình gọi chung là “nhân loại” bao gồm người nam và người nữ. Hết thảy đều bị tổ tiên của họ dẫn dắt đi lạc khỏi thủy tổ của mình – nhân loại gồm người nam và người nữ (tức là A-đam và Ê-va thuở ban đầu, tổ tiên xa xưa nhất của họ). Vào lúc đó, dân Y-sơ-ra-ên là những người duy nhất có cuộc sống trên đất được dẫn dắt bởi Đức Giê-hô-va. Những kiểu người khác nhau tách hẳn ra khỏi đất Y-sơ-ra-ên (có nghĩa là từ gia tộc nguyên thủy), sau đó đánh mất sự hướng dẫn của Đức Giê-hô-va. Những con người buổi đầu này, hoàn toàn không hay biết gì về những vấn đề của thế giới con người, sau đó đã theo tổ tiên của họ đến sống trong những lãnh thổ họ chiếm đóng, cứ như vậy cho đến ngày nay. Như vậy, họ vẫn không hay biết mình đã đi lạc khỏi Đức Giê-hô-va như thế nào, và mình đã bị làm cho bại hoại như thế nào cho đến ngày nay bởi đủ loại ma quỷ ô uế và tà linh. Những kẻ đã bị làm cho bại hoại và đầu độc sâu sắc cho tới ngày nay – những kẻ cuối cùng không thể được cứu rỗi – sẽ không còn lựa chọn nào khác là phải đi theo tổ tiên của mình, những ma quỷ ô uế mà đã làm cho họ bại hoại. Những ai cuối cùng có thể được cứu rỗi sẽ đi đến đích phù hợp của nhân loại, nghĩa là đi đến kết cục dành cho những người được cứu rỗi và được chinh phục. Mọi thứ sẽ được thực hiện để cứu rỗi những ai có thể cứu rỗi được – nhưng đối với những kẻ không nhạy bén và vô phương cứu chữa, thì lựa chọn duy nhất của họ sẽ là nối gót tổ tiên sa vào vực sâu không đáy

của hình phạt. Đừng nghĩ rằng kết cục của người đã được định trước từ đầu và chỉ bây giờ mới được mặc khải. Nếu người nghĩ như vậy, thì người đã quên rằng lúc mới dựng nên nhân loại, chẳng có hạng Sa-tan nào được dựng nên hay sao? Người đã quên rằng chỉ có một nhân loại duy nhất, gồm A-đam và Ê-va đã được dựng nên (nghĩa là chỉ có người nam và người nữ được dựng nên) hay sao? Nếu người là con cháu của Sa-tan ngay từ đầu, chẳng phải điều đó có nghĩa rằng khi Đức Giê-hô-va dựng nên con người, Ngài đã dựng nên cả một nhóm Sa-tan hay sao? Có thể nào Ngài đã làm một điều như thế không? Ngài đã dựng nên con người vì lời chứng của Ngài; Ngài dựng nên con người vì sự vinh hiển của Ngài. Tại sao Ngài phải chủ ý dựng nên một loại dòng dõi của Sa-tan để cố tình chống đối Ngài? Làm sao Đức Giê-hô-va lại làm một điều như thế được? Nếu Ngài làm như vậy, ai sẽ bảo Ngài là một Đức Chúa Trời công chính? Khi Ta nói bây giờ rằng một số người các người cuối cùng sẽ theo Sa-tan, điều đó không có nghĩa là người đã ở cùng Sa-tan ngay từ đầu; mà có nghĩa là người đã lún quá sâu đến nỗi cho dù Đức Chúa Trời đã cố cứu rỗi người, thì người vẫn không thể có được sự cứu rỗi đó. Chẳng có lựa chọn nào khác hơn là nhóm người vào với Sa-tan. Đây chỉ là vì người không thể cứu nổi, chứ không phải vì Đức Chúa Trời không công chính với người và chủ ý ấn định số phận của người là hiện thân của Sa-tan, rồi nhóm người vào với Sa-tan, và chủ đích muốn người chịu khổ. Đó không phải là sự thật bên trong của công tác chinh phục. Nếu đó là những gì người tin, thì sự hiểu biết của người quá phiến diện! Giai đoạn cuối cùng của việc chinh phục là nhằm cứu rỗi con người và cũng là để tỏ lộ kết cục của họ. Đó là để vạch trần sự tha hóa của con người thông qua sự phán xét, qua đó khiến họ ăn năn, vươn lên, và theo đuổi sự sống cũng như con đường đúng đắn của đời sống con người. Đó là để thức tỉnh tâm lòng của những con người tê liệt và trì độn, và để chỉ ra sự phản nghịch bên trong của họ thông qua sự phán xét. Tuy nhiên, nếu con người vẫn không thể ăn năn, vẫn không thể theo đuổi con đường đúng đắn của đời sống con người, và không thể vứt bỏ những sự bại hoại này, thì họ không thể cứu được, và sẽ bị Sa-tan ăn sống nuốt tươi. Đây là ý nghĩa của việc chinh phục của Đức Chúa Trời: để cứu rỗi con người, và cũng để cho thấy kết cục của họ. Những kết cục tốt, những kết cục xấu – tất cả đều được tỏ lộ bởi công tác chinh phục. Liệu mọi người sẽ được cứu rỗi hay sẽ bị rửa sạch, tất cả sẽ được tỏ lộ trong công tác chinh phục.

Thời kỳ sau rốt là lúc vạn vật sẽ được phân theo loại thông qua việc chinh phục. Chinh phục là công tác của thời kỳ sau rốt; nói cách khác, phán xét tội lỗi của mỗi người là công tác của thời kỳ sau rốt. Nếu không, làm sao con người có thể được phân loại? Công tác phân loại được thực hiện giữa các người là sự khởi đầu của

công tác như thế trong toàn vũ trụ. Sau đó, tất cả mọi người thuộc mọi vùng đất và mọi dân tộc cũng sẽ phải chấp nhận công tác chinh phục. Điều này có nghĩa là mỗi người trong tạo vật sẽ được phân theo loại, quy phục trước tòa phán xét để chịu phán xét. Không ai và không vật nào có thể thoát khỏi việc chịu hình phạt và sự phán xét này, và cũng không ai hay vật nào không bị phân theo loại; mọi người đều sẽ được phân loại, bởi kết cục của vạn vật đã gần kề, và cả trời và đất đều đã đến hồi kết. Làm sao con người có thể thoát khỏi thời kỳ tồn tại sau cùng của họ? Và như thế, những hành vi bất tuân của các người có thể tiếp tục được bao lâu nữa? Chẳng lẽ các người không thấy những ngày sau rốt của mình đã gần kề rồi sao? Làm sao những người tôn kính Đức Chúa Trời và mong mỗi Ngài xuất hiện có thể không thấy được ngày sự công chính của Ngài xuất hiện? Làm sao họ có thể không nhận lãnh phần thưởng sau cùng cho sự thiện lành được? Người là người hành thiện, hay kẻ hành ác? Người là người chấp nhận sự phán xét công chính và rồi vâng phục, hay người là kẻ chấp nhận sự phán xét công chính và rồi bị rửa sạch? Người sống trước tòa phán xét trong sự sáng, hay người sống trong âm phủ giữa bóng tối? Chẳng phải bản thân người là người biết rõ nhất kết cục của mình sẽ là phần thưởng hay sự trừng phạt sao? Chẳng phải người là người biết rõ nhất và hiểu sâu nhất rằng Đức Chúa Trời là công chính sao? Vậy chính xác thì đạo đức và tấm lòng người như thế nào? Khi Ta chinh phục người ngày hôm nay, người có thực sự cần Ta giảng giải cho người biết hành vi của người là thiện hay ác không? Người đã từ bỏ bao nhiêu vì Ta? Người thờ phượng Ta sâu sắc đến đâu? Chẳng phải chính bản thân người biết rõ nhất về cách người hành xử với Ta sao? Người nên biết rõ hơn ai hết về kết cục mà cuối cùng người sẽ gặp phải! Quả thật, Ta nói cùng người: Ta chỉ dựng nên loài người, và Ta đã dựng nên người, nhưng Ta đã không giao các người cho Satan; Ta cũng chẳng cố tình khiến các người phản nghịch hay chống lại Ta, và vì thế mà bị Ta trừng phạt. Chẳng phải tất cả những tai họa và hoạn nạn này đều là bởi lòng các người quá chai sạn và hành xử của các người đã quá đê tiện sao? Vậy thì chẳng phải kết cục các người sẽ gặp phải là do chính các người quyết định sao? Chẳng phải trong lòng các người biết rõ hơn ai hết về kết cục của mình sẽ như thế nào sao? Lý do Ta chinh phục con người là để phơi bày họ, và là cách tốt hơn để mang đến sự cứu rỗi cho người. Đó chẳng phải là để cho người làm việc ác, cũng không phải là để cố tình khiến người bước vào địa ngục hủy diệt. Đến lúc đó, mọi nỗi đau khổ khôn cùng của người, sự khóc than rên xiết của người – chẳng phải hết thảy đều do tội lỗi của người hay sao? Như vậy, chẳng phải sự thiện hay ác của chính người là sự phán xét tốt nhất về người sao? Chẳng phải đó là bằng chứng tốt nhất cho thấy kết cục của người sẽ như thế nào hay sao?

Hôm nay, Ta làm việc trong dân sự được Đức Chúa Trời chọn ở Trung Quốc để vạch trần mọi tâm tính phản nghịch của họ và phơi bày mọi sự xấu xa của họ, và điều này cung cấp bối cảnh để nói mọi điều Ta cần nói. Sau đó, khi Ta thực hiện bước tiếp theo của công tác chinh phục toàn vũ trụ, Ta sẽ dùng sự phán xét của Ta về các người để phán xét sự bất chính của mọi người trong toàn vũ trụ, bởi vì mọi người các người là đại diện của những kẻ phản nghịch trong nhân loại. Những kẻ không thể bước lên sẽ trở thành vật làm nền và vật phục vụ đơn thuần, trong khi những người có thể bước lên sẽ được đưa vào sử dụng. Tại sao Ta nói những ai không thể bước lên sẽ chỉ phục vụ như vật làm nền? Đó là bởi vì mọi lời và công tác hiện tại của Ta đều nhắm đến xuất thân của các người, và bởi vì các người đã trở thành đại diện và hình mẫu của những kẻ phản nghịch trong toàn nhân loại. Sau này, Ta sẽ đem những lời chinh phục các người này ra ngoại quốc và sử dụng chúng để chinh phục dân chúng ở đó, vậy mà người khi ấy người vẫn chưa đạt được chúng. Chẳng phải điều đó sẽ khiến người thành vật làm nền sao? Những tâm tính bại hoại của toàn nhân loại, những hành vi phản nghịch của con người, và những hình ảnh cùng bộ mặt xấu xa của con người – tất cả đều được ghi lại hôm nay trong những lời dùng để chinh phục các người. Ta rồi sẽ dùng những lời này để chinh phục dân chúng của mọi quốc gia và mọi giáo phái, bởi vì các người là nguyên mẫu, là tiền lệ. Tuy nhiên, Ta đã không có kế hoạch cố tình bỏ rơi các người; nếu người không làm tốt việc theo đuổi của mình và vì thế mà người chứng tỏ mình vô phương cứu chữa, thì chẳng phải người chỉ là một vật phục vụ và một vật làm nền thôi sao? Ta đã từng bảo rằng sự khôn ngoan của Ta được vận dụng dựa trên những mưu đồ của Sa-tan. Tại sao Ta phán như vậy? Chẳng phải đó là sự thật đằng sau những gì Ta đang phán và làm ngay bây giờ sao? Nếu người không thể bước lên, nếu người không được hoàn thiện mà thay vào đó bị trừng phạt, thì người sẽ chẳng trở thành một vật làm nền sao? Có lẽ người đã chịu khổ rất nhiều trong thời của mình, nhưng người vẫn không hiểu gì cả; người không biết bất kỳ điều gì về sự sống. Mặc dù người đã bị hành phạt và phán xét, nhưng người vẫn chưa thay đổi chút nào, và trong sâu thẳm, người vẫn chưa có được sự sống. Khi đến lúc thử công việc của người, người sẽ trải qua một sự thử luyện dữ dội như lửa và chịu khổ nạn còn lớn hơn. Ngọn lửa này sẽ biến toàn bộ hữu thể của người thành tro bụi. Là kẻ chẳng sở hữu sự sống, kẻ chẳng có một nén vàng ròng nào bên trong, kẻ vẫn bị mắc kẹt trong tâm tính bại hoại cũ, và là kẻ thậm chí chẳng làm được công việc làm nền cho ra trò, thì làm sao người không bị loại bỏ cho được? Một kẻ chẳng đáng giá một xu, và một kẻ chẳng có sự sống, có thể có ích gì cho công tác chinh phục không? Khi thời điểm đó đến, những tháng ngày của các người sẽ khó khăn hơn của Nô-ê và Sô-đôm! Những lời cầu

nguyện của người sẽ chẳng ích gì cho người lúc đó. Khi công tác cứu rỗi đã kết thúc rồi, làm sao sau đó người có thể quay lại và bắt đầu ăn năn lần nữa? Một khi mọi công tác cứu rỗi đã hoàn tất, sẽ chẳng còn gì nữa; điều còn lại là bắt đầu công tác trừng phạt kẻ ác. Người chống đối, người phản nghịch, và người làm những điều mình biết là xấu xa. Người chẳng phải là mục tiêu của sự trừng phạt nghiêm khắc sao? Ta nói rõ với người điều này hôm nay. Nếu người chọn không nghe lời, thì khi tai họa giáng xuống người sau này, chẳng phải sẽ là quá muộn nếu chỉ đến lúc đó người mới bắt đầu cảm thấy hối tiếc và bắt đầu tin sao? Ta đang cho người một cơ hội để ăn năn ngày hôm nay, nhưng người không sẵn lòng ăn năn. Người muốn chờ bao lâu đây? Cho tới ngày nhận hình phạt sao? Hôm nay Ta không nhớ những vi phạm trước đây của người; Ta tha thứ cho người hết lần này đến lần khác, lờ đi mặt tiêu cực để chỉ nhìn vào mặt tích cực của người, bởi vì mọi lời và công tác hiện tại của Ta đều là để cứu người và Ta không có ác ý với người. Ấy thế mà người vẫn từ chối bước vào; người không thể phân biệt tốt xấu và chẳng biết cách trân trọng lòng tốt. Chẳng phải những người này chỉ chờ đợi sự trừng phạt và quả báo công chính đến sao?

Khi Môi-se đập vào hòn đá, và nước được Đức Giê-hô-va ban cho chảy ra, đó là vì đức tin của người. Khi Đa-vít chơi đàn sắt ca ngợi Ta, là Đức Giê-hô-va – với tấm lòng tràn đầy niềm vui – đó là vì đức tin của người. Khi Gióp bị mất đi đàn gia súc đầy trên núi cùng khối lượng tài sản không đếm xuể của mình, và thân thể của người bị bao phủ trong những ung độc, đó là vì đức tin của người. Khi người có thể nghe tiếng Ta, là Đức Giê-hô-va, và thấy vinh quang của Ta, là Đức Giê-hô-va, đó là vì đức tin của người. Việc Phi-e-rơ đã có thể đi theo Jê-sus Christ là vì đức tin của người. Việc người đã có thể chịu đóng đinh trên thập tự giá vì Ta và làm chứng vinh quang cũng là vì đức tin của người. Khi Giăng nhìn thấy ảnh tượng vinh quang của Con người, đó là vì đức tin của người. Khi người nhìn thấy Khải tượng về thời kỳ sau rốt, càng đúng là vì đức tin của người. Lý do tại sao điều gọi là vô số các nước ngoại bang đã có được sự mặc khải của Ta, và đã biết được rằng Ta đã trở lại trong xác thịt để làm công tác của Ta ở giữa con người, cũng là vì đức tin của họ. Tất cả những người bị đánh đập bởi những lời gay gắt của Ta mà vẫn được chúng an ủi và được cứu rỗi – chẳng phải họ đã làm được như vậy là nhờ đức tin của họ sao? Mọi người đã nhận lãnh rất nhiều bởi đức tin của họ, và không phải lúc nào cũng là ơn phước. Họ có thể không nhận lãnh thứ hạnh phúc và vui sướng mà Đa-vít đã cảm nhận, hay có được nước do Đức Giê-hô-va ban cho như Môi-se đã có. Chẳng hạn, Gióp đã được Đức Giê-hô-va ban phước bởi đức tin của ông, nhưng ông cũng đã phải chịu tai họa. Dù cho người được ban ơn phước hay chịu tai họa, cả hai đều là những sự

kiện may mắn. Không có đức tin, người sẽ không thể nào nhận lãnh công tác chinh phục này, càng không thể thấy những việc làm của Đức Giê-hô-va được tỏ bày trước mắt người hôm nay. Người sẽ không thể nhìn thấy, càng không thể nào nhận lãnh. Những tai họa này, những hoạn nạn này, và hết thảy mọi sự phán xét – nếu những thứ này không giáng xuống người, liệu người có thể nhìn thấy được những việc làm của Đức Giê-hô-va hôm nay không? Hôm nay, chính đức tin đã cho phép người được chinh phục, và chính việc được chinh phục cho phép người tin vào mọi hành động của Đức Giê-hô-va. Chỉ bởi đức tin mà người nhận lãnh hình phạt và sự phán xét như thế. Thông qua hình phạt và sự phán xét này, người được chinh phục và hoàn thiện. Không có kiểu hình phạt và sự phán xét người đang nhận ngày nay, thì đức tin của người sẽ vô ích, bởi người sẽ không biết đến Đức Chúa Trời; cho dù người tin ở Ngài nhiều bao nhiêu, đức tin của người vẫn sẽ chỉ là một sự bày tỏ trống tuếch chẳng dựa trên thực tế. Chỉ sau khi người nhận lãnh công tác chinh phục này, công tác khiến người hoàn toàn vâng phục, thì đức tin của người mới trở nên chân thật, đáng tin cậy, và lòng người mới hướng về Đức Chúa Trời. Cho dù người phải chịu rất nhiều sự phán xét và rửa sả bởi từ “đức tin” này, nhưng người vẫn có đức tin thật sự, và người nhận được điều chân thật nhất, thực tế nhất, và quý giá nhất. Đó là bởi chỉ trong quá trình phán xét, người mới thấy được đích đến cuối cùng của các tạo vật của Đức Chúa Trời; chính trong sự phán xét này mà người thấy được Đấng Tạo Hóa là để yêu thương; chính trong công tác chinh phục như thế mà người thấy được vòng tay của Đức Chúa Trời; chính trong sự chinh phục này mà người bắt đầu hiểu đầy đủ về đời sống con người; chính trong sự chinh phục này mà người có được con đường đúng đắn của đời sống con người và bắt đầu hiểu được ý nghĩa thật sự của “con người”; chỉ trong sự chinh phục này, người mới thấy được tâm tính công chính của Đấng Toàn Năng và dung mạo đẹp đẽ, vinh hiển của Ngài; chính trong công tác chinh phục này, người biết được nguồn gốc của con người và hiểu được toàn bộ “lịch sử bất hủ” của cả nhân loại; chính trong sự chinh phục này, người bắt đầu hiểu về tổ tiên của loài người và nguồn gốc sự bại hoại của loài người; chính trong sự chinh phục này, người nhận lãnh niềm vui và sự yên ủi cũng như sự sửa phạt, sửa dạy, và những lời quở trách vô tận từ Đấng Tạo Hóa dành cho nhân loại Ngài đã dựng nên; chính trong công tác chinh phục này mà người nhận lãnh những ơn phước, cũng như những tai họa mà con người đáng phải nhận... Chẳng phải tất cả những điều này đều do chút ít đức tin của người sao? Và đức tin của người đã không lớn lên sau khi nhận lãnh những điều này sao? Người vẫn chưa thu nhận được quá nhiều sao? Người chẳng những đã nghe được những lời của Đức Chúa Trời và thấy được sự khôn ngoan của Ngài, mà người cũng đã đích thân trải nghiệm

từng bước của công tác của Ngài. Có lẽ người sẽ nói rằng nếu người không có đức tin, thì người sẽ không phải chịu kiểu hình phạt hay kiểu phán xét này. Nhưng người nên biết rằng không có đức tin, người chẳng những không thể nhận lãnh kiểu hình phạt hay kiểu chăm sóc này từ Đấng Toàn Năng, mà người còn vĩnh viễn mất đi cơ hội được gặp Đấng Tạo Hóa. Người sẽ chẳng bao giờ biết được nguồn gốc của nhân loại và chẳng bao giờ hiểu được ý nghĩa của cuộc đời con người. Ngay cả khi thân thể của người chết đi và hồn người lìa khỏi, người vẫn sẽ không hiểu được mọi việc làm của Đấng Tạo Hóa, càng không biết được rằng Đấng Tạo hóa đã làm công tác vĩ đại như thế trên đất sau khi Ngài dựng nên nhân loại. Là một thành viên của nhân loại Ngài đã tạo dựng nên này, người có sẵn lòng rơi vào bóng tối một cách ngu dốt, và chịu sự trừng phạt đời đời không? Nếu người tách ra khỏi hình phạt và sự phán xét của ngày nay, người sẽ gặp phải điều gì đây? Người nghĩ rằng một khi đã tách ra khỏi sự phán xét hiện tại, người sẽ có thể thoát khỏi cuộc sống khó khăn này ư? Chẳng phải nếu người rời khỏi “nơi này”, điều người đối mặt sẽ là sự giày vò đau đớn hoặc những sự hành hạ tàn ác do ma quỷ gây ra hay sao? Liệu người có thể đối mặt với những đêm ngày không thể chịu đựng nổi? Người nghĩ rằng chỉ vì người thoát khỏi sự phán xét hôm nay, thì người có thể vĩnh viễn tránh được sự tra tấn đó trong tương lai sao? Điều gì sẽ đến với người? Đó có thể thực sự là một Shangri-La người hy vọng không? Người nghĩ rằng người có thể thoát khỏi hình phạt đời đời sau này chỉ đơn giản bằng cách chạy trốn khỏi hiện thực như người đang làm bây giờ sao? Sau ngày hôm nay, liệu người có bao giờ lại tìm được loại cơ hội này và loại ơn phước này nữa không? Người có thể tìm thấy chúng khi tai ương giáng xuống người không? Người có thể tìm thấy chúng khi toàn nhân loại bước vào sự nghỉ ngơi không? Cuộc sống hạnh phúc hiện tại của người và gia đình nhỏ thuận hòa đó của người – những điều này có thay thế cho đích đến đời đời của người trong tương lai được không? Nếu người có đức tin thực sự, và nếu người thu nhận được rất nhiều nhờ đức tin của mình, thì tất cả những thứ đó đều là những gì mà người – một loài thọ tạo – nên đạt được và cũng là những gì đáng lẽ người đã có ban đầu. Không gì có lợi cho đức tin và cuộc sống của người hơn sự chinh phục như thế.

Hôm nay, người cần hiểu những gì Đức Chúa Trời yêu cầu ở những người được chinh phục, thái độ của Ngài đối với những người được hoàn thiện, và những gì người nên bước vào trong hiện tại. Một số điều người chỉ cần hiểu chút ít. Người không cần phải nghiên cứu kỹ lưỡng một vài lời về những lễ mầu nhiệm; chúng chẳng giúp ích gì nhiều cho đời sống, và chỉ cần xem nhanh qua chúng. Người có thể đọc về những lễ mầu nhiệm như mầu nhiệm về A-đam và Ê-va: tất cả những gì

về A-đam và Ê-va vào thời đó, và công tác nào Đức Chúa Trời muốn làm ngày nay. Người cần hiểu rằng khi chinh phục và hoàn thiện con người, Đức Chúa Trời mong muốn đưa con người trở lại như A-đam và Ê-va trước đây. Người nên rõ trong lòng về mức độ hoàn thiện phải đạt được để đáp ứng tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời, và rồi người phải nỗ lực để đạt được điều đó. Điều này liên quan đến sự thực hành của người, và là điều người nên hiểu. Người chỉ cần cố gắng bước vào theo lời Đức Chúa Trời về những vấn đề này là đủ. Khi người đọc được rằng “Nhân loại đã mất hàng vạn năm lịch sử để đến được ngày hôm nay”, người trở nên tò mò, và vì vậy, người cố tìm câu trả lời với các anh chị em. “Đức Chúa Trời phán rằng sự phát triển của nhân loại đã có từ sáu nghìn năm, đúng không? Vậy hàng vạn năm này là sao?” Cố tìm câu trả lời cho câu hỏi này có ích gì? Cho dù chính Đức Chúa Trời đã làm việc trong hàng vạn năm hay hàng trăm triệu năm – Ngài có thật sự cần người biết về điều này không? Đây không phải là điều mà người, một loài thọ tạo, cần phải biết. Hãy cứ cho phép mình xem nhanh qua những lời bàn luận như thế này, và đừng cố hiểu về chúng như thể chúng là một khái tượng. Người cần biết điều gì người nên bước vào và nên hiểu hôm nay, và sau đó, người cần nắm vững những điều đó. Chỉ khi đó người mới được chinh phục. Sau khi đọc những lời trên, trong người hẳn có một phản ứng bình thường là: Đức Chúa Trời đang lo lắng đến cằn cỗi, Ngài muốn chinh phục chúng ta và đạt được sự vinh hiển cùng lời chứng, vậy thì chúng ta nên hợp tác với Ngài như thế nào đây? Chúng ta phải làm gì để được Ngài chinh phục hoàn toàn và trở thành nhân chứng của Ngài? Chúng ta phải làm gì để Đức Chúa Trời có thể đạt được sự vinh hiển? Chúng ta phải làm gì để cho phép chính mình sống dưới sự thống trị của Đức Chúa Trời chứ không phải dưới quyền của Sa-tan? Đây là điều mà mọi người nên nghĩ đến. Mỗi người trong các người nên rõ về ý nghĩa sự chinh phục của Đức Chúa Trời. Đó là trách nhiệm của các người. Chỉ sau khi đạt được sự thấu tỏ này, các người mới có được sự bước vào, các người mới biết được giai đoạn công tác này, và các người mới trở nên hoàn toàn vâng phục. Nếu không, các người sẽ không đạt được sự vâng phục thực sự.

Sự thật bên trong công tác chinh phục (3)

Hiệu quả dự kiến của công tác chinh phục trên hết là để xác thịt của con người không còn dấy loạn; có nghĩa là, để tâm trí con người đạt được sự hiểu biết mới về Đức Chúa Trời, để lòng con người hoàn toàn vâng phục Đức Chúa Trời, và để con người khao khát được vì Đức Chúa Trời. Người ta không được xem là đã được chinh phục khi tính khí hay xác thịt của họ thay đổi; khi suy nghĩ của con người, ý thức của

con người, và lý trí của con người thay đổi, có nghĩa là, khi toàn bộ tâm thái của người thay đổi – đó sẽ là lúc người đã được Đức Chúa Trời chinh phục. Khi người đã quyết tâm vâng phục và đã mang một tâm thái mới, khi người không còn đưa bất kỳ quan niệm hay ý định nào của cá nhân mình vào những lời và công tác của Đức Chúa Trời, và khi trí óc của người có thể suy nghĩ bình thường – nghĩa là khi người có thể dốc sức cho Đức Chúa Trời bằng cả tấm lòng mình – thì người là kiểu người đã được chinh phục hoàn toàn. Trong tôn giáo, nhiều người đã chịu rất nhiều đau khổ suốt cuộc đời họ: Họ bắt thân thể phải quy phục và vác thập giá, thậm chí còn tiếp tục chịu đựng và nhẫn nhục ngay trên bờ vực của cái chết! Một số người vẫn kiên nhẫn vào buổi sáng ngày họ chết. Cả đời họ từ chối ăn ngon mặc đẹp, chỉ tập trung chịu khổ. Họ có thể bắt thân thể quy phục và phản bội xác thịt họ. Tinh thần chịu khổ của họ thật đáng khen ngợi. Nhưng suy nghĩ của họ, các quan niệm của họ, tâm thái của họ, và thật sự là bản tính cũ của họ, lại chẳng hề được xử lý chút nào. Họ không có một chút hiểu biết thật sự nào về bản thân mình. Hình tượng của Đức Chúa Trời trong họ là hình tượng truyền thống về một Đức Chúa Trời mơ hồ. Quyết tâm chịu khổ vì Đức Chúa Trời của họ đến từ lòng sốt sắng và đức tính tốt trong nhân tính của họ. Mặc dù họ tin vào Đức Chúa Trời, nhưng họ chẳng hiểu Ngài cũng như không biết ý muốn của Ngài. Họ chỉ làm việc và chịu đựng một cách mù quáng vì Đức Chúa Trời. Họ không coi trọng sự sáng suốt chút nào, và hầu như chẳng quan tâm đến việc làm sao để đảm bảo sự phục vụ của họ thực sự thỏa mãn ý muốn của Đức Chúa Trời, họ càng không biết làm thế nào để đạt được sự hiểu biết về Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời mà họ phục vụ không phải là Đức Chúa Trời trong hình tượng vốn có của Ngài, mà là một Đức Chúa Trời họ tưởng tượng ra, một Đức Chúa Trời mà họ chỉ nghe nói tới, hoặc chỉ đọc được trong các câu chuyện truyền thuyết. Sau đó, họ sử dụng trí tưởng tượng phong phú và lòng sùng đạo của mình để chịu khổ vì Đức Chúa Trời và đảm nhận công tác của Đức Chúa Trời mà Đức Chúa Trời muốn làm. Sự phục vụ của họ quá thiếu chính xác, đến mức hầu như chẳng ai trong số họ có thể thực sự phục vụ theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Bất kể họ có vui vẻ chịu đựng như thế nào, quan điểm ban đầu của họ về việc phục vụ và hình tượng Đức Chúa Trời trong tâm trí họ vẫn không thay đổi, bởi họ chưa trải qua sự phán xét, hình phạt, sự tinh luyện và hoàn thiện của Đức Chúa Trời, cũng chưa ai hướng dẫn họ sử dụng lẽ thật. Cho dù họ tin vào Jêsus Đấng Cứu Thế, chẳng ai trong họ từng nhìn thấy Đấng Cứu Thế. Họ chỉ biết đến Ngài qua truyền thuyết và lời đồn. Kết quả là, sự phục vụ của họ chẳng hơn gì nhắm mắt phục vụ bừa, như một người mù phục vụ chính cha mình. Cuối cùng, sự phục vụ như thế có thể đạt được gì? Và ai sẽ ưng thuận nó? Từ đầu tới cuối, sự phục vụ của họ vẫn y như vậy;

họ chỉ nhận được những bài học từ con người và chỉ phục vụ dựa trên tính cách tự nhiên và ý thích riêng của họ. Làm thế thì mang lại được phần thưởng gì? Ngay cả Phi-e-rơ, người đã nhìn thấy Jêsus, còn không biết cách phục vụ theo ý muốn của Đức Chúa Trời; ông chỉ biết điều này vào sau cuối, lúc tuổi già. Vậy thì nói gì đến những người đui mù chưa trải qua một chút kinh nghiệm được xử lý hay tĩa sửa nào, và những người chẳng có ai hướng dẫn? Chẳng phải sự phục vụ của nhiều người trong số các người hôm nay cũng giống như những người đui mù này sao? Hết thấy những ai chưa nhận lãnh sự phán xét, chưa nhận lãnh sự tĩa sửa và xử lý, cũng như những ai chưa thay đổi – chẳng phải hết thấy họ đều chưa được chinh phục hoàn toàn sao? Những kẻ như vậy thì giúp được gì? Nếu suy nghĩ của người, hiểu biết của người về cuộc đời, và hiểu biết của người về Đức Chúa Trời chẳng thấy có sự thay đổi mới mẻ nào và người thực sự chẳng đạt được điều gì, thì người sẽ không bao giờ đạt được bất cứ điều gì đáng kể trong sự phục vụ của mình! Không có một khái tượng và một sự hiểu biết mới mẻ về công tác của Đức Chúa Trời, người không được chinh phục. Đường lối theo Đức Chúa Trời của người như vậy sẽ giống như của những người chịu khổ và kiêng ăn: chẳng có mấy giá trị! Chính vì có rất ít lời chứng trong những gì họ làm mà Ta nói rằng sự phục vụ của họ là vô ích! Trong suốt cuộc đời mình, những người này chịu khổ và ngồi tù; họ luôn nhẫn nhịn, yêu thương, và họ luôn vác thập giá, họ bị thế giới cười nhạo và chối bỏ, họ trải qua mọi gian khổ, và mặc dù họ vâng phục đến tận cùng, họ vẫn chưa được chinh phục, và không đưa ra được chứng ngôn nào về việc được chinh phục. Họ đã chịu khổ rất nhiều, nhưng bên trong họ không hề biết Đức Chúa Trời. Chẳng có điều gì trong những suy nghĩ cũ kỹ, quan niệm cũ kỹ, các thực hành tôn giáo, kiến thức từ con người, và những ý tưởng con người của họ từng được xử lý. Không hề có một dấu vết của hiểu biết mới mẻ nào trong họ. Không một chút kiến thức nào của họ về Đức Chúa Trời là đúng đắn hay chính xác. Họ đã hiểu sai ý muốn của Đức Chúa Trời. Điều này có phục vụ cho Đức Chúa Trời không? Bất kể hiểu biết của người về Đức Chúa Trời như thế nào trong quá khứ, nếu hôm nay nó vẫn cứ y như vậy và người tiếp tục hiểu biết về Đức Chúa Trời dựa trên những quan niệm và tư tưởng của riêng mình bất kể Đức Chúa Trời làm gì, nghĩa là nếu người không có hiểu biết mới mẻ, đích thực nào về Đức Chúa Trời và nếu người không biết được hình tượng và tâm tính thực sự của Đức Chúa Trời, nếu hiểu biết của người về Đức Chúa Trời vẫn còn bị dẫn dắt bởi tư tưởng phong kiến, dị đoan, và vẫn được sinh ra từ trí tưởng tượng và những quan niệm của con người, thì người chưa được chinh phục. Hết thấy những lời mà Ta phán với người ngày hôm nay là để cho người biết, để kiến thức này dẫn dắt người đến một kiến thức mới mẻ hơn, chính xác hơn; chúng cũng nhằm để xóa bỏ

những quan niệm và lối hiểu biết cũ trong người, hầu cho người có thể có sự hiểu biết mới. Nếu người thật sự ăn uống lời Ta, thì hiểu biết của người sẽ thay đổi đáng kể. Miễn là người ăn uống lời Đức Chúa Trời với tấm lòng vâng phục, thì quan điểm của người sẽ đổi lại. Miễn là người có thể chấp nhận những hình phạt lặp đi lặp lại, thì tâm thái cũ của người sẽ dần thay đổi. Miễn là tâm thái cũ của người được thay thế hoàn toàn bằng tâm thái mới, thì sự thực hành của người cũng sẽ thay đổi theo. Bằng cách này, sự phục vụ của người sẽ ngày càng trở nên đúng mục tiêu, ngày càng có thể thỏa mãn ý muốn của Đức Chúa Trời. Nếu người có thể thay đổi cuộc sống của mình, thay đổi hiểu biết của mình về cuộc đời con người, và thay đổi nhiều quan niệm của người về Đức Chúa Trời, thì bản tính tự nhiên của người sẽ giảm dần. Điều này, chính điều này, là hiệu quả khi Đức Chúa Trời chinh phục con người, đó là sự thay đổi xảy ra trong con người. Trong đức tin của người nơi Đức Chúa Trời, nếu tất cả những gì người biết là bắt thân thể quy phục, và nhẫn nhục, chịu đựng, và người không biết điều đó đúng hay sai, càng không biết điều đó được thực hiện vì ai, thì sự thực hành như thế làm sao có thể dẫn tới sự thay đổi được?

Nên hiểu rằng những gì Ta đòi hỏi ở các người không phải là để các người bó buộc xác thịt mình, hay ngăn đầu óc các người tùy ý suy nghĩ. Đây không phải là mục tiêu của công tác, cũng chẳng phải là công việc cần làm ngay bây giờ. Ngay bây giờ, các người phải có sự hiểu biết từ khía cạnh tích cực để có thể thay đổi bản thân. Hành động cần thiết nhất là người phải trang bị cho bản thân mình những lời của Đức Chúa Trời, nghĩa là trang bị đầy đủ cho mình lẽ thật và khái tượng của hiện tại, sau đó tiến tới đưa chúng vào thực hành. Đây là trách nhiệm của các người. Ta không đang yêu cầu các người phải tìm kiếm và đạt được sự soi sáng lớn hơn thế. Hiện tại, đơn giản là các người không có vóc giạc cho điều đó. Điều các người cần là làm tất cả mọi thứ có thể để ăn uống lời Đức Chúa Trời. Các người phải hiểu công tác của Đức Chúa Trời và biết bản tính các người, thực chất của các người, và cuộc sống cũ của các người. Cụ thể, các người cần phải biết những sự thực hành sai trật và vô lý trong quá khứ và những việc làm của con người mà người đã làm. Để thay đổi, người phải bắt đầu bằng việc thay đổi suy nghĩ của mình. Trước hết, phải thay những suy nghĩ cũ của các người bằng những suy nghĩ mới, và để những suy nghĩ mới của các người chi phối lời nói, hành động và cuộc sống của các người. Đây là điều được yêu cầu đối với mỗi người các người hôm nay. Đừng mù quáng thực hành hay mù quáng đi theo. Người nên có một nền tảng và một mục tiêu. Đừng tự huyễn hoặc mình. Các người nên biết chính xác đức tin của các người nơi Đức Chúa Trời là gì, các người nên đạt được gì từ đó, và các người nên bước vào điều gì ngay bây giờ. Bắt buộc người phải biết tất cả những điều này.

Những gì các người hiện tại nên bước vào là nâng tầm cuộc sống và nâng cao tổ chất của các người. Thêm vào đó, các người cần phải thay đổi những quan điểm cũ từ quá khứ của các người, thay đổi suy nghĩ của các người, và thay đổi những quan niệm của các người. Toàn bộ cuộc sống của các người cần được đổi mới. Khi sự hiểu biết của người về những việc làm của Đức Chúa Trời thay đổi, khi người có một sự hiểu biết mới về lẽ thật trong mọi điều Đức Chúa Trời phán dạy, và khi sự hiểu biết trong người được nâng tầm, thì cuộc sống của người sẽ sang một trang mới tốt đẹp hơn. Tất cả mọi thứ con người nói và làm bây giờ đều thực tế. Những thứ này không phải học thuyết, mà là những điều mọi người cần cho cuộc sống của họ và là những điều họ nên sở hữu. Đây là sự thay đổi xảy ở con người trong công tác chinh phục, sự thay đổi mà con người nên trải qua, và là hiệu quả sau khi họ được chinh phục. Khi người đã thay đổi suy nghĩ của mình, đã mang một tâm thái mới, đã lật đổ những quan niệm, ý định và những lập luận lô-gic của người trong quá khứ, đã loại bỏ những thứ ăn sâu bên trong người, và đã đạt được một sự hiểu biết mới về đức tin vào Đức Chúa Trời, thì những lời chứng người đưa ra sẽ được nâng tầm, và toàn bộ hữu thể của người lúc ấy đã thay đổi thực sự. Đây đều là những điều thực tế nhất, thiết thực nhất, và cơ bản nhất trong tất cả – những điều mà trước đây con người không thể nắm bắt, và những điều mà họ đã không có khả năng tiếp cận. Chúng là công tác thực sự của Thần. Người đã hiểu về Kinh Thánh chính xác như thế nào trong quá khứ? Hôm nay đem điều này ra so sánh và người sẽ biết. Trong quá khứ, người đã thăm đề cao và tôn sùng Môi-se, Phi-e-rơ, Phao-lô, hay toàn bộ những câu nói và quan điểm trong Kinh Thánh. Bây giờ, nếu người được yêu cầu tôn sùng Kinh Thánh, người có làm không? Người sẽ thấy rằng Kinh Thánh chứa quá nhiều ghi chép bởi con người, và rằng Kinh Thánh chỉ là sự thuật lại của con người về hai giai đoạn công tác của Đức Chúa Trời. Đó là một cuốn sách lịch sử. Chẳng phải điều này có nghĩa là hiểu biết của người về Kinh Thánh đã thay đổi rồi sao? Nếu người nhìn vào gia phả của Jêsus được đưa ra trong sách Phúc Âm Ma-thi-ơ ngày nay, người sẽ nói rằng: “Gia phả của Jêsus ư? Thật vô nghĩa! Đây là gia phả của Giô-sép, không phải của Jêsus. Chẳng có mối liên quan nào giữa Jêsus và Giô-sép cả.” Khi người nhìn vào Kinh Thánh lúc này, hiểu biết của người về nó đã khác đi, có nghĩa là quan điểm của người đã thay đổi, và người mang một tầm hiểu biết về nó cao hơn những học giả cấp cao về tôn giáo. Nếu ai nói rằng có điều gì đó trong gia phả này, người sẽ đáp lại: “Có điều gì trong đó? Hãy giải thích tiếp xem. Jêsus và Giô-sép chẳng liên quan gì đến nhau. Bạn không biết điều đó sao? Jêsus có thể có một gia phả sao? Làm sao Jêsus có thể có tổ tiên được? Làm sao Ngài có thể là con cháu của con người được? Xác thịt của Ngài được hạ sinh bởi

Ma-ri; Thần của Ngài là Thần của Đức Chúa Trời, không phải là thần của một con người. Jêsus là Con trai yêu dấu của Đức Chúa Trời, vậy thì làm sao Ngài có một gia phả được? Lúc ở trên đất, Ngài không phải là một thành viên của loài người, thì làm sao Ngài có một gia phả được?” Khi người phân tích gia phả và giải thích sự thật bên trong một cách rõ ràng, chia sẻ những gì người đã hiểu, người đó sẽ chẳng thốt nên lời. Một số người sẽ xem Kinh Thánh và hỏi người: “Jêsus đã có một gia phả. Đức Chúa Trời ngày nay của bạn có gia phả không?” Lúc đó, người sẽ nói cho họ biết về hiểu biết của người, điều thực tế hơn tất cả, và bằng cách này, sự hiểu biết của người đã có hiệu quả. Thật ra, Jêsus không liên quan đến Giô-sép, càng chẳng liên quan gì đến Áp-ra-ham; Ngài chỉ đơn giản là được sinh ra ở Y-sơ-ra-ên. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời không phải là một người Y-sơ-ra-ên hay con cháu của dân Y-sơ-ra-ên. Được sinh ra ở Y-sơ-ra-ên không nhất thiết có nghĩa là Đức Chúa Trời chỉ là Đức Chúa Trời của riêng dân Y-sơ-ra-ên. Chỉ vì công tác của Ngài mà Ngài đã thực hiện việc nhập thể. Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời của muôn tạo vật khắp vũ trụ. Ngài chỉ đơn giản là đã thực hiện một giai đoạn công tác của Ngài ở Y-sơ-ra-ên trước, sau đó Ngài bắt đầu làm việc giữa các quốc gia dân ngoại. Tuy vậy, người ta vẫn xem Jêsus là Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên, và hơn nữa còn đặt Ngài giữa dân Y-sơ-ra-ên và giữa con cháu của Đa-vít. Kinh Thánh nói rằng cuối cùng thì danh Đức Giê-hô-va sẽ trở nên vĩ đại giữa các quốc gia dân ngoại, nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ làm việc giữa các quốc gia dân ngoại trong thời kỳ sau rốt. Việc Đức Chúa Trời đã nhập thể ở Giu-đê không ngụ ý Đức Chúa Trời chỉ yêu thương mỗi dân Do Thái. Việc đó xảy ra chỉ vì công tác đòi hỏi như vậy, chứ không phải Đức Chúa Trời chỉ có thể nhập thể ở Y-sơ-ra-ên (bởi dân Y-sơ-ra-ên là dân sự được Ngài chọn). Chẳng phải cũng có thể tìm thấy dân sự được Đức Chúa Trời chọn ở các quốc gia dân ngoại sao? Chỉ sau khi Jêsus hoàn thành việc công tác ở Giu-đê, thì công tác mới mở rộng ra các quốc gia dân ngoại (dân Y-sơ-ra-ên gọi tất cả các quốc gia ngoài Y-sơ-ra-ên là “các quốc gia dân ngoại”). Thật ra, cũng có dân sự được Đức Chúa Trời chọn trong các quốc gia dân ngoại đó; chỉ là vào thời điểm đó không có công tác nào được thực hiện tại đó. Người ta chú trọng đến Y-sơ-ra-ên như thế là bởi hai giai đoạn công tác đầu tiên đã diễn ra tại Y-sơ-ra-ên trong khi không có công tác nào được thực hiện ở các quốc gia dân ngoại. Công tác giữa các quốc gia dân ngoại chỉ đang bắt đầu hôm nay, đó là lý do tại sao người ta thấy rất khó để chấp nhận nó. Nếu người có thể hiểu rõ toàn bộ điều này, nếu người có thể tiếp thu và nhìn nhận nó một cách đúng đắn, thì người sẽ có được sự hiểu biết chính xác về Đức Chúa Trời của ngày nay và của quá khứ, và hiểu biết mới này sẽ cao hơn cả hiểu biết về Đức Chúa Trời của tất cả các thánh đồ xuyên suốt lịch sử. Nếu người trải nghiệm

công tác của ngày nay và nghe được những lời phán của đấng thân Đức Chúa Trời ngày nay, mà vẫn không có sự hiểu biết trọn vẹn về Đức Chúa Trời và sự theo đuổi của người vẫn như thường lệ và không được thay mới chút nào, đặc biệt là nếu người trải nghiệm toàn bộ công tác chinh phục này, nhưng cuối cùng vẫn không thấy có một chút thay đổi nào trong người, thì chẳng phải đức tin của người cũng giống như của những kẻ chỉ tìm kiếm bánh mì để thỏa cơn đói sao? Trong trường hợp đó, công tác chinh phục sẽ chẳng có hiệu quả gì trong người. Như vậy, chẳng phải người sẽ trở thành một trong số những kẻ bị loại bỏ sao?

Khi toàn bộ công tác chinh phục kết thúc, hết thảy các người buộc phải hiểu rằng Đức Chúa Trời không chỉ là Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên, mà là của muôn tạo vật. Ngài dựng nên cả nhân loại, chứ không chỉ dân Y-sơ-ra-ên. Nếu người cho rằng Đức Chúa Trời chỉ là Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên hoặc Đức Chúa Trời không thể nhập thể ở bất kỳ quốc gia nào ngoài Y-sơ-ra-ên, thì người chưa thu được bất kỳ hiểu biết nào trong suốt công tác chinh phục, và người hoàn toàn không thừa nhận rằng Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời của người; người chỉ đơn thuần thừa nhận rằng Đức Chúa Trời đã chuyển từ Y-sơ-ra-ên sang Trung Quốc và đang buộc phải làm Đức Chúa Trời của người. Nếu đây vẫn là cách người nhìn nhận mọi thứ, thì công tác của Ta chưa có kết quả gì trong người, và người chưa hiểu một điều gì Ta đã phán dạy. Nếu cuối cùng người viết một cuốn gia phả khác cho Ta như Ma-thi-ơ đã làm, xác định một ông tổ phù hợp cho Ta, tìm tổ tiên chính xác của Ta – như thế là Đức Chúa Trời có hai gia phả cho hai lần nhập thể của Ngài – vậy thì đó sẽ chẳng phải là một trò đùa lớn nhất thế gian sao? Chẳng phải người – “người có ý tốt” này đã tìm ra một gia phả cho Ta, sẽ trở thành kẻ chia tách Đức Chúa Trời sao? Liệu người có thể gánh lấy tội lỗi này không? Sau tất cả công tác chinh phục này, nếu người vẫn không tin rằng Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời của muôn tạo vật, nếu người vẫn nghĩ rằng Đức Chúa Trời chỉ là Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên, thì chẳng phải người là một kẻ công khai chống đối Đức Chúa Trời sao? Mục đích của việc chinh phục người ngày nay là để người thừa nhận rằng Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời của người và cũng là Đức Chúa Trời của người khác, và quan trọng nhất, Ngài là Đức Chúa Trời của hết thảy những ai yêu mến Ngài, và là Đức Chúa Trời của muôn tạo vật. Ngài là Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên và là Đức Chúa Trời của dân Ê-díp-tô. Ngài là Đức Chúa Trời của dân Anh và là Đức Chúa Trời của dân Mỹ. Ngài không chỉ là Đức Chúa Trời của A-đam và Ê-va, mà còn là Đức Chúa Trời của hết thảy con cháu họ. Ngài là Đức Chúa Trời của vạn vật trên trời và vạn vật dưới đất. Dù là các gia đình Y-sơ-ra-ên hay dân ngoại, tất cả đều ở trong tay của một Đức Chúa Trời. Ngài không chỉ đã làm việc ở Y-sơ-ra-ên trong vài nghìn năm và

từng được sinh ra ở Giu-đê, mà hôm nay Ngài còn giáng xuống Trung Quốc, nơi có con rồng lớn sắc đỏ nằm cuộn mình. Nếu việc được sinh ra ở Giu-đê khiến Ngài trở thành Vua của người Do Thái, thì chẳng phải việc giáng xuống giữa tất cả các người hôm nay khiến Ngài trở thành Đức Chúa Trời của tất cả các người sao? Ngài đã dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên và được sinh ra ở Giu-đê, và Ngài cũng đã được sinh ra ở một vùng đất dân ngoại. Chẳng phải mọi công tác của Ngài đều được thực hiện vì toàn thể nhân loại mà Ngài đã dựng nên sao? Liệu Ngài có yêu thương dân Y-sơ-ra-ên gấp trăm lần và ghét dân ngoại gấp ngàn lần không? Đó chẳng phải là quan niệm của người sao? Không phải Đức Chúa Trời không bao giờ là Đức Chúa Trời của các người, chỉ là các người không thừa nhận Ngài; không phải Đức Chúa Trời không sẵn lòng làm Đức Chúa Trời của các người, mà chỉ là các người chối bỏ Ngài. Ai trong số tạo vật mà không nằm trong tay của Đấng Toàn Năng? Trong việc chinh phục các người hôm nay, chẳng phải mục đích là để các người thừa nhận rằng Đức Chúa Trời không ai khác hơn chính là Đức Chúa Trời của các người sao? Nếu các người vẫn cứ cho rằng Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời của mỗi dân Y-sơ-ra-ên, và vẫn cứ cho rằng nhà của Đa-vít ở Y-sơ-ra-ên là nơi Đức Chúa Trời sinh ra, và rằng không có quốc gia nào ngoài Y-sơ-ra-ên đủ tư cách “sinh ra” Đức Chúa Trời, càng không có bất kỳ gia đình dân ngoại nào có thể đích thân nhận lãnh công tác của Đức Giê-hô-va – nếu người vẫn nghĩ theo cách này, thì điều đó chẳng biến người thành một kẻ ngoan cố bướng bỉnh sao? Đừng mãi ám ảnh về Y-sơ-ra-ên nữa. Đức Chúa Trời đang ở ngay đây giữa các người hôm nay. Người cũng đừng mãi ngược nhìn lên trời. Hãy thôi khao khát Đức Chúa Trời trên thiên đàng! Đức Chúa Trời đã đến giữa các người, thì làm sao Ngài có thể ở trên thiên đàng được? Người đã tin vào Đức Chúa Trời chưa lâu lắm, thế mà người đã có quá nhiều quan niệm về Ngài, đến mức người không dám một giây nào nghĩ rằng Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên sẽ đoái thương ban ân điển cho các người bằng sự hiện diện của Ngài. Các người càng không dám nghĩ đến việc mình có thể nhìn thấy Đức Chúa Trời đích thân xuất hiện, khi các người ô uế đến không thể chịu nổi như thế. Các người cũng chưa từng nghĩ đến việc Đức Chúa Trời có thể đích thân giáng xuống một vùng đất dân ngoại. Ngài phải giáng xuống núi Si-na-i hay núi Ô-li-ve và xuất hiện với dân Y-sơ-ra-ên. Chẳng phải các dân ngoại (tức là những người bên ngoài Y-sơ-ra-ên) đều là đối tượng Ngài khinh ghét sao? Làm sao Ngài có thể đích thân làm việc giữa họ được? Đây hết thảy đều là những quan niệm thâm căn cố đế mà các người đã phát triển nhiều năm qua. Mục đích của việc chinh phục các người hôm nay là để đập tan những quan niệm này của các người. Từ đó mà các người thấy được đích thân Đức Chúa Trời xuất hiện giữa các người – không phải trên núi Si-na-i hay núi Ô-li-ve, mà là giữa những

người Ngài chưa từng dẫn dắt trước đây. Sau khi Đức Chúa Trời đã thực hiện hai giai đoạn công tác của Ngài ở Y-sơ-ra-ên, thì cả dân Y-sơ-ra-ên và hết thảy dân ngoại đều chứa chấp quan niệm rằng mặc dù đúng là Đức Chúa Trời đã dựng nên vạn vật, nhưng Ngài chỉ sẵn lòng làm Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên, chứ không phải Đức Chúa Trời của dân ngoại. Dân Y-sơ-ra-ên tin như sau: Đức Chúa Trời chỉ có thể là Đức Chúa Trời của chúng tôi, không phải Đức Chúa Trời của dân ngoại các người, và bởi vì các người không tôn kính Đức Giê-hô-va, nên Đức Giê-hô-va – Đức Chúa Trời của chúng tôi – khinh ghét các người. Những người Do Thái đó còn tin rằng: Đức Chúa Jê-sus đã mang hình ảnh của người Do Thái chúng tôi, và là một Đức Chúa Trời mang dấu ấn của người Do Thái. Chính giữa chúng tôi mà Ngài làm việc. Hình ảnh của Đức Chúa Trời và hình ảnh của chúng tôi tương tự nhau; hình ảnh của chúng tôi gần với hình ảnh của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Jê-sus là Vua của người Do Thái chúng tôi; dân ngoại không đủ tư cách nhận lãnh sự cứu rỗi lớn lao như thế. Đức Chúa Jê-sus là của lễ chuộc tội cho người Do Thái chúng tôi. Chỉ đơn thuần trên cơ sở hai giai đoạn công tác đó mà dân Y-sơ-ra-ên và dân Do Thái đã hình thành nên toàn bộ những quan niệm này. Họ độc đoán nhận Đức Chúa Trời là của riêng họ, không cho phép Đức Chúa Trời cũng làm Đức Chúa Trời của dân ngoại. Bằng cách này, Đức Chúa Trời đã trở thành một lỗ hổng trong lòng dân ngoại. Đó là bởi mọi người trở nên tin rằng Đức Chúa Trời không muốn làm Đức Chúa Trời của dân ngoại và rằng Ngài chỉ thích dân Y-sơ-ra-ên – dân sự được Ngài chọn – và người Do Thái, đặc biệt là những môn đồ đã theo Ngài. Người không biết rằng công tác Đức Giê-hô-va và Jê-sus đã làm là vì sự tồn vong của toàn nhân loại sao? Bây giờ người có thừa nhận rằng Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời của hết thảy những người sinh ra ngoài Y-sơ-ra-ên các người không? Chẳng phải Đức Chúa Trời đang ở ngay đây giữa các người hôm nay sao? Đây chẳng thể là giấc mơ, phải không? Chẳng lẽ các người không chấp nhận sự thật này sao? Các người không dám tin hay nghĩ tới nó. Bất kể các người nhìn nhận như thế nào chẳng nữa, chẳng phải Đức Chúa Trời đang ở ngay đây giữa các người sao? Các người vẫn còn sợ phải tin những lời này sao? Từ hôm nay trở đi, chẳng phải hết thảy những người đã được chinh phục và hết thảy những ai ao ước được làm môn đệ của Đức Chúa Trời đều là dân sự được Đức Chúa Trời chọn sao? Chẳng phải hết thảy các người, những môn đệ của ngày nay, đều là dân sự được chọn bên ngoài Y-sơ-ra-ên sao? Chẳng phải địa vị của các người giống như của dân Y-sơ-ra-ên sao? Chẳng phải đây là toàn bộ những gì các người nên nhận ra sao? Chẳng phải đây là mục tiêu của công tác chinh phục các người sao? Vì các người có thể nhìn thấy Đức Chúa Trời, nên Ngài sẽ là Đức Chúa Trời của các người đời đời, từ buổi ban đầu cho đến mai sau. Ngài

sẽ không bỏ rơi các người, miễn là hết thầy các người sẵn lòng theo Ngài, và là những vật thợ tạo trung thành, vâng phục của Ngài.

Bất kể con người khao khát yêu mến Đức Chúa Trời nhiều bao nhiêu, nhìn chung họ đã vâng phục khi theo Ngài cho đến ngày hôm nay. Phải đến cuối cùng, khi giai đoạn công tác này kết thúc, thì họ mới hoàn toàn ăn năn. Đó là khi con người sẽ thật sự được chinh phục. Ngay bây giờ, họ chỉ đang trong quá trình được chinh phục. Vào lúc công tác khép lại, họ sẽ hoàn toàn được chinh phục, nhưng không phải ngay bây giờ. Ngay cả khi mọi người đều bị thuyết phục, thì cũng không có nghĩa là họ đã được chinh phục hoàn toàn. Đó là bởi hiện tại người ta mới chỉ thấy lời mà chưa thấy sự thật, và họ vẫn không chắc chắn, cho dù họ có tin tưởng sâu sắc đến mức nào. Đó là lý do tại sao chỉ với sự thật cuối cùng đó, khi lời trở thành hiện thực, thì người ta sẽ được chinh phục hoàn toàn. Ngay bây giờ, những người này được chinh phục bởi họ nghe nhiều lẽ mầu nhiệm chưa từng nghe trước đây. Nhưng bên trong mỗi một người trong số họ vẫn còn theo dõi và chờ đợi sự thật cho họ thấy từng lời của Đức Chúa Trời đều đang được hiện thực hóa. Chỉ lúc đó họ mới hoàn toàn bị thuyết phục. Chỉ vào lúc cuối, khi tất cả đều đã nhìn thấy sự thật được hiện thực hóa này, và sự thật này đã khiến họ cảm thấy chắc chắn, thì họ mới thể hiện sự tin chắc trong lòng họ, trong lời nói, và trong mắt họ, và bị thuyết phục hoàn toàn tận đáy lòng. Bản chất của con người là như thế này: Người cần thấy được mọi lời đều đang trở thành hiện thực, người cần thấy được sự thật đang diễn ra và thấy tai ương đang giáng xuống một số người, thì lúc đó các người sẽ hoàn toàn bị thuyết phục từ sâu thẳm bên trong. Cũng như người Do Thái, các người bận tâm đến việc nhìn thấy các dấu kỳ phép lạ. Tuy thế, các người cứ mãi không thấy được rằng đang có các dấu kỳ phép lạ, và rằng sự thật đang diễn ra đều là để mở to mắt các người. Dù đó là việc ai đó giáng xuống từ trời, hay một cột mây phán cùng các người, hay Ta phù phép đuổi ma quỷ khỏi ai đó trong các người, hay lời Ta vang lên như sấm giữa các người, các người đã luôn muốn và sẽ luôn muốn chứng kiến sự thật này. Có thể nói rằng khi tin Đức Chúa Trời, niềm ao ước lớn nhất của người là được nhìn thấy Đức Chúa Trời đến và đích thân cho các người thấy một dấu kỳ. Lúc đó các người mới được thỏa mãn. Để chinh phục con người các người, Ta phải thực hiện công tác giống như khi tạo dựng trời và đất, và rồi thêm vào đó, cho các người thấy một dấu lạ. Khi ấy, lòng các người sẽ hoàn toàn được chinh phục.

Sự thật bên trong công tác chinh phục (4)

Được hoàn thiện có nghĩa là gì? Được chinh phục có nghĩa là gì? Những tiêu chí nào người ta cần đáp ứng để được chinh phục? Và những tiêu chí nào họ cần phải đáp ứng để được hoàn thiện? Cả việc chinh phục và hoàn thiện đều nhằm mục đích làm cho con người trọn vẹn, để họ có thể trở lại hình tượng nguyên thủy của họ, và được giải phóng khỏi tâm tính Sa-tan bại hoại của họ cũng như sự ảnh hưởng của Sa-tan. Việc chinh phục này đến trước trong quá trình nhào nặn con người; quả thật, đó là bước đầu tiên trong công tác. Việc hoàn thiện là bước thứ hai, và đó là công tác kết thúc. Mọi con người đều phải trải qua quá trình được chinh phục. Nếu không, họ sẽ chẳng có cách nào biết đến Đức Chúa Trời, cũng sẽ không biết được rằng có một Đức Chúa Trời; nghĩa là, họ chẳng thể nào thừa nhận Đức Chúa Trời. Và nếu mọi người không thừa nhận Đức Chúa Trời, họ cũng chẳng thể nào được Đức Chúa Trời làm cho trọn vẹn, bởi người không đủ tiêu chuẩn cho việc làm cho trọn vẹn này. Nếu người thậm chí còn không thừa nhận Đức Chúa Trời, thì làm sao người có thể biết Ngài? Làm sao người có thể theo đuổi Ngài? Người sẽ không thể làm chứng cho Ngài, và sẽ càng không có đức tin để làm đẹp lòng Ngài. Vì vậy, với bất kỳ ai muốn được làm cho trọn vẹn, bước đầu tiên là phải trải qua công tác chinh phục. Đây là điều kiện đầu tiên. Nhưng cả hai công việc chinh phục và hoàn thiện đều là để nhào nặn con người, cũng như để thay đổi họ, và mỗi việc là một phần trong công tác quản lý con người. Cả hai bước đều cần thiết để làm cho ai đó được toàn vẹn, và cả hai đều không thể bỏ qua. Đúng là việc “được chinh phục” nghe không mấy hay ho, nhưng thật ra, quá trình chinh phục một ai đó là quá trình thay đổi họ. Một khi người đã được chinh phục, tâm tính bại hoại của người có thể chưa hoàn toàn bị tiết trừ, nhưng người sẽ biết đến nó. Thông qua công tác chinh phục, người sẽ biết được nhân tính thấp hèn của mình, cũng như nhiều sự bất tuân của chính mình. Mặc dù người sẽ chẳng thể loại bỏ hay thay đổi những thứ này trong khoảng thời gian ngắn của công tác chinh phục, nhưng người sẽ bắt đầu biết đến chúng, và điều này sẽ đặt nền móng cho sự hoàn thiện người. Như thế, cả việc chinh phục và việc hoàn thiện đều được thực hiện nhằm thay đổi con người, để loại bỏ những tâm tính Sa-tan bại hoại khỏi họ hầu cho họ có thể dâng trọn mình cho Đức Chúa Trời. Được chinh phục chỉ là bước đầu tiên trong việc thay đổi các tâm tính của con người, cũng như là bước đầu tiên trong việc con người dâng trọn mình cho Đức Chúa Trời, và bước này thấp hơn bước được hoàn thiện. Tâm tính sống của một người được chinh phục thay đổi ít hơn nhiều so với của một người được hoàn thiện. Được chinh phục và được hoàn thiện khác nhau về mặt khái niệm, bởi vì chúng là các giai đoạn công

tác khác nhau và bởi vì chúng buộc con người tuân theo những tiêu chuẩn khác nhau; việc chinh phục buộc con người tuân theo những tiêu chuẩn thấp hơn, trong khi việc hoàn thiện buộc họ tuân theo những tiêu chuẩn cao hơn. Những người được hoàn thiện là những người công chính, những người đã được làm cho thánh khiết; họ là kết tinh của công tác quản lý nhân loại, hay là thành phẩm. Mặc dù họ không phải là những con người hoàn thiện, nhưng họ là những người mưu cầu sống một cuộc đời có ý nghĩa. Trong khi đó, những người được chinh phục chỉ thừa nhận sự tồn tại của Đức Chúa Trời ngoài miệng; họ thừa nhận rằng Đức Chúa Trời đã nhập thể, rằng Lời đã xuất hiện trong xác thịt, và rằng Đức Chúa Trời đã đến trần thế để làm công tác của sự phán xét và hình phạt. Họ cũng thừa nhận sự phán xét và hình phạt của Đức Chúa Trời, cũng như sự đánh đòn và tinh luyện của Ngài, đều ích lợi cho con người. Họ chỉ mới bắt đầu có phần nào hình tượng giống con người. Họ có vài sự thông sáng về cuộc đời, nhưng nó vẫn còn mơ hồ với họ. Nói cách khác, họ chỉ mới đang bắt đầu sở hữu nhân tính. Đó là những hiệu quả của việc được chinh phục. Khi người ta đặt chân lên con đường đến sự hoàn thiện, những tâm tính cũ của họ có thể thay đổi được. Hơn nữa, sự sống của họ tiếp tục tăng trưởng, và họ dần dà bước sâu hơn vào lẽ thật. Họ có thể ghê tởm thế gian và hết thảy những ai không theo đuổi lẽ thật. Họ đặc biệt ghê tởm chính mình, nhưng hơn thế nữa, họ biết rõ về chính mình. Họ sẵn lòng sống theo lẽ thật và họ đặt mục tiêu theo đuổi lẽ thật. Họ không sẵn lòng sống trong những ý nghĩ do chính trí óc họ tạo ra, và họ cảm thấy ghê tởm sự tự nên công chính, tính kiêu căng và tự phụ của con người. Họ nói chuyện với một ý thức mạnh mẽ về tính đúng đắn, xử lý mọi việc bằng sự sáng suốt, khôn ngoan, và trung thành, vâng phục Đức Chúa Trời. Nếu họ trải qua một lần hình phạt và phán xét, họ không những không trở nên thụ động hay yếu đuối, mà họ còn biết ơn hình phạt và sự phán xét này từ Đức Chúa Trời. Họ tin rằng họ không thể thiếu hình phạt và sự phán xét của Đức Chúa Trời, rằng những điều đó bảo vệ họ. Họ không theo đuổi một đức tin về sự an vui và về việc kiếm bánh mì để thỏa cơn đói. Họ cũng chẳng theo đuổi những vui thú xác thịt thoáng qua. Đây là những gì diễn ra nơi những người được hoàn thiện. Sau khi con người được chinh phục, họ thừa nhận có một Đức Chúa Trời, nhưng sự thừa nhận đó được thể hiện trong họ theo một số cách hạn chế. Lời xuất hiện trong xác thịt thực sự nghĩa là gì? Sự nhập thể nghĩa là gì? Đức Chúa Trời nhập thể đã làm gì? Mục tiêu và ý nghĩa công tác của Ngài là gì? Sau khi trải nghiệm rất nhiều công tác của Ngài, sau khi trải nghiệm những việc Ngài làm trong xác thịt, người đã gạt hái được điều gì? Chỉ sau khi hiểu được hết thảy những điều này, người mới là người được chinh phục. Nếu người chỉ nói rằng người thừa nhận có một Đức Chúa Trời, nhưng lại không từ bỏ những gì

người phải từ bỏ, và không bỏ được những thú vui xác thịt người nên bỏ – mà thay vào đó cứ tiếp tục thêm muốn những sự thoải mái xác thịt như thường lệ – và nếu người không thể buông bỏ bất kỳ thành kiến nào về các anh chị em, không trả một cái giá nào trong việc thực hiện nhiều sự thực hành đơn giản, thì điều này chứng tỏ người vẫn chưa được chinh phục. Trong trường hợp đó, ngay cả khi có nhiều điều người hiểu, thì tất cả cũng sẽ chẳng được gì. Những người được chinh phục là những người đã đạt được một số thay đổi ban đầu và sự bước vào ban đầu. Việc trải nghiệm sự phán xét và hình phạt của Đức Chúa Trời đã cho con người một kiến thức ban đầu về Đức Chúa Trời, và một sự hiểu biết ban đầu về lẽ thật. Người có thể không có khả năng hoàn toàn bước vào hiện thực của những lẽ thật sâu nhiệm hơn, chi tiết hơn, nhưng trong đời thực của mình, người có thể đưa vào thực hành nhiều lẽ thật cơ bản, như những lẽ thật liên quan đến những vui thú xác thịt hay địa vị cá nhân của người. Tất cả những điều này là hiệu quả đạt được ở con người trong quá trình được chinh phục. Những thay đổi trong tâm tính cũng có thể thấy được ở những người được chinh phục; chẳng hạn, cách họ ăn mặc và thể hiện bản thân, cũng như cách họ sống – tất cả những điều này đều có thể thay đổi. Quan điểm của họ về niềm tin nơi Đức Chúa Trời thay đổi, họ biết rõ về các mục tiêu theo đuổi của mình, và họ có những khát vọng cao hơn. Trong suốt công tác chinh phục, những thay đổi tương ứng cũng diễn ra trong tâm tính sống của họ. Có những thay đổi, nhưng chúng nông cạn, sơ khai, và kém xa so với những thay đổi trong tâm tính và mục tiêu theo đuổi của những người đã được hoàn thiện. Trong quá trình được chinh phục, nếu tâm tính của một người chẳng thay đổi chút nào, và họ chẳng đạt được bất kỳ một lẽ thật nào, thì người này là rác rưởi, và hoàn toàn vô dụng! Người chưa được chinh phục không thể nào được hoàn thiện! Nếu một người chỉ tìm kiếm việc được chinh phục, thì họ không thể hoàn toàn được trở nên trọn vẹn, ngay cả khi tâm tính họ biểu lộ những thay đổi tương ứng nhất định trong công tác chinh phục. Họ cũng sẽ để mất những lẽ thật ban đầu mà họ đã đạt được. Có một sự khác biệt lớn giữa sự thay đổi trong tâm tính của những người được chinh phục và những người được hoàn thiện. Nhưng được chinh phục là bước đầu tiên trong việc thay đổi; đó là nền móng. Thiếu đi sự thay đổi ban đầu này là bằng chứng cho thấy một người không thực sự biết Đức Chúa Trời chút nào, bởi vì kiến thức này đến từ sự phán xét, và sự phán xét như thế là một phần chính của công tác chinh phục. Như vậy, tất cả những ai được làm cho hoàn thiện trước hết phải được chinh phục; nếu không, chẳng có cách nào để họ được hoàn thiện.

Người bảo rằng người thừa nhận Đức Chúa Trời nhập thể, và rằng người thừa nhận sự xuất hiện của Lời trong xác thịt, thế mà người lại làm những điều gì đó sau

lượng Ngài, những điều đi ngược lại những gì Ngài yêu cầu, và trong lòng người chẳng kính sợ Ngài. Đây là thừa nhận Đức Chúa Trời à? Người thừa nhận những gì Ngài phán dạy, nhưng người chẳng thực hành những gì người có thể làm, cũng không tuân theo đường lối Ngài. Đây là thừa nhận Đức Chúa Trời à? Và mặc dù người thừa nhận Ngài, nhưng tâm thái người chỉ là một sự cảnh giác với Ngài, chẳng bao giờ là sự tôn kính. Nếu người đã nhìn thấy và thừa nhận công tác của Ngài và biết Ngài là Đức Chúa Trời, vậy mà người vẫn hờ hững và hoàn toàn không thay đổi, thì người là loại người vẫn chưa được chinh phục. Những người đã được chinh phục phải làm mọi điều họ có thể, và mặc dù họ không thể bước vào những lễ thật cao hơn, và những lễ thật này có thể quá tầm họ, nhưng trong lòng, họ vẫn sẵn lòng đạt được điều này. Chính bởi có những hạn chế trong những gì họ có thể chấp nhận nên có những giới hạn và hạn chế trong những gì họ có thể thực hành. Tuy nhiên, ít nhất, họ phải làm tất cả những gì họ có thể, và nếu người có thể đạt được điều đó, thì đây là hiệu quả đã đạt được bởi công tác chinh phục. Giả sử người bảo: “Xét thấy Ngài có thể phán ra quá nhiều lời mà con người không thể, nếu Ngài không phải Đức Chúa Trời thì ai?” Suy nghĩ như vậy không có nghĩa là người thừa nhận Đức Chúa Trời. Nếu người thừa nhận Đức Chúa Trời, người phải biểu lộ điều này thông qua các hành động thực tế của người. Nếu người dẫn dắt một hội thánh, nhưng không thực hành sự công chính, nếu người thêm muốn tiền bạc và của cải, luôn tự bỏ túi ngân quỹ của hội thánh, thì đây có phải là thừa nhận có một Đức Chúa Trời không? Đức Chúa Trời là toàn năng, và Ngài xứng đáng được tôn kính. Làm sao người có thể không sợ nếu người thực sự thừa nhận có một Đức Chúa Trời? Nếu người có khả năng thực hiện những hành động hèn hạ đó, thì người có thực sự thừa nhận Ngài không? Có phải Đức Chúa Trời là Đáng người tin không? Điều người tin vào là một Đức Chúa Trời mơ hồ; đó là lý do vì sao người không sợ! Những ai thật sự thừa nhận và biết Đức Chúa Trời đều kính sợ Ngài và sợ làm bất cứ điều gì chống đối Ngài hoặc làm trái lương tâm mình; họ đặc biệt sợ làm bất cứ điều gì họ biết là trái với ý muốn của Đức Chúa Trời. Chỉ đây mới có thể được xem là thừa nhận sự hiện hữu của Đức Chúa Trời. Người nên làm gì khi cha mẹ người cố ngăn cản người tin vào Đức Chúa Trời? Người nên yêu kính Đức Chúa Trời như thế nào khi người chồng ngoại đạo của mình tốt với mình? Và người nên yêu kính Đức Chúa Trời như thế nào khi các anh chị em ghét người? Nếu người thừa nhận Ngài, thì trong những chuyện này, người sẽ hành xử thích hợp và sống trọn vẹn hiện thực. Nếu người không hành động cụ thể mà chỉ nói rằng người thừa nhận sự tồn tại của Đức Chúa Trời, thì người chỉ là kẻ ba hoa! Người bảo người tin nơi Ngài và thừa nhận Ngài, nhưng người thừa nhận Ngài theo cách nào? Người tin vào Ngài theo cách nào? Người có

kính sợ Ngài không? Người có tôn kính Ngài không? Người có yêu mến Ngài sâu trong lòng không? Khi người đau buồn và không có ai để dựa vào, người cảm nhận được sự đáng mến của Đức Chúa Trời, nhưng sau đó, người quên hết điều này. Đó không phải là yêu mến Đức Chúa Trời, và cũng chẳng phải là tin vào Đức Chúa Trời! Cuối cùng thì Đức Chúa Trời mong muốn con người đạt được điều gì? Tất cả những trạng thái Ta đã nhắc đến, như cảm thấy vô cùng ấn tượng về tầm quan trọng của bản thân người, cảm thấy người nhanh nhẹn nắm bắt và hiểu những cái mới, chi phối người khác, coi thường người khác, đánh giá mọi người qua vẻ ngoài, bắt nạt những người thật thà, tham muốn tiền của hội thánh, v.v. – chỉ khi toàn bộ những tâm tính Sa-tan bại hoại này đã được phần nào loại bỏ khỏi người, thì sự chinh phục người mới được biểu lộ.

Công tác chinh phục được thực hiện trên mọi người các người có ý nghĩa sâu sắc nhất: Một mặt, mục đích của công tác này là nhằm hoàn thiện một nhóm người, nghĩa là, hoàn thiện họ, để họ trở thành một nhóm người đắc thắng – là nhóm người đầu tiên được làm cho trọn vẹn, nghĩa là những thành quả đầu tiên. Mặt khác, đó là để cho những loài thọ tạo được hưởng tình yêu của Đức Chúa Trời, nhận lãnh sự cứu rỗi trọn vẹn và lớn lao nhất của Đức Chúa Trời, để cho con người được hưởng không chỉ sự thương xót và lòng nhân từ, mà quan trọng hơn là hình phạt và sự phán xét. Từ lúc sáng thế cho đến nay, tất cả những gì Đức Chúa Trời đã làm trong công tác của Ngài là tình yêu thương, không một chút ghét bỏ con người. Ngay cả hình phạt và sự phán xét người đã thấy cũng là tình yêu thương, một tình yêu thương chân thật và thực tế hơn; một tình yêu thương dẫn dắt con người vào con đường đúng đắn của đời sống con người. Mặt khác nữa, đó là để làm chứng trước Sa-tan. Và còn mặt khác nữa, đó là để đặt nền móng cho việc lan truyền công tác Phúc Âm trong tương lai. Mọi công tác Ngài đã làm đều nhằm mục đích dẫn dắt con người vào con đường đúng đắn của đời sống con người, hầu cho họ có thể sống như những người bình thường, bởi vì con người không biết cách sống, và không có sự dẫn dắt này, người sẽ chỉ sống cuộc đời trống rỗng, cuộc sống của người sẽ chẳng có giá trị hay ý nghĩa gì, và người sẽ hoàn toàn không thể làm một người bình thường. Đây là ý nghĩa sâu sắc nhất của việc chinh phục con người. Các người đều là con cháu của Mô-áp; khi công tác chinh phục được thực hiện nơi các người, đó là sự cứu rỗi lớn lao. Hết thảy các người đều sống trong vùng đất của tội lỗi và sự phóng túng, và các người hết thảy đều phóng túng và đầy tội lỗi. Hôm nay, các người không chỉ có thể nhìn thấy Đức Chúa Trời, mà quan trọng hơn, các người đã nhận lãnh hình phạt và sự phán xét, đã nhận lãnh sự cứu rỗi thực sự sâu nhiệm, nghĩa là, các người đã nhận lãnh tình yêu vĩ đại nhất của Đức Chúa Trời. Trong tất cả những

việc Ngài làm, Đức Chúa Trời thực sự yêu thương các người; Ngài không có ác ý. Chính bởi những tội lỗi của các người mà Ngài phán xét các người, hầu cho các người sẽ soi xét bản thân mình và nhận lãnh sự cứu rỗi lớn lao này. Tất cả những điều này đều được thực hiện nhằm mục đích làm cho con người trọn vẹn. Từ đầu tới cuối, Đức Chúa Trời đã và đang làm hết sức để cứu rỗi con người, và không muốn hủy diệt hoàn toàn những con người Ngài đã tạo ra bằng chính đôi tay mình. Hôm nay, Ngài đã đến giữa các người để làm việc; đây chẳng phải là sự cứu rỗi còn lớn lao hơn sao? Nếu Ngài ghét các người, liệu Ngài có còn thực hiện công tác tâm cơ như thế nhằm đích thân hướng dẫn các người không? Tại sao Ngài phải chịu khổ như vậy? Đức Chúa Trời không ghét các người hay có bất kỳ ác ý gì với các người. Các người nên biết tình yêu của Đức Chúa Trời là tình yêu chân thật nhất. Chính vì con người bất tuân mà Ngài phải cứu họ thông qua sự phán xét; nếu không nhờ vậy, thì việc cứu họ sẽ bất khả thi. Bởi vì các người không biết cách sống và thậm chí còn không nhận thức được nên sống thế nào, và bởi các người sống trong vùng đất phóng túng, tội lỗi này và bản thân các người là những ma quỷ phóng túng và ô uế, nên Ngài không thể chịu được việc để các người trở nên thậm chí sa đọa thêm nữa, Ngài không thể chịu nổi cảnh các người sống trong vùng đất ô uế này như bây giờ, bị Sa-tan chà đạp tùy ý, và Ngài không thể chịu được việc để các người rơi vào âm phủ. Ngài chỉ muốn thu nhận nhóm người này và cứu rỗi triệt để các người. Đây là mục đích chính của việc thực hiện công tác chinh phục các người – chỉ để cứu rỗi. Nếu người không thể thấy được mọi việc đã làm với người đều là tình yêu thương và sự cứu rỗi, nếu người nghĩ rằng đó chỉ là một phương pháp, một cách giày vò con người, và là thứ gì đó không đáng tin cậy, thì người cũng có thể quay trở lại thế giới của người để chịu đau đớn và khổ cực. Nếu người sẵn lòng ở trong dòng chảy này, và hưởng sự phán xét cùng sự cứu rỗi lớn lao này, hưởng toàn bộ những phước lành này, những phước lành không thể tìm thấy ở bất cứ nơi nào trong nhân thế, và hưởng tình yêu này, vậy thì hãy ngoan ngoãn: Ở lại trong dòng chảy này và chấp nhận công tác chinh phục để người có thể được làm cho hoàn thiện. Hôm nay, người có thể chịu một chút đau đớn và tinh luyện bởi sự phán xét của Đức Chúa Trời, nhưng có giá trị và ý nghĩa trong việc chịu đựng nỗi đau này. Mặc dù mọi người được tinh luyện và phơi bày không thương xót bởi hình phạt và sự phán xét của Đức Chúa Trời – mục đích là để trừng phạt họ vì tội lỗi của họ, để trừng phạt xác thịt của họ – không có việc nào trong công tác này có chủ ý kết án diệt vong xác thịt của họ. Mọi sự vạch trần gay gắt bằng lời đều nhằm mục đích dẫn dắt người vào con đường đúng đắn. Các người đã đích thân trải nghiệm quá nhiều công tác này, và rõ ràng nó chưa dẫn các người vào một con đường xấu xa. Tất cả là để khiến người sống thể

hiện ra nhân tính bình thường, và tất cả đều có thể đạt được bởi nhân tính bình thường của người. Mọi bước trong công tác của Đức Chúa Trời đều dựa trên nhu cầu của người, tùy theo yếu điểm của người, tùy theo vóc giặc thật sự của người, và không có trọng trách nào không thể gánh vác được mà lại đặt lên vai các người. Điều này chưa rõ với người hôm nay, và người cảm thấy như thể Ta quá nghiêm khắc với người, và quả thật, người luôn tin rằng lý do Ta hành phạt, phán xét và quở trách người hằng ngày là bởi Ta ghét người. Nhưng mặc dù những gì người chịu đựng là hình phạt và sự phán xét, đây thực ra lại là tình yêu thương dành cho người, và là sự bảo vệ lớn nhất. Nếu người không thể nắm bắt ý nghĩa sâu nhiệm hơn của công tác này, người sẽ không thể nào tiếp tục trải nghiệm được. Sự cứu rỗi này nên mang lại cho người sự yên ủi. Đừng từ chối tình ngộ. Đã đến mức này rồi, ý nghĩa của công tác chinh phục nên rõ ràng với người, và người không nên giữ quan điểm này nọ về nó nữa!

Người nên chú tâm đến sứ mạng tương lai của người như thế nào?

Người có thể truyền đạt tâm tính được Đức Chúa Trời bày tỏ trong mỗi thời đại theo một cách cụ thể, bằng một ngôn ngữ mà chuyển tải một cách phù hợp ý nghĩa của thời đại được không? Người, kẻ trải nghiệm công tác của Đức Chúa Trời trong thời kỳ sau rốt, có thể mô tả chi tiết tâm tính công chính của Đức Chúa Trời không? Người có thể chứng thực về tâm tính của Đức Chúa Trời một cách rõ ràng và chính xác không? Làm sao người truyền được những điều người đã thấy và trải nghiệm cho những tín đồ khốn khổ, đáng thương, và sùng đạo, những kẻ đói khát sự công chính và đang chờ đợi người chần dốt họ? Những loại người nào đang chờ đợi người chần dốt họ? Người có thể hình dung được không? Người có ý thức được trọng trách mình mang trên vai, có ý thức được việc mình được ủy nhiệm và trách nhiệm của người không? Ý thức về sứ mạng lịch sử của người đâu rồi? Người sẽ là chủ nhân trong thời đại kế tiếp một cách tương xứng như thế nào? Người có ý thức rõ về vai trò làm chủ không? Người giải thích thế nào về chủ nhân của vạn vật? Có thật đấy là chủ nhân của mọi sinh vật sống và của mọi thứ vật chất trên đời này không? Người có kế hoạch gì cho sự tiến triển trong giai đoạn tiếp theo của công tác? Bao nhiêu người đang chờ đợi người làm người chần dốt của họ? Nhiệm vụ của người có nặng nề không? Họ là những người tội nghiệp, đáng thương, mù quáng, và hoang mang, đang kêu gào trong bóng tối rằng: “Con đường ở đâu?” Họ mới trông ngóng ánh sáng làm sao, ánh sáng mà bất thần lao xuống như một ngôi

sao băng và xua tan các thế lực của bóng tối đã chế ngự con người biết bao năm. Ai có thể biết hết mức độ mà họ khắc khoải hy vọng đến thế nào, họ ngày đêm mong ngóng điều này đến thế nào? Thậm chí vào ngày sự sáng lóe qua, những người chịu đau khổ ghê gớm này vẫn bị cầm tù trong ngục tối, chẳng có hy vọng được phóng thích; khi nào họ mới hết khóc than? Thật bất hạnh ghê gớm cho những linh hồn yếu đuối chưa từng được ban cho sự nghỉ ngơi này, và từ lâu họ đã bị giam chặt trong tình trạng này bởi những gông cùm tàn nhẫn và lịch sử bất động. Ai đã nghe tiếng kêu gào của họ? Ai đã chứng kiến tình trạng thảm thương của họ? Người có bao giờ thoáng nghĩ lòng Đức Chúa Trời lo lắng và đau buồn đến thế nào không? Làm sao Ngài có thể chịu nổi khi thấy nhân loại vô tội do chính tay Ngài tạo dựng lại phải chịu sự dằn vặt như vậy? Xét cho cùng, loài người là những nạn nhân đã bị đầu độc. Và mặc dù con người đã sống sót đến ngày nay, nhưng có ai biết được rằng nhân loại từ lâu nay đã bị kẻ ác đầu độc không? Người đã quên mất rằng người là một trong số những nạn nhân sao? Chẳng lẽ người không sẵn lòng đấu tranh, vì tình yêu của người dành cho Đức Chúa Trời, để cứu rỗi những người sống sót này sao? Chẳng lẽ người không sẵn lòng dốc hết mọi sức lực để đền đáp Đức Chúa Trời, Đấng yêu thương nhân loại như máu thịt của chính Ngài sao? Sau tất cả những gì xảy ra, thì người diễn giải việc được Đức Chúa Trời dùng đến để sống cuộc đời phi thường như thế nào? Người có thật sự có quyết tâm và tự tin để sống một cuộc đời đầy ý nghĩa của một người ngoan đạo, hầu việc Đức Chúa Trời không?

Các người hiểu gì về những phúc lành?

Mặc dù những người sinh ra trong thời đại này đã bị Sa-tan và những con quỷ bản thủ làm bại hoại, sự bại hoại đó cũng mang đến cho họ sự cứu rỗi rất ráo, sự cứu rỗi thậm chí còn to lớn hơn hàng núi và hàng bình nguyên vật nuôi, và sự giàu có dư dật của Gióp, và cũng to lớn hơn phúc lành được nhìn ngắm Đức Giê-hô-va mà Gióp đã nhận lãnh sau những sự thử luyện của mình. Chỉ sau khi Gióp đã trải qua sự thử luyện của sự chết, ông mới nghe Đức Giê-hô-va nói và nghe tiếng của Đức Giê-hô-va trong cơn lốc. Dẫu vậy ông đã không nhìn thấy mặt Đức Giê-hô-va, và ông đã không biết tâm tính của Ngài. Điều mà Gióp đạt được đơn thuần là sự giàu có vật chất mang lại những thú vui thể xác và những đứa con xinh đẹp nhất trong tất cả các thành phố xung quanh, cũng như sự bảo vệ của các thiên sứ trên trời. Ông đã không bao giờ nhìn thấy Đức Giê-hô-va, và mặc dù ông được gọi là công chính, ông không bao giờ biết tâm tính của Đức Giê-hô-va. Và mặc dù có thể nói rằng những thú vui vật chất của con người ngày nay là xoàng xĩnh nhất thời, hay

môi trường của thế giới bên ngoài mang tính thù địch, Ta tỏ ra tâm tính của Ta, điều mà Ta chưa từng tiết lộ cho con người từ ngàn xưa và là điều luôn bí mật, cũng như những sự mầu nhiệm của các thời đại quá khứ đối với con người, những kẻ thấp hèn nhất nhưng là những kẻ Ta đã ban sự cứu rỗi vĩ đại nhất của Ta. Hơn nữa, đây là lần đầu Ta tiết lộ những điều này; Ta chưa từng làm công việc như thế trước kia. Mặc dù các người thấp kém hơn nhiều so với Gióp, nhưng điều mà các người đã đạt được và điều các người đã trông thấy cho đến hiện tại đều vượt xa ông ta. Mặc dù các người đã chịu đựng đủ loại đau khổ và đã trải nghiệm đủ kiểu giày vò, sự đau khổ ấy hoàn toàn không giống với những sự thử luyện của Gióp; thay vào đó, nó là sự phán xét và hình phạt mà con người đã nhận bởi sự phản nghịch của họ, bởi sự chống đối của họ, và bởi tâm tính công chính của Ta; đó là sự phán xét công chính, hình phạt và rửa sạch. Trái lại, Gióp là một người công chính trong số những người Y-sơ-ra-ên đã nhận lãnh tình yêu và sự dịu dàng tuyệt vời của Đức Giê-hô-va. Ông đã không làm điều ác, và ông đã không chống đối Đức Giê-hô-va; thay vào đó, ông đã hết lòng trung thành với Đức Giê-hô-va. Bởi sự công chính của mình, ông đã phải chịu những sự thử luyện, và ông đã trải qua những sự thử luyện dữ dội bởi vì ông là tôi tớ trung thành của Đức Giê-hô-va. Con người ngày nay chịu sự phán xét và rửa sạch của Ta bởi sự dơ bẩn và bất chính của họ. Mặc dù sự đau khổ của họ hoàn toàn không giống những gì Gióp đã trải qua khi ông bị mất vật nuôi, đất đai, những người đầy tớ, con cái, và tất cả những người thân cận với ông, điều mà họ phải chịu chính là sự tinh luyện và thiêu đốt dữ dội. Và điều khiến cho việc này còn nghiêm trọng hơn những gì Gióp đã trải qua chính là những sự thử luyện đó không được giảm bớt hay loại bỏ vì lí do con người yếu đuối; thay vào đó, chúng kéo dài, và tiếp tục cho đến ngày cuối cùng của sự sống con người. Đây là sự trừng phạt, sự phán xét, và rửa sạch; nó là sự thiêu đốt không thương tiếc, và thậm chí hơn thế nữa, nó là “sự kế thừa” công bằng của nhân loại. Đó là điều con người đáng bị, và đó là nơi tâm tính công chính của Ta được bày tỏ. Đây là một sự thật đã được biết đến. Dầu vậy, những gì con người đã đạt được còn vượt xa sự đau khổ mà họ chịu đựng ngày nay. Sự đau khổ mà các người chịu đựng đơn thuần là một sự thoái trào, gây ra bởi sự xuẩn ngốc của các người, trong khi những gì các người đã đạt được thì lớn gấp trăm lần so với sự đau khổ của các người. Theo luật pháp của Y-sơ-ra-ên trong Cựu Ước, tất cả những kẻ chống lại Ta, tất cả những kẻ công khai phán xét Ta, và tất cả những kẻ không đi theo đường của Ta, mà thay vào đó cả gan dâng những vật tế ô uế lên Ta, chắc chắn sẽ bị hủy diệt bởi lửa trong đền thờ hay bị ném đá đến chết bởi một số người được chọn, và thậm chí con cháu các dòng dõi cùng họ hàng trực tiếp của chính chúng cũng sẽ chịu sự rửa sạch của Ta. Ở những đời sau, chúng sẽ không được

tự do, mà sẽ bị làm nô lệ cho các nô lệ của Ta, và Ta sẽ đưa chúng đi đày giữa dân ngoại, và chúng sẽ không thể quay trở lại xứ sở của mình. Dựa trên những hành động và hành vi của mình, sự đau khổ mà con người ngày nay chịu đựng không mấy nghiêm trọng như sự trừng phạt mà dân Y-sơ-ra-ên đã chịu. Nói rằng điều mà các người đang chịu là quá báo không phải là không có lý do, bởi vì các người thật sự đã đi quá giới hạn. Nếu các người ở Y-sơ-ra-ên, các người đã phải trở thành những kẻ tội nhân đời đời, và các người sẽ bị dân Y-sơ-ra-ên xẻ ra nhiều mảnh từ lâu và đã bị thiêu đốt bởi lửa từ trời trong đền thờ của Đức Giê-hô-va. Giờ đây các người đã đạt được gì? Các người đã được nhận gì, và các người đã tận hưởng được gì? Ta đã tiết lộ tâm tính công chính của Ta trong các người, nhưng quan trọng nhất là Ta đã tiết lộ sự kiên nhẫn của Ta để cứu chuộc nhân loại. Một người có thể nói rằng công tác mà Ta đã làm trong các người chỉ là công tác của sự kiên nhẫn; nó được thực hiện vì lợi ích cho sự quản lý của Ta và, hơn nữa, được thực hiện vì lợi ích cho sự hưởng thụ của nhân loại.

Mặc dù Gióp đã trải qua những sự thử luyện của Đức Giê-hô-va, ông đơn thuần là một người công chính đã thờ phượng Đức Giê-hô-va. Mặc dù trải qua những sự thử luyện đó, ông đã không than van về Đức Giê-hô-va, và ông trân quý sự gặp gỡ của mình với Ngài. Con người ngày nay không chỉ không trân trọng sự hiện diện của Đức Giê-hô-va, mà họ còn loại bỏ, khinh ghét, than oán, và chế nhạo sự xuất hiện của Ngài. Các người còn chưa đạt được nhiều sao? Sự đau khổ của các người đã thật sự quá lớn chưa? Các người chẳng đã may mắn hơn Ma-ri và Gia-cơ sao? Và sự chống đối của các người thật sự vật vãnh như vậy sao? Lẽ nào điều Ta yêu cầu các người và điều Ta cần từ các người là quá lớn và quá nhiều sao? Cơn thịnh nộ của Ta chỉ được xả lên những người Y-sơ-ra-ên chống lại Ta, chứ không phải trực tiếp trên các người; những gì các người có được đơn thuần là sự phán xét không thương xót và những sự tiết lộ của Ta, cũng như sự tinh luyện gay gắt không ngừng. Mặc dù vậy, con người tiếp tục chống đối và bác bỏ Ta, và họ làm như vậy không chút quy phục. Thậm chí còn có những kẻ xa lánh Ta và chối bỏ Ta; những kẻ như thế không khác hơn bọn Cô-ra và Đa-than đã chống lại Môi-se. Lòng dạ con người quá chai sạn, và bản tính của họ quá ngang bướng. Họ không bao giờ thay đổi những lối mòn của mình. Ta nói họ bị bóc trần như thể gái điếm giữa ban ngày ban mặt, và những lời của Ta gay gắt đến độ thậm chí có thể “chứng tỏ tai”, phơi bày bản tính của con người ra ánh sáng ban ngày – dẫu vậy, họ chỉ đơn thuần gật đầu, nhỏ vài giọt nước mắt, và buộc bản thân họ phải cảm thấy buồn chút đỉnh. Một khi điều này đã qua, họ lại hung tợn như chúa tể của những con thú hoang trên núi, và họ không có chút nhận thức nào. Làm sao những người với tâm tính ấy có thể biết rằng

họ may mắn hơn Gióp một trăm lần? Làm sao họ có thể nhận ra rằng những gì họ đang hưởng thụ là các phúc lành hầu như chưa từng thấy qua các thời đại, và rằng trước kia không ai từng được hưởng thụ như thế? Làm sao lương tâm con người có thể cảm được những phúc lành đó, những phúc lành chứa đựng sự trừng phạt? Nói thẳng ra, tất cả những gì Ta yêu cầu các người là để các người có thể là những tấm gương cho công tác của Ta, làm chứng cho toàn bộ tâm tính của Ta và toàn bộ những hành động của Ta, và để các người có thể được thoát khỏi những tai họa của Satan. Ấy vậy mà con người luôn cự tuyệt công tác của Ta và cố tình thù địch với nó. Làm sao những kẻ như vậy có thể không khiến Ta mang luật lệ của Y-sơ-ra-ên trở lại, và trút lên họ cơn thịnh nộ mà Ta đã trút lên Y-sơ-ra-ên? Mặc dù có nhiều người trong số các người “vâng lời và quy phục” Ta, nhưng những kẻ cùng loại với bọn Cô-ra còn nhiều hơn nữa. Một khi Ta đã đạt được sự vinh quang trọn vẹn, Ta sẽ dùng lửa từ trời để thiêu đốt chúng thành tro. Các người nên biết rằng Ta sẽ không còn hành phạt con người bằng lời nói của Ta nữa; thay vào đó, trước khi thực hiện công tác của Y-sơ-ra-ên, Ta sẽ thiêu rụi hoàn toàn “bọn Cô-ra” chống đối Ta và là những kẻ Ta đã loại trừ từ lâu. Nhân loại sẽ không còn có cơ hội có được Ta; thay vào đó, tất cả những gì họ thấy sẽ là cơn thịnh nộ của Ta và những ngọn lửa từ trời. Ta sẽ tiết lộ những kết cục khác nhau của mọi loại người, và Ta sẽ chia hết thầy họ thành các loại. Ta sẽ lưu lại mọi hành động phản nghịch của họ và sau đó hoàn thành công tác của Ta, sao cho các kết cục của con người sẽ được quyết định dựa trên lời phán quyết của Ta khi ở trên trần gian cũng như bởi thái độ của họ đối với Ta. Khi thời điểm ấy đến, sẽ không gì có thể thay đổi được kết cục của họ. Cứ để con người tiết lộ kết cục của chính mình! Sau đó, Ta sẽ trao lại những kết cục của con người cho Cha trên trời.

Người hiểu gì về Đức Chúa Trời?

Từ lâu mọi người đã tin vào Đức Chúa Trời, nhưng hầu hết họ lại không hiểu từ “Đức Chúa Trời” có nghĩa gì, và chỉ đi theo trong sự mơ hồ. Họ chẳng biết chút gì về việc chính xác tại sao con người nên tin vào Đức Chúa Trời, hay Đức Chúa Trời là gì. Nếu mọi người chỉ biết tin và theo Đức Chúa Trời, nhưng không biết Đức Chúa Trời là gì, và nếu họ cũng chẳng biết đến Đức Chúa Trời, thì đây chẳng phải chỉ là một trò đùa lớn hay sao? Mặc dù cho đến nay, mọi người đã chứng kiến nhiều lẽ mầu nhiệm của thiên đàng, và đã nghe được nhiều kiến thức sâu sắc mà trước đây con người chưa từng hiểu, nhưng họ không biết gì về nhiều lẽ thật cơ bản nhất mà con người chưa từng suy ngẫm trước đây. Một số người có thể nói rằng: “Chúng tôi đã tin Đức Chúa Trời nhiều năm rồi. Làm sao chúng tôi không biết Đức Chúa Trời là

gì được? Chẳng phải câu hỏi này là xem thường chúng tôi hay sao?" Tuy nhiên, trên thực tế thì mặc dù hôm nay mọi người theo Ta, nhưng họ chẳng biết gì về bất cứ công tác nào của ngày nay, và không nắm được ngay cả những vấn đề rõ ràng nhất và đơn giản nhất, huống hồ những vấn đề rất phức tạp như về Đức Chúa Trời. Nên biết rằng những vấn đề người không quan tâm, cũng chưa xác định được, chính là những vấn đề quan trọng nhất người phải hiểu, bởi người chỉ biết đi theo đám đông mà không để ý và không quan tâm gì đến những điều lẽ ra người phải đang trang bị cho chính mình. Người có thực sự biết tại sao người nên có đức tin nơi Đức Chúa Trời không? Người có thực sự biết Đức Chúa Trời là gì không? Người có thực sự biết con người là gì không? Là một người có đức tin nơi Đức Chúa Trời, nếu người không hiểu được những điều này thì chẳng phải người mất đi phẩm giá của một tín đồ của Đức Chúa Trời sao? Công tác ngày nay của Ta là thế này: làm cho con người hiểu bản chất của họ, hiểu tất cả những điều Ta làm, và biết được dung mạo thật của Đức Chúa Trời. Đây là hành động kết thúc kế hoạch quản lý của Ta, giai đoạn cuối cùng trong công tác của Ta. Đó là lý do vì sao Ta đang phán trước với các người về hết thảy mọi lẽ mầu nhiệm của sự sống, để các người có thể nhận chúng từ Ta. Bởi đây là công tác của thời đại cuối cùng, Ta buộc phải phán với các người hết thảy mọi lẽ thật của sự sống mà các người chưa từng tiếp nhận trước đây, cho dù các người không có khả năng hiểu được hay chấp nhận được đơn giản vì các người quá kém cỏi và quá thiếu sự trang bị. Ta sẽ khép lại công tác của Ta; Ta sẽ hoàn tất công tác Ta trù định làm, và sẽ phán cho các người biết về tất cả những gì Ta đã ủy thác cho các người, kéo các người một lần nữa lại lạc lối và sa vào những mưu chước của kẻ dữ khi màn đêm buông xuống. Có nhiều đường lối mà các người không hiểu được, nhiều vấn đề mà các người không biết. Các người thật mê muội; Ta biết quá rõ về vóc giạc cũng như những khiếm khuyết của các người. Bởi vậy, mặc dù có nhiều lời các người không thể hiểu được, Ta vẫn sẵn lòng phán cho các người biết hết thảy mọi lẽ thật này mà các người chưa từng tiếp nhận trước đây, bởi vì Ta cứ lo nghĩ rằng với vóc giạc hiện tại của các người, liệu các người có thể đứng vững trong chứng ngôn về Ta hay không. Không phải Ta xem thường các người; hết thảy các người đều là những loài thú chưa qua sự huấn luyện chính quy của Ta, và Ta hoàn toàn không thể thấy được bao nhiêu sự vinh hiển ở trong các người. Mặc dù Ta đã tiêu tốn nhiều năng lượng để làm việc trên các người, nhưng các yếu tố tích cực trong các người có vẻ hầu như không tồn tại, còn các yếu tố tiêu cực có thể đếm được trên đầu ngón tay và chỉ dùng làm bằng chứng khiến Sa-tan hồ thẹn. Hầu như mọi điều khác trong các người đều là nọc độc của Sa-tan. Với Ta, các người trông như ngoài tầm cứu rỗi. Như hiện tại, Ta nhìn vào những biểu hiện và thái độ khác

nhau của các người, và cuối cùng, Ta biết được vóc giạc thực sự của các người. Đây là lý do tại sao Ta luôn lo lắng về các người: Nếu để con người tự sống cuộc sống của mình, thì liệu họ có thực sự tốt đẹp hơn hay bằng được như hôm nay? Vóc giạc non trẻ của các người không làm các người lo lắng sao? Các người có thể thực sự được như những người được chọn trong dân Y-sơ-ra-ên – trung thành với Ta, và chỉ mình Ta thôi, vào mọi lúc hay không? Những gì bộc lộ nơi các người không phải là sự tinh nghịch của những đứa trẻ lạc khỏi cha mẹ, mà là thú tính bùng phát từ những con thú lạc khỏi ngọn roi của chủ. Các người nên biết bản tính của mình, đó cũng là yếu điểm chung của hết thảy các người; đó là chứng bệnh chung của hết thảy các người. Như vậy, lời khuyên duy nhất của Ta dành cho các người hôm nay là hãy đứng vững trong chứng ngôn về Ta. Trong bất kỳ tình huống nào cũng đừng để chứng bệnh cũ tái phát. Làm chứng là việc quan trọng nhất – đó là tâm điểm trong công tác của Ta. Các người nên chấp nhận lời Ta như Ma-ri đã chấp nhận sự mặc khải của Đức Giê-hô-va đến trong giấc mơ của người: bằng cách tin, và rồi vâng phục. Chỉ đây mới được gọi là tinh sạch. Bởi các người là những người nghe được lời Ta nhiều nhất, là những người được Ta ban phước nhiều nhất, nên Ta đã ban cho các người toàn bộ những vật sở hữu giá trị của Ta, Ta đã ban mọi thứ cho các người, vậy mà các người lại có địa vị khác biệt trời vực với dân Y-sơ-ra-ên; các người và họ đơn giản là hai thế giới khác nhau. Nhưng so với họ, các người đã nhận lãnh nhiều hơn rất nhiều; trong khi họ tuyệt vọng chờ đợi sự xuất hiện của Ta, còn các người thì đang trải qua những ngày tháng vui vẻ với Ta, chia sẻ sự dư dật của Ta. Với sự khác biệt như vậy, ai cho các người quyền lớn tiếng than vãn và căi vã với Ta để đòi hỏi phần của các người trong những vật sở hữu của Ta? Các người chưa nhận được gì nhiều sao? Ta ban cho các người quá nhiều, nhưng những gì các người đáp trả chỉ là nỗi buồn lo đến não lòng, sự bất mãn và oán giận không thể kìm nén được. Các người thật quá đáng ghét – nhưng các người cũng đáng thương, bởi vậy Ta chẳng còn lựa chọn nào khác đành phải nuốt hết cơn giận và nói lên những bất bình của Ta với các người, hết lần này đến lần khác. Qua hàng nghìn năm công tác, Ta chưa từng phản kháng nhân loại bởi Ta đã khám phá ra rằng, xuyên suốt quá trình phát triển của nhân loại, chỉ có những “trò lừa bịp” giữa các người mới trở nên lừng danh nhất, như di sản quý giá từ tổ tiên lấy lừng thời xưa đã để lại cho các người. Sao mà Ta ghét những thứ nửa người nửa ngợm ấy đến thế! Các người thật quá thiếu lương tâm! Tính cách các người thật quá đê hèn! Lòng các người thật quá chai sạn! Nếu Ta mang những lời và việc làm đó đến dân Y-sơ-ra-ên, thì Ta hẳn đã đạt được sự vinh hiển từ lâu rồi. Nhưng giữa các người thì điều này không thể đạt được; giữa các người chỉ có sự thờ ơ tàn nhẫn, sự lạnh nhạt, và những lời biện hộ

của các người. Các người thật quá vô cảm, và hoàn toàn vô dụng!

Các người nên cống hiến hết mình cho công tác của Ta. Các người nên làm những công tác có lợi cho Ta. Ta sẵn lòng giải thích cho các người mọi lẽ mà các người chưa hiểu để các người có thể đạt được từ Ta hết thảy những gì các người còn thiếu sót. Mặc dù khuyết điểm của các người quá nhiều, không đếm xuể, nhưng Ta vẫn sẵn lòng tiếp tục làm công tác mà Ta nên làm trên các người, ban cho các người lòng thương xót cuối cùng của Ta để các người có thể được lợi từ Ta và đạt được sự vinh hiển còn thiếu trong các người, sự vinh hiển mà cả thế giới chưa từng thấy. Ta đã làm việc trong rất nhiều năm, vậy mà chẳng có ai từng biết đến Ta. Ta muốn nói cho các người biết những bí mật Ta chưa từng thổ lộ cùng ai khác.

Giữa con người, Ta là Thần mà họ chẳng thể nhìn thấy, là Thần mà họ chẳng bao giờ có thể tiếp xúc. Bởi vì ba giai đoạn công tác của Ta trên đất (sáng thế, cứu chuộc, và hủy diệt), nên Ta xuất hiện giữa họ vào những thời điểm khác nhau (không bao giờ công khai) để thực hiện công tác của Ta giữa họ. Lần đầu tiên Ta đã đến giữa nhân loại là trong Thời đại Cứu chuộc. Dĩ nhiên là Ta đã đến trong một gia đình Do Thái; và như vậy, những người đầu tiên thấy Đức Chúa Trời đến trên đất là những người Do Thái. Lý do Ta đã đích thân làm công tác này là bởi Ta muốn dùng xác thịt nhập thể của Ta như của lễ chuộc tội trong công tác cứu chuộc của Ta. Như thế, những người đầu tiên được thấy Ta là những người Do Thái trong Thời đại Ân điển. Đó là lần đầu tiên Ta làm việc trong xác thịt. Ở Thời đại Vương quốc, công tác của Ta là chinh phục và hoàn thiện, do vậy Ta lại làm công tác chân đất của Ta trong xác thịt. Đây là lần thứ hai Ta làm việc trong xác thịt. Ở hai giai đoạn cuối của công tác, điều con người tiếp xúc không còn là một Thần vô hình vô dạng nữa, mà là một thân vị chính là Thần được thể hiện xác thịt. Như vậy, trong mắt của con người, Ta lại trở thành con người, không có chút dáng vẻ nào của Đức Chúa Trời. Hơn nữa, Đức Chúa Trời mà mọi người nhìn thấy không chỉ là nam giới, mà còn là nữ giới, điều khiến họ kinh ngạc và bối rối nhất. Hết lần này đến lần nọ, công tác phi thường của Ta đã đập tan những niềm tin xưa cũ tồn tại trong rất rất nhiều năm. Dân chúng bàng hoàng! Đức Chúa Trời không chỉ là Đức Thánh Linh, là Thần, là Thần uy lực gấp bảy lần, hay là Thần toàn diện, mà còn là một con người – một con người bình thường, một con người đặc biệt bình dân. Ngài không chỉ là nam giới, mà còn là nữ giới. Họ giống nhau ở chỗ Họ đều được sinh ra bởi con người, và khác nhau ở chỗ một người được thai dục bởi Đức Thánh Linh, còn người kia được sinh ra bởi con người mặc dù bắt nguồn trực tiếp từ Thần. Họ giống nhau ở chỗ cả hai đều là xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời để thực hiện công tác của Đức Chúa Cha, và khác nhau ở chỗ một người đã thực hiện công tác cứu chuộc, trong khi người kia làm công tác chinh

phục. Cả hai đều đại diện cho Đức Chúa Cha, nhưng một người là Đấng Cứu Chuộc, tràn đầy lòng từ ái và thương xót, còn người kia là Đức Chúa Trời công chính, đầy thanh nộ và phán xét. Một người là Đấng Chỉ Huy Tối Cao khởi đầu công tác cứu chuộc, trong khi người kia là Đức Chúa Trời công chính hoàn thành công tác chinh phục. Một người là Đấng thứ nhứt, còn người kia là Đấng sau chót. Một người là xác thịt vô tội, trong khi người kia là xác thịt hoàn tất việc cứu chuộc, tiếp tục công tác và không bao giờ tội lỗi. Cả hai đều cùng là một Thần, nhưng Họ sống trong những xác thịt khác nhau và được sinh ra tại những nơi khác nhau, và Họ cách nhau đến vài nghìn năm. Tuy nhiên, tất cả công tác của Họ đều bổ trợ cho nhau, không bao giờ mâu thuẫn, và có thể được ví sánh cùng nhau. Cả hai đều là con người, nhưng một người là bé trai còn người kia là bé gái. Trong hết thảy ngàn ấy năm, những gì con người nhìn thấy không chỉ là Thần và không chỉ là con người, một người đàn ông, mà còn là nhiều điều không hợp với những quan niệm của con người; như thế, con người chẳng bao giờ có thể thấu hiểu Ta hoàn toàn. Họ cứ nửa tin nửa ngờ Ta – như thể Ta có tồn tại, nhưng Ta cũng là một giấc mơ hảo huyền – đó là lí do tại sao đến tận ngày nay con người vẫn không biết Đức Chúa Trời là gì. Người có thể thật sự tóm lược về Ta trong một câu đơn giản hay không? Người có thật sự dám nói rằng: “Jêsus không ai khác chính là Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời không ai khác chính là Jêsus” hay không? Người có thực sự mạnh dạn nói rằng: “Đức Chúa Trời không ai khác chính là Thần, và Thần không ai khác chính là Đức Chúa Trời” hay không? Người có thoải mái khi nói rằng: “Đức Chúa Trời chỉ là một con người mặc lấy xác thịt” hay không? Người có thực sự can đảm khẳng định rằng: “Ảnh tượng của Jêsus là ảnh tượng vĩ đại của Đức Chúa Trời” hay không? Người có thể dùng tài hùng biện của mình để giải thích thấu đáo về tâm tính và ảnh tượng của Đức Chúa Trời hay không? Người có thực sự dám nói rằng: “Đức Chúa Trời chỉ tạo ra nam giới, chứ không phải nữ giới theo hình của chính Ngài” hay không? Nếu người nói điều này, thì chẳng có một người nữ nào trong số những người Ta chọn, càng không có một giới nào là nữ trong nhân loại. Bây giờ thì người có thực sự biết Đức Chúa Trời là gì không? Đức Chúa Trời có phải là một con người không? Đức Chúa Trời có phải là Thần không? Đức Chúa Trời có thật sự là một người nam không? Chỉ có Jêsus mới có thể hoàn tất công tác Ta tru định làm hay sao? Nếu người chỉ chọn một trong những ý trên để tóm lược về thực chất của Ta, thì người là một tín đồ trung thành mê muội vô cùng. Nếu Ta làm việc như một xác thịt nhập thể một và chỉ một lần, thì liệu các người có giới hạn Ta hay không? Liệu người có thể nhìn qua là thực sự hiểu về Ta thấu đáo hay không? Liệu người có thể thực sự tóm lược đầy đủ về Ta dựa trên những trải nghiệm của người trong cuộc đời hay không? Nếu Ta làm công tác

giống nhau trong cả hai lần nhập thể của Ta, thì các người sẽ hiểu về Ta như thế nào? Liệu các người có bỏ mặc Ta vĩnh viễn bị treo trên thập tự giá hay không? Liệu Đức Chúa Trời có thể đơn giản như người nói không?

Mặc dù đức tin của các người rất chân thành, nhưng không một ai trong các người có thể thuật lại đầy đủ về Ta, không một ai có thể làm chứng đầy đủ về tất cả sự thật các người nhìn thấy. Hãy nghĩ về điều này: Ngày nay, hầu hết các người đều bỏ bê nhiệm vụ của mình, thay vào đó, các người theo đuổi xác thịt, thỏa mãn xác thịt, và tham lam hưởng thụ xác thịt. Các người có được quá ít lẽ thật. Vậy thì làm sao các người có thể làm chứng cho tất cả những gì các người đã thấy? Các người có thực sự tự tin rằng các người có thể trở thành những chứng nhân của Ta không? Nếu đến một ngày người không thể chứng thực tất cả những gì người đã nhìn thấy hôm nay, thì người đã mất đi chức năng của loài thọ tạo, và sẽ chẳng còn ý nghĩa gì cho sự tồn tại của người nữa. Người sẽ không xứng đáng làm người. Thậm chí có thể nói rằng người sẽ không phải là người! Ta đã làm vô lượng công tác trên các người, nhưng bởi người hiện tại chẳng học hỏi được gì, chẳng nhận thức được gì, và chẳng hiệu quả trong công việc của mình, khi đến thời điểm Ta mở rộng công tác của Ta, thì người chỉ trơ mắt nhìn, cứng lười và hoàn toàn vô dụng. Chẳng phải điều đó sẽ khiến người trở thành một tội nhân muôn đời sao? Khi thời điểm ấy đến, người sẽ không cảm thấy hối tiếc sâu sắc nhất sao? Người sẽ không đắm chìm trong buồn nản sao? Tất cả công tác của Ta hôm nay không phải là làm vì nhàn rỗi và buồn chán, mà là để đặt một nền tảng cho công tác tương lai của Ta. Không phải Ta đang bế tắc và cần phải làm một điều gì đó mới mẻ. Người phải hiểu công tác Ta làm; đó không phải là thứ gì do đứa trẻ đang chơi ngoài đường thực hiện, mà là công tác được thực hiện thay mặt cho Cha của Ta. Các người nên biết rằng không phải Ta đang tự mình làm hết các công tác này; mà đúng hơn là Ta đang đại diện cho Cha của Ta. Trong khi đó, vai trò của các người là nghiêm chỉnh làm theo, vâng phục, thay đổi, và chứng thực. Những gì các người cần hiểu là tại sao các người nên tin vào Ta; đây là vấn đề quan trọng nhất mà mỗi người trong các người phải hiểu. Cha của Ta, vì sự vinh hiển của Ngài, đã định trước hết thấy các người cho Ta từ lúc Ngài sáng thế. Chính vì công tác của Ta, và vì vinh quang của Ngài, mà Ngài đã định trước các người. Chính bởi Cha Ta mà các người tin vào Ta; chính bởi sự tiền định của Cha Ta mà các người theo Ta. Chẳng có điều gì ở đây là do sự lựa chọn của chính các người cả. Thậm chí quan trọng hơn, các người hiểu rằng các người là những người được Cha Ta ban cho Ta nhằm mục đích chứng thực cho Ta. Bởi Ngài đã ban các người cho Ta, các người phải tuân theo các đường lối Ta ban cho các người, cũng như các đường lối và lời Ta phán dạy các người, bởi đó là nghĩa vụ các người

phải tuân theo những đường lối của Ta. Đây là mục đích ban đầu trong đức tin của các người vào Ta. Bởi vậy, Ta phán với các người điều này: Các người chỉ là những người mà Cha Ta đã ban cho Ta để tuân theo những đường lối của Ta. Tuy nhiên, các người chỉ tin vào Ta; các người không thuộc về Ta bởi vì các người không thuộc gia đình Y-sơ-ra-ên, mà thay vào đó là cùng hạng với loài rắn xua. Tất cả những gì Ta đang yêu cầu các người làm là làm chứng cho Ta, nhưng hôm nay các người phải bước đi theo đường lối của Ta. Tất cả những điều này đều vì lời chứng trong tương lai. Nếu các người chỉ đóng vai trò như người lắng nghe những đường lối của Ta, thì các người sẽ chẳng có giá trị gì cả, và ý nghĩa của việc Cha Ta ban các người cho Ta cũng sẽ mất đi. Điều Ta nhất quyết khuyên bảo các người là: Các người nên bước theo những đường lối của Ta.

Một con người thực sự có nghĩa là gì

Ta luôn có nhiệm vụ quản lý con người. Hơn nữa, việc chinh phục con người là điều Ta đã chỉ định khi Ta tạo dựng nên thế giới. Mọi người có thể không biết rằng Ta sẽ hoàn toàn chinh phục con người trong thời kỳ sau rốt, hoặc việc chinh phục những kẻ dấy loạn trong nhân loại là bằng chứng cho việc Ta đánh bại Sa-tan. Nhưng, khi kẻ thù của Ta tham chiến với Ta, Ta đã bảo nó rằng Ta sẽ chinh phục những kẻ mà Sa-tan đã giam cầm và biến thành con cái của nó, thành những kẻ phục dịch trung thành trông chừng nhà cho nó. Ý nghĩa ban đầu của việc chinh phục là đánh bại, chịu sự sỉ nhục; trong ngôn ngữ của người Y-sơ-ra-ên, nó có nghĩa là hoàn toàn đánh bại, hủy diệt và khiến không còn có khả năng chống lại Ta. Nhưng ngày nay, khi được sử dụng ở giữa các người, ý nghĩa của nó là chinh phục. Các người nên biết rằng ý định của Ta luôn luôn là hoàn toàn tiêu diệt và đánh tan tác kẻ ác của nhân loại, để nó không còn có thể dấy loạn chống lại Ta nữa, càng không còn hơi sức để làm gián đoạn hoặc quấy rầy công việc của Ta. Vì vậy, khi nói đến con người, lời này đã trở thành ý nghĩa là chinh phục. Dù hàm ý của từ này là gì đi nữa, thì công việc của Ta là đánh bại nhân loại. Vì mặc dù sự thật là nhân loại là một phần phụ trong sự quản lý của Ta, nhưng nói một cách chính xác hơn, nhân loại chẳng khác nào kẻ thù của Ta. Nhân loại là kẻ ác đối địch và không vâng lời Ta. Nhân loại chẳng khác nào dòng dõi của kẻ ác bị Ta nguyên rủa. Nhân loại chẳng khác nào hậu tự của thiên sứ trưởng đã phản bội Ta. Nhân loại chẳng khác nào di sản của ma quỷ đã bị Ta hất hủi từ lâu, đã trở thành kẻ thù không thể hòa giải của Ta kể từ đó. Vì bầu trời bao trùm cả nhân loại bị vẩn đục và tối tăm, không một chút dấu vết của sự sáng sủa nào, và thế giới con người chìm trong bóng tối đen kịt, hầu cho người sống trong

đó thậm chí không thể nhìn thấy bàn tay giơ ra trước mặt mình hoặc nhìn thấy mặt trời khi người ngẩng đầu lên. Con đường dưới chân người lầy lội và đầy rẫy những ổ gà, quanh co khúc khuỷu; cả vùng đất ngập tràn xác chết. Những góc tối chứa đầy thi thể, và trong những góc mát mẻ và râm mát thì lũ quỷ đã chiếm chỗ. Và mọi nơi trong thế giới của con người, lũ quỷ đến và đi theo từng đàn. Dòng dõi của mọi loại quái thú, đầy sự ô uế, bị nhốt trong trận giao đấu, âm thanh của chúng khiến cho sợ chết khiếp. Vào những lúc như vậy, trong một thế giới như vậy, một “thiên đường hạ giới” như vậy, người ta đi đâu để tìm được những niềm hạnh phúc của cuộc sống? Người ta có thể đi đâu để tìm được đích đến của cuộc đời mình? Nhân loại, từ lâu đã bị chà đạp dưới chân Sa-tan, từ đầu đã là một diễn viên đảm nhận hình tượng của Sa-tan – hơn thế nữa, loài người là hiện thân của Sa-tan, và đóng vai trò là bằng chứng để làm chứng cho Sa-tan, bằng chứng to và rõ. Làm sao một loài người như vậy, một lũ cặn bã suy đồi như vậy, hậu duệ của gia đình loài người bại hoại như vậy, lại có thể làm chứng cho Đức Chúa Trời được? Vinh quang của Ta đến từ đâu? Người ta có thể bắt đầu nói về lời chứng của Ta ở đâu? Vì kẻ thù đã làm bại hoại loài người, chống cự lại Ta, đã chiếm lấy nhân loại – nhân loại mà Ta đã tạo dựng nên từ lâu và được đầy dẫy vinh quang của Ta cùng sự bày tỏ ra của Ta – và đã làm vấy bẩn họ. Nó đã giết lấy vinh quang của Ta, và mọi điều nó đã tiêm nhiễm vào con người là chất độc tẩm đầy sự xấu xa của Sa-tan, và nước ép từ trái của cây biết điều thiện và điều ác. Ban đầu, Ta đã tạo dựng nên loài người; nghĩa là, Ta đã tạo dựng nên tổ tiên loài người, là A-đam. Người đã được phú cho hình và ảnh, tràn đầy sinh khí, tràn đầy sức sống, và hơn nữa, cùng với vinh quang của Ta. Đó là ngày vinh quang khi Ta tạo dựng nên con người. Sau đó, Ê-va đã được tạo nên từ cơ thể của A-đam, và người cũng là tổ tiên của con người, và vì vậy những người mà Ta đã tạo dựng nên được tràn đầy hơi thở của Ta và tràn ngập vinh quang của Ta. A-đam ban đầu được sinh ra từ bàn tay Ta và là đại diện cho ảnh tượng của Ta. Do đó, ý nghĩa ban đầu của “A-đam” là được Ta tạo dựng nên, thấm nhuần sức sống của Ta, thấm nhuần vinh quang của Ta, có hình và ảnh, có linh hồn và hơi thở. Người là tạo vật duy nhất sở hữu một linh hồn, người có khả năng đại diện cho Ta, mang ảnh tượng của Ta, và nhận được hơi thở của Ta. Ban đầu, Ê-va là người thứ hai được phú cho hơi thở, sự tạo dựng mà Ta đã chỉ định, vì vậy ý nghĩa ban đầu của “Ê-va” là một người được tạo dựng nên sẽ tiếp tục vinh quang của Ta, đầy dẫy sức sống của Ta, và hơn nữa, được phú cho vinh quang của Ta. Ê-va xuất thân từ A-đam, vì vậy người cũng mang ảnh tượng của Ta, vì người là người thứ hai được tạo dựng ra trong ảnh tượng của Ta. Ý nghĩa ban đầu của “Ê-va” là một người sống, với linh hồn, thịt và xương, chứng ngôn thứ hai của Ta cũng như ảnh tượng thứ hai của Ta ở giữa nhân

loại. Họ là tổ tiên của loài người, kho báu tinh nguyên và quý giá của con người, và từ ban đầu, họ là những sinh vật được phú cho linh hồn. Tuy nhiên, kẻ ác đã chà đạp và giam cầm dòng dõi của tổ tiên loài người, khiến thế giới loài người chìm vào bóng tối hoàn toàn, và làm như vậy hầu cho dòng dõi này không còn tin vào sự tồn tại của Ta nữa. Điều đáng ghê tởm hơn nữa là, ngay cả khi kẻ ác làm bại hoại con người và chà đạp lên họ, nó cũng đang tàn nhẫn tước mất vinh quang của Ta, lời chứng của Ta, sức sống mà Ta đã phú cho họ, hơi thở và sự sống mà Ta đã thổi vào họ, tất cả vinh quang của Ta trong thế giới loài người, và tất cả tâm huyết mà Ta đã đổ ra cho loài người. Nhân loại không còn ở trong sự sáng nữa, mọi người đã mất hết mọi thứ mà Ta đã ban cho họ, và họ đã vứt bỏ vinh quang mà Ta đã trao. Làm sao họ có thể thừa nhận rằng Ta là Chúa của muôn loài thọ tạo? Làm sao họ có thể tiếp tục tin vào sự tồn tại của Ta trên thiên đàng? Làm sao họ có thể khám phá những biểu hiện của vinh quang Ta trên trần gian? Làm sao những cháu trai và cháu gái này có thể xem Đức Chúa Trời mà tổ tiên họ tôn kính là Chúa đã tạo dựng nên chúng? Những cháu trai và cháu gái đáng thương này đã hào phóng “trao tặng” cho kẻ ác vinh quang, ảnh tượng và lời chứng mà Ta đã ban cho A-đam và Ê-va, cũng như sự sống mà Ta đã ban cho loài người và dựa vào đó mà họ tồn tại; và họ hoàn toàn không lưu tâm đến sự hiện diện của kẻ ác, và trao tất cả vinh quang của Ta cho nó. Đây chẳng phải chính là nguồn gốc của danh hiệu “căn bã” hay sao? Làm sao một loài người như vậy, những ác quỷ như vậy, những xác chết biết đi như vậy, những nhân vật của Sa-tan như vậy, những kẻ thù như vậy của Ta có thể sở hữu được vinh quang của Ta? Ta sẽ lấy lại vinh quang của Ta, lấy lại lời chứng của Ta tồn tại giữa con người, và mọi thứ đã từng thuộc về Ta và Ta đã ban cho nhân loại từ lâu – Ta sẽ hoàn toàn chinh phục nhân loại. Tuy nhiên, người nên biết rằng những người mà Ta đã tạo dựng nên là những người thánh khiết mang ảnh tượng của Ta và vinh quang của Ta. Họ không thuộc về Sa-tan, họ cũng không phải chịu sự chà đạp của nó, mà hoàn toàn là một sự tỏ hiện của Ta, không có chút dấu vết nào của chất độc Sa-tan. Và vì vậy, Ta báo cho nhân loại biết rằng Ta chỉ muốn thứ được tạo dựng nên bởi tay của Ta, những thứ thánh khiết mà Ta yêu thích và không thuộc về thực thể nào khác. Hơn nữa, Ta sẽ vui thích chúng và xem chúng là vinh quang của Ta. Tuy nhiên, điều Ta muốn không phải là nhân loại đã bị bại hoại bởi Sa-tan, thuộc về Sa-tan ngày nay, và đó không còn là sự sáng tạo ban đầu của Ta nữa. Bởi vì Ta có ý định lấy lại vinh quang của Ta tồn tại trong thế giới loài người, nên Ta sẽ hoàn toàn chinh phục những người sống sót ở giữa nhân loại, như bằng chứng về vinh quang của Ta trong việc đánh bại Sa-tan. Ta chỉ xem duy nhất lời chứng của mình là một sự kết tinh của bản thân Ta, là đối tượng cho sự vui thích của Ta. Đây là ý muốn của Ta.

Phải trải qua hàng chục nghìn năm lịch sử thì nhân loại mới có được vị trí như ngày hôm nay, nhưng loài người mà Ta đã tạo dựng nên lúc ban đầu đã chìm vào suy thoái từ lâu. Nhân loại không còn là nhân loại mà Ta mong muốn nữa, và do đó, trong mắt Ta, con người không còn xứng đáng với danh xưng loài người nữa. Thay vào đó, họ là cặn bã của loài người mà Sa-tan đã giam cầm, những xác chết thối rữa biết đi bị Sa-tan cư ngụ và Sa-tan mặc lấy cho chính nó. Mọi người không tin vào sự tồn tại của Ta, họ cũng không chào đón Ta đến. Nhân loại chỉ miễn cưỡng đáp ứng những yêu cầu của Ta, tạm thời tán thành chúng, và không chân thành chia sẻ với Ta những niềm vui và nỗi buồn trong cuộc sống. Vì mọi người thấy Ta bí hiểm, nên họ trao cho Ta những nụ cười gượng gạo, thái độ của họ là cố tỏ vẻ thân thiện với bậc cầm quyền, vì mọi người không có kiến thức về công tác của Ta, huống gì là ý muốn hiện tại của Ta. Ta sẽ thành thật với các người: Khi ngày đó đến, nỗi khổ của bất kỳ ai thờ phượng Ta đều sẽ dễ chịu hơn của các người. Mức độ các người tin vào Ta, trên thực tế, không vượt quá Gióp – thậm chí đức tin của những người Pha-ri-si Do Thái còn tội hơn của các người – và vì vậy, nếu ngày lửa giáng xuống, nỗi khổ của các người sẽ còn trầm trọng hơn của những người Pha-ri-si khi bị Jê-sus quở trách, của 250 quan tướng chống lại Môi-se, và của Sô-đôm dưới ngọn lửa thiêu đốt hủy diệt của nó. Khi Môi-se đập vào hòn đá, và nước được Đức Giê-hô-va ban cho chảy ra, đó là vì đức tin của người. Khi Đa-vít chơi đàn sắt ca ngợi Ta, là Đức Giê-hô-va – với tấm lòng tràn đầy niềm vui – đó là vì đức tin của người. Khi Gióp bị mất đi đàn gia súc đầy trên núi cùng khối lượng tài sản không đếm xuể của mình, và thân thể của người bị bao phủ trong những ung độc, đó là vì đức tin của người. Khi người có thể nghe tiếng Ta, là Đức Giê-hô-va, và thấy vinh quang của Ta, là Đức Giê-hô-va, đó là vì đức tin của người. Việc Phi-e-rơ đã có thể đi theo Jê-sus Christ là vì đức tin của người. Việc người đã có thể chịu đóng đinh trên thập tự giá vì Ta và làm chứng vinh quang cũng là vì đức tin của người. Khi Giăng nhìn thấy ảnh tượng vinh quang của Con người, đó là vì đức tin của người. Khi người nhìn thấy khai tượng về thời kỳ sau rốt, càng đúng là vì đức tin của người. Lý do tại sao điều gọi là vô số các nước ngoại bang đã có được sự mặc khải của Ta, và đã biết được rằng Ta đã trở lại trong xác thịt để làm công tác của Ta ở giữa con người, cũng là vì đức tin của họ. Tất cả những người bị đánh đập bởi những lời gay gắt của Ta mà vẫn được chúng an ủi và được cứu rỗi – chẳng phải họ đã làm được như vậy là nhờ đức tin của họ sao? Những người tin vào Ta nhưng vẫn phải chịu khổ, chẳng phải họ cũng bị thế gian từ chối sao? Những người sống bên ngoài lời của Ta, chạy trốn khỏi sự gian khổ của thử luyện, chẳng phải tất cả họ đều đang trôi dạt khắp thế giới sao? Họ giống như những chiếc lá mùa thu bay đi đây đó, không có chỗ nghỉ ngơi, hướng

gì là có những lời an ủi của Ta. Mặc dù hình phạt và sự tinh luyện của Ta không theo họ, nhưng chẳng phải họ là những kẻ ăn xin trôi giạt từ nơi này sang nơi khác, lang thang trên đường phố bên ngoài vương quốc thiên đàng sao? Liệu thế gian có thực sự là nơi nghỉ ngơi của người không? Liệu người có thể thực sự, bằng cách tránh né hình phạt của Ta, đạt được nụ cười mãn nguyện yếu ớt nhất từ thế gian không? Liệu người có thể thực sự dùng niềm vui thoáng qua của mình để che đậy sự trống rỗng trong lòng người, là sự trống rỗng không thể nào che giấu không? Người có thể lừa được mọi người trong gia đình mình, nhưng người không bao giờ có thể lừa được Ta. Bởi vì đức tin của người quá ít ỏi, nên cho đến hôm nay, người vẫn bắt lực trong việc tìm kiếm bất kỳ sự vui thích nào mà cuộc sống trao tặng. Ta khuyên giục người: tốt hơn hãy chân thành dành một nửa cuộc đời người vì Ta còn hơn là dành cả cuộc đời người trong sự tầm thường và công việc bận rộn cho xác thịt, chịu đựng mọi đau khổ mà một con người khó có thể chịu nổi. Mục đích của việc quá quý trọng bản thân và chạy trốn khỏi hình phạt của Ta là gì? Mục đích của việc người ẩn thân khỏi hình phạt nhất thời của Ta chỉ để gạt hái một sự hỏ thẹn đời đời, một hình phạt đời đời là gì? Trên thực tế, Ta không bắt ai phải theo ý muốn của Ta. Nếu ai đó thực sự sẵn sàng đầu phục tất cả những kế hoạch của Ta, thì Ta sẽ không xử tệ với họ. Nhưng Ta yêu cầu tất cả mọi người phải tin Ta, giống như Gióp đã tin Ta, là Đức Giê-hô-va. Nếu đức tin của các người vượt quá của Tho-ma, thì đức tin của các người sẽ được Ta khen ngợi, qua lòng trung thành của mình, các người sẽ tìm được niềm vui sướng của Ta, và chắc chắn sẽ tìm thấy vinh quang của Ta trong thời đại của các người. Tuy nhiên, những người tin vào thế gian và tin vào ma quỷ đã rắn lòng, giống như dân thành Sô-đôm, với những hạt cát bị gió thổi vào mắt và những lời đề nghị từ ma quỷ trong miệng mình, tâm trí u mê của họ từ lâu bị chiếm hữu bởi kẻ ác, là kẻ đã chiếm đoạt thế gian. Suy nghĩ của họ gần như hoàn toàn bị giam cầm trước ma quỷ thời cổ đại. Và vì vậy, đức tin của loài người đã cuốn theo chiều gió, và thậm chí họ không thể chú ý đến công việc của Ta. Mọi điều họ có thể làm là nỗ lực yếu ớt trong việc xử lý công tác của Ta một cách chiếu lệ hoặc phân tích nó một cách đại khái, bởi vì từ lâu họ đã bị chiếm hữu bởi chất độc của Sa-tan.

Ta sẽ chinh phục loài người bởi vì con người đã được Ta tạo dựng nên, và hơn nữa, đã tận hưởng mọi vật phong phú trong sự sáng tạo của Ta. Nhưng mọi người cũng đã từ chối Ta; Ta không có mặt trong lòng họ, và họ xem Ta như một gánh nặng cho sự tồn tại của họ, thậm chí đến mức, khi đã thực sự trông thấy Ta, họ vẫn chối bỏ Ta, và vắt óc suy nghĩ mọi cách có thể để đánh bại Ta. Mọi người không để cho Ta đối xử với họ một cách nghiêm túc hoặc đặt ra những yêu cầu khắt khe cho họ, họ cũng không cho Ta phán xét hoặc hành phạt sự bất chính của họ. Chẳng những

không thích thú với điều này, họ còn thấy nó phiền toái. Và vì vậy, công tác của Ta là nắm lấy loài người, những kẻ ăn, uống và ham thích ở trong Ta nhưng không biết Ta, và đánh bại họ. Ta sẽ tước vũ khí loài người, và sau đó, lấy các thiên sứ của Ta, lấy vinh quang của Ta, Ta sẽ trở lại nơi Ta ngự. Vì những hành động của con người từ lâu đã khiến Ta đau lòng và đập tan công việc của Ta thành từng mảnh. Ta dự định sẽ lấy lại vinh quang mà kẻ ác đã lấy đi trước khi Ta vui vẻ bước đi, để nhân loại tiếp tục sống cuộc đời của họ, tiếp tục “an cư lạc nghiệp”, tiếp tục “cày ruộng của riêng mình”, và Ta sẽ không can thiệp vào cuộc sống của họ nữa. Nhưng bây giờ Ta toàn ý lấy lại vinh quang của Ta từ tay kẻ ác, lấy lại toàn bộ vinh quang mà Ta đã đặt vào con người lúc sáng thế. Ta sẽ không bao giờ ban tặng nó cho loài người dưới đất lần nữa. Vì mọi người đã không chỉ không giữ gìn được vinh quang của Ta, mà họ còn đổi nó để lấy ảnh tượng của Sa-tan. Mọi người không quý trọng sự đến của Ta, họ cũng không đánh giá cao ngày vinh quang của Ta. Họ không vui mừng khi nhận được hình phạt của Ta, càng không sẵn lòng trả vinh quang của Ta lại cho Ta, và họ cũng không sẵn lòng loại bỏ chất độc của kẻ ác. Nhân loại tiếp tục lừa dối Ta theo cách cũ, mọi người vẫn mang những nụ cười rạng rỡ và những gương mặt hạnh phúc theo cách cũ. Họ không nhận thức được chiều sâu của sự u ám sẽ giáng xuống nhân loại sau khi vinh quang của Ta rời bỏ họ. Đặc biệt, họ không biết rằng khi ngày của Ta đến với toàn thể nhân loại, điều đó sẽ còn khó khăn đối với họ hơn là với người trong thời Nô-ê, vì họ không biết Y-sơ-ra-ên đã trở nên đen tối như thế nào khi vinh quang của Ta lìa khỏi nó, vì lúc bình minh đến con người lại quên mất rằng vượt qua đêm tối mực đã khó như thế nào. Khi mặt trời lại ẩn mình và bóng tối phủ xuống con người, họ sẽ lại than khóc và nghiêng rặng trong bóng tối. Có phải các người đã quên, khi vinh quang của Ta lìa khỏi Y-sơ-ra-ên, dân Y-sơ-ra-ên đã khó khăn thế nào để chịu đựng những ngày đau khổ đó? Bây giờ là lúc các người nhìn thấy vinh quang của Ta, và cũng là lúc các người chia sẻ ngày vinh quang của Ta. Con người sẽ than khóc giữa bóng tối khi vinh quang của Ta rời bỏ vùng đất ô uế này. Bây giờ là ngày vinh quang khi Ta làm công tác của mình, và đó là ngày mà Ta miễn cho loài người khỏi đau khổ, vì Ta sẽ không chia sẻ những lúc khốn khổ và hoạn nạn với họ. Ta chỉ muốn hoàn toàn chinh phục nhân loại, và hoàn toàn đánh bại kẻ ác trong nhân loại.

Người biết gì về đức tin?

Trong con người chỉ tồn tại lời lẽ bất định về đức tin, nhưng con người không biết điều gì cấu thành đức tin, càng không biết tại sao mình có đức tin. Con người hiểu quá ít, và bản thân con người quá thiếu sót; đức tin của họ ở Ta chỉ là đàn độn và ngu dốt. Mặc dù con người không biết đức tin là gì, cũng không biết tại sao mình có đức tin ở Ta, con người vẫn tiếp tục tin vào Ta một cách ám ảnh. Điều ta yêu cầu ở con người không đơn thuần là để họ kêu cầu Ta một cách ám ảnh như thế này hay tin vào Ta theo lối rời rạc, bởi vì công tác Ta làm là hầu cho con người có thể thấy Ta, và biết Ta, không phải để con người bị ấn tượng và nhìn Ta theo cách khác. Ta đã từng tỏ hiện nhiều dấu kỳ và các sự lạ, đã làm nhiều phép lạ, và dân Y-sơ-ra-ên của thời đó đã thể hiện sự ngưỡng mộ to lớn với Ta và cực kỳ tôn kính khả năng chữa lành người bệnh và xua đuổi ma quỷ khác thường của Ta. Vào thời ấy, dân Do Thái nghĩ quyền năng chữa lành của Ta là tài giỏi, phi thường – và bởi nhiều việc làm của Ta, hết thảy họ đều tôn kính Ta, và cảm thấy hết sức ngưỡng mộ hết thảy mọi quyền năng của Ta. Do vậy, tất cả những ai đã thấy Ta làm phép lạ đều theo sát Ta, đến độ hàng ngàn người vây quanh Ta để xem Ta chữa lành người bệnh. Ta đã tỏ hiện rất nhiều dấu lạ và sự lạ, ấy thế mà con người xem Ta đơn thuần như một người thầy thuốc tài giỏi; vì thế, Ta cũng đã phán nhiều lời giáo huấn cho con người vào thời ấy, nhưng họ đơn thuần coi Ta là một người thầy giỏi hơn các môn đồ của mình. Thậm chí ngày nay, sau khi con người đã nhìn thấy các ghi chép lịch sử về công tác của Ta, họ vẫn tiếp tục diễn dịch rằng Ta là một người thầy thuốc vĩ đại đã chữa lành người bệnh và là một người thầy của kẻ ngu dốt, và họ đã định nghĩa Ta là Đức Chúa Jêsus Christ thương xót. Những người diễn giải kinh thánh có thể đã vượt hơn các kỹ năng chữa lành của Ta, hoặc thậm chí có thể là những môn đồ mà giờ đây đã vượt hơn người thầy của mình, dấu vậy những người danh tiếng lẫy lừng ấy, những người được khắp thế giới biết tên, coi Ta quá hèn mọn như một thầy thuốc đơn thuần. Những việc làm của Ta nhiều hơn lượng cát dưới biển, và sự khôn ngoan của Ta vượt hơn hết thảy các con trai của Sa-lô-môn, vậy mà con người đơn thuần nghĩ về Ta như một thầy thuốc chẳng đáng quan tâm và một người thầy vô danh của con người. Rất nhiều người tin vào Ta chỉ để Ta có thể chữa lành cho họ. Rất nhiều người tin vào Ta chỉ để Ta có thể dùng quyền năng của Ta mà đuổi những linh hồn ô uế ra khỏi thân xác họ, và rất nhiều người tin vào Ta đơn thuần để nhận sự bình an và niềm vui từ Ta. Rất nhiều người tin vào Ta chỉ để đòi hỏi nhiều của cải vật chất hơn từ Ta. Rất nhiều người tin Ta chỉ để được trải qua cuộc đời này trong sự bình an và để được bình an vô sự trong thế giới sắp đến. Rất nhiều người tin vào Ta để

tránh sự đau đớn của địa ngục và để nhận lãnh những phúc lành của thiên đàng. Rất nhiều người tin vào Ta chỉ vì sự an ủi tạm thời chứ không tìm kiếm để có được bất cứ điều gì ở thế giới sắp đến. Khi Ta trút cơn giận dữ xuống con người và tước đi mọi niềm vui, bình an mà họ từng sở hữu, con người đã trở nên hoải nghi. Khi Ta cho con người sự đau đớn của địa ngục và lấy lại những phúc lành của thiên đàng, mối nhục của con người biến thành sự giận dữ. Khi con người nhờ Ta chữa lành cho họ, Ta đã chẳng đoái hoài và cảm thấy ghê tởm họ; con người đã rời khỏi Ta mà theo đuổi cách của các y thuật hắc ám và tà thuật để thay vào đó. Khi Ta lấy đi tất cả những gì con người đã đòi hỏi từ Ta, mọi người đều biến mất không chút dấu vết. Do vậy, Ta nói rằng con người có đức tin ở Ta bởi vì Ta đã ban quá nhiều ân điển, và có quá nhiều thứ để thu được. Dân Do Thái đã tin Ta vì ân điển của Ta và theo Ta bất kể nơi nào Ta đi. Những kẻ ngu dốt với kiến thức và kinh nghiệm hạn hẹp này chỉ tìm kiếm để được thấy những dấu kỳ và những phép lạ mà Ta đã tỏ ra. Họ coi Ta là thủ lĩnh gia tộc dân Do Thái, người có thể thực hiện những phép lạ vĩ đại nhất. Và do vậy khi Ta xua đuổi ma quỷ khỏi con người, điều đó đã gây ra nhiều tranh luận giữa họ: Họ nói rằng Ta là Ê-li, rằng Ta là Môi-se, rằng Ta là bậc tiên tri đầu tiên từ ngàn xưa, rằng Ta là người vĩ đại nhất trong hết thảy mọi thầy thuốc. Ngoài việc chính Ta nói rằng Ta là sự sống, là đường đi, và là lẽ thật, không ai có thể biết hữu thể của Ta hay thân phận Ta. Ngoài việc chính Ta nói rằng thiên đàng là nơi Cha Ta sống, không ai biết rằng Ta là Con Đức Chúa Trời, và cũng là chính Đức Chúa Trời. Ngoài việc chính Ta nói rằng Ta sẽ mang sự cứu chuộc đến hết thảy nhân loại và chuộc tội nhân loại, không ai biết rằng Ta là Đấng Cứu Chuộc của nhân loại, và con người chỉ biết Ta như một người nhân từ và giàu lòng thương xót. Và ngoài việc chính Ta có thể giải thích hết thảy mọi thứ Ta có, không ai biết Ta, và không ai tin rằng Ta là Con Đức Chúa Trời hằng sống. Đó là đức tin của con người ở Ta, và là cách họ cố lừa phỉnh Ta. Làm sao họ có thể làm chứng cho Ta khi họ có những cái nhìn về Ta như thế?

Con người tin vào Ta, nhưng họ không thể mang lời chứng cho Ta, họ cũng không thể chứng thực cho Ta trước khi Ta làm cho bản thân Ta được biết tới. Con người chỉ thấy Ta vượt hơn những loài thọ tạo và mọi con người thánh khiết, và thấy rằng công tác Ta làm không thể được thực hiện bởi con người. Do vậy, từ dân Do Thái cho đến con người ngày nay, tất cả những ai nhìn thấy các việc làm vinh quang của Ta đều không có gì khác ngoài sự tò mò đối với Ta, và không môi miệng một loài thọ tạo nào có thể làm chứng cho Ta. Chỉ Cha Ta làm chứng cho Ta, và dọn đường cho Ta giữa tất cả các loài thọ tạo; nếu Ngài không như vậy thì dù Ta có làm như thế nào, con người cũng sẽ không bao giờ biết Ta là Chúa của tạo hóa, bởi vì con người chỉ

biết lấy từ Ta và không có đức tin ở Ta bởi vì công tác của Ta. Con người biết Ta chỉ vì Ta vô tội và không có phần nào là kẻ tội lỗi, bởi vì Ta có thể giải thích vô số mâu thuẫn, bởi vì Ta ở trên muôn dân, hoặc bởi vì con người đã được lợi nhiều từ Ta, vậy mà vẫn rất ít người tin Ta là Chúa của tạo hóa. Đây là lý do vì sao Ta nói rằng con người không biết tại sao mình có đức tin ở Ta; họ không biết mục đích hay ý nghĩa của việc có đức tin ở Ta. Con người bị thiếu hiện thực, đến độ họ hầu như không phù hợp để làm chứng cho Ta. Các người có quá ít đức tin chân chính, và đã gạt hái được quá ít, do đó các người có quá ít lời chứng. Hơn nữa, các người hiểu quá ít và thiếu sót quá nhiều, đến độ các người gần như không phù hợp để làm chứng cho những việc làm của Ta. Quyết tâm của các người quả thật đáng xem xét, nhưng các người có chắc rằng mình có thể chứng thực thành công cho thực chất của Đức Chúa Trời không? Những điều các người đã trải nghiệm và đã thấy vượt quá những điều của các thánh và tiên tri từ mọi thời đại, nhưng các người có thể cung cấp lời chứng to lớn hơn những lời của các thánh và tiên tri này của những thời đại đã qua không? Điều Ta đang ban cho các người ngày nay vượt quá Môi-se và lán áts Đa-vít, do vậy theo đó, Ta yêu cầu rằng lời chứng của các người phải vượt hơn Môi-se và rằng lời của các người phải to tát hơn Đa-vít. Ta cho các người gấp một trăm lần – theo đó Ta yêu cầu các người trả cho Ta cũng như vậy. Các người phải biết rằng Ta là Đấng ban sự sống cho nhân loại, và chính các người là kẻ nhận lãnh sự sống từ Ta và phải làm chứng cho Ta. Đây là bổn phận mà Ta gửi xuống cho các người và là điều các người phải làm cho Ta. Ta đã ban mọi sự vinh quang của Ta trên các người, Ta đã ban cho các người sự sống mà những dân sự được chọn, dân Y-sơ-ra-ên, chưa từng được nhận lãnh. Theo lẽ, các người phải làm chứng cho Ta, dâng hiến tuổi trẻ và từ bỏ sự sống của mình cho Ta. Bất kỳ ai được Ta ban sự vinh quang của Ta trên họ đều phải làm chứng cho Ta và dâng sự sống của họ cho Ta. Điều này từ lâu đã được Ta định trước. Các người may mắn khi được Ta ban sự vinh quang của Ta cho các người, và bổn phận của các người là chứng thực cho vinh quang của Ta. Nếu các người tin vào Ta chỉ để có được những phúc lành, thì công tác của Ta sẽ mang ít ý nghĩa, và các người cũng không phải đang làm bổn phận của mình. Dân Y-sơ-ra-ên chỉ thấy sự thương xót, tình yêu, và sự vĩ đại của Ta, và dân Do Thái chỉ chứng kiến sự nhần nại và cứu chuộc của Ta. Họ thấy rất, rất ít công tác của Thần Ta, đến mức họ hiểu chỉ một phần vụn những gì các người đã nghe và thấy. Điều các người đã thấy còn vượt hơn cả các thầy tế lễ cả trong số họ. Những lễ thật mà các người hiểu hôm nay vượt hơn những lễ thật của họ; những gì các người đã thấy hôm nay vượt quá những điều họ đã thấy trong Thời đại Luật pháp, cũng như Thời đại Ân điển, và những gì các người đã trải nghiệm vượt hơn

cả Môi-se và Ê-li. Bởi vì những gì dân Y-sơ-ra-ên hiểu chỉ là luật pháp của Đức Giê-hô-va, và những gì họ thấy chỉ là hình ảnh phía sau của Đức Giê-hô-va; điều mà dân Do Thái hiểu chỉ là sự cứu chuộc của Jêsus, điều mà họ lãnh nhận chỉ là ân điển được ban bởi Jêsus, và điều họ nhìn thấy chỉ là hình tượng của Jêsus trong nhà của dân Do Thái. Điều các người nhìn thấy hôm nay là sự vinh quang của Đức Giê-hô-va, sự cứu chuộc của Jêsus, và tất cả những việc làm của Ta ngày nay. Cũng như vậy, các người đã nghe những lời của Thần Ta, cảm kích sự khôn ngoan của Ta, biết đến sự kỳ diệu của Ta, và tìm hiểu về tâm tính Ta. Ta cũng đã phán dạy các người toàn bộ kế hoạch quản lý của Ta. Điều các người đã thấy không đơn thuần là một Đức Chúa Trời đầy yêu thương và nhân từ, mà là một Đức Chúa Trời đầy công chính. Các người đã thấy công tác kỳ diệu của Ta và biết rằng Ta tràn đầy sự oai nghi và cơn thịnh nộ. Hơn nữa, các người biết rằng Ta từng giáng cơn giận dữ của Ta xuống nhà Y-sơ-ra-ên, và rằng hôm nay, nó đến trên các người. Các người hiểu nhiều về những mầu nhiệm của Ta trên trời hơn Ê-sai và Giăng; các người biết nhiều về sự đáng mến và đáng tôn kính của Ta hơn hết thảy các thánh của các thời đại đã qua. Điều các người đã lãnh nhận không đơn thuần là lẽ thật của Ta, con đường của Ta, và sự sống của Ta, mà là một khái tượng và sự mặc khải to lớn hơn của Giăng. Các người hiểu nhiều mầu nhiệm của Ta hơn, và cũng nhìn thấy sắc diện thật của Ta; các người đã chấp nhận nhiều sự phán xét của Ta hơn và biết nhiều về tâm tính công chính của Ta hơn. Và như vậy, mặc dù các người được sinh ra vào thời kỳ sau rốt, sự hiểu biết của các người là sự hiểu biết của trước kia và quá khứ, và các người cũng đã trải nghiệm những việc của hôm nay, và điều này được Ta đích thân thực hiện toàn bộ. Điều ta yêu cầu các người không quá đáng, bởi vì Ta đã cho các người quá nhiều, và các người đã thấy nhiều ở Ta. Do vậy, Ta yêu cầu các người làm chứng cho Ta về các thánh của những thời đại quá khứ, và đây là mong ước duy nhất của tâm Ta.

Chính Cha Ta là người đầu tiên làm chứng cho Ta, nhưng Ta ao ước nhận sự vinh quang vĩ đại hơn, và để những lời chứng đến từ môi miệng của các loài thọ tạo – do vậy Ta hết mình với các người, để các người có thể thực hiện bổn phận của mình, đưa công tác của Ta giữa con người đến hồi kết thúc. Các người nên hiểu tại sao các người tin Ta; nếu các người chỉ muốn là người học việc hay bệnh nhân của Ta, hoặc trở thành một trong các thánh của Ta trên trời, vậy thì việc các người theo ta sẽ là vô nghĩa. Việc theo Ta theo thể thức ấy sẽ chỉ phí năng lượng; việc có dạng đức tin này ở Ta sẽ chỉ làm ngày tháng của các người trôi đi, phí hoài tuổi trẻ của các người. Và cuối cùng, các người sẽ không nhận được gì cả. Chẳng phải đó sẽ là uống công hay sao? Ta đã rời dân Do Thái từ lâu và không còn là thầy thuốc

của con người, cũng chẳng phải phương thuốc cho con người. Ta không còn là thân trâu ngựa để con người cưỡi hay giết thịt tùy ý; thay vào đó, Ta đã đến giữa con người để phán xét và hành phạt con người, để con người có thể biết đến Ta. Người nên biết rằng Ta từng làm công tác cứu chuộc; Ta từng là Jê-sus, nhưng Ta không thể mãi là Jê-sus, giống như Ta từng là Giê-hô-va nhưng sau đó đã trở thành Jê-sus. Ta là Đức Chúa Trời của loài người, Chúa của tạo hóa, nhưng Ta không thể mãi là Jê-sus hay Giê-hô-va. Ta đã là người mà con người coi như một thầy thuốc, nhưng không thể nói rằng Đức Chúa Trời đơn thuần là thầy thuốc cho loài người. Như vậy, nếu người giữ những quan điểm xưa cũ trong đức tin của người với Ta, thì người sẽ không được gì cả. Dù hôm nay người ca tụng Ta như thế nào: “Đức Chúa Trời yêu con người biết bao; Ngài chữa lành tôi và cho tôi phúc lành, sự bình an và niềm vui. Đức Chúa Trời tốt với con người biết bao; nếu chúng ta cứ có đức tin nơi Ngài, vậy thì chúng ta không cần lo về tiền bạc và sự giàu có...”, Ta vẫn không thể làm gián đoạn công tác ban đầu của Ta. Nếu người tin ở Ta hôm nay, người sẽ chỉ nhận sự vinh quang của Ta và xứng đáng để làm chứng cho Ta, và mọi chuyện khác sẽ đều là thứ yếu. Người phải biết rõ điều này.

Bây giờ người có thật sự biết tại sao mình tin ở Ta không? Người có thật sự biết mục đích và ý nghĩa công tác của Ta không? Người có thật sự biết bản phận của mình không? Người có thật sự biết lời chứng của Ta không? Nếu người chỉ tin vào Ta, nhưng không có dấu hiệu nào của vinh quang hay lời chứng của Ta trong người, thì Ta đã loại bỏ người từ lâu. Đối với những ai biết tất cả, họ thậm chí còn gai mắt hơn với Ta, và trong nhà Ta, họ không gì khác hơn là những chướng ngại trên con đường của Ta, họ là cỏ lùng phải được sàng lọc hoàn toàn ra khỏi công tác của Ta, họ vô dụng, họ vô giá trị, và Ta đã khinh ghét họ từ lâu. Cơn thanh nộ của Ta thường giáng trên hết thảy những kẻ không có lời chứng, và ngọn roi của Ta không bao giờ chệch khỏi chúng. Ta đã chuyển chúng sang tay của kẻ ác từ lâu; họ không có những phúc lành của Ta. Khi ngày ấy đến, hình phạt của họ sẽ trầm trọng hơn cả hình phạt những người đàn bà đại dột. Hôm nay, Ta chỉ làm công việc mà phận sự Ta phải làm; Ta sẽ gom lúa mì lại thành bó, cùng với những thứ cỏ lùng đó. Đây là công tác của Ta hôm nay. Những thứ cỏ lùng đó sẽ bị sàng lọc ra hết vào thời điểm sàng lọc của Ta, khi đó những hạt lúa mì sẽ được tập hợp vào kho, và những thứ cỏ lùng đã được sàng lọc sẽ bị cho vào lửa để đốt thành tro bụi. Công tác của Ta bây giờ đơn thuần là gom hết thảy mọi người thành bó; nghĩa là, chinh phục họ hoàn toàn. Sau đó Ta sẽ bắt đầu sàng lọc để tiết lộ sự kết thúc của hết thảy con người. Và như vậy người phải biết mình nên làm Ta hài lòng lúc này như thế nào, và người phải tiến đúng hướng trong đức tin của mình với Ta như thế nào. Điều Ta mong muốn là sự trung

thành và vâng lời của người lúc này, tình yêu và lời chứng của người lúc này. Ngay cả khi vào khoảnh khắc này người không biết lời chứng hay tình yêu là gì, người vẫn nên mang cho Ta hết cả những gì người có, và giao cho Ta những của cải duy nhất mà người có: sự trung thành và vâng lời của người. Người nên biết rằng lời chứng cho việc Ta đánh bại Sa-tan nằm trong lòng trung thành và sự vâng lời của con người, và lời chứng cho sự chinh phục con người hoàn toàn của Ta cũng vậy. Bồn phận của đức tin của người nơi Ta là làm chứng cho Ta, trung thành với Ta chứ không ai khác, và vâng lời cho đến cùng. Trước khi Ta bắt đầu bước tiếp theo của công tác của Ta, người sẽ làm chứng cho Ta như thế nào? Người sẽ trung thành và vâng lời Ta như thế nào? Người dành toàn bộ lòng trung thành của người cho phận sự của người, hay người sẽ đơn thuần từ bỏ? Người thà quy phục mọi sự sắp đặt của Ta (ngay cả khi đó là cái chết hay sự hủy diệt), hay tháo chạy giữa chừng để tránh hình phạt của Ta? Ta hành phạt người để người sẽ làm chứng cho Ta, trung thành và vâng lời Ta. Hơn nữa, hình phạt trong hiện tại là để mở ra bước tiếp theo của công tác của Ta và cho phép công tác được diễn tiến mà không bị trở ngại. Do vậy, Ta khuyên người hãy khôn ngoan và đừng coi sự sống của người hay ý nghĩa sự tồn tại của người là hạt cát vô giá trị. Người có thể biết chính xác công tác sắp tới của Ta sẽ là gì không? Người có biết Ta sẽ làm thế nào vào những ngày sắp tới, và công tác của Ta sẽ mở ra như thế nào không? Người nên biết ý nghĩa của trải nghiệm của người về công tác của Ta, và hơn nữa, ý nghĩa của đức tin của người nơi Ta. Ta đã làm rất nhiều; làm sao Ta từ bỏ giữa chừng như người tưởng tượng được? Ta đã làm công tác rộng khắp như vậy; làm sao Ta có thể hủy hoại nó? Quả thật, Ta đã đến để đưa thời đại này đến hồi kết thúc. Điều này là thật, nhưng hơn nữa, người phải biết rằng Ta sắp bắt đầu một thời đại mới, bắt đầu công tác mới, và hơn hết, loan báo Phúc Âm của vương quốc. Do vậy người nên biết rằng công tác hiện tại chỉ là để bắt đầu một thời đại và đặt nền móng cho việc loan báo Phúc Âm trong thời gian tới và đưa thời đại này đến hồi kết thúc trong tương lai. Công tác của Ta không quá đơn giản như người nghĩ, cũng không vô giá trị hay vô nghĩa như người có thể tin. Do vậy, Ta vẫn phải nói với người: Người phải dâng sự sống của mình cho công tác của Ta, và hơn nữa, người phải cống hiến bản thân cho vinh quang của Ta. Ta đã mong mỗi người làm chứng cho Ta từ lâu, và Ta thậm chí đã mong mỗi người loan báo Phúc Âm của Ta còn lâu hơn thế nữa. Người phải hiểu được những điều trong lòng Ta.

Khi những chiếc lá rụng về cội, người sẽ hối hận về tất cả những điều xấu xa mà người đã làm

Tất cả các người đều đã thấy tận mắt công tác mà Ta đã làm giữa các người, chính các người đã lắng nghe những lời Ta đã phán, và tất cả các người đều biết thái độ của Ta đối với các người, vậy thì các người nên biết tại sao Ta đang làm công tác này trong các người. Thành thực mà nói, các người chẳng là gì ngoài những công cụ cho công tác chinh phục của Ta trong những ngày sau rốt, những công cụ để mở rộng công tác của Ta giữa các nước dân ngoại. Ta phán qua sự bất chính, ô uế, chống đối và đầy nghịch của các người để mở rộng hơn công tác của Ta và lan truyền danh Ta giữa các nước dân ngoại, nghĩa là, lan truyền danh ấy giữa bất kỳ nước nào bên ngoài Y-sơ-ra-ên. Điều này là để danh Ta, những việc làm của Ta và tiếng phán của Ta có thể được phổ biến khắp các nước dân ngoại, và vì thế tất cả các nước không phải Y-sơ-ra-ên đó có thể bị Ta chinh phục và có thể thờ phượng Ta, trở thành những vùng đất thánh của Ta bên ngoài những vùng đất của Y-sơ-ra-ên và Ai Cập. Việc mở rộng công tác của Ta thực ra là mở rộng công tác chinh phục của Ta và mở rộng vùng đất thánh của Ta; đó là sự mở rộng chỗ đứng của Ta trên đất. Các người nên biết rõ rằng các người chỉ là những loài thọ tạo giữa các nước dân ngoại mà Ta chinh phục. Ban đầu, các người không có địa vị cũng như bất kỳ giá trị sử dụng gì, và hoàn toàn không sử dụng được. Chỉ vì Ta đã kéo những con giòi từ đồng phân lên để trở thành những hình mẫu trong việc chinh phục toàn lãnh thổ của Ta, để làm “những nguyên liệu tham khảo” duy nhất cho việc chinh phục toàn lãnh thổ của Ta, mà các người đã được đủ may mắn để tiếp xúc với Ta, và tụ họp cùng Ta vào lúc này. Chính vì địa vị thấp hèn của các người mà Ta đã chọn các người để làm những hình mẫu và kiểu mẫu trong công tác chinh phục của ta. Chỉ vì lý do này mà Ta làm việc và phán giữa các người, mà Ta sống và ở lại ít lâu cùng các người. Các người nên biết rằng chỉ vì sự quản lý của Ta và vì Ta cực kỳ ghê tởm những con giòi trong đồng phân mà Ta đang phán giữa các người – nó đã lên đến mức mà Ta trở nên tức giận. Việc Ta công tác giữa các người hoàn toàn không giống như việc Đức Giê-hô-va đã công tác giữa dân Y-sơ-ra-ên, và đặc biệt, nó không giống với công tác mà Jê-sus đã làm ở Giu-đê. Ta phán và làm việc với sự khoan dung lớn lao, và Ta chinh phục những giống thoái hóa này với sự giận dữ cũng như sự phán xét. Điều đó hoàn toàn không giống như việc Đức Giê-hô-va đã dẫn dắt dân sự của Ngài ở Y-sơ-ra-ên. Công tác của Ngài ở Y-sơ-ra-ên là ban thức ăn và nước hằng sống, và Ngài đầy dẫy lòng thương xót và tình yêu thương dân sự của Ngài

khi chu cấp cho họ. Công tác của ngày hôm nay được thực hiện giữa một nước bị rửa sạch của những người không được chọn. Không có nhiều thức ăn, cũng không có sự nuôi dưỡng làm thỏa cơn khát của nước hằng sống, và càng không có nguồn cung cấp vật chất dồi dào; chỉ có cung cấp đầy sự phán xét, rửa sạch và hình phạt. Những con giòi sống trong đồng phân này hoàn toàn không xứng đáng nhận được núi gia súc và cừu, của cải dư dật, và những đứa con xinh đẹp nhất trên khắp vùng đất như Ta đã ban trên Y-sơ-ra-ên. Nước Y-sơ-ra-ên thời đó đã dâng lên bàn thờ gia súc, cừu và các vật bằng vàng và bạc mà Ta dùng để nuôi dưỡng dân sự trong nước, nhiều hơn con số một phần mười mà Đức Giê-hô-va đã yêu cầu theo luật pháp, và vì vậy Ta đã ban cho họ còn nhiều hơn – nhiều hơn hàng trăm lần những gì mà lẽ ra Y-sơ-ra-ên nhận được theo luật pháp. Những thứ mà Ta dùng để nuôi dưỡng Y-sơ-ra-ên vượt trội tất cả những thứ Áp-ra-ham đã nhận được, và tất cả những thứ Y-sác đã nhận được. Ta sẽ khiến cho nhà Y-sơ-ra-ên sinh sản và thêm nhiều, và Ta sẽ khiến dân Y-sơ-ra-ên của Ta lan rộng khắp trái đất. Những ai Ta ban phước và chăm sóc thì vẫn là dân sự được chọn của Y-sơ-ra-ên – nghĩa là, những người tận hiến tất cả cho Ta và đã nhận được mọi thứ từ Ta. Chính vì họ nhớ đến Ta mà họ dâng tế những con bò và chiên mới sinh trên bàn thờ thánh của Ta và dâng mọi thứ họ có trước Ta, thậm chí đến mức dâng cả những đứa con trai đầu lòng của họ trong niềm mong đợi về sự tái lâm của Ta. Còn các ngươi thì sao? Các ngươi chọc giận Ta, đòi hỏi ở Ta, và đánh cắp những của tế lễ của những người đã dâng cho Ta, và các ngươi không biết rằng các ngươi đang xúc phạm Ta; vì thế, tất cả những gì các ngươi nhận được là sự than khóc và sự trừng phạt trong tối tăm. Các ngươi đã khiến Ta tức giận nhiều lần, và ta đã trút những ngọn lửa hừng hực đến mức có khá nhiều người đã có kết cục bi thảm, và những ngôi nhà hạnh phúc đã trở thành những ngôi mộ hoang. Tất cả những gì Ta dành cho những con giòi này là sự tức giận khôn nguôi, và Ta không có ý định ban phước cho chúng. Chỉ vì công tác của Ta mà Ta đã có một ngoại lệ và nâng các ngươi lên, rồi chịu nhiều sự sỉ nhục nặng nề và làm việc giữa các ngươi. Nếu không vì ý muốn của Cha Ta, thì làm sao Ta có thể sống cùng một nhà với những con giòi lẫn lộn trong đồng phân? Ta cảm thấy cực kỳ gớm ghiếc tất cả những hành động và lời nói của các ngươi, nhưng dẫu vậy, bởi vì Ta có chút “hứng thú” với sự ô uế và đầy nghịch của các ngươi, nên đây đã trở thành một tập hợp tuyệt vời những lời của Ta. Nếu không, Ta chắc chắn đã không ở lại giữa các ngươi lâu đến thế. Do đó, các ngươi nên biết rằng thái độ của Ta đối với các ngươi chỉ là một sự cảm thông và thương hại; Ta thậm chí còn không có một chút lòng yêu mến nào dành cho các ngươi. Những gì Ta có cho các ngươi chỉ là sự khoan dung, bởi vì Ta chỉ làm điều này vì công tác của Ta. Và các ngươi đã nhìn thấy những việc

làm của Ta chỉ vì Ta đã chọn sự ô uế và dấy nghịch làm “những nguyên liệu thô”; nếu không, Ta chắc chắn sẽ không mặc khải những việc làm của Ta cho những con giòi này. Ta làm việc trong các người chỉ với sự miễn cưỡng, hoàn toàn không giống với sự sẵn sàng và sẵn lòng mà Ta đã có khi làm việc ở Y-sơ-ra-ên. Ta chịu đựng cơn giận của Ta trong khi buộc bản thân phải cất tiếng phán giữa các người. Nếu không vì công tác vĩ đại hơn của Ta, thì làm sao Ta có thể chịu được việc liên tục nhìn thấy những con giòi như thế? Nếu không vì danh Ta, thì từ lâu Ta đã lên đến những nơi cao nhất và hoàn toàn thiêu rụi những con giòi này cùng với đồng phân của chúng! Nếu không vì sự vinh hiển của Ta, thì làm sao Ta có thể để cho những con quỷ dữ này công khai lắc đầu chống đối trước mắt Ta. Nếu không phải là để cho công tác của Ta được tiến hành thuận lợi mà không có sự cản trở nào, thì làm sao Ta có thể để cho những con người giống như con giòi này tùy tiện sỉ nhục Ta? Nếu một trăm con người trong một làng ở Y-sơ-ra-ên nổi dậy chống đối Ta như thế này, ngay cả khi chúng có dâng của tế lễ cho Ta, thì Ta cũng sẽ hủy diệt chúng và ném chúng xuống dưới những khe nứt trên đất để ngăn ngừa dân của những thành phố khác dấy nghịch như thế lần nữa. Ta như là một ngọn lửa thiêu trụi tất cả và Ta không dung thứ cho sự xúc phạm. Bởi vì tất cả con người đều do Ta tạo dựng, nên họ phải vâng theo bất kỳ điều gì Ta phán và làm, và họ không được dấy nghịch. Con người không có quyền can thiệp vào công tác của Ta, và họ càng không có đủ tư cách để phân tích điều gì đúng hoặc sai trong công tác của Ta và lời Ta. Ta là Chúa sáng thế, và các loài thọ tạo nên hoàn thành mọi thứ mà Ta yêu cầu với một lòng tôn kính dành cho Ta; họ không nên cố tranh luận với Ta, và họ đặc biệt không nên chống đối. Ta cai trị dân sự của Ta bằng thẩm quyền của mình, và tất cả những ai là một phần trong sự tạo dựng của Ta nên vâng phục thẩm quyền của Ta. Mặc dù hôm nay các người cả gan và ngạo mạn trước Ta, mặc dù các người không vâng theo những lời Ta chỉ dạy các người, và không biết sợ, nhưng Ta chỉ đối đầu với sự dấy nghịch của các người bằng sự bao dung; Ta sẽ không mất bình tĩnh và làm ảnh hưởng đến công tác của Ta bởi những con giòi nhỏ bé, tầm thường đã khuấy lên những thứ dơ bẩn trong đồng phân. Ta chịu đựng sự tồn tại tiếp diễn của mọi thứ mà Ta ghê tởm và tất cả những gì Ta căm ghét vì ý muốn của Cha Ta, và Ta sẽ làm như vậy cho đến khi kết thúc những lời phán của Ta, cho đến tận giây phút cuối cùng của Ta. Đừng lo lắng! Ta không thể chìm xuống ngang mức như một con giòi vô danh, và Ta sẽ không so sánh mức độ tài nghệ của Ta với người. Ta ghê tởm người, nhưng Ta có thể chịu đựng. Người không vâng lời Ta, nhưng người không thể thoát khỏi ngày Ta hành phạt người như Cha Ta đã hứa với Ta. Một con giòi được tạo ra có thể so sánh với Chúa sáng thế không? Vào mùa thu, những chiếc lá rụng về cội; người sẽ trở về nhà

của “cha” người, và Ta sẽ trở về bên cạnh Cha Ta. Ta sẽ được ở bên tình cảm dịu dàng của Người, còn người sẽ bị cha mình chà đạp. Ta sẽ có sự vinh hiển của Cha Ta, còn người sẽ có sự hổ thẹn của mình. Ta sẽ sử dụng hình phạt mà Ta đã kiềm chế từ lâu để đi cùng người, còn người sẽ đón hình phạt của Ta với xác thịt thối rữa đã bị bại hoại hàng vạn năm của mình. Ta sẽ kết thúc công tác của lời trong người, cùng với sự khoan dung, còn người sẽ bắt đầu thực hiện vai chịu đựng thảm họa từ lời của Ta. Ta sẽ rất vui mừng và làm việc ở Y-sơ-ra-ên; còn người sẽ khóc lóc và nghiêng rãng, tồn tại và chết trong bùn lầy. Ta sẽ lấy lại hình dạng ban đầu của Ta và không còn tồn tại trong sự ô uế cùng người, trong khi người sẽ lấy lại sự xấu xí ban đầu của mình và tiếp tục đào bới trong đồng phân. Khi công tác và lời của Ta kết thúc, đó sẽ là một ngày vui mừng đối với Ta. Khi sự chống đối và dấy nghịch của người đã kết thúc, đó sẽ là một ngày than khóc đối với người. Ta sẽ không thông cảm với người, còn người sẽ không bao giờ nhìn thấy Ta nữa. Ta sẽ không còn đối thoại với người, còn người sẽ không bao giờ gặp lại Ta nữa. Ta sẽ ghét sự dấy nghịch của người, còn người sẽ bỏ lỡ sự đáng yêu của Ta. Ta sẽ đánh người, còn người sẽ mòn mỏi mong chờ Ta. Ta sẽ vui vẻ lìa xa người, còn người sẽ ý thức về món nợ đối với Ta. Ta sẽ không bao giờ gặp lại người, nhưng người sẽ luôn luôn trông mong Ta. Ta sẽ ghét người bởi vì hiện nay người đang chống đối Ta, còn người sẽ nhớ Ta bởi vì hiện nay Ta đang hành phạt người. Ta sẽ không muốn sống cạnh người, còn người sẽ khao khát điều đó một cách cay đắng và khóc đến đời đời, bởi người sẽ hối hận về tất cả những gì người đã làm với Ta. Người sẽ cảm thấy ăn năn về sự dấy nghịch và chống đối của mình, thậm chí người sẽ úp mặt xuống đất với sự hối hận, phủ phục trước Ta và thề không bao giờ bất tuân với Ta nữa. Tuy nhiên, trong lòng người, người sẽ chỉ yêu mến Ta, mà không bao giờ có thể nghe tiếng Ta. Ta sẽ khiến người hổ thẹn về bản thân mình.

Bây giờ Ta đang nhìn vào xác thịt buông thả sẽ lừa phỉnh Ta của người, và Ta chỉ có một cảnh cáo nhỏ cho người – mặc dù ta sẽ không “phục vụ” người bằng hình phạt. Người nên biết vai trò của người trong công tác của Ta, và rồi Ta sẽ hài lòng. Trong những vấn đề còn lại, nếu người chống đối Ta hoặc tiêu xài tiền của Ta, hoặc ăn những vật tế lễ cho Ta, Đức Giê-hô-va, hoặc nếu những con giòi các người cắn nhau, hoặc nếu những loài tạo vật giống như chó các người có mâu thuẫn hoặc xâm phạm lẫn nhau – thì Ta không quan tâm bất cứ vấn đề nào trong số đó. Các người chỉ cần biết các người là loại gì, và Ta sẽ hài lòng. Ngoài tất cả những điều này, nếu các người muốn chiến đấu với nhau bằng vũ khí hoặc bằng lời, thì tốt thôi; Ta không muốn can thiệp vào những điều như thế, và Ta chẳng dính dáng gì đến những vấn đề của con người. Không phải là Ta không quan tâm đến những mâu thuẫn giữa các

người; mà là Ta không phải một người trong số các người, và vì thế không tham gia vào những vấn đề giữa các người. Bản thân Ta không phải là một loài thọ tạo và không thuộc về thế gian, vì vậy Ta gồm ghiếc cuộc sống xô bồ của mọi người và những mối quan hệ bừa bãi, không chính đáng giữa họ. Ta đặc biệt gồm ghiếc những đám đông ồn ào. Tuy nhiên, Ta có một sự hiểu biết sâu sắc về những điều không thanh sạch trong lòng của từng loài thọ tạo, và trước khi Ta tạo dựng các người, Ta đã biết về sự bất chính tồn tại sâu thẳm trong lòng con người, và Ta đã biết tất cả những sự lừa dối và quanh co trong lòng con người. Do đó, mặc dù hoàn toàn không có dấu vết nào khi con người làm những điều bất chính, nhưng ta vẫn biết rằng sự bất chính chứa chấp trong lòng các người tội hơn những sự dư dật của muôn vật mà Ta dựng nên. Mỗi người trong số các người đã leo lên vị trí đứng đầu đám đông; các người đã lên làm ông tổ bà tổ của dân chúng. Các người cực kỳ tùy tiện, và chạy điên cuồng giữa tất cả những con giòi, tìm một vị trí thoải mái và cố gắng nuốt chửng những con giòi nhỏ hơn các người. Lòng các người độc ác và nham hiểm, thậm chí còn hơn cả những con ma đã chìm xuống đáy biển. Các người sống dưới đáy phân, quấy phá những con giòi từ trên xuống dưới cho đến khi chúng không có chút bình an, đánh nhau trong chốc lát rồi lắng xuống. Các người không biết vị trí của mình, vậy mà các người vẫn đánh nhau trong phân. Các người có thể đạt được gì từ cuộc chiến như thế? Nếu các người thực sự tôn kính Ta trong lòng mình, thì làm sao người có thể đánh nhau sau lưng Ta? Cho dù địa vị của người có cao đến đâu, chẳng phải người vẫn là một con sâu nhỏ hôi hám trong phân sao? Liệu người sẽ có thể mọc cánh và trở thành con chim bồ câu trên bầu trời không? Các người, những con sâu nhỏ hôi hám ăn cắp những của lễ trên bàn thờ của Ta, Đức Giê-hô-va; làm như thế, người có thể cứu được danh tiếng bị hủy hoại, thất bại của người và trở thành dân sự được chọn của Y-sơ-ra-ên không? Người là những tên khốn không biết xấu hổ! Những vật tế lễ trên bàn thờ được mọi người dâng lên cho Ta, như là một sự bày tỏ lòng bác ái của những người tôn kính Ta. Những vật đó là để Ta kiểm soát và sử dụng, vậy thì làm sao người có thể cướp những con chim gáy bé nhỏ mà mọi người đã dâng cho Ta? Chẳng lẽ người không sợ trở thành một tên Giu-đa sao? Chẳng lẽ người không sợ rằng đất đai của người có thể trở thành ruộng huyết sao? Đồ không biết xấu hổ! Người nghĩ rằng những con chim gáy do mọi người dâng lên là để nuôi cái bụng của con giòi người sao? Những gì Ta đã ban cho người là những gì Ta hài lòng và sẵn sàng ban cho người; những gì Ta không ban cho người thì đó là Ta tùy nghi sử dụng. Người tuyệt đối không được phép lấy cắp những vật tế lễ của Ta. Đáng làm việc là Ta, Đức Giê-hô-va – Chúa sáng thế, và mọi người dâng của tế lễ vì Ta. Người có nghĩ rằng đây là sự bù đắp cho tất cả những việc chạy ngược chạy xuôi

của người không? Người thật đáng xấu hổ! Người chạy ngược chạy xuôi vì ai? Chẳng phải vì chính người sao? Tại sao người lấy cắp các cửa tế lễ của Ta? Tại sao người lấy cắp tiền trong túi tiền của Ta? Chẳng phải người là con trai của Giu-đa Ích-ca-ri-ốt sao? Những cửa tế lễ dâng cho Ta, Đức Giê-hô-va, là để cho các thầy tế lễ được hưởng. Người có phải là một thầy tế lễ không? Người dám tự mãn ăn của tế lễ của Ta, và thậm chí còn đặt chúng trên bàn; người chẳng có giá trị gì! Tên khốn vô giá trị! Ngọn lửa của Ta, ngọn lửa của Đức Giê-hô-va sẽ thiêu rụi người!

Không một kẻ thuộc về xác thịt nào có thể thoát khỏi ngày thanh nợ

Hôm nay, Ta cảnh báo các người như vậy vì sự tồn vong của chính các người, để cho công tác của Ta được tiến triển thuận lợi, và để công tác khởi đầu của Ta trong toàn vũ trụ có thể được tiến hành một cách thích hợp và hoàn hảo hơn, tỏ lộ lòng Ta, thẩm quyền của Ta, sự oai nghi và phán xét của Ta đến dân chúng của mọi quốc gia và dân tộc. Công tác Ta làm giữa các người là sự khởi đầu cho công tác của Ta trên toàn vũ trụ. Mặc dù đây đã là thời điểm của thời kỳ sau rốt, nên biết rằng “thời kỳ sau rốt” chỉ là tên gọi cho một thời đại; cũng như Thời đại Luật pháp và Thời đại Ân điển, nó ám chỉ một thời đại, và nó đề cập đến cả một thời đại, chứ không phải là vài năm hay vài tháng cuối cùng. Tuy vậy, thời kỳ sau rốt lại khác biệt hoàn toàn với Thời đại Ân điển và Thời đại Luật pháp. Công tác của thời kỳ sau rốt không được thực hiện ở Y-sơ-ra-ên, mà là ở giữa các dân ngoại; đó là cuộc chinh phục trước ngai Ta đối với dân chúng từ hết thảy các quốc gia và chi phái ngoài Y-sơ-ra-ên, hầu cho sự vinh hiển của Ta khắp vũ trụ có thể lấp đầy vũ trụ và bầu trời. Đó là để Ta có thể đạt được sự vinh hiển lớn hơn, để muôn loài thọ tạo trên đất có thể truyền sự vinh hiển của Ta đến mọi quốc gia, xuống muôn đời con cháu, và muôn loài thọ tạo trên trời dưới đất đều có thể thấy được mọi sự vinh hiển Ta đã đạt được trên đất. Công tác được thực hiện trong thời kỳ sau rốt là công tác chinh phục. Nó không phải là hướng dẫn đời sống của hết thảy dân chúng trên đất, mà là kết thúc cuộc sống khổ đau bất tận kéo dài hàng ngàn năm của loài người trên đất. Do đó, công tác của thời kỳ sau rốt không thể giống như công tác vài ngàn năm ở Y-sơ-ra-ên, cũng chẳng thể như công tác chỉ trong vài năm ở Giu-đê mà sau đó đã kéo dài hai thiên niên kỷ, cho tới khi có sự nhập thể lần thứ hai của Đức Chúa Trời. Dân chúng của thời kỳ sau rốt chỉ chứng kiến sự tái lâm của Đấng cứu chuộc trong xác thịt, và họ nhận lãnh công tác và lời của đích thân Đức Chúa Trời. Thời kỳ sau rốt sẽ chẳng kết thúc sau hai ngàn năm; nó ngắn ngủi, như thời Jêsus thực hiện công tác

của Thời đại Ân diễn tại Giu-đê. Đó là bởi thời kỳ sau rốt là sự khép lại cả một kỷ nguyên. Nó là sự hoàn tất và kết thúc kế hoạch quản lý sáu ngàn năm của Đức Chúa Trời, và nó khép lại hành trình cuộc đời đau khổ của loài người. Nó không đưa toàn bộ nhân loại vào một thời đại mới hay cho phép cuộc sống của nhân loại tiếp tục; điều đó chẳng quan trọng đối với kế hoạch quản lý của Ta hay sự tồn vong của con người. Nếu nhân loại cứ tiếp tục như thế này, thì sớm muộn gì họ cũng bị ma quỷ nuốt chửng hoàn toàn, và những linh hồn vốn thuộc về Ta cuối cùng cũng sẽ bị bàn tay nó hủy hoại. Công tác của Ta kéo dài chỉ trong sáu ngàn năm, và Ta hứa rằng sự kiểm soát toàn nhân loại của kẻ ác cũng sẽ không kéo dài lâu hơn sáu ngàn năm. Vì vậy, giờ đã đến lúc. Ta sẽ không tiếp tục cũng như chẳng trì hoãn lâu hơn nữa: Trong thời kỳ sau rốt, Ta sẽ đánh bại Sa-tan, Ta sẽ lấy lại toàn bộ sự vinh hiển của Ta, và Ta sẽ đòi lại tất cả các linh hồn thuộc về Ta trên đất hầu cho những linh hồn đau khổ này có thể thoát khỏi bể khổ, và vì thế sẽ khép lại toàn bộ công tác của Ta trên đất. Từ nay trở đi, Ta sẽ không bao giờ trở nên xác thịt trên đất nữa, và Thần toàn-trị của Ta sẽ không bao giờ làm việc trên đất nữa. Ta sẽ chỉ làm một việc trên đất: Ta sẽ tái tạo nhân loại, một nhân loại thánh khiết và là thành trung tín của Ta trên đất. Nhưng nên biết rằng Ta sẽ không hủy diệt cả thế giới, cũng sẽ chẳng tiêu diệt toàn nhân loại. Ta sẽ giữ lại một phần ba còn lại ấy – một phần ba nhân loại yêu mến Ta và đã được Ta chinh phục hoàn toàn, và Ta sẽ khiến cho một phần ba này sinh sôi nảy nở trên đất như dân Y-sơ-ra-ên đã từng dưới luật pháp, nuôi dưỡng họ bằng chiên và gia súc dồi dào cùng mọi sự trù phú của thế gian. Nhân loại này sẽ ở cùng Ta mãi mãi, nhưng họ sẽ chẳng phải là nhân loại ô uế đáng chê trách của ngày nay, mà là một nhân loại của tập hợp hết thảy những người đã được Ta thu phục. Nhân loại như thế sẽ chẳng bị hủy hoại, quấy rầy, hay vây hãm bởi Sa-tan, và sẽ là nhân loại duy nhất tồn tại trên đất sau khi Ta đã đánh bại Sa-tan. Đó là nhân loại mà ngày nay đã được Ta chinh phục và đã nhận được lời hứa của Ta. Và vì thế, nhân loại đã được chinh phục trong thời kỳ sau rốt cũng là nhân loại sẽ được tha và sẽ nhận lãnh những phước lành vĩnh hằng của Ta. Đó sẽ là bằng chứng duy nhất cho chiến thắng của Ta trước Sa-tan, và là những chiến lợi phẩm duy nhất trong cuộc chiến của Ta với Sa-tan. Những chiến lợi phẩm này được Ta cứu rỗi khỏi lãnh thổ của Sa-tan, và là sự kết tinh cùng quả ngọt duy nhất của kế hoạch quản lý sáu ngàn năm của Ta. Họ đến từ mọi quốc gia và giáo phái, từ mọi nơi chốn và xứ sở trên khắp vũ trụ. Họ thuộc những chủng tộc khác nhau, có ngôn ngữ, tập quán và màu da khác nhau, và họ trải khắp mọi quốc gia, giáo phái trên toàn cầu, và thậm chí mọi góc ngách trên thế giới. Cuối cùng, họ sẽ hợp lại với nhau để tạo thành một nhân loại toàn vẹn, một tập hợp những con người mà các thế lực của Sa-tan không thể với tới. Những kẻ trong nhân

loại không được Ta cứu rồi và chinh phục sẽ âm thầm chìm xuống dưới đáy biển sâu, và sẽ bị ngọn lửa thiêu đốt của Ta thiêu rụi đến muôn đời. Ta sẽ hủy diệt nhân loại già cỗi và tội cùng ô uế này, giống như Ta đã hủy diệt những con trai đầu lòng và gia súc của Ai Cập, chỉ chừa lại dân Y-sơ-ra-ên – những người đã ăn thịt chiên con, uống huyết chiên con, và đánh dấu rầm cửa nhà mình bằng huyết chiên con. Chẳng phải những người đã được Ta chinh phục và thuộc gia đình Ta cũng là những người ăn thịt Chiên Con là Ta, uống huyết Chiên Con là Ta, đã được Ta cứu chuộc và thờ phụng Ta đó sao? Chẳng phải những người đó luôn đi đôi với sự vinh hiển của Ta sao? Chẳng phải những kẻ không có được thịt Chiên con là Ta đã âm thầm chìm xuống dưới đáy biển sâu hay sao? Hôm nay các người chống đối Ta, và hôm nay lời Ta cũng giống như những lời Đức Giê-hô-va đã phán với con cháu dân Y-sơ-ra-ên. Nhưng sự trơ lì tận sâu trong lòng các người đang khiến cơn thịnh nộ của Ta tích tụ, đem lại nhiều đau đớn hơn cho xác thịt các người, nhiều sự phán xét hơn về tội lỗi của các người, và nhiều cơn thịnh nộ hơn đối với sự bất chính của các người. Ai có thể được tha vào ngày thịnh nộ của Ta, khi các người hôm nay đối xử với Ta như vậy? Sự bất chính của ai có thể thoát khỏi cặp mắt đầy hình phạt của Ta? Tội lỗi của ai có thể tránh khỏi bàn tay Ta, Đấng Toàn Năng? Sự thách thức của ai có thể thoát khỏi sự phán xét của Ta, Đấng Toàn Năng? Ta, Đức Giê-hô-va, phán như vậy đến các người, con cháu của gia đình dân ngoại, và những lời Ta phán dạy các người vượt qua hết thảy mọi lời phán của Thời đại Luật pháp và Thời đại Ân điển, vậy mà các người vẫn trơ lì hơn hết thảy dân Ai Cập. Chẳng phải các người đang tích trữ cơn thịnh nộ của Ta khi Ta đang yên tĩnh làm việc sao? Làm sao các người có thể thoát thân bình yên vô sự khỏi ngày của Ta, Đấng Toàn Năng?

Ta đã làm việc và phán dạy theo cách này giữa các người, Ta đã tiêu tốn quá nhiều năng lượng và nỗ lực, vậy mà đã khi nào các người từng lắng nghe những điều Ta phán rõ ràng với các người chưa? Các người đã cúi lạy Ta, Đấng Toàn Năng ở đâu? Tại sao các người lại đối xử với Ta như vậy? Tại sao mọi điều các người nói và làm đều chọc giận Ta? Tại sao lòng các người trơ lì như vậy? Ta đã bao giờ đánh gục các người chưa? Tại sao các người chẳng làm gì khác ngoài việc khiến Ta buồn phiền và lo lắng? Có phải các người đang đợi ngày thịnh nộ của Ta, Đức Giê-hô-va, đến với các người? Có phải các người đang đợi Ta trút cơn giận dữ do sự bất tuân của các người gây ra? Chẳng phải mọi điều Ta làm đều vì các người sao? Vậy mà các người đã luôn đối xử với Ta, Đức Giê-hô-va, theo cách như thế này: lấy cặp vật hi sinh của Ta, đem của lễ trên bàn thờ của Ta về nhà cho hang sói để nuôi sói con và con của sói con; dân tình thì đấu đá lẫn nhau, đối mặt nhau bằng ánh mắt giận dữ cùng gươm và giáo, ném lời Ta, lời Đấng Toàn Năng, vào nhà xí để chúng trở

nên ô uế như phân. Nhân cách của các người ở đâu? Nhân tính các người đã trở thành thú tính! Tìm các người từ lâu đã hóa đá. Các người không biết rằng thời điểm ngày thanh nợ của Ta đến sẽ là lúc Ta phán xét những việc ác các người đã làm hôm nay để chống lại Ta, Đấng Toàn Năng sao? Có phải các người nghĩ rằng bằng cách lừa phỉnh Ta theo cách này, bằng cách ném lờ Ta vào vũng bùn và chẳng thèm nghe chúng – các người nghĩ hành động như thế sau lưng Ta thì các người có thể thoát khỏi cái nhìn thanh nợ của Ta hay sao? Chẳng lẽ các người không biết rằng các người đã bị mắt Ta, Đức Giê-hô-va, trông thấy khi các người lấy cắp vật tế của Ta và thèm muốn của cải của Ta? Chẳng lẽ các người không biết rằng khi các người lấy cắp vật tế của Ta, các người làm như vậy trước bàn thờ nơi vật tế được dâng hay sao? Làm sao các người có thể tin rằng bản thân mình đủ khéo léo để lừa gạt Ta bằng cách ấy? Làm sao cơn thanh nợ của Ta rời khỏi những tội lỗi tày trời của các người được? Làm sao cơn cuồng nộ của Ta bỏ qua những việc hành ác của các người được? Điều ác các người gây ra hôm nay chẳng mở một lối thoát cho các người, mà tích lũy hình phạt cho các người vào ngày mai; nó khiêu khích hình phạt từ Ta, Đấng Toàn Năng, dành cho các người. Làm sao những việc làm xấu xa và lời nói xấu xa của các người thoát khỏi hình phạt của Ta được? Làm sao những lời cầu nguyện của các người đến tai Ta được? Làm sao Ta mở một lối thoát cho sự bất chính của các người được? Làm sao Ta bỏ qua những việc hành ác thách thức Ta của các người được? Làm sao Ta không khỏi cất những cái lưới độc như lưới rắn của các người được? Các người chẳng kêu cầu Ta để được công chính, mà thay vào đó làm tích lũy cơn thanh nợ của Ta bởi sự bất chính của các người. Làm sao Ta tha thứ cho các người được? Trong mắt Ta, Đấng Toàn Năng, những lời nói và hành động của các người thật như bản. Cặp mắt của Ta, Đấng Toàn Năng, coi sự bất chính của các người là hình phạt không thương xót. Làm sao hình phạt và phán xét công chính của Ta rời các người được? Bởi lẽ các người làm điều này với Ta, khiến Ta đau buồn và giận dữ, thì làm sao Ta để các người thoát khỏi tay Ta và thoát khỏi ngày mà Ta, Đức Giê-hô-va, hành phạt và rửa sạch các người được? Các người không biết rằng mọi lời lẽ xấu xa của các người đều đã đến tai Ta hay sao? Các người không biết rằng sự bất chính của các người đã bôi bẩn bộ áo thánh công chính của Ta hay sao? Các người không biết rằng sự bất tuân của các người đã khiêu khích cơn cuồng nộ trong Ta hay sao? Các người không biết rằng đã từ lâu các người làm Ta giận sôi, và đã từ lâu các người thử thách sự kiên nhẫn của Ta hay sao? Các người không biết rằng các người đã hủy hoại xác thịt Ta đến tởm hay sao? Ta đã chịu đựng cho tới nay, đến độ cơn giận của Ta bùng lên, không còn bao dung với các người được nữa. Các người không biết rằng những việc hành ác của

các người đã đến mắt Ta, và rằng tiếng kêu của Ta đã đến tai Cha Ta hay sao? Làm sao Ngài có thể cho phép các người đối xử với Ta như thế này? Có bất kỳ công tác nào Ta làm trong các người mà không vì các người hay không? Vậy mà ai trong các người đã trở nên yêu mến thêm công tác của Ta, Đức Giê-hô-va? Ta có thể bất trung với ý muốn của Cha Ta bởi Ta yếu đuối, và bởi nỗi thống khổ mà Ta đã chịu đựng không? Các người không hiểu lòng Ta sao? Ta phán dạy các người như Đức Giê-hô-va đã làm; chẳng phải Ta đã dâng hiến quá nhiều cho các người sao? Mặc dù Ta sẵn sàng chịu đựng mọi đau khổ này vì công tác của Cha Ta, nhưng làm sao các người có thể thoát khỏi hình phạt mà Ta mang đến cho các người bởi nỗi đau khổ Ta đã chịu đựng? Chẳng phải các người đã vui hưởng Ta quá nhiều rồi sao? Hôm nay, Ta đã được Cha Ta ban cho các người; các người không biết rằng mình vui hưởng nhiều hơn những lời dư dật của Ta rất nhiều hay sao? Các người không biết rằng sự sống của các người và những thứ các người vui hưởng đã được đánh đổi bằng sự sống của Ta hay sao? Các người không biết rằng Cha Ta đã dùng sự sống của Ta để chiến đấu với Sa-tan, và rằng Ngài cũng đã ban sự sống của Ta cho các người, khiến các người nhận lãnh nhiều gấp trăm lần, và giúp các người tránh được rất nhiều cám dỗ hay sao? Các người không biết rằng chỉ thông qua công tác của Ta mà các người đã được miễn khỏi nhiều cám dỗ, và khỏi nhiều hình phạt gay gắt hay sao? Các người không biết rằng chỉ vì Ta mà Cha Ta để cho các người vui hưởng cho tới tận bây giờ hay sao? Làm sao các người hôm nay vẫn có thể trở lìa và ương ngạnh đến nỗi như thể lòng các người đã chai sạn vậy? Làm sao điều ác mà các người gây ra hôm nay thoát khỏi ngày thanh nộ sẽ đến sau khi Ta rời trần thế được? Làm sao Ta để cho những kẻ quá trở lìa và ương ngạnh thoát khỏi cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va được?

Hãy nghĩ lại quá khứ mà xem: Đã khi nào ánh mắt Ta giận dữ và giọng Ta nghiêm khắc với các người chưa? Đã khi nào Ta hoạnh hộc các người chưa? Đã khi nào Ta quở trách các người vô lý chưa? Đã khi nào Ta quở trách thẳng vào mặt các người chưa? Chẳng phải vì công tác của Ta mà Ta kêu cầu Cha Ta phù hộ cho các người khỏi mọi cám dỗ đó sao? Tại sao các người lại đối xử với Ta như vậy? Đã bao giờ Ta dùng thẩm quyền của Ta để đánh vào xác thịt các người chưa? Tại sao các người lại đền đáp Ta như vậy? Sau khi chơi trò “nấm nóng nấm lạnh” với Ta, các người cũng chẳng còn nóng hay lạnh, và rồi các người cố phỉnh nịnh Ta, giấu giếm Ta các thứ, và miệng các người đầy nước bọt của kẻ bất chính. Các người nghĩ rằng miệng lừa các người có thể lừa dối được Thần của Ta sao? Các người nghĩ rằng miệng lừa các người có thể thoát khỏi cơn thanh nộ của Ta sao? Các người nghĩ rằng miệng lừa các người có thể tùy ý phán xét những việc làm của Ta, Đức Giê-hô-va

sao? Chẳng lẽ Ta là Đức Chúa Trời để con người phán xét hay sao? Ta có thể để cho một con giòi nhỏ bé báng bổ Ta như vậy sao? Làm sao Ta có thể đặt những đứa con bất tuân như vậy giữa những phước lành vĩnh hằng của Ta? Những lời nói và hành động của các người từ lâu đã phơi bày và lên án các người. Khi Ta trải ra các tầng trời và dựng nên vạn vật, Ta đã chẳng cho phép bất cứ vật thọ tạo nào tham gia tùy ý, Ta càng không cho phép bất cứ thứ gì phá vỡ công tác và sự quản lý của Ta tùy thích. Ta không dung thứ cho bất cứ ai hay vật gì; làm sao Ta có thể tha cho những kẻ độc ác và bất nhân với Ta? Làm sao Ta có thể tha thứ cho những kẻ đã dấy loạn chống lại lời Ta? Làm sao Ta có thể tha cho những kẻ đã bất tuân với Ta? Chẳng phải số phận của con người đều nằm trong tay Ta, Đấng Toàn Năng sao? Làm sao Ta xem sự bất chính và bất tuân của người là thánh khiết được? Làm sao những tội lỗi của người làm ô uế sự thánh khiết của Ta được? Ta không bị ô uế bởi sự bất khiết của kẻ bất chính, Ta cũng chẳng vui hưởng của lễ từ kẻ bất chính. Nếu người trung thành với Ta, Đức Giê-hô-va, liệu người có lấy cho mình những vật tế trên bàn thờ của Ta không? Liệu người có dùng miệng lưỡi độc địa của mình để báng bổ danh thánh của Ta không? Liệu người có dấy loạn chống lại lời Ta theo cách này không? Liệu người có xem sự vinh hiển và danh thánh của Ta như một công cụ để phục vụ Sa-tan, kẻ ác hay không? Sự sống của Ta được ban cho những người thánh khiết vui hưởng. Làm sao Ta để người đùa giỡn với sự sống của Ta tùy ý, và dùng nó như một công cụ gây xung đột giữa các người được? Làm sao các người có thể quá nhẩn tâm, và quá thiếu đường lối của người thiện lành, trong cách các người đối với Ta như thế? Các người không biết rằng Ta đã ghi lại những việc hành ác của các người trong những lời của sự sống này sao? Làm sao các người có thể thoát khỏi ngày thanh nộ khi ta hành phạt Ai Cập? Làm sao Ta để các người chống đối và thách thức Ta theo cách này, hết lần này đến lần khác được? Ta nói rõ cho các người biết, khi ngày ấy đến, hình phạt với các người sẽ quá sức chịu đựng hơn hình phạt với Ai Cập! Làm sao các người thoát khỏi ngày thanh nộ của Ta được? Ta bảo thật với các người: Sức chịu đựng của Ta đã được chuẩn bị cho những việc hành ác của các người, và tồn tại vì hình phạt dành cho các người vào ngày đó. Chẳng phải các người là những kẻ sẽ chịu sự phán xét thanh nộ một khi sức chịu đựng của Ta đã đến giới hạn hay sao? Chẳng phải mọi thứ đều ở trong tay Ta, Đấng Toàn Năng hay sao? Làm sao Ta có thể để các người bất tuân với Ta như vậy, dưới các tầng trời? Đòi các người sẽ rất khó khăn bởi các người đã gặp Đấng Mê-si, mà người ta nói rằng Ngài sẽ đến, nhưng đã không bao giờ đến. Chẳng phải các người là kẻ thù của Ngài sao? Jê-sus đã là bạn với các người, thế mà các người lại là kẻ thù của Đấng Mê-si. Các người không biết rằng dù các người là bạn với Jê-sus,

nhưng những việc hành ác của các người đã lấp đầy chạn của những kẻ khả ố rồi sao? Dù các người rất gần gũi với Đức Giê-hô-va, nhưng các người không biết rằng những lời xấu xa của các người đã đến tai Đức Giê-hô-va và kích động cơn thịnh nộ của Ngài sao? Làm sao Ngài có thể gần gũi với người, và làm sao Ngài không thiêu đốt những cái chạn đó của người, thứ chứa đầy những việc hành ác cho được? Làm sao Ngài không là kẻ thù của người cho được?

Đấng Cứu Thế đã trở lại trên một “đám mây trắng”

Trong nhiều thiên niên kỷ, con người đã mong mỏi có thể được chứng kiến sự hiện đến của Đấng Cứu Thế. Con người đã mong mỏi được trông thấy Jêsus Đấng Cứu Thế cưỡi trên một đám mây trắng khi đích thân Ngài giáng xuống giữa những người đã mong ngóng và khao khát Ngài hàng nghìn năm qua. Con người cũng đã mong mỏi Đấng Cứu Thế trở lại và được đoàn tụ với họ; nghĩa là, mong mỏi Jêsus Đấng Cứu Thế, Đấng đã bị chia cách khỏi con người trong hàng nghìn năm, trở lại, và một lần nữa thực hiện công tác cứu chuộc mà Ngài đã làm giữa dân Do Thái, thương xót và yêu thương con người, tha thứ những tội lỗi của con người và mang lấy tội lỗi của con người, thậm chí mang lấy mọi vi phạm của con người và cứu rỗi con người khỏi tội lỗi. Điều mà con người mong mỏi là Jêsus Đấng Cứu Thế sẽ giống như trước kia – một Đấng Cứu Thế đáng mến, nhân từ và đáng kính, Đấng không bao giờ thịnh nộ với con người, và Đấng không bao giờ quở trách con người, mà là Đấng tha thứ và gánh lấy mọi tội lỗi của con người, và là Đấng mà giống như trước kia, thậm chí sẽ chết trên thập tự giá vì con người. Kể từ khi Jêsus rời khỏi, các môn đồ đã theo Ngài cũng như mọi thánh đồ đã được cứu rỗi nhân danh Ngài đã tuyệt vọng mong ngóng Ngài và chờ đợi Ngài. Tất cả những người đã được cứu rỗi bởi ân điển của Jêsus Christ trong Thời đại Ân điển đã mong mỏi ngày hoan hỉ đó vào thời kỳ sau rốt khi Jêsus Đấng Cứu Thế giáng xuống trên một đám mây trắng để hiện ra trước tất cả mọi người. Tất nhiên, đây cũng là mong muốn chung của tất cả những ai chấp nhận danh Jêsus Đấng Cứu Thế ngày nay. Mọi người trong vũ trụ biết về sự cứu rỗi của Jêsus Đấng Cứu Thế đều đang tuyệt vọng khao khát Jêsus Christ hiện đến bất ngờ để ứng nghiệm những gì Jêsus đã phán khi còn ở trần gian: “Ta sẽ đến giống như cách Ta đã rời khỏi”. Con người tin rằng, sau sự chịu đóng đinh và phục sinh, Jêsus đã trở lại trời trên một đám mây trắng để nhận lấy vị trí của Ngài ở bên tay phải của Đấng Chí Cao. Theo cách tương tự, Jêsus sẽ lại giáng xuống trên một đám mây trắng (đám mây này chỉ về đám mây mà Jêsus đã cưỡi khi Ngài trở về trời), giữa những người đã tuyệt vọng khao khát Ngài hàng nghìn năm

qua, và Ngài sẽ mang hình ảnh và mặc quần áo của người Do Thái. Sau khi hiện ra với con người, Ngài sẽ ban cho họ thức ăn, khiến nước sống tuôn ra cho họ, và sẽ sống giữa con người, đầy ân điển và đầy tình yêu thương, sống động và chân thực. Tất cả những quan niệm như thế là những gì mà người ta tin. Tuy nhiên, Jê-sus Đấng Cứu Thế đã không làm như vậy; Ngài đã làm ngược lại với những gì con người quan niệm. Ngài đã không đến giữa những người khao khát sự trở lại của Ngài, và Ngài đã không hiện ra cho tất cả mọi người lúc đang cười trên đám mây trắng. Ngài đã đến rồi, nhưng con người không biết, và vẫn không hay biết gì cả. Con người chỉ đơn thuần là đang chờ đợi Ngài một cách băng quơ, không biết được rằng Ngài đã giáng xuống trên một “đám mây trắng” (đám mây đó là Thần của Ngài, lời của Ngài, toàn bộ tâm tính của Ngài và mọi điều về Ngài), và hiện giờ đang ở giữa một nhóm người đắc thắng mà Ngài sẽ lập nên trong thời kỳ sau rốt. Con người không biết điều này: Bất chấp mọi tình cảm và tình yêu thương mà Đấng Cứu Thế Jê-sus thánh khiết dành cho con người, làm sao Ngài có thể làm việc trong những “đền thờ” bị trứ ngụ bởi những linh hồn ô uế và bất khiết đó? Mặc dù con người vẫn đang chờ đợi sự hiện đến của Ngài, nhưng làm sao Ngài có thể hiện ra cho những người ăn thịt của kẻ bất chính, uống máu của kẻ bất chính, và mặc quần áo của kẻ bất chính, là những người tin vào Ngài nhưng không biết Ngài, và là những người không ngừng lừa gạt Ngài? Con người chỉ biết rằng Jê-sus Đấng Cứu Thế đầy tình yêu thương và tràn đầy lòng nhân từ, và rằng Ngài là của lễ chuộc tội, đầy dẫy sự cứu chuộc. Tuy nhiên, con người không biết rằng Ngài là chính Đức Chúa Trời, Đấng tràn đầy sự công chính, oai nghi, thịnh nộ và phán xét, sở hữu thẩm quyền và đầy phẩm giá. Do đó, mặc dù con người háo hức khao khát và khẩn cầu sự trở lại của Đấng Cứu Chuộc, và thậm chí những lời cầu nguyện của họ lay động “Trời”, nhưng Jê-sus Đấng Cứu Thế vẫn không hiện ra cho những người tin vào Ngài nhưng không biết Ngài.

“Giê-hô-va” là danh mà Ta đã lấy trong thời gian Ta làm việc ở Y-sơ-ra-ên, và nó có nghĩa là Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên (dân sự được Đức Chúa Trời chọn), Đấng có thể thương xót con người, rửa sạch con người, và hướng dẫn đời sống của con người; Đức Chúa Trời sở hữu quyền năng to lớn và đầy sự khôn ngoan. “Jê-sus” là Em-ma-nu-ên, nghĩa là của lễ chuộc tội đầy tình yêu thương, đầy lòng nhân từ và cứu chuộc con người. Ngài đã làm công tác của Thời đại Ân điển, Ngài đại diện cho Thời đại Ân điển, và chỉ có thể đại diện cho một phần công tác của kế hoạch quản lý. Điều đó có nghĩa là, chỉ có Đức Giê-hô-va mới là Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên được chọn, Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời của Y-sác, Đức Chúa Trời của Gia-cốp, Đức Chúa Trời của Môi-se, và Đức Chúa Trời của toàn thể dân Y-sơ-ra-ên. Và như vậy, trong thời đại hiện nay, toàn thể dân Y-sơ-ra-ên, ngoại

trừ dân Do Thái, đều thờ phượng Đức Giê-hô-va. Họ dâng vật hi sinh cho Ngài trên bàn thờ và mặc áo choàng của các thầy tế lễ hầu việc Ngài trong đền thờ. Điều họ hy vọng là sự tái xuất hiện của Đức Giê-hô-va. Chỉ có Jê-sus mới là Đấng Cứu Chuộc của nhân loại, và Ngài là của lễ chuộc tội đã cứu chuộc nhân loại khỏi tội lỗi. Nghĩa là, danh của Jê-sus đã đến từ Thời đại Ân điển và đã ra đời vì công tác cứu chuộc trong Thời đại Ân điển. Danh Jê-sus đã ra đời để cho phép những người trong Thời đại Ân điển được tái sinh và cứu rỗi, và là một danh đặc biệt cho sự cứu chuộc toàn thể nhân loại. Do đó, danh Jê-sus đại diện cho công tác cứu chuộc, và biểu thị cho Thời đại Ân điển. Danh Giê-hô-va là một danh đặc biệt cho người dân Y-sơ-ra-ên đã sống dưới luật pháp. Trong từng thời đại và từng giai đoạn công tác, danh của Ta không phải là vô căn cứ, mà mang ý nghĩa đại diện: Mỗi danh đại diện cho một thời đại. “Giê-hô-va” đại diện cho Thời đại Luật pháp, và là danh tôn kính mà dân Y-sơ-ra-ên gọi Đức Chúa Trời họ thờ phượng. “Jê-sus” đại diện cho Thời đại Ân điển, và là danh của Đức Chúa Trời của tất cả những ai đã được cứu chuộc trong Thời đại Ân điển. Nếu con người vẫn mong mỏi sự hiện đến của Jê-sus Đấng Cứu Thế trong thời kỳ sau rốt, và vẫn mong chờ Ngài đến trong hình tượng mà Ngài đã mang lấy tại xứ Giu-đê, thì toàn bộ kế hoạch quản lý sáu nghìn năm hắc sẽ dừng lại trong Thời đại Cứu chuộc, và không thể tiến triển xa thêm chút nào. Hơn thế nữa, thời kỳ sau rốt hắc sẽ không bao giờ đến, và thời đại này hắc sẽ không bao giờ kết thúc. Điều này là do Jê-sus Đấng Cứu Thế chỉ dành cho sự cứu chuộc và cứu rỗi nhân loại. Ta đã lấy danh Jê-sus chỉ vì lợi ích của tất cả tội nhân trong Thời đại Ân điển, nhưng đó không phải là danh mà bởi đó Ta sẽ kết thúc toàn thể nhân loại. Mặc dù Giê-hô-va, Jê-sus và Đấng Mê-si đều đại diện cho Thần của Ta, nhưng những danh này chỉ biểu thị các thời đại khác nhau trong kế hoạch quản lý của Ta, và không đại diện toàn bộ về Ta. Những danh mà mọi người trên đất gọi Ta không thể diễn đạt toàn bộ tâm tính của Ta và mọi điều về Ta. Chúng chỉ đơn thuần là những danh khác nhau mà Ta được gọi trong các thời đại khác nhau. Và vì vậy, khi thời đại cuối cùng – thời đại của thời kỳ sau rốt – đến, danh Ta sẽ lại thay đổi. Ta sẽ không được gọi là Đức Giê-hô-va, hay Jê-sus, càng không phải là Đấng Mê-si – Ta sẽ được gọi là chính Đức Chúa Trời Toàn Năng quyền năng, và với danh này, Ta sẽ chấm dứt toàn bộ thời đại. Ta đã từng được biết đến là Đức Giê-hô-va. Ta cũng đã được gọi là Đấng Mê-si, và mọi người đã từng gọi Ta là Jê-sus Đấng Cứu thế với tình yêu thương và sự quý trọng. Tuy nhiên, ngày nay Ta không còn là Đức Giê-hô-va hay Jê-sus mà mọi người đã biết trong quá khứ nữa; Ta là Đức Chúa Trời, Đấng đã trở lại trong thời kỳ sau rốt, Đức Chúa Trời sẽ chấm dứt thời đại. Ta chính là Đức Chúa Trời trời dậy từ địa cực, đầy đủ toàn bộ tâm tính của Ta, và đầy thẩm quyền,

danh dự và vinh hiển. Mọi người chưa từng tiếp xúc với Ta, chưa từng biết đến Ta, và vẫn luôn không biết gì về tâm tính của Ta. Từ lúc sáng thế cho đến ngày nay, không một ai từng nhìn thấy Ta. Đây là Đức Chúa Trời, Đấng hiện ra cho con người trong thời kỳ sau rốt nhưng lại ẩn giấu giữa con người. Ngài cư ngụ giữa con người, chân thực và thực tế, như mặt trời thiêu đốt và ngọn lửa cháy rực, đầy đầy quyền năng và tràn đầy thẩm quyền. Sẽ không có một người hay một vật gì không bị phán xét bởi những lời của Ta, và sẽ không có một người hay một vật gì không được làm cho thanh sạch thông qua sự thiêu đốt của ngọn lửa. Cuối cùng, mọi quốc gia sẽ được phước nhờ những lời của Ta, và cũng bị đập tan thành từng mảnh vì những lời của Ta. Theo cách này, tất cả mọi người trong thời kỳ sau rốt sẽ thấy rằng Ta là Đấng Cứu Thế tái lâm, và rằng ta là Đức Chúa Trời Toàn Năng chinh phục toàn thể nhân loại. Và tất cả sẽ thấy rằng Ta đã từng là của lễ chuộc tội cho con người, nhưng trong thời kỳ sau rốt Ta còn trở thành những tia mặt trời thiêu đốt mọi thứ, cũng như là Mặt Trời công chính phơi bày muôn vật. Đây là công tác của Ta trong thời kỳ sau rốt. Ta đã lấy danh này và sở hữu tâm tính này hầu cho tất cả mọi người có thể thấy rằng Ta là một Đức Chúa Trời công chính, mặt trời thiêu đốt, ngọn lửa cháy rực, và hầu cho tất cả có thể thờ phượng Ta, Đức Chúa Trời có một và thật, và hầu cho họ có thể nhìn thấy dung nhan thật của Ta: Ta không chỉ là Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên, và Ta không chỉ là Đấng Cứu Chuộc; mà Ta là Đức Chúa Trời của mọi tạo vật trên khắp các tầng trời, đất và biển.

Nếu Đấng Cứu Thế đến trong thời kỳ sau rốt và vẫn được gọi là Jêsus, và một lần nữa được sinh ra ở xứ Giu-đê và làm công tác của Ngài ở đó, thì điều này sẽ chứng tỏ rằng Ta đã chỉ tạo dựng nên dân Y-sơ-ra-ên và chỉ cứu chuộc dân Y-sơ-ra-ên, và Ta chẳng liên quan gì đến dân ngoại. Chẳng phải điều này sẽ mâu thuẫn với những lời của Ta rằng “Ta là Chúa, Đấng đã tạo dựng nên trời đất và muôn vật” sao? Ta đã rời khỏi xứ Giu-đê và làm công tác của mình giữa dân ngoại vì Ta không chỉ đơn thuần là Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên, mà còn là Đức Chúa Trời của mọi muôn loài thọ tạo. Ta hiện ra giữa dân ngoại trong thời kỳ sau rốt bởi vì Ta không chỉ là Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên, mà hơn thế nữa, vì Ta là Đấng Tạo Hóa của tất cả những người Ta chọn trong số dân ngoại. Ta đã không chỉ tạo dựng nên Y-sơ-ra-ên, Ê-díp-tô và Li-ban, mà còn tạo dựng nên tất cả các quốc gia dân ngoại ngoài Y-sơ-ra-ên. Vì điều này, Ta là Chúa của mọi tạo vật. Ta chỉ đơn thuần đã dùng Y-sơ-ra-ên làm điểm khởi đầu cho công tác của Ta, dùng xứ Giu-đê và Ga-li-lê làm thành trì cho công tác cứu chuộc của Ta, và giờ đây Ta sử dụng các quốc gia dân ngoại làm cơ sở mà từ đó Ta sẽ kết thúc toàn bộ thời đại. Ta đã thực hiện hai giai đoạn công tác ở Y-sơ-ra-ên (hai giai đoạn công tác này là Thời đại Luật pháp

và Thời đại Ân điển), và Ta đang thực hiện thêm hai giai đoạn công tác nữa (Thời đại Ân điển và Thời đại Vương quốc) trên khắp những vùng đất bên ngoài Y-sơ-ra-ên. Giữa các quốc gia dân ngoại, Ta sẽ làm công tác chinh phục, và như vậy kết thúc thời đại. Nếu con người luôn gọi Ta là Jêsus Christ, nhưng lại không biết rằng Ta đã bắt đầu một thời đại mới trong thời kỳ sau rốt và đã bắt tay vào công tác mới, và nếu con người tiếp tục ám ảnh chờ đợi sự hiện đến của Jêsus là Đấng Cứu Thế, thì Ta sẽ gọi những người như thế là những người không tin vào Ta; họ là những người không biết Ta, và niềm tin của họ vào Ta là sai trật. Những người như thế có thể chứng kiến sự hiện đến của Jêsus Đấng Cứu Thế từ trời sao? Điều họ chờ đợi không phải là sự hiện đến của Ta, mà là sự hiện đến của Vua dân Do Thái. Họ không khao khát Ta hủy diệt thế giới xưa cũ ô uế này, mà thay vào đó lại mong mỗi lần hiện đến thứ hai của Jêsus, khi đó họ sẽ được cứu chuộc. Họ mong chờ Jêsus một lần nữa cứu chuộc toàn thể nhân loại khỏi vùng đất nhơ nhuốc và bất chính này. Làm sao những người như thế có thể trở thành những người hoàn thành công tác của Ta trong thời kỳ sau rốt? Những ham muốn của con người không có khả năng đáp ứng những mong muốn của Ta hoặc hoàn thành công tác của Ta, vì con người chỉ đơn thuần ngưỡng mộ hoặc trân trọng công tác mà Ta đã làm trước đây, và không biết rằng Ta chính là Đức Chúa Trời luôn luôn mới và không bao giờ cũ. Con người chỉ biết rằng Ta là Đức Giê-hô-va và Jêsus, mà không có chút ý niệm mơ hồ nào rằng Ta là Đấng của thời kỳ sau rốt, là Đấng sẽ kết thúc nhân loại. Tất cả những gì con người khao khát và hiểu biết đều xuất phát từ các quan niệm của riêng họ, và chỉ đơn thuần là thứ mà họ có thể nhìn thấy tận mắt. Nó không phù hợp với công tác Ta làm, mà bất đồng với nó. Nếu công tác của Ta đã được tiến hành theo những ý tưởng của con người, thì khi nào nó sẽ chấm dứt? Khi nào nhân loại sẽ bước vào sự nghỉ ngơi? Và làm sao Ta có thể bước vào ngày thứ bảy, ngày Sa-bát? Ta làm việc theo kế hoạch của Ta và theo mục đích của Ta – chứ không theo những ý định của con người.

Công tác truyền bá Phúc Âm cũng là công tác cứu rỗi con người

Tất cả mọi người đều cần phải hiểu mục đích công tác của Ta trên thế gian, tức là những gì cuối cùng Ta mong muốn đạt được, và mức độ mà Ta phải đạt được trong công tác này trước khi nó có thể hoàn thành. Nếu sau khi đã đồng hành cùng Ta đến ngày nay mà mọi người vẫn không hiểu mục đích công tác của Ta là gì, thì chẳng phải họ đã đồng hành cùng Ta một cách vô ích sao? Nếu mọi người đi theo

Ta, họ cần biết ý muốn của Ta. Ta đã hoạt động trên thế gian trong hàng ngàn năm, và đến nay, Ta tiếp tục thực hiện công tác của Ta như vậy. Mặc dù công tác của Ta bao gồm nhiều hạng mục, nhưng mục đích của nó vẫn không đổi; chẳng hạn, mặc dù trong Ta chất chứa sự phán xét và hình phạt đối với con người, nhưng những điều Ta làm vẫn là để cứu rỗi họ, và để truyền bá tốt hơn Phúc Âm của Ta cũng như mở rộng thêm công tác của Ta trong toàn bộ các quốc gia dân ngoại một khi con người đã được trở nên trọn vẹn. Vậy hôm nay, thời điểm mà nhiều người từ lâu đã chìm sâu trong thất vọng, Ta vẫn tiếp tục công tác của Ta, Ta tiếp tục công tác Ta phải làm để phán xét và hành phạt con người. Bất chấp việc con người đã chán ngấy những điều Ta phán và họ không hề muốn quan tâm đến công tác của Ta, thì Ta vẫn đang làm bổn phận của Ta, vì mục đích công tác của Ta vẫn không đổi và kế hoạch ban đầu của Ta sẽ không bị đổ bể. Chức năng sự phán xét của Ta là để cho phép con người vâng phục Ta hơn, và chức năng hình phạt của Ta là để giúp con người được thay đổi một cách hiệu quả hơn. Mặc dù những điều Ta làm là để phục vụ cho việc quản lý của Ta, nhưng Ta chưa từng làm điều gì không có lợi cho con người, vì Ta mong muốn khiến cho tất cả các quốc gia ngoài Y-sơ-ra-ên cũng vâng phục như dân Y-sơ-ra-ên, để làm cho họ trở nên những con người thực thụ, hầu cho Ta có thể có được chỗ đứng trong các vùng đất ngoài Y-sơ-ra-ên. Đây là sự quản lý của Ta; đây là công tác mà Ta đang hoàn thiện giữa những quốc gia dân ngoại. Ngay cả bây giờ, nhiều người vẫn không hiểu sự quản lý của Ta, bởi vì họ không hứng thú với những điều như thế, và chỉ quan tâm đến tương lai và đích đến của chính họ. Dù Ta có nói gì, họ vẫn thờ ơ với công tác Ta làm, thay vào đó chỉ tập trung duy nhất vào những đích đến ngày mai của họ. Nếu mọi chuyện vẫn tiếp diễn theo cách này, làm sao công tác của Ta có thể mở rộng được? Làm sao Phúc Âm của Ta có thể được truyền bá ra toàn thế giới được? Hãy biết rằng khi công tác của Ta lan truyền, Ta sẽ phân tán các người, và đánh các người giống như Đức Giê-hô-va đã đánh từng chi phái của Y-sơ-ra-ên. Tất cả những điều này sẽ được thực hiện để Phúc Âm của Ta có thể được lan truyền khắp thế gian, hầu cho nó có thể đến được với những quốc gia dân ngoại, hầu cho danh Ta được cả người lớn cũng như trẻ em ca tụng, và danh thánh của Ta được chính miệng mọi người từ tất cả các chi phái và quốc gia ca ngợi. Đó là để cho trong kỷ nguyên cuối này, danh Ta sẽ được các quốc gia dân ngoại đề cao, để cho những việc làm của Ta có thể được những người dân ngoại nhìn thấy và họ sẽ gọi Ta là Đáng Toàn Năng vì những việc làm của Ta, và để cho lời của Ta có thể sớm trở thành hiện thực. Ta sẽ khiến tất cả mọi người biết rằng Ta không chỉ là Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên, mà còn là Đức Chúa Trời của tất cả các quốc gia dân ngoại, ngay cả những quốc gia mà Ta đã rửa sạch. Ta sẽ cho tất cả mọi người thấy

rằng Ta là Đức Chúa Trời của muôn loài thọ tạo. Đây là công tác vĩ đại nhất của Ta, là mục đích kế hoạch công tác của Ta cho thời kỳ sau rốt, và là công tác duy nhất được hoàn thành trong thời kỳ sau rốt.

Chỉ trong thời kỳ sau rốt mà công tác Ta đã và đang quản lý trong hàng ngàn năm mới được tiết lộ hoàn toàn cho con người. Chỉ bây giờ Ta mới hé mở toàn bộ mầu nhiệm trong sự quản lý của Ta cho con người, và con người đã biết được mục đích công tác của Ta và, hơn nữa, đã bắt đầu hiểu được tất cả những mầu nhiệm của Ta. Ta đã phán với con người mọi điều về đích đến mà họ quan tâm. Ta đã hé mở cho con người tất cả những mầu nhiệm của Ta, những mầu nhiệm đã được giữ kín trong hơn 5.900 năm. Đức Giê-hô-va là ai? Đấng Mê-si là ai? Jê-sus là ai? Các người nên biết tất cả những điều này. Công tác của Ta được xác định bởi những danh xưng này. Các người đã hiểu điều đó chưa? Danh thánh của Ta nên được công bố ra sao? Danh Ta nên được truyền bá như thế nào tới các quốc gia đã kêu cầu Ta bằng bất kỳ danh xưng nào của Ta? Công tác của Ta hiện đang mở rộng, và Ta sẽ truyền bá đầy đủ công tác đó tới tất cả mọi quốc gia. Do công tác của Ta đã được thực hiện trong các người, Ta sẽ đánh các người như Đức Giê-hô-va đã đánh những kẻ chăn chiên trong nhà của Đa-vít ở Y-sơ-ra-ên, khiến các người bị tản ra khắp các quốc gia. Vì trong thời kỳ sau rốt, Ta sẽ đập vụn tất cả các quốc gia và phân bổ lại dân chúng của các quốc gia đó. Khi Ta trở lại, các quốc gia lúc đó đã phải được phân chia lại theo các ranh giới bằng lửa đang bùng cháy của Ta. Tại thời điểm đó, Ta sẽ hiển hiện một lần nữa cho nhân loại như mặt trời cháy bỏng, công khai cho họ thấy chính Ta trong hình tượng Đấng Thánh mà họ chưa từng thấy, đi giữa vô số quốc gia, cũng như Ta, Đức Giê-hô-va, đã từng đi giữa các chi phái Do Thái. Kể từ đó, Ta sẽ dẫn dắt nhân loại trong cuộc sống của họ trên trần gian. Ở đó, chắc chắn họ sẽ thấy được quang vinh của Ta, và họ cũng chắc chắn sẽ thấy một cột mây trong không trung để dẫn dắt họ trong cuộc sống, vì Ta sẽ hiện ra ở những nơi thiêng liêng. Con người sẽ thấy được ngày công chính của Ta, và cả sự linh hiển vẻ vang của Ta. Điều đó sẽ xảy ra khi Ta trị vì cả thế gian và đưa nhiều con trai của Ta đến với vinh quang. Ở mọi nơi trên thế gian, con người sẽ cúi mình, và đền tạm của Ta sẽ được dựng chắc chắn giữa nhân loại, trên nền tảng công tác mà Ta thực hiện hôm nay. Con người cũng sẽ phụng sự Ta trong thánh đường. Bàn thờ, nơi đầy rẫy những thứ bần thiêu và đáng kinh tởm, Ta sẽ đập vụn và dựng lại. Những chiên con và bê sẽ được chất đầy trên bàn thờ thiêng. Ta sẽ phá hủy thánh đường của ngày nay và xây dựng một thánh đường mới. Thánh đường đang có ngày nay, đầy rẫy những con người đáng ghê tởm, sẽ sụp đổ, và thánh đường mà Ta xây dựng sẽ toàn những bầy tôi trung thành với Ta. Họ sẽ một lần nữa đứng lên và phụng sự Ta vì quang vinh cho

thánh đường của Ta. Các người chắc chắn sẽ thấy ngày mà Ta nhận được vinh quang to lớn, và các người chắc chắn cũng sẽ thấy ngày mà Ta phá hủy thánh đường đó và xây dựng một thánh đường mới. Ngoài ra, các người cũng chắc chắn sẽ thấy ngày mà đền tạm của Ta đi vào nhân thế. Khi Ta đập nát thánh đường đó, Ta cũng sẽ mang đền tạm của Ta vào nhân thế; đúng như khi họ thấy Ta giáng thế. Sau khi Ta nghiền nát tất cả các quốc gia, Ta sẽ tập hợp lại các quốc gia đó, từ đó xây dựng thánh đường của Ta và dựng bàn thờ của Ta, để tất cả mọi người có thể cúng của lễ dâng tới Ta, phụng sự Ta trong thánh đường của Ta, và thành tâm dâng hiến bản thân cho công tác của Ta tại các quốc gia dân ngoại. Họ sẽ giống như người Y-sơ-ra-ên hiện tại, ăn vận áo choàng và mũ miện thầy tế lễ, với quang vinh của Ta, Đức Giê-hô-va, ở giữa họ, cùng sự oai nghi của Ta ở trên họ và tồn tại vĩnh cửu cùng họ. Công tác của Ta ở các quốc gia dân ngoại cũng sẽ được thực hiện theo cùng cách đó. Công tác của Ta ở Y-sơ-ra-ên đã diễn ra thế nào thì ở các quốc gia dân ngoại, công tác của Ta cũng sẽ diễn ra như vậy, bởi vì Ta sẽ mở rộng công tác của Ta ở Y-sơ-ra-ên và truyền bá công tác đó sang các quốc gia dân ngoại.

Bây giờ là lúc Thần của Ta thực hiện công tác vĩ đại, và là lúc Ta bắt đầu công tác của Ta giữa các quốc gia dân ngoại. Hơn nữa, đó cũng là lúc Ta phân loại tất cả những loài thọ tạo, đặt từng người vào phân nhóm tương ứng của họ, để công tác của Ta có thể tiến triển nhanh chóng và hiệu quả hơn. Và vì vậy, điều Ta yêu cầu ở các người vẫn là việc dâng hiến toàn bộ con người của người cho tất cả công tác của Ta, và, hơn nữa, người cần nhận thức rõ và nắm chắc tất cả công tác Ta đã làm trên người, và dồn tất cả sức lực của người vào công tác của Ta để nó có thể trở nên hiệu quả hơn. Đây là điều mà người phải hiểu. Buông xuôi việc đấu tranh với bản thân, kiếm đường thoái lui, hay tìm kiếm sự thoải mái về xác thịt, vốn là những điều sẽ trì hoãn công tác của Ta, và trì hoãn tương lai tuyệt vời của người. Thay vì bảo vệ người, làm như vậy mà sẽ mang lại cho người sự hủy hoại. Như thế chẳng phải người thật dại dột hay sao? Những điều mà người hưởng thụ một cách tham lam ngày nay chính là những điều đang phá hủy tương lai của người, trong khi nỗi đau mà người hứng chịu hôm nay lại chính là điều đang bảo vệ người. Người phải nhận thức rõ những điều này, để tránh sa vào những cám dỗ mà người sẽ khó thoát ra và để tránh mò mẫm trong màn sương dày đặc mà không thể tìm thấy mặt trời. Khi màn sương dày đặc tan đi, người sẽ thấy mình giữa sự phán xét của ngày trọng đại. Đến lúc đó, ngày của Ta sẽ đang đến gần nhân loại. Làm sao người sẽ tránh khỏi sự phán xét của Ta? Làm sao người sẽ chịu đựng được sức nóng thiêu đốt của mặt trời? Khi Ta ban tặng sự dư dật của Ta cho con người, họ không trân trọng nó trong lòng, mà gạt bỏ nó sang một nơi mà không ai để ý tới. Khi ngày của Ta giáng

xuống con người, họ sẽ không còn tìm ra sự dư dật của Ta, hay còn tìm thấy những lời cay đắng về lẽ thật mà Ta đã phán bảo từ lâu nữa. Họ sẽ than khóc, bởi vì họ đã đánh mất sự rực rỡ của ánh sáng và rơi vào bóng tối. Điều các người thấy hôm nay chỉ là lưỡi gươm sắc nhọn từ miệng Ta. Các người vẫn chưa thấy cây gậy trong tay Ta hay ngọn lửa mà Ta dùng để thiêu đốt con người, và đó là lý do tại sao các người vẫn kiêu ngạo và không có thái độ đúng mực trước Ta. Đó là lý do tại sao các người vẫn chiến đấu với Ta trong ngôi nhà của Ta, tranh luận bằng miệng lưỡi con người về điều mà Ta đã nói bằng miệng Ta. Con người không kính sợ Ta, và mặc dù tiếp tục lao vào đối địch với Ta ngay cả ngày hôm nay, họ vẫn không hề biết sợ. Các người có cái răng cái lưỡi bất chính trong miệng các người. Lời nói và việc làm của các người giống như của loài rắn độc đã dụ Ê-va mắc tội. Các người đòi ăn miếng trả miếng với nhau, và các người vật lộn trước Ta để tranh giành địa vị, danh tiếng, và lợi lộc cho bản thân, nhưng các người không biết rằng Ta đang ngầm theo dõi những lời nói và việc làm của các người. Ngay cả trước khi các người đến trước Ta, Ta đã thăm dò tận đáy lòng dạ các người. Con người luôn mong muốn thoát khỏi sự nắm giữ của bàn tay Ta và tránh bị mắt Ta quan sát, nhưng Ta chưa từng lẩn tránh lời nói hay việc làm của con người. Thay vào đó, Ta chủ ý để cho những lời nói và việc làm đó đi vào mắt Ta, để Ta có thể hành phạt sự bất chính của con người và thực hiện phán xét đối với sự dấy loạn của họ. Do đó, những lời nói và việc làm bí mật của con người vẫn luôn hiển hiện trước ngai phán xử của Ta, và sự phán xét của Ta chưa từng rời con người, bởi vì sự dấy loạn của họ là quá mức. Công tác của Ta là thiêu đốt và làm cho tinh sạch tất cả những lời nói được thốt ra và những việc làm được con người thực hiện trước Thần của Ta. Theo cách này^[a], khi Ta rời khỏi thế gian, con người vẫn sẽ duy trì được sự trung thành của họ với Ta, và vẫn sẽ phụng sự Ta như bầy tôi sùng đạo của Ta vẫn làm trong công tác của Ta, cho phép công tác của Ta trên thế gian tiếp tục cho đến ngày hoàn thiện.

Công tác trong Thời đại Luật pháp

Công tác mà Đức Giê-hô-va đã làm với dân Y-sơ-ra-ên đã tạo lập giữa nhân loại một quê hương trên trần thế của Đức Chúa Trời, cũng là nơi thánh mà Ngài đã hiện diện. Ngài đã giới hạn công tác của Ngài trong dân Y-sơ-ra-ên. Ban đầu, Ngài không làm việc bên ngoài Y-sơ-ra-ên, mà thay vào đó, Ngài đã chọn ra những người Ngài thấy phù hợp để giới hạn phạm vi công tác của Ngài. Y-sơ-ra-ên là nơi Đức Chúa

a. Nguyên bản không có cụm từ “Theo cách này”.

Trời đã dựng nên A-đam và Ê-va, và từ cát bụi của nơi đó, Đức Giê-hô-va đã dựng nên con người; nơi đây đã trở thành căn cứ cho công tác của Ngài trên đất. Dân Y-sơ-ra-ên, những hậu duệ của Nô-ê và cũng là hậu duệ của A-đam, là nền tảng nhân lực cho công tác của Đức Giê-hô-va trên đất.

Vào thời này, ý nghĩa, mục tiêu, và các bước trong công tác của Đức Giê-hô-va tại Y-sơ-ra-ên là nhằm khởi xướng công tác của Ngài trên toàn cõi thế, lấy trung tâm là Y-sơ-ra-ên, dần dần lan tỏa ra các quốc gia dân ngoại. Đây là nguyên tắc Ngài làm việc trong toàn cõi vũ trụ – thiết lập một mô hình rồi sau đó mở rộng nó cho đến khi hết thảy con người trong cõi vũ trụ đều đã nhận lãnh được Phúc Âm của Ngài. Những cư dân Y-sơ-ra-ên đầu tiên là con cháu của Nô-ê. Những người này được ban cho hơi thở của Đức Giê-hô-va, và đủ hiểu biết để chăm lo cho các nhu cầu thiết yếu của cuộc sống, nhưng họ lại không biết Đức Giê-hô-va là Đấng nào, ý muốn của Ngài đối với con người là gì, và càng không biết nên tôn kính Chúa của muôn loài thọ tạo như thế nào. Còn về vấn đề có các phép tắc và luật pháp phải tuân theo hay không^[a], hay có một bổn phận mà các loài thọ tạo phải thực hiện cho Đấng Tạo Hóa hay không, thì con cháu của A-đam chẳng biết gì về những điều này. Tất cả những gì họ biết là làm chồng là phải đổ mồ hôi lao động nuôi gia đình, còn vợ phải phục tùng chồng và duy trì nòi giống con người mà Đức Giê-hô-va đã dựng nên. Nói cách khác, những người như vậy, những người chỉ có hơi thở của Đức Giê-hô-va và sự sống của Ngài, chẳng biết làm thế nào để tuân theo những luật pháp của Đức Chúa Trời hay làm thế nào để thỏa lòng Chúa của muôn loài thọ tạo. Họ hiểu biết quá ít. Vì thế nên mặc dù không có gì lươn lẹo hay giả dối trong tâm họ, sự ganh ghét hay tranh đua với nhau cũng hiếm khi nảy sinh, nhưng họ không có kiến thức hay hiểu biết về Đức Giê-hô-va, Chúa của muôn loài thọ tạo. Những tổ tiên này của con người chỉ biết ăn các thức của Đức Giê-hô-va, và hưởng thụ những điều của Đức Giê-hô-va, nhưng họ chẳng biết tôn kính Đức Giê-hô-va; họ không biết rằng Đức Giê-hô-va là Đấng mà họ phải quỳ gối thờ phượng. Thế thì làm sao có thể gọi họ là loài thọ tạo của Ngài được? Nếu vậy thì những lời như “Đức Giê-hô-va là Chúa của muôn loài thọ tạo” và “Ngài đã dựng nên con người để con người có thể tỏ hiện Ngài, tôn vinh Ngài, và đại diện cho Ngài” chẳng phải đã được nói ra vô ích hay sao? Làm sao những người chẳng có chút tôn kính Đức Giê-hô-va lại có thể làm lời chứng cho sự vinh hiển của Ngài được? Làm sao họ có thể trở thành những biểu hiện cho sự vinh hiển của Ngài? Chẳng phải những lời của Đức Giê-hô-va rằng “Ta đã dựng nên con người như hình của Ta” sau đó hẳn sẽ trở thành một thứ vũ khí trong tay của Sa-tan,

a. Nguyên bản không có cụm từ “phải tuân theo”.

kẻ xấu xa hay sao? Chẳng phải những lời này sau đó hẳn sẽ trở thành một dấu ấn sỉ nhục đối với việc dựng nên loài người của Đức Giê-hô-va hay sao? Để hoàn tất giai đoạn công tác đó, Đức Giê-hô-va sau khi dựng nên loài người đã không hướng dẫn hay chỉ dạy họ từ A-đam cho đến Nô-ê. Thay vào đó, chỉ sau khi cơn đại hồng thủy hủy hoại thế giới, Ngài mới chính thức bắt đầu chỉ dạy những người Y-sơ-ra-ên, là con cháu của Nô-ê cũng như của A-đam. Công tác và những lời phán của Ngài ở Y-sơ-ra-ên đã chỉ dẫn cho dân Y-sơ-ra-ên khi họ sinh sống trên mọi miền của Y-sơ-ra-ên, từ đó cho nhân loại thấy rằng Đức Giê-hô-va không chỉ có thể hà hơi vào con người để họ có được sự sống từ Ngài và lớn dậy từ cát bụi thành con người thọ tạo, mà Ngài còn có thể thiêu rụi loài người, rửa sạch loài người, và dùng cây gậy của Ngài để cai trị loài người. Và vì thế, họ cũng thấy được rằng Đức Giê-hô-va có thể hướng dẫn đời sống của con người trên đất, và phán bảo cũng như làm việc giữa loài người theo giờ giấc của ngày và đêm. Công tác Ngài đã thực hiện chỉ là để các loài thọ tạo của Ngài có thể biết được rằng con người đến từ cát bụi được Ngài nhật lên, và hơn nữa, con người đã được Ngài dựng nên. Không chỉ thế, Ngài còn lần đầu tiên thực hiện công tác của Ngài ở Y-sơ-ra-ên để các dân tộc và các quốc gia khác (những người thật ra không biệt lập với Y-sơ-ra-ên, mà đúng hơn là tách ra từ dân Y-sơ-ra-ên, nhưng vẫn thuộc dòng dõi của A-đam và Ê-va) có thể nhận lãnh Phúc Âm của Đức Giê-hô-va từ Y-sơ-ra-ên, để tất cả các loài thọ tạo trong vũ trụ có thể kính sợ Đức Giê-hô-va và tin vào sự vĩ đại của Ngài. Nếu Đức Giê-hô-va không bắt đầu công tác của Ngài ở Y-sơ-ra-ên, mà thay vào đó lại dựng nên loài người, để họ sống vô tư lự trên đất, thì trong tình huống đó, vì bản chất vật lý của con người (bản chất có nghĩa là con người không bao giờ có thể biết những thứ mà họ không thể nhìn thấy, tức là họ sẽ không biết được rằng chính Đức Giê-hô-va đã dựng nên loài người, và càng không biết vì sao Ngài làm vậy), họ sẽ không bao giờ biết được rằng chính Đức Giê-hô-va đã dựng nên nhân loại hoặc rằng Ngài chính là Chúa của muôn loài thọ tạo. Nếu Đức Giê-hô-va đã dựng nên con người và đặt họ trên đất, rồi chỉ đơn giản phủ tay và rời đi, thay vì ở lại giữa loài người để hướng dẫn họ một thời gian, thì toàn nhân loại hẳn đã trở về hư không; thậm chí cả trời đất và vạn vật Ngài dựng nên, cùng toàn nhân loại, hẳn đã trở về hư không, và hơn nữa, hẳn đã bị Sa-tan chà đạp. Theo cách này, ước muốn của Đức Giê-hô-va rằng “Trên đất, giữa muôn loài thọ tạo của Ngài, Ngài phải có một nơi để đứng, một nơi thánh” hẳn đã tan vỡ. Và vì vậy, sau khi dựng nên loài người, Ngài đã có thể ở lại giữa họ để hướng dẫn họ trong đời sống, ở giữa họ để bảo ban họ – tất cả những điều này là để đạt được mong muốn của Ngài, và hoàn tất kế hoạch của Ngài. Công tác Ngài đã làm ở Y-sơ-ra-ên chỉ để thực hiện kế hoạch mà Ngài đã lập trước khi dựng nên muôn vật,

và vì thế, việc Ngài làm công tác đầu tiên ở Y-sơ-ra-ên và việc dựng nên vạn vật của Ngài không mâu thuẫn với nhau, mà cả hai đều được thực hiện vì mục đích kế hoạch quản lý của Ngài, công tác của Ngài, và sự vinh hiển của Ngài, cũng như được thực hiện để cho việc dựng nên nhân loại của Ngài có ý nghĩa sâu sắc hơn. Ngài đã dẫn dắt đời sống của nhân loại trên đất hơn hai ngàn năm từ sau thời Nô-ê, trong suốt thời gian đó Ngài đã dạy loài người hiểu được cách tôn kính Đức Giê-hô-va, Chúa của muôn loài thọ tạo, cách tổ chức đời sống, duy trì đời sống, và trên tất cả là cách hành động như một chứng nhân cho Đức Giê-hô-va, dâng lên Ngài sự vâng phục, dành cho Ngài sự tôn kính, và còn ca tụng Ngài bằng âm nhạc, như vua Đa-vít và các thầy tế lễ của ông đã làm.

Trước giai đoạn hai ngàn năm mà Đức Giê-hô-va đã thực hiện công tác của Ngài, con người chẳng biết gì cả, và hầu như toàn nhân loại đã rơi vào sự suy đồi, cho đến trước lúc thế giới bị phá hủy bởi cơn đại hồng thủy, họ đã lún sâu vào sự lang chạ và bại hoại mà không hề có Đức Giê-hô-va trong lòng, và hơn nữa còn không muốn theo đường lối của Ngài. Họ không bao giờ hiểu được công tác mà Đức Giê-hô-va sắp làm, họ thiếu lý trí, càng không có tri thức, và như những cái máy biết thờ, họ hoàn toàn mù mờ về con người, về Đức Chúa Trời, về thế giới, về sự sống, v.v. Ở trên đất, họ đã vướng vào quá nhiều sự cám dỗ, như loài rắn, và nói nhiều điều xúc phạm đến Đức Giê-hô-va, nhưng bởi họ dốt nát, nên Đức Giê-hô-va không hành phạt hay sửa dạy gì họ. Chỉ sau trận lụt, khi Nô-ê được 601 tuổi, Đức Giê-hô-va mới chính thức hiện ra với Nô-ê và hướng dẫn ông cùng gia đình, dẫn dắt các loài chim thú đã sống sót sau trận lụt cùng với Nô-ê và con cháu của ông, cho đến hết Thời đại Luật pháp, kéo dài tổng cộng 2.500 năm. Ngài đã hoạt động ở Y-sơ-ra-ên, tức là chính thức hoạt động, trong 2.000 năm, và hoạt động cùng lúc ở Y-sơ-ra-ên và bên ngoài nước này trong 500 năm, tổng cộng là 2.500 năm. Trong thời gian đó, Ngài đã hướng dẫn dân Y-sơ-ra-ên rằng để phụng sự Đức Giê-hô-va, họ phải xây một đền thờ, choàng áo lễ và đi chân trần vào đền thờ lúc bình minh, kéo giày của họ làm ô uế đền thờ và lửa sẽ trùm xuống từ đỉnh đền thờ và thiêu họ đến chết. Họ đã thực hiện bổn phận của mình và vâng phục theo các kế hoạch của Đức Giê-hô-va. Họ đã cầu nguyện Đức Giê-hô-va trong đền thờ, và sau khi nhận lãnh sự mặc khải của Đức Giê-hô-va, tức là sau khi Đức Giê-hô-va phán bảo, họ đã dẫn dắt dân chúng và dạy dân chúng rằng họ phải thể hiện sự tôn kính đến Đức Giê-hô-va – Đức Chúa Trời của họ. Và Đức Giê-hô-va đã bảo họ nên xây đền thờ và bàn thờ, và vào thời điểm do Đức Giê-hô-va định ra, tức là vào Lễ Vượt Qua, họ phải chuẩn bị những chiên con và những con bê để đặt lên bàn thờ như những của tế lễ dâng cho Đức Giê-hô-va, để họ chế ngự bản thân và tôn kính Đức Giê-hô-va trong lòng mình. Việc họ có

tuân theo luật lệ này hay không đã trở thành thước đo lòng trung thành của họ với Đức Giê-hô-va. Đức Giê-hô-va cũng đã định ra ngày Sa-bát cho họ, là ngày thứ bảy trong cuộc tạo dựng của Ngài. Ngày tiếp theo ngày Sa-bát Ngài lấy làm ngày đầu tiên, một ngày để họ ca tụng Đức Giê-hô-va, dâng lên Ngài các của tế lễ, và tấu nhạc ngợi ca Ngài. Vào ngày này, Đức Giê-hô-va đã triệu tập hết các thầy tế lễ đến phân chia các của tế lễ trên bàn thờ cho mọi người cùng ăn, để họ có thể hưởng các của tế lễ trên bàn thờ của Đức Giê-hô-va. Và Đức Giê-hô-va đã phán rằng họ được ban phước, rằng họ được chia phần cùng Ngài, và rằng họ là những người được chọn của Ngài (đó là giao ước của Đức Giê-hô-va với dân Y-sơ-sa-ên). Đây là lý do tại sao đến ngày hôm nay, dân Y-sơ-ra-ên vẫn cho rằng Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời của riêng họ, chứ không phải là Đức Chúa Trời của dân ngoại.

Trong suốt Thời đại Luật pháp, Đức Giê-hô-va đã đặt ra những điều răn cho Môi-se để truyền cho dân Y-sơ-ra-ên, những người đã theo ông rời khỏi Ai Cập. Những điều răn này được Đức Giê-hô-va ban cho dân Y-sơ-ra-ên và không liên quan gì đến người Ai Cập; chúng nhằm chế ngự dân Y-sơ-ra-ên, và Ngài dùng các điều răn để đưa ra yêu cầu với họ. Họ có tuân giữ ngày Sa-bát hay không, họ có kính trọng cha mẹ hay không, họ có thờ các ngẫu tượng hay không, v.v. – đây là những nguyên tắc để phán xét họ là tội lỗi hay ngay chính. Trong số họ, có một số người bị thiêu đốt bởi ngọn lửa của Đức Giê-hô-va, một số người bị ném đá đến chết, một số người được nhận lãnh ơn phước của Đức Giê-hô-va, và việc này được định đoạt tùy theo việc họ có tuân phục các điều răn này hay không. Những ai không tuân giữ ngày Sa-bát thì bị ném đá đến chết. Những thầy tế lễ mà không tuân giữ ngày Sa-bát thì bị ngọn lửa của Đức Giê-hô-va thiêu đốt. Những ai không tỏ lòng kính trọng đến cha mẹ của mình cũng bị ném đá đến chết. Hết thảy những điều này đều được Đức Giê-hô-va khen ngợi. Đức Giê-hô-va đã lập ra các điều răn và luật pháp của Ngài để khi Ngài dẫn dắt mọi người trong đời sống, họ sẽ nghe theo và vâng phục lời Ngài, không phản nghịch chống lại Ngài. Ngài đã dùng những luật pháp này để giữ cho loài người vừa được dựng nên nằm trong tầm kiểm soát, nhằm đặt nền móng tốt hơn cho công tác tương lai của Ngài. Và vì vậy, dựa trên các công tác mà Đức Giê-hô-va đã làm, thời đại đầu tiên được gọi là Thời đại Luật pháp. Mặc dù Đức Giê-hô-va đã phán nhiều lời và đã làm nhiều công tác, nhưng Ngài chỉ hướng dẫn dân chúng một cách tích cực, dạy bảo những con người ngu muội này cách làm người, cách sống, cách hiểu về đường lối của Đức Giê-hô-va. Đa phần, công tác Ngài làm là để dân chúng quan sát đường lối của Ngài và tuân theo luật pháp của Ngài. Công tác được thực hiện trên những người đã bị làm bại hoại ở mức độ nhẹ; và nó không mở rộng đến việc chuyển hóa tâm tính của họ hay giúp họ tiến bộ trong đời sống.

Ngài chỉ quan tâm đến việc dùng luật pháp để chế ngự và kiểm soát mọi người. Đối với dân Y-sơ-ra-ên thời đó, Đức Giê-hô-va chỉ đơn thuần là một Đức Chúa Trời trong đền thờ, một Đức Chúa Trời trên thiên đàng. Ngài là một trụ mây, một trụ lửa. Tất cả những gì Đức Giê-hô-va yêu cầu họ làm là vâng phục cái mà con người ngày nay biết đến là luật pháp và những điều răn của Ngài – người ta còn có thể gọi là các luật lệ – bởi vì những gì Đức Giê-hô-va đã làm không phải để chuyển hóa họ, mà là để ban cho họ thêm nhiều thứ mà con người cần có và để hướng dẫn họ từ chính miệng Ngài, bởi sau khi được dựng nên, con người không có những thứ mà họ cần có. Và vì thế, Đức Giê-hô-va đã ban cho mọi người những thứ họ cần có cho đời sống của họ trên đất, giúp những con người mà Ngài đã dẫn dắt vượt qua cả tổ tiên của họ, là A-đam và Ê-va, bởi vì những gì Đức Giê-hô-va đã ban cho họ đã vượt qua những gì Ngài đã ban cho A-đam và Ê-va lúc ban đầu. Dù sao đi nữa, công tác mà Đức Giê-hô-va đã làm ở Y-sơ-ra-ên chỉ là để hướng dẫn nhân loại và giúp họ nhận ra được Đấng Tạo Hóa của họ. Ngài không chinh phục hay chuyển hóa họ, mà chỉ đơn thuần hướng dẫn họ. Đây là toàn bộ công tác của Đức Giê-hô-va trong Thời đại Luật pháp. Đó là nền tảng, là câu chuyện có thật, là thực chất công tác của Ngài trên toàn lãnh thổ Y-sơ-ra-ên, và là khởi đầu cho sáu ngàn năm công tác của Ngài – để giữ nhân loại trong tầm tay kiểm soát của Đức Giê-hô-va. Từ đây sản sinh ra thêm nhiều công tác nữa trong kế hoạch quản lý sáu ngàn năm của Ngài.

Câu chuyện thật đằng sau công tác của Thời đại Cứu chuộc

Toàn bộ kế hoạch quản lý của Ta, một kế hoạch quản lý sáu ngàn năm, gồm có ba giai đoạn, hoặc ba thời đại như sau: Thời Đại Luật Pháp của buổi sơ khai; Thời Đại Ân Điển (cũng gọi là Thời Đại Cứu Chuộc); và Thời Đại Vương Quốc của thời kỳ sau rốt. Công tác của Ta ở ba thời đại này khác nhau về nội dung theo bản chất của mỗi thời đại, nhưng ở mỗi giai đoạn, công tác này đều phù hợp với nhu cầu của con người – hay nói chính xác hơn là được thực hiện để chống lại những mưu trò Sa-tan bày ra trong cuộc chiến mà Ta đang giao đấu với nó. Mục đích công tác của Ta là để đánh bại Sa-tan, để biểu lộ sự khôn ngoan và sự toàn năng của Ta, để phơi bày hết các mưu chước của Sa-tan, và nhờ đó, để cứu rỗi toàn nhân loại đang sống dưới quyền của Sa-tan. Nó là để cho thấy sự khôn ngoan và sự toàn năng của Ta, và để tỏ lộ sự ghê tởm không thể chịu nổi của Sa-tan; thậm chí còn hơn thế nữa, là để cho các loài thọ tạo phân biệt được thiện và ác, biết được rằng Ta là Đấng Thống Trị của vạn vật, thấy rõ được rằng Sa-tan là kẻ thù của nhân loại, một kẻ suy

đòi, một kẻ tà ác, và để cho họ nhận ra được, với sự chắc chắn tuyệt đối, sự khác biệt giữa thiện và ác, giữa lẽ thật và sự giả dối, giữa thánh thiện và rác rưởi, giữa những gì cao quý và những gì thấp hèn. Như thế, loài người mê muội sẽ trở nên có thể làm chứng cho Ta rằng không phải Ta làm sa ngã loài người, và chỉ có Ta – Đấng Tạo Hóa – mới có thể cứu rỗi được loài người, mới có thể ban cho con người những thứ họ có thể thụ hưởng; và họ sẽ dần biết được rằng Ta là Đấng Thống Trị của vạn vật, còn Sa-tan chỉ là một trong những loài Ta tạo ra và rồi đã chống lại Ta. Kế hoạch quản lý sáu ngàn năm của Ta được chia làm ba giai đoạn, và Ta làm như thế để đạt được kết quả là khiến các loài thọ tạo có thể làm chứng cho Ta, hiểu được ý muốn của Ta, và biết được Ta là lẽ thật. Như vậy, trong công tác sơ khởi của kế hoạch quản lý sáu ngàn năm của Ta, Ta đã thực hiện công tác về luật pháp, tức là công tác mà Đức Giê-hô-va đã dẫn dắt dân chúng. Giai đoạn thứ hai mở ra công tác của Thời Đại Ân Điển tại các làng xứ Giu-đê. Jê-sus đại diện cho mọi công tác của Thời Đại Ân Điển; Ngài được nhập thể vào xác thịt, chịu đóng đinh trên thập tự giá, và Ngài cũng bắt đầu Thời Đại Ân Điển. Ngài chịu đóng đinh để hoàn thành công tác cứu chuộc, để kết thúc Thời Đại Luật Pháp và mở ra Thời Đại Ân Điển, vì thế, Ngài được gọi là “Đấng Chỉ Huy Tối Cao”, là “Cửa Lẽ Chuộc Tội”, và là “Đấng Cứu Chuộc”. Do vậy, công tác của Jê-sus khác với của Đức Giê-hô-va về nội dung, mặc dù về nguyên tắc thì giống nhau. Đức Giê-hô-va bắt đầu Thời Đại Luật Pháp, tạo lập nền tảng – điểm khởi nguồn – cho công tác của Đức Chúa Trời ở trần thế, và ban hành các luật lệ cùng điều răn. Đây là hai phần của công tác mà Ngài đã thực hiện, và chúng đại diện cho Thời Đại Luật Pháp. Công tác Jê-sus đã làm trong Thời Đại Ân Điển không phải là ban hành các luật lệ, mà là thực hiện chúng, do đó mở ra Thời Đại Ân Điển và khép lại Thời Đại Luật Pháp đã tồn tại hai ngàn năm. Ngài là người tiên phong, đến để khai mở Thời Đại Ân Điển, nhưng phần công tác chính của Ngài lại nằm ở việc cứu chuộc. Và vì thế, công tác của Ngài cũng có hai phần: mở ra một thời đại mới, và hoàn tất công tác cứu chuộc thông qua việc Ngài chịu đóng đinh trên thập tự giá, mà sau đó, Ngài đã rời đi. Và từ đây, Thời Đại Luật Pháp đã khép lại và Thời Đại Ân Điển mở ra.

Công tác Jê-sus đã thực hiện phù hợp với nhu cầu của con người trong thời đại đó. Nhiệm vụ của Ngài là cứu chuộc nhân loại, tha thứ cho những tội lỗi của họ, và vì vậy, tâm tính của Ngài hoàn toàn khiêm nhường, kiên nhẫn, yêu thương, mộ đạo, nhẫn nhịn, nhân từ, và nhân ái. Ngài mang đến cho nhân loại ân điển và ơn phước dồi dào, và mọi thứ mà con người có thể thụ hưởng, Ngài đều ban cho họ để họ thụ hưởng: sự bình an và hạnh phúc, sự bao dung và tình yêu thương của Ngài, lòng nhân từ và nhân ái của Ngài. Thời kỳ đó, vô vàn những thứ để thụ hưởng mà con

người được tiếp xúc – cảm giác bình an và yên ổn trong lòng họ, cảm giác yên tâm trong tinh thần họ, và sự nương tựa của họ vào Jêsus Đấng Cứu Thế – tất cả đều ở thời đại mà họ đã sống. Trong Thời Đại Ân Điển, con người đã bị làm cho sa ngã bởi Sa-tan, và vì vậy, để đạt được công tác cứu chuộc toàn nhân loại đòi hỏi rất nhiều ân sủng, sự nhẫn nại và kiên trì vô hạn, và thậm chí nhiều hơn thế nữa là một của lễ đủ để chuộc những tội lỗi của loài người, thì mới có được hiệu quả. Điều nhân loại nhìn thấy trong Thời Đại Ân Điển chỉ đơn thuần là của lễ của Ta để chuộc tội lỗi của loài người: đó là Jêsus. Tất cả những gì họ biết là Đức Chúa Trời có thể nhân từ và nhẫn nại, và tất cả những gì họ thấy là sự nhân từ và nhân ái của Jêsus. Điều này hoàn toàn là bởi họ đã được sinh ra trong Thời Đại Ân Điển. Và như vậy, trước khi có thể được cứu chuộc, họ phải thụ hưởng nhiều loại ân điển mà Jêsus đã ban cho họ, để có được lợi ích từ đó. Bằng cách này, họ có thể được tha thứ tội lỗi thông qua việc thụ hưởng ân điển, và cũng có thể có cơ hội được cứu chuộc thông qua việc thụ hưởng sự nhẫn nại và kiên trì của Jêsus. Chỉ thông qua sự nhẫn nại và kiên trì của Jêsus, họ mới có được quyền nhận sự tha thứ và thụ hưởng ân điển dồi dào mà Jêsus ban cho. Đúng như Jêsus từng phán: Ta đã đến không phải để cứu chuộc những kẻ công bình mà là những kẻ có tội, để những kẻ có tội được tha thứ cho những tội lỗi của họ. Nếu Jêsus lúc trở nên xác thịt đã mang tâm tính phán xét, nguyên rủa và không dung thứ cho những sự xúc phạm của con người, thì con người đã không bao giờ có cơ hội được cứu chuộc, và vẫn mãi tội lỗi. Nếu như thế, thì kế hoạch quản lý sáu ngàn năm đã phải dừng lại ở Thời Đại Luật Pháp, và Thời Đại Luật Pháp đã phải kéo dài sáu ngàn năm. Tội lỗi của con người chỉ có nhân lên nhiều hơn và ghê tởm hơn, và việc tạo ra loài người hẳn là vô ích. Con người hẳn chỉ có thể phụng sự Đức Giê-hô-va theo luật pháp, nhưng tội lỗi của họ thì đã vượt xa tội lỗi của những con người đầu tiên được tạo ra. Jêsus càng yêu thương nhân loại, càng tha thứ cho những tội lỗi của họ và ban đủ nhân từ và nhân ái cho họ, thì nhân loại càng có quyền được Jêsus cứu rỗi, được gọi là những con chiên lạc mà Jêsus chuộc về với giá rất đắt. Sa-tan không thể xen vào việc này, vì Jêsus đã đối đãi với những môn đệ của Ngài như một người mẹ đầy yêu thương đối với con trẻ ấm trong lòng. Ngài không nổi giận cũng không khinh miệt họ, mà đầy an ủi vỗ về; ở giữa họ Ngài không bao giờ nổi cơn thịnh nộ, mà nhẫn nại với những tội lỗi của họ và nhắm mắt trước sự ngu xuẩn và mê muội của họ, đến mức phán bảo rằng: “Hãy tha thứ cho người khác bảy mươi lần bảy”. Như thế, tấm lòng của những người khác đã được cảm hóa bởi tấm lòng Ngài, và chỉ như thế, mọi người mới nhận lãnh được sự tha thứ cho những tội lỗi của họ thông qua sự nhẫn nại của Ngài.

Mặc dù Jêsus trong sự nhập thể của Ngài hoàn toàn không có cảm xúc, nhưng

Ngài luôn an ủi các môn đồ của Ngài, chu cấp cho họ, giúp đỡ họ, và hỗ trợ họ. Cho dù Ngài có làm bao nhiêu công việc, hay chịu đựng bao nhiêu đau khổ, thì Ngài cũng không bao giờ đòi hỏi quá mức ở con người, mà luôn kiên trì và nhẫn nại với những tội lỗi của họ, vì thế mà con người ở Thời Đại Ân Điển triu mến gọi Ngài là “Jêsus Đáng Cứu Thế mến yêu”. Đối với con người thời đó – với tất cả mọi người – những gì Jêsus sở hữu và hiện hữu là lòng nhân từ và nhân ái. Ngài không bao giờ ghi nhớ những vi phạm của con người, và đối đãi với họ không bao giờ dựa trên những vi phạm của họ. Bởi vì đó là một thời đại khác, nên Ngài thường ban dồi dào thức ăn cho con người để họ có thể được ăn thỏa thuê. Ngài đối xử với các môn đệ của Ngài bằng ân sủng, chữa lành bệnh tật, đuổi tà quỷ, và khiến người chết sống lại. Để con người có thể tin ở Ngài và thấy được mọi công việc Ngài đã làm đều được thực hiện một cách nghiêm túc và chân thành, thậm chí còn đến mức Ngài làm phục sinh một cái xác đã thối rữa, cho họ thấy rằng trong tay Ngài thì thậm chí người chết cũng có thể sống lại. Bằng cách này, Ngài đã âm thầm chịu đựng và thực hiện công tác cứu chuộc của Ngài giữa họ. Thậm chí trước khi Ngài bị đóng đinh lên thập tự giá, Jêsus đã nhận về Ngài những tội lỗi của nhân loại và đã trở thành của lễ chuộc tội cho nhân loại. Thậm chí trước khi bị đóng đinh, Ngài còn mở đường đến thập tự giá để cứu chuộc nhân loại. Cuối cùng, Ngài đã bị đóng đinh lên thập tự giá, hy sinh chính bản thân Ngài cho thánh giá, và Ngài đã ban hết lòng nhân từ, nhân ái, cùng sự thánh khiết của Ngài cho nhân loại. Đối với nhân loại, Ngài luôn bao dung, không bao giờ thù hận, tha thứ cho những tội lỗi của họ, khuyên nhủ họ ăn năn, và dạy họ biết kiên trì, nhẫn nại, và yêu thương, để theo chân Ngài và hy sinh bản thân mình vì thánh giá. Tình yêu Ngài dành cho những người anh chị em còn lớn hơn tình yêu Ngài dành cho Ma-ri. Các công tác Ngài đã làm đều trên nguyên tắc chữa lành người bệnh và xua đuổi tà quỷ, tất cả đều vì công cuộc cứu chuộc của Ngài. Đi đến đâu Ngài cũng đối đãi với hết thảy những người theo Ngài bằng ân sủng. Ngài ban sự giàu có cho người nghèo, sự lành cho người què, sự thấy cho người mù và sự nghe cho người điếc. Ngài còn mời cả những kẻ thấp hèn, những người khốn cùng, những kẻ tội lỗi ngồi vào cùng bàn với Ngài, không bao giờ xa lánh họ mà luôn kiên nhẫn, thậm chí Ngài còn phán bảo: Khi một kẻ chăn dắt đánh mất một con trong đàn chiên trăm con, thì hắn sẽ bỏ chín mươi chín con còn lại để đi tìm con bị lạc, và khi hắn tìm thấy được con chiên lạc, hắn sẽ vui mừng tột độ. Ngài yêu thương các môn đệ của Ngài như thể chiên cái yêu thương chiên con. Cho dù họ ngu dốt, mê muội và là những kẻ tội lỗi trong mắt Ngài, và hơn nữa, còn là những thành phần thấp hèn nhất của xã hội, thì Ngài vẫn coi những kẻ tội lỗi này – những con người bị kẻ khác khinh miệt – như con người trong mắt Ngài. Vì Ngài đã ưu ái họ, nên Ngài đã hy sinh

mạng sống của Ngài vì họ, như thể một con chiên được dâng tế trên bàn thờ. Ngài sống giữa họ như thể Ngài là tội tớ của họ, để mặc cho họ lợi dụng và tàn sát Ngài, phục thù họ vô điều kiện. Với môn đệ của Ngài, thì Ngài là Jê-sus Đấng Cứu Thế đáng mến, nhưng đối với người Pha-ri-si, những kẻ đứng trên bực cao mà lên lớp, thì Ngài không tỏ ra nhân từ hay nhân ái, mà chỉ có ghê tởm và căm giận. Ngài không làm nhiều công tác giữa những người Pha-ra-si, chỉ thi thoảng dạy bảo và quở trách họ; Ngài không đi lại giữa họ để thực hiện công tác cứu chuộc, cũng không làm dấu kỳ và phép lạ. Ngài ban mọi nhân từ và nhân ái cho các môn đệ của Ngài, chịu đựng vì những kẻ tội lỗi này đến tận cùng, khi Ngài bị đóng đinh lên thập tự giá, và chịu mọi sự lăng nhục cho đến khi Ngài hoàn toàn cứu chuộc được hết thủy nhân loại. Đây là toàn bộ công tác của Ngài.

Nếu không có sự cứu chuộc của Jê-sus, nhân loại đã phải sống đời đời trong tội lỗi và trở thành con cháu của tội lỗi, hậu duệ của ác quỷ. Nếu cứ tiếp diễn như vậy, cả trần thế này hẳn đã trở thành vùng đất nơi Sa-tan trú ngụ, nơi dung thân của nó. Tuy nhiên, công tác cứu chuộc đòi hỏi phải thể hiện lòng nhân từ và nhân ái đối với nhân loại; vì chỉ bằng cách đó, nhân loại mới có thể nhận lãnh được sự tha thứ và cuối cùng mới có quyền được làm cho trọn vẹn và được thu phục hoàn toàn bởi Đức Chúa Trời. Không có giai đoạn công tác này, kế hoạch quản lý sáu ngàn năm sẽ không thể tiến triển. Nếu Jê-sus không bị đóng đinh, nếu Ngài chỉ chữa lành người bệnh và xua đuổi tà quỷ, thì con người đã không thể được tha thứ hoàn toàn cho những tội lỗi của họ. Trong ba năm rưỡi Jê-sus thực hiện công tác của Ngài ở trần thế, Ngài chỉ hoàn thành một nửa công tác cứu chuộc của Ngài; sau đó, bằng việc bị đóng đinh lên thập tự giá và trở thành hình tượng của xác thịt tội lỗi, bị giao cho kẻ ác, Ngài đã hoàn tất công việc chịu đóng đinh và làm chủ vận mệnh của nhân loại. Chỉ sau khi bị giao vào tay Sa-tan thì Ngài mới cứu chuộc nhân loại. Trong ba mươi ba năm rưỡi, Ngài đã chịu đựng ở trần thế, bị chế nhạo, phỉ báng, và bị từ bỏ, thậm chí đến mức Ngài không có chỗ tựa đầu, không chỗ ngả lưng, và rồi Ngài đã bị đóng đinh, với toàn bộ hữu thể của Ngài – một thân thể trong sạch và thánh khiết – bị đóng đinh lên thập tự giá. Ngài đã chịu đựng mọi cung bậc đau đớn trên đời. Những kẻ cầm quyền đã nhạo báng và dùng roi quất Ngài, và lính lệ của chúng thậm chí còn nhổ vào mặt Ngài; nhưng Ngài vẫn giữ im lặng và chịu đựng đến cùng, phục thù vô điều kiện đến lúc chết, khi mà Ngài đã cứu chuộc toàn nhân loại. Chỉ khi đó Ngài mới được nghỉ ngơi. Công tác Jê-sus đã làm chỉ đại diện cho Thời Đại Ân Điển, mà không đại diện cho Thời Đại Luật Pháp, cũng không thay thế cho công tác của thời kỳ sau rốt. Đây là bản chất công tác của Jê-sus trong Thời Đại Ân Điển, thời đại thứ hai mà nhân loại đã trải qua – Thời Đại Cứu Chuộc.

Người nên biết toàn thể nhân loại đã phát triển cho đến ngày nay như thế nào

Toàn bộ công tác được thực hiện suốt sáu nghìn năm đã dần thay đổi khi các kỷ nguyên khác nhau đến rồi đi. Những sự chuyển đổi trong công tác này được dựa trên tình hình chung của thế giới và những xu hướng phát triển của nhân loại nói chung; công tác quản lý chỉ dần thay đổi theo đó. Nó không phải đã được lên kế hoạch toàn bộ ngay từ buổi đầu tạo dựng. Trước khi thế giới được tạo dựng, hay không lâu sau đó, Đức Giê-hô-va vẫn chưa lên kế hoạch về giai đoạn đầu của công tác, giai đoạn luật pháp; giai đoạn thứ hai của công tác, giai đoạn ân điển; hay giai đoạn thứ ba của công tác, giai đoạn chinh phục, mà khi đó, Ngài bắt đầu trước tiên với một số con cháu của Mô-áp, và qua đây mà chinh phục toàn thể vũ trụ. Sau khi tạo dựng thế giới, Ngài chưa bao giờ phán những lời này, Ngài cũng chưa bao giờ phán chúng sau Mô-áp; quả thực, trước Lót, Ngài chưa bao giờ phán chúng. Toàn bộ công tác của Đức Chúa Trời được thực hiện một cách tự phát. Đây chính xác là cách toàn bộ công tác quản lý sáu nghìn năm của Ngài đã phát triển; trước khi tạo dựng thế giới, Ngài chẳng hề viết ra một bản kế hoạch dưới dạng đại loại như “Biểu đồ tóm tắt sự phát triển của nhân loại”. Trong công tác của Đức Chúa Trời, Ngài bày tỏ Ngài là gì một cách trực tiếp; Ngài không vất óc lập nên một kế hoạch. Dĩ nhiên, khá nhiều nhà tiên tri đã nói rất nhiều lời tiên tri, nhưng vẫn không thể nói rằng công tác của Đức Chúa Trời luôn là công tác của việc hoạch định chính xác; những lời tiên tri ấy được đưa ra theo công tác của Đức Chúa Trời vào thời đó. Toàn bộ công tác mà Ngài thực hiện là công tác thực tế nhất. Ngài thực hiện nó phù hợp với sự phát triển của mỗi kỷ nguyên, và dựa trên cách các sự việc thay đổi. Đối với Ngài, thực hiện công tác cũng giống như dùng đúng thuốc để chữa bệnh; trong khi thực hiện công tác, Ngài quan sát, và tiếp tục công tác theo những quan sát của Ngài. Trong mọi giai đoạn công tác của Ngài, Đức Chúa Trời có khả năng bày tỏ sự khôn ngoan và khả năng dư dật của Ngài; Ngài mặc khải sự khôn ngoan và thẩm quyền có thừa của Ngài tùy theo công tác của bất kỳ thời đại nào, và cho phép tất cả những người mà Ngài mang trở về trong thời đại đó được thấy toàn bộ tâm tính của Ngài. Ngài cung cấp cho các nhu cầu của con người theo công tác cần được thực hiện ở mỗi thời đại, làm bất cứ công tác gì Ngài nên làm. Ngài chu cấp cho con người những gì họ cần dựa trên mức độ mà Sa-tan đã làm bại hoại họ. Điều này cũng giống như cách mà ban đầu khi Đức Giê-hô-va tạo ra A-đam và Ê-va, Ngài đã làm để cho phép họ biểu thị Đức Chúa Trời trên đất và hầu cho họ có thể làm chứng cho Đức Chúa Trời giữa sự tạo dựng. Tuy nhiên, Ê-va đã phạm tội sau khi bị con rắn cám dỗ, và

A-đam đã làm điều tương tự; trong vườn, cả hai người họ đã ăn trái của cây biết thiện và ác. Vì thế, Đức Giê-hô-va đã có thêm công tác để thực hiện đối với họ. Nhìn thấy sự trần truồng của họ, Ngài che thân họ bằng quần áo làm từ da thú. Sau đó, Ngài phán với A-đam: “Vì người nghe theo lời vợ mà ăn trái cây ta đã dặn không nên ăn, vậy, đất sẽ bị rửa sả vì người... cho đến ngày nào người trở về đất, là nơi mà có người ra; vì người là bụi, người sẽ trở về bụi”. Với người nữ, Ngài phán: “Ta sẽ thêm điều cực khổ bội phần trong cơn thai nghén; người sẽ chịu đau đớn mỗi khi sanh con; sự dục vọng người phải xu hướng về chồng, và chồng sẽ cai trị người”. Từ đó trở đi, Ngài đuổi họ khỏi Vườn Địa Đàng và bắt họ sống ở ngoài, giống như con người hiện đại ngày nay đang sống trên đất. Khi Đức Chúa Trời tạo nên con người ngay từ buổi đầu, kế hoạch của Ngài không phải là để cho con người bị con rắn cám dỗ sau khi được tạo dựng rồi sau đó nguyên rửa con người và con rắn. Ngài thật ra đã không có một kế hoạch như thế; chỉ là cách sự việc tiến triển đã cho Ngài công tác mới để làm giữa sự tạo dựng của Ngài. Sau khi Đức Giê-hô-va đã thực hiện công việc này giữa A-đam và Ê-va trên đất, nhân loại tiếp tục phát triển trong vài nghìn năm, cho đến khi “Đức Giê-hô-va thấy sự hung ác của loài người trên mặt đất rất nhiều, và các ý tưởng của lòng họ chỉ là xấu luôn; thì tự trách đã dựng nên loài người trên mặt đất, và buồn rầu trong lòng. ... Nhưng Nô-ê được ơn trước mặt Đức Giê-hô-va”. Vào lúc này, Đức Giê-hô-va đã có thêm công tác mới để làm, bởi nhân loại mà Ngài tạo dựng đã trở nên quá tội lỗi sau khi bị con rắn cám dỗ. Xét thấy những hoàn cảnh này, giữa toàn thể nhân loại, Đức Giê-hô-va đã chọn gia đình Nô-ê để được tha, và sau đó Ngài thực hiện công tác của Ngài là hủy diệt thế giới bằng một trận lụt. Nhân loại đã tiếp tục phát triển theo cách này đến tận ngày nay, ngày càng trở nên bại hoại, và đến lúc sự phát triển của nhân loại đạt tới cực điểm, thì điều đó sẽ có nghĩa là sự kết thúc của nhân loại. Từ buổi ban sơ mãi cho đến hồi kết của thế giới, sự thật bên trong công tác của Ngài đã, đang và sẽ luôn là con đường này. Cũng giống như cách con người sẽ được phân ra theo loại; hoàn toàn không phải là mỗi một người đều được định trước ngay từ đầu rằng sẽ thuộc về một phân nhóm nhất định; mà đúng hơn, mọi người dần được phân loại chỉ sau khi trải qua một quá trình phát triển. Cuối cùng, bất kỳ ai không thể được mang đến sự cứu rỗi hoàn toàn sẽ bị trả về cho “tổ tiên” của họ. Không điều gì trong công tác của Đức Chúa Trời giữa nhân loại được chuẩn bị sẵn khi tạo dựng thế giới cả; mà đúng hơn, chính sự phát triển của các sự vật đã để cho Đức Chúa Trời thực hiện công tác của Ngài giữa nhân loại từng bước một và theo cách hiện thực hơn, thực tế hơn. Ví dụ, Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã không tạo ra con rắn nhằm cám dỗ người nữ; đó không phải là kế hoạch cụ thể của Ngài, cũng không phải là điều Ngài đã chủ định trước. Người ta có

thể nói rằng đây là một biến cố không lường trước. Do vậy, chính bởi vì điều này mà Đức Giê-hô-va đã đuổi A-đam và Ê-va khỏi Vườn Địa Đàng và thế sẽ không bao giờ tạo ra con người một lần nữa. Tuy nhiên, con người chỉ nhận ra sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời trên nền tảng này. Cũng như Ta đã nói trước kia: “Ta sử dụng sự khôn ngoan của Ta dựa trên những mưu đồ của Sa-tan”. Cho dù nhân loại đã trở nên bại hoại như thế nào hay con rắn đã cám dỗ họ ra sao, Đức Giê-hô-va vẫn có sự khôn ngoan của Ngài; như thế, Ngài đã đang tiến hành công tác mới kể từ khi Ngài sáng thế, và không bước nào trong công tác này từng bị lặp lại cả. Sa-tan đã liên tục đưa những mưu đồ vào hành động, nhân loại đã liên tục bị Sa-tan làm cho bại hoại, và Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã không ngừng thực hiện công tác khôn ngoan của Ngài. Ngài không bao giờ thất bại, Ngài cũng không bao giờ ngưng làm việc, kể từ khi thế giới được tạo dựng. Sau khi con người bị Sa-tan làm cho bại hoại, Ngài tiếp tục hoạt động giữa họ để đánh bại hấn, kẻ thù là nguồn gốc cho sự bại hoại của họ. Trận chiến này đã ác liệt kể từ lúc bắt đầu, và sẽ còn tiếp tục cho đến khi tận thế. Khi thực hiện toàn bộ công tác này, Giê-hô-va Đức Chúa Trời không chỉ cho phép con người, những kẻ đã bị Sa-tan làm cho bại hoại, nhận lãnh sự cứu rỗi vĩ đại của Ngài, mà còn cho phép họ thấy được sự khôn ngoan, toàn năng, và thẩm quyền của Ngài. Hơn nữa, cuối cùng, Ngài sẽ cho họ thấy tâm tính công chính của Ngài – hành phạt kẻ dữ và ban thưởng người lành. Ngài đã chiến đấu với Sa-tan đến tận hôm nay và chưa bao giờ bại trận. Điều này là vì Ngài là một Đức Chúa Trời khôn ngoan, và Ngài sử dụng sự khôn ngoan của Ngài dựa trên những mưu đồ của Sa-tan. Vì lẽ ấy, Đức Chúa Trời không chỉ làm cho mọi sự trên trời quy phục thẩm quyền của Ngài, mà Ngài còn làm cho mọi sự dưới thế được an lòng dưới bệ chân Ngài, và đặc biệt, Ngài làm cho kẻ dữ xâm chiếm và quấy nhiễu nhân loại rơi vào hình phạt của Ngài. Những kết quả của toàn bộ công tác này được mang lại nhờ sự khôn ngoan của Ngài. Ngài chưa bao giờ tỏ lộ sự khôn ngoan của Ngài trước khi nhân loại hiện hữu, bởi Ngài không có kẻ thù trên trời, dưới đất, hay bất kỳ nơi đâu trong toàn vũ trụ, và không có thế lực bóng tối nào xâm chiếm bất cứ thứ gì trong tự nhiên. Sau khi tổng lãnh thiên thần phản bội Ngài, Ngài đã tạo ra nhân loại trên đất, và chính bởi nhân loại mà Ngài chính thức bắt đầu cuộc chiến nghìn năm với Sa-tan, tổng lãnh thiên thần – một cuộc chiến ngày càng nóng hơn theo từng giai đoạn tiếp nối. Sự toàn năng và khôn ngoan của Ngài hiện diện ở từng giai đoạn này. Chỉ khi đó mọi thứ trên trời và dưới thế mới chứng kiến sự khôn ngoan, toàn năng, và đặc biệt là tính hiện thực của Đức Chúa Trời. Ngài vẫn thực hiện công tác của Ngài theo cùng một cách thiết thực này cho đến ngày nay; thêm vào đó, khi Ngài thực hiện công tác của Ngài, Ngài cũng tỏ lộ sự khôn ngoan và toàn năng của Ngài. Ngài cho

phép các người nhìn thấy sự thật bên trong của từng giai đoạn công tác, thấy chính xác cách giải thích sự toàn năng của Đức Chúa Trời, và, hơn nữa, thấy được sự giải thích rõ ràng về tính hiện thực của Đức Chúa Trời.

Liên quan đến sự phản bội Jêsus của Giu-đa, một số người thắc mắc: Chẳng phải điều này đã được định sẵn trước khi sáng thế sao? Thật ra, Đức Thánh Linh đã lên kế hoạch điều này dựa trên hiện thực của thời ấy. Chỉ rất tình cờ là có một người tên Giu-đa luôn biến thủ tiền của, do đó người này được chọn để đóng vai trò này và phục vụ theo cách này. Đây là một ví dụ thật về việc sử dụng những nguồn lực cục bộ. Jêsus đã không hay biết điều này lúc đầu; sau này Ngài mới biết về nó, sau khi Giu-đa đã bị vạch trần. Nếu một ai khác có khả năng đóng vai trò này, vậy thì người đó sẽ làm việc ấy thay vì Giu-đa. Trên thực tế, điều đã được định trước là điều mà Đức Thánh Linh đã làm vào khoảnh khắc đó. Công tác của Đức Thánh Linh luôn được thực hiện một cách tự phát; Ngài có thể lên kế hoạch công tác của Ngài bất cứ lúc nào, và thực hiện nó bất cứ lúc nào. Tại sao Ta luôn nói rằng công tác của Đức Thánh Linh là thực tế, và rằng nó luôn mới, không bao giờ cũ, và luôn mới mẻ tốt cùng? Công tác của Ngài chưa được lên kế hoạch khi thế giới được tạo dựng; đó hoàn toàn không phải là điều đã xảy ra! Mọi bước của công tác đều đạt được hiệu quả đích đáng cho thời kỳ tương ứng, và các bước không xen vào nhau. Đa phần, những kế hoạch mà người có thể có trong đầu lại hoàn toàn không khớp với công tác mới nhất của Đức Thánh Linh. Công tác của Ngài không đơn giản như con người lý luận, cũng không phức tạp như con người tưởng tượng – nó bao gồm việc đáp ứng cho con người mọi lúc mọi nơi theo những nhu cầu của họ vào lúc đó. Không ai rõ về thực chất của con người hơn Ngài, và chính vì lý do này mà không gì có thể phù hợp với những nhu cầu thực tế của con người cho bằng công tác mà Ngài làm. Vì lẽ ấy, từ góc độ con người, công tác của Ngài có vẻ đã được lên kế hoạch trước vài nghìn năm. Bởi Ngài hoạt động giữa các người lúc này, đồng thời hoạt động và phán khi Ngài theo dõi những trạng thái mà các người đang sống, Ngài có đúng những lời chính xác để phán khi đối diện với mỗi một dạng trạng thái, phán những lời đúng những gì mọi người cần. Lấy ví dụ bước đầu tiên trong công tác của Ngài: thời điểm hành phạt. Sau đó, Đức Chúa Trời tiến hành công tác của Ngài dựa trên những gì con người thể hiện, sự phản nghịch của họ, những trạng thái tích cực xuất hiện từ họ và những trạng thái tiêu cực, cũng như giới hạn thấp nhất mà con người có thể rơi vào khi những trạng thái tiêu cực đó đạt đến một điểm nhất định; và Ngài nắm bắt những điều này để đạt được kết quả tốt hơn nhiều từ công tác của Ngài. Nghĩa là, Ngài thực hiện công tác duy trì giữa mọi người dựa trên bất cứ tình trạng hiện tại nào của họ vào bất cứ thời điểm cụ thể nào; Ngài thực hiện mọi bước

trong công tác của Ngài tùy theo những tình trạng thực tế của con người. Mọi thọ tạo đều nằm trong tay Ngài; làm sao Ngài có thể không biết họ chứ? Đức Chúa Trời thực hiện bước tiếp theo nên làm của công tác, mọi lúc và mọi nơi, phù hợp với những tình trạng của con người. Công tác này không hề được lên kế hoạch hàng nghìn năm trước; đó là một quan niệm của con người! Ngài làm việc khi Ngài quan sát những tác động từ công tác của Ngài, và công tác của Ngài liên tục đi sâu và phát triển; mỗi lần, sau khi quan sát những kết quả của công tác, Ngài thực hiện bước tiếp theo trong công tác của Ngài. Ngài dùng nhiều thứ để chuyển tiếp dần dần và làm cho công tác mới của Ngài hiển hiện với con người theo thời gian. Cách làm việc này có thể đáp ứng những nhu cầu của con người, bởi vì Đức Chúa Trời biết hết thảy mọi người quá rõ. Đây là cách Ngài thực hiện công tác của Ngài từ trời. Tương tự, Đức Chúa Trời nhập thể làm công tác của Ngài theo cùng một cách, thực hiện những sự sắp đặt và hoạt động giữa con người theo hoàn cảnh thực tế. Không điều gì trong công tác của Ngài được sắp đặt trước khi thế giới được tạo dựng, cũng như được lên kế hoạch trước một cách tỉ mỉ. Hai ngàn năm sau khi thế giới được tạo dựng, Đức Giê-hô-va đã thấy nhân loại trở nên quá bại hoại đến nỗi Ngài đã tiên tri qua miệng của tiên tri I-sai-a để báo trước rằng, sau khi Thời đại Luật pháp kết thúc, Đức Giê-hô-va sẽ thực hiện công tác cứu chuộc nhân loại của Ngài trong Thời đại Ân điển. Dĩ nhiên, đây là kế hoạch của Đức Giê-hô-va, nhưng kế hoạch này cũng được lập ra theo những hoàn cảnh mà Ngài quan sát được vào lúc đó; Ngài chắc chắn đã không nghĩ về nó ngay lập tức sau khi tạo ra A-đam. I-sai-a đơn thuần nói ra một lời tiên tri, nhưng Đức Giê-hô-va đã không thực hiện những sự chuẩn bị trước cho công tác này trong Thời đại Luật pháp; đúng hơn, Ngài khởi động nó ở đầu Thời đại Ân điển, khi sứ thần xuất hiện trong giấc mơ của Giô-sép để khai sáng ông với thông điệp rằng Đức Chúa Trời sẽ trở nên xác thịt, và chỉ khi ấy công tác nhập thể của Ngài mới bắt đầu. Đức Chúa Trời đã không chuẩn bị cho công tác nhập thể của Ngài ngay sau khi sáng thế, như con người tưởng tượng; điều đó chỉ được quyết định dựa trên mức độ mà nhân loại đã phát triển và tình trạng cuộc chiến của Ngài chống lại Sa-tan.

Khi Đức Chúa Trời trở nên xác thịt, Thần của Ngài giáng xuống trên một con người; nói cách khác, Thần của Đức Chúa Trời mặc lấy một thể xác vật chất cho chính Ngài. Ngài đến để thực hiện công tác của Ngài trên đất, chứ không phải để mang theo Ngài những bước hạn chế nhất định; công tác của Ngài tuyệt đối không có giới hạn. Công tác mà Đức Thánh Linh thực hiện trong xác thịt vẫn được quyết định bởi những kết quả công tác của Ngài, và Ngài dùng những điều như thế để quyết định độ dài thời gian mà Ngài sẽ làm công tác khi ở trong xác thịt. Đức Thánh

Linh trực tiếp mặc khải từng bước công tác của Ngài, khảo xét công tác của Ngài khi Ngài thực hiện; công tác này không có gì quá siêu nhiên đến mức vượt quá những giới hạn của trí tưởng tượng con người. Điều này giống như công tác của Đức Giê-hô-va trong việc tạo nên trời đất và muôn vật; Ngài đã lên kế hoạch và làm việc một cách đồng thời. Ngài đã phân tách ánh sáng với bóng tối, và ngày, đêm được hình thành – việc này mất một ngày. Vào ngày thứ hai, Ngài tạo nên trời, và việc đó cũng mất một ngày; sau đó Ngài tạo nên đất, biển, và mọi loài thọ tạo cư trú trong đó, việc đó cần thêm một ngày nữa. Việc này tiếp tục cho đến ngày thứ sáu, khi Đức Chúa Trời tạo nên con người và để họ quản lý mọi thứ trên đất. Sau đó, vào ngày thứ bảy, khi Ngài đã hoàn tất việc tạo dựng muôn vật, Ngài nghỉ ngơi. Đức Chúa Trời đã ban phúc lành cho ngày thứ bảy và chọn đó là ngày thánh. Ngài chỉ quyết định lập nên ngày thánh này sau khi đã tạo nên muôn vật, không phải trước khi tạo nên chúng. Công tác này cũng được thực hiện một cách tự phát; trước khi tạo nên muôn vật, Ngài đã không quyết định tạo dựng thế giới trong sáu ngày và sau đó nghỉ ngơi vào ngày thứ bảy; điều đó không hề phù hợp với sự thật. Ngài đã không phán ra điều nào như thế, Ngài cũng không lên kế hoạch cho nó. Ngài không hề phán rằng việc tạo dựng muôn vật sẽ hoàn tất vào ngày thứ sáu và rằng Ngài sẽ nghỉ ngơi vào ngày thứ bảy; đúng hơn, Ngài đã tạo dựng theo những gì trông có vẻ tốt đối với Ngài vào lúc đó. Khi Ngài hoàn tất việc tạo dựng mọi thứ, đó đã là ngày thứ sáu. Nếu đó là ngày thứ năm khi Ngài hoàn thành việc tạo dựng muôn vật, thì như thế Ngài sẽ chọn ngày thứ sáu làm ngày thánh. Tuy nhiên, thực tế là Ngài đã hoàn thành việc tạo dựng muôn vật vào ngày thứ sáu, và do đó ngày thứ bảy trở thành ngày thánh, được truyền lại cho đến tận ngày nay. Vì lẽ ấy, công tác hiện tại của Ngài đang được thực hiện theo cùng cách này. Ngài phán và đáp ứng cho những nhu cầu của các người phù hợp với những tình cảnh của các người. Nghĩa là, Thần phán và hoạt động tùy theo hoàn cảnh của con người; Ngài vẫn cứ quan sát hết thấy và làm việc vào mọi lúc mọi nơi. Điều Ta làm, phán, đặt vào các người, và ban cho các người, là điều các người cần, không có ngoại lệ. Do vậy, không điều gì trong công tác của Ta xa rời hiện thực cả; toàn bộ là thực, để hết thấy các người biết rằng “Thần của Đức Chúa Trời vẫn cứ theo dõi hết thấy”. Nếu toàn bộ điều này được quyết định trước, chẳng phải nó sẽ quá cứng nhắc sao? Người nghĩ rằng Đức Chúa Trời đã lập nên những kế hoạch cho toàn bộ sáu nghìn năm và sau đó định trước rằng nhân loại sẽ phản nghịch, chống đối, lươn lẹo và lừa dối, và sở hữu sự bại hoại của xác thịt, tâm tính Sa-tan, ánh mắt thêm muốn, và những sự ham mê cá nhân. Không điều gì trong số đó được Đức Chúa Trời định trước, mà tất cả đều diễn ra như một kết quả từ sự bại hoại của Sa-tan. Một số người có thể nói: “Chẳng phải Sa-tan cũng nằm trong tầm

tay của Đức Chúa Trời sao? Đức Chúa Trời đã định trước rằng Sa-tan sẽ làm bại hoại con người theo cách này, và sau đó, Đức Chúa Trời thực hiện công tác của Ngài giữa con người”. Đức Chúa Trời có thật sự định trước việc Sa-tan làm cho nhân loại bại hoại không? Đức Chúa Trời chỉ quá thiết tha cho phép nhân loại sống một cách bình thường, như vậy Ngài có thật sự xen vào cuộc sống của họ không? Nếu thế, chẳng phải việc đánh bại Sa-tan và cứu rỗi nhân loại là một nỗ lực vô ích sao? Làm thế nào mà sự phản nghịch của nhân loại có thể được định trước chứ? Đó là điều đã xảy ra do sự xen vào của Sa-tan, vậy thì làm sao nó có thể được định trước bởi Đức Chúa Trời? Sa-tan trong tầm tay của Đức Chúa Trời mà các người nghĩ rất khác với Sa-tan trong tầm tay của Đức Chúa Trời mà Ta nói tới. Theo những tuyên bố của các người rằng “Đức Chúa Trời là toàn năng, và Sa-tan nằm trong tay Ngài”, thì Sa-tan không bao giờ có thể phản bội Ngài. Chẳng phải người đã nói rằng Đức Chúa Trời là toàn năng sao? Kiến thức của các người quá trừu tượng, và không phù hợp với hiện thực; con người không bao giờ có thể hiểu thấu những ý nghĩ của Đức Chúa Trời, cũng không bao giờ có thể hiểu rõ được sự khôn ngoan của Ngài! Đức Chúa Trời là toàn năng; điều này không hề sai. Tổng lãnh thiên thần đã phản bội Đức Chúa Trời bởi vì ban đầu Đức Chúa Trời ban cho hắn một phần thẩm quyền. Dĩ nhiên, đây là một sự kiện không mong đợi, cũng giống như khi Ê-va không chống nổi sự cám dỗ của con rắn. Tuy nhiên, cho dù Sa-tan thực hiện sự phản bội của hắn như thế nào, hắn vẫn không toàn năng như Đức Chúa Trời. Như người đã nói, Sa-tan chỉ mạnh mà thôi; cho dù hắn làm gì, thẩm quyền của Đức Chúa Trời cũng sẽ luôn đánh bại hắn. Đây là ý nghĩa thật sự đằng sau câu nói, “Đức Chúa Trời toàn năng, và Sa-tan nằm trong tay Ngài”. Vì lẽ ấy, cuộc chiến với Sa-tan phải được thực hiện từng bước một. Hơn nữa, Đức Chúa Trời lên kế hoạch cho công tác của Ngài để đáp lại những thủ đoạn của Sa-tan – nghĩa là, Ngài mang sự cứu rỗi đến nhân loại và mặc khải sự toàn năng, khôn ngoan của Ngài theo cách phù hợp với thời đại. Tương tự, công tác của những ngày sau rất không được định sẵn từ sớm, trước Thời đại Ân điển; những sự tiền định không được thực hiện theo cách tuần tự như thế này: thứ nhất, làm cho tâm tính bên ngoài của con người thay đổi; thứ hai, bắt con người chịu hình phạt và những thử luyện của Ngài; thứ ba, khiến con người trải qua thử luyện của sự chết; thứ tư, làm cho con người trải nghiệm thời gian yêu mến Đức Chúa Trời và thể hiện quyết tâm của một loài thọ tạo; thứ năm, cho phép con người nhìn thấy ý muốn của Đức Chúa Trời và biết Ngài một cách trọn vẹn, và cuối cùng là làm cho con người trọn vẹn. Ngài đã không lên kế hoạch tất cả những điều này trong Thời đại Ân điển; mà Ngài bắt đầu lên kế hoạch cho chúng trong thời đại hiện tại. Sa-tan đang hoạt động, Đức Chúa Trời cũng vậy. Sa-tan thể hiện tâm tính

bại hoại của hấn, trong khi Đức Chúa Trời phán một cách thẳng thắn và mặc khải một số điều thiết yếu. Đây là công tác đang được thực hiện ngày nay, và có cùng một nguyên tắc hoạt động đã được sử dụng từ lâu, sau khi sáng thế.

Trước hết, Đức Chúa Trời tạo ra A-đam và Ê-va, và Ngài cũng tạo ra một con rắn. Trong muôn vật, con rắn này là độc nhất; thân của nó chứa nọc độc, thứ Sa-tan đã dùng để lợi dụng nó. Nó là con rắn đã cám dỗ Ê-va phạm tội. A-đam phạm tội sau Ê-va, và hai người họ sau đó đã có thể phân biệt giữa thiện và ác. Nếu Đức Giê-hô-va biết được rằng con rắn sẽ cám dỗ Ê-va và rằng Ê-va sẽ cám dỗ A-đam, vậy thì tại sao Ngài lại để tất cả họ vào trong một khu vườn? Nếu Ngài có thể tiên đoán những điều này, vậy thì tại sao Ngài lại tạo ra một con rắn và để nó trong Vườn Địa Đàng? Tại sao Vườn Địa Đàng lại có trái của cây biết thiện ác? Ngài có cố tình để họ ăn trái không? Khi Đức Giê-hô-va đến, cả A-đam lẫn Ê-va đều không dám đối diện Ngài, và chỉ khi đó Đức Giê-hô-va mới biết rằng họ đã ăn trái của cây biết thiện ác và đã mắc bẫy thủ đoạn gian trá của con rắn. Cuối cùng, Ngài đã rửa sả con rắn, và Ngài cũng đã rửa sả A-đam và Ê-va. Khi hai người họ ăn trái của cái cây, Đức Giê-hô-va đã không hề hay biết họ đang làm thế. Nhân loại đã trở nên bại hoại đến mức tà ác và chung chạ bừa bãi, thậm chí đi xa đến mức mọi thứ mà họ nuôi giữ trong lòng đều tà ác và bất chính; toàn bộ đều như bản. Vì lẽ ấy, Đức Giê-hô-va đã hối hận vì đã tạo nên nhân loại. Sau đó, Ngài đã thực hiện công tác của Ngài là hủy diệt thế giới bằng một trận lụt mà Nô-ê và các con trai của ông được sống sót. Một số việc thật ra không cấp tiến và siêu nhiên như con người có thể tưởng tượng. Một số người hỏi: “Đức Chúa Trời đã biết tổng lãnh thiên thần sẽ phản bội Ngài, tại sao Ngài lại tạo ra hấn?” Đây là những sự thật: Trước khi thế gian tồn tại, tổng lãnh thiên thần là vĩ đại nhất trong các thiên thần trên trời. Hấn có quyền hành với tất cả các thiên thần trên trời; đây là thẩm quyền mà Đức Chúa Trời đã ban cho hấn. Ngoại trừ Đức Chúa Trời, hấn là vĩ đại nhất trong các thiên thần trên trời. Rồi sau khi Đức Chúa Trời tạo nên nhân loại, tổng lãnh thiên thần dưới thế đã thực hiện một sự phản bội chống lại Đức Chúa Trời còn nghiêm trọng hơn nữa. Ta nói rằng hấn đã phản bội Đức Chúa Trời bởi vì hấn muốn quản lý nhân loại và vượt hơn thẩm quyền của Đức Chúa Trời. Chính tổng lãnh thiên thần đã cám dỗ Ê-va phạm tội, và hấn làm như thế vì hấn ao ước được thiết lập vương quốc của hấn trên đất, khiến con người quay lưng với Đức Chúa Trời và thay vào đó là vâng phục tổng lãnh thiên thần. Tổng lãnh thiên thần thấy rằng rất nhiều thứ có thể vâng phục hấn – các thiên thần có thể, con người trên đất cũng có thể. Chim thú, cây cối, rừng, núi, sông, và muôn vật trên đất đều chịu sự coi sóc của con người – nghĩa là, A-đam và Ê-va – trong khi A-đam và Ê-va vâng phục tổng lãnh thiên thần. Vì lẽ ấy tổng lãnh thiên thần ao ước vượt hơn

thảm quyền của Đức Chúa Trời và phản bội Đức Chúa Trời. Sau đó, hắn đã dẫn dắt nhiều thiên thần phản nghịch chống lại Đức Chúa Trời, những kẻ mà về sau trở thành những loại linh hồn ô trọc khác nhau. Chẳng phải diễn tiến của nhân loại cho đến ngày nay bị gây nên bởi sự bại hoại của tổng lãnh thiên thần sao? Con người chỉ theo kiểu ngày nay bởi tổng lãnh thiên thần đã phản bội Đức Chúa Trời và đã làm cho nhân loại bại hoại. Công tác từng bước này không hề trừu tượng và đơn giản như con người có thể tưởng tượng. Sa-tan đã thực hiện sự phản bội của hắn có lý do, nhưng con người không thể hiểu thấu được một thực tế đơn giản như vậy. Tại sao Đức Chúa Trời, Đấng đã tạo nên trời đất và muôn vật, lại cũng tạo nên Sa-tan? Vì Đức Chúa Trời quá khinh miệt Sa-tan, và Sa-tan là kẻ thù của Ngài, tại sao Ngài lại tạo ra Sa-tan? Bằng cách tạo ra Sa-tan, chẳng phải Ngài đang tạo ra một kẻ thù sao? Đức Chúa Trời đã không thật sự tạo nên một kẻ thù; đúng hơn, Ngài tạo nên một thiên thần, và sau đó thiên thần ấy phản bội Ngài. Địa vị của hắn đã phát triển lớn mạnh đến mức hắn muốn phản bội Đức Chúa Trời. Người ta có thể nói rằng đây là một sự trùng hợp, nhưng cũng là một điều không thể tránh khỏi. Điều này tương tự như cách một người rút cuộc sẽ chết sau khi trưởng thành đến một mốc nhất định; sự việc chỉ là tiến triển đến giai đoạn đó. Một số kẻ ngu ngốc ngớ ngẩn nói rằng: “Vì Sa-tan là kẻ thù của Ngài, tại sao Ngài lại tạo ra hắn? Tại sao Ngài không biết rằng tổng lãnh thiên thần sẽ phản bội Ngài? Ngài không thể nhìn từ vô tận đến vô tận sao? Ngài không biết bản chất của tổng lãnh thiên thần sao? Vì Ngài biết rõ rằng hắn sẽ phản bội Ngài, tại sao Ngài lại để hắn là tổng lãnh thiên thần? Hắn không chỉ phản bội Ngài, hắn còn dẫn dắt nhiều thiên thần khác cùng hắn và giáng xuống thế giới phàm tục để làm cho nhân loại bại hoại, ấy thế mà đến hôm nay, Ngài vẫn không thể hoàn thành công tác quản lý sáu nghìn năm của Ngài”. Những lời này có đúng không? Khi người nghĩ theo cách này, chẳng phải người đang làm khó mình hơn mức cần thiết sao? Có những người khác nói rằng: “Nếu Sa-tan không làm cho nhân loại bại hoại đến tận hôm nay, Đức Chúa Trời sẽ không mang đến sự cứu rỗi nhân loại như thế này. Như thế, sự khôn ngoan và toàn năng của Đức Chúa Trời sẽ là vô hình; sự khôn ngoan của Ngài sẽ được tỏ lộ ở đâu? Vì lẽ ấy, Đức Chúa Trời đã tạo ra loài người cho Sa-tan để sau đó Ngài có thể mặc khải sự toàn năng của Ngài – nếu không, làm sao con người có thể nhận ra được sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời? Nếu con người đã không chống đối Đức Chúa Trời hay phản nghịch chống lại Ngài, sẽ không cần để các hành động của Ngài được tỏ lộ. Nếu mọi thọ tạo đều thờ phượng Ngài và quy phục Ngài, Đức Chúa Trời sẽ không có công tác để làm”. Điều này càng xa chân tướng của sự thật hơn, bởi không có gì nhor bản về Đức Chúa Trời cả, do đó Ngài không thể tạo nên sự nhor bản. Ngài mặc khải những hành động

của Ngài lúc này chỉ là để đánh bại kẻ thù của Ngài, để cứu rỗi con người mà Ngài đã tạo, và để đánh bại ma quỷ và Sa-tan, những kẻ căm ghét, phản bội, và chống lại Đức Chúa Trời và những kẻ dưới sự thống trị của Ngài và thuộc về Ngài ngay từ đầu. Đức Chúa Trời muốn đánh bại những ma quỷ này và, bằng cách làm như thế, mặc khải sự toàn năng của Ngài với muôn vật. Nhân loại và muôn vật trên đất hiện đang ở dưới quyền của Sa-tan và dưới lãnh thổ của kẻ dữ. Đức Chúa Trời muốn tỏ lộ những hành động của Ngài với muôn vật hầu cho mọi người có thể biết Ngài, nhờ đó đánh bại Sa-tan và đánh bại các kẻ thù của Ngài một cách triệt để. Toàn bộ công tác này được hoàn thành thông qua việc tỏ lộ những hành động của Ngài. Toàn bộ thọ tạo của Ngài đều ở dưới quyền của Sa-tan, do đó Đức Chúa Trời mong muốn mặc khải sự toàn năng của Ngài với họ, nhờ đó đánh bại Sa-tan. Nếu không có Sa-tan, Ngài sẽ không cần tỏ lộ những việc làm của Ngài. Nếu không vì sự quấy nhiễu của Sa-tan, Đức Chúa Trời đã tạo ra nhân loại và dẫn họ vào sống trong Vườn Địa Đàng. Tại sao trước khi Sa-tan phản bội, Đức Chúa Trời lại không bao giờ tỏ lộ mọi việc làm của Ngài với các thiên thần hay với tổng lãnh thiên thần? Nếu, vào lúc đầu, mọi thiên thần và tổng lãnh thiên thần đều biết Đức Chúa Trời và quy phục Ngài, thì Đức Chúa Trời đã không thực hiện những hành động công tác vô nghĩa ấy. Bởi sự tồn tại của Sa-tan và ma quỷ, con người cũng đã chống đối Đức Chúa Trời, và đầy ắp tâm tính phản nghịch. Vì lẽ ấy, Đức Chúa Trời muốn tỏ lộ những hành động của Ngài. Bởi Ngài muốn thực hiện cuộc chiến với Sa-tan, Ngài phải dùng thẩm quyền của riêng Ngài và mọi hành động của Ngài để đánh bại hắn; theo cách này, công tác cứu rỗi mà Ngài thực hiện giữa con người sẽ cho phép họ nhìn thấy sự khôn ngoan và toàn năng của Ngài. Công tác mà Đức Chúa Trời đang làm hôm nay đầy ý nghĩa, và không hề giống như điều một số người ám chỉ khi họ nói: “Chẳng phải công tác Ngài làm là mâu thuẫn sao? Chẳng phải sự tiếp diễn công tác này đơn thuần là một sự thi hành gây rắc rối cho chính Ngài sao? Ngài đã tạo ra Sa-tan, và sau đó cho phép hắn phản bội và chống đối Ngài. Ngài đã tạo ra con người, và sau đó trao họ cho Sa-tan, cho phép A-đam và Ê-va bị cám dỗ. Vì Ngài đã làm tất cả những điều này có chủ đích, tại sao Ngài vẫn khinh ghét nhân loại? Tại sao Ngài lại ghê tởm Sa-tan? Chẳng phải những điều này đều là của chính Ngài làm ra sao? Ngài căm ghét cái gì chứ?” Khá nhiều kẻ ngớ ngẩn nói những điều như thế. Họ muốn yêu Đức Chúa Trời, nhưng tận sâu thẳm, họ oán trách Đức Chúa Trời. Thật nghịch lý! Người không hiểu sự thật, người có quá nhiều ý tưởng dị thường, và người thậm chí tuyên bố rằng Đức Chúa Trời đã phạm sai lầm – người thật ngớ ngẩn! Chính người là kẻ làm trò ngớ ngẩn với sự thật; không phải là Đức Chúa Trời đã phạm sai lầm! Một số người thậm chí oán trách hết lần này đến lần khác: “Chính Ngài đã tạo ra Sa-tan, và

Ngài đuổi Sa-tan xuống giữa con người và trao họ cho hắn. Khi con người sở hữu tâm tính Sa-tan, Ngài đã không tha thứ cho họ; trái lại, Ngài ghét họ ở một mức độ nhất định. Lúc đầu, Ngài yêu họ ở một mức độ nhất định, nhưng giờ thì Ngài khinh ghét họ. Chính Ngài đã căm ghét nhân loại, nhưng Ngài cũng là Đấng đã yêu nhân loại. Chính xác thì chuyện gì đang xảy ra ở đây? Chẳng phải điều này mâu thuẫn sao?” Bất kể các người diễn đạt điều này như thế nào, thì đây cũng là điều đã xảy ra trên trời; đây là cách mà tổng lãnh thiên thần đã phản bội Đức Chúa Trời và nhân loại đã bị bại hoại, và đây là cách con người tiếp tục cho đến ngày nay. Bất kể các người diễn giải như thế nào, thì đó cũng là toàn bộ câu chuyện. Tuy nhiên, các người phải hiểu rằng toàn bộ mục đích đằng sau công tác mà Đức Chúa Trời đang làm ngày nay là cứu rỗi các người và đánh bại Sa-tan.

Bởi các thiên thần đặc biệt dễ bị cám dỗ và không sở hữu khả năng gì cả, họ đã trở nên kiêu ngạo ngay khi họ được trao thẩm quyền. Điều này đặc biệt đúng về tổng lãnh thiên thần, với địa vị cao hơn bất kỳ thiên thần nào khác. Một vị vua giữa các thiên thần, hắn dẫn dắt hàng triệu thiên thần, và dưới Đức Giê-hô-va, thẩm quyền của hắn vượt hơn của bất kỳ thiên thần nào khác. Hắn muốn làm điều này điều nọ, và đưa các thiên thần xuống giữa con người để kiểm soát thế giới. Đức Chúa Trời đã phán rằng Ngài là Đấng Duy Nhất phụ trách vũ trụ; nhưng tổng lãnh thiên thần đã tuyên bố rằng hắn phụ trách vũ trụ – từ đó, tổng lãnh thiên thần đã phản bội Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đã tạo nên một thế giới khác trên trời, và tổng lãnh thiên thần ao ước kiểm soát thế giới này và cũng giáng xuống cõi trần. Có thể nào Đức Chúa Trời cho phép hắn làm như thế không? Do vậy, Ngài đã đánh đuổi tổng lãnh thiên thần và trục xuất hắn xuống không trung. Kể từ khi hắn làm bại hoại con người, Đức Chúa Trời đã tiến hành cuộc chiến với tổng lãnh thiên thần để cứu rỗi họ; Ngài đã dùng sáu nghìn năm này để hướng tới việc đánh bại hắn. Quan niệm của các người về một Đức Chúa Trời toàn năng không tương hợp với công tác mà Đức Chúa Trời hiện đang thực hiện; nó tuyệt đối không thực tế, và rất sai lầm! Thật ra, chỉ sau sự phản bội của tổng lãnh thiên thần, Đức Chúa Trời mới tuyên bố hắn là kẻ thù của Ngài. Chỉ bởi sự phản bội của hắn mà tổng lãnh thiên thần mới giày xéo nhân loại sau khi đến cõi trần, và chính vì lý do này mà nhân loại đã diễn tiến đến mức này. Sau khi điều đó xảy ra, Đức Chúa Trời đã thề với Sa-tan: “Ta sẽ đánh bại ngươi và mang sự cứu rỗi đến toàn thể những con người mà Ta đã tạo dựng”. Lúc đầu Sa-tan không bị thuyết phục và đáp rằng: “Ngài thật có thể làm gì tôi? Ngài thật sự có thể đánh đuổi tôi xuống không trung sao? Ngài thật sự có thể đánh bại tôi sao?” Sau khi Đức Chúa Trời đuổi hắn xuống không trung, Ngài đã không chú ý đến tổng lãnh thiên thần nữa, và sau đó bắt đầu cứu rỗi nhân loại và thực hiện công tác của chính Ngài

bất chấp những sự quấy nhiễu liên tục của Sa-tan. Sa-tan có thể làm điều này điều nọ, nhưng toàn bộ đều là nhờ quyền năng mà Đức Chúa Trời đã ban cho hắn trước kia; hắn mang theo chúng cùng hắn vào không trung, và đã giữ chúng cho đến ngày nay. Khi đánh đuổi tổng lãnh thiên thần xuống không trung, Đức Chúa Trời đã không lấy lại thẩm quyền của hắn, và do đó Sa-tan tiếp tục làm bại hoại nhân loại. Mặt khác, Đức Chúa Trời bắt đầu cứu rỗi nhân loại, những người mà Sa-tan đã làm cho bại hoại không lâu sau khi họ được tạo dựng. Đức Chúa Trời đã không tỏ lộ những hành động của Ngài khi ở trên trời; tuy nhiên, trước khi tạo nên trái đất, Ngài đã cho phép mọi người trên thế giới mà Ngài đã tạo dựng trên trời được nhìn thấy những hành động của Ngài, từ đó hướng dẫn những người phía trên từng trời. Ngài đã ban cho họ sự khôn ngoan và thông minh, và dẫn dắt những người đó sống trong thế giới ấy. Dĩ nhiên, không ai trong các người từng nghe về điều này trước kia. Rồi sau khi Đức Chúa Trời đã tạo nên con người, tổng lãnh thiên thần bắt đầu làm bại hoại họ; trên đất, toàn thể nhân loại rơi vào hỗn loạn. Chỉ khi đó, Đức Chúa Trời mới bắt đầu cuộc chiến của Ngài chống lại Sa-tan, và chỉ vào lúc này con người mới bắt đầu nhìn thấy những việc làm của Ngài. Lúc đầu, những hành động như thế được giấu đi khỏi nhân loại. Sau khi Sa-tan bị đuổi xuống không trung, hắn đã làm những việc của riêng hắn và Đức Chúa Trời đã tiếp tục làm công tác của riêng Ngài, không ngừng thực hiện cuộc chiến chống lại Sa-tan, tận cho đến những ngày sau rốt. Bây giờ là lúc Sa-tan phải bị hủy diệt. Ban đầu, Đức Chúa Trời đã ban cho hắn thẩm quyền, và sau đó Ngài đánh đuổi hắn xuống không trung, nhưng hắn vẫn ngang ngạnh. Sau đó, hắn đã làm bại hoại nhân loại trên đất, nhưng Đức Chúa Trời đã ở đó để quản lý nhân loại. Đức Chúa Trời dùng sự quản lý con người của Ngài để đánh bại Sa-tan. Bằng cách làm cho con người bại hoại, Sa-tan đã khiến vận mệnh của họ đến hồi kết thúc và phá vỡ công tác của Đức Chúa Trời. Mặt khác, công tác của Đức Chúa Trời là cứu rỗi nhân loại. Bước nào của công tác mà Đức Chúa Trời thực hiện lại không nhằm cứu rỗi nhân loại chứ? Bước nào không nhằm thanh tẩy con người, làm cho họ hành xử một cách công chính và sống trọn vẹn hình tượng của những người có thể được yêu thương chứ? Tuy nhiên, Sa-tan không làm điều này. Hắn làm bại hoại nhân loại; hắn không ngừng thực hiện công việc của hắn là làm bại hoại nhân loại trên khắp vũ trụ. Dĩ nhiên, Đức Chúa Trời cũng làm công tác của riêng Ngài, chẳng hề chú ý đến Sa-tan. Bất kể Sa-tan có bao nhiêu thẩm quyền, thẩm quyền đó vẫn là bởi Đức Chúa Trời ban cho hắn; Đức Chúa Trời đơn thuần không thật sự cho hắn mọi thẩm quyền của Ngài, và do đó cho dù Sa-tan làm gì, hắn cũng không bao giờ có thể vượt qua Đức Chúa Trời và sẽ luôn nằm trong tầm tay của Ngài. Đức Chúa Trời đã không tỏ lộ bất kỳ hành động nào của Ngài khi ở trên trời. Ngài đơn thuần

ban cho Sa-tan một phần nhỏ thẩm quyền và cho phép hắn thực hiện kiểm soát các thiên thần khác. Vì lẽ ấy, cho dù Sa-tan làm gì, hắn cũng không thể vượt qua thẩm quyền của Đức Chúa Trời, bởi vì thẩm quyền mà Đức Chúa Trời ban cho hắn lúc đầu chỉ hữu hạn. Khi Đức Chúa Trời hoạt động, Sa-tan quấy phá. Trong những ngày sau rốt, những trò phá vỡ của hắn sẽ bị kết thúc; tương tự, công tác của Đức Chúa Trời cũng sẽ được hoàn tất và dạng người mà Đức Chúa Trời muốn hoàn thiện sẽ được làm cho hoàn thiện. Đức Chúa Trời tích cực dẫn dắt mọi người; sự sống của Ngài là nước hằng sống, mệnh mông và vô hạn. Sa-tan đã làm bại hoại con người đến một mức độ nhất định; cuối cùng, nước hằng sống của sự sống sẽ làm cho con người hoàn thiện, và Sa-tan sẽ không thể gây trở ngại và thực hiện công việc của hắn. Do vậy, Đức Chúa Trời sẽ có thể thu phục những người này hoàn toàn. Thậm chí lúc này, Sa-tan vẫn không chịu chấp nhận điều này; hắn không ngừng cạnh tranh với Đức Chúa Trời, nhưng Ngài chẳng chú ý đến hắn. Đức Chúa Trời đã phán: “Ta sẽ chiến thắng mọi thế lực bóng tối của Sa-tan và mọi sự ảnh hưởng đen tối”. Đây là công tác phải được thực hiện trong xác thịt, và nó cũng là điều làm cho việc trở nên xác thịt có ý nghĩa: tức là, hoàn thành giai đoạn công tác đánh bại Sa-tan trong những ngày sau rốt, và gột sạch mọi thứ thuộc về Sa-tan. Sự chiến thắng của Đức Chúa Trời trước Sa-tan là chắc chắn! Thật ra, Sa-tan đã thất bại từ lâu. Khi Phúc Âm bắt đầu được loan truyền khắp vùng đất của con rồng lớn sắc đỏ – nghĩa là, khi Đức Chúa Trời nhập thể bắt đầu công tác của Ngài và công tác này được khởi động – Sa-tan đã hoàn toàn bị đánh bại, bởi chính mục đích của sự nhập thể là để chế ngự Sa-tan. Ngay khi Sa-tan thấy rằng Đức Chúa Trời đã một lần nữa trở nên xác thịt và bắt đầu thực hiện công tác của Ngài, điều mà không thế lực nào có thể ngăn cản được, hắn vì thế mà đã trở nên chết điếng khi nhìn thấy công tác này, và đã không dám làm thêm việc ác nào nữa. Lúc đầu Sa-tan nghĩ rằng hắn cũng được phú cho rất nhiều sự khôn ngoan, hắn làm gián đoạn và quấy nhiễu công tác của Đức Chúa Trời; tuy nhiên, hắn đã không lường được rằng Đức Chúa Trời đã một lần nữa trở nên xác thịt, hoặc rằng trong công tác của Ngài, Đức Chúa Trời sẽ dùng sự phản nghịch của Sa-tan để phục vụ như một sự mặc khải và phán xét cho nhân loại, bằng cách đó chinh phục nhân loại và đánh bại Sa-tan. Đức Chúa Trời khôn ngoan hơn Sa-tan, và công tác của Ngài vượt xa hắn. Vì lẽ ấy, như Ta đã nói rõ trước đây: “Công tác mà Ta làm được thực hiện để đáp lại những thủ đoạn của Sa-tan; cuối cùng, Ta sẽ mặc khải sự toàn năng của Ta và sự bất lực của Sa-tan”. Đức Chúa Trời sẽ làm công tác của Ngài trên tiền tuyến, trong khi Sa-tan sẽ lê bước theo sau, cho đến khi, cuối cùng, hắn rốt cuộc bị hủy diệt – hắn sẽ thậm chí không biết điều gì tấn công hắn! Hắn sẽ chỉ nhận ra sự thật khi hắn đã bị đánh tan và tiêu diệt, và vào lúc đó,

hắn sẽ bị đốt thành tro trong hồ lửa. Chẳng phải hắn sẽ bị thuyết phục hoàn toàn khi ấy sao? Bởi Sa-tan khi ấy sẽ không còn mưu đồ để sử dụng nữa!

Chính công tác từng bước, mang tính hiện thực này thường khiến lòng Đức Chúa Trời nặng trĩu sầu muộn vì nhân loại, do đó cuộc chiến của Ngài với Sa-tan đã kéo dài sáu nghìn năm, và Đức Chúa Trời đã phán: “Ta sẽ không bao giờ tạo nên con người một lần nữa, Ta cũng sẽ không ban thẩm quyền cho các thiên thần một lần nữa”. Từ đó trở đi, khi các thiên thần đến để hoạt động trên đất, họ đơn thuần theo Đức Chúa Trời để làm một số việc; Ngài không bao giờ cho họ bất kỳ thẩm quyền nào một lần nữa. Các thiên thần mà dân Y-sơ-ra-ên trông thấy đã thực hiện công tác của họ như thế nào? Họ đã tỏ lộ chính họ trong những giấc mơ và truyền đạt lời của Đức Giê-hô-va. Khi Jê-sus phục sinh ba ngày sau khi bị đóng đinh vào thập giá, các thiên thần là những vị đã đẩy tảng đá sang một bên; Thần của Đức Chúa Trời đã không đích thân làm công việc này. Các thiên thần chỉ làm dạng công việc này; họ đã đóng những vai trò hỗ trợ, nhưng không có thẩm quyền, bởi Đức Chúa Trời không bao giờ ban bất kỳ thẩm quyền nào cho họ một lần nữa. Sau khi hoạt động một thời gian, những người mà Đức Chúa Trời đã sử dụng trên đất giả bộ tâm tính của Đức Chúa Trời và nói: “Tôi ước gì mình vượt lên trên vũ trụ! Tôi muốn đứng ở tầng trời thứ ba! Chúng tôi muốn nắm giữ quyền năng tối thượng!” Họ sẽ trở nên kiêu ngạo sau vài ngày làm việc; họ ao ước sở hữu thẩm quyền tối thượng trên đất, để thiết lập một quốc gia khác, để có mọi thứ dưới chân họ, và để đứng ở tầng trời thứ ba. Người không biết rằng người đơn thuần là một người được Đức Chúa Trời sử dụng sao? Làm sao người có thể lên được tầng trời thứ ba? Đức Chúa Trời đến thế gian để làm công tác, một cách thầm lặng và không phô trương, và rồi rời đi sau khi âm thầm hoàn tất công tác của Ngài. Ngài không bao giờ phô trương như con người, mà đúng hơn là thực tế trong việc thực hiện công tác của Ngài. Ngài cũng không bao giờ bước vào một hội thánh và hô to: “Ta sẽ quét sạch hết thầy các người! Ta sẽ rửa sả các người và trừng phạt các người!” Ngài đơn thuần tiếp tục làm công tác của riêng Ngài, và rời đi khi Ngài hoàn tất. Các mục sư tôn giáo chữa bệnh và trừ quỷ, thuyết giảng cho những người khác trên bục, trình bày những bài nói dông dài và hoa mỹ, và thảo luận những vấn đề không thực tế đều kiêu ngạo tột cùng! Họ không ai khác chính là con cháu của tổng lãnh thiên thần!

Sau khi đã thực hiện sáu nghìn năm công tác của Ngài cho đến hiện tại, Đức Chúa Trời đã tỏ lộ nhiều hành động của Ngài, mà mục đích chủ yếu là để đánh bại Sa-tan và mang đến sự cứu rỗi cho toàn thể nhân loại. Ngài đang dùng cơ hội này để cho phép mọi sự trên trời, mọi sự dưới thế, mọi sự trong lòng đại dương, và mọi vật sau cùng trong sự tạo dựng của Đức Chúa Trời trên đất được nhìn thấy sự toàn

năng của Ngài và chứng kiến tất cả những hành động của Ngài. Ngài đang nắm bắt cơ hội có được từ sự đánh bại Sa-tan của Ngài để tỏ lộ mọi việc làm của Ngài với con người, và để cho phép họ ca ngợi Ngài và tán dương sự khôn ngoan của Ngài khi đánh bại Sa-tan. Mọi sự dưới thế, trên trời, và trong lòng đại dương đều mang sự vinh quang đến Đức Chúa Trời, ca ngợi sự toàn năng của Ngài, ca ngợi mỗi một việc làm của Ngài, và hô vang thánh danh Ngài. Đây là bằng chứng cho sự đánh bại Sa-tan của Ngài; nó là bằng chứng cho sự chế ngự Sa-tan của Ngài. Quan trọng hơn, nó là bằng chứng cho sự cứu rỗi nhân loại của Ngài. Toàn thể tạo vật của Đức Chúa Trời mang sự vinh hiển đến Ngài, ca ngợi Ngài đã đánh bại kẻ thù của Ngài và trở lại trong chiến thắng, và tán dương Ngài là Vua chiến thắng vĩ đại. Mục đích của Ngài không chỉ là đánh bại Sa-tan, điều là lý do tại sao công tác của Ngài đã tiếp diễn trong sáu nghìn năm. Ngài dùng sự bại trận của Sa-tan để cứu rỗi nhân loại; Ngài dùng sự bại trận của Sa-tan để tỏ lộ mọi hành động của Ngài và toàn bộ sự vinh hiển của Ngài. Ngài sẽ đạt được vinh hiển, và hết thảy mọi thiên thần sẽ thấy sự vinh hiển của Ngài. Các sứ thần trên trời, con người dưới thế, và mọi vật thọ tạo trên đất sẽ đều thấy sự vinh hiển của Đấng Tạo Hóa. Đây là công tác mà Ngài làm. Tạo vật của Ngài trên trời và dưới thế đều sẽ chứng kiến sự vinh hiển của Ngài, và Ngài sẽ trở lại trong chiến thắng sau khi đã hoàn toàn đánh bại Sa-tan, và cho phép nhân loại ngợi ca Ngài, do đó, đạt được chiến thắng kép trong công tác của Ngài. Cuối cùng, toàn thể nhân loại sẽ được Ngài chinh phục, và Ngài sẽ quét sạch bất kỳ ai chống đối hay phản nghịch; nói cách khác, Ngài sẽ quét sạch tất cả những ai thuộc về Sa-tan. Người hiện đang chứng kiến rất nhiều hành động của Đức Chúa Trời, ấy thế mà người vẫn chống đối, phản nghịch, và không quy phục; người nuôi giữ nhiều điều trong người, và làm bất cứ điều gì người muốn. Người theo những tham muốn và ý thích của riêng mình; toàn bộ việc này là sự phản nghịch và chống đối. Bất kỳ niềm tin nào nơi Đức Chúa Trời vì lợi ích xác thịt và tham muốn của một người, cũng như vì lợi ích ý thích riêng của một người, thế giới, và Sa-tan, thì đều là nhơ bẩn; đó là sự chống đối và phản nghịch từ bản chất. Ngày nay, có đủ loại đức tin khác nhau: Một số người tìm nơi nương náu khỏi thảm họa, và số khác thì tìm kiếm để đạt được những phúc lành; một số ao ước hiểu được các mầu nhiệm, trong khi số khác thì vẫn còn tìm kiếm tiền bạc. Đây là mọi hình thức chống đối và hết thảy đều phạm thượng! Khi nói một người chống đối hay phản nghịch – chẳng phải điều đó ám chỉ những hành vi như thế sao? Nhiều người ngày nay cầu nhàu, oán trách, hay đưa ra những sự phán xét. Đó là tất cả những thứ được thực hiện bởi kẻ đòi bại; họ là những điển hình về sự chống đối và phản nghịch của con người. Những kẻ như thế bị Sa-tan sở hữu và chiếm giữ. Những người mà Đức Chúa Trời thu nhận là những

người quy phục Ngài hoàn toàn; họ là những người đã bị Sa-tan làm cho bại hoại nhưng đã được cứu rỗi và chinh phục bởi công tác hiện tại của Đức Chúa Trời, những người đã chịu đựng những sự khổ cực, và những người mà, cuối cùng, đã được Đức Chúa Trời thu nhận hoàn toàn, những người không còn sống dưới quyền của Sa-tan, những người đã tự do thoát khỏi sự bất chính, và những người sẵn lòng sống trọn vẹn sự thánh khiết – đó là những người thánh khiết nhất trong số con người; họ quả thực là những thánh nhân. Nếu những hành động hiện tại của người không phù hợp với dù chỉ một phần các yêu cầu của Đức Chúa Trời, thì người sẽ bị loại bỏ. Điều này là không thể bàn cãi. Mọi thứ lệ thuộc vào những gì đang diễn ra lúc này; ngay cả khi người đã được định sẵn và được chọn, những hành động của người hôm nay sẽ vẫn quyết định kết cục của người. Nếu bây giờ người không thể theo kịp, người sẽ bị loại bỏ. Nếu bây giờ người không thể theo kịp, làm sao người có thể theo kịp sau này? Một mẫu nhiệm vĩ đại như thế đã xuất hiện trước người, ấy thế mà người vẫn không tin. Vậy thì, làm sao người tin Đức Chúa Trời sau này, khi Ngài đã hoàn thành công tác của Ngài và không còn làm công tác ấy nữa? Lúc đó, người sẽ càng không thể theo Ngài! Sau này, Đức Chúa Trời sẽ dựa vào thái độ của người, kiến thức của người về công tác của Đức Chúa Trời nhập thể, và kinh nghiệm của người để quyết định liệu người tội lỗi hay công chính, hoặc để quyết định liệu người được hoàn thiện hay bị loại bỏ. Người phải thấy rõ lúc này. Đức Thánh Linh hoạt động theo đó: Ngài quyết định kết cục của người theo hành vi của người hôm nay. Ai phán những lời hôm nay? Ai làm công tác của hôm nay? Ai quyết định người sẽ bị loại bỏ hôm nay? Ai quyết định làm cho người hoàn thiện? Chẳng phải đây là những điều Ta đích thân làm sao? Ta là Đấng Duy Nhất phán những lời này; Ta là Đấng Duy Nhất thực hiện công tác như vậy. Rửa sả, trừng phạt, và phán xét con người đều là những phần trong công tác của Ta. Cuối cùng, cũng là tùy ở Ta mà loại bỏ người. Tất cả những điều này là việc của Ta! Làm cho người hoàn thiện là việc của Ta, và cho phép người vui hưởng phúc lành cũng là việc của Ta. Tất cả những điều này đều là công tác Ta làm. Kết cục của người không được Đức Giê-hô-va định trước; nó được quyết định bởi Đức Chúa Trời của ngày hôm nay. Nó được quyết định ngay lúc này; nó không được quyết định từ lâu trước khi thế giới được tạo dựng. Một số người ngớ ngẩn nói rằng: “Có lẽ mắt Ngài bị gì đó, và Ngài không thấy con theo cách Ngài nên thấy. Cuối cùng, Ngài sẽ chỉ thấy điều mà Thần tỏ lộ!” Jê-sus ban đầu chọn Giu-đa làm môn đồ của Ngài. Mọi người thắc mắc: “Làm sao Jê-sus có thể chọn một môn đồ sẽ phản bội Ngài chứ?” Lúc đầu, Giu-đa không có ý định phản bội Jê-sus; điều này chỉ xảy ra sau đó. Vào lúc ấy, Jê-sus đã nhìn Giu-đa một cách khá ưu ái; Ngài đã khiến người đàn ông đó theo Ngài, và đã ban cho ông ta trách nhiệm

về những vấn đề tài chính. Nếu Jêsus biết rằng Giu-đa sẽ biến thủ tiền, Ngài sẽ không bao giờ để ông ta phụ trách những vấn đề đó. Có thể nói rằng Jêsus ban đầu đã không biết rằng người đàn ông này lươn lẹo và lừa dối, hay rằng ông sẽ lừa đảo các anh chị em mình. Sau đó, sau khi Giu-đa đã theo Jêsus một thời gian, Jêsus đã thấy ông lừa phỉnh các anh chị em ông và lừa phỉnh Đức Chúa Trời. Mọi người cũng phát hiện rằng Giu-đa đã có thói quen lấy tiền từ bao tiền, và sau đó họ nói với Jêsus về việc ấy. Chỉ khi đó Jêsus mới bắt đầu nhận biết mọi thứ đang diễn ra. Bởi vì Jêsus định thực hiện công tác bị đóng đinh vào thập giá và cần ai đó phản bội Ngài, và bởi vì Giu-đa rất tình cờ lại là đúng loại người thực hiện vai trò này, Jêsus phán: “Sẽ có một người trong chúng ta phản bội Ta. Con người sẽ dùng sự phản bội này mà bị đóng đinh vào thập giá, và sau ba ngày sẽ phục sinh”. Vào lúc đó, Jêsus đã không thật sự chọn Giu-đa để ông sẽ phản bội Ngài; trái lại, Ngài đã hy vọng rằng Giu-đa sẽ là một môn đồ trung thành. Thật không ngờ, Giu-đa hóa ra lại là một kẻ suy đồi háms lợi đã phản bội Chúa, do đó Jêsus đã dùng tình hình này để chọn Giu-đa cho công tác này. Nếu tất cả mười hai môn đồ của Jêsus đều trung thành và không ai như Giu-đa trong số họ, vậy thì người phản bội Jêsus rốt cuộc sẽ phải là ai đó không phải là một trong các môn đồ. Tuy nhiên, vào lúc ấy, chỉ rất tình cờ rằng có một người trong các môn đồ thích nhận của đút lót: Giu-đa. Vì lẽ ấy, Jêsus đã dùng người này để hoàn thiện công tác của Ngài. Điều này thật đơn giản! Jêsus đã không định trước điều đó vào lúc bắt đầu công tác của Ngài; Ngài chỉ đưa ra quyết định này khi sự việc đã tiến triển đến một mốc nhất định. Đây là quyết định của Jêsus, nghĩa là đó là quyết định của chính Thần của Đức Chúa Trời. Ban đầu, chính Jêsus đã chọn Giu-đa; khi Giu-đa phản bội Jêsus sau đó, đây là điều Đức Thánh Linh đã làm nhằm phục vụ cho những mục đích của riêng Ngài. Đó là công tác của Đức Thánh Linh được thực hiện vào lúc ấy. Khi Jêsus chọn Giu-đa, Ngài đã không biết rằng Giu-đa sẽ phản bội Ngài. Ngài chỉ biết rằng người đàn ông là Giu-đa Ít-ca-ri-ốt. Những kết cục của các người cũng được quyết định tùy theo mức độ quy phục của các người hôm nay và tùy theo mức độ trưởng thành trong đời sống của các người, chứ không phải theo bất kỳ quan niệm con người nào về việc các kết cục của người đã được định trước vào lúc sáng thế. Người phải nhận thức rõ những việc này. Không điều nào trong công tác này được thực hiện theo cách người tưởng tượng cả.

Xét về danh xưng và thân phận

Nếu muốn được phù hợp để Đức Chúa Trời sử dụng, các người phải biết công tác của Đức Chúa Trời; các người phải biết công tác mà Ngài đã làm trước đây (trong Tân và Cựu Ước), và hơn thế nữa, các người phải biết công tác của Ngài ngày nay; điều đó có nghĩa là, các người phải biết ba giai đoạn công tác của Đức Chúa Trời được thực hiện trong 6.000 năm. Nếu người được yêu cầu truyền bá Phúc Âm, thì người sẽ không thể làm vậy mà không biết công tác của Đức Chúa Trời. Ai đó có thể hỏi người về những điều Đức Chúa Trời của các người đã phán về Kinh Thánh, Cựu Ước, công tác và những lời của Jê-sus vào thời điểm đó. Nếu người không thể nói về câu chuyện bên trong Kinh Thánh, thì họ sẽ không bị thuyết phục. Lúc bấy giờ, Jê-sus đã phán nhiều về Cựu Ước với các môn đồ của Ngài. Mọi thứ họ đã đọc đều là từ Cựu Ước; Tân Ước chỉ được viết vài thập kỷ sau khi Jê-sus đã bị đóng đinh mà thôi. Để truyền bá Phúc Âm, các người chủ yếu phải nắm bắt sự thật bên trong của Kinh Thánh, và công tác của Đức Chúa Trời ở Y-sơ-ra-ên, nghĩa là công tác đã được Đức Giê-hô-va thực hiện, và các người cũng phải hiểu công tác đã được Jê-sus thực hiện. Đây là những vấn đề mà tất cả mọi người quan tâm nhất, và câu chuyện bên trong của hai giai đoạn công tác đó là điều mà họ chưa được nghe. Khi truyền bá Phúc Âm, trước tiên hãy gác sang một bên câu chuyện về công tác của Đức Thánh Linh ngày nay. Giai đoạn công tác này nằm ngoài tầm với của họ, bởi vì điều các người theo đuổi là điều cao cả nhất: sự hiểu biết về Đức Chúa Trời, và sự hiểu biết về công tác của Đức Thánh Linh, và không có gì cao quý hơn hai điều này. Nếu trước tiên người nói về điều cao cả, thì sẽ là quá nhiều đối với họ, vì không ai đã từng trải nghiệm công tác của Đức Thánh Linh như vậy; điều đó không có tiền lệ, và không dễ để con người chấp nhận. Những trải nghiệm của họ là những điều xưa cũ từ quá khứ, với một vài công tác thỉnh thoảng của Đức Thánh Linh. Những gì họ trải nghiệm không phải là công tác của Đức Thánh Linh ngày nay, hay ý muốn của Đức Chúa Trời ngày nay. Họ vẫn làm theo các thực hành xưa cũ, không có sự sáng mới, và không có những điều mới mẻ.

Trong thời đại của Jê-sus, Đức Thánh Linh đã chủ yếu thực hiện công tác của Ngài nơi Jê-sus, trong khi những người hầu việc Đức Giê-hô-va mặc áo choàng của thầy tế lễ trong đền thờ đã làm như vậy với lòng trung thành không lay chuyển. Họ cũng đã có công tác của Đức Thánh Linh, nhưng không thể nắm bắt được ý muốn hiện tại của Đức Chúa Trời, mà chỉ đơn thuần giữ trung tín với Đức Giê-hô-va theo các thực hành xưa cũ và không có sự hướng dẫn mới. Jê-sus đã đến và mang lại công tác mới, nhưng những người hầu việc trong đền thờ đã không có sự hướng

dẫn mới, họ cũng không có công tác mới. Hầu việc trong đền thờ, họ chỉ có thể đơn thuần duy trì các thực hành xưa cũ; nếu không rời khỏi đền thờ, họ hoàn toàn không thể có bất kỳ lối vào mới nào. Công tác mới đã được Jêsus mang đến, và Jêsus đã không vào trong đền thờ để làm công tác của Ngài. Ngài chỉ làm công tác của mình bên ngoài đền thờ, vì phạm vi công tác của Đức Chúa Trời đã thay đổi từ lâu. Ngài đã không làm việc trong đền thờ, và khi con người hầu việc Ngài tại đó, điều đó chỉ có thể giữ mọi thứ y như hiện trạng, mà không thể mang lại bất kỳ công tác mới nào. Tương tự, những người mộ đạo ngày nay vẫn tôn sùng Kinh Thánh. Nếu người truyền bá Phúc Âm cho họ, thì họ sẽ ném vào mặt người những tiểu tiết trong lời của Kinh Thánh, và họ sẽ tìm nhiều chứng cứ, khiến người chết lặng và cứng họng; rồi họ sẽ gán nhãn cho người và nghĩ rằng người thật ngu ngốc trong đức tin của mình. Họ sẽ nói: “Bạn thậm chí không biết Kinh Thánh, lời của Đức Chúa Trời, vậy làm sao bạn có thể nói rằng bạn tin vào Đức Chúa Trời?” Khi đó, họ sẽ xem thường người, và cũng sẽ nói: “Vì Đáng mà các bạn tin vào là Đức Chúa Trời, vậy tại sao Ngài không bảo với các bạn mọi điều về Cựu và Tân Ước? Vì Ngài đã mang vinh hiển của Ngài từ Y-sơ-ra-ên đến phương Đông, tại sao Ngài không biết công tác được thực hiện ở Y-sơ-ra-ên? Tại sao Ngài không biết công tác của Jêsus? Nếu các bạn không biết, thì điều đó chứng tỏ rằng các bạn chưa được nói cho biết; vì Ngài là sự nhập thể thứ hai của Jêsus, làm sao Ngài có thể không biết những điều này? Jêsus đã biết công tác do Đức Giê-hô-va thực hiện; làm sao mà Ngài có thể không biết chứ?” Khi đến thời điểm, tất cả họ sẽ hỏi người những câu hỏi như vậy. Đầu họ đầy những thứ như vậy; làm sao họ có thể không hỏi? Những người ở trong dòng chảy này không tập trung vào Kinh Thánh, vì các người đã theo kịp công tác từng bước một được thực hiện bởi Đức Chúa Trời ngày nay, các người đã tận mắt chứng kiến công tác từng bước một này, các người đã thấy rõ ràng ba giai đoạn của công tác, và vì vậy các người đã phải đặt Kinh Thánh xuống và ngừng nghiên cứu nó. Nhưng họ không thể không nghiên cứu nó, vì họ không có hiểu biết về công tác từng bước một này. Một số người sẽ hỏi: “Sự khác biệt giữa công tác được Đức Chúa Trời nhập thể thực hiện và công tác của các tiên tri và các sứ đồ thời xưa là gì? Đa-vít cũng đã được gọi là Chúa, và Jêsus cũng vậy; mặc dù công tác họ đã làm là khác nhau, nhưng họ đều đã được gọi cùng một tên. Nói tôi nghe, tại sao thân phận của họ không giống nhau? Những gì Giăng đã chứng kiến là một khái tượng, điều cũng đã đến từ Đức Thánh Linh, và người đã có thể nói những lời mà Đức Thánh Linh định nói; tại sao thân phận của Giăng lại khác với của Jêsus?” Những lời Jêsus phán ra đã có thể đại diện đầy đủ cho Đức Chúa Trời, và đã đại diện đầy đủ cho công tác của Đức Chúa Trời. Những gì Giăng đã thấy là một khái tượng, và người không có

khả năng đại diện hoàn toàn cho công tác của Đức Chúa Trời. Tại sao Giăng, Phi-e-rơ và Phao-lô đã nói nhiều lời – như Jê-sus đã phán – nhưng họ lại không có cùng thân phận với Jê-sus? Chủ yếu là vì công tác mà họ đã làm là khác nhau. Jê-sus đại diện cho Thần của Đức Chúa Trời, và là Thần của Đức Chúa Trời hoạt động trực tiếp. Ngài đã làm công tác của thời đại mới, công tác mà chưa ai từng làm trước đó. Ngài đã mở ra một con đường mới, Ngài đã đại diện cho Đức Giê-hô-va, và Ngài đã đại diện cho chính Đức Chúa Trời, trong khi với Phi-e-rơ, Phao-lô và Đa-vít, bất kể họ được gọi là gì, họ chỉ đại diện cho thân phận của một loài thọ tạo của Đức Chúa Trời, và đã được sai phái bởi Jê-sus hoặc Đức Giê-hô-va. Vì vậy, cho dù họ đã làm bao nhiêu công tác, cho dù họ đã thực hiện những lễ mầu nhiệm vĩ đại ra sao, họ vẫn chỉ là những loài thọ tạo của Đức Chúa Trời, và không có khả năng đại diện cho Thần của Đức Chúa Trời. Họ đã làm việc nhân danh Đức Chúa Trời hoặc sau khi được Đức Chúa Trời sai phái; hơn nữa, họ đã làm việc trong những thời đại do Jê-sus hoặc Đức Giê-hô-va mở đầu, và họ đã không làm công tác nào khác. Xét cho cùng, họ đơn thuần chỉ là những loài thọ tạo của Đức Chúa Trời mà thôi. Trong Cựu Ước, nhiều tiên tri đã tiên báo, hoặc viết các sách tiên tri. Không ai nói rằng họ là Đức Chúa Trời, nhưng ngay khi Jê-sus bắt đầu làm việc, Thần của Đức Chúa Trời đã làm chứng cho Ngài là Đức Chúa Trời. Tại sao như thế? Tại thời điểm này, người nên biết rồi mới phải! Trước đây, các sứ đồ và các tiên tri đã viết các thư tín khác nhau, và đưa ra nhiều lời tiên tri. Về sau, người ta đã chọn một vài điều trong số chúng để đưa vào Kinh Thánh, và một số đã bị thất lạc. Vì có những người nói rằng mọi thứ họ nói ra đều đến từ Đức Thánh Linh, tại sao một vài điều trong số đó được xem là tốt, còn một vài điều trong số đó bị xem là xấu? Và tại sao một số đã được chọn, còn số khác thì không? Nếu chúng thực sự là những lời được phán bởi Đức Thánh Linh, liệu mọi người có cần thiết phải chọn lọc chúng không? Tại sao các bản ký thuật về những lời được Jê-sus phán và công tác mà Ngài đã làm lại khác nhau ở mỗi sách trong Bốn Sách Phúc Âm? Đây chẳng phải là lỗi của những người đã ghi chép lại chúng sao? Một số người sẽ hỏi: “Vì các thư tín được viết bởi Phao-lô và các tác giả khác của Tân Ước và công tác họ đã làm một phần xuất phát từ ý muốn của con người, và đã bị trộn lẫn với các quan niệm của con người, vậy thì chẳng phải tồn tại sự bất khiết của con người trong những lời mà Ngài (Đức Chúa Trời) phán ngày nay sao? Chúng thực sự không chứa bất kỳ quan niệm nào của con người không?” Giai đoạn công tác này được thực hiện bởi Đức Chúa Trời hoàn toàn khác với những gì đã được thực hiện bởi Phao-lô cùng nhiều sứ đồ và tiên tri. Không chỉ có sự khác biệt ở thân phận, mà về cơ bản, có một sự khác biệt ở công tác được thực hiện. Sau khi Phao-lô bị đánh gục và sắp mình xuống trước Chúa, người đã được Đức Thánh

Linh dẫn dắt để làm việc, và người đã trở thành một người được sai phái. Và vì vậy, người đã viết các thư tín cho các hội thánh, và tất cả các thư tín này đều tuân theo những lời dạy dỗ của Jêsus. Phao-lô đã được Chúa sai đi làm việc nhân danh Đức Chúa Jêsus, nhưng khi chính Đức Chúa Trời đến, Ngài đã không làm việc nhân danh ai cả, và đã không đại diện cho bất kỳ ai ngoài Thần của Đức Chúa Trời trong công tác của Ngài. Đức Chúa Trời đã đến để trực tiếp thực hiện công tác của Ngài: Ngài đã không bị hoàn thiện bởi con người, và công tác của Ngài đã không được thực hiện theo những lời dạy dỗ của bất kỳ người nào. Trong giai đoạn công tác này, Đức Chúa Trời không lãnh đạo bằng cách phán về những kinh nghiệm cá nhân của Ngài, mà thay vào đó trực tiếp thực hiện công tác của Ngài, theo những gì Ngài có. Chẳng hạn, sự thử luyện của những kẻ phục vụ, thời kỳ của hình phạt, sự thử luyện của cái chết, thời kỳ yêu mến Đức Chúa Trời... Đây toàn bộ là những công tác chưa từng được thực hiện trước đây, và là công tác của thời đại hiện nay, chứ không phải là những kinh nghiệm của con người. Trong những lời Ta đã phán, điều nào là những kinh nghiệm của con người? Chẳng phải tất cả chúng đều đến trực tiếp từ Thần, và chẳng phải chúng được Thần ban phát sao? Chỉ là tổ chức của người kém cỏi đến mức người không thể nhìn thấu sự thật! Con đường sự sống thực tế mà Ta nói đến là để dẫn đường, và chưa từng được ai nói đến trước đây, cũng chưa từng có ai trải nghiệm con đường này, hoặc biết về hiện thực này. Trước khi Ta phán ra những lời này, không một ai đã từng nói chúng. Không một ai đã từng nói về những trải nghiệm như vậy, họ cũng chưa từng nói đến những chi tiết như vậy, và hơn nữa, không một ai đã từng chỉ ra những tình trạng như vậy để tiết lộ những điều này. Không một ai đã từng dẫn dắt con đường mà Ta dẫn dắt ngày nay, và nếu nó được dẫn dắt bởi con người, thì đó không phải là một con đường mới. Hãy lấy Phao-lô và Phi-e-rơ làm ví dụ. Họ đã không có những kinh nghiệm cá nhân của riêng mình trước khi Jêsus dẫn đường. Chỉ sau khi Jêsus dẫn đường thì họ mới trải nghiệm những lời Jêsus đã phán và con đường do Ngài dẫn dắt; từ đây, họ đã có được nhiều kinh nghiệm và họ đã viết các thư tín. Và như vậy, những kinh nghiệm của con người không giống với công tác của Đức Chúa Trời, và công tác của Đức Chúa Trời không giống với kiến thức được mô tả bởi các quan niệm và kinh nghiệm của con người. Ta đã phán bao nhiêu lần rằng ngày nay Ta đang dẫn dắt một con đường mới, đang thực hiện công tác mới, và công tác cùng những lời phán của Ta khác với của Giăng và tất cả các tiên tri khác. Ta không bao giờ thu thập kinh nghiệm trước rồi mới phán chúng cho các người – điều đó hoàn toàn không đúng. Nếu như đúng, chẳng phải điều đó đã trì hoãn các người từ lâu sao? Trong quá khứ, kiến thức mà nhiều người đã nói đến cũng được đề cao, nhưng tất cả những lời của họ chỉ được nói dựa trên lời của

những người được gọi là nhân vật tâm linh. Chúng đã không dẫn đường, mà xuất phát từ những kinh nghiệm của họ, xuất phát từ những gì họ đã thấy, và từ kiến thức của họ. Một số thuộc về các quan niệm của họ, còn một số bao gồm kinh nghiệm mà họ đã tổng kết được. Ngày nay, thực chất công tác của Ta hoàn toàn khác với của họ. Ta đã không trải qua việc bị người khác dẫn dắt, Ta cũng không chấp nhận bị người khác hoàn thiện. Hơn nữa, mọi điều Ta đã phán và thông công không giống như của bất kỳ ai khác, và chưa từng được nói bởi bất kỳ ai khác. Ngày nay, bất kể các người là ai, thì công tác của các người cũng được thực hiện dựa trên cơ sở những lời Ta phán. Không có những lời phán và công tác này, ai sẽ có khả năng trải nghiệm những điều này (sự thử luyện của những kẻ phục vụ, thời kỳ của hình phạt...), và ai sẽ có thể nói về những hiểu biết như vậy? Người thực sự không có khả năng nhìn thấy điều này sao? Bất kể là bước nào của công tác, ngay khi lời của Ta được phán ra, các người bắt đầu thông công theo lời của Ta, hành động theo chúng, và đó không phải là con đường mà bất kỳ ai trong các người đã từng nghĩ đến. Đã đi xa đến mức này rồi mà các người không có khả năng nhìn thấy một vấn đề rõ ràng và đơn giản như vậy sao? Nó không phải là một con đường mà ai đó đã nghĩ ra, nó cũng không được dựa trên bất kỳ nhân vật tâm linh nào. Nó là một con đường mới, và thậm chí nhiều lời đã từng được Jêsus phán ra không còn khả dụng nữa. Những gì Ta phán là công tác mở ra một kỷ nguyên mới, và đó là công tác độc lập; công tác Ta làm và những lời Ta phán hết thảy đều hoàn toàn mới. Chẳng phải đây là công tác mới của ngày nay sao? Công tác của Jêsus cũng đã giống như vậy. Công tác của Ngài cũng đã khác với của những người trong đền thờ, nó cũng khác với công tác của những người Pha-ri-si, và cũng đã không có bất kỳ sự tương đồng nào với công tác được thực hiện bởi tất cả dân Y-sơ-ra-ên. Sau khi chứng kiến điều đó, mọi người đã không thể đưa ra quyết định: “Nó có thực sự đã được thực hiện bởi Đức Chúa Trời không?” Jêsus đã không tuân giữ luật pháp của Đức Giê-hô-va; khi Ngài đến để dạy dỗ con người, tất cả những gì Ngài đã phán đều mới mẻ và khác biệt so với những gì mà các thánh đồ xưa và các tiên tri của Cựu Ước đã nói, và vì điều này nên mọi người vẫn không chắc chắn. Đây là điều khiến cho con người rất khó xử. Trước khi chấp nhận giai đoạn công tác mới này, con đường mà đa số các người đã đi là thực hành và bước vào dựa trên nền tảng lời của những nhân vật tâm linh đó. Nhưng ngày nay, công tác mà Ta làm rất khác biệt, và vì vậy các người không thể quyết định liệu nó có đúng hay không. Ta không quan tâm người đã đi con đường nào trước đây, Ta cũng không hứng thú với việc người đã ăn “thức ăn” của ai, hoặc người đã nhận ai làm “cha” mình. Vì Ta đã đến và mang công tác mới để hướng dẫn con người, tất cả những ai theo Ta đều phải hành động theo những gì Ta

phán. Cho dù “gia đình” mà người xuất thân quyền lực ra sao, người cũng phải theo Ta, người không được hành động theo những thực hành trước đây của mình, “cha nuôi” của người nên rời vị trí, và người nên đến trước Đức Chúa Trời của người để tìm kiếm phần xứng đáng của mình. Toàn bộ của người đều nằm trong tay Ta và người không nên dành quá nhiều niềm tin mù quáng cho cha nuôi của mình; ông ấy không thể hoàn toàn kiểm soát người. Công tác của ngày nay là độc lập. Tất cả những gì Ta phán ngày nay rõ ràng không dựa trên nền tảng từ quá khứ; nó là một khởi đầu mới, và nếu người nói rằng nó được tạo ra bởi bàn tay của con người, thì người là một kẻ mù quáng vô phương cứu chữa!

Ê-sai, Ê-xê-chi-ên, Môi-se, Đa-vít, Áp-ra-ham và Đa-ni-ên là những nhà lãnh đạo hoặc tiên tri trong số những dân sự được chọn của Y-sơ-ra-ên. Tại sao họ đã không được gọi là Đức Chúa Trời? Tại sao Đức Thánh Linh đã không làm chứng cho họ? Tại sao Đức Thánh Linh đã làm chứng cho Jê-sus ngay khi Ngài bắt đầu công tác và bắt đầu phán những lời của Ngài? Và tại sao Đức Thánh Linh đã không làm chứng cho những người khác? Họ, những con người của xác thịt, tất cả đều đã được gọi là “Chúa”. Bất kể họ đã được gọi là gì, công tác của họ đại diện cho hữu thể và thực chất của họ, còn hữu thể và thực chất của họ đại diện cho thân phận của họ. Thực chất của họ không liên quan đến danh xưng của họ; nó được đại diện bởi những gì họ đã thể hiện, và những gì họ đã sống thể hiện ra. Trong Cựu Ước, không có gì khác thường khi được gọi là “Chúa”, và một người có thể được gọi theo bất kỳ cách nào, nhưng thực chất và thân phận vốn có của họ là không đổi. Trong số những Christ giả, những tiên tri giả và những kẻ lừa gạt, chẳng phải cũng có những người được gọi là “Đức Chúa Trời” hay sao? Và tại sao họ không phải là Đức Chúa Trời? Bởi vì họ không có khả năng làm công tác của Đức Chúa Trời. Về cơ bản, họ là con người, những kẻ lừa gạt mọi người, không phải là Đức Chúa Trời, và vì vậy họ không có thân phận của Đức Chúa Trời. Chẳng phải Đa-vít cũng đã được gọi là Chúa giữa mười hai chi phái sao? Jê-sus cũng đã được gọi là Chúa; tại sao chỉ một mình Jê-sus được gọi là Đức Chúa Trời nhập thể? Chẳng phải Giê-rê-mi cũng đã được biết đến như Con người sao? Và chẳng phải Jê-sus đã được biết đến như Con người sao? Tại sao Jê-sus đã bị đóng đinh thay mặt cho Đức Chúa Trời? Chẳng phải vì thực chất của Ngài là khác biệt sao? Chẳng phải vì công tác Ngài đã làm là khác biệt sao? Danh hiệu có quan trọng không? Mặc dù Jê-sus cũng đã được gọi là Con người, nhưng Ngài là sự nhập thể đầu tiên của Đức Chúa Trời, Ngài đã đến để nắm quyền, và hoàn thành công tác cứu chuộc. Điều này chứng tỏ rằng thân phận và thực chất của Jê-sus khác với những người khác cũng đã được gọi là Con người. Ngày nay, ai trong các người dám nói rằng mọi lời được nói ra bởi những người đã được Đức

Thánh Linh sử dụng đều đến từ Đức Thánh Linh? Có ai dám nói những điều như thế không? Nếu người nói những điều như thế, thì tại sao sách tiên tri của E-xơ-ra đã bị loại bỏ, và tại sao cũng làm điều tương tự với sách của các thánh đồ và tiên tri cổ đại đó? Nếu tất cả chúng đều đến từ Đức Thánh Linh, thì tại sao các người lại dám đưa ra những lựa chọn thất thường như vậy? Người có đủ tư cách để lựa chọn công tác của Đức Thánh Linh sao? Nhiều câu chuyện từ Y-sơ-ra-ên cũng đã bị loại bỏ. Và nếu người tin rằng tất cả các ghi chép này của quá khứ đều đến từ Đức Thánh Linh, thì tại sao một số sách lại bị loại bỏ? Nếu tất cả chúng đều đã đến từ Đức Thánh Linh, tất cả chúng lẽ ra nên được giữ lại, và được gửi đến cho các anh chị em của các hội thánh đọc. Chúng không nên được lựa chọn hoặc bị loại bỏ bởi ý muốn của con người; làm vậy là sai. Nói rằng những kinh nghiệm của Phao-lô và Giăng đã bị trộn lẫn với những thông hiểu cá nhân của họ không có nghĩa là những kinh nghiệm và kiến thức của họ đã xuất phát từ Sa-tan, mà chỉ là họ đã có những điều đến từ những kinh nghiệm và thông hiểu cá nhân của họ. Kiến thức của họ là dựa theo nền tảng của những kinh nghiệm thực tế vào thời điểm đó, và ai có thể tự tin nói rằng tất cả đều đã đến từ Đức Thánh Linh? Nếu tất cả Bốn Sách Phúc Âm đều đến từ Đức Thánh Linh, thì tại sao Ma-thi-ơ, Mác, Lu-ca và Giăng mỗi người lại nói điều gì đó khác biệt về công tác của Jê-sus? Nếu người không tin điều này, thì hãy xem các bản ký thuật trong Kinh Thánh về việc Phi-e-rơ đã chối Chúa ba lần như thế nào: Tất cả chúng đều khác nhau, và mỗi bản ký thuật đều có những đặc điểm riêng của chúng. Nhiều kẻ ngu dốt nói rằng: “Đức Chúa Trời nhập thể cũng là một con người, vậy có thể nào những lời Ngài phán hoàn toàn đến từ Đức Thánh Linh không? Nếu những lời của Phao-lô và Giăng đã bị trộn lẫn với ý muốn của con người, thì những lời mà Ngài phán có thực sự không bị trộn lẫn với ý muốn của con người không?” Những kẻ nói mấy điều như vậy thật mù quáng và ngu dốt! Hãy đọc kỹ Bốn Sách Phúc Âm; đọc những gì chúng ghi lại về những điều mà Jê-sus đã làm, và những lời Ngài đã phán. Mỗi bản ký thuật hoàn toàn khác nhau, và mỗi bản đều có góc nhìn riêng của nó. Nếu những gì được viết bởi các tác giả của các sách này đều hết thảy đến từ Đức Thánh Linh, thì tất cả sẽ giống nhau và nhất quán. Vậy thì tại sao lại có những khác biệt? Chẳng phải con người cực kỳ ngu ngốc khi không thể nhìn thấy điều này sao? Nếu người được yêu cầu làm chứng cho Đức Chúa Trời, người có thể cung cấp loại chứng ngôn nào? Một kiểu nhận biết Đức Chúa Trời như vậy có thể làm chứng cho Ngài không? Nếu những người khác hỏi người: “Nếu các bản ghi chép của Giăng và Lu-ca bị trộn lẫn với ý muốn của con người, thì chẳng lẽ những lời được phán ra bởi Đức Chúa Trời của các bạn lại không bị trộn lẫn với ý muốn của con người hay sao?” thì người có thể đưa ra một câu trả lời rõ ràng không? Sau khi

Lu-ca và Ma-thi-ơ đã nghe những lời của Jê-sus và thấy công tác của Jê-sus, họ đã nói về hiểu biết của riêng họ, theo cách hồi tưởng chi tiết một số sự thật của công tác đã được Jê-sus thực hiện. Người có thể nói rằng hiểu biết của họ đã được mặc khải hoàn toàn bởi Đức Thánh Linh không? Bên ngoài Kinh Thánh, đã có nhiều nhân vật tâm linh uyên thâm hơn họ; vậy tại sao những lời nói của họ không được các thế hệ sau đón nhận? Chẳng phải họ cũng đã được Đức Thánh Linh sử dụng sao? Cần biết rằng trong công tác của ngày nay, Ta không phải đang phán về hiểu biết của riêng Ta dựa trên nền tảng công tác của Jê-sus, Ta cũng không phải đang phán về hiểu biết của riêng Ta dựa trên bối cảnh công tác của Jê-sus. Jê-sus đã làm công tác gì vào thời điểm đó? Và Ta đang làm công tác gì ngày nay? Những gì Ta làm và phán không có tiền lệ. Con đường mà Ta đi ngày nay chưa từng được đặt chân lên trước đây, nó chưa từng được những người của các thời đại và các thế hệ trước đi qua. Ngày nay, nó đã được mở ra, và chẳng phải đây là công tác của Thần sao? Mặc dù nó là công tác của Đức Thánh Linh, nhưng tất cả các nhà lãnh đạo của quá khứ đều đã thực hiện công tác của họ dựa trên nền tảng của những người khác; tuy nhiên, công tác của chính Đức Chúa Trời thì khác. Giai đoạn công tác của Jê-sus cũng vậy: Ngài đã mở ra một con đường mới. Khi Ngài đến, Ngài đã rao giảng Phúc Âm của thiên quốc, và đã phán rằng con người nên ăn năn và xưng tội. Sau khi Jê-sus đã hoàn thành công tác của Ngài, Phi-e-rơ và Phao-lô cùng những người khác bắt đầu tiếp tục thực hiện công tác của Jê-sus. Sau khi Jê-sus đã bị đóng đinh trên thập tự giá và thăng thiên, họ được Thần sai đi để rao truyền con đường của thập tự giá. Mặc dù những lời của Phao-lô đã được tán dương, nhưng chúng cũng đã dựa trên nền tảng được đặt ra bởi những gì Jê-sus đã phán, chẳng hạn như sự nhẫn nại, tình yêu thương, sự chịu khổ, việc trù đầu, phép báp-têm, hoặc các giáo lý khác phải được tuân theo. Tất cả điều này đã được nói ra dựa trên nền tảng những lời của Jê-sus. Họ đã không có khả năng mở ra một con đường mới, vì tất cả họ đều là những người được Đức Chúa Trời sử dụng.

Những lời phán và công tác của Jê-sus lúc bấy giờ đã không tuân theo giáo lý, và Ngài đã không thực hiện công tác của Ngài theo công tác của luật pháp trong Cựu Ước. Nó được thực hiện theo công tác phải làm trong Thời đại Ân điển. Ngài đã dốc sức theo công tác mà Ngài đã đưa ra, theo kế hoạch của riêng Ngài, và theo chức vụ của Ngài; Ngài đã không làm việc theo luật pháp của Cựu Ước. Không điều nào Ngài đã làm là theo luật pháp của Cựu Ước, và Ngài đã không đến làm việc để làm ứng nghiệm lời của các tiên tri. Mỗi giai đoạn công tác của Đức Chúa Trời không phải được thực hiện chỉ để làm ứng nghiệm những lời tiên báo của các tiên tri thời xưa, và Ngài đã không tuân theo giáo lý hoặc cố ý hiện thực hóa những lời tiên báo

của các tiên tri thời xưa. Tuy nhiên, những hành động của Ngài đã không phá vỡ những lời tiên báo của các nhà tiên tri thời xưa, và chúng cũng không làm nhiễu loạn công tác mà Ngài đã thực hiện trước đây. Điểm nổi bật trong công tác của Ngài là không tuân theo bất kỳ giáo lý nào, mà thay vào đó, thực hiện công tác mà chính Ngài phải làm. Ngài không phải là một nhà tiên tri hoặc nhà tiên kiến, mà là một nhà hoạt động, người đã thực sự đến để làm công tác mà Ngài phải làm, và Ngài đã đến để mở ra kỷ nguyên mới của Ngài và thực hiện công tác mới của Ngài. Dĩ nhiên, khi Jêsus đến để thực hiện công tác của Ngài, Ngài cũng đã làm ứng nghiệm nhiều lời được nói ra bởi các tiên tri thời xưa trong Cựu Ước. Vì vậy, công tác của ngày nay cũng đã ứng nghiệm những lời tiên báo của các tiên tri thời xưa trong Cựu Ước. Chỉ là Ta không ôn lại “quyển niên giám cũ ố vàng”, chỉ thế thôi. Vì có nhiều việc hơn mà Ta phải làm, có nhiều lời hơn mà Ta phải phán với các người, công tác và những lời này có tầm quan trọng lớn hơn nhiều so với việc giải thích các phân đoạn trong Kinh Thánh, bởi vì công tác như thế không có ý nghĩa hoặc giá trị to lớn cho các người, và không thể giúp các người, hoặc thay đổi các người. Ta dự định làm công tác mới không phải để làm ứng nghiệm bất kỳ phân đoạn nào trong Kinh Thánh. Nếu Đức Chúa Trời chỉ đến thế gian để làm ứng nghiệm lời của các tiên tri thời xưa trong Kinh Thánh, thì ai vĩ đại hơn, Đức Chúa Trời nhập thể hay các tiên tri thời xưa đó? Rốt cuộc, các tiên tri cai quản Đức Chúa Trời, hay Đức Chúa Trời cai quản các tiên tri? Người giải thích những lời này như thế nào?

Lúc đầu, khi Jêsus chưa chính thức thực hiện chức vụ của Ngài, giống như các môn đồ đi theo Ngài, đôi khi Ngài cũng đã tham dự các buổi nhóm, hát thánh ca, dâng lời ngợi khen và đọc Cựu Ước trong đền thờ. Sau khi Ngài chịu phép báp-têm và lên khỏi nước, Thần đã chính thức ngự xuống trên Ngài và bắt đầu làm việc, tiết lộ thân phận của Ngài và chức vụ mà Ngài phải đảm nhận. Trước đó, đã không ai biết thân phận của Ngài, và ngoài Ma-ri, thậm chí cả Giăng cũng không biết. Jêsus được 29 tuổi khi Ngài chịu phép báp-têm. Sau khi phép báp-têm của Ngài được hoàn tất, các tầng trời đã được mở ra, và có một tiếng phán rằng: “Đây là Con yêu dấu của ta, đẹp lòng ta mọi đàng”. Một khi Jêsus đã chịu phép báp-têm, Đức Thánh Linh đã bắt đầu làm chứng cho Ngài theo cách này. Trước khi chịu phép báp-têm ở tuổi 29, Ngài đã sống cuộc đời của một người bình thường, ăn khi Ngài phải ăn, ngủ và ăn mặc một cách bình thường, và không có điều gì ở Ngài là khác với những người khác, dù tất nhiên, điều này chỉ là đối với mắt trần của con người. Đôi khi Ngài cũng đã yếu đuối, và đôi khi Ngài cũng đã không thể nhận thức rõ được mọi thứ, như được ghi lại trong Kinh Thánh: Trí thông minh của Ngài đã phát triển cùng với tuổi tác của Ngài. Những lời này chỉ đơn thuần cho thấy rằng Ngài đã có một nhân tính

bình thường và thông thường, và rằng Ngài đã không đặc biệt khác với những người bình thường khác. Ngài cũng đã lớn lên như một người bình thường, và không có gì đặc biệt ở Ngài. Tuy nhiên, Ngài đã được sự chăm sóc và bảo vệ của Đức Chúa Trời. Sau khi chịu phép báp-têm, Ngài đã bắt đầu bị cám dỗ, sau đó Ngài đã bắt đầu thực hiện chức vụ của mình và làm việc, trở nên sở hữu quyền năng, sự khôn ngoan và thẩm quyền. Điều này không có nghĩa là Đức Thánh Linh đã không hoạt động nơi Ngài trước phép báp-têm cho Ngài, hoặc đã không ở bên trong Ngài. Trước khi Ngài chịu phép báp-têm, Đức Thánh Linh cũng đã ngự bên trong Ngài nhưng chưa chính thức bắt đầu hành động, vì có những giới hạn khi Đức Chúa Trời làm công tác của Ngài, và hơn nữa, người bình thường có một quá trình trưởng thành bình thường. Đức Thánh Linh đã luôn sống trong Ngài. Khi Jêsus được sinh ra, Ngài khác với những người khác, và một ngôi sao mai xuất hiện; trước khi Ngài được sinh ra, một thiên sứ đã hiện ra với Giô-sép trong giấc mơ và nói với người rằng Ma-ri sẽ sinh ra một bé trai, và rằng đứa trẻ đã được thai dựng bởi Đức Thánh Linh. Sau khi Jêsus chịu phép báp-têm, Đức Thánh Linh đã bắt đầu công tác của Ngài, nhưng điều này không có nghĩa là Đức Thánh Linh mới chỉ vừa ngự xuống trên Ngài. Việc nói rằng Đức Thánh Linh đã ngự xuống như chim bồ câu trên Ngài ám chỉ sự khởi đầu chính thức cho chức vụ của Ngài. Thần của Đức Chúa Trời đã ở trong Ngài trước đó, nhưng Ngài chưa bắt đầu hành động, vì vẫn chưa đến lúc, và Thần đã không bắt đầu hành động một cách vội vàng. Thần đã làm chứng cho Ngài thông qua phép báp-têm. Khi Ngài lên khỏi mặt nước, Thần đã bắt đầu chính thức hoạt động nơi Ngài, điều này biểu thị rằng xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời đã bắt đầu thực hiện chức vụ của Ngài, và đã bắt đầu công tác cứu chuộc, nghĩa là Thời đại Ân điển đã chính thức bắt đầu. Và vì vậy, có một thời điểm cho công tác của Đức Chúa Trời, bất kể Ngài làm công tác gì. Sau phép báp-têm của Ngài, đã không có những thay đổi đặc biệt ở Jêsus; Ngài vẫn ở trong xác thịt ban đầu của mình. Chỉ là Ngài đã bắt đầu công tác của mình và tiết lộ thân phận của mình, và Ngài đã có đầy đủ thẩm quyền và quyền năng. Về mặt này, Ngài đã khác với trước đây. Thân phận của Ngài đã khác, nghĩa là đã có một sự thay đổi đáng kể về địa vị của Ngài; đây là chứng ngôn của Đức Thánh Linh, chứ không phải là công tác được thực hiện bởi con người. Lúc đầu, mọi người đã không biết, và họ chỉ bắt đầu biết được đôi chút khi Đức Thánh Linh làm chứng cho Jêsus theo cách như vậy. Nếu Jêsus đã làm công tác vĩ đại trước khi Đức Thánh Linh làm chứng cho Ngài, mà không có chứng ngôn của chính Đức Chúa Trời, thì bất kể công tác của Ngài vĩ đại ra sao, mọi người cũng sẽ không bao giờ biết đến thân phận của Ngài, vì mắt người không có khả năng nhìn thấy điều đó. Không có bước làm chứng của Đức Thánh Linh, không ai có thể nhận

ra Ngài là Đức Chúa Trời nhập thể. Nếu sau khi Đức Thánh Linh đã làm chứng cho Ngài, Jêsus tiếp tục hành động theo cách tương tự, không có sự khác biệt nào, thì nó sẽ không có được hiệu quả như thế, và qua đây chủ yếu cũng chứng minh được công tác của Đức Thánh Linh. Sau khi Đức Thánh Linh làm chứng, Đức Thánh Linh đã phải hiển lộ chính Ngài, hầu cho người có thể thấy rõ rằng Ngài là Đức Chúa Trời, rằng có Thần của Đức Chúa Trời bên trong Ngài; chứng ngôn của Đức Chúa Trời không sai, và điều này đã có thể chứng minh rằng chứng ngôn của Ngài là đúng. Nếu công tác của Ngài trước và sau khi có chứng ngôn của Đức Thánh Linh là như nhau, thì chức vụ nhập thể của Ngài và công tác của Đức Thánh Linh sẽ không nổi bật, và do đó con người sẽ không có khả năng nhận ra công tác của Đức Thánh Linh, vì không có sự khác biệt rõ ràng. Sau khi làm chứng, Đức Thánh Linh đã phải duy trì chứng ngôn này, và vì thế Ngài đã phải biểu lộ sự khôn ngoan và thẩm quyền của Ngài nơi Jêsus, điều này khác với quá khứ. Tất nhiên, đây không phải là kết quả của phép báp-têm; phép báp-têm chỉ đơn thuần là một nghi lễ, chỉ là phép báp-têm là cách để cho thấy rằng đã đến lúc thực hiện chức vụ của Ngài. Công tác đó là để làm rõ quyền năng vĩ đại của Đức Chúa Trời, để làm rõ chứng ngôn của Đức Thánh Linh, và Đức Thánh Linh sẽ chịu trách nhiệm về chứng ngôn này cho đến tận cùng. Trước khi thực hiện chức vụ của mình, Jêsus cũng đã lắng nghe các bài giảng, thuyết giảng và truyền bá Phúc Âm ở nhiều nơi khác nhau. Ngài đã không làm bất kỳ công tác vĩ đại nào vì vẫn chưa đến lúc để Ngài thực hiện chức vụ của Ngài, và cũng vì chính Đức Chúa Trời đã khiêm nhường ẩn mình trong xác thịt, và đã không làm bất kỳ công tác nào cho đến khi thời điểm chín muồi. Ngài đã không làm công tác trước khi chịu phép báp-têm vì hai lý do: Thứ nhất, vì Đức Thánh Linh đã chưa chính thức ngự xuống trên Ngài để hành động (nghĩa là, Đức Thánh Linh đã chưa ban cho Jêsus quyền năng và thẩm quyền để làm công tác như thế), và ngay cả khi Ngài đã biết được thân phận của chính mình, Jêsus sẽ không có khả năng thực hiện công tác mà Ngài đã dự định làm sau này, và sẽ phải đợi đến ngày chịu phép báp-têm. Đây là thời gian của Đức Chúa Trời, và không ai có khả năng làm trái điều đó, ngay cả bản thân Jêsus; bản thân Jêsus cũng đã không thể làm gián đoạn công tác của chính Ngài. Tất nhiên, đây là sự khiêm nhường của Đức Chúa Trời, và cũng là quy luật trong công tác của Đức Chúa Trời; nếu Thần của Đức Chúa Trời không hành động thì không ai có thể làm công tác của Ngài. Thứ hai, trước khi Ngài chịu phép báp-têm, Ngài chỉ là một người rất thông thường và bình thường, và không khác gì những người thông thường và bình thường khác; đây là một khía cạnh của việc Đức Chúa Trời nhập thể không phải là siêu nhiên ra sao. Đức Chúa Trời nhập thể đã không đi ngược lại những sự sắp đặt của Thần của Đức Chúa Trời; Ngài đã làm việc một cách

có trật tự và Ngài đã làm việc một cách rất bình thường. Chỉ sau khi chịu phép báp-têm thì công tác của Ngài mới có thẩm quyền và quyền năng. Điều đó có nghĩa là, mặc dù Ngài là Đức Chúa Trời nhập thể, nhưng Ngài đã không thực hiện bất kỳ hành động siêu nhiên nào, và Ngài đã trưởng thành giống như những người bình thường khác. Nếu Jê-sus đã biết thân phận của chính Ngài, đã làm công tác vĩ đại trên khắp vùng đất trước khi Ngài chịu phép báp-têm, và đã khác với người bình thường, thể hiện bản thân Ngài là phi thường, thì chẳng những Giảng sẽ không thể làm công tác của mình, mà cũng sẽ không có cách nào để Đức Chúa Trời bắt đầu bước tiếp theo trong công tác của Ngài. Và vì vậy, điều này sẽ chứng minh rằng những gì Đức Chúa Trời đã làm đều sai lầm, và với con người, sẽ có vẻ như Thần của Đức Chúa Trời và xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời không đến từ cùng một nguồn gốc. Vì vậy, công tác của Jê-sus được ghi lại trong Kinh Thánh là công tác đã được thực hiện sau khi Ngài chịu phép báp-têm, công tác đã được thực hiện trong suốt ba năm. Kinh Thánh không ghi lại những gì Ngài đã làm trước khi Ngài chịu phép báp-têm vì Ngài đã không làm công tác này trước khi Ngài chịu phép báp-têm. Ngài đã chỉ đơn thuần là một người bình thường, và đại diện cho một người bình thường; trước khi Jê-sus bắt đầu thực hiện chức vụ của mình, Ngài đã không khác gì những người bình thường, và những người khác không thể nhận thấy sự khác biệt nào ở Ngài. Chỉ sau khi Ngài được 29 tuổi thì Jê-sus mới biết Ngài đã đến để hoàn thành một giai đoạn công tác của Đức Chúa Trời; trước đó, bản thân Ngài đã không biết việc này, vì công tác mà Đức Chúa Trời thực hiện không phải là siêu nhiên. Khi Ngài tham dự một buổi nhóm trong nhà hội ở tuổi mười hai, Ma-ri đang tìm Ngài, và Ngài đã chỉ nói một câu, theo cách tương tự như bất kỳ đứa trẻ nào khác: “Mẹ! Mẹ có biết rằng Tôi phải đặt ý muốn của Cha Tôi lên trên mọi thứ khác không?” Tất nhiên, vì Ngài đã được thai dựng bởi Đức Thánh Linh, chẳng lẽ Jê-sus không thể đặc biệt theo một cách nào đó sao? Nhưng sự đặc biệt của Ngài không có nghĩa Ngài là siêu nhiên, mà chỉ đơn thuần là Ngài yêu mến Đức Chúa Trời hơn bất kỳ đứa trẻ nhỏ nào khác. Mặc dù bề ngoài Ngài là con người, nhưng thực chất của Ngài vẫn đặc biệt và khác biệt so với những người khác. Nhưng, chỉ sau khi chịu phép báp-têm thì Ngài mới thực sự cảm nhận được Đức Thánh Linh đang hoạt động trong Ngài, cảm nhận rằng Ngài là chính Đức Chúa Trời. Chỉ đến khi Ngài đã bước sang tuổi 33 thì Ngài mới thực sự nhận ra rằng Đức Thánh Linh đã dự định thực hiện công tác đóng đinh thông qua Ngài. Ở tuổi 32, Ngài đã bắt đầu biết được một số sự thật bên trong, như được viết trong Phúc Âm của Ma-thi-ơ: “Si-môn Phi -e-rơ thưa rằng: Chúa là Đấng Christ, con Đức Chúa Trời hằng sống. ... Từ đó, Đức Chúa Jê-sus mới tỏ cho môn đồ biết rằng mình phải đi đến thành Giê-ru-sa-lem, phải chịu tại đó nhiều sự khốn khổ bởi những người

trưởng lão, thầy tế lễ cả, cùng thầy thông giáo, và phải bị giết, đến ngày thứ ba phải sống lại”. Ngài đã không biết trước mình phải làm công tác gì, cho đến một thời điểm cụ thể. Ngài đã không biết đầy đủ ngay khi Ngài được sinh ra; Đức Thánh Linh đã dần dần hoạt động trong Ngài, và đã có một quá trình để hành động. Nếu ngay từ đầu, Ngài đã biết rằng Ngài là Đức Chúa Trời, là Đấng Christ, và là Con người nhập thể, rằng Ngài phải hoàn thành công tác chịu đóng đinh, thì tại sao Ngài đã không làm việc trước đó? Tại sao chỉ sau khi phán với các môn đồ về chức vụ của Ngài thì Jêsus mới cảm thấy đau khổ và cầu nguyện tha thiết về điều này? Tại sao Giăng đã mở đường cho Ngài và làm phép báp-têm cho Ngài trước khi Ngài bắt đầu hiểu được nhiều điều mà trước đó Ngài chưa hiểu? Điều này chứng tỏ rằng đó là công tác của Đức Chúa Trời nhập thể trong xác thịt, và vì vậy đã có một quá trình để Ngài hiểu và đạt được, vì Ngài là xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời, Đấng có công tác khác với công tác được thực hiện trực tiếp bởi Thần.

Mỗi bước trong công tác của Đức Chúa Trời đều theo cùng một dòng chảy, và vì vậy trong kế hoạch quản lý sáu nghìn năm của Đức Chúa Trời, mỗi bước đều đã được theo sát bởi bước kế tiếp, từ buổi sáng thế xuyên suốt đến ngày nay. Nếu không có ai dọn đường, thì sẽ không có ai theo sau; vì có những người theo sau, nên có những người dọn đường. Theo cách này, công tác đã được truyền lại, từng bước một. Bước này nối tiếp bước kia, và nếu không có ai mở đường thì sẽ không thể bắt đầu công tác, và Đức Chúa Trời sẽ không có cách nào để đưa công tác của Ngài tiến triển. Không có bước nào mâu thuẫn với bước nào, và từng bước nối tiếp nhau theo chuỗi để tạo thành một dòng chảy; tất cả điều này được thực hiện bởi cùng một Thần. Nhưng bất kể cho dù ai đó mở đường hay tiếp tục công tác của người khác, điều này không quyết định thân phận của họ. Điều này không đúng sao? Giăng đã mở đường, và Jêsus đã tiếp tục công tác của người, vậy điều này có chứng tỏ rằng thân phận của Jêsus thấp hơn của Giăng không? Đức Giê-hô-va đã thực hiện công tác của Ngài trước Jêsus, vậy người có thể nói rằng Đức Giê-hô-va vĩ đại hơn Jêsus không? Cho dù họ đã dọn đường hay tiếp tục công tác của những người khác thì đều không quan trọng; điều quan trọng nhất là thực chất công tác của họ và thân phận mà nó đại diện. Điều này không đúng sao? Vì Đức Chúa Trời đã dự định làm việc giữa con người nên Ngài đã phải dấy lên những người có thể làm công tác dọn đường. Khi Giăng mới bắt đầu rao giảng, người đã nói: “Hãy dọn đường Chúa, Ban bằng các nẻo Ngài”. “Các ngươi phải ăn năn, vì nước thiên đàng đã đến gần!” Người đã nói như vậy ngay từ đầu, và tại sao người có thể nói những lời này? Xét về thứ tự mà những lời này được nói ra, chính Giăng là người đầu tiên nói về Phúc Âm của thiên quốc, và Jêsus là người đã phán sau đó. Theo các quan niệm của con

người, chính Giăng là người đã mở ra con đường mới, và vì thế, dĩ nhiên Giăng vĩ đại hơn Jêsus. Nhưng Giăng đã không nói mình là Đấng Christ, và Đức Chúa Trời đã không làm chứng cho người là Con yêu dấu của Đức Chúa Trời, mà chỉ đơn thuần dùng người để mở đường và chuẩn bị sẵn con đường cho Chúa. Người đã dọn đường cho Jêsus, nhưng đã không thể làm việc thay mặt Jêsus. Mọi công tác của con người cũng đều đã được Đức Thánh Linh duy trì.

Trong thời đại Cựu Ước, chính Đức Giê-hô-va đã dẫn đường, và công tác của Đức Giê-hô-va đã đại diện cho toàn bộ thời đại Cựu Ước, cùng mọi công tác đã được thực hiện ở Y-sơ-ra-ên. Môi-se chỉ đơn thuần duy trì công tác này trên đất, và những công sức của người được xem là sự hợp tác do con người mang lại. Vào lúc đó, chính Đức Giê-hô-va là Đấng đã phán, kêu gọi Môi-se, và Ngài đã đẩy Môi-se lên giữa dân Y-sơ-ra-ên, và bắt Môi-se dẫn họ vào đồng vắng vào xứ Ca-na-an. Đây không phải là công tác của chính Môi-se, mà là công tác do đích thân Đức Giê-hô-va chỉ đạo, và vì thế Môi-se không thể được gọi là Đức Chúa Trời. Môi-se cũng đã đặt ra luật pháp, nhưng luật pháp này đã được đích thân Đức Giê-hô-va ban hành. Chỉ là Ngài đã để Môi-se bày tỏ điều đó. Jêsus cũng đã đưa ra các điều răn, và Ngài đã bãi bỏ luật pháp của Cựu Ước và đặt ra các điều răn cho thời đại mới. Tại sao Jêsus lại là chính Đức Chúa Trời? Bởi vì có sự khác biệt. Vào thời điểm đó, công tác do Môi-se thực hiện đã không đại diện cho thời đại, cũng không mở ra một con đường mới; người đã được Đức Giê-hô-va dẫn dắt tiến lên, và chỉ đơn thuần là một người đã được Đức Chúa Trời sử dụng. Khi Jêsus đến, Giăng đã thực hiện một bước của công tác dọn đường, và đã bắt đầu truyền bá Phúc Âm của thiên quốc (Đức Thánh Linh đã bắt đầu việc này). Khi Jêsus đến, Ngài đã trực tiếp làm công tác của chính Ngài, nhưng có một sự khác biệt lớn giữa công tác của Ngài và công tác của Môi-se. Ê-sai cũng đã nói nhiều lời tiên tri, nhưng tại sao người không phải là chính Đức Chúa Trời? Jêsus đã không phán quá nhiều lời tiên tri, nhưng tại sao Ngài lại là chính Đức Chúa Trời? Không ai dám nói rằng mọi công tác của Jêsus lúc bấy giờ đều đến từ Đức Thánh Linh, họ cũng không dám nói tất cả đều xuất phát từ ý muốn của con người, hoặc nó hoàn toàn là công tác của chính Đức Chúa Trời. Con người không có cách nào để phân tích những điều như vậy. Có thể nói rằng Ê-sai đã làm công tác như thế, đã nói những lời tiên tri như thế, và tất cả chúng đều đã đến từ Đức Thánh Linh; chúng đã không đến trực tiếp từ chính Ê-sai, mà là những sự mặc khải từ Đức Giê-hô-va. Jêsus đã không làm khối lượng lớn công việc, và đã không phán nhiều lời, Ngài cũng đã không phán nhiều lời tiên tri. Đối với con người, sự rao giảng của Ngài dường như không được đặc biệt tán dương, nhưng Ngài là chính Đức Chúa Trời, và con người không thể giải thích được điều này. Không ai đã

từng tin vào Giăng, hoặc Ê-sai, hoặc Đa-vít, cũng chưa từng có ai đã gọi họ là Đức Chúa Trời, hoặc Đa-vít là Đức Chúa Trời, hoặc Giăng là Đức Chúa Trời; không ai đã từng nói như vậy, và chỉ có Jê-sus mới từng được gọi là Đấng Christ. Sự phân loại này được thực hiện theo chứng ngôn của Đức Chúa Trời, công tác mà Ngài đã đảm nhận, và chức vụ mà Ngài đã thực hiện. Xét về những con người vĩ đại trong Kinh Thánh – Áp-ra-ham, Đa-vít, Giô-suê, Đa-ni-ên, Ê-sai, Giăng và Jê-sus – thông qua công tác họ đã làm, người có thể nhận ra ai mới là chính Đức Chúa Trời, loại người nào là các tiên tri, và loại nào là các sứ đồ. Ai đã được Đức Chúa Trời sử dụng, và ai là chính Đức Chúa Trời, được phân biệt và quyết định bởi thực chất và loại công tác họ đã làm. Nếu người không thể chỉ ra sự khác biệt, thì điều này chứng tỏ rằng người không biết ý nghĩa của việc tin vào Đức Chúa Trời. Jê-sus là Đức Chúa Trời vì Ngài đã phán rất nhiều lời, và đã làm rất nhiều công tác, đặc biệt là việc làm nhiều phép lạ của Ngài. Tương tự, Giăng cũng đã làm nhiều việc và nói nhiều lời, Môi-se cũng vậy; tại sao họ đã không được gọi là Đức Chúa Trời? A-đam đã được tạo dựng trực tiếp bởi Đức Chúa Trời; tại sao người đã không được gọi là Đức Chúa Trời, mà thay vào đó chỉ được gọi là một tạo vật? Nếu ai đó nói với người rằng: “Ngày nay, Đức Chúa Trời đã làm rất nhiều công tác, và đã phán rất nhiều lời; Ngài là chính Đức Chúa Trời. Vậy thì, vì Môi-se đã nói quá nhiều lời, người cũng phải là chính Đức Chúa Trời!” thì người nên hỏi lại họ: “Vào thời điểm đó, tại sao Đức Chúa Trời lại làm chứng cho Jê-sus, mà không phải cho Giăng, là chính Đức Chúa Trời? Chẳng phải Giăng đã đến trước Jê-sus sao? Điều nào vĩ đại hơn, công tác của Giăng hay Jê-sus? Đối với con người, công tác của Giăng dường như vĩ đại hơn của Jê-sus, nhưng tại sao Đức Thánh Linh lại làm chứng cho Jê-sus, mà không phải cho Giăng?” Điều tương tự cũng đang diễn ra ngày nay! Thời đó, khi Môi-se lãnh đạo dân Y-sơ-ra-ên, Đức Giê-hô-va đã phán với người từ giữa những đám mây. Môi-se đã không nói trực tiếp, mà thay vào đó đã được hướng dẫn trực tiếp bởi Đức Giê-hô-va. Đây là công tác của Y-sơ-ra-ên trong Cựu Ước. Bên trong Môi-se không có Thần, cũng không có hữu thể của Đức Chúa Trời. Người đã không thể làm công tác đó, và vì vậy có một sự khác biệt lớn giữa công tác mà người và Jê-sus đã làm. Và đó là vì công tác họ đã làm thì khác nhau! Việc một ai đó được Đức Chúa Trời sử dụng, hoặc là một tiên tri, một sứ đồ, hoặc là chính Đức Chúa Trời, đều có thể được phân biệt qua thực chất công tác của người đó, và điều này sẽ chấm dứt những nghi ngờ của người. Trong Kinh Thánh có viết rằng chỉ Chiên Con mới có thể mở bầy ấn. Trong suốt các thời đại, đã có nhiều nhà chú giải Kinh Thánh trong số những nhân vật vĩ đại đó, và vì vậy người có thể nói rằng tất cả họ đều là Chiên Con sao? Người có thể nói rằng tất cả những lời giải thích của họ đều đến từ Đức Chúa Trời sao? Họ chỉ đơn thuần

là những nhà chú giải; họ không có thân phận của Chiên Con. Làm sao họ có thể xứng đáng để mở bầy ấn được? Đúng là “Chỉ Chiên Con mới có thể mở bầy ấn”, nhưng Ngài không chỉ đến để mở bầy ấn; công tác này là không cần thiết, nó được thực hiện một cách tình cờ. Ngài hoàn toàn biết rõ về công tác của chính mình; Ngài có cần phải tốn nhiều thời gian để giải nghĩa Kinh Thánh không? Lẽ nào “thời đại của Chiên Con giải nghĩa Kinh Thánh” phải được thêm vào sáu nghìn năm công tác? Ngài đến để làm công tác mới, nhưng Ngài cũng cung cấp một số sự mặc khải về công tác của những thời đại đã qua, khiến mọi người hiểu được sự thật của sáu nghìn năm công tác. Không cần phải giải thích quá nhiều phân đoạn từ Kinh Thánh; chính công tác của ngày nay mới là then chốt, mới là quan trọng. Người nên biết rằng Đức Chúa Trời không đến chỉ để phá vỡ bầy ấn, mà để làm công tác cứu rỗi.

Người chỉ biết rằng Jêsus sẽ ngự xuống trong thời kỳ sau rốt, nhưng chính xác Ngài sẽ ngự xuống như thế nào? Một tội nhân như các người, người vừa mới được cứu chuộc, và chưa được thay đổi hoặc được Đức Chúa Trời hoàn thiện, người có thể hợp lòng Đức Chúa Trời sao? Đối với người, người vẫn còn bản ngã cũ của mình, đúng là người đã được Jêsus cứu rỗi, và người không bị xem là một tội nhân nhờ sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời, nhưng điều này không chứng minh rằng người vô tội và không ô uế. Làm sao người có thể nên thánh nếu người chưa được thay đổi? Bên trong, người bị bủa vây bởi sự bất khiết, ích kỷ và hèn hạ, nhưng người vẫn muốn được ngự xuống với Jêsus – người chẳng thể may mắn vậy được! Người đã bỏ qua một bước trong niềm tin của mình vào Đức Chúa Trời: Người chỉ đơn thuần đã được cứu chuộc, nhưng người vẫn chưa được thay đổi. Để người hợp lòng Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời phải đích thân thực hiện công tác thay đổi và làm cho người thanh sạch; nếu không thì người, kẻ chỉ được cứu chuộc, sẽ không có khả năng đạt được sự nên thánh. Theo cách này, người sẽ không đủ tư cách để dự phần trong những phước lành của Đức Chúa Trời, vì người đã bỏ qua một bước trong công tác quản lý con người của Đức Chúa Trời, là bước then chốt để thay đổi và hoàn thiện. Và vì vậy, người, một tội nhân vừa được cứu chuộc, không có khả năng trực tiếp thừa hưởng cơ nghiệp của Đức Chúa Trời.

Không có sự khởi đầu của giai đoạn công tác mới này, ai biết được các người, các nhà truyền giáo, nhà thuyết giáo, nhà chú giải và những kẻ được gọi là thánh nhân vĩ đại, sẽ đi xa tới đâu! Không có sự khởi đầu của giai đoạn công tác mới này, những gì các người nói đến đều lỗi thời! Điều các người nói hoặc là về việc lên ngôi, hoặc là việc chuẩn bị vóc giạc trở thành vua; hoặc là việc từ chối bản ngã hoặc là bắt thân thể phải quy phục; hoặc là việc kiên nhẫn hoặc là việc học những bài học từ mọi thứ; hoặc là sự khiêm nhường hoặc là tình yêu thương. Đây chẳng phải là

lặp lại điệp khúc cũ sao? Nó chỉ là việc gọi cùng một thứ bằng một cái tên khác mà thôi! Hoặc là việc trùm đầu và bẻ bánh, hoặc là việc đặt tay và cầu nguyện, chữa lành người bệnh và trừ quỷ. Có thể có bất kỳ công tác nào mới không? Có thể có bất kỳ triển vọng phát triển nào không? Nếu người tiếp tục sống theo cách này, người sẽ mù quáng tuân theo giáo lý, hoặc tuân thủ quy ước. Các người tin rằng công việc của mình là rất cao cả, nhưng chẳng lẽ các người không biết rằng tất cả đã được truyền lại và được dạy dỗ bởi những “cổ nhân” của thời xưa đó sao? Chẳng phải tất cả những gì các người nói và làm đều là những lời cuối cùng của những cổ nhân đó sao? Chẳng phải đó là những gì được những cổ nhân này giao phó trước khi họ qua đời sao? Người có nghĩ rằng những hành động của các người vượt qua các sứ đồ và các tiên tri của các thế hệ trước, và thậm chí vượt qua tất cả mọi thứ không? Sự khởi đầu của giai đoạn công tác này đã chấm dứt sự ngưỡng mộ của các người về công tác của Lý Thường Thụ khi tìm cách trở thành một vị vua và lên ngôi, và đã kìm hãm sự kiêu ngạo và khoe khoang của các người, hầu cho các người không thể can thiệp vào giai đoạn công tác này. Nếu không có giai đoạn công tác này, các người sẽ chìm sâu hơn cho đến khi không thể cứu vãn. Có quá nhiều điều cũ kỹ trong các người! May mắn thay, công tác của ngày nay đã đưa các người trở lại; nếu không, ai biết được các người sẽ đi hướng nào! Vì Đức Chúa Trời là một Đức Chúa Trời luôn luôn mới và không bao giờ cũ, tại sao người không tìm kiếm những điều mới? Tại sao người luôn bám lấy những điều cũ? Và vì vậy, việc biết công tác của Đức Thánh Linh ngày nay là điều quan trọng nhất!

**Người nên đặt các phước lành về
địa vị sang một bên và hiểu được ý
muốn của Đức Chúa Trời để
mang sự cứu rỗi đến cho con người**

Theo quan điểm của con người, dòng dõi của Mô-áp không thể được trở nên trọn vẹn, họ cũng không đủ tư cách để được trở nên như vậy. Ngược lại, con cháu của Đa-vít chắc chắn có hy vọng, và có thể thực sự được trở nên trọn vẹn. Nếu người nào đó là dòng dõi của Mô-áp, thì họ không thể được trở nên trọn vẹn. Ngay cả bây giờ, các người vẫn không biết được ý nghĩa của công tác đang được thực hiện giữa các người; ở giai đoạn này, các người vẫn giữ những triển vọng tương lai trong lòng mình, và không muốn từ bỏ chúng. Không ai quan tâm lý do tại sao ngày nay Đức Chúa Trời chỉ chọn làm việc trên một nhóm người không xứng đáng nhất như chính các người. Lẽ nào Ngài đã phạm sai lầm trong công tác này? Công tác

này có phải là một sự giám sát tạm thời không? Tại sao Đức Chúa Trời, Đấng luôn biết các người là con cháu của Mô-áp, lại xuống đúng lúc để làm việc giữa các người? Điều này chưa bao giờ xảy ra với các người phải không? Đức Chúa Trời không bao giờ cân nhắc điều này khi thực hiện công tác của Ngài sao? Ngài có hành xử theo cách quyết đoán không? Chẳng lẽ Ngài không biết ngay từ đầu rằng các người là dòng dõi của Mô-áp sao? Chẳng lẽ các người không biết xem xét những điều này sao? Các quan niệm của các người đã đi đâu rồi? Có phải tư duy lành mạnh của các người đã trở nên kém thích nghi rồi không? Sự thông minh và sự khôn ngoan của các người đã đi đâu? Phải chăng các người có một thái độ rộng lượng đến mức các người không quan tâm đến những vấn đề nhỏ nhặt như thế? Tâm trí các người nhạy cảm nhất đối với những điều như là những triển vọng tương lai và số phận của chính các người, nhưng khi xem xét đến bất kỳ chuyện nào khác, thì chúng đều tê liệt, đần độn, và hoàn toàn không biết gì. Rốt cuộc là các người tin vào cái gì thế? Vào những triển vọng tương lai của các người? Hay là vào Đức Chúa Trời? Chẳng lẽ mọi thứ người tin không phải là đích đến đẹp đẽ của người sao? Chẳng lẽ đó không phải là các triển vọng tương lai của người sao? Bây giờ người hiểu được bao nhiêu về con đường sự sống? Người đã đạt được bao nhiêu? Người có nghĩ rằng công tác hiện đang được tiến hành trên dòng dõi của Mô-áp được thực hiện để làm nhục các người không? Có phải nó được chủ tâm thực hiện để phơi bày sự xấu xa của các người không? Có phải nó được cố ý thực hiện để khiến các người chấp nhận hình phạt, và sau đó ném các người vào hồ lửa không? Ta chưa bao giờ phán rằng các người không có các triển vọng tương lai, càng không phán rằng các người phải bị hủy diệt hoặc chịu kiếp đọa đày. Ta đã công khai công bố những điều như thế chưa? Người nói rằng mình không có hy vọng, nhưng chẳng phải đây là lời kết luận mà chính người đã rút ra sao? Chẳng phải đây là kết quả tư duy của bản thân người sao? Những kết luận của riêng người có được tính không? Nếu Ta phán người không được phước, thì chắc chắn người sẽ là đối tượng của sự hủy hoại; và nếu Ta phán người được phước, thì chắc chắn người sẽ không bị hủy diệt. Ta chỉ đang phán rằng người là dòng dõi của Mô-áp; Ta đã không phán rằng người sẽ bị hủy diệt. Đơn giản là dòng dõi của Mô-áp đã bị rửa sạch, và là dòng giống của những con người bại hoại. Tội lỗi đã được đề cập trước đây; chẳng phải tất cả các người đều có tội sao? Chẳng phải tất cả tội nhân đều bị Sa-tan làm cho bại hoại sao? Chẳng phải tất cả tội nhân đều coi thường và dấy nghịch chống lại Đức Chúa Trời sao? Chẳng phải những kẻ coi thường Đức Chúa Trời đều bị rửa sạch sao? Chẳng phải mọi tội nhân phải bị hủy diệt hết sao? Trong trường hợp đó, ai trong số những con người của thịt và huyết có thể được cứu? Làm sao các người có thể sống sót cho đến ngày nay? Các người

đã trở nên tiêu cực bởi vì các người là dòng dõi của Mô-áp; chẳng phải các người cũng được tính là những con người, những kẻ là tội nhân sao? Làm sao các người đã tồn tại được cho đến ngày nay? Khi sự hoàn thiện được đề cập đến, thì các người trở nên vui vẻ. Sau khi nghe rằng mình phải trải qua đại nạn, thì các người cảm thấy rằng điều này khiến các người càng được phước hơn. Các người nghĩ rằng mình có thể trở thành những người đắc thắng sau khi vực dậy từ cơn hoạn nạn, và hơn thế nữa, rằng điều này là phước lành tuyệt vời của Đức Chúa Trời và sự tán dương lớn lao của Ngài dành cho các người. Khi đề cập đến Mô-áp, sự xôn xao nổi lên giữa các người; người lớn và trẻ em đều cảm thấy buồn không thể tả được và các người hoàn toàn không có niềm vui trong lòng, và các người hối tiếc về việc đã được sinh ra. Các người không hiểu được ý nghĩa của giai đoạn công tác được thực hiện trên dòng dõi của Mô-áp; các người chỉ biết tìm kiếm những vị trí cao, và bất cứ khi nào các người nhận thấy rằng không có hy vọng gì, thì các người lại sa ngã. Ngay khi đề cập đến sự hoàn thiện và đích đến trong tương lai, thì các người cảm thấy vui vẻ; các người đặt đức tin của mình nơi Đức Chúa Trời để có được các phước lành và để các người có thể có một đích đến tốt đẹp. Một vài người bây giờ cảm thấy e sợ bởi vì địa vị của họ. Bởi vì họ có giá trị thấp và địa vị thấp hèn, nên họ không mong muốn cố gắng để được hoàn thiện. Trước tiên, sự hoàn thiện đã được nói đến, và sau đó dòng dõi của Mô-áp được đề cập đến, vì thế mọi người đã phủ nhận con đường của sự hoàn thiện đã được nói đến trước đây. Điều này là vì từ đầu đến cuối, các người chưa bao giờ biết được ý nghĩa của công tác này, mà các người cũng không quan tâm về tầm quan trọng của nó. Các người quá nhỏ bé về vóc dáng, và thậm chí không thể chịu đựng được sự xáo trộn nhỏ nhất. Khi người nhìn thấy rằng thân phận của chính mình quá thấp hèn, người trở nên tiêu cực và mất tự tin để tiếp tục tìm kiếm. Mọi người đơn thuần chỉ xem việc có được ân sủng và việc tận hưởng sự bình an như là những biểu tượng của đức tin, và xem việc tìm kiếm các phước lành như là nền tảng cho niềm tin của họ nơi Đức Chúa Trời. Rất ít người tìm kiếm để biết đến Đức Chúa Trời hoặc tìm kiếm một sự thay đổi trong tâm tính mình. Trong đức tin của mình, mọi người cố gắng khiến Đức Chúa Trời ban cho họ một đích đến phù hợp và mọi ân điển mà họ cần, để biến Ngài thành đầy tớ của họ, để làm cho Ngài duy trì một mối quan hệ hòa hảo, hữu nghị với họ hầu cho, bất kể khi nào, sẽ không bao giờ có bất kỳ sự xung đột nào giữa họ. Có nghĩa là, niềm tin của họ nơi Đức Chúa Trời đòi hỏi rằng Ngài hứa đáp ứng mọi yêu cầu của họ và ban cho họ bất cứ điều gì họ cầu xin, phù hợp với những lời họ đã đọc trong Kinh Thánh: “Ta sẽ lắng nghe mọi lời cầu nguyện của các người”. Họ trông mong Đức Chúa Trời không phán xét hoặc xử lý bất kỳ ai, bởi Ngài đã luôn luôn là Chúa Cứu Thế Jêsus đầy lòng

nhân từ, người luôn giữ một mối quan hệ tốt đẹp với con người mọi lúc và mọi nơi. Đây là cách con người tin vào Đức Chúa Trời: Họ chỉ đòi hỏi Đức Chúa Trời một cách không biết xấu hổ, tin rằng cho dù họ có dấy nghịch hay bất tuân, Ngài sẽ ban cho họ mọi thứ một cách mù quáng. Họ chỉ liên tục “thu nợ” từ Đức Chúa Trời, tin rằng Ngài phải “trả lại” cho họ mà không có chút kháng cự nào – và hơn nữa, phải trả gấp đôi; họ nghĩ rằng, cho dù Đức Chúa Trời đã nhận được gì từ họ hay chưa, thì Ngài chỉ có thể bị họ thao túng, và Ngài không thể tùy tiện bố trí mọi người, càng không thể tỏ ra cho con người sự khôn ngoan và tâm tính công chính của Ngài, là những điều đã được giấu kín trong nhiều năm, bất cứ khi nào Ngài muốn và không có sự cho phép của họ. Họ chỉ đơn giản thú nhận tội lỗi của mình với Đức Chúa Trời, tin rằng Đức Chúa Trời sẽ chỉ tha tội cho họ, rằng Ngài sẽ không trở nên phát ốm vì làm điều đó, và rằng điều này sẽ tiếp diễn mãi mãi. Họ chỉ sai khiến Đức Chúa Trời, tin rằng Ngài sẽ chỉ vâng theo họ, bởi vì chính trong Kinh Thánh có chép lại rằng Đức Chúa Trời đã đến không phải để được con người hầu việc mình, song để hầu việc họ, và rằng Ngài ở đây để làm đầy tớ của họ. Chẳng phải các người luôn luôn tin theo cách này sao? Bất cứ khi nào các người không thể có được điều gì đó từ Đức Chúa Trời, thì các người mong muốn chạy trốn; khi các người không hiểu một điều gì, thì các người trở nên rất bức bối, và thậm chí đi xa đến mức trút mọi lời xỉ vả lên Ngài. Các người đơn giản là sẽ không cho phép chính Đức Chúa Trời bày tỏ trọn vẹn sự khôn ngoan và kỳ diệu của Ngài, thay vào đó, các người chỉ muốn tận hưởng sự dễ chịu và thoải mái tạm thời. Cho đến bây giờ, thái độ trong niềm tin nơi Đức Chúa Trời của các người chỉ bao gồm những quan điểm xưa cũ. Nếu Đức Chúa Trời tỏ ra cho các người chỉ một chút oai nghi, thì các người trở nên không vui. Bây giờ các người có nhìn thấy chính xác vóc giạc của mình lớn thế nào không? Đừng cho rằng tất cả các người đều trung thành với Đức Chúa Trời khi trong thực tế, các quan điểm cũ của các người vẫn chưa thay đổi. Khi không có gì giáng xuống người, người tin rằng mọi thứ đang diễn ra suôn sẻ, và tình yêu của người dành cho Đức Chúa Trời đạt đến đỉnh điểm. Khi điều gì đó nhỏ nhất xảy ra với người, thì người rơi xuống âm phủ. Đây có phải là trung thành với Đức Chúa Trời không?

Nếu giai đoạn cuối của công tác chinh phục được bắt đầu ở Y-sơ-ra-ên, thì công tác chinh phục như thế sẽ không có ý nghĩa gì. Công tác có ý nghĩa nhất khi được thực hiện ở Trung Quốc, và khi nó được thực hiện trên những người các người. Các người là những người thấp hèn nhất, những người có địa vị thấp nhất; các người là những người thuộc tầng lớp dưới đáy xã hội này, và các người là những người ít nhận ra Đức Chúa Trời từ đầu nhất. Các người là những người đã lạc xa Đức Chúa Trời nhất và là những người đã bị tổn hại nặng nề nhất. Bởi vì giai đoạn công tác

này chỉ nhằm mục đích chinh phục, nên chẳng phải việc được chọn để làm chứng trong tương lai là phù hợp nhất với các người sao? Nếu bước đầu tiên của công tác chinh phục không được thực hiện trên những người các người, thì việc xúc tiến công tác chinh phục sắp tới sẽ trở nên khó khăn, bởi công tác chinh phục theo sau sẽ đạt được kết quả dựa trên sự thật của công tác đang được thực hiện hôm nay. Công tác chinh phục hiện tại chỉ là khởi đầu của toàn bộ công tác chinh phục. Các người là nhóm đầu tiên được chinh phục; các người là đại diện cho toàn nhân loại sẽ được chinh phục. Những ai có hiểu biết thực sự sẽ thấy mọi công tác Đức Chúa Trời làm ngày nay đều vĩ đại, và rằng Ngài không những cho phép con người biết được sự đầy nghịch của bản thân họ, mà còn tiết lộ địa vị của họ. Mục đích và ý nghĩa của lời Ngài không phải là để làm nản lòng mọi người, cũng không phải là để đánh gục họ. Đó là để họ có được sự khai sáng và sự cứu rỗi qua lời Ngài; đó là để đánh thức linh hồn của họ bằng lời Ngài. Kể từ khi sáng thế, con người đã sống dưới quyền của Sa-tan, không biết mà cũng không tin rằng có một Đức Chúa Trời. Việc những người này có thể được bao gồm trong sự cứu rỗi vĩ đại của Đức Chúa Trời và có thể được Đức Chúa Trời nâng đỡ rất nhiều thực sự cho thấy tình yêu thương của Đức Chúa Trời; tất cả những ai thực sự hiểu sẽ tin điều này. Còn những người không có sự hiểu biết như thế thì sao? Họ sẽ nói: “Này, Đức Chúa Trời phán chúng ta là dòng dõi của Mô-áp; Ngài phán điều này bằng chính lời Ngài. Có thể nào chúng ta vẫn đạt được một kết cục tốt không? Ai đã biến chúng ta thành dòng dõi của Mô-áp? Ai đã khiến chúng ta chống đối Ngài quá nhiều trong quá khứ? Đức Chúa Trời đã đến để kết án chúng ta; chẳng lẽ bạn không thấy Ngài đã luôn luôn phát xét chúng ta như thế nào ngay từ đầu sao? Bởi vì chúng ta đã chống lại Đức Chúa Trời, nên đây là cách chúng ta nên bị trừng phạt”. Những lời này có đúng không? Ngày nay, Đức Chúa Trời phán xét các người, trừng phạt các người, và kết án các người, nhưng người phải biết rằng mục đích của việc kết án người là để người biết được chính mình. Ngài kết án, rửa sạch, phán xét và hành phạt để người có thể biết được chính mình, để tâm tính của người có thể thay đổi, và hơn thế nữa, để người có thể biết được giá trị của mình, và thấy rằng tất cả hành động của Đức Chúa Trời đều công chính và phù hợp với tâm tính của Ngài và những yêu cầu trong công tác của Ngài, rằng Ngài làm việc phù hợp với kế hoạch cứu rỗi nhân loại của Ngài, và rằng Ngài là Đức Chúa Trời công chính, Đáng yêu thương, cứu rỗi, phán xét, và hành phạt con người. Nếu người chỉ biết rằng người có địa vị thấp hèn, rằng người bại hoại và bất tuân, nhưng không biết rằng Đức Chúa Trời mong muốn làm rõ sự cứu rỗi của Ngài qua việc phán xét và hành phạt mà Ngài làm trong người hôm nay, thì người không cách nào có được kinh nghiệm, người càng không có khả năng tiếp tục tiến tới. Đức

Chúa Trời đã không đến để giết chóc hoặc hủy diệt, mà để phán xét, rửa sạch, hành phạt, và cứu rỗi. Cho đến khi kế hoạch 6.000 năm quản lý của Ngài đi đến hồi kết – trước khi Ngài mặc khải kết cục của từng hạng người – thì công tác của Đức Chúa Trời trên đất sẽ vì lợi ích của sự cứu rỗi; mục đích của nó chỉ là làm cho những ai yêu mến Ngài được trọn vẹn – một cách toàn diện – và khiến họ quy phục dưới sự thống trị của Ngài. Cho dù Đức Chúa Trời cứu rỗi con người như thế nào, thì tất cả đều được thực hiện bằng cách khiến họ thoát khỏi bản chất Sa-tan cũ kỹ của họ; nghĩa là, Ngài cứu họ bằng cách để họ tìm kiếm sự sống. Nếu họ không làm thế, thì họ sẽ không có cách nào để chấp nhận sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời. Việc cứu rỗi là công tác của chính Đức Chúa Trời, và việc tìm kiếm sự sống là điều mà con người phải đảm nhận để chấp nhận sự cứu rỗi. Trong mắt con người, sự cứu rỗi là tình yêu thương của Đức Chúa Trời, và tình yêu thương của Đức Chúa Trời không thể là hình phạt, phán xét, và rửa sạch; sự cứu rỗi phải chứa đựng tình yêu thương, lòng thương xót, và hơn thế nữa, những lời an ủi, cũng như là phước lành vô biên được Đức Chúa Trời ban cho. Mọi người tin rằng khi Đức Chúa Trời cứu rỗi con người, Ngài làm vậy bằng cách cảm thúc họ với các phước lành và ân điển của Ngài, để họ có thể dâng lòng mình cho Đức Chúa Trời. Điều đó có nghĩa là, Ngài cảm hóa con người tức là Ngài cứu họ. Loại cứu rỗi này được thực hiện bằng cách đạt được thỏa thuận. Chỉ khi Đức Chúa Trời ban cho họ gấp hàng trăm lần thì con người mới chịu quy phục trước danh của Đức Chúa Trời và cố gắng làm tốt vì Ngài và mang lại vinh hiển cho Ngài. Đây không phải là điều Đức Chúa Trời dự định cho loài người. Đức Chúa Trời đã đến làm việc trên đất để cứu rỗi nhân loại bại hoại; không có gì sai trong chuyện này cả. Nếu có, thì Ngài chắc chắn đã không đích thân đến để thực hiện công tác của Ngài. Trong quá khứ, phương tiện cứu rỗi của Ngài bao gồm việc thể hiện tình yêu thương và lòng thương xót tội bậc, đến nỗi Ngài trao tất cả những gì thuộc về Ngài cho Sa-tan để đổi lấy toàn nhân loại. Hiện tại không có gì giống quá khứ: Sự cứu rỗi được ban cho các người hôm nay xảy ra vào thời điểm những ngày sau rốt, trong quá trình phân chia mỗi người theo hạng; phương tiện của sự cứu rỗi các người không phải là tình yêu thương hoặc lòng thương xót, mà là hình phạt và phán xét, để con người có thể được cứu một cách triệt để hơn. Như thế, tất cả những gì các người nhận được là hình phạt, phán xét, và đánh đập không thương tiếc, nhưng hãy biết điều này: trong việc đánh đập nhứt tâm này không có chút trừng phạt nào cả. Bất kể lời của Ta có khắt khe đến mức nào, thì những gì giáng trên các người chỉ là một vài lời có vẻ cực kỳ nhứt tâm đối với các người, và cho dù Ta có thể tức giận đến mức nào, thì những gì trút xuống các người vẫn là những lời giáo huấn, và Ta không có ý làm hại các người hoặc đưa các người đến cái chết. Chẳng phải đây

đều là sự thật sao? Hãy biết rằng ngày nay, cho dù đó là sự phán xét công chính hay sự tinh luyện và hành phạt nhấn tâm, thì mọi thứ đều vì sự cứu rỗi. Bất kể ngày nay mỗi người được phân chia theo từng hạng hay các hạng người được bóc trần, thì mục đích trong tất cả những lời và công tác của Đức Chúa Trời là cứu những ai thực sự yêu mến Đức Chúa Trời. Sự phán xét công chính được mang đến để làm cho tinh sạch con người, và sự tinh luyện nhấn tâm được thực hiện để làm họ thanh sạch; cả những lời khất khe lẫn việc sửa phạt đều được thực hiện để làm cho tinh sạch và vì mục đích cứu rỗi. Như thế, phương pháp cứu rỗi của ngày hôm nay không giống của quá khứ. Hôm nay, các người được đưa đến sự cứu rỗi qua sự phán xét công chính, và đây là một công cụ tốt cho việc phân chia mỗi người các người theo hạng. Hơn nữa, sự trừng phạt nhấn tâm đóng vai trò là sự cứu rỗi tối đa của các người – và các người có gì để nói khi đối diện với sự trừng phạt và phán xét như thế? Chẳng phải các người đã luôn tận hưởng sự cứu rỗi từ đầu đến cuối sao? Các người đã nhìn thấy Đức Chúa Trời nhập thể và nhận ra sự toàn năng và sự khôn ngoan của Ngài; thêm vào đó, người đã kinh qua sự đánh đập và sửa dạy liên tiếp. Tuy nhiên, chẳng phải các người cũng đã nhận được ân điển tối cao rồi sao? Chẳng phải phước lành của các người lớn hơn của bất kỳ người nào khác sao? Ân điển của các người thậm chí còn dư dật hơn cả sự vinh hiển và sự giàu có mà Sa-lô-môn đã được hưởng! Hãy nghĩ về điều đó: Nếu ý định của Ta đến là để kết án và trừng phạt các người hơn là cứu rỗi các người, thì đời các người đã có thể nào kéo dài đến thế không? Những hữu thể tội lỗi của thịt và huyết các người có thể sống sót đến ngày hôm nay không? Nếu mục tiêu của Ta đơn thuần chỉ trừng phạt các người, thì tại sao Ta lại trở nên xác thịt và dấn thân vào một công trình vĩ đại đến thế? Chẳng phải việc trừng phạt những con người thế tục các người có thể được thực hiện chỉ bằng cách phán một lời thôi sao? Ta sẽ vẫn cần hủy diệt các người sau khi chủ ý kết án các người không? Chẳng lẽ các người vẫn chưa tin những lời của Ta sao? Ta có thể cứu rỗi con người chỉ bởi tình yêu thương và sự thương xót không? Hoặc Ta có thể chỉ sử dụng việc đóng đinh trên thập tự để cứu rỗi con người không? Chẳng lẽ tâm tính công chính của Ta không có lợi hơn cho việc khiến con người vâng phục hoàn toàn sao? Chẳng phải điều đó có nhiều khả năng hơn trong việc cứu rỗi con người hoàn toàn sao?

Mặc dù những lời của Ta có thể khất khe, nhưng tất cả chúng đều được phán ra vì sự cứu rỗi của con người, vì Ta chỉ đang cất tiếng phán và không trừng phạt xác thịt của con người. Những lời này khiến con người sống trong sự sáng, biết được rằng sự sáng có tồn tại, biết được rằng sự sáng là quý giá, và thậm chí còn hơn thế nữa, biết được những lời này có lợi cho họ thế nào, cũng như biết được rằng Đức

Chúa Trời là sự cứu rỗi. Mặc dù Ta đã phán nhiều về sự trừng phạt và phán xét, nhưng sự thật chưa được thực hiện trên các người. Ta đã đến để làm công tác của Ta và phán những lời của Ta, và dù những lời của Ta có nghiêm khắc, nhưng chúng được phán ra để phán xét về sự bại hoại và dấy nghịch của các người. Mục đích Ta làm việc này vẫn là để cứu con người ra khỏi quyền hạn của Sa-tan; Ta đang dùng lời của Ta để cứu rỗi con người. Mục đích của Ta không phải là làm hại con người bằng lời của mình. Lời của Ta nghiêm khắc nhằm đạt được kết quả trong công tác của mình. Chỉ thông qua công tác như thế, con người mới có thể đi đến chỗ biết được bản thân mình và thoát khỏi tâm tính dấy nghịch của mình. Ý nghĩa vĩ đại nhất trong công tác của lời là cho phép mọi người đưa lẽ thật vào thực hành sau khi đã hiểu được nó, đạt được những thay đổi trong tâm tính mình, có được hiểu biết về chính mình và công tác của Đức Chúa Trời. Chỉ làm việc bằng cách cất tiếng phán thì sự truyền đạt giữa Đức Chúa Trời và con người mới có thể thực hiện được, và chỉ có lời mới có thể giải thích về lẽ thật. Làm việc theo cách này là biện pháp tốt nhất để chinh phục con người; ngoài cách cất tiếng phán, thì không có phương pháp nào khác có khả năng ban cho con người một sự hiểu biết rõ ràng hơn về lẽ thật và công tác của Đức Chúa Trời. Như thế, trong giai đoạn công tác cuối cùng của Ngài, Đức Chúa Trời phán với con người để mở ra cho họ mọi lẽ thật và lẽ mầu nhiệm mà họ chưa hiểu được, để họ có được từ Đức Chúa Trời con đường thật và sự sống, nhờ đó đáp ứng được ý muốn của Ngài. Mục đích trong công tác của Đức Chúa Trời trên con người là giúp họ có thể đáp ứng được ý muốn của Đức Chúa Trời, và nó được thực hiện để mang lại cho họ sự cứu rỗi. Do đó, trong thời gian Ngài cứu rỗi con người, Ngài không làm công tác trừng phạt họ. Trong khi mang sự cứu rỗi đến cho con người, Đức Chúa Trời không phạt ác hoặc thưởng thiện, Ngài cũng không mặc khải đích đến của nhiều hạng người khác nhau. Đúng hơn, chỉ sau khi giai đoạn cuối cùng trong công tác của Ngài kết thúc thì Ngài sẽ làm công tác phạt ác thưởng thiện, và chỉ khi đó Ngài mới mặc khải kết cục của tất cả các hạng người khác nhau. Những kẻ bị trừng phạt sẽ là những kẻ thực sự không thể được cứu, trong khi những ai được cứu rỗi sẽ là những người đã có được sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời trong thời gian Ngài cứu rỗi con người. Trong khi công tác cứu rỗi của Đức Chúa Trời đang được thực hiện, từng người một có thể được cứu rỗi sẽ được cứu nhiều nhất có thể, và không ai trong số họ bị loại bỏ, bởi mục đích công tác của Đức Chúa Trời là cứu rỗi con người. Trong suốt thời gian Đức Chúa Trời cứu rỗi con người, tất cả những kẻ không thể đạt được một sự thay đổi trong tâm tính của mình – cũng như tất cả những kẻ không thể hoàn toàn quy phục Đức Chúa Trời – sẽ trở thành đối tượng của sự trừng phạt. Giai đoạn công tác này – công tác của lời – sẽ mở ra cho mọi

người tất cả các con đường và lẽ mầu nhiệm mà họ không hiểu, để họ có thể hiểu được ý muốn của Đức Chúa Trời và những yêu cầu của Đức Chúa Trời đối với họ, và để họ có thể có các điều kiện tiên quyết nhằm đưa lời Đức Chúa Trời vào thực hành và đạt được những thay đổi trong tâm tính mình. Đức Chúa Trời chỉ sử dụng lời để làm công tác của Ngài và không trừng phạt con người bởi họ có chút dấy nghịch; đây là vì bây giờ là thời điểm của công tác cứu rỗi. Nếu bất cứ ai hành động dấy nghịch đều bị trừng phạt, thì không ai sẽ có cơ hội được cứu rỗi; mọi người đều sẽ bị trừng phạt và rơi xuống địa ngục. Mục đích của những lời phán xét con người là cho phép họ biết chính họ và quy phục Đức Chúa Trời; không phải là để trừng phạt họ với sự phán xét như thế. Trong suốt thời gian công tác của lời, nhiều người sẽ phơi bày sự dấy nghịch và chống đối của họ, cũng như sự bất tuân của họ đối với Đức Chúa Trời nhập thể. Tuy nhiên, Ngài sẽ không trừng phạt tất cả những người này vì thế, mà thay vào đó sẽ chỉ gạt bỏ những kẻ bại hoại đến tận xương tủy và những kẻ không thể được cứu. Ngài sẽ giao xác thịt của họ cho Sa-tan, và trong vài trường hợp, sẽ kết liễu xác thịt của họ. Những người còn lại sẽ tiếp tục đi theo và kinh qua việc bị xử lý và tĩa sửa. Nếu trong khi đi theo, những người này vẫn không thể chấp nhận việc bị xử lý và tĩa sửa, và trở nên ngày càng suy đồi, thì họ cũng đã mất cơ hội được cứu rỗi. Mỗi người đã quy phục để được chinh phục bằng lời Đức Chúa Trời sẽ có nhiều cơ hội để được cứu rỗi; sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời đối với từng con người này sẽ tỏ lòng khoan dung tốt bậc của Ngài. Nói cách khác, họ sẽ được tỏ lòng khoan dung tốt bậc. Chẳng nào mà con người từ bỏ con đường sai trật của mình, và chẳng nào mà họ có thể ăn năn, thì Đức Chúa Trời sẽ ban cho họ cơ hội để có được sự cứu rỗi của Ngài. Khi những con người lần đầu tiên dấy nghịch chống lại Đức Chúa Trời, Ngài không muốn giết chết họ; thay vào đó, Ngài làm mọi việc có thể để cứu họ. Nếu người nào đó không còn khả năng được cứu rỗi, thì Đức Chúa Trời sẽ gạt họ sang một bên. Lý do Đức Chúa Trời chậm trừng phạt một người nào đó là vì Ngài mong muốn cứu tất cả những ai có thể cứu được. Ngài phán xét, khai sáng, và hướng dẫn con người chỉ bằng lời, và không dùng roi để giết chết họ. Việc sử dụng lời để mang đến cho con người sự cứu rỗi chính là mục đích và ý nghĩa của giai đoạn công tác cuối cùng.

Con người đã giới hạn Đức Chúa Trời theo quan niệm của mình sao có thể nhận lãnh sự mặc khải của Đức Chúa Trời được?

Công tác của Đức Chúa Trời luôn tấn tới, và mặc dù mục đích công tác của Ngài không thay đổi, nhưng phương pháp Ngài làm việc thì liên tục thay đổi, nghĩa là những người theo Đức Chúa Trời cũng liên tục thay đổi. Đức Chúa Trời càng thực hiện nhiều công việc, con người càng hiểu thấu đáo hơn về Đức Chúa Trời. Những thay đổi tương ứng trong tâm tính con người cũng diễn ra theo sau công tác của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, chính bởi công tác của Đức Chúa Trời luôn thay đổi mà những ai không biết về công tác của Đức Thánh Linh và những kẻ ngu xuẩn chẳng biết gì về lẽ thật trở thành người chống đối Đức Chúa Trời. Chưa bao giờ công tác của Đức Chúa Trời phù hợp với những quan niệm của con người, bởi công tác của Ngài luôn luôn mới và không bao giờ cũ, và chưa bao giờ Ngài lặp lại công tác cũ, mà thay vào đó tiến tới với công tác chưa từng làm trước đây. Bởi Đức Chúa Trời không lặp lại công tác của Ngài, và con người thì luôn phán xét công tác hiện tại của Đức Chúa Trời dựa trên công tác Ngài đã làm trong quá khứ, nên mọi thứ đã trở nên cực kỳ khó khăn cho Đức Chúa Trời để triển khai mỗi giai đoạn công tác của thời đại mới. Con người có quá nhiều khó khăn! Họ quá bảo thủ trong suy nghĩ! Chẳng ai biết công tác của Đức Chúa Trời, vậy mà hết thảy họ lại giới hạn nó. Khi xa rời Đức Chúa Trời, con người mất đi sự sống, lẽ thật, và những ân phước của Đức Chúa Trời, vậy mà họ chẳng chấp nhận sự sống hay lẽ thật, càng không chấp nhận những ân phước lớn lao hơn mà Đức Chúa Trời ban cho nhân loại. Hết thảy mọi người đều mong muốn có được Đức Chúa Trời, nhưng lại không thể chấp nhận bất kỳ thay đổi nào trong công tác của Đức Chúa Trời. Những người không chấp nhận công tác mới của Đức Chúa Trời tin rằng công tác của Đức Chúa Trời là bất biến, rằng nó vẫn mãi đứng yên. Trong niềm tin của họ, tất cả những gì cần làm để đạt được sự cứu rỗi đời đời từ Đức Chúa Trời là tuân thủ luật pháp, và miễn là họ hối cải và xưng tội, thì ý muốn của Đức Chúa Trời sẽ luôn được đáp ứng. Họ tin rằng Đức Chúa Trời chỉ có thể là Đức Chúa Trời theo luật lệ và là Đức Chúa Trời đã bị đóng đinh trên thập giá vì con người; quan niệm của họ cũng cho rằng Đức Chúa Trời không nên và không thể vượt ra ngoài Kinh Thánh. Chính những quan niệm này đã cột chặt họ vào luật pháp cũ và đóng đinh họ vào những phép tắc đã chết. Thậm chí số đông hơn còn tin rằng dù công tác mới của Đức Chúa Trời có thể là gì, thì nó cũng phải được chứng minh bằng những lời tiên tri, và rằng ở mỗi giai đoạn của công tác ấy, tất cả những người theo Ngài với tấm lòng “chân thật” cũng phải được cho thấy những sự mặc

khải; nếu không, công tác ấy không thể là công tác của Đức Chúa Trời được. Biết đến Đức Chúa Trời đã là một nhiệm vụ không dễ dàng đối với con người. Cộng với sự ngu xuẩn và bản tính dấy loạn đầy tự cao tự đại và tự phụ của họ, con người trở nên thậm chí càng khó chấp nhận hơn công tác mới của Đức Chúa Trời. Con người chẳng khảo sát kỹ về công tác mới của Đức Chúa Trời, cũng chẳng khiêm tốn chấp nhận nó; mà thay vào đó, họ mang một thái độ khinh miệt khi họ chờ đợi những sự mặc Khải và hướng dẫn từ Đức Chúa Trời. Đây chẳng phải là cách hành xử của những kẻ dấy loạn và chống lại Đức Chúa Trời sao? Những kẻ như vậy làm sao có được sự chấp thuận của Đức Chúa Trời?

Jê-sus đã phán rằng công tác của Đức Giê-hô-va đã ở lại phía sau trong Thời đại Ân điển, cũng như hôm nay Ta phán rằng công tác của Jê-sus cũng đã ở lại phía sau. Nếu chỉ có Thời đại Luật pháp và không có Thời đại Ân điển, thì Jê-sus đã không bị đóng đinh lên thập tự giá và đã không thể cứu chuộc toàn nhân loại. Nếu chỉ có Thời đại Luật pháp, thì nhân loại có bao giờ đi xa được tới ngày hôm nay không? Lịch sử tiến lên, và chẳng phải lịch sử là luật pháp tự nhiên của công tác của Đức Chúa Trời sao? Chẳng phải đây là một sự miêu tả về sự quản lý của Ngài với con người khắp vũ trụ sao? Lịch sử tiến lên, và công tác của Đức Chúa Trời cũng vậy. Ý muốn của Đức Chúa Trời liên tục thay đổi. Ngài không thể duy trì mỗi một giai đoạn công tác đơn lẻ trong sáu ngàn năm, bởi ai cũng biết rằng, Đức Chúa Trời luôn mới mẻ và không bao giờ cũ, và Ngài không thể nào cứ tiếp tục làm công tác như bị đóng đinh lên thập tự giá, một lần, hai lần, ba lần... Sẽ thật nực cười khi nghĩ như thế. Đức Chúa Trời không mãi làm cùng một công tác; công tác của Ngài luôn thay đổi và luôn mới mẻ, cũng như cách Ta phán dạy các ngươi những lời mới mẻ và làm công tác mới mẻ mỗi ngày. Đây là công tác Ta làm, và điều cốt yếu chính là những từ “mới mẻ” và “phi thường”. “Đức Chúa Trời là bất biến, và Đức Chúa Trời sẽ mãi là Đức Chúa Trời”: câu nói này thực sự đúng; bản chất của Đức Chúa Trời không thay đổi, Đức Chúa Trời mãi là Đức Chúa Trời, và Ngài không thể nào trở thành Sa-tan, nhưng những điều này không chứng tỏ rằng công tác của Ngài cũng bất biến và cố định như bản chất của Ngài. Ngươi tuyên bố rằng Đức Chúa Trời là bất biến, vậy thì làm sao ngươi có thể giải thích rằng Đức Chúa Trời luôn mới mẻ và không bao giờ cũ? Công tác của Đức Chúa Trời liên tục lan rộng và không ngừng thay đổi, và ý muốn của Ngài liên tục được bày tỏ và làm cho con người biết đến. Khi con người cảm nghiệm công tác của Đức Chúa Trời, tâm tính của họ thay đổi không ngừng, và hiểu biết của họ cũng vậy. Thế thì những thay đổi này từ đâu ra? Đó chẳng phải là từ công tác luôn luôn thay đổi của Đức Chúa Trời hay sao? Nếu tâm tính của con người có thể thay đổi, vậy tại sao con người không thể chấp nhận rằng công tác và lời của

Ta cũng liên tục thay đổi? Ta phải chịu những hạn chế của con người hay sao? Trong việc này, chẳng phải người đang dùng những lý lẽ ép buộc và lý luận cùn sao?

Sau khi phục sinh, Jêsus đã hiện ra trước các môn đồ và nói: “Ta đây sẽ ban cho các người điều Cha ta đã hứa, còn về phần các người, hãy đợi trong thành cho đến khi được mặc lấy quyền phép từ trên cao”. Người có biết những lời này được diễn giải như thế nào không? Bây giờ người đã được mặc lấy quyền phép của Ngài chưa? Người có hiểu “quyền phép” ám chỉ điều gì không? Jêsus đã tuyên bố rằng Thần của lẽ thật sẽ được ban cho con người trong thời kỳ sau rốt. Bây giờ là thời kỳ sau rốt; người có hiểu Thần của lẽ thật bày tỏ lời như thế nào không? Thần của lẽ thật xuất hiện và làm việc ở đâu? Trong sách tiên tri của nhà tiên tri Ê-sai chưa bao giờ đề cập tới việc một đứa trẻ tên Jêsus sẽ được sinh ra trong thời đại Tân Ước, mà chỉ viết rằng một bé trai sẽ được sinh ra với tên gọi Em-ma-nu-ên. Tại sao tên “Jêsus” không được đề cập? Chẳng có chỗ nào trong Cựu Ước xuất hiện cái tên này, vậy thì tại sao người vẫn tin vào Jêsus? Chắc chắn người chẳng phải chỉ bắt đầu tin vào Jêsus sau khi tận mắt nhìn thấy Ngài, đúng vậy không? Hay là người đã bắt đầu tin sau khi nhận lãnh một sự mặc khải? Đức Chúa Trời sẽ thực sự cho người thấy ân điển như vậy sao? Ngài sẽ ban những phúc lành to lớn như vậy cho người sao? Cơ sở cho niềm tin của người vào Jêsus là gì? Tại sao người không tin rằng Đức Chúa Trời đã trở nên xác thịt ngày nay? Tại sao người cho rằng không có một sự mặc khải nào đến người từ Đức Chúa Trời chứng tỏ Ngài chưa nhập thể vào xác thịt? Đức Chúa Trời phải thông báo cho con người trước khi bắt đầu công tác của Ngài sao? Trước tiên, Ngài phải nhận được sự chấp thuận của con người sao? Ê-sai chỉ tuyên bố rằng một bé trai sẽ được sinh ra trong máng cỏ, chứ chưa bao giờ tiên tri rằng Ma-ri sẽ sinh ra Jêsus. Chính xác thì người đặt niềm tin vào Jêsus được sinh ra bởi Ma-ri trên cơ sở nào? Chắc chắn niềm tin của người không phải là mù mờ! Vài người bảo rằng tên của Đức Chúa Trời không thay đổi. Vậy thì tại sao tên của Đức Giê-hô-va lại trở thành Jêsus? Điều đã được tiên tri là Đấng Mê-si sẽ đến, vậy thì tại sao một con người tên Jêsus lại đến? Tại sao tên của Đức Chúa Trời lại thay đổi? Chẳng phải việc này đã được thực hiện từ lâu sao? Chẳng lẽ Đức Chúa Trời ngày nay không thực hiện công tác mới hơn sao? Công tác của ngày hôm qua có thể được thay đổi, và công tác của Jêsus có thể tiếp tục từ công tác của Đức Giê-hô-va. Vậy thì công tác của Jêsus không thể được tiếp nối bởi công tác khác sao? Nếu tên của Đức Giê-hô-va có thể được chuyển thành Jêsus, vậy thì không phải tên của Jêsus cũng có thể được thay đổi sao? Điều này không có gì lạ; chỉ là mọi người quá khờ khạo mà thôi. Đức Chúa Trời sẽ mãi là Đức Chúa Trời. Bất kể công tác của Ngài thay đổi thế nào, và bất kể tên gọi của Ngài có thể thay đổi ra sao, thì tâm tính và sự

khôn ngoan của Ngài sẽ mãi không thay đổi. Nếu người tin rằng Đức Chúa Trời chỉ có thể được gọi bằng tên của Jêsus, thì kiến thức của người quá hạn hẹp. Người có dám khẳng định rằng Jêsus sẽ mãi là tên của Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời sẽ mãi mãi và luôn luôn mang danh Jêsus, và rằng điều này sẽ không bao giờ thay đổi không? Người có dám khẳng định chắc chắn rằng chính cái tên “Jêsus” đã khép lại Thời đại Luật pháp và cũng sẽ khép lại thời đại cuối cùng không? Ai có thể nói rằng ân điển của Jêsus có thể khép lại thời đại? Nếu người thiếu sự hiểu biết rõ ràng về những lẽ thật này, thì người chẳng những sẽ không có khả năng truyền dạy Phúc Âm, mà bản thân người còn không thể đứng vững. Chừng nào tới ngày người giải quyết được hết các khó khăn của những người mộ đạo kia và bác bỏ được hết những ngụy biện của họ, thì đó sẽ là bằng chứng cho thấy người hoàn toàn biết chắc về giai đoạn công tác này và chẳng có chút nghi ngờ gì. Nếu người không thể bác bỏ lại được những ngụy biện của họ, thì họ sẽ dựng chuyện và phỉ báng người. Điều đó chẳng phải nhục nhã sao?

Tất cả người Do Thái đều đọc Cựu Ước và đều biết đến lời tiên tri của Ê-sai rằng một bé trai sẽ được sinh ra trong máng cỏ. Vậy thì tại sao, cho dù biết rõ lời tiên tri này, họ vẫn bức hại Jêsus? Đây chẳng phải là bởi bản tính phản nghịch và sự ngu muội của họ về công tác của Đức Thánh Linh sao? Vào thời đó, những người Pha-ri-si tin rằng công tác của Jêsus khác với những gì họ biết về bé trai đã được tiên tri, và con người ngày nay chối bỏ Đức Chúa Trời bởi vì công tác của Đức Chúa Trời nhập thể chẳng giống theo Kinh Thánh. Chẳng phải bản chất sự phản nghịch của họ với Đức Chúa Trời cũng y như vậy sao? Người có thể chấp nhận, không thắc mắc tất cả mọi công tác của Đức Thánh Linh không? Nếu là công tác của Đức Thánh Linh, thì đó là dòng chảy đúng đắn, và người nên chấp nhận chẳng chút nghi ngại gì; người không nên so đo chọn lựa thứ để chấp nhận. Nếu người thông sáng hơn về Đức Chúa Trời và lại thận trọng hơn với Ngài, thì đây chẳng phải là việc không đáng sao? Người không cần tìm thêm sự chứng minh từ Kinh Thánh; nếu đó là công tác của Đức Thánh Linh, thì người phải chấp nhận nó, bởi người tin Đức Chúa Trời để đi theo Đức Chúa Trời, và người không nên điều tra Ngài. Người không nên tìm kiếm thêm bằng cứ về Ta để chứng tỏ Ta là Đức Chúa Trời của người, mà nên có khả năng thấy rõ được Ta có giúp ích được gì cho người hay không – đó mới là điều cốt yếu nhất. Ngay cả khi người tìm ra bằng cứ không thể chối cãi từ Kinh Thánh, thì nó cũng không thể hoàn toàn đưa người đến trước Ta. Người đơn thuần sống trong những giới hạn của Kinh Thánh, và không phải là sống trước Ta; Kinh Thánh không thể giúp người biết Ta, cũng chẳng thể làm cho người yêu thương Ta sâu sắc hơn. Mặc dù Kinh Thánh đã tiên tri rằng một bé trai sẽ được sinh ra, không ai có thể dò

lượng được lời tiên tri đó sẽ ứng nghiệm với ai, bởi con người không biết được công tác của Đức Chúa Trời, và đây chính là điều khiến những người Pha-ri-si chống lại Jêsus. Một số người biết rằng công tác của Ta là vì lợi ích của con người, nhưng họ vẫn tiếp tục tin rằng Jêsus và Ta là hai hữu thể hoàn toàn tách biệt, không tương hợp với nhau. Thời đó, Jêsus chỉ dạy cho các môn đồ của Ngài những loạt bài giảng trong Thời đại Ân điển về các chủ đề như thực hành như thế nào, nhóm họp với nhau như thế nào, khẩn xin trong khi cầu nguyện như thế nào, đối xử với nhau như thế nào, v.v. Công tác Ngài đã thực hiện là công tác của Thời đại Ân điển, và Ngài chỉ dẫn giải về cách các môn đồ và những người theo Ngài phải thực hành. Ngài chỉ làm công tác của Thời đại Ân điển, chứ không làm công tác nào của thời kỳ sau rốt. Khi Đức Giê-hô-va lập ra luật pháp Cựu Ước trong Thời đại Luật pháp, tại sao khi ấy Ngài đã không làm công tác của Thời đại Ân điển? Tại sao Ngài đã không làm rõ công tác của Thời đại Ân điển từ trước? Chẳng phải điều này sẽ giúp con người chấp nhận nó sao? Ngài chỉ tiên tri rằng một bé trai sẽ được sinh ra và nắm quyền năng, nhưng Ngài đã không thực hiện trước công tác của Thời đại Ân điển. Công tác của Đức Chúa Trời ở mỗi thời đại đều có ranh giới rõ ràng; Ngài chỉ làm công tác đương thời, và không bao giờ thực hiện trước công tác của thời đại tiếp theo. Chỉ bằng cách này thì công tác đại diện cho mỗi thời đại của Ngài mới được nổi bật. Jêsus chỉ nói về những chỉ dấu của thời kỳ sau rốt, về việc làm thế nào để kiên nhẫn và làm sao để được cứu rỗi, cách ăn năn và xưng tội, cũng như cách vác thập tự giá và chịu đựng đau khổ; Ngài chưa bao giờ nói về việc con người trong thời kỳ sau rốt nên đạt được lối vào như thế nào, cũng không nói về việc con người nên tìm cách đáp ứng ý muốn của Đức Chúa Trời như thế nào. Như thế, chẳng phải là nực cười khi kiếm tìm trong Kinh Thánh về công tác của thời kỳ sau rốt của Đức Chúa Trời sao? Người có thể thấy được gì khi chỉ bám lấy Kinh Thánh? Dù là người diễn dịch Kinh Thánh hay người giảng đạo, ai có thể thấy trước được công tác của ngày hôm nay?

“Ai có tai, hãy nghe lời Đức Thánh Linh phán cùng các Hội thánh”. Các người bây giờ đã nghe được những lời của Đức Thánh Linh chưa? Lời Đức Chúa Trời đã đến với các người. Các người có nghe thấy không? Đức Chúa Trời làm công tác của lời trong thời kỳ sau rốt, và những lời đó là của Đức Thánh Linh, bởi Đức Chúa Trời là Đức Thánh Linh và cũng có thể trở nên xác thịt; bởi thế, những lời của Đức Thánh Linh, như đã nói đến trong quá khứ, là những lời của Đức Chúa Trời nhập thể ngày hôm nay. Có nhiều kẻ ngu xuẩn tin rằng bởi vì đó là Đức Thánh Linh đang phán, tiếng Ngài nên được phán từ các tầng trời để con người nghe thấy. Bất cứ ai suy nghĩ cách này đều không biết về công tác của Đức Chúa Trời. Thực ra, những lời

phán ra bởi Đức Thánh Linh chính là những lời phán ra bởi Đức Chúa Trời trở nên xác thịt. Đức Thánh Linh không thể phán trực tiếp với con người; ngay cả trong Thời đại Luật pháp, Đức Giê-hô-va đã không phán bảo trực tiếp với con người. Chẳng phải khả năng Ngài làm như thế trong thời đại này ngày nay còn thấp hơn nhiều sao? Để Đức Chúa Trời phán lời nhằm thực hiện công tác, Ngài phải trở nên xác thịt, nếu không thì công tác của Ngài sẽ chẳng thể nào hoàn tất được mục tiêu của nó. Những ai chối bỏ Đức Chúa Trời nhập thể là những kẻ chẳng biết gì về Thần hay những nguyên tắc mà Đức Chúa Trời làm việc. Những ai tin rằng bây giờ là thời đại của Đức Thánh Linh, nhưng vẫn không chấp nhận công tác mới của Ngài, là những người sống giữa đức tin mơ hồ và trừu tượng. Những người như vậy sẽ chẳng bao giờ nhận lãnh được công tác của Đức Thánh Linh. Những ai chỉ đòi hỏi Đức Thánh Linh trực tiếp phán bảo và thực hiện công tác của Ngài, và không chấp nhận những lời hay công tác của Đức Chúa Trời nhập thể, sẽ không bao giờ có thể bước vào thời đại mới hay được Đức Chúa Trời mang đến sự cứu rỗi hoàn toàn!

Chỉ những ai biết Đức Chúa Trời và công tác của Ngài mới có thể làm hài lòng Đức Chúa Trời

Công tác của Đức Chúa Trời nhập thể bao gồm hai phần. Lần đầu tiên Ngài trở nên xác thịt, mọi người đã không tin Ngài, cũng chẳng biết Ngài, và họ đã đóng đinh Jê-sus trên thập tự giá. Sau đó, Ngài đã trở nên xác thịt lần thứ hai, mọi người vẫn không tin vào Ngài, hướng gì là biết về Ngài, và một lần nữa, họ đã đóng đinh Đấng Christ trên thập tự giá. Chẳng phải con người là kẻ thù của Đức Chúa Trời sao? Nếu con người không biết Đức Chúa Trời, thì làm sao con người có thể thân tín với Ngài được? Và làm sao họ có thể đủ tư cách để làm chứng cho Đức Chúa Trời? Chẳng phải những lời tuyên bố yêu kính Đức Chúa Trời, hầu việc Đức Chúa Trời, và tôn vinh Đức Chúa Trời của con người hết thảy đều là những lời dối trá lừa gạt sao? Nếu người tận hiến sự sống của mình cho những điều phi hiện thực, phi thực tế này, thì chẳng phải người nhọc công vô ích sao? Làm sao người có thể trở thành thân tín của Đức Chúa Trời khi người thậm chí còn không biết Đức Chúa Trời là ai? Chẳng phải một sự theo đuổi như vậy là mơ hồ và trừu tượng sao? Chẳng phải điều đó là giả dối sao? Làm sao người ta có thể trở thành thân tín của Đức Chúa Trời được? Ý nghĩa thiết thực của việc được nên một người thân tín của Đức Chúa Trời là gì? Người có thể là một người thân tín của Thần của Đức Chúa Trời không? Người có thể thấy Thần vĩ đại và cao quý ra sao không? Trở thành người thân tín của một Đức

Chúa Trời không thể nhìn thấy, không thể chạm vào – chẳng phải điều đó thật mơ hồ và trừu tượng sao? Ý nghĩa thiết thực của một sự theo đuổi như vậy là gì? Chẳng phải tất cả đều là một lời dối trá giả dối sao? Điều người theo đuổi là trở thành người thân tín của Đức Chúa Trời, nhưng trên thực tế thì người lại là con chó cảnh của Satan, vì người không biết Đức Chúa Trời, và theo đuổi “Đức Chúa Trời của muôn vật” không hề tồn tại, là điều không thể nhìn thấy, không thể chạm vào, và là sản phẩm của các quan niệm của riêng người. Nói mang máng thì một “Đức Chúa Trời” như vậy chính là Sa-tan, và nói một cách thực tế, đó là chính bản thân người. Người cố gắng để trở thành thân tín của riêng mình, nhưng vẫn nói rằng người theo đuổi để trở thành thân tín của Đức Chúa Trời – điều đó chẳng phải là báng bổ sao? Giá trị của một sự theo đuổi như thế là gì? Nếu Thần của Đức Chúa Trời không trở nên xác thịt, thì thực chất của Đức Chúa Trời chỉ đơn thuần là một Thần của sự sống không thể nhìn thấy, không thể chạm vào, không hình không dạng, thuộc loại phi vật chất, không thể tiếp cận và không thể hiểu được đối với con người. Làm sao con người có thể là thân tín của một Thần vô hình vô thể, lạ lùng, không thể dò lường như vậy? Đây chẳng phải là một trò đùa sao? Lý luận vô lý như vậy là bất hợp lệ và phi thực tế. Con người thọ tạo vốn đã khác loại với Thần của Đức Chúa Trời, vậy thì làm sao hai người họ có thể trở thành thân tín được? Nếu Thần của Đức Chúa Trời không được hiện thực hóa trong xác thịt, nếu Đức Chúa Trời không trở nên xác thịt và hạ mình xuống bằng cách trở thành một loài thọ tạo, thì con người được tạo dựng nên sẽ vừa không đủ tư cách vừa không có khả năng trở thành thân tín của Ngài, và ngoại trừ những tín đồ tin kính, là những người có thể có cơ hội trở thành thân tín của Đức Chúa Trời sau khi linh hồn của họ đã bước vào thiên đàng, thì hầu hết mọi người sẽ không thể trở thành thân tín của Thần của Đức Chúa Trời. Và nếu con người ao ước trở thành thân tín của Đức Chúa Trời trên trời dưới sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời nhập thể, thì họ chẳng phải là kẻ không phải con người đại dốt một cách đáng kinh ngạc hay sao? Con người chỉ đơn thuần theo đuổi “sự thành tín” đối với một Đức Chúa Trời vô hình, mà không hề chú ý gì đến Đức Chúa Trời có thể nhìn thấy được, vì thật dễ dàng để theo đuổi một Đức Chúa Trời vô hình. Con người có thể làm như vậy theo bất kỳ cách nào mà họ thích, nhưng sự theo đuổi Đức Chúa Trời hữu hình lại không dễ dàng như vậy. Người mà tìm kiếm một Đức Chúa Trời mơ hồ thì hoàn toàn không thể có được Đức Chúa Trời, vì những điều mơ hồ và trừu tượng đều là do con người tưởng tượng ra, và con người không có khả năng đạt được. Nếu Đức Chúa Trời đến giữa các người là một Đức Chúa Trời cao cả và cao quý, là Đáng mà các người không thể tiếp cận, thì làm sao các người có thể nắm bắt được ý muốn của Ngài? Và làm sao các người có thể biết và hiểu được Ngài?

Nếu Ngài chỉ làm công tác của Ngài, và không có sự tiếp xúc bình thường với con người, hoặc không sở hữu nhân tính bình thường và người phàm không thể tiếp cận được, thì ngay cả khi Ngài làm nhiều việc cho các người nhưng các người không có sự tiếp xúc với Ngài, và không thể nhìn thấy Ngài, làm sao các người có thể biết Ngài được? Nếu không phải vì xác thịt sở hữu nhân tính bình thường này, thì con người sẽ không có cách nào biết đến Đức Chúa Trời; chỉ nhờ sự nhập thể của Đức Chúa Trời mà con người mới có đủ tư cách để trở thành thân tín của Đức Chúa Trời trong xác thịt. Con người trở thành những người thân tín của Đức Chúa Trời bởi vì con người có tiếp xúc với Ngài, bởi vì họ sống cùng với Ngài, bầu bạn với Ngài, và vì thế dần dần biết đến Ngài. Nếu không phải như vậy, thì sự theo đuổi của con người chẳng phải sẽ là vô ích sao? Điều đó có nghĩa là, không phải tất cả đều là nhờ công tác của Đức Chúa Trời mà con người có thể trở thành thân tín của Đức Chúa Trời, mà là nhờ tính hiện thực và sự bình thường của Đức Chúa Trời nhập thể. Chỉ vì Đức Chúa Trời trở nên xác thịt mà con người mới có cơ hội thực hiện bổn phận của mình, và có cơ hội để thờ phượng Đức Chúa Trời thật. Đây chẳng phải là lẽ thật thiết thực và thật nhất hay sao? Bây giờ người vẫn ao ước được làm người thân tín của Đức Chúa Trời trên trời chứ? Chỉ khi Đức Chúa Trời hạ mình xuống một mức độ nhất định, nghĩa là, chỉ khi Đức Chúa Trời trở nên xác thịt, thì con người mới có thể làm người thân tín và bạn tâm tình của Ngài. Đức Chúa Trời là Thần: Làm sao con người đủ tư cách để trở thành thân tín của Thần này, là Đấng rất cao quý và không thể dò lường? Chỉ khi Thần của Đức Chúa Trời giáng ngự vào trong xác thịt, và trở thành một sinh vật có bề ngoài giống như con người, thì con người mới có thể hiểu được ý muốn của Ngài và thực sự được Ngài thu nhận. Ngài phán dạy và làm việc trong xác thịt, chia sẻ những niềm vui, nỗi buồn và những hoạn nạn của loài người, sống trong cùng một thế giới với loài người, bảo vệ loài người, hướng dẫn họ, và thông qua điều này Ngài làm thanh sạch con người, cho phép con người có được sự cứu rỗi và phước lành của Ngài. Khi đã đạt được những điều này, con người mới thực sự hiểu ý muốn của Đức Chúa Trời, và chỉ khi đó họ mới có thể là người thân tín của Đức Chúa Trời. Chỉ điều này mới là thiết thực. Nếu Đức Chúa Trời là Đấng mà con người không thể nhìn thấy và không thể chạm vào, thì làm sao họ có thể trở thành thân tín của Ngài? Đây chẳng phải là giáo lý sáo rỗng sao?

Đã tin vào Đức Chúa Trời cho đến tận bây giờ, nhiều người vẫn theo đuổi những điều mơ hồ và trừu tượng. Họ không nắm bắt được hiện thực công tác của Đức Chúa Trời ngày nay, và vẫn sống giữa những câu chữ và giáo lý. Hơn nữa, hầu hết mọi người vẫn chưa bước vào hiện thực của những cụm từ mới như “thế hệ mới của những người yêu mến Đức Chúa Trời”, “thân tín của Đức Chúa Trời”, “gương

mẫu và hình mẫu yêu mến Đức Chúa Trời”, “phong cách của Phi-e-rơ”; thay vào đó, sự theo đuổi của họ vẫn còn mơ hồ và trừu tượng, họ vẫn mò mẫm trong giáo lý, và họ không có nhận thức về hiện thực của những lời này. Khi Thần của Đức Chúa Trời trở nên xác thịt, người có thể nhìn thấy và chạm vào công tác của Ngài trong xác thịt. Tuy nhiên, nếu người vẫn không có khả năng trở thành thân tín của Ngài, nếu người vẫn không thể trở thành bạn tâm tình của Ngài, thì làm sao người có thể trở thành bạn tâm tình của Thần của Đức Chúa Trời được? Nếu người không biết Đức Chúa Trời của ngày hôm nay, thì làm sao người có thể trở thành một người trong thể hệ mới của những người yêu mến Đức Chúa Trời được? Những cụm từ này chẳng phải là những câu chữ và giáo lý sáo rỗng sao? Người có thể nhìn thấy Thần và nắm bắt ý muốn của Ngài không? Chẳng phải đây là những cụm từ sáo rỗng sao? Nếu người chỉ đơn giản nói những cụm từ và thuật ngữ này thì vẫn chưa đủ, người cũng không thể đạt được sự hài lòng của Đức Chúa Trời thông qua chỉ mỗi quyết tâm mà thôi. Người hài lòng chỉ với việc nói những lời này, và người làm như vậy để thỏa mãn những ham muốn của riêng mình, để thỏa mãn những lý tưởng phi thực tế của riêng mình, và để thỏa mãn những quan niệm và suy nghĩ của riêng mình. Nếu người không biết Đức Chúa Trời của ngày hôm nay, thì bất kể người làm gì, người cũng sẽ không thể thỏa mãn ao ước trong lòng của Đức Chúa Trời được. Trở thành một bạn tâm tình của Đức Chúa Trời có nghĩa là gì? Người vẫn chưa hiểu điều này sao? Vì thân tín của Đức Chúa Trời là con người, nên Đức Chúa Trời cũng là con người. Điều đó nghĩa là Đức Chúa Trời đã trở nên xác thịt, đã trở thành con người. Chỉ những người cùng loại với nhau mới có thể gọi nhau là bạn tâm tình, chỉ khi đó họ mới có thể được xem là thân tín. Nếu Đức Chúa Trời là Thần, thì làm sao con người được tạo dựng nên lại có thể trở thành thân tín của Ngài được?

Niềm tin của người vào Đức Chúa Trời, sự theo đuổi lẽ thật của người, và thậm chí cả cách người cư xử, hết thảy đều phải dựa trên hiện thực rằng: Mọi thứ người làm phải thiết thực, và người không nên theo đuổi những điều viễn vông, hảo huyền. Việc hành xử theo cách này chẳng có giá trị gì, và hơn thế nữa, một đời sống như vậy thật vô nghĩa. Bởi vì sự theo đuổi và đời sống của người không được dành cho điều gì khác hơn là sự giả dối và lừa gạt, và bởi vì người không theo đuổi những thứ có giá trị và ý nghĩa, nên những thứ duy nhất người đạt được là lý luận và giáo lý vô lý, không phải là lẽ thật. Những thứ như vậy không liên quan đến ý nghĩa và giá trị của sự tồn tại của người, và chỉ có thể đưa người đến một cõi trống rỗng mà thôi. Theo cách này, toàn bộ đời sống của người sẽ không có bất kỳ giá trị hoặc ý nghĩa nào – và nếu người không theo đuổi một đời sống ý nghĩa, thì người có thể sống một trăm năm mà tất cả sẽ chẳng ích lợi gì. Làm sao điều đó có thể được gọi là cuộc

đời của một con người? Nó thực ra chẳng phải là đời sống của một con vật sao? Tương tự như vậy, nếu các người cố gắng đi theo con đường của niềm tin vào Đức Chúa Trời, nhưng lại không nỗ lực theo đuổi Đức Chúa Trời có thể nhìn thấy được, mà thay vào đó lại thờ phượng một Đức Chúa Trời không thể nhìn thấy và không thể chạm vào, thì sự theo đuổi như vậy chẳng phải thậm chí còn vô ích hơn sao? Cuối cùng, sự theo đuổi của người sẽ trở thành một đồng đồ nát. Một sự theo đuổi như vậy có lợi ích gì cho người? Vấn đề lớn nhất với con người là họ chỉ yêu những thứ mà mình không thể nhìn thấy hoặc chạm vào, những thứ cực kỳ màu nhiệm và kỳ diệu, và là những thứ mà con người không thể tưởng tượng được và người phàm không thể đạt được. Những điều này càng phi thực tế, thì chúng lại càng được phân tích bởi con người, và họ thậm chí theo đuổi chúng đến mức không để ý đến mọi điều khác, và nỗ lực để có được chúng. Chúng càng phi thực tế, thì con người càng soi xét và phân tích chúng kỹ càng hơn, đến nỗi tạo ra những ý tưởng toàn diện của riêng mình về chúng. Trái lại, những điều càng thiết thực, thì con người lại càng dễ gạt bỏ chúng; họ đơn giản là xem thường chúng, và thậm chí còn khinh bỉ chúng. Đây chẳng phải chính là thái độ của các người đối với công tác thiết thực Ta làm ngày nay sao? Những điều đó càng thiết thực, thì các người càng có thành kiến với chúng. Các người không hề dành thời gian để xem xét chúng, mà đơn giản là phớt lờ chúng; các người xem thường những yêu cầu thực tế, tiêu chuẩn thấp này, và thậm chí còn nuôi dưỡng nhiều quan niệm về Đức Chúa Trời, là Đáng thật nhất này, và đơn giản là không có khả năng chấp nhận tính hiện thực và sự bình thường của Ngài. Bằng cách này, chẳng phải các người giữ một niềm tin mơ hồ sao? Các người có một niềm tin không thể lay chuyển vào Đức Chúa Trời mơ hồ của thời quá khứ, và không có hứng thú với Đức Chúa Trời thật của ngày hôm nay. Điều này chẳng phải là vì Đức Chúa Trời của ngày hôm qua và Đức Chúa Trời của ngày hôm nay đến từ hai thời đại khác nhau sao? Chẳng phải cũng là vì Đức Chúa Trời của ngày hôm qua là Đức Chúa Trời cao quý của thiên đàng, trong khi Đức Chúa Trời của ngày hôm nay là một con người nhỏ bé trên đất sao? Hơn thế nữa, chẳng phải vì Đức Chúa Trời được con người thờ phượng là Đáng được tạo ra bởi những quan niệm của con người, trong khi Đức Chúa Trời của ngày hôm nay lại có một xác thịt thực sự được tạo ra trên đất sao? Sau tất cả thì chẳng phải vì Đức Chúa Trời của ngày hôm nay quá thật nên con người không theo đuổi Ngài sao? Bởi vì những gì Đức Chúa Trời của ngày hôm nay yêu cầu con người chính là những điều mà con người không muốn làm nhất, và điều đó khiến họ cảm thấy hổ thẹn. Điều này chẳng phải là làm khó cho con người sao? Điều này chẳng phải lột trần những vết sẹo của họ sao? Theo cách này, nhiều người không theo đuổi Đức Chúa Trời thật, Đức Chúa

Trời thực tế, và do đó họ trở thành kẻ thù của Đức Chúa Trời nhập thể, tức là, những kẻ địch lại Đấng Christ. Đây chẳng phải là một sự thật rõ ràng sao? Trong quá khứ, khi Đức Chúa Trời chưa trở nên xác thịt, người có thể đã là một nhân vật tôn giáo, hoặc một tín đồ sùng đạo. Sau khi Đức Chúa Trời trở nên xác thịt, nhiều tín đồ sùng đạo như vậy vô tình trở thành kẻ địch lại Đấng Christ. Người có biết điều gì đang diễn ra ở đây không? Trong niềm tin của người vào Đức Chúa Trời, người không tập trung vào hiện thực hoặc theo đuổi lẽ thật, mà thay vào đó lại bị ám ảnh về những điều dối trá – đây chẳng phải là nguồn gốc rõ ràng nhất cho sự thù địch của người đối với Đức Chúa Trời nhập thể sao? Đức Chúa Trời nhập thể được gọi là Đấng Christ, vì vậy chẳng phải tất cả những ai không tin vào Đức Chúa Trời nhập thể đều là những kẻ địch lại Đấng Christ sao? Vậy thì Đấng mà người tin và yêu có phải thực sự là Đức Chúa Trời trong xác thịt này hay không? Đó có thật là Đức Chúa Trời đang sống và đang thở, là Đấng thực nhất và cực kỳ bình thường này không? Chính xác thì mục tiêu theo đuổi của người là gì? Nó ở trên trời hay dưới đất? Nó là một quan niệm hay nó là lẽ thật? Đó là Đức Chúa Trời hay là một hữu thể siêu nhiên nào đó? Trên thực tế, lẽ thật là những cách ngôn cuộc sống thật nhất, và là cách ngôn cao nhất trong số những cách ngôn như thế trong toàn thể nhân loại. Bởi vì đó là yêu cầu mà Đức Chúa Trời đặt ra cho con người, và là công tác do Đức Chúa Trời đích thân thực hiện, do đó, nó được gọi là “cách ngôn của cuộc sống”. Nó không phải là một cách ngôn được tóm tắt từ một điều gì đó, nó cũng không phải là một lời trích dẫn nổi tiếng từ một nhân vật vĩ đại. Thay vào đó, đó là lời phán cho loài người từ Chủ của trời đất và vạn vật, và không phải là một vài lời được con người tóm tắt, mà là sự sống vốn có của Đức Chúa Trời. Và do đó, nó được gọi là “cách ngôn cao nhất trong mọi cách ngôn của cuộc sống”. Sự theo đuổi việc đưa lẽ thật vào thực hành của con người là sự thực hiện bổn phận của họ, nghĩa là sự theo đuổi việc thỏa mãn yêu cầu của Đức Chúa Trời. Bản chất của yêu cầu này là điều thật nhất trong mọi lẽ thật, thay vì giáo lý sáo rỗng mà không ai có thể đạt được. Nếu sự theo đuổi của người không là gì khác ngoài giáo lý và không chứa đựng hiện thực, thì chẳng phải người phản nghịch lẽ thật hay sao? Chẳng phải người là kẻ công kích lẽ thật hay sao? Làm sao một người như vậy có thể là người theo đuổi để yêu mến Đức Chúa Trời được? Những kẻ không có hiện thực là những kẻ phản bội lại lẽ thật, và tất cả vốn dĩ đều phản nghịch!

Bất kể người theo đuổi như thế nào, trên hết, người phải hiểu công tác mà Đức Chúa Trời làm ngày nay, và phải biết ý nghĩa của công tác này. Người phải hiểu và biết Đức Chúa Trời mang lại công tác gì khi Ngài đến vào thời kỳ sau rốt, Ngài mang lại tâm tính gì, và những gì sẽ được làm cho trọn vẹn trong con người. Nếu người

không biết hoặc không hiểu công tác mà Ngài đã đến để thực hiện trong xác thịt, thì làm sao người có thể nắm bắt được ý muốn của Ngài, và làm sao người có thể trở thành thân tín của Ngài? Thực ra, việc trở thành thân tín của Đức Chúa Trời không phức tạp, nhưng nó cũng không đơn giản. Nếu con người có thể hiểu nó thấu đáo và đưa nó vào thực hành, thì nó trở nên không phức tạp; nếu con người không thể hiểu nó thấu đáo, thì nó trở nên khó khăn hơn rất nhiều, và hơn thế nữa, con người trở nên dễ dể cho sự theo đuổi của họ dẫn họ vào sự mơ hồ. Nếu trong quá trình theo đuổi Đức Chúa Trời, con người không có lập trường riêng của mình để đứng vững, và không biết mình nên nắm giữ lẽ thật gì, thì điều đó có nghĩa là họ không có nền tảng, và vì vậy họ trở nên khó đứng vững. Ngày nay, có rất nhiều người không hiểu lẽ thật, những người không thể phân biệt giữa thiện và ác hoặc chỉ ra nên yêu hay ghét những gì. Những người như vậy khó có thể đứng vững. Chìa khóa cho niềm tin vào Đức Chúa Trời là có thể đưa lẽ thật vào thực hành, quan tâm đến ý muốn của Đức Chúa Trời, biết công tác của Đức Chúa Trời trên con người khi Ngài đến trong xác thịt và những nguyên tắc mà qua đó Ngài phán bảo. Đừng đi theo số đông. Người phải có những nguyên tắc mà người nên bước vào, và phải tuân giữ chúng. Việc giữ vững những điều bên trong người được Đức Chúa Trời khai sáng sẽ giúp ích cho người. Nếu người không làm được, thì hôm nay người sẽ xoay theo một chiều, ngày mai người sẽ xoay theo chiều khác, và người sẽ không bao giờ đạt được bất kỳ điều gì thực sự. Như vậy không có lợi gì cho sự sống của người. Những người không hiểu lẽ thật luôn đi theo người khác: Nếu người ta nói rằng đây là công tác của Đức Thánh Linh, thì người cũng nói đó là công tác của Đức Thánh Linh; nếu người ta nói đó là công tác của tà linh, thì người cũng trở nên nghi ngờ, hoặc cũng nói đó là công tác của tà linh. Người luôn lặp lại như vệt những lời nói của người khác, mà không có khả năng tự mình phân biệt bất kỳ điều gì, và người cũng không thể tự mình suy nghĩ. Đây là một người không có lập trường, người không thể phân biệt – một người như vậy là một kẻ vô dụng! Người luôn lặp lại lời của người khác: Hôm nay người ta nói rằng đây là công tác của Đức Thánh Linh, nhưng rất có thể một ngày nào đó có người sẽ nói rằng đó không phải là công tác của Đức Thánh Linh, và không là gì khác ngoài những việc làm của con người – nhưng người không thể phân biệt được điều này, và khi người chứng kiến những người khác nói điều đó, thì người cũng nói điều tương tự. Nó thực ra là công tác của Đức Thánh Linh, nhưng người lại nói đó là công tác của con người; chẳng phải người đã trở thành một trong những kẻ báng bổ chống lại công tác của Đức Thánh Linh sao? Trong chuyện này, chẳng phải người đã chống đối Đức Chúa Trời vì người không thể phân biệt sao? Có thể một ngày nào đó, một kẻ ngu ngốc nào đó sẽ xuất hiện nói rằng

“đây là công tác của tà linh”, và khi người nghe những lời này thì người sẽ cảm thấy bối rối, và một lần nữa bị vướng bận bởi những lời của người khác. Mỗi khi ai đó khuấy động sự nhiễu loạn thì người không có khả năng giữ vững lập trường của mình, và tất cả điều này chỉ là vì người không sở hữu lẽ thật. Tin vào Đức Chúa Trời và tìm cách biết Đức Chúa Trời không phải là chuyện đơn giản. Những điều này không thể đạt được chỉ đơn giản bằng cách nhóm họp lại với nhau và lắng nghe lời thuyết giảng, và người không thể được hoàn thiện chỉ bởi niềm say mê mà thôi. Người phải trải nghiệm, nhận biết, có nguyên tắc trong những hành động của mình, và có được công tác của Đức Thánh Linh. Khi người đã trải nghiệm, người sẽ có thể phân biệt được nhiều thứ – người sẽ có thể phân biệt thiện ác, giữa sự công chính và sự gian ác, giữa những gì thuộc về thịt và huyết và những gì thuộc về lẽ thật. Người sẽ có thể phân biệt giữa tất cả những điều này, và khi làm như vậy, dù hoàn cảnh có ra sao, người cũng sẽ không bao giờ bị lạc lối. Chỉ có điều này mới là vóc giạc thực sự của người.

Để biết được công tác của Đức Chúa Trời không phải là vấn đề đơn giản. Người nên có những tiêu chuẩn và một mục tiêu trong quá trình theo đuổi của mình, người nên biết cách tìm kiếm con đường thật, và cách đo lường xem đó có phải là con đường thật hay không, và đó có phải là công tác của Đức Chúa Trời hay không. Nguyên tắc cơ bản nhất trong việc tìm kiếm con đường thật là gì? Người phải xem liệu có công tác của Đức Thánh Linh trong con đường này hay không, liệu những lời này có phải là sự bày tỏ của lẽ thật hay không, ai được chứng thực, và nó có thể mang lại cho người những gì. Việc phân biệt giữa con đường thật và con đường giả đòi hỏi một số khía cạnh của kiến thức cơ bản, điều cơ bản nhất của nó là phải chỉ ra được liệu có công tác của Đức Thánh Linh hiện diện trong đó hay không. Vì thực chất niềm tin của con người vào Đức Chúa Trời là niềm tin vào Thần của Đức Chúa Trời, và thậm chí niềm tin của họ vào Đức Chúa Trời nhập thể là bởi vì xác thịt này là hiện thân của Thần của Đức Chúa Trời, có nghĩa là niềm tin như vậy vẫn là niềm tin vào Thần. Có những sự khác biệt giữa Thần và xác thịt, nhưng bởi vì xác thịt này đến từ Thần, và là Lời trở nên xác thịt, do đó những gì con người tin vào vẫn là thực chất vốn có của Đức Chúa Trời. Và vì vậy, để phân biệt liệu đó có phải là con đường thật hay không, trên hết người phải xem liệu nó có công tác của Đức Thánh Linh hay không, sau đó người phải xem liệu có lẽ thật trong con đường này hay không. Lẽ thật là tâm tính sống của nhân tính bình thường, nghĩa là, điều được đòi hỏi ở con người khi Đức Chúa Trời tạo dựng nên họ từ lúc ban đầu, cụ thể là toàn bộ nhân tính bình thường (bao gồm ý thức của con người, sự sáng suốt, sự khôn ngoan và kiến thức cơ bản về việc làm người). Nghĩa là, người cần xem liệu con đường này

có thể dẫn con người vào một đời sống của nhân tính bình thường hay không, liệu lẽ thật được nhắc đến có cần thiết dựa theo hiện thực của nhân tính bình thường hay không, liệu lẽ thật này có thiết thực và thật hay không, và liệu nó có phải là hợp thời nhất hay không. Nếu có lẽ thật, thì nó có thể dẫn con người vào những trải nghiệm thật và bình thường; hơn nữa, con người trở nên bình thường hơn bao giờ hết, ý thức của con người trở nên trọn vẹn hơn bao giờ hết, đời sống của con người trong xác thịt và đời sống thuộc linh trở nên quý giá hơn bao giờ hết, và những cảm xúc của con người trở nên bình thường hơn bao giờ hết. Đây là nguyên tắc thứ hai. Có một nguyên tắc khác, đó là liệu con người có kiến thức ngày càng tăng về Đức Chúa Trời hay không, liệu việc trải nghiệm công tác và lẽ thật như vậy có thể truyền cảm hứng yêu mến Đức Chúa Trời trong họ, và đưa họ đến gần hơn với Đức Chúa Trời hay không. Qua đây có thể đo lường được liệu con đường này có phải là con đường thật hay không. Điều cơ bản nhất là liệu con đường này có thực tế thay vì siêu nhiên hay không, và liệu nó có thể chu cấp cho sự sống của con người hay không. Nếu nó phù hợp với những nguyên tắc này, thì có thể rút ra kết luận rằng con đường này là con đường thật. Ta phán những lời này không phải để khiến các người chấp nhận những con đường khác trong những trải nghiệm tương lai của các người, cũng không phải như một lời dự báo rằng sẽ có công tác của một thời đại mới khác trong tương lai. Ta phán những lời ấy hầu cho các người có thể chắc chắn rằng con đường của ngày hôm nay là con đường thật, hầu cho các người sẽ không chỉ chắc chắn nửa vời trong niềm tin của mình vào công tác của ngày hôm nay và không thể đạt được sự thông sáng về nó. Thậm chí có nhiều người, mặc dù chắc chắn, nhưng vẫn đi theo trong sự bối rối; sự chắc chắn như vậy không có nguyên tắc, và những người như vậy sớm muộn gì cũng phải bị loại bỏ. Ngay cả những người đặc biệt hăng hái đi theo cũng chỉ chắc được ba phần còn năm phần thì không chắc, điều đó cho thấy rằng họ không có nền tảng. Bởi vì tổ chức của các người quá kém cỏi và nền tảng của các người quá nông cạn, nên các người không có sự hiểu biết về sự phân biệt. Đức Chúa Trời không lặp lại công tác của Ngài, Ngài không làm các công tác không thiết thực, Ngài không đưa ra những yêu cầu quá đáng cho con người, và Ngài không làm công tác vượt quá ý thức của con người. Tất cả công tác Ngài làm đều nằm trong phạm vi ý thức thông thường của con người, không vượt quá ý thức của nhân tính bình thường, và công tác của Ngài dựa theo những yêu cầu thông thường của con người. Nếu đó là công tác của Đức Thánh Linh, thì con người sẽ trở nên bình thường hơn bao giờ hết, và nhân tính của họ sẽ trở nên bình thường hơn bao giờ hết. Con người có kiến thức ngày càng tăng về tâm tính Sa-tan bại hoại của mình, về bản chất của con người, và họ cũng có một khát khao cho lẽ thật lớn hơn

bao giờ hết. Điều đó có nghĩa là, sự sống của con người ngày càng tăng trưởng, và tâm tính bại hoại của con người trở nên ngày càng có khả năng thay đổi – tất cả những điều này đều là ý nghĩa của việc Đức Chúa Trời trở nên sự sống của con người. Nếu một con đường không có khả năng tiết lộ những điều thuộc về bản chất của con người, không có khả năng thay đổi tâm tính của con người, và hơn thế nữa, không có khả năng đưa họ đến trước Đức Chúa Trời hoặc cho họ một sự hiểu biết thực sự về Đức Chúa Trời, mà thậm chí còn khiến cho nhân tính của họ trở nên thấp kém hơn bao giờ hết và ý thức của họ trở nên bất thường hơn bao giờ hết, thì con đường này không phải là con đường thật, và nó có thể là công tác của một tà linh, hoặc con đường cũ. Nói tóm lại, nó không thể là công tác hiện tại của Đức Thánh Linh được. Các người đã tin vào Đức Chúa Trời trong suốt ngàn ấy năm, nhưng các người không có ý niệm gì về các nguyên tắc để phân biệt giữa con đường thật và con đường giả hoặc để tìm kiếm con đường thật. Hầu hết mọi người thậm chí còn không quan tâm đến những vấn đề này; họ chỉ đơn thuần đi đến nơi số đông đi, và lặp lại những gì số đông nói. Làm sao đây là một người tìm kiếm con đường thật được? Và làm sao những người như vậy có thể tìm thấy con đường thật? Nếu người nắm bắt được một số nguyên tắc then chốt này, thì dù điều gì xảy ra đi nữa, người cũng sẽ không bị lừa gạt. Ngày nay, điều cốt yếu là con người phải có thể phân biệt được; đây là điều mà nhân tính bình thường nên sở hữu, và là điều con người phải sở hữu trong kinh nghiệm của mình. Nếu, thậm chí ngày nay, con người vẫn không phân biệt được điều gì trong lúc đi theo, và ý thức con người của họ vẫn chưa phát triển, thì con người quá ngu ngốc, và sự theo đuổi của họ bị nhầm lẫn và lệch lạc. Không hề có một sự phân biệt nào trong sự theo đuổi của người ngày nay, và cho dù có đúng như người nói rằng mình thực sự đã tìm thấy con đường thật, thì người đã đạt được nó chưa? Người đã có thể phân biệt được điều gì chưa? Thực chất của con đường thật là gì? Trong con đường thật, người vẫn chưa đạt được con đường thật, người vẫn chưa đạt được bất kỳ điều gì của lẽ thật. Điều này nghĩa là người vẫn chưa đạt được điều mà Đức Chúa Trời đòi hỏi ở người, và do đó đã không có sự thay đổi nào trong sự bại hoại của người. Nếu người tiếp tục theo đuổi theo cách này, thì cuối cùng người sẽ bị loại bỏ. Đã đi theo cho đến ngày nay, người nên chắc chắn rằng con đường mà người đã đi là con đường đúng, và không nên nghi ngờ gì thêm. Nhiều người luôn không chắc chắn và ngừng theo đuổi lẽ thật vì một số vấn đề nhỏ nhặt. Những người như vậy là những người không có kiến thức về công tác của Đức Chúa Trời, họ là những người theo Đức Chúa Trời trong sự bối rối. Những người không biết công tác của Đức Chúa Trời thì không có khả năng trở thành thân tín của Ngài, hoặc làm chứng cho Ngài. Ta khuyên giục những ai chỉ

tìm kiếm phước lành và chỉ theo đuổi những điều mơ hồ và trừu tượng, hãy theo đuổi lẽ thật càng sớm càng tốt, hầu cho đời sống của họ có thể có ý nghĩa. Các người đừng tự lừa dối mình nữa!

Sự khác nhau giữa chức vụ của Đức Chúa Trời nhập thể và bốn phận của con người

Các người phải biết những khái tượng trong công tác của Đức Chúa Trời và nắm bắt phương hướng chung trong công tác của Ngài. Đây là sự bước vào tích cực. Một khi người đã nắm vững chính xác lẽ thật của những khái tượng, thì sự bước vào của người sẽ được đảm bảo; dù công tác của Đức Chúa Trời có thay đổi như thế nào, thì người sẽ vẫn vững vàng trong lòng mình, rõ ràng về các khái tượng, và có một mục tiêu cho sự bước vào và sự theo đuổi của người. Theo cách này, tất cả kinh nghiệm và kiến thức trong người sẽ phát triển sâu hơn và trở nên cặn kẽ hơn. Một khi đã nắm bắt được toàn bộ bức tranh lớn hơn, người sẽ không phải chịu những tổn thất trong sự sống, và người cũng sẽ không bị lạc lối. Nếu người không biết đến các bước công tác này, người sẽ chịu tổn thất trong từng bước, và người sẽ mất nhiều hơn một vài ngày để xoay chuyển tình thế, cũng như người sẽ không thể đi đúng hướng thậm chí là trong một vài tuần. Chẳng phải điều này sẽ gây nên những trì trệ sao? Có nhiều điều trong cách bước vào và sự thực hành tích cực mà các người phải thông thạo. Đối với những khái tượng trong công tác của Đức Chúa Trời, người phải nắm vững những điểm sau: ý nghĩa công tác chinh phục của Ngài, con đường tương lai để được trở nên hoàn thiện, điều gì phải đạt được qua việc trải nghiệm những thử luyện và khổ nạn, ý nghĩa của sự phán xét và hình phạt, các nguyên tắc làm việc của Đức Thánh Linh, và các nguyên tắc của sự hoàn thiện và chinh phục. Tất cả những điều này thuộc về lẽ thật của những khái tượng. Phần còn lại là ba giai đoạn công tác trong Thời đại Luật pháp, Thời đại Ân điển, và Thời đại Vương quốc, cũng như lời chứng tương lai. Đây cũng là lẽ thật về những khái tượng, và chúng là những điều cơ bản nhất cũng như quan trọng nhất. Hiện tại, có rất nhiều thứ mà các người nên bước vào và thực hành, và bây giờ chúng có nhiều tầng bậc hơn và chi tiết hơn. Nếu người không có kiến thức về những lẽ thật này, thì điều này chứng tỏ người vẫn chưa có được lối vào. Đa phần, kiến thức của con người về lẽ thật còn quá nông cạn; họ không thể đưa vào thực hành những lẽ thật cơ bản nhất định và ngay cả những vấn đề nhỏ nhặt cũng không biết cách xử lý. Lý do con người không thể thực hành lẽ thật là vì tâm tính của họ phản nghịch, và vì kiến thức của họ về công tác của hôm nay quá hời hợt và phiến diện. Vì vậy, để con người được trở

nên hoàn thiện là một nhiệm vụ không hề dễ dàng. Người quá phản nghịch, và người giữ lại quá nhiều bản ngã cũ của mình; người không thể đứng về phía lẽ thật, và không thể thực hành ngay cả những lẽ thật hiển nhiên nhất. Những người như thế không thể được cứu rỗi và là những người chưa được chinh phục. Nếu sự bước vào của người không có chi tiết cũng như không có các mục tiêu, thì sự trưởng thành sẽ chậm đến với người. Nếu không có chút hiện thực nào trong sự bước vào của người, thì sự theo đuổi của người sẽ vô ích. Nếu người không hay biết về thực chất của lẽ thật, thì người sẽ không thay đổi gì. Sự trưởng thành trong đời sống của con người và những thay đổi trong tâm tính của họ đạt được thông qua việc bước vào hiện thực, và hơn thế nữa, thông qua việc bước vào những trải nghiệm chi tiết. Nếu có nhiều trải nghiệm chi tiết trong quá trình bước vào của người, và người có nhiều kiến thức và sự bước vào thực tế, thì tâm tính của người sẽ nhanh chóng thay đổi. Cho dù hiện tại người không hoàn toàn rõ về sự thực hành, ít nhất người cũng phải rõ về những khái tượng về công tác của Đức Chúa Trời. Nếu không, người sẽ không thể bước vào, và sự bước vào chỉ khả thi một khi người có kiến thức về lẽ thật. Chỉ khi Đức Thánh Linh khai sáng người trong sự trải nghiệm, thì người mới có được sự hiểu biết sâu sắc hơn về lẽ thật, và sự bước vào sâu hơn. Các người phải biết đến công tác của Đức Chúa Trời.

Ban đầu, sau công cuộc tạo dựng nên loài người, chính dân Y-sơ-ra-ên là những người đã đóng vai trò nền tảng trong công tác của Đức Chúa Trời. Toàn thể Y-sơ-ra-ên là nền móng cho công tác của Đức Giê-hô-va trên đất. Công tác của Đức Giê-hô-va là trực tiếp dẫn dắt và chăn dắt con người bằng cách đặt ra các luật lệ, hầu cho con người có thể sống một đời sống bình thường và thờ phượng Đức Giê-hô-va theo một cách thức bình thường trên đất. Đức Chúa Trời trong Thời đại Luật pháp không thể nhìn thấy cũng không thể chạm vào bởi con người. Bởi vì tất cả những gì Ngài làm là dẫn dắt những người đầu tiên bị Sa-tan làm bại hoại, phán dạy và chăn dắt họ, những lời Ngài phán chỉ là về các luật lệ, chế định, và các quy tắc ứng xử của con người, và không cung cấp cho họ các lẽ thật về sự sống. Dân Y-sơ-ra-ên dưới sự dẫn dắt của Ngài đã chưa bị bại hoại sâu sắc bởi Sa-tan. Công tác luật pháp của Ngài chỉ là giai đoạn đầu tiên trong công tác cứu rỗi, sự khởi đầu của công tác cứu rỗi, và hầu như không liên quan gì đến những thay đổi trong tâm tính sống của con người. Do đó, vào giai đoạn đầu của công tác cứu rỗi, Ngài đã không cần mặc lấy xác thịt cho công tác của Ngài ở Y-sơ-ra-ên. Đây là lý do tại sao Ngài đã cần đến một trung gian, một công cụ, để qua đó tiếp xúc với con người. Vì vậy, giữa các loài thọ tạo đã nổi lên ra những người phát ngôn và làm việc thay mặt Đức Giê-hô-va, là cách con cái loài người và các đáng tiên tri đã đến làm việc giữa con người.

Con cái loài người đã thay mặt Đức Giê-hô-va làm việc giữa con người. Được Đức Giê-hô-va gọi là “con cái loài người” có nghĩa là những người đó đã đặt ra các luật lệ thay mặt cho Đức Giê-hô-va. Họ cũng là những thầy tế lễ giữa dân Y-sơ-ra-ên; những thầy tế lễ đã được Đức Giê-hô-va trông nom và bảo vệ, và được Thần của Đức Giê-hô-va làm việc bên trong; họ là những người dẫn dắt giữa dân chúng và trực tiếp hầu việc Đức Giê-hô-va. Mặt khác, các đấng tiên tri đã dâng mình để thay mặt cho Đức Giê-hô-va phán với dân chúng trong khắp các xứ và các chi phái. Họ cũng đã tiên tri về công tác của Đức Giê-hô-va. Dù họ là con cái loài người hay các đấng tiên tri, tất cả đều đã được đẩy lên bởi Thần của chính Đức Giê-hô-va và đã có công tác của Đức Giê-hô-va trong họ. Giữa mọi người, họ là những người đã trực tiếp đại diện cho Đức Giê-hô-va; họ đã làm công việc của họ chỉ vì họ đã được Đức Giê-hô-va đẩy lên chứ không phải vì họ là xác thịt đã được chính Đức Thánh Linh nhập thể vào. Do đó, dù họ giống nhau ở chỗ cùng phán và làm việc thay mặt Đức Chúa Trời, nhưng con cái loài người và các đấng tiên tri trong Thời đại Luật pháp không phải là xác thịt của Đức Chúa Trời nhập thể. Công tác của Đức Chúa Trời trong Thời đại Ân điển và giai đoạn cuối cùng thì hoàn toàn trái ngược, vì công tác cứu rỗi và phán xét con người đều đã được thực hiện bởi chính Đức Chúa Trời nhập thể, và do đó đơn giản là không cần thiết phải đẩy lên các đấng tiên tri và con cái loài người để làm việc thay cho Ngài một lần nữa. Trong mắt con người, không có sự khác biệt về thực chất nào giữa thực chất và phương pháp công tác của họ. Và chính vì lý do này mà con người luôn luôn nhầm lẫn giữa công tác của Đức Chúa Trời nhập thể với công việc của các đấng tiên tri và con cái loài người. Về bề ngoài của Đức Chúa Trời nhập thể về cơ bản giống như của các đấng tiên tri và các con cái loài người. Và Đức Chúa Trời nhập thể thậm chí còn bình thường hơn và thật hơn các đấng tiên tri. Vì thế, con người không thể phân biệt được họ. Con người chỉ tập trung vào vẻ bề ngoài, hoàn toàn không ý thức được rằng, mặc dù cả hai đều giống nhau ở chỗ cùng làm việc và phán dạy, vẫn có một sự khác biệt về thực chất giữa họ. Bởi vì khả năng phân biệt mọi thứ của con người quá kém cỏi, nên họ không thể phân biệt được những vấn đề cơ bản, nói gì đến điều phức tạp như vậy. Khi các đấng tiên tri và những người được Đức Thánh Linh sử dụng đó phán và làm việc, thì đây là để thực hiện bổn phận của con người, để thực hiện chức năng của một loài thọ tạo, và là điều mà con người nên làm. Tuy nhiên, những lời và công tác của Đức Chúa Trời nhập thể là để thực hiện chức vụ của Ngài. Dù mang dáng vẻ bề ngoài của một loài thọ tạo, nhưng công tác của Ngài không phải là thực hiện chức năng của Ngài mà là chức vụ của Ngài. Từ “bổn phận” được sử dụng khi nói về loài thọ tạo, trong khi “chức vụ” được sử dụng khi nói về xác thịt của Đức Chúa Trời nhập

thể. Có một sự khác biệt về bản chất giữa hai thuật ngữ này; chúng không thể thay thế cho nhau. Công việc của con người chỉ là làm bổn phận của họ, trong khi công tác của Đức Chúa Trời là quản lý, và thực hiện chức vụ của Ngài. Do đó, dù nhiều sứ đồ đã được Đức Thánh Linh sử dụng và nhiều đáng tiên tri đã được phú cho đầy dẫy Ngài, nhưng công việc và lời của họ chỉ đơn thuần là thực hiện bổn phận của mình như những loài thọ tạo. Những lời tiên tri của họ có thể vượt lên trên con đường sự sống mà Đức Chúa Trời nhập thể đã phán, và nhân tính của họ có thể thậm chí còn vượt Đức Chúa Trời nhập thể, nhưng họ vẫn đang thực hiện bổn phận của họ, chứ không phải đang thực hiện một chức vụ. Bổn phận của con người nói đến chức năng của con người; nó là điều con người có thể đạt được. Tuy nhiên, chức vụ do Đức Chúa Trời nhập thể thực hiện liên quan đến sự quản lý của Ngài, và điều này không thể đạt được bởi con người. Cho dù Đức Chúa Trời nhập thể có phán dạy, làm việc, hoặc làm những phép lạ hay không, thì Ngài cũng đang thực hiện công tác vĩ đại giữa sự quản lý của Ngài, và công tác như thế con người không thể làm thay Ngài. Công việc của con người là chỉ làm bổn phận của họ như một loài thọ tạo trong một giai đoạn đã định trong công tác quản lý của Đức Chúa Trời. Không có sự quản lý của Đức Chúa Trời, tức là, nếu chức vụ của Đức Chúa Trời nhập thể không còn, thì bổn phận của một loài thọ tạo sẽ không còn. Công tác của Đức Chúa Trời trong việc thực hiện chức vụ của Ngài là để quản lý con người, trong khi việc thực hiện bổn phận của con người là làm tròn nghĩa vụ của chính họ nhằm đáp ứng các yêu cầu của Đấng Tạo Hóa và không thể nào được xem là thực hiện chức vụ của một người. Đối với bản chất vốn có của Đức Chúa Trời – đối với Thần của Ngài – công tác của Đức Chúa Trời là sự quản lý của Ngài, nhưng đối với Đức Chúa Trời nhập thể, Đấng mặc lấy dáng vẻ bề ngoài của một loài thọ tạo, thì công tác của Ngài là thực hiện chức vụ của Ngài. Bất kỳ việc gì Ngài làm là để thực hiện chức vụ của Ngài; tất cả những gì con người có thể làm là cố gắng hết sức mình trong phạm vi quản lý của Đức Chúa Trời và dưới sự dẫn dắt của Ngài.

Trong thực tế, việc thực hiện bổn phận của con người là thành quả của tất cả những gì vốn có trong con người, tức là, điều khả thi đối với con người. Chỉ sau đó thì bổn phận của họ mới được thực hiện. Những thiếu sót của con người trong quá trình phục vụ của họ giảm dần đi thông qua việc trải nghiệm không ngừng và quá trình trải qua sự phán xét của họ; chúng không cản trở hay ảnh hưởng đến bổn phận của con người. Những người thôi không hầu việc hoặc lùi bước và rút lui vì họ sợ rằng có thể có những bất lợi khi hầu việc là những kẻ hèn nhát nhất trong tất cả. Nếu mọi người không thể thể hiện điều họ cần thể hiện trong khi phục vụ hay đạt được những gì vốn khả thi đối với họ, thay vì làm những chuyện ngớ ngẩn và làm qua loa

chiếu lệ, thì họ đã đánh mất chức năng mà một loài thọ tạo nên có. Kiểu người này gọi là “những kẻ tầm thường”; họ là thứ rác rưởi vô dụng. Làm sao những kẻ như thế có thể xứng đáng được gọi là một loài thọ tạo? Chẳng phải họ là những hữu thể bại hoại, tỏa sáng bên ngoài nhưng lại thối rữa bên trong sao? Nếu một người tự xưng là Đức Chúa Trời nhưng lại không thể bày tỏ hữu thể của thần tính, làm công tác của chính Đức Chúa Trời, hay đại diện cho Đức Chúa Trời, thì chắc chắn họ không phải là Đức Chúa Trời, vì họ không có bản chất của Đức Chúa Trời, và những gì Đức Chúa Trời vốn có thể đạt được không tồn tại trong họ. Nếu con người đánh mất những gì họ vốn có thể đạt được, thì họ không thể được xem là con người nữa, và họ không xứng đáng đứng ở vị trí của một loài thọ tạo hay đến trước Đức Chúa Trời và hầu việc Ngài. Hơn nữa, họ không xứng đáng nhận lãnh ân điển của Đức Chúa Trời hoặc được Đức Chúa Trời trông nom, bảo vệ, và làm cho hoàn thiện. Nhiều người đã đánh mất lòng tin của Đức Chúa Trời lại tiếp tục đánh mất ân điển của Đức Chúa Trời. Họ không chỉ không khinh miệt những việc làm sai trật của mình, mà họ còn trơ trên truyền bá tư tưởng rằng con đường của Đức Chúa Trời không đúng, và những kẻ phản nghịch đó thậm chí còn phủ nhận sự hiện hữu của Đức Chúa Trời. Làm sao loại người có sự phản nghịch như thế có thể được quyền vui hưởng ân điển của Đức Chúa Trời? Những người không thực hiện bổn phận của mình thật phản nghịch chống lại Đức Chúa Trời, và nợ Ngài rất nhiều, ấy vậy mà họ quay lại và đả kích rằng Đức Chúa Trời sai trật. Làm sao loại người như thế xứng đáng được làm cho hoàn thiện? Chẳng phải đây là điềm báo của việc bị loại bỏ và bị trừng phạt sao? Những người không làm bổn phận mình trước Đức Chúa Trời là đã phạm một tội tàn ác nhất, mà ngay cả tử hình cũng là một hình phạt chưa đủ, vậy mà con người còn dám trơ tráo tranh cãi với Đức Chúa Trời và cạnh tranh với Ngài. Hoàn thiện loại người như thế thì có tác dụng gì? Nếu con người không hoàn thành bổn phận của mình, họ nên cảm thấy tội lỗi và mắc nợ; họ nên khinh miệt sự yếu đuối và vô dụng của mình, sự phản nghịch và bại hoại của mình, và hơn nữa, nên dâng cuộc đời mình cho Đức Chúa Trời. Chỉ khi đó họ mới là những loài thọ tạo thực sự yêu mến Đức Chúa Trời, và chỉ những người như thế mới xứng đáng vui hưởng các phước lành và lời hứa của Đức Chúa Trời, và được Ngài làm cho hoàn thiện. Còn phần đông các người thì sao? Các người đối xử với Đức Chúa Trời sống giữa các người như thế nào? Các người đã thực hiện bổn phận mình trước Ngài ra sao? Các người đã làm tất cả những điều các người được kêu gọi, thậm chí với cái giá là sự sống của chính mình chưa? Các người đã hy sinh những gì? Chẳng phải các người đã nhận được nhiều từ Ta sao? Các người có thể nhận thức được không? Các người trung thành với Ta đến đâu? Các người đã hầu việc Ta ra sao? Tất cả

những gì Ta đã ban cho các người và đã làm cho các người thì sao? Các người có đo lường tất cả những điều đó chưa? Tất cả các người đã đánh giá và so sánh điều này với chút lương tâm các người có trong mình chưa? Lời nói và hành động của các người có thể xứng đáng với ai? Có thể nào một sự hy sinh nhỏ nhoi như thế của các người lại xứng đáng với tất cả những gì Ta đã ban cho các người không? Ta không có sự lựa chọn nào khác và Ta đã hết lòng vì các người, nhưng các người chất chứa những ý định tà ác và nỡ vờ với Ta. Đó là phạm vi bổn phận của các người, chức năng duy nhất của các người. Chẳng phải vậy sao? Chẳng lẽ các người không biết rằng các người đã hoàn toàn không thực hiện bổn phận của một loài thọ tạo? Làm sao các người có thể được xem là một loài thọ tạo? Chẳng lẽ các người không rõ các người đang bày tỏ và sống thể hiện ra điều gì sao? Các người đã không thực hiện bổn phận của mình, nhưng các người cố gắng để có được sự khoan dung và ân điển dư dật của Đức Chúa Trời. Ân điển như thế đã không sắp sẵn cho những kẻ vô giá trị và đê hèn như các người, mà cho những người không đòi hỏi điều gì và vui vẻ hy sinh. Những kẻ như các người, những kẻ tầm thường, thì hoàn toàn không xứng đáng vui hưởng ân điển của thiên đàng. Chỉ có khó khăn gian khổ và sự trừng phạt vô tận sẽ đồng hành với những tháng ngày của các người! Nếu các người không thể trung tín với Ta, thì số phận của các người sẽ là một số phận đầy đau khổ. Nếu các người không thể chịu trách nhiệm với những lời và công tác của Ta, thì kết cục của các người sẽ là kết cục của sự trừng phạt. Hết thấy những ân điển, phước lành, và cuộc sống tuyệt vời của vương quốc sẽ không liên quan gì đến các người. Đây là cái kết các người đáng gặp phải và là một hậu quả từ chính việc làm của các người! Những kẻ ngu xuẩn và kiêu ngạo không những đã không cố gắng hết sức mình hay thực hiện bổn phận của mình, mà họ còn chìa tay ra xin ân điển, như thể điều họ yêu cầu là xứng đáng. Và nếu họ không có được điều họ yêu cầu, họ lại càng thiếu trung thành hơn bao giờ hết. Làm sao những kẻ như thế có thể được xem là biết điều? Các người có tổ chất kém và không có ý thức, hoàn toàn không có khả năng thực hiện bổn phận các người phải thực hiện trong quá trình của công tác quản lý. Giá trị của các người đã tuột dốc không phanh. Việc các người không thể báo đáp Ta vì đã tỏ ra cho các người ân điển như thế đã là một hành động cực kỳ phản nghịch, đủ để kết án các người và chứng minh cho sự hèn nhát, bất tài, đê hèn, và không xứng đáng của các người. Làm sao các người có quyền tiếp tục chìa tay ra? Việc các người không thể giúp chút gì cho công tác của Ta, không thể trung thành, và không thể đứng ra làm chứng về Ta là những hành vi sai trái và thiếu sót của các người, nhưng thay vào đó các người lại tấn công Ta, nói điều sai trật về Ta, và phàn nàn rằng Ta không công chính. Đây có phải là điều tạo nên lòng trung thành của các

người không? Đây có phải là điều tạo nên tình yêu của các người không? Ngoài việc này các người có thể làm được việc gì khác? Các người đã góp phần như thế nào vào tất cả những công tác đã được thực hiện? Các người đã bỏ ra bao nhiêu? Ta đã thể hiện sự khoan dung vô cùng khi không trách gì các người, vậy mà các người vẫn trơ trẽn đưa ra những lời bào chữa với Ta và lén lút phàn nàn về Ta. Các người có còn chút dấu vết con người nào không? Mặc dù bổn phận của con người bị pha tạp với tâm trí và những quan niệm của họ, nhưng người phải thực hiện bổn phận của mình và bày tỏ lòng trung thành của mình. Những điều không thanh sạch trong công việc của con người là một vấn đề về tổ chất của họ, trong khi đó, nếu con người không thực hiện bổn phận của họ, thì điều đó cho thấy sự phản nghịch của họ. Không có mối tương quan giữa bổn phận của con người và việc liệu họ được ban phước hay bị rửa sạch. Bổn phận là việc con người phải thực hiện; đó là thiên hướng của họ và không nên lệ thuộc vào sự tưởng thưởng, điều kiện hay lý do. Chỉ khi đó mới là thực hiện bổn phận của mình. Được ban phước là khi ai đó được làm cho hoàn thiện và vui hưởng các phước lành của Đức Chúa Trời sau khi trải qua sự phán xét. Bị rửa sạch là khi tâm tính của ai đó không thay đổi sau khi họ đã trải qua hình phạt và sự phán xét, đó là khi họ không trải nghiệm việc được làm cho hoàn thiện, mà bị trừng phạt. Nhưng bất kể họ được ban phước hay bị rửa sạch, những loài thọ tạo cũng phải thực hiện bổn phận của mình, làm những điều họ cần phải làm, và làm những điều họ có thể làm; thực hành được như vậy chính là điều tối thiểu mà người mưu cầu Đức Chúa Trời nên làm. Người không nên thực hiện bổn phận của mình chỉ để được ban phước, và người không nên từ chối hành động vì sợ bị rửa sạch. Để Ta bảo các người điều này: Việc thực hiện bổn phận của con người là những gì họ cần phải làm, và nếu họ không thể thực hiện bổn phận của mình, thì đây là sự phản nghịch của họ. Chính qua quá trình thực hiện bổn phận của mình mà con người dần dần được thay đổi, và chính qua quá trình này mà con người chứng minh được lòng trung thành của họ. Như vậy, người càng có thể thực hiện bổn phận của mình, thì người sẽ càng nhận được nhiều lễ thật, và sự bày tỏ của người sẽ càng trở nên thật hơn. Những kẻ chỉ đơn thuần làm bổn phận của mình một cách qua loa lấy lệ và không tìm kiếm lễ thật cuối cùng sẽ bị loại bỏ, vì những kẻ như thế không thực hiện bổn phận của họ trong khi thực hành lễ thật, và không thực hành lễ thật trong khi thực hiện bổn phận của mình. Những kẻ như thế là những kẻ vẫn không thay đổi và sẽ bị rửa sạch. Không chỉ những biểu hiện của họ không thanh sạch, mà mọi thứ họ biểu hiện ra đều xấu xa.

Trong Thời đại Ân điển, Jêsus cũng phán nhiều và làm nhiều công tác. Ngài đã khác với Ê-sai như thế nào? Ngài đã khác với Đa-ni-ên như thế nào? Ngài có phải

là một đấng tiên tri không? Tại sao người ta đã nói rằng Ngài là Đấng Christ? Những sự khác biệt giữa họ là gì? Họ đều là những người phán ra lời, và những lời của họ ít nhiều đều giống nhau với con người. Họ đều phán dạy và làm việc. Các đấng tiên tri của Cựu Ước đã phán những lời tiên tri, và tương tự, Jêsus cũng có thể làm vậy. Tại sao lại như vậy? Sự khác biệt ở đây dựa trên bản chất công việc. Để phân biệt vấn đề này, người không thể xem xét bản chất của xác thịt, người cũng không nên xem xét độ sâu hay nông trong lời họ. Luôn luôn, người trước tiên phải xem xét công tác của họ và những hiệu quả mà công tác của họ đạt được nơi con người. Những lời tiên tri đã được các đấng tiên tri phán ra thời đó đã không chu cấp sự sống của con người, và những linh hứng mà những người như Ê-sai và Đa-ni-ên đã nhận được chỉ đơn thuần là những lời tiên tri, và không phải là con đường sự sống. Nếu không vì sự mặc khải trực tiếp của Đức Giê-hô-va, thì không ai có thể làm việc đó, điều không thể đối với người phàm. Jêsus cũng phán rất nhiều lời, nhưng những lời đó là con đường sự sống mà từ đó con người có thể tìm ra cách để thực hành. Điều đó có nghĩa là, thứ nhất, Ngài đã có thể chu cấp sự sống của con người, bởi Jêsus là sự sống; thứ hai, Ngài đã có thể đảo ngược những sai trật của con người; thứ ba, công tác của Ngài có thể kế tục công tác của Đức Giê-hô-va để tiếp tục thời đại; thứ tư, Ngài đã có thể nắm bắt được những nhu cầu bên trong con người và hiểu được con người thiếu những gì; thứ năm, Ngài có thể mở ra một thời đại mới và kết thúc thời đại cũ. Đó là lý do vì sao Ngài được gọi là Đức Chúa Trời và Đấng Christ; Ngài không những khác với Ê-sai mà còn khác với tất cả các đấng tiên tri khác. Hãy lấy Ê-sai để so sánh về công việc của các đấng tiên tri. Thứ nhất, ông không thể chu cấp sự sống của con người; thứ nhì, ông không thể mở ra một thời đại mới. Ông đã làm việc dưới sự dẫn dắt của Đức Giê-hô-va và không mở ra một thời đại mới. Thứ ba, những lời ông đã phán ra vượt tầm của ông. Ông đã nhận lãnh những sự mặc khải trực tiếp từ Thần của Đức Chúa Trời, và những người khác sẽ không thể hiểu được, dù cho đã nghe thấy chúng. Vài điều này thôi cũng đủ để chứng minh rằng những lời nói của ông không hơn gì những lời tiên tri, không hơn gì một khía cạnh công tác được làm thay cho Đức Giê-hô-va. Tuy nhiên, ông không thể hoàn toàn đại diện cho Đức Giê-hô-va. Ông là tôi tớ của Đức Giê-hô-va, một công cụ trong công tác của Đức Giê-hô-va. Ông chỉ làm công tác trong Thời đại Luật pháp và trong phạm vi công tác của Đức Giê-hô-va; ông đã không làm vượt quá Thời đại Luật pháp. Ngược lại, công tác của Jêsus thì khác. Ngài đã vượt quá phạm vi công tác của Đức Giê-hô-va; Ngài đã làm việc như Đức Chúa Trời nhập thể và trải qua sự đóng đinh trên thập tự để cứu chuộc cả nhân loại. Điều đó có nghĩa là, Ngài đã thực hiện công tác mới ngoài công tác đã được thực hiện bởi Đức Giê-hô-va. Đây là sự mở ra một

thời đại mới. Thêm nữa, Ngài đã có thể phán về những điều con người không thể đạt được. Công tác của Ngài là công tác trong phạm vi sự quản lý của Đức Chúa Trời và liên quan đến toàn thể nhân loại. Ngài đã làm việc không chỉ trong một vài người, công tác của Ngài cũng không có nghĩa là dẫn dắt một số người có giới hạn. Về việc Đức Chúa Trời đã nhập thể thành người như thế nào, Thần đã mặc khải vào thời đó như thế nào, và Thần đã giáng xuống con người để làm việc ra sao – đây là những vấn đề con người không thể thấy hay chạm vào được. Những sự thật này hoàn toàn không thể được dùng làm bằng chứng cho việc Ngài là Đức Chúa Trời nhập thể. Như thế, chỉ có thể phân biệt được trong những lời và công tác của Đức Chúa Trời, là những gì hữu hình đối với con người. Chỉ có điều này là thực tế. Đây là vì các vấn đề của Thần thì người không thể nhìn thấy được và chỉ có chính Đức Chúa Trời mới biết một cách rõ ràng, và thậm chí xác thật nhập thể của Đức Chúa Trời cũng không biết tất cả mọi điều; người chỉ có thể xác minh xem Ngài có phải là Đức Chúa Trời hay không từ công tác Ngài đã làm. Từ công tác của Ngài, có thể thấy được rằng, thứ nhất, Ngài có thể mở ra một thời đại mới; thứ hai, Ngài có thể chu cấp sự sống của con người và chỉ cho con người con đường để đi theo. Điều này đủ để chứng minh rằng Ngài là chính Đức Chúa Trời. Ít nhất là, công tác Ngài làm hoàn toàn có thể đại diện cho Thần của Đức Chúa Trời, và từ công tác đó có thể thấy rằng Thần của Đức Chúa Trời ở trong Ngài. Vì công tác do Đức Chúa Trời nhập thể thực hiện chủ yếu là mở ra một thời đại mới, dẫn dắt công tác mới, và mở ra một cõi mới, chỉ những điều này thôi cũng đủ để chứng minh rằng Ngài là chính Đức Chúa Trời. Vì thế, điều này phân biệt Ngài với Ê-sai, Đa-ni-ên, và những nhà tiên tri vĩ đại khác. Ê-sai, Đa-ni-ên và những người khác đều là những người thuộc tầng lớp có học thức và có văn hóa cao; họ là những con người phi thường dưới sự dẫn dắt của Đức Giê-hô-va. Xác thật của Đức Chúa Trời nhập thể cũng có am hiểu và không thiếu lý trí, nhưng nhân tính của Ngài đặc biệt bình thường. Ngài đã là một người bình thường, và mắt trần đã không thể thấy được bất kỳ nhân tính đặc biệt nào về Ngài hay phát hiện bất kỳ điều gì trong nhân tính của Ngài khác với những người khác. Ngài hoàn toàn không phải là siêu nhiên hay độc nhất vô nhị, và Ngài đã không sở hữu bất kỳ sự giáo dục, kiến thức, hay lý thuyết nào cao hơn. Sự sống Ngài đã phán và con đường Ngài đã dẫn dắt không đạt được từ lý thuyết, từ kiến thức, từ kinh nghiệm sống, hay từ sự dưỡng dục của gia đình. Thay vào đó, chúng là công tác trực tiếp của Thần, công tác của xác thật nhập thể. Chính vì con người có những quan niệm vĩ đại về Đức Chúa Trời, và đặc biệt là vì những quan niệm này được cấu thành từ quá nhiều yếu tố mơ hồ và siêu nhiên, mà trong mắt con người, một Đức Chúa Trời bình thường với những sự yếu đuối của con người,

không thể làm những dấu kỳ và phép lạ, thì chắc chắn không phải là Đức Chúa Trời. Đây chẳng phải là những quan niệm sai lầm của con người sao? Nếu xác thịt của Đức Chúa Trời nhập thể không phải là một con người bình thường, thì làm sao có thể nói Ngài đã trở nên xác thịt? Thuộc về xác thịt là trở nên một người tầm thường, bình thường; nếu Ngài là một hữu thể siêu việt, thì Ngài lẽ ra đã không thuộc về xác thịt. Để chứng minh rằng Ngài thuộc về xác thịt, Đức Chúa Trời nhập thể cần sở hữu một xác thịt bình thường. Điều này đơn giản là để làm cho ý nghĩa của sự nhập thể được trọn vẹn. Tuy nhiên, điều này không đúng với các đẳng tiên tri và con cái loài người. Họ là những con người được ban ân tứ do Đức Thánh Linh sử dụng; trong mắt con người, nhân tính của họ đặc biệt vĩ đại, và họ đã thực hiện nhiều hành động vượt trội nhân tính bình thường. Vì lý do này, con người đã xem họ là Đức Chúa Trời. Giờ đây tất cả các người phải hiểu rõ điều này, vì nó đã là một vấn đề dễ bị hiểu lầm nhất bởi tất cả mọi người trong các thời đại trước. Hơn nữa, sự nhập thể là điều bí ẩn nhất trong mọi điều, và Đức Chúa Trời nhập thể là điều con người khó chấp nhận nhất. Những điều Ta phán giúp ích cho việc thực hiện chức năng của các người và sự hiểu biết của các người về lẽ mầu nhiệm của sự nhập thể. Đây là tất cả những gì liên quan đến sự quản lý của Đức Chúa Trời, đến những khái tượng. Sự hiểu biết của các người về điều này sẽ có ích hơn cho việc có được kiến thức về các khái tượng, tức là, công tác quản lý của Đức Chúa Trời. Bằng cách này, các người cũng sẽ hiểu được nhiều hơn về bốn phận mà những loại người khác nhau cần phải thực hiện. Mặc dù những lời này không trực tiếp chỉ đường cho các người, nhưng chúng vẫn rất hữu ích cho sự bước vào của các người, bởi đời sống của các người hiện nay thiếu nhiều các khái tượng, và điều này sẽ trở thành một trở ngại lớn cản trở sự bước vào của các người. Nếu các người không thể hiểu được những vấn đề này, thì sẽ không có động lực nào thúc đẩy sự bước vào của các người. Và làm sao một sự theo đuổi như thế có thể giúp người hoàn thành tốt nhất bốn phận của mình?

Đức Chúa Trời là Chúa của muôn loài thọ tạo

Một giai đoạn công tác của hai thời đại trước đã được thực hiện ở Y-sơ-ra-ên, và một giai đoạn khác được thực hiện ở Giu-đê. Nói chung, cả hai giai đoạn công tác này đều không ra khỏi Y-sơ-ra-ên, và mỗi giai đoạn công tác được thực hiện trên những dân sự đầu tiên được chọn. Như thế, dân Y-sơ-ra-ên tin rằng Giê-hô-va Đức Chúa Trời chỉ là Đức Chúa Trời của riêng dân Y-sơ-ra-ên. Bởi Jê-sus đã làm việc ở Giu-đê, nơi Ngài đã thực hiện việc chịu đóng đinh trên thập tự, nên người Do Thái

coi Ngài là Đấng Cứu Chuộc của dân Do Thái. Họ nghĩ Ngài chỉ là Vua của người Do Thái, chứ không phải của dân tộc nào khác; rằng Ngài không phải Chúa cứu chuộc người Anh, cũng chẳng phải Chúa cứu chuộc người Mỹ, mà là Chúa cứu chuộc dân Y-sơ-ra-ên; và rằng chính người Do Thái mới là dân được Ngài cứu chuộc tại Y-sơ-ra-ên. Thực ra, Đức Chúa Trời là Đấng Chủ Tể của vạn vật. Ngài là Đức Chúa Trời của muôn loài thọ tạo. Ngài không chỉ là Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên, cũng không phải của dân Do Thái; Ngài là Đức Chúa Trời của muôn loài thọ tạo. Hai giai đoạn công tác trước của Ngài diễn ra ở Y-sơ-ra-ên, điều đã tạo ra những quan niệm nhất định trong dân chúng. Họ nghĩ rằng Đức Giê-hô-va đã làm công việc của Ngài tại Y-sơ-ra-ên, rằng chính Jê-sus đã thực hiện công tác của Ngài ở Giu-đê, và thêm vào đó, Ngài đã trở nên xác thịt để làm công tác – và trong trường hợp nào đi nữa, thì công tác này cũng đã không ra khỏi Y-sơ-ra-ên. Ngài đã không làm việc với người Ai Cập hay người Ấn Độ; Ngài chỉ làm việc với dân Y-sơ-ra-ên. Vì vậy, dân chúng hình thành những quan niệm khác nhau, và phân định công tác của Đức Chúa Trời trong một phạm vi nhất định. Họ cho rằng khi Đức Chúa Trời làm việc, Ngài phải làm giữa những dân sự được chọn, và tại Y-sơ-ra-ên; ngoại trừ dân Y-sơ-ra-ên, Đức Chúa Trời không làm việc trên ai khác, cũng không có bất kỳ quy mô nào vĩ đại hơn đối với công tác của Ngài. Họ đặc biệt nghiêm ngặt khi nói đến việc giữ Đức Chúa Trời nhập thể trong ranh giới, và không cho phép Ngài ra khỏi phạm vi Y-sơ-ra-ên. Chẳng phải tất cả những điều này đều là những quan niệm của con người sao? Đức Chúa Trời đã tạo ra hết thảy trời đất và vạn vật, Ngài đã tạo ra muôn loài thọ tạo, vậy thì làm sao Ngài có thể giới hạn công tác Ngài chỉ trong Y-sơ-ra-ên? Nếu thế, Ngài làm ra toàn bộ tạo vật để làm gì? Ngài đã sáng lập toàn bộ thế giới, và Ngài đã thực hiện kế hoạch quản lý sáu nghìn năm của Ngài không chỉ ở Y-sơ-ra-ên, mà còn cho hết thảy mọi người trong vũ trụ. Bất kể họ sống ở Trung Quốc, Mỹ, Anh hay Nga, mỗi người đều là con cháu của A-đam; họ đều được tạo ra bởi Đức Chúa Trời. Không một ai trong số họ có thể thoát khỏi những ranh giới của sự tạo dựng, và không một ai trong số họ có thể tách khỏi danh hiệu “con cháu A-đam”. Hết thảy họ đều là vật thọ tạo của Đức Chúa Trời, hết thảy họ đều là con cháu A-đam, và hết thảy họ cũng là những con cháu bị sa ngã của A-đam và Ê-va. Không chỉ có dân Y-sơ-ra-ên mới là tạo vật của Đức Chúa Trời, mà là hết thảy mọi người; chỉ là một số đã bị nguyên rủa, còn một số thì được ban phước. Có nhiều điều đáng khen về dân Y-sơ-ra-ên; Đức Chúa Trời đã làm việc trên họ vào buổi đầu bởi họ ít sa ngã nhất. Người Trung Quốc không thể sánh được với họ; họ thấp kém hơn nhiều. Vì vậy, Đức Chúa Trời ban đầu đã làm việc giữa dân Y-sơ-ra-ên, và giai đoạn công tác thứ hai của Ngài chỉ được thực hiện ở Giu-đê – điều đã dẫn tới nhiều quan niệm và quy tắc trong con

người. Trên thực tế, nếu Đức Chúa Trời hành động theo những quan niệm của con người, Ngài sẽ chỉ là Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên, và như thế sẽ không có khả năng mở rộng công tác của Ngài ra các quốc gia dân ngoại, bởi vì Ngài chỉ là Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên, và không phải là Đức Chúa Trời của muôn loài thọ tạo. Các tiên tri đã phán rằng danh Đức Giê-hô-va sẽ được tôn vinh giữa các quốc gia dân ngoại, rằng danh Ngài sẽ lan truyền đến các quốc gia dân ngoại. Tại sao điều này lại được tiên báo? Nếu Đức Chúa Trời chỉ là Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên, thì lẽ ra Ngài chỉ làm việc trong Y-sơ-ra-ên. Hơn nữa, Ngài sẽ không mở rộng công tác này, và Ngài sẽ không đưa ra lời tiên tri như thế. Bởi vì Ngài đã đưa ra lời tiên tri này, Ngài chắc chắn sẽ mở rộng công tác của Ngài giữa các quốc gia dân ngoại, giữa tất cả mọi quốc gia và lãnh thổ. Bởi vì Ngài đã phán như vậy, Ngài phải làm như vậy; đây là kế hoạch của Ngài, bởi Ngài là Chúa đã tạo dựng ra trời đất và vạn vật, và là Đức Chúa Trời của muôn loài thọ tạo. Bất kể Ngài làm việc giữa dân Y-sơ-ra-ên hay ở khắp Giu-đê, công tác Ngài làm là công tác của toàn vũ trụ, và là công tác của toàn nhân loại. Công tác Ngài làm hôm nay trong quốc gia của con rồng lớn sắc đỏ – trong một quốc gia dân ngoại – vẫn là công tác của toàn nhân loại. Y-sơ-ra-ên có thể là nền tảng cho công tác của Ngài trên đất; tương tự như vậy, Trung Quốc cũng có thể là nền tảng cho công tác của Ngài giữa các quốc gia dân ngoại. Chẳng phải Ngài bây giờ đã làm ứng nghiệm lời tiên tri rằng “danh Đức Giê-hô-va sẽ được tôn vinh giữa các quốc gia dân ngoại” đó sao? Bước đầu tiên trong công tác của Ngài giữa các quốc gia dân ngoại là việc này, công tác Ngài đang làm ở quốc gia của con rồng lớn sắc đỏ. Việc Đức Chúa Trời nhập thể làm việc ở mảnh đất này, và làm việc giữa những người bị nguyên rủa này, thì đặc biệt đi ngược lại quan niệm của con người; đây là những con người thấp hèn nhất trong tất cả, họ chẳng đáng giá gì, và họ đã bị Đức Giê-hô-va từ bỏ lúc ban đầu. Con người có thể bị người khác ruồng bỏ, nhưng nếu họ bị Đức Chúa Trời ruồng bỏ, thì chẳng ai thiếu địa vị hơn thế, chẳng ai kém giá trị hơn thế. Đối với một tạo vật của Đức Chúa Trời, bị chiếm hữu bởi Sa-tan hay bị người khác ruồng bỏ đều là điều rất đau đớn – nhưng khi một tạo vật bị ruồng bỏ bởi Chúa của tạo vật thì điều này có nghĩa là họ không thể có địa vị nào thấp hơn thế nữa. Con cháu của Mô-áp bị nguyên rủa, và chúng được sinh ra trong đất nước lạc hậu này; chẳng còn nghi ngờ gì, con cháu của Mô-áp có thân phận thấp hèn nhất trong số tất cả những người chịu ảnh hưởng của bóng tối. Bởi vì những con người này có thân phận thấp hèn nhất cho đến nay, nên công tác được làm trên họ có nhiều khả năng phá vỡ những quan niệm của con người nhất, và cũng có lợi nhất cho toàn bộ kế hoạch quản lý sáu nghìn năm của Đức Chúa Trời. Làm công tác như thế giữa những người này là cách tốt nhất để phá

vỡ các quan niệm của con người; và theo đó Đức Chúa Trời khởi đầu một kỷ nguyên; theo đó Ngài khép lại công tác của toàn bộ Thời đại Ân điển. Công tác đầu tiên của Ngài được triển khai ở Giu-đê, trong phạm vi Y-sơ-ra-ên; giữa các quốc gia dân ngoại, Ngài đã không thực hiện bất kỳ công tác nào để khởi đầu kỷ nguyên mới. Giai đoạn công tác cuối cùng không chỉ được thực hiện giữa các dân ngoại; mà thậm chí còn được thực hiện nhiều hơn giữa những người bị nguyên rửa. Điểm này thôi đã là chứng cứ đặc lực nhất để làm bế mặt Sa-tan, và như vậy, Đức Chúa Trời “trở thành” Đức Chúa Trời của muôn loài thọ tạo trong vũ trụ, Chúa của vạn vật, đối tượng được thờ phụng bởi muôn loài có sự sống.

Ngày nay, có những người vẫn không hiểu Đức Chúa Trời đã khởi động công tác mới gì. Giữa các quốc gia dân ngoại, Đức Chúa Trời đã mở ra một sự khởi đầu mới. Ngài đã bắt đầu một kỷ nguyên mới và đã khởi động công tác mới – và Ngài thực hiện công tác này trên những con cháu của Mô-áp. Chẳng phải đây là công tác mới nhất của Ngài hay sao? Xuyên suốt lịch sử, chưa ai từng trải nghiệm công tác này trước kia. Thậm chí chẳng ai từng nghe về nó, càng không trân trọng nó. Sự khôn ngoan, sự kỳ diệu, sự khó dò lường, sự vĩ đại, và sự thánh khiết của Đức Chúa Trời hết thảy đều được biểu lộ qua giai đoạn công tác này, công tác của thời kỳ sau rốt. Chẳng phải đây là công tác mới, công tác mà sẽ phá vỡ những quan niệm của con người hay sao? Có những người suy nghĩ thế này: “Bởi vì Đức Chúa Trời đã nguyên rửa Mô-áp và phán rằng Ngài sẽ ruồng bỏ con cháu của Mô-áp, thì giờ đây làm sao Ngài có thể cứu rỗi họ?” Đây là những dân ngoại bị nguyên rửa bởi Đức Chúa Trời và bị đuổi ra khỏi Y-sơ-ra-ên; dân Y-sơ-ra-ên đã gọi họ là “lũ chó dân ngoại”. Trong mắt của mọi người, họ không chỉ là lũ chó dân ngoại, mà thậm chí còn tệ hơn nữa, là các con trai của sự hủy diệt; nói thế nghĩa là, họ không phải dân sự được Đức Chúa Trời chọn. Họ có thể đã được sinh ra trong phạm vi Y-sơ-ra-ên, nhưng họ không thuộc dân Y-sơ-ra-ên, và đã bị đuổi ra các quốc gia dân ngoại. Họ là những con người thấp hèn nhất trong tất cả mọi người. Chính vì họ thấp hèn nhất trong nhân loại mà Đức Chúa Trời thực hiện công tác của Ngài là triển khai một thời đại mới giữa họ, bởi họ đại diện cho nhân loại bại hoại. Công tác của Đức Chúa Trời có chọn lọc và có mục tiêu; công tác Ngài thực hiện giữa những con người này hôm nay cũng là công tác thực hiện khi tạo dựng. Nô-ê là một tạo vật của Đức Chúa Trời, con cháu của ông cũng vậy. Bất cứ ai trên thế gian có xương có thịt đều là các tạo vật của Đức Chúa Trời. Công tác của Đức Chúa Trời hướng đến muôn loài thọ tạo; chứ không dựa trên việc ai đó có bị nguyên rửa sau khi được tạo ra hay không. Công tác quản lý của Ngài hướng đến muôn loài thọ tạo, chứ không phải những dân sự được chọn chưa bị nguyên rửa. Bởi Đức Chúa Trời mong muốn thực hiện công tác

của Ngài giữa tạo hóa của Ngài, Ngài chắc chắn sẽ thực hiện nó đến khi hoàn thành xong, và Ngài sẽ làm việc giữa những ai có lợi cho công tác của Ngài. Do đó, Ngài phá vỡ mọi quy ước khi Ngài làm việc giữa con người; đối với Ngài, những từ “bị nguyên rủa”, “bị hành phạt”, và “được phước” chẳng có ý nghĩa gì! Người Do Thái thì tốt, và những dân sự được chọn ở Y-sơ-ra-ên cũng vậy; họ là những người có tố chất và có nhân tính tốt. Vào lúc bắt đầu, Đức Giê-hô-va đã triển khai công tác của Ngài giữa họ và thực hiện công tác ban đầu của Ngài, nhưng để thực hiện công tác chinh phục trên họ hôm nay sẽ là vô nghĩa. Họ cũng có thể là một phần của tạo hóa và có thể có nhiều mặt tích cực, nhưng sẽ là vô nghĩa nếu thực hiện giai đoạn công tác này giữa họ; Đức Chúa Trời sẽ không thể chinh phục con người, Ngài cũng chẳng thể thuyết phục muôn loài thọ tạo, đây chính là ý nghĩa của việc chuyển công tác của Ngài sang những người thuộc quốc gia của con rồng lớn sắc đỏ này. Ý nghĩa to lớn nhất ở đây chính là việc Ngài khởi đầu một kỷ nguyên mới, việc Ngài phá bỏ mọi nguyên tắc và mọi quan niệm của con người, và việc Ngài khép lại công tác của toàn bộ Thời đại Ân điển. Nếu công tác hiện tại của Ngài được thực hiện giữa dân Y-sơ-ra-ên, thì đến lúc kế hoạch quản lý sáu ngàn năm của Ngài kết thúc, mọi người sẽ tin rằng Đức Chúa Trời chỉ là Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên, rằng chỉ có dân Y-sơ-ra-ên là dân sự được Đức Chúa Trời chọn, rằng chỉ có dân Y-sơ-ra-ên mới xứng đáng thừa hưởng ơn phước và lời hứa của Đức Chúa Trời. Sự nhập thể của Đức Chúa Trời trong thời kỳ sau rốt ở quốc gia dân ngoại của con rồng lớn sắc đỏ hoàn tất công tác của Đức Chúa Trời với tư cách là Đức Chúa Trời của muôn loài thọ tạo; Ngài hoàn tất toàn bộ công tác quản lý của Ngài, và Ngài kết thúc phần chính yếu trong công tác của Ngài ở quốc gia của con rồng lớn sắc đỏ. Cốt lõi của ba giai đoạn công tác này là cứu rỗi con người – cụ thể là, khiến cho muôn loài thọ tạo thờ phượng Đấng Tạo Hóa. Như thế, mỗi giai đoạn công tác đều có ý nghĩa vĩ đại; Đức Chúa Trời không làm việc gì không có ý nghĩa hay không có giá trị. Một mặt, giai đoạn công tác này mở ra một kỷ nguyên mới và kết thúc hai kỷ nguyên trước; mặt khác, nó phá vỡ toàn bộ các quan niệm của con người và toàn bộ các cách thức cũ trong niềm tin và tri thức của con người. Công tác của hai thời đại trước được thực hiện theo những quan niệm khác nhau của con người; tuy nhiên, giai đoạn này hoàn toàn loại bỏ các quan niệm của con người, do đó hoàn toàn chinh phục nhân loại. Thông qua việc chinh phục con cháu của Mô-áp, thông qua công tác thực hiện giữa con cháu của Mô-áp, Đức Chúa Trời sẽ chinh phục hết mọi người khắp vũ trụ. Đây là ý nghĩa sâu xa nhất của giai đoạn công tác này của Ngài, và đó là khía cạnh giá trị nhất của giai đoạn công tác này của Ngài. Thậm chí nếu người biết rằng thân phận của người thật thấp hèn và rằng giá trị của người thật ít ỏi, người vẫn sẽ cảm thấy

rằng người đã bắt gặp được niềm vui sướng nhất: đó là người đã thừa hưởng được một ân phước to lớn, nhận lãnh một lời hứa to lớn, và người có thể giúp hoàn tất công tác vĩ đại này của Đức Chúa Trời. Người đã thấy được dung mạo thật của Đức Chúa Trời, biết được tâm tính vốn có của Đức Chúa Trời, và người thực hiện ý muốn của Đức Chúa Trời. Hai giai đoạn trước của công tác của Đức Chúa Trời được thực hiện ở Y-sơ-ra-ên. Nếu giai đoạn công tác này của Ngài trong thời kỳ sau rốt cũng được thực hiện giữa dân Y-sơ-ra-ên, thì không những muôn loài thọ tạo sẽ tin rằng chỉ có dân Y-sơ-ra-ên mới là dân sự được Đức Chúa Trời chọn, mà toàn bộ kế hoạch quản lý của Đức Chúa Trời cũng sẽ không đạt được hiệu quả như mong muốn. Trong suốt thời kỳ mà hai giai đoạn công tác của Ngài được thực hiện ở Y-sơ-ra-ên, không có công tác mới nào – cũng không có bất kỳ công tác khởi đầu kỷ nguyên nào – được thực hiện giữa các quốc gia dân ngoại. Giai đoạn công tác hôm nay – công tác khởi đầu một kỷ nguyên mới – lần đầu tiên được thực hiện giữa các quốc gia dân ngoại, và thêm vào đó, bước đầu được thực hiện giữa con cháu của Mô-áp, nhờ đó khởi đầu toàn bộ kỷ nguyên. Đức Chúa Trời đã phá bỏ bất cứ kiến thức nào chứa đựng trong những quan niệm của con người, không cho phép bất cứ điều gì trong số đó được tiếp tục tồn tại. Trong công tác chinh phục của Ngài, Ngài đã phá bỏ các quan niệm của con người, những cách thức cũ trước đây của con người về tri thức. Ngài để cho dân chúng thấy rằng với Đức Chúa Trời không có quy tắc nào, rằng không có điều gì là cũ về Đức Chúa Trời, rằng công tác Ngài làm hoàn toàn được giải phóng, hoàn toàn tự do, và rằng Ngài đúng trong mọi điều Ngài làm. Người phải hoàn toàn vâng phục bất cứ công tác nào Ngài làm giữa muôn loài thọ tạo. Toàn bộ công tác Ngài làm đều có ý nghĩa và đều được thực hiện theo ý muốn và sự khôn ngoan của riêng Ngài, và không theo những lựa chọn hay quan niệm của con người. Nếu điều gì có lợi cho công tác của Ngài, Ngài sẽ làm; và nếu điều gì không có lợi cho công tác của Ngài thì Ngài sẽ không làm, cho dù nó có tốt bao nhiêu! Ngài làm và lựa chọn đối tượng cũng như địa điểm cho công tác của Ngài theo ý nghĩa và mục đích công tác của Ngài. Ngài không bám vào các quy tắc trong quá khứ khi Ngài làm việc, Ngài cũng chẳng theo các công thức cũ. Thay vào đó, Ngài hoạch định công tác của Ngài theo ý nghĩa của công tác. Sau hết, Ngài sẽ đạt được hiệu quả thực và mục tiêu mong đợi. Nếu hôm nay người không hiểu những điều này, thì công tác này sẽ không có được hiệu quả nào trên người.

Thành công hay thất bại phụ thuộc vào con đường mà con người đi

Hầu hết mọi người tin vào Đức Chúa Trời vì đích đến tương lai của họ, hoặc vì sự vui hưởng nhất thời. Đối với những ai chưa trải qua bất kỳ sự xử lý nào, họ tin vào Đức Chúa Trời để bước vào thiên đàng, để có được phần thưởng. Họ không tin vào Đức Chúa Trời để được làm cho hoàn thiện, hoặc để thực hiện bổn phận của một loài thọ tạo của Đức Chúa Trời. Điều đó có nghĩa là hầu hết mọi người tin vào Đức Chúa Trời không phải để thực hiện trách nhiệm của họ, hoặc để hoàn thành bổn phận của họ. Hiếm khi người ta tin vào Đức Chúa Trời để sống một cuộc đời có ý nghĩa, cũng không có ai tin rằng vì con người còn sống, họ nên yêu mến Đức Chúa Trời vì làm như vậy là do Trời định và đất công nhận, cũng như là thiên hướng tự nhiên của con người. Theo cách này, mặc dù mỗi người khác nhau theo đuổi những mục tiêu của riêng mình, nhưng mục đích theo đuổi của họ và động lực đằng sau nó đều giống nhau, và hơn nữa, đối với hầu hết bọn họ, các đối tượng thờ phượng của họ rất giống nhau. Trong vài nghìn năm qua, nhiều tín đồ đã chết, và nhiều người chết đã được tái sinh. Không chỉ một hoặc hai người tìm kiếm Đức Chúa Trời, thậm chí không phải một hoặc hai nghìn người, nhưng hầu hết những người này đều theo đuổi là vì tiền đồ của bản thân họ hoặc những hy vọng vinh quang của họ về tương lai. Những người tận hiến cho Đấng Christ rất hiếm. Nhiều tín đồ sùng đạo vẫn chết trong cạm bẫy của chính mình, và hơn nữa, số người đã chiến thắng rất ít ỏi. Cho đến ngày nay, lý do mọi người thất bại, hoặc bí quyết họ chiến thắng, vẫn còn là một ẩn số đối với họ. Những người bị ám ảnh với việc tìm kiếm Đấng Christ vẫn chưa có được khoảnh khắc đột nhiên thông sáng, họ vẫn chưa đi đến tận cùng những lẽ mầu nhiệm này, bởi vì đơn giản là họ không biết. Mặc dù họ nỗ lực khó nhọc để theo đuổi, nhưng con đường họ đi là con đường thất bại mà các bậc tiền bối của họ đã từng đi, chứ không phải là một con đường thành công. Theo cách này, bất kể họ tìm kiếm như thế nào, chẳng phải họ đang đi trên con đường dẫn đến sự tối tăm sao? Chẳng phải những gì họ thu được là trái đắng sao? Liệu những người noi gương những người đã thành công trong quá khứ cuối cùng sẽ gặp vận may hay tai họa đã đủ khó để dự đoán. Vậy thì, còn cơ may nào nữa cho những người tìm kiếm bằng cách đi theo dấu chân của những kẻ đã thất bại? Chẳng phải họ đứng trước nguy cơ thất bại còn lớn hơn sao? Con đường họ đi có giá trị gì? Chẳng phải họ đang lãng phí thời gian của mình sao? Bất kể con người thành công hay thất bại trong việc theo đuổi của mình, nói tóm lại, có một lý do khiến họ như vậy, và sự thành công hay thất bại của họ không phải được quyết

định bằng việc tìm kiếm theo bất kỳ cách nào họ muốn.

Yêu cầu cơ bản nhất cho niềm tin của con người vào Đức Chúa Trời là họ phải có một tấm lòng trung thực, họ phải dâng trọn bản thân và thực sự vâng lời. Điều khó nhất đối với con người là đánh đổi cả cuộc đời mình để lấy niềm tin thực sự, mà qua đó, họ có thể đạt được toàn bộ lẽ thật và thực hiện bổn phận của mình như một loài thọ tạo của Đức Chúa Trời. Đây là điều không thể đạt được bởi những kẻ thất bại, và càng không thể đạt được bởi những kẻ không thể tìm thấy Đấng Christ. Bởi vì con người không giới dâng trọn bản thân cho Đức Chúa Trời, bởi vì con người không sẵn lòng thực hiện bổn phận của mình đối với Đấng Tạo Hóa, bởi vì con người đã nhìn thấy lẽ thật nhưng lại né tránh nó và đi con đường riêng của mình, bởi vì con người luôn tìm kiếm bằng cách đi theo con đường của những người đã thất bại, bởi vì con người luôn phản nghịch với Trời, cho nên con người luôn thất bại, luôn bị Satan lừa gạt và sa vào cạm bẫy của chính mình. Bởi vì con người không biết Đấng Christ, bởi vì con người không thông thạo việc hiểu và trải nghiệm lẽ thật, bởi vì con người quá tôn sùng Phao-lô và quá thèm muốn thiên đàng, bởi vì con người luôn đòi hỏi Đấng Christ phải nghe lời họ và sai khiến Đức Chúa Trời, nên những nhân vật vĩ đại và những người đã trải qua những thăng trầm của thế gian vẫn là những phạm nhân, và vẫn chết trong hình phạt của Đức Chúa Trời. Tất cả những gì Ta có thể phán về những người như thế là họ chết một cái chết bi thảm, và hậu quả dành cho họ – cái chết của họ – không phải là không có lý. Chẳng phải thất bại của họ càng không thể dung thứ với luật Trời sao? Lẽ thật đến từ nhân thế, nhưng lẽ thật giữa con người được truyền lại bởi Đấng Christ. Nó bắt nguồn từ Đấng Christ, nghĩa là từ chính Đức Chúa Trời, và đây không phải là điều con người có thể làm được. Tuy nhiên, Đấng Christ chỉ cung cấp lẽ thật; Ngài không đến để quyết định liệu con người có thành công trong việc theo đuổi lẽ thật hay không. Do đó, thành công hay thất bại trong lẽ thật đều nằm ở sự theo đuổi của con người. Thành công hay thất bại trong lẽ thật của con người không bao giờ liên quan đến Đấng Christ, mà thay vào đó được quyết định bởi sự theo đuổi của họ. Đích đến của con người và thành công hay thất bại của họ không thể đổ lên đầu Đức Chúa Trời, để chính Đức Chúa Trời buộc phải gánh lấy nó, bởi đây không phải là chuyện của chính Đức Chúa Trời, mà liên quan trực tiếp đến bổn phận mà các loài thọ tạo của Đức Chúa Trời phải thực hiện. Hầu hết mọi người đều có một ít kiến thức về sự theo đuổi và đích đến của Phao-lô và Phi-e-rơ, nhưng mọi người không biết gì hơn ngoài kết cục của Phi-e-rơ và Phao-lô, và không biết gì về bí mật đằng sau thành công của Phi-e-rơ hay những thiếu sót đã dẫn đến thất bại của Phao-lô. Và vì vậy, nếu các người hoàn toàn không có khả năng nhìn thấu thực chất sự theo đuổi của họ, thì sự theo đuổi của hầu hết

các người sẽ vẫn thất bại, và ngay cả khi một số ít người trong các người thành công, thì họ vẫn sẽ không sánh bằng Phi-e-rơ được. Nếu con đường người theo đuổi là đúng đắn, thì người có hy vọng thành công; nếu con đường người đi khi theo đuổi lẽ thật là sai lầm, thì người sẽ mãi mãi không có khả năng thành công, và sẽ gặp phải kết cục giống như Phao-lô.

Phi-e-rơ là một con người đã được làm cho hoàn thiện. Chỉ sau khi trải nghiệm hình phạt và sự phán xét, và qua đó đạt được một tình yêu thuần khiết dành cho Đức Chúa Trời, ông mới hoàn toàn được trở nên hoàn thiện; con đường ông đã đi là con đường để được trở nên hoàn thiện. Điều đó có nghĩa là, ngay từ đầu, con đường Phi-e-rơ đi đã đúng đắn, và động lực của ông cho việc tin vào Đức Chúa Trời đã đúng đắn, và vì vậy, ông đã trở thành một người được làm cho hoàn thiện và ông đã đi một con đường mới mà con người chưa từng đi trước đó. Tuy nhiên, con đường Phao-lô đã đi từ đầu là con đường chống đối Đấng Christ, và chỉ vì Đức Thánh Linh muốn sử dụng ông, muốn tận dụng những ân tứ của ông và tất cả những phẩm chất của ông cho công tác của Ngài, nên ông đã làm việc cho Đấng Christ trong vài thập niên. Ông chỉ đơn thuần là người được Đức Thánh Linh sử dụng, và ông đã được sử dụng không phải vì Jêsus có thiện cảm với nhân tính của ông, mà vì những ân tứ của ông. Ông đã có thể làm việc cho Jêsus vì ông đã bị hạ gục, chứ không phải vì ông vui vẻ làm vậy. Ông đã có thể làm công việc như thế nhờ sự khai sáng và hướng dẫn của Đức Thánh Linh, và công việc ông đã làm không hề đại diện cho sự theo đuổi của ông, hoặc cho nhân tính của ông. Công việc của Phao-lô đại diện cho công việc của một tội tở, nghĩa là ông đã làm công việc của một sứ đồ. Tuy nhiên, Phi-e-rơ thì khác: Ông cũng đã làm một số công việc; chúng không lớn lao như công việc của Phao-lô, nhưng ông đã làm việc trong khi theo đuổi sự bước vào của riêng mình, và công việc của ông khác với công việc của Phao-lô. Công việc của Phi-e-rơ là thực hiện bổn phận một loài thọ tạo của Đức Chúa Trời. Ông đã không làm việc trong vai trò của một sứ đồ, mà làm việc trong quá trình theo đuổi tình yêu dành cho Đức Chúa Trời. Quá trình làm việc của Phao-lô còn chứa đựng sự theo đuổi cá nhân của ông: Sự theo đuổi của ông không vì mục đích gì khác ngoài những hy vọng về tương lai và mong muốn về một đích đến tốt đẹp. Ông đã không chấp nhận sự tinh luyện trong công việc của mình, cũng không chấp nhận việc sửa chữa và xử lý. Ông tin rằng miễn là công việc ông làm thỏa lòng mong muốn của Đức Chúa Trời, và mọi điều ông làm đều đẹp lòng Đức Chúa Trời, thì phần thưởng cuối cùng sẽ chờ đợi mình. Không có kinh nghiệm cá nhân nào trong công việc của ông – tất cả chỉ vì chính công việc, và đã không được thực hiện giữa lúc theo đuổi sự thay đổi. Mọi thứ trong công việc của ông là một thương vụ, nó không chứa bất kỳ bổn phận hay sự quy phục nào của một

loài thọ tạo của Đức Chúa Trời. Trong quá trình làm việc của Phao-lô, đã không xảy ra sự thay đổi nào trong tâm tính cũ của ông. Công việc của ông chỉ đơn thuần là phục vụ người khác, và không có khả năng mang lại những thay đổi trong tâm tính của ông. Phao-lô đã thực hiện công việc của mình trực tiếp, mà chưa được làm cho hoàn thiện hoặc được xử lý, và ông đã bị thúc đẩy bởi phần thưởng. Phi-e-rơ thì khác: Ông là người đã trải qua việc tĩa sửa và xử lý, và đã trải qua sự tinh luyện. Mục đích và động lực làm việc của Phi-e-rơ về cơ bản khác với của Phao-lô. Mặc dù Phi-e-rơ không làm nhiều việc, nhưng tâm tính của ông đã trải qua nhiều thay đổi, và điều ông tìm kiếm là lẽ thật cùng sự thay đổi thực sự. Công việc của ông đã được thực hiện không chỉ vì chính công việc. Mặc dù Phao-lô làm nhiều việc, nhưng tất cả đều là công việc của Đức Thánh Linh, và mặc dù Phao-lô đã hợp tác trong công việc này, nhưng ông không trải nghiệm nó. Phi-e-rơ làm ít việc hơn chỉ là vì Đức Thánh Linh đã không làm nhiều việc như thế thông qua ông. Số lượng công việc của họ không quyết định liệu họ có được trở nên hoàn thiện hay không; sự theo đuổi của người này là để nhận được phần thưởng, còn của người kia là để đạt được một tình yêu tốt độ dành cho Đức Chúa Trời và thực hiện bổn phận của mình như một loài thọ tạo của Đức Chúa Trời, đến mức ông đã có thể sống bày tỏ ra một hình ảnh đáng mến để thỏa lòng mong muốn của Đức Chúa Trời. Bề ngoài họ khác nhau, và thực chất của họ cũng khác nhau. Người không thể xác định ai trong số họ đã được làm cho hoàn thiện dựa trên số lượng công việc họ đã làm. Phi-e-rơ đã cố gắng sống bày tỏ ra hình ảnh của một người yêu mến Đức Chúa Trời, trở thành một người vâng lời Đức Chúa Trời, trở thành một người chấp nhận việc xử lý và tĩa sửa, trở thành một người thực hiện bổn phận của mình như một loài thọ tạo của Đức Chúa Trời. Ông đã có thể dâng mình cho Đức Chúa Trời, đặt toàn bộ bản thân mình vào trong tay Đức Chúa Trời, và vâng lời Ngài cho đến chết. Đó là những gì mà ông đã quyết tâm làm, và hơn nữa, đó là những gì ông đã đạt được. Đây là căn nguyên tại sao cuối cùng kết cục của ông khác với của Phao-lô. Công tác Đức Thánh Linh đã làm trong Phi-e-rơ là làm cho ông hoàn thiện, còn công tác Đức Thánh Linh đã làm trong Phao-lô là sử dụng ông. Đó là bởi vì bản tính của họ và quan điểm của họ về việc theo đuổi không giống nhau. Cả hai đều có công tác của Đức Thánh Linh. Phi-e-rơ đã áp dụng công tác này cho chính mình, và cũng đã cung cấp nó cho những người khác; trong khi đó, Phao-lô chỉ cung cấp toàn bộ công tác của Đức Thánh Linh cho những người khác, còn bản thân thì không đạt được gì từ nó. Theo cách này, sau khi Phao-lô đã trải nghiệm công tác của Đức Thánh Linh trong rất nhiều năm, những thay đổi ở ông hầu như không có. Ông gần như vẫn ở trong trạng thái tự nhiên của mình, và vẫn là Phao-lô của ngày xưa. Chỉ là sau khi chịu đựng gian khổ trong nhiều

năm công tác, ông đã học được cách làm việc và học được sự chịu đựng, nhưng bản tính cũ của ông – bản tính cạnh tranh cao và hám lợi – thì vẫn còn. Sau khi làm việc trong bao nhiêu năm, ông đã không biết tâm tính bại hoại của mình, cũng không bỏ được tâm tính cũ của mình, và điều đó vẫn có thể thấy rõ trong công việc của ông. Trong ông chỉ đơn thuần có nhiều kinh nghiệm làm việc hơn, nhưng chỉ một ít kinh nghiệm như thế không đủ khả năng thay đổi ông và không thể thay đổi các quan điểm của ông về sự tồn tại hoặc ý nghĩa sự theo đuổi của mình. Mặc dù ông đã làm việc nhiều năm cho Đấng Christ, và không bao giờ bắt bớ Đức Chúa Jê-sus nữa, nhưng trong lòng ông, sự hiểu biết về Đức Chúa Trời không có gì thay đổi. Điều này có nghĩa là ông đã không làm việc để dâng mình cho Đức Chúa Trời, mà buộc phải làm việc vì đích đến tương lai của mình. Vì ban đầu, ông đã bắt bớ Đấng Christ, và không quy phục Đấng Christ; ông vốn là một kẻ phản nghịch cố tình chống đối Đấng Christ, và là người không hiểu biết gì về công tác của Đức Thánh Linh. Khi công việc của mình sắp kết thúc, ông vẫn không biết về công tác của Đức Thánh Linh, và chỉ đơn thuần tự ý hành động theo tính khí của riêng mình, mà không chú ý chút gì đến ý muốn của Đức Thánh Linh. Và vì vậy, bản tính của ông là thù địch với Đấng Christ và không tuân theo lẽ thật. Một người như vậy, người đã bị công tác của Đức Thánh Linh từ bỏ, người đã không biết về công tác của Đức Thánh Linh, và cũng là người đã chống đối Đấng Christ – làm sao một người như thế có thể được cứu rỗi? Con người có thể được cứu rỗi hay không không phụ thuộc vào việc họ làm bao nhiêu việc, hay họ dâng mình nhiều như thế nào, mà thay vào đó được quyết định bằng việc họ có biết về công tác của Đức Thánh Linh hay không, họ có thể đưa lẽ thật vào thực hành hay không, và các quan điểm của họ về việc theo đuổi có phù hợp với lẽ thật hay không.

Mặc dù những sự mặc khải tự nhiên đã xảy đến sau khi Phi-e-rơ bắt đầu đi theo Jê-sus, nhưng về bản tính, ngay từ đầu, Phi-e-rơ đã là người sẵn sàng quy phục Đức Thánh Linh và tìm kiếm Đấng Christ. Sự vâng lời của ông đối với Đức Thánh Linh là thuần khiết: Ông đã không tìm kiếm danh tiếng và của cải, mà thay vào đó được thúc đẩy bởi sự tuân theo lẽ thật. Mặc dù đã có ba lần Phi-e-rơ phủ nhận quen biết Đấng Christ, và mặc dù ông đã căm dỗi Đức Chúa Jê-sus, nhưng một chút yếu đuối đó của con người không liên quan đến bản tính của ông, không ảnh hưởng đến sự theo đuổi tương lai của ông, và không thể đủ để chứng minh rằng sự căm dỗi của ông là một hành động của kẻ địch lại Đấng Christ. Sự yếu đuối của con người bình thường là điều tất cả mọi người trên đời đều có – người có nghĩ Phi-e-rơ khác biệt chút nào không? Chẳng phải mọi người đều giữ những quan điểm nhất định về Phi-e-rơ bởi vì ông đã phạm phải một vài sai lầm đại dột sao? Và chẳng phải mọi người đều vô

cùng ngưỡng mộ Phao-lô vì mọi việc ông đã làm và mọi thư tín mà ông đã viết sao? Làm sao con người có thể nhìn thấu được bản chất của con người? Chắc hẳn những người thật sự có lương tri đều có thể nhìn thấy một điều nhỏ nhặt như thế chứ? Mặc dù nhiều năm trải nghiệm đau đớn của Phi-e-rơ không được ghi lại trong Kinh Thánh, nhưng điều này không chứng tỏ rằng Phi-e-rơ đã không có những trải nghiệm thực sự, hoặc Phi-e-rơ đã không được làm cho hoàn thiện. Làm sao công tác của Đức Chúa Trời có thể được con người hiểu thấu hoàn toàn? Những ghi chép trong Kinh Thánh không phải do đích thân Jêsus lựa chọn, mà đã được các thế hệ sau biên soạn. Như vậy, chẳng phải mọi điều ghi trong Kinh Thánh đều đã được lựa chọn theo ý tưởng của con người sao? Hơn nữa, kết cục của Phi-e-rơ và Phao-lô không được nêu rõ trong các thư tín, vì vậy, con người đánh giá Phi-e-rơ và Phao-lô theo nhận thức riêng của mình và theo ý thích riêng của mình. Và bởi vì Phao-lô đã làm rất nhiều việc, bởi vì “những đóng góp” của ông quá lớn lao, nên ông đã giành được sự tin tưởng của quần chúng. Chẳng phải con người chỉ tập trung vào bề nổi sao? Làm sao con người có thể có khả năng nhìn thấu được bản chất của con người? Chưa kể, biết rằng Phao-lô đã là một đối tượng được tôn thờ trong hàng nghìn năm, ai dám liều lĩnh phủ nhận công việc của ông? Phi-e-rơ chỉ là một người đánh cá, vậy làm sao sự đóng góp của ông có thể lớn lao như của Phao-lô được? Về mặt đóng góp họ đã thực hiện, Phao-lô đáng lẽ phải được thưởng trước Phi-e-rơ, và Phao-lô đáng lẽ phải là người đủ tư cách hơn để có được sự chấp thuận của Đức Chúa Trời. Ai có thể tưởng tượng được rằng, trong cách đối xử với Phao-lô, Đức Chúa Trời đã chỉ đơn thuần khiến ông làm việc thông qua những ân tứ của mình, trong khi Đức Chúa Trời đã làm cho Phi-e-rơ hoàn thiện. Hoàn toàn không phải là Đức Chúa Jêsus đã lập kế hoạch cho Phi-e-rơ và Phao-lô ngay từ đầu: Thay vào đó, họ đã được làm cho hoàn thiện hoặc được đưa vào làm việc theo bản tính vốn có của họ. Và vì vậy, những gì mọi người nhìn thấy chỉ đơn thuần là những đóng góp bên ngoài của con người, trong khi những gì Đức Chúa Trời nhìn thấy là bản chất con người, cũng như con đường mà con người theo đuổi từ đầu, và động lực đằng sau sự theo đuổi của con người. Người ta đánh giá một con người theo quan niệm của mình và theo nhận thức của riêng mình, nhưng kết cục sau cùng của một con người không được quyết định dựa trên những thứ bên ngoài của họ. Và vì vậy, Ta phán rằng nếu con đường người đi từ đầu là con đường thành công, và quan điểm của người về việc theo đuổi là đúng đắn từ đầu, thì người giống như Phi-e-rơ; nếu con đường người đi là con đường thất bại, thì bất kể cái giá người phải trả là gì, kết cục của người vẫn sẽ giống như của Phao-lô. Dù gì đi nữa, đích đến của người và việc người thành công hay thất bại, đều được quyết định bằng việc con đường người tìm kiếm có đúng đắn hay

không, chứ không phải sự tận tụy của người, hay cái giá người phải trả. Thực chất của Phi-e-rơ và Phao-lô, và các mục tiêu họ theo đuổi là khác nhau; con người không có khả năng nhận ra những điều này, và chỉ Đức Chúa Trời mới có thể biết hết về chúng. Vì những gì Đức Chúa Trời nhìn thấy là bản chất của con người, trong khi con người không biết gì về thực chất của bản thân mình. Con người không có khả năng nhìn thấy thực chất bên trong con người hoặc vóc giạc thực tế của họ, và do đó, không có khả năng xác định lí do cho sự thất bại và thành công của Phao-lô và Phi-e-rơ. Lý do khiến hầu hết mọi người tôn thờ Phao-lô chứ không phải Phi-e-rơ là vì Phao-lô đã được sử dụng cho công việc công khai, và con người có thể nhận thức được công việc này, và vì vậy mọi người ghi nhận “những thành tích” của Phao-lô. Trong khi đó, những kinh nghiệm của Phi-e-rơ lại vô hình đối với con người, và những gì ông đã tìm kiếm thì con người không thể đạt được, và vì vậy, con người không quan tâm đến với Phi-e-rơ.

Phi-e-rơ đã được làm cho hoàn thiện thông qua việc trải nghiệm sự xử lý và tinh luyện. Ông đã nói rằng: “Tôi phải làm thỏa lòng mong muốn của Đức Chúa Trời mọi lúc. Trong mọi việc tôi làm, tôi chỉ cố gắng làm thỏa lòng mong muốn của Đức Chúa Trời, và dù tôi bị hành phạt hay bị phán xét, tôi vẫn vui lòng làm vậy”. Phi-e-rơ đã dâng tất cả cho Đức Chúa Trời, và công việc, lời nói cùng toàn bộ đời sống của ông hết thảy đều vì yêu mến Đức Chúa Trời. Ông là người tìm kiếm sự thánh khiết, và càng trải nghiệm, tình yêu của ông dành cho Đức Chúa Trời sâu thẳm trong lòng càng lớn. Trong khi đó, Phao-lô đã chỉ làm công việc bề ngoài, và mặc dù ông cũng đã làm việc chăm chỉ, nhưng sự lao nhọc của ông là để làm công việc của mình một cách đúng đắn và vì thế đạt được phần thưởng. Nếu ông biết mình sẽ không nhận được phần thưởng, thì ông đã từ bỏ công việc của mình. Điều Phi-e-rơ quan tâm là tình yêu đích thực trong lòng mình, và những gì thiết thực, có thể đạt được. Ông không quan tâm đến việc mình có nhận được phần thưởng hay không, mà là việc tâm tính của mình có thể được thay đổi hay không. Phao-lô quan tâm đến việc ngày càng làm việc chăm chỉ hơn, ông quan tâm đến công việc bên ngoài và sự cống hiến, và đến những giáo lý mà người bình thường không trải nghiệm được. Ông không quan tâm gì đến những thay đổi sâu bên trong mình và tình yêu đích thực dành cho Đức Chúa Trời. Những trải nghiệm của Phi-e-rơ là để đạt được một tình yêu đích thực và một sự hiểu biết thực sự về Đức Chúa Trời. Những trải nghiệm của ông là để đạt được một mối quan hệ gần gũi hơn với Đức Chúa Trời, và để sống một cách thực tế. Công việc của Phao-lô được thực hiện là do những gì Jê-sus đã giao phó cho ông, và để có được những điều ông ao ước, nhưng những điều này không liên quan đến sự hiểu biết của ông về bản thân và về Đức Chúa Trời. Công việc của ông

chỉ là để thoát khỏi hình phạt và sự phán xét. Điều Phi-e-rơ tìm kiếm là tình yêu thuần khiết, và điều Phao-lô tìm kiếm là mào triều thiên của sự công bình. Phi-e-rơ đã trải nghiệm nhiều năm công tác của Đức Thánh Linh, và đã có hiểu biết thực tế về Đấng Christ, cũng như sự hiểu biết sâu sắc về bản thân. Và vì vậy, tình yêu của ông dành cho Đức Chúa Trời là thuần khiết. Nhiều năm tinh luyện đã nâng cao hiểu biết của ông về Jê-sus và sự sống, và tình yêu của ông là một tình yêu vô điều kiện, đó là một tình yêu tự phát, và ông đã không đòi hỏi điều gì đáp lại, cũng không hy vọng có được bất kỳ lợi ích nào. Phao-lô đã làm việc trong nhiều năm, nhưng ông không có nhiều hiểu biết về Đấng Christ, và sự hiểu biết của ông về bản thân cũng ít ỏi đến đáng thương. Ông không hề có tình yêu dành cho Đấng Christ, và công việc của ông cùng đường đưa mà ông chạy là để có được vòng nguyệt quế sau cùng. Điều ông đã tìm kiếm là mào triều thiên đẹp nhất, chứ không phải tình yêu thuần khiết nhất. Ông đã không chủ động tìm kiếm, mà thụ động; không phải ông đang thực hiện bổn phận của mình, mà là bị buộc phải theo đuổi sau khi bị công tác của Đức Thánh Linh bắt giữ. Và vì vậy, sự theo đuổi của ông không chứng minh rằng ông là một loài thọ tạo đủ tư cách của Đức Chúa Trời; chính Phi-e-rơ là một loài thọ tạo đủ tư cách của Đức Chúa Trời, ông đã thực hiện bổn phận của mình. Con người nghĩ rằng tất cả những ai đóng góp cho Đức Chúa Trời đều sẽ nhận được phần thưởng, và rằng sự đóng góp càng lớn, thì càng đương nhiên là họ sẽ nhận được ơn huệ của Đức Chúa Trời. Bản chất quan điểm của con người mang tính thương vụ, và họ không chủ động cố gắng thực hiện bổn phận của mình như một loài thọ tạo của Đức Chúa Trời. Đối với Đức Chúa Trời, con người càng tìm kiếm một tình yêu đích thực dành cho Đức Chúa Trời và sự vâng lời Đức Chúa Trời hoàn toàn, cũng có nghĩa là họ càng tìm cách thực hiện bổn phận của mình như một loài thọ tạo của Đức Chúa Trời, thì họ càng có thể đạt được sự chấp thuận của Đức Chúa Trời. Quan điểm của Đức Chúa Trời là đòi hỏi con người khôi phục lại bổn phận và địa vị ban đầu của họ. Con người là một loài thọ tạo của Đức Chúa Trời, và vì vậy, con người không nên vượt quá giới hạn của bản thân bằng cách đưa ra bất kỳ đòi hỏi nào với Đức Chúa Trời, và không nên làm điều gì khác hơn là thực hiện bổn phận của mình như một loài thọ tạo của Đức Chúa Trời. Đích đến của Phao-lô và Phi-e-rơ đã được đo lường tùy theo việc họ có thể thực hiện bổn phận của mình như loài thọ tạo của Đức Chúa Trời hay không, chứ không phải theo quy mô đóng góp của họ; đích đến của họ đã được xác định dựa theo những gì họ tìm kiếm ngay từ đầu, chứ không phải theo lượng công việc họ đã làm, hoặc theo đánh giá của những người khác về họ. Và vì vậy, cố gắng tích cực thực hiện bổn phận của mình như một loài thọ tạo của Đức Chúa Trời là con đường dẫn đến thành công; tìm kiếm con đường của tình yêu đích thực dành

cho Đức Chúa Trời là con đường đúng đắn nhất; tìm kiếm những thay đổi trong tâm tính cũ của mình, và tìm kiếm tình yêu thuần khiết dành cho Đức Chúa Trời, là con đường dẫn đến thành công. Một con đường dẫn đến thành công như thế là con đường khôi phục bản phận ban đầu cũng như diện mạo ban đầu của một loài thọ tạo của Đức Chúa Trời. Đó là con đường khôi phục, và cũng là mục tiêu của mọi công tác của Đức Chúa Trời từ đầu đến cuối. Nếu việc theo đuổi của con người bị ô tạp bởi những đòi hỏi ngông cuồng cá nhân và những thêm muốn phi lý, thì hiệu quả đạt được sẽ không phải là những thay đổi trong tâm tính của con người. Điều này mâu thuẫn với công tác khôi phục. Đó chắc chắn không phải là công tác được thực hiện bởi Đức Thánh Linh, và vì vậy, chứng tỏ rằng loại theo đuổi này không được Đức Chúa Trời chấp thuận. Một sự theo đuổi không được Đức Chúa Trời chấp thuận thì có nghĩa lý gì?

Công việc do Phao-lô thực hiện đã được thể hiện trước con người, nhưng tình yêu của ông dành cho Đức Chúa Trời thuần khiết ra sao, và ông đã yêu mến Đức Chúa Trời đến mức nào sâu trong lòng mình – những điều này con người không thể nhìn thấy được. Con người chỉ có thể nhìn thấy công việc ông đã làm, từ đó con người biết rằng ông chắc chắn đã được Đức Thánh Linh sử dụng, và vì thế, con người nghĩ rằng Phao-lô tốt hơn Phi-e-rơ, rằng công việc của ông vĩ đại hơn, vì ông đã có thể cung cấp cho các hội thánh. Phi-e-rơ chỉ chú ý đến những kinh nghiệm cá nhân của mình, và chỉ thu phục được một vài người trong thời gian công tác không thường xuyên của mình. Từ ông, chỉ có một vài thư tín ít được biết đến, nhưng ai biết tình yêu của ông dành cho Đức Chúa Trời sâu trong lòng lớn đến nhường nào? Ngày qua ngày, Phao-lô đã làm việc cho Đức Chúa Trời: Chừng nào còn việc để làm, thì ông đều làm. Ông cảm thấy bằng cách này ông sẽ có thể đạt được mào triều thiên, và có thể làm thỏa lòng Đức Chúa Trời, nhưng ông đã không tìm cách thay đổi bản thân thông qua công việc của mình. Bất cứ điều gì trong cuộc sống của Phi-e-rơ không thỏa lòng mong muốn của Đức Chúa Trời đều khiến ông cảm thấy bức rứt. Nếu việc đó không thỏa lòng mong muốn của Đức Chúa Trời, thì ông sẽ cảm thấy hối hận, và sẽ tìm kiếm một cách thích hợp để ông có thể phấn đấu làm thỏa lòng Đức Chúa Trời. Ngay cả trong những khía cạnh nhỏ nhất nhất và vụn vặt nhất của cuộc sống, ông vẫn đòi hỏi bản thân phải làm thỏa lòng mong muốn của Đức Chúa Trời. Ông cũng đòi hỏi cao không kém đối với tâm tính cũ của mình, luôn khắt khe trong những yêu cầu về bản thân để tiến sâu hơn vào lẽ thật. Phao-lô chỉ tìm kiếm danh tiếng và địa vị bề ngoài. Ông đã tìm cách thể hiện bản thân trước con người, và không tìm cách tiến sâu hơn vào lối vào sự sống. Điều ông quan tâm là giáo lý, không phải hiện thực. Một số người nói rằng: “Phao-lô đã làm rất nhiều việc cho Đức

Chúa Trời, tại sao ông không được Đức Chúa Trời nhớ đến? Phi-e-rơ chỉ thực hiện một ít việc cho Đức Chúa Trời, và đã không có đóng góp to lớn cho các hội thánh, vậy tại sao ông lại được làm cho hoàn thiện?" Phi-e-rơ đã yêu mến Đức Chúa Trời đến một mức độ nhất định mà Đức Chúa Trời yêu cầu; chỉ những người như vậy mới có chứng ngôn. Còn Phao-lô thì sao? Phao-lô đã yêu mến Đức Chúa Trời đến mức độ nào? Người có biết không? Công việc của Phao-lô là vì điều gì? Còn công việc của Phi-e-rơ là vì điều gì? Phi-e-rơ đã không làm nhiều việc, nhưng người có biết những điều sâu thẳm trong lòng ông không? Công việc của Phao-lô liên quan đến việc cung cấp cho các hội thánh và hỗ trợ cho các hội thánh. Những gì Phi-e-rơ trải nghiệm là những thay đổi trong tâm tính sống của mình; ông đã trải nghiệm tình yêu dành cho Đức Chúa Trời. Giờ thì người đã biết những khác biệt về thực chất của họ, người có thể thấy cuối cùng thì ai thực sự tin vào Đức Chúa Trời, và ai không thực sự tin vào Đức Chúa Trời. Một trong hai đã thực sự yêu mến Đức Chúa Trời, còn người kia thì không thực sự yêu mến Đức Chúa Trời; một người đã trải qua những thay đổi trong tâm tính mình, còn người kia thì không; một người đã khiêm nhường hầu việc và không dễ được mọi người chú ý, còn người kia đã được mọi người tôn thờ và đã có hình ảnh tuyệt vời; một người tìm kiếm sự thánh khiết, còn người kia thì không, và mặc dù người đó không bất khiết, nhưng người đó không sở hữu một tình yêu thuần khiết; một người sở hữu nhân tính thật, còn người kia thì không; một người sở hữu ý thức của một loài thọ tạo của Đức Chúa Trời, còn người kia thì không. Đó là những khác biệt về thực chất của Phao-lô và Phi-e-rơ. Con đường Phi-e-rơ đã đi là con đường thành công, cũng là con đường để đạt được sự khôi phục nhân tính bình thường và khôi phục bản phận của một loài thọ tạo của Đức Chúa Trời. Phi-e-rơ đại diện cho tất cả những người thành công. Con đường Phao-lô đã đi là con đường thất bại, và ông đại diện cho tất cả những ai chỉ quy phục và dâng mình hời hợt, chứ không thực sự yêu mến Đức Chúa Trời. Phao-lô đại diện cho tất cả những ai không sở hữu lẽ thật. Trong niềm tin vào Đức Chúa Trời, Phi-e-rơ đã cố gắng làm thỏa lòng Đức Chúa Trời trong mọi việc, và tìm cách vâng phục tất cả mọi điều đến từ Đức Chúa Trời. Không một chút than phiền, ông đã có thể chấp nhận hình phạt và sự phán xét, cũng như sự tinh luyện, hoạn nạn và thiếu thốn trong cuộc sống của mình, không điều nào trong số này có thể thay đổi tình yêu của ông dành cho Đức Chúa Trời. Chẳng phải đây là tình yêu tốt độ dành cho Đức Chúa Trời sao? Chẳng phải đây là thực hiện bản phận của một loài thọ tạo của Đức Chúa Trời sao? Cho dù chịu hình phạt, sự phán xét hay cơn hoạn nạn, người vẫn luôn có khả năng đạt được sự vâng phục cho đến chết, và đây là điều một loài thọ tạo của Đức Chúa Trời phải đạt được, đây là sự thuần khiết của tình yêu dành cho Đức Chúa

Trời. Nếu con người có thể đạt được đến mức này, thì họ là một loài thọ tạo đủ tư cách của Đức Chúa Trời, và không có điều gì thỏa lòng mong muốn của Đấng Tạo Hóa hơn thế. Thử tưởng tượng người có thể làm việc cho Đức Chúa Trời, nhưng người không vâng lời Đức Chúa Trời, và không có khả năng thực sự yêu mến Đức Chúa Trời. Theo cách này, không những người sẽ không thực hiện bổn phận của một loài thọ tạo của Đức Chúa Trời, mà còn bị Đức Chúa Trời kết tội, vì người là kẻ không sở hữu lẽ thật, kẻ không có khả năng vâng lời Đức Chúa Trời, và là kẻ bất tuân với Đức Chúa Trời. Người chỉ quan tâm đến việc làm việc cho Đức Chúa Trời, mà không quan tâm đến việc đưa lẽ thật vào thực hành, hay hiểu biết về bản thân. Người không hiểu hoặc không biết về Đấng Tạo Hóa, và không vâng lời hay yêu mến Đấng Tạo Hóa. Người là kẻ bẩm sinh đã bất tuân với Đức Chúa Trời, và vì vậy, những kẻ như thế không được Đấng Tạo Hóa yêu mến.

Một số người nói rằng: “Phao-lô đã làm một khối lượng công việc rất lớn, ông đã gánh vác những trọng trách to lớn cho các hội thánh và đã đóng góp rất nhiều cho họ. Mười ba thư tín của Phao-lô đã duy trì 2.000 năm Thời đại Ân điển, và chỉ đứng thứ hai sau Bốn Sách Phúc Âm. Ai có thể so sánh với ông? Không ai có thể giải mã Sách Khải huyền của Giăng, trong khi các thư tín của Phao-lô cung cấp sự sống, và công việc ông đã làm mang lại ích lợi cho các hội thánh. Ai khác có thể đạt được những điều như vậy? Còn Phi-e-rơ đã làm công việc gì?” Khi con người đánh giá người khác, đó là theo sự đóng góp của họ. Khi Đức Chúa Trời đánh giá con người, đó là theo bản tính của con người. Trong số những người tìm kiếm sự sống, Phao-lô là người đã không biết bản chất của chính mình. Ông không hề khiêm nhường hay vâng lời, ông cũng không biết thực chất chống đối Đức Chúa Trời của mình. Và vì vậy, ông là người chưa từng trải qua những kinh nghiệm chi tiết, và là người không đưa lẽ thật vào thực hành. Phi-e-rơ thì khác. Ông biết những khiếm khuyết, sự yếu đuối và tâm tính bại hoại của mình như một loài thọ tạo của Đức Chúa Trời, và vì vậy, ông đã có một con đường thực hành để thay đổi tâm tính mình; ông không phải là một trong những người chỉ có giáo lý mà không có hiện thực. Những ai thay đổi là những người mới đã được cứu rỗi, họ là những người có đủ tư cách theo đuổi lẽ thật. Những ai không thay đổi thuộc về những người tự nhiên bị lỗi thời; họ là những người chưa được cứu rỗi, nghĩa là những người bị Đức Chúa Trời khinh ghét và loại bỏ. Họ sẽ không được Đức Chúa Trời nhớ đến cho dù công việc của họ có to tát đến đâu. Khi người so sánh điều này với sự theo đuổi của chính mình, cuối cùng người giống loại người như Phi-e-rơ hay Phao-lô tự nó đã phải rõ ràng. Nếu vẫn không có lẽ thật trong những gì người tìm kiếm, và nếu thậm chí ngày nay người vẫn còn kiêu ngạo và xác xược như Phao-lô, vẫn liên thoảng tự đề cao bản thân như ông ta, thì

người chắc chắn là một kẻ suy đồi thất bại. Nếu người tìm kiếm giống như Phi-e-rơ, nếu người tìm kiếm những sự thực hành và những thay đổi thực sự, và không kiêu ngạo hay ngoan cố, mà cố gắng thực hiện bổn phận của mình, thì người sẽ là một loài thọ tạo của Đức Chúa Trời có thể đạt được chiến thắng. Phao-lô đã không biết thực chất hay sự bại hoại của chính mình, ông càng không biết về sự bất tuân của bản thân. Ông không bao giờ đề cập đến sự bất chấp đáng khinh của mình đối với Đấng Christ, cũng không quá hối hận. Ông chỉ đưa ra một lời giải thích ngắn gọn, và sâu thẳm trong lòng mình, ông không hoàn toàn quy phục Đức Chúa Trời. Mặc dù ông đã ngã trên đường đến Đa-mách, nhưng ông không nhìn sâu vào bản thân mình. Ông hài lòng với việc chỉ đơn thuần miệt mài làm việc, và đã không xem việc biết bản thân và thay đổi tâm tính cũ của mình là những vấn đề cốt yếu nhất. Ông đã thỏa mãn với việc chỉ đơn thuần nói lẽ thật, với việc cung cấp cho người khác như một sự xoa dịu cho lương tâm của chính mình, và với việc không còn bắt bớ các môn đồ của Jê-sus để an ủi bản thân và tha thứ cho những tội lỗi trong quá khứ của mình. Mục tiêu ông đã theo đuổi không gì khác hơn là một mào triều thiên trong tương lai và một công việc tạm thời, mục tiêu ông theo đuổi là ân điển dồi dào. Ông đã không tìm kiếm đủ lẽ thật, cũng không cố gắng tiến sâu hơn vào lẽ thật mà trước đây ông chưa hiểu. Vì vậy, sự hiểu biết của ông về bản thân có thể nói là sai lầm, và ông đã không chấp nhận hình phạt hay sự phán xét. Việc ông có thể làm việc không có nghĩa là ông đã sở hữu một sự hiểu biết về bản tính hay thực chất của chính mình; ông chỉ tập trung vào những thực hành bên ngoài. Hơn nữa, điều ông phấn đấu không phải là sự thay đổi, mà là kiến thức. Công việc của ông hoàn toàn là kết quả của sự xuất hiện của Jê-sus trên đường đến Đa-mách. Đó không phải là điều ông đã quyết tâm thực hiện ban đầu, đó cũng không phải là công việc xảy ra sau khi ông đã chấp nhận việc tĩa sửa tâm tính cũ của mình. Cho dù ông đã làm việc ra sao, tâm tính cũ của ông vẫn không thay đổi, và vì vậy, công việc của ông đã không chuộc lại được những tội lỗi trong quá khứ của mình mà chỉ đơn thuần đóng một vai trò nhất định trong các hội thánh thời đó. Một người như thế này, người có tâm tính cũ không thay đổi – nghĩa là, người đã không nhận được sự cứu rỗi, và càng không có lẽ thật – thì tuyệt đối không thể trở thành một trong những người được Đức Chúa Jê-sus chấp nhận. Ông không phải là người đầy tình yêu mến và sự tôn kính dành cho Jê-sus Christ, cũng không phải là người giỏi tìm kiếm lẽ thật, càng không phải là người tìm kiếm lẽ mầu nhiệm của sự nhập thể. Ông chỉ đơn thuần là người khéo ngụy biện, và là người không chịu khuất phục trước bất kỳ ai cao hơn mình hoặc bất kỳ ai sở hữu lẽ thật. Ông đổ kỵ với những người hoặc những lẽ thật trái ngược với mình hoặc thù địch với mình, thích những người có tài, là những người

thể hiện một hình ảnh tuyệt vời và sở hữu kiến thức uyên thâm. Ông không thích qua lại với những người nghèo tìm kiếm con đường thật và không quan tâm đến điều gì ngoài lẽ thật, mà thay vào đó, ông quan tâm đến những nhân vật cấp cao từ các tổ chức tôn giáo, là những người chỉ nói về giáo lý và sở hữu kiến thức phong phú. Ông không có tình yêu đối với công tác mới của Đức Thánh Linh, và không quan tâm đến sự tiến triển trong công tác mới của Đức Thánh Linh. Thay vào đó, ông ưa chuộng những phép tắc và giáo lý cao hơn những lẽ thật phổ biến. Xét về bản chất bẩm sinh của ông và toàn bộ những gì ông đã tìm kiếm, ông không xứng đáng được gọi là một Cơ Đốc nhân theo đuổi lẽ thật, càng không phải là một đầy tớ trung thành trong nhà của Đức Chúa Trời, vì sự giả hình của ông quá nhiều, và sự bất tuân của ông quá lớn. Mặc dù được biết đến như một đầy tớ của Đức Chúa Jêsus, nhưng ông đã không hề xứng đáng để được bước vào cổng vương quốc thiên đàng, vì những hành động của ông từ đầu đến cuối không thể được gọi là công chính. Ông chỉ có thể đơn thuần được xem là một kẻ giả hình, và đã làm điều bất chính, nhưng cũng là người đã làm việc cho Đấng Christ. Mặc dù ông không thể bị gọi là xấu xa, nhưng có thể phù hợp để gọi ông là một con người làm điều bất chính. Ông đã làm rất nhiều việc, nhưng ông không được đánh giá dựa trên số lượng công việc ông đã làm, mà chỉ dựa trên chất lượng và thực chất của nó. Chỉ bằng cách này mới có thể đi đến tận cùng của vấn đề này. Ông đã luôn tin rằng: “Ta có khả năng làm việc, ta giỏi hơn hầu hết mọi người; ta quan tâm đến trọng trách của Chúa hơn ai hết, và không ai ăn năn sâu sắc như ta, vì sự sáng lớn đã chiếu trên ta, và ta đã nhìn thấy sự sáng lớn, và vì vậy, sự ăn năn của ta sâu sắc hơn bất kỳ ai khác”. Vào lúc đó, đây là những gì ông đã nghĩ trong lòng. Khi kết thúc công việc của mình, Phao-lô đã nói: “Ta đã đánh trận, ta đã xong sự chạy, và mào triều thiên của sự công bình đã để dành cho ta”. Trận chiến, công việc và sự chạy của ông hoàn toàn vì mào triều thiên của sự công bình, và ông đã không chủ động tiến lên. Mặc dù ông đã không làm chiếu lệ trong công việc của mình, nhưng có thể nói rằng công việc của ông được thực hiện chỉ đơn thuần để bù đắp cho những lỗi lầm của mình, để bù đắp cho những lời buộc tội của lương tâm mình. Ông đã chỉ hy vọng hoàn tất công việc của mình, hoàn thành sự chạy của mình, và đánh trận xong càng sớm càng tốt, hầu cho ông có thể giành được mào triều thiên của sự công bình mà mình hằng ao ước sớm hơn nữa. Điều ông ao ước không phải là được gặp Đức Chúa Jêsus bằng những kinh nghiệm và kiến thức thực sự của mình, mà là để hoàn thành công việc của mình càng sớm càng tốt, để ông sẽ nhận được những phần thưởng mà công việc của ông đã mang lại khi ông gặp Đức Chúa Jêsus. Ông đã dùng công việc của mình để tự an ủi bản thân, và để đạt được một thỏa thuận đổi lấy mào triều thiên

trong tương lai. Thứ ông tìm kiếm không phải là lẽ thật hay Đức Chúa Trời, mà chỉ là mao triệu thiên. Làm sao một sự theo đuổi như thế có thể đạt tiêu chuẩn được? Động lực của ông, công việc của ông, cái giá ông đã trả, và tất cả mọi nỗ lực của ông – những ảo tưởng tuyệt vời của ông đã lấp đầy những điều này, và ông đã làm việc hoàn toàn theo những ham muốn của riêng mình. Trong toàn bộ công việc của ông, không có một chút sẵn lòng nào trong cái giá ông đã trả; ông chỉ đơn thuần tham gia vào việc đạt được một thỏa thuận. Những nỗ lực của ông không được tự nguyện thực hiện để thực hiện bổn phận của mình, mà được tự nguyện thực hiện để đạt được mục tiêu của thỏa thuận. Có bất kỳ giá trị nào cho những nỗ lực như thế không? Ai sẽ khen ngợi những nỗ lực bất khuất của ông? Ai có chút hứng thú nào với những nỗ lực như thế? Công việc của ông đầy những giấc mơ cho tương lai, đầy những kế hoạch tuyệt vời, và không chứa đựng con đường để thay đổi tâm tính của con người. Rất nhiều sự nhân từ của ông là giả vờ; công việc của ông đã không cung cấp sự sống, mà là một phép lịch sự giả tạo; đó là việc đạt được một thỏa thuận. Làm sao công việc như thế này có thể dẫn con người đến con đường khôi phục bổn phận ban đầu của họ được?

Tất cả những gì Phi-e-rơ đã tìm kiếm là hợp lòng Đức Chúa Trời. Ông cố gắng thực hiện mong muốn của Đức Chúa Trời, và bất kể đau khổ, nghịch cảnh, ông vẫn sẵn lòng thực hiện mong muốn của Đức Chúa Trời. Không có sự theo đuổi nào lớn hơn thế bởi một người tin vào Đức Chúa Trời. Những gì Phao-lô tìm kiếm đã bị ô tạp bởi chính xác thịt của ông, bởi những quan niệm riêng của ông, và bởi những kế hoạch và ý đồ riêng của ông. Ông hoàn toàn không phải là một loài thợ tạo đủ tư cách của Đức Chúa Trời, không phải là người cố gắng thực hiện mong muốn của Đức Chúa Trời. Phi-e-rơ đã cố gắng quy phục những sự sắp đặt của Đức Chúa Trời, và mặc dù công việc ông đã làm không to tát, nhưng động lực đằng sau sự theo đuổi của ông và con đường ông đã đi là đúng đắn; mặc dù ông không thể thu phục được nhiều người, nhưng ông đã có thể theo đuổi con đường của lẽ thật. Bởi vậy, có thể nói rằng ông là loài thợ tạo đủ tư cách của Đức Chúa Trời. Ngày nay, ngay cả khi người không phải là một cộng sự, người vẫn có thể thực hiện bổn phận của một loài thợ tạo của Đức Chúa Trời, và cố gắng quy phục mọi sự sắp đặt của Đức Chúa Trời. Người phải có thể vâng theo bất kỳ điều gì Đức Chúa Trời phán, và trải nghiệm đủ kiểu hoạn nạn và tinh luyện, và mặc dù người yếu đuối, nhưng trong lòng, người vẫn phải có thể yêu mến Đức Chúa Trời. Những ai chịu trách nhiệm cho sự sống của chính mình sẵn lòng thực hiện bổn phận của một loài thợ tạo của Đức Chúa Trời, và quan điểm về việc theo đuổi của những người như thế là đúng đắn. Đây là những người Đức Chúa Trời cần. Nếu người đã làm nhiều việc, và những người khác đã

có được những lời giáo huấn của người, nhưng bản thân người lại không thay đổi, và không mang bất kỳ chứng ngôn nào, hay có bất kỳ kinh nghiệm thực sự nào, đến nỗi cuối đời người, vẫn không có điều gì người đã làm mang chứng ngôn, thì người có phải là người đã thay đổi không? Người có phải là người theo đuổi lẽ thật không? Vào lúc đó, Đức Thánh Linh đã sử dụng người, nhưng khi Ngài sử dụng người, Ngài đã sử dụng phần có thể dùng để làm việc được của người, và Ngài không sử dụng phần không thể dùng được của người. Nếu người cố gắng thay đổi, thì người sẽ dần dần được làm cho hoàn thiện trong quá trình được sử dụng. Tuy nhiên, Đức Thánh Linh không chịu trách nhiệm cho việc cuối cùng người có được thu phục hay không, mà điều này phụ thuộc vào cách thức theo đuổi của người. Nếu không có những thay đổi trong tâm tính cá nhân của người, thì đó là do quan điểm của người về việc theo đuổi là sai lầm. Nếu người không được ban thưởng, thì đó là vấn đề riêng của người, và vì bản thân người đã không đưa lẽ thật vào thực hành và không thể thực hiện mong muốn của Đức Chúa Trời. Vì vậy, không có gì quan trọng hơn những kinh nghiệm của cá nhân người, và không có gì trọng yếu hơn sự bước vào của cá nhân người! Một số người cuối cùng sẽ nói rằng: “Con đã làm rất nhiều việc cho Ngài, và mặc dù có thể chưa có những thành tích lẫy lừng nào, nhưng con đã rất siêng năng trong những nỗ lực của mình. Chẳng lẽ Ngài không thể cho con vào thiên đàng để ăn trái sự sống được sao?” Người phải biết Ta mong muốn loại người nào; những kẻ bất khiết không được phép bước vào vương quốc, những kẻ bất khiết không được phép làm ô uế vùng đất thánh. Mặc dù người có thể đã làm rất nhiều việc và đã làm việc trong nhiều năm, nhưng cuối cùng nếu người vẫn còn ô uế một cách tệ hại – thì luật Trời sẽ không thể dung thứ nếu người muốn bước vào vương quốc của Ta! Từ khi sáng thế cho đến nay, Ta chưa bao giờ cho những kẻ nịnh hót Ta dễ dàng vào vương quốc của Ta. Đây là luật Trời, và không ai có thể phá vỡ nó! Người phải tìm kiếm sự sống. Ngày nay, những người sẽ được làm cho hoàn thiện giống như Phi-e-rơ: Họ là những người tìm kiếm sự thay đổi trong tâm tính của bản thân mình, sẵn sàng làm chứng cho Đức Chúa Trời và thực hiện bổn phận của mình như một loài thọ tạo của Đức Chúa Trời. Chỉ những người như vậy mới được làm cho hoàn thiện. Nếu người chỉ chăm chăm vào phần thưởng, mà không cố gắng thay đổi tâm tính sống của chính mình, thì tất cả mọi nỗ lực của người sẽ vô ích – và đây là một lẽ thật bất di bất dịch!

Từ sự khác nhau về thực chất của Phi-e-rơ và Phao-lô, người nên hiểu rằng tất cả những ai không theo đuổi sự sống đều lao nhọc uổng công! Người tin nơi Đức Chúa Trời và theo Đức Chúa Trời, thế thì trong lòng người phải yêu mến Đức Chúa Trời. Người phải vứt bỏ tâm tính bại hoại của mình, người phải cố gắng thực hiện

mong muốn của Đức Chúa Trời, và người phải thực hiện bổn phận của một loài thọ tạo của Đức Chúa Trời. Vì người tin vào Đức Chúa Trời và theo Đức Chúa Trời, người phải dâng mọi thứ cho Ngài, không nên có các lựa chọn hay đòi hỏi cá nhân, và người phải thực hiện được mong muốn của Đức Chúa Trời. Vì người đã được dựng nên, người phải vâng lời Chúa đã dựng nên người, bởi người vốn không có quyền tự trị bản thân, và không có khả năng kiểm soát số phận của chính mình. Vì người là một người tin vào Đức Chúa Trời, người phải tìm kiếm sự thánh khiết và sự thay đổi. Vì người là một loài thọ tạo của Đức Chúa Trời, người phải tuân thủ bổn phận của mình, giữ vị trí của mình, và không được phép vượt quá bổn phận của mình. Điều này không phải là để kìm hãm người, hay ngăn chặn người thông qua giáo lý, mà là con đường để người thực hiện bổn phận của mình, và nó có thể đạt được – phải đạt được – bởi tất cả những ai làm điều công chính. Nếu người so sánh thực chất của Phi-e-rơ và Phao-lô, thì người sẽ biết mình nên tìm kiếm như thế nào. Giữa hai con đường mà Phi-e-rơ và Phao-lô đã đi, một là con đường để được làm cho hoàn thiện, và một là con đường của sự loại bỏ; Phi-e-rơ và Phao-lô đại diện cho hai con đường khác nhau. Mặc dù mỗi người đều đã nhận được công tác của Đức Thánh Linh, mỗi người đều đã có được sự khai sáng và soi sáng của Đức Thánh Linh, và mỗi người đều đã chấp nhận những điều được Đức Chúa Jêsus giao phó cho mình, nhưng kết quả có được ở mỗi người không giống nhau: Một người đã thực sự có kết quả, còn người kia thì không. Từ thực chất của họ, công việc họ đã làm, những điều được họ đã bày tỏ ra bên ngoài, và kết cục cuối cùng của họ, người nên hiểu con đường nào mình nên đi, con đường nào mình nên chọn để đi. Họ đã đi hai con đường hoàn toàn khác nhau. Phao-lô và Phi-e-rơ, họ là điển hình hoàn hảo của mỗi con đường, và vì vậy, ngay từ đầu, họ đã được đưa ra làm hình mẫu cho hai con đường này. Những điểm then chốt trong kinh nghiệm của Phao-lô là gì, và tại sao ông đã không thành công? Những điểm then chốt trong kinh nghiệm của Phi-e-rơ là gì, và ông đã trải nghiệm việc được làm cho hoàn thiện như thế nào? Nếu người so sánh những điều từng người quan tâm, thì người sẽ biết chính xác loại người nào Đức Chúa Trời muốn, ý muốn của Đức Chúa Trời là gì, tâm tính của Đức Chúa Trời là gì, loại người nào cuối cùng sẽ được làm cho hoàn thiện, cũng như loại người nào sẽ không được làm cho hoàn thiện; người sẽ biết tâm tính của những người sẽ được làm cho hoàn thiện là gì, và tâm tính của những người sẽ không được làm cho hoàn thiện là gì – những vấn đề về thực chất này có thể nhìn thấy được trong những kinh nghiệm của Phi-e-rơ và Phao-lô. Đức Chúa Trời đã dựng nên muôn vật, và do đó, Ngài khiến cho mọi tạo vật đều phải nằm dưới sự thống trị của Ngài, và quy phục sự thống trị của Ngài; Ngài sẽ chỉ huy muôn vật, hầu cho

muôn vật đều nằm trong tay của Ngài. Mọi tạo vật của Đức Chúa Trời, bao gồm động vật, thực vật, loài người, núi, sông và hồ – hết thảy đều phải nằm dưới sự thống trị của Ngài. Mọi thứ trên trời dưới đất đều phải nằm dưới sự thống trị của Ngài. Chúng không thể có bất kỳ sự lựa chọn nào và tất cả đều phải quy phục sự sắp đặt của Ngài. Điều này đã được Đức Chúa Trời định đoạt, và là thẩm quyền của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời chỉ huy mọi thứ, ra lệnh và xếp hạng hết thảy mọi thứ, với từng thứ được phân theo loại, và được phân công vị trí riêng của chúng, theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Dù vĩ đại đến đâu, thì cũng không điều gì có thể vượt qua Đức Chúa Trời, muôn vật đều phục vụ cho nhân loại được dựng nên bởi Đức Chúa Trời, và không thứ gì dám bất tuân với Đức Chúa Trời hay đưa ra bất kỳ đòi hỏi nào đối với Đức Chúa Trời. Vì vậy, con người, là một loài thọ tạo của Đức Chúa Trời, cũng phải thực hiện bổn phận của con người. Bất kể họ là chúa tể hay người chăm nom mọi thứ, bất kể địa vị của con người cao đến đâu giữa muôn vật, thì họ vẫn chỉ là con người nhỏ bé dưới sự thống trị của Đức Chúa Trời, và chỉ là một con người tầm thường không hơn, một loài thọ tạo của Đức Chúa Trời, và họ sẽ không bao giờ cao hơn Đức Chúa Trời được. Là một loài thọ tạo của Đức Chúa Trời, con người phải cố gắng thực hiện bổn phận của một loài thọ tạo của Đức Chúa Trời, và tìm kiếm tình yêu dành cho Đức Chúa Trời mà không có lựa chọn khác, vì Đức Chúa Trời xứng đáng với tình yêu của con người. Những ai tìm kiếm tình yêu dành cho Đức Chúa Trời không nên tìm kiếm bất kỳ lợi ích cá nhân nào hoặc những điều cá nhân họ ao ước; đây là cách theo đuổi đúng đắn nhất. Nếu những gì người tìm kiếm là lẽ thật, nếu những gì người đưa vào thực hành là lẽ thật, và nếu những gì người đạt được là một sự thay đổi trong tâm tính của mình, thì con đường người bước đi là con đường đúng. Nếu những gì người tìm kiếm là những phước lành của xác thịt, những gì người đưa vào thực hành là lẽ thật theo quan niệm của riêng người, và nếu không có sự thay đổi nào trong tâm tính của người, người không hề vâng lời Đức Chúa Trời trong xác thịt, và người vẫn sống trong sự mơ hồ, thì những gì người tìm kiếm chắc chắn sẽ đưa người xuống địa ngục, vì con đường người đi là con đường thất bại. Việc người sẽ được làm cho hoàn thiện hay bị loại bỏ tùy thuộc vào sự theo đuổi của chính người, điều đó cũng có nghĩa là thành công hay thất bại phụ thuộc vào con đường mà con người đi.

Công tác của Đức Chúa Trời và công việc của con người

Trong công việc của con người có bao nhiêu phần là công tác của Đức Thánh Linh và bao nhiêu phần là trải nghiệm của con người? Có thể nói mọi người vẫn chưa hiểu được những vấn đề này, và lí do cho việc đó là họ không hiểu được các nguyên tắc công tác của Đức Thánh Linh. Khi Ta nói “công việc của con người”, dĩ nhiên Ta đang nói đến công việc của những người có được công tác của Đức Thánh Linh, hay những người được Đức Thánh Linh sử dụng. Ta không nói đến công việc xuất phát từ ý muốn của con người, mà là công tác của các sứ đồ, cộng sự, hay những anh chị em bình thường trong phạm vi công tác của Đức Thánh Linh. Ở đây, “công việc của con người” không ám chỉ công tác của Đức Chúa Trời nhập thể, mà nói đến phạm vi và nguyên tắc của công tác Đức Thánh Linh thực hiện trên con người. Mặc dù những nguyên tắc này là những nguyên tắc và phạm vi công tác của Đức Thánh Linh, chúng không giống như các nguyên tắc và phạm vi công tác của Đức Chúa Trời nhập thể. Công việc của con người có thực chất và nguyên tắc của con người, còn công tác của Đức Chúa Trời có thực chất và nguyên tắc của Đức Chúa Trời.

Công tác trong dòng chảy của Đức Thánh Linh, bất kể là công tác của riêng Đức Chúa Trời hay công việc của những người được sử dụng, thì vẫn là công tác của Đức Thánh Linh. Thực chất của chính Đức Chúa Trời là Thần, có thể gọi là Đức Thánh Linh hay Thần uy lực gấp bảy lần. Nói chung, Họ đều là Thần của Đức Chúa Trời, cho dù Thần của Đức Chúa Trời đã được gọi bằng các danh xưng khác nhau trong các thời đại khác nhau. Thực chất của Họ vẫn là một. Vì thế, công tác của chính Đức Chúa Trời là công tác của Đức Thánh Linh, trong khi công tác của Đức Chúa Trời nhập thể không gì khác hơn là Đức Thánh Linh đang làm việc. Công tác của những người được sử dụng cũng là công tác của Đức Thánh Linh. Tuy nhiên, công tác của Đức Chúa Trời là sự bày tỏ trọn vẹn của Đức Thánh Linh, điều tuyệt đối đúng, trong khi công việc của những người được sử dụng thì bị lẫn lộn với nhiều thứ của con người, và không phải là sự bày tỏ trực tiếp của Đức Thánh Linh, hướng hồ là sự bày tỏ trọn vẹn của Ngài. Công tác của Đức Thánh Linh đa dạng và không bị giới hạn bởi bất cứ điều kiện gì. Công tác của Đức Thánh Linh biến đổi ở những người khác nhau; thể hiện các bản chất khác nhau, và khác nhau theo thời đại, cũng như theo quốc gia. Dĩ nhiên, mặc dù Đức Thánh Linh làm việc bằng nhiều phương cách khác nhau và theo nhiều nguyên tắc, nhưng bất kể công tác được thực hiện như thế nào hay trên loại người nào, thì bản chất của nó luôn khác nhau; tất cả

những công tác được thực hiện trên những người khác nhau đều có nguyên tắc của chúng, và hết thảy đều có thể đại diện cho bản chất đối tượng của chúng. Đó là bởi công tác của Đức Thánh Linh khá cụ thể về phạm vi và khá cân nhắc. Công tác được thực hiện trong xác thịt nhập thể không giống như công tác được thực hiện trên con người, và công tác cũng biến đổi theo tổ chất của người mà nó được tiến hành. Công tác thực hiện trong xác thịt nhập thể thì không được thực hiện trên con người, và nó không phải là cùng công tác được thực hiện trên con người. Nói tóm lại, bất kể được làm như thế nào, công tác được thực hiện trên những đối tượng khác nhau thì không bao giờ giống nhau, và các nguyên tắc Ngài làm việc thay đổi theo tình trạng và bản tính của những người khác nhau mà Ngài làm việc. Đức Thánh Linh làm việc trên những người khác nhau dựa trên thực chất vốn có của họ và không đòi hỏi ở họ nhiều hơn thực chất đó, Ngài cũng không làm công tác trên họ vượt quá tổ chất vốn có của họ. Vì vậy, công tác của Đức Thánh Linh trên con người cho phép mọi người thấy được bản chất của đối tượng công tác đó. Bản chất vốn có của con người không thay đổi; tổ chất vốn có của họ thì hạn chế. Đức Thánh Linh sử dụng con người hay làm việc trên họ phù hợp với những hạn chế trong tổ chất của họ, hầu cho họ có thể được lợi từ việc đó. Khi Đức Thánh Linh làm việc trên những người được sử dụng, tài năng và tổ chất vốn có của những người đó được giải phóng, không bị kìm hãm. Tổ chất vốn có của họ được phát huy trong việc phụng sự cho công tác. Có thể nói rằng Ngài sử dụng những phần của con người mà có thể sử dụng được trong công tác của Ngài, nhằm đạt được kết quả trong công tác đó. Ngược lại, công tác được thực hiện trong xác thịt nhập thể thì trực tiếp thể hiện công tác của Thần và không bị pha trộn với tâm trí và những suy nghĩ của con người; những ân tứ, kinh nghiệm hay trạng thái bẩm sinh của con người đều không thể đạt được việc đó. Hết thảy vô vàn công tác của Đức Thánh Linh đều là để làm lợi và khai trí cho con người. Tuy nhiên, một số người có thể được hoàn thiện trong khi những người khác không sở hữu những điều kiện để được hoàn thiện, có nghĩa là họ không thể được hoàn thiện và khó có thể được cứu rỗi, và cho dù họ có thể đã có công tác của Đức Thánh Linh, thì cuối cùng họ cũng bị loại bỏ. Điều này có nghĩa là mặc dù công tác của Đức Thánh Linh là khai trí cho mọi người, thì cũng không thể nói rằng tất cả những ai có được công tác của Đức Thánh Linh đều sẽ được hoàn thiện trọn vẹn, bởi vì con đường mà nhiều người đi theo trong sự theo đuổi của họ chẳng phải là con đường để được hoàn thiện. Họ chỉ có phần việc đơn phương của Đức Thánh Linh, mà không có sự hợp tác chủ quan từ phía con người hay sự theo đuổi đúng đắn của con người. Do vậy, công tác của Đức Thánh Linh trên những người này thành ra phục vụ cho những người đang được hoàn thiện. Công tác của Đức Thánh Linh

không thể trực tiếp nhìn thấy được bởi mọi người, cũng không thể trực tiếp chạm vào được bởi chính mọi người. Nó chỉ có thể được biểu lộ bởi những ai có ân tứ làm việc, có nghĩa là công tác của Đức Thánh Linh được cung cấp cho các môn đệ thông qua những biểu lộ mà mọi người thể hiện.

Công tác của Đức Thánh Linh được thực hiện và hoàn thành thông qua nhiều kiểu người và nhiều điều kiện khác nhau. Mặc dù công tác của Đức Chúa Trời nhập thể có thể đại diện cho công tác của cả một thời đại, và có thể đại diện cho sự bước vào của con người trong cả một thời đại, nhưng công việc về chi tiết sự bước vào của mọi người vẫn cần được thực hiện bởi những người được Đức Thánh Linh sử dụng, chứ không phải bởi Đức Chúa Trời nhập thể. Vì thế, công tác của Đức Chúa Trời, hay chức vụ riêng của Đức Chúa Trời, là công tác của xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời, mà con người không thể làm thay Ngài. Công tác của Đức Thánh Linh được hoàn tất thông qua nhiều kiểu người khác nhau; không một người nào có thể đạt được hoàn toàn, và không một người nào có thể bày tỏ trọn vẹn. Những người lãnh đạo các hội thánh cũng không thể đại diện đầy đủ cho công tác của Đức Thánh Linh; họ chỉ có thể làm một số công việc lãnh đạo. Công tác của Đức Thánh Linh vì thế có thể được chia thành ba phần: công tác của chính Đức Chúa Trời, công tác của những người được sử dụng, và công tác được thực hiện trên những người trong dòng chảy của Đức Thánh Linh. Công tác của chính Đức Chúa Trời là dẫn dắt toàn bộ thời đại; công việc của những người được sử dụng là thông qua việc được sai phái hay được giao ủy nhiệm sau khi Đức Chúa Trời đã thực hiện công tác của chính Ngài, mà dẫn dắt toàn bộ các môn đệ của Đức Chúa Trời, và đây là những người hợp tác với công tác của Đức Chúa Trời; công tác được Đức Thánh Linh thực hiện trên những người trong dòng chảy là duy trì mọi công tác của chính Ngài, có nghĩa là duy trì toàn bộ sự quản lý của Ngài và lời chứng của Ngài, trong khi đồng thời hoàn thiện những ai có thể được hoàn thiện. Kết hợp lại, ba phần này là toàn bộ công tác của Đức Thánh Linh, nhưng nếu không có công tác của chính Đức Chúa Trời, thì công tác quản lý sẽ bị đình trệ toàn bộ. Công tác của chính Đức Chúa Trời bao gồm công việc của toàn nhân loại, và nó cũng đại diện cho công tác của cả một thời đại, có nghĩa là công tác của riêng Đức Chúa Trời đại diện cho mọi động lực và khuynh hướng trong công tác của Đức Thánh Linh, trong khi công tác của các sứ đồ thì đến sau công tác của riêng Đức Chúa Trời và bắt nguồn từ đó, chứ không dẫn dắt thời đại, cũng không đại diện cho những khuynh hướng công tác của Đức Thánh Linh trong cả thời đại. Họ chỉ thực hiện công việc mà con người phải làm, hoàn toàn không có gì liên quan đến công tác quản lý. Công tác chính Đức Chúa Trời thực hiện là một công trình trong phạm vi công tác quản lý. Công việc của con người chỉ là bổn

phận mà những người được sử dụng thực hiện, và không liên quan đến công tác quản lý. Mặc dù chúng đều là công tác của Đức Thánh Linh, nhưng do những khác biệt trong thân phận và sự đại diện của công tác, nên có những khác biệt rõ ràng về thực chất giữa công tác của chính Đức Chúa Trời và công việc của con người. Hơn nữa, phạm vi công tác được Đức Thánh Linh thực hiện thì khác nhau trên các đối tượng mang thân phận khác nhau. Đây là các nguyên tắc và phạm vi công tác của Đức Thánh Linh.

Công việc của con người biểu thị kinh nghiệm và nhân tính của họ. Những gì con người cung cấp và công việc họ thực hiện đại diện cho họ. Mọi sự thông sáng, lý luận, lô-gic và óc tưởng tượng phong phú của con người đều chứa đựng trong công việc của họ. Kinh nghiệm của con người đặc biệt có thể biểu thị công việc của họ, và những kinh nghiệm của một người trở thành những hợp phần trong công việc của họ. Công việc của con người có thể biểu lộ kinh nghiệm của họ. Khi một số người trải nghiệm một cách tiêu cực, thì hầu hết ngôn ngữ thông công của họ sẽ gồm những yếu tố tiêu cực. Nếu trải nghiệm của họ trong một thời gian là tích cực và họ đặc biệt có một con đường trên phương diện tích cực, thì sự thông công của họ đầy khích lệ, và mọi người có thể nhận được những sự cung cấp tích cực từ họ. Nếu một cộng sự trở nên tiêu cực trong một thời gian, thì sự thông công của người đó sẽ luôn mang các yếu tố tiêu cực. Loại thông công này gây chán nản, và những người khác sẽ vô thức trở nên buồn chán sau mỗi thông công của người đó. Trạng thái của các môn đệ thay đổi dựa theo trạng thái của người dẫn dắt. Bất kể một cộng sự như thế nào bên trong, thì đó là những gì người đó bày tỏ, và công tác của Đức Thánh Linh thường thay đổi theo tình trạng của con người. Ngài làm việc tùy theo kinh nghiệm của con người và không ép buộc họ, mà đưa ra những yêu cầu cho con người tùy theo quá trình trải nghiệm bình thường của họ. Điều này có nghĩa là sự thông công của con người khác với lời Đức Chúa Trời. Những gì mọi người thông công truyền tải những sự thông sáng và kinh nghiệm cá nhân của họ, bày tỏ những sự thông sáng và kinh nghiệm của họ trên cơ sở công tác của Đức Chúa Trời. Trách nhiệm của họ là phải tìm ra được, sau khi Đức Chúa Trời làm việc hay phán dạy, những gì trong đó mà họ phải thực hành hay bước vào, và sau đó truyền đạt lại cho các môn đệ. Do đó, công việc của con người đại diện cho sự bước vào và thực hành của họ. Dĩ nhiên, những công việc như thế này bị pha trộn với những bài học và kinh nghiệm của con người hoặc một số tư tưởng của họ. Bất kể Đức Thánh Linh làm việc như thế nào, dù là trên con người hay trong Đức Chúa Trời nhập thể, thì những cộng sự luôn bày tỏ họ là gì. Mặc dù chính là Đức Thánh Linh làm việc, nhưng công việc được đặt trên cơ sở những gì con người vốn có, bởi vì Đức Thánh Linh không

làm việc gì mà không có cơ sở. Nói cách khác, công việc không đến từ hư vô, mà luôn được thực hiện phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế. Chỉ bằng cách này, tâm tính của con người mới có thể được chuyển hóa và những quan niệm cùng tư tưởng cũ kỹ của họ mới có thể được thay đổi. Những gì con người bày tỏ là những gì họ nhìn thấy, cảm nghiệm, có thể tưởng tượng, và có thể đạt được bằng suy nghĩ của con người, cho dù đó có là học thuyết hay những quan niệm. Công việc của con người không thể vượt quá phạm vi kinh nghiệm của con người, những gì con người thấy, những gì con người có thể tưởng tượng hay nghĩ ra, bất kể quy mô của công việc đó thế nào. Tất cả những gì Đức Chúa Trời bày tỏ là những gì về chính Ngài, và điều này không thể đạt được bởi con người – nghĩa là vượt quá tầm suy nghĩ của con người. Ngài bày tỏ công tác dẫn dắt toàn nhân loại của Ngài, và điều này không liên quan đến các chi tiết trong kinh nghiệm của con người, mà thay vào đó, liên quan đến kế hoạch quản lý của riêng Ngài. Những gì con người bày tỏ là kinh nghiệm của họ, trong khi những gì Đức Chúa Trời bày tỏ là hữu thể của Ngài, đó là tâm tính cố hữu của Ngài, vượt tầm con người. Kinh nghiệm của con người là sự thông sáng và kiến thức có được dựa trên sự bày tỏ của Đức Chúa Trời về hữu thể của Ngài. Sự thông sáng và kiến thức như thế gọi là hữu thể của con người, và cơ sở cho sự bày tỏ chúng là tâm tính và tổ chất vốn có của con người – đây là lí do vì sao chúng cũng được gọi là hữu thể của con người. Con người có thể thông công những gì họ trải nghiệm và nhìn thấy. Không ai có thể thông công những gì họ chưa từng trải nghiệm, chưa từng nhìn thấy, hay tư duy của họ không thể đạt tới, những thứ họ không có bên trong mình. Nếu những gì con người bày tỏ không phải từ kinh nghiệm của họ, thì đó là trí tưởng tượng của họ hoặc là giáo lý. Nói đơn giản là không có hiện thực trong lời họ. Nếu người chưa từng tiếp xúc với những thứ trong xã hội, thì người không thể nào thông công rõ ràng về các mối quan hệ xã hội phức tạp. Nếu người không có gia đình mà người khác lại nói về những chuyện gia đình, thì người sẽ không hiểu phần lớn những gì họ nói. Vì thế, những gì con người thông công và công việc họ làm đại diện cho hữu thể nội tại của họ. Nếu ai đó thông công sự hiểu biết của họ về hình phạt và sự phán xét, nhưng người lại không có kinh nghiệm về điều đó, thì người sẽ không dám phủ nhận hiểu biết của họ, càng không dám chắc một trăm phần trăm về nó. Đó là bởi sự thông công của họ là về thứ người chưa từng trải nghiệm, thứ người chưa từng biết đến, và tâm trí người không thể mường tượng ra được. Từ hiểu biết của họ, tất cả những gì người có thể thu được là một con đường trải qua hình phạt và sự phán xét trong tương lai. Nhưng con đường này chỉ có thể là một trong những kiến thức giáo lý; nó không thể thay thế cho hiểu biết của chính người, càng không thể thay thế cho kinh nghiệm của người. Có lẽ người

nghĩ rằng những gì họ nói khá đúng, nhưng trong trải nghiệm của bản thân, người nhận thấy chúng phi thực tế trong nhiều mặt. Có lẽ người cảm thấy một số điều mình nghe được là hoàn toàn phi thực tế; người chấp chứa những quan niệm về chúng tại thời điểm đó, và mặc dù người chấp nhận chúng, người chỉ làm vậy một cách miễn cưỡng. Nhưng trong trải nghiệm của bản thân người, những kiến thức tạo nên các quan niệm trong người trở thành đường lối thực hành của người, và càng thực hành, người càng hiểu nhiều hơn về giá trị và ý nghĩa thật sự của những lời người nghe được. Sau khi đã có kinh nghiệm của chính mình, người lúc đó mới có thể nói về những kiến thức người cần có về những gì người vừa trải nghiệm. Thêm vào đó, người còn có thể phân biệt được những người có kiến thức thật sự và thực tế với những người mà kiến thức chỉ dựa trên giáo lý và vô giá trị. Vì thế, liệu kiến thức mà người nói có đúng theo lẽ thật hay không phần lớn phụ thuộc vào việc liệu người có kinh nghiệm thực tế về điều đó hay không. Một khi có lẽ thật trong kinh nghiệm của người, thì kiến thức của người sẽ thực tế và có giá trị. Thông qua trải nghiệm của mình, người còn có thể đạt được sự sáng suốt và thông sáng, đào sâu kiến thức của mình, và tăng cường sự khôn ngoan cũng như óc suy xét về cách người nên hành xử. Những kiến thức được bày tỏ bởi những người không sở hữu lẽ thật chỉ là giáo lý, cho dù nó có thể cao xa đến đâu. Kiểu người này cũng có thể rất thông minh khi bàn đến các vấn đề xác thịt, nhưng không thể rạch ròi khi nói về các vấn đề thuộc linh. Đó là bởi những người như thế không có một chút kinh nghiệm gì về các vấn đề thuộc linh. Đây là những người không được khai sáng về các vấn đề thuộc linh và không hiểu những việc tâm linh. Bất kể loại kiến thức nào người bày tỏ, miễn kiến thức đó là hữu thể của người, thì đó là kinh nghiệm cá nhân của người, kiến thức thật sự của người. Những gì được thảo luận bởi những người chỉ nói về giáo lý – những người không sở hữu lẽ thật hay hiện thực – thì cũng có thể gọi là hữu thể của họ, bởi vì họ đã đạt được giáo lý của mình chỉ thông qua sự suy ngẫm sâu sắc, và đó là kết quả từ sự chiêm nghiệm sâu sắc của họ. Thế nhưng, đó cũng chỉ là giáo lý, là sự tưởng tượng không hơn! Kinh nghiệm của hết thảy mọi kiểu người đều đại diện cho những điều bên trong họ. Bất cứ ai không có kinh nghiệm thuộc linh thì không thể nói những kiến thức về lẽ thật, hoặc kiến thức đúng đắn về những vấn đề thuộc linh khác nhau. Những gì con người bày tỏ là những gì về họ bên trong – điều này là chắc chắn. Nếu ai đó muốn có được kiến thức về những vấn đề thuộc linh và lẽ thật, thì họ phải có kinh nghiệm thực tế. Nếu người không thể nói rõ ràng về lẽ thường trong đời sống con người, thì làm sao người nói được về các vấn đề thuộc linh? Những người có thể dẫn dắt các hội thánh, cung cấp sự sống cho mọi người, và làm sứ đồ cho mọi người, thì phải có kinh nghiệm thực tế; họ phải có hiểu biết

đúng đắn về các vấn đề thuộc linh, cùng một nhận thức đúng đắn và kinh nghiệm về lẽ thật. Chỉ những người như thế mới đủ tư cách làm người làm công hay sứ đồ dẫn dắt các hội thánh. Nếu không, họ chỉ có thể theo sau như những người thấp kém nhất và không thể dẫn dắt, càng không thể là những sứ đồ có thể cung cấp sự sống cho mọi người. Đó là bởi chức năng của các sứ đồ không phải là chạy tắt bật hay đấu tranh, mà là làm công tác chăm sóc sự sống và dẫn dắt người khác trong việc chuyển hóa tâm tính của họ. Những ai thực hiện chức năng này được ủy thác để gánh vác một trọng trách, điều không phải ai cũng có thể gánh vác. Loại công việc này chỉ có thể được đảm nhận bởi những người có sự sống, có nghĩa là những người có trải nghiệm về lẽ thật. Nó không thể được đảm nhận đơn thuần bởi bất kỳ ai có thể từ bỏ, có thể chạy tắt bật, hay sẵn lòng dâng trọn bản thân; những người không có trải nghiệm về lẽ thật, chưa được tĩa sửa hay phán xét, thì không thể làm loại công việc này. Những người không có kinh nghiệm, tức là những người không có hiện thực, thì không thể nhìn thấy hiện thực một cách rõ ràng, bởi vì bản thân họ không có dạng hữu thể này. Vì vậy, kiểu người này không những không có khả năng làm công việc dẫn dắt, mà sẽ trở thành đối tượng bị loại bỏ nếu họ vẫn không có được lẽ thật trong một thời gian dài. Sự thông sáng người bày tỏ có thể là minh chứng cho những gian khổ người đã trải qua trong cuộc sống, những điều mà vì đó người đã bị hành phạt và những vấn đề mà vì đó người đã bị phán xét. Điều này cũng đúng đối với những sự thử luyện: một người được tinh luyện ở điểm nào, một người yếu kém ở điểm nào – thì đó đều là những lĩnh vực mà họ có trải nghiệm, mà họ có con đường. Chẳng hạn, nếu ai đó bị thất vọng trong hôn nhân, họ sẽ thường xuyên thông công: “Tạ ơn Đức Chúa Trời, ngợi khen Đức Chúa Trời, con phải làm thỏa mong muốn trong lòng Đức Chúa Trời, dâng hiến cả sự sống của con, và con phải đặt trọn cuộc hôn nhân của mình vào tay Đức Chúa Trời. Con sẵn lòng thề nguyện dâng cả cuộc đời con cho Đức Chúa Trời”. Tất cả mọi thứ bên trong con người đều có thể biểu lộ những gì về họ thông qua sự thông công. Tốc độ nói của một người, họ nói to hay nhỏ – những vấn đề như vậy không phải là vấn đề về kinh nghiệm và không thể đại diện cho họ có gì và là gì. Những điều này chỉ có thể nói lên tính cách của một người là tốt hay xấu, hay bản tính của họ tốt hay xấu, nhưng chúng không thể được đánh đồng với việc ai đó có kinh nghiệm hay không. Khả năng bày tỏ bản thân khi nói, hay kỹ năng hoặc tốc độ nói, chỉ là vấn đề tập luyện và không thể thay thế cho kinh nghiệm của một người. Khi người nói về những trải nghiệm cá nhân của mình, người thông công những gì mình thấy quan trọng và tất cả những điều bên trong mình. Lời nói của Ta đại diện cho hữu thể của Ta, nhưng những gì Ta nói vượt tầm con người. Những gì Ta nói không phải là những gì con

người trải nghiệm, và không phải là thứ con người có thể nhìn thấy, cũng chẳng phải thứ con người có thể chạm vào, mà là những gì về Ta. Một số người chỉ thừa nhận những gì Ta thông công là những gì Ta đã trải nghiệm, nhưng họ không nhận ra đó là sự bày tỏ trực tiếp của Thần. Dĩ nhiên, những gì Ta nói là những gì Ta đã trải nghiệm. Chính Ta đã thực hiện công tác quản lý trong sáu ngàn năm. Ta đã trải nghiệm mọi thứ từ buổi đầu tạo dựng nhân loại cho đến nay; làm sao Ta không thể thảo luận về điều đó được? Khi nói về bản tính con người, Ta đã thấy rõ; Ta đã quan sát nó từ lâu. Làm sao Ta không thể nói rõ về nó được? Vì Ta đã thấy rõ bản chất của con người, nên Ta đủ tư cách để hành phạt con người và phán xét họ, bởi vì hết thảy con người đều đến từ Ta nhưng đã bị Sa-tan làm cho bại hoại. Dĩ nhiên, Ta cũng đủ tư cách để đánh giá công tác Ta đã thực hiện. Mặc dù công tác này không được thực hiện bởi xác thịt của Ta, nhưng đó là sự bày tỏ trực tiếp của Thần, là những gì Ta có và những gì về Ta. Vì thế, Ta đủ tư cách để bày tỏ về điều đó và làm công việc Ta phải làm. Những gì mọi người nói là những gì họ đã trải nghiệm. Đó là những gì họ đã nhìn thấy, những gì tâm trí của họ có thể đạt tới, và những gì các giác quan của họ có thể cảm nhận được. Đó là những gì họ có thể thông công. Những lời do xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời phán là sự bày tỏ trực tiếp của Thần và chúng bày tỏ về công tác đã được thực hiện bởi Thần, điều mà xác thịt chưa từng trải nghiệm hay nhìn thấy, thế nhưng Ngài vẫn bày tỏ hữu thể của Ngài, bởi vì thực chất của xác thịt là Thần, và Ngài bày tỏ công tác của Thần. Đó là công tác đã được Thần thực hiện, mặc dù nó vượt tầm xác thịt. Sau khi nhập thể, thông qua sự bày tỏ của xác thịt, Ngài khiến mọi người có thể biết được hữu thể của Đức Chúa Trời và cho phép mọi người thấy được tâm tính của Đức Chúa Trời và công tác Ngài đã làm. Công việc của con người cho mọi người sự rõ ràng hơn về những gì họ nên bước vào và những gì họ nên hiểu; nó liên quan đến việc dẫn dắt mọi người hiểu và trải nghiệm lẽ thật. Công việc của con người là hỗ trợ mọi người; công tác của Đức Chúa Trời là mở ra những con đường mới và những kỷ nguyên mới cho nhân loại, và mặc khải cho con người những điều người phàm không hay biết, giúp họ biết được tâm tính của Ngài. Công tác của Đức Chúa Trời là dẫn dắt toàn bộ nhân loại.

Hết thảy công tác của Đức Thánh Linh đều được thực hiện để làm lợi lạc cho con người. Tất cả là để khai trí cho con người; chẳng có công tác nào không làm lợi cho con người. Bất kể lẽ thật sâu hay nông, và bất kể tố chất của những người chấp nhận lẽ thật ra sao, bất kể Đức Thánh Linh làm gì, thì điều đó đều có lợi cho con người. Nhưng công tác của Đức Thánh Linh không thể được thực hiện trực tiếp, mà phải được thể hiện thông qua những người hợp tác với Ngài. Chỉ như vậy, công tác của Đức Thánh Linh mới đạt được kết quả. Dĩ nhiên, khi Đức Thánh Linh trực tiếp

làm việc, nó không hề bị pha tạp; nhưng khi Đức Thánh Linh làm việc thông qua con người, nó trở nên rất ô tạp và không còn là công tác ban đầu của Đức Thánh Linh. Vì vậy, lẽ thật thay đổi ở những mức độ khác nhau. Các môn đệ không nhận được ý định ban đầu của Đức Thánh Linh mà là sự kết hợp giữa công tác của Đức Thánh Linh và kinh nghiệm cùng kiến thức của con người. Trong những gì các môn đệ nhận lãnh, phần là công tác của Đức Thánh Linh thì đúng đắn, trong khi kinh nghiệm và kiến thức của con người mà họ nhận lãnh được thì khác nhau vì những cộng sự khác nhau. Những cộng sự có được sự khai sáng và chỉ dẫn của Đức Thánh Linh sẽ tiếp tục có những trải nghiệm dựa trên sự khai sáng và chỉ dẫn này. Bên trong những trải nghiệm này là trí tuệ và kinh nghiệm của con người kết hợp lại, cũng như là hữu thể của nhân tính, và sau đó, họ đạt được kiến thức hay sự thông sáng mà họ cần có. Đây là đường lối thực hành của con người sau khi trải nghiệm lẽ thật. Lối thực hành này không phải luôn luôn giống nhau, bởi vì con người trải nghiệm khác nhau, và những điều mà con người trải nghiệm cũng khác nhau. Theo cách này, cùng một sự khai sáng của Đức Thánh Linh cho ra những kiến thức và sự thực hành khác nhau, bởi những người nhận lãnh sự khai sáng là khác nhau. Một số người mắc những lỗi nhỏ trong lúc thực hành, trong khi một số khác mắc lỗi lớn, còn một số thì chẳng làm được gì khác ngoài mắc lỗi. Điều này là bởi khả năng hiểu biết của con người khác nhau và cũng bởi tố chất vốn có của họ khác nhau. Một số người hiểu kiểu này sau khi nghe một thông điệp, còn một số người hiểu kiểu khác sau khi nghe một lẽ thật. Một số người hơi trạch hướng, trong khi một số thì chẳng hiểu chút gì về ý nghĩa thật sự của lẽ thật. Bởi thế, sự hiểu biết của một người quyết định người đó sẽ dẫn dắt người khác như thế nào; điều này hoàn toàn đúng, bởi vì công việc của một người đơn giản là sự thể hiện hữu thể của người đó. Những người được dẫn dắt bởi những ai có hiểu biết đúng đắn về lẽ thật thì cũng sẽ có hiểu biết đúng đắn về lẽ thật. Ngay cả khi có những người hiểu sai, thì cũng chỉ có một số rất ít như vậy, và không phải mọi người đều sai lầm. Nếu một người hiểu sai về lẽ thật, thì những người theo họ chắc chắn cũng sẽ bị sai, và những người này sẽ sai lạc trong mọi phương diện. Mức độ hiểu lẽ thật của những môn đệ phần lớn phụ thuộc vào những cộng sự. Dĩ nhiên, lẽ thật từ Đức Chúa Trời là đúng, không sai sót, và chắc chắn tuyệt đối. Nhưng những cộng sự thì không hoàn toàn đúng và không thể nói là hoàn toàn đáng tin cậy. Nếu những cộng sự có một phương cách rất thực tế trong việc đưa lẽ thật vào thực hành, thì những môn đệ cũng sẽ có được một cách thực hành. Nếu những cộng sự không có một phương cách thực hành lẽ thật mà chỉ có giáo lý, thì những môn đệ sẽ không có hiện thực. Tố chất và bản tính của các môn đệ được định đoạt bẩm sinh và không liên quan đến những cộng sự, nhưng

mức độ các môn đệ hiểu lẽ thật và biết Đức Chúa Trời lại phụ thuộc vào những cộng sự (điều này chỉ đúng với một số người). Bất kể một cộng sự như thế nào, những môn đệ mà người đó dẫn dắt cũng sẽ như thế ấy. Những gì một cộng sự thể hiện là hữu thể của chính người đó, không chút dè dặt. Những yêu cầu người đó đặt ra cho những người theo mình là những gì bản thân người đó sẵn sàng hoặc có thể đạt được. Hầu hết những cộng sự sử dụng những gì bản thân họ làm như một cơ sở để đưa ra yêu cầu cho các môn đệ của mình, dù có nhiều điều các môn đệ của họ không thể đạt được chút nào – và những điều một người không thể đạt được trở thành chướng ngại cho sự bước vào của họ.

Công việc của những người đã qua tẩy rửa, xử lý, phán xét và hình phạt có ít sai lệch hơn nhiều, và sự bày tỏ từ công việc của họ chính xác hơn nhiều. Những ai dựa vào tính cách tự nhiên của mình để làm việc thì mắc phải những sai lầm khá lớn. Công việc của những người chưa được hoàn thiện thể hiện quá nhiều tính cách tự nhiên của bản thân họ, gây trở ngại lớn cho công tác của Đức Thánh Linh. Cho dù tổ chất của một người tốt đến đâu, họ vẫn phải trải qua sự tẩy rửa, xử lý, và phán xét trước khi họ có thể thực hiện công việc được Đức Chúa Trời ủy nhiệm. Nếu họ chưa trải qua sự phán xét như thế, thì công việc của họ, cho dù có được thực hiện tốt đến đâu, cũng không thể phù hợp với các nguyên tắc của lẽ thật và luôn là một sản phẩm của tính cách tự nhiên và sự thiện lành của con người nơi chính bản thân họ. Công việc của những ai đã qua tẩy rửa, xử lý, và phán xét thì chính xác hơn nhiều so với công việc của những ai chưa được tẩy rửa, xử lý, và phán xét. Những ai chưa qua phán xét thì chẳng bày tỏ được gì ngoài xác thịt và những tư tưởng của con người, pha trộn với nhiều trí thông minh của con người và tài năng thiên bẩm. Đây không phải là sự bày tỏ chính xác của con người về công tác của Đức Chúa Trời. Những ai đi theo những người như vậy đến với họ bởi tổ chất bẩm sinh của họ. Bởi vì họ bày tỏ quá nhiều sự thông sáng và kinh nghiệm của con người, những điều gần như chẳng can hệ gì và lệch lạc quá xa so với ý định ban đầu của Đức Chúa Trời, nên công việc của kiểu người này không thể mang mọi người đến trước Đức Chúa Trời, mà thay vào đó, mang họ đến trước con người. Vì vậy, những ai chưa qua sự phán xét và hình phạt thì không đủ tư cách để thực hiện công việc được Đức Chúa Trời ủy nhiệm. Công việc của một cộng sự đủ tư cách có thể dẫn mọi người đến con đường đúng đắn và giúp họ bước sâu hơn vào lẽ thật. Công việc của người đó có thể đưa mọi người đến trước Đức Chúa Trời. Thêm vào đó, công việc người đó làm có thể biến đổi theo từng cá nhân và không bị trói buộc bởi các phép tắc, cho mọi người sự giải phóng và tự do, cũng như khả năng dần trưởng thành trong đời sống và bước sâu hơn vào lẽ thật. Công việc của một cộng sự không đủ tư cách thì

thiếu sót rất nhiều. Công việc của người đó thật xuẩn ngốc. Người đó chỉ có thể đưa mọi người vào quy củ, và những gì người đó đòi hỏi ở con người không biến đổi theo từng cá nhân; người đó không làm việc theo các nhu cầu thực tế của mọi người. Trong kiểu công việc này, có quá nhiều phép tắc và quá nhiều giáo lý, và nó không thể đưa con người vào hiện thực hay vào sự thực hành bình thường để trưởng thành trong đời sống. Nó chỉ có thể khiến con người bám lấy một vài phép tắc vô giá trị. Loại hướng dẫn như thế này chỉ có thể khiến mọi người lạc lối. Người đó dẫn dắt người trở nên giống như người đó; người đó có thể khiến người trở thành những gì người đó có và là. Để các môn đệ phân biệt liệu những người dẫn dắt có đủ tư cách hay không, bí quyết là nhìn vào đường lối họ dẫn dắt và kết quả công việc của họ, cũng như nhìn xem liệu các môn đệ có nhận lãnh được các nguyên tắc hợp với lẽ thật hay không và liệu họ có nhận lãnh được các đường lối thực hành phù hợp cho sự chuyển hóa của họ hay không. Người nên phân biệt giữa các công việc khác nhau của những kiểu người khác nhau; người không nên là một môn đệ ngốc nghếch. Điều này liên quan đến vấn đề bước vào của mọi người. Nếu người không có khả năng phân biệt được sự dẫn dắt của người nào là có đường lối và của người nào thì không, người sẽ dễ bị lừa gạt. Toàn bộ điều này đều ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của chính người. Có quá nhiều sự tự nhiên trong công việc của những người chưa được hoàn thiện; nó được pha trộn với quá nhiều ý muốn của con người. Hữu thể của họ là tính cách tự nhiên – những gì họ vốn sinh ra như vậy. Đó không phải sự sống sau khi đã được xử lý hay hiện thực sau khi đã được chuyển hóa. Làm sao một người như thế này có thể hỗ trợ những ai đang theo đuổi sự sống được? Sự sống mà con người có ban đầu là trí tuệ hoặc tài năng bẩm sinh của họ. Loại trí tuệ hay tài năng này khác xa với những yêu cầu chính xác của Đức Chúa Trời đối với con người. Nếu một người chưa được làm cho hoàn thiện và tâm tính bại hoại của người đó chưa được tẩy rửa và xử lý, thì sẽ có một khoảng cách lớn giữa những gì người đó bày tỏ và lẽ thật; những gì người đó bày tỏ sẽ bị pha trộn với những thứ mơ hồ, chẳng hạn như sự tưởng tượng và kinh nghiệm phiến diện của người đó. Hơn nữa, bất kể người đó làm việc như thế nào, mọi người vẫn cảm thấy không có một mục tiêu chung và không có lẽ thật phù hợp cho sự bước vào của tất cả mọi người. Phần lớn những gì được yêu cầu đối với mọi người đều nằm ngoài khả năng của họ, như thể lừa vịt lên cây. Đây là công việc của ý muốn con người. Bản tính bại hoại của con người, những tư tưởng, và quan niệm của họ xâm nhập mọi phần cơ thể họ. Con người bẩm sinh không có bản năng thực hành lẽ thật, cũng không có bản năng hiểu lẽ thật một cách trực tiếp. Cộng với tâm tính bại hoại của người đó – khi loại người với tính cách tự nhiên này làm việc, chẳng phải điều đó gây gián đoạn

sao? Nhưng một con người đã được hoàn thiện thì có kinh nghiệm về lẽ thật mà mọi người cần hiểu, và có hiểu biết về những tâm tính bại hoại của họ, để rồi những thứ mơ hồ và không thực trong công việc của người đó giảm dần, những sự pha tạp của con người trở nên ít hơn, và công việc cũng như sự phụng sự của người đó ngày càng tiến gần hơn tới những tiêu chuẩn Đức Chúa Trời yêu cầu. Vì thế, công việc của người đó đã bước vào thực tế của lẽ thật và cũng đã trở nên thiết thực. Những tư tưởng trong tâm trí con người đặc biệt cản trở công tác của Đức Thánh Linh. Con người có trí tưởng tượng phong phú cùng lô-gic hợp lý, và họ đã có kinh nghiệm xử lý vấn đề dày dạn. Nếu tất cả những khía cạnh này của con người không qua tĩa sửa và chấn chỉnh, thì chúng đều là những chướng ngại cho công việc. Vì thế, công việc của con người không thể đạt đến mức độ chính xác cao nhất, đặc biệt là công việc của những người chưa được hoàn thiện.

Công việc của con người nằm trong một phạm vi và bị hạn chế. Một người chỉ có thể làm công việc của một giai đoạn nhất định, và không thể làm công việc của cả một thời đại – nếu không, người đó sẽ dẫn dắt mọi người vào giữa các phép tắc. Công việc của con người chỉ có thể áp dụng cho một thời gian hoặc một giai đoạn cụ thể. Đó là bởi kinh nghiệm của con người có phạm vi của nó. Công việc của con người không thể so sánh được với công tác của Đức Chúa Trời. Những đường lối thực hành và kiến thức của con người về lẽ thật đều khả dụng trong một phạm vi nhất định. Người không thể nói rằng con đường mà con người bước đi hoàn toàn là ý muốn của Đức Thánh Linh, bởi vì con người chỉ có thể được khai sáng bởi Đức Thánh Linh, và không thể hoàn toàn được đầy dẫy Đức Thánh Linh. Những thứ con người có thể trải nghiệm đều nằm trong phạm vi nhân tính bình thường và không thể vượt quá phạm vi của những tư tưởng trong tâm trí con người bình thường. Tất cả những người có thể sống trọn thực tế của lẽ thật đều trải nghiệm nội trong phạm vi này. Khi họ trải nghiệm lẽ thật, đó luôn là một trải nghiệm của đời sống con người bình thường được Đức Thánh Linh khai sáng; đó không phải một cách trải nghiệm lệch lạc với đời sống con người bình thường. Họ trải nghiệm lẽ thật được khai sáng bởi Đức Thánh Linh trên cơ sở sống cuộc sống con người của họ. Hơn nữa, lẽ thật này khác nhau ở mỗi người, và chiều sâu của nó liên quan đến trạng thái của người đó. Một người chỉ có thể nói rằng con đường họ đi là cuộc sống con người bình thường của một người theo đuổi lẽ thật, và có thể gọi là con đường được đi bởi một người bình thường được Đức Thánh Linh khai sáng. Một người không thể nói rằng con đường họ đi là con đường Đức Thánh Linh đi. Trong trải nghiệm bình thường của con người, bởi vì những người theo đuổi không giống nhau, nên công tác của Đức Thánh Linh cũng không giống nhau. Thêm vào đó, bởi vì môi trường con người

trải nghiệm và phạm vi trải nghiệm của họ không giống nhau, và bởi sự pha trộn của tâm trí và tư tưởng họ, nên trải nghiệm của họ bị pha trộn ở các mức độ khác nhau. Mỗi người hiểu về lẽ thật tùy theo điều kiện cá nhân khác nhau của họ. Hiểu biết của họ về ý nghĩa thật sự của lẽ thật không đầy đủ và chỉ là một hoặc một vài phương diện. Phạm vi lẽ thật mà con người trải nghiệm khác nhau ở mỗi người, phù hợp với điều kiện của mỗi người. Theo cách này, kiến thức về cùng một lẽ thật, được bày tỏ bởi những người khác nhau thì không giống nhau. Điều này có nghĩa là kinh nghiệm của con người luôn có những hạn chế và không thể đại diện trọn vẹn cho ý muốn của Đức Thánh Linh, cũng như không thể coi công việc của con người là công tác của Đức Chúa Trời, ngay cả khi những gì con người bày tỏ rất gần với ý muốn của Đức Chúa Trời, và ngay cả khi kinh nghiệm của con người rất gần với công tác hoàn thiện mà Đức Thánh Linh thực hiện. Con người chỉ có thể là tôi tớ của Đức Chúa Trời, thực hiện các công việc Đức Chúa Trời giao phó cho họ. Con người chỉ có thể bày tỏ kiến thức do Đức Thánh Linh khai sáng và những lẽ thật đạt được từ những trải nghiệm cá nhân của họ. Con người không đủ tư cách và không đáp ứng các điều kiện để làm phương tiện bày tỏ của Đức Thánh Linh. Họ không được quyền nói rằng công việc của họ là công tác của Đức Chúa Trời. Con người có các nguyên tắc làm việc của con người, và hết thảy mọi người đều có các kinh nghiệm khác nhau và các điều kiện khác nhau. Công việc của con người bao gồm toàn bộ kinh nghiệm của họ dưới sự khai sáng của Đức Thánh Linh. Những kinh nghiệm này chỉ có thể đại diện cho hữu thể của con người và không đại diện cho hữu thể của Đức Chúa Trời hay ý muốn của Đức Thánh Linh. Do đó, con đường mà con người đi không thể nói là con đường Đức Thánh Linh đi, bởi vì công việc của con người không thể đại diện cho công tác của Đức Chúa Trời, và công việc của con người cũng như kinh nghiệm của con người không phải là toàn bộ ý muốn của Đức Thánh Linh. Công việc của con người dễ rơi vào những phép tắc, phương pháp làm việc của họ dễ bị gò bó trong một phạm vi hạn chế, và không thể dẫn dắt mọi người đến một con đường tự do. Hầu hết các môn đệ đều sống trong một phạm vi giới hạn, và cách trải nghiệm của họ cũng bị hạn chế trong phạm vi đó. Kinh nghiệm của con người luôn hạn chế; phương pháp làm việc của họ cũng chỉ giới hạn trong một vài kiểu và không thể so sánh với công tác của Đức Thánh Linh hay công tác của chính Đức Chúa Trời. Điều này là bởi suy cho cùng, kinh nghiệm của con người cũng có hạn. Bất kể Đức Chúa Trời thực hiện công tác của Ngài như thế nào, nó cũng không bị bó buộc bởi các phép tắc; bất kể nó được thực hiện như thế nào cũng không bị giới hạn ở một phương pháp nào. Không có bất cứ phép tắc nào cho công tác của Đức Chúa Trời – mọi công tác của Ngài đều được giải phóng và tự do. Cho dù con

người có theo Ngài bao lâu, họ cũng không thể chất lọc được bất cứ quy luật nào chi phối cách làm việc của Đức Chúa Trời. Mặc dù công tác của Ngài có nguyên tắc, nhưng nó luôn được thực hiện theo những cách mới, luôn có những bước phát triển mới, và nó vượt tầm con người. Chỉ trong một thời kỳ, Đức Chúa Trời có thể có vài kiểu công tác khác nhau và những cách dẫn dắt con người khác nhau, khiến con người luôn có được những sự bước vào và những thay đổi mới mẻ. Người không thể nhận thấy quy luật trong công tác của Ngài bởi vì Ngài luôn làm việc theo những cách mới, và chỉ như vậy, những môn đệ của Đức Chúa Trời mới không trở nên bị bó buộc bởi phép tắc. Công tác của chính Đức Chúa Trời luôn tránh những quan niệm của con người và chống lại chúng. Chỉ những ai đi theo và theo đuổi Ngài với một tấm lòng chân thật mới có thể chuyển hóa được tâm tính của họ và có thể sống tự do, không phải chịu bất kỳ phép tắc nào, hay bị kìm hãm bởi bất kỳ các quan niệm tôn giáo nào. Công việc của con người đưa ra các đòi hỏi cho mọi người dựa trên kinh nghiệm của chính họ và những gì bản thân họ có thể đạt được. Tiêu chuẩn của những yêu cầu này bị giới hạn trong một phạm vi nhất định, và các phương cách thực hành cũng rất hạn chế. Những môn đệ vì vậy mà vô thức sống trong phạm vi giới hạn này; qua thời gian, những điều này trở thành các phép tắc và nghi thức. Nếu công việc của một giai đoạn được dẫn dắt bởi một người chưa từng trải qua sự hoàn thiện bởi đích thân Đức Chúa Trời và chưa nhận lãnh sự phán xét, thì những môn đệ của người đó hết thảy sẽ trở thành những người cuồng tín và những chuyên gia chống lại Đức Chúa Trời. Do đó, nếu ai đó là một người dẫn dắt đủ tư cách, thì người đó đã phải trải qua sự phán xét và đã chấp nhận được hoàn thiện. Những ai chưa từng trải qua sự phán xét, thì cho dù có thể có công tác của Đức Thánh Linh, họ cũng chỉ bày tỏ được những điều mơ hồ và hão huyền. Theo thời gian, họ sẽ dẫn dắt mọi người vào các phép tắc mơ hồ và siêu nhiên. Công việc Đức Chúa Trời thực hiện không hợp với xác thịt của con người. Nó không hợp với những tư tưởng của con người mà còn chống lại các quan niệm của họ; nó không bị nhuộm màu sắc tôn giáo mơ hồ. Các kết quả công tác của Đức Chúa Trời không thể được gạt hái bởi một người chưa được Ngài làm cho hoàn thiện; chúng vượt khỏi tầm tư duy của con người.

Công việc trong tâm trí con người quá dễ để con người đạt được. Các mục sư và lãnh đạo trong giới tôn giáo chẳng hạn, họ dựa vào những ân tứ và chức vụ để làm công việc của họ. Những người theo họ trong thời gian dài sẽ lấy những ân tứ của họ và chịu ảnh hưởng bởi một phần hữu thể của họ. Họ tập trung vào những ân tứ, khả năng và kiến thức của mọi người, và họ chú ý đến những thứ siêu nhiên và nhiều giáo lý thâm sâu phi thực tế (dĩ nhiên, những giáo lý thâm sâu này không thể

đạt được). Họ không tập trung vào việc thay đổi tâm tính mọi người, mà thay vào đó, tập trung vào huấn luyện mọi người giảng đạo và làm việc, nâng cao kiến thức của mọi người và các giáo lý tôn giáo phong phú của họ. Họ không tập trung vào việc tâm tính của mọi người đã được thay đổi bao nhiêu, hay mọi người hiểu được bao nhiêu về lẽ thật. Họ không quan tâm đến thực chất của mọi người, càng không cố gắng để biết được các trạng thái bình thường và bất thường của mọi người. Họ không phản đối các quan niệm của mọi người, hay tỏ lộ các quan niệm của họ, càng không tĩa sửa mọi người vì những khiếm khuyết hay sự bại hoại của họ. Hầu hết những người theo họ phục vụ vì ân tứ của họ, và tất cả những gì họ đưa ra là những quan niệm tôn giáo và lí thuyết thần học, những điều xa rời thực tế và hoàn toàn không thể trao sự sống cho mọi người. Thực ra, thực chất công việc của họ là ươm mầm tài năng, ươm mầm một người từ không có gì trở thành một cử nhân trường dòng tài năng, để sau này tiếp tục làm việc và lãnh đạo. Người có thể nhận ra được bất kỳ quy luật nào trong sáu ngàn năm công tác của Đức Chúa Trời không? Có nhiều phép tắc và hạn chế trong công việc con người làm, và bộ óc con người quá giáo điều. Vì vậy, những gì con người bày tỏ là kiến thức và những nhận thức trong phạm vi kinh nghiệm của họ. Con người không thể bày tỏ bất cứ điều gì ngoài những thứ này. Kinh nghiệm và kiến thức của con người không tăng lên nhờ những ân tứ bẩm sinh hay bản năng của họ; chúng tăng lên bởi sự hướng dẫn và chặn dất trực tiếp của Đức Chúa Trời. Con người chỉ có khả năng nhận lãnh sự chặn dất này và không có khả năng bày tỏ trực tiếp những gì thuộc về thần tính. Con người không thể là nguồn, họ chỉ có thể là một chiếc bình nhận nước từ nguồn. Đây là bản năng của con người, là khả năng một người cần có khi là một con người. Nếu một người đánh mất khả năng chấp nhận lời Đức Chúa Trời và đánh mất bản năng con người, thì người đó cũng mất đi điều quý giá nhất, và mất đi bổn phận của con người thọ tạo. Nếu một người không có kiến thức hay kinh nghiệm gì về lời Đức Chúa Trời hoặc công tác của Ngài, thì người đó đánh mất bổn phận của mình, bổn phận họ phải thực hiện với tư cách một loài thọ tạo, và đánh mất phẩm giá của một loài thọ tạo. Bản năng của Đức Chúa Trời chính là bày tỏ những gì thuộc về thần tính, dù được bày tỏ trong xác thịt hay trực tiếp bởi Thần; đây là chức vụ của Đức Chúa Trời. Con người bày tỏ những kinh nghiệm hoặc kiến thức của chính họ (nghĩa là bày tỏ những gì về họ) trong hoặc sau công tác của Đức Chúa Trời; đây là bản năng của con người, là bổn phận của con người, và là điều con người nên đạt được. Mặc dù sự bày tỏ của con người còn nhiều thiếu sót so với những gì Đức Chúa Trời bày tỏ, và mặc dù sự bày tỏ của con người bị bó buộc bởi nhiều phép tắc, nhưng con người vẫn phải thực hiện bổn phận họ phải thực hiện và làm những gì họ phải làm. Con

người nên làm mọi thứ có thể đối với con người để thực hiện bổn phận của mình, và họ không nên một chút dè dặt nào.

Sau nhiều năm làm việc, con người sẽ đúc kết được kinh nghiệm nhiều năm làm việc của mình, cũng như sự khôn ngoan và các phép tắc họ đã tích lũy được. Người làm việc lâu năm thì biết cách cảm nhận sự biến chuyển trong công tác của Đức Thánh Linh; người đó biết khi nào thì Đức Thánh Linh đang làm việc và khi nào thì không; người đó biết cách thông công trong khi đang mang trọng trách, và người đó nhận biết được trạng thái bình thường của công tác của Đức Thánh Linh và trạng thái phát triển bình thường trong đời sống của mọi người. Một người như vậy đã làm việc nhiều năm và biết về công tác của Đức Thánh Linh. Những người đã làm việc lâu năm thì nói năng chắc chắn và từ tốn; thậm chí khi không có gì để nói, họ vẫn điềm tĩnh. Bên trong, họ có thể tiếp tục cầu nguyện để tìm kiếm công tác của Đức Thánh Linh. Họ có kinh nghiệm làm việc. Một người đã làm việc lâu năm, người đã có nhiều kinh nghiệm và đã học nhiều bài học, thì có nhiều thứ bên trong cản trở công tác của Đức Thánh Linh; đây là một hạn chế khi người đó làm việc lâu năm. Một người vừa mới bắt đầu làm việc thì chưa bị pha tạp bởi những bài học hay kinh nghiệm của con người, và nhất là lúng túng về cách Đức Thánh Linh hoạt động. Tuy nhiên, trong quá trình làm việc, người đó dần học cảm nhận cách Đức Thánh Linh hoạt động, và trở nên nhận biết được những gì cần làm để có công tác của Đức Thánh Linh, những gì cần làm để đánh trúng yếu điểm của người khác, và những kiến thức chung khác mà những ai làm việc cần phải có. Qua thời gian, người đó bắt đầu biết như lòng bàn tay sự khôn ngoan và kiến thức chung như thế về cách làm việc, và dường như sử dụng những điều đó dễ dàng khi làm việc. Tuy nhiên, khi Đức Thánh Linh thay đổi cách Ngài làm việc, người đó vẫn bám lấy những kiến thức cùng quy tắc làm việc cũ của mình, và biết rất ít về những động lực mới trong công việc. Nhiều năm làm việc và có đầy đủ sự hiện diện cũng như sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh đã cho người đó ngày càng nhiều bài học về công việc và ngày càng nhiều kinh nghiệm. Những điều như thế khiến người đó tràn đầy tự tin mà không phải là kiêu ngạo. Nói cách khác, người đó khá hài lòng với công việc của chính mình và hài lòng với kiến thức chung mình đã đạt được về công tác của Đức Thánh Linh. Cụ thể, việc đạt được hoặc nhận ra được những thứ mà người khác chưa làm được đã cho người đó càng thêm tự tin vào bản thân mình; dường như công tác của Đức Thánh Linh bên trong người đó không thể nào bị dập tắt; trong khi những người khác không đủ tư cách cho sự biệt đãi này. Chỉ có những người dạng như người đó, những người đã làm việc nhiều năm và việc sử dụng họ có giá trị đáng kể, mới đủ tư cách để vui hưởng điều này. Những điều này trở thành một chướng ngại lớn để

người đó chấp nhận công tác mới của Đức Thánh Linh. Ngay cả khi người đó có thể chấp nhận công tác mới, thì cũng không thể làm vậy một sớm một chiều. Người đó chắc chắn phải trải qua vài trắc trở trước khi chấp nhận công tác đó. Tình huống này chỉ có thể được đảo ngược dần dần, sau khi những quan niệm cũ của người đó đã được xử lý và tâm tính cũ của người đó đã được phán xét. Nếu không trải qua các bước này, người đó sẽ không buông bỏ và không dễ chấp nhận những lời dạy và công tác mới mà không hợp với các quan niệm cũ của mình. Đây là điều khó xử lý nhất ở con người, và không dễ gì thay đổi được. Là một cộng sự, nếu người đó có thể vừa có được hiểu biết về công tác của Đức Thánh Linh, vừa đúc kết được về động lực của nó, và nếu người đó không thể bị hạn chế bởi kinh nghiệm làm việc của mình và có thể chấp nhận công việc mới xét trên công việc cũ, thì người đó là một cộng sự khôn ngoan và đủ tư cách. Mọi người thường như thế này: Họ làm việc vài năm mà vẫn không thể đúc kết được kinh nghiệm làm việc cho mình, hoặc sau khi đã đúc kết kinh nghiệm và sự khôn ngoan trong công việc, họ bị cản trở trong việc chấp nhận công việc mới, và không thể hiểu đúng hay xử lý thích hợp việc cũ và việc mới. Mọi người thật khó để đổi trị! Hầu hết các người đều như thế này. Những người đã trải nghiệm nhiều năm công tác của Đức Thánh Linh thấy khó chấp nhận công việc mới, và họ luôn chất chứa những quan niệm mà họ không thể gạt bỏ, trong khi đó một người vừa bắt đầu làm việc thì lại thiếu kiến thức chung về công việc, và thậm chí không biết cách xử lý một số vấn đề đơn giản nhất. Mọi người các người thật khó quá! Những kẻ có một ít thâm niên thì quá kiêu căng và tự phụ đến mức quên mất mình đến từ đâu. Họ luôn coi thường những người trẻ hơn, vậy mà họ không thể chấp nhận công việc mới và không thể buông bỏ các quan niệm mình đã tích lũy và nắm giữ qua nhiều năm. Mặc dù những người trẻ thiếu hiểu biết có thể chấp nhận một ít công tác mới của Đức Thánh Linh, và khá hăng hái, nhưng họ luôn trở nên rối bời và không biết phải làm gì khi có vấn đề. Họ hăng hái nhưng thiếu hiểu biết. Họ chỉ có một chút kiến thức về công tác của Đức Thánh Linh và không thể sử dụng nó trong đời sống của mình; đó chỉ toàn là giáo lý vô dụng. Có quá nhiều người như các người; bao nhiêu người phù hợp để sử dụng đây? Bao nhiêu người có thể tuân phục sự khai sáng và soi sáng của Đức Thánh Linh và hợp được với ý muốn của Đức Chúa Trời đây? Có vẻ như những người trong các người là môn đệ cho đến ngày nay đã rất vâng phục, nhưng thực ra, các người chưa từ bỏ các quan niệm của mình, các người vẫn tìm kiếm trong Kinh Thánh, tin vào những điều mơ hồ, và lan man trong các quan niệm. Chẳng có một ai tìm hiểu kỹ lưỡng công việc thực sự của ngày nay hay đi sâu vào nó. Các người đang chấp nhận đường lối của ngày nay cùng với những quan niệm cũ của mình. Các người có thể đạt được gì với một niềm

tin như vậy? Có thể nói rằng trong các người có nhiều quan niệm ẩn giấu chưa được tỏ lộ, chỉ là các người đang cố gắng hết sức để che đậy chúng, không dễ để lộ ra ngoài. Các người không chân thành chấp nhận công việc mới, và không có ý định từ bỏ những quan niệm cũ của mình; các người có quá nhiều triết lý sống, và chúng quá quan trọng. Các người không từ bỏ những quan niệm cũ của mình và miễn cưỡng đối phó với công việc mới. Lòng các người quá nham hiểm, và các người hoàn toàn không để tâm đến các bước của công việc mới. Liệu những kẻ vô dụng như các người có thể làm công việc loan truyền Phúc Âm được không? Liệu các người có khả năng đảm nhận công việc loan truyền Phúc Âm ra toàn cõi vũ trụ được không? Những thói quen này của các người đang cản trở các người chuyển hóa tâm tính của mình và biết đến Đức Chúa Trời. Nếu các người tiếp tục như thế này, các người nhất định sẽ bị loại bỏ.

Các người phải biết phân biệt giữa công tác của Đức Chúa Trời và công việc của con người. Người có thể thấy gì trong công việc của con người? Có nhiều yếu tố kinh nghiệm của con người trong công việc của họ; những gì con người bày tỏ là những gì về họ. Công tác của chính Đức Chúa Trời cũng bày tỏ Ngài là gì, nhưng hữu thể của Ngài khác với của con người. Hữu thể của con người đại diện cho kinh nghiệm và cuộc sống của con người (những gì con người trải nghiệm hoặc gặp phải trong cuộc sống, hoặc những triết lý sống mà họ có), và những người sống ở các môi trường khác nhau thì bày tỏ những hữu thể khác nhau. Liệu người có kinh nghiệm xã hội hay không và người thực sự đang sống và trải nghiệm như thế nào trong gia đình mình, đều có thể thấy được trong những gì người bày tỏ, trong khi đó, người không thể thấy được trong công tác của Đức Chúa Trời nhập thể liệu Ngài có kinh nghiệm xã hội hay không. Ngài biết rõ bản chất của con người, và có thể tiết lộ đủ loại thói quen thuộc về đủ loại người. Ngài thậm chí còn giỏi hơn trong việc vạch trần những tâm tính bại hoại và hành vi nổi loạn của con người. Ngài không sống giữa những con người trần tục, nhưng Ngài biết bản tính của người phàm và mọi điều bại hoại của con người trần tục. Đây là hữu thể của Ngài. Mặc dù Ngài không đối nhân xử thế, Ngài vẫn biết các quy tắc đối nhân xử thế, vì Ngài hiểu hết bản tính con người. Ngài biết công tác của Thần mà mắt người không thể thấy và tai người không thể nghe, cả ngày nay và trong quá khứ. Điều này bao gồm sự khôn ngoan mà không phải một triết lý sống và những điều kỳ diệu mà con người khó hiểu thấu. Đây là hữu thể của Ngài, cởi mở với mọi người và cũng ẩn giấu với mọi người. Những gì Ngài bày tỏ không phải hữu thể của một con người phi thường, mà là những thuộc tính vốn có và hữu thể của Thần. Ngài không đi vòng quanh thế giới nhưng biết mọi thứ về nó. Ngài tiếp xúc với những “con vượn người” chẳng có chút

kiến thức hay sự thông sáng nào, nhưng Ngài bày tỏ những lời cao hơn kiến thức và trên tầm vĩ nhân. Ngài sống giữa một nhóm người trì độn và tê liệt, những kẻ chẳng có nhân tính và chẳng hiểu gì về tập tục và đời sống của con người, nhưng Ngài có thể yêu cầu nhân loại sống trọn nhân tính bình thường, đồng thời vạch trần nhân tính thấp hèn của nhân loại. Tất cả những điều này là hữu thể của Ngài, cao cả hơn hữu thể của bất cứ con người bằng xương bằng thịt nào. Đối với Ngài, chẳng cần thiết phải trải nghiệm một đời sống xã hội phức tạp, nặng nề, và bản thủ mới có thể làm công tác Ngài cần làm và vạch trần hết bản chất của nhân loại bại hoại. Một đời sống xã hội bản thủ không mở mang cho xác thịt Ngài. Công tác và những lời của Ngài chỉ vạch trần sự bất tuân của con người và không cung cấp cho con người kinh nghiệm và các bài học để đối phó với thế gian. Ngài chẳng cần phải điều tra xã hội hay gia đình của con người khi Ngài cung cấp cho con người sự sống. Phơi bày và phán xét con người không phải là sự bày tỏ những kinh nghiệm của xác thịt Ngài; đó là sự vạch trần của Ngài về sự bất chính của con người sau khi đã biết về sự bất tuân của con người trong một thời gian dài và ghê tởm sự bại hoại của loài người. Công tác Ngài làm đều nhằm tỏ lộ tâm tính của Ngài cho con người và bày tỏ hữu thể của Ngài. Chỉ có Ngài mới có thể làm công tác này, đây không phải là thứ mà một con người bằng xương bằng thịt có thể đạt được. Từ công tác của Ngài, con người không thể biết Ngài thuộc dạng người nào. Con người cũng không thể phân loại Ngài như một con người thọ tạo dựa trên công tác của Ngài. Hữu thể của Ngài cũng khiến Ngài không thể phân loại được như một con người thọ tạo. Con người chỉ có thể xem Ngài như một đối tượng phi nhân loại, nhưng không biết xếp Ngài vào tiêu chí nào, vì vậy con người buộc phải xếp Ngài vào cùng tiêu chí với Đức Chúa Trời. Con người không vô lý khi làm như vậy, bởi Đức Chúa Trời đã làm nhiều công tác giữa mọi người mà con người không thể làm.

Công tác Đức Chúa Trời làm không đại diện cho kinh nghiệm của xác thịt Ngài; công việc con người làm đại diện cho kinh nghiệm của họ. Mọi người đều nói về kinh nghiệm cá nhân của họ. Đức Chúa Trời có thể trực tiếp bày tỏ lẽ thật, trong khi con người chỉ có thể bày tỏ kinh nghiệm tương ứng sau khi đã trải nghiệm lẽ thật. Công tác của Đức Chúa Trời không có quy tắc và không chịu các ràng buộc về thời gian hay địa lý. Ngài có thể bày tỏ Ngài là gì bất cứ lúc nào, bất cứ nơi đâu. Ngài làm việc theo ý muốn của Ngài. Công việc của con người có những điều kiện và bối cảnh; không có chúng, họ sẽ không thể làm việc và không thể bày tỏ kiến thức của họ về Đức Chúa Trời hay trải nghiệm của họ về lẽ thật. Để biết một việc gì đó là công tác của chính Đức Chúa Trời hay công việc của con người, người chỉ cần so sánh sự khác biệt giữa hai công việc. Nếu không có công tác nào do chính Đức Chúa Trời

thực hiện, và chỉ có công việc của con người, thì người sẽ chỉ đơn giản biết rằng những lời dạy của con người thật cao xa, vượt khỏi khả năng của bất kỳ ai khác; giọng điệu họ nói, những nguyên tắc của họ khi xử lý mọi việc, và phong cách làm việc từng trải và vững vàng của họ đều vượt tầm người khác. Hết thảy các người đều ngưỡng mộ những người có tố chất tốt và kiến thức cao xa này, nhưng từ công tác và những lời của Đức Chúa Trời, người không thể nhìn thấy nhân tính của Ngài cao đến đâu. Thay vào đó, Ngài thật bình thường, và khi làm việc, Ngài bình thường và thực tế nhưng cũng không thể dò lường đối với người phàm, vì thế mà khiến con người hồ như cảm thấy tôn kính Ngài. Có thể kinh nghiệm của một người trong công việc của họ đặc biệt dày dặn, hay sức tưởng tượng và lý luận của người đó đặc biệt giỏi, và nhân tính của người đó đặc biệt tốt; những thuộc tính như thế chỉ khiến mọi người ngưỡng mộ, chứ không gọi lên ở họ sự kính sợ hay sợ hãi. Mọi người đều ngưỡng mộ những người có thể làm việc tốt, những người có kinh nghiệm đặc biệt sâu sắc và những người có thể thực hành lẽ thật, nhưng những người như thế không bao giờ có thể gọi lên niềm kính sợ, mà chỉ có sự ngưỡng mộ và ghen tỵ. Nhưng những người đã trải nghiệm công tác của Đức Chúa Trời thì không ngưỡng mộ Ngài; thay vào đó, họ cảm thấy rằng công tác của Ngài vượt tầm con người và không thể hiểu thấu đối với con người, và rằng nó thật tươi mới và kỳ diệu. Khi mọi người trải nghiệm công tác của Đức Chúa Trời, hiểu biết đầu tiên của họ về Ngài là Ngài thật không thể dò lường, khôn ngoan và kỳ diệu, và họ vô thức tôn kính Ngài và cảm thấy sự mầu nhiệm trong công tác Ngài làm, điều vượt tầm tâm trí con người. Mọi người chỉ muốn có thể đáp ứng các yêu cầu của Ngài, làm thỏa các mong muốn của Ngài; họ không mong vượt qua Ngài, bởi vì công tác Ngài làm vượt quá sự suy nghĩ và tưởng tượng của con người, và không thể được con người thực hiện thay Ngài. Ngay cả bản thân con người còn không biết được những khiếm khuyết của chính mình, thế mà Đức Chúa Trời đã mở ra một con đường mới và đã đến để đưa con người vào một thế giới mới hơn và tươi đẹp hơn, và vì vậy mà nhân loại đã đạt được bước tiến mới và đã có một khởi đầu mới. Những gì mọi người cảm nhận về Ngài không phải là sự ngưỡng mộ, mà đúng hơn, không chỉ là sự ngưỡng mộ. Cảm nghiệm sâu sắc nhất của họ là sự kính sợ và tình yêu; cảm giác của họ là Đức Chúa Trời thật sự kỳ diệu. Ngài làm những việc con người không thể làm và nói những điều con người không thể nói. Những người đã trải nghiệm công tác của Ngài luôn có một cảm xúc khôn tả. Những người có những trải nghiệm đủ sâu có thể hiểu tình yêu của Đức Chúa Trời; họ có thể cảm nhận được sự đáng mến của Ngài, cảm nhận rằng công tác của Ngài thật quá khôn ngoan, quá kỳ diệu, và bởi đó mà tạo nên một sức mạnh vô hạn giữa họ. Đó không phải là sự sợ hãi hay tình yêu và sự tôn kính

thỉnh thoảng, mà là một cảm nhận sâu sắc về lòng thương xót của Đức Chúa Trời dành cho con người và sự bao dung của Ngài. Tuy nhiên, những người đã trải qua hình phạt và phán xét của Ngài thì cảm nhận được sự oai nghi của Ngài và rằng Ngài không dung thứ cho bất kỳ sự xúc phạm nào. Ngay cả những người đã trải nghiệm nhiều công tác của Ngài cũng không thể hiểu thấu Ngài; tất cả những ai thực sự tôn kính Ngài đều biết công tác của Ngài không hợp với những quan niệm của con người mà luôn đi ngược lại các quan niệm của họ. Ngài không cần con người phải hoàn toàn ngưỡng mộ Ngài hay tỏ vẻ quy phục Ngài; thay vào đó, họ phải có được lòng tôn kính thực sự và sự quy phục thực sự. Trong rất nhiều công tác của Ngài, bất cứ ai có kinh nghiệm thực sự đều cảm thấy tôn kính Ngài, điều còn cao hơn cả sự ngưỡng mộ. Mọi người đã thấy được tâm tính của Ngài qua công tác của hình phạt và sự phán xét của Ngài, và họ vì vậy mà tôn kính Ngài trong lòng. Đức Chúa Trời là để được tôn kính và vâng phục, bởi hữu thể của Ngài và tâm tính Ngài không giống như của một loài thọ tạo và cao hơn của một loài thọ tạo. Đức Chúa Trời là tự hữu và bất diệt, Ngài không phải một loài thọ tạo, và chỉ có Đức Chúa Trời mới đáng được tôn kính và vâng phục; con người không đủ tư cách được như vậy. Vì thế, hết thảy những người đã trải nghiệm công tác của Ngài và thực sự biết Ngài đều cảm thấy tôn kính Ngài. Tuy nhiên, những ai không buông bỏ các quan niệm của họ về Ngài – những ai đơn giản không xem Ngài là Đức Chúa Trời – thì không có sự tôn kính Ngài, và mặc dù họ theo Ngài, nhưng họ không được chinh phục; họ là những kẻ bất tuân từ trong bản tính. Vì vậy, những gì Ngài muốn đạt qua công tác là để cho muôn loài thọ tạo đều có lòng tôn kính Đấng Tạo Hóa, thờ phượng Ngài, và vâng phục vô điều kiện sự thống trị của Ngài. Đây là kết quả cuối cùng mà mọi công tác của Ngài đều nhằm đạt được. Nếu những người đã trải nghiệm công tác như thế không tôn kính Đức Chúa Trời, dù chỉ một chút, và nếu sự bất tuân của họ trong quá khứ không thay đổi chút nào, thì họ chắc chắn sẽ bị loại bỏ. Nếu thái độ của một người đối với Đức Chúa Trời chỉ là ngưỡng mộ Ngài, hoặc thể hiện sự kính trọng với Ngài từ xa, và không yêu mến Ngài chút nào, thì đây là kết quả mà một người không có lòng yêu mến Đức Chúa Trời có được, và người đó thiếu các điều kiện để được hoàn thiện. Nếu quá nhiều công tác vẫn không thể có được tình yêu đích thực của một người, thì người đó chưa có được Đức Chúa Trời và không thực sự theo đuổi lẽ thật. Một người không yêu mến Đức Chúa Trời thì không yêu lẽ thật và vì thế không thể có được Đức Chúa Trời, càng không thể nhận được sự chấp thuận của Đức Chúa Trời. Những người như thế, bất kể họ trải nghiệm công tác của Đức Thánh Linh như thế nào, và bất kể họ trải nghiệm sự phán xét như thế nào, vẫn không thể tôn kính Đức Chúa Trời. Đây là những người có bản tính không

thể thay đổi và là những người có tâm tính cực kỳ xấu xa. Hết thấy những ai không tôn kính Đức Chúa Trời đều sẽ bị loại bỏ, là đối tượng của sự trừng phạt, và sẽ bị trừng phạt y như những kẻ hành ác, thậm chí còn phải chịu khổ hơn những kẻ đã làm điều bất chính.

Biết ba giai đoạn công tác của Đức Chúa Trời là con đường để biết Đức Chúa Trời

Công tác quản lý nhân loại được chia thành ba giai đoạn, có nghĩa là công tác cứu rỗi nhân loại được chia thành ba giai đoạn. Ba giai đoạn này không bao gồm công tác sáng thế, mà là ba giai đoạn công tác của Thời đại Luật pháp, Thời đại Ân điển, và Thời đại Vương quốc. Công tác sáng thế là công tác sản sinh ra toàn thể nhân loại. Nó không phải là công tác cứu rỗi nhân loại, và không liên quan gì đến công tác cứu rỗi nhân loại, vì khi thế giới được tạo dựng, nhân loại chưa bị Sa-tan làm bại hoại, và vì thế, không cần thiết phải thực hiện công tác cứu rỗi nhân loại. Công tác cứu rỗi nhân loại chỉ bắt đầu khi nhân loại đã bị Sa-tan làm bại hoại, và vì thế, công tác quản lý nhân loại cũng bắt đầu khi nhân loại đã bị làm bại hoại. Nói cách khác, sự quản lý con người của Đức Chúa Trời đã bắt đầu như một kết quả của công tác cứu rỗi nhân loại, và nó không phát sinh từ công tác sáng thế. Chỉ sau khi loài người có một tâm tính bại hoại thì công tác quản lý mới ra đời, và vì thế, công tác quản lý nhân loại bao gồm ba phần, thay vì bốn giai đoạn, hay bốn thời đại. Đây mới là cách chính xác để đề cập đến sự quản lý nhân loại của Đức Chúa Trời. Khi thời đại cuối cùng đến hồi khép lại, lúc ấy công tác quản lý nhân loại cũng đã hoàn toàn kết thúc. Sự kết thúc công tác quản lý có nghĩa là công tác cứu rỗi toàn nhân loại đã được hoàn thành toàn bộ, và rằng từ đó giai đoạn này đã kết thúc đối với nhân loại. Không có công tác cứu rỗi toàn nhân loại, thì công tác quản lý nhân loại sẽ không tồn tại, cũng sẽ không có ba giai đoạn công tác. Chính vì sự suy đồi của loài người, và vì loài người đang cần sự cứu rỗi khẩn cấp như thế, mà Đức Giê-hô-va đã kết thúc việc sáng thế và bắt đầu công tác của Thời đại Luật pháp. Chỉ khi đó công tác quản lý nhân loại mới bắt đầu, nghĩa là chỉ khi đó công tác cứu rỗi nhân loại mới bắt đầu. “Quản lý nhân loại” không có nghĩa là hướng dẫn cho đời sống của nhân loại vừa mới được tạo dựng trên đất (nghĩa là, một nhân loại chưa bị làm bại hoại). Đúng hơn, đó là sự cứu rỗi một nhân loại đã bị làm bại hoại bởi Sa-tan, tức là, nhằm chuyển hóa nhân loại bại hoại này. Đây là ý nghĩa của việc “quản lý nhân loại”. Công tác cứu rỗi nhân loại không bao gồm công tác sáng thế, và vì thế, công tác quản lý nhân loại cũng không bao gồm công tác sáng thế, mà chỉ bao gồm ba giai

đoạn công tác tách biệt với cuộc sáng thế. Để hiểu được công tác quản lý nhân loại thì cần phải biết về lịch sử của ba giai đoạn công tác – đây là điều mọi người phải nhận thấy để được cứu rỗi. Là những loài thọ tạo của Đức Chúa Trời, các người nên nhận ra rằng con người được Đức Chúa Trời tạo dựng nên, và các người nên nhận ra nguồn gốc sự bại hoại của loài người, và hơn nữa là quá trình cứu rỗi con người. Nếu các người chỉ biết cách hành động theo giáo lý trong nỗ lực có được ơn Đức Chúa Trời, nhưng không có ý niệm gì về việc Đức Chúa Trời đã cứu rỗi loài người như thế nào, hoặc về nguồn gốc sự bại hoại của loài người, thì đây là những gì các người còn thiếu sót trong vai trò một loài thọ tạo của Đức Chúa Trời. Người không nên chỉ thỏa mãn với việc hiểu những lẽ thật có thể đưa vào thực hành, trong khi vẫn không biết gì về phạm vi rộng hơn của công tác quản lý của Đức Chúa Trời – nếu là như vậy, thì người quá giáo điều. Ba giai đoạn công tác là câu chuyện bên trong về sự quản lý con người của Đức Chúa Trời, sự ra đời của Phúc Âm của toàn thế giới, lẽ mầu nhiệm vĩ đại nhất trong toàn nhân loại, và chúng cũng là nền tảng của việc rao truyền Phúc Âm. Nếu người chỉ tập trung vào việc hiểu biết những lẽ thật đơn giản liên quan đến đời sống của mình, và không biết gì về điều này, những lẽ mầu nhiệm và khái tượng vĩ đại nhất trong tất cả, thì chẳng phải đời sống của người giống như một sản phẩm lỗi, vô tích sự chỉ để ngấm thôi sao?

Nếu con người chỉ tập trung vào thực hành, và xem công tác của Đức Chúa Trời và những gì con người nên biết là thứ yếu, thì đây chẳng phải là họ khôn từng xu ngu vạn bạc sao? Điều gì người cần phải biết, thì người phải biết; điều gì người cần phải đưa vào thực hành, thì người phải đưa vào thực hành. Chỉ khi đó người mới là người biết cách theo đuổi lẽ thật. Khi đến ngày người rao truyền Phúc Âm, nếu người chỉ có thể nói rằng Đức Chúa Trời là một Đức Chúa Trời vĩ đại và công chính, rằng Ngài là Đức Chúa Trời tối cao, một Đức Chúa Trời mà không một vĩ nhân nào có thể ví sánh, và rằng Ngài là một Đức Chúa Trời không ai cao hơn..., nếu người chỉ có thể nói những lời hời hợt và không thích đáng này trong khi hoàn toàn không có khả năng nói những lời quan trọng cốt yếu và có thực chất; nếu người không có gì để nói về việc biết Đức Chúa Trời hoặc công tác của Đức Chúa Trời, và hơn thế nữa, không thể giải thích về lẽ thật, hoặc cung cấp những gì còn thiếu ở con người, thì một kẻ như người không thể thực hiện tốt bổn phận của mình. Làm chứng về Đức Chúa Trời và rao truyền Phúc Âm của vương quốc không phải là chuyện đơn giản. Trước tiên, người phải được trang bị lẽ thật và các khái tượng mà cần phải được hiểu. Khi người hiểu rõ các khái tượng và lẽ thật về các khía cạnh khác nhau trong công tác của Đức Chúa Trời, và trong lòng mình, người biết đến công tác của Đức Chúa Trời, và bất kể Đức Chúa Trời làm việc gì – dù đó là sự phán xét công chính

hay sự tinh luyện con người – người sở hữu khái tượng vĩ đại nhất làm nền tảng của mình, và người sở hữu lẽ thật đúng đắn để đưa vào thực hành, thì người sẽ có thể đi theo Đức Chúa Trời đến tận cùng. Người phải biết rằng bất kể Ngài làm công tác gì, thì mục đích công tác của Đức Chúa Trời không thay đổi, trọng tâm công tác của Ngài không thay đổi, và ý muốn của Ngài đối với con người không thay đổi. Cho dù những lời của Ngài có nghiêm khắc như thế nào, cho dù hoàn cảnh có bất lợi ra sao, thì các nguyên tắc công tác của Ngài sẽ không thay đổi, và ý định cứu rỗi con người của Ngài sẽ không thay đổi. Miễn đó không phải là công tác mặc khải về cái kết của con người hoặc đích đến của con người, và không phải là công tác của giai đoạn cuối, hoặc công tác kết thúc toàn bộ kế hoạch quản lý của Đức Chúa Trời, và miễn đó là trong quá trình Ngài làm việc trong con người, thì trọng tâm công tác của Ngài sẽ không thay đổi. Nó sẽ luôn luôn là sự cứu rỗi nhân loại. Điều này nên là nền tảng cho niềm tin của các người nơi Đức Chúa Trời. Mục đích của ba giai đoạn công tác là cứu rỗi toàn nhân loại – điều này có nghĩa là sự cứu rỗi hoàn toàn con người khỏi quyền của Sa-tan. Mặc dù mỗi giai đoạn trong ba giai đoạn công tác có mục tiêu và ý nghĩa khác nhau, nhưng mỗi giai đoạn là một phần của công tác cứu rỗi nhân loại, và mỗi giai đoạn là công tác cứu rỗi khác nhau được thực hiện theo các nhu cầu của nhân loại. Một khi người biết được mục đích của ba giai đoạn công tác này, thì người sẽ biết được cách đánh giá đúng tầm quan trọng của mỗi giai đoạn công tác, và sẽ nhận biết cách hành động nhằm đáp ứng mong muốn của Đức Chúa Trời. Nếu người có thể đạt đến mức này, thì điều này, khái tượng vĩ đại nhất trong mọi khái tượng, sẽ trở thành nền tảng cho niềm tin của người nơi Đức Chúa Trời. Người không nên chỉ tìm kiếm những cách thực hành dễ dàng hoặc những lẽ thật sâu nhiệm, mà nên kết hợp các khái tượng với thực hành, để có cả những lẽ thật có thể đưa vào thực hành và kiến thức dựa trên các khái tượng. Chỉ khi đó người mới là người theo đuổi lẽ thật một cách toàn diện.

Ba giai đoạn công tác là trọng tâm của toàn bộ sự quản lý của Đức Chúa Trời, và trong các giai đoạn đó, tâm tính của Đức Chúa Trời, cũng như những gì về Ngài được bày tỏ. Những ai không biết đến ba giai đoạn công tác của Đức Chúa Trời thì không có khả năng nhận ra Đức Chúa Trời bày tỏ tâm tính Ngài như thế nào, cũng không biết đến sự khôn ngoan trong công tác của Đức Chúa Trời. Họ cũng vẫn không biết gì về nhiều cách Ngài dùng để cứu rỗi nhân loại, và về ý muốn của Ngài đối với toàn thể nhân loại. Ba giai đoạn công tác là sự thể hiện đầy đủ công tác cứu rỗi nhân loại. Những ai không biết đến ba giai đoạn công tác sẽ không biết gì về những phương pháp và nguyên tắc khác nhau trong công tác của Đức Thánh Linh, và những ai chỉ cứng nhắc bám vào giáo lý còn sót lại từ một giai đoạn công tác nhất

định là những kẻ giới hạn Đức Chúa Trời vào giáo lý, và là những kẻ có niềm tin mơ hồ và không chắc chắn nơi Đức Chúa Trời. Những kẻ như thế sẽ không bao giờ nhận được sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời. Chỉ có ba giai đoạn công tác của Đức Chúa Trời mới có thể biểu lộ đầy đủ tâm tính của Đức Chúa Trời, và thể hiện trọn vẹn ý định cứu rỗi toàn nhân loại của Đức Chúa Trời, cùng toàn bộ quá trình cứu rỗi nhân loại. Đây là bằng chứng cho thấy Ngài đã đánh bại Sa-tan và thu phục được nhân loại; nó là bằng chứng về chiến thắng của Đức Chúa Trời, và là sự bày tỏ toàn bộ tâm tính của Đức Chúa Trời. Những người chỉ hiểu một trong ba giai đoạn công tác của Đức Chúa Trời thì chỉ biết một phần tâm tính của Đức Chúa Trời. Trong các quan niệm của con người, thật dễ để một giai đoạn công tác riêng lẻ này trở thành giáo lý, và ngày càng có khả năng con người sẽ thiết lập các quy tắc cố định về Đức Chúa Trời và dùng phần tâm tính đơn lẻ này của Đức Chúa Trời làm đại diện cho toàn bộ tâm tính của Đức Chúa Trời. Hơn nữa, nhiều sự tưởng tượng của con người được trộn lẫn bên trong, đến mức con người cứng nhắc giới hạn tâm tính, hữu thể, và sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời, cũng như các nguyên tắc công tác của Đức Chúa Trời, vào trong các thông số giới hạn, tin rằng nếu một khi Đức Chúa Trời đã như thế, thì Ngài sẽ vẫn mãi mãi như thế và không bao giờ thay đổi. Chỉ những ai biết và xem trọng ba giai đoạn công tác mới có thể biết Đức Chúa Trời đầy đủ và chính xác. Ít nhất, họ sẽ không định nghĩa Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên, hay dân Do thái, và sẽ không xem Ngài như là một Đức Chúa Trời sẽ đời đời bị đóng đinh lên thập tự giá vì con người. Nếu một người chỉ biết đến Đức Chúa Trời từ một giai đoạn công tác của Ngài, thì kiến thức của họ quá ít ỏi, và không hơn một giọt nước trong đại dương. Nếu không, tại sao nhiều kẻ bảo vệ tôn giáo xưa kia lại đóng sống Ngài lên thập tự giá? Đó chẳng phải vì con người giới hạn Đức Chúa Trời trong những thông số nào đó sao? Chẳng phải nhiều người chống đối Đức Chúa Trời và cản trở công tác của Đức Thánh Linh bởi vì họ không biết đến những công tác khác nhau và đa dạng của Đức Chúa Trời, và hơn nữa, bởi vì họ chỉ sở hữu một chút ít kiến thức và giáo lý để đo lường công tác của Đức Thánh Linh sao? Mặc dù kinh nghiệm của những kẻ đó hời hợt, nhưng họ kiêu ngạo và phóng túng từ trong bản tính và họ khinh thường công tác của Đức Thánh Linh, phớt lờ những sự sửa dạy của Đức Thánh Linh, và hơn thế nữa, dùng những lý lẽ tầm thường cũ rích để “kiểm chứng” công tác của Đức Thánh Linh. Họ cũng vờ vịt, hoàn toàn tin chắc về kiến thức và học thức uyên bác của chính mình, và tin rằng họ có thể chu du khắp thiên hạ. Chẳng phải những kẻ như thế là những kẻ bị Đức Thánh Linh khinh thường và loại bỏ, và họ sẽ bị thời đại mới loại trừ sao? Chẳng phải những kẻ đến trước Đức Chúa Trời và công khai chống đối Ngài là những kẻ hung ác ngu

dốt và thiếu thông tin, những kẻ chỉ đơn thuần cố gắng thể hiện mình tài giỏi đến mức nào sao? Chỉ với chút kiến thức ít ỏi về Kinh Thánh, họ cố hoành hành trong “giới hàn lâm” của thế giới; chỉ với một giáo lý nông cạn để dạy mọi người, họ cố gắng làm đảo lộn công tác của Đức Thánh Linh và cố làm cho nó xoay quanh quá trình tư duy của chính họ. Với cái nhìn thiên cận như thế, họ cố gắng thấy được 6.000 năm công tác của Đức Chúa Trời trong một cái liếc mắt. Những người này chẳng có lí do gì đáng để nói đến! Thực tế là, kiến thức của con người về Đức Chúa Trời càng nhiều, họ càng chậm phán xét công tác của Ngài. Hơn nữa, họ chỉ nói một chút trong kiến thức của họ về công tác của Đức Chúa Trời ngày hôm nay, nhưng họ không vội vàng khi phán xét. Con người càng biết ít về Đức Chúa Trời, thì họ càng kiêu ngạo và tự tin quá mức, và họ càng bừa bãi tuyên bố về hữu thể của Đức Chúa Trời – nhưng họ chỉ nói lý thuyết, và không đưa ra chứng cứ xác thực. Những kẻ như thế thật vô giá trị. Những kẻ xem công tác của Đức Thánh Linh như một trò chơi là những kẻ phù phiếm! Những kẻ thiếu cẩn trọng khi bắt gặp công tác mới của Đức Thánh Linh, những kẻ ăn nói huyên thuyên, vội vàng phán xét, những kẻ cho phép tính khí của mình chối bỏ sự đúng đắn của công tác của Đức Thánh Linh, và những kẻ cũng xúc phạm và phỉ báng nó – chẳng phải những kẻ bất kính như thế không biết gì về công tác của Đức Thánh Linh sao? Hơn nữa, chẳng phải họ là những kẻ vô cùng ngạo mạn, những kẻ vốn dĩ kiêu căng và bất trị sao? Ngay cả đến một ngày khi những kẻ như thế chấp nhận công tác mới của Đức Thánh Linh, thì Đức Chúa Trời vẫn sẽ không khoan thứ cho họ. Họ không những xem thường những người làm việc cho Đức Chúa Trời, mà họ còn báng bổ chính Đức Chúa Trời. Những kẻ vô vọng như thế sẽ không được tha thứ, kể cả trong thời đại này hay trong thời đại sắp tới, và họ sẽ bị diệt mất đời đời nơi địa ngục! Những kẻ bất kính và phóng túng như thế đang giả vờ tin vào Đức Chúa Trời, và con người càng như thế này, họ càng có khả năng vi phạm các sắc lệnh quản trị của Đức Chúa Trời. Chẳng phải tất cả những kẻ kiêu ngạo, là những kẻ sinh ra đã buông tuồng, và là những kẻ không bao giờ vâng lời ai, đều đi trên con đường này sao? Chẳng phải ngày qua ngày họ chống đối Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời luôn luôn mới và không bao giờ cũ sao? Hôm nay, các người nên hiểu tại sao các người phải biết tầm quan trọng của ba giai đoạn công tác của Đức Chúa Trời. Những lời Ta phán có lợi cho các người, chứ không phải chỉ là lời nói suông. Nếu các người chỉ đơn giản đọc chúng như thể đang cười ngửa xem hoa, thì chẳng phải mọi lao nhọc của Ta sẽ là vô ích sao? Mỗi người trong các người nên biết bản tính của chính mình. Hầu hết các người rất giỏi tranh luận; trả lời lưu loát các câu hỏi lý thuyết, nhưng với các câu hỏi liên quan đến thực chất, các người lại không có gì để nói. Ngay cả ngày nay, các người vẫn mãi mê trò

chuyện phù phiếm, không có khả năng thay đổi tâm tính cũ của mình, và phần lớn các người không có ý định thay đổi cách theo đuổi để đạt được lẽ thật cao hơn, mà thay vào đó chỉ sống đời sống nửa vời. Làm sao những người như thế có thể theo Đức Chúa Trời đến tận cùng được? Ngay cả khi các người có đi đến cuối con đường, thì điều đó sẽ có lợi gì cho các người? Tốt hơn là các người nên thay đổi quan niệm của mình trước khi quá muộn, hoặc là thực sự theo đuổi, còn không hãy sớm rút lui. Thời gian trôi qua, các người sẽ trở thành một kẻ ăn bám – các người có sẵn sàng đóng một vai trò thấp kém và hèn mọn vậy không?

Ba giai đoạn công tác là một bản ghi về toàn bộ công tác của Đức Chúa Trời; chúng là một bản ghi về sự cứu rỗi loài người của Đức Chúa Trời, và chúng không phải là tưởng tượng. Nếu các người thực sự mong muốn tìm kiếm một kiến thức về toàn bộ tâm tính của Đức Chúa Trời, thì các người phải biết ba giai đoạn công tác do Đức Chúa Trời thực hiện, và hơn nữa, các người không được bỏ sót bất kỳ giai đoạn nào. Đây là điều tối thiểu mà những người cố gắng để biết Đức Chúa Trời phải đạt được. Bản thân con người không thể tạo ra một kiến thức thực sự về Đức Chúa Trời. Đây không phải là điều mà bản thân con người có thể tưởng tượng ra, cũng không phải là kết quả của đặc ân Đức Thánh Linh ban cho một người nào. Thay vào đó, nó là một kiến thức hình thành sau khi con người đã kinh qua công tác của Đức Chúa Trời, và nó là một kiến thức về Đức Chúa Trời mà chỉ hình thành sau khi đã trải nghiệm sự thật công tác của Đức Chúa Trời. Một kiến thức như thế không thể có được một cách dễ dàng, và cũng không phải là điều có thể dạy được. Nó hoàn toàn liên quan đến kinh nghiệm cá nhân. Sự cứu rỗi nhân loại của Đức Chúa Trời là cốt lõi của ba giai đoạn công tác này, tuy nhiên bên trong công tác cứu rỗi bao gồm một vài phương pháp làm việc và một vài phương tiện mà qua đó tâm tính của Đức Chúa Trời được bày tỏ. Đây là điều con người khó nhận ra nhất, và đây chính là điều con người khó mà hiểu được. Sự phân tách các thời đại, những thay đổi trong công tác của Đức Chúa Trời, những thay đổi trong địa điểm công tác, những thay đổi về người nhận lãnh công tác này, v.v. – tất cả những điều này đều được bao gồm trong ba giai đoạn công tác. Đặc biệt, sự khác biệt trong cách làm việc của Đức Thánh Linh, cũng như những thay đổi trong tâm tính, ảnh tượng, danh hiệu, thân phận của Đức Chúa Trời, hoặc những thay đổi khác, đều là một phần trong ba giai đoạn công tác. Một giai đoạn công tác chỉ có thể đại diện cho một phần, và được giới hạn trong một phạm vi nhất định. Nó không bao gồm sự phân tách các thời đại, hoặc những thay đổi trong công tác của Đức Chúa Trời, càng không bao gồm những khía cạnh khác. Đây là một sự thật rõ ràng hiển nhiên. Ba giai đoạn công tác là toàn bộ công tác cứu rỗi nhân loại của Đức Chúa Trời. Con người phải biết công việc của Đức Chúa Trời

và tâm tính của Đức Chúa Trời trong công tác cứu rỗi; không có sự thật này, thì kiến thức của người về Đức Chúa Trời chỉ toàn những lời sáo rỗng, không gì hơn ngoài việc nói lý thuyết như đúng rồi. Kiến thức như thế không thể thuyết phục hoặc chinh phục con người; nó không phù hợp với hiện thực, và nó không phải là lẽ thật. Nó có thể rất phong phú và êm tai, nhưng nếu nó không đúng với tâm tính vốn có của Đức Chúa Trời, thì Đức Chúa Trời sẽ không tha cho người. Ngài không những không khen ngợi kiến thức của người, mà Ngài còn trừng phạt người vì là một tội nhân đã báng bổ Ngài. Những lời nhận biết về Đức Chúa Trời không được nói ra một cách khinh suất. Mặc dù người có thể ăn nói dẻo quẹo và hùng hồn, và mặc dù những lời của người quá khéo đến mức người có thể đổi đen thay trắng và đổi trắng thay đen, tuy nhiên, khi nói đến kiến thức về Đức Chúa Trời thì đó là một điều quá khả năng của người. Đức Chúa Trời không phải là người người có thể vội vàng phán xét, hay tùy tiện ngợi khen, hay thờ ơ chê bai. Người ngợi khen bất kỳ ai và tất cả mọi người, nhưng người lại chắt vặt tìm những từ đúng để mô tả về ân điển tốt bậc của Đức Chúa Trời – đây là điều mỗi kẻ thất bại đều nhận ra được. Mặc dù có nhiều bậc thầy ngôn ngữ có thể mô tả về Đức Chúa Trời, nhưng tính chính xác của những gì họ mô tả chỉ là một phần trăm của lẽ thật được nói ra bởi những người thuộc về Đức Chúa Trời, những người dù chỉ có vốn từ hạn chế, nhưng lại có kinh nghiệm phong phú để rút ra. Như thế, có thể thấy rằng kiến thức về Đức Chúa Trời nằm ở tính chính xác và thực tế, chứ không phải ở cách sử dụng từ ngữ khéo léo hay vốn từ vựng phong phú, và rằng kiến thức của con người và sự hiểu biết về Đức Chúa Trời hoàn toàn không liên quan với nhau. Bài học về việc biết đến Đức Chúa Trời cao hơn bất kỳ khoa học tự nhiên nào của nhân loại. Đó là bài học chỉ có thể đạt được bởi một số cực kỳ ít những người có cố gắng để biết Đức Chúa Trời, và không thể đạt được bởi bất kỳ nhân tài nào cũng được. Vì thế, các người không được xem việc biết Đức Chúa Trời và theo đuổi lẽ thật như thể chúng là những điều có thể đạt được chỉ bởi một đứa trẻ. Có lẽ người đã thành công viên mãn trong đời sống gia đình, hay trong sự nghiệp, hay trong hôn nhân, nhưng khi nói đến lẽ thật và bài học về việc biết Đức Chúa Trời, thì người chẳng thu được gì và người chẳng đạt được gì cả. Có thể nói rằng, việc đưa lẽ thật vào thực hành là một khó khăn lớn đối với các người, và việc biết đến Đức Chúa Trời thậm chí còn là một vấn đề lớn hơn. Đây là khó khăn của các người, và đây cũng là khó khăn mà toàn nhân loại phải đối mặt. Trong số những người đã có một số thành tựu trong sự nghiệp biết đến Đức Chúa Trời, hầu như không có ai đạt tiêu chuẩn cả. Con người không biết ý nghĩa của việc biết Đức Chúa Trời, hay tại sao cần biết Đức Chúa Trời, hay mức độ nào một người phải đạt được để biết Đức Chúa Trời. Đây chính là điều gây bối rối cho nhân loại, và nó hoàn toàn

chỉ là một bí ẩn lớn nhất mà nhân loại phải đối diện – không ai có thể trả lời câu hỏi này, cũng không ai sẵn sàng trả lời câu hỏi này, bởi vì cho đến nay, không ai giữa nhân loại đã có được bất kỳ thành công nào trong việc nghiên cứu công tác này. Có lẽ, khi bí ẩn về ba giai đoạn công tác được truyền ra cho nhân loại, sẽ xuất hiện liên tiếp một nhóm nhân tài biết đến Đức Chúa Trời. Tất nhiên, Ta hy vọng điều đó xảy ra, và hơn nữa, Ta đang trong quá trình thực hiện công tác này, và hy vọng nhìn thấy nhiều hơn sự xuất hiện của những nhân tài như thế trong tương lai gần. Họ sẽ trở thành những người làm chứng cho sự thật về ba giai đoạn công tác này, và tất nhiên, họ cũng sẽ là những người đầu tiên làm chứng về ba giai đoạn công tác này. Nhưng không có gì đau buồn và đáng tiếc hơn nếu những nhân tài như vậy không xuất hiện vào ngày mà công tác của Đức Chúa Trời kết thúc, hoặc nếu chỉ có một hoặc hai người như vậy đã đích thân chấp nhận được Đức Chúa Trời nhập thể làm cho hoàn thiện. Tuy nhiên, đây chỉ là kịch bản xấu nhất. Dù trường hợp nào đi nữa, Ta vẫn hy vọng rằng những người thực sự theo đuổi có thể có được phước lành này. Từ buổi sơ khai, chưa bao giờ có công tác như thế này; một công tác như thế chưa bao giờ xuất hiện trong lịch sử phát triển nhân loại. Nếu người có thể thực sự trở thành một trong những người đầu tiên biết đến Đức Chúa Trời, thì chẳng phải đây sẽ là vinh dự cao nhất giữa mọi loài thọ tạo sao? Liệu có bất kỳ loài thọ tạo nào giữa nhân loại sẽ được Đức Chúa Trời khen ngợi hơn thế không? Công tác như thế không dễ dàng để hoàn thành, nhưng cuối cùng vẫn sẽ gặt hái phần thưởng. Bất kể giới tính hay quốc tịch, tất cả những ai có thể đạt được sự hiểu biết về Đức Chúa Trời cuối cùng đều sẽ nhận được sự tôn vinh lớn nhất của Đức Chúa Trời, và sẽ là những người duy nhất sở hữu thẩm quyền của Đức Chúa Trời. Đây là công tác của ngày hôm nay, và nó cũng là công tác của tương lai; nó là công tác cuối cùng và cao cả nhất được hoàn thành trong 6.000 năm công tác, và nó là một cách làm việc tỏ lộ từng hạng người. Thông qua công tác khiến con người biết đến Đức Chúa Trời, những hạng người khác nhau được tỏ lộ: Những người biết đến Đức Chúa Trời có đủ tư cách để nhận lãnh các phước lành từ Đức Chúa Trời và chấp nhận những lời hứa của Ngài, trong khi những kẻ không biết đến Đức Chúa Trời thì không đủ tư cách để nhận lãnh các phước lành của Đức Chúa Trời và chấp nhận những lời hứa của Ngài. Những người biết đến Đức Chúa Trời là những thân tín của Đức Chúa Trời, còn những kẻ không biết đến Đức Chúa Trời không thể được gọi là thân tín của Đức Chúa Trời; những thân tín của Đức Chúa Trời có thể nhận lãnh bất kỳ phước lành nào của Đức Chúa Trời, còn những kẻ không phải là thân tín của Ngài thì không xứng đáng với bất kỳ công tác nào của Ngài. Dù đó là những khổ nạn, sự tinh luyện, hay sự phán xét, tất cả những điều này đều nhằm mục đích cho phép con người cuối cùng đạt

được một sự hiểu biết về Đức Chúa Trời, và để con người có thể đầu phục Đức Chúa Trời. Đây là kết quả duy nhất mà cuối cùng sẽ đạt được. Không có gì trong ba giai đoạn công tác bị che giấu, và điều này có lợi cho kiến thức của con người về Đức Chúa Trời, giúp con người có được một sự hiểu biết về Đức Chúa Trời trọn vẹn và thấu đáo hơn. Tất cả công tác này đều có lợi cho con người.

Công tác của chính Đức Chúa Trời là khái tượng mà con người phải biết, vì công tác của Đức Chúa Trời không thể đạt được bởi con người, và không do con người sở hữu. Ba giai đoạn công tác là toàn bộ sự quản lý của Đức Chúa Trời, và không có khái tượng nào vĩ đại hơn mà con người nên biết. Nếu con người không biết đến khái tượng to lớn này, thì không dễ dàng biết đến Đức Chúa Trời, và không dễ dàng hiểu được ý muốn của Đức Chúa Trời, và hơn thế nữa, con đường mà con người đang đi sẽ ngày càng trở nên gian khổ hơn. Không có các khái tượng, con người đã không thể đi xa thế này. Chính những khái tượng đã che chở con người cho đến ngày hôm nay, và đã bảo vệ con người một cách tốt nhất. Trong tương lai, kiến thức của các người phải được đào sâu, và các người phải biết đến toàn bộ ý muốn của Ngài và thực chất công việc khôn ngoan của Ngài trong ba giai đoạn công tác. Chỉ đây mới là vóc giạc thực sự của các người. Giai đoạn cuối cùng của công tác không đứng riêng lẻ, mà là một phần của tổng thể được hình thành cùng với hai giai đoạn trước, điều đó có nghĩa là không thể hoàn thành toàn bộ công tác cứu rỗi bằng cách chỉ thực hiện một trong ba giai đoạn công tác. Mặc dù giai đoạn công tác cuối có thể hoàn toàn cứu rỗi con người, điều này không có nghĩa rằng chỉ cần thực hiện mỗi một giai đoạn này thôi, và rằng hai giai đoạn công tác trước là không bắt buộc để cứu con người khỏi ảnh hưởng của Sa-tan. Không một giai đoạn đơn lẻ nào trong ba giai đoạn có thể được đưa lên như khái tượng duy nhất mà cả nhân loại phải biết đến, vì toàn bộ công tác cứu rỗi là ba giai đoạn công tác, chứ không phải một giai đoạn riêng lẻ trong số chúng. Chẳng nào công tác cứu rỗi chưa được hoàn thành, thì sự quản lý của Đức Chúa Trời sẽ không thể hoàn toàn kết thúc. Hữu thể của Đức Chúa Trời, tâm tính của Ngài, và sự khôn ngoan của Ngài được bày tỏ trong toàn bộ công tác cứu rỗi; chúng không được tỏ lộ cho con người ngay thời điểm ban đầu, mà dần dần đã được bày tỏ trong công tác cứu rỗi. Mỗi giai đoạn trong công tác cứu rỗi bày tỏ một phần tâm tính của Đức Chúa Trời, và một phần hữu thể của Ngài; không một giai đoạn công tác nào có thể bày tỏ trực tiếp và trọn vẹn toàn bộ hữu thể của Đức Chúa Trời. Như vậy, công tác cứu rỗi chỉ có thể được kết thúc hoàn toàn một khi ba giai đoạn công tác đã được hoàn thành, và vì thế, kiến thức của con người về toàn bộ Đức Chúa Trời không thể tách rời ba giai đoạn công tác của Đức Chúa Trời. Điều con người nhận được từ một giai đoạn công tác chỉ đơn thuần là tâm tính

của Đức Chúa Trời được bày tỏ trong một phần công tác riêng lẻ của Ngài. Nó không thể đại diện cho tâm tính và hữu thể được bày tỏ trong những giai đoạn trước hoặc sau. Đó là bởi vì công tác cứu rỗi nhân loại không thể được hoàn thành ngay lập tức trong một thời kỳ, hoặc tại một địa điểm, mà dần dần trở nên sâu hơn theo mức độ phát triển của con người tại những thời điểm và địa điểm khác nhau. Đó là công tác được thực hiện trong các giai đoạn, và nó không được hoàn tất trong một giai đoạn duy nhất. Vì vậy, toàn bộ sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời được kết tinh trong ba giai đoạn, thay vì trong một giai đoạn riêng lẻ. Toàn bộ hữu thể và toàn bộ sự khôn ngoan của Ngài được trải ra trong ba giai đoạn này, và mỗi giai đoạn chứa đựng hữu thể của Ngài, và mỗi giai đoạn là một bản ghi về sự khôn ngoan trong công tác của Ngài. Con người nên biết toàn bộ tâm tính của Đức Chúa Trời được bày tỏ trong ba giai đoạn này. Tất cả những điều này về hữu thể của Đức Chúa Trời là cực kỳ quan trọng đối với toàn nhân loại, và nếu con người không có kiến thức này khi họ thờ phượng Đức Chúa Trời, thì họ không khác gì những người thờ Phật. Công tác của Đức Chúa Trời giữa con người không bị che giấu khỏi con người, và tất cả những người thờ phượng Đức Chúa Trời nên biết đến. Vì Đức Chúa Trời đã thực hiện ba giai đoạn công tác cứu rỗi giữa con người, nên con người phải biết được sự bày tỏ về những gì Ngài có và về Ngài trong suốt ba giai đoạn công tác này. Đây là điều con người phải làm. Điều Đức Chúa Trời giấu con người là điều con người không có khả năng đạt được, và là điều con người không nên biết, trong khi điều Đức Chúa Trời cho con người thấy là điều con người nên biết, và là điều con người nên sở hữu. Mỗi giai đoạn trong ba giai đoạn công tác được thực hiện dựa trên nền tảng của giai đoạn trước; nó không được thực hiện một cách độc lập, tách biệt khỏi công tác cứu rỗi. Mặc dù có những khác biệt lớn trong thời đại và công tác được thực hiện, nhưng cốt lõi vẫn là sự cứu rỗi nhân loại, và mỗi giai đoạn của công tác cứu rỗi lại sâu sắc hơn giai đoạn trước đó. Mỗi giai đoạn công tác tiếp tục từ nền tảng của giai đoạn trước đó, điều không bị bãi bỏ. Theo cách này, trong công tác luôn luôn mới và không bao giờ cũ của Ngài, Đức Chúa Trời đang liên tục bày tỏ những khía cạnh tâm tính của Ngài mà trước đây chưa bao giờ được bày tỏ cho con người, và luôn tiết lộ cho con người công tác mới cùng hữu thể mới của Ngài, và dù kẻ bảo vệ tôn giáo cũ có làm hết sức để chống lại điều này, và công khai chống đối nó, thì Đức Chúa Trời vẫn luôn làm công tác mới mà Ngài dự định làm. Công tác của Ngài luôn thay đổi, và vì thế mà nó luôn gặp phải sự chống đối của con người. Vì vậy, tâm tính của Ngài cũng luôn thay đổi, cũng như thời đại và những người nhận lãnh công tác của Ngài. Hơn nữa, Ngài luôn làm công tác chưa bao giờ làm trước đó, thậm chí thực hiện công tác mà dường như đối với con người, nó mâu thuẫn với công tác đã

làm trước đó, đi ngược lại nó. Con người chỉ có thể chấp nhận một loại công tác, hoặc một con đường thực hành, và thật khó để con người chấp nhận công tác, hay những con đường thực hành không tương hợp, hay cao hơn họ. Nhưng Đức Thánh Linh luôn làm công tác mới, và vì thế xuất hiện hết nhóm này đến nhóm khác những chuyên gia tôn giáo chống đối công tác mới của Đức Chúa Trời. Những người này đã trở thành chuyên gia chính xác là bởi con người không biết vì sao mà Đức Chúa Trời luôn luôn mới và không bao giờ cũ, và không biết những nguyên tắc trong công tác của Đức Chúa Trời, và hơn nữa, không biết về nhiều cách Đức Chúa Trời cứu rỗi con người. Như thế, con người hoàn toàn không thể biết liệu đó có phải là công tác đến từ Đức Thánh Linh hay không, và liệu đó có phải là công tác của chính Đức Chúa Trời hay không. Nhiều người bám lấy một thái độ mà nếu điều gì phù hợp với những lời đã đến trước đó, thì họ chấp nhận nó, và nếu có những sự khác biệt với công tác trước đó, thì họ chống đối và chối bỏ nó. Ngày nay, chẳng phải tất cả các người đều tuân theo các nguyên tắc đó sao? Ba giai đoạn của công tác cứu rỗi chưa có bất kỳ ảnh hưởng lớn nào đến các người, và có những người tin rằng hai giai đoạn đầu tiên của công tác là một gánh nặng mà đơn giản là họ không cần biết đến. Họ nghĩ rằng những giai đoạn này không nên được công bố cho đại chúng và nên được rút lại càng sớm càng tốt, để mọi người không cảm thấy bị ngợp bởi hai giai đoạn trước trong ba giai đoạn công tác. Hầu hết mọi người tin rằng làm cho hai giai đoạn trước của công tác được biết đến đã là một bước đi quá xa, và không giúp ích gì cho việc biết Đức Chúa Trời – đó là điều các người nghĩ. Hôm nay, tất cả các người đều tin rằng hành động theo cách này là đúng, nhưng sẽ đến ngày các người nhận ra tầm quan trọng của công tác của Ta: Hãy biết rằng Ta không làm bất kỳ việc nào không có ý nghĩa. Vì Ta đang công bố ba giai đoạn công tác cho các người, nên chúng phải có lợi cho các người; vì ba giai đoạn công tác này là trọng tâm của toàn bộ sự quản lý của Đức Chúa Trời, nên chúng phải trở thành tâm điểm của tất cả mọi người trong toàn vũ trụ. Một ngày nào đó, tất cả các người đều sẽ nhận ra tầm quan trọng của công tác này. Hãy biết rằng các người chống đối công tác của Đức Chúa Trời, hoặc dùng những quan niệm của riêng các người để đo lường công tác của ngày hôm nay, là bởi vì các người không biết các nguyên tắc công tác của Đức Chúa Trời, và bởi vì sự đối đãi khinh suất của các người đối với công tác của Đức Thánh Linh. Sự chống đối Đức Chúa Trời và sự cản trở công tác của Đức Thánh Linh của các người là do những quan niệm và sự kiêu ngạo vốn có của các người gây ra. Đó không phải là vì công tác của Đức Chúa Trời sai, mà vì các người vốn quá bất tuân. Sau khi tìm thấy niềm tin của mình nơi Đức Chúa Trời, một vài người thậm chí không thể nói chắc chắn con người đến từ đâu, vậy mà họ dám phát biểu trước công chúng,

đánh giá đúng sai về công tác của Đức Thánh Linh. Họ thậm chí còn lên lớp các sứ đồ là những người có công tác mới của Đức Thánh Linh, đưa ra bình luận và nói năng bừa bãi; nhân tính của họ quá kém, và trong họ không có chút ý thức nào. Chẳng phải sẽ đến ngày những kẻ như thế bị công tác của Đức Thánh Linh loại bỏ, và bị thiêu đốt bởi lửa của địa ngục sao? Họ không biết đến công tác của Đức Chúa Trời, nhưng thay vào đó lại chỉ trích công tác của Ngài, và còn cố gắng hướng dẫn Đức Chúa Trời cách làm việc. Làm sao những kẻ vô lý như thế có thể biết Đức Chúa Trời? Con người biết đến Đức Chúa Trời trong suốt quá trình tìm kiếm và trải nghiệm; không phải qua việc bóc đồng chỉ trích mà con người biết đến Đức Chúa Trời qua sự khai sáng của Đức Thánh Linh. Kiến thức của con người về Đức Chúa Trời càng trở nên chính xác, thì họ càng ít chống đối Ngài. Ngược lại, con người biết đến Đức Chúa Trời càng ít, thì họ càng có khả năng chống đối Ngài. Những quan niệm của người, bản tính cũ của người, và nhân tính, tính cách cùng quan điểm đạo đức của người là vốn liếng mà người dùng để chống lại Đức Chúa Trời, và đạo đức của người càng bại hoại, tổ chất của người càng ghê tởm, và nhân tính của người càng thấp kém, thì người càng là kẻ thù của Đức Chúa Trời. Những kẻ sở hữu những quan niệm cố chấp và những kẻ có một tâm tính tự nên công chính thì còn thù địch hơn với Đức Chúa Trời nhập thể; những kẻ như thế là những kẻ địch lại Đấng Christ. Nếu những quan niệm của người không được chỉnh đốn, thì chúng sẽ luôn luôn chống lại Đức Chúa Trời; người sẽ không bao giờ tương hợp với Đức Chúa Trời, và sẽ luôn luôn xa cách Ngài.

Chỉ bằng việc gạt những quan niệm cũ kỹ của người sang một bên, người mới có thể có được kiến thức mới, tuy nhiên kiến thức cũ không nhất thiết tương đương với những quan niệm cũ. “Những quan niệm” đề cập đến những điều con người tưởng tượng ra và không phù hợp với hiện thực. Nếu kiến thức cũ đã lỗi thời trong thời đại cũ và ngăn cản con người bước vào công tác mới, thì kiến thức như thế cũng là một quan niệm. Nếu con người có thể tiếp cận đúng đắn kiến thức như thế và có thể biết đến Đức Chúa Trời từ vài khía cạnh khác nhau, kết hợp cái cũ và cái mới, thì kiến thức cũ trở thành một sự trợ giúp cho con người, và trở thành cơ sở để con người bước vào thời đại mới. Bài học nhận biết Đức Chúa Trời đòi hỏi người phải nắm vững nhiều nguyên tắc: làm sao để bước vào con đường dẫn đến việc biết đến Đức Chúa Trời, những lẽ thật nào người phải hiểu được để biết Đức Chúa Trời, và làm sao để loại bỏ những quan niệm và tâm tính cũ của người hầu cho người có thể đầu phục mọi sự sắp đặt trong công tác mới của Đức Chúa Trời. Nếu người sử dụng những nguyên tắc này làm nền tảng cho sự bước vào bài học nhận biết Đức Chúa Trời, thì kiến thức của người sẽ trở nên ngày càng sâu sắc hơn. Nếu người có

một kiến thức rõ ràng về ba giai đoạn công tác – nghĩa là, về toàn bộ kế hoạch quản lý của Đức Chúa Trời – và nếu người có thể hoàn toàn liên hệ hai giai đoạn đầu trong công tác của Đức Chúa Trời với giai đoạn hiện tại, và thấy rằng đó chính là công tác do một Đức Chúa Trời thực hiện, thì người sẽ có một nền tảng vững chắc vô song. Ba giai đoạn công tác đã được thực hiện bởi một Đức Chúa Trời; đây là khái tượng vĩ đại nhất, và đây là con đường duy nhất để biết đến Đức Chúa Trời. Ba giai đoạn công tác chỉ có thể được thực hiện bởi chính Đức Chúa Trời, và không con người nào có thể làm công tác như thế thay Ngài – nói vậy nghĩa là chỉ có chính Đức Chúa Trời mới có thể thực hiện công tác của chính Ngài từ buổi sơ khai cho đến hôm nay. Mặc dù ba giai đoạn công tác của Đức Chúa Trời đã được thực hiện trong những thời đại và địa điểm khác nhau, và mặc dù công tác của mỗi giai đoạn là khác nhau, nhưng đó đều là tất cả những công tác do một Đức Chúa Trời thực hiện. Trong tất cả những khái tượng, đây là khái tượng vĩ đại nhất mà con người nên biết, và nếu con người có thể hiểu được nó hoàn toàn, thì họ sẽ có thể đứng vững. Hôm nay, vấn đề lớn nhất mà các tôn giáo và giáo phái khác nhau đang đối mặt là họ không biết đến công tác của Đức Thánh Linh, và không thể phân biệt công tác nào của Đức Thánh Linh và công tác nào không – bởi vậy, họ không thể biết liệu giai đoạn công tác này, như hai giai đoạn công tác trước, cũng được thực hiện bởi Giê-hô-va Đức Chúa Trời hay không. Mặc dù mọi người theo Đức Chúa Trời, nhưng hầu hết vẫn không thể biết liệu đó có phải là con đường đúng hay không. Con người lo lắng liệu con đường này có phải là con đường do đích thân Đức Chúa Trời dẫn dắt hay không, và sự nhập thể của Đức Chúa Trời có phải là sự thật hay không, và hầu hết mọi người vẫn không có manh mối nào về cách phân biệt những điều như thế. Những người theo Đức Chúa Trời không thể xác định con đường, và vì thế, những sứ điệp được phán ra chỉ có một phần ảnh hưởng giữa những người này, và không thể có hiệu quả đầy đủ, và do đó, việc này sẽ ảnh hưởng đến lối vào sự sống của những người như thế. Nếu con người có thể thấy trong ba giai đoạn công tác rằng chúng được chính Đức Chúa Trời thực hiện tại những thời điểm khác nhau, tại những địa điểm khác nhau, và ở những con người khác nhau; nếu con người có thể thấy rằng mặc dù công tác có khác nhau, nhưng tất cả đều do một Đức Chúa Trời thực hiện, và rằng vì nó là công tác do một Đức Chúa Trời thực hiện, nên nó phải đúng và không có sai sót, và rằng dù nó có không phù hợp với những quan niệm của con người, nhưng không thể phủ nhận rằng đó là công tác của một Đức Chúa Trời – nếu con người có thể nói chắc chắn rằng đó chính là công tác của một Đức Chúa Trời, thì những quan niệm của con người sẽ chỉ còn là chuyện vật vãnh, không đáng nói. Bởi vì những khái tượng của con người không rõ ràng, và bởi vì con người chỉ biết

Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời, và Jê-sus là Chúa, và còn đang do dự về Đức Chúa Trời nhập thể của ngày hôm nay, nên nhiều người vẫn tận hiến cho công tác của Đức Giê-hô-va và Jê-sus, và bị bủa vây bởi những quan niệm về công tác của ngày hôm nay, hầu hết mọi người đều luôn luôn nghi ngờ, và không xem trọng công tác của ngày hôm nay. Con người không có những quan niệm về hai giai đoạn công tác trước, vốn không thể nhìn thấy được. Đó là vì con người không hiểu được hiện thực của hai giai đoạn công tác trước, và đã không đích thân chứng kiến chúng. Chính vì những giai đoạn công tác này không thể được nhìn thấy nên con người tưởng tượng ra tùy thích; bất kể điều họ đưa ra là gì, thì không có sự thật nào để chứng minh cho những sự tưởng tượng ấy, và không có ai để chỉnh đốn chúng. Con người buông lỏng tính khí của mình, liều lĩnh trong hành động và tự do tưởng tượng; không có sự thật nào để chứng thực cho những sự tưởng tượng của họ, cho nên những sự tưởng tượng của con người trở thành “sự thật”, bất kể có bằng chứng nào hay không. Do đó, con người tin vào Đức Chúa Trời do họ tự tưởng tượng ra trong tâm trí mình, và không tìm kiếm Đức Chúa Trời của hiện thực. Nếu một người có một kiểu niềm tin, thì trong một trăm người có một trăm kiểu niềm tin. Con người sở hữu những niềm tin như thế bởi vì họ chưa nhìn thấy hiện thực công tác của Đức Chúa Trời, bởi vì con người chỉ nghe thấy nó bằng tai và chưa nhìn thấy nó bằng mắt. Con người đã nghe những truyền thuyết và những câu chuyện – nhưng hiếm khi họ nghe thấy kiến thức về sự thật công tác của Đức Chúa Trời. Như thế, những người chỉ mới là tín đồ được một năm đã bắt đầu tin vào Đức Chúa Trời thông qua những quan niệm của riêng mình. Điều đó cũng tương tự đối với những người đã tin Đức Chúa Trời trọn đời mình. Những ai không thể nhìn thấy sự thật sẽ không bao giờ có thể thoát khỏi một đức tin mà trong đó họ có những quan niệm về Đức Chúa Trời. Con người tin rằng họ đã giải phóng chính mình khỏi ràng buộc của những quan niệm cũ của họ, và đã bước vào địa hạt mới. Chẳng lẽ con người không biết rằng kiến thức của những ai không thể nhìn thấy gương mặt thật của Đức Chúa Trời không là gì ngoài những quan niệm và lời đồn sao? Con người nghĩ rằng những quan niệm của họ là đúng và không có gì sai trật, và họ nghĩ rằng những quan niệm này đến từ Đức Chúa Trời. Hôm nay, khi con người chứng kiến công tác của Đức Chúa Trời, họ buông lỏng những quan niệm đã được bồi đắp trong nhiều năm. Những sự tưởng tượng và tư tưởng của quá khứ đã trở thành một rào cản cho công tác của giai đoạn này, và con người đã trở nên khó mà buông bỏ những quan niệm như thế và bác lại những tư tưởng như thế. Những quan niệm đối với công tác từng bước một này của nhiều người đã theo Đức Chúa Trời đến ngày hôm nay đã trở nên ngày càng tai hại hơn bao giờ hết, và những người này dần dần hình thành sự thù hằn ngoan cố đối với

Đức Chúa Trời nhập thể. Nguồn gốc của lòng căm ghét này nằm ở những quan niệm và sự tưởng tượng của con người. Những quan niệm và sự tưởng tượng của con người đã trở thành kẻ thù của công tác ngày nay, công tác mâu thuẫn với những quan niệm của con người. Điều này xảy ra chính vì sự thật không cho phép con người tự do tưởng tượng, và hơn nữa, không thể dễ dàng bị con người bác bỏ, và vì những quan niệm cùng tưởng tượng của con người không chấp nhận sự tồn tại của sự thật, và hơn thế nữa, vì con người không nghĩ đến tính đúng đắn và xác thực của sự thật, và chỉ nhất quyết buông thả những quan niệm của mình, cũng như sử dụng trí tưởng tượng của mình. Điều này chỉ có thể nói là sai lầm của những quan niệm của con người, và không thể nói là sai lầm của công tác của Đức Chúa Trời. Con người có thể tưởng tượng ra bất cứ điều gì họ muốn, nhưng họ không thể tự do bàn cãi bất kỳ giai đoạn nào trong công tác của Đức Chúa Trời hoặc bất kỳ điều nhỏ nào trong đó; sự thật về công tác của Đức Chúa Trời là bất khả xâm phạm với con người. Người có thể tự do tưởng tượng, và thậm chí có thể biên soạn nhiều câu chuyện hay về công tác của Đức Giê-hô-va và Jê-sus, nhưng người không thể bác bỏ sự thật về mỗi giai đoạn công tác của Đức Giê-hô-va và Jê-sus; đây là nguyên tắc, và nó cũng là một sắc lệnh quản trị, và các người phải hiểu được tầm quan trọng của những vấn đề này. Con người tin rằng giai đoạn công tác này không tương hợp với những quan niệm của con người, và rằng hai giai đoạn công tác trước đó thì không như vậy. Trong trí tưởng tượng của mình, con người tin rằng công tác của hai giai đoạn trước chắc chắn không giống với công tác của ngày hôm nay – nhưng người có bao giờ suy xét rằng các nguyên tắc công tác của Đức Chúa Trời thì đều giống nhau, rằng công tác của Ngài luôn thực tế, và rằng, bất kể thời đại nào, sẽ luôn có đầy những kẻ kháng cự và chống đối sự thật về công tác của Ngài chưa? Tất cả những kẻ hôm nay kháng cự và chống đối giai đoạn công tác này chắc chắn cũng đã chống đối Đức Chúa Trời trong quá khứ, vì những kẻ như thế sẽ luôn luôn là những kẻ thù của Đức Chúa Trời. Những người biết sự thật về công tác của Đức Chúa Trời sẽ xem ba giai đoạn công tác đều là công tác của một Đức Chúa Trời, và sẽ buông bỏ những quan niệm của họ. Đây là những người biết Đức Chúa Trời, và những người như thế là những người thực sự theo Đức Chúa Trời. Khi toàn bộ sự quản lý của Đức Chúa Trời gần kết thúc, Đức Chúa Trời sẽ phân muôn vật theo loại. Con người được tạo ra bởi bàn tay của Đấng Tạo Hóa, và cuối cùng, Ngài phải đưa con người hoàn toàn trở về dưới quyền thống trị của Ngài; đây là sự kết thúc của ba giai đoạn công tác. Giai đoạn công tác của thời kỳ sau rồi, và hai giai đoạn trước tại Y-sơ-ra-ên và Giu-đê, là kế hoạch quản lý của Đức Chúa Trời trong toàn vũ trụ. Không ai có thể phủ nhận điều này, và đó là sự thật về công tác của Đức Chúa Trời.

Mặc dù mọi người chưa trải qua hay chứng kiến nhiều về công tác này, nhưng sự thật vẫn là sự thật, và đây là điều không thể phủ nhận bởi bất kỳ con người nào. Tất cả những người tin vào Đức Chúa Trời ở mọi vùng đất trong vũ trụ đều sẽ chấp nhận ba giai đoạn công tác. Nếu người chỉ biết đến một giai đoạn công tác cụ thể, và không hiểu được hai giai đoạn công tác kia, không hiểu được công tác của Đức Chúa Trời trong quá khứ, thì người không thể nói được tất cả chân tướng về toàn bộ kế hoạch quản lý của Đức Chúa Trời, và kiến thức của người về Đức Chúa Trời là phiến diện, vì trong niềm tin của người nơi Đức Chúa Trời, người không biết hoặc không hiểu được Ngài, và vì thế, người không phù hợp để làm chứng về Đức Chúa Trời. Bất kể kiến thức hiện tại của người về những điều này là sâu sắc hay nông cạn, thì cuối cùng, các người phải có kiến thức, và phải được thuyết phục hoàn toàn, và tất cả mọi người sẽ nhìn thấy toàn bộ công tác của Đức Chúa Trời và đầu phục dưới sự thống trị của Đức Chúa Trời. Vào lúc kết thúc công tác này, mọi tôn giáo sẽ trở thành một, mọi loài thọ tạo sẽ trở về dưới sự thống trị của Đấng Tạo Hóa, mọi loài thọ tạo sẽ thờ phượng Đức Chúa Trời thật duy nhất, và mọi tà giáo sẽ chẳng còn, không bao giờ xuất hiện nữa.

Tại sao có sự đề cập liên tục này đến ba giai đoạn công tác? Sự trôi qua của các thời đại, sự phát triển xã hội, và bộ mặt của tự nhiên thay đổi đều theo sau những thay đổi trong ba giai đoạn công tác. Nhân loại thay đổi theo công tác của Đức Chúa Trời, và không tự phát triển. Ba giai đoạn công tác của Đức Chúa Trời được đề cập đến để đem tất cả các loài thọ tạo, và tất cả mọi người trong mọi tôn giáo và giáo phái về dưới sự thống trị của một Đức Chúa Trời. Bất kể người thuộc tôn giáo nào, cuối cùng tất cả các người đều sẽ đầu phục dưới sự thống trị của Đức Chúa Trời. Chỉ chính Đức Chúa Trời mới có thể thực hiện công tác này; nó không thể được thực hiện bởi bất kỳ người đứng đầu tôn giáo nào. Có vài tôn giáo chính trên thế giới, và mỗi tôn giáo có người đứng đầu, hay người lãnh đạo riêng, và những tín hữu trải khắp các quốc gia và các tôn giáo khác nhau trên toàn thế giới; hầu hết mọi quốc gia, dù lớn hay nhỏ, đều có những tôn giáo khác nhau trong đó. Tuy nhiên, bất kể trên toàn thế giới có bao nhiêu tôn giáo, thì mọi người trong vũ trụ cuối cùng đều tồn tại dưới sự hướng dẫn của một Đức Chúa Trời, và sự tồn tại của họ không được hướng dẫn bởi những người đứng đầu hay các nhà lãnh đạo tôn giáo. Điều này có nghĩa là nhân loại không được hướng dẫn bởi một người đứng đầu hay một nhà lãnh đạo tôn giáo cụ thể; thay vào đó, toàn thể nhân loại được dẫn dắt bởi Đấng Tạo Hóa, Đấng đã tạo nên trời đất và vạn vật, và cũng tạo nên loài người – đây là một thực tế. Mặc dù thế giới có vài tôn giáo chính, bất kể chúng có lớn thế nào, thì tất cả chúng đều tồn tại dưới sự thống trị của Đấng Tạo Hóa, và không tôn giáo nào có thể

vượt ngoài phạm vi của sự thống trị này. Sự phát triển của nhân loại, sự biến đổi của xã hội, sự phát triển của khoa học tự nhiên – từng thứ đều không thể tách khỏi những sự sắp đặt của Đấng Tạo Hóa, và công tác này không phải là thứ có thể được thực hiện bởi một người đứng đầu tôn giáo nhất định nào. Một người đứng đầu tôn giáo chỉ đơn thuần là một nhà lãnh đạo của một tôn giáo cụ thể, và không thể đại diện cho Đức Chúa Trời, họ cũng không thể đại diện cho Đấng đã tạo nên trời đất và vạn vật. Một người đứng đầu tôn giáo có thể lãnh đạo tất cả những người trong toàn tôn giáo, nhưng họ không thể chỉ huy mọi loài thọ tạo bên dưới các tầng trời – đây là một thực tế được thừa nhận toàn cầu. Một người đứng đầu tôn giáo chỉ đơn thuần là một nhà lãnh đạo, và không thể đứng ngang hàng với Đức Chúa Trời (Đấng Tạo Hóa). Vạn vật đều nằm trong tay của Đấng Tạo Hóa, và cuối cùng, tất cả chúng đều sẽ trở về với bàn tay của Đấng Tạo Hóa. Nhân loại được Đức Chúa Trời tạo nên, và bất kể tôn giáo nào, mọi người sẽ trở về dưới sự thống trị của Đức Chúa Trời – điều này là không thể tránh khỏi. Chỉ có Đức Chúa Trời là Đấng Chí cao giữa vạn vật, và người cai trị cao nhất giữa muôn loài thọ tạo cũng phải trở về dưới sự thống trị của Ngài. Cho dù địa vị của một con người có cao đến đâu, người đó cũng không thể đưa nhân loại đến một đích đến phù hợp, và không ai có thể phân chia vạn vật theo loại. Chính Đức Giê-hô-va đã tạo ra loài người và phân chia từng người theo loại, và khi đến thời điểm kết thúc, Ngài sẽ vẫn tự làm công tác của mình, phân chia vạn vật theo loại – công tác này không thể được thực hiện bởi bất kỳ ai ngoài Đức Chúa Trời. Cả ba giai đoạn công tác đã được thực hiện từ buổi sơ khai cho đến ngày hôm nay đều được thực hiện bởi chính Đức Chúa Trời, và đã được thực hiện bởi một Đức Chúa Trời. Sự thật về ba giai đoạn công tác là sự thật về sự dẫn dắt toàn nhân loại của Đức Chúa Trời, một sự thật không ai có thể phủ nhận. Vào thời điểm cuối của ba giai đoạn công tác, vạn vật sẽ được phân chia theo loại và trở về dưới sự thống trị của Đức Chúa Trời, vì trong toàn cõi vũ trụ chỉ tồn tại một Đức Chúa Trời duy nhất này, và không có các tôn giáo nào khác. Ai không có khả năng tạo ra thế giới sẽ không có khả năng chấm dứt nó, trong khi Đấng đã tạo ra thế giới chắc chắn có khả năng chấm dứt nó. Vì thế, nếu một người không thể chấm dứt thời đại và chỉ đơn thuần có thể giúp con người tu dưỡng tâm trí họ, thì chắc chắn người đó sẽ không phải là Đức Chúa Trời, và chắc chắn sẽ không phải là Chúa của loài người. Họ sẽ không có khả năng thực hiện công tác vĩ đại như thế; chỉ có một Đấng duy nhất có thể thực hiện công tác đó, và tất cả những người không thể làm công tác này chắc chắn là những kẻ thù và không phải là Đức Chúa Trời. Mọi tà giáo đều không tương hợp với Đức Chúa Trời, và vì chúng không tương hợp với Đức Chúa Trời, nên chúng là những kẻ thù của Đức Chúa Trời. Tất cả mọi công tác đều được

thực hiện bởi Đức Chúa Trời thật duy nhất này, và toàn thể vũ trụ được chỉ huy bởi một Đức Chúa Trời duy nhất này. Bất kể đó là công tác của Ngài ở Y-sơ-ra-ên hay Trung Quốc, bất kể công tác được thực hiện bởi Thần hay bởi xác thịt, tất cả đều được làm bởi chính Đức Chúa Trời, và không ai khác có thể làm được. Chính vì Ngài là Đức Chúa Trời của cả nhân loại mà Ngài làm việc tự do, không bị ràng buộc bởi bất kỳ điều kiện nào – đây là khái tượng vĩ đại nhất trong mọi khái tượng. Là một loài thọ tạo của Đức Chúa Trời, nếu người mong muốn thực hiện bổn phận của một loài thọ tạo của Đức Chúa Trời và hiểu được ý muốn của Đức Chúa Trời, thì người phải hiểu được công tác của Đức Chúa Trời, người phải hiểu được ý muốn của Đức Chúa Trời đối với các loài thọ tạo, người phải hiểu được kế hoạch quản lý của Ngài, và người phải hiểu được toàn bộ ý nghĩa của những công tác Ngài làm. Những ai không hiểu được điều này thì không phải là loài thọ tạo đủ tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời. Là một loài thọ tạo của Đức Chúa Trời, nếu người không hiểu người đến từ đâu, không hiểu lịch sử nhân loại và tất cả công tác do Đức Chúa Trời thực hiện, và hơn thế nữa, không hiểu nhân loại đã phát triển thế nào cho đến ngày nay, và không hiểu ai chỉ huy toàn nhân loại, thì người không có khả năng thực hiện bổn phận của mình. Đức Chúa Trời đã dẫn dắt nhân loại cho đến ngày nay, và kể từ khi Ngài tạo ra con người trên đất, Ngài chưa bao giờ rời xa họ. Đức Thánh Linh không bao giờ ngừng làm việc, chưa bao giờ ngừng dẫn dắt loài người, và chưa bao giờ rời xa loài người. Nhưng loài người không nhận ra rằng có một Đức Chúa Trời, càng không biết đến Đức Chúa Trời. Đối với tất cả những loài thọ tạo của Đức Chúa Trời thì có điều gì nhục nhã hơn điều này không? Đức Chúa Trời đích thân dẫn dắt con người, nhưng con người không hiểu công tác của Ngài. Người là một loài thọ tạo của Đức Chúa Trời, nhưng người không hiểu lịch sử của chính mình, và không biết ai đã dẫn dắt người trên hành trình của mình, người chẳng để ý gì đến công tác do Đức Chúa Trời thực hiện, và vì vậy, người không thể biết Đức Chúa Trời. Nếu bây giờ người vẫn không biết, thì người sẽ không bao giờ đủ tư cách để làm chứng về Đức Chúa Trời. Hôm nay, Đấng Tạo Hóa đích thân dẫn dắt tất cả mọi người một lần nữa, và khiến tất cả mọi người thấy được sự khôn ngoan, sự toàn năng, sự cứu rỗi, và sự kỳ diệu của Ngài. Vậy mà người vẫn không nhận ra hoặc hiểu được – vì thế, chẳng phải người là một kẻ sẽ không nhận được sự cứu rỗi sao? Những kẻ thuộc về Sa-tan không hiểu được lời Đức Chúa Trời, trong khi những ai thuộc về Đức Chúa Trời có thể nghe thấy tiếng của Đức Chúa Trời. Tất cả những ai nhận ra và hiểu được những lời Ta phán đều là những người sẽ được cứu rỗi và là những người sẽ làm chứng về Đức Chúa Trời; tất cả những kẻ không hiểu những lời Ta phán thì không thể làm chứng về Đức Chúa Trời, và là những kẻ sẽ bị loại bỏ. Những kẻ không hiểu ý muốn

của Đức Chúa Trời và không nhận ra công tác của Đức Chúa Trời thì không có khả năng có được kiến thức về Đức Chúa Trời, và những kẻ như thế không thể làm chứng về Đức Chúa Trời. Nếu người mong muốn làm chứng về Đức Chúa Trời, thì người phải biết đến Đức Chúa Trời; kiến thức về Đức Chúa Trời đạt được thông qua công tác của Đức Chúa Trời. Tóm lại, nếu người mong muốn biết đến Đức Chúa Trời, thì người phải biết công tác của Đức Chúa Trời: Việc biết công tác của Đức Chúa Trời là vô cùng quan trọng. Khi ba giai đoạn công tác đến hồi kết thúc, sẽ có một nhóm người làm chứng về Đức Chúa Trời, một nhóm người biết Đức Chúa Trời. Tất cả những người này sẽ biết Đức Chúa Trời và sẽ có thể đưa lẽ thật vào thực hành. Họ sẽ sở hữu nhân tính và ý thức, và tất cả đều sẽ biết về ba giai đoạn trong công tác cứu rỗi của Đức Chúa Trời. Đây là công tác sẽ được hoàn thành vào sau cuối, và những người này là sự kết tinh của công tác quản lý 6.000 năm, và là lời chứng mạnh mẽ nhất về thất bại sau cùng của Sa-tan. Những ai có thể làm chứng về Đức Chúa Trời sẽ có thể nhận được lời hứa và phước lành của Đức Chúa Trời, và sẽ là nhóm người còn sót lại sau cùng, nhóm người sở hữu thẩm quyền của Đức Chúa Trời và làm chứng về Đức Chúa Trời. Có lẽ tất cả mọi người trong số các người đều có thể trở thành một thành viên của nhóm này, hoặc có lẽ chỉ một nửa, hoặc chỉ một vài người – điều đó tùy thuộc vào ý chí và sự theo đuổi của các người.

Nhân loại bại hoại càng cần hơn sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời nhập thể

Đức Chúa Trời trở nên xác thịt bởi vì đối tượng công tác của Ngài không phải là linh hồn của Sa-tan, hoặc bất kỳ vật vô hình nào, mà là con người, của xác thịt và đã bị làm bại hoại bởi Sa-tan. Chính xác là vì xác thịt của con người đã bị làm cho bại hoại nên Đức Chúa Trời đã lấy con người xác thịt làm đối tượng công tác của Ngài; hơn nữa, bởi vì con người là đối tượng của sự bại hoại, nên Đức Chúa Trời đã lấy con người làm đối tượng công tác duy nhất của Ngài xuyên suốt tất cả các giai đoạn trong công tác cứu rỗi của Ngài. Con người là phàm nhân, của thịt và huyết, và Đức Chúa Trời là Đấng duy nhất có thể cứu rỗi con người. Bằng cách này, Đức Chúa Trời phải trở nên một xác thịt sở hữu những thuộc tính giống như con người để thực hiện công tác của Ngài, để cho công tác của Ngài có thể đạt hiệu quả tốt hơn. Đức Chúa Trời phải trở nên xác thịt để làm công tác của Ngài chính xác vì con người là thuộc xác thịt, và không có khả năng chiến thắng tội lỗi hoặc tháo gỡ bản thân khỏi xác thịt. Mặc dù thực chất và thân phận của Đức Chúa Trời nhập thể khác biệt rất nhiều so với thực chất và thân phận của con người, nhưng về bề ngoài của

Ngài thì giống hệt với vẻ bề ngoài của con người; Ngài có vẻ bề ngoài của một người bình thường, và sống đời sống của một người bình thường, và những ai gặp Ngài không thể nhận ra sự khác biệt với một người bình thường. Vẻ bề ngoài bình thường và nhân tính bình thường này đủ để Ngài thực hiện công tác thần thánh trong nhân tính bình thường. Xác thịt của Ngài cho phép Ngài thực hiện công tác trong nhân tính bình thường, và giúp Ngài thực hiện công tác giữa con người, và nhân tính bình thường của Ngài, hơn nữa, giúp Ngài tiến hành công tác cứu rỗi giữa con người. Mặc dù nhân tính bình thường của Ngài đã gây nhiều xáo động giữa con người, nhưng sự xáo động như thế không ảnh hưởng đến những hiệu quả bình thường trong công tác của Ngài. Nói tóm lại, công tác trong xác thịt bình thường của Ngài vô cùng có lợi cho con người. Mặc dù phần lớn mọi người không chấp nhận nhân tính bình thường của Ngài, nhưng công tác của Ngài vẫn có thể đạt được kết quả, và những kết quả này đạt được nhờ vào nhân tính bình thường của Ngài. Không nghi ngờ gì về điều này. Từ công tác của Ngài trong xác thịt, con người thu được nhiều thứ hơn gấp mười lần hoặc hàng chục lần những quan niệm tồn tại giữa con người về nhân tính bình thường của Ngài, và tất cả những quan niệm như thế cuối cùng đều sẽ bị nuốt chửng bởi công tác của Ngài. Và hiệu quả mà công tác của Ngài đã đạt được, có nghĩa là, sự hiểu biết mà con người có về Ngài, vượt xa những quan niệm của con người về Ngài. Không có cách nào để tưởng tượng hoặc đo lường công tác mà Ngài thực hiện trong xác thịt, bởi xác thịt của Ngài không giống như của bất kỳ con người xác thịt nào; mặc dù lớp vỏ bề ngoài thì giống hệt nhau, nhưng thực chất thì không giống nhau. Xác thịt của Ngài gây ra nhiều quan niệm giữa con người về Đức Chúa Trời, nhưng xác thịt của Ngài cũng có thể cho phép con người có được nhiều sự hiểu biết, và thậm chí còn có thể chinh phục bất kỳ con người nào sở hữu lớp vỏ bề ngoài tương tự. Bởi Ngài không chỉ đơn thuần là một con người, mà còn là Đức Chúa Trời với lớp vỏ bề ngoài của một con người, và không ai hoàn toàn có thể dò lường hoặc hiểu được Ngài. Một Đức Chúa Trời không thể thấy được và vô hình được mọi người yêu mến và chào đón. Nếu Đức Chúa Trời chỉ là một Thần vô hình đối với con người, thì quá dễ dàng để con người tin vào Đức Chúa Trời. Người ta có thể tự do tưởng tượng, có thể chọn bất kỳ hình ảnh nào họ muốn làm hình tượng của Đức Chúa Trời để làm hài lòng chính mình và khiến mình cảm thấy vui. Bằng cách này, người ta có thể làm bất kỳ điều gì mà Đức Chúa Trời của bản thân họ thích và muốn họ làm nhất, mà không có bất kỳ sự đắn đo nào. Còn nữa, người ta tin rằng không ai trung thành và sùng đạo hơn họ đối với Đức Chúa Trời, và rằng tất cả những kẻ khác là những con chó ngoại lai và bất trung với Đức Chúa Trời. Có thể nói rằng đây là điều được tìm kiếm bởi những ai có niềm tin nơi

Đức Chúa Trời mơ hồ và dựa trên giáo lý; những gì họ tìm kiếm đều giống nhau, rất ít sự khác biệt. Đơn thuần là những hình ảnh về Đức Chúa Trời trong trí tưởng tượng của họ thì khác nhau, nhưng thực chất của chúng thực sự đều như nhau.

Con người không băn khoăn về niềm tin vô tư của họ vào Đức Chúa Trời và tin vào Đức Chúa Trời theo bất kỳ cách nào họ muốn. Đây là một trong những “quyền lợi và sự tự do của con người”, điều không ai có thể can thiệp, bởi người ta tin vào Đức Chúa Trời của chính họ chứ không phải Đức Chúa Trời của bất kỳ ai khác; đó là quyền sở hữu cá nhân của họ, và hầu hết mọi người đều có loại quyền sở hữu cá nhân này. Người ta coi quyền sở hữu này là một kho báu quý giá, nhưng đối với Đức Chúa Trời thì không có gì thấp hèn hoặc vô giá trị hơn, bởi không có biểu thị chống đối Đức Chúa Trời nào rõ ràng hơn quyền sở hữu cá nhân này của con người. Chính vì công tác của Đức Chúa Trời nhập thể mà Đức Chúa Trời trở nên xác thịt với một hình dáng hữu hình, và là Đấng mà con người có thể thấy và chạm vào. Ngài không phải là một Thần vô hình, mà là một xác thịt con người có thể thấy và tiếp xúc. Tuy nhiên, hầu hết những vị Đức Chúa Trời mà con người tin là những vị thần không xác thịt, vô hình, cũng có hình dáng tự do. Bằng cách này, Đức Chúa Trời nhập thể đã trở thành kẻ thù của hầu hết những ai tin vào Đức Chúa Trời, và những ai không thể chấp nhận sự thật về sự nhập thể của Đức Chúa Trời, tương tự, đã trở thành những kẻ đối nghịch với Đức Chúa Trời. Con người sở hữu những quan niệm không phải vì cách tư duy hay sự phản nghịch của họ, mà vì quyền sở hữu cá nhân này của con người. Chính vì quyền sở hữu cá nhân này mà hầu hết con người chết, và chính vị Đức Chúa Trời mơ hồ không thể chạm đến, không thể nhìn thấy, và không tồn tại sự thật này đã hủy hoại đời sống con người. Đời sống con người bị tước mất không bởi Đức Chúa Trời nhập thể, càng không phải Đức Chúa Trời của thiên đàng, mà bởi Đức Chúa Trời trong chính sự tưởng tượng của con người. Lý do duy nhất mà Đức Chúa Trời nhập thể đã đến trong xác thịt là vì nhu cầu của con người bại hoại. Đó là vì nhu cầu của con người, chứ không phải của Đức Chúa Trời, và tất cả những sự hy sinh và đau khổ của Ngài là vì lợi ích của con người, chứ không vì lợi ích của chính Đức Chúa Trời. Không có sự thiệt hơn hoặc phần thưởng nào đối với Đức Chúa Trời; Ngài sẽ không gặt hái vụ mùa nào đó trong tương lai, mà là những thứ mà ban đầu đã thuộc sở hữu của Ngài. Tất cả những gì Ngài làm và hy sinh cho nhân loại không phải là để Ngài có thể nhận được những phần thưởng to lớn, mà hoàn toàn là vì lợi ích của nhân loại. Mặc dù công tác trong xác thịt của Đức Chúa Trời bao gồm nhiều khó khăn không thể tưởng tượng được, nhưng cuối cùng hiệu quả nó đạt được vượt xa những công việc được thực hiện trực tiếp bởi Thần. Công tác của xác thịt đòi hỏi nhiều khó khăn, và xác thịt không thể có thân phận vĩ đại

giống như Thần, Ngài không thể thực hiện những việc siêu phàm giống như Thần, càng không thể có thẩm quyền giống như Thần. Tuy nhiên, thực chất công tác thực hiện bởi xác thịt tầm thường này lại vượt trội hơn nhiều so với công tác được Thần trực tiếp thực hiện, và chính xác thịt này là sự đáp ứng cho những nhu cầu của cả nhân loại. Đối với những người sẽ được cứu rỗi, giá trị sử dụng của Thần thấp hơn nhiều so với xác thịt: Công tác của Thần có thể bao trùm toàn thể vũ trụ, xuyên khắp tất cả núi non, sông hồ, và đại dương, nhưng công tác của xác thịt liên quan một cách hiệu quả hơn đến từng người Ngài tiếp xúc. Hơn nữa, xác thịt của Đức Chúa Trời với hình dạng hữu hình có thể được con người hiểu và tin cậy hơn, có thể làm sâu sắc hơn sự hiểu biết của con người về Đức Chúa Trời, và có thể để lại cho con người một ấn tượng sâu sắc hơn về những việc làm thực sự của Đức Chúa Trời. Công tác của Thần bị phủ màn huyền bí; người phàm khó mà dò lường được, và thậm chí họ còn khó thấy hơn, và vì thế họ chỉ có thể dựa vào những tưởng tượng rỗng tuếch. Tuy nhiên, công tác của xác thịt thì bình thường, dựa trên hiện thực, giàu sự khôn ngoan, và là một sự thật có thể nhìn thấy bằng mắt trần của con người; con người có thể tự mình trải nghiệm sự khôn ngoan trong công tác của Đức Chúa Trời, và không cần sử dụng trí tưởng tượng phong phú của họ. Đây là tính chính xác và giá trị thực trong công tác của Đức Chúa Trời trong xác thịt. Thần chỉ có thể làm những điều con người không thể thấy và khó tưởng tượng ra, ví dụ như sự khai sáng của Thần, sự lay động của Thần, và sự hướng dẫn của Thần, nhưng đối với con người có trí tuệ, thì những điều này không mang lại bất kỳ ý nghĩa rõ ràng nào. Chúng chỉ mang lại một sự lay động, hoặc một ý nghĩa tổng quát, và không thể đưa ra chỉ dẫn bằng lời. Tuy nhiên, công tác của Đức Chúa Trời trong xác thịt thì khác biệt rất nhiều: Nó đòi hỏi sự hướng dẫn chính xác của lời, nó có ý muốn rõ ràng, và có những mục tiêu yêu cầu rõ ràng. Và vì thế con người không cần phải dò dẫm xung quanh, hoặc sử dụng trí tưởng tượng của mình, càng không cần phải suy đoán. Đây là sự rõ ràng của công tác trong xác thịt, và nó khác nhiều so với công tác của Thần. Công tác của Thần chỉ phù hợp cho một phạm vi giới hạn và không thể thay thế công tác của xác thịt. Công tác của xác thịt mang lại cho con người những mục tiêu chính xác, cần thiết hơn nhiều và sự hiểu biết thực hơn, có giá trị hơn nhiều so với công tác của Thần. Công tác có giá trị lớn nhất đối với con người bại hoại là cung cấp những lời chính xác, những mục tiêu rõ ràng để theo đuổi, và những điều có thể trông thấy và chạm vào. Chỉ có công tác thực tế và sự hướng dẫn đúng lúc mới phù hợp với thị hiếu của con người, và chỉ có công tác thực tế mới có thể cứu rỗi con người khỏi tâm tính bại hoại và suy đồi của họ. Điều này chỉ có thể đạt được bởi Đức Chúa Trời nhập thể; chỉ có Đức Chúa Trời nhập thể mới có thể cứu rỗi con người khỏi tâm tính

bại hoại và suy đồi của họ trước đây. Mặc dù Thần là thực chất vốn có của Đức Chúa Trời, nhưng công việc như thế này chỉ có thể được thực hiện bởi xác thịt của Ngài. Nếu Thần chỉ đơn phương làm việc, thì công tác của Ngài không thể có hiệu quả – đây là một sự thật hiển nhiên. Mặc dù hầu hết con người đã trở thành kẻ thù của Đức Chúa Trời bởi vì xác thịt này, nhưng khi Ngài kết thúc công tác của mình, thì những ai chống đối Ngài sẽ không chỉ không còn là kẻ thù của Ngài, mà trái lại sẽ trở thành chứng nhân của Ngài. Họ sẽ trở thành những chứng nhân đã được Ngài chinh phục, những chứng nhân tương hợp với Ngài và không thể tách rời khỏi Ngài. Ngài sẽ khiến con người biết về tầm quan trọng của công tác Ngài trong xác thịt đối với con người, và con người sẽ biết tầm quan trọng của xác thịt này đối với ý nghĩa tồn tại của con người, sẽ biết giá trị thực của Ngài đối với sự trưởng thành trong đời sống con người, và hơn thế nữa, sẽ biết rằng xác thịt này sẽ trở thành một nguồn nước hằng sống trong đời sống mà con người không chịu rời xa. Mặc dù xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời thua xa thân phận và tâm tính của Đức Chúa Trời, và dường như đối với con người thì không tương xứng với địa vị thực sự của Ngài, nhưng xác thịt này, thứ không sở hữu hình tượng thực sự của Đức Chúa Trời, hoặc thân phận thực sự của Đức Chúa Trời, có thể thực hiện công tác mà Thần của Đức Chúa Trời không thể trực tiếp thực hiện. Đó chính là ý nghĩa và giá trị thực sự trong sự nhập thể của Đức Chúa Trời, và chính ý nghĩa và giá trị này mà con người không thể cảm kích và thừa nhận. Mặc dù toàn thể nhân loại đều kính trọng Thần của Đức Chúa Trời và xem thường xác thịt của Đức Chúa Trời, bất kể họ nhìn nhận và suy nghĩ thế nào, thì ý nghĩa và giá trị thực sự của xác thịt vượt xa những gì của Thần. Tất nhiên, điều này chỉ liên quan đến nhân loại bại hoại. Đối với tất cả những ai tìm kiếm lẽ thật và khao khát sự xuất hiện của Đức Chúa Trời, thì công tác của Thần chỉ cung cấp sự cảm thúc hoặc linh hứng, và một cảm giác kỳ diệu không thể giải thích và tưởng tượng được, một cảm giác vĩ đại, siêu việt và đáng ngưỡng mộ, nhưng cũng không thể với tới và đạt được đối với tất cả. Con người và Thần của Đức Chúa Trời chỉ có thể nhìn nhau từ xa, như thể có một khoảng cách rất xa giữa họ, và họ không bao giờ có thể tương đồng, như thể con người và Đức Chúa Trời bị chia cách bởi một ranh giới vô hình. Trên sự thật, đây là một ảo giác mà Thần mang lại cho con người, đó là vì Thần và con người không cùng một loại và sẽ không bao giờ đồng tồn tại trong cùng một thế giới, và bởi vì Thần không có gì thuộc về con người. Vì vậy, con người không cần Thần, bởi Thần không thể trực tiếp thực hiện những công việc mà con người cần nhất. Công tác của xác thịt cung cấp cho con người những mục tiêu thực sự để theo đuổi, những lời rõ ràng, và một cảm nhận rằng Ngài có thật và bình thường, rằng Ngài khiêm nhường và bình dị. Mặc dù con người có

thể sợ Ngài, nhưng đối với hầu hết mọi người thì Ngài dễ gần: Con người có thể thấy mặt Ngài, nghe tiếng Ngài, và họ không cần phải nhìn Ngài từ xa. Đối với con người, xác thịt này cảm giác dễ tiếp cận, không xa cách, không khó dò lường, mà hữu hình và có thể chạm tới, bởi xác thịt này ở trong cùng một thế giới với con người.

Đối với tất cả những ai sống trong xác thịt, việc thay đổi tâm tính của họ đòi hỏi phải có mục tiêu để theo đuổi, và việc biết về Đức Chúa Trời đòi hỏi phải chứng kiến những việc làm thực tế và thấy gương mặt thực sự của Ngài. Cả hai điều đều chỉ có thể đạt được bởi xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời, và cả hai chỉ có thể được hoàn thành bởi xác thịt bình thường và có thực. Đây là lý do tại sao sự nhập thể là cần thiết, và tại sao nó là nhu cầu của tất cả nhân loại bại hoại. Vì con người cần phải biết đến Đức Chúa Trời, nên hình ảnh về những vị Đức Chúa Trời mơ hồ và siêu phàm phải được gạt bỏ khỏi lòng họ, và vì họ phải loại bỏ tâm tính bại hoại của mình, nên trước tiên họ phải biết tâm tính bại hoại của mình. Nếu chỉ có con người làm công tác để gạt bỏ hình ảnh về những vị Đức Chúa Trời mơ hồ ra khỏi lòng họ, thì họ sẽ không đạt được hiệu quả thích đáng. Hình ảnh của những vị Đức Chúa Trời mơ hồ trong lòng con người không thể bị phơi bày, loại bỏ, hoặc hoàn toàn trục xuất chỉ bằng lời. Làm như vậy thì cuối cùng vẫn không thể xua đi những thứ đã ăn sâu này khỏi con người. Chỉ bằng cách thay thế những điều mơ hồ và siêu phàm này bằng Đức Chúa Trời thực tế và hình tượng thật của Đức Chúa Trời, và để cho con người dần dần biết đến chúng, thì mới có thể đạt được hiệu quả thích đáng. Con người nhận ra rằng vị Đức Chúa Trời mà họ đã tìm kiếm trong quá khứ thì mơ hồ và siêu phàm. Điều có thể đạt được hiệu quả này không phải là sự dẫn dắt trực tiếp của Thần, càng không phải là sự dạy dỗ của một cá nhân nào đó, mà là Đức Chúa Trời nhập thể. Những quan niệm của con người được phơi bày khi Đức Chúa Trời nhập thể chính thức thực hiện công tác của Ngài, vì tính bình thường và tính hiện thực của Đức Chúa Trời nhập thể là sự tương phản với Đức Chúa Trời mơ hồ và siêu phàm trong trí tưởng tượng của con người. Những quan niệm ban đầu của con người chỉ có thể được tỏ lộ khi đặt tương phản với Đức Chúa Trời nhập thể. Không có sự so sánh với Đức Chúa Trời nhập thể, thì những quan niệm của con người không thể được tỏ lộ; nói cách khác, không có hiện thực làm nền, thì những điều mơ hồ không thể được tỏ lộ. Không ai có khả năng dùng lời để thực hiện công việc này, và không ai có khả năng nói rõ công việc này bằng lời. Chỉ chính Đức Chúa Trời mới có thể thực hiện công tác của chính Ngài, và không ai khác có thể thực hiện công tác này thay cho Ngài. Cho dù ngôn ngữ của con người có phong phú thế nào, họ cũng không có khả năng nói rõ tính hiện thực và tính bình thường của Đức Chúa Trời. Con người chỉ có thể biết Đức Chúa Trời một cách thực tế hơn, và chỉ có thể

thấy Ngài rõ ràng hơn nếu đích thân Đức Chúa Trời làm việc giữa con người và bày tỏ hoàn toàn hình tượng của Ngài và hữu thể của Ngài. Hiệu quả này không thể đạt được bởi bất kỳ con người xác thịt nào. Tất nhiên, Thần của Đức Chúa Trời cũng không có khả năng đạt được hiệu quả này. Đức Chúa Trời có thể cứu rỗi con người bại hoại ra khỏi sự ảnh hưởng của Sa-tan, nhưng công tác này không thể được hoàn thành trực tiếp bởi Thần của Đức Chúa Trời, đúng hơn, nó chỉ có thể được thực hiện bởi xác thịt mặc bởi Thần của Đức Chúa Trời, bởi xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời. Xác thịt này là một con người và cũng là Đức Chúa Trời, là một con người sở hữu nhân tính bình thường và cũng là Đức Chúa Trời sở hữu đầy đủ thần tính. Và vì thế, mặc dù xác thịt này không phải là Thần của Đức Chúa Trời, và khác xa so với Thần, đó vẫn là chính Đức Chúa Trời nhập thể cứu rỗi con người, là Thần và cũng là xác thịt. Bất kể Ngài được gọi bằng gì, cuối cùng thì vẫn là chính Đức Chúa Trời cứu rỗi nhân loại. Bởi Thần của Đức Chúa Trời không thể tách rời khỏi xác thịt, và công tác của xác thịt cũng là công tác của Thần của Đức Chúa Trời; chỉ là công tác này không được thực hiện bằng cách sử dụng thân phận của Thần, mà được thực hiện bằng cách sử dụng thân phận của xác thịt. Công tác cần được thực hiện trực tiếp bởi Thần không cần đến sự nhập thể, và công tác cần xác thịt thực hiện thì không thể được thực hiện trực tiếp bởi Thần, và chỉ có thể được thực hiện bởi Đức Chúa Trời nhập thể. Đây là những yêu cầu đối với công tác này, và đây là những gì được yêu cầu bởi nhân loại bại hoại. Trong ba giai đoạn công tác của Đức Chúa Trời, chỉ có một giai đoạn được thực hiện trực tiếp bởi Thần, và hai giai đoạn còn lại được thực hiện bởi Đức Chúa Trời nhập thể, và không trực tiếp bởi Thần. Công tác trong Thời đại Luật pháp được thực hiện bởi Thần không bao gồm việc thay đổi tâm tính bại hoại của con người, và cũng không liên quan gì đến sự hiểu biết của con người về Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, công tác của xác thịt của Đức Chúa Trời trong Thời đại Ân điển và Thời đại Vương quốc thì liên quan đến tâm tính bại hoại của con người và sự hiểu biết của họ về Đức Chúa Trời, và là một phần quan trọng và thiết yếu trong công tác cứu rỗi. Do đó, nhân loại bại hoại cần sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời nhập thể nhiều hơn, và cần công tác trực tiếp của Đức Chúa Trời nhập thể nhiều hơn. Loài người cần Đức Chúa Trời nhập thể chăn dắt họ, hỗ trợ họ, cho họ uống, cho họ ăn, phán xét và hành phạt họ, và họ cần nhiều ân điển và sự cứu chuộc vĩ đại hơn từ Đức Chúa Trời nhập thể. Chỉ có Đức Chúa Trời trong xác thịt mới có thể là người bạn thân tín của con người, người chăn dắt con người, sự trợ giúp trong chính hiện tại cho con người, và tất cả điều này là sự cần thiết của việc nhập thể trong cả ngày nay và những thời đại đã qua.

Con người đã bị Sa-tan làm cho bại hoại và là vật thọ tạo cao nhất trong số những

vật tạo của Đức Chúa Trời, vì thế con người cần sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời. Đối tượng trong công tác cứu rỗi của Đức Chúa Trời là con người, không phải Sa-tan, và thứ sẽ được cứu rỗi là xác thịt của con người và linh hồn của con người, chứ không phải của quỷ. Sa-tan là đối tượng hủy diệt của Đức Chúa Trời, con người là đối tượng cứu rỗi của Đức Chúa Trời, và xác thịt của con người đã bị Sa-tan làm cho bại hoại, vì thế thứ cần cứu rỗi trước tiên phải là xác thịt của con người. Xác thịt của con người đã bị Sa-tan làm cho bại hoại sâu sắc nhất, và chúng đã trở thành thứ chống lại Đức Chúa Trời, đến nỗi chúng thậm chí còn chống đối công khai và phủ nhận sự tồn tại của Đức Chúa Trời. Xác thịt bại hoại này chỉ quá cứng đầu, và không có điều gì khó xử trí hoặc thay đổi hơn là tâm tính bại hoại của xác thịt. Sa-tan đi vào xác thịt của con người để khuấy động những nhiễu loạn, và nó sử dụng xác thịt của con người để làm nhiễu loạn công tác của Đức Chúa Trời cũng như làm suy yếu kế hoạch của Đức Chúa Trời, do đó con người đã trở thành Sa-tan và trở thành kẻ thù của Đức Chúa Trời. Để con người được cứu rỗi, trước tiên họ phải được chinh phục. Chính vì điều này mà Đức Chúa Trời vượt qua thử thách và nhập thể vào xác thịt để thực hiện công tác Ngài định làm và để chiến đấu với Sa-tan. Mục tiêu của Ngài là sự cứu rỗi con người, những kẻ đã bị bại hoại, cũng như đánh bại và hủy diệt Sa-tan, kẻ phản nghịch chống lại Ngài. Ngài đánh bại Sa-tan qua công tác chinh phục con người của Ngài, trong khi đồng thời Ngài cứu rỗi nhân loại bại hoại. Như vậy, đó là một công tác đạt được hai mục đích cùng lúc. Ngài làm việc trong xác thịt, phán dạy trong xác thịt, và đảm nhận mọi công tác trong xác thịt để gắn kết với con người hơn và chinh phục con người tốt hơn. Lần cuối cùng Đức Chúa Trời trở nên xác thịt, thì công tác của Ngài trong những ngày sau rốt sẽ được kết thúc trong xác thịt. Ngài sẽ phân chia mọi người theo từng loại, kết thúc toàn bộ sự quản lý của Ngài, và cũng kết thúc mọi công tác của Ngài trong xác thịt. Sau khi tất cả công tác của Ngài trên đất kết thúc, thì Ngài sẽ hoàn toàn chiến thắng. Làm việc trong xác thịt, Đức Chúa Trời sẽ hoàn toàn chinh phục nhân loại và hoàn toàn thu phục nhân loại. Chẳng phải điều này có nghĩa là toàn bộ sự quản lý của Ngài sẽ đi đến kết thúc sao? Khi Đức Chúa Trời kết thúc công tác của Ngài trong xác thịt, vì Ngài đã hoàn toàn đánh bại Sa-tan và chiến thắng, Sa-tan sẽ không còn cơ hội nào để làm bại hoại con người. Công tác của sự nhập thể lần đầu của Đức Chúa Trời là sự cứu chuộc và tha thứ tội lỗi cho con người. Bây giờ là công tác chinh phục và hoàn toàn thu phục nhân loại, vì vậy Sa-tan sẽ không còn cách nào để làm công việc của nó, và sẽ hoàn toàn thất bại, và Đức Chúa Trời cũng sẽ hoàn toàn chiến thắng. Đây là công tác của xác thịt và là công tác được thực hiện bởi chính Đức Chúa Trời. Công tác khởi đầu trong ba giai đoạn công tác của Đức Chúa Trời đã được thực hiện trực tiếp bởi Thần, chứ

không phải là xác thịt. Tuy nhiên, công tác cuối cùng trong ba giai đoạn công tác của Đức Chúa Trời được thực hiện bởi Đức Chúa Trời nhập thể, và không trực tiếp bởi Thần. Công tác cứu chuộc trong giai đoạn giữa cũng đã được thực hiện bởi Đức Chúa Trời trong xác thịt. Xuyên suốt toàn bộ công tác quản lý, thì công tác quan trọng nhất là cứu rỗi con người khỏi ảnh hưởng của Sa-tan. Công tác chính là việc hoàn toàn chinh phục con người bại hoại, theo đó khôi phục sự tôn kính ban đầu đối với Đức Chúa Trời trong lòng của con người được chinh phục, và để cho họ đạt được một đời sống bình thường, nghĩa là, đời sống bình thường của một tạo vật của Đức Chúa Trời. Công tác này quan trọng và nó là trọng tâm của công tác quản lý. Trong ba giai đoạn của công tác cứu rỗi, giai đoạn công tác đầu tiên của Thời đại Luật pháp khác xa với trọng tâm của công tác quản lý; nó chỉ thoáng có sự xuất hiện của công tác cứu rỗi, và không phải là sự khởi đầu công tác cứu rỗi con người khỏi quyền hạn của Sa-tan của Đức Chúa Trời. Giai đoạn đầu tiên của công tác do Thần trực tiếp thực hiện bởi vì dưới luật pháp, con người chỉ biết tuân theo luật pháp và con người không có thêm lẽ thật, và bởi vì công tác trong Thời đại Luật pháp hầu như không liên quan đến những sự thay đổi trong tâm tính của con người, nó càng không liên quan đến việc làm thế nào để cứu con người khỏi lãnh thổ của Sa-tan. Do đó, Thần của Đức Chúa Trời đã hoàn thành giai đoạn công tác cực kỳ đơn giản này mà không liên quan đến tâm tính bại hoại của con người. Giai đoạn công tác này ít liên quan đến trọng tâm của sự quản lý, và nó không có mối tương quan nhiều đến công tác chính thức cứu rỗi con người, và vì thế nó không cần Đức Chúa Trời trở nên xác thịt để tự thực hiện công tác của Ngài. Công tác do Thần thực hiện được thì ẩn tàng và không thể dò lường được, nó vô cùng khủng khiếp và không thể tiếp cận đối với con người; Thần không phù hợp để trực tiếp thực hiện công tác cứu rỗi và không phù hợp để trực tiếp ban sự sống cho con người. Phù hợp nhất cho con người là sự chuyển đổi công tác của Thần sang một cách tiếp cận gần gũi với con người, nghĩa là, điều thích hợp nhất cho con người là để Đức Chúa Trời trở thành một con người bình dị, bình thường để thực hiện công tác của Ngài. Điều này đòi hỏi Đức Chúa Trời phải nhập thể để thay thế Thần trong công tác của Ngài, và đối với con người, thì không có cách nào phù hợp hơn là để Đức Chúa Trời làm việc. Trong ba giai đoạn công tác này, hai giai đoạn được thực hiện bởi xác thịt, và hai giai đoạn này là những giai đoạn quan trọng trong công tác quản lý. Hai sự nhập thể bổ sung cho nhau và chúng bổ khuyết cho nhau một cách hoàn hảo. Giai đoạn đầu tiên trong sự nhập thể của Đức Chúa Trời đã đặt nền tảng cho giai đoạn thứ hai, và có thể nói rằng hai sự nhập thể của Đức Chúa Trời tạo thành một tổng thể và không phải không tương thích với nhau. Hai giai đoạn này trong công tác của Đức Chúa Trời được

thực hiện bởi Đức Chúa Trời trong thân phận nhập thể của Ngài bởi vì chúng rất quan trọng đối với toàn bộ công tác quản lý. Gần như có thể nói rằng, không có công tác của hai sự nhập thể của Đức Chúa Trời, thì toàn bộ công tác quản lý cũng đã bị đình trệ, và công tác cứu rỗi nhân loại sẽ không là gì ngoài việc nói suông. Liệu công tác này có quan trọng hay không dựa trên nhu cầu của nhân loại, dựa trên hiện thực suy thoái của nhân loại, và dựa trên tính nghiêm trọng trong sự bất tuân của Sa-tan và sự quấy rối công tác của nó. Một người phù hợp với nhiệm vụ được khẳng định dựa trên bản chất công việc được thực hiện bởi Người làm và tầm quan trọng của công việc. Khi nói đến tầm quan trọng của công việc này, xét về phương pháp làm việc cần áp dụng – công việc được Thần của Đức Chúa Trời trực tiếp thực hiện, hoặc công việc do Đức Chúa Trời nhập thể thực hiện, hoặc công việc được thực hiện qua con người – thì phương pháp đầu tiên bị loại bỏ đó là công việc được thực hiện qua con người, và, dựa trên bản chất công việc và bản chất công tác của Thần so với của xác thịt, thì quyết định cuối cùng là công việc được thực hiện bởi xác thịt thì có lợi cho con người hơn là công việc được thực hiện trực tiếp bởi Thần, và nó mang lại nhiều thuận lợi hơn. Đây là suy nghĩ của Đức Chúa Trời vào thời điểm Ngài quyết định xem liệu công tác sẽ được thực hiện bởi Thần hay bởi xác thịt. Có một ý nghĩa và một cơ sở cho mỗi giai đoạn công tác. Chúng không phải là những tưởng tượng không có cơ sở, cũng như chúng không được thực hiện một cách tùy tiện; có một sự khôn ngoan nhất định đối với chúng. Đó là sự thật đằng sau tất cả những công tác của Đức Chúa Trời. Đặc biệt là, thậm chí còn nhiều hơn là kế hoạch của Đức Chúa Trời trong những công tác vĩ đại như thế khi Đức Chúa Trời nhập thể đích thân làm việc giữa con người. Vì vậy, sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời và toàn bộ hữu thể của Ngài được phản chiếu trong từng hành động, suy nghĩ, và ý tưởng trong công tác của Ngài; đây là hữu thể cụ thể và có hệ thống hơn của Đức Chúa Trời. Những suy nghĩ và ý niệm tinh tế này khó cho con người tưởng tượng, khó cho con người tin tưởng, và hơn thế nữa, khó cho con người biết đến. Công việc được thực hiện bởi con người thì được làm theo nguyên tắc chung, điều mà đối với con người, là rất thỏa đáng. Tuy nhiên so với công tác của Đức Chúa Trời, thì hoàn toàn có sự khác biệt quá lớn; mặc dù các việc làm của Đức Chúa Trời là vĩ đại và công tác của Đức Chúa Trời có quy mô rất rộng lớn, nhưng phía sau nó là nhiều kế hoạch chi ly và chính xác và những sự sắp xếp mà con người không thể tưởng tượng được. Mỗi giai đoạn công tác của Ngài không chỉ được thực hiện theo nguyên tắc, mà mỗi giai đoạn còn chứa đựng nhiều điều không thể lột tả bằng ngôn ngữ con người, và đây là những điều con người không thể thấy được. Bất kể đó là công tác của Thần hay công tác của Đức Chúa Trời nhập thể, mỗi công tác đều chứa đựng những kế hoạch

công tác của Ngài. Ngài không làm việc vô căn cứ, và Ngài không thực hiện những công tác không quan trọng. Khi Thần làm việc trực tiếp, thì đó là với các mục đích của Ngài, và khi Ngài trở thành người (nghĩa là, khi Ngài thay đổi lớp vỏ bọc bên ngoài của Ngài) để làm việc, thì thậm chí còn đúng mục đích của Ngài hơn. Nếu không tại sao Ngài lại sẵn sàng thay đổi danh tính của Ngài? Nếu không tại sao Ngài lại sẵn sàng trở thành một người bị coi là thấp hèn và bị áp bức?

Công tác của Ngài trong xác thịt vô cùng quan trọng, điều được nói về công tác này, và Đáng sau cùng kết thúc công tác là Đức Chúa Trời nhập thể, chứ không phải Thần. Một vài người tin rằng Đức Chúa Trời có thể một lúc nào đó đến trái đất và xuất hiện trước con người, rồi sau đó Ngài sẽ đích thân phán xét toàn thể nhân loại, thử thách họ từng người một, không bỏ sót bất kỳ ai. Những ai suy nghĩ theo cách này không biết về giai đoạn công tác nhập thể này. Đức Chúa Trời không phán xét con người từng người một, và Ngài không thử thách con người từng người một; làm như thế không phải là công tác phán xét. Chẳng phải sự bại hoại của cả nhân loại cũng như nhau sao? Chẳng phải thực chất của cả nhân loại đều như nhau sao? Những điều bị phán xét là thực chất bại hoại của nhân loại, thực chất của con người bị Sa-tan làm cho bại hoại, và tất cả tội lỗi của con người. Đức Chúa Trời không phán xét những lỗi lầm nhỏ nhặt và không hệ trọng của con người. Công tác phán xét mang tính đại diện, và nó không được thực hiện đặc biệt đối với một con người nhất định nào. Đúng hơn, đó là công tác trong đó một nhóm người bị phán xét để đại diện cho sự phán xét toàn nhân loại. Bằng cách đích thân thực hiện công tác của Ngài đối với một nhóm người, Đức Chúa Trời trong xác thịt dùng công tác của Ngài để đại diện cho công tác trong toàn thể nhân loại, sau đó nó dần dần được lan truyền. Đây cũng là cách thức của công tác phán xét. Đức Chúa Trời không phán xét một loại người nào đó hoặc một nhóm người nào đó, mà thay vào đó, phán xét sự bất chính của toàn thể nhân loại – ví dụ như sự chống đối của con người đối với Đức Chúa Trời, hoặc sự bất kính của con người đối với Ngài, hoặc việc con người làm nhiễu loạn công tác của Đức Chúa Trời, v.v. Điều bị phán xét là thực chất chống đối Đức Chúa Trời của con người, và công tác này là công tác chinh phục của những ngày sau rốt. Công tác và lời của Đức Chúa Trời nhập thể được con người chứng kiến là công tác phán xét trước chiếc ngai trắng lớn trong những ngày sau rốt, điều đã được con người quan niệm trong thời gian qua. Công tác hiện đang được thực hiện bởi Đức Chúa Trời nhập thể chính xác là sự phán xét trước chiếc ngai trắng lớn. Đức Chúa Trời nhập thể của ngày hôm nay là Đức Chúa Trời phán xét toàn thể nhân loại trong những ngày sau rốt. Xác thịt này và công tác, lời phán, cùng toàn bộ tâm tính của Ngài là trọn vẹn về Ngài. Mặc dù phạm vi công tác của Ngài bị giới hạn, và không

liên quan trực tiếp đến toàn thể vũ trụ, nhưng thực chất của công tác phán xét là sự phán xét trực tiếp đối với toàn nhân loại – không chỉ vì những dân sự được chọn của Trung Quốc, cũng không phải vì một số ít người. Trong công tác của Đức Chúa Trời trong xác thịt, mặc dù phạm vi công tác này không bao gồm toàn thể vũ trụ, nhưng nó đại diện cho công tác của toàn vũ trụ, và sau khi Ngài kết thúc công việc trong phạm vi công tác của xác thịt Ngài, thì Ngài sẽ ngay lập tức mở rộng công tác này cho toàn vũ trụ, giống như cách mà Phúc Âm của Jêsus được truyền bá khắp vũ trụ sau khi Ngài phục sinh và thăng thiên. Bất kể đó là công tác của Thần hay công tác của xác thịt, đó là công tác được thực hiện trong một phạm vi giới hạn, nhưng nó đại diện cho công tác của toàn vũ trụ. Trong những ngày sau rốt, Đức Chúa Trời thực hiện công tác của Ngài bằng cách xuất hiện trong danh tính nhập thể của Ngài, và Đức Chúa Trời trong xác thịt là vị Đức Chúa Trời phán xét con người trước chiếc ngai trắng lớn. Bất kể Ngài là Thần hay là xác thịt, thì Đấng thực hiện công tác phán xét là Đức Chúa Trời, phán xét nhân loại trong những ngày sau rốt. Điều này được xác định dựa trên công tác của Ngài, và nó không được xác định theo hình thức bên ngoài của Ngài hoặc một số yếu tố khác. Mặc dù con người chưa chấp nhận những quan niệm về những lời này, nhưng không ai có thể phủ nhận sự thật về sự phán xét và chinh phục cả nhân loại của Đức Chúa Trời nhập thể. Bất kể con người nghĩ gì về nó, sau cùng thì sự thật vẫn là sự thật. Không ai có thể nói rằng “Công tác được thực hiện bởi Đức Chúa Trời, nhưng xác thịt không phải là Đức Chúa Trời”. Điều này là vô lý, bởi công tác này không thể được thực hiện bởi bất kỳ người nào ngoại trừ Đức Chúa Trời trong xác thịt. Vì công tác này đã được hoàn tất, nên sau công tác này, công tác phán xét con người của Đức Chúa Trời sẽ không xuất hiện lần thứ hai; Đức Chúa Trời trong lần nhập thể lần thứ hai đã kết thúc toàn bộ công tác quản lý, và sẽ không có giai đoạn thứ tư trong công tác của Đức Chúa Trời. Bởi vì người bị phán xét là con người, con người của xác thịt và đã bị làm cho bại hoại, và không phải là linh hồn của Sa-tan bị phán xét trực tiếp, công tác phán xét do đó không được thực hiện trong cõi tâm linh, mà ở giữa con người. Không ai phù hợp và đủ tư cách hơn Đức Chúa Trời trong xác thịt cho công tác phán xét sự bại hoại của con người xác thịt. Nếu sự phán xét được thực hiện trực tiếp bởi Thần của Đức Chúa Trời, thì nó sẽ không bao quát toàn diện. Hơn nữa, công tác như thế sẽ khó cho con người chấp nhận, bởi Thần thì không thể mặt đối mặt với con người, và vì điều này, hiệu quả sẽ không xảy ra ngay lập tức, con người sẽ càng không thể thấy tâm tính không thể xúc phạm của Đức Chúa Trời một cách rõ ràng hơn. Sa-tan chỉ có thể bị đánh bại hoàn toàn nếu Đức Chúa Trời trong xác thịt phán xét sự bại hoại của nhân loại. Giống như con người sở hữu nhân tính bình thường, Đức Chúa Trời trong xác thịt có thể trực

tiếp phán xét sự bất chính của con người; đây là dấu hiệu của sự thánh khiết vốn có của Ngài, và của sự phi thường của Ngài. Chỉ có Đức Chúa Trời mới có đủ tư cách và ở vị trí để phán xét con người, bởi vì Ngài sở hữu lẽ thật và sự công chính, và vì thế Ngài có thể phán xét con người. Những ai không có lẽ thật và sự công chính thì không phù hợp để phán xét những người khác. Nếu công tác này được thực hiện bởi Thần của Đức Chúa Trời, thì nó sẽ không có ý nghĩa là sự chiến thắng trước Satan. Thần vốn cao quý hơn người phàm, và Thần của Đức Chúa Trời vốn thánh khiết, và chiến thắng xác thịt. Nếu Thần trực tiếp thực hiện công tác này, thì Ngài sẽ không thể phán xét tất cả sự bất tuân của con người và không thể tỏ lộ tất cả sự bất chính của con người. Bởi công tác phán xét cũng được thực hiện qua những quan niệm của con người về Đức Chúa Trời, và con người chưa bao giờ có bất kỳ quan niệm nào về Thần, và vì thế Thần không có khả năng tỏ lộ sự bất chính của con người tốt hơn, càng không thể hoàn toàn phơi bày sự bất chính đó. Đức Chúa Trời nhập thể là kẻ thù của tất cả những ai không biết đến Ngài. Qua việc phán xét những quan niệm và sự chống đối của con người đối với Ngài, Ngài phơi bày tất cả sự bất tuân của nhân loại. Hiệu quả của công tác Ngài làm trong xác thịt rõ ràng hơn hiệu quả trong công tác của Thần. Và vì vậy, sự phán xét toàn nhân loại không được thực hiện trực tiếp bởi Thần mà là công tác của Đức Chúa Trời nhập thể. Con người có thể nhìn thấy và chạm vào Đức Chúa Trời trong xác thịt, và Đức Chúa Trời trong xác thịt có thể hoàn toàn chinh phục con người. Trong mối quan hệ của họ với Đức Chúa Trời trong xác thịt, con người tiến triển từ chống đối sang vâng phục, từ áp bức sang chấp nhận, từ quan niệm sang hiểu biết, và từ chối bỏ sang yêu thương – đây là những hiệu quả trong công tác của Đức Chúa Trời nhập thể. Con người chỉ được cứu rỗi thông qua việc chấp nhận sự phán xét của Ngài, con người chỉ dần dần biết đến Ngài qua những lời phán từ miệng Ngài, con người được Ngài chinh phục trong khi chống đối Ngài, và họ nhận được sự sống do Ngài ban cho trong khi chấp nhận hình phạt của Ngài. Tất cả những công tác này là công tác của Đức Chúa Trời trong xác thịt, và không phải là công tác của Đức Chúa Trời trong thân phận của Ngài là Thần. Công tác được thực hiện bởi Đức Chúa Trời nhập thể là công tác vĩ đại nhất, và công tác sâu sắc nhất, và phần cốt yếu trong ba giai đoạn công tác của Đức Chúa Trời là hai giai đoạn trong công tác nhập thể. Sự bại hoại sâu sắc của con người là một trở ngại lớn đối với công tác của Đức Chúa Trời nhập thể. Đặc biệt, công tác được thực hiện đối với con người của những ngày sau rốt thì vô cùng khó khăn, môi trường thì đối địch, còn phẩm chất của từng loại người thì quá kém. Tuy nhiên, khi công tác này kết thúc, nó vẫn sẽ đạt được hiệu quả thích đáng, không có bất kỳ sai sót nào; đây là hiệu quả trong công tác của xác thịt, và hiệu quả này thuyết phục hơn

hiệu quả trong công tác của Thần. Ba giai đoạn công tác của Đức Chúa Trời sẽ được kết thúc trong xác thịt, và chúng phải được kết thúc bởi Đức Chúa Trời nhập thể. Công tác quan trọng và cốt yếu nhất được thực hiện trong xác thịt, và sự cứu rỗi con người phải được Đức Chúa Trời trong xác thịt đích thân thực hiện. Mặc dù toàn nhân loại cảm thấy rằng Đức Chúa Trời trong xác thịt dường như không liên quan tới con người, nhưng sự thật xác thịt này liên quan đến số phận và sự tồn tại của toàn thể nhân loại.

Mỗi giai đoạn công tác của Đức Chúa Trời đều được thực hiện vì lợi ích của cả nhân loại và nhắm vào toàn thể nhân loại. Mặc dù nó là công tác của Ngài trong xác thịt, nhưng nó vẫn nhắm vào cả nhân loại; Ngài là Đức Chúa Trời của cả nhân loại, và Ngài là Đức Chúa Trời của tất cả các vật thọ tạo và không thọ tạo. Mặc dù công tác của Ngài trong xác thịt nằm trong một phạm vi giới hạn, và đối tượng của công tác này cũng bị giới hạn, nhưng mỗi lần Ngài trở nên xác thịt để thực hiện công tác của mình thì Ngài chọn một đối tượng công việc mang tính đại diện cao nhất. Ngài không chọn một nhóm người đơn giản và không có gì nổi bật để làm việc, mà thay vào đó chọn đối tượng cho công tác của Ngài là một nhóm người có khả năng là những hình mẫu đại diện cho công tác của Ngài trong xác thịt. Nhóm người này được chọn bởi vì phạm vi công tác của Ngài trong xác thịt có giới hạn, và được đặc biệt chuẩn bị cho xác thịt nhập thể của Ngài, và được chọn đặc biệt cho công tác của Ngài trong xác thịt. Việc Đức Chúa Trời lựa chọn đối tượng cho công tác của Ngài không phải là không có cơ sở, mà được thực hiện theo nguyên tắc: Đối tượng công tác phải có lợi cho công tác của Đức Chúa Trời trong xác thịt, và phải có khả năng đại diện cho toàn thể nhân loại. Ví dụ như, người Do Thái có thể đại diện cho toàn thể nhân loại trong việc chấp nhận sự đích thân cứu chuộc của Jêsus, và người Trung Quốc có thể đại diện toàn thể nhân loại trong việc chấp nhận sự đích thân chinh phục của Đức Chúa Trời nhập thể. Có cơ sở để người Do Thái đại diện cho toàn thể nhân loại, và cũng có cơ sở để người Trung Quốc đại diện cho toàn thể nhân loại trong việc chấp nhận sự đích thân chinh phục của Đức Chúa Trời. Không có gì tỏ lộ ý nghĩa của sự cứu chuộc hơn là công tác cứu chuộc được thực hiện giữa những người Do Thái, và không có gì tỏ lộ tính triệt để và sự thành công của công tác chinh phục hơn công tác chinh phục được thực hiện giữa người dân Trung Quốc. Công tác và lời của Đức Chúa Trời nhập thể dường như chỉ nhắm vào một nhóm người nhỏ, nhưng thực tế, công tác của Ngài giữa nhóm nhỏ này là công tác của toàn vũ trụ, và lời Ngài nhắm vào toàn thể nhân loại. Sau khi công tác trong xác thịt của Ngài kết thúc, thì những ai theo Ngài sẽ bắt đầu truyền bá về công tác mà Ngài đã thực hiện giữa họ. Điều tốt nhất ở công tác trong xác thịt của Ngài là Ngài có thể

để lại những lời chính xác và những khuyến giục, và ý muốn cụ thể của Ngài đối với loài người cho những ai theo Ngài, để sau đó những người theo Ngài có thể truyền đạt lại chính xác hơn và cụ thể hơn về tất cả công tác của Ngài trong xác thịt và ý muốn của Ngài đối với toàn thể nhân loại cho những ai chấp nhận đường lối này. Chỉ có công tác của Đức Chúa Trời trong xác thịt giữa con người mới thực sự đạt tới sự thật là Đức Chúa Trời ở cùng và sống cùng con người. Chỉ công tác này mới thỏa mong ước của con người được thấy mặt Đức Chúa Trời, chứng kiến công việc của Đức Chúa Trời, và nghe chính lời của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời nhập thể kết thúc thời đại khi mà chỉ có phần lưng của Đức Giê-hô-va xuất hiện trước loài người, và Ngài cũng chấm dứt thời đại loài người đặt niềm tin vào một Đức Chúa Trời mơ hồ. Đặc biệt, công tác của Đức Chúa Trời nhập thể sau cùng mang cả nhân loại vào một thời đại thực tế hơn, thiết thực hơn, và tươi đẹp hơn. Ngài không chỉ kết thúc Thời đại Luật pháp và giáo lý mà quan trọng hơn, Ngài mặc khải cho loài người một Đức Chúa Trời thật và bình thường, Đáng công chính và thánh khiết, Đáng mở ra công tác của kế hoạch quản lý và Đáng cho thấy những lẽ màu nhiệm và đích đến của loài người, Đáng đã tạo nên loài người và kết thúc công tác quản lý, và Đáng đã ẩn đi hàng ngàn năm. Ngài kết thúc hoàn toàn thời đại của sự mơ hồ, Ngài chấm dứt thời đại mà toàn nhân loại ước muốn tìm biết mặt Đức Chúa Trời nhưng đã không thể, Ngài kết thúc thời đại toàn nhân loại phục vụ Sa-tan, và Ngài dẫn dắt toàn nhân loại suốt con đường bước vào một kỷ nguyên hoàn toàn mới. Tất cả những điều này là kết quả công tác của Đức Chúa Trời trong xác thịt thay vì của Thần của Đức Chúa Trời. Khi Đức Chúa Trời làm việc trong xác thịt, thì những ai theo Ngài sẽ không còn tìm kiếm và dò dẫm những điều dường như vừa tồn tại, vừa không tồn tại, và họ thôi không đoán về ý muốn của Đức Chúa Trời mơ hồ. Khi Đức Chúa Trời truyền bá công tác của Ngài trong xác thịt, thì những ai theo Ngài sẽ truyền lại công tác mà Ngài đã thực hiện trong xác thịt cho mọi tôn giáo và giáo phái, và họ sẽ truyền đạt toàn bộ lời Ngài tới tai của toàn thể nhân loại. Tất cả những gì nghe được bởi những ai tiếp nhận Phúc Âm của Ngài sẽ là thực tế trong công tác của Ngài, sẽ là những điều đích thân con người nhìn và nghe được, và sẽ là sự thật chứ không phải lời đồn. Những sự thật này là chứng cứ Ngài dùng khi truyền bá công tác, và chúng cũng là những công cụ mà Ngài sử dụng trong việc truyền bá công tác. Không có sự tồn tại của sự thật, thì Phúc Âm của Ngài sẽ không được truyền bá ra tất cả các quốc gia và khắp mọi nơi; không có sự thật mà chỉ có sự tưởng tượng của con người, thì Ngài sẽ không bao giờ có thể thực hiện công tác chinh phục toàn thể vũ trụ. Thần thì khó nhận thấy và vô hình đối với con người, và công việc của Thần thì không có khả năng để lại thêm bất kỳ chứng cứ hoặc sự thật nào về công

tác của Đức Chúa Trời đối với con người. Con người sẽ không bao giờ được thấy khuôn mặt thật sự của Đức Chúa Trời, và họ sẽ luôn luôn tin vào một Đức Chúa Trời mơ hồ không tồn tại. Con người sẽ không bao giờ thấy được mặt Đức Chúa Trời, cũng sẽ không bao giờ nghe được những lời do Đức Chúa Trời đích thân phán dạy. Sau cùng, sự tưởng tượng của con người là trống rỗng, và không thể thay thế khuôn mặt thật của Đức Chúa Trời; tâm tính vốn có của Đức Chúa Trời, và công tác của chính Đức Chúa Trời, không thể bị mạo danh bởi con người. Đức Chúa Trời vô hình trên trời và công tác của Ngài chỉ có thể được đem đến trái đất bởi Đức Chúa Trời nhập thể, đích thân thực hiện công tác của Ngài giữa con người. Đây là cách lý tưởng nhất để Đức Chúa Trời xuất hiện với con người, mà con người thấy được Đức Chúa Trời và biết được khuôn mặt thật của Đức Chúa Trời, và điều đó không thể đạt được bởi một Đức Chúa Trời không nhập thể. Sau khi đã thực hiện công tác của Ngài đến giai đoạn này, công tác của Đức Chúa Trời đã đạt được hiệu quả tối ưu, và hoàn toàn thành công. Công tác của đích thân Đức Chúa Trời trong xác thịt đã hoàn thành chín mươi phần trăm công tác quản lý tổng thể của Ngài. Xác thịt này đã mang lại một khởi đầu tốt hơn và một sự tổng kết cho toàn bộ công tác của Ngài, đã truyền bá toàn bộ công tác của Ngài, và bổ sung đầy đủ lần cuối cùng cho toàn bộ công tác này. Từ nay trở đi, sẽ không có một Đức Chúa Trời nhập thể nào khác thực hiện giai đoạn thứ tư trong công tác của Đức Chúa Trời, và sẽ không bao giờ có bất kỳ công tác kỳ diệu nào trong sự nhập thể lần thứ ba của Đức Chúa Trời.

Mỗi giai đoạn công tác của Đức Chúa Trời trong xác thịt đại diện cho công tác của Ngài trong toàn bộ thời đại, và nó không đại diện cho một thời kỳ nào đó như công tác của con người. Và vì thế, sự kết thúc của công tác trong lần nhập thể cuối của Ngài không có nghĩa là công tác của Ngài đã hoàn toàn kết thúc, bởi công tác của Ngài trong xác thịt đại diện cho cả thời đại, và không chỉ đại diện cho thời kỳ Ngài thực hiện công tác của mình trong xác thịt. Chỉ là Ngài hoàn thành công tác cho cả thời đại trong thời gian Ngài ở trong xác thịt, sau đó nó lan ra khắp mọi nơi. Sau khi Đức Chúa Trời nhập thể hoàn thành chức vụ của Ngài, thì Ngài sẽ giao phó công tác tương lai của mình cho những ai theo Ngài. Bằng cách này, công tác của Ngài trong cả thời đại sẽ được tiếp tục không gián đoạn. Công tác của cả thời đại nhập thể sẽ chỉ được coi là hoàn tất một khi nó đã lan rộng ra toàn vũ trụ. Công tác của Đức Chúa Trời nhập thể bắt đầu một kỷ nguyên mới, và những ai tiếp tục công tác của Ngài là những người được Ngài sử dụng. Tất cả công việc do con người thực hiện đều nằm trong chức vụ của Đức Chúa Trời trong xác thịt, và nó không thể vượt ngoài phạm vi này. Nếu Đức Chúa Trời nhập thể không đến để thực hiện công tác của Ngài, thì con người sẽ không thể kết thúc thời đại cũ và không thể mở ra một kỷ

nguyên mới. Công tác được thực hiện bởi con người chỉ đơn thuần nằm trong phạm vi bốn phận mà con người có thể làm được, và nó không đại diện cho công tác của Đức Chúa Trời. Chỉ Đức Chúa Trời nhập thể mới có thể đến và hoàn tất công tác mà Ngài nên làm, và ngoài Ngài ra, không ai có thể làm công tác này thay cho Ngài. Tất nhiên, điều mà Ta phán liên quan đến công tác của sự nhập thể. Đức Chúa Trời nhập thể này trước tiên thực hiện một bước công tác mà không phù hợp với những quan niệm của con người, sau đó Ngài thực hiện thêm nhiều công tác không phù hợp với quan niệm con người. Mục tiêu của công tác là chinh phục con người. Một mặt, sự nhập thể của Đức Chúa Trời không phù hợp với quan niệm của con người, ngoài ra, Ngài thực hiện thêm nhiều công tác không phù hợp với quan niệm của con người, và vì thế con người thậm chí còn có thêm nhiều quan điểm chỉ trích về Ngài. Ngài chỉ làm công tác chinh phục giữa những người có vô số quan niệm về Ngài. Bất kể họ đối xử với Ngài như thế nào, một khi Ngài đã hoàn thành chức vụ của mình, thì tất cả mọi người sẽ trở nên tuân phục sự thống trị của Ngài. Sự thật về công việc này không chỉ được phản ánh giữa những người Trung Quốc, mà nó còn đại diện cho cách toàn thể nhân loại sẽ bị chinh phục. Hiệu quả đạt được trên những người này là một điềm báo cho những hiệu quả sẽ đạt được trên toàn thể nhân loại, và những hiệu quả của công tác Ngài làm trong tương lai sẽ ngày càng vượt xa ngay cả những hiệu quả trên những người này. Công tác của Đức Chúa Trời trong xác thịt không bao gồm sự phô trương mạnh mẽ, cũng không bị bao phủ trong sự mịt mờ. Nó có thực và thực tế, và nó là công tác trong đó một với một là hai. Nó không giấu giếm ai, cũng không lừa gạt ai. Những gì con người nhìn thấy là thật và đích thực, và những gì con người đạt được là lẽ thật và sự hiểu biết thật. Khi công tác kết thúc, con người sẽ có một sự hiểu biết mới về Ngài, và những ai thực sự mưu cầu sẽ không còn bất kỳ quan niệm nào về Ngài. Điều này không chỉ là hiệu quả trong công tác của Ngài đối với người Trung Quốc, mà nó còn đại diện cho hiệu quả công tác của Ngài trong việc chinh phục toàn thể nhân loại, bởi không gì có lợi cho công tác chinh phục toàn thể nhân loại hơn xác thịt này, công tác của xác thịt này, và mọi thứ của xác thịt này. Chúng có lợi cho công tác của Ngài ngày hôm nay, và có lợi cho công tác của Ngài trong tương lai. Xác thịt này sẽ chinh phục toàn thể nhân loại và sẽ thu phục toàn thể nhân loại. Không có công tác nào tốt hơn mà qua đó toàn thể nhân loại sẽ thấy được Đức Chúa Trời, vâng phục Đức Chúa Trời, và biết đến Đức Chúa Trời. Công tác được thực hiện bởi con người chỉ đại diện cho một phạm vi giới hạn, và khi Đức Chúa Trời thực hiện công tác của Ngài thì Ngài không phán với một người nhất định nào, mà phán với toàn thể nhân loại, và tất cả những ai chấp nhận những lời của Ngài. Kết cục mà Ngài tuyên bố là kết cục của cả nhân loại, không chỉ

là kết cục của một người nào đó. Ngài không đối xử đặc biệt đối với bất kỳ ai, mà Ngài cũng không khiển trách bất kỳ ai, Ngài làm việc và phán với toàn thể nhân loại. Đức Chúa Trời nhập thể này do đó đã phân chia toàn thể nhân loại theo từng loại, đã phán xét toàn thể nhân loại, và đã sắp xếp một đích đến phù hợp cho toàn thể nhân loại. Mặc dù Đức Chúa Trời chỉ thực hiện công tác của mình ở Trung Quốc, nhưng sự thật, Ngài đã giải quyết công tác của toàn thể vũ trụ. Ngài không thể đợi đến khi công tác của Ngài được truyền bá giữa toàn thể nhân loại rồi Ngài mới phán dạy và sắp xếp từng bước một. Chẳng phải điều đó sẽ là quá trễ sao? Bây giờ Ngài hoàn toàn có thể hoàn thành trước công tác tương lai. Bởi vì Đấng đang làm việc là Đức Chúa Trời trong xác thịt, Ngài đang thực hiện công tác vô hạn trong một phạm vi giới hạn, và sau đó Ngài sẽ khiến con người thực hiện bổn phận mà con người phải thực hiện; đây là nguyên tắc trong công tác của Ngài. Ngài chỉ có thể sống với con người một thời gian và không thể đồng hành cùng con người cho đến khi công tác của cả kỷ nguyên kết thúc. Chính vì Ngài là Đức Chúa Trời nên Ngài báo trước công tác tương lai của Ngài. Sau đó, Ngài sẽ phân chia toàn thể nhân loại theo từng loại bởi những lời của Ngài, và nhân loại sẽ bước vào công tác từng bước một của Ngài theo lời Ngài. Không ai sẽ thoát được, và tất cả phải thực hành theo điều này. Vì vậy, trong tương lai, thời đại sẽ được hướng dẫn bởi lời của Ngài, mà không chịu sự hướng dẫn của Thần.

Công tác của Đức Chúa Trời trong xác thịt phải được thực hiện trong xác thịt. Nếu nó được thực hiện trực tiếp bởi Thần của Đức Chúa Trời, thì sẽ không mang lại hiệu quả. Ngay cả khi nó được thực hiện bởi Thần thì công tác sẽ không có ý nghĩa gì quan trọng, và cuối cùng sẽ không có sức thuyết phục. Mọi vật thọ tạo đều muốn biết công tác của Đấng Tạo Hóa có ý nghĩa hay không, nó đại diện cho điều gì, nó được thực hiện vì lợi ích của cái gì, công tác của Đức Chúa Trời có đủ thẩm quyền và sự khôn ngoan hay không, và nó có vô cùng giá trị và ý nghĩa không. Công tác Ngài làm được thực hiện vì sự cứu rỗi toàn thể nhân loại, vì việc đánh bại Sa-tan, và vì việc làm chứng về chính Ngài giữa muôn vật. Như vậy, công tác mà Ngài thực hiện phải có ý nghĩa to lớn. Xác thịt của con người đã bị Sa-tan làm cho bại hoại, và chúng đã bị mù quáng trầm trọng nhất và bị tổn hại sâu sắc nhất. Lý do cơ bản nhất tại sao Đức Chúa Trời đích thân làm việc trong xác thịt là bởi vì đối tượng cứu rỗi của Ngài là con người, con người của xác thịt, và bởi vì Sa-tan cũng sử dụng xác thịt con người để làm nhiễu loạn công tác của Đức Chúa Trời. Cuộc chiến với Sa-tan thực sự là công tác chinh phục con người, và đồng thời, con người cũng là đối tượng cứu rỗi của Đức Chúa Trời. Theo cách này, công tác của Đức Chúa Trời nhập thể là cần thiết. Sa-tan đã làm bại hoại xác thịt của con người, và con người đã trở

thành hiện thân của Sa-tan, và trở thành đối tượng bị Đức Chúa Trời đánh bại. Theo cách này, công việc chiến đấu với Sa-tan và cứu rỗi con người xảy ra trên đất, và Đức Chúa Trời phải trở thành con người để chiến đấu với Sa-tan. Đây là công tác vô cùng thực tế. Khi Đức Chúa Trời đang làm việc trong xác thịt, Ngài thực sự đang chiến đấu với Sa-tan trong xác thịt. Khi Ngài làm việc trong xác thịt, Ngài đang thực hiện công tác của mình trong lĩnh vực thuộc linh, và Ngài biến toàn bộ công tác của Ngài trong lĩnh vực thuộc linh trở thành hiện thực trên đất. Người được chinh phục là con người, những kẻ không vâng lời Ngài; kẻ bị đánh bại là hiện thân của Sa-tan (tất nhiên, đây cũng là con người), những kẻ thù địch với Ngài; và người cuối cùng được cứu rỗi cũng là con người. Theo cách này, điều thậm chí cần thiết hơn nữa là Đức Chúa Trời phải trở thành một con người có một lớp vỏ bên ngoài của một vật thọ tạo, để Ngài có thể chiến đấu thực sự với Sa-tan, để chinh phục con người, những kẻ không vâng lời Ngài và sở hữu lớp vỏ bên ngoài giống như Ngài, và để cứu rỗi con người, những người có lớp vỏ bên ngoài giống như Ngài và đã bị Sa-tan làm hại. Kẻ thù của Ngài là con người, đối tượng chinh phục của Ngài là con người, và đối tượng cứu rỗi của Ngài là con người, những người do Ngài tạo ra. Vì thế Ngài phải trở thành con người, và bằng cách này, công tác của Ngài trở nên dễ dàng hơn. Ngài có thể đánh bại Sa-tan và chinh phục nhân loại, và hơn nữa, có thể cứu rỗi nhân loại. Mặc dù xác thịt này là bình thường và có thật, nhưng Ngài không phải là xác thịt thông thường: Ngài không phải xác thịt chỉ là con người, mà là xác thịt của cả người và Thần. Đây là sự khác biệt giữa Ngài với con người, và nó là dấu hiệu về thân phận của Đức Chúa Trời. Chỉ có xác thịt như thế mới có thể thực hiện công tác mà Ngài định thực hiện, hoàn thành chức vụ của Ngài trong xác thịt, và hoàn thành trọn vẹn công tác của Ngài giữa con người. Nếu không phải như vậy, công tác của Ngài giữa con người sẽ luôn luôn trống rỗng và thiếu sót. Ngay cả khi Đức Chúa Trời có thể chiến đấu với linh hồn của Sa-tan và chiến thắng, thì bản chất cũ của con người bại hoại không bao giờ có thể được giải quyết, và những ai không vâng lời Đức Chúa Trời và chống đối Ngài không bao giờ có thể thực sự tuân phục sự thống trị của Ngài, điều đó có nghĩa là, Ngài không bao giờ có thể chinh phục nhân loại, và không bao giờ có thể thu phục toàn thể nhân loại. Nếu công tác của Ngài trên đất không thể được giải quyết, thì sự quản lý của Ngài sẽ không bao giờ được kết thúc, và toàn thể nhân loại sẽ không thể bước vào sự nghỉ ngơi. Nếu Đức Chúa Trời không thể bước vào sự nghỉ ngơi với tất cả vật thọ tạo của Ngài, thì sẽ không bao giờ có kết quả cho công tác quản lý như thế, và sự vinh hiển của Đức Chúa Trời vì vậy sẽ biến mất. Mặc dù xác thịt của Ngài không có thẩm quyền, nhưng công tác Ngài thực hiện sẽ đạt được hiệu quả của nó. Đây là hướng đi chắc chắn trong công tác của

Ngài. Bất kể việc xác thịt của Ngài có thẩm quyền hay không, miễn là Ngài còn khả năng thực hiện công tác của chính Đức Chúa Trời thì Ngài là chính Đức Chúa Trời. Bất kể xác thịt này bình thường và bình dị thế nào, thì Ngài vẫn có thể thực hiện công tác Ngài nên thực hiện, bởi xác thịt này là Đức Chúa Trời và không chỉ là một con người. Lý do mà xác thịt này có thể thực hiện công tác mà con người không thể thực hiện là vì thực chất bên trong của Ngài không giống như của bất kỳ con người nào, và lý do Ngài có thể cứu rỗi con người là vì thân phận của Ngài khác với của bất kỳ con người nào. Xác thịt này rất quan trọng đối với nhân loại bởi vì Ngài là con người, và còn hơn thế nữa, Ngài là Đức Chúa Trời, bởi vì Ngài có thể thực hiện công tác mà không con người bình thường nào trong xác thịt có thể làm, và bởi vì Ngài có thể cứu rỗi con người bại hoại, những người sống cùng với Ngài trên đất. Mặc dù Ngài giống hệt con người, nhưng Đức Chúa Trời nhập thể quan trọng đối với nhân loại hơn bất kỳ con người có giá trị nào, bởi Ngài có thể thực hiện công tác mà Thần của Đức Chúa Trời không thể thực hiện, càng có thể làm chứng về chính Đức Chúa Trời hơn là Thần của Đức Chúa Trời để hoàn toàn thu phục nhân loại. Kết quả là, mặc dù xác thịt này bình thường và bình dị, đóng góp của Ngài cho nhân loại và tầm quan trọng của Ngài đối với sự tồn tại của nhân loại làm cho Ngài trở nên vô cùng quý giá, và giá trị cùng ý nghĩa thực của xác thịt này là không thể đo lường được đối với bất kỳ con người nào. Mặc dù xác thịt này không thể trực tiếp hủy diệt Sa-tan, nhưng Ngài có thể sử dụng công tác của Ngài để chinh phục nhân loại và đánh bại Sa-tan, và khiến Sa-tan hoàn toàn đầu phục sự thống trị của Ngài. Chính vì Đức Chúa Trời là nhập thể nên Ngài có thể đánh bại Sa-tan và có thể cứu rỗi nhân loại. Ngài không trực tiếp hủy diệt Sa-tan, mà thay vào đó, trở nên xác thịt để thực hiện công tác chinh phục nhân loại, những người đã bị Sa-tan làm cho bại hoại. Bằng cách này, Ngài có thể làm chứng tốt hơn cho chính Ngài giữa các vật thọ tạo của Ngài, và Ngài có thể cứu rỗi con người bại hoại tốt hơn. Việc đánh bại Sa-tan của Đức Chúa Trời nhập thể mang lại lời chứng mạnh mẽ hơn, và có tính thuyết phục hơn là việc trực tiếp hủy diệt Sa-tan bởi Thần của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời trong xác thịt có khả năng tốt hơn trong việc giúp con người biết đến Đấng Tạo Hóa và có thể làm chứng tốt hơn cho chính Ngài giữa các vật thọ tạo của Ngài.

Thực chất của xác thịt mà Đức Chúa Trời ngự vào

Đức Chúa Trời trong lần nhập thể đầu đã sống trên đất ba mươi ba năm rưỡi, và trong những năm đó, Ngài thi hành chức vụ của mình chỉ trong ba năm rưỡi. Ngài sở hữu một nhân tính bình thường trong suốt thời gian Ngài làm việc và cả trước khi

Ngài bắt đầu công tác của mình; Ngài sống trong nhân tính bình thường của mình trong ba mươi ba năm rưỡi. Trong suốt ba năm rưỡi cuối cùng, Ngài đã tỏ lộ chính Ngài là Đức Chúa Trời nhập thể. Trước khi bắt đầu thi hành chức vụ của mình, Ngài đã xuất hiện với một nhân tính bình thường và thông thường, không có dấu hiệu nào về thần tính của Ngài, và chỉ sau khi Ngài chính thức bắt đầu thi hành chức vụ của mình, thần tính của Ngài mới được biểu lộ. Cuộc đời và công tác của Ngài trong suốt hai mươi chín năm đầu chứng minh rằng Ngài là một con người thực sự, một Con người, và một thân thể xác thịt, bởi chức vụ của Ngài chỉ chính thức bắt đầu sau tuổi hai mươi chín. “Sự nhập thể” là sự xuất hiện của Đức Chúa Trời trong xác thịt; Đức Chúa Trời làm việc giữa loài người thọ tạo trong hình ảnh của xác thịt. Vì vậy, để Đức Chúa Trời được nhập thể, trước tiên Ngài phải là xác thịt, một xác thịt với nhân tính bình thường; đây là điều kiện tiên quyết cơ bản nhất. Trên thực tế, sự nhập thể của Đức Chúa Trời hàm ý rằng Đức Chúa Trời sống và làm việc trong xác thịt, rằng Đức Chúa Trời trong chính thực chất của Ngài trở nên xác thịt, trở thành một con người. Đời sống và công tác trong xác thịt của Ngài có thể được chia làm hai giai đoạn. Giai đoạn đầu tiên là đời sống mà Ngài sống trước khi thi hành chức vụ của mình. Ngài sống trong một gia đình con người bình thường, trong một nhân tính hoàn toàn bình thường, tuân theo các đạo lý và luật lệ bình thường của đời sống con người, với những nhu cầu bình thường của con người (ăn, mặc, ngủ, ở), có những điểm yếu của con người bình thường và những cảm xúc của con người bình thường. Nói cách khác, trong giai đoạn đầu tiên này, Ngài sống trong nhân tính hoàn toàn bình thường, không mang thần tính, tham gia vào tất cả các hoạt động bình thường của con người. Giai đoạn thứ hai là đời sống mà Ngài sống sau khi bắt đầu thi hành chức vụ của mình. Ngài vẫn ở trong nhân tính bình thường với một vỏ bọc con người bình thường, bên ngoài không có dấu hiệu siêu nhiên nào. Tuy nhiên, Ngài sống hoàn toàn vì chức vụ của mình, và trong thời gian này, nhân tính bình thường của Ngài hiện hữu hoàn toàn là để duy trì công tác bình thường của thần tính Ngài, bởi khi đó, nhân tính bình thường của Ngài đã trưởng thành đến mức Ngài có thể thi hành chức vụ của mình. Vì vậy, giai đoạn thứ hai trong cuộc đời Ngài là thi hành chức vụ của Ngài trong nhân tính bình thường của Ngài, khi đó là một đời sống của cả nhân tính bình thường lẫn hoàn toàn thần tính. Lý do Ngài sống trong nhân tính hoàn toàn bình thường trong suốt giai đoạn đầu của cuộc đời là vì nhân tính của Ngài chưa thể duy trì toàn bộ công tác thần tính, vì nó còn chưa trưởng thành; chỉ sau khi nhân tính của Ngài trưởng thành, trở nên có khả năng gánh vác chức vụ của mình, thì Ngài mới có thể bắt đầu thi hành chức vụ Ngài phải thi hành. Vì Ngài, là xác thịt, cần lớn lên và trưởng thành, nên giai đoạn đầu tiên của cuộc đời Ngài là

một giai đoạn trong nhân tính bình thường – trong khi ở giai đoạn thứ hai, bởi vì nhân tính của Ngài có thể đảm nhận công tác của Ngài và thi hành chức vụ của Ngài, nên đời sống mà Đức Chúa Trời nhập thể sống trong thời gian thi hành chức vụ của Ngài là một đời sống trong cả nhân tính lẫn hoàn toàn thần tính. Nếu Đức Chúa Trời nhập thể chính thức bắt đầu chức vụ của mình ngay từ khi ra đời, thực hiện các dấu kỳ và phép lạ siêu nhiên, thì Ngài sẽ không có một bản thể vật chất. Do đó, nhân tính của Ngài tồn tại vì bản thể vật chất của mình; không thể có xác thịt mà không có nhân tính, và một người không có nhân tính thì không phải là một con người. Theo cách này, nhân tính của xác thịt Đức Chúa Trời là một thuộc tính nội tại của xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời. Nếu nói rằng: “Khi Đức Chúa Trời trở nên xác thịt, Ngài hoàn toàn là thần thánh, và không phải con người chút nào”, thì đó là phạm thượng, bởi vì tuyên bố này đơn giản là không tồn tại, và vi phạm nguyên tắc nhập thể. Ngay cả sau khi Ngài bắt đầu thi hành chức vụ của mình, Ngài vẫn sống trong thần tính của Ngài dưới vỏ bọc bên ngoài là con người khi Ngài thực hiện công tác của mình; chỉ là khi đó, nhân tính của Ngài phục vụ cho một mục đích duy nhất là cho phép thần tính của Ngài thực hiện công tác trong xác thịt bình thường. Vì vậy, tác nhân của công tác là thần tính ngự trong nhân tính của Ngài. Thần tính của Ngài, chứ không phải nhân tính của Ngài, đang hoạt động, tuy nhiên thần tính này ẩn bên trong nhân tính của Ngài; về thực chất, công tác của Ngài được thực hiện bởi thần tính đầy đủ của Ngài, không phải bởi nhân tính của Ngài. Nhưng người trình diễn công tác lại là xác thịt Ngài. Người ta có thể nói rằng Ngài là một con người và cũng là Đức Chúa Trời, bởi Đức Chúa Trời trở thành một Đức Chúa Trời sống trong xác thịt, dưới vỏ bọc con người và có một thực chất con người nhưng cũng có thực chất của Đức Chúa Trời. Bởi vì Ngài là một con người có thực chất của Đức Chúa Trời, nên Ngài cao hơn mọi con người thọ tạo, cao hơn bất kỳ ai có thể thực hiện công tác của Đức Chúa Trời. Và vì thế, trong số tất cả những ai có vỏ bọc con người giống như Ngài, trong số tất cả những ai có nhân tính, chỉ mình Ngài là chính Đức Chúa Trời nhập thể – tất cả những người khác đều là con người thọ tạo. Mặc dù họ đều có nhân tính, nhưng những con người thọ tạo không có gì khác ngoài nhân tính, trong khi Đức Chúa Trời nhập thể thì khác: Trong xác thịt của mình, Ngài không chỉ có nhân tính mà quan trọng hơn, còn có thần tính. Nhân tính của Ngài có thể được nhìn thấy trong dáng vẻ bên ngoài của xác thịt Ngài và trong đời sống hằng ngày của Ngài, nhưng thần tính của Ngài thì khó nhận thấy. Bởi vì thần tính của Ngài được bày tỏ chỉ khi Ngài có nhân tính, và không siêu nhiên như người ta tưởng tượng, nên mọi người cực kỳ khó thấy. Thậm chí ngày nay, mọi người cũng gặp khó khăn tột cùng trong việc hiểu thấu thực chất thực sự của Đức Chúa Trời nhập thể. Ngay cả

sau khi Ta đã phán dạy về điều đó nhiều như thế, Ta chắc rằng đó vẫn còn là một điều huyền bí đối với hầu hết các người. Thực ra, vấn đề này rất đơn giản: Vì Đức Chúa Trời trở nên xác thịt, nên thực chất của Ngài là sự kết hợp giữa nhân tính và thần tính. Sự kết hợp này được gọi là chính Đức Chúa Trời, chính Đức Chúa Trời trên đất.

Cuộc sống Jêsus đã sống trên đất là một cuộc sống bình thường của xác thịt. Ngài sống trong nhân tính bình thường của xác thịt Ngài. Thẩm quyền của Ngài – để làm công tác của Ngài và phán lời Ngài, hoặc để chữa lành người bệnh và đuổi quỷ, để làm những việc phi thường như thế – phần lớn không thể hiện cho đến khi Ngài bắt đầu chức vụ của mình. Cuộc sống của Ngài trước tuổi hai mươi chín, trước khi Ngài thi hành chức vụ của mình, là bằng chứng đầy đủ cho thấy Ngài chỉ là một thân thể xác thịt bình thường. Vì điều này, và vì Ngài chưa bắt đầu thi hành chức vụ của mình, nên người ta đã không nhìn thấy điều gì thần thánh trong Ngài, không thấy gì hơn một con người bình thường, một con người thông thường – cũng như tại thời điểm đó, một vài người tin rằng Ngài là con trai của Giô-sép. Người ta nghĩ Ngài là con trai của một người bình thường, họ không cách nào nhận ra Ngài là xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời; ngay cả khi trong quá trình thi hành chức vụ của mình, Ngài đã làm nhiều phép lạ, thì hầu hết mọi người vẫn nói rằng Ngài là con trai của Giô-sép, bởi Ngài là Đấng Christ trong vỏ bọc của nhân tính bình thường. Nhân tính bình thường của Ngài và công tác của Ngài đều tồn tại để làm trọn ý nghĩa của lần nhập thể đầu tiên, để chứng minh rằng Đức Chúa Trời đã hoàn toàn đến trong xác thịt, rằng Ngài đã trở nên một con người hoàn toàn bình thường. Nhân tính bình thường của Ngài trước khi Ngài bắt đầu công tác của mình là bằng chứng cho thấy Ngài là một xác thịt bình thường; và việc Ngài đã làm công tác sau đó cũng chứng tỏ Ngài là một xác thịt bình thường, bởi Ngài đã thực hiện các dấu kỳ và phép lạ, chữa lành người bệnh và đuổi quỷ trong xác thịt với nhân tính bình thường. Lý do Ngài có thể làm phép lạ là vì xác thịt của Ngài mang thẩm quyền của Đức Chúa Trời, là xác thịt được mặc bởi Thần của Đức Chúa Trời. Ngài sở hữu thẩm quyền này bởi vì Thần của Đức Chúa Trời, và điều đó không có nghĩa là Ngài không phải là xác thịt. Chữa lành người bệnh và đuổi quỷ là công việc Ngài cần thực hiện trong chức vụ của mình, đó là sự thể hiện của thần tính ẩn trong nhân tính Ngài, và bất kể Ngài làm dấu kỳ gì hay Ngài thể hiện thẩm quyền của mình như thế nào, thì Ngài vẫn sống trong nhân tính bình thường và vẫn là một xác thịt bình thường. Cho tới thời điểm Ngài được phục sinh sau khi chết trên thập tự giá, Ngài đã sống trong xác thịt bình thường. Ban ân điển, chữa lành người bệnh, và đuổi quỷ đều là một phần trong chức vụ của Ngài, đó là tất cả những việc Ngài đã thực hiện trong xác thịt bình thường của Ngài. Trước

khi lên thập tự giá, Ngài chưa bao giờ rời khỏi xác thịt con người bình thường của mình, bất kể Ngài đang làm việc gì. Ngài là chính Đức Chúa Trời, làm công tác của riêng Đức Chúa Trời, nhưng vì Ngài là xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời, nên Ngài ăn thức ăn, mặc quần áo, có những nhu cầu của con người bình thường, có lý trí của con người bình thường, và có một tâm trí của con người bình thường. Tất cả những điều này là bằng chứng cho thấy Ngài là một con người bình thường, chứng tỏ xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời là một xác thịt với nhân tính bình thường và không phải là siêu nhiên. Việc của Ngài là hoàn tất công tác trong lần nhập thể đầu tiên của Đức Chúa Trời, hoàn thành chức vụ mà sự nhập thể đầu tiên phải thực hiện. Ý nghĩa của sự nhập thể là một con người bình thường, thông thường thực hiện công tác của chính Đức Chúa Trời; nghĩa là, Đức Chúa Trời thực hiện công tác thần thánh của Ngài trong nhân tính và qua đó đánh bại Sa-tan. Sự nhập thể có nghĩa là Thần của Đức Chúa Trời trở nên xác thịt, tức là, Đức Chúa Trời trở nên xác thịt; công tác xác thịt làm là công tác của Thần, là điều được thực hiện trong xác thịt, được bày tỏ bởi xác thịt. Không có ai ngoài xác thịt của Đức Chúa Trời có thể hoàn thành chức vụ của Đức Chúa Trời nhập thể; nghĩa là, chỉ có xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời, nhân tính bình thường này – và không một ai khác – mới có thể bày tỏ công tác thần thánh. Nếu trong lần đến đầu tiên của Ngài, Đức Chúa Trời không có nhân tính bình thường trước tuổi hai mươi chín – nếu ngay sau khi được sinh ra, Ngài đã có thể làm phép lạ, nếu ngay sau khi học nói, Ngài đã có thể nói ngôn ngữ của thiên đàng, nếu ngay khi Ngài đặt chân trên đất lần đầu tiên, Ngài đã có thể hiểu rõ tất cả những vấn đề của thế gian, thấy rõ những suy nghĩ và ý định của từng người – thì một người như thế không thể được gọi là một con người bình thường, và một xác thịt như thế không thể được gọi là xác thịt của con người. Nếu đây là trường hợp của Đấng Christ, thì ý nghĩa và thực chất sự nhập thể của Đức Chúa Trời sẽ không còn. Việc Ngài có nhân tính bình thường chứng tỏ Ngài là Đức Chúa Trời nhập thể trong xác thịt; việc Ngài trải qua một quá trình phát triển của một con người bình thường càng chứng minh rằng Ngài là một xác thịt bình thường; hơn nữa, công tác của Ngài là bằng chứng đầy đủ cho thấy Ngài là Lời Đức Chúa Trời, Thần của Đức Chúa Trời, trở nên xác thịt. Đức Chúa Trời trở nên xác thịt bởi vì những nhu cầu trong công tác của Ngài; nói cách khác, giai đoạn công tác này phải được thực hiện trong xác thịt, nó phải được thực hiện trong nhân tính bình thường. Đây là điều kiện tiên quyết cho “Lời trở nên xác thịt”, cho “sự xuất hiện của Lời trong xác thịt”, và là câu chuyện thật đáng sau hai lần nhập thể của Đức Chúa Trời. Người ta có thể tin rằng Jêsus đã làm các phép lạ trong suốt cuộc đời mình, rằng Ngài đã không có một dấu hiệu nhân tính nào mãi cho đến khi công tác trên đất của Ngài kết thúc, rằng

Ngài đã không có những nhu cầu hay sự yếu đuối của con người bình thường hoặc những cảm xúc của con người, không cần những nhu cầu cơ bản của cuộc sống hay nuôi những suy nghĩ của con người bình thường. Họ tưởng tượng Ngài chỉ có một trí tuệ siêu phàm, một nhân tính siêu việt. Họ tin rằng vì Ngài là Đức Chúa Trời, nên Ngài không nên suy nghĩ và sống như một người bình thường, rằng chỉ có một con người bình thường, một con người đích thực, mới có thể nghĩ những suy nghĩ bình thường của con người và sống một đời sống con người bình thường. Đây đều là những ý tưởng và quan niệm của con người, và những quan niệm này đi ngược lại những ý định ban đầu trong công tác của Đức Chúa Trời. Tư duy của con người bình thường duy trì lý trí của con người bình thường và nhân tính bình thường; nhân tính bình thường duy trì những chức năng bình thường của xác thịt; và những chức năng bình thường của xác thịt cho phép toàn bộ đời sống bình thường của xác thịt được diễn ra. Chỉ bằng cách làm việc trong xác thịt như thế, Đức Chúa Trời mới có thể hoàn thành mục đích nhập thể của Ngài. Nếu Đức Chúa Trời nhập thể chỉ sở hữu một vỏ bọc xác thịt bên ngoài, mà không nghĩ những suy nghĩ bình thường của con người, thì xác thịt này sẽ không có lý trí của con người, càng không có nhân tính đích thực. Làm sao một xác thịt như thế này, không có nhân tính, có thể hoàn thành chức vụ mà Đức Chúa Trời nhập thể phải thực hiện? Một tâm trí bình thường duy trì mọi khía cạnh của đời sống con người; không có tâm trí bình thường, một người sẽ không phải là con người. Nói cách khác, một người không nghĩ những suy nghĩ bình thường là bị bệnh tâm thần, và một Đấng Christ không có nhân tính mà chỉ có thần tính thì không thể được gọi là xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời. Vậy thì làm sao xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời lại không thể có nhân tính bình thường? Chẳng phải đó là phạm thượng khi nói rằng Đấng Christ không có nhân tính sao? Mọi hoạt động mà những con người bình thường tham gia đều dựa vào hoạt động của tâm trí con người bình thường. Không có nó, con người sẽ hành xử bất thường; họ thậm chí còn không thể phân biệt trắng đen, tốt xấu; và họ sẽ không có đạo đức và nguyên tắc đạo đức của con người. Tương tự, nếu Đức Chúa Trời nhập thể không suy nghĩ giống một người bình thường, thì Ngài sẽ không phải là một xác thịt đích thực, một xác thịt bình thường. Một xác thịt không có tư duy như thế sẽ không thể đảm nhận công tác thần thánh. Ngài sẽ không thể tham gia bình thường vào những hoạt động của xác thịt bình thường, càng không thể sống cùng con người trên đất. Và vì thế, ý nghĩa sự nhập thể của Đức Chúa Trời, chính thực chất của việc Đức Chúa Trời đến trong xác thịt, sẽ bị mất đi. Nhân tính của Đức Chúa Trời nhập thể tồn tại để duy trì công tác thần thánh bình thường trong xác thịt; tư duy con người bình thường của Ngài duy trì nhân tính bình thường của Ngài và tất cả mọi hoạt động thể chất bình

thường của Ngài. Có thể nói rằng tư duy con người bình thường của Ngài tồn tại để duy trì mọi công tác của Đức Chúa Trời trong xác thịt. Nếu xác thịt này không có một tâm trí của con người bình thường, thì Đức Chúa Trời không thể làm việc trong xác thịt, và những gì Ngài cần làm trong xác thịt không bao giờ có thể hoàn thành được. Mặc dù Đức Chúa Trời nhập thể sở hữu một tâm trí con người bình thường, nhưng công tác của Ngài không bị pha trộn với suy nghĩ của con người; Ngài đảm nhận công tác trong nhân tính với một tâm trí bình thường, dưới điều kiện tiên quyết là sở hữu một nhân tính với một tâm trí, chứ không phải bằng cách sử dụng suy nghĩ của con người bình thường. Cho dù những suy nghĩ của xác thịt Ngài có cao quý thế nào, thì công tác của Ngài cũng không bị vắn đục bởi lô-gic hay tư duy. Nói cách khác, công tác của Ngài không được hình thành bởi tâm trí của xác thịt Ngài, mà là một sự thể hiện trực tiếp công tác thần thánh trong nhân tính của Ngài. Tất cả công tác của Ngài là chức vụ Ngài phải hoàn thành, và không gì trong đó được hình thành bởi trí não của Ngài. Ví dụ như việc chữa lành người bệnh, đuổi quỷ, và việc chịu đóng đinh trên thập tự giá không phải là những sản phẩm của tâm trí con người của Ngài, và không thể đạt được bởi bất kỳ ai có tâm trí con người. Tương tự, công tác chinh phục ngày nay là một chức vụ phải do Đức Chúa Trời nhập thể thực hiện, nhưng đó không phải là công tác của ý muốn con người, mà là công tác mà thần tính của Ngài phải thực hiện, là công tác mà không con người xác thịt nào có thể làm được. Vì vậy, Đức Chúa Trời nhập thể phải sở hữu một tâm trí con người bình thường, phải sở hữu nhân tính bình thường, bởi vì Ngài phải thực hiện công tác của Ngài trong nhân tính với một tâm trí bình thường. Đây là thực chất công tác của Đức Chúa Trời nhập thể, là chính thực chất của Đức Chúa Trời nhập thể.

Trước khi Jêsus thực hiện công tác, Ngài chỉ đơn thuần sống trong nhân tính bình thường của Ngài. Không ai có thể nhận ra Ngài là Đức Chúa Trời, không ai phát hiện ra Ngài là Đức Chúa Trời nhập thể; mọi người chỉ biết đến Ngài như một người hoàn toàn bình thường. Nhân tính hoàn toàn bình thường, thông thường của Ngài là bằng chứng cho thấy rằng Đức Chúa Trời đã nhập thể trong xác thịt, và rằng Thời đại Ân điển là thời đại công tác của Đức Chúa Trời nhập thể, không phải thời đại công tác của Thần. Đó là bằng chứng cho thấy rằng Thần của Đức Chúa Trời đã được vật chất hóa hoàn toàn trong xác thịt, rằng trong thời đại Đức Chúa Trời nhập thể, xác thịt của Ngài sẽ thực hiện toàn bộ công tác của Thần. Đấng Christ với nhân tính bình thường là một xác thịt mà trong đó Thần được vật chất hóa, và sở hữu nhân tính bình thường, ý thức bình thường, và tư duy của con người. “Được vật chất hóa” có nghĩa là Đức Chúa Trời trở thành con người, Thần trở nên xác thịt; nói một cách dễ hiểu hơn, đó là khi chính Đức Chúa Trời ngự trong một xác thịt với một nhân

tính bình thường, và qua đó bày tỏ công tác thần thánh của Ngài – đây là ý nghĩa của việc được vật chất hóa, hay nhập thể. Trong lần nhập thể đầu tiên của Ngài, Đức Chúa Trời cần phải chữa lành người bệnh và đuổi quỷ, bởi vì công tác của Ngài là cứu chuộc. Để cứu chuộc toàn thể nhân loại, Ngài cần có lòng thương xót và khoan dung. Công tác Ngài đã làm trước khi chịu đóng đinh trên thập tự giá là chữa lành người bệnh và đuổi quỷ, điều báo trước Ngài sẽ cứu rỗi con người khỏi tội lỗi và sự ô uế. Bởi vì đó là Thời đại Ân điển, nên Ngài cần phải chữa lành người bệnh, qua đó làm các dấu kỳ và phép lạ, là những điều đại diện cho ân điển trong thời đại đó – bởi Thời đại Ân điển xoay quanh việc ban ân điển, được tượng trưng bởi sự bình an, niềm vui và các phước lành vật chất, là tất cả các dấu hiệu của đức tin nơi Jêsus trong mọi người. Điều đó có nghĩa là, việc chữa lành người bệnh, đuổi quỷ, và ban ân điển là những khả năng thuộc bản năng của xác thịt Jêsus trong Thời đại Ân điển, đó là công tác Thần đã thực hiện trong xác thịt. Nhưng trong khi Ngài thi hành công tác như thế, Ngài đang sống trong xác thịt, và không vượt lên trên xác thịt. Bất kể Ngài đã thực hiện những hành động chữa bệnh nào, Ngài vẫn sở hữu nhân tính bình thường, vẫn sống một đời sống con người bình thường. Lý do Ta phán rằng trong suốt thời đại Đức Chúa Trời nhập thể, xác thịt đã thực hiện toàn bộ công tác của Thần, là vì dù Ngài làm bất kỳ việc gì, Ngài cũng làm trong xác thịt. Tuy nhiên, bởi vì công tác của Ngài, người ta không xem xác thịt của Ngài là có một bản thể hoàn toàn bằng vật chất, bởi xác thịt này có thể làm những phép lạ, và vào những thời điểm đặc biệt nhất định, có thể làm những việc vượt lên trên xác thịt. Tất nhiên, tất cả những biến cố này đều xảy ra sau khi Ngài đã bắt đầu chức vụ của mình, như là việc hữu thể của Ngài bị thử thách trong bốn mươi ngày hoặc biến hóa trên núi. Vì thế, với Jêsus, ý nghĩa sự nhập thể của Đức Chúa Trời chưa trọn vẹn, mà chỉ đạt được một phần. Cuộc sống Ngài đã sống trong xác thịt trước khi bắt đầu công tác của Ngài thì hoàn toàn bình thường trong mọi khía cạnh. Sau khi bắt đầu công tác, Ngài chỉ giữ lại vỏ bọc bên ngoài của xác thịt mình. Bởi vì công tác của Ngài là một sự bày tỏ của thần tính, nên nó đã vượt quá các chức năng bình thường của xác thịt. Suy cho cùng, xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời khác với những con người của thịt và huyết. Tất nhiên, trong đời sống hằng ngày, Ngài cần ăn, mặc, ngủ, ở, Ngài cần tất cả mọi nhu cầu thiết yếu bình thường, có ý thức của một người bình thường, và có tư duy như một người bình thường. Mọi người vẫn xem Ngài là một con người bình thường, ngoại trừ công tác Ngài đã làm là siêu nhiên. Thực ra, bất kể Ngài làm gì, Ngài vẫn sống trong một nhân tính bình thường và thông thường, và chừng nào Ngài thực hiện công tác, thì ý thức của Ngài đặc biệt bình thường, những suy nghĩ của Ngài đặc biệt sáng suốt, hơn bất kỳ con người bình thường nào khác.

Đức Chúa Trời nhập thể cần có tư duy và ý thức như thế, vì công tác thần thánh cần được bày tỏ bởi một xác thịt có ý thức thật bình thường và suy nghĩ thật sáng suốt – chỉ bằng cách này, xác thịt của Ngài mới có thể bày tỏ được công tác thần thánh. Trong suốt ba mươi ba năm rưỡi Jêsus sống trên đất, Ngài đã giữ nhân tính bình thường của Ngài, nhưng vì công tác của Ngài trong ba năm rưỡi làm chức vụ, nên người ta đã nghĩ rằng Ngài quá siêu việt, rằng Ngài siêu nhiên hơn trước đây rất nhiều. Trên thực tế, nhân tính bình thường của Jêsus vẫn không thay đổi trước và sau khi Ngài bắt đầu chức vụ; nhân tính của Ngài vẫn như vậy từ đầu đến cuối, nhưng vì sự khác biệt trước và sau khi Ngài bắt đầu chức vụ, nên đã xuất hiện hai quan điểm khác nhau về xác thịt của Ngài. Bất kể mọi người nghĩ gì, Đức Chúa Trời nhập thể vẫn giữ nhân tính bình thường ban đầu của Ngài trong suốt thời gian đó, bởi từ khi Đức Chúa Trời nhập thể, Ngài đã sống trong xác thịt, một xác thịt có nhân tính bình thường. Bất kể Ngài có thi hành chức vụ của mình hay không, thì nhân tính bình thường của xác thịt Ngài cũng không thể bị xóa bỏ, bởi nhân tính là thực chất cơ bản của xác thịt. Trước khi Jêsus thi hành chức vụ của mình, xác thịt của Ngài vẫn hoàn toàn bình thường, tham gia vào mọi hoạt động bình thường của con người; Ngài đã không xuất hiện với một chút siêu nhiên nào, không làm bất cứ dấu kỳ nào. Khi đó, Ngài chỉ là một con người rất bình thường thờ phượng Đức Chúa Trời, mặc dù sự theo đuổi của Ngài trung thực hơn, chân thành hơn bất cứ ai. Đây là cách nhân tính hoàn toàn bình thường của Ngài biểu lộ. Vì Ngài không làm bất cứ công tác nào trước khi đảm nhận chức vụ của mình, nên không ai nhận ra thân phận của Ngài, không ai có thể nhận thấy xác thịt của Ngài khác với tất cả những người khác, bởi Ngài đã không làm dù chỉ một phép lạ, không thực hiện chút công tác nào của chính Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, sau khi Ngài bắt đầu thi hành chức vụ của mình, Ngài đã giữ lại vỏ bọc nhân tính bình thường và vẫn sống với lý trí của con người bình thường, nhưng bởi vì Ngài đã bắt đầu làm công tác của chính Đức Chúa Trời, đảm nhận chức vụ của Đấng Christ, và làm công tác mà những người phàm, những con người của thịt và huyết không có khả năng làm, nên người ta cho rằng Ngài không có nhân tính bình thường và không phải là một xác thịt hoàn toàn bình thường, mà là một xác thịt không trọn. Vì công tác Ngài đã thực hiện, người ta nói Ngài là một Đức Chúa Trời trong xác thịt không có nhân tính bình thường. Hiểu như thế là sai trật, bởi mọi người không nắm được ý nghĩa sự nhập thể của Đức Chúa Trời. Hiểu lầm này xuất phát từ thực tế rằng công tác được bày tỏ bởi Đức Chúa Trời trong xác thịt là công tác thần thánh, được bày tỏ trong một xác thịt có nhân tính bình thường. Đức Chúa Trời đã mặc lấy xác thịt, Ngài ngự trong xác thịt, và công tác trong nhân tính của Ngài đã làm

lu mờ sự bình thường của nhân tính Ngài. Vì lý do này mà người ta đã tin rằng Đức Chúa Trời không có nhân tính, mà chỉ có thần tính.

Đức Chúa Trời trong lần nhập thể đầu chưa hoàn tất công tác nhập thể; Ngài chỉ hoàn tất bước đầu tiên trong công tác mà Đức Chúa Trời cần thực hiện trong xác thịt. Vì vậy, để hoàn tất công tác nhập thể, Đức Chúa Trời đã trở lại xác thịt một lần nữa, sống trọn mọi khía cạnh bình thường và hiện thực của xác thịt, nghĩa là, làm cho Lời Đức Chúa Trời xuất hiện trong một xác thịt hoàn toàn bình thường và thông thường, qua đó kết thúc công tác Ngài chưa thực hiện xong trong xác thịt. Về thực chất, xác thịt nhập thể lần thứ hai giống với lần đầu, nhưng nó thậm chí còn thật hơn, thậm chí còn bình thường hơn lần đầu. Kết quả là, sự đau khổ mà xác thịt nhập thể lần thứ hai phải chịu đựng lớn hơn lần đầu, nhưng sự đau khổ này là kết quả của chức vụ trong xác thịt của Ngài, nó không giống như sự đau khổ của con người bại hoại. Nó cũng xuất phát từ tính bình thường và tính hiện thực của xác thịt Ngài. Bởi vì Ngài thi hành chức vụ của mình trong một xác thịt hoàn toàn bình thường và thật, nên xác thịt phải chịu đựng rất nhiều gian khổ. Xác thịt này càng bình thường và càng thật, thì Ngài sẽ càng phải chịu khổ nhiều khi thi hành chức vụ của mình. Công tác của Đức Chúa Trời được bày tỏ trong một xác thịt rất bình thường, một xác thịt không có chút siêu nhiên nào. Bởi vì xác thịt của Ngài bình thường và cũng phải gánh vác công tác cứu rỗi con người, nên Ngài phải chịu khổ thậm chí còn nhiều hơn một xác thịt siêu nhiên phải chịu – và tất cả những đau khổ này xuất phát từ tính hiện thực và tính bình thường của xác thịt Ngài. Từ những đau khổ mà hai xác thịt nhập thể đã trải qua trong khi thi hành chức vụ của các Ngài, người ta có thể thấy thực chất của xác thịt nhập thể. Xác thịt càng bình thường, thì Ngài càng phải chịu nhiều gian khổ trong khi đảm nhận công tác; xác thịt đảm nhận công tác càng thật, thì các quan niệm của con người càng khắt khe, và càng nhiều nguy hiểm có thể xảy đến với Ngài. Tuy nhiên, xác thịt càng thật, và xác thịt càng sở hữu nhiều nhu cầu và ý thức hoàn chỉnh của một con người bình thường, thì Ngài càng có khả năng đảm nhận công tác của Đức Chúa Trời trong xác thịt. Chính xác thịt của Jêsus đã bị đóng đinh lên thập tự giá, xác thịt mà Ngài đã dâng phôi như một của lễ chuộc tội; chính thông qua một xác thịt với nhân tính bình thường mà Ngài đã đánh bại Sa-tan và hoàn toàn cứu rỗi con người khỏi thập tự giá. Và chính như một xác thịt hoàn chỉnh mà Đức Chúa Trời trong lần nhập thể thứ hai thực hiện công tác chinh phục và đánh bại Sa-tan. Chỉ có một xác thịt hoàn toàn bình thường và thật mới có thể thực hiện toàn bộ công tác chinh phục và mang lời chứng mạnh mẽ. Điều đó có nghĩa là, việc chinh phục con người có được hiệu quả nhờ tính hiện thực và tính bình thường của Đức Chúa Trời trong xác thịt, chứ không nhờ các phép lạ siêu nhiên

và sự mặc khải. Chức vụ của Đức Chúa Trời nhập thể này là phán dạy, và qua đó, chinh phục và hoàn thiện con người; nói cách khác, công tác của Thần được thực hiện trong xác thịt, bản phận của xác thịt là phán dạy và qua đó chinh phục, mặc khải, hoàn thiện, và loại bỏ con người một cách triệt để. Và vì thế, chính trong công tác chinh phục mà công tác của Đức Chúa Trời trong xác thịt sẽ được hoàn thành trọn vẹn. Công tác cứu chuộc ban đầu chỉ là sự khởi đầu của công tác nhập thể; xác thịt thực hiện công tác chinh phục sẽ hoàn tất toàn bộ công tác nhập thể. Về giới tính, một người là nam và người kia là nữ, như vậy làm trọn ý nghĩa sự nhập thể của Đức Chúa Trời, và xua tan những quan niệm của con người về Đức Chúa Trời: Đức Chúa Trời có thể trở thành cả nam lẫn nữ, và về thực chất, Đức Chúa Trời nhập thể là phi giới tính. Ngài đã tạo nên cả người nam và người nữ, còn đối với Ngài, thì không có sự phân chia giới tính. Trong giai đoạn công tác này, Đức Chúa Trời không làm các dấu kỳ và phép lạ, để cho công tác sẽ đạt được kết quả thông qua lời. Hơn nữa, lý do cho việc này là vì công tác của Đức Chúa Trời nhập thể lần này không phải là chữa lành người bệnh và đuổi quỷ, mà là chinh phục con người bằng cách phán dạy, có nghĩa là khả năng tự nhiên có bởi xác thịt nhập thể này của Đức Chúa Trời là phán lời và chinh phục con người, chứ không phải là chữa lành người bệnh và đuổi quỷ. Công tác của Ngài trong nhân tính bình thường không phải là làm phép lạ, không phải là chữa lành người bệnh và đuổi quỷ, mà là phán dạy, và vì thế, dường như đối với con người, xác thịt nhập thể lần thứ hai bình thường hơn nhiều so với lần đầu. Mọi người thấy sự nhập thể của Đức Chúa Trời không có gì giả dối; tuy nhiên Đức Chúa Trời nhập thể này khác với Jêsus nhập thể, và dù cả hai đều là Đức Chúa Trời nhập thể, nhưng các Ngài không hoàn toàn giống nhau. Jêsus sở hữu nhân tính bình thường, nhân tính thông thường, nhưng đi cùng Ngài là nhiều dấu kỳ và phép lạ. Trong Đức Chúa Trời nhập thể này, mắt người sẽ không nhìn thấy các dấu kỳ hay phép lạ, cũng không thấy việc chữa lành người bệnh hay đuổi quỷ, hay đi bộ trên mặt biển, hay kiêng ăn trong bốn mươi ngày... Ngài không làm những việc giống như Jêsus đã làm, không phải vì xác thịt của Ngài về thực chất có chút gì khác với xác thịt của Jêsus, mà là vì chức vụ của Ngài không phải là chữa lành người bệnh và đuổi quỷ. Ngài không phá bỏ công tác của chính mình, không làm nhiều loạn công tác của chính mình. Vì Ngài chinh phục con người bằng những lời thực tế của Ngài, nên không cần chinh phục họ bằng phép lạ, và vì thế, giai đoạn này là để hoàn tất công tác nhập thể. Đức Chúa Trời nhập thể người nhìn thấy ngày nay hoàn toàn là một xác thịt, và không có gì siêu nhiên về Ngài. Ngài đau ốm như những người khác, cần thực phẩm và quần áo giống như những người khác; Ngài hoàn toàn là một xác thịt. Nếu lần quay trở lại này, Đức Chúa Trời nhập thể làm các dấu kỳ và

phép lạ siêu nhiên, nếu Ngài chữa lành người bệnh, đuổi quỷ, hay có thể giết chết bằng một lời, thì làm sao công tác chinh phục có thể được thực hiện? Làm sao công tác có thể được lan truyền giữa các nước dân ngoại? Chữa lành người bệnh và đuổi quỷ là công tác của Thời đại Ân điển, đó là bước đầu tiên trong công tác cứu chuộc, còn giờ đây, vì Đức Chúa Trời đã cứu rỗi con người khỏi thập tự giá, nên Ngài không còn thực hiện công tác đó nữa. Trong thời kỳ sau rốt, nếu một vị “Đức Chúa Trời” giống như Jêsus xuất hiện, một người chữa lành người bệnh, đuổi quỷ, và chịu đóng đinh trên thập tự giá vì con người, thì vị “Đức Chúa Trời” đó, dù có giống hệt mô tả về Đức Chúa Trời trong Kinh Thánh và dễ dàng được con người chấp nhận, thì về bản chất cũng sẽ không phải là xác thịt được mặc bởi Thần của Đức Chúa Trời, mà bởi một tà linh. Bởi nguyên tắc làm việc của Đức Chúa Trời chính là không bao giờ lặp lại những gì Ngài đã hoàn tất; và vì thế, công tác của lần nhập thể thứ hai của Đức Chúa Trời khác với công tác lần đầu. Trong thời kỳ sau rốt, Đức Chúa Trời thực hiện công tác chinh phục trong một xác thịt bình thường, thông thường; Ngài không chữa lành người bệnh, sẽ không bị đóng đinh trên thập tự giá vì con người, mà chỉ phán những lời trong xác thịt, và chinh phục con người trong xác thịt. Chỉ có xác thịt như thế mới là xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời; chỉ có xác thịt như thế mới có thể hoàn tất công tác của Đức Chúa Trời trong xác thịt.

Dù trong giai đoạn này, Đức Chúa Trời nhập thể đang chịu đựng gian khổ hay thi hành chức vụ của Ngài, thì Ngài làm vậy để làm trọn ý nghĩa của sự nhập thể, bởi đây là sự nhập thể cuối cùng của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời chỉ có thể nhập thể hai lần. Không thể có lần thứ ba. Sự nhập thể lần thứ nhất là nam, lần thứ hai là nữ, và vì thế, hình ảnh xác thịt của Đức Chúa Trời được trọn vẹn trong tâm trí con người; hơn nữa, hai sự nhập thể đã kết thúc công tác của Đức Chúa Trời trong xác thịt. Lần đầu, Đức Chúa Trời nhập thể sở hữu nhân tính bình thường để làm trọn ý nghĩa của sự nhập thể. Lần này, Ngài cũng sở hữu nhân tính bình thường, nhưng ý nghĩa của sự nhập thể lần này lại khác: Nó sâu sắc hơn, và công tác của Ngài có ý nghĩa sâu nhiệm hơn. Lý do Đức Chúa Trời đã trở nên xác thịt một lần nữa là để làm trọn ý nghĩa của sự nhập thể. Khi Đức Chúa Trời đã kết thúc hoàn toàn giai đoạn công tác này của Ngài, thì toàn bộ ý nghĩa của sự nhập thể, nghĩa là, công tác của Đức Chúa Trời trong xác thịt sẽ trọn vẹn, và sẽ không còn công tác nào được thực hiện trong xác thịt nữa. Điều đó có nghĩa là, từ giờ trở đi, Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ đến trong xác thịt để thực hiện công tác của Ngài nữa. Chỉ để cứu rỗi và hoàn thiện nhân loại mà Đức Chúa Trời mới thực hiện công tác nhập thể. Nói cách khác, việc Đức Chúa Trời đến trong xác thịt tuyệt nhiên không phải là chuyện thường lệ, ngoại trừ vì công tác. Bằng việc đến trong xác thịt để làm công tác, Ngài cho Sa-tan thấy rằng

Đức Chúa Trời là một xác thịt, một con người bình thường, một con người thông thường – nhưng Ngài có thể trị vì đắc thắng trên cả thế gian, có thể đánh bại Sa-tan, cứu chuộc nhân loại, chinh phục nhân loại! Mục tiêu trong các việc làm của Sa-tan là làm cho nhân loại bại hoại, trong khi mục tiêu công tác của Đức Chúa Trời là cứu rỗi nhân loại. Sa-tan bắt con người trong một vực sâu không đáy, trong khi Đức Chúa Trời cứu rỗi họ ra khỏi đó. Sa-tan bắt tất cả mọi người thờ phượng nó, trong khi Đức Chúa Trời khiến họ phục tùng sự thống trị của Ngài, bởi Ngài là Chúa của muôn loài thọ tạo. Tất cả các công tác này đều đạt được qua hai lần nhập thể của Đức Chúa Trời. Về thực chất, xác thịt của Ngài là sự kết hợp của nhân tính và thần tính, và sở hữu nhân tính bình thường. Vì vậy, nếu không có xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời, thì Đức Chúa Trời không thể đạt được những kết quả trong việc cứu rỗi nhân loại, và nếu không có nhân tính bình thường của xác thịt Ngài, thì công tác của Ngài trong xác thịt vẫn không thể đạt được những kết quả này. Thực chất sự nhập thể của Đức Chúa Trời là việc Ngài phải sở hữu nhân tính bình thường; bởi nếu không sẽ đi ngược lại với ý định ban đầu của Đức Chúa Trời trong việc nhập thể.

Tại sao Ta phán rằng ý nghĩa của sự nhập thể chưa được trọn vẹn trong công tác của Jêsus? Bởi vì Lời chưa hoàn toàn trở nên xác thịt. Những gì Jêsus đã làm chỉ là một phần công tác của Đức Chúa Trời trong xác thịt; Ngài chỉ thực hiện công tác cứu chuộc, và đã không thực hiện công tác hoàn toàn thu phục con người. Vì lý do này, Đức Chúa Trời đã trở nên xác thịt một lần nữa trong thời kỳ sau rốt. Giai đoạn công tác này cũng được thực hiện trong một xác thịt bình thường; nó được thi hành bởi một con người hoàn toàn bình thường, một con người mà nhân tính không có chút gì siêu việt. Nói cách khác, Đức Chúa Trời đã trở thành một con người hoàn chỉnh; Ngài là một con người có thân phận của Đức Chúa Trời, một con người hoàn chỉnh, một xác thịt hoàn chỉnh, là Đấng đang thực hiện công tác. Mắt người nhìn thấy một thân thể xác thịt không siêu việt chút nào, một con người rất đỗi bình thường có thể nói ngôn ngữ của thiên đàng, không làm các dấu kỳ, không làm các phép lạ, càng không phơi bày sự thật bên trong về tôn giáo trong những hội đường lớn. Đối với mọi người, công tác của xác thịt nhập thể lần thứ hai dường như hoàn toàn không giống với lần đầu, khác xa đến nỗi cả hai dường như không có điểm gì chung, và không có gì trong công tác lần đầu có thể thấy được trong lần này. Dù công tác của xác thịt nhập thể lần thứ hai khác với lần đầu, nhưng điều đó không chứng tỏ nguồn gốc của các Ngài không phải là một và như nhau. Nguồn gốc của các Ngài có như nhau hay không phụ thuộc vào bản chất công tác được thực hiện bởi xác thịt, chứ không phải vào vỏ bọc bên ngoài của các Ngài. Suốt ba giai đoạn công tác của Đức

Chúa Trời, Ngài đã nhập thể hai lần, và trong cả hai lần, công tác của Đức Chúa Trời nhập thể đều mở ra một thời đại mới, khởi đầu một công tác mới; các lần nhập thể bổ sung cho nhau. Mắt người không thể thấy hai xác thịt thực sự đến từ cùng một nguồn gốc. Không cần phải nói, điều này vượt quá khả năng của mắt người hay tâm trí con người. Nhưng về thực chất, các Ngài là một, bởi công tác của các Ngài bắt nguồn từ cùng một Thần. Việc hai xác thịt nhập thể có xuất phát từ cùng nguồn gốc hay không thì không thể được nhận định theo thời kỳ và nơi chốn các Ngài được sinh ra, hoặc những yếu tố tương tự, mà phải theo công tác thần thánh do các Ngài bày tỏ. Xác thịt nhập thể thứ hai không thực hiện bất kỳ công tác nào mà Jêsus đã làm, bởi công tác của Đức Chúa Trời không theo lệ thường, mà mỗi lần đều mở ra một con đường mới. Xác thịt nhập thể thứ hai không nhằm đào sâu thêm hay củng cố ấn tượng về xác thịt thứ nhất trong tâm trí con người, mà nhằm bổ sung và hoàn thiện nó, làm sâu sắc thêm sự hiểu biết của con người về Đức Chúa Trời, phá vỡ mọi quy tắc tồn tại trong lòng người, và xóa bỏ những hình tượng sai lệch về Đức Chúa Trời trong lòng họ. Có thể nói rằng không có một giai đoạn riêng lẻ nào trong công tác của chính Đức Chúa Trời có thể cho con người một sự hiểu biết trọn vẹn về Ngài; mỗi giai đoạn chỉ cung cấp một phần, không phải toàn bộ. Dù Đức Chúa Trời đã bày tỏ đầy đủ tâm tính của Ngài, nhưng bởi vì khả năng hiểu biết hạn hẹp của con người, nên sự hiểu biết của họ về Đức Chúa Trời vẫn chưa trọn vẹn. Bằng ngôn ngữ con người, để truyền tải toàn bộ tâm tính của Đức Chúa Trời là điều không thể; hơn nữa, làm sao một giai đoạn công tác đơn lẻ của Đức Chúa Trời lại có thể bày tỏ đầy đủ về Ngài được? Ngài làm việc trong xác thịt dưới vỏ bọc nhân tính bình thường của Ngài, và người ta chỉ có thể biết đến Ngài qua những bày tỏ của thần tính Ngài, không phải qua vỏ bọc thể xác của Ngài. Đức Chúa Trời đến trong xác thịt để cho con người biết đến Ngài thông qua những công tác khác nhau của Ngài, và không giai đoạn công tác nào của Ngài giống giai đoạn nào. Chỉ theo cách này, con người mới có thể có được một sự hiểu biết đầy đủ về công tác trong xác thịt của Đức Chúa Trời, không bị giới hạn trong một khía cạnh đơn lẻ nào. Dù công tác của hai xác thịt nhập thể là khác nhau, nhưng thực chất của hai xác thịt và nguồn gốc công tác của các Ngài lại y hệt nhau; chỉ là, các Ngài hiện hữu để thực hiện hai giai đoạn công tác khác nhau, và xuất hiện trong hai thời đại khác nhau. Bất kể thế nào, các xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời đều có cùng thực chất và cùng nguồn gốc – đây là một sự thật không ai có thể phủ nhận.

Công tác của Đức Chúa Trời và sự thực hành của con người

Công tác của Đức Chúa Trời giữa con người không thể tách rời khỏi con người, bởi con người là đối tượng của công tác này, và là tạo vật duy nhất được Đức Chúa Trời tạo nên có thể làm chứng về Đức Chúa Trời. Đời sống của con người và tất cả những hoạt động của con người đều không thể tách rời khỏi Đức Chúa Trời, và tất cả đều được điều khiển bởi bàn tay của Đức Chúa Trời, thậm chí có thể nói rằng không ai có thể tồn tại độc lập với Đức Chúa Trời. Không ai có thể phủ nhận điều này, bởi nó là một sự thật. Tất cả những gì Đức Chúa Trời làm đều vì lợi ích của nhân loại, và nhắm thẳng vào các âm mưu của Sa-tan. Tất cả những gì con người cần đều đến từ Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời là cội nguồn sự sống của con người. Vì vậy, đơn giản là con người không thể rời xa Đức Chúa Trời. Hơn nữa, Đức Chúa Trời chưa bao giờ có bất kỳ ý định rời xa con người. Công tác mà Đức Chúa Trời làm là vì cả nhân loại, và những suy nghĩ của Ngài luôn luôn tốt lành. Vì vậy, đối với con người, công tác của Đức Chúa Trời và suy nghĩ của Đức Chúa Trời (nghĩa là ý muốn của Đức Chúa Trời) là cả hai “khải tượng” mà con người nên biết. Những Khải tượng như thế cũng là sự quản lý của Đức Chúa Trời, và là công tác mà con người không có khả năng thực hiện. Trong khi đó, những yêu cầu Đức Chúa Trời đặt ra cho con người trong suốt quá trình công tác của Ngài được gọi là “sự thực hành” của con người. Những Khải tượng là công tác của chính Đức Chúa Trời, hoặc là ý muốn của Ngài dành cho nhân loại hoặc các mục đích và ý nghĩa công tác của Ngài. Những Khải tượng cũng có thể nói là một phần của sự quản lý, bởi sự quản lý này là công tác của Đức Chúa Trời, và nhằm vào con người, có nghĩa đó là công tác mà Đức Chúa Trời thực hiện giữa con người. Công tác này là bằng chứng và là con đường qua đó con người biết đến Đức Chúa Trời, và đó là điều vô cùng quan trọng đối với con người. Thay vì chú ý đến kiến thức về công tác của Đức Chúa Trời, nếu mọi người chỉ chú ý đến các giáo lý về niềm tin nơi Đức Chúa Trời, hoặc đến những chi tiết vật vãnh không quan trọng, thì đơn giản là họ sẽ không biết Đức Chúa Trời, và hơn thế nữa, sẽ không hợp lòng Đức Chúa Trời. Công tác của Đức Chúa Trời mà cực kỳ hữu ích cho kiến thức của con người về Đức Chúa Trời, thì được gọi là những Khải tượng. Những Khải tượng này là công tác của Đức Chúa Trời, ý muốn của Đức Chúa Trời, những mục đích và ý nghĩa công tác của Đức Chúa Trời; tất cả chúng đều có ích cho con người. Sự thực hành đề cập đến những gì nên được thực hiện bởi con người, những gì nên được thực hiện bởi những tạo vật đi theo Đức Chúa Trời và đó cũng là bổn phận của con người. Những gì con người cần phải làm không

phải là điều mà con người đã hiểu ngay từ đầu, mà là những yêu cầu Đức Chúa Trời đặt ra cho con người trong suốt quá trình công tác của Ngài. Những yêu cầu này dần dần trở nên sâu sắc hơn và nâng cao hơn khi Đức Chúa Trời làm việc. Ví dụ, trong suốt Thời đại Luật pháp, con người đã phải tuân theo luật pháp, và trong suốt Thời đại Ân điển, con người đã phải vác thập tự giá. Thời đại Vương quốc thì khác: Những yêu cầu đối với con người cao hơn trong Thời đại Luật pháp và Thời đại Ân điển. Khi những khái tượng trở nên cao cả hơn, thì những yêu cầu đối với con người trở nên cao hơn, trở nên rõ ràng hơn và thật hơn bao giờ hết. Tương tự như vậy, những khái tượng cũng ngày càng trở thành hiện thực. Nhiều khái tượng thật này không chỉ có ích cho sự vâng phục Đức Chúa Trời của con người, mà hơn nữa, còn có ích cho kiến thức của họ về Đức Chúa Trời.

So với các thời đại trước, công tác của Đức Chúa Trời trong suốt Thời đại Vương quốc thực tế hơn, hướng vào thực chất của con người và những thay đổi trong tâm tính của họ nhiều hơn, và càng có thể làm chứng về chính Đức Chúa Trời đối với tất cả những ai theo Ngài. Nói cách khác, trong suốt Thời đại Vương quốc, khi Ngài làm việc, Đức Chúa Trời đã bày tỏ nhiều về chính mình cho con người hơn bất kỳ thời điểm nào trong quá khứ, điều đó có nghĩa là những khái tượng mà con người nên biết thì cao cả hơn trong bất kỳ thời đại nào trước đây. Bởi vì công tác của Đức Chúa Trời giữa con người đã bước vào địa hạt chưa từng có, những khái tượng được con người biết đến trong suốt Thời đại Vương quốc thì cao cả nhất giữa toàn bộ công tác quản lý. Công tác của Đức Chúa Trời đã bước vào địa hạt chưa từng có, và vì thế những khái tượng được con người biết đến đã trở nên cao cả nhất trong tất cả các khái tượng, và kết quả thực hành của con người cũng cao hơn trong bất kỳ thời đại nào trước đó, bởi sự thực hành của con người thay đổi từng bước theo các khái tượng, và sự hoàn hảo của khái tượng cũng đánh dấu sự hoàn hảo trong những yêu cầu đối với con người. Ngay sau khi toàn bộ sự quản lý của Đức Chúa Trời dừng lại, thì sự thực hành của con người cũng chấm dứt; và không có công tác của Đức Chúa Trời, thì con người sẽ không có sự lựa chọn nào ngoài việc bám víu lấy các giáo lý của các thời đại đã qua, hoặc đơn giản là sẽ không biết làm gì. Không có các khái tượng mới, con người sẽ không có sự thực hành mới; không có các khái tượng trọn vẹn, con người sẽ không có sự thực hành hoàn hảo; không có các khái tượng cao cả hơn, thì con người sẽ không có sự thực hành cao hơn. Sự thực hành của con người thay đổi theo những bước chân của Đức Chúa Trời, và tương tự, kiến thức và kinh nghiệm của con người cũng thay đổi theo công tác của Đức Chúa Trời. Bất kể con người có khả năng như thế nào, họ vẫn không thể tách khỏi Đức Chúa Trời, và nếu Đức Chúa Trời ngưng làm việc trong giây lát, thì lập tức con người sẽ chết

từ cơn thanh nộ của Ngài. Con người không có gì để khoe khoang, bởi dù cho ngày nay kiến thức của con người có cao đến đâu, cho dù những kinh nghiệm của con người có sâu sắc đến đâu, thì họ vẫn không thể tách khỏi công tác của Đức Chúa Trời – vì sự thực hành của con người và những điều mà họ nên tìm kiếm trong niềm tin của họ nơi Đức Chúa Trời, thì không thể tách khỏi các khái tượng. Trong mọi trường hợp công tác của Đức Chúa Trời đều có các khái tượng mà con người nên biết, và theo sau đó, những yêu cầu phù hợp được đưa ra đối với con người. Không có những khái tượng này như là nền tảng, thì con người sẽ không chỉ không có khả năng thực hành, mà họ cũng không thể đi theo Đức Chúa Trời một cách vững vàng. Nếu con người không biết đến Đức Chúa Trời hoặc hiểu được ý của Ngài, thì mọi thứ con người làm đều vô nghĩa, và không có khả năng được Đức Chúa Trời chấp thuận. Cho dù con người có nhiều ân tứ đến mấy, thì họ vẫn không thể tách rời khỏi công tác của Đức Chúa Trời và sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời. Cho dù các hành động của con người có tốt lành và nhiều đến đâu, thì chúng vẫn không thể thay thế công tác của Đức Chúa Trời. Và vì vậy, dù trong tình cảnh nào thì sự thực hành của con người cũng không thể tách khỏi các khái tượng. Những ai không chấp nhận các khái tượng mới thì không có sự thực hành mới. Sự thực hành của họ không liên quan đến lẽ thật bởi vì họ hành động đúng theo giáo lý và bám víu vào luật lệ đã không còn khả dụng; họ không có khái tượng mới nào cả, và kết quả là, họ không đưa được điều gì thuộc thời đại mới vào thực hành. Họ đã đánh mất các khái tượng, và khi làm như vậy họ cũng mất đi công tác của Đức Thánh Linh, và đánh mất lẽ thật. Những kẻ không có lẽ thật là con cháu của sự phi lý, chúng là hiện thân của Sa-tan. Cho dù con người thuộc loại nào đi nữa, thì họ cũng không thể không có khái tượng về công tác của Đức Chúa Trời, và không thể để mất sự hiện diện của Đức Thánh Linh; ngay sau khi con người đánh mất các khái tượng, thì họ lập tức rơi xuống địa ngục và sống giữa sự tối tăm. Những người không có khái tượng là những người đi theo Đức Chúa Trời một cách ngu ngốc, họ là những người không có công tác của Đức Thánh Linh, và họ đang sống trong địa ngục. Những người như thế không theo đuổi lẽ thật, mà thay vào đó treo danh của Đức Chúa Trời lên như một bảng hiệu. Những ai không biết đến công tác của Đức Thánh Linh, những ai không biết đến Đức Chúa Trời nhập thể, những ai không biết đến ba giai đoạn công tác trong toàn thể sự quản lý của Đức Chúa Trời – thì họ không biết đến các khái tượng, và vì vậy không có lẽ thật. Và chẳng phải những kẻ không sở hữu lẽ thật đều là những kẻ làm ác đó sao? Những ai sẵn sàng đưa lẽ thật vào thực hành, sẵn sàng tìm kiếm một kiến thức về Đức Chúa Trời, và thực sự hợp tác với Đức Chúa Trời đều là những người mà đối với họ, khái tượng đóng vai trò như một nền tảng. Họ

được Đức Chúa Trời chấp thuận bởi vì họ hợp tác với Đức Chúa Trời, và chính sự hợp tác này nên được con người đưa vào thực hành.

Trong các khái tượng có chứa đựng nhiều con đường dẫn đến thực hành. Những yêu cầu thực tế đối với con người cũng chứa đựng trong các khái tượng, cũng như công tác của Đức Chúa Trời mà con người nên biết. Trong quá khứ, trong suốt những buổi nhóm họp đặc biệt hay những buổi nhóm họp lớn được tổ chức ở nhiều nơi khác nhau, thì chỉ có một khía cạnh của con đường thực hành được nói đến. Sự thực hành như thế chính là điều đã được đưa vào thực hành trong suốt Thời đại Ân điển, và hầu như không có liên quan gì đến kiến thức về Đức Chúa Trời, bởi khái tượng của Thời đại Ân điển chỉ là khái tượng về sự đóng đinh của Jêsus, và không có khái tượng nào vĩ đại hơn. Con người được cho là không biết gì hơn công tác cứu chuộc nhân loại của Ngài qua việc chịu đóng đinh trên thập tự, và vì thế trong suốt Thời đại Ân điển đã không có những khái tượng khác cho con người biết đến. Bằng cách này, con người chỉ có được một kiến thức ít ỏi về Đức Chúa Trời, và ngoài kiến thức về tình yêu và sự thương xót của Jêsus, chỉ có vài điều đơn giản và đáng thương hại để họ đưa vào thực hành, những điều khác xa với ngày hôm nay. Trong quá khứ, dù nhóm họp lại theo hình thức nào, thì con người cũng không có khả năng nói về kiến thức thực tế trong công tác của Đức Chúa Trời, càng không có bất kỳ ai có thể nói rõ con đường thực hành nào phù hợp nhất cho con người để bước vào. Con người chỉ đơn thuần thêm một vài chi tiết đơn giản vào một nền tảng của sự nhịn nhục và khoan dung; đơn giản là đã không có sự thay đổi nào trong thực chất việc thực hành của họ, bởi trong cùng một thời đại thì Đức Chúa Trời đã không làm bất kỳ công tác nào mới hơn, và những yêu cầu duy nhất Ngài đặt ra cho con người là sự nhịn nhục và khoan dung, hoặc việc vác thập tự giá. Ngoài những thực hành như thế, không có khái tượng nào cao cả hơn việc chịu đóng đinh lên thập tự giá của Jêsus. Trong quá khứ, những khái tượng khác không được nhắc đến bởi vì Đức Chúa Trời đã không thực hiện nhiều công tác, và bởi vì Ngài chỉ đưa ra những yêu cầu hạn chế đối với con người. Theo cách này, bất kể con người đã làm những gì, họ cũng không có khả năng vi phạm những giới hạn này, những giới hạn chỉ là một vài điều đơn giản và nông cạn cho con người đưa vào thực hành. Hôm nay, Ta phán dạy về những khái tượng khác bởi vì hôm nay, nhiều công tác hơn đã được thực hiện, công tác nhiều gấp mấy lần so với Thời đại Luật pháp và Thời đại Ân điển. Những yêu cầu đối với con người cũng vậy, cao hơn gấp mấy lần so với những thời đại trước. Nếu con người không có khả năng biết đầy đủ những công tác như thế, thì sẽ không có ý nghĩa lớn lao nào; có thể nói rằng con người sẽ gặp khó khăn để hiểu được đầy đủ công tác đó nếu họ không dành nỗ lực trọn đời mình cho nó. Trong

công tác chinh phục, chỉ phán dạy về con đường thực hành sẽ khiến việc chinh phục con người trở nên bất khả thi. Chỉ đơn thuần nói về các khái tượng, mà không có bất kỳ yêu cầu nào đối với con người, cũng sẽ làm cho việc chinh phục con người trở nên bất khả thi. Nếu không có điều gì được nói đến ngoài con đường thực hành, thì sẽ không thể đánh vào gót chân A-sin của con người, hoặc xua tan các quan niệm của con người, và vì vậy cũng sẽ không thể hoàn toàn chinh phục con người. Những khái tượng là công cụ chính của cuộc chinh phục con người, tuy nhiên ngoài những khái tượng ra nếu không có con đường thực hành, thì con người sẽ không có cách nào để đi theo, càng không có bất kỳ phương tiện nào để bước vào. Đây đã là nguyên tắc cho công tác của Đức Chúa Trời từ đầu đến cuối: Trong các khái tượng có những điều có thể đưa vào thực hành, và vì vậy cũng có những khái tượng bên cạnh sự thực hành. Mức độ thay đổi trong cả cuộc sống của con người lẫn tâm tính của họ đồng hành cùng với những thay đổi trong khái tượng. Nếu con người chỉ dựa vào những nỗ lực của chính mình, thì họ không thể đạt được bất kỳ mức độ thay đổi lớn lao nào. Các khái tượng nói về công tác của chính Đức Chúa Trời và sự quản lý của Đức Chúa Trời. Sự thực hành đề cập đến con đường thực hành của con người, và đến cách tồn tại của con người; trong tất cả sự quản lý của Đức Chúa Trời, mối liên hệ giữa các khái tượng và sự thực hành là mối quan hệ giữa Đức Chúa Trời và con người. Nếu các khái tượng bị loại bỏ, hoặc nếu chúng được nói đến mà không đề cập gì đến thực hành, hoặc nếu chỉ có các khái tượng và loại bỏ sự thực hành của con người, thì những điều như thế không thể được xem là sự quản lý của Đức Chúa Trời, càng không thể nói rằng công tác của Đức Chúa Trời là vì lợi ích của nhân loại; theo cách này, không những bốn phận của con người sẽ bị loại bỏ, mà đó sẽ là sự phủ nhận mục đích công tác của Đức Chúa Trời. Nếu, từ đầu đến cuối, chỉ yêu cầu con người thực hành, mà không có sự tham gia từ công tác của Đức Chúa Trời, và hơn thế nữa, nếu không yêu cầu con người biết đến công tác của Đức Chúa Trời, thì công tác như thế càng không thể được gọi là sự quản lý của Đức Chúa Trời. Nếu con người không biết đến Đức Chúa Trời, không biết gì về ý muốn của Đức Chúa Trời, và mù quáng tiến hành thực hành một cách mơ hồ và trừu tượng, thì họ sẽ không bao giờ trở thành một tạo vật có đủ tư cách. Và vì vậy, cả hai điều này đều không thể thiếu được. Nếu chỉ có công tác của Đức Chúa Trời, nghĩa là, nếu chỉ có các khái tượng và không có sự hợp tác hay thực hành bởi con người, thì những việc như thế không thể được gọi là sự quản lý của Đức Chúa Trời. Nếu chỉ có sự thực hành và sự bước vào của con người, thì bất kể con đường mà con người đang bước vào có cao đến đâu, việc này cũng sẽ không thể chấp nhận được. Sự bước vào của con người phải dần dần thay đổi đồng điệu với công tác và các khái tượng; nó không

thể thay đổi bất chợt. Các nguyên tắc trong việc thực hành của con người không phải tự do và thiếu kiểm soát, mà là được đặt trong những giới hạn nhất định. Các nguyên tắc như thể thay đổi đồng điệu với các khái tượng về công tác. Vì vậy sự quản lý của Đức Chúa Trời chung quy vẫn là công tác của Đức Chúa Trời và sự thực hành của con người.

Công tác quản lý chỉ xảy ra vì nhân loại, nghĩa là nó chỉ phát sinh vì sự tồn tại của nhân loại. Không có sự quản lý trước khi có nhân loại, hoặc trong thuở sơ khai, khi trời đất và mọi vật được dựng nên. Nếu, trong toàn bộ công tác của Đức Chúa Trời, không có sự thực hành nào có lợi cho con người, có nghĩa là, nếu Đức Chúa Trời không đưa ra những yêu cầu phù hợp đối với nhân loại bại hoại (nếu trong công tác do Đức Chúa Trời thực hiện, không có con đường nào phù hợp với sự thực hành của con người), thì công tác này không thể được gọi là sự quản lý của Đức Chúa Trời. Nếu toàn bộ công tác của Đức Chúa Trời chỉ bao gồm việc phán dạy nhân loại bại hoại cách bắt đầu việc thực hành của họ, và Đức Chúa Trời không thực hiện bất kỳ công việc nào của riêng Ngài, và không bày tỏ chút gì về sự toàn năng hoặc sự khôn ngoan của Ngài, thì cho dù những yêu cầu của Đức Chúa Trời đối với con người có cao đến đâu, cho dù Đức Chúa Trời đã sống giữa con người được bao lâu, con người cũng sẽ không biết gì về tâm tính của Đức Chúa Trời; nếu đúng như vậy, thì công tác thuộc loại này lại càng không xứng đáng được gọi là sự quản lý của Đức Chúa Trời. Nói một cách đơn giản, công tác quản lý của Đức Chúa Trời là công tác do Đức Chúa Trời thực hiện, và dưới sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời, tất cả công tác đều được thực hiện bởi những người đã được Đức Chúa Trời thu nhận. Công tác như thế có thể tóm gọn lại là sự quản lý. Nói cách khác, công tác của Đức Chúa Trời giữa con người, cũng như sự hợp tác với Ngài của tất cả những ai theo Ngài được gọi chung là sự quản lý. Ở đây, công tác của Đức Chúa Trời được gọi là các khái tượng, và sự hợp tác của con người được gọi là sự thực hành. Công tác của Đức Chúa Trời càng cao cả (nghĩa là, các khái tượng càng cao cả), thì tâm tính của Đức Chúa Trời càng được hiển lộ đối với con người, và nó càng không khớp với những quan niệm của con người, và sự thực hành, hợp tác của con người càng cao. Các yêu cầu đối với con người càng cao, thì công tác của Đức Chúa Trời càng không khớp với những quan niệm của con người, do đó những sự thử luyện đối với con người, và những tiêu chuẩn mà con người buộc phải đạt được, cũng trở nên cao hơn. Khi công tác này kết thúc, tất cả những khái tượng sẽ đều được trở nên trọn vẹn, và những điều mà con người được yêu cầu đưa vào thực hành sẽ đạt đến đỉnh cao của sự hoàn hảo. Đây cũng sẽ là thời điểm khi từng người được phân chia theo loại, bởi những điều con người cần phải biết sẽ được tỏ ra cho con người. Vì vậy,

khi các khái tượng đạt đến đỉnh điểm, công tác sẽ theo đó đi đến hồi kết, và sự thực hành của con người cũng sẽ đạt đến tột đỉnh. Sự thực hành của con người được dựa trên công tác của Đức Chúa Trời, và sự quản lý của Đức Chúa Trời chỉ được thể hiện đầy đủ nhờ vào sự thực hành và hợp tác của con người. Con người là vật mẫu trong công tác của Đức Chúa Trời, và là đối tượng công tác trong tất cả sự quản lý của Đức Chúa Trời, và cũng là sản phẩm của toàn bộ sự quản lý của Đức Chúa Trời. Nếu Đức Chúa Trời làm việc một mình, không có sự hợp tác của con người, thì sẽ không có gì có thể đóng vai trò là sự kết tinh toàn bộ công tác của Ngài, và khi đó sự quản lý của Đức Chúa Trời sẽ không có chút ý nghĩa nào. Ngoài công tác của Đức Chúa Trời, chỉ bằng cách chọn những đối tượng phù hợp để thể hiện công tác của Ngài, và chứng minh sự toàn năng và sự khôn ngoan của nó, thì Đức Chúa Trời mới có thể đạt được mục đích quản lý của Ngài, và đạt được mục đích của việc sử dụng toàn bộ công tác này để hoàn toàn đánh bại Sa-tan. Và vì thế, con người là một phần không thể thiếu trong công tác quản lý của Đức Chúa Trời, và con người là loài duy nhất có thể khiến công tác của Đức Chúa Trời đạt kết quả và đạt được mục đích cuối cùng của nó; ngoài con người, không dạng sống nào khác có thể đảm nhận một vai trò như thế. Nếu con người trở thành sự kết tinh thực sự của công tác quản lý, thì sự bất tuân của nhân loại bại hoại phải hoàn toàn được dẹp bỏ. Điều này đòi hỏi con người phải được ban cho sự thực hành phù hợp với những thời đại khác nhau, và Đức Chúa Trời thực hiện công tác tương ứng giữa con người. Chỉ bằng cách này thì cuối cùng mới có được một nhóm người là sự kết tinh công tác quản lý của Đức Chúa Trời. Công tác của Đức Chúa Trời giữa con người không thể làm chứng về chính Đức Chúa Trời chỉ đơn thuần thông qua công tác của một mình Đức Chúa Trời; để đạt được, lời chứng như thế cũng đòi hỏi có những nhân chứng sống phù hợp với công tác của Ngài. Đức Chúa Trời trước tiên sẽ làm việc trên những người này, mà qua họ công tác của Ngài rồi sẽ được bày tỏ, và vì vậy lời chứng như thế về ý muốn của Ngài sẽ được đưa ra giữa những tạo vật, và trong việc này, Đức Chúa Trời sẽ đạt được mục đích công tác của Ngài. Đức Chúa Trời không làm việc một mình để đánh bại Sa-tan bởi vì Ngài không thể làm chứng trực tiếp về chính Ngài giữa mọi tạo vật. Nếu Ngài làm như thế, thì không thể hoàn toàn thuyết phục con người, vì thế Đức Chúa Trời phải làm việc trên con người để chinh phục họ, và chỉ khi đó Ngài mới có thể có được lời chứng giữa mọi tạo vật. Nếu chỉ có Đức Chúa Trời làm việc, mà không có sự hợp tác của con người, hoặc con người không được yêu cầu hợp tác, thì con người sẽ không bao giờ có thể biết đến tâm tính của Đức Chúa Trời, và sẽ mãi mãi không biết được ý muốn của Đức Chúa Trời; công tác của Đức Chúa Trời khi đó không thể được gọi là công tác quản lý của Đức Chúa Trời.

Nếu chỉ có con người tự phấn đấu, mưu cầu, và làm việc chăm chỉ, mà không hiểu được công tác của Đức Chúa Trời, thì con người đang chơi trò đùa bỡn. Không có công tác của Đức Thánh Linh thì những gì con người làm là của Sa-tan, con người đầy loạn và là kẻ làm ác; Sa-tan hiển hiện trong tất cả những gì nhân loại bại hoại làm, không có điều gì dung hợp được với Đức Chúa Trời, và hết thảy con người đều là hiện thân của Sa-tan. Không có điều nào trong tất cả những điều đã được nói đến lại không gồm những khái tượng và sự thực hành. Dựa trên nền tảng của những khái tượng, con người tìm thấy sự thực hành và con đường của sự vâng lời, hầu cho họ có thể gạt những quan niệm của mình sang một bên và đạt được những điều họ chưa từng sở hữu trong quá khứ. Đức Chúa Trời yêu cầu con người hợp tác với Ngài, con người hoàn toàn phục tùng những yêu cầu của Ngài, còn con người thỉnh cầu được trông thấy công tác do chính Ngài thực hiện, để trải nghiệm quyền năng toàn năng của Đức Chúa Trời, và để biết được tâm tính của Đức Chúa Trời. Tóm lại, những điều này là sự quản lý của Đức Chúa Trời. Sự hợp nhất của Đức Chúa Trời với con người là sự quản lý, và chính là sự quản lý vĩ đại nhất.

Những gì liên quan đến các khái tượng chủ yếu đề cập đến công tác của chính Đức Chúa Trời, và những gì liên quan đến sự thực hành phải được thực hiện bởi con người, và không can hệ gì đến Đức Chúa Trời. Chính Đức Chúa Trời hoàn thành công tác của Ngài, và chính con người đạt được sự thực hành của họ. Con người không cần làm những gì Đức Chúa Trời sẽ làm, và những gì con người nên thực hành thì không liên quan đến Đức Chúa Trời. Công tác của Đức Chúa Trời chính là chức vụ của riêng Ngài, và không liên quan gì đến con người. Công tác này con người không cần thực hiện, và hơn thế nữa, con người cũng sẽ không có khả năng thực hiện công tác mà Đức Chúa Trời thực hiện. Những gì cần con người thực hành thì con người phải hoàn thành, cho dù đó là hy sinh mạng sống của mình, hay bị giao cho Sa-tan để đứng ra làm chứng – con người đều phải hoàn thành tất cả những việc này. Chính Đức Chúa Trời làm trọn tất cả các công tác Ngài nên làm, và con người được chỉ cho biết những gì họ nên làm, và phần việc phải làm còn lại được giao cho con người. Đức Chúa Trời không làm thêm công tác nào. Ngài chỉ làm những công tác trong chức vụ của Ngài, chỉ hướng dẫn đường lối cho con người, và chỉ làm công tác mở đường, chứ không làm công tác dọn đường; tất cả phải hiểu được điều này. Đưa lẽ thật vào thực hành có nghĩa là đưa những lời của Đức Chúa Trời vào thực hành, và tất cả việc này là bổn phận của con người, là việc con người nên làm, và không liên quan gì đến Đức Chúa Trời. Nếu con người đòi hỏi rằng Đức Chúa Trời cũng phải chịu đau khổ và chịu tinh luyện trong lẽ thật, giống như con người, thì con người đang bất tuân. Công tác của Đức Chúa Trời là thi hành chức

vụ của Ngài, và bổn phận của con người là vâng theo tất cả những sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời không chút chống đối. Những gì con người phải đạt được thì con người có nhiệm vụ phải hoàn thành, bất kể cách thức Đức Chúa Trời làm việc hoặc sống thế nào. Chỉ chính Đức Chúa Trời mới có thể đưa ra yêu cầu đối với con người, có nghĩa là, chỉ chính Đức Chúa Trời mới thích hợp để đưa ra yêu cầu đối với con người. Con người không được có bất kỳ sự lựa chọn nào, không được làm gì ngoài việc hoàn toàn tuân phục và thực hành; con người nên có được ý thức này. Một khi công tác cần chính Đức Chúa Trời thực hiện đã hoàn tất, thì con người cần phải trải nghiệm nó, từng bước một. Nếu, sau cùng, khi tất cả sự quản lý của Đức Chúa Trời đã được hoàn tất, mà con người vẫn chưa làm những gì Đức Chúa Trời yêu cầu, thì con người phải bị trừng phạt. Nếu con người không thực hiện những yêu cầu của Đức Chúa Trời, thì điều này là do sự bất tuân của con người; nó không có nghĩa là Đức Chúa Trời chưa thấu đáo trong công tác của Ngài. Những ai không thể đưa những lời của Đức Chúa Trời vào thực hành, những ai không thể thực hiện các yêu cầu của Đức Chúa Trời, và những ai không thể tỏ lòng trung thành và hoàn thành bổn phận của mình, tất cả đều sẽ bị trừng phạt. Hôm nay, điều các người cần phải đạt được không phải là những yêu cầu bổ sung, mà là bổn phận của con người, và là việc tất cả mọi người phải làm. Nếu các người ngay cả bổn phận mình cũng không thể làm được, hoặc làm cho tốt, thì chẳng phải các người đang tự rước họa vào thân sao? Chẳng phải các người đang chuốc lấy cái chết sao? Làm sao các người vẫn mong có tương lai và triển vọng được? Công tác của Đức Chúa Trời là vì nhân loại, và sự hợp tác của con người là vì sự quản lý của Đức Chúa Trời. Sau khi Đức Chúa Trời đã làm những việc Ngài cần làm, thì con người được yêu cầu không tiếc công thực hành, và phải hợp tác với Đức Chúa Trời. Trong công tác của Đức Chúa Trời, con người không nên tiếc công sức, nên thể hiện lòng trung thành của mình, và không nên đắm chìm trong vô số quan niệm, hoặc ngồi thụ động và chờ đợi cái chết. Đức Chúa Trời có thể hy sinh bản thân Ngài cho nhân loại, vậy thì tại sao con người không thể thể hiện lòng trung thành của mình với Đức Chúa Trời? Đức Chúa Trời một lòng một dạ với con người, vậy thì tại sao con người không thể thể hiện một chút hợp tác? Đức Chúa Trời làm việc vì nhân loại, vậy thì tại sao con người không thể thực hiện một vài bổn phận của mình vì sự quản lý của Đức Chúa Trời? Công việc của Đức Chúa Trời đã đi xa đến mức này, vậy mà các người vẫn chỉ nhìn mà không hành động, các người nghe nhưng không lay động. Chẳng phải những người như thế là những đối tượng của sự diệt vong sao? Đức Chúa Trời đã dành hết mọi thứ của Ngài cho con người, vậy thì tại sao, hôm nay, con người không có khả năng thực hiện bổn phận mình một cách sốt sắng? Với Đức Chúa Trời, công tác của Ngài

là ưu tiên số một, và công tác quản lý của Ngài là quan trọng tột bậc. Với con người, đưa những lời của Đức Chúa Trời vào thực hành và thực hiện những yêu cầu của Đức Chúa Trời là ưu tiên hàng đầu của họ. Tất cả các người nên hiểu được điều này. Những lời được phán dạy cho các người đã chạm đến cốt lõi bản chất của các người, và công tác của Đức Chúa Trời đã bước vào địa hạt chưa từng có. Nhiều người vẫn chưa hiểu được lẽ thật giả của con đường này; họ vẫn đang chờ đợi, theo dõi, và không thực hiện bổn phận của mình. Thay vào đó, họ soi xét mọi lời nói và hành động của Đức Chúa Trời, họ tập trung vào việc Ngài ăn gì, mặc gì, và các quan niệm của họ trở nên tai hại hơn bao giờ hết. Chẳng phải những kẻ như thế đang nặng nề vì những chuyện không đâu đó sao? Làm sao những kẻ như thế có thể là những người tìm kiếm Đức Chúa Trời? Và làm sao chúng có thể là những người có ý định tuân phục Đức Chúa Trời? Chúng không quan tâm đến lòng trung thành và bổn phận của mình, mà thay vào đó lại tập trung vào nơi ở của Đức Chúa Trời. Chúng là một sự sỉ nhục! Nếu con người đã hiểu hết những điều họ cần phải hiểu, và đã đưa vào thực hành tất cả những gì họ cần phải thực hành, thì chắc chắn Đức Chúa Trời sẽ ban các phước lành cho con người, bởi điều mà Ngài yêu cầu nơi con người là bổn phận của con người và những gì con người phải làm. Nếu con người không có khả năng hiểu được những gì họ cần phải hiểu, và không có khả năng đưa vào thực hành những gì họ phải thực hành, thì con người sẽ bị trừng phạt. Những ai không hợp tác với Đức Chúa Trời là thù địch với Đức Chúa Trời, những ai không chấp nhận công tác mới là chống đối nó, cho dù những người đó không làm gì chống đối nó một cách rõ rệt. Tất cả những ai không thực hành lẽ thật mà Đức Chúa Trời yêu cầu đều là những người cố tình chống đối và bất tuân đối với những lời của Đức Chúa Trời, ngay cả khi những người đó có chú ý đặc biệt đến công tác của Đức Thánh Linh. Những kẻ không vâng theo những lời của Đức Chúa Trời và quy phục Đức Chúa Trời là những kẻ dấy loạn, và chúng chống đối Đức Chúa Trời. Những kẻ không thực hiện bổn phận của mình là những kẻ không hợp tác với Đức Chúa Trời, và những ai không hợp tác với Đức Chúa Trời là những người không chấp nhận công tác của Đức Thánh Linh.

Khi công tác của Đức Chúa Trời đạt đến một điểm nhất định, và sự quản lý của Ngài đạt đến một điểm nhất định, thì những ai hợp lòng Đức Chúa Trời đều có thể đáp ứng những yêu cầu của Ngài. Đức Chúa Trời đưa ra yêu cầu đối với con người theo những tiêu chuẩn của riêng Ngài, và theo những gì con người có thể đạt được. Trong khi nói về sự quản lý của Ngài, Ngài cũng chỉ đường cho con người, và cung cấp cho con người một con đường sống. Cả sự quản lý của Đức Chúa Trời lẫn sự thực hành của con người đều ở trong cùng một giai đoạn công tác, và được thực

hiện đồng thời với nhau. Nói về sự quản lý của Đức Chúa Trời là chạm đến sự thay đổi trong tâm tính con người, và nói về những điều con người nên làm, và những thay đổi trong tâm tính con người, là chạm đến công tác của Đức Chúa Trời; không khi nào mà hai điều này có thể tách rời nhau. Việc thực hành của con người đang thay đổi, từng bước một. Đó là bởi vì những yêu cầu của Đức Chúa Trời đối với con người cũng đang thay đổi, và bởi vì công tác của Đức Chúa Trời luôn luôn thay đổi và tiến lên. Nếu việc thực hành của con người vẫn còn vướng trong giáo lý, thì điều này chứng tỏ họ bị mất hết công tác và sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời; nếu sự thực hành của con người không bao giờ thay đổi hoặc đào sâu hơn, thì điều này chứng tỏ việc thực hành của con người được tiến hành theo ý muốn của con người, và không phải là sự thực hành lẽ thật; nếu con người không có con đường nào để bước đi, thì họ đã rơi vào tay của Sa-tan, và bị Sa-tan điều khiển, nghĩa là họ đã bị ác linh điều khiển. Nếu việc thực hành của con người không đào sâu hơn, thì công tác của Đức Chúa Trời sẽ không phát triển, và nếu không có sự thay đổi nào trong công tác của Đức Chúa Trời, thì sự bước vào của con người sẽ dừng lại; điều này là không thể tránh khỏi. Trong suốt toàn bộ công tác của Đức Chúa Trời, nếu con người luôn luôn tuân theo luật pháp của Đức Giê-hô-va, thì công tác của Đức Chúa Trời sẽ không thể tiến triển được, càng không thể kết thúc toàn bộ thời đại. Nếu con người luôn luôn vác thập tự giá và thực hành sự nhịn nhục và khiêm nhường, thì công tác của Đức Chúa Trời sẽ không thể tiếp tục tiến triển. Sáu ngàn năm quản lý không thể đơn giản được kết thúc giữa những con người chỉ tuân theo luật pháp, hoặc chỉ vác thập tự giá và thực hành sự nhịn nhục, khiêm nhường. Thay vào đó, toàn bộ công tác quản lý của Đức Chúa Trời được chấm dứt giữa những con người của những ngày sau rốt, những người biết đến Đức Chúa Trời, đã được giành lại từ nanh vuốt của Sa-tan, và đã hoàn toàn tự thoát khỏi ảnh hưởng của Sa-tan. Đây là hướng đi chắc chắn xảy ra trong công tác của Đức Chúa Trời. Tại sao nói rằng việc thực hành của những người trong các hội thánh tôn giáo đã lỗi thời? Đó là bởi vì những gì họ đưa vào thực hành thì tách biệt khỏi công tác của ngày hôm nay. Trong Thời đại Ân điển, những gì họ đã đưa vào thực hành là đúng, nhưng vì thời đại đó đã trôi qua và công tác của Đức Chúa Trời đã thay đổi, nên sự thực hành của họ dần dần trở nên lỗi thời. Nó đã bị công tác mới và sự sáng mới bỏ lại phía sau. Dựa trên nền tảng ban đầu của nó, công tác của Đức Thánh Linh đã tiến triển sâu hơn vài bước. Tuy nhiên những người này vẫn mắc kẹt tại giai đoạn ban đầu trong công tác của Đức Chúa Trời, và vẫn bám vào những sự thực hành cũ và sự sáng cũ. Công tác của Đức Chúa Trời có thể thay đổi lớn trong ba hoặc năm năm, vậy chẳng phải những sự biến đổi thậm chí còn lớn hơn sẽ xảy ra trong quá trình 2.000 năm sao?

Nếu con người không có sự sáng hoặc sự thực hành mới, điều đó có nghĩa là họ đã không theo kịp công tác của Đức Thánh Linh. Đây là sự thất bại của con người; không thể phủ nhận sự tồn tại của công tác mới của Đức Chúa Trời bởi vì, ngày nay, những người trước đây đã có công tác của Đức Thánh Linh vẫn còn tuân thủ những sự thực hành lỗi thời. Công tác của Đức Thánh Linh luôn luôn tiến về phía trước, và tất cả những ai trong dòng chảy của Đức Thánh Linh cũng nên tiến triển sâu hơn và thay đổi từng bước một. Họ không nên dừng ở một giai đoạn riêng rẽ nào. Chỉ những ai không biết về công tác của Đức Thánh Linh mới duy trì giữa công tác ban đầu của Ngài, và không chấp nhận công tác mới của Đức Thánh Linh. Chỉ những ai không vâng lời mới không có khả năng có được công tác của Đức Thánh Linh. Nếu sự thực hành của con người không theo kịp công tác mới của Đức Thánh Linh, thì sự thực hành của con người chắc chắn bị tách khỏi công tác của ngày hôm nay, và chắc chắn không phù hợp với công tác của ngày hôm nay. Những người lỗi thời như những người này đơn giản là không có khả năng hoàn thành ý muốn của Đức Chúa Trời, họ càng không thể trở thành những người cuối cùng sẽ đứng ra làm chứng về Đức Chúa Trời. Hơn thế nữa, toàn bộ công tác quản lý không thể được kết thúc giữa một nhóm người như thế. Với những người đã từng giữ lấy luật pháp của Đức Giê-hô-va và những người đã từng chịu đau khổ vì thập tự giá, nếu họ không thể chấp nhận giai đoạn công tác của những ngày sau rốt, thì tất cả những gì họ đã làm sẽ là vô ích và vô dụng. Sự bày tỏ rõ ràng nhất về công tác của Đức Thánh Linh là nắm lấy thời gian ngay trước mắt, không bám vào quá khứ. Những ai đã không theo kịp công tác của ngày hôm nay, và những người đã tách ra khỏi sự thực hành của ngày hôm nay, là những người chống đối và không chấp nhận công tác của Đức Thánh Linh. Những người như thế xem thường công tác hiện tại của Đức Chúa Trời. Mặc dù họ nắm giữ ánh sáng của quá khứ, nhưng cũng không thể phủ nhận rằng họ không biết công tác của Đức Thánh Linh. Tại sao tất cả điều này nói về những thay đổi trong sự thực hành của con người, về những khác biệt trong việc thực hành giữa quá khứ và ngày nay, về việc thực hành đã được thực hiện như thế nào trong suốt giai đoạn trước, và ngày nay nó được thực hiện như thế nào? Những sự phân chia như thế trong thực hành của con người luôn luôn được nói đến bởi vì công tác của Đức Thánh Linh liên tục tiến về phía trước, và vì thế sự thực hành của con người cần phải liên tục thay đổi. Nếu con người vẫn bị kẹt lại trong một giai đoạn, thì điều này chứng tỏ họ không có khả năng theo kịp công tác mới và sự sáng mới của Đức Chúa Trời; nó không chứng tỏ kế hoạch quản lý của Đức Chúa Trời đã không thay đổi. Những ai ở ngoài dòng chảy của Đức Thánh Linh luôn luôn nghĩ rằng họ đúng, nhưng thực tế, công tác của Đức Chúa Trời trong họ đã dừng từ lâu, và công tác

của Đức Thánh Linh không có trong họ. Công tác của Đức Chúa Trời từ lâu đã được chuyển đến một nhóm người khác, một nhóm người mà Ngài dự định hoàn thành công tác mới của Ngài trên họ. Bởi vì những người có đạo không thể chấp nhận công tác mới của Ngài, và chỉ bám vào công tác cũ của quá khứ, vì thế Đức Chúa Trời đã từ bỏ những người này, và thực hiện công tác mới của Ngài trên những người chấp nhận công tác mới này. Đây là những người hợp tác trong công tác mới của Ngài, và chỉ bằng cách này thì sự quản lý của Ngài mới hoàn tất. Sự quản lý của Đức Chúa Trời luôn luôn tiến về phía trước, và sự thực hành của con người luôn luôn tăng tiến cao hơn. Đức Chúa Trời luôn luôn làm việc, và con người luôn luôn thiếu thốn, để cả hai đều đạt đến đỉnh cao, cũng như để Đức Chúa Trời và con người hoàn toàn hợp nhất với nhau. Đây là biểu hiện về sự hoàn tất công tác của Đức Chúa Trời, và là kết quả cuối cùng của toàn bộ sự quản lý của Đức Chúa Trời.

Trong từng giai đoạn công tác của Đức Chúa Trời cũng có những yêu cầu tương ứng đối với con người. Những ai ở trong dòng chảy của Đức Thánh Linh được sở hữu sự hiện diện và sự sửa dạy của Đức Thánh Linh, còn những ai không ở trong dòng chảy của Đức Thánh Linh thì chịu sự điều khiển của Sa-tan, và không có bất kỳ công tác nào của Đức Thánh Linh. Những người ở trong dòng chảy của Đức Thánh Linh là những người chấp nhận công tác mới của Đức Chúa Trời, là những người hợp tác trong công tác mới của Đức Chúa Trời. Nếu những ai ở trong dòng chảy này không có khả năng hợp tác, và không thể đưa lẽ thật vào thực hành theo yêu cầu của Đức Chúa Trời trong suốt thời gian này, thì họ sẽ bị sửa dạy, và trong trường hợp xấu nhất sẽ bị Đức Thánh Linh từ bỏ. Những ai chấp nhận công tác mới của Đức Thánh Linh, sẽ sống trong dòng chảy của Đức Thánh Linh, nhận được sự chăm sóc và bảo vệ của Đức Thánh Linh. Những ai sẵn sàng đưa lẽ thật vào thực hành thì được Đức Thánh Linh khai sáng, và những ai không sẵn sàng đưa lẽ thật vào thực hành thì bị Đức Thánh Linh sửa dạy, và thậm chí có thể bị trừng phạt. Bất kể là loại người nào, miễn là họ ở trong dòng chảy của Đức Thánh Linh, Đức Chúa Trời sẽ chịu trách nhiệm với tất cả những ai chấp nhận công tác mới của Ngài vì danh Ngài. Những ai làm sáng danh Ngài và sẵn sàng đưa lời Ngài vào thực hành sẽ nhận được các phước lành của Ngài; những kẻ không vâng lời Ngài và không đưa lời Ngài vào thực hành sẽ nhận được hình phạt của Ngài. Những người ở trong dòng chảy của Đức Thánh Linh là những người chấp nhận công tác mới, và vì họ đã chấp nhận công tác mới, họ nên có một sự hợp tác phù hợp với Đức Chúa Trời, và không nên hành động như những kẻ phản nghịch không thực hiện bổn phận của mình. Đây là yêu cầu duy nhất của Đức Chúa Trời đối với con người. Với những người không chấp nhận công tác mới thì không như thế: Họ ở ngoài dòng chảy của

Đức Thánh Linh, và sự sửa dạy, quở trách của Đức Thánh Linh không áp dụng cho họ. Cả ngày, những kẻ đó sống trong xác thịt, họ không sống trong tâm trí mình, và tất cả những gì họ làm là theo giáo lý sản sinh từ sự phân tích và nghiên cứu của trí não bản thân. Đây không phải là những gì được yêu cầu trong công tác mới của Đức Thánh Linh, càng không phải là sự hợp tác với Đức Chúa Trời. Những ai không chấp nhận công tác mới của Đức Chúa Trời thì mất đi sự hiện diện của Đức Chúa Trời, và hơn thế nữa, không có các phước lành và sự bảo vệ của Đức Chúa Trời. Hầu hết những lời nói và hành động của họ đều bám vào các yêu cầu trong công tác của Đức Thánh Linh trong quá khứ; chúng là các giáo lý, không phải lẽ thật. Các giáo lý và luật lệ như thế đủ để chứng minh rằng việc họ nhóm họp lại với nhau không là gì ngoài tôn giáo; họ không phải là những người được chọn, hoặc những đối tượng cho công tác của Đức Chúa Trời. Sự tập hợp lại của tất cả mọi người trong số họ chỉ có thể được gọi là một đại hội tôn giáo, và không thể được gọi là một hội thánh. Đây là một sự thật không thể thay đổi. Họ không có công tác mới của Đức Thánh Linh; những gì họ làm có vẻ sặc mùi tôn giáo, những gì họ sống bày tỏ ra có vẻ đầy dẫy tôn giáo; họ không sở hữu sự hiện diện và công tác của Đức Thánh Linh, càng không đủ tư cách để nhận được sự sửa dạy hoặc sự khai sáng của Đức Thánh Linh. Những người này đều là những cái xác không có sự sống, và những con giòi không có linh hồn. Chúng không biết gì về sự dấy nghịch và chống đối của con người, không biết gì về tất cả những việc làm gian ác của con người, càng không biết hết về công tác của Đức Chúa Trời và ý muốn hiện tại của Đức Chúa Trời. Tất cả bọn chúng đều là những kẻ ngu dốt, hèn hạ, chúng là những kẻ căn bã không đáng được gọi là những tín đồ! Không có việc gì chúng làm lại có bất kỳ liên quan gì đến sự quản lý của Đức Chúa Trời, càng không thể phá hỏng các kế hoạch của Đức Chúa Trời. Những lời nói và hành động của chúng quá ghê tởm, đáng khinh, và đơn giản là không đáng để nhắc đến. Không việc gì được làm bởi những con người không ở trong dòng chảy của Đức Thánh Linh lại có liên quan đến công tác mới của Đức Thánh Linh. Bởi vì điều này, bất kể chúng làm gì, chúng cũng không có sự sửa dạy của Đức Thánh Linh, và hơn thế nữa, không có sự khai sáng của Đức Thánh Linh. Bởi tất cả chúng là những kẻ không có tình yêu dành cho lẽ thật, và đã bị Đức Thánh Linh ghê tởm và chối bỏ. Chúng được gọi là những kẻ gian ác bởi vì chúng bước đi trong xác thịt, và làm bất cứ điều gì làm chúng vui lòng dưới danh nghĩa của Đức Chúa Trời. Trong khi Đức Chúa Trời làm việc, chúng cố tình chống đối Ngài, và đối lập với Ngài. Việc con người không hợp tác với Đức Chúa Trời tự nó đã là cực kỳ nổi loạn, vậy thì chẳng phải những kẻ cố tình đối lập với Đức Chúa Trời sẽ đặc biệt nhận lãnh sự báo trả đích đáng sao? Khi đề cập đến việc làm gian ác của những kẻ này, một số người

chỉ trực rửa sạch chúng, trong khi Đức Chúa Trời lại không để ý đến chúng. Với con người, có vẻ như những hành động của họ có liên quan đến danh của Đức Chúa Trời, nhưng thực tế thì với Đức Chúa Trời, chúng không có liên quan gì với danh của Ngài hoặc lời chứng về Ngài. Bất kể những người này làm gì, đều không liên quan đến Đức Chúa Trời: Nó không liên quan đến cả danh Ngài lẫn công tác của Ngài ngày hôm nay. Những người này tự làm nhục mình, và là sự biểu lộ của Sa-tan; chúng là những kẻ gian ác và đang tích lũy cho ngày thanh nợ. Ngày nay, bất kể họ có những hành động gì, miễn là họ không cản trở sự quản lý của Đức Chúa Trời và không liên quan gì đến công tác mới của Đức Chúa Trời, thì những người như thế sẽ không phải chịu sự báo trả tương ứng, vì ngày thanh nợ vẫn chưa đến. Có nhiều việc mà những người tin Đức Chúa Trời lẽ ra đã xử lý, và họ nghĩ rằng những kẻ làm ác đó phải chịu sự báo trả càng sớm càng tốt. Tuy nhiên bởi vì công tác quản lý của Đức Chúa Trời vẫn chưa đến hồi kết thúc, và ngày thanh nợ vẫn chưa đến, nên những kẻ bất chính vẫn tiếp tục thực hiện những việc làm bất chính của chúng. Một vài người nói rằng: “Những kẻ theo đạo không có sự hiện diện hay công tác của Đức Thánh Linh, và làm hổ danh Đức Chúa Trời; vậy thì tại sao Đức Chúa Trời không tiêu diệt chúng, mà vẫn khoan dung cho hành vi tung hoành của chúng?” Những kẻ này, là biểu hiện của Sa-tan và biểu lộ xác thịt, chúng là những kẻ ngu dốt, hèn hạ, chúng là những kẻ vô lý. Chúng sẽ không thấy cơn thanh nợ của Đức Chúa Trời kéo đến trước khi chúng hiểu ra được Đức Chúa Trời làm công tác của Ngài giữa con người như thế nào, và một khi họ đã hoàn toàn được chinh phục, thì tất cả những kẻ gian ác đó đều sẽ nhận được sự báo trả của mình, và không một ai trong số chúng sẽ có thể thoát khỏi ngày thanh nợ. Bây giờ không phải là thời điểm trừng phạt con người, mà là thời điểm thực hiện công tác chinh phục, trừ khi có những kẻ phá hỏng sự quản lý của Đức Chúa Trời, trong trường hợp đó chúng sẽ phải chịu sự trừng phạt dựa trên mức độ nghiêm trọng của những hành động của mình. Trong suốt quá trình quản lý nhân loại của Đức Chúa Trời, tất cả những người ở trong dòng chảy của Đức Thánh Linh đều có mối liên hệ với Đức Chúa Trời. Những kẻ bị Đức Thánh Linh ghê tởm và chối bỏ thì sống dưới sự ảnh hưởng của Sa-tan, và những gì chúng đưa vào thực hành không có liên quan gì đến Đức Chúa Trời. Chỉ những ai chấp nhận công tác mới của Đức Chúa Trời và hợp tác với Đức Chúa Trời, thì mới có mối liên hệ với Đức Chúa Trời, bởi công tác của Đức Chúa Trời chỉ nhắm vào những người chấp nhận nó, mà không phải tất cả mọi người, bất kể họ có chấp nhận nó hay không. Công tác do Đức Chúa Trời thực hiện luôn luôn có một đối tượng, và nó không được làm một cách tùy hứng. Những kẻ liên kết với Sa-tan không xứng đáng để làm chứng

về Đức Chúa Trời, càng không xứng đáng để hợp tác với Đức Chúa Trời.

Mỗi giai đoạn công tác của Đức Thánh Linh cũng đều yêu cầu lời chứng của con người. Mỗi giai đoạn công tác là một trận chiến giữa Đức Chúa Trời và Sa-tan, và mục tiêu của trận chiến là Sa-tan, trong khi người sẽ được công tác này làm cho hoàn thiện chính là con người. Việc công tác của Đức Chúa Trời có thể có kết quả hay không tùy thuộc vào cách thức con người làm chứng về Đức Chúa Trời. Việc làm chứng này là điều Đức Chúa Trời yêu cầu ở những ai theo Ngài; đó là việc làm chứng được thực hiện trước Sa-tan, và cũng là bằng chứng về những ảnh hưởng từ công tác của Ngài. Toàn bộ sự quản lý của Đức Chúa Trời được chia làm ba giai đoạn, và trong mỗi giai đoạn, đều phù hợp với những yêu cầu đặt ra cho con người. Hơn nữa, khi những thời đại trôi qua và phát triển, các yêu cầu của Đức Chúa Trời đối với toàn nhân loại trở nên cao hơn bao giờ hết. Do đó, từng bước một, công tác quản lý này của Đức Chúa Trời đạt đến đỉnh điểm, cho đến khi con người thấy được sự thật của “sự xuất hiện của Lời trong xác thịt”, và theo cách này những yêu cầu của Đức Chúa Trời đối với con người còn trở nên cao hơn, và những yêu cầu đối với con người về việc làm chứng cũng vậy. Con người càng có khả năng hợp tác thực sự với Đức Chúa Trời, thì Đức Chúa Trời càng đạt được vinh hiển. Sự hợp tác của con người chính là việc làm chứng mà họ được yêu cầu phải làm, và việc làm chứng của họ là sự thực hành của con người. Và vì vậy, liệu công tác của Đức Chúa Trời có thể có hiệu quả thích đáng hay không, và liệu có thể có lời chứng thật hay không, đều liên quan chặt chẽ đến sự hợp tác và làm chứng của con người. Khi công tác được hoàn tất, có nghĩa là, khi toàn bộ sự quản lý của Đức Chúa Trời đã kết thúc, thì con người sẽ phải đưa ra lời chứng cao hơn, và khi công tác của Đức Chúa Trời kết thúc, thì sự thực hành và sự bước vào của con người sẽ đạt đến đỉnh điểm. Trong quá khứ, con người được yêu cầu tuân thủ luật pháp và các điều răn, và họ được yêu cầu phải khoan dung và khiêm nhường. Ngày nay, con người được yêu cầu vâng theo mọi sự sắp đặt của Đức Chúa Trời và sở hữu một tình yêu tốt bậc dành cho Đức Chúa Trời, và cuối cùng họ được yêu cầu vẫn yêu mến Đức Chúa Trời giữa cơn hoạn nạn. Ba giai đoạn này là những yêu cầu Đức Chúa Trời đặt ra cho con người, từng bước một, trong suốt toàn bộ sự quản lý của Ngài. Mỗi giai đoạn công tác của Đức Chúa Trời đi sâu hơn giai đoạn trước, và trong mỗi giai đoạn thì yêu cầu đối với con người lại càng sâu sắc hơn giai đoạn trước, và theo cách này, toàn bộ sự quản lý của Đức Chúa Trời dần dần hình thành. Chính vì các yêu cầu đối với con người ngày càng cao hơn bao giờ hết nên tâm tính của con người ngày càng gần hơn bao giờ hết với các tiêu chuẩn mà Đức Chúa Trời yêu cầu, và chỉ khi đó toàn nhân loại mới bắt đầu dần rời xa ảnh hưởng của Sa-tan cho đến khi

mà công tác của Đức Chúa Trời hoàn toàn kết thúc, toàn nhân loại đã được cứu khỏi ảnh hưởng của Sa-tan. Khi thời điểm đó đến, công tác của Đức Chúa Trời sẽ kết thúc, và sự hợp tác của con người với Đức Chúa Trời nhằm đạt được những thay đổi trong tâm tính của họ sẽ không còn, toàn nhân loại sẽ sống trong sự sáng của Đức Chúa Trời, và từ đó trở đi, sẽ không còn sự đay nghiến hoặc chống đối với Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời cũng sẽ không đặt ra yêu cầu đối với con người, và sẽ có một sự hợp tác hài hòa hơn giữa con người và Đức Chúa Trời, đó sẽ là đời sống của con người cùng với Đức Chúa Trời, đời sống đến sau khi sự quản lý của Đức Chúa Trời hoàn toàn kết thúc, và sau khi con người đã được Đức Chúa Trời cứu rỗi hoàn toàn khỏi nanh vuốt của Sa-tan. Những ai không thể theo sát bước chân của Đức Chúa Trời không có khả năng đạt được một đời sống như thế. Họ sẽ tự hạ mình vào trong bóng tối, tại đó họ sẽ khóc lóc và nghiến răng; họ là những người tin nơi Đức Chúa Trời nhưng không theo Ngài, những người tin nơi Đức Chúa Trời nhưng không vâng theo tất cả công tác của Ngài. Vì con người tin nơi Đức Chúa Trời, họ phải theo sát bước chân của Ngài, từng bước một; “Chiên Con đi đâu, những kẻ này theo đó”. Chỉ những người này mới là những người tìm kiếm con đường thật, chỉ họ mới là những người biết đến công tác của Đức Thánh Linh. Những ai tuân theo câu chữ và giáo lý một cách mù quáng là những người đã bị công tác của Đức Thánh Linh loại trừ. Trong mỗi thời kỳ, Đức Chúa Trời sẽ bắt đầu công tác mới, và trong mỗi thời kỳ, sẽ có một sự khởi đầu mới giữa con người. Nếu con người chỉ tuân theo những lẽ thật rằng “Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời” và “Jêsus là Đấng Christ”, là những lẽ thật chỉ áp dụng cho một giai đoạn riêng rẽ, thì con người sẽ không bao giờ theo kịp công tác của Đức Thánh Linh, và mãi mãi không có khả năng có được công tác của Đức Thánh Linh. Bất kể Đức Chúa Trời làm việc như thế nào, con người nên đi theo mà không có chút nghi ngờ, và họ nên theo sát. Theo cách này, làm sao con người có thể bị Đức Thánh Linh loại bỏ? Bất kể Đức Chúa Trời làm gì, miễn là con người chắc chắn rằng đó là công tác của Đức Thánh Linh, hợp tác trong công tác của Đức Thánh Linh mà không có nghi ngại gì, và cố gắng đáp ứng những yêu cầu của Đức Chúa Trời, thì làm sao họ có thể bị trừng phạt? Công tác của Đức Chúa Trời chưa bao giờ dừng lại, những bước chân của Ngài chưa bao giờ ngừng nghỉ, và trước khi công tác quản lý của Ngài hoàn tất, Ngài luôn luôn bận rộn, và không bao giờ dừng lại. Nhưng con người thì khác: Sau khi đã có được một ít công tác của Đức Thánh Linh, thì họ xem nó như thể nó sẽ không bao giờ thay đổi; sau khi có được một chút kiến thức, thì họ không tiến lên để đi theo các bước chân trong công tác mới hơn của Đức Chúa Trời; sau khi nhìn thấy chỉ một chút công tác của Đức Chúa Trời, thì ngay lập tức họ ấn định Đức Chúa Trời như là một nhân vật bằng

gỗ đặc biệt, và tin rằng Đức Chúa Trời sẽ luôn luôn giữ nguyên hình thể mà họ đã nhìn thấy trước mặt họ, rằng nó đã giống như thể trong quá khứ và sẽ luôn luôn như thể trong tương lai; sau khi có được một kiến thức nông cạn, thì con người tự hào đến mức quên đi chính mình và bắt đầu tuyên bố bừa bãi về một tâm tính và một hữu thể của Đức Chúa Trời mà hoàn toàn không tồn tại; và sau khi trở nên chắc chắn về một giai đoạn công tác của Đức Thánh Linh, thì bất kể dạng người nào tuyên bố về công tác mới của Đức Chúa Trời đi nữa, con người đều không chấp nhận nó. Đây là những người không thể chấp nhận công tác mới của Đức Thánh Linh; họ quá bảo thủ, và không có khả năng chấp nhận những điều mới. Những người như thế là những người tin Đức Chúa Trời nhưng cũng chối bỏ Đức Chúa Trời. Con người tin rằng dân Y-sơ-ra-ên đã sai lầm khi “chỉ tin vào Đức Giê-hô-va và không tin vào Jê-sus”, nhưng phần lớn mọi người đều đóng một vai trong đó họ “chỉ tin Đức Giê-hô-va và chối bỏ Jê-sus” và “trông mong sự trở lại của Đấng Mê-si, nhưng lại chống đối Đấng Mê-si được gọi là Jê-sus”. Không có gì ngạc nhiên, sau đó, con người vẫn sống dưới quyền của Sa-tan sau khi chấp nhận một giai đoạn công tác của Đức Thánh Linh, và vẫn không nhận được các phước lành của Đức Chúa Trời. Chẳng phải đây là kết quả của sự dấy nghịch của con người sao? Cơ đốc nhân trên khắp thế giới, những người đã không theo kịp công tác mới của ngày hôm nay, tất cả đều bám lấy hy vọng rằng họ sẽ gặp may mắn, cho rằng Đức Chúa Trời sẽ đáp ứng từng ước muốn của họ. Tuy nhiên họ không thể nói chắc chắn vì sao Đức Chúa Trời sẽ cất họ lên tầng trời thứ ba, họ cũng không chắc chắn về việc Jê-sus sẽ cưỡi trên một đám mây trắng đến để thu nhận họ như thế nào, họ càng không thể nói chắc chắn tuyệt đối rằng liệu Jê-sus sẽ thực sự đến trên một đám mây trắng vào ngày mà họ tưởng tượng ra hay không. Tất cả họ đều bần chòn, và hoang mang; chính họ cũng không biết liệu Đức Chúa Trời sẽ cất lên từng người trong số họ, những nhóm nhỏ khác nhau, những người đến từ mọi hệ phái hay không. Công tác Đức Chúa Trời làm bây giờ, thời đại hiện tại, ý muốn của Đức Chúa Trời – họ không nắm bắt được gì trong số này, và không thể làm gì ngoài việc đếm ngược những tháng ngày trên các ngón tay. Chỉ những ai đi theo bước chân của Chiên Con đến cùng mới có thể có được phước lành cuối cùng, trong khi “những người thông minh”, những người không thể đi theo đến cùng nhưng lại tin rằng họ đã có được tất cả, thì không thể chứng kiến sự xuất hiện của Đức Chúa Trời. Mỗi người họ đều tin rằng mình là người thông minh nhất trên đất, và họ rút ngắn sự phát triển không ngừng trong công tác của Đức Chúa Trời mà không vì bất kỳ lý do nào, và dường như hoàn toàn tin chắc rằng Đức Chúa Trời sẽ cất họ lên thiên đàng, họ, những người “tuyệt đối trung thành với Đức Chúa Trời, đi theo Đức Chúa Trời, và tuân theo lời Đức Chúa Trời”. Mặc dù

họ có “lòng trung thành tuyệt đối” đối với những lời được Đức Chúa Trời phán ra, thì lời nói và hành động của họ vẫn rất ghê tởm bởi vì họ chống đối công tác của Đức Thánh Linh, và phạm tội dối trá và gian ác. Những người không đi theo đến tận cùng, những người không theo kịp công tác của Đức Thánh Linh, và những người chỉ biết bám víu vào công tác cũ, không những không trung thành với Đức Chúa Trời, mà ngược lại, đã trở thành những kẻ chống đối Đức Chúa Trời, đã trở thành những kẻ bị thời đại mới chối bỏ, và những kẻ sẽ bị trừng phạt. Có ai đáng thương hơn họ không? Nhiều người thậm chí còn tin rằng tất cả những ai từ chối luật pháp cũ và chấp nhận công tác mới đều không có lương tâm. Những người này, những người chỉ nói về “lương tâm”, và không biết đến công tác của Đức Thánh Linh, cuối cùng sẽ khiến triển vọng của họ bị cắt ngắn bởi lương tâm của chính mình. Công tác của Đức Chúa Trời không tuân theo giáo lý, và mặc dù đó là công tác của chính Ngài, thì Đức Chúa Trời vẫn không bám víu vào nó. Điều gì nên từ chối thì từ chối, điều gì nên loại bỏ thì loại bỏ. Thế nhưng, con người tự đặt mình vào sự thù nghịch với Đức Chúa Trời bằng cách bám víu vào chỉ một phần nhỏ trong công tác quản lý của Đức Chúa Trời. Đây chẳng phải là sự ngu ngốc của con người sao? Đây chẳng phải là sự thiếu hiểu biết của con người sao? Con người càng nhút nhát và quá cẩn trọng bởi vì họ sợ không có được các phước lành của Đức Chúa Trời, thì họ càng không có khả năng có được các phước lành lớn hơn, và nhận được phước lành cuối cùng. Những người mù quáng tuân theo luật pháp đều thể hiện lòng trung thành tuyệt đối với luật pháp, và họ càng thể hiện lòng trung thành như thế với luật pháp, thì họ càng là những kẻ dấy nghịch chống đối Đức Chúa Trời. Bởi bây giờ là Thời đại Vương quốc chứ không phải Thời đại Luật pháp, và công tác của ngày hôm nay và công tác của quá khứ không thể được đề cập đồng thời, và công tác của quá khứ không thể so sánh với công tác của ngày hôm nay. Công tác của Đức Chúa Trời đã thay đổi, và sự thực hành của con người cũng đã thay đổi; nó không phải là nắm giữ luật pháp hoặc vác thập tự giá. Vì vậy, lòng trung thành của con người đối với luật pháp và thập tự giá sẽ không được Đức Chúa Trời chấp thuận.

Con người sẽ hoàn toàn được trở nên trọn vẹn trong Thời đại Vương quốc. Sau công tác chinh phục, con người sẽ phải chịu sự tinh luyện và khổ nạn. Những người có thể vượt qua và đứng ra làm chứng trong suốt cơn hoạn nạn là những người cuối cùng sẽ được trở nên trọn vẹn; họ là những người đắc thắng. Trong suốt cơn hoạn nạn này, con người được yêu cầu phải chấp nhận sự tinh luyện này, và sự tinh luyện này là lần cuối cùng trong công tác của Đức Chúa Trời. Đó là lần sau cùng mà con người sẽ được tinh luyện trước khi toàn bộ công tác quản lý của Đức Chúa Trời kết thúc, và tất cả những ai đi theo Đức Chúa Trời phải chấp nhận thử thách cuối cùng

này, và họ phải chấp nhận sự tinh luyện cuối cùng này. Những ai bị hoạn nạn nhấn chìm thì không có công tác của Đức Thánh Linh và sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời, nhưng những ai đã thực sự được chinh phục và thực sự tìm kiếm ý muốn Đức Chúa Trời cuối cùng sẽ đứng vững; họ là những người được sở hữu nhân tính, và là những người thực sự yêu mến Đức Chúa Trời. Bất kể Đức Chúa Trời làm những gì, những người đắc thắng này sẽ không bị mất đi các khả năng, và sẽ vẫn đưa lễ thật vào thực hành mà không thất bại trong sự làm chứng của họ. Họ là những người cuối cùng sẽ vực dậy từ cơn đại nạn. Mặc dù những kẻ thừa nước đục thả câu vẫn có thể lợi dụng ngày hôm nay, nhưng không ai có thể thoát khỏi cơn hoạn nạn cuối cùng, và không ai có thể thoát khỏi sự thử thách cuối cùng. Đối với những người đắc thắng, khổ nạn như thế là sự tinh luyện lớn lao; nhưng đối với những kẻ thừa nước đục thả câu, nó là công tác của sự loại bỏ hoàn toàn. Cho dù họ có bị thử luyện thế nào, lòng trung thành của những người có Đức Chúa Trời trong lòng mình vẫn không thay đổi; nhưng đối với những ai không có Đức Chúa Trời trong lòng mình, một khi công tác của Đức Chúa Trời không thuận lợi cho xác thịt của họ, thì họ thay đổi quan điểm của mình về Đức Chúa Trời, và thậm chí còn rời xa Đức Chúa Trời. Đó là những người sẽ không đứng vững vào lúc cuối cùng, những người chỉ tìm kiếm các phương lành của Đức Chúa Trời và không có mong muốn dâng mình cho Đức Chúa Trời và dành trọn bản thân cho Ngài. Tất cả những kẻ hèn hạ như thế đều sẽ bị trục xuất khi công tác của Đức Chúa Trời kết thúc, và chúng không xứng đáng với bất kỳ sự cảm thông nào. Những người vô nhân tính không có khả năng thực sự yêu mến Đức Chúa Trời. Khi tình cảnh an toàn và bảo đảm, hoặc có thể làm lợi, thì họ hoàn toàn vâng lời Đức Chúa Trời, nhưng một khi những gì họ mong muốn bị tổn hại hoặc cuối cùng bị bác bỏ, họ nổi loạn ngay lập tức. Thậm chí chỉ trong một đêm, họ có thể đi từ một người tươi cười, “tốt bụng” đến một tên sát nhân xấu xí và tàn bạo, bất thành lình đối xử với ân nhân của mình ngày hôm qua như là kẻ thù không đội trời chung, mà chẳng có lí do chính đáng gì. Nếu những con quỷ này không bị đuổi ra, những con quỷ này mà sẽ giết hại không chớp mắt, thì chẳng phải chúng sẽ là nguồn gốc của nguy hiểm tiềm ẩn sao? Công tác cứu rỗi con người không đạt được sau khi công tác chinh phục hoàn tất. Mặc dù công tác chinh phục đã đến hồi kết thúc, nhưng công tác thanh tẩy con người thì chưa; công tác đó sẽ chỉ được hoàn thành một khi con người đã được thanh tẩy hoàn toàn, một khi những ai thực sự tuân phục Đức Chúa Trời đã được trở nên trọn vẹn, và một khi những kẻ nguy trang mà không có Đức Chúa Trời trong lòng đã bị loại đi. Những ai không làm thỏa lòng Đức Chúa Trời trong giai đoạn cuối của công tác Ngài sẽ hoàn toàn bị loại bỏ, và những ai bị loại bỏ thì thuộc về ma quỷ. Vì họ không có khả năng làm thỏa lòng Đức Chúa Trời, nên họ

dấy nghịch chống lại Đức Chúa Trời, và mặc dù những người này đi theo Đức Chúa Trời hôm nay, điều này không chứng tỏ họ là những người cuối cùng sẽ sót lại. Trong cụm từ “những ai đi theo Đức Chúa Trời đến cùng sẽ nhận được sự cứu rỗi”, thì “đi theo” có nghĩa là đứng vững giữa cơn hoạn nạn. Ngày nay, nhiều người tin rằng đi theo Đức Chúa Trời thì dễ dàng, nhưng khi công tác của Đức Chúa Trời sắp kết thúc, người sẽ biết ý nghĩa thật sự của từ “đi theo”. Chỉ vì hôm nay người vẫn có thể đi theo Đức Chúa Trời sau khi được chinh phục, điều này không chứng minh rằng người là một trong những người sẽ được trở nên hoàn thiện. Những người không thể chịu đựng được những sự thử luyện, những người không có khả năng chiến thắng giữa cơn hoạn nạn, cuối cùng, sẽ không có khả năng đứng vững, và vì thế sẽ không thể đi theo Đức Chúa Trời đến tận cùng. Những ai thực sự đi theo Đức Chúa Trời thì có thể chịu đựng được thử luyện trong công việc của họ, trong khi những ai không thực sự đi theo Đức Chúa Trời thì không có khả năng chịu đựng bất kỳ thử luyện nào của Đức Chúa Trời. Sớm muộn gì họ sẽ bị trục xuất, trong khi những người đắc thắng sẽ ở lại trong vương quốc. Việc con người có thực sự tìm kiếm Đức Chúa Trời hay không được quyết định bởi sự thử luyện trong công việc của họ, đó là, qua sự thử luyện của Đức Chúa Trời, và không liên quan gì đến quyết định của chính con người. Đức Chúa Trời không chối bỏ ai một cách tùy tiện; tất cả những gì Ngài làm có thể hoàn toàn thuyết phục con người. Ngài không làm điều gì mà con người không thể thấy được, hoặc bất kỳ công tác nào mà không thể thuyết phục con người. Việc niềm tin của con người có thật hay không được chứng minh bởi sự thật, và không thể do con người quyết định. Việc “lúa mì không thể trở thành cỏ lùng, và cỏ lùng không thể trở thành lúa mì” là chắc chắn. Tất cả những ai thực sự yêu mến Đức Chúa Trời cuối cùng sẽ ở lại trong vương quốc, và Đức Chúa Trời sẽ không bạc đãi bất kỳ ai thực sự yêu mến Ngài. Dựa trên những bốn phạm và lời chứng khác nhau của họ, những người đắc thắng trong vương quốc sẽ hầu việc như là những thầy tế lễ hoặc tín đồ, và tất cả những người đắc thắng giữa cơn hoạn nạn sẽ trở thành thân thể của các thầy tế lễ trong vương quốc. Thân thể của các thầy tế lễ sẽ được hình thành khi công tác Phúc Âm trong toàn vũ trụ đã kết thúc. Khi thời điểm đó đến, những gì con người nên làm sẽ là thực hiện bốn phạm của họ trong vương quốc của Đức Chúa Trời, và sống cùng Đức Chúa Trời trong vương quốc. Trong thân thể của các thầy tế lễ sẽ có các thầy tế lễ cả và các thầy tế lễ, và còn lại sẽ là các con trai và dân sự của Đức Chúa Trời. Tất cả điều này được xác định bởi những lời chứng của họ về Đức Chúa Trời trong suốt cơn hoạn nạn; chúng không phải là những chức danh được ban cho một cách tùy tiện. Một khi địa vị của con người đã được thiết lập, công tác của Đức Chúa Trời sẽ chấm dứt, bởi mỗi người được phân

chia theo từng loại và được trở lại vị trí ban đầu của họ, và đây là dấu hiệu của sự thành tựu trong công tác của Đức Chúa Trời, nó là kết quả cuối cùng của công tác của Đức Chúa Trời và sự thực hành của con người, và nó là sự kết tinh của những khái tượng về công tác của Đức Chúa Trời và sự hợp tác của con người. Cuối cùng, con người sẽ tìm thấy sự nghỉ ngơi trong vương quốc của Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời cũng sẽ trở về nơi ở của Ngài để nghỉ ngơi. Đây là kết quả cuối cùng của 6.000 năm hợp tác giữa Đức Chúa Trời và con người.

Thực chất của Đấng Christ là vâng phục ý muốn của Cha trên trời

Đức Chúa Trời nhập thể được gọi là Đấng Christ, và Đấng Christ là xác thịt được mặc lấy bởi Thần của Đức Chúa Trời. Xác thịt này không giống như bất kỳ con người xác thịt nào. Sự khác biệt này là vì Đấng Christ không thuộc về thịt và huyết; Ngài là sự nhập thể của Thần. Ngài có cả một nhân tính bình thường lẫn một thần tính trọn vẹn. Thần tính của Ngài không được sở hữu bởi bất kỳ con người nào. Nhân tính bình thường của Ngài duy trì mọi hoạt động bình thường của Ngài trong xác thịt, trong khi thần tính của Ngài thực hiện công tác của chính Đức Chúa Trời. Dù là nhân tính hay thần tính của Ngài, cả hai đều quy phục ý muốn của Cha trên trời. Thực chất của Đấng Christ là Thần, nghĩa là thần tính. Do đó, thực chất của Ngài là của chính Đức Chúa Trời; thực chất này sẽ không làm gián đoạn công tác của riêng Ngài, và Ngài không thể làm bất cứ điều gì hủy hoại công tác của chính mình, Ngài cũng sẽ không bao giờ thốt ra bất cứ lời nào trái với ý muốn của Ngài. Do vậy, Đức Chúa Trời nhập thể tuyệt đối sẽ không bao giờ làm bất cứ công tác nào làm gián đoạn sự quản lý của riêng Ngài. Đây là điều mọi người nên hiểu. Thực chất công tác của Đức Thánh Linh là cứu rỗi con người, và vì sự quản lý của riêng Đức Chúa Trời. Tương tự, công tác của Đấng Christ cũng là cứu rỗi con người, và vì ý muốn của Đức Chúa Trời. Vì rằng Đức Chúa Trời trở nên xác thịt, Ngài nhận ra thực chất của Ngài bên trong xác thịt của Ngài, để xác thịt của Ngài có khả năng gánh vác công tác của Ngài. Do vậy, mọi công tác của Thần của Đức Chúa Trời được thay bằng công tác của Đấng Christ trong thời gian nhập thể, và trọng tâm của mọi công tác xuyên suốt thời gian nhập thể này là công tác của Đấng Christ. Nó không thể được trộn lẫn với công tác từ bất kỳ thời đại nào. Và bởi Đức Chúa Trời trở nên xác thịt, nên Ngài hoạt động trong thân phận của xác thịt Ngài; bởi Ngài đến trong xác thịt, nên Ngài hoàn thành công tác mà Ngài phải làm trong xác thịt. Dù là Thần của Đức Chúa Trời hay là Đấng Christ, cả hai đều chính là Đức Chúa Trời, và Ngài làm công

tác mà Ngài phải làm và thực hiện chức vụ mà Ngài phải thực hiện.

Chính thực chất của Đức Chúa Trời nắm giữ thẩm quyền, nhưng Ngài có thể hoàn toàn quy phục thẩm quyền đến từ Ngài. Dù là công tác của Thần hay công tác của xác thịt, không cái nào mâu thuẫn với cái nào. Thần của Đức Chúa Trời là thẩm quyền trên mọi tạo vật. Xác thịt với thực chất của Đức Chúa Trời cũng sở hữu thẩm quyền, nhưng Đức Chúa Trời trong xác thịt có thể làm tất cả mọi công tác vâng phục ý muốn của Cha trên trời. Điều này không thể đạt được hay hiểu thấu được bởi bất kỳ một con người nào. Chính Đức Chúa Trời là thẩm quyền, nhưng xác thịt của Ngài có thể quy phục thẩm quyền của Ngài. Đây là hàm ý khi nói rằng: “Đấng Christ vâng phục ý muốn của Đức Chúa Cha”. Đức Chúa Trời là Thần và có thể làm công tác cứu rỗi, cũng như Đức Chúa Trời có thể trở thành con người. Dù sao đi nữa, chính Đức Chúa Trời làm công tác của riêng Ngài; Ngài không làm gián đoạn cũng không xen vào, Ngài càng không thực hiện công tác tự mâu thuẫn, bởi thực chất của công tác được thực hiện bởi Thần và xác thịt là giống nhau. Dù là Thần hay xác thịt, cả hai đều hoạt động để hoàn thành một ý muốn và để quản lý cùng một công tác. Mặc dù Thần và xác thịt có hai tổ chất khác nhau, nhưng thực chất của họ là như nhau; cả hai đều có thực chất của chính Đức Chúa Trời, và thân phận của chính Đức Chúa Trời. Bản thân Đức Chúa Trời không có yếu tố bất tuân nào cả; thực chất của Ngài là tốt đẹp. Ngài là sự bày tỏ của mọi vẻ đẹp và điều thiện lành, cũng như tất cả tình yêu thương. Ngay cả trong xác thịt, Đức Chúa Trời không làm bất cứ điều gì không vâng lời Đức Chúa Cha. Thậm chí với cái giá là sự hy sinh sự sống của Ngài, Ngài vẫn sẽ hết lòng sẵn sàng làm như vậy và Ngài sẽ không chọn lựa khác đi. Đức Chúa Trời không có những yếu tố tự nên công chính hay tự cao tự đại, hay những yếu tố tự phụ hay kiêu ngạo; Ngài không có những yếu tố quanh co. Mọi thứ không vâng lời Đức Chúa Trời đều đến từ Sa-tan; Sa-tan là nguồn gốc của mọi sự xấu xa và gian ác. Lý do con người có những phẩm chất tương tự như của Sa-tan là vì con người đã bị Sa-tan làm bại hoại và xử lý. Đấng Christ đã không bị Sa-tan làm bại hoại, do đó Ngài chỉ có những đặc điểm của Đức Chúa Trời, và không có đặc điểm nào của Sa-tan. Dù cho công tác có gian khổ hay xác thịt có yếu đuối như thế nào, Đức Chúa Trời, khi Ngài sống trong xác thịt, sẽ không bao giờ làm bất cứ điều gì gián đoạn công tác của chính Đức Chúa Trời, càng không từ bỏ ý muốn của Đức Chúa Cha bởi sự không vâng lời. Ngài thà chịu đau đớn xác thịt còn hơn là phản bội ý muốn của Đức Chúa Cha; cũng giống như Jêsus đã cầu nguyện: “Cha ơi! Nếu có thể được, xin cho chén này lìa khỏi Con! Song không theo ý muốn Con, mà theo ý muốn Cha”. Con người sẽ đưa ra chọn lựa của riêng họ, nhưng Đấng Christ thì không. Mặc dù Ngài có thân phận của chính Đức Chúa Trời, Ngài vẫn tìm kiếm ý muốn của Đức

Chúa Cha, và hoàn thành điều đã được Đức Chúa Cha giao phó cho Ngài, từ góc độ xác thịt. Đây là điều con người không thể đạt được. Điều đến từ Sa-tan không thể có được thực chất của Đức Chúa Trời; nó chỉ có thể có bản chất bất tuân và chống đối Đức Chúa Trời. Nó không thể hoàn toàn vâng lời Đức Chúa Trời, càng không sẵn lòng vâng phục ý muốn của Đức Chúa Trời. Mọi con người ngoại trừ Đấng Christ đều có thể làm điều chống đối Đức Chúa Trời, và không một con người nào có thể trực tiếp gánh vác công tác mà Đức Chúa Trời giao phó cho; không ai có thể xem sự quản lý của Đức Chúa Trời là bổn phận của riêng mình phải thực hiện. Thực chất của Đấng Christ là sự quy phục ý muốn của Đức Chúa Cha; sự bất tuân Đức Chúa Trời là đặc điểm của Sa-tan. Hai tố chất này không thể tương hợp với nhau, và bất kỳ ai có những phẩm chất của Sa-tan thì không thể được gọi là Đấng Christ. Lý do con người không thể làm công tác của Đức Chúa Trời thay cho Ngài là vì con người không có bất kỳ thực chất nào của Đức Chúa Trời. Con người làm việc cho Đức Chúa Trời vì lợi ích và triển vọng tương lai của cá nhân họ, còn Đấng Christ thì làm việc để thực hiện ý muốn của Đức Chúa Cha.

Nhân tính của Đấng Christ được chi phối bởi thần tính của Ngài. Mặc dù Ngài ở trong xác thịt, nhưng nhân tính của Ngài không hoàn toàn giống như nhân tính của con người xác thịt. Ngài có tính cách độc nhất của riêng Ngài, và điều này cũng được chi phối bởi thần tính của Ngài. Thần tính của Ngài không có điểm yếu; điểm yếu của Đấng Christ ám chỉ điểm yếu trong nhân tính của Ngài. Ở một mức độ nhất định, điểm yếu này chế ngự thần tính của Ngài, nhưng những giới hạn ấy nằm trong một phạm vi và thời gian nhất định, và không phải là vô hạn. Khi đến lúc thực hiện công tác của thần tính Ngài, điều ấy được thực hiện bất kể nhân tính của Ngài. Nhân tính của Đấng Christ hoàn toàn được chi phối bởi thần tính của Ngài. Bên cạnh đời sống thông thường của nhân tính Ngài, tất cả những hành động khác của nhân tính Ngài đều chịu ảnh hưởng, tác động, và chi phối bởi thần tính của Ngài. Mặc dù Đấng Christ có một nhân tính, nhưng điều đó không làm gián đoạn công tác của thần tính Ngài, và điều này chính là vì nhân tính của Đấng Christ được chi phối bởi thần tính của Ngài; mặc dù nhân tính của Ngài chưa trưởng thành trong cách cư xử với người khác, nhưng điều đó không ảnh hưởng đến công tác thông thường của thần tính Ngài. Khi Ta phán rằng nhân tính của Ngài không bị làm bại hoại, ý Ta là nhân tính của Đấng Christ có thể được điều khiển trực tiếp bởi thần tính của Ngài, và rằng Ngài sở hữu một ý thức cao hơn ý thức của một con người bình thường. Nhân tính của Ngài thích hợp nhất để được chi phối bởi thần tính trong công tác của Ngài; nhân tính của Ngài có thể bày tỏ tốt nhất công tác của thần tính, cũng như có thể quy phục tốt nhất công tác ấy. Khi Đức Chúa Trời hoạt động trong xác thịt, Ngài

không bao giờ quên bổn phận mà một con người trong xác thịt phải thực hiện; Ngài có thể thờ phượng Đức Chúa Trời trên trời với tấm lòng chân thật. Ngài có thực chất của Đức Chúa Trời, và thân phận của Ngài là của chính Đức Chúa Trời. Chỉ là Ngài đã đến trần gian và trở thành một loài thọ tạo, với lớp vỏ bên ngoài của một loài thọ tạo, và giờ sở hữu một nhân tính mà Ngài không có trước kia. Ngài có thể thờ phượng Đức Chúa Trời trên trời; đây là hữu thể của chính Đức Chúa Trời và con người không thể bắt chước được. Thân phận của Ngài là chính Đức Chúa Trời. Chính từ góc độ xác thịt mà Ngài thờ phượng Đức Chúa Trời; do vậy, những lời “Đấng Christ thờ phượng Đức Chúa Trời trên trời” là không sai. Điều Ngài yêu cầu ở con người chính là hữu thể của chính Ngài; Ngài đã đạt được hết thảy những gì Ngài yêu cầu ở con người trước khi yêu cầu họ những điều ấy. Ngài sẽ không bao giờ yêu cầu những người khác trong khi chính Ngài không thực hiện những yêu cầu ấy, bởi vì tất cả đều cấu thành hữu thể của Ngài. Bất kể Ngài thực hiện công tác của Ngài như thế nào, Ngài sẽ không hành động theo cách bất tuân Đức Chúa Trời. Dù Ngài yêu cầu ở con người điều gì, không yêu cầu nào vượt quá điều mà con người có thể đạt được. Tất cả những gì Ngài làm là những gì thực hiện theo ý muốn của Đức Chúa Trời và vì lợi ích sự quản lý của Ngài. Thần tính của Đấng Christ cao hơn hết thảy mọi người; do vậy Ngài là Đấng có thẩm quyền tối cao trong mọi loài thọ tạo. Thẩm quyền này là thần tính của Ngài, nghĩa là, tâm tính và hữu thể của chính Đức Chúa Trời, điều xác định thân phận của Ngài. Do vậy, dù nhân tính của Ngài có bình thường như thế nào, không thể phủ nhận rằng Ngài có thân phận của chính Đức Chúa Trời; bất kể Ngài phán từ góc độ nào và Ngài vâng phục ý muốn của Đức Chúa Trời như thế nào, không thể nói rằng Ngài không phải là chính Đức Chúa Trời. Những kẻ đại dốt và ngu dốt thường xem nhân tính bình thường của Đấng Christ là một khuyết điểm. Dù Ngài bày tỏ và tiết lộ hữu thể của thần tính của Ngài như thế nào, con người cũng không thể công nhận rằng Ngài là Đấng Christ. Và Đấng Christ càng chứng tỏ sự vâng lời và khiêm nhường của Ngài, những kẻ ngu dốt càng xem nhẹ Đấng Christ. Thậm chí có những kẻ có thái độ bài trừ và khinh miệt Ngài, mà lại đặt những “vĩ nhân” có những hình ảnh cao cả lên bàn để thờ. Sự chống đối và không vâng lời Đức Chúa Trời của con người đến từ thực tế rằng thực chất của Đức Chúa Trời nhập thể quy phục ý muốn của Đức Chúa Trời, cũng như từ nhân tính bình thường của Đấng Christ; đây là nguồn gốc sự chống đối và bất tuân Đức Chúa Trời của con người. Nếu Đấng Christ không có vẻ ngoài của nhân tính Ngài, cũng không tìm kiếm ý muốn của Đức Chúa Cha từ góc độ của một loài thọ tạo, mà thay vào đó sở hữu một siêu nhân tính, khi đó khả năng cao sẽ không có sự bất tuân giữa con người. Lý do con người luôn sẵn lòng tin vào một Đức Chúa Trời vô hình trên

trời là vì Đức Chúa Trời trên trời không có nhân tính, Ngài cũng không có dù chỉ một tổ chất của một loài thọ tạo. Do đó, con người luôn nhắc đến Ngài với lòng tôn kính cao nhất, nhưng lại giữ thái độ khinh miệt với Đấng Christ.

Mặc dù Đấng Christ trên trần gian có thể hoạt động nhân danh chính Đức Chúa Trời, Ngài không đến với ý định cho hết thảy mọi người thấy hình tượng của Ngài trong xác thịt. Ngài không đến để hết thảy mọi người nhìn thấy Ngài; Ngài đến để cho phép con người được dịu dặt bởi tay Ngài, và con người nhờ đó mà bước vào thời đại mới. Chức năng của xác thịt Đấng Christ là dành cho công tác của chính Đức Chúa Trời, nghĩa là, cho công tác của Đức Chúa Trời trong xác thịt, và không cho phép con người hoàn toàn hiểu thực chất của xác thịt Ngài. Dù Ngài hoạt động như thế nào, không có gì Ngài làm là vượt quá những gì xác thịt có thể đạt được. Dù Ngài hoạt động như thế nào, Ngài làm như vậy trong xác thịt với một nhân tính bình thường, và không tiết lộ hoàn toàn cho con người sắc diện thật của Đức Chúa Trời. Thêm vào đó, công tác của Ngài trong xác thịt không bao giờ siêu nhiên hay không thể đánh giá được như con người tưởng tượng. Mặc dù Đấng Christ đại diện cho chính Đức Chúa Trời trong xác thịt và đích thân thực hiện công tác mà chính Đức Chúa Trời phải làm, nhưng Ngài không phủ nhận sự hiện hữu của Đức Chúa Trời trên trời, Ngài cũng không ráo riết tuyên bố những việc làm của mình. Thay vào đó, Ngài cứ ẩn mình một cách khiêm nhường bên trong xác thịt của Ngài. Ngoài Đấng Christ, những kẻ mạo xưng là Đấng Christ không có những tổ chất của Ngài. Khi được đặt cạnh tâm tính kiêu ngạo và tự tôn của các Christ giả ấy, sự việc trở nên rõ ràng rằng dạng xác thịt nào thật sự là Đấng Christ. Họ càng giả mạo, các Christ giả ấy càng khoe mẽ bản thân, và họ càng có khả năng thực hiện những dấu kỳ, phép lạ để lừa con người. Các Christ giả không có những tổ chất của Đức Chúa Trời; Đấng Christ không bị vấy bẩn bởi bất kỳ yếu tố nào thuộc về các Christ giả. Đức Chúa Trời trở nên xác thịt chỉ để hoàn thành công tác của xác thịt, chứ không chỉ đơn thuần cho phép con người nhìn thấy Ngài. Thay vào đó, Ngài để cho công tác của Ngài khẳng định thân phận của Ngài, và để những gì Ngài tiết lộ làm chứng cho thực chất của Ngài. Thực chất của Ngài không phải không có cơ sở; thân phận của Ngài không do tay Ngài nắm giữ; nó được xác định bởi công tác và thực chất của Ngài. Mặc dù Ngài có thực chất của chính Đức Chúa Trời và có thể thực hiện công tác của chính Đức Chúa Trời, nhưng xét cho cùng, Ngài vẫn là xác thịt, không giống với Thần. Ngài không phải là Đức Chúa Trời với các tổ chất của Thần; Ngài là Đức Chúa Trời với một vỏ bọc xác thịt. Do đó, dù Ngài bình thường và yếu đuối thế nào, và dù Ngài tìm kiếm ý muốn của Đức Chúa Cha như thế nào, thần tính của Ngài là không thể phủ nhận. Bên trong Đức Chúa Trời nhập thể không chỉ tồn tại một nhân

tính bình thường và sự yếu đuối của nó; mà còn tồn tại sự kỳ diệu và sự không thể dò lường của thần tính Ngài, cũng như mọi việc làm của Ngài trong xác thịt. Do vậy, cả nhân tính và thần tính đều tồn tại trong Đấng Christ, một cách vừa thực sự và thực tế. Đây không hề là một điều gì sáo rỗng hay siêu nhiên. Ngài đến trần gian với mục tiêu chính là thực hiện công tác; bắt buộc phải sở hữu một nhân tính bình thường để thực hiện công tác trên đất; nếu không, dù quyền năng của thần tính Ngài có vĩ đại như thế nào, chức năng ban đầu của thần tính Ngài cũng không thể được vận dụng tốt. Mặc dù nhân tính của Ngài có tầm quan trọng rất lớn, nhưng đó không phải là thực chất của Ngài. Thực chất của Ngài là thần tính; do vậy, khoảnh khắc Ngài bắt đầu thực hiện chức vụ của Ngài trên đất là khoảnh khắc Ngài bắt đầu bày tỏ hữu thể của thần tính Ngài. Nhân tính của Ngài tồn tại chỉ để duy trì đời sống bình thường của xác thịt Ngài hầu cho thần tính của Ngài có thể thực hiện công tác như bình thường trong xác thịt; chính thần tính điều khiển toàn bộ công tác của Ngài. Khi Ngài hoàn thành công tác của mình, Ngài sẽ hoàn thành chức vụ của Ngài. Điều con người phải biết là sự trọn vẹn của công tác của Ngài, và chính thông qua công tác của Ngài mà Ngài cho phép con người biết Ngài. Trong suốt quá trình làm việc của Ngài, Ngài bày tỏ rất đầy đủ hữu thể của thần tính Ngài, là một tâm tính không bị vấy bẩn bởi nhân tính, hay bị vấy bẩn bởi ý nghĩ và hành vi của con người. Khi đến lúc toàn bộ chức vụ của Ngài kết thúc, Ngài đã bày tỏ một cách hoàn hảo và đầy đủ tâm tính mà Ngài phải bày tỏ. Công tác của Ngài không có sự chỉ dẫn bởi bất kỳ con người nào; sự bày tỏ tâm tính của Ngài cũng hoàn toàn tự do, và không bị kiểm soát bởi tâm trí hay bị tác động bởi ý nghĩ, mà được tỏ lộ một cách tự nhiên. Đây là điều không con người nào có thể đạt được. Ngay cả khi môi trường xung quanh khắc nghiệt hay điều kiện không thuận lợi, Ngài vẫn có thể bày tỏ tâm tính của Ngài vào thời điểm thích hợp. Người là Đấng Christ bày tỏ hữu thể của Đấng Christ, trong khi những kẻ không phải là Đấng Christ thì không có tâm tính của Đấng Christ. Do vậy, ngay cả khi tất cả đều chống đối Ngài hay có những quan niệm về Ngài, không ai có thể phủ nhận trên cơ sở các quan niệm của con người rằng tâm tính bày tỏ ra bởi Đấng Christ là của Đức Chúa Trời. Hết thấy những ai theo đuổi Đấng Christ với tấm lòng chân thật hay cố ý tìm kiếm Đức Chúa Trời sẽ thừa nhận rằng Ngài là Đấng Christ dựa trên sự bày tỏ của thần tính Ngài. Họ sẽ không bao giờ phủ nhận Đấng Christ trên cơ sở bất kỳ phương diện nào của Ngài không phù hợp với những quan niệm của con người. Mặc dù con người rất ngu ngốc, nhưng hết thấy đều biết chính xác ý muốn của con người là gì và điều gì phát xuất từ Đức Chúa Trời. Đơn thuần là nhiều người cố ý chống đối Đấng Christ do những ý định của họ. Nếu không vì điều này, thì không một người nào có lý do để phủ nhận sự tồn tại của Đấng Christ,

bởi vì thần tính được bày tỏ bởi Đấng Christ quả thật có tồn tại, và công tác của Ngài có thể được chứng kiến bởi mắt thường.

Công tác và sự bày tỏ của Đấng Christ xác định thực chất của Ngài. Ngài có thể hoàn thành điều đã được giao phó cho Ngài với một tấm lòng chân thật. Ngài có thể thờ phượng Đức Chúa Trời trên trời với tấm lòng chân thật, và với tấm lòng chân thật tìm kiếm ý muốn của Đức Chúa Cha. Hết thảy điều này được xác định bởi thực chất của Ngài. Và sự tỏ lộ tự nhiên của Ngài cũng được xác định bởi thực chất của Ngài; lý do Ta gọi đây là “sự tỏ lộ tự nhiên” của Ngài là vì sự bày tỏ của Ngài không phải là sự bất chước, hay kết quả của sự giáo dục bởi con người, hay kết quả của nhiều năm trau dồi bởi con người. Ngài đã không học điều đó hay tô điểm cho Ngài bằng điều đó; thay vào đó, nó vốn có trong Ngài. Con người có thể phủ nhận công tác của Ngài, sự bày tỏ của Ngài, nhân tính của Ngài, và toàn bộ đời sống của nhân tính bình thường của Ngài, nhưng không ai có thể phủ nhận rằng Ngài thờ phượng Đức Chúa Trời trên trời với tấm lòng chân thật; không ai có thể phủ nhận rằng Ngài đã đến để hoàn thành ý muốn của Cha trên trời, và không ai có thể phủ nhận sự chân thành của Ngài khi tìm kiếm ý muốn của Đức Chúa Cha. Mặc dù hình tượng của Ngài không đẹp mắt, mặc dù sự giảng đạo của Ngài không mang khí chất phi phàm, và mặc dù công tác của Ngài không làm long trời lở đất như con người tưởng tượng, nhưng Ngài quả thật là Đấng Christ, Đấng đã hoàn thành ý muốn của Cha trên trời với tấm lòng chân thật, hoàn toàn quy phục Cha trên trời, và vâng lời cho đến chết. Đây là vì thực chất của Ngài là thực chất của Đấng Christ. Sự thật này khó tin đối với con người, nhưng đó là thực tế. Khi chức vụ của Đấng Christ đã hoàn thành trọn vẹn, con người sẽ có thể nhìn thấy từ công tác của Ngài rằng tâm tính của Ngài và hữu thể của Ngài đại diện cho tâm tính và hữu thể của Đức Chúa Trời trên trời. Vào lúc đó, sự tổng hợp của hết thảy công tác của Ngài có thể khẳng định rằng Ngài quả thật là xác thịt mà Lời trở thành, và không giống với con người của thịt và huyết. Mỗi bước trong công tác của Đấng Christ trên đất đều có ý nghĩa đại diện, nhưng con người trải nghiệm công tác thực của từng bước không thể nắm bắt được ý nghĩa công tác của Ngài. Điều này đặc biệt đúng đối với một số bước của công tác được thực hiện bởi Đức Chúa Trời trong lần nhập thể thứ hai. Hầu hết những ai đã chỉ nghe hay thấy những lời của Đấng Christ nhưng chưa bao giờ thấy Ngài sẽ không có quan niệm nào về công tác của Ngài; những ai đã thấy Đấng Christ và nghe những lời của Ngài, cũng như đã trải nghiệm công tác của Ngài, thấy khó chấp nhận công tác của Ngài. Đây không phải là vì vẻ ngoài và nhân tính bình thường của Đấng Christ không hợp thị hiếu con người sao? Những ai chấp nhận công tác của Ngài sau khi Đấng Christ đã đi sẽ không có những sự khó khăn như vậy, bởi vì

họ đơn thuần chấp nhận công tác của Ngài và không tiếp xúc với nhân tính bình thường của Đấng Christ. Con người không thể buông bỏ những quan niệm của mình về Đức Chúa Trời và thay vào đó lại dò xét Ngài một cách kỹ lưỡng; đây là do thực tế rằng con người chỉ tập trung vào diện mạo của Ngài và không thể nhận ra thực chất của Ngài dựa trên công tác và những lời của Ngài. Nếu con người phớt lờ diện mạo của Đấng Christ hoặc tránh bàn luận về nhân tính của Đấng Christ, và chỉ nói về thần tính của Ngài, với công tác và những lời mà không ai có thể đạt được, thì khi đó những quan niệm của con người sẽ giảm đi một nửa, thậm chí đến mức mọi khó khăn của con người đều sẽ được giải quyết. Trong quá trình công tác của Đức Chúa Trời nhập thể, con người không thể chấp nhận Ngài và có đầy những quan niệm về Ngài, và những trường hợp chống đối và không vâng lời là phổ biến. Con người không thể chịu được sự hiện diện của Đức Chúa Trời, tỏ lòng khoan dung đối với sự khiêm nhường và ẩn giấu của Đấng Christ, hay bỏ qua cho thực chất vâng lời Cha trên trời của Đấng Christ. Do vậy, Ngài không thể ở với con người đời đời sau khi hoàn tất công tác của Ngài, bởi vì con người không sẵn lòng cho phép Ngài sống cạnh họ. Nếu con người không thể tỏ lòng khoan dung đối với Ngài trong thời gian công tác của Ngài, vậy thì làm sao họ có thể chịu được việc Ngài sống cạnh họ sau khi Ngài đã hoàn thành chức vụ của Ngài, khi Ngài quan sát họ trải nghiệm dần dần những lời của Ngài? Khi ấy chẳng phải nhiều người sẽ gục ngã vì Ngài sao? Con người chỉ cho phép Ngài làm việc trên đất; đây là mức độ khoan dung lớn nhất của con người. Nếu không vì công tác của Ngài, con người đã trục xuất Ngài ra khỏi trần gian từ lâu, vậy thì huống chi họ tỏ lòng khoan dung được một khi công tác của Ngài hoàn tất? Khi ấy chẳng phải con người sẽ xử tử Ngài và tra tấn Ngài đến chết sao? Nếu Ngài không được gọi là Đấng Christ, thì Ngài không thể hoạt động giữa nhân loại; nếu Ngài không hoạt động với thân phận của chính Đức Chúa Trời, và thay vào đó hoạt động chỉ như một con người bình thường, thì con người sẽ không chịu được việc Ngài thốt ra một câu nào, càng không chịu được dù chỉ một chút công tác của Ngài. Như vậy Ngài chỉ có thể mang thân phận này với Ngài trong công tác của Ngài. Theo cách này, công tác của Ngài quyền năng hơn so với khi Ngài không làm như vậy, bởi vì hết thảy mọi người đều sẵn lòng vâng lời địa vị và thân phận vĩ đại. Nếu Ngài không mang thân phận của chính Đức Chúa Trời khi Ngài hoạt động hay hiện ra như chính Đức Chúa Trời, thì Ngài sẽ hoàn toàn không có cơ hội làm việc. Bất kể thực tế rằng Ngài có thực chất của Đức Chúa Trời và hữu thể của Đấng Christ, con người sẽ không nói lỏng và cho phép Ngài thực hiện công tác dễ dàng giữa nhân loại. Ngài mang thân phận của chính Đức Chúa Trời trong công tác của Ngài; mặc dù công tác ấy quyền năng hơn hàng chục lần so với công tác được làm mà không

có thân phận ấy, nhưng con người vẫn không hoàn toàn vâng lời Ngài, bởi vì con người chỉ quy phục địa vị của Ngài chứ không phải thực chất của Ngài. Nếu vậy, có lẽ một ngày nào đó khi Đấng Christ thoái vị, liệu con người có thể cho phép Ngài tiếp tục sống dù chỉ một ngày không? Đức Chúa Trời sẵn lòng sống trên đất với con người hầu cho Ngài có thể thấy những hiệu quả mà công tác bởi tay Ngài sẽ mang đến trong nhiều năm sau. Tuy nhiên, con người không thể chịu được sự hiện diện của Ngài dù chỉ một ngày, do vậy Ngài chỉ có thể từ bỏ. Đó đã là mức độ cao nhất của sự khoan dung và ơn huệ của con người khi cho phép Đức Chúa Trời làm công tác mà Ngài phải làm giữa con người và hoàn thành chức vụ của Ngài. Mặc dù những người đã được Ngài đích thân chinh phục thể hiện ơn huệ đó với Ngài, nhưng họ vẫn chỉ cho phép Ngài ở lại cho đến khi công tác của Ngài hoàn tất, và không hơn một phút giây nào. Nếu là như vậy, thì những người mà Ngài chưa chinh phục thì sao? Không phải lý do con người đối đãi với Đức Chúa Trời nhập thể theo cách này bởi vì Ngài là Đấng Christ với vỏ bọc của một con người bình thường sao? Nếu Ngài chỉ có thần tính và không có nhân tính bình thường, khi đó chẳng phải những khó khăn của con người sẽ được giải quyết một cách dễ dàng nhất sao? Con người miễn cưỡng thừa nhận thần tính của Ngài và không quan tâm đến vỏ bọc một con người bình thường của Ngài, bất chấp thực tế rằng thực chất của Ngài chính là của Đấng Christ, là điều quy phục ý muốn của Cha trên trời. Như vậy, Ngài chỉ có thể hủy bỏ công tác ở giữa con người để chia sẻ với họ cả những niềm vui lẫn nỗi buồn, bởi vì con người không còn có thể chịu đựng được sự tồn tại của Ngài nữa.

Khôi phục lại đời sống bình thường của con người và đưa họ đến một đích đến tuyệt vời

Con người hiểu được một ít về công tác của ngày hôm nay và công tác của tương lai, nhưng họ không hiểu được đích đến mà nhân loại sẽ bước vào. Với tư cách là một vật thọ tạo, con người nên thực hiện bổn phận của một tạo vật: Con người nên đi theo Đức Chúa Trời trong bất cứ điều gì Ngài làm; các người nên tiến hành theo bất cứ cách nào Ta phán dạy các người. Người không có cách quản lý mọi thứ cho chính mình, và người không có quyền làm chủ chính mình; tất cả phải tùy theo sự sắp đặt của Đức Chúa Trời, và mọi thứ đều nằm trong tay Ngài nắm giữ. Nếu công tác của Đức Chúa Trời đã ban cho con người một sự kết thúc, một đích đến tuyệt vời, đi trước thời đại, và nếu Đức Chúa Trời đã dùng điều này để lôi kéo con người và khiến con người đi theo Ngài – nếu Ngài đã thực hiện một thỏa thuận với con người – thì điều này không phải là sự chinh phục, mà cũng không phải là

làm việc sự sống của con người. Nếu Đức Chúa Trời dùng kết cục của con người để kiểm soát họ và thu phục lòng họ, thì bằng cách này, Ngài sẽ không phải là đang hoàn thiện con người, cũng không thể thu phục được con người, mà thay vào đó là dùng đích đến để kiểm soát họ. Con người không quan tâm đến điều gì hơn là kết cục trong tương lai, đích đến cuối cùng, và liệu có điều gì tốt đẹp để hy vọng hay không. Nếu con người được ban cho một hy vọng tốt đẹp trong suốt công tác chinh phục, và nếu, trước khi chinh phục con người, họ được ban cho một đích đến thích hợp để theo đuổi, thì không những việc chinh phục con người sẽ không đạt hiệu quả, mà hiệu quả của công tác chinh phục cũng bị ảnh hưởng. Điều đó có nghĩa là, công tác chinh phục đạt được hiệu quả bằng cách lấy đi số phận và triển vọng của con người, và phán xét, hành phạt tâm tính dấy loạn của con người. Nó không đạt được bằng cách thỏa thuận với con người, nghĩa là, bằng cách ban cho con người các phước lành và ân điển, mà là bằng cách tỏ lộ lòng trung thành của con người qua việc tước đi “quyền tự do” của họ và loại bỏ triển vọng của họ. Đây là thực chất của công tác chinh phục. Nếu con người được ban cho một hy vọng tốt đẹp ngay từ lúc ban đầu, và công tác hành phạt và phán xét được thực hiện sau đó, thì con người sẽ chấp nhận hình phạt và phán xét này dựa trên cơ sở họ đã có triển vọng, và cuối cùng, việc mọi tạo vật của Ngài vâng phục và thờ phượng Đấng Tạo Hóa một cách vô điều kiện sẽ không đạt được; chỉ có sự vâng phục mù quáng, ngu ngốc, hoặc không thì con người sẽ mù quáng đưa ra những đòi hỏi đối với Đức Chúa Trời, và vì vậy không thể hoàn toàn chinh phục lòng người. Hậu quả là công tác chinh phục như thế sẽ không thể thu phục con người, hơn nữa, cũng không thể làm chứng về Đức Chúa Trời. Những tạo vật như thế sẽ không thể thực hiện bổn phận của mình, và chỉ mặc cả với Đức Chúa Trời; đây không phải là sự chinh phục, mà là sự thương xót và ban phước. Vấn đề lớn nhất đối với con người chính là họ không nghĩ đến điều gì ngoài số phận và triển vọng của họ, và thần tượng những điều này. Con người theo đuổi Đức Chúa Trời vì số phận và triển vọng của họ; họ không thờ phượng Đức Chúa Trời bởi vì tình yêu của họ dành cho Ngài. Và vì thế, trong sự chinh phục con người, tất cả sự ích kỷ, tham lam của con người và những gì cản trở nhiều nhất việc thờ phượng Đức Chúa Trời của họ đều phải bị xử lý và từ đó bị loại bỏ. Làm như vậy sẽ đạt được hiệu quả trong việc chinh phục con người. Do đó, trong những giai đoạn đầu tiên của sự chinh phục con người thì cần phải thanh lọc những tham vọng ngông cuồng và những điểm yếu chí tử nhất của con người, và qua việc này, để tỏ lộ tình yêu của con người dành cho Đức Chúa Trời, và thay đổi sự hiểu biết của họ về đời sống con người, quan điểm của họ về Đức Chúa Trời, và ý nghĩa sự tồn tại của họ. Bằng cách này, tình yêu của con người dành cho Đức Chúa Trời

được thanh sạch, có nghĩa là, lòng người đã được chinh phục. Nhưng trong thái độ của Ngài đối với mọi tạo vật, Đức Chúa Trời không chinh phục chỉ vì mục đích chinh phục; thay vào đó, Ngài chinh phục để thu phục con người, vì sự vinh hiển của chính Ngài, và để phục hồi lại hình tượng giống con người ban đầu, nguyên thủy. Nếu Ngài chinh phục chỉ vì mục đích chinh phục, thì ý nghĩa của công tác chinh phục sẽ không còn. Điều đó có nghĩa là, nếu sau khi chinh phục con người, Đức Chúa Trời phủ tay với con người, và không quan tâm gì đến sự sống chết của họ, thì đây không phải là sự quản lý nhân loại, mà sự chinh phục con người cũng không phải vì cứu rỗi họ. Chỉ có việc thu phục con người sau khi họ được chinh phục và việc cuối cùng con người tới được một đích đến tuyệt vời mới là trọng tâm của toàn bộ công tác cứu rỗi, và chỉ điều này mới có thể đạt được mục đích cứu rỗi con người. Nói cách khác, chỉ có việc con người tới được đích đến tuyệt đẹp và bước vào sự nghỉ ngơi mới là những triển vọng mà mọi tạo vật nên có, và là công tác nên được thực hiện bởi Đấng Tạo Hóa. Nếu con người làm công tác này, thì sẽ rất hạn chế: Nó có thể đưa con người đến một điểm nào đó, nhưng nó không thể đem con người tới được đích đến đời đời. Con người không thể quyết định vận mệnh của con người, hơn nữa, họ cũng không thể đảm bảo cho những triển vọng và đích đến trong tương lai của con người. Tuy nhiên, công tác do Đức Chúa Trời thực hiện thì lại khác. Vì Ngài đã tạo dựng con người, nên Ngài dẫn dắt họ; vì Ngài cứu rỗi con người, nên Ngài sẽ cứu rỗi họ triệt để, và sẽ hoàn toàn thu phục họ; vì Ngài dẫn dắt con người, nên Ngài sẽ đem họ đến một đích đến thích hợp; và vì Ngài đã tạo dựng và quản lý con người, nên Ngài phải có trách nhiệm về số phận và triển vọng của con người. Đây chính là công tác do Đấng Tạo Hóa thực hiện. Mặc dù công tác chinh phục đạt được bằng cách loại bỏ các triển vọng của con người, nhưng con người cuối cùng phải được đưa đến một đích đến thích hợp do Đức Chúa Trời đã sắp sẵn cho họ. Chính vì Đức Chúa Trời làm việc con người nên con người có một đích đến và số phận của họ được đảm bảo. Đích đến phù hợp được đề cập đến ở đây không phải là những hy vọng và triển vọng của con người đã bị loại bỏ trong quá khứ; đây là hai việc khác nhau. Những gì con người hy vọng và theo đuổi là những khao khát nảy sinh từ sự theo đuổi những ham muốn vô độ của xác thịt, hơn là đích đến mà con người nên có. Trong khi đó, điều Đức Chúa Trời đã sắp sẵn cho con người là các phước lành và lời hứa xứng đáng với con người một khi họ đã được làm cho thanh sạch, là điều mà Đức Chúa Trời đã sắp sẵn cho con người từ sau sáng thế, và là điều không bị pha tạp bởi những lựa chọn, quan niệm, tưởng tượng hoặc xác thịt của con người. Đích đến này không được sắp sẵn cho một con người cụ thể nào, mà là nơi nghỉ ngơi của toàn nhân loại. Và vì thế, đích đến này là đích đến phù hợp nhất cho nhân loại.

Đấng Tạo Hóa có ý định sắp đặt cho mọi loài thọ tạo. Người không được loại bỏ hoặc không tuân theo bất kỳ điều gì Ngài làm, cũng như không nên dấy loạn với Ngài. Khi công tác Ngài làm cuối cùng đạt được những mục tiêu của Ngài, thì tại đây Ngài sẽ giành được sự vinh hiển. Hôm nay, tại sao người không được cho là dòng dõi của Mô-áp, hoặc con cháu của con rồng lớn sắc đỏ? Tại sao không nói về dân sự được chọn, mà chỉ nói về các loài thọ tạo? Loài thọ tạo – đây là danh nghĩa ban đầu của con người, và đây chính là đặc tính bẩm sinh của họ. Các tên gọi thay đổi chỉ vì thời đại và giai đoạn công tác thay đổi; thực ra, con người là một tạo vật bình thường. Mọi tạo vật, dù họ có là những kẻ bại hoại nhất hay thánh khiết nhất, thì đều phải thực hiện bổn phận của một vật thọ tạo. Khi Đức Chúa Trời tiến hành công tác chinh phục, Ngài không kiểm soát người bằng cách sử dụng các triển vọng, số phận hoặc đích đến của người. Thực ra không cần làm theo cách này. Mục đích của công tác chinh phục là khiến con người thực hiện bổn phận của một vật thọ tạo, khiến họ thờ phượng Đấng Tạo Hóa, và chỉ sau việc này thì con người mới có thể bước vào đích đến tuyệt vời. Số phận của con người được kiểm soát bởi bàn tay của Đức Chúa Trời. Người không có khả năng kiểm soát chính mình: Mặc dù luôn luôn tắt bật và bận rộn cho bản thân, nhưng con người vẫn không thể kiểm soát chính mình. Nếu người có thể biết được những triển vọng của bản thân mình, nếu người có thể kiểm soát được số phận của chính mình, thì người có còn là một vật thọ tạo nữa không? Tóm lại, bất kể Đức Chúa Trời làm việc như thế nào, thì tất cả công tác của Ngài là vì con người. Ví dụ, trời đất và vạn vật mà Đức Chúa Trời đã tạo dựng là để phục vụ con người: Mặt trăng, mặt trời, và những vì sao mà Ngài đã tạo nên cho con người, thú vật và cây cối, xuân, hạ, thu và đông, v.v. – tất cả đều được tạo nên vì sự tồn tại của con người. Và vì thế, bất kể Ngài hành phạt và phán xét con người như thế nào, thì tất cả đều vì sự cứu rỗi con người. Cho dù Ngài tước đi của con người những hy vọng thuộc về xác thịt, thì đó cũng là vì mục đích làm thanh sạch con người, và việc làm thanh sạch con người được thực hiện để họ có thể sống sót. Đích đến của con người nằm trong tay của Đấng Tạo Hóa, vậy thì làm sao con người có thể kiểm soát chính mình?

Một khi công tác chinh phục đã được hoàn thành, thì con người sẽ được đưa đến một thế giới tươi đẹp. Tất nhiên, đời sống này vẫn còn trên đất, nhưng nó sẽ hoàn toàn không giống đời sống của con người ngày hôm nay. Đó là đời sống mà nhân loại sẽ có sau khi toàn nhân loại đã được chinh phục, nó sẽ là một khởi đầu mới cho con người trên đất, và để nhân loại có một đời sống như thế sẽ là bằng chứng cho thấy nhân loại đã bước vào một cõi mới mẻ và tươi đẹp. Nó sẽ là sự khởi đầu trong đời sống của con người và Đức Chúa Trời trên đất. Tiền đề của một đời

sống tươi đẹp như thế phải là: Sau khi con người đã được trở nên thanh sạch và được chinh phục, thì họ quy phục trước Đấng Tạo Hóa. Và vì vậy, công việc chinh phục là giai đoạn cuối cùng trong công tác của Đức Chúa Trời trước khi loài người bước vào đích đến tuyệt vời. Đời sống như thế là đời sống tương lai của con người trên đất, đó là đời sống tươi đẹp nhất trên đất, kiểu đời sống mà con người khao khát, kiểu mà con người trước đây chưa bao giờ đạt được trong lịch sử thế giới. Đó là kết quả cuối cùng của công tác quản lý 6.000 năm, đó là điều mà loài người khao khát nhất, và đó cũng là lời hứa của Đức Chúa Trời với con người. Nhưng lời hứa này không thể ứng nghiệm ngay lập tức: Con người sẽ bước vào đích đến tương lai chỉ khi công tác của thời kỳ sau rốt đã được hoàn tất và họ đã hoàn toàn được chinh phục, nghĩa là, một khi Sa-tan đã bị đánh bại hoàn toàn. Con người sẽ không còn bản tính tội lỗi sau khi đã được tinh luyện, bởi vì Đức Chúa Trời cũng đã đánh bại Sa-tan, có nghĩa là sẽ không có sự xâm lấn của các thế lực thù địch, và không thể lực thù địch nào có thể tấn công xác thịt của con người. Và vì thế con người sẽ được tự do, và thánh khiết – họ sẽ bước vào cõi đời đời. Chỉ khi các thế lực thù địch của bóng tối bị trói buộc thì con người mới được tự do tại bất cứ nơi nào họ đến, và không có sự dấy loạn hoặc chống đối nào. Sa-tan phải bị trói buộc, và tất cả sẽ yên ổn với con người; tình trạng hiện nay tồn tại là bởi vì Sa-tan vẫn còn khuấy rối khắp nơi trên đất, và bởi vì toàn bộ công tác quản lý của Đức Chúa Trời vẫn chưa kết thúc. Một khi Sa-tan đã bị đánh bại, thì con người sẽ hoàn toàn được giải phóng; khi con người có Đức Chúa Trời và ra khỏi cảnh dưới quyền của Sa-tan, họ sẽ thấy được Mặt trời của sự công chính. Đời sống của con người bình thường sẽ được phục hồi; tất cả những điều mà con người bình thường nên sở hữu – như khả năng phân biệt thiện ác, và biết cách ăn mặc cho chính mình, và khả năng sống một cách bình thường – tất cả những điều này sẽ được khôi phục. Nếu Ê-va không bị con rắn cám dỗ, thì con người hẳn đã có kiểu đời sống bình thường này sau khi họ được tạo dựng vào lúc ban đầu. Họ nên ăn, mặc và sống một đời sống con người bình thường trên đất. Tuy nhiên, sau khi con người trở nên suy đồi, thì đời sống này đã trở thành một ảo giác không thể thực hiện được, và thậm chí hôm nay con người cũng không dám tưởng tượng ra những điều như thế. Thực ra, cuộc sống tươi đẹp mà con người mong đợi này là một điều cần thiết. Nếu con người không có một đích đến như thế, thì đời sống suy đồi của họ trên đất sẽ không bao giờ chấm dứt, và nếu không có một đời sống tươi đẹp như thế, thì sẽ không có sự chấm dứt nào cho số phận của Sa-tan hoặc thời kỳ Sa-tan nắm quyền lực khắp đất. Con người phải đến một cõi mà các thế lực của bóng tối không thể tiếp cận được, và khi họ làm vậy, thì điều này sẽ chứng minh rằng Sa-tan đã bị đánh bại. Bằng cách này, một khi không có sự nhiễu

loạn của Sa-tan, thì chính Đức Chúa Trời sẽ kiểm soát nhân loại, và Ngài sẽ phán dạy và kiểm soát toàn bộ đời sống con người; chỉ khi đó Sa-tan mới thật sự bị đánh bại. Đời sống của con người ngày hôm nay hầu hết là một đời sống ô uế, và vẫn là một đời sống đầy đau khổ và ưu phiền. Điều này không thể được gọi là sự thất bại của Sa-tan; con người vẫn chưa thoát khỏi bể khổ, chưa thoát khỏi khó khăn trong đời sống con người, hay ảnh hưởng của Sa-tan, và họ vẫn chỉ có một sự hiểu biết vô cùng hạn hẹp về Đức Chúa Trời. Tất cả sự khó khăn của con người đều do Sa-tan tạo ra; chính Sa-tan đã mang đau khổ vào đời sống của con người, và chỉ sau khi Sa-tan bị trói buộc thì con người mới có thể hoàn toàn thoát khỏi bể khổ. Tuy nhiên, sự giam cầm của Sa-tan đạt được thông qua sự chinh phục và thu phục được lòng người, bằng cách khiến con người thành chiến lợi phẩm trong cuộc chiến với Sa-tan.

Ngày nay, việc con người theo đuổi để trở thành một người đắc thắng và được trở nên hoàn thiện là những điều họ theo đuổi trước khi họ có được đời sống con người bình thường trên đất, và chúng là những mục tiêu mà họ tìm kiếm trước khi Sa-tan bị trói buộc. Về thực chất, việc con người theo đuổi để trở thành người đắc thắng và được trở nên hoàn thiện, hoặc được trở nên vô cùng hữu dụng, thực chất là để thoát khỏi ảnh hưởng của Sa-tan: Con người theo đuổi để trở thành người đắc thắng, nhưng kết quả cuối cùng sẽ là việc họ thoát khỏi ảnh hưởng của Sa-tan. Chỉ bằng cách thoát khỏi ảnh hưởng của Sa-tan thì con người mới có thể sống một đời sống của con người bình thường trên đất, một đời sống thờ phượng Đức Chúa Trời. Ngày nay, việc con người theo đuổi để trở thành một người đắc thắng và được trở nên hoàn thiện là những điều được theo đuổi trước khi có được đời sống con người bình thường trên đất. Chúng được con người theo đuổi chủ yếu là để họ được làm cho tinh sạch, đưa lễ thật vào thực hành, và để thờ phượng Đấng Tạo Hóa. Nếu con người sở hữu một đời sống con người bình thường trên đất, một đời sống không có khó khăn hoặc gian khổ, thì con người sẽ không thực hiện việc theo đuổi để trở thành một người đắc thắng. “Trở thành một người đắc thắng” và “được trở nên hoàn thiện” là những mục tiêu mà Đức Chúa Trời đưa ra cho con người để theo đuổi, và qua việc theo đuổi những mục tiêu này, Ngài khiến con người đưa lễ thật vào thực hành và sống trọn một cuộc đời ý nghĩa. Mục tiêu là làm cho con người được trọn vẹn và thu phục họ, còn việc theo đuổi để trở thành một người đắc thắng và được trở nên hoàn thiện chỉ đơn thuần là một phương tiện. Nếu, trong tương lai, con người bước vào một đích đến tuyệt vời, thì sẽ không còn sự liên quan nào đến việc trở thành một người đắc thắng và được trở nên hoàn thiện; sẽ chỉ có việc từng loài thọ tạo thực hiện bổn phận của mình. Ngày nay, con người bị bắt phải theo đuổi những điều này

chỉ để xác định một phạm vi cho con người, để cho việc theo đuổi của con người có thể có mục tiêu và thực tế hơn. Nếu không, con người sẽ sống giữa sự trừu tượng mơ hồ, và theo đuổi lối vào sự sống đời đời, và nếu là như thế, chẳng phải con người sẽ càng đáng thương hơn sao? Theo đuổi theo cách này, không có mục tiêu hay nguyên tắc – thì chẳng phải là tự lừa dối bản thân sao? Sau cùng, sự theo đuổi này đương nhiên sẽ không có kết quả; cuối cùng, con người sẽ vẫn sống dưới quyền của Sa-tan và sẽ không có khả năng tự thoát khỏi nó. Tại sao phải buộc bản thân họ chịu sự theo đuổi vô mục đích như thế? Khi con người bước vào đích đến đời đời, thì con người sẽ thờ phượng Đấng Tạo Hóa, và bởi vì con người đã có được sự cứu rỗi và bước vào cõi đời đời, nên con người sẽ không theo đuổi bất kỳ mục tiêu nào nữa, hơn thế nữa, họ cũng không cần phải lo lắng về việc bị vây hãm bởi Sa-tan. Lúc này, con người sẽ biết được vị trí của mình, sẽ thực hiện bổn phận của mình, và ngay cả khi họ không bị hành phạt hoặc phán xét, thì từng người sẽ thực hiện bổn phận của mình. Khi đó, con người sẽ là một tạo vật về cả thân phận lẫn địa vị. Sẽ không còn sự phân biệt cao thấp; mỗi người chỉ đơn giản thực hiện một chức năng khác nhau. Tuy vậy con người sẽ vẫn sống trong một đích đến có trật tự, phù hợp với nhân loại; con người sẽ thực hiện bổn phận mình vì mục đích thờ phượng Đấng Tạo Hóa, và chính một nhân loại như thế sẽ trở thành nhân loại của cõi đời đời. Khi đó, con người sẽ có được một đời sống được Đức Chúa Trời soi sáng, một đời sống dưới sự quan tâm và bảo vệ của Đức Chúa Trời, và một đời sống cùng với Đức Chúa Trời. Nhân loại sẽ sống một đời sống bình thường trên đất, và toàn nhân loại sẽ đi đúng hướng. Kế hoạch quản lý 6.000 năm sẽ hoàn toàn đánh bại Sa-tan, nghĩa là Đức Chúa Trời cũng đã phục hồi hình tượng ban đầu của con người theo sự tạo dựng của Ngài, và như vậy, ý định ban đầu của Đức Chúa Trời cũng đã được thực hiện. Thuở ban đầu, trước khi nhân loại bị Sa-tan làm cho bại hoại, nhân loại đã sống một đời sống bình thường trên đất. Về sau, khi con người đã bị Sa-tan làm cho bại hoại, con người đánh mất đời sống bình thường này, và thế là bắt đầu công tác quản lý của Đức Chúa Trời, và cuộc chiến với Sa-tan để khôi phục đời sống bình thường của con người. Chỉ khi công tác quản lý 6.000 năm của Đức Chúa Trời đi đến kết thúc thì đời sống của cả nhân loại mới chính thức bắt đầu trên đất; chỉ khi đó thì con người mới có một đời sống tuyệt vời, và Đức Chúa Trời sẽ lấy lại được mục đích của Ngài trong việc tạo dựng con người từ thuở ban đầu, cũng như hình tượng giống con người ban đầu. Và vì vậy, một khi con người đã có đời sống bình thường của nhân loại trên đất, thì con người sẽ không theo đuổi để trở thành người đắc thắng hoặc được trở nên hoàn thiện, bởi con người sẽ được nên thánh khiết. “Người đắc thắng” và “được trở nên hoàn thiện” mà người ta nói đến là những mục tiêu được

đưa ra cho con người để theo đuổi trong cuộc chiến giữa Đức Chúa Trời và Sa-tan, và chúng tồn tại chỉ vì con người đã bị làm cho bại hoại. Chính bằng cách cho người một mục tiêu, và khiến người theo đuổi mục tiêu này, mà Sa-tan sẽ bị đánh bại. Bảo người trở thành một người đắc thắng hoặc được trở nên hoàn thiện hoặc hữu dụng là đang yêu cầu người làm chứng để làm nhục Sa-tan. Cuối cùng, con người sẽ sống một đời sống của con người bình thường trên đất, và con người sẽ được nên thánh khiết; khi điều này xảy ra, thì con người có còn cố gắng để trở thành những người đắc thắng nữa không? Chẳng phải tất cả họ đều là những vật thọ tạo sao? Nói về việc là một người đắc thắng và một người được hoàn thiện, những lời này đều nhằm vào Sa-tan, và sự ô uế của con người. Chẳng phải cụm từ “người đắc thắng” này nói đến việc chiến thắng Sa-tan và các thế lực thù địch sao? Khi người nói rằng người đã được trở nên hoàn thiện, thì điều gì trong người đã được trở nên hoàn thiện? Chẳng phải là người đã tự loại bỏ những tâm tính Sa-tan bại hoại của người, để người có thể đạt được tình yêu tối thượng dành cho Đức Chúa Trời sao? Những điều này được nói ra liên quan đến những điều ô uế bên trong con người, và liên quan đến Sa-tan; chúng không được nói đến liên quan tới Đức Chúa Trời.

Nếu người không theo đuổi để trở thành một người đắc thắng hay được trở nên hoàn thiện bây giờ, thì trong tương lai, khi loài người sống một đời sống bình thường trên đất, sẽ không có cơ hội cho việc theo đuổi như thế. Khi đó, kết cục của từng hạng người cũng đã được tỏ lộ. Khi đó sẽ rõ người thuộc hạng người nào, và nếu người mong muốn trở thành một người đắc thắng hoặc mong muốn được trở nên hoàn thiện thì sẽ không thể thực hiện được. Sẽ chỉ là, vì sự dấy loạn của mình, con người sẽ bị trừng phạt sau khi bị vạch trần. Khi đó, điều con người theo đuổi sẽ không phải là một vị trí cao hơn người khác, đối với một số người là để là những người đắc thắng và số khác để được trở nên hoàn thiện, hoặc đối với một số người là để là những con trai đầu lòng của Đức Chúa Trời và số khác để là những con trai của Đức Chúa Trời; họ sẽ không theo đuổi những điều này. Tất cả sẽ là những tạo vật của Đức Chúa Trời, tất cả sẽ sống trên đất, và tất cả sẽ sống cùng với Đức Chúa Trời trên đất. Bây giờ là thời chiến giữa Đức Chúa Trời và Sa-tan, là thời điểm mà cuộc chiến này chưa kết thúc, một thời điểm mà con người chưa được thu phục hoàn toàn, và là một giai đoạn chuyển tiếp. Và vì vậy, con người cần phải theo đuổi để trở thành hoặc là một người đắc thắng hoặc một trong những dân sự của Đức Chúa Trời. Ngày nay có sự những sự khác biệt trong địa vị, nhưng khi thời điểm đến thì sẽ không có những sự khác biệt như thế nữa: Địa vị của tất cả những ai đã chiến thắng sẽ giống nhau, tất cả họ sẽ là những thành viên đủ tư cách của nhân loại, và sẽ sống một cách bình đẳng trên đất, có nghĩa rằng tất cả họ sẽ là những loài thọ

tạo có đủ tư cách, và những điều giống nhau sẽ được ban cho tất cả. Bởi vì các thời đại công tác của Đức Chúa Trời là khác nhau, và đối tượng công tác của Ngài khác nhau, nên nếu công tác này được thực hiện trong các người, thì các người có đủ tư cách để được trở nên hoàn thiện và trở thành những người đắc thắng; nếu nó được thực hiện ở nước ngoài, thì những người ở đó sẽ đủ tư cách để trở thành nhóm người đầu tiên được chinh phục, và nhóm người đầu tiên được trở nên hoàn thiện. Hôm nay, công tác này không được thực hiện ở nước ngoài, vì thế những người ở các nước khác không đủ tư cách để được trở nên hoàn thiện và trở thành những người đắc thắng, và họ không thể trở thành nhóm đầu tiên. Bởi vì đối tượng công tác của Đức Chúa Trời khác nhau, thời đại công tác của Đức Chúa Trời khác nhau, và phạm vi của nó khác nhau, nên có một nhóm đầu tiên, nghĩa là, có những người đắc thắng, và do đó cũng sẽ có một nhóm thứ nhì là nhóm những người được trở nên hoàn thiện. Một khi có nhóm đầu tiên đã được trở nên hoàn thiện, thì sẽ có một hình mẫu và kiểu mẫu, và như thế trong tương lai sẽ có nhóm người thứ hai và thứ ba được trở nên hoàn thiện, nhưng trong cõi đời đời thì tất cả họ sẽ đều như nhau, và sẽ không có sự phân cấp về địa vị. Họ đơn giản là đã được trở nên hoàn thiện vào những thời điểm khác nhau, và sẽ không có sự khác biệt nào trong địa vị. Khi thời điểm đến mà mọi người đều đã được trở nên trọn vẹn, và công tác trong toàn vũ trụ đã được kết thúc, thì sẽ không có sự khác biệt nào trong địa vị, và tất cả sẽ có địa vị như nhau. Hôm nay, công tác này được thực hiện giữa các người để các người sẽ trở thành những người đắc thắng. Nếu nó được thực hiện ở nước Anh, thì nước Anh sẽ có nhóm đầu tiên, cũng tương tự như các người là nhóm đầu tiên. Chỉ là các người đã được đặc biệt ban phước với ân điển khi công tác đang được thực hiện trong các người ngày hôm nay, và nếu công tác này không được thực hiện trong các người, thì các người sẽ là nhóm thứ nhì, thứ ba, thứ tư, hoặc thứ năm. Điều này đơn thuần là vì sự khác nhau trong thứ tự công tác; nhóm đầu tiên và nhóm thứ nhì không có nghĩa rằng nhóm này cao hơn hoặc thấp hơn nhóm kia, nó đơn giản biểu thị thứ tự con người được trở nên hoàn thiện. Hôm nay, những lời này được truyền đạt cho các người, nhưng tại sao các người không được thông tin sớm hơn? Bởi vì, nếu không có một quá trình, thì con người có xu hướng cực đoan. Ví dụ, Jêsus đã phán trong thời đại của Ngài: “Vì Ta đã đi, nên Ta sẽ đến”. Ngày nay, nhiều người bị cuồng dại bởi những lời này, và họ chỉ muốn mặc áo choàng trắng và chờ đợi được cất lên thiên đàng. Vì thế, có nhiều lời không thể được phán ra quá sớm; nếu chúng được phán ra quá sớm, thì con người sẽ có xu hướng cực đoan. Vóc giặc của con người quá nhỏ, và họ không thể nhìn thấu những sự thật trong những lời này.

Khi con người đạt được đời sống đích thực của con người trên đất và toàn bộ

các thế lực của Sa-tan đều bị trói buộc, thì con người sẽ sống thoải mái trên đất. Mọi thứ sẽ không phức tạp như hiện nay: Các mối quan hệ giữa người với người, các mối quan hệ xã hội, các mối quan hệ phức tạp trong gia đình – chúng đem lại quá nhiều phiền phức, quá nhiều đau đớn! Đời sống con người ở đây thật là khổ sở! Một khi con người đã được chinh phục, thì tâm lòng và tâm trí của họ sẽ thay đổi: Họ sẽ có một tâm lòng tôn kính và yêu mến Đức Chúa Trời. Một khi tất cả mọi người trong vũ trụ, những người tìm kiếm tình yêu dành cho Đức Chúa Trời đã được chinh phục, nghĩa là, một khi Sa-tan đã bị đánh bại, và một khi Sa-tan – mọi thế lực bóng tối – đã bị trói buộc, thì đời sống con người trên đất sẽ không bị quấy phá, và họ sẽ có thể sống tự do trên đất. Nếu đời sống của con người không có các mối quan hệ xác thịt, và không có sự phức tạp của xác thịt, thì nó sẽ thoải mái hơn rất nhiều. Các mối quan hệ xác thịt của con người quá phức tạp, và với con người có những điều như thế chứng tỏ rằng họ chưa tự giải phóng mình khỏi ảnh hưởng của Sa-tan. Nếu người có cùng mối quan hệ như với từng anh chị em mình, nếu người có cùng mối quan hệ như với từng thành viên của gia đình mình, thì người sẽ không phải bận tâm gì, và không cần lo lắng về bất kỳ ai. Không gì có thể tốt hơn, và bằng cách này con người sẽ vui được nửa phần đau khổ. Sống một đời sống con người bình thường trên đất, con người sẽ giống như một thiên sứ; mặc dù vẫn còn trong xác thịt, nhưng họ sẽ rất giống thiên sứ. Đây là lời hứa cuối cùng, lời hứa sau cùng được ban cho con người. Hôm nay, con người kinh qua hình phạt và sự phán xét; người có nghĩ rằng trải nghiệm của con người về những việc như thế là vô nghĩa không? Chẳng lẽ công tác hành phạt và phán xét được thực hiện vô có sao? Trước đây, người ta đã nói rằng hành phạt và sự phán xét con người là đặt con người vào vực sâu không đáy, nghĩa là lấy đi số phận và những triển vọng của họ. Điều này là vì một việc: làm thanh sạch con người. Con người không bị đặt vào vực sâu không đáy một cách có chủ ý, rồi sau đó Đức Chúa Trời phủ tay với họ. Thay vào đó, nó chính là để đối phó với sự dấy loạn bên trong con người, để cuối cùng những gì bên trong con người có thể được làm cho thanh sạch, để họ có thể có một sự hiểu biết thực sự về Đức Chúa Trời, và giống như một thánh nhân. Nếu điều này được thực hiện, thì tất cả sẽ được thành toàn. Thực ra, khi những điều bên trong con người phải được xử lý đều được xử lý, và con người mang chứng ngôn vang dội, thì Sa-tan cũng sẽ bị đánh bại, và cho dù có thể có một vài điều ban đầu ở trong con người chưa được làm thanh sạch hoàn toàn, nhưng một khi Sa-tan bị đánh bại, thì nó sẽ không còn gây rắc rối nữa, và khi đó con người sẽ được làm cho thanh sạch hoàn toàn. Con người chưa bao giờ trải qua một đời sống như thế, nhưng khi Sa-tan bị đánh bại, thì tất cả sẽ ổn thỏa và tất cả những điều vật vãnh trong con người sẽ đều

được giải quyết; và một khi vấn đề chính đó đã được giải quyết thì mọi phiền phức khác cũng sẽ kết thúc. Trong lần Đức Chúa Trời nhập thể trên đất này, khi Ngài đích thân thực hiện công tác của Ngài giữa con người, thì tất cả công tác Ngài làm được thực hiện để đánh bại Sa-tan, và Ngài sẽ đánh bại Sa-tan thông qua việc chinh phục con người và việc làm cho các người được trọn vẹn. Khi các người mang chứng ngôn vang dội, thì điều này cũng sẽ là một dấu hiệu về sự thất bại của Sa-tan. Trước tiên, con người được chinh phục và cuối cùng được trở nên hoàn toàn hoàn thiện để đánh bại Sa-tan. Tuy nhiên, về thực chất, cùng với việc đánh bại Sa-tan thì đây cũng là sự cứu rỗi toàn nhân loại ra khỏi bể khổ trống rỗng này. Bất kể công tác này được thực hiện trên toàn vũ trụ hay ở Trung Quốc, thì tất cả là để đánh bại Sa-tan và mang sự cứu rỗi đến cho toàn nhân loại hầu cho con người có thể bước vào nơi nghỉ ngơi. Đức Chúa Trời nhập thể, xác thịt bình thường này, chính là vì mục đích đánh bại Sa-tan. Công tác của Đức Chúa Trời trong xác thịt được sử dụng để mang sự cứu rỗi đến cho tất cả những ai dưới trần yêu mến Đức Chúa Trời, vì mục đích chinh phục cả nhân loại, và hơn thế nữa, vì mục đích đánh bại Sa-tan. Cốt lõi của toàn bộ công tác quản lý của Đức Chúa Trời không thể tách rời khỏi sự thất bại của Sa-tan để mang sự cứu rỗi đến cho toàn nhân loại. Tại sao, trong phần lớn công tác này, các người luôn được phán dạy phải làm chứng? Và lời chứng này nhằm vào ai? Chẳng phải nó nhằm vào Sa-tan sao? Lời chứng này được đưa ra cho Đức Chúa Trời, và nó được thực hiện để chứng thực rằng công tác của Đức Chúa Trời đã đạt được hiệu quả. Việc làm chứng có liên quan đến công tác đánh bại Sa-tan; nếu không có cuộc chiến với Sa-tan, thì con người sẽ không cần phải làm chứng. Chính vì Sa-tan phải bị đánh bại, đồng thời với việc cứu rỗi con người, mà Đức Chúa Trời đòi hỏi con người làm chứng về Ngài trước Sa-tan, điều mà Đức Chúa Trời sử dụng để cứu rỗi con người và chiến đấu với Sa-tan. Do đó, con người vừa là đối tượng của sự cứu rỗi, vừa là một công cụ trong việc đánh bại Sa-tan, và vì thế con người là cốt lõi trong công tác quản lý tổng thể của Đức Chúa Trời, trong khi Sa-tan chỉ đơn thuần là đối tượng của sự hủy diệt, là kẻ thù. Người có thể cảm thấy rằng mình đã không làm gì cả, nhưng bởi vì những thay đổi trong tâm tính của người, nên lời chứng đã được sinh ra, và lời chứng này nhằm vào Sa-tan và không được đưa ra cho con người. Con người không phù hợp để được hưởng một lời chứng như thế. Làm sao họ có thể hiểu được công tác do Đức Chúa Trời thực hiện? Đối tượng trong cuộc chiến của Đức Chúa Trời là Sa-tan; trong khi đó, con người chỉ là đối tượng của sự cứu rỗi. Con người có những tâm tính Sa-tan bại hoại, và không có khả năng hiểu được công tác này. Điều này là do sự bại hoại của Sa-tan và không phải vốn có trong con người, mà bị giết dây bởi Sa-tan. Hôm nay, công tác chính của Đức Chúa

Trời là đánh bại Sa-tan, nghĩa là, hoàn toàn chinh phục con người, để con người có thể mang chứng ngôn cuối cùng về Đức Chúa Trời trước Sa-tan. Bằng cách này, mọi việc sẽ được thành toàn. Trong nhiều trường hợp, với mắt thường của người thì có vẻ như không có gì được thực hiện, nhưng trên thực tế, công việc đã được hoàn tất. Con người đòi hỏi tất cả công tác hoàn tất đều có thể nhìn thấy được, thế nhưng, không để cho người thấy được nó, Ta đã hoàn tất công tác của Ta, bởi Sa-tan đã quy phục, điều đó có nghĩa rằng nó đã hoàn toàn bị đánh bại, rằng tất cả sự khôn ngoan, quyền năng và thẩm quyền của Đức Chúa Trời đã đánh bại Sa-tan. Đây chính là lời chứng phải được đưa ra, và mặc dù không có biểu hiện rõ ràng trong con người, mặc dù mắt thường không thể nhìn thấy, nhưng Sa-tan đã bị đánh bại. Toàn bộ công tác này là nhằm chống lại Sa-tan, và được thực hiện vì cuộc chiến với Sa-tan. Và vì vậy, có nhiều điều con người không thấy là đã thành công, nhưng trong mắt Đức Chúa Trời, thì chúng đã thành công từ lâu. Đây là một trong những sự thật bên trong tất cả mọi công tác của Đức Chúa Trời.

Một khi Sa-tan đã bị đánh bại, có nghĩa là, một khi con người đã được chinh phục hoàn toàn, thì con người sẽ hiểu được rằng toàn bộ công tác này là vì mục đích của sự cứu rỗi, và rằng phương cách của sự cứu rỗi này là giành lại từ tay của Sa-tan. Công tác quản lý 6.000 năm của Đức Chúa Trời được chia thành ba giai đoạn: Thời đại Luật pháp, Thời đại Ân điển, và Thời đại Vương quốc. Tất cả ba giai đoạn công tác này đều vì mục đích cứu rỗi nhân loại, nghĩa là, chúng vì sự cứu rỗi nhân loại đã bị bại hoại nghiêm trọng bởi Sa-tan. Tuy nhiên, đồng thời, chúng cũng là để Đức Chúa Trời có thể chiến đấu với Sa-tan. Như thế, giống như công tác cứu rỗi được chia làm ba giai đoạn, thì trận chiến với Sa-tan cũng được chia làm ba giai đoạn, và hai khía cạnh này trong công tác của Đức Chúa Trời được tiến hành đồng thời. Cuộc chiến với Sa-ta thực ra là vì mục đích cứu rỗi nhân loại, và bởi vì công tác cứu rỗi nhân loại không phải là việc có thể được hoàn thành một cách thành công trong một giai đoạn đơn lẻ, nên cuộc chiến với Sa-tan cũng được chia thành những giai đoạn và thời kỳ, và chiến tranh được tiến hành với Sa-tan phù hợp với nhu cầu của con người và mức độ Sa-tan làm cho họ trở nên bại hoại. Có lẽ, trong trí tưởng tượng của con người, họ tin rằng trong cuộc chiến này Đức Chúa Trời sẽ cầm vũ khí nghênh chiến với Sa-tan, tương tự như cách mà hai đội quân sẽ giao chiến với nhau. Đây chỉ là điều mà trí năng của con người có thể tưởng tượng ra, và là một ý tưởng cực kỳ mơ hồ và không thực tế, tuy nhiên đó chính là điều mà con người tin tưởng. Và bởi vì Ta phán ở đây rằng phương cách cứu rỗi con người là thông qua cuộc chiến với Sa-tan, nên con người tưởng rằng đây là cách cuộc chiến được tiến hành. Có ba giai đoạn trong công tác cứu rỗi con người, điều đó có nghĩa là cuộc chiến với

Sa-tan đã được chia làm ba giai đoạn để đánh bại Sa-tan một lần và mãi mãi. Tuy nhiên sự thật bên trong của toàn bộ công cuộc chiến đấu với Sa-tan chính là những hiệu quả đạt được thông qua vài bước công tác: ban ân điển cho con người, trở thành của lễ chuộc tội cho con người, tha thứ tội lỗi của con người, chinh phục con người, và làm cho con người hoàn thiện. Thực tế là, cuộc chiến với Sa-tan không phải là việc cầm vũ khí chống lại Sa-tan, mà là sự cứu rỗi con người, làm việc sự sống của con người, và thay đổi tâm tính con người để họ có thể làm chứng về Đức Chúa Trời. Đây là cách mà Sa-tan bị đánh bại. Sa-tan bị đánh bại thông qua việc thay đổi tâm tính bại hoại của con người. Khi Sa-tan đã bị đánh bại, nghĩa là, khi con người đã hoàn toàn được cứu rỗi, thì Sa-tan nhục nhã sẽ bị trói buộc hoàn toàn, và bằng cách này, con người sẽ được cứu rỗi hoàn toàn. Và vì thế, thực chất của sự cứu rỗi con người là cuộc chiến với Sa-tan, và trận chiến này chủ yếu được phản ánh trong sự cứu rỗi con người. Giai đoạn của thời kỳ sau rốt, khi đó con người sẽ được chinh phục, là giai đoạn cuối cùng trong cuộc chiến với Sa-tan, và đó cũng là công tác hoàn toàn cứu rỗi con người khỏi quyền hạn của Sa-tan. Ý nghĩa nội tại của sự chinh phục con người là hiện thân của Sa-tan – con người đã bị Sa-tan làm cho tha hóa – trở lại với Đấng Tạo Hóa sau sự chinh phục của Ngài, qua đó họ sẽ phản bội Sa-tan và hoàn toàn trở về với Đức Chúa Trời. Bằng cách này, con người sẽ được cứu rỗi hoàn toàn. Và vì vậy, công tác chinh phục là công tác cuối cùng trong cuộc chiến chống lại Sa-tan, và là giai đoạn cuối cùng trong sự quản lý của Đức Chúa Trời vì mục đích đánh bại Sa-tan. Nếu không có công tác này, thì việc cứu rỗi con người một cách trọn vẹn cuối cùng sẽ không thể thực hiện được, sự thất bại hoàn toàn của Sa-tan cũng bất khả thi, và nhân loại sẽ không bao giờ có thể bước vào một đích đến tuyệt vời, hoặc thoát khỏi ảnh hưởng của Sa-tan. Hậu quả là công tác cứu rỗi con người không thể được kết thúc trước khi cuộc chiến với Sa-tan được kết thúc, bởi cốt lõi công tác quản lý của Đức Chúa Trời là vì mục đích cứu rỗi nhân loại. Loài người nguyên thủy đầu tiên đã ở trong tay Đức Chúa Trời, nhưng vì sự cám dỗ và bại hoại của Sa-tan, mà con người bị Sa-tan trói buộc và rơi vào tay của kẻ ác. Vì thế, Sa-tan đã trở thành đối tượng bị đánh bại trong công tác quản lý của Đức Chúa Trời. Bởi vì Sa-tan chiếm hữu con người, và bởi vì con người là vốn liếng mà Đức Chúa Trời sử dụng để thực hiện toàn bộ sự quản lý, nên nếu muốn cứu được con người, thì phải giật họ ra khỏi tay của Sa-tan, nghĩa là, con người phải được giành lại sau khi đã bị Sa-tan bắt giữ. Như thế, Sa-tan phải bị đánh bại thông qua những sự thay đổi trong tâm tính cũ của con người, những thay đổi khôi phục lại ý thức lý trí ban đầu của con người. Bằng cách này, con người, những người đã bị bắt giữ, có thể được giật lại từ tay của Sa-tan. Nếu con người được giải phóng

khỏi ảnh hưởng và sự trói buộc của Sa-tan, thì Sa-tan sẽ bị nhục nhã, cuối cùng con người sẽ được giành lại, và Sa-tan sẽ bị đánh bại. Và bởi vì con người đã được giải phóng khỏi ảnh hưởng đen tối của Sa-tan, nên con người sẽ trở thành những chiến lợi phẩm trong toàn bộ cuộc chiến này, và Sa-tan sẽ trở thành đối tượng bị trừng phạt một khi cuộc chiến này kết thúc, mà sau đó toàn bộ công tác cứu rỗi loài người sẽ được hoàn tất.

Đức Chúa Trời không có ác ý đối với các vật thọ tạo mà chỉ muốn đánh bại Sa-tan. Toàn bộ công tác của Ngài – dù là hình phạt hay sự phán xét – thì đều nhằm vào Sa-tan; nó được thực hiện vì mục đích cứu rỗi nhân loại, tất cả là để đánh bại Sa-tan, và nó có một mục tiêu: chiến đấu với Sa-tan đến tận cùng! Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ nghỉ ngơi cho đến khi Ngài chiến thắng được Sa-tan! Ngài sẽ chỉ nghỉ ngơi một khi Ngài đã đánh bại Sa-tan. Bởi vì tất cả các công tác do Đức Chúa Trời thực hiện đều nhằm vào Sa-tan, và bởi vì những ai đã bị Sa-tan làm bại hoại đều bị kiểm soát dưới quyền của Sa-tan và tất cả đều sống dưới quyền của Sa-tan, nếu không chiến đấu chống lại Sa-tan và đánh tan nó, thì Sa-tan sẽ không rời lỏng sự kìm giữ với những con người này, và họ không thể được thu phục. Nếu họ không được thu phục, điều đó chứng minh rằng Sa-tan chưa bị đánh bại, rằng nó chưa bị chế ngự. Và vì vậy, trong kế hoạch quản lý 6.000 năm của Đức Chúa Trời, trong suốt giai đoạn đầu tiên Ngài đã thực hiện công tác về luật pháp, trong suốt giai đoạn thứ nhì Ngài đã thực hiện công tác của Thời đại Ân điển, nghĩa là, công tác chịu đóng đinh trên thập tự, và trong suốt giai đoạn thứ ba, Ngài thực hiện công tác chinh phục nhân loại. Tất cả các công tác này đều nhằm vào mục đích đánh bại Sa-tan đã làm bại hoại loài người, tất cả là để đánh bại Sa-tan, và từng giai đoạn một đều vì mục đích đánh bại Sa-tan. Thực chất của công tác quản lý 6.000 năm của Đức Chúa Trời là cuộc chiến chống lại con rồng lớn sắc đỏ, và công tác quản lý loài người cũng là công tác đánh bại Sa-tan, và công tác chiến đấu với Sa-tan. Đức Chúa Trời đã chiến đấu trong 6.000 năm, và như thế đã làm việc trong 6.000 năm, để cuối cùng mang con người vào một cõi mới. Khi Sa-tan bị đánh bại, con người sẽ hoàn toàn được giải thoát. Chẳng phải đây là hướng trong công tác ngày hôm nay của Đức Chúa Trời sao? Đây chính là hướng công tác của ngày hôm nay: sự giải thoát và giải phóng hoàn toàn con người, để họ không phải chịu bất kỳ phép tắc nào, mà cũng không bị giới hạn bởi bất kỳ sự ràng buộc hoặc hạn chế nào. Tất cả công tác này đều được thực hiện phù hợp với vóc giạc của các người và phù hợp với nhu cầu của các người, nghĩa là các người được giao cho bất cứ thứ gì mà các người có thể hoàn thành được. Đó không phải là việc “lùa vịt lên cây”, là việc áp đặt bất cứ việc gì cho các người; thay vào đó, tất cả công tác này được thực hiện phù hợp với nhu cầu thực tế của các

người. Mỗi giai đoạn công tác đều được thực hiện phù hợp với nhu cầu và yêu cầu thực tế của con người, và vì mục đích đánh bại Sa-tan. Trên thực tế, lúc ban đầu không có rào cản nào giữa Đấng Tạo Hóa và các tạo vật của Ngài. Tất cả những rào cản này đều do Sa-tan gây ra. Con người đã trở nên không thể thấy hoặc chạm vào bất kỳ thứ gì vì cách Sa-tan đã quấy rầy và làm bại hoại họ. Con người là nạn nhân, là kẻ đã bị lừa. Một khi Sa-tan đã bị đánh bại, thì các loài thọ tạo sẽ thấy được Đấng Tạo Hóa, và Đấng Tạo Hóa sẽ dõi theo các loài thọ tạo và có thể đích thân dẫn dắt họ. Đây mới là đời sống mà con người nên có trên đất. Và vì vậy, công tác của Đức Chúa Trời chủ yếu là để đánh bại Sa-tan, và một khi Sa-tan đã bị đánh bại, thì mọi thứ sẽ được giải quyết. Hôm nay, người đã thấy rằng không phải là vấn đề đơn giản để Đức Chúa Trời đến giữa con người. Ngài không đến để mỗi ngày bới móc lỗi lầm của các người, để phán điều này điều nọ, hoặc chỉ để cho các người thấy Ngài trông như thế nào, Ngài phán và sống ra sao. Đức Chúa Trời đã không trở nên xác thịt chỉ để cho các người quan sát Ngài, hoặc để mở mắt các người, hoặc để cho các người nghe thấy những lẽ mầu nhiệm mà Ngài đã phán dạy và bày cái ẩn mà Ngài đã mở ra. Đúng hơn, Ngài đã trở nên xác thịt để đánh bại Sa-tan. Ngài đã đích thân đến giữa con người trong xác thịt để cứu con người và để chiến đấu với Sa-tan, và đây là ý nghĩa của sự nhập thể của Ngài. Nếu không phải là để đánh bại Sa-tan, thì Ngài đã không đích thân làm công tác này. Đức Chúa Trời đã đến thế gian để làm công tác của Ngài giữa con người, để đích thân mặc khải chính Ngài cho con người và để cho con người thấy được Ngài; liệu đây có phải là một chuyện nhỏ nhặt không? Điều này thực sự không đơn giản! Không như là con người tưởng tượng rằng Đức Chúa Trời đến để con người có thể quan sát Ngài, để con người có thể hiểu được rằng Đức Chúa Trời có thật và không mơ hồ hoặc sáo rỗng, và rằng Đức Chúa Trời cao cả nhưng cũng khiêm nhường. Có thể nào đơn giản thế không? Chính vì Sa-tan đã làm bại hoại xác thịt của con người, và con người là đối tượng mà Đức Chúa Trời dự định cứu rỗi, nên Đức Chúa Trời phải mặc lấy xác thịt để chiến đấu với Sa-tan và để đích thân chặn dắt con người. Chỉ điều này là có lợi cho công tác của Ngài. Hai xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời đã tồn tại để đánh bại Sa-tan, và cũng đã tồn tại để cứu rỗi con người cách tốt hơn. Đó là vì người chiến đấu với Sa-tan chỉ có thể là Đức Chúa Trời, dù đó là Thần của Đức Chúa Trời hoặc là xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời. Tóm lại, người chiến đấu với Sa-tan không thể là các thiên sứ, càng không thể là con người, những kẻ đã bị Sa-tan làm cho bại hoại. Các thiên sứ không có quyền năng để làm điều đó, và con người thậm chí còn bất lực hơn nữa. Như vậy, nếu Đức Chúa Trời muốn làm việc sự sống của con người, nếu Ngài muốn đích thân đến thế gian để cứu rỗi con người, thì Ngài phải đích thân trở nên xác thịt, nghĩa

là, Ngài phải đích thân mặc lấy xác thịt, và với thân phận vốn có của Ngài và công tác mà Ngài phải làm, đến giữa con người và đích thân cứu rỗi con người. Nếu không, nếu là Thần của Đức Chúa Trời hoặc con người thực hiện công tác này, thì cuộc chiến này sẽ chẳng bao giờ đi đến đâu, và nó sẽ không bao giờ kết thúc. Chỉ khi Đức Chúa Trời trở nên xác thịt để đích thân chiến đấu chống lại Sa-tan giữa con người thì con người mới có cơ hội được cứu rỗi. Hơn nữa, chỉ khi đó thì Sa-tan mới bị hổ thẹn, và không còn bất kỳ cơ hội nào để lợi dụng hoặc còn bất kỳ kế hoạch nào để thực hiện. Công tác do Đức Chúa Trời nhập thể thực hiện không thể đạt được bởi Thần của Đức Chúa Trời, và càng không có khả năng được thực hiện bởi bất kỳ con người xác thịt nào thay cho Đức Chúa Trời, bởi công tác mà Ngài làm là vì sự sống của con người, và để thay đổi tâm tính bại hoại của con người. Nếu con người phải tham gia vào cuộc chiến này, họ sẽ chỉ còn cách là tháo chạy cách thiếu não, và đơn giản là không có khả năng thay đổi tâm tính bại hoại của mình. Họ sẽ không có khả năng cứu rỗi con người từ thập tự giá, hoặc chinh phục toàn nhân loại phản nghịch, mà chỉ có thể làm ít công việc cũ kỹ không vượt quá các nguyên tắc, hoặc là công việc không liên quan đến việc đánh bại Sa-tan. Vậy thì tại sao phải bận lòng? Công tác mà không thể thu phục nhân loại, càng không thể đánh bại Sa-tan thì có ý nghĩa gì? Và vì vậy, cuộc chiến với Sa-tan chỉ có thể được thực hiện bởi chính Đức Chúa Trời, và đơn giản là con người không thể thực hiện được. Bản phận của con người là vâng lời và làm theo, bởi con người không thể làm công việc tương tự như khai thiên lập địa, hơn nữa, cũng không thể thực hiện công việc chiến đấu với Sa-tan. Con người chỉ có thể làm thỏa lòng Đấng Tạo Hóa dưới sự dẫn dắt của chính Đức Chúa Trời, qua đó Sa-tan bị đánh bại; đây là việc duy nhất mà con người có thể làm. Và vì thế, mỗi khi một trận chiến mới bắt đầu, điều đó có nghĩa là, mỗi khi công tác trong thời đại mới bắt đầu, thì công tác này được chính Đức Chúa Trời đích thân thực hiện, qua đó Ngài dẫn dắt toàn bộ thời đại, và mở ra một con đường mới cho toàn nhân loại. Buổi bình minh của mỗi thời đại mới là một sự khởi đầu mới trong cuộc chiến với Sa-tan, qua đó con người bước vào một cõi mới hơn, tươi đẹp hơn, và một thời đại mới được chính Đức Chúa Trời đích thân dẫn dắt. Con người là chủ của muôn vật, nhưng những ai đã được thu phục sẽ trở thành thành quả trong mọi cuộc chiến với Sa-tan. Sa-tan là kẻ làm cho muôn vật bị bại hoại, là kẻ bại trận khi mọi cuộc chiến kết thúc, và cũng là kẻ sẽ bị trừng phạt sau những cuộc chiến này. Giữa Đức Chúa Trời, con người và Sa-tan, chỉ mình Sa-tan là kẻ bị khinh ghét và loại bỏ. Trong khi đó, những ai đã bị Sa-tan đoạt được nhưng không được Đức Chúa Trời giành lại, thì trở thành những kẻ sẽ nhận trừng phạt thay cho Sa-tan. Trong ba bản thể này, chỉ có Đức Chúa Trời đáng được thờ phượng bởi muôn vật. Trong khi

đó, những ai đã bị Sa-tan làm cho bại hoại nhưng được Đức Chúa Trời giành lại và đi theo con đường Đức Chúa Trời, lại trở thành những người sẽ nhận được lời hứa của Đức Chúa Trời và phán xét những kẻ ác cho Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ chiến thắng và Sa-tan chắc chắn sẽ bị đánh bại, tuy nhiên trong loài người thì có những người sẽ thắng và có những người sẽ thua. Những ai thắng sẽ thuộc về người đắc thắng, còn những ai thua sẽ thuộc về kẻ thất bại; đây là sự phân chia từng người theo loại, là sự kết thúc cuối toàn bộ công tác của Đức Chúa Trời. Nó cũng là mục tiêu trong tất cả công tác của Đức Chúa Trời, và sẽ không bao giờ thay đổi. Cốt lõi của công tác chính trong kế hoạch quản lý của Đức Chúa Trời tập trung vào sự cứu rỗi con người, và Đức Chúa Trời trở nên xác thịt chủ yếu vì cốt lõi này, vì công tác này, và để đánh bại Sa-tan. Lần đầu tiên Đức Chúa Trời trở nên xác thịt cũng là để đánh bại Sa-tan: Ngài đã đích thân trở nên xác thịt, và đích thân chịu đóng đinh lên thập tự, để hoàn thành công tác trong cuộc chiến đầu tiên, đó là công tác cứu chuộc loài người. Tương tự như vậy, giai đoạn công tác này cũng được thực hiện bởi đích thân Đức Chúa Trời, Đấng đã trở nên xác thịt để làm công tác của Ngài giữa con người, để đích thân phán lời Ngài và để cho con người nhìn thấy Ngài. Tất nhiên, không thể tránh khỏi việc Ngài cũng thực hiện một vài công việc khác trong suốt quá trình, nhưng lý do chính Ngài đích thân thực hiện công tác của Ngài là để đánh bại Sa-tan, để chinh phục toàn thể nhân loại, và để thu phục những con người này. Và vì vậy, công tác của sự nhập thể của Đức Chúa Trời thật sự không đơn giản. Nếu mục đích của Ngài chỉ là cho con người thấy rằng Đức Chúa Trời khiêm nhường và ẩn giấu, và rằng Đức Chúa Trời là có thật, nếu chỉ vì làm việc này, thì đã không cần phải trở nên xác thịt. Ngay cả khi Đức Chúa Trời không trở nên xác thịt, thì Ngài vẫn có thể mặc khải trực tiếp cho con người sự khiêm nhường và ẩn giấu của Ngài, sự vĩ đại và thánh khiết của Ngài, nhưng những điều như thế không liên quan gì đến công tác quản lý nhân loại. Chúng không có khả năng cứu rỗi con người hoặc làm cho họ trọn vẹn, lại càng không thể đánh bại Sa-tan. Nếu việc đánh bại Sa-tan chỉ liên quan đến việc Thần chiến đấu với một linh, thì công việc như thế càng có ít giá trị thực tế hơn; nó sẽ không có khả năng thu phục con người và sẽ hủy hoại số phận và những triển vọng của con người. Như vậy, công tác của Đức Chúa Trời ngày hôm nay có ý nghĩa sâu sắc. Nó không chỉ để con người có thể nhìn thấy Ngài, hoặc để mắt con người có thể được mở ra, hoặc để ban cho họ chút cảm giác của cảm động và được khích lệ; công việc như thế không có ý nghĩa. Nếu người chỉ có thể nói về loại kiến thức này, thì điều đó chứng tỏ rằng người không biết ý nghĩa thực sự trong sự nhập thể của Đức Chúa Trời.

Công tác trong toàn bộ kế hoạch quản lý của Đức Chúa Trời được chính Đức

Chúa Trời đích thân thực hiện. Giai đoạn đầu tiên – cuộc sáng thế – đã được đích thân chính Đức Chúa Trời thực hiện, và nếu không phải vậy, thì đã không ai có thể tạo nên loài người; giai đoạn thứ nhì là việc cứu chuộc toàn thể loài người, và nó cũng đã được chính Đức Chúa Trời đích thân thực hiện; giai đoạn thứ ba thì không cần phải nói: Có một nhu cầu thậm chí còn lớn hơn để chính Đức Chúa Trời làm công việc kết thúc tất cả các công tác của Ngài. Công tác cứu chuộc, chinh phục, thu phục và hoàn thiện toàn thể nhân loại đều được chính Đức Chúa Trời đích thân thực hiện. Nếu Ngài không đích thân thực hiện công tác này, thì con người không thể đại diện cho thân phận của Ngài, và cũng không thể thực hiện công tác của Ngài. Để đánh bại Sa-tan, để thu phục nhân loại, và để ban cho con người một đời sống bình thường trên đất, đích thân Ngài dẫn dắt con người và làm việc giữa con người; vì lợi ích của toàn bộ kế hoạch quản lý của Ngài, và vì tất cả công tác của Ngài, Ngài phải đích thân thực hiện công tác này. Nếu con người chỉ tin rằng Đức Chúa Trời đến để họ có thể nhìn thấy và làm cho họ vui, thì những niềm tin như thế không có giá trị, chúng không có ý nghĩa gì. Sự hiểu biết của con người quá hời hợt! Chỉ bằng cách tự mình thực hiện thì Đức Chúa Trời mới có thể làm công tác này một cách triệt để và trọn vẹn. Con người không có khả năng làm việc đó thay cho Đức Chúa Trời. Vì họ không có thân phận của Đức Chúa Trời hay thực chất của Ngài, nên họ không có khả năng làm công tác của Đức Chúa Trời, và ngay cả khi con người có làm, nó sẽ không có bất kỳ hiệu quả nào. Lần đầu tiên Đức Chúa Trời trở nên xác thịt là vì mục đích cứu chuộc, để cứu chuộc toàn thể nhân loại khỏi tội lỗi, để khiến con người có thể được làm cho thanh sạch và tội lỗi của họ được tha thứ. Công tác chinh phục cũng được Đức Chúa Trời đích thân thực hiện giữa con người. Nếu trong suốt giai đoạn này Đức Chúa Trời chỉ nói tiên tri, thì có thể tìm được một nhà tiên tri hoặc một người nào đó có năng khiếu để thay thế vị trí của Ngài; nếu chỉ nói lời tiên tri, thì con người có thể thay thế cho Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, nếu con người cố gắng đích thân làm công việc của chính Đức Chúa Trời và cố gắng làm việc sự sống của con người, thì họ không thể làm được công việc này. Nó phải được chính Đức Chúa Trời đích thân thực hiện: Đức Chúa Trời phải đích thân trở nên xác thịt để thực hiện công tác này. Trong Thời đại của Lời, nếu chỉ nói tiên tri, thì có thể tìm tiên tri Ê-sai hoặc Ê-li để làm công tác này, và không cần chính Đức Chúa Trời đích thân thực hiện nó. Bởi vì công tác được thực hiện trong giai đoạn này không đơn thuần chỉ là nói tiên tri, và bởi vì điều quan trọng hơn là công tác của lời được dùng để chinh phục con người và đánh bại Sa-tan, nên công tác này không thể được thực hiện bởi con người, mà phải được chính Đức Chúa Trời đích thân thực hiện. Trong Thời đại Luật pháp, Đức Giê-hô-va đã thực hiện một phần công tác của Ngài, sau đó Ngài phán dạy một

vài lời và làm một vài công tác qua các tiên tri. Đó là vì con người đã có thể thay thế Đức Giê-hô-va làm công tác của Ngài, và các đấng tiên kiến có thể tiên báo nhiều điều và giải thích một vài giấc mơ thay cho Ngài. Công tác đã được thực hiện lúc ban đầu không phải là công tác trực tiếp thay đổi tâm tính của con người, và không liên quan đến tội lỗi của con người, và con người chỉ cần phải tuân theo luật pháp. Vì thế Đức Giê-hô-va đã không trở nên xác thịt và mặc khải chính Ngài cho con người; thay vào đó Ngài đã phán trực tiếp với Mô-i-sê và những người khác, khiến họ nói và làm việc thay mặt Ngài, và khiến họ làm việc trực tiếp giữa nhân loại. Giai đoạn đầu tiên trong công tác của Đức Chúa Trời là việc dẫn dắt con người. Nó là khởi đầu của cuộc chiến với Sa-tan, nhưng cuộc chiến này đã chưa chính thức bắt đầu. Trận chiến chính thức với Sa-tan đã bắt đầu với sự nhập thể đầu tiên của Đức Chúa Trời, và nó vẫn tiếp tục cho đến ngày hôm nay. Trận chiến đầu tiên của cuộc chiến này là khi Đức Chúa Trời nhập thể chịu đóng đinh lên thập tự giá. Sự đóng đinh của Đức Chúa Trời nhập thể đã đánh bại Sa-tan, và đó là giai đoạn thành công đầu tiên trong cuộc chiến. Khi Đức Chúa Trời nhập thể bắt đầu trực tiếp làm việc sự sống của con người, thì đây là sự khởi đầu chính thức trong công tác giành lại con người, và bởi vì đây là công tác thay đổi tâm tính cũ của con người, nên nó là công tác chiến đấu với Sa-tan. Giai đoạn công tác được thực hiện bởi Đức Giê-hô-va lúc ban đầu chỉ đơn thuần là việc dẫn dắt đời sống con người trên đất. Đó là sự khởi đầu trong công tác của Đức Chúa Trời, và mặc dù nó chưa liên quan gì đến bất kỳ cuộc chiến nào, hoặc bất kỳ công tác chính nào, nhưng nó đã đặt nền tảng cho công tác trong cuộc chiến sắp tới. Sau đó, giai đoạn công tác thứ nhì trong suốt Thời đại Ân điển liên quan đến việc thay đổi tâm tính cũ của con người, điều đó có nghĩa là chính Đức Chúa Trời đã làm việc sự sống của con người. Điều này phải được đích thân Đức Chúa Trời thực hiện: Nó đòi hỏi Đức Chúa Trời đích thân trở nên xác thịt. Nếu Ngài đã không trở nên xác thịt, thì không ai khác có thể thay thế Ngài trong giai đoạn công tác này, bởi nó đại diện công tác chiến đấu trực tiếp chống lại Sa-tan. Nếu con người thay mặt cho Đức Chúa Trời thực hiện công tác này, thì khi con người đứng trước Sa-tan, Sa-tan sẽ không quy phục và cũng sẽ không thể bị đánh bại. Phải là Đức Chúa Trời nhập thể đến để đánh bại nó, vì thực chất của Đức Chúa Trời nhập thể vẫn là Đức Chúa Trời, Ngài vẫn là sự sống của con người, và Ngài vẫn là Đấng Tạo Hóa; bất cứ điều gì xảy ra, thì thân phận và thực chất của Ngài cũng sẽ không thay đổi. Và vì thế, Ngài đã mặc lấy xác thịt và làm công việc khiến cho Sa-tan hoàn toàn quy phục. Trong giai đoạn công tác của thời kỳ sau rốt, nếu con người làm công tác này và bị buộc phải phán lời một cách trực tiếp, thì họ sẽ không thể phán chúng được, và nếu các lời tiên tri được phán ra, thì các lời tiên tri này sẽ không

có khả năng chinh phục con người. Bằng cách mặc lấy xác thịt, Đức Chúa Trời đến để đánh bại Sa-tan và khiến nó quy phục hoàn toàn. Khi Ngài hoàn toàn đánh bại Sa-tan, chinh phục trọn vẹn con người, và hoàn toàn thu phục con người, thì giai đoạn công tác này sẽ được hoàn tất và đạt được thành toại. Trong sự quản lý của Đức Chúa Trời, con người không thể làm thay cho Đức Chúa Trời. Cụ thể là, công tác dẫn dắt thời đại và khởi đầu công tác mới càng cần phải được chính Đức Chúa Trời đích thân thực hiện. Việc ban sự mặc khải cho con người và ban cho họ các lời tiên tri có thể được thực hiện bởi con người, nhưng nếu là công việc phải được Đức Chúa Trời đích thân thực hiện, công việc trong cuộc chiến giữa chính Đức Chúa Trời và Sa-tan, thì công việc này không thể thực hiện bởi con người. Trong giai đoạn công tác đầu tiên, khi không có cuộc chiến nào với Sa-tan, thì Đức Giê-hô-va đã đích thân dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên, sử dụng các lời tiên tri được nói ra bởi các nhà tiên tri. Sau đó, giai đoạn công tác thứ nhì là cuộc chiến với Sa-tan, và chính Đức Chúa Trời đã đích thân trở nên xác thịt và nhập vào xác thịt để thực hiện công tác này. Những gì liên quan đến cuộc chiến với Sa-tan cũng liên quan đến sự nhập thể của Đức Chúa Trời, điều đó có nghĩa rằng cuộc chiến này không thể do con người khởi xướng. Nếu con người phải tham gia cuộc chiến, họ sẽ không có khả năng đánh bại Sa-tan. Làm sao họ có thể có đủ sức để đánh lại nó trong khi vẫn ở dưới quyền của nó? Con người ở vị trí lưng chừng: Nếu người nghiêng về phía Sa-tan thì người thuộc về Sa-tan, nhưng nếu người làm đẹp lòng Đức Chúa Trời thì người thuộc về Đức Chúa Trời. Nếu con người cố gắng và làm thay cho Đức Chúa Trời trong cuộc chiến này, liệu họ có thể làm được không? Nếu họ làm, chẳng phải họ đã diệt mất từ lâu rồi sao? Chẳng phải họ đã bước vào cõi âm ty từ lâu rồi sao? Vì thế, con người không thể thay Đức Chúa Trời làm công tác của Ngài, điều đó có nghĩa là con người không có thực chất của Đức Chúa Trời, và nếu người chiến đấu với Sa-tan thì người sẽ không có khả năng đánh bại nó. Con người chỉ có thể làm được một vài việc; họ có thể lôi kéo được một vài người, nhưng họ không thể làm thay cho Đức Chúa Trời trong công tác của chính Đức Chúa Trời. Làm sao con người có thể chiến đấu với Sa-tan? Sa-tan sẽ bắt giữ người thậm chí trước khi người bắt đầu. Chỉ khi chính Đức Chúa Trời chiến đấu với Sa-tan và con người làm theo và vâng lời Đức Chúa Trời dựa trên cơ sở này, thì con người mới có thể được Đức Chúa Trời thu phục và thoát khỏi sự trói buộc của Sa-tan. Những điều mà con người có thể đạt được bởi sự khôn ngoan và khả năng của mình thì quá hạn chế: họ không có khả năng trong việc làm cho con người trọn vẹn, trong việc dẫn dắt họ, và hơn thế nữa, trong việc đánh bại Sa-tan. Trí thông minh và sự khôn ngoan của con người không thể ngăn trở các âm mưu của Sa-tan, vậy thì làm sao họ có thể chiến đấu với nó?

Tất cả những ai muốn được trở nên hoàn thiện đều có cơ hội được làm cho hoàn thiện, vì thế mọi người cần phải bình tĩnh: Trong tương lai tất cả các người sẽ bước vào đích đến. Nhưng nếu người không muốn được trở nên hoàn thiện, và không muốn bước vào một cõi tuyệt vời, thì đó là vấn đề của riêng người. Tất cả những ai muốn được trở nên hoàn thiện và trung thành với Đức Chúa Trời, tất cả những ai vâng lời, và tất cả những ai trung tín thực hiện nhiệm vụ của mình – tất cả những người như thế đều có thể được trở nên hoàn thiện. Hôm nay, tất cả những ai không thực hiện bổn phận của mình một cách trung thành, tất cả những ai không trung thành với Đức Chúa Trời, tất cả những ai không đầu phục Đức Chúa Trời, đặc biệt là những ai đã nhận được sự khai sáng và soi sáng của Đức Thánh Linh nhưng không đưa nó vào thực hành – tất cả những người như thế đều không thể được trở nên hoàn thiện. Tất cả những ai sẵn sàng trung thành và vâng lời Đức Chúa Trời đều có thể được trở nên hoàn thiện, ngay cả khi họ có chút ít ngu dốt; tất cả những ai sẵn sàng theo đuổi đều có thể được trở nên hoàn thiện. Không cần phải lo lắng về điều này. Chừng nào mà người còn sẵn sàng theo đuổi theo hướng này, thì người có thể được trở nên hoàn thiện. Ta không muốn từ bỏ hoặc loại bỏ bất kỳ ai trong số các người, nhưng nếu con người không nỗ lực để làm cho tốt, thì người chỉ đang hủy hoại chính mình; không phải Ta loại bỏ người, mà là chính người. Nếu bản thân người không nỗ lực để làm cho tốt – nếu người biếng nhác, hoặc không thực hiện bổn phận của mình, hoặc không trung thành, hoặc không theo đuổi lẽ thật và luôn luôn làm theo ý mình, nếu người hành xử khinh suất, đấu tranh vì danh tiếng và của cải của riêng mình, và đối xử vô đạo đức với người khác giới, thì người sẽ chịu trách nhiệm về tội lỗi của chính mình; người không xứng đáng với lòng thương xót của bất kỳ ai. Ý định của Ta là để tất cả các người được trở nên hoàn thiện, và ít nhất cũng được chinh phục, để giai đoạn công tác này có thể được hoàn tất một cách thành công. Ước muốn của Đức Chúa Trời là mọi người đều được trở nên hoàn thiện, cuối cùng được Ngài thu phục, được Ngài làm cho thanh sạch hoàn toàn, và trở thành người Ngài yêu thương. Vấn đề không phải là Ta có phán rằng các người là người lạc hậu hoặc kém tố chất hay không – toàn bộ điều này là thực. Việc Ta phán điều này không chứng tỏ rằng Ta có ý định từ bỏ các người, rằng Ta đã mất hy vọng nơi các người, càng không phải là Ta không muốn cứu rỗi các người. Hôm nay Ta đã đến để làm công tác cứu rỗi các người, điều đó có nghĩa rằng công tác Ta làm là sự tiếp nối của công tác cứu rỗi. Mỗi người đều có cơ hội được trở nên hoàn thiện: Miễn là người sẵn lòng, miễn là người theo đuổi, thì cuối cùng người sẽ có thể đạt được kết quả này, và không một ai trong số các người sẽ bị từ bỏ. Nếu người có tố chất kém, thì Ta sẽ đưa ra những yêu cầu phù hợp với tố chất kém cõi của người; nếu

người là người có tố chất tốt, thì Ta sẽ đưa ra những yêu cầu phù hợp với tố chất tốt của người; nếu người ngu dốt và thất học, thì Ta sẽ đưa ra những yêu cầu phù hợp với sự thất học của người; nếu người là người có học, thì Ta sẽ đưa ra những yêu cầu phù hợp với việc người có học; nếu người là người cao tuổi, thì Ta sẽ đưa ra những yêu cầu phù hợp với tuổi tác của người; nếu người có khả năng về việc tỏ lòng hiếu khách, thì Ta sẽ đưa ra những yêu cầu cho người phù hợp với khả năng này, nếu người nói rằng người không thể tỏ lòng hiếu khách, và chỉ có thể thực hiện một nhiệm vụ nào đó, dù đó là việc truyền bá Phúc Âm, hoặc chăm sóc cho hội thánh, hoặc tham dự vào những công việc chung khác, thì Ta sẽ hoàn thiện người theo cách phù hợp với nhiệm vụ mà người thực hiện. Trung thành, vâng lời cho đến tận cùng, và theo đuổi để có tình yêu thương tốt bậc dành cho Đức Chúa Trời – đây là những điều người phải hoàn thành, và không có sự thực hành nào tốt hơn ba điều này. Cuối cùng, con người cần thiết phải đạt được ba điều này, và nếu họ có thể đạt được chúng thì họ sẽ được trở nên hoàn thiện. Nhưng, trên tất cả, người phải thực sự theo đuổi, người phải chủ động tiến tới và tiến lên, và đừng thụ động trong vấn đề đó. Ta đã phán rằng mọi người đều có cơ hội để được trở nên hoàn thiện, và có khả năng được trở nên hoàn thiện, và điều này đúng, nhưng nếu người không cố gắng để trở nên tốt hơn trong việc theo đuổi của mình, nếu người không đạt được ba tiêu chí này, thì cuối cùng người phải bị loại bỏ. Ta muốn mọi người bắt kịp, Ta muốn mọi người có được công tác và sự khai sáng của Đức Thánh Linh, và có thể vâng lời đến tận cuối cùng, bởi vì đây là bổn phận mà mỗi người các người nên thực hiện. Khi tất cả các người đều đã thực hiện bổn phận của mình, thì các người cũng đã được trở nên hoàn thiện, các người cũng sẽ có những lời chứng vang dội. Tất cả những ai có lời chứng đều là những người đã chiến thắng Sa-tan và có được lời hứa của Đức Chúa Trời, và họ là những người sẽ tiếp tục sống trong đích đến tuyệt vời.

Đức Chúa Trời và con người sẽ cùng bước vào sự nghỉ ngơi

Ban đầu, Đức Chúa Trời nghỉ ngơi. Khi đó, không có con người hoặc bất cứ thứ gì khác trên đất, và Đức Chúa Trời chưa thực hiện bất kỳ một công tác nào. Ngài chỉ bắt đầu công tác quản lý của Ngài khi loài người đã hiện hữu và sau khi loài người đã bị làm cho bại hoại; từ đó trở đi, Ngài không còn nghỉ ngơi nữa, mà thay vào đó bắt đầu bận rộn giữa loài người. Chính vì sự bại hoại của nhân loại mà Đức Chúa Trời không còn nghỉ ngơi, và cũng chính vì sự dấy nghịch của thiên sứ trưởng. Nếu Đức Chúa Trời không đánh bại Sa-tan và cứu rỗi nhân loại bại hoại, thì Ngài sẽ

không bao giờ có thể lại bước vào sự nghỉ ngơi nữa. Vì con người thiếu sự nghỉ ngơi, nên Đức Chúa Trời cũng vậy, và khi Ngài nghỉ ngơi một lần nữa, thì con người cũng sẽ như vậy. Sống trong sự nghỉ ngơi có nghĩa là một đời sống không có chiến tranh, không có sự nhơ nhớp và không có bất kỳ sự bất chính nào tồn tại. Điều này có nghĩa là, đó là một đời sống không có sự quấy rối của Sa-tan (ở đây “Sa-tan” ám chỉ các thế lực thù địch) và sự bại hoại của Sa-tan, mà nó cũng không có xu hướng bị xâm lấn bởi bất kỳ thế lực nào đối lập với Đức Chúa Trời; đó là một đời sống trong đó mọi thứ đều theo loài của mình và có thể thờ phượng Chúa của muôn loài thọ tạo, và trong đó trời đất hoàn toàn bình yên – đây là ý nghĩa của cụm từ “một đời sống nghỉ ngơi của con người”. Khi Đức Chúa Trời nghỉ ngơi, sự bất chính sẽ không còn tiếp tục tồn tại trên đất, cũng không còn bất kỳ sự xâm lấn nào của các thế lực thù địch, và loài người sẽ bước vào một cõi mới – không còn là một nhân loại bị Sa-tan làm cho bại hoại, mà là một nhân loại đã được cứu sau khi bị làm cho bại hoại bởi Sa-tan. Ngày nghỉ ngơi của nhân loại cũng là ngày nghỉ ngơi của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời mất đi sự nghỉ ngơi của Ngài do con người không có khả năng bước vào sự nghỉ ngơi; chứ không phải ban đầu Ngài đã không thể nghỉ ngơi. Bước vào sự nghỉ ngơi không có nghĩa là mọi thứ đều ngừng hoạt động hoặc ngừng phát triển, cũng không có nghĩa là Đức Chúa Trời ngừng làm việc hoặc con người ngừng sống. Dấu hiệu của việc bước vào sự nghỉ ngơi sẽ là khi Sa-tan bị hủy diệt, khi những kẻ ác tham gia vào những việc xấu xa của nó đều bị trừng phạt và loại bỏ và khi tất cả các thế lực thù địch với Đức Chúa Trời không còn tồn tại. Việc Đức Chúa Trời bước vào sự nghỉ ngơi có nghĩa là Ngài sẽ không còn thực hiện công tác cứu rỗi nhân loại của Ngài. Việc con người bước vào sự nghỉ ngơi có nghĩa là tất cả loài người đều sẽ sống trong sự sáng của Đức Chúa Trời và dưới các phước lành của Ngài, không có sự bại hoại của Sa-tan, và không còn sự bất chính nào xảy ra nữa. Dưới sự chăm sóc của Đức Chúa Trời, con người sẽ sống bình thường trên đất. Khi Đức Chúa Trời và loài người cùng bước vào sự nghỉ ngơi, điều đó có nghĩa rằng loài người đã được cứu và rằng Sa-tan đã bị hủy diệt, rằng công tác của Đức Chúa Trời trong con người đã hoàn thành toàn bộ. Đức Chúa Trời sẽ không còn tiếp tục làm việc trong con người, và họ sẽ không còn sống dưới quyền của Sa-tan. Như thế, Đức Chúa Trời sẽ không còn bận rộn, và con người sẽ không còn liên tục hoạt động; Đức Chúa Trời và loài người sẽ bước vào sự nghỉ ngơi cùng một lúc. Đức Chúa Trời sẽ trở về vị trí ban đầu của Ngài, và từng người sẽ trở về vị trí tương ứng của họ. Đây là những đích đến mà Đức Chúa Trời và con người sẽ trú ngụ một khi toàn bộ sự quản lý của Đức Chúa Trời được hoàn thành. Đức Chúa Trời có đích đến của Đức Chúa Trời, và loài người có đích đến của loài người. Trong khi nghỉ ngơi, Đức Chúa Trời sẽ tiếp

tục dẫn dắt tất cả mọi người trong cuộc sống của họ trên đất, và trong khi ở trong sự sáng của Ngài, họ sẽ thờ phượng Đức Chúa Trời chân thần duy nhất trên trời. Đức Chúa Trời sẽ không còn sống giữa loài người, con người cũng sẽ không thể sống với Đức Chúa Trời trong đích đến của Ngài. Đức Chúa Trời và con người không thể sống trong cùng một cõi; mà cả hai đều có cách sống riêng của mình. Đức Chúa Trời là Đấng dẫn dắt toàn thể nhân loại, và toàn thể nhân loại là sự kết tinh công tác quản lý của Đức Chúa Trời. Con người là những người được dẫn dắt, và không có cùng bản chất với Đức Chúa Trời. “Nghỉ ngơi” có nghĩa là trở về nơi ban đầu của một người. Do đó, khi Đức Chúa Trời bước vào sự nghỉ ngơi, nghĩa là Ngài đã trở về nơi ban đầu của Ngài. Ngài sẽ không còn sống trên đất hoặc ở giữa nhân loại để cùng chia sẻ niềm vui nỗi buồn với họ. Khi con người bước vào sự nghỉ ngơi, nghĩa là họ đã trở thành những đối tượng thực sự của cuộc sáng thế; họ sẽ thờ phượng Đức Chúa Trời từ dưới đất, và sống đời sống con người bình thường. Con người sẽ không còn bất tuân với Đức Chúa Trời hoặc chống đối Ngài, và sẽ trở về đời sống ban đầu của A-đam và Ê-va. Đây là những đời sống và đích đến tương ứng của Đức Chúa Trời và con người sau khi họ bước vào sự nghỉ ngơi. Thất bại của Sa-tan là một xu hướng tất yếu trong cuộc chiến giữa nó và Đức Chúa Trời. Vì thế, việc Đức Chúa Trời bước vào sự nghỉ ngơi sau khi hoàn tất công tác quản lý của Ngài, và việc nhân loại được cứu rỗi hoàn toàn và bước vào sự nghỉ ngơi cũng tương tự trở thành những xu hướng tất yếu. Nơi nghỉ ngơi của loài người là ở trên đất, và nơi nghỉ ngơi của Đức Chúa Trời là ở trên trời. Trong khi con người thờ phượng Đức Chúa Trời trong sự nghỉ ngơi, họ sẽ sống trên đất, và trong khi Đức Chúa Trời dẫn dắt phần nhân loại còn lại trong sự nghỉ ngơi, Ngài sẽ dẫn dắt họ từ trên trời, không phải từ dưới đất. Đức Chúa Trời sẽ vẫn là Thần, trong khi con người sẽ vẫn là xác thịt. Đức Chúa Trời lẫn con người đều nghỉ ngơi theo cách thức khác nhau. Trong khi Đức Chúa Trời nghỉ ngơi, Ngài sẽ đến và xuất hiện giữa con người; trong khi con người nghỉ ngơi, họ sẽ được Đức Chúa Trời dẫn đi thăm thiên đàng, cũng như tận hưởng cuộc sống nơi đó. Sau khi Đức Chúa Trời và loài người bước vào sự nghỉ ngơi, Sa-tan sẽ không còn tồn tại; tương tự như thế, những kẻ ác cũng sẽ không còn tồn tại. Trước khi Đức Chúa Trời và loài người nghỉ ngơi, những kẻ ác mà đã từng bắt bớ Đức Chúa Trời trên đất, cũng như những kẻ thù đã bất tuân với Ngài nơi đó, cũng đã bị hủy diệt; chúng cũng đã bị xóa sổ bởi những thảm họa khủng khiếp trong những ngày sau rốt. Một khi những kẻ ác đó đã hoàn toàn bị hủy diệt, thì trái đất sẽ không bao giờ biết đến sự quấy rối của Sa-tan nữa. Chỉ khi đó, loài người mới đạt được sự cứu rỗi hoàn toàn, và công tác của Đức Chúa Trời mới được hoàn thành một cách triệt để. Đây là những điều kiện tiên quyết để Đức Chúa Trời và loài người bước vào sự nghỉ ngơi.

Tiến đến sự kết thúc của muôn vật ngụ ý là sự hoàn tất công tác của Đức Chúa Trời, cũng như việc kết thúc sự phát triển của con người. Điều này có nghĩa rằng con người, vì đã bị Sa-tan làm cho bại hoại, cũng đã đạt đến giai đoạn cuối trong sự phát triển, và rằng con cháu của A-đam và Ê-va cũng đã hoàn thành việc sinh sôi nảy nở. Điều đó cũng có nghĩa là một nhân loại như thế, đã bị Sa-tan làm cho bại hoại, sẽ không thể tiếp tục phát triển. Ban đầu A-đam và Ê-va chưa bị làm cho bại hoại, nhưng A-đam và Ê-va, những người bị đuổi ra khỏi Vườn Địa Đàng, đã bị Sa-tan làm cho bại hoại. Khi Đức Chúa Trời và con người cùng bước vào sự nghỉ ngơi, thì A-đam và Ê-va – những người đã bị đuổi ra khỏi Vườn Địa Đàng – và con cháu của họ cuối cùng sẽ đi đến hồi kết. Nhân loại của tương lai vẫn sẽ bao gồm con cháu của A-đam và Ê-va, nhưng đó sẽ không phải là những con người sống dưới quyền của Sa-tan. Đúng hơn, họ sẽ là những con người đã được cứu và làm cho tinh sạch. Đây sẽ là một nhân loại đã bị phán xét và hành phạt, và là những con người thánh khiết. Những người này sẽ không giống như loài người lúc ban đầu; hầu như có thể nói rằng họ sẽ là một loại người khác hoàn toàn với A-đam và Ê-va lúc ban đầu. Những người này cũng đã được chọn trong số tất cả những người đã bị Sa-tan làm cho bại hoại, và họ sẽ là những người đứng vững cuối cùng trong quá trình phán xét và hành phạt của Đức Chúa Trời; họ sẽ là nhóm người còn lại sau cùng trong số nhân loại bại hoại. Chỉ những người này mới có thể bước vào sự nghỉ ngơi cuối cùng với Đức Chúa Trời. Những ai có thể đứng vững trong công tác phán xét và hành phạt của Đức Chúa Trời trong những ngày sau rốt – nghĩa là, trong công tác thanh tẩy cuối cùng – sẽ là những người bước vào sự nghỉ ngơi cuối cùng bên cạnh Đức Chúa Trời; như thế, tất cả những ai bước vào sự nghỉ ngơi sẽ thoát khỏi ảnh hưởng của Sa-tan và được Đức Chúa Trời thu nhận sau khi trải qua công tác thanh tẩy cuối cùng của Ngài. Những người này, cuối cùng cũng đã được Đức Chúa Trời thu nhận, sẽ bước vào sự nghỉ ngơi cuối cùng. Mục đích trong công tác hành phạt và phán xét của Đức Chúa Trời chính là nhằm thanh tẩy nhân loại, vì lợi ích của sự nghỉ ngơi cuối cùng; không có sự thanh tẩy như thế, thì không ai trong loài người có thể được phân chia theo loại thành các loại khác nhau hoặc bước vào sự nghỉ ngơi. Công tác này là con đường duy nhất của loài người để bước vào sự nghỉ ngơi. Chỉ có công tác thanh tẩy của Đức Chúa Trời mới tẩy sạch sự bất chính của con người, và chỉ có công tác hành phạt và phán xét của Ngài mới đem sự sáng đến cho các thành phần bất tuân của nhân loại, qua đó tách những người có thể được cứu khỏi những người không thể được cứu, và những người sẽ được ở lại khỏi những người sẽ không được ở lại. Khi công tác này kết thúc, những ai được cho phép ở lại đều sẽ được thanh tẩy và bước vào một trạng thái cao hơn của nhân loại, ở đó họ sẽ tận

hưởng một đời sống con người lần thứ hai trên đất tuyệt vời hơn; nói cách khác, họ sẽ bắt đầu ngày nghỉ ngơi của con người, và cùng tồn tại với Đức Chúa Trời. Sau khi những kẻ không được phép ở lại đã bị hành phạt và phán xét, chân tướng của họ sẽ hoàn toàn bị phơi bày, mà sau đó tất cả họ sẽ bị hủy diệt và, giống như Satan, sẽ không bao giờ được phép tồn tại trên đất. Nhân loại của tương lai sẽ không bao gồm bất kỳ ai trong loại người này. Những người như thế không phù hợp để bước vào vùng đất của sự nghỉ ngơi cuối cùng, họ cũng không phù hợp để dự phần vào ngày nghỉ ngơi mà Đức Chúa Trời và nhân loại sẽ cùng chia sẻ, bởi họ là mục tiêu của sự trừng phạt và là những kẻ xấu xa, bất chính. Họ đã được cứu chuộc một lần, và họ cũng đã bị phán xét và hành phạt; họ cũng đã từng hầu việc Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, khi đến ngày sau rốt, họ vẫn sẽ bị loại bỏ và hủy diệt do sự xấu xa của họ và là kết quả của sự bất tuân và không có khả năng được cứu chuộc của họ; họ sẽ không bao giờ xuất hiện trở lại trong thế giới của tương lai, và sẽ không còn sống giữa loài người của tương lai. Dù họ có là những linh hồn của người chết hoặc những con người vẫn còn sống trong xác thịt, tất cả những kẻ làm ác và tất cả những ai chưa được cứu đều sẽ bị hủy diệt một khi những con người thánh khiết trong số loài người bước vào sự nghỉ ngơi. Đối với những linh hồn và những con người làm ác này, hoặc những linh hồn của những người công chính và những ai làm điều công chính, bất kể họ sống trong thời đại nào, tất cả những ai phạm tội thì cuối cùng sẽ bị hủy diệt, và tất cả những ai là người công chính thì sẽ sống sót. Việc một con người hoặc một linh hồn sẽ nhận sự cứu rỗi hay không thì không hoàn toàn được quyết định dựa trên công tác của thời đại cuối cùng; đúng hơn, nó được quyết định bằng việc họ có chống đối hoặc bất tuân với Đức Chúa Trời hay không. Con người, trong thời đại trước đã phạm tội và không thể có được sự cứu rỗi chắc chắn sẽ là mục tiêu của sự trừng phạt, và những ai trong thời đại hiện tại phạm tội và không thể được cứu thì chắc chắn cũng sẽ là mục tiêu của sự trừng phạt. Con người được phân loại dựa trên cơ sở thiện và ác, chứ không dựa trên thời đại mà họ sống. Một khi đã được phân chia như vậy, họ sẽ không bị trừng phạt hoặc được ban thưởng ngay lập tức; mà Đức Chúa Trời chỉ thực hiện công việc phạt ác thưởng thiện sau khi Ngài đã hoàn thành việc thực hiện công tác chinh phục của Ngài trong những ngày sau rốt. Thực ra, Ngài đã và đang phân chia con người thành người tốt và kẻ xấu từ khi Ngài bắt đầu thực hiện công tác cứu rỗi nhân loại của Ngài. Chỉ là Ngài sẽ ban thưởng cho người công chính và trừng phạt kẻ gian ác chỉ sau khi công tác của Ngài kết thúc; chứ không phải là Ngài sẽ phân chia họ theo loại vào lúc kết thúc công tác của Ngài rồi sau đó ngay lập tức bắt đầu công việc phạt ác thưởng thiện. Đúng hơn, công việc này sẽ chỉ được thực hiện khi công tác của Ngài đã hoàn thành toàn bộ. Toàn

bộ mục đích đằng sau công tác phạt ác thưởng thiện cuối cùng của Đức Chúa Trời là để thanh tẩy triệt để tất cả mọi người để Ngài có thể đem một nhân loại thanh sạch thánh khiết vào trong sự nghỉ ngơi đời đời. Giai đoạn này trong công tác của Ngài là quan trọng nhất; nó là giai đoạn cuối cùng trong toàn bộ công tác quản lý của Ngài. Nếu Đức Chúa Trời không hủy diệt kẻ ác, thay vào đó để cho họ ở lại, thì mọi người vẫn không thể bước vào sự nghỉ ngơi, và Đức Chúa Trời sẽ không thể mang toàn thể nhân loại vào một cõi tốt hơn. Công tác đó sẽ không trọn vẹn. Khi công tác của Ngài được hoàn thành, toàn nhân loại sẽ hoàn toàn thánh khiết; chỉ bằng cách này thì Đức Chúa Trời mới có thể an tâm sống trong sự nghỉ ngơi.

Con người ngày nay vẫn không thể buông bỏ những thứ của xác thịt; họ không thể từ bỏ việc hưởng thụ của xác thịt, thế gian, tiền bạc, hoặc tâm tính bại hoại của họ. Hầu hết mọi người thực hiện những theo đuổi của họ một cách chiếu lệ. Thực ra, những người này không hề có Đức Chúa Trời trong lòng họ; thậm chí tệ hơn, họ không sợ Đức Chúa Trời. Họ không có Đức Chúa Trời trong lòng mình, và vì thế họ không thể nhận thức được tất cả những gì Đức Chúa Trời làm, họ càng không có khả năng tin vào những lời Ngài phán. Những người như thế phụ thuộc quá nhiều vào xác thịt; họ bị làm cho bại hoại một cách sâu sắc và thiếu mọi lẽ thật. Hơn thế nữa, họ không tin rằng Đức Chúa Trời có thể trở nên xác thịt. Bất cứ ai không tin vào Đức Chúa Trời nhập thể – nghĩa là, bất cứ ai không tin vào Đức Chúa Trời hữu hình hoặc vào công tác và lời của Ngài, mà thay vào đó lại thờ phượng Đức Chúa Trời vô hình ở trên trời – đều là người không có Đức Chúa Trời trong lòng. Những người như thế dấy nghịch và chống đối Đức Chúa Trời. Họ thiếu nhân tính và lý trí, chứ đừng nói đến lẽ thật. Hơn nữa, đối với những người này, Đức Chúa Trời hữu hình và có thật càng không thể tin được, vậy mà họ coi Đức Chúa Trời vô hình và mơ hồ là đáng tin nhất và hài lòng nhất. Điều họ tìm kiếm không phải là lẽ thật thực sự, cũng không phải là thực chất của đời sống; càng không phải là ý muốn của Đức Chúa Trời. Đúng hơn, họ tìm kiếm sự phấn khích. Bất cứ thứ gì có thể giúp họ thỏa mãn những ham muốn của bản thân đều, không chút nghi ngờ, là những gì họ tin và những gì họ theo đuổi. Họ chỉ tin vào Đức Chúa Trời để thỏa mãn những ham muốn của bản thân mình, chứ không để tìm kiếm lẽ thật. Chẳng phải những kẻ đó là kẻ làm ác sao? Họ cực kỳ tự tin và họ hoàn toàn không tin rằng Đức Chúa Trời trên trời sẽ hủy diệt “những người tốt” như chính họ. Thay vào đó, họ tin rằng Đức Chúa Trời sẽ cho phép họ ở lại và, hơn nữa, sẽ ban thưởng hậu hĩnh cho họ do đã làm nhiều việc cho Đức Chúa Trời và thể hiện khá nhiều “lòng trung thành” đối với Ngài. Nếu họ cũng theo đuổi Đức Chúa Trời hữu hình, thì ngay khi những ham muốn của họ không được đáp ứng, họ sẽ ngay lập tức chống trả Đức Chúa Trời hoặc nổi cơn

thịnh nộ. Họ thể hiện mình là những con chó nhỏ hèn hạ luôn luôn chỉ tìm cách thỏa mãn ham muốn của bản thân mình; họ không phải là những con người chính trực theo đuổi lẽ thật. Những người như thế được gọi là những kẻ ác đi theo Đấng Christ. Những ai không tìm kiếm lẽ thật thì không thể tin lẽ thật, và càng không thể nhận thức được kết cục tương lai của nhân loại, bởi họ không tin bất cứ công việc hoặc lời nào của Đức Chúa Trời hữu hình – và điều này bao gồm việc không thể tin vào đích đến tương lai của nhân loại. Do đó, ngay cả khi họ đi theo Đức Chúa Trời hữu hình, họ vẫn phạm tội và không hề tìm kiếm lẽ thật, họ cũng không thực hành lẽ thật mà Ta yêu cầu. Những ai không tin rằng mình sẽ bị hủy diệt, ngược lại, chính là những người sẽ bị hủy diệt. Tất cả họ đều tin bản thân mình rất thông minh, và họ nghĩ rằng chính họ là những người thực hành lẽ thật. Họ coi những hành vi xấu xa của mình là lẽ thật và do đó quý trọng nó. Những kẻ ác như thế rất tự tin; họ xem lẽ thật là giáo lý và xem những hành động xấu xa của mình là lẽ thật, nhưng cuối cùng, họ chỉ có thể gặt những gì họ đã gieo. Con người càng tự tin và càng kiêu ngạo ngông cuồng, thì họ càng không thể có được lẽ thật; con người càng tin vào Đức Chúa Trời trên trời, thì họ càng chống đối Đức Chúa Trời. Đây là những kẻ sẽ bị trừng phạt. Trước khi loài người bước vào sự nghỉ ngơi, việc từng loại người chịu trừng phạt hoặc được ban thưởng sẽ được quyết định tùy theo việc họ có tìm kiếm lẽ thật, việc họ có biết đến Đức Chúa Trời, và việc họ có thể quy phục Đức Chúa Trời hữu hình hay không. Những ai đã hầu việc Đức Chúa Trời hữu hình, nhưng lại không biết đến Ngài hoặc tuân phục Ngài, đều thiếu lẽ thật. Những kẻ như thế là những kẻ làm ác, và những kẻ làm ác chắc chắn sẽ là đối tượng bị trừng phạt; hơn nữa, họ sẽ bị trừng phạt theo những hành vi xấu xa của mình. Đức Chúa Trời là để cho con người tin vào, và Ngài cũng xứng đáng để họ tuân theo. Những ai chỉ có đức tin nơi Đức Chúa Trời mơ hồ và vô hình là những người không tin vào Đức Chúa Trời và không thể tuân phục Đức Chúa Trời. Nếu những người này vẫn không thể cố gắng để tin vào Đức Chúa Trời hữu hình trước thời điểm công tác chinh phục của Ngài hoàn thành, và tiếp tục bất tuân và chống đối Đức Chúa Trời hữu hình trong xác thịt, thì “những kẻ mơ hồ” này sẽ, không chút nghi ngờ, trở thành đối tượng của sự hủy diệt. Cũng giống như một vài người trong số các người – bất cứ ai ngoài miệng thừa nhận Đức Chúa Trời nhập thể, nhưng lại không thể thực hành lẽ thật trong sự tuân phục Đức Chúa Trời nhập thể, thì cuối cùng sẽ trở thành đối tượng của sự loại bỏ và hủy diệt. Hơn nữa, bất cứ ai ngoài miệng thừa nhận Đức Chúa Trời hữu hình, ăn uống lẽ thật được Ngài bày tỏ trong khi cũng đi tìm Đức Chúa Trời mơ hồ và vô hình, chắc chắn sẽ là mục tiêu của sự hủy diệt. Không ai trong số những người này sẽ có thể còn sót lại đến thời điểm sự nghỉ ngơi tới sau khi công tác của

Đức Chúa Trời đã hoàn thành, mà cũng không một cá nhân nào giống như những người này vẫn còn sống sót trong thời điểm của sự nghỉ ngơi đó. Những người như ác quỷ là những người không thực hành lẽ thật; thực chất của họ là chống đối và không vâng lời Đức Chúa Trời, và họ không có chút ý định nào tuân phục Ngài. Những kẻ như thế đều sẽ bị hủy diệt. Việc người có lẽ thật hay không và việc người có chống đối Đức Chúa Trời hay không phụ thuộc vào thực chất của người, chứ không phải vào ngoại hình của người hoặc cách người thỉnh thoảng lên tiếng hoặc cư xử. Việc một cá nhân sẽ bị hủy diệt hay không do thực chất của người đó quyết định; nó được quyết định theo thực chất được tỏ lộ qua hành vi và sự theo đuổi lẽ thật của người đó. Trong số những con người làm những công việc tương tự nhau, và khối lượng công việc như nhau, thì những ai có thực chất tốt và sở hữu lẽ thật là những người sẽ được phép ở lại, trong khi những ai có thực chất xấu xa và không tuân theo Đức Chúa Trời hữu hình là những kẻ sẽ là đối tượng của sự hủy diệt. Hết thảy công tác hoặc những lời của Đức Chúa Trời liên quan đến đích đến của nhân loại đều sẽ xử lý con người một cách phù hợp theo thực chất của mỗi cá nhân; sẽ không xảy ra một lỗi nhỏ nhất nào, và sẽ không phạm một sai lầm nào. Chỉ khi con người làm việc thì cảm xúc hoặc ý định của con người mới trộn lẫn với nhau. Công tác Đức Chúa Trời làm là phù hợp nhất. Ngài tuyệt đối không tuyên bố sai lầm đối với bất kỳ vật tạo tạo nào. Hiện nay có nhiều người không thể nhận thức được đích đến trong tương lai của nhân loại và họ không tin vào những lời Ta phán. Tất cả những ai không tin, cũng như những ai không thực hành lẽ thật, đều là những con quỷ!

Ngày nay, những ai mưu cầu và những ai không mưu cầu là hai loại người hoàn toàn khác nhau, các đích đến của họ cũng rất khác nhau. Những ai theo đuổi sự hiểu biết về lẽ thật và thực hành lẽ thật là những người mà Đức Chúa Trời sẽ đem sự cứu rỗi đến cho họ. Những ai không biết đường lối thật là những con quỷ và là kẻ thù; họ là con cháu của thiên sứ trưởng và sẽ trở thành những đối tượng của sự hủy diệt. Ngay cả những ai là tín đồ ngoan đạo của một Đức Chúa Trời mơ hồ – chẳng phải họ cũng là những con quỷ sao? Những người có lương tâm tốt nhưng không chấp nhận đường lối thật là những con quỷ; thực chất của họ là chống đối Đức Chúa Trời. Những ai không chấp nhận đường lối thật là những người chống đối Đức Chúa Trời, và ngay cả khi những người như thế chịu đựng nhiều gian khổ, thì họ sẽ vẫn bị hủy diệt. Tất cả những ai không sẵn sàng từ bỏ thế gian, những ai không chịu lìa xa cha mẹ mình, và những ai không chịu từ bỏ những thú vui xác thịt của bản thân là những người không vâng lời Đức Chúa Trời, và tất cả họ sẽ trở thành những đối tượng của sự hủy diệt. Bất kỳ ai không tin vào Đức Chúa Trời nhập thể

đều là ác quỷ, và hơn nữa, sẽ bị hủy diệt. Những ai có đức tin nhưng không thực hành lẽ thật, những ai không tin vào Đức Chúa Trời nhập thể, và những ai hoàn toàn không tin vào sự hiện hữu của Đức Chúa Trời cũng sẽ trở thành những đối tượng của sự hủy diệt. Tất cả những người sẽ được phép sống sót là những người đã trải qua đau khổ của việc tinh luyện và đã đứng vững; đây là những người đã thực sự chịu đựng các thử luyện. Bất kỳ ai không thừa nhận Đức Chúa Trời đều là kẻ thù; nghĩa là, bất kỳ ai không thừa nhận Đức Chúa Trời nhập thể – dù họ có ở trong dòng chảy này hay không – đều là kẻ địch lại Đấng Christ! Sa-tan là ai, các quỷ là ai, và các kẻ thù của Đức Chúa Trời là ai nếu chẳng phải là những kẻ chống đối không tin vào Đức Chúa Trời? Chẳng phải họ là những kẻ không vâng lời Đức Chúa Trời sao? Chẳng phải họ là những kẻ tuyên bố có đức tin, nhưng lại là người thiếu lẽ thật sao? Chẳng phải họ là những người đơn thuần chỉ tìm cách có được các phước lành trong khi không thể làm chứng về Đức Chúa Trời sao? Ngày hôm nay người vẫn còn đàn đúm với những con quỷ đó và trao lương tâm và tình yêu cho chúng, nhưng trong trường hợp này, chẳng phải người đang dành những ý định tốt cho Sa-tan sao? Chẳng phải người đang liên minh với những con quỷ sao? Nếu con người ngày nay vẫn không thể phân biệt được giữa thiện và ác, và tiếp tục yêu thương, nhân từ một cách mù quáng mà không có ý định tìm kiếm ý muốn của Đức Chúa Trời hoặc có thể bằng mọi cách áp ủ những ý định của Đức Chúa Trời như của chính mình, thì kết cục của họ sẽ càng khốn khổ hơn. Bất kỳ ai không tin Đức Chúa Trời trong xác thịt đều là kẻ thù của Đức Chúa Trời. Nếu người có thể trao lương tâm và tình yêu cho kẻ thù, thì chẳng phải người thiếu ý thức về sự công chính sao? Nếu người hòa hợp với những ai Ta khinh ghét và với những điều Ta không đồng ý, và vẫn còn dành tình yêu hay cảm xúc cá nhân cho chúng, thì chẳng phải là người bất tuân sao? Chẳng phải người đang cố tình chống đối Đức Chúa Trời sao? Người như thế có sở hữu lẽ thật không? Nếu con người trao lương tâm cho kẻ thù, tình yêu cho ma quỷ, và lòng thương xót cho Sa-tan, thì chẳng phải họ đang cố tình làm gián đoạn công tác của Đức Chúa Trời sao? Những ai chỉ tin vào Jêsus và không tin vào Đức Chúa Trời nhập thể trong những ngày sau rốt, cũng như những ai ngoài miệng tuyên bố tin vào Đức Chúa Trời nhập thể nhưng lại làm điều ác, đều là những kẻ địch lại Đấng Christ – chứ đừng nói đến những người thậm chí còn không tin vào Đức Chúa Trời. Tất cả những người này sẽ trở thành những đối tượng của sự hủy diệt. Tiêu chuẩn mà con người dùng để phán xét người khác dựa trên hành vi của họ; những ai có hành vi tốt là người công chính, trong khi những ai có hành vi xấu xa là người gian ác. Tiêu chuẩn Đức Chúa Trời dùng để phán xét con người dựa trên việc thực chất của họ có tuân phục Ngài hay không; một người tuân phục Đức

Chúa Trời là người công chính, trong khi một người không tuân phục Đức Chúa Trời là một kẻ thù và là một kẻ gian ác, bất kể hành vi của người này tốt hay xấu và bất kể lời nói của họ có đúng hay không. Một vài người mong muốn sử dụng những việc làm thiện lành để có được một đích đến tốt đẹp trong tương lai, còn một vài người mong muốn sử dụng những lời hay để giành được một đích đến tốt đẹp. Mọi người đều lầm tưởng rằng Đức Chúa Trời quyết định kết cục của con người sau khi theo dõi hành vi của họ hoặc sau khi nghe lời nói của họ; do đó nhiều người mong muốn lợi dụng điều này để đánh lừa Đức Chúa Trời ban cho họ một ân huệ tạm thời. Trong tương lai, những ai sẽ sống sót trong trạng thái nghỉ ngơi cũng đều đã chịu đựng ngày hoạn nạn, và cũng đã làm chứng về Đức Chúa Trời; tất cả họ là những người đã hoàn thành bổn phận của mình và chủ tâm tuân phục Đức Chúa Trời. Những ai chỉ đơn thuần mong muốn sử dụng cơ hội để hầu việc nhằm tránh thực hành lẽ thật sẽ không được phép ở lại. Đức Chúa Trời có những tiêu chuẩn thích hợp để sắp đặt kết cục cho từng cá nhân; Ngài hoàn toàn không đưa ra những quyết định này dựa theo lời nói và hành vi của con người, Ngài cũng không đưa ra quyết định dựa trên cách thức con người hành động trong chỉ một khoảng thời gian. Ngài sẽ tuyệt đối không khoan dung cho hành vi gian ác của con người do họ đã hầu việc Ngài trước đây, mà cũng không tha mạng cho con người bởi vì đã một thời dành trọn cho Đức Chúa Trời. Không ai có thể tránh khỏi quả báo cho sự gian ác của mình, và không ai có thể che đậy hành vi xấu xa của mình và qua đó tránh khỏi nỗi đau khổ trong sự hủy diệt. Nếu mọi người có thể thực sự hoàn thành bổn phận của bản thân mình, thì điều đó có nghĩa là họ mãi mãi trung tín với Đức Chúa Trời và không tìm kiếm phần thưởng; bất kể liệu họ sẽ nhận được các phước lành hoặc chịu điều bất hạnh. Nếu con người trung tín với Đức Chúa Trời khi họ nhìn thấy các phước lành, nhưng lại đánh mất sự trung tín khi họ không thể nhìn thấy các phước lành; và nếu, cuối cùng, họ vẫn không thể làm chứng về Đức Chúa Trời hoặc hoàn thành bổn phận thuộc trách nhiệm của họ, thì họ vẫn sẽ trở thành những đối tượng của sự hủy diệt mặc dù trước đó họ đã từng trung tín hầu việc Đức Chúa Trời. Nói tóm lại, con người gian ác không thể sống sót đến cõi đời đời, họ cũng không thể bước vào sự nghỉ ngơi; chỉ những người công chính mới là những người chủ của sự nghỉ ngơi. Một khi nhân loại đi đúng hướng, con người sẽ có đời sống bình thường. Tất cả họ sẽ làm nhiệm vụ tương ứng của riêng mình và tuyệt đối trung tín với Đức Chúa Trời. Họ sẽ hoàn toàn loại bỏ sự bất tuân và tâm tính bại hoại của mình, và họ sẽ sống cho Đức Chúa Trời và vì Đức Chúa Trời, không có sự bất tuân và chống đối. Tất cả họ sẽ có thể hoàn toàn tuân phục Đức Chúa Trời. Đây sẽ là đời sống của Đức Chúa Trời và loài người; sẽ là đời sống trong vương quốc, và sẽ là đời sống trong sự nghỉ ngơi.

Những ai kéo con cái và người thân hoàn toàn không tin đạo đến hội thánh đều vô cùng ích kỷ, và họ chỉ đang phô bày sự tử tế. Những người này chỉ tập trung vào việc tỏ ra yêu thương, bất kể họ có tin hay không và bất kể đó là ý muốn của Đức Chúa Trời hay không. Một vài người đưa vợ mình đến trước Đức Chúa Trời, hoặc kéo cha mẹ mình đến trước Đức Chúa Trời, và dù Đức Thánh Linh có đồng ý với điều này hoặc có đang làm việc trong họ hay không, họ vẫn mù quáng tiếp tục “chọn những người tài năng” cho Đức Chúa Trời. Có thể đạt được những lợi ích gì từ việc dành lòng tốt cho những con người không tin này? Ngay cả khi họ, những người không có sự hiện diện của Đức Thánh Linh, đấu tranh để đi theo Đức Chúa Trời, họ vẫn không thể được cứu như con người vẫn tưởng. Những ai có thể nhận được sự cứu rỗi đều không thực sự quá dễ dàng để có được nó. Những người chưa trải qua công tác và các thử luyện của Đức Thánh Linh, và chưa được Đức Chúa Trời nhập thể làm cho hoàn thiện, thì hoàn toàn không thể được trở nên trọn vẹn. Do đó, từ giây phút họ bắt đầu đi theo Đức Chúa Trời trên danh nghĩa, thì những người đó đã thiếu sự hiện diện của Đức Thánh Linh. Xét điều kiện và tình trạng thực tế của họ, họ hoàn toàn không thể được trở nên trọn vẹn. Vì thế, Đức Thánh Linh quyết định không dành nhiều năng lượng cho họ, Ngài cũng không ban cho họ bất kỳ sự khai sáng hoặc hướng dẫn họ trong bất kỳ đường lối nào; Ngài đơn thuần chỉ cho phép họ đi theo sau, và cuối cùng sẽ mặc khải kết cục của họ – thế là đủ. Sự nhiệt thành và những ý định của loài người đến từ Sa-tan, và không có cách nào những thứ này có thể hoàn thành công tác của Đức Thánh Linh. Bất kể tình trạng con người như thế nào, họ phải có công tác của Đức Thánh Linh. Con người có thể làm cho con người trọn vẹn được không? Tại sao một người chồng yêu vợ của mình? Và tại sao một người vợ yêu chồng của mình? Tại sao con cái hiếu thảo với cha mẹ mình? Và tại sao cha mẹ thương yêu con cái của mình? Con người thực sự áp ủ những ý định gì? Chẳng phải ý định của họ là để thỏa mãn những kế hoạch riêng và những ham muốn ích kỷ của họ sao? Họ có thực sự muốn hành động vì lợi ích cho kế hoạch quản lý của Đức Chúa Trời không? Họ có đang thực sự hành động vì lợi ích cho công tác của Đức Chúa Trời không? Ý định của họ là để hoàn thành bổn phận của một vật tạo phải không? Những ai, kể từ giây phút họ bắt đầu tin vào Đức Chúa Trời, đã không thể có được sự hiện diện của Đức Thánh Linh, thì không bao giờ có thể có được công tác của Đức Thánh Linh; những người này nhất định là những đối tượng sẽ bị hủy diệt. Cho dù người ta có dành bao nhiêu tình yêu cho những người đó, thì điều đó không thay thế được công tác của Đức Thánh Linh. Sự nhiệt thành và tình yêu của con người đại diện cho những ý định của con người, nhưng không thể đại diện cho những ý định của Đức Chúa Trời, chúng cũng không thể thay thế

cho công tác của Đức Chúa Trời. Ngay cả khi con người dành tình yêu và lòng thương xót nhiều nhất có thể cho những ai tin Đức Chúa Trời trên danh nghĩa và giả vờ đi theo Ngài mà không biết tin vào Đức Chúa Trời thực sự có nghĩa là gì, thì họ sẽ vẫn không có được sự cảm thông của Đức Chúa Trời, họ cũng sẽ không có được công tác của Đức Thánh Linh. Ngay cả những người đi theo Đức Chúa Trời một cách chân thành là người có phẩm chất kém và không thể hiểu được nhiều lẽ thật, thì họ vẫn có thể thỉnh thoảng có được công tác của Đức Thánh Linh; tuy nhiên, những ai có tố chất tốt đáng kể, nhưng lại không tin một cách chân thành, thì hoàn toàn không thể có được sự hiện diện của Đức Thánh Linh. Hoàn toàn không có khả năng cứu rỗi với những người như thế. Ngay cả khi họ đọc lời Đức Chúa Trời hoặc thỉnh thoảng nghe các bài giảng, hoặc thậm chí hát ngợi khen Đức Chúa Trời, thì cuối cùng họ sẽ không thể sống sót đến thời điểm của sự nghỉ ngơi. Liệu con người có mưu cầu một cách sốt sắng không được quyết định bởi việc những người khác phán xét họ như thế nào hoặc những người xung quanh nhìn họ ra sao, mà bởi liệu Đức Thánh Linh có làm việc trên họ và họ đã có được sự hiện diện của Đức Thánh Linh hay không. Hơn nữa, điều đó phụ thuộc vào việc tâm tính của họ có thay đổi hay không và vào việc họ đã có được chút hiểu biết nào về Đức Chúa Trời sau khi trải qua công tác của Đức Thánh Linh trong một giai đoạn nào đó hay không. Nếu Đức Thánh Linh làm việc trên một con người, thì tâm tính của người này sẽ dần dần thay đổi, và quan điểm của họ về việc tin vào Đức Chúa Trời sẽ dần dần trở nên rõ ràng hơn. Bất kể con người đi theo Đức Chúa Trời bao lâu, miễn là họ đã thay đổi, thì điều đó có nghĩa là Đức Thánh Linh đang làm việc trên họ. Nếu họ không thay đổi, thì điều đó có nghĩa là Đức Thánh Linh hiện không làm việc trên họ. Ngay cả khi những người này có tham gia hầu việc, thì động cơ khiến họ làm như vậy là mong muốn nhận được phúc lành. Chỉ thỉnh thoảng hầu việc không thể thay thế việc kinh qua một sự thay đổi trong tâm tính họ. Cuối cùng, họ sẽ vẫn bị hủy diệt, bởi trong vương quốc sẽ không cần những kẻ phục vụ, cũng sẽ không cần bất kỳ ai có tâm tính không thay đổi để hầu việc những người đã được hoàn thiện và những người trung tín với Đức Chúa Trời. Những lời được nói trong quá khứ: “Khi một người tin Chúa, thì sự may mắn sẽ mỉm cười với cả gia đình họ” phù hợp với Thời đại Ân điển, nhưng không liên quan tới đích đến của nhân loại. Chúng chỉ thích hợp cho một giai đoạn trong Thời đại Ân điển. Nghĩa rộng của những lời này hướng đến sự bình an và các phước lành về vật chất mà con người đã tận hưởng; chúng không có nghĩa là cả gia đình của một người tin Chúa sẽ được cứu, chúng cũng không có nghĩa là khi một người nhận được phúc lành, thì cả gia đình họ cũng có thể được đưa vào sự nghỉ ngơi. Việc con người nhận được các phước lành hoặc chịu sự bất hạnh

được quyết định tùy theo thực chất của họ, chứ không tùy theo bất kỳ thực chất chung nào mà con người có thể chia sẻ với những người khác. Kiểu nói hoặc quy tắc đó hoàn toàn không được chấp nhận trong vương quốc. Nếu một người cuối cùng có thể sống sót, đó là vì họ đã đáp ứng các yêu cầu của Đức Chúa Trời, và nếu một người cuối cùng không thể ở lại cho tới thời điểm của sự nghỉ ngơi, đó là vì họ đã bất tuân đối với Đức Chúa Trời và không thỏa mãn được các yêu cầu của Đức Chúa Trời. Mỗi người có một đích đến thích hợp. Những đích đến này được quyết định dựa trên thực chất của mỗi cá nhân, và hoàn toàn không liên quan gì đến người khác. Một hành vi xấu xa của đứa con không thể chuyển sang cho cha mẹ của nó, cũng như sự công chính của đứa con không thể chia sẻ với cha mẹ của nó. Một hành vi xấu xa của cha mẹ không thể chuyển sang cho con cái của họ, cũng như sự công chính của cha mẹ không thể chia sẻ với con cái của họ. Mọi người gánh lấy tội lỗi của riêng mình, và mọi người tận hưởng phúc lành của riêng mình. Không ai có thể thay thế cho người khác; đây là sự công chính. Theo quan điểm của con người, nếu cha mẹ nhận được phúc lành, thì con cái của họ cũng có thể được, và nếu con cái phạm tội, thì cha mẹ chúng phải chuộc những tội lỗi đó. Đây là quan điểm của con người và cách làm của con người; đó không phải là quan điểm của Đức Chúa Trời. Kết cục của mỗi người được quyết định dựa trên thực chất đến từ hành vi của họ, và nó luôn luôn được quyết định một cách tương xứng. Không ai có thể gánh tội của người khác; còn hơn thế nữa, không ai có thể nhận hình phạt thay cho người khác. Điều này là chắc chắn. Sự quan tâm của cha mẹ dành cho con cái không ngụ ý là họ có thể làm những việc công chính thay cho con cái họ, còn lòng hiếu thảo của một đứa con đối với cha mẹ không có nghĩa là chúng có thể làm những việc công chính thay cho cha mẹ chúng. Đây là ý nghĩa thực sự của những lời sau: “Lúc ấy, sẽ có hai người nam ở trong một đồng ruộng, một người được đem đi, còn một người bị để lại; và có hai người nữ đương xay cối, một người được đem đi, còn một người bị để lại”. Con người không thể đem những đứa con làm điều ác của họ vào trong sự nghỉ ngơi dựa trên tình yêu sâu sắc họ dành cho chúng, cũng không ai có thể đem vợ (hoặc chồng) họ vào trong sự nghỉ ngơi dựa trên hành vi công chính của bản thân mình. Đây là một quy tắc quản trị; không thể có ngoại lệ nào cho bất kỳ ai. Cuối cùng, người làm điều công chính là người làm điều công chính, và kẻ làm ác là kẻ làm ác. Người công chính cuối cùng sẽ được phép sống sót, trong khi những kẻ làm ác sẽ bị hủy diệt. Người thánh khiết thì thánh khiết; họ không phải là nhơ nhớp. Kẻ nhơ nhớp thì nhơ nhớp, và không một phần nào trong chúng là thánh khiết. Những ai sẽ bị hủy diệt đều là những kẻ gian ác, và những ai sẽ sống sót đều là những người công chính – ngay cả khi con cái của những kẻ gian ác có làm những

việc công chính, và ngay cả khi cha mẹ của những người công chính có làm những việc xấu xa. Không có sự liên quan nào giữa một người chồng tin đạo và một người vợ không tin, và không có sự liên quan nào giữa con cái tin đạo và cha mẹ không tin; hai loại người này hoàn toàn không tương hợp. Trước khi bước vào sự nghỉ ngơi, con người có những thân bằng quyến thuộc, nhưng một khi một người đã bước vào sự nghỉ ngơi, thì họ sẽ không còn bất kỳ thân bằng quyến thuộc nào để nói đến. Những ai làm bổn phận của mình là kẻ thù của những người không làm; những ai yêu mến Đức Chúa Trời và những ai ghét Ngài thì đối nghịch với nhau. Những ai sẽ bước vào sự nghỉ ngơi và những ai sẽ bị hủy diệt là hai loại tạo vật không tương hợp. Các tạo vật hoàn thành bổn phận của mình sẽ có thể sống sót, trong khi những kẻ không hoàn thành bổn phận của mình sẽ trở thành đối tượng của sự hủy diệt; hơn nữa, điều này sẽ kéo dài đến đời đời. Người có yêu chồng mình để hoàn thành bổn phận của mình với vai trò là một vật thọ tạo không? Người có yêu vợ mình để hoàn thành bổn phận của mình với vai trò là một vật thọ tạo không? Người có hiếu thảo với cha mẹ không tin đạo của mình để hoàn thành bổn phận của mình với vai trò là một vật thọ tạo không? Quan điểm đó của con người về việc tin vào Đức Chúa Trời là đúng hay sai? Tại sao người tin vào Đức Chúa Trời? Người mong muốn đạt được điều gì? Người yêu mến Đức Chúa Trời như thế nào? Những ai không thể hoàn thành bổn phận của mình với vai trò là một vật thọ tạo, và những ai không thể nỗ lực hết mình, sẽ trở thành những đối tượng của sự hủy diệt. Có những mối quan hệ thuộc thể tồn tại giữa những con người của ngày hôm nay, cũng như những mối quan hệ huyết thống, nhưng trong tương lai, những điều này sẽ hết thảy bị phá vỡ. Những kẻ tin Đức Chúa Trời và những kẻ không tin thì không tương hợp; đúng hơn, họ đối lập nhau. Những người ở trong sự nghỉ ngơi sẽ tin rằng có một Đức Chúa Trời và sẽ tuân phục Đức Chúa Trời, trong khi những kẻ bất tuân với Đức Chúa Trời đều sẽ bị hủy diệt. Những gia đình sẽ không còn tồn tại trên đất; thì làm sao có những mối quan hệ giữa cha mẹ hoặc con cái hoặc vợ chồng được? Chính sự không tương hợp giữa tin và không tin cũng đã hoàn toàn cắt đứt những mối quan hệ thuộc thể như thế!

Ban đầu không có gia đình nào giữa loài người; chỉ một người nam và một người nữ tồn tại – hai loại người khác nhau. Không có quốc gia nào, chứ đừng nói đến gia đình, nhưng do sự bại hoại của loài người, tất cả các dân tộc đã tự tổ chức thành những bộ tộc riêng lẻ, sau này phát triển thành các đất nước và các sắc tộc. Các đất nước và các sắc tộc này gồm có các gia đình nhỏ riêng lẻ, và theo cách này, tất cả các loại người đã được phân bố giữa các chủng tộc khác nhau dựa trên những khác biệt về ngôn ngữ và sự phân chia ranh giới. Thực ra, dù có bao nhiêu chủng tộc trên

thế giới, loài người chỉ có một tổ tiên. Lúc ban đầu, chỉ có hai loại người, và hai loại này là người nam và người nữ. Tuy nhiên, do sự tiến triển trong công tác của Đức Chúa Trời, dòng chảy của lịch sử, và những thay đổi về địa lý, hai loại người này đã phát triển thành nhiều loại người hơn ở các mức độ khác nhau. Về cơ bản, bất kể có bao nhiêu chủng tộc đã tạo nên loài người, thì tất cả nhân loại vẫn là sự sáng thế của Đức Chúa Trời. Bất kể con người thuộc về chủng tộc nào, họ đều là các vật thọ tạo của Ngài; họ đều là con cháu của A-đam và Ê-va. Mặc dù họ không được tạo ra bởi bàn tay của Đức Chúa Trời, nhưng họ là con cháu của A-đam và Ê-va, những người do đích thân Đức Chúa Trời tạo dựng nên. Bất kể con người thuộc hữu thể nào, họ đều là những vật thọ tạo của Ngài; vì họ thuộc về loài người, được tạo dựng bởi Đức Chúa Trời, nên đích đến của họ là thứ mà loài người nên có, và họ được phân chia theo các quy tắc tổ chức con người. Điều đó có nghĩa là, xét cho cùng, tất cả những kẻ làm ác và tất cả những người hành nghĩa đều là các vật thọ tạo. Cuối cùng các vật thọ tạo phạm tội sẽ bị hủy diệt, và các vật thọ tạo làm những việc hành nghĩa sẽ tồn tại. Đây là sự sắp xếp phù hợp nhất cho hai loài thọ tạo này. Kẻ làm ác không thể, vì sự bất tuân của mình, phủ nhận rằng mặc dù họ là các vật thọ tạo của Đức Chúa Trời, họ đã bị Sa-tan nắm giữ, và do đó không thể được cứu. Các vật thọ tạo hành xử một cách công chính không thể, dựa trên sự thật rằng họ sẽ sống sót, phủ nhận rằng họ đã được Đức Chúa Trời tạo dựng nên, tuy nhiên đã nhận được sự cứu rỗi sau khi đã bị Sa-tan làm cho bại hoại. Những kẻ làm ác là những vật thọ tạo không vâng phục Đức Chúa Trời; chúng là những vật thọ tạo không thể được cứu và đã bị Sa-tan bắt giữ hoàn toàn. Con người phạm tội cũng là con người; họ là những người đã bị làm cho bại hoại đến cùng cực, và là những người không thể được cứu. Chính vì họ cũng là các vật thọ tạo, con người có hành vi công chính cũng đã bị làm cho bại hoại, nhưng họ là những người sẵn sàng rũ bỏ tâm tính bại hoại của mình và trở nên có khả năng tuân phục Đức Chúa Trời. Những người có hành vi công chính không phải đầy sự công chính; đúng hơn, họ đã nhận được sự cứu rỗi và đã rũ bỏ tâm tính bại hoại của mình; họ có thể tuân phục Đức Chúa Trời. Cuối cùng, họ sẽ đứng vững, tuy vậy điều đó không có nghĩa là họ chưa bao giờ bị Sa-tan làm cho bại hoại. Sau khi công tác của Đức Chúa Trời kết thúc, giữa mọi tạo vật của Ngài, thì sẽ có những người bị hủy diệt và những người sống sót. Đây là một xu hướng tất yếu trong công tác quản lý của Ngài; không ai có thể phủ nhận được điều này. Những kẻ làm ác sẽ không được sống sót; những ai tuân phục và đi theo Đức Chúa Trời tới cùng thì chắc chắn sống sót. Vì công tác này nằm trong sự quản lý loài người, nên sẽ có những người ở lại và những người bị loại bỏ. Đây là các kết cục khác nhau cho những loại người khác nhau, và chúng là sự sắp đặt phù hợp nhất

cho các loài thọ tạo của Đức Chúa Trời. Sự sắp đặt cuối cùng cho loài người là phân chia họ bằng cách làm đổ vỡ các gia đình, làm tiêu tan các sắc tộc và phá bỏ biên giới giữa các quốc gia trong một sự sắp đặt không có gia đình hoặc biên giới giữa các quốc gia, bởi con người, xét cho cùng, là dòng dõi của một tổ tiên và là loài thọ tạo của Đức Chúa Trời. Nói tóm lại, những vật thọ tạo làm ác đều sẽ bị hủy diệt, và những vật thọ tạo vâng lời Đức Chúa Trời sẽ sống sót. Bằng cách này, sẽ không có gia đình, không có các nước, và đặc biệt là không có sắc tộc trong thời gian nghỉ ngơi sắp tới; loại nhân loại này sẽ là loại nhân loại thánh khiết nhất. Ban đầu A-đam và Ê-va được tạo dựng nên để loài người có thể chăm sóc muôn vật trên đất; con người ban đầu là chủ của muôn vật. Ý định của Đức Giê-hô-va trong việc tạo dựng nên con người là cho phép họ tồn tại trên đất và chăm sóc muôn vật trên đất, bởi loài người ban đầu chưa bị làm cho bại hoại và không có khả năng phạm tội. Tuy nhiên, sau khi con người đã trở nên bại hoại, thì họ không còn là những người chăm sóc muôn vật nữa. Mục đích sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời là để khôi phục lại chức năng này của loài người, để khôi phục lại lý trí ban đầu và sự vâng phục ban đầu của loài người; loài người ở trong sự nghỉ ngơi sẽ chính là biểu tượng cho kết quả mà Đức Chúa Trời hy vọng đạt được qua công tác cứu rỗi của Ngài. Mặc dù sẽ không còn là một đời sống như đời sống trong Vườn Địa Đàng, nhưng thực chất của nó sẽ là như nhau; loài người sẽ không đơn thuần là bản thân không bị bại hoại trước đây của họ, mà đúng hơn là một nhân loại đã trở nên bại hoại và sau đó nhận được sự cứu rỗi. Những ai đã nhận được sự cứu rỗi cuối cùng sẽ (nghĩa là, sau khi công tác của Đức Chúa Trời hoàn tất) bước vào sự nghỉ ngơi. Tương tự như vậy, kết cục của những kẻ phải bị trừng phạt cuối cùng cũng sẽ hoàn toàn được tỏ lộ, và họ sẽ chỉ bị hủy diệt sau khi công tác của Đức Chúa Trời đã kết thúc. Nói cách khác, sau khi công tác của Ngài đã được hoàn tất, những kẻ làm ác và những ai đã được cứu hết thảy sẽ được phơi bày, bởi công việc phơi bày tất cả các loại người (dù họ là những kẻ làm ác hoặc trong số những người được cứu) sẽ được thực hiện đồng thời đối với mọi người. Những kẻ làm ác sẽ bị loại bỏ, và những ai được phép ở lại sẽ đồng thời được tỏ lộ. Do đó, kết cục của tất cả các loại người sẽ được tỏ lộ cùng một lúc. Đức Chúa Trời sẽ không cho phép nhóm người đã được cứu rỗi bước vào sự nghỉ ngơi trước khi gạt những kẻ làm ác sang một bên và phán xét hoặc trừng phạt chúng từng chút một; điều đó không đúng sự thật. Khi những kẻ làm ác bị hủy diệt và những người có thể sống sót bước vào sự nghỉ ngơi, thì công tác của Đức Chúa Trời trong toàn vũ trụ sẽ hoàn tất. Sẽ không có thứ tự ưu tiên nào giữa những người nhận được các phước lành và những người phải chịu sự bất hạnh; những ai nhận được các phước lành sẽ sống đời đời, còn những ai phải chịu sự bất hạnh sẽ

bị diệt vong đời đời. Hai bước công tác này sẽ được hoàn thành cùng một lúc. Chính do sự hiện hữu của những kẻ bất tuân mà sự công chính của những người vâng phục sẽ được tỏ lộ, và chính vì có những người đã nhận được các phước lành mà sự bất hạnh kẻ làm ác phải chịu đựng vì hành vi gian ác của chúng sẽ được tỏ lộ. Nếu Đức Chúa Trời không phơi bày những kẻ làm ác, thì những người thành tâm tuân phục Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ nhìn thấy mặt trời; nếu Đức Chúa Trời không đem những người tuân phục Ngài tới một đích đến phù hợp, thì những kẻ bất tuân với Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ nhận được những sự báo ứng đích đáng. Đây là tiến trình làm việc của Đức Chúa Trời. Nếu Ngài không thực hiện công tác phạt ác thưởng thiện này, thì các loài thọ tạo của Ngài sẽ không bao giờ có thể bước vào những đích đến tương ứng của họ. Một khi nhân loại đã bước vào sự nghỉ ngơi, thì những kẻ làm ác cũng đã bị hủy diệt và toàn thể nhân loại sẽ đi đúng hướng; tất cả các loại người sẽ ở theo loại của mình phù hợp với các chức năng mà họ cần thực hiện. Chỉ đây mới là ngày nghỉ ngơi của loài người, nó sẽ là xu hướng tất yếu trong sự phát triển của loài người, và chỉ khi loài người bước vào sự nghỉ ngơi thì thành tựu vĩ đại và cuối cùng của Đức Chúa Trời mới hoàn tất; đây sẽ là đoạn kết trong công tác của Ngài. Công tác này sẽ kết thúc toàn bộ đời sống suy đồi của loài người trong xác thịt, cũng như đời sống của loài người bại hoại. Từ lúc đó, con người sẽ bước vào một cõi mới. Mặc dù tất cả con người sẽ sống trong xác thịt, nhưng sẽ có sự khác biệt đáng kể giữa thực chất của đời sống này và đời sống của loài người bại hoại. Ý nghĩa của sự tồn tại này và ý nghĩa của sự tồn tại con người bại hoại cũng khác nhau. Dù rằng đây sẽ không phải là đời sống của một loại người mới, nhưng có thể nói đó là đời sống của một nhân loại đã nhận được sự cứu rỗi, cũng như một đời sống đã lấy lại được nhân tính và lý trí. Đây là những người đã từng bất tuân với Đức Chúa Trời, đã được Đức Chúa Trời chinh phục và rồi được Ngài cứu; đây là những người đã làm ô danh Đức Chúa Trời rồi sau đó làm chứng về Ngài. Sau khi họ đã trải qua và sống sót sau thử thách của Ngài, sự tồn tại của họ sẽ là sự tồn tại có ý nghĩa nhất; họ là những người làm chứng về Đức Chúa Trời trước Sa-tan, và là những người xứng đáng để được sống. Những kẻ sẽ bị hủy diệt là những kẻ không thể làm chứng về Đức Chúa Trời và không xứng đáng để sống tiếp. Sự hủy diệt sẽ là kết quả của hành vi gian ác của họ, và sự hủy diệt như thế là đích đến tốt nhất cho họ. Trong tương lai, khi loài người bước vào cõi tươi đẹp, thì sẽ không có mối quan hệ nào giữa chồng và vợ, giữa cha và con gái, hay mẹ và con trai mà con người tưởng tượng họ sẽ tìm thấy. Khi đó, từng người sẽ đi theo loại của mình, và gia đình cũng đã hoàn toàn bị phá vỡ. Sau khi bị thất bại hoàn toàn, Sa-tan sẽ không bao giờ quấy phá loài người nữa, và con người sẽ không còn tâm tính xấu

xa bại hoại. Những kẻ bất tuân đó cũng đã bị hủy diệt, và chỉ những người tuân phục mới được ở lại. Vậy thì, rất ít gia đình sẽ sống sót nguyên vẹn; làm sao những mối quan hệ thuộc thể có thể tiếp tục tồn tại? Đời sống trong xác thịt trước đây của loài người sẽ hoàn toàn bị cấm; thì làm sao những mối quan hệ thuộc thể khi ấy lại có thể tồn tại giữa con người? Không có tâm tính Sa-tan bại hoại, thì đời sống con người sẽ không còn là đời sống cũ trong quá khứ, mà là một đời sống mới. Cha mẹ sẽ mất con cái, và con cái sẽ mất cha mẹ. Chồng sẽ mất vợ, và vợ sẽ mất chồng. Hiện nay, những mối quan hệ thuộc thể đang tồn tại giữa con người, nhưng chúng sẽ không còn nữa một khi mọi người đã bước vào sự nghỉ ngơi. Chỉ có loại nhân loại này sẽ sở hữu sự công chính và sự thánh khiết; chỉ có loại nhân loại này mới có thể thờ phượng Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời đã dựng nên con người và đặt họ trên đất, và Ngài đã dẫn dắt họ kể từ đó. Sau đó Ngài cứu họ và phục vụ với vai trò là một của lễ chuộc tội cho loài người. Cuối cùng, Ngài vẫn phải chinh phục loài người, cứu con người một cách hoàn toàn, và khôi phục họ trở lại như ban đầu. Đây là công tác mà Ngài đã tiến hành từ khi bắt đầu – khôi phục loài người trở lại hình ảnh và hình dạng ban đầu của họ. Đức Chúa Trời sẽ thiết lập vương quốc của Ngài và khôi phục hình dáng ban đầu của con người, điều đó có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ khôi phục thẩm quyền của Ngài trên đất và giữa mọi loài thọ tạo. Loài người đã đánh mất lòng kính sợ Đức Chúa Trời sau khi bị Sa-tan làm cho bại hoại, và cả chức năng được ban cho các vật thọ tạo của Đức Chúa Trời, do đó đã trở thành kẻ thù không vâng lời Đức Chúa Trời. Sau đó loài người sống dưới quyền của Sa-tan và tuân theo mệnh lệnh của Sa-tan; vì thế, Đức Chúa Trời không có cách nào để làm việc giữa các vật thọ tạo của Ngài, và càng không thể giành được sự kính sợ của họ. Con người được Đức Chúa Trời tạo dựng, và phải thờ phượng Đức Chúa Trời, nhưng họ đã thực sự quay lưng lại với Ngài và thay vào đó lại thờ phượng Sa-tan. Sa-tan đã trở thành thần tượng trong lòng họ. Do đó, Đức Chúa Trời đã mất đi vị thế của Ngài trong lòng họ, điều đó có nghĩa rằng Ngài đã mất đi ý nghĩa đằng sau sự sáng tạo loài người của Ngài. Do đó, để khôi phục ý nghĩa đằng sau sự sáng tạo loài người của Ngài, Ngài phải khôi phục hình dạng ban đầu của họ và loại bỏ tâm tính bại hoại của loài người. Để giành lại con người từ Sa-tan, Ngài phải cứu họ ra khỏi tội lỗi. Chỉ bằng cách này thì Đức Chúa Trời mới có thể dần dần khôi phục hình dạng và chức năng ban đầu của họ, và cuối cùng, khôi phục vương quốc của Ngài. Sự hủy diệt sau cùng đối với các con trai của sự bất tuân sẽ được thực hiện để cho con người thờ phượng Đức Chúa Trời tốt hơn và sống tốt hơn trên đất. Bởi vì Đức Chúa Trời đã dựng nên con người, nên Ngài sẽ làm cho họ thờ phượng Ngài; Bởi vì Ngài muốn khôi phục chức năng ban

đầu của loài người, nên Ngài sẽ khôi phục nó trọn vẹn và không có bất kỳ sự pha trộn nào. Khôi phục thẩm quyền của Ngài có nghĩa là làm cho con người thờ phượng Ngài và tuân phục Ngài; điều đó có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ làm cho con người sống vì Ngài và khiến kẻ thù của Ngài bị diệt vong bởi thẩm quyền của Ngài. Điều đó có nghĩa rằng Đức Chúa Trời sẽ khiến tất cả những gì thuộc về Ngài tiếp tục tồn tại giữa con người mà không có sự chống đối của bất kỳ ai. Vương quốc Đức Chúa Trời muốn thiết lập là vương quốc của chính Ngài. Nhân loại Ngài mong muốn là một nhân loại sẽ thờ phượng Ngài, một nhân loại sẽ tuân phục Ngài hoàn toàn và bày tỏ sự vinh hiển của Ngài. Nếu Đức Chúa Trời không cứu loài người bại hoại, thì ý nghĩa đằng sau sự sáng tạo loài người của Ngài sẽ bị mất đi; Ngài sẽ không còn thẩm quyền giữa con người, và vương quốc của Ngài sẽ không còn có thể tồn tại trên đất. Nếu Đức Chúa Trời không hủy diệt những kẻ thù không vâng phục Ngài, thì Ngài sẽ không thể có được sự vinh hiển trọn vẹn của Ngài, mà Ngài cũng không thể thiết lập vương quốc của Ngài trên đất. Đây sẽ là những dấu hiệu của sự hoàn thành công tác của Ngài và thành tựu vĩ đại của Ngài: hủy diệt hoàn toàn những ai trong loài người không vâng phục Ngài, và đem vào sự nghỉ ngơi đối với những ai đã được trở nên trọn vẹn. Khi con người đã được khôi phục lại hình dạng ban đầu của họ, và khi họ có thể hoàn thành bổn phận của riêng mình, giữ đúng vị trí của mình và tuân phục mọi sự sắp xếp của Đức Chúa Trời, thì Đức Chúa Trời sẽ có được một nhóm người trên đất thờ phượng Ngài, và Ngài cũng đã thiết lập một vương quốc trên đất thờ phượng Ngài. Sau đó Ngài sẽ có chiến thắng đời đời trên đất, và tất cả những ai chống đối Ngài sẽ bị diệt vong cho đến đời đời. Điều này sẽ khôi phục ý định ban đầu của Ngài trong việc dựng nên loài người; nó sẽ khôi phục ý định của Ngài trong việc dựng nên muôn vật, và nó cũng sẽ khôi phục thẩm quyền của Ngài trên đất, giữa muôn vật, và giữa những kẻ thù của Ngài. Những điều này sẽ là các biểu tượng cho chiến thắng hoàn toàn của Ngài. Từ đó, loài người sẽ bước vào sự nghỉ ngơi và bắt đầu một đời sống theo đúng hướng. Đức Chúa Trời cũng sẽ bước vào sự nghỉ ngơi đời đời với loài người, và bắt đầu một đời sống đời đời được chia sẻ bởi chính Ngài lẫn con người. Sự ô uế và bất tuân hiện tại trên đất đã biến mất, và tất cả sự khốc tan đã tiêu tan, và mọi thứ trên thế giới chống lại Đức Chúa Trời đã không còn tồn tại. Chỉ có Đức Chúa Trời và những người Ngài đã mang đến sự cứu rỗi sẽ còn mãi; chỉ có sự sáng tạo của Ngài sẽ còn mãi.

Khi người thấy được thân thể thuộc linh của Jêsus, Đức Chúa Trời đã làm mới lại trời đất

Người có ao ước được nhìn thấy Jêsus? Người có ao ước được sống cùng Jêsus? Người có ao ước được nghe những lời Jêsus phán? Nếu vậy, người sẽ nghinh đón sự trở lại của Jêsus như thế nào? Người có sẵn sàng không? Người sẽ nghinh đón sự trở lại của Jêsus theo cách thức nào? Ta nghĩ rằng mỗi anh chị em đi theo Jêsus đều muốn nghinh đón Ngài thật tốt. Nhưng các người đã cân nhắc điều này chưa: Các người sẽ thật sự nhận biết Jêsus khi Ngài quay trở lại chứ? Các người sẽ thật sự hiểu mọi điều Ngài phán chứ? Các người sẽ thật sự chấp nhận một cách vô điều kiện tất cả công tác mà Ngài làm chứ? Tất cả những ai đã đọc Kinh Thánh đều biết về sự trở lại của Jêsus, và tất cả những ai đã đọc Kinh Thánh đều chăm chú chờ đợi Ngài đến. Tất cả các người đều chăm chú vào giây phút đó, và sự chân thành của các người thật đáng khen, đức tin của các người thật sự đáng ghen tị, nhưng các người có nhận ra rằng mình đã phạm phải một sai lầm nghiêm trọng không? Jêsus sẽ trở lại theo cách nào? Các người tin rằng Jêsus sẽ quay trở lại trên một đám mây trắng, nhưng Ta hỏi các người: Đám mây trắng này ám chỉ điều gì? Khi mà rất nhiều người đi theo Jêsus đang chờ đợi sự quay trở lại của Ngài, thì Ngài sẽ giáng thế giữa những người nào? Nếu Jêsus giáng thế ở giữa các người đầu tiên, thì chẳng phải những người khác sẽ cho rằng điều này thật quá bất công sao? Ta biết rằng các người đều rất chân thành và trung thành với Jêsus, nhưng các người đã bao giờ gặp Jêsus chưa? Các người có biết được tâm tính của Ngài không? Các người đã bao giờ sống cùng Ngài chưa? Các người thật sự hiểu về Ngài được bao nhiêu? Một số người sẽ nói rằng những lời này đặt họ vào tình huống lúng túng. Họ sẽ nói rằng: “Con đã đọc hết Kinh Thánh từ đầu chí cuối rất nhiều lần. Sao con có thể không hiểu Jêsus được? Đừng bận tâm đến tâm tính của Jêsus – con thậm chí còn biết cả màu sắc trang phục mà Ngài thích mặc. Chẳng phải Ngài đang xem thường con khi Ngài phán rằng con không hiểu Jêsus sao?” Ta cho rằng người không nên tranh cãi về những vấn đề này; tốt hơn nên bình tâm và thông công về những câu hỏi sau: Trước hết, người có biết thế nào là hiện thực, và thế nào là lý thuyết không? Thứ hai, người có biết thế nào là các quan niệm, và thế nào là lẽ thật không? Thứ ba, người có biết thế nào là tưởng tượng, và thế nào là hiện thực không?

Một số người phủ nhận sự thật rằng họ không hiểu Jêsus. Và cho dù vậy Ta vẫn phán rằng các người không hiểu chút gì về Ngài, và không hiểu một lời nào của Jêsus. Đó là bởi mỗi một người trong các người đi theo Ngài vì những bản kỹ thuật trong Kinh Thánh, vì những gì người khác đã nói. Các người chưa bao giờ nhìn thấy

Jêsus, đừng nói là sống với Ngài, và thậm chí người còn chưa ở cùng Ngài trong một thời gian ngắn. Như vậy, chẳng phải những hiểu biết của các người về Jêsus không có gì khác ngoài lý thuyết hay sao? Đó chẳng phải là thiếu hiện thực hay sao? Có lẽ một số người đã nhìn thấy chân dung của Jêsus, hoặc một số người đã đích thân đến thăm nhà của Jêsus. Có thể một số người đã chạm vào trang phục của Jêsus. Tuy vậy, hiểu biết của người về Ngài vẫn chỉ là lý thuyết mà không có thực tiễn, kể cả khi người đã đích thân nếm món ăn mà Jêsus đã ăn. Cho dù là thế nào đi nữa, người chưa bao giờ nhìn thấy Jêsus, và chưa bao giờ đồng hành cùng Ngài trong hình hài xác thịt, và vì vậy hiểu biết của người về Jêsus sẽ luôn là lý thuyết trống rỗng, thiếu thực tế. Có lẽ những lời của Ta không khiến người quan tâm nhiều, nhưng Ta hỏi người điều này: Mặc dù người có thể đã đọc rất nhiều tác phẩm của tác giả mà người ngưỡng mộ nhất, nhưng người có thể nào hiểu đầy đủ về người đó khi chưa từng dành thời gian ở cạnh họ hay không? Người có biết nhân cách của họ như thế nào không? Người có biết lối sống của họ như thế nào không? Người có biết chút gì về trạng thái cảm xúc của họ không? Người thậm chí không thể hiểu đầy đủ về một người mà người hâm mộ, thì làm sao người có thể hiểu được Chúa Jêsus Christ? Mọi điều người hiểu về Jêsus chỉ toàn là tưởng tượng và quan niệm, và không có lẽ thật hay hiện thực. Điều đó thật đáng ghê tởm và đầy xác thịt. Làm sao một sự hiểu biết như vậy lại có thể giúp người có đủ tư cách nghinh đón sự tái lâm của Jêsus được? Jêsus sẽ không đón nhận những người đầy những ảo tưởng và các quan niệm về xác thịt. Làm sao những người không hiểu về Jêsus lại có thể phù hợp để trở thành những tín đồ của Ngài?

Các người có ước được biết nguyên nhân gốc rễ vì sao người Pha-ri-si đã chống đối Jêsus không? Các người có ước được biết thực chất của người Pha-ri-si không? Họ đầy ảo tưởng về Đấng Mê-si. Hơn thế nữa, họ chỉ tin rằng Đấng Mê-si sẽ đến, mà không mưu cầu lẽ thật của sự sống. Và vì vậy, cho đến tận ngày nay họ vẫn chờ đợi Đấng Mê-si, bởi vì họ không có hiểu biết gì về con đường sự sống, và không biết con đường lẽ thật là gì. Các người nói xem, làm sao những kẻ ngốc nghếch, cố chấp và dốt nát như vậy có thể có được phước lành của Đức Chúa Trời? Làm sao họ có thể thấy được Đấng Mê-si? Họ đã chống đối Jêsus bởi vì họ đã không biết đường hướng làm việc của Đức Thánh Linh, bởi vì họ đã không biết con đường lẽ thật mà Jêsus đã phán, và hơn thế nữa, bởi vì họ đã không hiểu về Đấng Mê-si. Và bởi vì họ đã chưa bao giờ nhìn thấy Đấng Mê-si và chưa bao giờ đồng hành cùng Đấng Mê-si, họ đã phạm sai lầm là bám víu thuần túy vào danh của Đấng Mê-si trong khi chống đối thực chất của Đấng Mê-si bằng bất kỳ giá nào có thể. Những người Pha-ri-si này về bản chất là cố chấp, kiêu ngạo, và đã không vâng phục lẽ thật. Nguyên tắc niềm

tin vào Đức Chúa Trời của họ là: Bất kể sự thuyết giáo của Ngài có thâm thúy ra sao, thẩm quyền của Ngài cao đến đâu, thì Ngài vẫn không phải là Đấng Christ trừ khi Ngài được gọi là Đấng Mê-si. Niềm tin này không phải thật ngớ ngẩn và lố bịch hay sao? Ta hỏi thêm các người: Chẳng phải cực kỳ dễ dàng để các người mắc phải những sai lầm của những người Pha-ri-si nguyên thủy, khi các người không có chút hiểu biết nào về Jê-sus sao? Các người có thể nhận thức được con đường lẽ thật không? Các người có thể thật sự đảm bảo rằng người sẽ không chống đối Đấng Christ không? Các người có thể theo được công việc của Đức Thánh Linh không? Nếu các người không biết liệu mình sẽ chống đối Đấng Christ hay không, thì Ta phán rằng các người đang sống trên bờ vực của cái chết rồi. Những người đã không biết về Đấng Mê-si hết thảy đều có khả năng chống đối Jê-sus, từ chối Jê-sus, phỉ báng Ngài. Những người không hiểu về Jê-sus hết thảy đều có thể từ chối Ngài và thóa mạ Ngài. Hơn thế nữa, họ còn có thể xem sự tái lâm của Jê-sus là sự lừa dối của Sa-tan, và sẽ càng nhiều người chỉ trích việc Jê-sus đã quay trở lại với xác thịt. Tất cả những điều này không khiến các người sợ hãi sao? Những gì các người đối mặt sẽ là sự báng bổ Đức Thánh Linh, sự hủy hoại những lời của Đức Thánh Linh phán cùng các hội thánh, và sự bác bỏ tất cả những gì Jê-sus đã bày tỏ. Người có thể nhận được gì từ Jê-sus nếu người quá mù mịt? Làm sao người có thể hiểu được công tác của Jê-sus khi Ngài trở lại với xác thịt trên một đám mây trắng, nếu các người cứ ngoan cố không nhận ra những sai lầm của mình? Ta phán với các người điều này: Những người không nhận lãnh lẽ thật, nhưng vẫn mù quáng chờ đợi Jê-sus đến trên đám mây trắng, chắc chắn sẽ báng bổ Đức Thánh Linh, và họ là loại người sẽ bị hủy diệt. Các người chỉ đơn thuần ước ao có được ân điển của Jê-sus, và chỉ muốn tận hưởng cõi thiên đàng hạnh phúc, nhưng các người lại chưa bao giờ vâng phục những lời Jê-sus phán, và chưa bao giờ nhận lãnh lẽ thật mà Jê-sus bày tỏ khi Ngài quay trở lại với xác thịt. Các người sẽ có vật hi sinh gì để đổi lấy việc Jê-sus quay trở lại trên một đám mây trắng? Đó có phải là sự chân thành khi mà các người liên tục phạm tội, và rồi thốt lên lời xưng tội, hết lần này đến lần khác không? Các người sẽ dâng tế lễ gì cho Jê-sus, Đấng quay trở lại trên một đám mây trắng? Đó có phải là những năm làm việc để các người dâng hiến chính mình? Các người sẽ có gì để khiến Jê-sus tái lâm tin tưởng mình? Phải chăng là bản tính kiêu ngạo của các người, thứ không vâng phục bất kỳ lẽ thật nào?

Lòng trung thành của các người chỉ ở lời nói mà thôi, kiến thức của các người chỉ đơn thuần thuộc về trí óc và quan niệm, những lao nhọc của các người chỉ nhằm đạt được những phước lành của thiên đàng, vậy thì đức tin của các người hẳn phải như thế nào? Thậm chí ngày nay, các người vẫn bỏ ngoài tai từng lời lẽ thật. Các

người không biết Đức Chúa Trời là gì, các người không biết Đấng Christ là gì, các người không biết cách tôn kính Đức Giê-hô-va, các người không biết cách bước vào công tác của Đức Thánh Linh, và các người không biết cách phân biệt giữa công tác của chính Đức Chúa Trời và những sự lừa dối của con người. Người chỉ biết chỉ trích bất kỳ lời của lẽ thật nào Đức Chúa Trời bày tỏ mà không phù hợp với suy nghĩ của chính người. Sự khiêm nhường của người ở đâu? Sự vâng lời của người ở đâu? Lòng trung thành của người ở đâu? Lòng khao khát tìm kiếm lẽ thật của người ở đâu? Lòng tôn kính dành cho Đức Chúa Trời của người ở đâu? Ta phán cùng các người, những người tin vào Đức Chúa Trời chỉ vì các dấu lạ thì chắc chắn là loại người sẽ bị hủy diệt. Những người không có khả năng nhận lãnh những lời của Jêsus, Đấng đã quay trở lại với xác thịt, chắc chắn là con cháu của địa ngục, dòng dõi của thiên sứ trưởng, loại người sẽ phải chịu sự hủy diệt đời đời. Nhiều người có thể không quan tâm đến những gì Ta phán, nhưng Ta vẫn muốn phán với từng người được gọi là thánh đồ đi theo Jêsus rằng, khi các người nhìn thấy tận mắt Jêsus giáng thế từ trời trên một đám mây trắng, đây sẽ là sự xuất hiện công khai của Mặt Trời của sự công chính. Có lẽ đó sẽ là thời điểm vô cùng phấn khích của các người, nhưng các người cần biết rằng thời điểm các người chứng kiến Jêsus giáng thế từ trời cũng là lúc các người xuống địa ngục để chịu trừng phạt. Đó sẽ là thời điểm kết thúc kế hoạch quản lý của Đức Chúa Trời, và nó sẽ là khi Đức Chúa Trời ban thưởng cho người tốt và trừng phạt kẻ xấu. Vì sự phán xét của Đức Chúa Trời sẽ kết thúc trước khi loài người nhìn thấy các dấu lạ, khi chỉ còn sự bày tỏ của lẽ thật. Những người chấp nhận lẽ thật và không tìm kiếm các dấu lạ, và do đó đã được tinh sạch, sẽ trở lại trước ngai của Đức Chúa Trời và bước vào vòng tay của Đấng Tạo Hóa. Chỉ những người cố chấp với niềm tin rằng “Jêsus không cưỡi trên một đám mây trắng là Chirst giả” sẽ phải chịu sự trừng phạt đời đời, bởi vì họ chỉ tin vào Jêsus là Đấng biểu lộ các dấu kỳ, mà không thừa nhận Jêsus là Đấng tuyên bố sự phán xét nghiêm khắc và ban ra con đường thật và sự sống. Và vì vậy chỉ có thể là Jêsus sẽ giải quyết họ khi Ngài công khai tái lâm trên một đám mây trắng. Họ quá ngang bướng, quá tự tin vào bản thân, và quá kiêu ngạo. Làm sao những kẻ suy đồi như vậy có thể được Jêsus ban thưởng? Sự tái lâm của Jêsus là sự cứu rỗi vĩ đại cho những người có khả năng chấp nhận lẽ thật, nhưng với những người không thể chấp nhận lẽ thật, đó là dấu hiệu của sự đoán phạt. Các người nên chọn con đường của riêng mình, và không nên báng bỏ Đức Thánh Linh và bác bỏ lẽ thật. Các người không nên là kẻ ngốc nghếch và kiêu ngạo, mà hãy là người vâng phục sự chỉ dẫn của Đức Thánh Linh và mong mỏi, tìm kiếm lẽ thật; chỉ có cách này các người mới được lợi. Ta khuyên các người nên bước đi trên con đường tin tưởng vào Đức Chúa

Trời một cách cẩn trọng. Đừng vội kết luận; và hơn thế nữa, đừng quá hờ hững và khinh suất trong niềm tin của các người vào Đức Chúa Trời. Các người cần biết rằng, ít nhất, những người tin vào Đức Chúa Trời cần khiêm nhường và tôn kính. Những người đã nghe về lẽ thật mà vẫn hếch mũi kiêu ngạo là những kẻ đại dốt và ngốc nghếch. Những người đã nghe về lẽ thật mà vẫn bắt cần kết luận hay chỉ trích nó là những kẻ đầy lòng kiêu ngạo. Không ai tin vào Jêsus lại có tư cách rửa sả hay chỉ trích những người khác. Tất cả các người đều cần phải trở thành người có ý thức và người chấp nhận lẽ thật. Có lẽ, khi đã nghe về con đường của lẽ thật và đã đọc về lời của sự sống, người tin rằng chỉ có một trong số 10.000 lời này là nhất quán với những niềm tin của người và Kinh Thánh, vậy thì người nên tiếp tục tìm kiếm trong số 10.000 lời này đi. Ta vẫn khuyên người nên khiêm nhường, không nên quá tự tin, và không nên tăng bốc bản thân mình quá cao. Với tấm lòng chứa đựng sự tôn kính Đức Chúa Trời đơn sơ như vậy, người sẽ có được sự sáng vĩ đại hơn. Nếu người cẩn thận xem xét và liên tục suy ngẫm những lời này, người sẽ hiểu chúng có phải là lẽ thật hay không, và chúng có phải là sự sống hay không. Có lẽ, khi chỉ mới đọc vài câu, một số người sẽ mù quáng chỉ trích những lời này, cho rằng: “Điều này chẳng có gì ngoài một chút khai sáng của Đức Thánh Linh”, hoặc: “Đây là Christ giả đến để lừa gạt con người”. Những người nói những điều như vậy thật là bị sự ngu ngốc làm cho mù quáng! Người hiểu quá ít về công việc và sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời, và Ta khuyên người nên bắt đầu lại từ đầu! Các người không được mù quáng chỉ trích những lời Đức Chúa Trời bày tỏ vì sự xuất hiện của các Christ giả trong thời kỳ sau rốt, và người không được trở thành người báng bỏ Đức Thánh Linh vì các người sợ bị lừa dối. Đó chẳng phải là một điều rất đáng tiếc sao? Nếu, sau khi đã xem xét kỹ càng, người vẫn tin rằng những lời này không phải là lẽ thật, không phải là con đường, và không phải là sự bày tỏ của Đức Chúa Trời, thì cuối cùng người sẽ bị trừng phạt, và người sẽ không được phước lành. Nếu người không thể chấp nhận lẽ thật được phán vô cùng dễ hiểu và rõ ràng như thế, thì chẳng phải người không đủ tư cách nhận được sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời hay sao? Chẳng phải người là người không đủ phước để trở lại trước ngai của Đức Chúa Trời sao? Hãy nghĩ về điều đó! Đừng hấp tấp và bông bột, và đừng xem niềm tin vào Đức Chúa Trời chỉ là trò chơi. Hãy suy nghĩ vì đích đến của người, vì triển vọng của người, vì sự sống của người, và đừng đùa giỡn với bản thân mình. Người có thể chấp nhận những lời này không?

Những ai không tương hợp với Đấng Christ thì hẳn là những kẻ chống đối của Đức Chúa Trời

Mọi người đều ao ước được nhìn thấy diện mạo thật của Jêsus, và mọi người đều khao khát ở cùng Ngài. Ta không nghĩ bất kỳ anh chị em nào sẽ nói rằng họ không ao ước được nhìn thấy hay ở cùng Jêsus. Trước khi các người nhìn thấy Jêsus – trước khi các người nhìn thấy Đức Chúa Trời nhập thể – có khả năng các người áp ủ đủ mọi ý tưởng, ví dụ như, về ngoại hình của Jêsus, cách nói của Ngài, cách sống của Ngài, và nhiều nữa. Nhưng một khi các người thật sự nhìn thấy Ngài, những ý tưởng của các người sẽ nhanh chóng thay đổi. Tại sao lại như vậy? Các người có muốn biết không? Tư tưởng của con người là điều không thể bỏ qua, điều đó đúng – nhưng còn hơn thế nữa, thực chất của Đấng Christ không cho phép con người thay đổi. Các người nghĩ rằng Đấng Christ bất tử hay là một hiền nhân, nhưng không ai coi Ngài là một con người bình thường có thực chất thần thánh. Như vậy, nhiều người trong số những kẻ ngày đêm khao khát được nhìn thấy Đức Chúa Trời thật ra là kẻ thù của Đức Chúa Trời, và không tương hợp với Ngài. Chẳng phải đây là lỗi lầm phía con người sao? Ngay cả bây giờ các người vẫn nghĩ rằng niềm tin và lòng trung thành của các người là đủ để làm cho các người xứng đáng được trông thấy diện mạo của Đấng Christ, nhưng Ta khuyên các người trang bị cho mình nhiều điều thực tế hơn! Bởi vì trong quá khứ, hiện tại, và tương lai, nhiều kẻ trong số những người tiếp xúc với Đấng Christ đã hoặc sẽ thất bại; hết thảy họ đều đóng vai những người Pha-ri-si. Nguyên nhân khiến các người thất bại là gì? Có phải chính là vì trong những quan niệm của các người có một Đức Chúa Trời cao cả và đáng cảm phục. Thế nhưng sự thật không như con người mong muốn. Đấng Christ không chỉ không cao cả mà Ngài còn đặc biệt nhỏ bé; Ngài không chỉ là một con người mà Ngài còn là một con người bình thường; Ngài không chỉ không thể lên trời mà Ngài còn thậm chí không thể di chuyển tự do trên đất. Và do vậy, con người đối đãi với Ngài như thể với một người bình thường; họ đối đãi với Ngài một cách tùy tiện khi họ ở cùng Ngài, và nói chuyện với Ngài một cách bất cẩn, trong khi đó vẫn chờ đợi sự đến của “Đấng Christ thật”. Các người coi Đấng Christ đã đến như một con người bình thường, và lời Ngài như lời của một con người bình thường. Vì lý do này, các người đã không nhận được bất cứ điều gì từ Đấng Christ, và thay vào đó đã hoàn toàn vạch trần sự xấu xa của mình ra ánh sáng.

Trước khi tiếp xúc với Đấng Christ, người có thể tin rằng tâm tính của mình đã hoàn toàn được chuyển hóa, rằng người là một môn đệ trung thành của Đấng Christ, rằng không ai xứng đáng nhận lãnh phúc lành của Đấng Christ hơn người – và rằng,

khi đã đi qua nhiều con đường, làm nhiều việc, và mang ra nhiều thành quả, người chắc hẳn sẽ là một trong những người cuối cùng sẽ nhận được mào triều thiên. Ấy vậy mà có một sự thật mà người có thể không biết: Tâm tính bại hoại của con người, sự phản nghịch và sự chống đối của con người bị vạch trần khi con người nhìn thấy Đấng Christ, và sự phản nghịch và chống đối bị vạch trần vào lúc này sẽ bị vạch trần trọn vẹn và toàn diện hơn bất kỳ lúc nào khác. Đó là vì Đấng Christ là Con người – một Con người sở hữu nhân tính bình thường – mà con người không tôn vinh cũng không tôn trọng Ngài. Chính vì Đức Chúa Trời sống trong xác thịt mà sự phản nghịch của con người mới bị mang ra ánh sáng một cách triệt để và chi tiết rõ ràng đến vậy. Do đó Ta bảo rằng sự đến của Đấng Christ đã lật tẩy được mọi sự phản nghịch của nhân loại và đã vạch trần bản tính của nhân loại. Điều này được gọi là “điều hổ ly sơn” và “dụ sói ra khỏi hang”. Người có dám nói rằng người trung thành với Đức Chúa Trời không? Người có dám nói rằng người thể hiện sự vâng phục tuyệt đối với Đức Chúa Trời không? Người có dám nói rằng người không phản nghịch không? Một số người sẽ nói: “Bất cứ khi nào Đức Chúa Trời đặt để tôi vào một môi trường mới, tôi luôn quy phục mà không kêu ca, và hơn nữa tôi không áp ủ quan niệm nào về Đức Chúa Trời cả”. Một số người sẽ nói: “Bất cứ việc gì Đức Chúa Trời sai tôi làm, tôi đều làm hết khả năng và không bao giờ chểnh mảng”. Trong trường hợp đó, Ta hỏi các người điều này: Các người có thể tương hợp với Đấng Christ khi sống bên cạnh Ngài không? Và các người sẽ tương hợp với Ngài trong bao lâu? Một ngày? Hai ngày? Một giờ? Hai giờ? Đức tin của các người có thể rất đáng khen ngợi, nhưng các người không nhiều tính kiên trì. Một khi người thật sự sống với Đấng Christ, sự tự nên công chính và tính tự cao tự đại của người sẽ bị vạch trần thông qua lời nói và việc làm của người, từng chút một, và những ham muốn quá mức của người, tư duy bất tuân và sự bất mãn của người cũng sẽ bị lộ ra một cách tự nhiên. Cuối cùng, sự kiêu ngạo của người sẽ trở nên lớn hơn bao giờ hết, cho đến khi người xung đột với Đấng Christ như thể nước với lửa, và khi đó bản tính của người sẽ bị vạch trần hoàn toàn. Vào lúc đó, các quan niệm của người không thể được che đậy nữa, những sự than oán của người cũng vậy, sẽ phơi ra một cách tự nhiên, và nhân tính hèn hạ của người sẽ bị vạch trần hoàn toàn. Tuy nhiên, ngay cả khi đó, người vẫn không chịu công nhận sự phản nghịch của mình, mà thay vào đó tin rằng một Đấng Christ như thế này không dễ để con người chấp nhận, rằng Ngài cũng quá đòi hỏi ở con người, và rằng người sẽ hoàn toàn quy phục nếu Ngài là một Đấng Christ tử tế hơn. Các người tin rằng sự phản nghịch của các người là chính đáng, rằng các người chỉ phản nghịch Ngài khi Ngài đẩy các người đi xa quá. Người chẳng lần nào suy xét rằng mình không coi Đấng Christ là Đức Chúa Trời, rằng người

thiếu ý định vâng phục Ngài. Thay vào đó, người ngoan cố khẳng định rằng Đấng Christ hoạt động theo những ý muốn của người, và ngay khi Ngài làm một việc trái với suy nghĩ của người, người tin rằng Ngài không phải là Đức Chúa Trời mà là con người. Chẳng phải có nhiều người trong các người đã đấu tranh với Ngài theo cách này sao? Rốt cuộc, các người đang tin vào ai? Và các người tìm kiếm theo cách nào?

Các người luôn mong ước được nhìn thấy Đấng Christ, nhưng Ta bảo các người đừng quá tôn sùng bản thân mình như vậy; bất kỳ ai cũng có thể nhìn thấy Đấng Christ, nhưng Ta nói rằng không ai thích hợp để thấy Đấng Christ cả. Bởi vì bản tính của con người đầy sự ác, kiêu ngạo, và phản nghịch, vào lúc người nhìn thấy Đấng Christ, bản tính của người sẽ hủy hoại người và kết án tử cho người. Sự giao kết của người với một người anh em (hay chị em) có thể không thể hiện nhiều về người, nhưng khi người giao kết với Đấng Christ thì không đơn giản như vậy. Vào bất cứ lúc nào, những quan niệm của người cũng có thể bén rễ, tính kiêu ngạo của người bắt đầu đâm chồi, và sự phản nghịch của người kết trái. Người làm sao có thể thích hợp để kết giao với Đấng Christ bằng nhân tính như vậy? Liệu người có thật sự có thể đối đãi với Ngài như Đức Chúa Trời mọi lúc mọi ngày không? Người sẽ thật sự có được hiện thực của sự quy phục Đức Chúa Trời chứ? Các người thờ phượng Đức Chúa Trời cao cả trong lòng mình như Đức Giê-hô-va trong khi coi Đấng Christ hữu hình là một con người. Ý thức của các người quá kém cỏi và nhân tính của các người quá hèn hạ! Các người không thể luôn coi Đấng Christ như Đức Chúa Trời; chỉ thỉnh thoảng, khi cảm thấy thích, các người mới bầu vịu lấy Ngài và thờ phượng Ngài như Đức Chúa Trời. Đây là lý do tại sao Ta nói các người không phải là những tín đồ của Đức Chúa Trời, mà là bè lũ đồng lõa chiến đấu chống lại Đấng Christ. Ngay cả những con người thể hiện sự tử tế với người khác cũng được đền đáp, ấy vậy mà Đấng Christ, Đấng đã thực hiện những công việc như thế giữa các người, lại không nhận được tình yêu lẫn sự báo đáp và quy phục của con người. Đây không phải là điều đau lòng sao?

Có thể là trong tất cả những năm đặt đức tin vào Đức Chúa Trời của người, người chưa bao giờ nguyên rửa ai hay làm việc xấu, dẫu vậy trong sự giao kết của người với Đấng Christ, người không thể nói sự thật, hành động một cách trung thực, hay vâng phục lời Đấng Christ; trong trường hợp đó, Ta bảo rằng người là người nham hiểm và độc ác nhất trên đời. Người có thể đặc biệt tử tế và tận tình với bà con, bạn bè, vợ (hay chồng), con trai và con gái, cha mẹ của người, và không bao giờ lợi dụng người khác, nhưng nếu người không thể tương hợp với Đấng Christ, nếu người không thể tương tác hòa hợp với Ngài, thì ngay cả khi người dâng trọn mọi thứ của mình có để cứu lấy lảng giềng hay tận tình chăm sóc cha, mẹ, và các

thành viên trong gia đình người, Ta cũng sẽ nói rằng người vẫn xấu xa, và hơn nữa là kẻ đầy những thủ đoạn quỷ quyệt. Đừng tự cho rằng người tương hợp với Đấng Christ đơn giản chỉ vì người hòa hợp với mọi người hay làm vài việc tốt. Người có nghĩ rằng ý định nhân đức của người có thể lừa được những phúc lành của Thiên đàng không? Người có nghĩ rằng làm một vài việc lành là thay thế được cho sự vâng phục của mình không? Không người nào trong các người có thể chấp nhận bị xử lý và tía sửa, và hết thấy các người đều thấy khó đón nhận nhân tính bình thường của Đấng Christ, ấy thế mà các người liên tục rêu rao về sự vâng phục Đức Chúa Trời của mình. Đức tin như của các người sẽ mang về quả báo thích đáng. Hãy thôi ham mê những ảo tưởng không thật và ước muốn được nhìn thấy Đấng Christ, bởi vì vóc giạc các người quá nhỏ bé, quá đến nỗi thậm chí không đáng được nhìn thấy Ngài. Khi người hoàn toàn thanh lọc sự phản nghịch của mình, và có khả năng hòa hợp với Đấng Christ, thì lúc đó Đức Chúa Trời sẽ tự nhiên hiện ra với người. Nếu người đi gặp Đức Chúa Trời mà không trải qua sự tía sửa hay phán xét, khi đó người chắc chắn sẽ trở thành kẻ chống đối Đức Chúa Trời và hẳn sẽ bị hủy diệt. Bản tính của con người vốn thù nghịch với Đức Chúa Trời, bởi vì tất cả mọi người đều chịu sự bại hoại nặng nề nhất của Sa-tan. Nếu con người cố gắng giao kết với Đức Chúa Trời từ giữa sự bại hoại của mình, chắc chắn rằng không có điều gì tốt đẹp có thể xảy đến; những việc làm và lời nói của con người chắc chắn sẽ vạch trần sự bại hoại của họ vào mọi lúc, và khi giao kết với Đức Chúa Trời, sự phản nghịch của con người sẽ bị phơi bày trong mọi mặt. Một cách vô tình, con người trở nên chống đối Đấng Christ, lừa dối Đấng Christ, và từ bỏ Đấng Christ; khi điều này xảy ra, con người sẽ ở trong một trạng thái bấp bênh hơn nữa, và nếu điều này tiếp tục, con người sẽ trở thành đối tượng của sự trừng phạt.

Một số người có thể tin rằng, nếu việc giao kết với Đức Chúa Trời nguy hiểm như vậy thì sẽ khôn ngoan hơn khi giữ khoảng cách với Đức Chúa Trời. Những người như thế này có thể nhận được gì? Họ có thể trung tín với Đức Chúa Trời không? Quả thật, sự giao kết với Đức Chúa Trời là rất khó – nhưng đó là vì con người bị bại hoại, chứ không phải vì Đức Chúa Trời không thể giao kết với con người. Tốt nhất là các người dành nhiều nỗ lực hơn cho lẽ thật của việc nhận biết bản thân. Tại sao các người chưa được ân huệ của Đức Chúa Trời? Tại sao tâm tính của các người lại đáng ghê tởm đối với Ngài? Tại sao điều các người nói lại khiến Ngài căm ghét? Ngay khi các người chứng tỏ được một chút lòng trung thành, các người tự ca ngợi mình, và các người đòi phần thưởng cho một sự đóng góp nhỏ bé; các người coi thường người khác khi các người thể hiện sự vâng phục đôi chút, và trở nên khinh thường Đức Chúa Trời khi hoàn thành nhiệm vụ vụn vặt nào đó. Để đón tiếp Đức

Chúa Trời, các người đòi tiền, quà, và những lời ca tụng. Các người đau lòng khi quyền góp một hai xu; khi các người quyền góp mười xu, các người muốn có phúc lành và được đối đãi khác biệt. Thật chướng tai gai mắt khi nói hoặc nghe về nhân tính như của các người. Có bất cứ điều gì đáng khen ngợi trong những lời nói và việc làm của các người không? Những ai thực hiện bổn phận của mình và những ai không thực hiện; những ai dẫn dắt và những ai theo sau; những ai đón tiếp Đức Chúa Trời và những ai không đón tiếp; những ai bố thí và những ai không bố thí; những ai rao giảng và những ai đón nhận lời; và những điều tương tự: tất cả những người như thế đều tự ca ngợi họ. Các người không thấy điều này nhục cười ư? Hoàn toàn biết rõ rằng mình tin vào Đức Chúa Trời, ấy vậy mà các người không thể tương hợp với Đức Chúa Trời. Hoàn toàn biết rõ rằng các người không có giá trị, các người vẫn khoa trương như thế. Các người không cảm thấy ý thức của mình đã bị hư hỏng đến mức các người không còn tự chủ nữa sao? Với ý thức như thế này, các người làm sao thích hợp để giao kết với Đức Chúa Trời? Các người không sợ cho mình ở tình cảnh này sao? Tâm tính của các người đã bị hư hỏng đến mức không thể tương hợp với Đức Chúa Trời. Như vậy, đức tin của các người không nhục cười sao? Đức tin của các người không phi lý sao? Người sẽ tiếp cận tương lai của người như thế nào? Người sẽ chọn con đường nào để đi?

Nhiều kẻ được gọi, nhưng ít người được chọn

Ta đã tìm kiếm nhiều người trên đất làm môn đệ của Ta. Trong số các môn đệ này, có những người phục vụ như các thầy tế lễ, có những người lãnh đạo, có những người là các con trai của Đức Chúa Trời, có những người là dân sự của Đức Chúa Trời, và có những người phục vụ. Ta phân loại họ dựa trên sự trung thành mà họ thể hiện với Ta. Khi hết thấy đã được phân theo loại, có nghĩa là, khi bản tính của mỗi loại người đã được làm rõ, Ta sẽ đánh số mỗi người họ trong phân nhóm đúng của họ và đặt mỗi loại vào vị trí thích hợp, để đạt được mục tiêu cứu rỗi nhân loại của Ta. Trong các nhóm, Ta gọi những người Ta muốn cứu về nhà của Ta, và rồi khiến cho tất cả họ chấp nhận công tác thời kỳ sau rốt của Ta. Đồng thời, Ta phân họ theo loại, rồi thưởng hay phạt mỗi người trên cơ sở những hành vi của họ. Đó là các bước tạo nên công tác của Ta.

Nay Ta sống trên trần thế, và Ta sống giữa con người. Mọi người cảm nghiệm công tác của Ta, theo dõi những lời phán của Ta, và cùng với đó, Ta ban mọi lễ thật cho mỗi môn đệ của Ta, để họ có thể nhận lãnh sự sống từ Ta và nhờ đó có được một con đường mà họ có thể bước đi. Bởi Ta là Đức Chúa Trời, Đáng ban sự sống.

Trong nhiều năm công tác của Ta, mọi người đã đạt được nhiều, và đã từ bỏ nhiều, nhưng Ta vẫn nói rằng họ không thật sự tin ở Ta. Vì mọi người chỉ đơn thuần thừa nhận Ta là Đức Chúa Trời ngoài miệng, nhưng họ bất đồng với những lẽ thật mà Ta phán bảo, và hơn nữa, họ còn không thực hành những lẽ thật Ta yêu cầu ở họ. Có nghĩa là mọi người chỉ thừa nhận sự tồn tại của Đức Chúa Trời, mà không phải của lẽ thật; mọi người chỉ thừa nhận sự tồn tại của Đức Chúa Trời, mà không phải của sự sống; mọi người chỉ thừa nhận danh của Đức Chúa Trời, mà không phải thực chất của Ngài. Ta khinh bỉ họ vì sự sốt sắng của họ, vì họ chỉ dùng những lời lẽ êm tai để lừa dối Ta; chẳng ai trong số họ thực sự thờ phượng Ta. Lời nói của các người chứa đựng sự mê dụ của loài rắn; hơn thế, chúng kêu ngạo tốt độ, như một lời tuyên bố thật sự của thiên sứ trưởng. Còn nữa, những việc làm của các người thối nát đến mức ô nhục; các ham muốn vô độ và những ý định tham lam của các người nghe rất chối tai. Hết thấy các người đã trở thành những loài sâu mọt trong nhà Ta, những vật đáng bị đào thải trong ghê tởm. Bởi chẳng ai trong các người yêu lẽ thật; thay vào đó, các người muốn được ban phước, muốn được lên thiên đàng, và muốn chứng kiến cảnh tượng tuyệt diệu của Đấng Christ đang thực hiện quyền năng của Ngài trên đất. Nhưng các người có bao giờ nghĩ xem làm sao những kẻ như các người, những kẻ tận cùng bại hoại, những kẻ chẳng biết Đức Chúa Trời là gì, có thể xứng đáng đi theo Đức Chúa Trời được? Làm sao các người có thể lên được thiên đàng? Làm sao các người có thể xứng đáng được nhìn thấy những cảnh tượng tráng lệ, những cảnh tượng huy hoàng chưa từng có? Miệng lưỡi các người đầy những lời giả dối và bần thỉu, những lời phản bội và ngạo mạn. Chẳng bao giờ các người nói những lời chân thành với Ta, không một lời thánh thiện, không một lời quy phục Ta sau khi đã cảm nghiệm lời Ta. Cuối cùng thì đức tin của các người là như thế nào? Trong lòng các người không có gì ngoài ham muốn và tiền bạc, và không có gì ngoài những thứ vật chất trong đầu óc các người. Hằng ngày, các người tính toán làm sao để lấy được thứ gì đó từ Ta. Hằng ngày, các người đếm xem bao nhiêu của cải và bao nhiêu vật chất mình đã có được từ Ta. Hằng ngày, các người trông đợi hằng thêm nhiều phước lành đến để các người có thể hưởng thụ những thứ có thể tận hưởng được, với số lượng nhiều hơn và tiêu chuẩn cao hơn. Không phải Ta hiện diện trong tâm tư các người từng giây từng phút, cũng chẳng phải lẽ thật từ Ta, mà là chồng hoặc vợ của các người, con cái của các người, và những thứ các người ăn mặc. Các người nghĩ cách để có thể được hưởng thụ mãi nhiều hơn nữa và mãi cao hơn nữa. Nhưng ngay cả khi các người đã no nê vỡ bụng rồi, thì chẳng phải các người vẫn là một cái xác chết sao? Ngay cả khi, bề ngoài, các người diện cho mình những bộ cánh đẹp đẽ như vậy, thì chẳng phải các người vẫn là một cái xác biết đi

không có sự sống đó sao? Các người nhọc công vì cái bao tử đến tận khi tóc điểm bạc, thế mà chẳng ai trong các người hy sinh dù một cọng tóc cho công tác của Ta. Các người luôn bận rộn, nhọc thân vất óc vì xác thịt của bản thân, và vì con cái các người – mà chẳng một ai trong các người tỏ ra lo lắng hay bận tâm đến ý muốn của Ta. Thứ gì mà các người vẫn còn mong có được từ Ta?

Ta không bao giờ vội vã khi làm việc. Bất kể mọi người theo Ta như thế nào, Ta vẫn thực hiện công tác của Ta theo từng bước, theo kế hoạch của Ta. Bởi thế, mặc cho tất cả những sự phản nghịch của các người, Ta vẫn làm việc không ngừng nghỉ, và Ta vẫn tiếp tục phán những lời Ta phải phán. Ta gọi về nhà Ta những người Ta đã định trước, để họ có thể nghe thấy lời của Ta. Tất cả những ai vâng phục lời Ta, những ai khao khát lời Ta, Ta đều mang đến trước ngai của Ta; tất cả những kẻ quay lưng với lời Ta, những kẻ không vâng lời Ta, và công khai thách thức Ta, Ta đều ném qua một bên để chờ sự trừng phạt cuối cùng. Mọi người hết thảy đều sống trong sự bại hoại và dưới tay kẻ ác, và vì thế, chẳng có mấy ai theo Ta mà thiết tha lẽ thật. Có nghĩa là hầu hết không thực sự thờ phượng Ta; họ chẳng thờ phượng Ta cùng với lẽ thật, mà cố lấy lòng tin của Ta thông qua sự bại hoại và phản nghịch, bằng những trò giả dối. Chính vì lẽ đó mà Ta nói: Nhiều kẻ được gọi, nhưng ít người được chọn. Những kẻ được gọi đã cực kỳ hư hoại, và tất cả đều sống cùng thời – nhưng những người được chọn là một phần trong đó, họ là những ai tin và thừa nhận lẽ thật, và những ai thực hành lẽ thật. Những người này chỉ là một phần rất nhỏ trong toàn bộ, và từ họ, Ta sẽ nhận được nhiều vinh hiển hơn. Soi mình vào những lời này, các người có biết liệu mình có nằm trong số những người được chọn hay không? Kết cục của các người sẽ ra sao?

Như Ta đã nói, những kẻ theo Ta thì nhiều nhưng những người thật sự yêu thương Ta thì ít. Có lẽ một số người có thể nói rằng: “Nếu không yêu thương Ngài thì con có trả cái giá đắt như thế này không? Nếu không yêu thương Ngài thì con có đi theo đến thời điểm này không?” Tất nhiên là người có nhiều lý lẽ, và tình yêu thương của người tất nhiên là rất lớn, nhưng thực chất tình yêu thương mà người dành cho Ta là gì? “Tình yêu”, như tên gọi của nó, chỉ một tình cảm thuần khiết không vết nhơ, trong đó người sử dụng con tim để thương yêu, cảm nhận và quan tâm. Trong tình yêu không có điều kiện, không có rào cản, và không có khoảng cách. Trong tình yêu không có hoài nghi, không có giả dối, và không có xảo quyết. Trong tình yêu không có dối chác và không có gì ô uế. Nếu người yêu thương, thì người sẽ không giả dối, không ca thán, không phản bội, không dấy loạn, không đòi hỏi, hay mưu cầu được cái gì hay được bao nhiêu. Nếu người yêu thương, thì người sẽ vui vẻ dâng hiến, sẽ vui vẻ chịu đựng gian khổ, người sẽ tương hợp với Ta, người sẽ từ

bỏ tất cả những gì người có vì Ta, người sẽ từ bỏ gia đình người, tương lai người, tuổi trẻ của người, và cuộc hôn nhân của người. Nếu không, tình yêu của người sẽ không hề là tình yêu, mà là sự giả dối và phản bội! Tình yêu của người là thứ tình yêu gì? Đó là tình yêu thật? Hay giả? Người đã từ bỏ bao nhiêu rồi? Người đã dâng hiến bao nhiêu rồi? Bao nhiêu yêu thương Ta đã nhận được từ người? Người có biết không? Lòng các người chứa đầy những điều xấu xa, phản bội, và giả dối – và như vậy thì bao nhiêu phần trong tình yêu của các người là ô uế? Các người nghĩ rằng mình đã từ bỏ đủ vì Ta; các người nghĩ rằng tình yêu của các người dành cho Ta đã đủ rồi. Nhưng sao lời nói và hành động của các người luôn phản nghịch và giả dối? Các người theo Ta, nhưng không thừa nhận lời Ta. Như thế có được coi là tình yêu không? Các người theo Ta, nhưng rồi lại gạt bỏ Ta. Như thế có được coi là tình yêu không? Các người theo Ta, nhưng hồ nghi về Ta. Như thế có được coi là tình yêu không? Các người theo Ta, nhưng không thể chấp nhận sự hiện hữu của Ta. Như thế có được coi là tình yêu không? Các người theo Ta, nhưng không đối đãi với Ta tương xứng với thân phận của Ta, và gây khó khăn cho Ta mọi lúc. Như thế có được coi là tình yêu không? Các người theo Ta, nhưng cố lừa phỉnh Ta và dối gạt Ta trong mọi chuyện. Như thế có được coi là tình yêu không? Các người phụng sự Ta, nhưng không kính sợ Ta. Như thế có được coi là tình yêu không? Các người chống đối Ta trên mọi phương diện và trong mọi sự. Như thế có được coi là tình yêu không? Đúng là các người đã hiến dâng nhiều, nhưng các người chưa bao giờ thực hành những điều Ta yêu cầu ở các người. Như thế có thể gọi là tình yêu không? Tính kỹ ra thì chẳng có lấy một mẫu yêu thương nào bên trong các người dành cho Ta cả. Sau chừng ấy năm công tác và chừng ấy lời Ta đã cung cấp, các người đã thực sự đạt được bao nhiêu? Điều này không đáng để nhìn kỹ lại sao? Ta răn dạy các người: Những người Ta gọi đến với Ta không phải là những người chưa bao giờ bị làm bại hoại, đúng hơn, những người Ta chọn là những người thực sự yêu thương Ta. Vì thế, các người phải biết thận trọng trong những lời nói và hành động của mình, xem xét những ý định và suy nghĩ của mình để chúng không đi quá giới hạn. Tại thời điểm của thời kỳ sau rốt, hãy làm hết sức để dâng tình yêu thương của các người lên trước Ta, kéo cơn thịnh nộ của Ta sẽ không bao giờ rời các người!

Người nên tìm cách tương hợp với Đấng Christ

Ta đã làm nhiều việc giữa con người, trong thời gian đó Ta cũng đã bày tỏ nhiều lời. Những lời này đều vì sự cứu rỗi con người và được bày tỏ hầu cho con người có thể trở nên tương hợp với Ta. Tuy thế, Ta chỉ thu nhận được một vài người trên

thế gian tương hợp với Ta, và do vậy, Ta nói rằng con người không trân quý lời Ta – đó là bởi vì con người không tương hợp với Ta. Theo cách này, công tác Ta làm không đơn thuần là để con người có thể thờ phượng Ta; mà quan trọng hơn là để con người có thể tương hợp với Ta. Con người đã bị làm bại hoại và sống trong cạm bẫy của Sa-tan. Tất cả mọi người đều sống trong xác thịt, sống trong những ham muốn vị kỷ, và không có một ai trong số họ tương hợp với Ta. Có những người nói rằng họ tương hợp với Ta, nhưng những người như thế lại đều thờ ngẫu tượng mờ hồ. Dù họ công nhận danh Ta là thánh khiết, họ lại đi trên con đường trái nghịch với Ta, và lời lẽ của họ đầy kiêu ngạo và tự phụ. Đó là bởi vì, tự gốc rễ, hết thảy họ đều chống lại Ta và không tương hợp với Ta. Mỗi ngày, họ tìm kiếm dấu vết của Ta trong Kinh Thánh và tìm những đoạn “phù hợp” ngẫu nhiên mà họ đọc mãi và đọc thuộc lòng như những bài kinh. Họ không biết cách tương hợp với Ta, cũng không biết chống lại Ta là như thế nào. Họ chỉ đơn thuần đọc kinh một cách mù quáng. Bên trong Kinh Thánh, họ bó buộc một Đức Chúa Trời mờ hồ mà họ chưa bao giờ nhìn thấy, cũng như không thể nhìn thấy, và lấy ra xem trong lúc rỗi rãi. Họ tin vào sự hiện hữu của Ta chỉ trong phạm vi của Kinh Thánh, và họ đánh đồng Ta với Kinh Thánh; không có Kinh Thánh thì không có Ta, và không có Ta thì không có Kinh Thánh. Họ không chú ý gì đến sự hiện hữu hay những hành động của Ta, mà thay vào đó dành sự chú ý tột bậc và đặc biệt cho mỗi một lời của Kinh Thánh. Thậm chí nhiều người còn tin rằng Ta không nên làm bất cứ điều gì Ta muốn làm trừ khi điều đó được Kinh Thánh tiên báo. Họ quá coi trọng Kinh Thánh. Có thể nói rằng họ xem những lời lẽ và sự bày tỏ là quá quan trọng, đến mức họ dùng các câu trong Kinh Thánh để so đo mọi lời Ta nói và để lên án Ta. Cái họ tìm kiếm không phải là cách tương hợp với Ta hay cách tương hợp với lẽ thật, mà là cách tương hợp với những lời trong Kinh Thánh, và họ tin rằng bất cứ điều gì không phù hợp với Kinh Thánh, không có ngoại lệ, đều không phải là công tác của Ta. Chẳng phải những kẻ đó là con cháu ngoan ngoãn của người Pha-ri-si sao? Người Pha-ri-si Do Thái đã dùng luật pháp của Môi-se để kết án Jêsus. Họ đã không tìm kiếm sự tương hợp với Jêsus của thời đó, mà hết mực tuân theo luật pháp đến từng câu chữ, đến mức – sau khi buộc tội Ngài không tuân theo luật pháp của Cựu Ước và không phải là Đấng Mê-si – cuối cùng họ đã đóng đinh Jêsus vô tội lên cây thập tự. Bản chất của họ là gì? Chẳng phải họ đã không tìm cách tương hợp với lẽ thật đó sao? Họ bị ám ảnh bởi từng câu từ một của Kinh Thánh trong khi không chú ý gì đến ý muốn của Ta lẫn các bước và phương pháp công tác của Ta. Họ không phải là những người tìm kiếm lẽ thật, mà là những người bám lấy câu từ một cách cứng nhắc; họ không phải là những người tin vào Đức Chúa Trời, mà là những người tin vào Kinh Thánh. Về bản chất, họ là những

con chó giữ cửa của Kinh Thánh. Để bảo toàn lợi ích của Kinh Thánh, để đề cao chân giá trị của Kinh Thánh, và để bảo vệ thanh danh của Kinh Thánh, họ đã đi quá xa đến mức đóng đinh Jêsus nhân từ lên cây thập tự. Điều này họ làm chỉ đơn thuần là để bảo vệ Kinh Thánh, và để duy trì địa vị từng lời một của Kinh Thánh trong lòng mọi người. Do vậy, họ thà từ bỏ tương lai của họ và của lễ chuộc tội để kết án tử hình Jêsus, Đáng đã không tuân theo giáo lý của Kinh Thánh. Họ chẳng phải đều là tay sai cho từng lời một của Kinh Thánh sao?

Còn mọi người ngày nay thì sao? Đáng Christ đã đến để ban phát lẽ thật, ấy thế mà họ thà đuổi Ngài ra khỏi thế gian này để họ có thể có được lối vào thiên đàng và nhận lãnh ân điển. Họ thà hoàn toàn phủ nhận sự đến của lẽ thật để bảo toàn lợi ích của Kinh Thánh, và họ thà đóng đinh Đáng Christ trở lại với xác thịt vào cây thập tự một lần nữa để đảm bảo sự tồn tại đời đời của Kinh Thánh. Làm sao con người có thể nhận lãnh sự cứu rỗi của Ta khi lòng họ hiểm độc như vậy và bản tính của họ đối chọi lại Ta như vậy? Ta sống giữa con người, nhưng con người không biết đến sự hiện hữu của Ta. Khi Ta chiếu rọi sự sáng của Ta lên con người, họ vẫn không biết đến sự hiện hữu của Ta. Khi Ta trút cơn thịnh nộ của Ta lên con người, họ chối bỏ sự hiện hữu của Ta còn mạnh mẽ hơn. Con người tìm kiếm sự tương hợp với những lời lẽ và sự tương hợp với Kinh Thánh, nhưng không một người nào đến trước Ta để tìm cách tương hợp với lẽ thật. Con người ngưỡng vọng Ta trên trời và dành sự quan tâm đặc biệt đến sự hiện hữu của Ta trên trời, nhưng không ai màng đến Ta trong xác thịt, bởi vì khi sống giữa con người, Ta chỉ đơn giản là quá nhỏ bé. Những kẻ chỉ tìm sự tương hợp với lời trong Kinh Thánh và những kẻ chỉ đi tìm sự tương hợp với một Đức Chúa Trời mơ hồ thật thấp kém hèn mọn trong mắt Ta. Đó là bởi những gì họ thờ phượng là những lời đã chết, và một Đức Chúa Trời có khả năng cho họ những của cải vô kể; những gì họ thờ phượng là một Đức Chúa Trời sẽ chịu sự thao túng của con người – một Đức Chúa Trời không tồn tại. Vậy thì những kẻ như thế có thể có được gì từ Ta? Con người đơn giản là thấp hèn không thể tả. Những kẻ chống lại Ta, những kẻ đòi hỏi bất tận ở Ta, những kẻ không có tình yêu lẽ thật, những kẻ phản nghịch Ta – làm sao những kẻ đó có thể tương hợp với Ta được?

Những kẻ chống lại Ta là những kẻ không tương hợp với Ta. Những kẻ không yêu lẽ thật cũng nằm trong số đó. Những kẻ phản nghịch Ta thậm chí càng chống lại Ta và càng không tương hợp với Ta. Ta giao vào tay ma quỷ hết thấy những kẻ không tương hợp với Ta, và Ta bỏ mặc chúng cho sự bại hoại của ma quỷ, thả cho chúng tự do bộc lộ ác tâm của mình, và sau cùng sẽ trao chúng cho ma quỷ để bị ăn sống nuốt tươi. Ta không quan tâm bao nhiêu người thờ phượng Ta, nghĩa là, Ta không

quan tâm bao nhiêu người tin vào Ta. Tất cả những gì Ta quan tâm là bao nhiêu người tương hợp với Ta. Đó là bởi vì hết thảy những kẻ không tương hợp với Ta đều là kẻ dữ phản bội Ta; chúng là kẻ thù của Ta, và Ta sẽ không “lưu giữ” kẻ thù của Ta trong nhà Ta. Những ai tương hợp với Ta sẽ mãi mãi phụng sự Ta ở nhà Ta, còn những ai đối nghịch với Ta sẽ mãi chịu sự trừng phạt của Ta. Những kẻ chỉ quan tâm đến lời của Kinh Thánh và không thiết gì lẽ thật hay tìm kiếm dấu chân Ta – chúng chống lại Ta, bởi vì chúng giới hạn Ta theo Kinh Thánh, bó buộc Ta trong Kinh Thánh, và vì thế báng bổ Ta tột cùng. Làm sao những kẻ như thế có thể đến trước Ta? Chúng không để ý gì đến những việc làm của Ta, hay ý muốn của Ta, hay lẽ thật, mà thay vào đó lại bị ám ảnh bởi những lời lẽ – những lời lẽ gây chết người. Làm sao những kẻ như thế có thể tương hợp với Ta được?

Ta đã bày tỏ rất nhiều lời, và cũng đã bày tỏ ý muốn và tâm tính của Ta, vậy mà ngay cả như thế, mọi người vẫn không thể biết Ta và tin Ta. Hoặc, có thể nói, mọi người vẫn không thể vâng lời Ta. Những người sống trong Kinh Thánh, những người sống trong luật pháp, những người sống trên cây thập tự, những người sống theo giáo lý, những người sống giữa công tác Ta làm ngày nay – ai trong số họ tương hợp với Ta? Các người chỉ nghĩ đến việc nhận lãnh những phúc lành và phần thưởng, mà không bao giờ dành một ý nghĩ nào cho cách thực sự tương hợp với Ta, hoặc cách để ngăn bản thân các người khỏi chống lại Ta. Ta quá thất vọng ở các người, bởi Ta đã cho các người quá nhiều, nhưng Ta lại có được từ các người quá ít. Sự dối trá, kiêu ngạo, tham lam, những ham muốn vô độ, sự phản bội, sự bất tuân của các người – thứ nào trong đây có thể thoát khỏi sự chú ý của Ta? Các người bất cần với Ta, các người lừa phỉnh Ta, các người xúc phạm Ta, các người vùi vĩnh Ta, các người đòi hỏi Ta, các người đoạt của tế lễ từ Ta – làm sao ác tâm như thế có thể tránh được sự trừng phạt của Ta? Hết thảy việc hành ác này là bằng chứng cho sự thù nghịch của các người chống lại Ta và là bằng chứng cho sự không tương hợp của các người với Ta. Mỗi người các người đều tin rằng bản thân mình rất tương hợp với Ta, nhưng nếu thế, thì bằng chứng không thể chối cãi như vậy sẽ chống lại ai? Các người tin bản thân mình có sự thành tâm và lòng trung thành tột bậc với Ta. Các người nghĩ rằng mình quá tốt bụng, quá giàu lòng trắc ẩn, và đã hiến dâng cho Ta quá nhiều. Các người nghĩ rằng các người đã làm quá đủ cho Ta. Nhưng các người có bao giờ mang điều này ra so sánh với những hành động của các người chưa? Ta nói các người có thừa kiêu ngạo, có thừa tham lam, có thừa hời hợt; những mảnh khoe mà các người lừa phỉnh Ta có thừa tài lanh, và các người có thừa những ý định đề tiện và phương cách đề tiện. Lòng trung thành của các người quá ít ỏi, sự sốt sắng của các người quá nhạt nhẽo, và lương tâm của các người thì thậm chí còn

thiếu nhiều hơn. Trong lòng các người có quá nhiều ác tâm, và không ai tránh khỏi ác tâm của các người, kể cả Ta. Các người chặn Ta ngoài cửa vì con cái các người, hay vì vợ chồng các người, hay vì sự tự vệ của bản thân các người. Thay vì quan tâm đến Ta, các người quan tâm đến gia đình mình, con cái mình, địa vị của mình, tương lai của mình, và sự hài lòng của bản thân mình. Các người từng nghĩ đến Ta khi nào như các người đã nói hay đã diễn? Vào những ngày lạnh giá, đầu óc các người hướng về con cái, vợ chồng, hay cha mẹ các người. Vào những ngày nắng gắt, Ta cũng không có chỗ trong ý nghĩ của các người. Khi thực hiện bốn phận của mình, người đang nghĩ về những lợi ích riêng, về sự an toàn cá nhân, về những thành viên trong gia đình mình. Người đã từng làm điều gì cho Ta? Người đã từng nghĩ đến Ta khi nào? Người đã từng dâng hiến bản thân mình, bằng bất cứ giá nào, cho Ta và công tác của Ta khi nào? Đây là bằng chứng cho sự tương hợp của người với Ta? Đây là thực tế lòng trung thành của người với Ta? Đây là thực tế sự vâng lời của người với Ta? Khi nào những ý định của người đã không phải là để có được phước lành của Ta? Các người lừa phỉnh và dối gạt Ta, các người đùa giỡn với lẽ thật, che đậy sự hiện hữu của lẽ thật, và phản bội lại thực chất của lẽ thật. Điều gì chờ đợi các người trong tương lai khi đối nghịch với Ta theo cách này? Các người chỉ đơn thuần tìm kiếm sự tương hợp với một Đức Chúa Trời mơ hồ, và chỉ đơn thuần tìm kiếm một niềm tin mơ hồ, nhưng các người không tương hợp với Đấng Christ. Chẳng lẽ ác tâm của các người sẽ không tạo quả báo giống như những gì kẻ ác đáng bị sao? Lúc đó, các người sẽ nhận ra rằng chẳng ai không tương hợp với Đấng Christ mà có thể thoát khỏi ngày thanh nợ, và các người sẽ phát hiện ra loại quả báo nào sẽ xảy đến với những kẻ chống lại Đấng Christ. Khi ngày ấy đến, những giấc mơ của các người về việc được ban phước lành vì niềm tin của mình vào Đức Chúa Trời và về việc có được lối vào thiên đàng đều sẽ tan thành mây khói. Tuy nhiên, chuyện đó sẽ không xảy ra đối với những ai tương hợp với Đấng Christ. Mặc dù họ đã mất rất nhiều, mặc dù họ đã phải chịu nhiều gian khổ, nhưng họ sẽ nhận lãnh mọi di sản Ta để lại cho nhân loại. Sau hết, các người sẽ hiểu rằng chỉ mình Ta là Đức Chúa Trời công chính, và rằng chỉ mình Ta mới có thể đưa nhân loại tới đích đến tốt đẹp của họ.

Người có phải là tín đồ thật sự của Đức Chúa Trời?

Người có thể đã đi con đường của đức tin vào Đức Chúa Trời được hơn một hoặc hai năm, và có lẽ người đã chịu nhiều gian khổ trong cuộc sống suốt những năm này; hoặc có lẽ người đã không chịu nhiều gian khổ, và thay vào đó đã nhận

lãnh nhiều ân điển. Cũng có thể người đã không trải nghiệm sự gian khổ lẫn ân điển, mà đã sống một cuộc sống khá tầm thường. Dầu thế, người vẫn là một người theo Đức Chúa Trời, vậy thì chúng ta hãy cùng thông công về chủ đề theo Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, Ta phải nhắc hết thảy những ai đọc những lời này rằng lời của Đức Chúa Trời hướng trực tiếp tới những ai thừa nhận và theo Ngài, không hướng tới tất cả mọi người cho dù họ có thừa nhận Ngài hay không. Nếu người tin rằng Đức Chúa Trời phán dạy với quần chúng nhân dân, với tất cả mọi người trên trần gian, thì lời Đức Chúa Trời sẽ không có tác dụng trên người. Do vậy, người nên ghi nhớ hết thảy những lời này trong lòng mình, và không phải lúc nào cũng tách mình khỏi chúng. Dù gì đi nữa, chúng ta hãy nói về điều đang diễn ra trong nhà chúng ta.

Hết thảy các người lúc này nên hiểu ý nghĩa thật của đức tin vào Đức Chúa Trời. Ý nghĩa của đức tin vào Đức Chúa Trời mà Ta đã nói trước kia liên quan đến lỗi vào tích cực của các người. Hôm nay thì khác: Hôm nay, Ta muốn phân tích thực chất đức tin của các người vào Đức Chúa Trời. Dĩ nhiên, đây là sự hướng dẫn các người từ một phương diện tiêu cực; nếu Ta không làm như vậy, các người sẽ không bao giờ biết bộ mặt thật của mình, và sẽ mãi khoe khoang lòng mộ đạo và lòng trung thành của mình. Có thể nói như thế này nếu Ta không phơi bày sự xấu xa tự sâu thẳm trong lòng các người, thì mỗi người các người sẽ đặt mào triều thiên trên đầu mình và giữ mọi sự vinh hiển cho bản thân mình. Bản tính kiêu ngạo và tự phụ của các người khiến các người phản bội lương tâm của chính mình, phản nghịch và chống lại Đấng Christ, và vạch trần sự xấu xa của các người, từ đó làm sáng tỏ những ý định, quan niệm, ham muốn vô độ, và đôi mắt đầy tham lam của các người. Ấy thế mà các người tiếp tục nói làm nhằm về niềm đam mê cả đời của mình dành cho công tác của Đấng Christ, và lặp đi lặp lại những lẽ thật mà Đấng Christ đã phán dạy từ lâu. Đây là “đức tin” của các người – “đức tin không ô uế” của các người. Từ đầu chí cuối, Ta đã đặt tiêu chuẩn nghiêm ngặt cho con người. Nếu lòng trung thành của người đi kèm với những ý định và điều kiện, thì Ta thà không có cái gọi là lòng trung thành của người, bởi vì Ta ghê tởm những kẻ lừa dối Ta thông qua những ý định của họ và o ép ta bằng những điều kiện. Ta chỉ mong muốn con người tuyệt đối trung thành với Ta, và làm hết thảy mọi chuyện vì lợi ích của – và cũng để chứng minh – một từ: đức tin. Ta khinh miệt việc các người dùng những lời nịnh hót để cố làm Ta vui, bởi vì Ta luôn đối đãi các người bằng sự chân thành, và do đó mong muốn các người cũng cư xử bằng đức tin thật sự với Ta. Khi nói đến đức tin, nhiều người có thể nghĩ rằng họ theo Đức Chúa Trời bởi vì họ có đức tin, và nếu không thì sẽ không chịu những sự đau khổ như thế. Vậy Ta hỏi người điều này: Nếu người tin vào sự tồn tại của Đức Chúa Trời, tại sao người không tôn kính Ngài? Nếu người tin

vào sự tồn tại của Đức Chúa Trời, tại sao trong lòng người không có chút sợ hãi nào với Ngài? Người chấp nhận rằng Đấng Christ là sự nhập thể của Đức Chúa Trời, vậy thì tại sao người lại khinh thường Ngài? Tại sao người cư xử một cách bất kính với Ngài? Tại sao người công khai phán xét Ngài? Tại sao người luôn do thám những động thái của Ngài? Tại sao người không quy phục những sự sắp đặt của Ngài? Tại sao người không hành động theo lời Ngài? Tại sao người cố tống tiền và cướp đi những của lễ của Ngài? Tại sao người lại nói chuyện từ vị trí của Đấng Christ? Tại sao người phán xét liệu công tác của Ngài và lời Ngài có đúng hay không? Tại sao người dám báng bổ Ngài sau lưng Ngài? Có phải những điều này và những điều khác cấu thành đức tin của các người không?

Trong lời nói và hành vi của các người, những yếu tố về việc các người không tin vào Đấng Christ bị phơi bày. Sự không tin tràn ngập trong những động cơ và mục tiêu của hết thảy những gì các người làm. Ngay cả ánh nhìn của các người cũng chứa đựng sự không tin vào Đấng Christ. Có thể nói rằng trong từng giây phút, mỗi người các người đều chứa chấp các yếu tố bất tín. Điều này nghĩa là, vào mọi lúc, các người đều có nguy cơ phản bội Đấng Christ, bởi vì máu chảy trong người các người đã bị ngấm sự không tin vào Đức Chúa Trời nhập thể. Do vậy, Ta nói rằng những dấu chân mà các người để lại trên con đường đức tin vào Đức Chúa Trời là không thật; khi các người đi con đường đức tin vào Đức Chúa Trời, các người không ấn bàn chân vững chắc trên mặt đất – các người chỉ làm cho có lệ. Các người không bao giờ hoàn toàn tin vào lời của Đấng Christ và không thể đưa vào thực hành ngay lập tức. Đây là lý do các người không có đức tin nơi Đấng Christ. Việc luôn có những quan niệm về Ngài là một lý do khác khiến các người không có niềm tin ở Ngài. Luôn hoài nghi công tác của Đấng Christ, bỏ ngoài tai lời của Đấng Christ, có ý kiến về bất cứ công tác gì được Đấng Christ thực hiện và không thể hiểu đúng công tác này, khó gạt những quan niệm của mình sang một bên dù nhận được lời giải thích nào đi nữa, và nhiều nữa – đây là tất cả những yếu tố của sự không tin đã trà trộn trong lòng các người. Mặc dù các người đi theo công tác của Đấng Christ và không bao giờ tụt lại phía sau, nhưng có quá nhiều sự phản nghịch trộn lẫn trong lòng người. Sự phản nghịch này là một thứ bất khiết trong niềm tin của các người nơi Đức Chúa Trời. Có lẽ các người không nghĩ điều này đúng, nhưng nếu người không thể nhận ra những ý định của mình từ nội tại vấn đề này, thì người phải ở trong số những kẻ diệt vong, bởi vì Đức Chúa Trời chỉ hoàn thiện những ai thật sự tin vào Ngài, chứ không phải những kẻ hoài nghi Ngài, và càng không hoàn thiện tất cả những kẻ miễn cưỡng theo Ngài dù chưa bao giờ tin rằng Ngài là Đức Chúa Trời.

Một số người không vui hưởng lễ thật, chứ đừng nói tới sự phán xét. Thay vào

đó, họ vui thích quyền lực và sự giàu có; những người như thế được gọi là những kẻ tìm kiếm quyền lực. Họ chỉ tìm kiếm những giáo phái có tầm ảnh hưởng trên thế giới, và họ chỉ tìm những mục sư và giáo lý viên đến từ các trường dòng. Mặc dù họ đã chấp nhận con đường lễ thật, nhưng họ chỉ tin một nửa; họ không thể dành trọn tâm trí mình, miệng họ nói về việc dâng mình cho Đức Chúa Trời, nhưng mắt họ tập trung vào những mục sư và giáo lý viên vĩ đại, và họ chẳng buồn liếc nhìn Đấng Christ lần thứ hai. Tâm họ gắn chặt với danh vọng, cơ đồ, và sự vinh hiển. Họ nghĩ sẽ không bao giờ có việc một con người bé mọn như thế lại có khả năng chinh phục rất nhiều người, rằng một người tầm thường như thế lại có thể hoàn thiện con người. Họ nghĩ sẽ không bao giờ có việc những kẻ vô danh từ bụi tro và đồng phân lại là dân sự được chọn bởi Đức Chúa Trời. Họ tin rằng nếu những người như thế là đối tượng của sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời, thì trời và đất sẽ bị đảo lộn, và hết thảy mọi người sẽ cười đến chết. Họ tin rằng nếu Đức Chúa Trời chọn những kẻ vô danh này để hoàn thiện, vậy thì những người vĩ đại kia sẽ trở thành chính Đức Chúa Trời. Những quan điểm của họ bị vấy bẩn bởi sự không tin; còn hơn cả không tin, họ đơn thuần là những con thú lộ bịch. Bởi vì họ chỉ coi trọng địa vị, uy tín, quyền lực, và họ chỉ quý trọng những nhóm và giáo phái lớn. Họ không chút tôn trọng những người được Đấng Christ dẫn dắt; họ đơn thuần là những kẻ phản bội đã quay lưng với Đấng Christ, với lễ thật, và với sự sống.

Điều mà người ngưỡng mộ không phải là sự khiêm nhường của Đấng Christ, mà là những kẻ chần dốt giả mạo có địa vị nổi trội. Người không quý mến vẻ đáng yêu và sự khôn ngoan của Đấng Christ, mà quý mến những kẻ phóng đảng chìm đắm trong sự nhơ nhuốc của trần gian. Người cười vào nỗi đau của Đấng Christ, Đấng không có nơi để gối đầu, nhưng người lại ngưỡng mộ những cái xác sẵn lòng của lễ và sống trong sự truy lạc. Người không sẵn lòng chịu khổ bên cạnh Đấng Christ, nhưng người vui vẻ lao vào vòng tay của những kẻ khinh suất địch lại Đấng Christ, mặc dù họ chỉ cung cấp cho người xác thịt, lời nói, và sự kiểm soát. Ngay cả lúc này, lòng người vẫn hướng về họ, hướng đến thanh danh của họ, hướng đến địa vị của họ, hướng đến sự ảnh hưởng của họ. Ấy thế mà người tiếp tục giữ thái độ mà qua đó người cảm thấy công tác của Đấng Christ là khó chấp nhận được và người không sẵn lòng chấp nhận nó. Đây là lý do vì sao Ta phán rằng người thiếu đức tin để thừa nhận Đấng Christ. Lý do người theo Ngài đến ngày nay chỉ là vì người không có sự chọn lựa nào khác. Một loạt những hình ảnh cao trọng mãi chôn cất trong lòng người; người không thể quên mỗi lời nói và việc làm của họ, cũng như những lời nói và bàn tay thế lực của họ. Trong lòng các người, họ mãi là những người hùng tối cao và vĩnh viễn. Thế nhưng đối với Đấng Christ của hôm nay thì không như vậy.

Ngài mãi mãi không đáng kể trong lòng người, và mãi mãi không đáng tôn kính. Bởi vì Ngài quá tầm thường, có quá ít tầm ảnh hưởng, và quá là không cao quý.

Dù gì đi nữa, Ta nói rằng hết thảy những ai không coi trọng lẽ thật đều là những kẻ chẳng tin và kẻ phản bội lẽ thật. Những kẻ như thế sẽ không bao giờ nhận được sự chấp thuận của Đấng Christ. Bây giờ người đã xác định được sự không tin trong người là bao nhiêu chưa, và sự phản bội của người với Đấng Christ là bao nhiêu chưa? Ta khuyên người thế này: Bởi vì người đã chọn con đường lẽ thật, người nên hết lòng dành trọn bản thân mình; đừng tự mâu thuẫn hay nửa vời. Người nên hiểu rằng Đức Chúa Trời không thuộc về thế gian hay bất kỳ người nào, mà thuộc về tất cả những ai thật sự tin vào Ngài, tất cả những ai thờ phượng Ngài, tất cả những ai tận tụy và trung tín với Ngài.

Hôm nay, sự không tin vẫn còn nhiều trong các người. Hãy nhìn kỹ bên trong các người, và các người chắc chắn sẽ tìm ra câu trả lời cho mình. Khi người tìm ra câu trả lời thật sự, khi đó người sẽ thừa nhận rằng người không phải là người tin vào Đức Chúa Trời, mà thay vào đó là kẻ lừa dối, báng bổ, và phản bội Ngài, và là kẻ bất trung với Ngài. Khi đó người sẽ nhận ra rằng Đấng Christ không phải là con người, mà là Đức Chúa Trời. Khi ngày đó đến, người sẽ tôn kính, kính sợ, và thật sự yêu mến Đấng Christ. Hiện tại, chỉ ba mươi phần trăm trong lòng các người được lấp đầy bởi đức tin, trong khi bảy mươi phần trăm kia thì đầy sự hoài nghi. Mọi điều Đấng Christ làm và nói đều có thể tạo ra trong các người những quan niệm và quan điểm về Ngài, những quan niệm và quan điểm phát xuất từ sự hoàn toàn không tin vào Ngài của các người. Các người chỉ ngưỡng mộ và kính sợ Đức Chúa Trời vô hình trên trời, và không quan tâm đến Đấng Christ đang sống dưới thế. Chẳng phải đây cũng là sự không tin của các người sao? Các người chỉ khao khát Đức Chúa Trời đã làm công tác trong quá khứ, nhưng không đối diện với Đấng Christ của hôm nay. Toàn bộ điều này là “đức tin”, mãi bị lẫn lộn trong lòng các người, đức tin mà chẳng tin vào Đấng Christ của hôm nay. Ta hoàn toàn không đánh giá thấp các người, bởi vì có quá nhiều sự không tin trong các người, quá nhiều điều trong các người là ô uế và phải bị thải loại. Những sự bất khiết này là một dấu hiệu rằng các người hoàn toàn không có đức tin; chúng là dấu chỉ của sự từ bỏ Đấng Christ của các người, và chúng gắn mác các người là kẻ phản bội Đấng Christ. Chúng là bức màn đối với sự hiểu biết của các người về Đấng Christ, một rào cản để các người được Đấng Christ thu phục, một chướng ngại cho sự tương hợp của các người với Đấng Christ, và bằng chứng rằng Đấng Christ không chấp thuận các người. Bây giờ là lúc xem xét mọi phần trong cuộc sống của các người! Làm như thế sẽ có lợi cho các người trong mọi phương diện có thể tưởng tượng tới!

Đấng Christ thực hiện công tác phán xét bằng lẽ thật

Công tác của thời kỳ sau rốt là phân tách tất cả mọi người theo loại, và khép lại kế hoạch quản lý của Đức Chúa Trời, vì thời gian đã gần kề và ngày của Đức Chúa Trời đã đến. Đức Chúa Trời đưa tất cả những ai bước vào vương quốc của Ngài – tất cả những ai trung thành với Ngài đến tận cùng – vào thời đại của chính Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, trước khi thời đại của chính Đức Chúa Trời đến, công tác của Đức Chúa Trời không phải là quan sát những việc làm của con người, hay tìm hiểu về đời sống của con người, mà là phán xét sự bất tuân của con người, vì Đức Chúa Trời sẽ làm cho tinh sạch tất cả những người đến trước ngôi Ngài. Tất cả những ai đã theo bước chân của Đức Chúa Trời cho đến ngày nay đều là những người đến trước ngôi của Đức Chúa Trời, và như vậy, mỗi một người chấp nhận công tác của Đức Chúa Trời trong giai đoạn cuối cùng đều là đối tượng để Đức Chúa Trời làm cho tinh sạch. Nói cách khác, tất cả những ai chấp nhận công tác của Đức Chúa Trời trong giai đoạn cuối cùng đều là đối tượng cho sự phán xét của Đức Chúa Trời.

Trong sự phán xét khởi từ nhà của Đức Chúa Trời đã được nói đến trong quá khứ, “sự phán xét” của những lời này nói đến sự phán xét mà ngày nay Đức Chúa Trời thực hiện đối với những người đến trước ngôi Ngài trong thời kỳ sau rốt. Có lẽ có những người tin vào những tưởng tượng siêu nhiên rằng, khi thời kỳ sau rốt đã đến, Đức Chúa Trời sẽ dựng lên một cái bàn lớn trên thiên đàng, trên đó được trải một chiếc khăn bàn màu trắng, và sau đó, ngồi trên một chiếc ngai lớn với tất cả mọi người quỳ gối trên đất, Ngài sẽ tiết lộ tội lỗi của từng người và qua đó quyết định họ được lên thiên đàng hay bị đẩy xuống hồ lửa và diêm sinh. Bất kể con người tưởng tượng ra sao cũng không thể thay đổi được thực chất công tác của Đức Chúa Trời. Những tưởng tượng của con người chẳng là gì ngoài những ý tưởng trong tư duy con người; chúng xuất phát từ bộ não của con người, được tổng hợp và chấp nối từ những gì con người đã nhìn và nghe thấy. Vậy nên Ta phán rằng, dù những hình ảnh được tưởng tượng ra có rạch rỡ thế nào, thì chúng vẫn chỉ là những bức vẽ hoạt hình, và không có khả năng thay thế kế hoạch công tác của Đức Chúa Trời. Xét cho cùng, con người đã bị Sa-tan làm cho bại hoại, vậy thì làm sao họ có thể thấu hiểu được những tư tưởng của Đức Chúa Trời? Con người tưởng tượng công tác phán xét của Đức Chúa Trời là một điều gì đó dị thường. Họ tin rằng bởi vì chính Đức Chúa Trời là Đấng thực hiện công tác phán xét, nên công tác này phải có quy mô lớn nhất, không thể hiểu được đối với người phàm, và phải vang dội khắp các tầng trời và làm rung chuyển mặt đất; nếu không, làm sao nó có thể là công tác phán xét

của Đức Chúa Trời được? Họ tin rằng, vì đây là công tác phán xét, nên Đức Chúa Trời phải đặc biệt bề vộ và oai nghi khi Ngài làm việc, và những kẻ bị phán xét phải gào khóc trong nước mắt và quỳ gối van xin sự thương xót. Những cảnh tượng như thế chắc chắn sẽ rất ngoạn mục, và vô cùng kích động... Mọi người tưởng tượng công tác phán xét của Đức Chúa Trời thật kỳ diệu. Tuy nhiên, người có biết rằng, thời điểm Đức Chúa Trời đã bắt đầu công tác phán xét của Ngài giữa con người từ lâu, thì người vẫn còn nằm ỏ ngủ mê man không? Rằng vào lúc người nghĩ rằng công tác phán xét của Đức Chúa Trời đã chính thức bắt đầu, thì Đức Chúa Trời đã tái tạo trời đất rồi không? Lúc đó, có lẽ người chỉ mới bắt đầu hiểu được ý nghĩa của sự sống, nhưng công tác trừng phạt không thương xót của Đức Chúa Trời sẽ đưa người, kẻ vẫn chìm sâu trong giấc ngủ, vào địa ngục. Chỉ khi đó người mới đột nhiên nhận ra rằng công tác phán xét của Đức Chúa Trời đã kết thúc rồi.

Chúng ta đừng lãng phí thời gian quý báu của mình, và đừng nói về những chủ đề ghê tởm và đáng ghét này nữa. Thay vào đó, hãy nói về những gì cấu thành nên sự phán xét. Khi đề cập đến từ “phán xét”, rất có thể người nghĩ đến những lời mà Đức Giê-hô-va đã phán để hướng dẫn dân chúng trong mọi vùng và những lời mà Jêsus đã phán để quở trách người Pha-ri-si. Dù khắc nghiệt, nhưng những lời này không phải là sự phán xét của Đức Chúa Trời đối với con người; chúng chỉ là những lời được Đức Chúa Trời phán trong những môi trường khác nhau, nghĩa là, trong những bối cảnh khác nhau. Những lời này không giống như những lời được phán bởi Đấng Christ của thời kỳ sau rốt khi Ngài phán xét con người. Đấng Christ của thời kỳ sau rốt dùng nhiều lẽ thật khác nhau để dạy dỗ con người, để phơi bày bản chất của con người, và để mổ xẻ những lời nói và hành động của con người. Những lời này bao gồm nhiều phương diện của lẽ thật, chẳng hạn như bổn phận của con người, con người nên vâng lời Đức Chúa Trời như thế nào, con người nên trung thành với Đức Chúa Trời ra sao, con người phải sống trọn nhân tính bình thường, cũng như sự khôn ngoan và tâm tính của Đức Chúa Trời như thế nào, v.v. Tất cả những lời này đều nhắm vào bản chất của con người và tâm tính bại hoại của họ. Cụ thể, những lời vạch trần cách con người hắt hủi Đức Chúa Trời, được phán ra liên quan đến việc con người là hiện thân của Sa-tan và là một thế lực thù địch chống lại Đức Chúa Trời như thế nào. Trong quá trình thực hiện công tác phán xét của mình, Đức Chúa Trời không chỉ đơn giản làm rõ bản tính của con người bằng một vài lời; Ngài phơi bày, xử lý và tĩa sửa qua thời gian dài. Tất cả những phương pháp phơi bày, xử lý và tĩa sửa khác nhau này không thể được thay thế bằng những lời thông thường, mà phải bằng lẽ thật con người tuyệt đối không bao giờ có. Chỉ có những phương pháp như thế này mới có thể được gọi là sự phán xét; chỉ thông qua

kiểu phán xét này thì con người mới có thể bị khuất phục và hoàn toàn bị thuyết phục về Đức Chúa Trời, và hơn nữa mới có được kiến thức thực sự về Đức Chúa Trời. Điều mà công tác phán xét mang lại là sự hiểu biết của con người về diện mạo thật của Đức Chúa Trời và sự thật về sự phản nghịch của chính mình. Công tác phán xét cho phép con người đạt được nhiều hiểu biết về ý muốn của Đức Chúa Trời, về mục đích công tác của Đức Chúa Trời, và về những lẽ mầu nhiệm mà họ không thể hiểu được. Nó cũng cho phép con người nhận ra và biết được thực chất bại hoại và nguồn gốc sự bại hoại của mình, cũng như khám phá ra sự xấu xa của con người. Những tác dụng này đều do công tác phán xét mang lại, vì thực chất của công tác này thực ra là công tác mở ra lẽ thật, đường đi và sự sống của Đức Chúa Trời cho tất cả những ai có đức tin vào Ngài. Công tác này là công tác phán xét được thực hiện bởi Đức Chúa Trời. Nếu người không xem những lẽ thật này là quan trọng, nếu người không nghĩ đến điều gì ngoài việc làm sao để tránh né chúng, hoặc làm sao để tìm ra một lối thoát mới không dính dáng gì đến chúng, thì Ta phán người là một kẻ trọng tội. Nếu người có đức tin vào Đức Chúa Trời, nhưng không tìm kiếm lẽ thật hoặc ý muốn của Đức Chúa Trời, cũng không yêu con đường đưa người đến gần hơn với Đức Chúa Trời, thì Ta phán người là một kẻ đang cố gắng lẫn tránh sự phán xét, rằng người là một con rối và là một kẻ phản bội chạy trốn khỏi tòa lớn và trắng. Đức Chúa Trời sẽ không tha cho bất kỳ kẻ phản nghịch nào trốn khỏi mắt Ngài. Những kẻ như thế sẽ nhận lãnh sự trừng phạt còn nặng hơn. Những ai đến trước mặt Đức Chúa Trời để chịu phán xét, và hơn nữa đã được làm cho tinh sạch, thì sẽ sống đời đời trong vương quốc của Đức Chúa Trời. Tất nhiên, đây là điều thuộc về tương lai.

Công tác phán xét là công tác của riêng Đức Chúa Trời, do đó, đương nhiên nó phải được chính Đức Chúa Trời thực hiện; con người không thể thay Ngài làm việc đó. Bởi vì sự phán xét là việc dùng lẽ thật để chinh phục nhân loại, nên chắc chắn Đức Chúa Trời vẫn sẽ xuất hiện trong hình ảnh nhập thể để thực hiện công tác này giữa con người. Điều đó có nghĩa là, Đấng Christ của thời kỳ sau rốt sẽ dùng lẽ thật để dạy dỗ dân chúng trên khắp thế gian và giúp họ biết đến mọi lẽ thật. Đây là công tác phán xét của Đức Chúa Trời. Nhiều người cảm thấy rất khó chịu về sự nhập thể lần thứ hai của Đức Chúa Trời, vì mọi người thấy khó mà tin được Đức Chúa Trời sẽ trở nên xác thịt để làm công tác phán xét. Tuy nhiên, Ta phải nói với người rằng công tác của Đức Chúa Trời thường vượt xa những mong đợi của con người, và rất khó để tâm trí con người chấp nhận được. Bởi con người chỉ là loài giòi bọ trên đất, trong khi Đức Chúa Trời lại là Đấng tối cao đầy dẫy vũ trụ; tâm trí của con người giống như một hồ nước hôi thối chỉ sinh ra giòi bọ, trong khi mỗi giai đoạn công tác được chỉ đạo bởi những tư tưởng của Đức Chúa Trời lại là tinh túy khôn ngoan của

Đức Chúa Trời. Mọi người luôn cố tranh đua với Đức Chúa Trời, điều mà Ta nói đã quá rõ rồi cuộc ai sẽ bị thua thiệt. Ta khuyên tất cả các người đừng nghĩ rằng bản thân mình quý hơn vàng. Nếu những người khác có thể chấp nhận sự phán xét của Đức Chúa Trời, thì tại sao người không thể? Người đứng cao hơn người khác bao nhiêu? Nếu những người khác có thể cúi đầu trước lẽ thật, thì tại sao người không thể như vậy? Công tác của Đức Chúa Trời có một xung lực không thể dừng. Ngài sẽ không lặp lại công tác phán xét một lần nữa chỉ vì “sự đóng góp” mà người đã thực hiện, và người sẽ tràn đầy hối tiếc vì đã để một cơ hội tốt như thế trôi qua. Nếu người không tin lời của Ta, thì hãy chờ đợi tòa lớn và trắng trên trời phán xét người! Người phải biết rằng tất cả dân Y-sơ-ra-ên đều đã hất hủi và chối bỏ Jêsus, nhưng sự thật về sự cứu chuộc loài người của Jêsus vẫn lan khắp vũ trụ và đến đầu trời cuối đất. Đây chẳng phải là một sự thật mà Đức Chúa Trời đã tạo nên từ lâu hay sao? Nếu người vẫn đang chờ đợi Jêsus đưa người lên thiên đàng, thì Ta nói người là một khúc gỗ mục cứng đầu^[a]. Jêsus sẽ không công nhận một tín đồ giả mạo như người, kẻ không trung thành với lẽ thật và chỉ tìm kiếm phước lành. Trái lại, Ngài sẽ không tỏ lòng thương xót khi ném người xuống hồ lửa để thiêu cháy trong hàng vạn năm.

Bây giờ thì người đã hiểu sự phán xét là gì và lẽ thật là gì chưa? Nếu người đã hiểu, thì Ta khuyên người hãy ngoan ngoãn quy phục để chịu phán xét, nếu không thì người sẽ không bao giờ có cơ hội được Đức Chúa Trời khen ngợi hoặc được Ngài đưa vào vương quốc của Ngài. Những kẻ chỉ chấp nhận sự phán xét nhưng không bao giờ có thể được làm cho tinh sạch, nghĩa là những kẻ bỏ trốn giữa chừng công tác phán xét, thì sẽ mãi mãi bị Đức Chúa Trời khinh ghét và loại bỏ. Tội lỗi của chúng nhiều hơn và nặng hơn tội lỗi của những người Pha-ri-si, vì chúng đã phản bội Đức Chúa Trời và là những kẻ phản nghịch chống lại Đức Chúa Trời. Những kẻ thậm chí không xứng đáng để làm công việc phục vụ như thế sẽ phải nhận sự trừng phạt nặng hơn, hơn nữa đó còn là sự trừng phạt đời đời. Đức Chúa Trời sẽ không tha cho bất kỳ kẻ phản bội nào đã từng tỏ ra trung thành bằng lời nhưng sau đó lại phản bội Ngài. Những kẻ như vậy sẽ nhận lấy quả báo thông qua sự trừng phạt về tinh thần, tâm hồn, và thể xác. Đây chẳng phải chính là một sự tỏ lộ tâm tính công chính của Đức Chúa Trời hay sao? Đây chẳng phải là mục đích của Đức Chúa Trời trong việc phán xét con người và phơi bày họ hay sao? Đức Chúa Trời tống khứ tất cả những kẻ thực hiện đủ loại hành vi xấu xa trong thời gian phán xét đến một nơi đầy dẫy ác linh, và để những ác linh này tùy ý hủy hoại thể xác của họ, và thân thể của những kẻ đó bốc ra mùi hôi thối của xác chết. Đó là quả báo thích đáng cho

a. Một miếng gỗ mục: thành ngữ Trung Hoa, có nghĩa là “vô phương cứu chữa”.

chúng. Đức Chúa Trời ghi từng tội lỗi một của các tín đồ giả mạo bất trung, các sứ đồ giả, và các cộng sự giả vào sổ của chúng; sau đó, khi đến đúng thời điểm, Ngài ném chúng ra giữa những tà linh, để những tà linh này tùy ý làm ô uế toàn bộ thân thể của chúng, hầu cho chúng không bao giờ có thể được tái sinh và không bao giờ nhìn thấy lại sự sáng. Những kẻ giả hình phục vụ trong một thời gian nhưng không có khả năng giữ trung thành cho đến cuối cùng sẽ bị Đức Chúa Trời liệt vào hàng những kẻ dữ, hầu cho chúng cấu kết với kẻ dữ và trở thành một phần trong đám đông hỗn loạn của chúng; cuối cùng, Đức Chúa Trời sẽ tiêu diệt chúng. Đức Chúa Trời gạt bỏ và không để ý gì đến những kẻ chưa bao giờ trung thành với Đấng Christ hoặc chưa bao giờ đóng góp chút sức lực nào, và khi thời đại thay đổi, Ngài sẽ tiêu diệt tất cả bọn chúng. Chúng sẽ không còn tồn tại trên trái đất nữa, càng không có được lối vào trong vương quốc của Đức Chúa Trời. Những kẻ chưa bao giờ thành tâm với Đức Chúa Trời, nhưng bị hoàn cảnh ép buộc phải đối phó với Ngài một cách chiếu lệ, bị liệt vào hàng những kẻ phục vụ cho dân sự của Ngài. Chỉ một số ít người như thế sẽ sống sót, trong khi đa số sẽ diệt vong cùng với những kẻ dâng sự phục vụ không đạt tiêu chuẩn. Cuối cùng, Đức Chúa Trời sẽ đưa vào vương quốc của Ngài tất cả những người có cùng tâm tình với Đức Chúa Trời, dân sự và các con trai của Đức Chúa Trời, cùng những người được Đức Chúa Trời định trước để làm thầy tế lễ. Họ sẽ là tinh túy công tác của Đức Chúa Trời. Đối với những người không thể xếp được vào bất kỳ loại nào do Đức Chúa Trời đặt ra, họ sẽ bị liệt vào hàng những người ngoại đạo – và các người chắc chắn có thể tưởng tượng được kết cục của họ sẽ ra sao. Ta đã phán với các người mọi điều Ta nên phán; con đường các người chọn là sự lựa chọn của riêng các người. Điều các người nên hiểu là: Công tác của Đức Chúa Trời không bao giờ chờ đợi bất kỳ ai không thể theo kịp Ngài, và tâm tính công chính của Đức Chúa Trời không tỏ lòng thương xót đối với bất kỳ ai.

Người đã biết chưa? Đức Chúa Trời đã làm một việc vĩ đại giữa con người

Thời đại cũ đã qua, và thời đại mới đã đến. Năm này qua năm khác và ngày này qua ngày khác, Đức Chúa Trời đã làm nhiều công tác. Ngài đã đến thế gian và rồi đã rời đi. Chu kỳ này đã tự lặp lại qua nhiều thế hệ. Ngày nay, Đức Chúa Trời tiếp tục làm công tác mà Ngài phải làm như trước đây, công tác mà Ngài chưa hoàn tất, vì cho đến ngày nay, Ngài vẫn chưa bước vào sự nghỉ ngơi. Từ khi sáng thế cho đến ngày nay, Đức Chúa Trời đã làm nhiều công tác. Nhưng người có biết rằng Đức Chúa Trời ngày nay làm nhiều công tác hơn trước đây rất nhiều, và quy mô công tác

của Ngài lớn hơn rất nhiều so với trước đây? Đây là lý do tại sao Ta phán rằng Đức Chúa Trời đã làm một việc vĩ đại giữa con người. Tất cả công tác của Đức Chúa Trời đều rất quan trọng, dù với con người hay với Đức Chúa Trời, vì mọi hạng mục trong công tác của Ngài đều liên quan đến con người.

Bởi vì công tác của Đức Chúa Trời không thể nhìn thấy được hay chạm vào được – càng không thể nhìn thấy được bởi thể gian – thì làm sao nó có thể là việc gì vĩ đại được? Chính xác thì loại sự việc nào mới được coi là vĩ đại? Chắc chắn không ai có thể phủ nhận rằng bất kỳ công tác nào Đức Chúa Trời làm, nó đều có thể được xem là vĩ đại, nhưng tại sao Ta lại phán điều này về công tác Đức Chúa Trời làm ngày nay? Khi Ta phán rằng Đức Chúa Trời đã làm một việc vĩ đại, điều này chắc chắn liên quan đến nhiều lẽ mầu nhiệm mà con người chưa hiểu được. Bây giờ chúng ta hãy nói về chúng.

Jêsus đã được sinh ra trong máng cỏ vào một thời đại không thể chấp nhận sự tồn tại của Ngài, nhưng cho dù thế, thể gian vẫn không thể cản đường Ngài, và Ngài đã sống giữa con người trong ba mươi ba năm dưới sự chăm sóc của Đức Chúa Trời. Trong nhiều năm cuộc đời ấy, Ngài đã trải qua sự cay đắng của thể gian và nếm trải cuộc sống khốn khổ trên đất. Ngài đã gánh trên vai trọng trách nặng nề là chịu đóng đinh trên thập tự giá để cứu chuộc toàn nhân loại. Ngài đã cứu chuộc tất cả những tội nhân đang sống dưới quyền của Sa-tan, và cuối cùng, thân thể phục sinh của Ngài đã trở về nơi nghỉ ngơi của Ngài. Giờ đây, công tác mới của Đức Chúa Trời đã bắt đầu, và nó cũng là sự khởi đầu của một thời đại mới. Đức Chúa Trời mang vào nhà của Ngài những người đã được cứu chuộc để bắt đầu công tác cứu rỗi mới của Ngài. Lần này, công tác cứu rỗi kỷ lưỡng hơn trong quá khứ. Không phải là Đức Thánh Linh làm việc trong con người nhằm khiến họ tự thay đổi, cũng không phải là thân thể của Jêsus xuất hiện giữa con người để làm việc này, và đặc biệt là việc này không được thực hiện thông qua các phương tiện khác. Thay vào đó, chính là Đức Chúa Trời nhập thể đích thân thực hiện và chỉ đạo nó. Ngài thực hiện nó theo cách này để dẫn dắt con người vào công tác mới. Chẳng phải đây là một việc vĩ đại sao? Đức Chúa Trời không thực hiện công tác này thông qua một phần nhân loại hay thông qua các nhà tiên tri; thay vào đó, Đức Chúa Trời đích thân thực hiện nó. Một vài người có thể nói rằng đây không phải là một việc vĩ đại và nó không thể mang lại cho con người sự sung sướng tốt cùng. Nhưng Ta sẽ phán với người rằng công tác của Đức Chúa Trời không chỉ có như vậy, mà là điều gì đó vĩ đại hơn và nhiều hơn nhiều.

Lần này trở lại, Đức Chúa Trời đến để thực hiện công tác không phải trong một thân thể thuộc linh, mà trong một thân thể rất bình thường. Hơn nữa, đó không những

là thân thể của Đức Chúa Trời nhập thể lần thứ hai, mà còn là thân thể mà thông qua đó Đức Chúa Trời trở lại trong xác thịt. Đó là một xác thịt rất bình thường. Người không thể thấy bất cứ điều gì khiến Ngài nổi bật hơn những người khác, nhưng người có thể nhận từ Ngài những lẽ thật chưa từng được nghe thấy trước đây. Xác thịt tầm thường này là hiện thân của tất cả những lời của lẽ thật từ Đức Chúa Trời, đảm nhận công tác của Đức Chúa Trời trong thời kỳ sau rốt, và bày tỏ toàn bộ tâm tính của Đức Chúa Trời cho con người hiểu được. Chẳng phải người rất ham muốn được nhìn thấy Đức Chúa Trời trên trời sao? Chẳng phải người rất ham muốn hiểu được Đức Chúa Trời trên trời sao? Chẳng phải người rất ham muốn nhìn thấy đích đến của nhân loại sao? Ngài sẽ nói với người tất cả những điều bí mật này – những bí mật mà không con người nào đã có thể nói với người, và Ngài cũng sẽ nói với người về những lẽ thật mà người không hiểu. Ngài là cánh cổng vào vương quốc của người, và người hướng dẫn của người vào thời đại mới. Một xác thịt bình thường như thế nắm giữ nhiều lẽ mầu nhiệm khôn lường. Những việc làm của Ngài có thể khó hiểu với người, nhưng toàn bộ mục tiêu của công tác Ngài làm thì đủ để người thấy rằng Ngài không phải là một xác thịt đơn giản như người ta tưởng. Vì Ngài đại diện cho ý muốn của Đức Chúa Trời và sự chăm sóc được Đức Chúa Trời thể hiện đối với nhân loại trong thời kỳ sau rốt. Mặc dù người không thể nghe thấy những lời của Ngài mà dường như làm rung chuyển các tầng trời và đất, mặc dù người không thể nhìn thấy đôi mắt Ngài như ngọn lửa, và dù người không thể nhận được sự sửa dạy của cây gậy sắt của Ngài, tuy nhiên, người có thể nghe thấy từ những lời của Ngài rằng Đức Chúa Trời đầy phẫn nộ và biết rằng Đức Chúa Trời đang thể hiện lòng thương xót với nhân loại; người có thể thấy tâm tính công chính của Đức Chúa Trời và sự khôn ngoan của Ngài, và hơn thế nữa, nhận ra sự quan tâm lo lắng của Đức Chúa Trời dành cho cả nhân loại. Công tác của Đức Chúa Trời trong thời kỳ sau rốt là để cho phép con người thấy được Đức Chúa Trời trên trời đang sống giữa những con người trên đất, và để giúp con người biết đến, vâng lời, tôn kính, và yêu mến Đức Chúa Trời. Đây là lý do tại sao Ngài đã trở lại trong xác thịt lần thứ hai. Dù những gì con người nhìn thấy ngày nay là một Đức Chúa Trời giống như con người, một Đức Chúa Trời có một cái mũi và hai con mắt, và một Đức Chúa Trời không có gì nổi bật, nhưng cuối cùng, Đức Chúa Trời sẽ cho các người thấy rằng nếu con người này không tồn tại, thì trời và đất sẽ trải qua một sự thay đổi vô cùng lớn; nếu con người này không tồn tại, thì các tầng trời sẽ trở nên mờ mịt, đất sẽ rơi vào hỗn loạn, và cả nhân loại sẽ sống giữa nạn đói và dịch bệnh. Ngài sẽ cho các người thấy rằng nếu Đức Chúa Trời nhập thể không đến để cứu rỗi các người trong thời kỳ sau rốt, thì Đức Chúa Trời hẳn đã hủy diệt cả nhân loại trong địa ngục từ lâu; nếu xác

thịt này không tồn tại, thì các người sẽ mãi mãi là những tội nhân truyền kiếp, và sẽ muôn thuở là những xác chết. Các người nên biết rằng nếu xác thịt này không tồn tại, thì cả nhân loại sẽ đối mặt với một tai họa không thể tránh khỏi và sẽ thấy không thể nào thoát khỏi sự trừng phạt thậm chí còn nghiêm trọng hơn của Đức Chúa Trời dành cho loài người trong thời kỳ sau rốt. Nếu xác thịt bình thường này đã không được sinh ra, thì tất cả các người sẽ ở trong tình trạng muốn sống cũng không được mà muốn chết cũng không xong; nếu xác thịt này không tồn tại, thì ngày nay các người sẽ không thể nhận được lễ thật và đến trước ngai của Đức Chúa Trời, mà thay vào đó, các người sẽ bị Đức Chúa Trời trừng phạt bởi vì những tội lỗi ghê tởm của mình. Các người có biết rằng nếu không nhờ sự trở lại của Đức Chúa Trời trong xác thịt, thì không ai sẽ có một cơ hội được cứu rỗi; và nếu không nhờ sự hiện đến của xác thịt này, thì Đức Chúa Trời hẳn đã chấm dứt thời đại cũ từ lâu. Như thế, các người vẫn còn có thể chối bỏ sự nhập thể lần thứ hai của Đức Chúa Trời sao? Vì các người có thể được lợi rất nhiều từ con người bình thường này, tại sao các người lại không vui mừng chấp nhận Ngài?

Công tác của Đức Chúa Trời là điều người không thể lĩnh hội được. Nếu người không thể hoàn toàn nắm được liệu lựa chọn của mình có đúng hay không, hay người cũng không thể biết được liệu công tác của Đức Chúa Trời có thể thành công hay không, thì tại sao người không thử vận may của mình và xem liệu con người bình thường này có thể giúp người được nhiều hay không, và liệu Đức Chúa Trời đã thực sự làm công tác vĩ đại hay không? Tuy nhiên, Ta phải nói với người rằng vào thời của Nô-ê, con người đã ăn, uống, cưới, gả đến mức Đức Chúa Trời không thể chịu đựng được khi chứng kiến, vì thế, Ngài đã trút một trận lụt lớn để hủy diệt loài người, chỉ tha cho gia đình tám người của Nô-ê cùng tất cả các loài chim và thú. Tuy nhiên, trong thời kỳ sau rốt, những ai được Đức Chúa Trời tha là những người đã trung thành với Ngài cho đến cuối cùng. Mặc dù cả hai thời đại đều là những thời kỳ vô cùng bại hoại mà Đức Chúa Trời không chịu đựng nổi khi chứng kiến, và loài người trong cả hai thời đại đã trở nên bại hoại và phủ nhận Đức Chúa Trời là Chúa của họ, nhưng Đức Chúa Trời đã chỉ hủy diệt con người trong thời của Nô-ê. Nhân loại trong cả hai thời đại đã khiến Đức Chúa Trời vô cùng đau buồn, tuy nhiên cho đến bây giờ, Đức Chúa Trời vẫn kiên nhẫn với con người của thời kỳ sau rốt. Tại sao lại như vậy? Các người đã bao giờ tự hỏi tại sao chưa? Nếu các người thực sự không biết, thì để Ta nói cho các người biết. Lý do mà Đức Chúa Trời có thể ban ân điển cho con người trong thời kỳ sau rốt không phải là vì họ ít bại hoại hơn con người trong thời của Nô-ê, hay họ đã tỏ ra ăn năn với Đức Chúa Trời, càng không phải vì công nghệ trong thời kỳ sau rốt đã quá tiến bộ đến nỗi Đức Chúa Trời không đành

hủy diệt họ. Thay vào đó, chính là vì Đức Chúa Trời có công tác phải làm trong một nhóm người trong thời kỳ sau rốt, và vì Đức Chúa Trời sẽ đích thân thực hiện công tác này trong sự nhập thể của Ngài. Hơn nữa, Đức Chúa Trời sẽ chọn một bộ phận trong nhóm này để trở thành đối tượng cứu rỗi của Ngài và thành quả của kế hoạch quản lý của Ngài, và mang những con người này vào trong thời đại kế tiếp. Do đó, cho dù thế nào đi nữa, cái giá mà Đức Chúa Trời phải trả này đã hoàn toàn nằm trong sự chuẩn bị cho công tác mà xác thịt nhập thể của Ngài sẽ làm trong thời kỳ sau rốt. Việc các người đã đến được ngày hôm nay là nhờ xác thịt này. Chính bởi Đức Chúa Trời sống trong xác thịt mà các người có cơ hội sống sót. Toàn bộ điều may mắn này đã có được nhờ con người bình thường này. Không chỉ có thế, cuối cùng, mọi quốc gia sẽ thờ phượng con người bình thường này, cũng như dâng lời tạ ơn và vâng lời con người tầm thường này, bởi vì chính lẽ thật, sự sống, và đường đi Ngài mang đến đã cứu rỗi toàn thể nhân loại, xoa dịu mâu thuẫn giữa con người và Đức Chúa Trời, thu hẹp khoảng cách giữa họ, và đã mở ra một sự kết nối giữa những suy nghĩ của Đức Chúa Trời và con người. Cũng chính Ngài là Đấng đã đạt được vinh hiển còn lớn lao hơn cho Đức Chúa Trời. Chẳng phải một người bình thường như thế không xứng đáng với sự tin cậy và tôn thờ của người sao? Chẳng lẽ một xác thịt bình thường như thế không phù hợp để được gọi là Đấng Christ sao? Chẳng lẽ một người bình thường như thế không thể trở thành sự hiển lộ của Đức Chúa Trời giữa con người sao? Chẳng lẽ một người như thế, người đã tha cho nhân loại khỏi chịu thảm họa, lại không xứng đáng với tình yêu của các người và khao khát giữ lấy Ngài của các người sao? Nếu các người chối bỏ những lẽ thật được bày tỏ từ miệng Ngài và ghét sự tồn tại của Ngài ở giữa các người, thì cuối cùng, các người sẽ trở nên ra sao?

Toàn bộ công tác của Đức Chúa Trời trong thời kỳ sau rốt được thực hiện thông qua con người bình thường này. Ngài sẽ ban cho người mọi thứ, và hơn nữa, Ngài sẽ có thể quyết định mọi thứ liên quan đến người. Một người như thế có thể nào như các người nghĩ: một người đơn giản đến mức không đáng được đề cập? Chẳng lẽ lẽ thật của Ngài không đủ để hoàn toàn thuyết phục các người sao? Chứng kiến những việc làm của Ngài không đủ để hoàn toàn thuyết phục các người sao? Hay chẳng lẽ con đường mà Ngài mang đến không xứng đáng để các người đi sao? Xét cho cùng thì điều gì khiến các người căm ghét Ngài, từ bỏ Ngài và lánh xa Ngài? Chính con người này bày tỏ lẽ thật, chính con người này cung cấp lẽ thật, và chính con người này cho các người một con đường để đi theo. Lẽ nào các người vẫn không thể tìm được dấu vết công tác của Đức Chúa Trời trong những lẽ thật này? Không có công tác của Jêsus, thì loài người đã không thể bước xuống khỏi thập tự

giá, nhưng không có sự nhập thể của ngày hôm nay, thì những người bước xuống khỏi thập tự giá không bao giờ có thể nhận được sự chấp thuận của Đức Chúa Trời hoặc bước vào thời đại mới. Không có sự hiện đến của con người bình thường này, thì các người sẽ không bao giờ có cơ hội hoặc đủ tư cách để nhìn thấy diện mạo thực của Đức Chúa Trời, vì hết thảy các người đều là những đối tượng đáng bị hủy diệt từ lâu. Bởi vì sự hiện đến của sự nhập thể thứ hai của Đức Chúa Trời, nên Đức Chúa Trời đã tha thứ cho các người và tỏ lòng thương xót các người. Dầu vậy, những lời Ta phải để lại cho các người cuối cùng vẫn là những lời này: Con người bình thường này, Đức Chúa Trời nhập thể, có tầm quan trọng sống còn đối với các người. Đây là việc vĩ đại Đức Chúa Trời đã làm giữa con người.

Chỉ Đấng Christ của thời kỳ sau rốt mới có thể ban cho con người con đường sự sống vĩnh cửu

Con đường sự sống không phải là điều mà ai cũng có thể sở hữu, cũng như không phải là điều mà ai cũng có thể dễ dàng đạt được. Đó là bởi vì sự sống chỉ có thể đến từ Đức Chúa Trời, có nghĩa là, chỉ chính Đức Chúa Trời mới sở hữu thực chất của sự sống, và chỉ chính Đức Chúa Trời mới có con đường sự sống. Và vì vậy, chỉ có Đức Chúa Trời mới là nguồn sống, và là suối nguồn hằng sống của sự sống không ngừng tuôn chảy. Kể từ khi Ngài sáng thế, Đức Chúa Trời đã làm nhiều việc liên quan đến sinh lực sự sống, đã làm nhiều việc mang lại sự sống cho con người, và đã phải trả giá đắt để con người có thể có được sự sống. Điều này là bởi bản thân Đức Chúa Trời là sự sống vĩnh cửu, và bản thân Đức Chúa Trời là con đường mà con người được phục sinh. Đức Chúa Trời không bao giờ vắng bóng trong nhân tâm, và Ngài luôn sống giữa con người. Ngài đã và đang là động lực sống của con người, là cội rễ cho sự tồn tại của con người, và là một mỏ dồi dào cho sự tồn tại của con người sau khi sinh ra. Ngài khiến con người được tái sinh, và làm cho họ có thể kiên cường sống trong mọi vai trò. Nhờ vào quyền năng của Ngài, và sinh lực bất diệt của Ngài, con người đã sống được từ thế hệ này sang thế hệ khác, mà xuyên suốt đó, quyền năng sự sống của Đức Chúa Trời đã là rường cột cho sự tồn tại của con người, và Đức Chúa Trời đã phải trả một cái giá mà không một con người bình thường nào từng trả. Sinh lực của Đức Chúa Trời có thể lấn át bất cứ sức mạnh nào; hơn thế nữa, nó vượt trội hơn bất cứ sức mạnh nào. Sự sống của Ngài là vĩnh cửu, quyền năng của Ngài là siêu phàm, và sinh lực của Ngài không thể bị áp đảo bởi bất cứ loài thọ tạo hay thế lực thù địch nào. Sinh lực của Đức Chúa Trời hiện hữu, và

tỏa sáng rực rỡ bất kể không gian hay thời gian. Trời và đất có thể trải qua những biến chuyển lớn, nhưng sự sống của Đức Chúa Trời thì mãi mãi như vậy. Mọi thứ có thể tan biến, nhưng sự sống của Đức Chúa Trời sẽ vẫn còn, bởi Đức Chúa Trời là nguồn cho sự tồn tại của vạn vật và là gốc rễ cho sự tồn tại của vạn vật. Sự sống của con người bắt nguồn từ Đức Chúa Trời, sự hiện hữu của trời là bởi Đức Chúa Trời, và sự tồn tại của đất có gốc rễ từ quyền năng của sự sống từ Đức Chúa Trời. Không có vật gì mang sức sống mà có thể vượt được quyền tối thượng của Đức Chúa Trời, và không thứ gì có hoạt lực có thể trốn khỏi phạm vi thẩm quyền của Đức Chúa Trời. Theo cách này, bất kể là ai thì tất cả cũng phải quy phục dưới quyền thống trị của Đức Chúa Trời, tất cả cũng phải sống dưới sự chỉ huy của Đức Chúa Trời, và không ai có thể thoát khỏi tay Ngài.

Có lẽ bây giờ điều người mong muốn là đạt được sự sống, hoặc có lẽ người mong muốn nhận được lẽ thật. Trường hợp nào đi nữa thì người cũng đang mong muốn tìm thấy Đức Chúa Trời, tìm thấy Đức Chúa Trời mà người có thể dựa vào, và là Đấng có thể ban cho người sự sống vĩnh cửu. Nếu người muốn đạt được sự sống vĩnh cửu, người trước hết phải hiểu về nguồn của sự sống vĩnh cửu và trước hết phải biết Đức Chúa Trời đang ở nơi đâu. Ta đã nói rằng chỉ có Đức Chúa Trời là sự sống bất biến, và chỉ có Đức Chúa Trời sở hữu con đường sự sống. Bởi Đức Chúa Trời là sự sống bất biến, cho nên Ngài là sự sống vĩnh cửu; bởi chỉ có Đức Chúa Trời là con đường sự sống, cho nên bản thân Đức Chúa Trời là con đường sự sống vĩnh cửu. Như thế, người trước tiên phải hiểu được Đức Chúa Trời đang ở đâu, và làm thế nào để đạt được con đường sự sống vĩnh cửu này. Bây giờ hãy tiến hành thông công riêng về hai vấn đề này.

Nếu người thực sự mong muốn có được con đường sự sống vĩnh cửu, và nếu người rất nóng lòng tìm kiếm nó, thì trước tiên hãy trả lời câu hỏi này: Ngày nay Đức Chúa Trời đang ở nơi đâu? Có lẽ người sẽ trả lời: “Dĩ nhiên Đức Chúa Trời đang sống ở thiên đàng – Ngài chẳng thể nào đang sống trong nhà người, đúng không?” Có lẽ người sẽ nói rằng Đức Chúa Trời rõ ràng đang sống giữa vạn vật. Hoặc người có thể nói rằng Đức Chúa Trời sống ở trong lòng của mỗi người, hay Đức Chúa Trời đang ở trong cõi tâm linh. Ta không phủ nhận bất cứ điều gì nêu trên, nhưng Ta phải làm rõ vấn đề. Không hoàn toàn đúng khi nói rằng Đức Chúa Trời sống trong lòng con người, nhưng cũng không hoàn toàn sai. Đó là bởi vì trong số những tín đồ của Đức Chúa Trời, có những người có đức tin đúng đắn và có những người có đức tin sai lạc, có những người Đức Chúa Trời chấp thuận và có những người Ngài không chấp thuận, có những người làm đẹp lòng Ngài và có những người Ngài khinh ghét, và có những người Ngài làm cho hoàn thiện và có những người Ngài loại bỏ. Và vì

thế, Ta nói rằng Đức Chúa Trời chỉ sống ở trong lòng của một vài người, và những người này không nghi ngờ gì là những người thực sự tin ở Đức Chúa Trời, những người được Đức Chúa Trời chấp thuận, những người làm đẹp lòng Ngài, và những người Ngài làm cho hoàn thiện. Họ là những người được Đức Chúa Trời dẫn dắt. Bởi họ được Đức Chúa Trời dẫn dắt, nên họ là những người đã nghe thấy và nhìn thấy con đường sự sống vĩnh cửu của Đức Chúa Trời. Những người có đức tin sai lạc vào Đức Chúa Trời, những người không được Đức Chúa Trời chấp thuận, những người bị Đức Chúa Trời khinh miệt, những người bị Đức Chúa Trời loại trừ – họ chắc chắn sẽ bị Đức Chúa Trời loại bỏ, chắc chắn chẳng bao giờ có được con đường sự sống, và chắc chắn chẳng bao giờ biết được Đức Chúa Trời ở đâu. Ngược lại, những người có Đức Chúa Trời trong lòng thì biết Ngài đang ở đâu. Họ là những người được Đức Chúa Trời ban cho con đường sự sống vĩnh cửu, và họ là những người theo Đức Chúa Trời. Bây giờ người biết Đức Chúa Trời đang ở đâu chưa? Đức Chúa Trời vừa ở trong lòng con người, vừa ở bên cạnh con người. Ngài không chỉ sống trong cõi tâm linh, và bên trên vạn vật, mà thậm chí còn ở nhiều hơn trên đất mà con người đang sinh sống. Và vì thế, thời kỳ sau rốt đến đã đưa các bước công tác của Đức Chúa Trời sang một lãnh địa mới. Đức Chúa Trời nắm quyền tối thượng trên mọi thứ trong vạn vật, và Ngài là trụ cột của con người trong lòng họ, và hơn nữa, Ngài hiện hữu giữa con người. Chỉ bằng cách này, Ngài mới có thể mang con đường sự sống đến cho nhân loại, và đưa con người vào con đường sự sống. Đức Chúa Trời đã đến trần thế, và sống giữa con người, để cho con người có thể có được con đường sự sống, và để cho con người có thể tồn tại. Đồng thời, Đức Chúa Trời cũng chỉ huy mọi thứ trong vạn vật, để điều phối sự hợp tác với sự quản lý Ngài thực hiện giữa con người. Và vì thế, nếu người chỉ thừa nhận giáo lý rằng Đức Chúa Trời đang ở trên trời và ở trong nhân tâm, mà không thừa nhận lẽ thật về sự hiện hữu của Đức Chúa Trời giữa con người, thì người sẽ không bao giờ có được sự sống, và sẽ không bao giờ có được con đường lẽ thật.

Bản thân Đức Chúa Trời là sự sống, là lẽ thật, và sự sống cùng lẽ thật của Ngài đồng tồn tại. Những ai không có khả năng đạt được lẽ thật sẽ không bao giờ có được sự sống. Không có sự hướng dẫn, hỗ trợ, và cung cấp lẽ thật, người chỉ có thể có được câu chữ, giáo lý, và hơn cả, là cái chết. Sự sống của Đức Chúa Trời là vĩnh hằng, và lẽ thật cùng sự sống của Ngài đồng tồn tại. Nếu người không thể tìm thấy nguồn lẽ thật, thì người không thể có được dưỡng chất cho sự sống; nếu người không được cung cấp sự sống, thì người chắc chắn sẽ không có được lẽ thật, và do vậy, ngoài những tưởng tượng và quan niệm ra, toàn bộ thân thể người sẽ chẳng có gì ngoài xác thịt – xác thịt đầy mùi hôi thối của người. Hãy biết rằng những lời sách

vở không được xem là sự sống, những ghi chép lịch sử không thể được thờ phượng như lễ thật, và những điều lệ trong quá khứ không thể được dùng làm bản ghi lại những lời Đức Chúa Trời phán bảo ngày nay. Chỉ có những gì được Đức Chúa Trời bày tỏ khi Ngài đến trên đất và sống giữa con người thì mới là lễ thật, là sự sống, là ý muốn của Đức Chúa Trời, và là cách thức làm việc hiện tại của Ngài. Nếu người áp dụng những ghi chép về tất cả những lời Đức Chúa Trời đã phán trong suốt các thời đại từ xưa tới nay, thì điều đó biến người thành nhà khảo cổ học, và cách tốt nhất để mô tả người đó là chuyên gia về di tích lịch sử. Đó là bởi người luôn tin vào những dấu tích của công tác mà Đức Chúa Trời đã làm trong thời đã xa, người chỉ tin vào cái bóng Đức Chúa Trời để lại khi Ngài đã làm việc giữa con người trước đây, và chỉ tin vào đường lối mà Đức Chúa Trời đã ban cho những môn đệ của Ngài trong những thời kỳ trước. Người không tin vào hướng công tác của Đức Chúa Trời ngày hôm nay, không tin vào diện mạo vinh quang của Đức Chúa Trời ngày hôm nay, và không tin vào con đường lễ thật mà Đức Chúa Trời đang bày tỏ ngày hôm nay. Và vì vậy, người hiển nhiên là kẻ mơ mộng chẳng chút thực tế nào. Nếu bây giờ người vẫn bám lấy những lời không thể mang lại sự sống cho con người, thì người chỉ là một miếng gỗ mục^a vô vọng, bởi người quá bảo thủ, quá cứng đầu, và quá trơ lì trước mọi lý lẽ!

Đức Chúa Trời trở nên xác thịt được gọi là Đấng Christ, và vì vậy, Đấng Christ mà có thể ban cho con người lễ thật được gọi là Đức Chúa Trời. Điều này chẳng có gì thái quá, bởi Ngài sở hữu thực chất của Đức Chúa Trời, sở hữu tâm tính của Đức Chúa Trời, và sự khôn ngoan trong công tác của Ngài, điều mà con người không thể đạt được. Những kẻ tự xưng là Đấng Christ, mà không thể thực hiện được công tác của Đức Chúa Trời đều là những kẻ giả mạo. Đấng Christ không chỉ là hiện thân của Đức Chúa Trời ở trần thế, mà còn là xác thịt cụ thể Đức Chúa Trời mang khi Ngài thực hiện và hoàn tất công tác của Ngài giữa con người. Xác thịt này không thể thay thế được bởi bất kỳ con người nào, mà là một xác thịt có khả năng gánh vác trọn công tác của Đức Chúa Trời trên đất, thể hiện được tâm tính của Đức Chúa Trời, và đại diện được cho Đức Chúa Trời, cũng như cung cấp được sự sống cho con người. Sớm muộn gì những kẻ mạo nhận Đấng Christ hết thảy cũng sẽ gục ngã, bởi cho dù họ có tự xưng là Đấng Christ, nhưng họ không sở hữu chút gì thực chất của Đấng Christ. Và bởi thế mà Ta nói rằng tính xác thực của Đấng Christ không thể được định nghĩa bởi con người, mà chỉ có thể được trả lời và quyết định bởi bản thân Đức Chúa Trời. Bằng cách này, nếu người thực sự

a. Một miếng gỗ mục: thành ngữ Trung Hoa, có nghĩa là “vô phương cứu chữa”.

mong muốn tìm kiếm con đường sự sống, người trước hết phải thừa nhận rằng Đức Chúa Trời, bằng cách giáng thế mà Đức Chúa Trời thực hiện công tác ban cho con người con đường sự sống, và người phải thừa nhận rằng chính trong thời kỳ sau rốt mà Ngài giáng thế để ban con đường sự sống cho con người. Đây không phải là quá khứ; mà là điều đang diễn ra ngày hôm nay.

Đấng Christ của thời kỳ sau rốt mang đến sự sống, và mang đến con đường lẽ thật bền vững và vĩnh cửu. Lẽ thật này là con đường mà thông qua đó con người đạt được sự sống, và đây là con đường duy nhất mà qua đó con người mới biết đến Đức Chúa Trời và được Đức Chúa Trời chấp thuận. Nếu người không kiếm tìm con đường sự sống được Đấng Christ của thời kỳ sau rốt cung cấp, thì người sẽ không bao giờ có được sự chấp thuận của Jêsus, và sẽ không bao giờ đủ tư cách để bước vào cánh cổng của vương quốc thiên đàng, bởi người vừa là con rối, vừa là tù nhân của lịch sử. Những ai bị chi phối bởi phép tắc, bởi câu chữ, và bị trói buộc bởi lịch sử sẽ không bao giờ có thể có được sự sống, cũng như không thể đạt được con đường sự sống đời đời. Đó là bởi vì tất cả những gì họ có được chỉ là nước đục mà họ đã bám vào hàng ngàn năm nay, thay vì nước sự sống tuôn chảy từ ngôi. Những ai không được cung cấp nước sự sống thì sẽ vẫn mãi là những xác chết, là những món đồ chơi của Sa-tan, và là con cái của địa ngục. Vậy thì làm sao họ có thể nhìn thấy Đức Chúa Trời? Nếu người chỉ cố bám víu vào quá khứ, chỉ cố giữ mọi thứ nguyên trạng bằng cách đứng yên, và không thử thay đổi hiện trạng cũng như buông bỏ lịch sử, thì chẳng phải người sẽ luôn luôn chống lại Đức Chúa Trời sao? Các bước trong công tác của Đức Chúa Trời lớn lao và vĩ đại, như sóng trào và sấm dội – mà người thì ngồi thụ động chờ đợi sự hủy diệt, bám lấy sự đại dột của mình và chẳng làm gì cả. Bằng cách này, làm sao người có thể được xem là một người đang theo bước chân của Chiên Con? Làm sao người có thể biện hộ rằng Đức Chúa Trời mà người đang bám víu vào là một Đức Chúa Trời luôn mới mẻ và không bao giờ cũ? Và làm sao những câu chữ trong những trang sách ố vàng của người có thể đưa người sang một thời đại mới? Làm sao chúng có thể dẫn dắt người tìm kiếm các bước trong công tác của Đức Chúa Trời? Và làm sao chúng có thể dẫn dắt người lên được thiên đàng? Thứ người đang giữ trong tay là những câu chữ có thể đem lại chút khuây khỏa tạm bợ, chứ không phải là lẽ thật có thể ban sự sống. Thánh kinh mà người đọc chỉ có thể làm phong phú cho miệng lưỡi của người và không phải là những lời triết lý có thể giúp người biết được sự sống của con người, càng không phải là những con đường có thể dẫn dắt người đến sự hoàn thiện. Sự khác biệt này không cho người lý do để suy ngẫm sao? Nó không khiến người nhận ra được những mầu nhiệm ẩn chứa trong đó sao? Người có khả năng tự mình lên thiên

đàng để gặp Đức Chúa Trời không? Không có sự hiện đến của Đức Chúa Trời, người có thể tự mình vào thiên đàng để tận hưởng niềm vui gia đình với Đức Chúa Trời không? Giờ người vẫn đang mơ hay sao? Vậy thì ta đề nghị người hãy thôi mơ mộng, và hãy nhìn xem ai đang làm việc lúc này – nhìn để thấy ai đang thực hiện công tác cứu rỗi con người trong thời kỳ sau rốt. Nếu không làm thế, người sẽ không bao giờ có được lẽ thật, và sẽ không bao giờ có được sự sống.

Những ai mong muốn có được sự sống mà không dựa vào lẽ thật do Đấng Christ phán dạy là những kẻ nực cười nhất thế gian, và những ai không chấp nhận con đường sự sống do Đấng Christ mang lại đều bị lạc trong mộng tưởng. Và vì vậy, Ta nói rằng những kẻ không chấp nhận Đấng Christ của thời kỳ sau rốt sẽ mãi bị Đức Chúa Trời ghê tởm. Đấng Christ là cổng vào vương quốc của con người trong thời kỳ sau rốt, và không có ai có thể đi vòng sau Ngài. Không ai có thể được Đức Chúa Trời hoàn thiện mà không thông qua Đấng Christ. Người tin vào Đức Chúa Trời, vậy thì người phải chấp nhận những lời của Ngài và vâng phục con đường của Ngài. Người không thể chỉ nghĩ tới việc nhận lãnh ân phước trong khi không có khả năng nhận lãnh lẽ thật, và không có khả năng chấp nhận sự cung cấp sự sống. Đấng Christ đến trong thời kỳ sau rốt để cho tất cả những ai thực sự tin ở Ngài có thể được cung cấp sự sống. Công tác của Ngài là để khép lại thời đại cũ và bước vào thời đại mới, và công tác của Ngài là con đường mà tất cả những ai sẽ bước vào thời đại mới phải đi qua. Nếu người không thể thừa nhận Ngài, mà thay vào đó chỉ trích, báng bổ, hay thậm chí hành hạ Ngài, thì người chắc chắn sẽ bị thiêu đốt đời đời, và sẽ không bao giờ bước vào được vương quốc của Đức Chúa Trời. Bởi Đấng Christ này, chính Ngài là sự tỏ hiện của Đức Thánh Linh, sự tỏ hiện của Đức Chúa Trời, là Đấng mà Đức Chúa Trời đã giao phó để làm công tác của Ngài trên trần thế. Và vì vậy, Ta nói rằng nếu người không chấp nhận tất cả những gì được thực hiện bởi Đấng Christ của thời kỳ sau rốt, thì người đang báng bổ Đức Thánh Linh. Quả báo mà những kẻ báng bổ Đức Thánh Linh phải chịu là điều hiển nhiên với tất cả mọi người. Ta cũng nói cho người biết rằng nếu người chống lại Đấng Christ của thời kỳ sau rốt, nếu người bác bỏ Đấng Christ của thời kỳ sau rốt, thì sẽ không có ai khác chịu hậu quả thay người cả. Hơn nữa, từ hôm nay trở đi, người sẽ không còn cơ hội nào khác để có được sự chấp thuận của Đức Chúa Trời; ngay cả khi người cố chuộc lỗi, thì người cũng sẽ không bao giờ thấy được dung nhan Đức Chúa Trời lần nữa. Bởi điều người chống lại chẳng phải một con người, điều người bác bỏ chẳng phải một sinh linh yếu đuối, mà là Đấng Christ. Người có biết hậu quả của việc này sẽ là gì không? Người sẽ không phải là gây ra một lỗi nhỏ, mà phạm một tội tày trời. Và vì vậy, Ta khuyên mọi người đừng cố giương nanh chống lại lẽ thật, hay đưa ra

những lời chỉ trích bừa bãi, bởi chỉ có lẽ thật mới mang lại cho người sự sống, và không gì ngoài lẽ thật có thể giúp người được tái sinh và chiêm ngưỡng dung nhan Đức Chúa Trời một lần nữa.

Hãy chuẩn bị đầy đủ những việc lành cho đích đến của mình

Ta đã làm nhiều việc ở giữa các người, và tất nhiên, cũng đã phán ra một số lời dạy. Tuy nhiên, Ta không thể không cảm thấy rằng những lời của Ta và công tác của Ta chưa hoàn thành trọn vẹn mục đích công tác của Ta trong thời kỳ sau rốt. Vì trong thời kỳ sau rốt, công tác của Ta không phải vì một người nào đó hoặc một dân tộc nào, mà là để biểu lộ tâm tính vốn có của Ta. Ấy thế mà vì vô số lý do – có lẽ là sự khan hiếm thời gian hoặc lịch trình công tác bận rộn – con người chưa đạt được chút hiểu biết nào về Ta từ tâm tính của Ta. Vì vậy, Ta khởi động kế hoạch mới của Ta, công tác cuối cùng của Ta, và mở ra một trang mới trong công tác của Ta, hầu cho tất cả những ai nhìn thấy Ta sẽ đắm ngực, khóc lóc và kêu gào không dứt vì sự tồn tại của Ta. Điều này là do Ta mang hồi kết của nhân loại đến cho thế gian, và kể từ thời điểm này trở đi, Ta phơi bày toàn bộ tâm tính của Ta trước nhân loại, để tất cả những người biết Ta và tất cả những người không biết có thể mãn nhãn và thấy rằng Ta thực sự đã đến với thế giới loài người, đã đến trần gian nơi vạn vật sinh sôi. Đây là kế hoạch của Ta, và “lời thú nhận” duy nhất của Ta kể từ khi Ta tạo dựng nên loài người. Ta mong rằng các người dành sự chú ý hoàn toàn của mình vào mọi động thái của Ta, vì cây gậy của Ta một lần nữa dấn sát đến nhân loại, đến tất cả những ai chống lại Ta.

Cùng với các tầng trời, Ta bắt đầu công tác mà Ta phải làm. Và thế là Ta len lỏi qua những dòng người và di chuyển giữa trời và đất, chưa từng có ai nhận ra những chuyển động của Ta hoặc chú ý đến những lời của Ta. Vì vậy, kế hoạch của Ta tiếp tục tiến triển thuận lợi. Chỉ có điều là tất cả mọi giác quan của các người đã trở nên tê liệt đến mức các người không biết chút gì về các bước trong công tác của Ta. Nhưng chắc chắn sẽ đến ngày các người nhận ra các ý định của Ta. Ngày nay, Ta sống cùng với các người và chịu khổ cùng với các người, và từ lâu rồi Ta đã hiểu được thái độ của loài người đối với Ta. Ta không muốn nói thêm về điều này, càng không muốn khiến các người hồ thẹn khi đưa ra thêm những ví dụ về chủ đề nhức nhối này. Ta chỉ hy vọng rằng các người ghi nhớ mọi điều các người đã làm trong lòng mình, để chúng ta có thể đối chiếu các câu chuyện của mình vào ngày chúng ta gặp lại nhau. Ta không muốn buộc tội oan bất kỳ ai trong số các người, vì Ta đã

luôn hành động một cách công minh, công bằng và với sự chính trực. Tất nhiên, Ta cũng hy vọng rằng các người có thể kiên định, và không làm điều gì đi ngược lại với trời đất hay lương tâm của chính mình. Đây là điều duy nhất mà Ta yêu cầu ở các người. Nhiều người cảm thấy bồn chồn và lo lắng vì họ đã phạm phải những sai lầm tồi tệ, và nhiều người cảm thấy hổ thẹn về bản thân vì họ chưa từng làm được một việc tốt nào. Tuy nhiên, cũng có nhiều người, chẳng những không cảm thấy hổ thẹn bởi những tội lỗi của họ, ngày càng tồi tệ hơn, xé toạc hoàn toàn chiếc mặt nạ che giấu những đặc điểm gớm ghiếc của họ – những điều vẫn chưa được phơi bày hoàn toàn – để thử tâm tính của Ta. Ta không quan tâm, cũng chẳng chú ý đến những hành động của bất kỳ một người nào. Thay vào đó, Ta làm công tác mà Ta phải làm, dù đó là thu thập thông tin, hay đi lại đó đây, hoặc làm những điều nằm trong sự quan tâm của Ta. Vào những thời điểm quan trọng, Ta tiến hành công tác của Ta giữa con người theo như đã hoạch định từ ban đầu, không quá muộn hoặc quá sớm một giây nào, và với sự thông thả lẫn sự khẩn trương. Tuy nhiên, trong mỗi bước công tác của Ta, một số người bị gạt sang một bên, vì Ta khinh ghét những cách tâng bốc của họ và sự khúm núm giả tạo của họ. Những kẻ gớm ghiếc đối với Ta chắc chắn sẽ bị từ bỏ, dù là một cách cố ý hoặc vô ý. Nói tóm lại, Ta muốn tất cả những kẻ mà Ta khinh miệt phải tránh xa Ta ra. Không cần phải nói, Ta sẽ không tha cho những kẻ gian ác còn lại trong nhà Ta. Bởi vì ngày trừng phạt con người đã gần kề, Ta không vội vàng loại bỏ tất cả những linh hồn đáng khinh đó, vì Ta có một kế hoạch của riêng Ta.

Giờ là lúc Ta quyết định hồi kết cho mỗi người, không phải là giai đoạn Ta bắt đầu làm việc con người. Ta viết ra trong sổ sách ghi chép của Ta, từng điều một, những lời nói và những hành động của từng người, con đường mà họ đã theo Ta, những đặc điểm vốn có của họ, và cuối cùng họ đã xử sự như thế nào. Theo cách này, cho dù họ là kiểu người nào đi nữa thì cũng không ai thoát khỏi tay Ta, và sẽ ở cùng loại của mình như Ta chỉ định. Ta quyết định đích đến của từng người không dựa trên cơ sở tuổi tác, thâm niên, bao nhiêu gian khổ, và đặc biệt là không phải mức độ họ mời gọi lòng trắc ẩn, mà tùy vào việc họ có sở hữu lẽ thật hay không. Không có lựa chọn nào khác ngoài điều này. Các người phải nhận ra rằng tất cả những kẻ không tuân theo ý muốn của Đức Chúa Trời đều sẽ bị trừng phạt. Đây là một sự thật bất biến. Vì vậy, tất cả những kẻ bị trừng phạt đều bị trừng phạt như thế vì sự công chính của Đức Chúa Trời và là quả báo cho vô số những hành động xấu xa của họ. Ta chưa hề thực hiện một sự thay đổi nào đối với kế hoạch của Ta kể từ lúc khởi đầu của nó. Chỉ đơn giản là, về phương diện con người, những người mà Ta hướng lời Ta trực tiếp đến dường như đang giảm dần về số lượng, cũng như

những người mà Ta thực sự chấp thuận. Tuy nhiên, Ta xác quyết rằng kế hoạch của Ta chưa bao giờ thay đổi; đúng hơn, chính đức tin và tình yêu của con người luôn thay đổi, luôn suy yếu, đến mức có khả năng mỗi người đi từ việc nịnh hót Ta đến việc trở nên lạnh lùng với Ta hoặc thậm chí loại bỏ Ta. Thái độ của Ta đối với các người sẽ không nóng cũng không lạnh, cho đến khi Ta cảm thấy ghê tởm và gớm ghiếc, và cuối cùng đưa ra sự trừng phạt. Tuy nhiên, vào ngày bị trừng phạt của các người, Ta vẫn sẽ nhìn thấy các người, nhưng các người sẽ không còn có thể nhìn thấy Ta nữa. Vì cuộc sống ở giữa các người đã trở nên nhạt nhẽo và buồn tẻ đối với Ta, nên không cần phải nói, Ta đã chọn môi trường khác để sống, để tránh bị tổn thương bởi những lời độc địa của các người và tránh xa hành vi bẩn thỉu không thể chịu nổi của các người, để các người không còn có thể đánh lừa Ta hoặc đối xử với Ta theo cách chiếu lệ nữa. Trước khi Ta rời khỏi các người, Ta vẫn phải khuyến khích các người tránh làm điều không phù hợp với lẽ thật. Thay vào đó, các người nên làm điều đẹp lòng tất cả mọi người, điều mang lại lợi ích cho tất cả mọi người, và điều mang lại những lợi ích cho đích đến của chính các người, nếu không thì người chịu khổ giữa thảm họa sẽ không phải ai khác ngoài bản thân các người.

Lòng thương xót của Ta được bày tỏ đến những người yêu mến Ta và từ bỏ bản thân họ. Trong khi đó, sự trừng phạt giáng trên những kẻ ác là bằng chứng chính xác cho tâm tính công chính của Ta, và hơn nữa, là lời chứng cho cơn thịnh nộ của Ta. Khi thảm họa đến, tất cả những kẻ chống lại Ta sẽ than khóc bởi họ chịu ảnh hưởng của nạn đói và dịch bệnh. Những kẻ đã phạm phải mọi kiểu gian ác, nhưng đã theo Ta trong nhiều năm, sẽ không thoát khỏi việc trả giá cho những tội lỗi của mình; họ cũng sẽ rơi vào thảm họa, hiếm thấy sự gì giống như vậy trong suốt hàng triệu năm, và họ sẽ sống trong một tình trạng hoảng loạn và sợ hãi liên miên. Và những người theo Ta – những người đã bày tỏ lòng trung thành với Ta – sẽ vui mừng và vỗ tay hoan nghênh sức mạnh của Ta. Họ sẽ trải nghiệm sự thỏa lòng không thể tả và sống giữa niềm vui mà trước đây Ta chưa từng ban cho nhân loại. Vì Ta trân trọng những việc lành của con người và ghê tởm những việc ác của họ. Kể từ khi Ta bắt đầu dẫn dắt nhân loại, Ta đã háo hức hy vọng thu phục được một nhóm người đồng tâm hợp ý với Ta. Trong khi đó, với những kẻ không đồng tâm hợp ý với Ta, Ta không bao giờ quên; Ta luôn ghê tởm họ trong lòng Ta, chỉ chờ cơ hội để giáng sự trừng phạt lên họ, là điều sẽ khiến Ta ưa thích khi nhìn thấy. Giờ đây ngày của Ta cuối cùng đã đến, và Ta không cần phải chờ đợi nữa!

Công tác cuối cùng của Ta không chỉ vì việc trừng phạt con người mà còn vì việc sắp xếp đích đến của con người. Hơn thế nữa, đó cũng là để tất cả mọi người có thể thừa nhận những việc làm và hành động của Ta. Ta muốn mỗi một người đều

thấy rằng mọi điều Ta đã làm là đúng, và mọi điều Ta đã làm là một sự bày tỏ cho tâm tính của Ta. Không phải việc làm của con người, càng không phải thiên nhiên, đã sinh ra nhân loại, mà là chính là Ta – Đấng nuôi dưỡng mỗi sinh vật sống trong sự tạo dựng. Không có sự tồn tại của Ta, nhân loại sẽ chỉ diệt vong và chịu tai họa của thiên tai. Không có con người nào sẽ nhìn thấy mặt trời và mặt trăng đẹp đẽ, hay thế giới xanh tươi lần nào nữa; nhân loại sẽ chỉ đối mặt với đêm tối lạnh lẽo và thung lũng bóng chết không thể tránh khỏi. Ta là sự cứu rỗi duy nhất của nhân loại. Ta là niềm hy vọng duy nhất của nhân loại, và còn hơn thế nữa, Ta là Đấng mà sự tồn tại của cả nhân loại dựa vào. Không có Ta, nhân loại sẽ lập tức đi đến một sự bế tắc. Không có Ta, nhân loại sẽ phải chịu tai ương và bị giẫm dưới chân của mọi loại hồn ma, mặc dù không ai để ý đến Ta. Ta đã làm công tác mà không ai khác có thể làm được, và chỉ hy vọng rằng con người có thể báo đáp Ta bằng một vài việc lành. Mặc dù mới chỉ một số ít người có thể báo đáp Ta, Ta vẫn sẽ kết thúc hành trình của Ta trong thế giới loài người và bắt đầu bước tiếp theo trong công tác tỏ bày của Ta, bởi vì mọi sự tắt bật ngược xuôi của Ta giữa con người trong nhiều năm này đã có kết quả, và Ta rất hài lòng. Điều Ta quan tâm không phải là số lượng người mà là những việc lành của họ. Trong bất kỳ trường hợp nào, Ta hy vọng rằng các người chuẩn bị đầy đủ những việc lành cho đích đến của chính các người. Khi đó Ta sẽ hài lòng; nếu không, không ai trong số các người có thể thoát khỏi thảm họa sẽ xảy đến với các người. Thảm họa bắt nguồn từ Ta và tất nhiên là do Ta sắp đặt. Nếu các người không thể xuất hiện tốt đẹp trong mắt Ta, thì các người sẽ không thoát khỏi việc gánh chịu thảm họa. Giữa cơn hoạn nạn, những hành động và những việc làm của các người đã không được xem là hoàn toàn phù hợp, vì đức tin và tình yêu thương của các người là giả dối, và các người chỉ cho thấy mình hoặc nhút nhát hoặc ngoan cố mà thôi. Về điều này, Ta sẽ chỉ đưa ra một sự phán xét tốt hoặc xấu. Mỗi quan tâm của Ta tiếp tục là cách để mỗi người trong số các người hành động và thể hiện bản thân, trên cơ sở đó Ta sẽ quyết định hồi kết của các người. Tuy nhiên, Ta phải làm rõ điều này: Đối với những kẻ đã không cho Ta thấy chút ít sự trung thành nào suốt trong những kỳ hoạn nạn, Ta sẽ không thương xót nữa, vì lòng thương xót Ta chỉ nói đến thế thôi. Hơn nữa, Ta không thích bất kỳ ai đã một lần phản bội Ta, Ta càng không thích kết giao với những kẻ bán đứng những lợi ích của bạn bè mình. Đây là tâm tính của Ta, bất kể người đó có thể là ai. Ta phải bảo với các người điều này: Bất kỳ ai khiến Ta buồn lòng sẽ không nhận được sự khoan dung từ Ta lần thứ hai, và bất kỳ ai đã trung tín với Ta sẽ vẫn mãi ở trong lòng Ta.

Người trung thành với ai?

Ngay lúc này, mỗi ngày các người được sống đều quan trọng, và đó là điều quan trọng tốt bậc cho đích đến của các người và số phận của các người, vậy nên các người phải trân quý mọi thứ mình có hôm nay, và quý trọng từng phút trôi qua. Các người phải tận dụng mọi thời gian có thể để thu nhận được nhiều nhất cho bản thân hầu cho các người không sống cuộc đời này một cách vô ích. Các người có thể cảm thấy mơ hồ vì sao Ta lại phán những lời như vậy. Nói thẳng ra, Ta không hài lòng chút nào với hành vi của bất kỳ ai trong số các người, vì các người bây giờ không giống như những hi vọng của Ta về các người. Vì vậy, Ta có thể phán điều này: Mỗi người trong các người đều đang bên bờ vực hiểm nguy, và những lời kêu cứu khi xưa cùng những khát vọng trước đây của các người để theo đuổi lẽ thật và tìm kiếm sự sáng đang tiếm cận hồi kết. Đây là lần thể hiện sự báo đáp sau cùng của các người, và là điều mà Ta chưa bao giờ mong đợi. Ta không muốn nói trái thực tế, vì các người đã làm Ta thất vọng vô cùng. Có lẽ các người không muốn nuốt trái đắng, không muốn đối mặt với thực tế – nhưng Ta phải nghiêm túc hỏi các người điều này: Trong suốt bao năm nay, lòng các người chính xác đã chứa đựng những gì? Lòng các người trung thành với ai? Đừng nói rằng những câu hỏi này từ trên trời rơi xuống, và cũng đừng hỏi Ta tại sao Ta lại hỏi những điều đó. Nên biết điều này: Đó là bởi vì Ta biết các người quá rõ, quan tâm đến các người quá nhiều, và đã dành quá nhiều tâm huyết cho cách cư xử và những hành động của các người đến nỗi Ta đã không ngừng chất vấn các người và Ta đã phải chịu đựng khổ ải cam go. Thế nhưng các người không báo đáp Ta gì hơn sự thờ ơ và sự cam chịu không thể chịu nổi. Các người đã thật tặc trách với Ta; có lẽ nào Ta lại không biết gì về điều đó? Nếu các người tin như vậy, nó càng chứng tỏ thực tế rằng các người không thật sự đối xử tử tế với Ta. Và vì vậy, Ta phán rằng các người đang lãng tránh sự thật. Tất cả các người đều thông minh đến nỗi các người còn không biết mình đang làm gì – vậy các người sẽ dùng thứ gì để khai trình với Ta?

Câu hỏi mà Ta quan tâm nhất là chính xác lòng các người trung thành với ai. Ta cũng hi vọng rằng mỗi người trong các người sẽ cố gắng sắp xếp lại suy nghĩ của mình, và tự hỏi các người trung thành với ai và các người sống vì ai. Có lẽ các người chưa bao giờ suy xét thấu đáo về những câu hỏi này, hay là để Ta tiết lộ câu trả lời cho các người?

Bất kỳ ai có trí nhớ sẽ thừa nhận thực tế này: Con người sống vì bản thân họ và trung thành với bản thân họ. Ta không tin câu trả lời của các người sẽ chính xác hoàn toàn, vì mỗi người các người tồn tại trong cuộc sống riêng của mình và mỗi

người đều đang vật lộn với nỗi khổ của riêng mình. Như thế, các người trung thành với những người các người yêu mến và những điều làm các người vui lòng; các người không hoàn toàn trung thành với chính bản thân mình. Bởi vì mỗi người trong các người đều bị ảnh hưởng bởi những con người, sự vật, sự việc xung quanh, nên các người không thật sự trung thành với chính bản thân mình. Ta nói những lời này không phải để tán đồng việc trung thành với bản thân các người, mà là để vạch trần lòng trung thành của các người với bất kỳ một thứ nào, vì trong rất nhiều năm, Ta chưa bao giờ nhận được lòng trung thành từ bất cứ ai trong các người. Các người đã theo Ta bao nhiêu năm nay, nhưng chưa bao giờ cho Ta chút mảy may nào của lòng trung thành. Thay vào đó, các người chỉ xoay quanh những người mà các người yêu mến và những điều làm các người vui lòng – nhiều đến nỗi vào mọi lúc, mọi nơi các người đi, các người đều giữ chặt những thứ đó trong lòng và chưa bao giờ rời bỏ chúng. Bất kỳ lúc nào các người trở nên háo hức hay đam mê bất kỳ một điều gì mà các người yêu thích, thì nó đều xảy ra trong khi các người đang theo Ta, hay thậm chí trong khi các người đang lắng nghe những lời của Ta. Do đó, Ta nói rằng các người đang sử dụng lòng trung thành mà Ta đòi hỏi ở các người để thay vào đó lại là trung thành và yêu thương “những thú cưng” của mình. Mặc dù các người có thể hi sinh một hay hai thứ cho Ta, nhưng những thứ đó không đại diện cho toàn bộ các người, và không thể hiện rằng các người thực sự trung thành với Ta. Các người bị cuốn vào những công việc mình say mê: Một số người thì trung thành với con trai con gái họ, những người khác thì với vợ, chồng, của cải, công việc, thượng cấp, địa vị, hay phụ nữ. Các người không bao giờ cảm thấy mệt mỏi hay phiền lòng về những thứ các người trung thành; thay vào đó, các người trở nên háo hức hơn bao giờ hết để được sở hữu những thứ này nhiều hơn về số lượng, cao hơn về chất lượng, và các người không bao giờ từ bỏ. Ta và những lời của Ta luôn được đẩy lại đằng sau những thứ mà các người say mê. Và các người không còn lựa chọn khác ngoài việc xếp chúng sau cùng. Thậm chí có những người để dành nơi sau cùng này cho những thứ họ trung thành nhưng chưa khám phá ra. Chưa bao giờ có vết dấu của Ta dù nhỏ nhất trong lòng họ. Các người có thể nghĩ rằng Ta đòi hỏi quá nhiều ở các người hoặc là Ta đang kết tội oan sai cho các người – nhưng các người đã bao giờ có bất kỳ suy nghĩ nào về thực tế rằng trong lúc các người đang hạnh phúc bên gia đình các người, các người chưa một lần nào trung thành với Ta? Những lúc như vậy, các người có đau khổ không? Khi lòng các người đang tràn ngập niềm vui, và các người được ban thưởng cho công sức của mình, các người có cảm thấy nản lòng vì chưa trang bị cho bản thân mình đầy đủ lễ thật? Khi nào các người đã khóc than vì không nhận được chấp thuận của Ta? Các người vất óc và hết sức nỗ lực vì con trai con

gái các người, nhưng rồi các người vẫn không thỏa lòng; các người vẫn nghĩ rằng các người chưa cần mẫn vì chúng, rằng các người vẫn chưa làm mọi thứ có thể vì chúng. Tuy vậy, với Ta, các người lại luôn chảnh mắng và cầu thả; Ta chỉ có trong trí nhớ của các người, chứ không tồn tại trong trái tim các người. Các người mãi không bao giờ cảm nhận được sự tận tâm và những nỗ lực của Ta, và các người chưa bao giờ có chút trân trọng những điều đó. Các người chỉ thuần túy ngấm nghĩ đôi chút và tin rằng như vậy là đủ. Sự “trung thành” như vậy không phải là thứ Ta mong mỗi bao lâu nay, mà là thứ Ta khinh miệt từ lâu. Tuy vậy, dù Ta có phán gì, các người vẫn tiếp tục chỉ thừa nhận một hay hai điều; các người không thể chấp nhận toàn bộ điều này, bởi vì tất cả các người đều rất “tự tin”, và các người luôn kén cá chọn canh những điều dễ chấp nhận trong số những lời Ta phán. Nếu các người hôm nay vẫn như vậy, thì Ta có một số cách để xử lý sự tự tin của các người – và hơn nữa, Ta sẽ khiến các người thừa nhận rằng tất cả những lời của Ta là đúng, và không có lời nào bóp méo sự thật.

Nếu ngay lúc này Ta đặt một món tiền trước mặt các người và cho các người quyền tự do lựa chọn – và nếu Ta không định tội các người về sự lựa chọn đó – thì hầu hết các người sẽ chọn món tiền và từ bỏ lẽ thật. Những người tốt hơn trong số các người sẽ từ bỏ món tiền và miễn cưỡng lựa chọn lẽ thật, trong khi những người đứng giữa thì một tay nắm lấy tiền và tay kia nắm lẽ thật. Chẳng phải là bản chất thật của các người khi đó sẽ trở nên rõ ràng đó sao? Khi lựa chọn giữa lẽ thật và bất kỳ thứ gì mà các người trung thành, tất cả các người sẽ lựa chọn như vậy, và thái độ của các người sẽ không thay đổi. Không phải vậy sao? Chẳng phải nhiều người trong số các người đã từng cò cưa giữa đúng và sai sao? Trong những cuộc đấu tranh giữa tích cực và tiêu cực, đen và trắng, chắc chắn các người biết được những lựa chọn mà các người đã thực hiện giữa gia đình và Đức Chúa Trời, con cái và Đức Chúa Trời, hòa thuận và chia rẽ, sang và hèn, địa vị và thường dân, được tương trợ và bị gạt sang bên, v.v. Giữa một gia đình đầm ấm và một gia đình tan vỡ, các người chọn về trước, và các người chọn như vậy mà không chút lưỡng lự; giữa của cải và bần phận, các người lại chọn về trước, thậm chí còn không có ý muốn quay đầu lại bờ^[a]; giữa xa hoa và nghèo khó, các người chọn về trước; khi lựa chọn giữa con trai, con gái, vợ chồng, và Ta, các người chọn về trước; và giữa quan niệm và lẽ thật, lại lần nữa các người chọn về trước. Đối diện với đủ cách hành ác của các người, Ta chỉ đơn giản là đã mất niềm tin vào các người. Ta hoàn toàn kinh ngạc rằng trái tim các người quá kháng cự để được làm mềm lại. Bao nhiêu năm tận tụy và nỗ lực hóa

a. Quay đầu lại bờ: thành ngữ Trung Quốc, có nghĩa “từ bỏ con đường tội lỗi”.

ra chẳng đem lại gì cho Ta ngoài sự bỏ mặc và tuyệt vọng của các người, nhưng niềm hi vọng của Ta cho các người lớn dần lên từng ngày, vì ngày của Ta đã được trải bày hoàn toàn trước mọi người. Vậy nhưng các người vẫn tiếp tục tìm kiếm những thứ tăm tối và xấu xa, và không chịu buông bỏ chúng. Như vậy thì, kết cục của các người sẽ là gì? Các người đã bao giờ cân nhắc thấu đáo việc này chưa? Nếu các người được yêu cầu lựa chọn lần nữa, thì quan điểm của các người sẽ là gì? Liệu có phải sẽ vẫn là vế trước? Liệu các người sẽ vẫn đem lại cho Ta nỗi thất vọng và nỗi đau buồn sâu thẳm? Lòng các người có còn một chút hơi ấm nào không? Các người vẫn sẽ không biết làm gì để xoa dịu lòng Ta? Vào lúc này, các người sẽ chọn gì? Các người sẽ quy phục những lời của Ta hay sẽ chán ngấy chúng? Ngày của Ta đã được trải ra trước mắt các người, và các người đối mặt với một cuộc đời mới và một điểm bắt đầu mới. Tuy nhiên, Ta phải nói với các người rằng điểm bắt đầu này không phải là khởi đầu của công tác mới đã qua, mà là điểm kết thúc của công tác cũ. Có nghĩa là, đây là hành động cuối cùng. Ta nghĩ rằng tất cả các người đều có thể hiểu sự khác thường ở điểm bắt đầu này. Tuy nhiên, một ngày không xa, các người sẽ hiểu ý nghĩa thực sự của điểm bắt đầu này, vậy nên chúng ta hãy cùng nhau vượt qua nó và chào đón đoạn kết! Tuy vậy, điều vẫn khiến Ta lo lắng về các người là, khi đối diện với bất công và công lý, các người luôn chọn vế trước. Dù vậy, tất cả đã là quá khứ của các người. Ta cũng hi vọng sẽ quên mọi thứ về quá khứ của các người, mặc dù điều này rất khó thực hiện. Tuy nhiên, Ta có cách rất hay để làm điều đó: Hãy để tương lai thay thế quá khứ, và hãy để cho hình bóng quá khứ bị xua tan và thay thế bằng con người thật của các người ngày hôm nay. Vì vậy Ta phải phiền các người lựa chọn thêm một lần nữa: Các người trung thành với ai?

Về đích đến

Mỗi khi đích đến được đề cập, các người đều xem xét nó đặc biệt nghiêm túc; hơn nữa, nó là thứ mà tất cả các người đều đặc biệt nhạy cảm. Vài người quá háo hức muốn khấu đầu xuống đất, cúi lạy trước Đức Chúa Trời nhằm đạt được một đích đến tốt đẹp. Ta có thể đồng cảm với sự háo hức của các người, một sự háo hức không cần phải diễn đạt bằng lời. Đó chẳng là gì hơn ngoài việc các người không muốn xác thịt mình rơi vào thảm họa, và các người càng chẳng muốn rơi vào sự trừng phạt đời đời trong tương lai. Các người chỉ hy vọng được cho phép bản thân mình sống tự do hơn một chút, thoải mái hơn một chút. Và vì thế các người đặc biệt muộn phiền mỗi khi đích đến được nhắc đến, vô cùng lo sợ rằng nếu không đủ chú tâm, các người có thể xúc phạm Đức Chúa Trời và như thế phải chịu hình phạt thích

đáng. Các người đã không ngần ngại thỏa hiệp vì đích đến của mình, và thậm chí nhiều người trong các người, những kẻ từng ranh ma và xấu xược, đột nhiên lại trở nên đặc biệt hòa nhã và chân thành; bộ dạng chân thành của các người khiến người ta ớn lạnh tận xương tủy. Tuy vậy, các người hết thảy đều có tấm lòng “trung thực”, và các người đã liên tục mở lòng với Ta về các bí mật trong lòng mà không giữ lại bất kỳ điều gì, dù là sự than phiền, dối trá, hay sùng bái. Nói chung, các người đều thẳng thắn “thú nhận” với Ta những điều thực chất nằm thâm sâu nhất trong con người của các người. Dĩ nhiên, Ta chẳng bao giờ lãng tránh những thứ như thế, vì đối với Ta chúng đã trở nên quá đỗi quen thuộc. Các người thà đi vào biển lửa vì đích đến cuối cùng của mình hơn là mất một sợi tóc lẻ để được Đức Chúa Trời chấp thuận. Không phải là Ta quá giáo điều với các người, mà là các người quá thiếu một tấm lòng sùng kính để đối mặt với mọi việc Ta làm. Các người có thể không hiểu những gì Ta vừa phán bảo, vậy để Ta cho các người một lời giải thích đơn giản: Cái các người cần không phải là lẽ thật và sự sống, cũng không phải là những nguyên tắc để hành xử, càng chẳng phải là công tác khổ nhọc của Ta. Mà đúng hơn, cái các người cần là tất cả những gì các người sở hữu nơi xác thịt – tiền tài, địa vị, gia đình, hôn nhân, v.v. Các người hoàn toàn gạt bỏ lời và việc làm của Ta, thế nên Ta có thể tóm gọn đức tin của các người trong một từ: hời hợt. Các người sẽ làm bất kỳ điều gì để đạt được những điều mà các người hết lòng tận tâm, nhưng Ta đã phát hiện ra rằng các người sẽ chẳng làm như thế cho những việc liên quan đến niềm tin của các người vào Đức Chúa Trời. Thay vào đó, các người chỉ tận tụy một cách tương đối, và nhiệt thành một cách tương đối. Đó là lý do mà Ta phán rằng những kẻ thiếu một tấm lòng tuyệt đối chân thành là những kẻ thất bại trong niềm tin của mình vào Đức Chúa Trời. Hãy suy nghĩ cho cẩn thận – trong số các người có nhiều kẻ thất bại không?

Các người phải biết rằng thành công trong niềm tin vào Đức Chúa Trời đạt được là nhờ những hành động của chính con người; khi con người không thành công mà thay vào đó là thất bại, đó cũng lại là do hành động của chính họ, và những nhân tố khác không đóng một vai trò gì. Ta tin rằng các người sẽ làm bất kỳ điều gì cần thiết để hoàn thành được việc gì đó vốn khó khăn hơn và kéo theo nhiều đau khổ hơn là tin vào Đức Chúa Trời, và các người sẽ rất nghiêm túc với việc đó, rất nghiêm túc đến nỗi các người sẽ không sẵn lòng tha thứ bất cứ lỗi lầm gì; những điều này là kiểu nỗ lực không ngừng mà tất cả các người đã thực hiện trong đời sống của riêng mình. Các người thậm chí có khả năng lừa dối xác thịt của Ta trong những hoàn cảnh mà các người hẳn sẽ chẳng lừa dối bất kỳ ai trong gia đình của chính các người. Đây là hành vi nhất quán của các người và là nguyên tắc mà các người sống.

Chẳng phải các người vẫn đang dựng lên một vẻ ngoài giả tạo để lừa dối Ta vì đích đến của các người, hầu cho đích đến của các người được hoàn toàn đẹp đẽ và là mọi thứ các người khao khát sao? Ta nhận ra rằng lòng sùng kính của các người chỉ là tạm bợ, và sự chân thành của các người cũng vậy. Chẳng phải sự quyết tâm của các người và cái giá mà các người trả là chỉ là cho thời khắc hiện tại chứ không phải cho tương lai sao? Các người chỉ muốn nỗ lực lần sau cùng để phấn đấu nhằm bảo đảm một đích đến tốt đẹp, với mục đích duy nhất là thực hiện một cuộc đổi chác. Các người không thực hiện nỗ lực này để tránh mang nợ lẽ thật, và càng không phải để báo đáp Ta vì cái giá Ta đã trả. Tóm lại, các người chỉ sẵn sàng viện đến các mưu mẹo khôn khéo để đạt được những gì mình muốn, chứ không sẵn sàng chiến đấu công khai vì nó. Đây chẳng phải là ao ước thật tâm của các người sao? Các người không được ngụy tạo bản thân mình, cũng không được vất óc nghĩ về đích đến của mình đến mức không thể ăn ngon ngủ yên. Chẳng phải sự thật là kết cục của các người sẽ được định đoạt vào thời điểm cuối cùng sao? Mỗi người các người phải thực hiện bổn phận của mình tốt nhất có thể với một tấm lòng cởi mở và trung thực, và sẵn sàng trả bất cứ giá nào nếu cần thiết. Như các người đã nói, khi ngày ấy đến, Đức Chúa Trời sẽ không xao lãng đối với bất kỳ ai đã chịu đau khổ hay đã trả giá vì Ngài. Kiểu niềm tin này đáng để nắm giữ, và đúng là các người đừng bao giờ quên nó. Chỉ bằng cách này Ta mới có thể an tâm về các người. Nếu không, các người sẽ mãi mãi là những người mà Ta chẳng thể an tâm, và các người sẽ mãi là những đối tượng khiến Ta ghê tởm. Nếu tất cả các người có thể làm theo lương tâm của mình và dâng hiến tất cả cho Ta, không từ nan nỗ lực gì cho công tác của Ta, và tận hiến sức lực của cả một đời cho công tác Phúc Âm của Ta, thì chẳng lẽ lòng Ta không nhảy lên vui sướng vì các người sao? Theo cách này, Ta sẽ có thể hoàn toàn an tâm về các người, không phải sao? Thật hổ thẹn khi những gì các người có thể làm chỉ là một phần nhỏ mọn đến đáng thương trong những gì Ta kỳ vọng. Như thế, làm sao các người còn dám tìm kiếm nơi Ta những gì các người trông đợi?

Đích đến và số phận của các người là rất quan trọng với các người – chúng là mối lo ngại sâu sắc của các người. Các người tin rằng nếu các người không làm mọi sự một cách rất cẩn trọng, thì sẽ có nghĩa rằng người không có được đích đến, rằng người đã hủy hoại số phận của chính mình. Nhưng các người đã bao giờ mảy may nghĩ rằng nếu một người nỗ lực chỉ vì đích đến của mình, thì họ đang luống công vô ích không? Những nỗ lực đó chẳng chân thật, chúng chỉ là giả tạo và dối trá. Nếu là thế, thì những kẻ dốc công sức chỉ vì đích đến của mình sắp bước vào thất bại chung cuộc của họ, bởi sự thất bại trong niềm tin vào Đức Chúa Trời của một người là bởi sự dối trá. Ta đã từng phán trước đây rằng Ta không thích được dâng bốc hay nịnh

bộ, hay được đối đãi nhiệt tình. Ta thích những người trung thực đối mặt với lẽ thật và những kỳ vọng của Ta. Hơn thế nữa, Ta thích khi con người có thể thể hiện sự quan tâm và cân nhắc tốt độ đến tấm lòng của Ta, và khi họ còn có khả năng từ bỏ mọi sự vì Ta. Chỉ có cách này, lòng Ta mới khuây khỏa. Hiện giờ, có bao nhiêu điều về các người mà Ta không thích? Bao nhiêu điều về các người mà Ta thích? Có thể nào chẳng ai trong các người nhận ra được mọi biểu hiện khác nhau của sự xấu xa mình đã thể hiện ra vì đích đến của mình?

Trong lòng Ta, Ta chẳng mong gây tổn thương gì cho bất kỳ tấm lòng nào mà tích cực và khát vọng vươn lên, Ta càng không mong làm giảm nghị lực của bất kỳ ai đang thực hiện bổn phận của mình một cách trung tín. Tuy nhiên, Ta phải nhắc nhở từng người trong các người về sự thiếu khả năng của các người và tâm hồn dơ bẩn nằm sâu thẳm trong lòng các người. Ta làm vậy với hy vọng rằng các người sẽ có thể dâng hiến tấm lòng chân thật của mình khi đối diện với lời của Ta, vì điều Ta ghét nhất chính là sự dối trá của con người đối với Ta. Ta chỉ hy vọng rằng trong giai đoạn cuối trong công tác của Ta, các người sẽ có thể dâng một sự thể hiện xuất sắc nhất của mình, và rằng các người sẽ tận hiến hoàn toàn, và không còn nửa vời. Dĩ nhiên, Ta cũng hy vọng rằng các người hết thảy đều có thể có được một đích đến tốt đẹp. Tuy thế, Ta vẫn có yêu cầu của Ta, đó là để các người có quyết định đúng đắn nhất khi dâng lên Ta lòng sùng kính duy nhất và sau cùng. Nếu có ai đó không có được lòng sùng kính duy nhất đó, thì chắc chắn kẻ đó tài sản quý giá của Sa-tan, và Ta sẽ không giữ hần ta để sử dụng nữa, mà sẽ trả hần về nhà để được cha mẹ hần chăm lo. Công tác của Ta rất hữu ích cho các người, điều Ta hy vọng nhận được từ các người là một tấm lòng trung thực và cầu tiến, nhưng đến giờ Ta vẫn trắng tay. Hãy nghĩ về điều này: Nếu một ngày nào đó, Ta vẫn buồn phiền không lời nào tả xiết như thế này, thì Ta sẽ có thái độ thế nào với các người đây? Lúc ấy liệu Ta sẽ nhã nhặn với các người như bây giờ không? Liệu lòng Ta sẽ được thanh thản như bây giờ không? Các người có hiểu được cảm giác của một người đã vất vả canh tác trên đồng mà chưa thu hoạch được lấy một hạt nào không? Các người có hiểu được tấm lòng của một người tổn thương ghê gớm như thế nào khi họ đã phải nhận một đòn quá nặng không? Các người có thể cảm được sự cay đắng của một người đã từng tràn trề hy vọng mà lại phải chia tay trong sự lức đục không? Các người đã từng thấy cơn phẫn nộ phát ra từ một người bị chọc tức hay chưa? Các người có thể biết được sự sôi sảng trả thù của một người đã bị đối xử với thái độ thù hằn và lừa dối hay không? Nếu các người hiểu được tâm thái của những người này, thì Ta nghĩ sẽ chẳng khó gì để các người hình dung được thái độ của Đức Chúa Trời vào ngày Ngài ra tay trừng phạt! Cuối cùng, Ta hy vọng tất cả các người hãy nỗ lực nghiêm

túc vì đích đến của chính mình, dù tốt hơn hết là các người không nên vận dụng những phương thức giả dối trong những nỗ lực của mình, nếu không Ta sẽ tiếp tục thất vọng về các người tận trong lòng. Và sự thất vọng đó dẫn đến điều gì đây? Chẳng phải các người đang tự lừa phỉnh mình sao? Những kẻ có suy nghĩ về đích đến của mình nhưng lại phá hoại nó là những kẻ ít có khả năng được cứu rỗi nhất. Ngay cả khi chúng trở nên bực tức và cáu giận, ai sẽ thương hại với một người như vậy? Tóm lại, Ta vẫn mong cho các người có một đích đến vừa tốt đẹp vừa phù hợp, và hơn thế nữa, Ta hy vọng rằng không ai trong các người sẽ rơi vào thảm họa.

Ba điều răn

Là một người tin vào Đức Chúa Trời, người nên trung thành với không ai khác ngoài Ngài trong mọi việc, và có thể tuân theo ý muốn của Ngài trong mọi việc. Tuy nhiên, mặc dù mọi người đều hiểu thông điệp này, nhưng bởi những khó khăn vận vật của con người – chẳng hạn như bởi sự ngu dốt, xuẩn ngốc và bại hoại của họ – những lẽ thật rõ ràng và cơ bản nhất trong tất cả này lại không được hoàn toàn thấu rõ trong họ, và vì thế, trước khi kết cuộc của các người trở nên ấn định, Ta trước tiên phải nói với các người một vài điều có tầm quan trọng tốt bậc đối với các người. Trước khi Ta tiếp tục, các người trước tiên phải hiểu điều này: Những lời Ta phán là lẽ thật hướng đến toàn thể nhân loại; không phải dành riêng cho một cá nhân hay một kiểu người cụ thể. Do đó, các người phải tập trung vào việc hiểu lời của Ta từ góc độ của lẽ thật, và phải có thái độ tập trung và chân thành; không được bỏ qua dù chỉ một từ hay một lẽ thật mà Ta phán dạy, và không được xem nhẹ tất cả những lời Ta phán. Trong cuộc sống của các người, Ta thấy các người đã làm nhiều việc không liên quan với lẽ thật, và vì vậy Ta đặc biệt yêu cầu các người phải trở thành tôi tớ cho lẽ thật, rằng các người không được làm nô lệ cho cái ác và cái xấu, và rằng các người không được chà đạp lên lẽ thật hay làm ô uế bất kỳ góc nào trong nhà Đức Chúa Trời. Đây là lời răn của Ta dành cho các người. Bây giờ Ta sẽ nói về chủ đề đang bàn.

Trước tiên, vì số phận của các người, các người nên tìm kiếm sự chấp thuận của Đức Chúa Trời. Điều này có nghĩa là, vì các người thừa nhận rằng các người là một thành viên của nhà Đức Chúa Trời, thế thì các người nên mang lại sự an tâm cho Đức Chúa Trời và thỏa mãn Ngài trong mọi việc. Nói cách khác, các người phải có nguyên tắc trong hành động của mình và tuân thủ lẽ thật trong đó. Nếu điều này vượt quá tầm của người, thì người sẽ bị Đức Chúa Trời khinh ghét, chối bỏ và bị mọi người cự tuyệt. Một khi người đã rơi vào tình thế khó khăn ấy, người khi ấy sẽ không

thể được tính đến trong nhà của Đức Chúa Trời, đó chính xác là ý nghĩa của việc không được Đức Chúa Trời chấp thuận.

Thứ hai, các người nên biết rằng Đức Chúa Trời thích những người trung thực. Về thực chất, Đức Chúa Trời là thành tín, và vì thế lời Ngài luôn có thể tin cậy được; hơn nữa, hành động của Ngài là không có sai sót và không thể nghi ngờ, đó là lý do tại sao Đức Chúa Trời thích những người tuyệt đối trung thực với Ngài. Trung thực có nghĩa là trao tấm lòng của người cho Đức Chúa Trời, thành thật với Đức Chúa Trời trong mọi việc, cởi mở với Ngài trong mọi việc, không bao giờ che giấu sự thật, không cố dối trên lừa dưới, và không làm những điều chỉ để cầu cạnh ân huệ từ Đức Chúa Trời. Nói tóm lại, được nên trung thực là được nên thanh sạch trong hành động và lời nói của người, và không lừa dối Đức Chúa Trời lẫn con người. Những gì Ta nói rất đơn giản, nhưng với các người thì lại gian nan gấp đôi. Nhiều người thà bị kết án xuống địa ngục còn hơn là nói và hành động một cách trung thực. Chẳng ngạc nhiên khi Ta có cách đối trị khác chờ sẵn cho những kẻ không trung thực. Tất nhiên, Ta biết rất rõ nó khó khăn như thế nào để các người được nên trung thực. Bởi vì các người tất cả đều rất khéo, rất giỏi trong việc đánh giá mọi người bằng thước đo nhỏ mọn của riêng mình, điều này khiến công tác của Ta đơn giản hơn nhiều. Và vì các người mỗi người đều ôm giữ bí mật của mình trong thâm tâm, được thôi, Ta sẽ đặt các người, từng người một, vào thảm họa để được “dạy dỗ” bởi lửa, để sau đó các người có thể trở nên quả quyết trong niềm tin của mình vào lời Ta. Cuối cùng, Ta sẽ lôi từ miệng của các người những lời: “Đức Chúa Trời là một vị Đức Chúa Trời thành tín”, rồi sau đó, các người sẽ đâm ngực và kêu than: “Lòng dạ của con người quả là thủ đoạn!” Trạng thái tâm trí của các người lúc đó sẽ là gì? Ta tưởng tượng các người sẽ không đắc thắng như bây giờ đâu. Và người sẽ càng không “sâu sắc và bí hiểm” như bây giờ. Trước sự hiện diện của Đức Chúa Trời, một số người hoàn toàn nghiêm trang và đúng mực, họ chịu khó để được nên “lễ độ”, thế nhưng họ lại nhe nanh và múa vuốt trước sự hiện diện của Thần. Liệu các người có liệt những kẻ như vậy trong hàng ngũ của những người trung thực hay không? Nếu người là một kẻ đạo đức giả, kẻ giỏi trong “các mối quan hệ cá nhân”, thì Ta nói rằng người chắc chắn là một kẻ cố bốn cột với Đức Chúa Trời. Nếu lời nói của người đầy những lý do và những lời biện minh vô giá trị, thì Ta nói rằng người là một kẻ không muốn đưa lễ thật vào thực hành. Nếu người có nhiều bí mật mà người không muốn chia sẻ, nếu người rất không thích tiết lộ bí mật của mình – những khó khăn của người – trước người khác để tìm kiếm con đường của sự sáng, thì Ta nói rằng người là kẻ sẽ không có được sự cứu rỗi một cách dễ dàng, và là kẻ sẽ không dễ dàng thoát ra khỏi bóng tối. Nếu việc tìm kiếm con đường của lễ thật làm người rất hài lòng, thì người là

người luôn luôn ở trong sự sáng. Nếu người rất vui mừng là kẻ phục vụ trong nhà của Đức Chúa Trời, làm việc siêng năng và tận tâm trong lặng lẽ, luôn luôn cho đi và không bao giờ nhận lại, thì Ta nói rằng người là một thánh đồ trung thành, bởi vì người không tìm kiếm phần thưởng và chỉ đơn giản là một người trung thực. Nếu người sẵn sàng ngay thẳng, nếu người sẵn sàng dâng tất cả thân thể, nếu người có thể hy sinh sự sống của mình cho Đức Chúa Trời và đứng vững trong lời chứng của mình, nếu người trung thực đến mức người chỉ biết làm thỏa lòng Đức Chúa Trời và không nghĩ cho chính mình hay nhận lại cho bản thân, thì Ta nói rằng những người như vậy là những người được nuôi dưỡng trong sự sáng và sẽ sống đời đời trong vương quốc. Người phải biết liệu có niềm tin thực sự và lòng trung thành thực sự trong người hay không, liệu người có thành tích chịu khổ đau đối với Đức Chúa Trời hay không và liệu người có hoàn toàn quy phục Đức Chúa Trời hay không. Nếu người thiếu những điều này, thì trong người vẫn còn sự bất tuân, lừa dối, tham lam và ca thán. Vì tấm lòng của người không hề trung thực, nên người chưa bao giờ nhận được sự công nhận tích cực từ Đức Chúa Trời và chưa bao giờ sống trong sự sáng. Số phận một người sẽ nên kết cục như thế nào tùy thuộc vào việc họ có một trái tim đỏ máu và trung thực hay không, và liệu họ có một tâm hồn thanh sạch hay không. Nếu người là một người rất không trung thực, một người có trái tim ác độc, một người có tâm hồn ô uế, thì người chắc chắn sẽ kết thúc ở nơi mà con người bị trừng phạt, như được ghi lại trong hồ sơ sổ mệnh của người. Nếu người cho là mình rất trung thực, nhưng chưa bao giờ xoay sở để hành động theo lẽ thật hoặc nói một lời thật, mà người vẫn đang chờ đợi Đức Chúa Trời ban thưởng cho người ư? Người vẫn hy vọng Đức Chúa Trời coi người là người Ngài yêu quý nhất ư? Suy nghĩ như vậy chẳng phải là lối bịch hay sao? Người lừa dối Đức Chúa Trời trong mọi chuyện; làm sao nhà của Đức Chúa Trời có thể chứa một kẻ như người, kẻ có bàn tay ô uế?

Điều thứ ba Ta muốn nói với các người là: Mỗi người, trong quá trình sống đời thành tín với Đức Chúa Trời, đã làm những điều chống đối và lừa dối Đức Chúa Trời. Một số hành vi sai trái không cần phải được ghi nhận như một sự xúc phạm, nhưng một số thì không thể tha thứ được; vì có nhiều việc vi phạm các sắc lệnh quản trị, xúc phạm đến tâm tính của Đức Chúa Trời. Nhiều người lo lắng cho số phận của chính mình có thể hỏi những việc này là gì. Người nên biết rằng các người kiêu căng và ngạo mạn từ trong bản tính, và không sẵn lòng quy phục thực tế. Vì lý do này, Ta sẽ nói cho các người từng chút một sau khi các người đã suy ngẫm về chính mình. Ta khuyến giục các người phải hiểu rõ hơn về nội dung của các sắc lệnh quản trị và nỗ lực để biết được tâm tính của Đức Chúa Trời. Nếu không, các người sẽ khó giữ mồm giữ miệng, lưỡi của các người sẽ giao hoạt quá tự do với những cuộc chuyện

trò khoa trương, và các người sẽ vô tình xúc phạm đến tâm tính của Đức Chúa Trời và rơi vào sự tối tăm, đánh mất sự hiện diện của Đức Thánh Linh và sự sáng. Bởi vì các người không có nguyên tắc trong hành động của mình, bởi vì người làm và nói những gì không nên, nên người sẽ nhận được quả báo thích đáng. Người nên biết rằng mặc dù người không có nguyên tắc trong lời nói và việc làm, nhưng Đức Chúa Trời lại hết sức nguyên tắc trong cả hai. Lý do người nhận quả báo là bởi vì người đã xúc phạm đến Đức Chúa Trời, chứ không phải đến một người nào. Nếu trong cuộc đời của người, người phạm nhiều tội chống lại tâm tính của Đức Chúa Trời, thì người sẽ bị buộc phải trở thành đứa con của địa ngục. Đối với con người, có thể dường như là người đã chỉ phạm phải một vài việc đi ngược với lẽ thật và không có gì hơn. Tuy nhiên, người có nhận thức được rằng trong mắt của Đức Chúa Trời, người đã là kẻ mà đối với kẻ đó không còn của lễ chuộc tội nào thêm nữa? Bởi vì người đã vi phạm các sắc lệnh quản trị của Đức Chúa Trời hơn một lần và đã thế lại không thể hiện dấu hiệu của sự hối cải, nên không còn cách nào khác ngoài việc phải cho người rơi xuống địa ngục, nơi Đức Chúa Trời trừng phạt con người. Một số ít người, trong khi theo Đức Chúa Trời, đã thực hiện một số việc vi phạm các nguyên tắc, nhưng sau khi được xử lý và được ban cho sự chỉ dẫn, họ dần dần đã phát hiện ra sự bại hoại của chính mình, sau đó đã bước vào con đường đúng đắn của hiện thực và họ vẫn có nền tảng vững vàng hiện nay. Những người như vậy là những người sẽ còn lại sau rốt. Tuy nhiên, sự trung thực là thứ mà Ta tìm kiếm; nếu người là một người trung thực và là người hành động theo nguyên tắc, thì người có thể là một người thân tín của Đức Chúa Trời. Nếu trong hành động của người, người không xúc phạm đến tâm tính của Đức Chúa Trời, tìm kiếm ý muốn của Đức Chúa Trời và có một tấm lòng tôn kính đối với Đức Chúa Trời, thì sự thành tín của người là đạt tiêu chuẩn. Bất cứ ai không tôn kính Đức Chúa Trời và không có một tấm lòng run rẩy trong sự kính sợ thì khả năng cao sẽ vi phạm các sắc lệnh quản trị của Đức Chúa Trời. Nhiều người phụng sự Đức Chúa Trời do bởi niềm đam mê nhưng lại chẳng hiểu gì về các sắc lệnh quản trị của Đức Chúa Trời, càng không có bất kỳ chút ý niệm nào về những hàm ý trong lời Ngài. Và vì vậy, với ý định tốt của mình, họ thường rất cuộc làm những việc phá vỡ sự quản trị của Đức Chúa Trời. Trong các trường hợp nghiêm trọng, họ còn bị ném ra ngoài, bị tước đi bất kỳ cơ hội nào thêm nữa để theo Ngài và bị ném xuống địa ngục, tất cả cuối cùng đều liên kết với nhà Đức Chúa Trời. Những người này làm việc trong nhà của Đức Chúa Trời do bởi ý tốt ngu dốt của mình, và kết cục chọc giận tâm tính của Đức Chúa Trời. Mọi người mang cách hầu việc các quan chức và lãnh chúa đến nhà của Đức Chúa Trời và cố gắng áp dụng những cách đó, suy nghĩ một cách hão huyền rằng chúng có thể được áp

dụng một cách dễ dàng chẳng cần công sức ở đây. Không bao giờ họ tưởng tượng được rằng Đức Chúa Trời không phải mang tâm tính của một con cừu non, mà là của một con sư tử. Do đó, những người kết giao với Đức Chúa Trời lần đầu tiên không thể nào giao tiếp được với Ngài, vì tấm lòng của Đức Chúa Trời không giống như của con người. Chỉ sau khi người hiểu ra nhiều lẽ thật, người mới có thể bắt đầu biết về Đức Chúa Trời một cách liên tục. Kiến thức này không phải chỉ được tạo nên bởi ngôn lời và học thuyết, mà có thể được sử dụng như một kho báu mà nhờ đó người có thể trở thành người thân tín của Đức Chúa Trời và như một bằng chứng cho thấy Ngài hài lòng về người. Nếu người thiếu hiện thực trong kiến thức và không được trang bị lẽ thật, thì sự phục vụ đầy đam mê của người chỉ có thể mang lại cho người sự căm ghét và ghê tởm của Đức Chúa Trời. Giờ thì người hẳn đã hiểu ra rằng niềm tin vào Đức Chúa Trời hoàn toàn không phải là nghiên cứu trong thần học!

Mặc dù những lời Ta khuyên răn các người là ngắn gọn, nhưng tất cả những gì Ta đã mô tả là những gì thiếu nhất ở các người. Người nên biết rằng những gì Ta phán dạy bây giờ là vì công tác cuối cùng của Ta trong nhân loại, vì mục đích định đoạt kết cục của nhân loại. Ta không muốn làm nhiều việc hơn mà không phục vụ mục đích gì, Ta cũng chẳng muốn tiếp tục hướng dẫn những kẻ vô vọng như thanh gổ mục, càng không muốn tiếp tục dẫn dắt những kẻ bí mật ủ mưu xấu. Có lẽ một ngày nào đó các người sẽ hiểu được ý định tận tâm đằng sau những lời của Ta và những đóng góp Ta đã làm cho nhân loại. Có lẽ một ngày nào đó các người sẽ hiểu được thông điệp giúp các người quyết định kết cục của chính mình.

Sự vi phạm sẽ dẫn con người xuống địa ngục

Ta đã cho các người nhiều lời cảnh cáo và ban cho các người nhiều lẽ thật nhằm chinh phục các người. Giờ đây, tất cả các người đều cảm thấy mình đã tiến bộ hơn đáng kể so với trước đây, bắt đầu hiểu được nhiều nguyên tắc làm người, và bắt đầu sở hữu nhiều lẽ thường mà con người trung tín nên có. Tất cả những điều này là sự thu hoạch mà các người đã gặt hái được trong suốt nhiều năm. Ta không phủ nhận những thành tựu của các người, nhưng Ta cũng phải nói rất thẳng thắn rằng Ta cũng không phủ nhận vô số sự bất tuân và nổi loạn mà các người đã phạm với Ta trong nhiều năm qua, bởi không một ai là thánh đồ trong số các người. Các người, không có ngoại lệ, là những kẻ đã bị Sa-tan làm cho bại hoại; các người là những kẻ thù của Đấng Christ. Cho đến nay, những sự vi phạm và sự bất tuân của các người nhiều vô số kể, vì thế hầu như không có gì là lạ khi Ta luôn cần nhằn các người. Ta không mong muốn cùng tồn tại với các người theo cách này – nhưng vì tương lai

của các người, vì đích đến của các người, Ta sẽ, tại đây và lúc này, rầy là các người thêm một lần nữa. Ta hy vọng các người sẽ chiều lòng Ta và, hơn nữa, các người sẽ có thể tin mọi lời phán của Ta và suy ra những hàm ý sâu xa trong lời Ta. Đừng nghi ngờ những gì Ta phán, đừng nắm bắt lời Ta tùy thích rồi quăng chúng sang một bên tùy ý; đây là điều Ta không thể chịu nổi. Đừng phán xét lời Ta, và càng không nên xem nhẹ chúng hoặc nói rằng Ta luôn luôn thử các người, hoặc tệ hơn, rằng những điều Ta đã phán cùng các người là không chính xác. Đây cũng là những điều Ta không thể chịu nổi. Bởi vì các người đối xử với Ta và những gì Ta phán với sự nghi ngờ như thế, không bao giờ nhận lãnh lời Ta và phớt lờ Ta, nên Ta phán với từng người các người một cách nghiêm túc nhất: Đừng liên tưởng những điều Ta phán với triết học; đừng liên tưởng lời Ta với những lời dối trá của những kẻ bịp bợm. Các người càng không nên đáp lại lời Ta với sự khinh miệt. Có lẽ trong tương lai, không ai sẽ có thể nói với các người những điều Ta đang phán cùng các người, hoặc nói với người như thế này một cách tử tế, hoặc càng không thể giải thích cho các người về những điểm này một cách kiên nhẫn như vậy. Các người sẽ trải qua những ngày sắp tới hồi tưởng lại những khoảng thời gian tốt đẹp, hoặc khóc nức nở hoặc rên rỉ trong đau đớn, hoặc các người sẽ trải qua những đêm tối mà không được ban cho một chút lẽ thật hoặc sự sống nào, hoặc chỉ chờ đợi một cách vô vọng, hoặc sống trong sự hối tiếc cay đắng đến nỗi các người mất hết lý trí... Hầu như không ai trong các người có thể tránh khỏi những điều có thể xảy ra này. Bởi vì không ai trong các người giữ ghế mà từ đó các người thực sự thờ phượng Đức Chúa Trời, nhưng lại đắm mình trong thế giới đầy sự dâm loạn và xấu xa, trộn lẫn trong niềm tin của các người, trong tinh thần, linh hồn và thể xác của các người, rất nhiều thứ không liên quan đến sự sống và lẽ thật và những thứ trên thực tế còn đi ngược lại chúng. Do đó, điều mà Ta hy vọng cho các người là các người có thể được đưa đến con đường của sự sáng. Hy vọng duy nhất của Ta là các người có thể trở nên có khả năng lo cho bản thân mình, chăm sóc cho bản thân mình, và không quá chú trọng vào đích đến của các người trong khi thờ ơ với hành vi và sự vi phạm của mình.

Trong một thời gian dài, tất cả những người tin vào Đức Chúa Trời đều tha thiết hy vọng về một đích đến tốt đẹp, và tất cả các tín đồ của Đức Chúa Trời đều hy vọng rằng vận may sẽ bất ngờ đến với họ. Tất cả họ đều hy vọng rằng trước khi họ nhận ra, họ sẽ thấy mình an tọa ở nơi này hoặc nơi kia trên thiên đàng. Nhưng Ta phán rằng những người này, với những suy nghĩ dễ mền của họ, chưa bao giờ biết được liệu họ có đủ tư cách để nhận được những vận may như thế từ trên trời rơi xuống hoặc thậm chí có được tọa lạc trên đó hay không. Hiện tại, các người hiểu rõ bản thân mình, nhưng các người vẫn hy vọng thoát khỏi những thảm họa của những

ngày sau rốt và bàn tay của Đấng Toàn Năng khi Ngài trừng phạt những kẻ ác. Có vẻ như việc có những giấc mơ ngọt ngào và muốn mọi sự như ý là một đặc điểm chung của tất cả những người đã bị Sa-tan làm cho bại hoại, và không phải là ý tưởng thiên tài của bất kỳ cá nhân đơn lẻ nào. Mặc dù vậy, Ta vẫn muốn chấm dứt những ham muốn ngông cuồng này của các người, cũng như sự háo hức có được phước lành của các người. Trong khi sự vi phạm của các người quá nhiều, và thực tế là sự dấy loạn của các người ngày càng leo thang, thì làm sao những điều này phù hợp với những kế hoạch đẹp đẽ cho tương lai của các người? Nếu người muốn phạm sai lầm theo ý mình, không có gì kìm người lại, nhưng đồng thời người vẫn muốn các giấc mơ của mình trở thành sự thật, thì ta khuyên người cứ tiếp tục ở trong tình trạng mê muội của mình và đừng bao giờ tỉnh thức – bởi giấc mơ của người là một giấc mơ trống rỗng và trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời công chính, Ngài sẽ không có ngoại lệ với người. Nếu người đơn giản chỉ muốn những giấc mơ của mình trở thành sự thật, thì đừng bao giờ mơ; mà thay vào đó, hãy mãi luôn đối mặt với lẽ thật và sự thật. Đây là cách duy nhất để người có thể được cứu rỗi. Các bước cụ thể của phương pháp này là gì?

Trước tiên, hãy xem xét tất cả sự vi phạm của người, và tra xét bất kỳ hành vi và ý nghĩ nào của người mà không phù hợp với lẽ thật.

Đây là điều mà người có thể làm một cách dễ dàng, và Ta tin rằng tất cả những người thông minh đều có thể làm được điều này. Tuy nhiên, những ai chưa từng biết sự vi phạm và lẽ thật nghĩa là gì thì ngoại lệ, bởi vì căn bản, họ không phải là những người thông minh. Ta đang phán với những người đã được Đức Chúa Trời chấp thuận, trung thực, không vi phạm nghiêm trọng sắc lệnh quản trị nào, và có thể dễ dàng nhận ra sự vi phạm của mình. Mặc dù điều Ta yêu cầu các người này là dễ dàng đạt được, nhưng nó không phải là điều duy nhất Ta yêu cầu các người. Dẫu sao, Ta hy vọng rằng các người không cười nhạo riêng với nhau về yêu cầu này, và đặc biệt là các người không được khinh thường hoặc xem nhẹ nó. Các người nên coi trọng nó, và không gạt bỏ nó.

Thứ hai, đối với từng sự vi phạm và sự bất tuân của mình, người nên tìm kiếm một lẽ thật tương ứng, rồi sử dụng những lẽ thật này để giải quyết những vấn đề đó. Sau đó, hãy thay thế những hành vi vi phạm cùng những suy nghĩ và hành động bất tuân của người bằng việc thực hành lẽ thật.

Thứ ba, người phải là một người thật thà, chứ không phải là người luôn luôn khôn lanh và thường xuyên dối trá. (Ở đây Ta đang yêu cầu các người một lần nữa hãy là một người trung thực).

Nếu người có thể làm được cả ba điều này, thì người là một trong những người

may mắn – một người có những giấc mơ trở thành hiện thực và nhận được điều may mắn. Có thể các người sẽ coi trọng ba yêu cầu không hấp dẫn này, hoặc là các người sẽ đối với chúng một cách vô trách nhiệm. Dù là trường hợp nào, mục đích của Ta là thực hiện những giấc mơ của các người và đưa những lý tưởng của các người vào thực hành, không chế nhạo hoặc đánh lừa các người.

Các yêu cầu của Ta có thể đơn giản, nhưng điều Ta đang phán với các người không đơn giản như một cộng một bằng hai. Nếu tất cả những gì các người làm là nói về điều này một cách thờ ơ, hoặc nói huyên thuyên những lời trống rỗng, khoa trương, thì các kế hoạch và mong muốn của các người sẽ mãi mãi chỉ là một trang giấy trắng. Ta sẽ không có cảm giác thương hại nào cho những ai trong các người đã chịu đựng rất nhiều năm và làm việc rất chăm chỉ, nhưng không có gì để thể hiện điều đó. Ngược lại, Ta sẽ đối xử với những ai chưa đáp ứng những yêu cầu của Ta bằng sự hành phạt, không phải phần thưởng, càng không có chút cảm thông nào. Các người có thể tưởng tượng rằng, sau khi đã là người đi theo trong rất nhiều năm, các người đã làm chăm chỉ bất kể việc gì, và các người nên được ban cho một bát cơm trong nhà của Đức Chúa Trời chỉ vì là một kẻ phục vụ. Ta sẽ phán rằng hầu hết các người đều nghĩ theo cách này, bởi các người đã luôn theo đuổi nguyên tắc làm thế nào để lợi dụng mọi thứ và không để bị lợi dụng. Do đó, giờ đây Ta đang phán với các người một cách nghiêm túc nhất: Ta không quan tâm công việc chăm chỉ của người đáng khen thế nào, phẩm chất của người ấn tượng ra sao, người theo sát Ta thế nào, người nổi tiếng như thế nào, hoặc người đã cải thiện thái độ của mình bao nhiêu; chừng nào mà người còn chưa đáp ứng những yêu cầu của Ta, thì người sẽ không bao giờ được Ta khen ngợi. Hãy xóa bỏ tất cả những ý tưởng và sự tính toán của các người càng sớm càng tốt, và bắt đầu xem trọng những yêu cầu của Ta; nếu không, Ta sẽ biến mọi người thành tro để kết thúc công tác của Ta và, tồi tệ nhất là biến những năm công tác và đau khổ của Ta thành con số không, bởi Ta không thể đem kẻ thù của Ta và những kẻ sặc mùi xấu xa và sự hiện diện của Sa-tan vào trong vương quốc của Ta hoặc đem họ vào trong thời đại kế tiếp.

Ta có rất nhiều hy vọng. Ta hy vọng các người có thể cư xử một cách đúng đắn và đúng mực; thực hiện bổn phận của mình một cách trung tín, có được lẽ thật và nhân tính, là những người có thể từ bỏ mọi thứ mình có và thậm chí sự sống mình cho Đức Chúa Trời, v.v. Tất cả những hy vọng này bắt nguồn từ những khiếm khuyết của các người cùng sự bại hoại và bất tuân của các người. Nếu không có cuộc nói chuyện nào giữa Ta và các người đủ để thu hút sự chú ý của các người, thì khả năng là tất cả những gì Ta có thể làm là không nói gì nữa. Tuy nhiên, các người hiểu kết quả của việc đó sẽ như thế nào. Ta không thường xuyên nghỉ ngơi, vì vậy nếu Ta

không nói, thì Ta sẽ làm một việc gì đó để con người nhìn vào. Ta có thể khiến lưỡi của ai đó lở loét, hoặc khiến ai đó chết không toàn thân, hoặc làm cho con người có thần kinh bất bình thường và khiến họ trông gớm ghiếc bằng rất nhiều cách. Lại nữa, Ta có thể khiến con người phải chịu đau khổ mà Ta đã chuẩn bị dành riêng cho họ. Bằng cách này Ta sẽ cảm thấy vui mừng, rất sung sướng và vô cùng hài lòng. Người ta luôn nói rằng “Ở hiền gặp lành, và ác giả ác báo”, vậy thì tại sao không phải bây giờ. Nếu người muốn chống đối Ta, và đưa ra một số phán xét về Ta, thì Ta sẽ làm cho miệng người lở loét, và điều đó sẽ làm ta thích thú vô cùng. Đó là vì cuối cùng, những gì người đã làm không phải lẽ thật, nó càng không liên quan gì đến sự sống, trong khi mọi thứ Ta làm đều là lẽ thật; tất cả các hành động của Ta đều liên quan đến các nguyên tắc trong công tác của Ta và các sắc lệnh quản trị mà Ta đã đặt ra. Do đó, Ta thúc giục mỗi người trong các người tích một số đức, thôi không phạm quá nhiều tội ác, và chú ý đến những yêu cầu của Ta trong thời gian rảnh rỗi. Khi đó, Ta sẽ cảm thấy vui mừng. Nếu các người đóng góp (hoặc dâng hiến) cho lẽ thật thậm chí chỉ bằng một phần nghìn công sức mà các người đã bỏ ra cho xác thịt, thì Ta phán người sẽ không thường xuyên vi phạm và không bị loét miệng. Chẳng phải điều này hiển nhiên sao?

Sự vi phạm của người càng nhiều, người sẽ càng có ít cơ hội hơn để đạt được một đích đến tốt đẹp. Ngược lại, người càng ít vi phạm, người càng có nhiều cơ hội được Đức Chúa Trời khen ngợi. Nếu sự vi phạm của người gia tăng đến mức Ta không thể tha thứ cho người, thì người sẽ hoàn toàn mất đi những cơ hội được tha thứ của mình. Và như vậy, đích đến của người sẽ không ở trên cao, mà là ở dưới thấp. Nếu người không tin Ta, thì cứ mạnh dạn và làm sai, rồi hãy xem người bị những gì. Nếu người là một người có việc thực hành lẽ thật rất nghiêm túc, thì chắc chắn người sẽ có một cơ hội được tha thứ cho sự vi phạm của mình, và sự bất tuân của người sẽ giảm dần đi. Nếu người là người không sẵn sàng thực hành lẽ thật, thì sự vi phạm của người trước Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ tăng về số lượng và người sẽ ngày càng bất tuân thường xuyên hơn, cho đến khi người chạm đến giới hạn, đó sẽ là thời điểm hủy diệt hoàn toàn của người. Đây sẽ là khi giấc mơ thú vị của người về việc nhận được các phước lành bị hủy hoại. Đừng coi những sự vi phạm của người như những sai lầm đơn thuần của một người chưa trưởng thành hoặc ngu dại; đừng viện lý do rằng người đã không thực hành lẽ thật bởi vì tố chất kém của người đã khiến cho việc đó bất khả thi. Hơn nữa, đừng chỉ coi sự vi phạm mà người đã phạm như những hành động của một người không biết điều gì tốt hơn. Nếu người giỏi tha thứ và đối xử rộng lượng với bản thân, thì Ta phán rằng người là một kẻ hèn nhát, kẻ sẽ không bao giờ có được lẽ thật, và sự vi phạm của người cũng sẽ không

khi nào ngừng ám ảnh người; chúng sẽ ngăn người đáp ứng được các yêu cầu của lẽ thật và khiến người mãi mãi vẫn là một bạn đồng hành trung thành của Sa-tan. Ta vẫn khuyên người điều này: Đừng chỉ chú ý đến đích đến của người trong khi không để ý đến sự vi phạm giấu kín của người; hãy xem xét sự vi phạm một cách nghiêm túc, và đừng bỏ qua bất kỳ sự vi phạm nào chỉ vì quan tâm đến đích đến của mình.

Hiểu được tâm tính của Đức Chúa Trời là điều rất quan trọng

Có nhiều điều Ta hy vọng các người đạt được, nhưng không phải mọi hành động của các người, không phải mọi điều về đời sống của các người đều có thể đáp ứng những gì Ta yêu cầu, cho nên Ta không có lựa chọn nào khác ngoài việc đi thẳng vào vấn đề và giải thích cho các người ý muốn của Ta. Bởi vì khả năng phân biệt của các người kém và khả năng đánh giá của các người cũng kém, nên các người hầu như chẳng biết chút gì về tâm tính và thực chất của Ta – và vì thế, việc cấp bách là Ta phải thông báo cho các người về những điều đó. Cho dù trước đây người đã hiểu bao nhiêu, cho dù người có muốn hiểu những vấn đề này hay không, thì Ta vẫn phải giải thích chi tiết cho các người. Những vấn đề này không hoàn toàn xa lạ với các người, nhưng các người vẫn còn thiếu nhiều sự hiểu biết, thiếu nhiều sự thông thuộc nội hàm của chúng. Nhiều người trong các người chỉ hiểu mù mờ, hiểu phần nào hoặc hiểu không đầy đủ về những điều đó. Để giúp các người thực hành lẽ thật tốt hơn – thực hành những lời của Ta tốt hơn – Ta nghĩ đây là những vấn đề các người phải nhận thức được trước tiên và trên hết. Nếu không, đức tin của các người sẽ vẫn mãi mơ hồ, giả hình, và đầy màu sắc tôn giáo. Nếu người không hiểu tâm tính của Đức Chúa Trời, thì người không thể làm được công việc người nên làm cho Ngài. Nếu người không biết về thực chất của Đức Chúa Trời, thì người không thể có sự tôn kính và kính sợ Ngài; thay vào đó, sẽ chỉ có sự chiều lệ và vòng vo một cách hờ hững, và hơn nữa là sự báng bổ bất trị. Mặc dù việc hiểu được tâm tính của Đức Chúa Trời thật sự quan trọng, và việc biết thực chất của Đức Chúa Trời không thể coi nhẹ, nhưng chưa ai từng nghiên cứu kỹ lưỡng hay đào sâu về những vấn đề này. Rõ ràng hết thảy các người đã gạt bỏ các sắc lệnh quản trị Ta đã ban ra. Nếu các người không hiểu tâm tính của Đức Chúa Trời, thì các người sẽ rất dễ xúc phạm tâm tính Ngài. Xúc phạm tâm tính của Ngài khác nào chọc giận chính Đức Chúa Trời, mà trong trường hợp đó, kết cục cuối cùng cho những hành động của người sẽ là vi phạm các sắc lệnh quản trị. Bây giờ, người nên nhận ra rằng khi người biết thực chất của Đức Chúa Trời, thì người cũng có thể hiểu tâm tính của Ngài – và khi người

hiểu được tâm tính của Ngài, thì người cũng sẽ hiểu được các sắc lệnh quản trị. Không cần phải nói, phần lớn những điều chứa đựng trong các sắc lệnh quản trị đều đã động đến tâm tính của Đức Chúa Trời, nhưng không phải toàn bộ tâm tính Ngài đều được thể hiện trong các sắc lệnh quản trị; bởi vậy, các người phải tiến một bước xa hơn để mở mang hiểu biết của mình về tâm tính của Đức Chúa Trời.

Ta phán với các người hôm nay không phải như nói chuyện thông thường, vì vậy, các người cần phải tiếp cận những lời của Ta một cách cẩn trọng, và hơn nữa, suy ngẫm sâu sắc về chúng. Ý Ta ở đây là các người đã dành quá ít nỗ lực cho những lời Ta đã phán. Các người càng không sẵn lòng suy ngẫm về tâm tính của Đức Chúa Trời; hiếm khi có ai dốc sức cho việc này. Bởi lý do này, Ta phán rằng đức tin của các người chẳng khác nào thùng rỗng kêu to. Ngay cả bây giờ, cũng chẳng có một ai trong các người đã dành bất kỳ nỗ lực nghiêm túc nào cho điểm yếu cốt tử nhất của mình. Các người đã làm Ta thất vọng sau tất cả những công sức khó nhọc Ta đã dành cho các người. Chả trách các người chẳng quan tâm gì đến Đức Chúa Trời và cuộc sống của các người chẳng có lẽ thật. Làm sao những kẻ như thế có thể xem là thánh được? Luật Trời sẽ không chấp nhận một điều như vậy! Bởi các người có quá ít hiểu biết về điều này, nên Ta chẳng có chọn lựa nào ngoài việc bổ thêm chút hơi sức.

Tâm tính của Đức Chúa Trời là một chủ đề có vẻ rất trừu tượng với tất cả mọi người, và hơn thế nữa, là chủ đề mà không phải ai cũng dễ dàng chấp nhận, bởi tâm tính của Ngài không như tính cách của con người. Đức Chúa Trời cũng có những cảm xúc hỉ, nộ, ai, lạc của riêng Ngài, nhưng những cảm xúc này khác với của con người. Đức Chúa Trời là những gì Ngài là và Ngài có những gì Ngài có. Tất cả những gì Ngài bày tỏ và mặc khải đều đại diện cho thực chất của Ngài và cho thân phận của Ngài. Ngài là gì và Ngài có gì, cũng như thực chất và thân phận Ngài, là những điều không thể thay thế bởi bất kỳ con người nào. Tâm tính Ngài bao gồm tình yêu thương của Ngài dành cho nhân loại, sự ủi an nhân loại, sự căm ghét nhân loại, và hơn thế nữa, còn là sự thấu hiểu nhân loại. Tuy nhiên, tính cách của con người có thể là lạc quan, sôi nổi, hay vô cảm. Tâm tính của Đức Chúa Trời là tâm tính thuộc về Đấng thống trị muôn vật và muôn loài, thuộc về Chúa của muôn loài thọ tạo. Tâm tính Ngài đại diện cho thanh danh, quyền năng, sự cao quý, sự vĩ đại, và trên hết là quyền tối thượng. Tâm tính Ngài là biểu tượng của thẩm quyền, biểu tượng của tất cả những gì công chính, biểu tượng của tất cả những gì tốt đẹp. Hơn thế nữa, đó là biểu tượng của Đấng không thể bị bóng tối hay bất cứ thế lực thù địch nào khuất phục hay xâm phạm, cũng như là một biểu tượng của Đấng không thể xúc phạm (Ngài cũng sẽ không dung thứ nếu bị xúc phạm) bởi bất cứ loài thọ tạo nào. Tâm

tính Ngài là biểu tượng của quyền năng tối cao. Không một người nào hay những người nào có thể làm nhiễu loạn công tác của Ngài hay tâm tính của Ngài. Nhưng tính cách của con người chẳng qua chỉ là một biểu tượng cho sự vượt trội hơn một chút của con người so với loài thú. Tự thân con người không có thẩm quyền, không có quyền tự chủ, và không có khả năng vượt lên chính mình, mà thực chất là kẻ co rúm trước sự chi phối của đủ kiểu người, sự việc, và sự vật. Niềm vui của Đức Chúa Trời là bởi sự tồn tại và xuất hiện của sự công chính và sự sáng, bởi sự hủy diệt bóng tối và cái ác. Ngài vui thích mang lại sự sáng và một cuộc sống tốt lành cho nhân loại; niềm vui của Ngài là niềm vui công chính, một biểu tượng cho sự tồn tại của tất cả những gì tích cực, và hơn thế nữa, còn là một biểu tượng của sự thịnh vượng. Sự giận dữ của Đức Chúa Trời là bởi mối nguy hại mà sự tồn tại và quá nhiều của những bất công đã đem lại cho nhân loại của Ngài, bởi sự tồn tại của cái ác và bóng tối, bởi sự tồn tại của những thứ trục xuất lẽ thật, và hơn nữa, còn bởi sự tồn tại của những thứ trái với những gì tốt đẹp. Sự giận dữ của Ngài là một biểu tượng cho thấy mọi điều tiêu cực không còn tồn tại, và hơn thế nữa, đó còn là biểu tượng cho sự thánh khiết của Ngài. Nỗi buồn của Ngài là bởi loài người, những người Ngài kỳ vọng nhưng lại là những người đã rơi vào bóng tối, bởi vì công tác Ngài làm trên con người không được như mong đợi của Ngài, và bởi vì nhân loại Ngài yêu thương không thể đều sống trong sự sáng. Ngài cảm thấy buồn cho nhân loại vô tội, cho con người thật thà nhưng ngu dốt, và cho con người thiện lành nhưng thiếu chính kiến. Nỗi buồn của Ngài là một biểu tượng cho sự thiện lành và lòng nhân từ của Ngài, một biểu tượng của cái đẹp và lòng tốt. Hạnh phúc của Ngài dĩ nhiên đến từ việc đánh bại kẻ thù của Ngài và có được đức tin chân thật của con người. Hơn thế nữa, nó phát xuất từ việc đánh đuổi và tiêu diệt hết mọi thế lực thù địch, và bởi vì nhân loại được nhận lãnh một cuộc sống tốt đẹp và an bình. Hạnh phúc của Đức Chúa Trời không như niềm vui của con người; mà đó là cảm xúc của việc gặt hái thành quả, một cảm xúc còn lớn hơn cả niềm vui. Hạnh phúc của Ngài là một biểu tượng của việc nhân loại thoát khỏi đau khổ từ nay về sau, và là một biểu tượng của việc nhân loại bước vào thế giới của sự sáng. Mặt khác, những cảm xúc của loài người đều xuất phát từ lợi ích của bản thân họ, chứ không phải vì sự công chính, sự sáng, hay những gì tốt đẹp, và đặc biệt không phải vì ân điển Trời ban. Những cảm xúc của loài người thì ích kỷ và thuộc về thế giới của bóng tối. Chúng không tồn tại vì ý muốn của Đức Chúa Trời, càng không vì kế hoạch của Ngài, và vì thế, con người và Đức Chúa Trời chẳng bao giờ có thể đánh đồng được. Đức Chúa Trời mãi tối thượng và luôn đáng tôn kính, trong khi con người mãi thấp kém, mãi vô giá trị. Đó là bởi Đức Chúa Trời lúc nào cũng đang hy sinh và hiến dâng chính Ngài cho

nhân loại; ấy thế mà, con người lúc nào cũng lấy đi và phẩn đấu chỉ vì bản thân họ. Đức Chúa Trời lúc nào cũng đang nhọc công vì sự tồn vong của nhân loại, thế mà con người không bao giờ đóng góp bất cứ điều gì vì sự sáng hay vì sự công chính. Ngay cả khi con người có nỗ lực một thời gian, thì không thể chịu nổi một cú đánh nào, bởi nỗ lực của con người luôn vì chính bản thân họ, chứ không phải vì người khác. Con người luôn ích kỷ, trong khi Đức Chúa Trời mãi vị tha. Đức Chúa Trời là nguồn gốc của tất cả những gì công bình, tốt lành, và tươi đẹp, trong khi con người là kẻ kế thừa và bộc lộ đủ cái xấu, cái ác. Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ thay đổi thực chất công chính và tốt đẹp của Ngài, nhưng con người thì hoàn toàn có khả năng, bất cứ lúc nào và trong bất cứ hoàn cảnh nào, phản bội sự công chính và đi lạc khỏi Đức Chúa Trời.

Mỗi câu Ta đã phán đều chứa đựng trong đó tâm tính của Đức Chúa Trời. Các người nên suy ngẫm kỹ những lời của Ta, và các người chắc chắn sẽ được lợi rất nhiều từ chúng. Thực chất của Đức Chúa Trời rất khó nắm bắt, nhưng Ta tin tưởng rằng hết thảy các người ít nhất cũng có ý niệm nào đó về tâm tính của Đức Chúa Trời. Vậy nên Ta hy vọng rằng các người sẽ có nhiều thứ hơn nữa để cho Ta thấy về những việc các người đã làm mà không xúc phạm đến tâm tính của Đức Chúa Trời. Được vậy thì Ta sẽ an tâm. Chẳng hạn, hãy giữ Đức Chúa Trời trong lòng người mọi lúc. Khi người hành động, hãy làm theo những lời của Ngài. Hãy kiếm tìm ý định của Ngài trong mọi sự, và kiềm chế không làm những điều bất kính cũng như làm ô danh Đức Chúa Trời. Người càng không nên giữ Đức Chúa Trời trong thâm tâm, để lấp đầy những khoảng trống tương lai trong lòng mình. Nếu người làm điều này, người đã xúc phạm tâm tính của Đức Chúa Trời. Thêm nữa, giả sử người chưa bao giờ đưa ra những lời nhận xét báng bổ hoặc ca thán về Đức Chúa Trời suốt cuộc đời mình, và lại nữa, giả sử người có thể hoàn thành đúng đắn tất cả những gì Ngài đã giao phó cho người và cũng quy phục mọi lời Ngài suốt đời người, vậy thì người sẽ tránh được việc vi phạm các sắc lệnh quản trị. Ví dụ, nếu người đã từng nói: “Sao tôi chẳng nghĩ rằng Ngài là Đức Chúa Trời?” “Tôi nghĩ rằng những lời này chẳng hơn gì một chút khai sáng của Đức Thánh Linh”, “Theo tôi, không phải mọi điều Đức Chúa Trời làm đều nhất thiết phải đúng”, “Nhân tính của Đức Chúa Trời không hơn gì của tôi”, “Những lời của Đức Chúa Trời đơn giản là không thể tin được”, hay những lời phán xét khác tương tự như thế, thì Ta khuyên người nên xưng tội và ăn năn tội lỗi của mình thường xuyên hơn. Nếu không, người sẽ không bao giờ có cơ hội được tha thứ, bởi người không phải xúc phạm một con người, mà là chính Đức Chúa Trời. Người có thể tin rằng mình đang phán xét một con người, nhưng Thần của Đức Chúa Trời không nhìn nhận như vậy. Sự bất kính của người với xác thịt Ngài thì cũng

như bất kính với Ngài. Như vậy, người chưa xúc phạm tâm tính Đức Chúa Trời sao? Người phải nhớ rằng tất cả những gì do Thần của Đức Chúa Trời làm đều được thực hiện để đảm bảo công tác của Ngài trong xác thịt và để công tác này được hoàn thành tốt đẹp. Nếu người phớt lờ điều này, thì Ta cho rằng người là kẻ chẳng bao giờ có thể thành công trong việc tin vào Đức Chúa Trời. Bởi người đã khiêu khích cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời, và vì thế, Ngài sẽ dùng sự trừng phạt thích đáng để dạy cho người một bài học.

Biết đến thực chất của Đức Chúa Trời không phải chuyện nhỏ. Người phải hiểu tâm tính của Ngài. Theo cách này, dần dà và tự lúc nào không hay, người sẽ bắt đầu biết đến thực chất của Đức Chúa Trời. Khi người đã bước vào sự hiểu biết này, người sẽ tự thấy mình bước lên một trạng thái cao hơn và đẹp hơn. Cuối cùng, người sẽ bắt đầu cảm thấy hổ thẹn về tâm hồn góm ghiếc của mình, và hơn thế nữa, sẽ cảm thấy xấu hổ không biết trốn vào đâu. Lúc đó, người sẽ ngày càng ít có những cư xử xúc phạm tâm tính của Đức Chúa Trời, lòng người sẽ ngày càng gần Đức Chúa Trời hơn, và một tình yêu dành cho Ngài sẽ dần dần nảy nở trong lòng người. Đây là dấu hiệu của việc nhân loại bước vào một trạng thái tươi đẹp. Nhưng cho đến hiện tại, các người vẫn chưa đạt được điều này. Bởi hết thảy các người đều hối hả vì vận mệnh của mình, thì còn ai có bất kỳ hứng thú gì với việc cố gắng biết thực chất của Đức Chúa Trời? Nếu tiếp tục như vậy, các người vô hình trung sẽ vi phạm các sắc lệnh quản trị, bởi các người hiểu quá ít về tâm tính của Đức Chúa Trời. Như vậy, chẳng phải những gì các người làm bây giờ đang đặt nền móng cho sự xúc phạm tâm tính Đức Chúa Trời của mình sao? Việc Ta yêu cầu các người hiểu tâm tính của Đức Chúa Trời không cách biệt với công tác của Ta. Bởi nếu các người thường xuyên vi phạm các sắc lệnh quản trị, ai trong các người sẽ thoát được sự trừng phạt? Chẳng phải công tác của Ta khi ấy sẽ hoàn toàn vô ích sao? Bởi vậy, Ta vẫn yêu cầu các người ngoài việc soi xét cách cư xử của bản thân, các người phải cẩn trọng trong những bước mình đi. Đây là đòi hỏi cao hơn Ta đưa ra cho các người, và Ta hy vọng hết thảy các người sẽ xem xét kỹ lưỡng và dành cho nó sự quan tâm nghiêm túc. Nếu có ngày những hành động của các người khiêu khích Ta nổi cơn tam bành, thì những hậu quả sẽ chỉ xét cho riêng các người, và sẽ chẳng có ai khác chịu sự trừng phạt thay cho các người.

Làm thế nào để biết Đức Chúa Trời trên trần gian

Hết thảy các người đều ao ước được thưởng trước Đức Chúa Trời và được Đức Chúa Trời ưu ái; mọi người đều hy vọng những điều như thế khi họ bắt đầu tin vào Đức Chúa Trời, bởi vì mọi người đều bận theo đuổi những điều cao hơn, và không ai muốn tụt lại phía sau người khác. Con người chính xác là vậy. Chính vì lý do này, nhiều người trong các người không ngừng cố gắng cầu cạnh ân huệ với Đức Chúa Trời trên trời, nhưng thật ra, sự trung thành và thành thật của các người đối với Đức Chúa Trời ít hơn nhiều so với sự trung thành và thành thật của các người đối với bản thân mình. Tại sao Ta nói điều này? Bởi vì Ta hoàn toàn không công nhận lòng trung thành của các người đối với Đức Chúa Trời, và hơn nữa, bởi vì Ta phủ nhận sự tồn tại của Đức Chúa Trời trong lòng các người. Nói thế nghĩa là, Đức Chúa Trời mà các người thờ phượng, Đức Chúa Trời mơ hồ mà các người ngưỡng mộ, hoàn toàn không tồn tại. Lý do Ta có thể nói điều này một cách dứt khoát như vậy là vì các người quá xa Đức Chúa Trời thật. Lý do cho lòng trung thành của các người chính là thần tượng trong lòng các người; trong khi đó, đối với Ta, Đức Chúa Trời mà các người coi là không lớn cũng không nhỏ, các người chỉ đơn thuần công nhận bằng lời nói. Khi Ta nói các người xa Đức Chúa Trời, ý Ta là các người có khoảng cách với Đức Chúa Trời thật, trong khi Đức Chúa Trời mơ hồ lại dường như gần trong tầm tay. Khi Ta nói, “không lớn”, điều này ám chỉ làm sao mà Đức Chúa Trời các người tin ngày nay lại trông đơn thuần như một người không có những khả năng lớn lao, một người không cao quý là mấy. Và khi Ta nói “không nhỏ”, điều này nghĩa là, mặc dù người này không thể hô phong hoán vũ, nhưng dù sao, Ngài vẫn có thể gọi Thần của Đức Chúa Trời làm công việc rung chuyển các tầng trời và đất, khiến con người hoàn toàn sửng sờ. Bề ngoài, hết thảy các người đều tỏ ra rất vâng lời Đấng Christ này trên trần gian, nhưng thực chất, các người không có đức tin ở Ngài, cũng không yêu Ngài. Nói thế nghĩa là, người mà các người thật sự tin chính là Đức Chúa Trời mơ hồ trong cảm nhận riêng của các người, và người mà các người thật sự yêu chính là Đức Chúa Trời mà các người khao khát ngày đêm, nhưng chưa bao giờ được nhìn thấy trực tiếp. Đối với Đấng Christ này, đức tin của các người chỉ rất nhỏ, còn tình yêu của các người thì bằng không. Đức tin nghĩa là niềm tin và sự tin cậy; tình yêu nghĩa là sự quý mến và cảm phục trong lòng, không bao giờ rời xa. Ấy vậy mà đức tin và tình yêu của các người với Đấng Christ của ngày hôm nay lại thua xa điều này. Khi nói đến đức tin, các người có đức tin thế nào với Ngài? Khi nói đến tình yêu, các người yêu Ngài theo cách nào? Các người đơn giản là không hiểu gì về tâm tính của Ngài, càng không biết về thực chất của Ngài, vậy thì làm sao các người

có đức tin ở Ngài được? Đây là thực tế đức tin của các người nơi Ngài? Các người yêu Ngài như thế nào? Đây là thực tế tình yêu của các người dành cho Ngài?

Nhiều người đã không ngần ngại theo Ta cho đến ngày nay. Vậy nên các người cũng đã phải chịu nhiều mệt mỏi trong vài năm qua. Tính cách bẩm sinh và những thói quen của từng người các người Ta đã nắm bắt tỏ tường; việc tương tác với mỗi người các người đã vô cùng khó khăn. Điều đáng tiếc là, mặc dù Ta đã nắm được nhiều về các người, nhưng các người lại không hiểu gì về Ta. Chả trách người ta nói các người đã mắc lừa thủ đoạn của ai đó trong một thoáng bối rối. Quả thật, các người không hiểu gì về tâm tính của Ta, càng không thể dò lường điều gì đang ở trong tâm trí Ta. Ngày nay, những hiểu lầm của các người về Ta ngày càng nhân lên, và đức tin của các người ở Ta vẫn còn là một đức tin lẫn lộn. Thay vì nói rằng các người có đức tin ở Ta, sẽ đúng hơn khi nói rằng hết thảy các người đều đang cố gắng xun xoe Ta và nịnh bợ Ta. Những động cơ của các người rất đơn giản: Tôi sẽ theo bất cứ ai có thể thưởng cho tôi, và tôi sẽ tin bất cứ ai giúp tôi thoát khỏi những đại họa, dù đó là Đức Chúa Trời hay bất kỳ vị Đức Chúa Trời nào. Không điều nào trong số này khiến Ta quan tâm cả. Có nhiều người như thế trong các người, và tình trạng này rất trầm trọng. Nếu một ngày nào đó, có một cuộc thử nghiệm xem bao nhiêu người trong các người có đức tin ở Đấng Christ nhờ hiểu thấu thực chất của Ngài, khi ấy Ta e rằng sẽ không một ai trong các người thỏa lòng Ta. Như vậy sẽ không hại gì khi mỗi người các người cân nhắc câu hỏi này: Đức Chúa Trời mà các người tin khác xa Ta, và như vậy, thực chất đức tin của các người ở Đức Chúa Trời là gì? Các người càng tin vào Đấng gọi là Đức Chúa Trời của mình, các người càng lạc khỏi Ta. Vậy thực chất của vấn đề này là gì? Chắc chắn không ai trong các người từng suy xét một câu hỏi như vậy, nhưng tính nghiêm trọng của nó đã nảy ra với các người chưa? Các người đã nghĩ tới những hậu quả của việc tiếp tục tin theo cách này chưa?

Ngày nay, các người đối mặt với nhiều vấn đề, và không ai trong các người giỏi giải quyết vấn đề cả. Nếu tình cảnh này tiếp diễn, những kẻ duy nhất phải chịu thua chính là bản thân các người. Ta sẽ giúp các người xác định những vấn đề, nhưng giải quyết chúng là việc của các người.

Ta vui với những ai không hoài nghi người khác, và Ta thích những ai sẵn lòng chấp nhận lẽ thật; với hai dạng người này, Ta thể hiện sự quan tâm rất lớn, bởi trong mắt Ta, họ là những người trung thực. Nếu người giả dối, khi ấy người sẽ phòng thủ và hoài nghi mọi người và mọi sự, và do đó, đức tin của người ở Ta sẽ được xây dựng trên nền tảng của sự hoài nghi. Ta không bao giờ có thể công nhận đức tin ấy. Thiếu đức tin thật, người càng không có tình yêu đích thực. Và nếu người có khả

năng hoài nghi Đức Chúa Trời và tự ý suy đoán về Ngài, thì người hẳn là kẻ giả dối nhất trong tất cả mọi người. Người suy đoán liệu Đức Chúa Trời có thể như con người không: tội lỗi không thể dung thứ, tính cách nhỏ nhen, không có sự công bằng và lý trí, thiếu ý thức công lý, giống như con người, có thủ đoạn độc ác, thâm hiểm xảo trá, vui với cái ác và bóng tối, v.v. Chẳng phải lý do con người có những ý nghĩ như vậy là vì họ thiếu kiến thức dù là nhỏ nhất về Đức Chúa Trời sao? Đức tin như thế chẳng khác nào tội lỗi! Thậm chí có những người tin rằng những ai làm vui lòng Ta chính là những kẻ xu nịnh và liếm gót, và rằng những người thiếu các kỹ năng ấy sẽ không được chào đón ở nhà Đức Chúa Trời và sẽ mất chỗ của họ ở đó. Có phải đây là kiến thức duy nhất mà các người đã có được sau tất cả những năm qua không? Có phải đây là điều các người đã đạt được không? Và kiến thức của các người về Ta không dừng lại ở những sự hiểu lầm này; thậm chí tệ hại hơn nữa chính là sự báng bổ của các người với Thần của Đức Chúa Trời và sự phỉ báng Thiên đàng. Đây là lý do tại sao Ta nói rằng đức tin như của các người sẽ chỉ khiến các người lạc xa hơn khỏi Ta và chống đối Ta nhiều hơn. Xuyên suốt nhiều năm hoạt động, các người đã thấy nhiều lẽ thật, nhưng các người có biết tại Ta đã nghe những gì không? Bao nhiêu người trong các người sẵn lòng chấp nhận lẽ thật? Tất cả các người đều tin mình sẵn lòng trả giá cho lẽ thật, nhưng bao nhiêu người trong các người thật sự chịu đựng vì lẽ thật? Không có gì ngoài sự bất chính trong lòng các người, điều làm các người nghĩ rằng mọi người, dù họ là ai, đều giả dối và quanh co như nhau – đến mức các người thậm chí tin rằng Đức Chúa Trời nhập thể có thể, như một con người bình thường, không có tấm lòng tử tế hay tình yêu nhân từ. Hơn thế nữa, các người tin rằng một tính cách cao quý và một bản tính nhân từ, thương xót chỉ tồn tại trong Đức Chúa Trời trên thiên đàng. Các người tin rằng một đáng thánh như thế không tồn tại, rằng chỉ có bóng tối và cái ác ngự trị trên trần gian, trong khi Đức Chúa Trời là điều gì đó mà con người gửi gắm sự mong mỏi của họ về những điều tốt đẹp, một nhân vật huyền thoại mà họ dựng nên. Trong tâm trí các người, Đức Chúa Trời ở thiên đàng rất ngay thật, công chính, và vĩ đại, đáng thờ phượng và ngưỡng mộ; trong khi đó, Đức Chúa Trời này trên trần gian, lại chỉ là một sự thay thế, và một công cụ của Đức Chúa Trời trên trời. Các người tin Đức Chúa Trời này không thể sánh ngang với Đức Chúa Trời trên trời, càng không thể được đánh đồng với Ngài. Khi nói đến sự vĩ đại và thanh danh của Đức Chúa Trời, chúng thuộc về vinh quang của Đức Chúa Trời trên trời; nhưng khi nói tới bản tính và sự bại hoại của con người, chúng là những thuộc tính mà Đức Chúa Trời dưới thế có phần. Đức Chúa Trời trên trời cao quý đời đời, trong khi Đức Chúa Trời dưới thế thì mãi mãi tầm thường, yếu đuối, và kém cỏi. Đức Chúa Trời trên trời không thiên về

cảm xúc, chỉ có sự công chính, trong khi Đức Chúa Trời dưới thế chỉ có những động cơ ích kỷ và không có bất kỳ sự công bằng hay lý trí nào. Đức Chúa Trời trên trời không có chút quanh co nào và mãi mãi trung tín, trong khi Đức Chúa Trời dưới thế thì luôn có một mặt không trung thực. Đức Chúa Trời trên trời yêu con người tha thiết, trong khi Đức Chúa Trời dưới thế không cho con người thấy đủ sự quan tâm, thậm chí bỏ bê con người hoàn toàn. Kiến thức sai lầm này từ lâu đã được giữ trong lòng các người và cũng có thể được ghi nhớ mãi trong tương lai. Các người nhìn mọi việc làm của Đấng Christ từ quan điểm của kẻ bất chính và đánh giá mọi công tác của Ngài, cũng như thân phận và thực chất của Ngài, từ góc độ của kẻ xấu xa. Các người đã phạm một lỗi lầm nghiêm trọng và đã làm điều mà những người đi trước chưa từng làm. Nghĩa là, các người chỉ phụng sự Đức Chúa Trời cao quý trên trời với mào triều thiên trên đầu Ngài, và không bao giờ chú trọng Đức Chúa Trời mà các người coi là quá tầm thường đến nỗi Ngài vô hình với các người. Đây chẳng phải là tội lỗi của các người sao? Đây chẳng phải là ví dụ điển hình cho sự xúc phạm tâm tính Đức Chúa Trời của các người sao? Các người thờ phượng Đức Chúa Trời trên trời. Các người tôn thờ những hình tượng cao quý và quý trọng những ai nổi bật vì tài hùng biện của họ. Người vui vẻ nhận mệnh lệnh bởi Đức Chúa Trời nào mà đổ đầy tay người của cải, và khao khát Đức Chúa Trời nào mà có thể thực hiện mọi mong muốn của người. Đáng duy nhất mà người không thờ phượng chính là Đức Chúa Trời không cao quý này; điều duy nhất các người ghét chính là cộng tác với Đức Chúa Trời mà không con người nào có thể coi trọng này. Điều duy nhất người không sẵn lòng làm chính là hầu việc Đức Chúa Trời đã không bao giờ cho người một xu nào này, và Đáng duy nhất không thể làm người khao khát Ngài chính là Đức Chúa Trời khó thương này. Đức Chúa Trời này không thể làm cho người mở rộng những chân trời của mình, không thể làm cho người cảm thấy như thể người đã tìm được một kho báu, càng không thể thực hiện ước muốn của người. Vậy thì, tại sao người lại theo Ngài? Người đã suy nghĩ về những câu hỏi như thế này chưa? Điều người làm không chỉ xúc phạm Đấng Christ này; quan trọng hơn, nó xúc phạm Đức Chúa Trời trên trời. Ta nghĩ đây không phải là mục đích cho đức tin ở Đức Chúa Trời của các người!

Các người mong muốn Đức Chúa Trời ưa thích các người, nhưng các người lại xa Đức Chúa Trời. Vấn đề ở đây là gì? Các người chỉ chấp nhận những lời của Ngài, chứ không chấp nhận sự xử lý hay tía sửa của Ngài, càng không thể chấp nhận mọi sự sắp đặt của Ngài, để có đức tin hoàn toàn nơi Ngài. Vậy thì vấn đề ở đây là gì? Suy cho cùng, đức tin của các người là một cái vỏ trứng rỗng, thứ không bao giờ có thể tạo ra gà con. Bởi đức tin của các người đã không mang đến lẽ thật cho các

người hay cho các người sự sống, mà thay vào đó, đã cho các người một cảm giác ảo tưởng về sự dưỡng nuôi và hy vọng. Chính cảm giác về sự dưỡng nuôi và hy vọng này là mục đích của các người trong việc tin vào Đức Chúa Trời, chứ không phải lẽ thật và sự sống. Do đó, Ta nói rằng quá trình tin vào Đức Chúa Trời của các người không gì khác hơn là cố gắng cầu cạnh ân huệ của Đức Chúa Trời thông qua sự hèn hạ và vô liêm sỉ, và không đời nào được coi là đức tin thật. Làm sao gà con có thể được sinh ra từ một đức tin như vậy? Nói cách khác, đức tin như vậy có thể gặt hái được gì? Mục đích đức tin của các người ở Đức Chúa Trời là dùng Ngài để đạt được những mục đích riêng của các người. Chẳng phải điều này hơn nữa chính là thực tế về sự xúc phạm của các người đối với tâm tính của Đức Chúa Trời sao? Các người tin vào sự hiện hữu của Đức Chúa Trời trên trời và phủ nhận sự hiện hữu của Đức Chúa Trời dưới thế, nhưng Ta không công nhận những quan điểm của các người; Ta chỉ khen ngợi những người thực tế và phụng sự Đức Chúa Trời dưới thế, mà không bao giờ khen ngợi những người không bao giờ công nhận Đấng Christ trên trần gian. Dù những người đó trung thành với Đức Chúa Trời trên trời như thế nào, thì cuối cùng họ cũng sẽ không thoát khỏi bàn tay trừng phạt kẻ xấu của Ta. Những người này là những kẻ xấu xa; họ là những kẻ ác chống đối Đức Chúa Trời và chưa bao giờ vui vẻ vâng lời Đấng Christ. Dĩ nhiên, số người đó bao gồm tất cả những người không biết, và hơn nữa, không công nhận Đấng Christ. Người có tin rằng mình có thể hành động theo ý mình với Đấng Christ miễn sao người trung thành với Đức Chúa Trời trên trời không? Sai! Sự thiếu hiểu biết của người về Đấng Christ là sự thiếu hiểu biết về Đức Chúa Trời trên trời. Dù người trung thành với Đức Chúa Trời trên trời như thế nào, đó chỉ đơn thuần là lời nói trống tuếch và sự giả vờ, bởi vì Đức Chúa Trời dưới thế không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc giúp con người nhận lãnh lẽ thật và có kiến thức sâu xa hơn, mà hơn thế nữa còn quan trọng trong việc kết án con người và sau đó là trong việc nắm bắt thực tế để trừng phạt kẻ xấu. Người đã hiểu những kết cục lợi và hại ở đây chưa? Người đã trải nghiệm chúng chưa? Ta mong các người một ngày không xa sẽ hiểu được lẽ thật này: Để biết Đức Chúa Trời, các người phải biết không chỉ Đức Chúa Trời trên trời, mà thậm chí quan trọng hơn là phải biết Đức Chúa Trời dưới thế. Đừng để những ưu tiên của các người bị lẫn lộn hay cho phép điều thứ yếu thay thế điều chính yếu. Chỉ theo cách này người mới thật sự xây dựng được mối quan hệ tốt với Đức Chúa Trời, trở nên gần hơn với Đức Chúa Trời, và mang lòng người đến gần hơn với Ngài. Nếu người đã có đức tin nhiều năm và đã cộng tác với Ta từ lâu, nhưng vẫn còn khoảng cách với Ta, thì Ta nói hẳn là người thường xuyên xúc phạm tâm tính của Đức Chúa Trời, và kết cuộc của người sẽ rất khó đoán. Nếu nhiều năm cộng tác với Ta không chỉ không

thay đổi được người thành một người sở hữu nhân tính và lẽ thật, mà hơn nữa, đã làm cho những thói xấu ăn sâu vào bản tính của người, và người không chỉ kiêu ngạo gấp đôi trước kia, mà những hiểu lầm của người về Ta cũng nhân lên, đến nỗi người bắt đầu coi Ta như người trợ thủ nhỏ của người, thì Ta nói rằng nỗi khổ sở của người không còn nằm ở da mà đã đi sâu vào tận xương tủy người. Tất cả những gì còn lại là để người chờ đợi những sửa soạn cho tang lễ của mình được thực hiện. Khi ấy người không cần cầu khẩn Ta là Đức Chúa Trời của người, bởi vì người đã phạm một tội đáng chết, một tội không thể tha thứ. Ngay cả khi Ta có thể có lòng nhân từ đối với người, thì Đức Chúa Trời trên trời sẽ kiên quyết lấy mạng người, bởi sự xúc phạm của người với tâm tính của Đức Chúa Trời không phải là một vấn đề bình thường, mà là vấn đề có bản chất rất nghiêm trọng. Đến lúc đó, đừng trách Ta không nói trước với người. Tất cả quay về điều này: Khi người cộng tác với Đấng Christ – Đức Chúa Trời dưới thế – như một con người bình thường, nghĩa là, khi người tin rằng Đức Chúa Trời này chỉ là một con người, thì khi ấy người sẽ bị diệt vong. Đây là lời răn duy nhất của Ta với tất cả các người.

Một vấn đề rất nghiêm trọng: Sự phản bội (1)

Không bao lâu nữa, công tác của Ta sẽ kết thúc, và nhiều năm bên nhau đã trở thành một kỷ ức không thể chịu nổi. Ta đã không ngừng lặp lại những lời của Ta và liên tục mở ra công tác mới của Ta. Tất nhiên, lời khuyên của Ta là một thành phần cần thiết trong mỗi phần công tác Ta làm. Không có lời khuyên của Ta, tất cả các người sẽ làm đường lạc lối và thậm chí còn thấy mình hoàn toàn hoang mang. Công tác của Ta giờ sắp hoàn thành và đang trong giai đoạn cuối. Ta vẫn muốn làm công việc khuyên răn, nghĩa là, đưa ra lời khuyên cho các người nghe theo. Ta chỉ hy vọng rằng các người có thể không để những công sức khó nhọc của Ta uổng phí, và hơn thế nữa, rằng các người có thể hiểu được sự săn sóc ân cần của Ta, và xem những lời Ta là nền tảng để các người làm sao cư xử như một con người. Cho dù đó có là những dạng lời các người sẵn lòng nghe theo hay không, cho dù các người có vui vẻ chấp nhận chúng hay chỉ có thể chấp nhận một cách khó chịu, thì các người cũng phải xem trọng chúng. Nếu không, tâm tính và thái độ thờ ơ, hờ hững của các người sẽ làm Ta buồn lòng vô cùng, và thực sự làm Ta ghê tởm. Ta rất hy vọng rằng tất cả các người đều có thể đọc đi đọc lại những lời của Ta – hàng nghìn lần – và thậm chí còn có thể đi đến chỗ biết chúng nằm lòng. Chỉ bằng cách này, các người mới có thể không phụ những mong đợi của Ta nơi các người. Tuy nhiên, giờ đây không ai trong các người đang sống như thế cả. Ngược lại, tất cả các người đều đang ngập chìm

trong đời sống trụy lạc, một đời sống ăn uống phê phỡn, và không ai trong các người dùng lời Ta để bồi bổ cho tâm lòng và tâm hồn mình. Vì lý do này, Ta đã đi đến kết luận về bộ mặt thật của loài người: Con người có thể phản bội Ta bất cứ lúc nào, và không ai có thể trung thành tuyệt đối với những lời của Ta.

“Loài người đã bị bại hoại bởi Sa-tan đến mức họ không còn đáng đáp của con người nữa”. Đa số mọi người giờ đã ít nhiều thừa nhận câu này. Ta nói như vậy bởi vì từ “thừa nhận” Ta nói đến chỉ đơn thuần là một kiểu thừa nhận hơi hợt, trái ngược với sự hiểu biết thực sự. Bởi vì không ai trong các người có thể đánh giá chính xác hoặc phân tích cặn kẽ chính mình, nên các người vẫn nửa tin nửa ngờ lời Ta. Nhưng lần này, Ta đang dùng những việc thật để giải thích một vấn đề nghiêm trọng nhất tồn tại trong các người. Vấn đề đó là sự phản bội. Tất cả các người đều quen thuộc với từ “sự phản bội”, bởi vì hầu hết mọi người đều từng làm điều gì đó phản bội người khác, chẳng hạn chồng phản bội vợ, vợ phản bội chồng, con trai phản bội cha, con gái phản bội mẹ, đầy tớ phản bội chủ, bạn bè phản bội nhau, người thân phản bội nhau, người bán phản bội người mua, v.v. Tất cả những ví dụ này chứa đựng bản chất của sự phản bội. Nói tóm lại, sự phản bội là một dạng hành vi không giữ lời hứa, vi phạm những nguyên tắc đạo đức, hoặc hành động trái với đạo đức của con người, thể hiện sự mất nhân tính. Nói chung, là một con người đã được sinh ra trong thế gian này, người sẽ làm điều gì đó phản bội lẽ thật, cho dù người có nhớ mình đã từng làm điều gì phản bội người khác hay không, hoặc cho dù người đã từng phản bội người khác nhiều lần trước đây hay không. Vì người có thể phản bội cha mẹ hay bạn bè mình, nên người có thể phản bội người khác, và hơn thế nữa, người có thể phản bội Ta và làm những điều mà Ta xem thường. Nói cách khác, sự phản bội không chỉ là một dạng hành vi vô đạo đức bề ngoài, mà còn là điều mâu thuẫn với lẽ thật. Đây chính xác là nguồn gốc của sự chống đối và bất tuân của loài người đối với Ta. Đây là lý do tại sao Ta đã tóm tắt điều đó trong tuyên bố sau: Sự phản bội là bản tính của con người, và bản tính này là kẻ thù lớn của sự tương hợp của mỗi người với Ta.

Hành vi không thể tuyệt đối vâng lời Ta chính là sự phản bội. Hành vi không thể trung thành với Ta chính là sự phản bội. Lừa dối Ta và dùng những lời gian dối để lừa gạt Ta chính là sự phản bội. Chứa chấp nhiều quan niệm và truyền bá chúng khắp nơi chính là sự phản bội. Không thể gìn giữ các chứng ngôn và lợi ích của Ta chính là sự phản bội. Cười giả tạo khi xa Ta trong lòng chính là sự phản bội. Đây đều là những hành vi phản bội mà các người luôn có khả năng thực hiện, và chúng cũng phổ biến giữa các người. Không ai trong các người có thể nghĩ việc này là một vấn đề, nhưng đó không phải là điều Ta nghĩ. Ta không thể xem sự phản bội Ta của một người là chuyện nhỏ, và Ta chắc chắn không thể làm ngơ. Giờ đây, khi Ta đang làm

việc giữa các người, các người còn hành xử theo cách này – nếu đến một ngày không có ai trông chừng các người, chẳng phải các người sẽ trở thành những tên cướp xưng vương xưng bá nơi vùng núi nhỏ của chúng hay sao? Khi điều đó xảy ra và các người gây ra thảm họa, ai mà ở đó để dọn dẹp đằng sau các người? Các người nghĩ rằng một vài hành vi phản bội chỉ là những việc không thường xuyên, không phải là hành vi dai dẳng, và không đáng để thảo luận một cách nghiêm trọng như vậy, theo cách làm tổn thương lòng tự trọng của các người. Nếu các người thực sự nghĩ như vậy, thì các người đang thiếu ý thức. Nghĩ như vậy là trở thành một khuôn mẫu và nguyên mẫu của sự dấy loạn. Bản tính của con người là cuộc sống của họ; nó là một nguyên tắc họ dựa vào để tồn tại, và họ không thể thay đổi nó. Lấy bản chất phản bội làm ví dụ. Nếu người có thể làm điều gì đó để phản bội một người thân hay người bạn, thì điều đó chứng tỏ rằng đó là một phần cuộc sống của người và là bản tính mà người được sinh ra. Đây là điều không ai có thể phủ nhận. Ví dụ, nếu một người thích lấy cắp đồ của người khác, thì việc thích lấy cắp này là một phần cuộc sống của họ, cho dù họ có thể lấy cắp lúc này và không lấy cắp lúc khác. Bất kể họ có lấy cắp hay không, điều đó không thể chứng tỏ rằng việc lấy cắp của họ chỉ là một loại hành vi. Thay vào đó, nó chứng tỏ rằng việc lấy cắp là một phần cuộc sống của họ – nghĩa là bản tính của họ. Một số người sẽ hỏi: Vì đó là bản tính của họ, vậy tại sao khi họ nhìn thấy những thứ tốt, đôi khi họ lại không lấy cắp chúng? Câu trả lời rất đơn giản. Có nhiều lý do họ không lấy cắp. Họ có thể không lấy cắp thứ gì đó vì nó quá to để họ thó đi trước những con mắt cảnh giác, hoặc là vì không có thời điểm thích hợp để hành động, hoặc thứ gì đó quá đắt, được bảo vệ quá chặt, hoặc là họ không đặc biệt hứng thú với nó, hoặc không thể thấy nó có thể có ích lợi gì cho họ, v.v. Tất cả những lý do này đều có thể xảy ra. Nhưng cho dù thế nào, dù họ có lấy cắp thứ gì đó hay không, điều đó không thể chứng tỏ ý nghĩ này chỉ tồn tại như một sự lóe lên bất chợt, thoáng qua. Ngược lại, nó là một phần bản tính của họ mà rất khó để cải thiện. Một người như thế không thỏa mãn với việc lấy cắp chỉ một lần; những ý nghĩ lấy những thứ của người khác làm của mình như vậy nảy sinh bất cứ khi nào họ gặp phải thứ gì hay ho, hoặc một tình huống thích hợp. Đó là lý do tại sao Ta phán nguồn gốc của ý nghĩ này không phải là điều gì đó chỉ đơn giản thỉnh thoảng mới bắt gặp, mà ở trong bản tính của người này.

Bất kỳ ai cũng có thể dùng lời nói và hành động của chính mình để thể hiện bộ mặt thật của mình. Bộ mặt thật này, dĩ nhiên, là bản tính của họ. Nếu người là người nói theo kiểu quanh co, thì người có bản tính quanh co. Nếu bản tính của người xảo quyệt, thì người hành động ranh mãnh, và người làm cho người khác rất dễ bị người lừa gạt. Nếu bản tính của người nham hiểm, thì lời nói của người có thể dễ nghe,

nhưng những hành động của người không thể che đậy các thủ đoạn nham hiểm của người. Nếu bản tính của người biếng nhác, thì mọi điều người nói đều nhằm trốn tránh trách nhiệm vì tính hời hợt và biếng nhác của người, và hành động của người sẽ chậm chạp và hời hợt, và khá giỏi trong việc che đậy sự thật. Nếu bản tính của người đồng cảm, thì lời nói của người sẽ hợp lý, và hành động của người cũng sẽ rất phù hợp với lẽ thật. Nếu bản tính của người trung thành, thì chắc chắn lời nói của người chân thành và cách người hành động thì hợp lý, không có gì có thể khiến chủ của người không thoải mái. Nếu bản tính của người đầy dục vọng hoặc tham tiền, thì lòng người sẽ thường chứa đầy những điều này, và người sẽ vô tình có những hành động lệch lạc, vô đạo đức mà mọi người sẽ không dễ quên và sẽ khiến họ ghê tởm. Như Ta đã phán, nếu người có bản tính phản bội, thì người khó có thể tự mình thoát khỏi nó. Đừng tin vào cơ may rằng nếu người không làm gì sai với người khác, thì người không có bản tính phản bội. Nếu đó là điều người nghĩ thì người thật sự đáng kinh tởm. Tất cả những lời mỗi lần Ta phán đều nhằm vào tất cả mọi người, không chỉ là một người hay một kiểu người. Chỉ vì người không phản bội Ta trong một chuyện thì không chứng tỏ là người không thể phản bội Ta trong bất kỳ chuyện nào khác. Một số người khi thất bại trong hôn nhân thì mất lòng tin trong việc tìm kiếm lẽ thật. Một vài người từ bỏ nghĩa vụ trung thành với Ta trong khi gia đình đổ vỡ. Một vài người từ bỏ Ta để tìm kiếm một thoáng chút vui vẻ và phấn khích. Một vài người thà rơi xuống một khe núi tối tăm còn hơn sống trong sự sáng và có được niềm vui trong công tác của Đức Thánh Linh. Một vài người bỏ qua lời khuyên của bạn bè để thỏa mãn ham muốn giàu có của họ, và ngay cả bây giờ cũng không thể thừa nhận sai lầm và quay đầu. Một vài người chỉ sống tạm thời dưới danh Ta để nhận được sự bảo vệ của Ta, trong khi những người khác chỉ dâng hiến một chút cho Ta do cưỡng ép bởi vì họ tham sống sợ chết. Chẳng phải những điều này và những hành động vô đạo đức, những hành động mà hơn thế nữa là mất nhân cách, chính là những hành vi mà mọi người từ lâu đã phản bội Ta trong tận đáy lòng họ hay sao? Dĩ nhiên, Ta biết mọi người không lên kế hoạch trước để phản bội Ta; sự phản bội của họ là một sự bộc lộ tự nhiên bản tính của họ. Không ai muốn phản bội Ta, và không ai vui bởi vì họ đã làm điều gì phản bội Ta. Trái lại, họ đang run rẩy sợ hãi, phải không? Vậy thì các người có đang nghĩ về việc làm sao các người có thể chuộc lại những sự phản bội này, và làm sao để thay đổi tình hình hiện tại không?

Một vấn đề rất nghiêm trọng: Sự phản bội (2)

Bản tính của con người hoàn toàn khác với bản chất của Ta, vì bản tính bại hoại của con người hoàn toàn bắt nguồn từ Sa-tan và bản tính của con người đã bị Sa-tan xử lý và làm cho bại hoại. Nghĩa là, con người sống dưới sự ảnh hưởng của điều ác và sự xấu xa của nó. Con người không lớn lên trong một thế giới của lẽ thật hay một môi trường thánh khiết, và càng không sống trong sự sáng. Do đó, không ai có thể sở hữu lẽ thật trong bản tính bẩm sinh của mình, và càng không ai có thể được sinh ra với một bản chất kính sợ và vâng lời Đức Chúa Trời. Trái lại, họ sở hữu một bản tính chống đối Đức Chúa Trời, không vâng lời Đức Chúa Trời, và không có tình yêu dành cho lẽ thật. Bản tính này là vấn đề mà Ta muốn nói đến – sự phản bội. Sự phản bội chính là nguồn gốc của sự chống đối Đức Chúa Trời của mỗi người. Đây là một vấn đề chỉ tồn tại ở trong con người chứ không ở trong Ta. Một vài người có thể hỏi câu hỏi thế này: Vì tất cả con người đều sống trong thế giới cũng như Đấng Christ, tại sao tất cả con người đều có bản tính phản bội Đức Chúa Trời, còn Đấng Christ thì không? Đây là câu hỏi phải được giải thích rõ ràng cho các người.

Nền tảng của sự tồn tại của loài người là sự đầu thai nhiều lần của linh hồn. Nói cách khác, mỗi người có được sự sống của con người trong xác thịt khi linh hồn của họ được đầu thai. Sau khi một thân thể của con người được sinh ra, sự sống của nó tiếp tục cho đến khi cuối cùng xác thịt chạm tới giới hạn của nó, đó là khoảnh khắc cuối cùng, khi linh hồn rời khỏi lớp vỏ của nó. Quá trình này lặp đi lặp lại với việc linh hồn con người đến và đi hết lần này đến lần khác, và như thế duy trì sự tồn tại của cả nhân loại. Sự sống của xác thịt cũng là sự sống của linh hồn con người, và linh hồn của con người hỗ trợ sự hiện hữu của xác thịt của con người. Điều đó có nghĩa là, sự sống của mỗi con người đến từ linh hồn của họ; không phải là xác thịt ban đầu đã có sự sống. Do đó, bản tính của con người đến từ linh hồn của họ, không từ xác thịt của họ. Chỉ có linh hồn của mỗi người mới biết được họ đã trải qua sự cám dỗ, khổ sở, và sự làm cho sa ngã của Sa-tan như thế nào. Xác thịt của con người không thể biết những điều này. Vì thế, loài người vô tình ngày càng trở nên đen tối hơn, ô uế hơn và xấu xa hơn bao giờ hết, trong khi khoảng cách giữa Ta và con người ngày càng xa hơn, và cuộc sống của loài người ngày càng trở nên tối tăm hơn. Linh hồn của loài người đều nằm trong tay của Sa-tan, vì vậy, hẳn nhiên rằng xác thịt của con người cũng đã bị Sa-tan chiếm giữ. Làm sao mà xác thịt như thế và loài người như thế lại có thể không chống đối Đức Chúa Trời? Làm sao họ có thể sinh ra đã tương thích với Ngài? Lý do Sa-tan bị Ta ném vào không trung là vì nó đã phản bội Ta. Vậy thì làm sao loài người có thể thoát khỏi sự liên đới của họ? Đây là lý do mà bản tính

loài người là phản bội. Ta tin rằng một khi các người hiểu được lập luận này các người cũng nên có một ít niềm tin vào thực chất của Đấng Christ. Xác thịt được mặc lấy bởi Thần của Đức Chúa Trời là xác thịt của chính Đức Chúa Trời. Thần của Đức Chúa Trời là tối cao; Ngài là toàn năng, thánh khiết và công chính. Cũng như thế, xác thịt của Ngài cũng tối cao, toàn năng, thánh khiết và công chính. Xác thịt như thế thì chỉ có thể làm những điều mà công chính và có lợi cho loài người, những điều mà thánh khiết, vinh hiển và phi thường; Ngài không có khả năng làm bất cứ điều gì trái lẽ thật, trái đạo đức và công lý, càng không có khả năng làm bất cứ điều gì phản bội Thần của Đức Chúa Trời. Thần của Đức Chúa Trời là thánh khiết, và vì thế xác thịt của Ngài không thể bị làm cho bại hoại bởi Sa-tan; xác thịt của Ngài thuộc về bản chất khác với xác thịt của con người. Bởi vì chính con người, không phải Đức Chúa Trời, là người bị làm sa ngã bởi Sa-tan; Sa-tan không có khả năng làm sa ngã xác thịt của Đức Chúa Trời. Vì thế, cho dù thực tế là con người và Đấng Christ cùng ở trong một không gian, chỉ có con người là kẻ bị chiếm giữ, sử dụng, và sập bẫy bởi Sa-tan. Trái lại, Đấng Christ mãi mãi không bị ảnh hưởng bởi sự bại hoại của Sa-tan, bởi vì Sa-tan sẽ không bao giờ có thể lên đến nơi chí cao, và sẽ không bao giờ có thể đến gần Đức Chúa Trời. Hôm nay, tất cả các người nên hiểu rằng chỉ có loài người đã bị Sa-tan làm cho bại hoại, là kẻ phản bội Ta. Sự phản bội sẽ không bao giờ là một vấn đề liên quan đến Đấng Christ dù chỉ chút ít.

Tất cả những linh hồn đã bị Sa-tan làm bại hoại đều bị bắt làm nô lệ dưới quyền của Sa-tan. Chỉ những ai tin Đấng Christ mới được tách riêng ra, được cứu rỗi khỏi trại của Sa-tan, và được đưa vào vương quốc ngày nay. Những người này không còn sống dưới ảnh hưởng của Sa-tan nữa. Mặc dù vậy, bản tính của con người vẫn còn ăn sâu trong xác thịt của họ, điều đó có nghĩa là cho dù linh hồn các người đã được cứu rỗi, nhưng bản tính của các người vẫn còn y như cũ, và khả năng các người sẽ phản bội Ta vẫn ở mức một trăm phần trăm. Đó là lý do tại sao công tác của Ta kéo dài lâu đến thế, bởi vì bản tính của các người thì khó uốn nắn. Giờ đây tất cả các người đang trải qua gian khổ hết mức khi thực hiện bổn phận của các người, nhưng một thực tế không thể phủ nhận là: mỗi người trong các người đều có khả năng phản bội Ta và quay trở về dưới quyền của Sa-tan, về trại của nó, và trở lại với đời sống cũ của các người. Khi đó các người không thể tỏ ra một chút nhân tính hay hình tượng giống con người như người có bây giờ. Trong những trường hợp nghiêm trọng, các người sẽ bị hủy diệt và hơn nữa sẽ bị diệt vong đời đời, bị trừng phạt nghiêm khắc, không bao giờ có thể đầu thai trở lại. Đây là vấn đề được đặt ra trước mắt các người. Ta đang nhắc các người theo cách này để thứ nhất là công tác của Ta sẽ không hoài công vô ích, và thứ hai là tất cả các người có thể sống

trong những ngày của sự sáng. Thực ra, công tác của Ta có vô ích hay không thì không phải là vấn đề quan trọng. Mấu chốt là để cho các người có thể có cuộc sống hạnh phúc và một tương lai tuyệt vời. Công tác của Ta là công tác cứu rỗi linh hồn của con người. Nếu linh hồn người rơi vào tay của Sa-tan, thì thân thể người sẽ không sống trong yên bình. Nếu Ta bảo vệ thân thể người, thì chắc chắn linh hồn người sẽ được Ta chăm sóc. Nếu Ta thực sự ghét người, thì thân thể và linh hồn người sẽ ngay lập tức rơi vào tay của Sa-tan. Người có thể tưởng tượng ra tình trạng của người lúc đó không? Nếu đến một ngày những lời của Ta không còn tác dụng gì trên các người, thì Ta sẽ hoặc là giao tất cả các người cho Sa-tan, điều sẽ khiến các người bị tra tấn đau đớn cùng cực cho đến khi cơn giận của Ta hoàn toàn tan biến, hoặc là Ta sẽ đích thân trừng phạt các người, những con người vô phương cứu chữa, bởi vì lòng các người phản bội Ta đã chưa bao giờ thay đổi.

Giờ đây các người nên nhìn vào chính mình càng nhanh càng tốt để xem có bao nhiêu sự phản bội Ta vẫn còn trong các người. Ta nóng lòng trông đợi sự phản hồi của các người. Đừng đối phó với Ta cách hời hợt. Ta không bao giờ đùa giỡn với con người. Nếu Ta phán Ta sẽ làm điều gì thì chắc chắn Ta sẽ làm điều đó. Ta hy vọng mỗi người các người đều là người coi trọng những lời của Ta và đừng nghĩ như thể chúng chỉ là khoa học viễn tưởng. Điều Ta muốn là hành động cụ thể từ các người, không phải những sự tưởng tượng của người. Tiếp theo, các người phải trả lời những câu hỏi thế này từ Ta: 1. Nếu người thực sự là một kẻ phục vụ, thì người có thể dâng sự phục vụ cho Ta một cách trung thành, mà không có bất kỳ yếu tố xảo nhăng hay tiêu cực nào không? 2. Nếu người phát hiện ra rằng Ta chưa bao giờ đánh giá cao người, người vẫn có thể ở lại và dâng sự phục vụ cho Ta suốt đời không? 3. Nếu Ta vẫn rất lạnh lùng với người dù người đã nỗ lực nhiều, thì người vẫn có thể tiếp tục làm việc cho Ta trong tình trạng vô danh không? 4. Nếu sau khi người đã chi tiêu cho Ta, Ta không thỏa mãn những nhu cầu nhỏ nhất của người, thì người sẽ chán nản và thất vọng về Ta, hay thậm chí còn trở nên giận dữ và buông lời xúc phạm không? 5. Nếu người đã luôn rất trung thành và vô cùng yêu mến Ta, nhưng người chịu đựng sự đau đớn của bệnh tật, nghèo đói, và sự ruồng bỏ của bạn bè và người thân hoặc là chịu đựng bất kỳ những điều bất hạnh nào khác trong cuộc sống, thì lòng trung thành và tình yêu của người dành cho Ta vẫn tiếp tục không? 6. Nếu không có điều nào người đã tưởng tượng trong lòng phù hợp với những gì Ta đã làm, thì người sẽ bước đi trên con đường tương lai của người như thế nào? 7. Nếu người không nhận được bất cứ thứ gì người hy vọng sẽ nhận được, thì người có thể tiếp tục là môn đệ của Ta không? 8. Nếu người chưa bao giờ hiểu được mục đích và ý nghĩa của công tác của Ta, thì người có thể là một người vâng lời, không

đưa ra những phán xét và kết luận tùy tiện không? 9. Người có thể trân quý mọi lời Ta đã phán và mọi việc Ta đã làm khi Ta ở cùng loài người không? 10. Người có thể là môn đệ trung thành của Ta, sẵn lòng chịu đựng vì Ta suốt đời dầu người không nhận được bất cứ thứ gì không? 11. Người có thể không cân nhắc, hoạch định, hoặc chuẩn bị cho con đường tương lai tồn vong của người vì Ta không? Những câu hỏi này là những yêu cầu sau cùng của Ta đối với các người, và Ta hy vọng rằng tất cả các người có thể trả lời cho Ta. Nếu người hoàn thành một hoặc hai điều trong những câu hỏi này, thì người vẫn cần tiếp tục phấn đấu. Nếu người không thể thực hiện một điều nào trong những yêu cầu này, thì chắc chắn người là loại người sẽ bị ném vào địa ngục. Đối với những người như thế, Ta không cần nói gì thêm nữa, vì chắc chắn họ không phải là những người có thể tương thích với Ta. Làm sao Ta có thể giữ ai đó trong nhà Ta mà người đó có thể phản bội Ta trong bất kỳ hoàn cảnh nào? Đối với những người vẫn có thể phản bội Ta trong phần lớn hoàn cảnh, Ta sẽ quan sát hoạt động của họ trước khi thực hiện những sự sắp xếp khác. Tuy nhiên, tất cả những ai có thể phản bội Ta, bất kể trong điều kiện nào, Ta sẽ không bao giờ quên và Ta sẽ ghi nhớ họ trong lòng Ta và chờ cơ hội để báo trả những sự hành ác của họ. Những yêu cầu Ta đã nêu lên là tất cả những vấn đề các người nên kiểm lại chính mình. Ta hy vọng tất cả các người có thể xem xét chúng một cách nghiêm túc và các người không đối phó với Ta một cách hời hợt. Trong tương lai gần, Ta sẽ kiểm tra những câu trả lời mà các người đã phản hồi lại các yêu cầu của Ta. Lúc đó, Ta sẽ không yêu cầu gì thêm ở các người và sẽ không ban cho các người lời khuyên bảo chân thành nào nữa cả. Thay vào đó, Ta sẽ thực thi thẩm quyền của Ta. Những ai nên được giữ lại sẽ được giữ lại, những ai nên được ban thưởng sẽ được ban thưởng, những kẻ nên được giao cho Sa-tan sẽ được giao cho Sa-tan, những kẻ nên bị trừng phạt nặng nề sẽ bị trừng phạt nặng nề, và những kẻ nên bị diệt vong sẽ bị hủy diệt. Theo cách đó, sẽ không còn ai quấy rầy Ta trong những ngày của Ta. Người có tin những lời của Ta không? Người có tin vào sự báo ứng hay không? Người có tin rằng Ta sẽ trừng phạt tất cả những kẻ ác lừa dối và phản bội Ta không? Người hy vọng cho ngày đó đến sớm hơn hay muộn hơn? Người có phải là người khiếp sợ bị trừng phạt, hay là kẻ thích chống đối Ta dù phải chịu trừng phạt? Khi ngày đó đến, người có tưởng tượng liệu người sẽ sống giữa những tiếng reo hò và những tiếng cười, hay người sẽ khóc than và nghiến răng? Loại kết cuộc nào người hy vọng mình gặp phải? Người đã bao giờ xem xét nghiêm túc rằng liệu người tin Ta một trăm phần trăm hay nghi ngờ Ta một trăm phần trăm chưa? Người đã bao giờ xem xét cẩn thận việc những hành động và hành vi của người sẽ mang đến cho người loại hậu quả và kết cuộc nào chưa? Người có thực sự hy vọng rằng tất cả

những lời của Ta sẽ lần lượt được ứng nghiệm, hay là người khiếp sợ rằng những lời của Ta sẽ lần lượt được ứng nghiệm? Nếu người hy vọng rằng Ta rời đi sớm để làm ứng nghiệm những lời của Ta, thì người nên có những lời nói và hành động như thế nào? Nếu người không hy vọng về sự rời đi của Ta và không hy vọng mọi lời của Ta được ứng nghiệm ngay lập tức, thì sao người tin Ta chút nào được? Người có thực sự biết tại sao người theo Ta không? Nếu điều đó chỉ vì mở rộng tầm nhận thức của người, thì người không cần tự làm bản thân khổ sở như thế. Nếu điều đó là để người có thể được phước và tránh được thảm họa sắp tới, thì tại sao người không quan tâm đến cách cư xử của chính mình? Tại sao người không tự hỏi liệu người có thể thỏa mãn những yêu cầu của Ta hay không? Tại sao người cũng không tự hỏi liệu người có đủ tư cách để nhận lãnh các phước lành sắp đến hay không?

Các người phải xem xét những việc làm của mình

Mọi việc làm và hành động của các người trong đời sống cho thấy các người phải được chu cấp một đoạn lời Ta mỗi ngày để bổ sung cho các người, vì các người quá thiếu thốn, và kiến thức cùng khả năng tiếp nhận của các người quá ít ỏi. Trong cuộc sống hàng ngày của mình, các người sống giữa một bầu không khí và môi trường không có lẽ thật hay lương tri. Các người thiếu vốn để tồn tại, và không có nền tảng để biết về Ta hoặc lẽ thật. Đức tin của các người chỉ được xây dựng dựa trên một đức tin mơ hồ và trừu tượng hoặc dựa trên kiến thức nặng giáo điều và các nghi lễ tôn giáo. Mỗi ngày, Ta dõi theo những hoạt động của các người, xem xét những ý định và những kết quả xấu xa của các người, và Ta chưa hề thấy một ai thực sự đặt tấm lòng và tinh thần của mình lên bàn thờ mãi kiên cố của Ta. Do đó, Ta không sẵn lòng lãng phí thời gian thổ lộ hết mọi lời Ta muốn bày tỏ với một nhân loại như thế; những kế hoạch duy nhất trong lòng Ta là cho công tác còn dang dở của Ta và cho những ai Ta vẫn chưa cứu rỗi được trong số nhân loại. Tuy nhiên, Ta mong muốn tất cả những ai theo Ta đều nhận lãnh sự cứu rỗi của Ta và những lẽ thật mà lời Ta ban cho con người. Ta hy vọng rằng một ngày nào đó, khi người nhắm mắt lại, người sẽ thấy một cõi tràn ngập hương thơm với những suối nước sống tuôn chảy – chứ không phải là một thế giới ảm đạm, lạnh lẽo, nơi mây đen che phủ bầu trời và những tiếng gào rú không bao giờ ngưng.

Mỗi một ngày, những việc làm và suy nghĩ của từng người một đều được mắt Ngài nhìn thấy, và đồng thời, cũng đang chuẩn bị cho ngày mai của chính họ. Đây là con đường mà tất cả những ai đang sống phải đi; nó là con đường Ta đã định trước cho tất cả, và không ai có thể thoát khỏi hay được miễn trừ. Những lời Ta đã phán là

vô số, và công việc Ta đã làm, hơn thế nữa, là vô lượng. Mỗi ngày, Ta quan sát từng người thực hiện một cách tự nhiên tất cả những điều họ phải làm theo bản tính vốn có của họ và những tiến triển trong bản tính của họ. Vô tình, nhiều người đã đi “đúng đường” mà Ta đặt ra để làm rõ những loại người khác nhau. Những loại người khác nhau này Ta đã từ lâu đặt vào những môi trường khác nhau, và ở những vị trí tương ứng của họ, từng người đã thể hiện những thuộc tính vốn có của họ. Không có ai trói buộc họ, không ai dụ dỗ họ. Họ hoàn toàn tự do và những gì họ bộc lộ đến một cách tự nhiên. Chỉ có một điều hạn chế họ: lời của Ta. Vì thế, một số người miễn cưỡng đọc lời Ta, không bao giờ thực hành chúng, làm thế chỉ để né tránh cái chết. Trong khi đó, số khác thấy khó mà chịu đựng những ngày không có lời Ta hướng dẫn và chu cấp cho họ, và vì vậy, họ tự nhiên giữ lấy lời Ta mọi lúc. Thời gian trôi qua, họ khám phá ra bí mật của đời người, đích đến của nhân loại, và giá trị của việc làm người. Đây đơn giản là cách nhân loại ở trong sự hiện diện của lời Ta, và Ta chỉ đơn thuần để cho mọi sự tự tiến triển. Ta không làm bất cứ việc gì ép buộc mọi người phải biến lời Ta thành nền tảng cho sự tồn tại của họ. Vì vậy, những người chưa bao giờ có lương tâm, và những người mà sự tồn tại của họ chưa bao giờ có bất kỳ giá trị gì, đã cả gan gạt bỏ lời Ta và làm điều họ muốn sau khi lạng lẽ quan sát cách mọi thứ diễn ra. Họ bắt đầu trở nên ghét lẽ thật và mọi điều đến từ Ta. Hơn thế nữa, họ trở nên ghét phải ở trong nhà Ta. Vì đích đến của họ, và để thoát khỏi sự trừng phạt, những người này tạm trú trong nhà Ta một thời gian, ngay cả khi họ đang phục vụ. Tuy nhiên, những ý định và hành động của họ không bao giờ thay đổi. Điều này càng làm tăng thêm ham muốn phước lành của họ, và làm tăng thêm ham muốn được bước vào vương quốc chỉ một lần và ở lại đời đời về sau – thậm chí được bước vào cõi thiên đàng vĩnh cửu. Họ càng khao khát ngày của Ta đến sớm, họ càng cảm thấy lẽ thật đã trở thành một trở ngại, một vật cản trên đường của họ. Họ khó có thể chờ để được bước chân vào vương quốc hòng mãi mãi tận hưởng những phước lành của vương quốc thiên đàng – hết thấy đều không cần theo đuổi lẽ thật hay chấp nhận sự phán xét cùng hình phạt và hơn hết, không cần phải khúm núm trong nhà Ta và làm theo lệnh Ta. Những kẻ này vào nhà Ta không phải để thỏa khao khát tìm kiếm lẽ thật, cũng không phải để hợp tác với sự quản lý của Ta; mục đích của họ chỉ đơn thuần là được nằm trong số những người sẽ không bị hủy diệt trong thời đại sắp tới. Do đó, lòng họ chưa từng biết lẽ thật là gì, hoặc làm thế nào để chấp nhận lẽ thật. Đây là lý do vì sao những người như thế chưa từng thực hành lẽ thật hoặc nhận ra mức độ bại hoại sâu sắc của họ, và vẫn ở suốt trong nhà Ta như “những tôi tớ”. Họ “kiên nhẫn” chờ đợi ngày của Ta đến và không mệt mỏi khi họ bị quăng quật bởi cách làm việc của Ta. Nhưng cho dù những nỗ lực của họ có lớn đến đâu hay họ đã

trả cái giá thế nào, thì cũng không một ai từng thấy họ chịu khổ vì lẽ thật hoặc cho đi mọi thứ vì Ta. Trong thâm tâm, họ nóng lòng muốn thấy ngày Ta đặt dấu chấm hết cho thời đại cũ và hơn thế nữa, không thể chờ để tìm hiểu xem quyền năng và thẩm quyền của Ta vĩ đại ra sao. Điều mà họ chưa từng khấn nguyện làm là thay đổi bản thân và theo đuổi lẽ thật. Họ yêu thích những thứ Ta chán ngán, và chán ngán những thứ Ta yêu thích. Họ ao ước những thứ Ta căm ghét, nhưng lại sợ mất đi những thứ Ta ghê tởm. Họ sống trong thế giới hiểm ác này, chưa từng căm ghét với nó, và lại còn vô cùng sợ Ta sẽ hủy diệt nó. Giữa những ý định mâu thuẫn của họ, họ yêu thế giới mà Ta ghê tởm này, nhưng cũng nóng lòng muốn Ta hủy diệt nó sớm nhất có thể, để họ có thể được tha không phải chịu đựng sự hủy diệt và được biến thành chúa tể của thời đại tiếp theo, trước khi họ đi lạc khỏi con đường thật. Đó là bởi vì họ không yêu lẽ thật và chán ngán mọi điều đến từ Ta. Họ có thể trở thành “những người vâng lời” trong một thời gian ngắn để không mất phước, nhưng sự mong ngóng được phước và nỗi khiếp sợ bị diệt vong và sa vào hồ lửa hừng hực của họ thì không bao giờ có thể che đậy được. Khi ngày của Ta đến gần, nỗi khát khao của họ dần dà ngày càng mạnh mẽ hơn. Và thảm họa càng lớn, thì nó càng khiến họ bất lực, không biết bắt đầu từ đâu để khiến Ta vui mừng và tránh mất đi những phước lành mà họ hằng ao ước bấy lâu. Những người như thế hăm hở xắn tay vào phục vụ như quân tiên phong ngay sau khi tay Ta bắt đầu công việc. Họ chỉ nghĩ đến việc xông pha lên ngay tiền tuyến của đạo quân, vô cùng sợ rằng Ta sẽ không nhìn thấy họ. Họ làm và nói những điều họ cho là đúng, không hề biết rằng những việc làm và hành động của họ chưa bao giờ liên quan đến lẽ thật, và rằng những việc làm của họ chỉ có phá vỡ và làm gián đoạn kế hoạch của Ta. Họ có thể đã bỏ ra rất nhiều nỗ lực, và có thể thật trong ý chí và ý định chịu đựng gian khổ của họ, nhưng không có gì họ làm liên quan đến Ta, vì Ta chưa từng thấy rằng những việc làm của họ xuất phát từ ý định tốt đẹp, Ta lại càng không thấy họ đặt bất kỳ thứ gì lên bàn thờ của Ta. Đó là những việc họ đã làm trước mặt Ta trong suốt nhiều năm qua.

Ban đầu, Ta muốn cung cấp cho các người nhiều lẽ thật hơn, nhưng Ta đã phải kìm lại việc này vì thái độ của các người đối với lẽ thật quá lạnh nhạt và thờ ơ; Ta không muốn những nỗ lực của Ta bị phí phạm, Ta cũng không muốn thấy mọi người giữ lấy lời Ta, nhưng trong mọi mặt lại làm điều chống lại Ta, vu khống Ta, và nói phạm đến Ta. Vì những thái độ của các người và nhân tính của các người, Ta chỉ cung cấp cho các người một phần nhỏ và, đối với các người, rất quan trọng trong những lời của Ta, điều đóng vai trò như công tác thử nghiệm của Ta giữa nhân loại. Chỉ đến bây giờ Ta mới thực sự xác nhận rằng những quyết định và kế hoạch mà Ta đã lập ra phù hợp với những nhu cầu của các người và, hơn thế nữa, xác nhận rằng

thái độ của Ta đối với nhân loại là đúng. Nhiều năm các người hành động trước mặt Ta đã cho Ta câu trả lời mà trước đây Ta chưa từng nhận được, và câu hỏi cho câu trả lời này là: “Thái độ của con người trước lẽ thật và Đức Chúa Trời thật là gì?” Những nỗ lực Ta đã dành cho con người chứng tỏ thực chất yêu thương con người của Ta, và mọi hành động của con người trước Ta chứng tỏ thực chất căm ghét lẽ thật và chống đối Ta của họ. Lúc nào Ta cũng lo lắng cho tất cả những ai theo Ta, nhưng không lúc nào những người theo Ta có thể tiếp nhận lời Ta; họ thậm chí còn không thể chấp nhận những đề nghị của Ta. Đây là điều khiến Ta buồn nhất. Không một ai từng có thể hiểu Ta và, hơn thế nữa, không một ai từng có thể chấp nhận Ta, mặc dù thái độ của Ta chân thành và lời của Ta nhẹ nhàng. Mọi người đều cố gắng làm công việc được Ta giao phó theo ý riêng của họ; họ không tìm kiếm những ý định của Ta, càng không hỏi những yêu cầu của Ta đối với họ là gì. Họ vẫn khẳng định là đang phụng sự Ta một cách trung thành, trong khi họ dấy loạn chống lại Ta. Nhiều người tin rằng những lẽ thật nào không thể chấp nhận được đối với họ hoặc họ không thể thực hành thì không phải là lẽ thật. Ở những con người như thế, những lẽ thật của Ta trở thành thứ bị phủ nhận và gạt bỏ. Đồng thời, mọi người thừa nhận Ta là Đức Chúa Trời bằng lời, nhưng cũng tin rằng Ta là một người ngoài cuộc, người không phải là lẽ thật, đường đi, hoặc sự sống. Không ai biết lẽ thật này: Lời của Ta là lẽ thật mãi mãi bất biến. Ta là nguồn chu cấp sự sống cho con người và là kim chỉ nam duy nhất cho nhân loại. Giá trị và ý nghĩa của lời Ta không được xác định bởi việc chúng có được nhân loại thừa nhận hoặc chấp nhận hay không, mà bởi chính thực chất của những lời ấy. Ngay cả khi không một người nào trên trái đất này có thể tiếp nhận lời Ta, thì giá trị của lời Ta và sự hữu ích của chúng đối với nhân loại là vô giá đối với bất kỳ con người nào. Vì thế, khi đối mặt với nhiều kẻ dấy loạn chống đối, bẻ bác, hoặc hoàn toàn khinh thường lời Ta, lập trường của Ta chỉ thế này: Hãy để thời gian và sự thật làm bằng chứng cho Ta và cho thấy rằng lời Ta là lẽ thật, đường đi, và sự sống. Hãy để chúng cho thấy rằng tất cả những gì Ta đã phán là đúng, rằng đó là điều mà con người nên được trang bị và, hơn thế nữa, là những điều mà con người nên chấp nhận. Ta sẽ cho tất cả những ai theo Ta biết sự thật này: Những người không thể chấp nhận hoàn toàn lời Ta, những người không thể thực hành lời Ta, những người không thể tìm thấy mục đích trong lời Ta, và những người không thể nhận lãnh sự cứu rỗi nhờ lời Ta, là những người đã bị lời Ta lên án và, hơn thế nữa, đã đánh mất sự cứu rỗi của Ta, và cây gậy của Ta sẽ không bao giờ trật khỏi họ.

Ngày 16 tháng 4 năm 2003

Đức Chúa Trời là nguồn sự sống của con người

Ngay từ khoảnh khắc người cất tiếng khóc chào đời trên thế gian này, người bắt đầu thực hiện bổn phận của mình. Bởi kế hoạch của Đức Chúa Trời và bởi sự tiền định của Ngài, người thực hiện vai trò của mình và bắt đầu hành trình cuộc sống của mình. Bất kể lai lịch của người như thế nào đi nữa, và bất kể hành trình nào đang ở phía trước các người, không một ai có thể thoát khỏi những sự sắp đặt và bố trí của Trời và không một ai kiểm soát được vận mệnh của chính mình, vì chỉ có Đấng cai trị muôn vật mới có khả năng làm công việc như vậy. Kể từ ngày mà con người bắt đầu tồn tại, Đức Chúa Trời đã hằng làm việc như thế, cai quản vũ trụ, điều khiển những quy luật thay đổi của muôn vật và quỹ đạo vận động của chúng. Giống như muôn vật, con người được nuôi dưỡng một cách thầm lặng và không hề hay biết bởi sự ngọt ngào và mưa sương từ Đức Chúa Trời; giống như muôn vật, con người sống một cách vô thức dưới sự sắp đặt của bàn tay Đức Chúa Trời. Tầm lòng và linh hồn của con người được nắm giữ trong bàn tay Đức Chúa Trời, mọi điều trong cuộc đời họ đều nằm trong tầm mắt Đức Chúa Trời. Bất kể các người có tin điều này hay không, thì tất cả mọi loài, dù sống hay chết, đều sẽ chuyển động, biến hóa, canh tân và biến mất theo ý nghĩ của Đức Chúa Trời. Đó là cách mà Đức Chúa Trời tể trị muôn vật.

Khi màn đêm lặng lẽ buông xuống, con người không hề hay biết, vì tâm con người không thể nhận thức được màn đêm đến như thế nào hay đến từ đâu. Khi màn đêm lặng lẽ trôi đi, con người đón ánh sáng ban ngày, còn việc ánh sáng đến từ đâu và bằng cách nào đó đã xua tan bóng đêm, thì con người lại càng không nhận biết và không hay biết được. Những sự thay đổi luân phiên ngày và đêm này đưa con người từ thời kỳ này sang thời kỳ khác, từ bối cảnh lịch sử này sang bối cảnh lịch sử tiếp theo, trong khi vẫn đảm bảo rằng công tác của Đức Chúa Trời trong mọi thời kỳ và kế hoạch của Ngài cho mọi thời đại đều được thực hiện. Con người đã đi qua những thời kỳ này cùng với Đức Chúa Trời, thế nhưng họ lại chẳng biết rằng chính Đức Chúa Trời điều khiển số phận của muôn vật và muôn loài, cũng chẳng biết Ngài sắp đặt và điều khiển vạn vật như thế nào. Điều này đã vượt quá sự hiểu biết của con người từ thời xa xưa cho đến ngày nay. Tại sao ư, đó không phải là vì những việc làm của Đức Chúa Trời quá ẩn tàng, cũng không phải vì kế hoạch của Ngài chưa được thực hiện, mà bởi vì tầm lòng và linh hồn của con người quá xa cách Đức Chúa Trời, đến mức con người vẫn phục vụ Sa-tan ngay cả khi đang theo Ngài mà vẫn không hề hay biết. Không ai tích cực tìm kiếm dấu chân của Đức Chúa Trời và sự xuất hiện của Ngài, và không ai sẵn lòng sống trong sự chăm sóc và gìn

giữ của Đức Chúa Trời. Thay vào đó, họ muốn dựa vào sự mục ruỗng của Sa-tan, kẻ ác, để thích nghi với thế giới này và với những quy luật sinh tồn mà nhân loại đòi bại tuân theo. Tại thời điểm này, tấm lòng và linh hồn của con người đã trở thành công vật cho Sa-tan và trở thành thức ăn cho Sa-tan. Thậm chí, tấm lòng và linh hồn con người đã trở thành một nơi mà Sa-tan có thể cư ngụ và sân chơi thích hợp của nó. Do đó, con người vô tình đánh mất sự hiểu biết của mình về những nguyên tắc làm người cũng như sự hiểu biết về giá trị và ý nghĩa sự tồn tại của con người. Luật pháp của Đức Chúa Trời và giao ước của Đức Chúa Trời với con người dần mờ nhạt trong lòng con người, và họ không còn tìm kiếm hay chú tâm đến Đức Chúa Trời nữa. Thời gian trôi qua, con người không còn hiểu tại sao Đức Chúa Trời lại tạo dựng mình, họ cũng không hiểu những lời từ miệng Đức Chúa Trời và tất cả những điều đến từ Đức Chúa Trời. Sau đó, con người bắt đầu chống đối luật pháp và sắc lệnh của Đức Chúa Trời, tấm lòng và linh hồn của họ trở nên u mê... Đức Chúa Trời mất đi loài người mà Ngài đã tạo ra từ ban đầu và con người thì đánh mất cội nguồn mình đã có ban đầu: Đây là một điều đáng buồn của loài người này. Trên thực tế, ngay từ thuở ban đầu cho đến nay, Đức Chúa Trời đã dựng nên một tấn thảm kịch cho nhân loại, một vở kịch mà trong đó con người vừa là nhân vật chính vừa là nạn nhân. Và không một ai có thể trả lời được ai là đạo diễn của tấn thảm kịch này.

Trong không gian rộng lớn của thế giới, đại dương bồi lấp thành các cánh đồng, các cánh đồng ngập lụt thành đại dương, hết lần này đến lần khác. Ngoại trừ Ngài, Đấng cai trị mọi thứ trong vạn vật, không ai có thể đưa đường, chỉ lối cho loài người này. Không một đấng phi thường nào lại nhọc công hoặc sửa soạn cho loài người này, càng không có một ai có thể dẫn dắt loài người hướng đến đích đến của sự sáng và giải phóng loài người khỏi những bất công trần thế. Đức Chúa Trời xót xa cho tương lai của nhân loại, Ngài đau buồn trước sự sa ngã của nhân loại, và đau lòng việc loài người đang bước từng bước một về phía sự hư hoại và con đường một đi không trở lại. Chưa một ai từng đoái nghĩ đến việc một nhân loại đã làm tan nát lòng Đức Chúa Trời và từ bỏ Ngài để tìm kiếm kẻ ác như vậy có thể hướng đến đâu. Đây chính xác là lý do vì sao không một ai cảm nhận được cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời, vì sao không ai tìm cách để làm hài lòng Đức Chúa Trời hay cố gắng để đến gần Ngài hơn, và hơn thế nữa, vì sao không người nào tìm cách để thấu hiểu nỗi sầu khổ và đau đớn của Đức Chúa Trời. Ngay cả sau khi nghe thấy tiếng của Đức Chúa Trời, con người vẫn tiếp tục bước đi trên con đường của chính mình, vẫn nhất quyết đi lạc xa khỏi Đức Chúa Trời, lẩn trốn ân điển và sự chăm sóc của Ngài, và xa lánh lẽ thật của Ngài, thích bán mình cho Sa-tan, kẻ thù của Đức Chúa Trời. Và nếu con người vẫn tiếp tục ngoan cố, ai đã từng nghĩ đến việc Đức Chúa Trời sẽ

hành động như thế nào với nhân loại này, những kẻ đã gạt bỏ Ngài mà không hề ngoái nhìn? Không ai biết rằng lý do khiến Đức Chúa Trời không ngừng nhắc nhở và thúc giục là bởi vì Ngài đã chuẩn bị sẵn trong tay một tai họa chưa từng có, một tai họa mà thể xác và linh hồn con người sẽ không thể chịu đựng nổi. Tai họa này không chỉ đơn thuần là một sự trừng phạt về mặt thể xác mà còn về mặt tâm hồn. Người cần biết điều này: Khi kế hoạch của Đức Chúa Trời chưa thành, và khi những lời nhắc nhở và thúc giục của Ngài không được đáp lại, Đức Chúa Trời sẽ nổi cơn thịnh nộ kiểu gì? Nó sẽ không giống như bất cứ thứ gì mà một loài thọ tạo nào từng trải qua hoặc nghe đến. Và vì vậy Ta nói, đây là một tai họa chưa từng có, và sẽ không bao giờ lặp lại. Bởi vì kế hoạch của Đức Chúa Trời là tạo dựng loài người chỉ một lần duy nhất và cứu rỗi loài người chỉ một lần này mà thôi. Đây là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng. Do đó, không ai có thể hiểu thấu được những ý định công phu và sự mong mỏi tha thiết của Đức Chúa Trời khi Ngài cứu rỗi nhân loại lần này.

Đức Chúa Trời đã tạo ra thế gian này và mang con người, một sinh vật sống mà được Ngài ban cho sự sống, vào trong đó. Và rồi con người bắt đầu có cha mẹ và họ hàng, và không còn đơn độc. Kể từ giây phút đầu tiên nhìn thấy thế giới vật chất này, con người đã được định sẵn để tồn tại trong sự tiền định của Đức Chúa Trời. Hơi thở sự sống từ Đức Chúa Trời nuôi sống mỗi một loài sinh vật sống trong suốt quá trình lớn lên đến tuổi trưởng thành. Trong quá trình này, không ai cảm thấy rằng con người đang lớn lên dưới sự chăm sóc của Đức Chúa Trời, thay vào đó, họ tin rằng con người đang lớn lên dưới sự chăm sóc yêu thương của cha mẹ, và chính bản năng sống của mỗi người điều khiển sự trưởng thành của họ. Điều này là bởi vì con người không biết ai ban sự sống cho mình, hoặc nó đã đến từ đâu, càng không biết cách thức mà bản năng sống tạo ra những phép màu. Họ chỉ biết rằng thức ăn là nền tảng để sự sống của họ được tiếp tục, rằng sự kiên trì là nguồn gốc sự tồn tại của họ, và rằng những niềm tin trong tâm trí của họ chính là nguồn vốn mà sự tồn tại của họ phụ thuộc vào. Con người hoàn toàn không nhận biết gì về ân điển và sự chu cấp của Đức Chúa Trời, và chính vì vậy họ lãng phí sự sống mà Đức Chúa Trời đã ban cho mình... Không một ai trong nhân loại được Đức Chúa Trời chăm sóc ngày đêm này biết tự giác thờ phượng Ngài. Đức Chúa Trời chỉ tiếp tục làm việc trên con người, tạo vật mà Ngài không đặt bất cứ kỳ vọng nào, như Ngài đã lên kế hoạch. Ngài làm vậy với hy vọng một ngày nào đó, con người sẽ thức tỉnh khỏi giấc mơ của mình và chợt nhận ra giá trị và ý nghĩa cuộc sống, cái giá mà Đức Chúa Trời đã trả cho tất cả những điều mà Ngài đã ban cho con người, và sự quan tâm sốt sắng của Đức Chúa Trời khi Ngài chờ đợi con người trở lại với Ngài. Chưa có ai từng tìm hiểu những bí mật chi phối nguồn gốc và sự tiếp nối cuộc sống con người. Chỉ có Đức

Chúa Trời, Đấng hiểu được tất cả những điều này, âm thầm gánh chịu tổn thương và những đòn roi mà con người, là tạo vật nhận lãnh mọi thứ từ Đức Chúa Trời nhưng chẳng hề biết ơn, mang đến cho Ngài. Con người hưởng thụ mọi thứ mà sự sống mang lại như một lẽ đương nhiên, và rồi tương tự như vậy, việc Đức Chúa Trời bị con người phản bội, bị con người quên lãng, và bị con người cưỡng đoạt là “lẽ dĩ nhiên”. Phải chăng kế hoạch của Đức Chúa Trời thực sự quan trọng đến vậy? Phải chăng con người, sinh vật sống được chính tay Đức Chúa Trời dựng nên này, lại thực sự quan trọng đến vậy? Kế hoạch của Đức Chúa Trời chắc chắn là quan trọng, tuy nhiên, sinh vật được chính tay Đức Chúa Trời tạo nên này tồn tại vì lợi ích của kế hoạch của Ngài. Chính vì thế, Đức Chúa Trời không thể vì ghét bỏ loài người này mà phá hủy kế hoạch của Ngài. Chính vì kế hoạch của Ngài và vì hơi thở Ngài đã hà hơi mà Đức Chúa Trời đành cam chịu mọi sự đau khổ, không phải vì xác thịt của con người mà vì sự sống của con người. Ngài đã làm vậy không phải để giành lại xác thịt của con người mà chính là để giành lại sự sống mà Ngài đã hà hơi. Đây chính là kế hoạch của Ngài.

Tất cả mọi người đến với thế gian này đều phải trải qua sự sống và cái chết, và phần lớn trong số họ đã trải qua vòng luân hồi của sự chết và sự tái sinh. Không bao lâu nữa những người đang sống sẽ chết, và những người chết sẽ sớm trở lại. Tất cả những điều này là tiến trình sống được Đức Chúa Trời sắp đặt dành cho mỗi sinh vật sống. Tuy thế, tiến trình và vòng luân hồi này chính là sự thật mà Đức Chúa Trời muốn con người nhìn thấy: rằng sự sống mà Đức Chúa Trời ban cho con người là vô hạn, không bị trói buộc bởi tính vật chất, thời gian hay không gian. Đó là sự mầu nhiệm của sự sống mà con người được Đức Chúa Trời ban cho, và là một bằng chứng cho thấy rằng sự sống đến từ Ngài. Mặc dù nhiều người có thể không tin rằng sự sống đến từ Đức Chúa Trời, nhưng con người chắc chắn thích tận hưởng mọi điều đến từ Đức Chúa Trời, cho dù họ có tin hay chối bỏ sự hiện hữu của Ngài. Nếu một ngày nào đó Đức Chúa Trời đột ngột thay đổi ý định và muốn đòi lại tất cả mọi thứ tồn tại trên thế gian và lấy lại sự sống mà Ngài đã ban tặng, thì khi ấy tất cả mọi thứ sẽ không còn nữa. Đức Chúa Trời dùng sự sống của Ngài để chu cấp cho mọi vật, cả tạo vật sống lẫn vật vô tri, dùng sức mạnh và thẩm quyền của Ngài để đưa tất cả vào trong một trật tự hoàn hảo. Đây là một sự thật mà không ai có thể nhận biết hay hiểu được, và tất cả những sự thật không thể hiểu được này chính là sự biểu hiện và một minh chứng cho sức sống của Đức Chúa Trời. Giờ Ta sẽ nói cho người một bí mật: Không một tạo vật nào có thể hiểu thấu được sự vĩ đại và quyền năng sự sống của Đức Chúa Trời. Đó là một sự thật trong hiện tại cũng như trong quá khứ, và sẽ là một sự thật trong tương lai. Bí mật thứ hai mà Ta sẽ truyền đạt là:

Nguồn sự sống dành cho muôn loài thọ tạo là đến từ Đức Chúa Trời, cho dù chúng có ở hình thức hay cấu trúc sự sống khác nhau như thế nào; dù cho người là loài sinh vật nào đi nữa, người cũng không thể chống lại quỹ đạo sự sống mà Đức Chúa Trời đã định. Cho dù thế nào đi nữa, tất cả những gì mà Ta ao ước đó là con người sẽ hiểu điều này: Không có sự quan tâm, gìn giữ và sự chu cấp của Đức Chúa Trời, con người không thể nhận được tất cả những điều đáng được nhận, cho dù có cố gắng chăm chỉ ra sao hay đấu tranh gian khổ như thế nào đi nữa. Nếu không có nguồn cung cấp sự sống từ Đức Chúa Trời, con người sẽ mất đi giá trị sống và ý nghĩa của cuộc sống. Làm thế nào Đức Chúa Trời lại có thể để cho con người, loài đang lãng phí giá trị sự sống của Ngài một cách nông nổi, được thanh thoi như vậy? Như Ta đã phán trước đây: Đừng quên rằng Đức Chúa Trời là nguồn sự sống của người. Nếu con người không trân trọng tất cả những gì Đức Chúa Trời đã ban tặng, thì Đức Chúa Trời không những sẽ lấy lại những điều Ngài đã ban từ buổi đầu, mà Ngài sẽ khiến con người phải trả gấp đôi cái giá của toàn bộ những điều Ngài đã ban tặng.

Ngày 26 tháng 5 năm 2003

Tiếng thở dài của Đấng Toàn Năng

Có một bí mật lớn trong lòng mà người chưa bao giờ hay biết, vì người vẫn còn sống trong một thế giới không có sự sáng. Tâm lòng người và linh hồn người đã bị kẻ ác cướp mất. Đôi mắt người bị bóng tối che khuất, và người không thể nhìn thấy mặt trời trên bầu trời cũng như các vì sao lấp lánh trong đêm. Đôi tai của người bị lấp đầy những lời giả dối, và người không thể nghe thấy tiếng nói như sấm rền của Đức Giê-hô-va, cũng như tiếng nước chảy từ ngai. Người đã đánh mất mọi thứ đúng ra thuộc về mình, mọi thứ mà Đấng Toàn Năng đã ban cho người. Người đã đi vào biển khổ vô tận, không có sức để tự cứu mình, không có hy vọng sống sót, và tất cả những gì người làm là vật lộn và quáng quàng... Kể từ giây phút đó, người phải chịu khổ đau gây ra bởi kẻ ác, xa rời các phước lành của Đấng Toàn Năng, không với tới những sự chu cấp của Đấng Toàn Năng, bước đi trên con đường một đi không trở lại. Một triệu lời kêu gọi cũng khó mà đánh thức tâm lòng người và linh hồn người. Người ngủ say sưa trong tay kẻ ác, kẻ đã dụ dỗ người bước vào một cõi vô biên không phương hướng hay biển chỉ đường. Kể từ đó, người đã đánh mất sự vô tội, thuần khiết ban sơ, và bắt đầu xa lánh sự chăm sóc của Đấng Toàn Năng. Trong lòng người, kẻ ác lèo lái người trong mọi sự và đã trở thành cuộc sống của người. Người không còn sợ hãi, trốn tránh hãi, hay nghi ngờ hãi nữa; thay vào đó, người

xem hấn như Đức Chúa Trời trong lòng người. Người bắt đầu sùng bái và thờ phượng hấn, và cả hai đã trở nên không thể tách rời như hình với bóng, thề sống chết có nhau. Người không biết mình đến từ đâu, tại sao mình được sinh ra, hoặc tại sao mình sẽ chết. Người xem Đấng Toàn Năng như một người xa lạ; người không biết Ngài từ đâu đến, hướng chi tất cả những điều Ngài đã làm cho người. Mọi điều đến từ Ngài đều đã trở nên đáng ghét đối với người; người không trân quý cũng không hay biết giá trị của những điều đó. Người bước đi bên kẻ ác, bắt đầu từ ngày nhận được sự cung cấp của Đấng Toàn Năng. Người đã chịu đựng hàng ngàn năm đông tố bão bùng cùng kẻ ác, và người đứng về phía hấn để chống lại Đức Chúa Trời, Đấng là nguồn sống của người. Người không hề biết ăn năn, càng không biết mình đã đến bờ vực của sự diệt vong. Người đã quên rằng kẻ ác đã dụ dỗ và khiến người đau khổ; người đã quên mất khởi đầu của mình. Vì thế mà kẻ ác đã làm người đau khổ trong mọi bước đường cho đến ngày hôm nay. Tắm lòng người và linh hồn người đã bị tê liệt và thối nát. Người đã thôi không còn kêu ca về những điều khó chịu trong thế giới loài người; người chẳng còn tin rằng thế giới là bất công. Người càng không quan tâm liệu Đấng Toàn Năng có thực sự tồn tại hay không. Đó là bởi người từ lâu đã coi kẻ ác là người cha đích thực của mình và không thể xa rời hấn. Đây là bí mật trong lòng người.

Khi bình minh ló rạng, một ngôi sao mai bắt đầu chiếu sáng ở phía đông. Đây là một ngôi sao chưa từng ở đó trước đây, chiếu sáng một vùng trời yên bình và lấp lánh, thấp lại sự sáng đã bị dập tắt trong lòng người. Loài người không còn cô đơn nhờ ánh sáng này, chiếu soi đều khắp trên người và những người khác. Thế mà riêng người vẫn ngủ say sưa trong đêm tối. Người không nghe thấy gì và không nhìn thấy ánh sáng nào; người không hay biết về sự hiện đến của một trời đất mới, của một thời đại mới, bởi vì cha người nói với người rằng: “Con của ta, đừng dậy, vẫn còn sớm mà. Thời tiết lạnh, nên đừng ra ngoài, kẻo con sẽ bị gươm giáo đâm vào mắt”. Người chỉ tin tưởng vào những lời khuyên răn của cha mình, bởi vì người tin rằng chỉ có cha của mình là đúng, vì cha người nhiều tuổi hơn người và ông ấy yêu thương người hết mực. Những lời khuyên răn và tình yêu thương như vậy khiến người ngừng tin vào truyền thuyết rằng có sự sáng trên đời; chúng khiến người chẳng bận tâm liệu lẽ thật có còn tồn tại trên đời này hay không. Người không còn dám hy vọng được Đấng Toàn Năng cứu rỗi. Người bằng lòng với hiện trạng, người không còn mong đợi sự sáng đến, không còn trông đợi Đấng Toàn Năng đến như truyền thuyết kể. Đối với người, tất cả những gì tươi đẹp không thể được hồi sinh, chúng không thể tồn tại. Trong mắt người, ngày mai của nhân loại, tương lai của nhân loại đơn giản là biến mất, bị xóa sổ. Người ra sức bám chặt áo cha mình, sẵn

sàng đồng cam cộng khổ cùng cha, vô cùng lo sợ bị mất đi người bạn đồng hành và phương hướng chuyển đi xa của mình. Thế giới bao la và mơ hồ của con người đã hình thành nên rất nhiều người trong số các người, thần nhiên và kiên cường giữ những vai trò khác nhau trong thế giới này. Nó đã tạo ra nhiều “chiến binh” không sợ chết. Hơn thế nữa, nó đã tạo ra hàng loạt những con người mù mịt và tê liệt, không biết gì về mục đích mình được tạo dựng nên. Đôi mắt của Đấng Toàn Năng dò xét từng thành viên một trong nhân loại đau khổ tột cùng. Những gì Ngài nghe thấy là tiếng khóc than của những người đang đau khổ, những gì Ngài nhìn thấy là sự trơ tráo của những người bị làm khổ, và những gì Ngài cảm nhận là sự bất lực và sợ hãi của một nhân loại đã đánh mất ơn cứu rỗi. Loài người khước từ sự chăm sóc của Ngài, chọn bước đi theo con đường riêng của mình, và cố gắng tránh sự dò xét của ánh mắt Ngài, thích nếm vị cay đắng của biển sâu cùng với kẻ thù, cho đến giọt cuối cùng. Tiếng thở dài của Đấng Toàn Năng loài người không còn nghe thấy; bàn tay của Đấng Toàn Năng không còn muốn vuốt ve nhân loại bi thảm này. Hết lần này đến lần khác, Ngài giành lại, và hết lần này đến lần khác, Ngài lại mất, và vì thế mà công tác Ngài làm cứ lặp đi lặp lại. Kể từ đó, Ngài bắt đầu mệt mỏi, cảm thấy chán chường, và do đó, Ngài dừng công tác trong tay và ngừng bước đi giữa loài người... Loài người hoàn toàn không hay biết về bất kỳ sự thay đổi nào trong số này, không hay biết sự đến và đi, nỗi buồn rầu và sâu muộn của Đấng Toàn Năng.

Mọi thứ trên thế gian này đang thay đổi chóng mặt theo những suy nghĩ của Đấng Toàn Năng và dưới mắt Ngài. Những điều nhân loại chưa từng nghe bỗng nhiên ập đến, trong khi, những thứ mà nhân loại đã sở hữu từ lâu lại vượt mất lúc nào không hay. Không ai có thể dò lường được nơi ở của Đấng Toàn Năng, càng chẳng có ai có thể cảm được sự siêu việt và sự vĩ đại của sinh lực Ngài. Ngài siêu việt ở chỗ có thể thấy được những điều con người không thể thấy. Ngài vĩ đại ở chỗ Ngài là Đấng bị nhân loại từ bỏ và tuy thế vẫn cứu rỗi nhân loại. Ngài biết ý nghĩa của sự sống và cái chết, và hơn thế nữa, Ngài biết những quy luật tồn tại mà nhân loại, loài được tạo dựng, phải tuân theo. Ngài là nền tảng cho sự tồn tại của con người, và Ngài là Đấng Cứu Chuộc phục sinh loài người một lần nữa. Ngài làm trĩu nặng sầu bi những cõi lòng hạnh phúc và nâng đỡ những cõi lòng sầu bi bằng niềm hạnh phúc, tất cả đều vì công tác của Ngài, và vì kế hoạch của Ngài.

Nhân loại, đã lạc khỏi sự cung cấp sự sống của Đấng Toàn Năng, thì không biết gì về mục đích tồn tại, nhưng dù sao vẫn sợ chết. Họ chẳng có sự giúp đỡ hay cứu trợ nào, nhưng vẫn không cam lòng nhắm mắt, và họ gồng mình lên để kéo lê một sự tồn tại thấp hèn trong thế gian này, như những bị thit không có ý thức gì về linh hồn của chính mình. Người sống theo cách này, không có hy vọng, cũng như những

người khác, sống chẳng có mục đích. Chỉ có Đấng Thánh trong truyền thuyết mới cứu rỗi những ai đang rên rỉ trong khổ đau, tuyệt vọng mong mỏi Ngài đến. Cho đến nay, niềm tin ấy vẫn chưa thành hiện thực với những ai thiếu tỉnh thức. Tuy nhiên, mọi người vẫn mong chờ điều đó. Đấng Toàn Năng có lòng thương xót những người đã chịu đau khổ tột cùng này; đồng thời, Ngài cũng chán ngấy những con người thiếu tỉnh thức này, bởi vì Ngài đã phải chờ đợi quá lâu cho một câu trả lời từ loài người. Ngài khao khát tìm kiếm, tìm kiếm tấm lòng người và linh hồn người, mang thức ăn nước uống cho người, và đánh thức người, để người có thể không còn bị đói khát nữa. Khi người mệt mỏi và khi người bắt đầu cảm thấy một chút hoang tàn ảm đạm của thế gian này, đừng bối rối, đừng khóc. Đức Chúa Trời Toàn Năng, Đấng Canh Giữ sẽ đón nhận người đến bất cứ lúc nào. Ngài vẫn đang dõi theo bên cạnh người, chờ người quay trở lại. Ngài đang đợi ngày người đột nhiên nhớ lại: khi người nhận ra rằng người đến từ Đức Chúa Trời, rằng tự lúc nào người mất phương hướng, tự lúc nào người mất ý thức trên đường, và tự lúc nào người có được một “người cha”; hơn thế nữa, khi người nhận ra rằng Đấng Toàn Năng đã luôn dõi theo, chờ đợi sự trở lại của người ở đó từ rất, rất lâu rồi. Ngài vẫn đang dõi theo với lòng khát khao mòn mỏi, chờ đợi sự hồi đáp nhưng không có một câu trả lời. Sự dõi theo và chờ đợi của Ngài là vô giá, và chúng là vì tấm lòng của con người và linh hồn của con người. Có thể sự dõi theo và chờ đợi này là bất tận, cũng có thể chúng đã kết thúc. Nhưng người nên biết chính xác tấm lòng và linh hồn của mình ngay bây giờ đang ở đâu.

Ngày 28 tháng 5 năm 2003

Sự xuất hiện của Đức Chúa Trời đã mở ra một thời đại mới

Kế hoạch quản lý sáu ngàn năm của Đức Chúa Trời sắp kết thúc, và cánh cổng của vương quốc đã được mở ra cho tất cả những ai tìm kiếm sự xuất hiện của Ngài. Anh chị em thân mến, các người còn đang chờ đợi điều gì? Các người tìm kiếm thứ gì? Các người đang chờ đợi Đức Chúa Trời xuất hiện sao? Các người đang tìm kiếm dấu chân của Ngài ư? Sự xuất hiện của Đức Chúa Trời mới được mong ngóng làm sao! Và thật khó biết bao để tìm thấy dấu chân của Đức Chúa Trời! Trong một thời đại như thế này, trong một thế giới như thế này, chúng ta phải làm gì để chứng kiến ngày Đức Chúa Trời xuất hiện? Chúng ta phải làm gì để theo kịp bước chân của Đức Chúa Trời? Tất cả những ai đang chờ đợi sự xuất hiện của Đức Chúa Trời đều phải đối mặt với những câu hỏi như thế. Tất cả các người đều đã suy nghĩ đến chúng

nhiều hơn một lần – nhưng kết quả thì sao? Đức Chúa Trời xuất hiện ở đâu? Dấu chân của Ngài ở đâu? Các người đã có câu trả lời chưa? Nhiều người sẽ trả lời theo cách này: “Đức Chúa Trời xuất hiện giữa tất cả những ai theo Ngài và dấu chân của Ngài đang ở giữa chúng ta; chỉ đơn giản vậy thôi!” Bất cứ ai cũng có thể đưa ra một câu trả lời theo kiểu rập khuôn như vậy, nhưng các người có hiểu ý nghĩa sự xuất hiện của Đức Chúa Trời hay dấu chân của Ngài là gì không? Sự xuất hiện của Đức Chúa Trời đề cập đến việc Ngài đến trần gian để đích thân thực thi công tác của mình. Với thân phận và tâm tính của riêng Ngài, và theo cách tự hữu của Ngài, Ngài giáng xuống giữa loài người để thực hiện công tác khởi đầu một thời đại và kết thúc một thời đại. Dạng xuất hiện này không phải là một hình thức nghi lễ. Nó không phải là một dấu chỉ, một bức tranh, một phép lạ, hoặc một loại khái tượng vĩ đại nào đó, và nó càng không phải là một tiến trình tôn giáo. Đó là một sự việc thực tế và có thật mà bất cứ ai cũng có thể chạm tới và thấy được. Dạng xuất hiện này không phải là chiếu lệ, hay là vì bất kỳ một công tác ngắn hạn nào; thay vào đó, nó là một giai đoạn công tác trong kế hoạch quản lý của Ngài. Sự xuất hiện của Đức Chúa Trời luôn đầy ý nghĩa và luôn có sự liên quan nào đó đến kế hoạch quản lý của Ngài. Điều được gọi là sự xuất hiện ở đây hoàn toàn khác với hình thức “xuất hiện” mà trong đó Đức Chúa Trời hướng dẫn, dẫn dắt và khai sáng con người. Đức Chúa Trời thực hiện một giai đoạn trong công tác vĩ đại của Ngài mỗi lần Ngài mặc khải chính mình. Công tác này khác với bất kỳ công tác của thời đại nào khác. Đó là điều mà con người không thể tưởng tượng nổi và cũng chưa bao giờ kinh qua. Đó là công tác bắt đầu một thời đại mới và kết thúc thời đại cũ, và đó là một hình thức làm việc mới và được cải tiến để cứu rỗi nhân loại; hơn thế nữa, đó là công tác đưa nhân loại vào một thời đại mới. Đây chính là ý nghĩa sự xuất hiện của Đức Chúa Trời.

Một khi các người đã hiểu được ý nghĩa sự xuất hiện của Đức Chúa Trời, các người nên tìm kiếm dấu chân của Ngài thế nào đây? Câu hỏi này không khó để giải thích: bất cứ nơi đâu Đức Chúa Trời xuất hiện, ở đó các người sẽ tìm được dấu chân của Ngài. Giải thích như vậy nghe có vẻ đơn giản nhưng lại không dễ trên thực tế, bởi vì nhiều người không biết Đức Chúa Trời xuất hiện ở đâu, huống gì là biết được nơi Ngài muốn, hoặc nơi Ngài nên xuất hiện. Một số người vội vã tin rằng bất cứ nơi nào Đức Thánh Linh hoạt động, thì ở đó Đức Chúa Trời xuất hiện. Hoặc họ tin rằng bất cứ nơi nào có các nhân vật tâm linh, thì ở đó Đức Chúa Trời xuất hiện. Hay họ tin rằng bất cứ nơi nào có những người nổi danh, thì ở đó Đức Chúa Trời xuất hiện. Cho dù niềm tin như thế là đúng hay sai, ngay lúc này đây, chúng ta hãy bỏ qua một bên. Để giải thích câu hỏi như vậy, trước tiên chúng ta phải có một mục tiêu rõ ràng: Chúng ta đang tìm kiếm dấu chân của Đức Chúa Trời. Chúng ta không tìm kiếm các

nhân vật tâm linh, chúng ta lại càng không đi tìm những nhân vật nổi tiếng; chúng ta đang đi tìm những dấu chân của Đức Chúa Trời. Vì lý do này, bởi chúng ta đang tìm kiếm dấu chân của Đức Chúa Trời, nên chúng ta cần tìm kiếm ý muốn của Đức Chúa Trời, lời Đức Chúa Trời, những lời phán của Ngài – bởi vì bất cứ nơi đâu có những lời mới của Đức Chúa Trời, thì giọng nói của Đức Chúa Trời ở đó, và bất cứ nơi đâu có bước chân của Đức Chúa Trời, thì việc làm của Đức Chúa Trời ở đó. Bất cứ nơi nào có sự bày tỏ của Đức Chúa Trời, ở đó Đức Chúa Trời xuất hiện, và bất cứ nơi nào Đức Chúa Trời xuất hiện, thì ở đó có lẽ thật, đường đi và sự sống. Khi tìm kiếm dấu chân của Đức Chúa Trời, các người đã bỏ qua những lời: “Đức Chúa Trời là lẽ thật, đường đi và sự sống”. Và vì vậy, nhiều người, ngay cả khi họ nhận được lẽ thật, vẫn không tin rằng họ đã tìm thấy dấu chân của Đức Chúa Trời và lại càng không thừa nhận sự xuất hiện của Đức Chúa Trời. Thật là một sai lầm nghiêm trọng! Sự xuất hiện của Đức Chúa Trời không thể nào hòa hợp với những quan niệm của con người, Đức Chúa Trời lại càng không thể xuất hiện theo yêu cầu của con người. Đức Chúa Trời đưa ra lựa chọn của riêng Ngài và kế hoạch của riêng Ngài khi Ngài thực hiện công tác của mình; hơn thế nữa, Ngài có những mục tiêu và phương pháp riêng của mình. Dù thực hiện bất cứ công tác gì, Ngài không cần phải thảo luận với con người hay tìm kiếm lời khuyên của họ, Ngài lại càng không cần phải thông báo cho từng người một về công tác của Ngài. Đây là tâm tính của Đức Chúa Trời, mà ngoài ra, mọi người nên nhận biết. Nếu các người mong muốn chứng kiến sự xuất hiện của Đức Chúa Trời, mong muốn đi theo dấu chân của Ngài, thì trước tiên các người phải dẹp bỏ những quan niệm của riêng mình. Người không được đòi hỏi Đức Chúa Trời phải làm điều này hay điều kia, người càng không nên đặt Ngài trong những ranh giới của chính người và giới hạn Ngài trong những quan niệm của riêng người. Thay vào đó, các người nên tự đòi hỏi mình phải làm thế nào để tìm kiếm dấu chân của Đức Chúa Trời, phải làm thế nào để các người chấp nhận sự xuất hiện của Đức Chúa Trời, và phải làm thế nào để các người quy phục công tác mới của Đức Chúa Trời: Đây là điều con người nên làm. Vì con người không phải là lẽ thật, và không được sở hữu lẽ thật, thế nên họ nên tìm kiếm, chấp nhận và vâng phục.

Cho dù người là người Mỹ, người Anh hay người thuộc bất cứ quốc tịch nào, người cũng nên bước ra khỏi giới hạn về quốc tịch của mình, vượt lên khỏi bản ngã của chính mình, và nhìn xem công tác của Đức Chúa Trời từ vị trí của một loài thọ tạo. Theo cách này, người sẽ không giới hạn những dấu chân của Đức Chúa Trời. Điều này là bởi vì, ngày nay, nhiều người quan niệm rằng không thể có chuyện Đức Chúa Trời sẽ xuất hiện ở một quốc gia cụ thể, hay giữa một dân tộc nào đó. Công tác của Đức Chúa Trời thật có ý nghĩa sâu sắc biết bao, và sự xuất hiện của Đức

Chúa Trời thật quan trọng dường nào! Làm sao mà những quan niệm và tư tưởng của con người có thể đo lường được chúng? Và vì vậy mà Ta phán, người nên phá bỏ những quan niệm của mình về quốc tịch và dân tộc để tìm kiếm sự xuất hiện của Đức Chúa Trời. Chỉ có như vậy, người mới không bị ràng buộc bởi các quan niệm của riêng mình; chỉ có như vậy người mới đủ điều kiện để đón mừng sự xuất hiện của Đức Chúa Trời. Nếu không, người sẽ vẫn ở trong bóng tối đời đời, và không bao giờ có được sự chấp thuận của Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời của toàn thể loài người. Ngài không coi mình là tài sản riêng của bất kỳ quốc gia hay dân tộc nào, mà bắt tay vào thực hiện công tác của mình như Ngài đã đặt kế hoạch mà không bị giới hạn bởi bất kỳ hình thức, quốc gia hay dân tộc nào. Có lẽ người chưa bao giờ tưởng tượng ra hình thức này, hoặc có lẽ thái độ của người đối với hình thức này là một sự phủ nhận, hoặc có lẽ tại quốc gia mà Đức Chúa Trời mặc khải chính Ngài và giữa một dân tộc Ngài mặc khải chính Ngài tình cờ lại bị mọi người kỳ thị và tình cờ lại là nơi lạc hậu nhất trên đất. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời có sự khôn ngoan của Ngài. Với quyền năng vĩ đại của Ngài, và bằng lẽ thật và tâm tính của Ngài, Ngài đã thực sự thu phục được một nhóm người hợp ý hợp lòng với Ngài, và một nhóm người mà Ngài mong muốn làm cho trọn vẹn – một nhóm bị Ngài chinh phục, chịu đựng mọi thử luyện và khổ nạn cũng như mọi sự bắt bớ, có thể theo Ngài đến cùng. Mục đích sự xuất hiện của Đức Chúa Trời, điều không bị giới hạn bởi bất kỳ hình thức hay quốc gia nào, là để Ngài hoàn thành công tác của mình như Ngài đã lên kế hoạch. Điều này cũng giống như khi Đức Chúa Trời trở nên xác thịt ở Giu-đê: Mục đích của Ngài là để hoàn thành công tác chịu đóng đinh trên thập tự giá nhằm cứu chuộc toàn thể nhân loại. Tuy nhiên, người Do Thái tin rằng Đức Chúa Trời không thể làm điều này và họ cũng nghĩ rằng không thể nào có việc Đức Chúa Trời trở nên xác thịt và mang lấy hình hài của Đức Chúa Jêsus. Điều “không thể” của họ đã trở thành cơ sở để họ kết án và chống đối Đức Chúa Trời, và cuối cùng dẫn đến sự hủy diệt của Y-sơ-ra-ên. Ngày nay, rất nhiều người cũng phạm phải sai lầm tương tự. Họ rao giảng hết sức mình về việc Đức Chúa Trời sắp xuất hiện, nhưng đồng thời lại lên án sự xuất hiện của Ngài; điều “không thể” của họ một lần nữa giới hạn sự xuất hiện của Đức Chúa Trời trong phạm vi trí tưởng tượng của họ. Và vì thế Ta đã thấy nhiều người cất lên tiếng cười hoang dã và ầm ĩ sau khi nghe lời Đức Chúa Trời. Nhưng tiếng cười này có gì khác sự lên án và báng bổ của người Do Thái không? Các người không tôn kính trước sự hiện diện của lẽ thật, lại càng không có thái độ khao khát mong cầu. Tất cả những gì các người làm là tìm hiểu bừa bãi và chờ đợi với sự bàng quan. Các người có thể thu lượm được gì từ việc tìm hiểu và chờ đợi như vậy? Các người có nghĩ

rằng mình sẽ nhận được sự hướng dẫn từ đích thân Đức Chúa Trời không? Nếu các người không thể nhận ra những lời phán của Đức Chúa Trời, làm sao các người có thể đủ điều kiện để chứng kiến sự xuất hiện của Đức Chúa Trời? Bất cứ nơi nào Đức Chúa Trời xuất hiện, ở đó lẽ thật được bày tỏ, và ở đó cũng sẽ có tiếng của Đức Chúa Trời. Chỉ những ai có thể chấp nhận lẽ thật mới có thể nghe được tiếng của Đức Chúa Trời, và chỉ những người như vậy mới đủ điều kiện để chứng kiến sự xuất hiện của Đức Chúa Trời. Hãy buông bỏ những quan niệm của người đi! Hãy tự lắng lòng và đọc những lời này một cách cẩn thận. Nếu người khao khát lẽ thật, Đức Chúa Trời sẽ khai sáng cho người và người sẽ hiểu ý muốn và lời Ngài. Hãy buông bỏ những quan điểm của các người về “điều không thể”! Người ta càng tin rằng điều gì đó là không thể, thì điều đó càng có khả năng xảy ra, bởi vì sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời còn cao hơn cả các tầng trời, tư tưởng của Đức Chúa Trời vượt trội hơn tư tưởng của con người, và công tác của Đức Chúa Trời vượt quá tầm suy nghĩ và quan niệm của con người. Điều gì càng không thể, thì càng có thể tìm thấy lẽ thật trong đó. Điều gì càng nằm ngoài những quan niệm và trí tưởng tượng của con người, thì lại càng hàm chứa ý muốn của Đức Chúa Trời. Điều này là bởi vì, cho dù Đức Chúa Trời mặc khải chính Ngài nơi đâu, thì Đức Chúa Trời vẫn là Đức Chúa Trời, và bản chất của Ngài sẽ không bao giờ thay đổi vì có nơi chốn hay cách thức xuất hiện của Ngài. Tâm tính của Đức Chúa Trời vẫn nhất quán bất kể dấu chân của Ngài ở đâu, và cho dù dấu chân của Đức Chúa Trời ở đâu chẳng nữa, Đức Chúa Trời vẫn là Đức Chúa Trời của tất cả nhân loại, giống như Đức Chúa Jêsu không chỉ là Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên, mà còn là Đức Chúa Trời của tất cả các dân tộc ở Châu Á, Châu Âu và Châu Mỹ, và thậm chí còn hơn thế nữa, Ngài là Đức Chúa Trời có một và duy nhất trong toàn thể vũ trụ. Vậy chúng ta hãy tìm kiếm ý muốn Đức Chúa Trời và khám phá sự xuất hiện của Ngài trong những lời phán của Ngài, và theo kịp dấu chân của Ngài! Đức Chúa Trời là lẽ thật, đường đi và sự sống. Lời Ngài và sự xuất hiện của Ngài tồn tại đồng thời với nhau, và tâm tính của Ngài và dấu chân của Ngài luôn luôn mở ra cho nhân loại. Anh chị em thân mến, Ta hy vọng rằng các người có thể thấy được sự xuất hiện của Đức Chúa Trời trong những lời này, bắt đầu bước theo dấu chân của Ngài khi các người tiến vào một thời đại mới, và bước vào nơi trời đất mới tươi đẹp, nơi Đức Chúa Trời đã chuẩn bị cho những ai chờ đợi sự xuất hiện của Ngài!

Đức Chúa Trời tể trị số phận của cả nhân loại

Là những thành viên của nhân loại và là những Cơ Đốc nhân mộ đạo, trách nhiệm và nghĩa vụ của tất cả chúng ta chính là phải dâng thân tâm mình để hoàn thành sự ủy nhiệm của Đức Chúa Trời, vì toàn bộ hữu thể của chúng ta đều đến từ Đức Chúa Trời và tồn tại nhờ quyền tối thượng của Đức Chúa Trời. Nếu thân tâm chúng ta không vì sự ủy nhiệm của Đức Chúa Trời và không vì sự nghiệp công chính của nhân loại, thì linh hồn của chúng ta sẽ cảm thấy không xứng đáng với những người đã tuấn đạo vì sự ủy nhiệm của Đức Chúa Trời, và càng không xứng đáng với Đức Chúa Trời, Đấng đã cung cấp cho chúng ta mọi thứ.

Đức Chúa Trời đã tạo dựng nên thế giới này, Ngài đã tạo dựng nên nhân loại này, và hơn thế nữa, Ngài là kiến trúc sư của nền văn hóa Hy Lạp cổ đại và nền văn minh nhân loại. Chỉ có Đức Chúa Trời an ủi nhân loại này, và chỉ có Đức Chúa Trời ngày đêm chăm sóc cho nhân loại này. Sự phát triển và tiến bộ của con người không thể tách rời quyền tối thượng của Đức Chúa Trời, lịch sử và tương lai của nhân loại không thể thoát khỏi những sắp đặt của Đức Chúa Trời. Nếu người là một Cơ Đốc nhân chân chính, thì người chắc chắn sẽ tin rằng sự thăng trầm của bất kỳ quốc gia hay dân tộc nào cũng đều xảy ra theo những sự sắp đặt của Đức Chúa Trời. Chỉ mình Đức Chúa Trời biết vận mệnh của một quốc gia hoặc một dân tộc, và chỉ mình Đức Chúa Trời điều khiển tiến trình của nhân loại này. Nếu nhân loại muốn có một số phận tốt đẹp, nếu một đất nước muốn có một vận mệnh tốt đẹp, thì con người phải khấn đầu thờ phượng Đức Chúa Trời, ăn năn và xưng tội trước Đức Chúa Trời, nếu không thì số phận và đích đến của con người sẽ là một thảm họa không thể tránh khỏi.

Nhìn lại thời Nô-ê đóng tàu: Nhân loại đã bại hoại sâu sắc, mọi người đã lạc khỏi phước lành của Đức Chúa Trời, không còn được Đức Chúa Trời chăm sóc, và đã đánh mất những lời hứa của Đức Chúa Trời. Họ đã sống trong tăm tối, không có sự sáng của Đức Chúa Trời. Sau đó, họ đã trở nên dâm loạn về bản chất và đã buông thả bản thân vào sự đồi bại ghê tởm. Những kẻ như vậy không thể nào nhận được lời hứa của Đức Chúa Trời nữa; họ không có đủ tư cách để diện kiến dung nhan của Đức Chúa Trời hoặc nghe tiếng của Đức Chúa Trời, vì họ đã từ bỏ Đức Chúa Trời, đã gạt bỏ mọi điều Ngài ban cho họ, và đã quên những lời dạy dỗ của Đức Chúa Trời. Lòng họ ngày càng lạc xa Đức Chúa Trời, và vì thế, họ đã trở nên suy đồi vượt quá mọi lý trí và nhân tính, trở nên ngày càng xấu xa. Khi đó, họ càng đi gần hơn đến chỗ chết và đã rơi vào cơn thịnh nộ cùng sự trừng phạt của Đức Chúa Trời. Chỉ có Nô-ê thờ phượng Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác, và vì vậy,

ông có thể nghe thấy tiếng Đức Chúa Trời và nghe những chỉ dẫn của Ngài. Ông đã đóng tàu theo những chỉ dẫn của lời Đức Chúa Trời, và tại đó tập hợp mọi loài sinh vật sống. Và theo cách này, một khi mọi thứ đã được chuẩn bị xong, Đức Chúa Trời bắt đầu sự hủy diệt của Ngài trên thế gian. Chỉ có Nô-ê và bảy thành viên khác trong gia đình ông sống sót sau trận hủy diệt, vì Nô-ê đã thờ phượng Đức Giê-hô-va và lánh khỏi điều ác.

Bây giờ nhìn vào thời đại hiện nay: Những con người công chính như Nô-ê có thể thờ phượng Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác, đã không còn tồn tại. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời vẫn ân ái nhân loại này và vẫn tha tội cho họ trong thời đại cuối cùng này. Đức Chúa Trời tìm kiếm những người mong mỏi Ngài xuất hiện. Ngài tìm kiếm những người có thể nghe lời của Ngài, những người đã không quên sự ủy nhiệm của Ngài và dâng thân tâm của họ cho Ngài. Ngài tìm kiếm những người vâng lời như đứa trẻ sơ sinh trước mặt Ngài và không chống đối Ngài. Nếu người dâng mình cho Đức Chúa Trời, không bị cản trở bởi bất kỳ quyền lực hay thế lực nào, thì Đức Chúa Trời sẽ nhìn người với sự ưu ái và sẽ ban phước lành cho người. Nếu người ở địa vị cao, có tiếng tăm, sở hữu kiến thức phong phú, làm chủ nhiều của cải và được nhiều người ủng hộ, nhưng những điều này không ngăn cản người đến trước mặt Đức Chúa Trời chấp nhận sự kêu gọi của Ngài cùng sự ủy nhiệm của Ngài và làm những gì Đức Chúa Trời yêu cầu ở người, thì mọi thứ người làm sẽ là chính nghĩa ý nghĩa nhất trên đất và là công việc công chính nhất của nhân loại. Nếu người từ chối lời kêu gọi của Đức Chúa Trời vì địa vị và những mục tiêu riêng của mình, thì mọi thứ người làm đều sẽ bị Đức Chúa Trời rửa sạch và thậm chí khinh miệt. Có thể người là chủ tịch, nhà khoa học, mục sư, hay trưởng lão, nhưng cho dù chức vụ của người cao đến đâu, nếu người dựa vào kiến thức và khả năng của mình trong các công việc người làm, thì người sẽ luôn là một kẻ thất bại và sẽ luôn đánh mất các phước lành của Đức Chúa Trời, bởi vì Đức Chúa Trời không chấp nhận bất kỳ điều gì người làm, và Ngài không công nhận công việc của người là công chính, hoặc chấp nhận rằng người đang làm việc vì lợi ích của nhân loại. Ngài sẽ phán rằng mọi thứ người làm đều được thực hiện để sử dụng kiến thức và sức mạnh của loài người nhằm xóa đi sự bảo vệ của Đức Chúa Trời khỏi con người, và điều đó được thực hiện để phủ nhận các phước lành của Đức Chúa Trời. Ngài sẽ phán rằng người đang dẫn nhân loại đến sự tối tăm, đến sự chết, và đến sự khởi đầu của một sự tồn tại vô tận mà trong đó, con người đã đánh mất Đức Chúa Trời và phước lành của Ngài.

Từ khi loài người nghĩ ra khoa học xã hội, tâm trí của con người đã trở nên bị chiếm lĩnh bởi khoa học và kiến thức. Khoa học và kiến thức từ đó đã trở thành những công cụ để cai trị nhân loại, không còn đủ chỗ cho con người thờ phượng

Đức Chúa Trời, và không còn những điều kiện thuận lợi cho việc thờ phượng Đức Chúa Trời. Vị trí của Đức Chúa Trời ngày càng giảm sút trong lòng con người. Không có Đức Chúa Trời trong lòng, thế giới nội tâm của con người thật tăm tối, vô vọng và trống rỗng. Rồi sau đó, nhiều nhà khoa học xã hội, sử gia, và chính trị gia đã đứng ra phát biểu các lý thuyết về khoa học xã hội, lý thuyết về sự tiến hóa của loài người, và các lý thuyết khác trái với lẽ thật rằng Đức Chúa Trời đã tạo dựng nên con người, để lấp đầy trái tim và trí óc nhân loại. Và theo cách này, những người tin rằng Đức Chúa Trời đã tạo dựng nên mọi thứ đã trở nên ngày càng ít hơn, và những người tin vào thuyết tiến hóa đã trở nên ngày càng đông đảo hơn. Ngày càng có nhiều người xem những bản ghi chép về công tác của Đức Chúa Trời và những lời của Ngài trong thời đại Cựu Ước như thần thoại và truyền thuyết. Trong lòng họ, mọi người trở nên thờ ơ với phẩm cách và sự vĩ đại của Đức Chúa Trời, thờ ơ với giáo lý rằng Đức Chúa Trời tồn tại và nắm quyền thống trị mọi vật. Sự tồn vong của nhân loại cùng vận mệnh của các quốc gia và các dân tộc không còn quan trọng đối với họ nữa, và con người sống trong một thế giới trống rỗng chỉ quan tâm đến ăn, uống và theo đuổi khoái lạc. ... Rất ít người chủ động tìm cho ra nơi Đức Chúa Trời làm công tác của Ngài ngày nay, hay tìm kiếm cách Ngài tế trị và sắp đặt đích đến của con người. Và theo cách này, con người không biết rằng nền văn minh của nhân loại trở nên ngày càng ít có khả năng đi theo những ước muốn của con người, và thậm chí có nhiều người còn cảm thấy rằng, sống trong một thế giới như vậy, họ ít hạnh phúc hơn những người đã qua đời. Ngay cả người dân của các quốc gia từng rất văn minh cũng bộc lộ những bất bình như vậy. Vì nếu không có sự dẫn dắt của Đức Chúa Trời, cho dù những nhà cầm quyền và những nhà xã hội học có vắt óc ra sao để bảo tồn nền văn minh nhân loại, thì cũng chẳng ích gì. Không ai có thể lấp đầy sự trống rỗng trong lòng con người, vì không ai có thể là sự sống của con người, và không có lý thuyết xã hội nào có thể giải phóng con người khỏi sự trống rỗng mà họ phải chịu đựng. Khoa học, kiến thức, tự do, dân chủ, giải trí, thoải mái: những điều này chỉ mang lại cho con người một sự an ủi nhất thời. Ngay cả khi có những điều này, con người chắc chắn vẫn phạm tội và than vãn về những bất công của xã hội. Những điều này không thể ngăn cản sự thèm muốn và khao khát khám phá của con người. Đó là bởi con người đã được tạo dựng nên bởi Đức Chúa Trời và những sự hy sinh và khám phá vô nghĩa của con người chỉ có thể dẫn đến nhiều đau khổ hơn và chỉ có thể khiến con người tồn tại trong trạng thái sợ hãi thường trực, không biết làm sao để đối mặt với tương lai của nhân loại hoặc làm sao để đối mặt với con đường nằm phía trước. Con người thậm chí đi đến sợ khoa học và kiến thức, và thậm chí càng sợ hơn cảm giác trống rỗng. Trong thế giới này, bất kể người sống trong một

quốc gia tự do hay một quốc gia không có nhân quyền, thì người cũng hoàn toàn không có khả năng thoát khỏi số phận của nhân loại. Cho dù người là kẻ cai trị hay kẻ bị trị, người cũng hoàn toàn không có khả năng thoát khỏi niềm khao khát khám phá số phận, những lẽ mầu nhiệm và đích đến của nhân loại, người lại càng không có khả năng thoát khỏi cảm giác trống rỗng gây hoang mang. Những hiện tượng như vậy, vốn phổ biến đối với toàn nhân loại, được các nhà xã hội học gọi là những hiện tượng xã hội, nhưng không một vĩ nhân nào có thể đứng ra giải quyết những vấn đề như thế. Con người, suy cho cùng, chỉ là con người, địa vị và sự sống của Đức Chúa Trời không ai có thể thay thế được. Nhân loại không chỉ đòi hỏi một xã hội công bằng, trong đó mọi người đều được no đủ, bình đẳng và tự do; điều nhân loại cần là sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời và sự cung cấp sự sống cho họ của Ngài. Chỉ khi con người nhận được sự cung cấp sự sống của Đức Chúa Trời và sự cứu rỗi của Ngài thì những nhu cầu, khao khát khám phá, và sự trống rỗng tâm linh của con người mới được giải quyết. Nếu người dân của một quốc gia hay một dân tộc không thể nhận được sự cứu rỗi và chăm sóc của Đức Chúa Trời, thì một quốc gia hoặc dân tộc như vậy sẽ bước trên con đường suy tàn, về phía sự tối tăm, và sẽ bị Đức Chúa Trời hủy diệt.

Có thể đất nước của người hiện đang phồn thịnh, nhưng nếu người để cho người dân của mình lạc khỏi Đức Chúa Trời, thì đất nước sẽ nhận ra mình ngày càng mất đi các phước lành của Đức Chúa Trời. Nền văn minh của đất nước người sẽ ngày càng bị giẫm đạp dưới chân, và chẳng bao lâu sau, dân chúng sẽ nổi dậy chống lại Đức Chúa Trời và rửa sả Thiên đàng. Và vì vậy, vận mệnh của một đất nước sẽ bị suy tàn mà con người chẳng hay biết. Đức Chúa Trời sẽ đẩy lên những cường quốc để đối phó với những quốc gia đã bị Đức Chúa Trời rửa sả, và thậm chí có thể quét sạch chúng khỏi bề mặt trái đất. Sự thăng trầm của một quốc gia hoặc dân tộc dựa trên việc liệu những kẻ cai trị đất nước có thờ phượng Đức Chúa Trời hay không, và liệu họ có dẫn dắt người dân của mình trở nên gần gũi hơn với Đức Chúa Trời và thờ phượng Ngài hay không. Tuy nhiên, trong thời đại cuối cùng này, bởi vì những người thực sự tìm kiếm và thờ phượng Đức Chúa Trời ngày càng hiếm hoi, nên Đức Chúa Trời ban đặc ân cho những quốc gia có Cơ Đốc giáo là quốc giáo. Ngài tập hợp những quốc gia đó lại với nhau để thành lập phe tương đối công chính của thế giới, trong khi những quốc gia vô thần và những quốc gia không thờ phượng Đức Chúa Trời thật đều trở thành những địch thủ của phe công chính. Theo cách này, Đức Chúa Trời không chỉ có một nơi ở giữa nhân loại để thực hiện công tác của Ngài, mà còn thu nhận được những quốc gia có thể thực thi thẩm quyền công chính, cho phép các lệnh trừng phạt và hạn chế được áp lên những quốc gia chống đối

Ngài. Tuy nhiên, bất chấp điều này, vẫn không có thêm người nào đến thờ phượng Đức Chúa Trời, bởi vì con người đã lạc quá xa khỏi Ngài, và con người đã quên Đức Chúa Trời quá lâu. Trên đất chỉ còn lại các quốc gia thực thi sự công chính và chống lại sự bất chính. Nhưng điều này khác xa với những mong muốn của Đức Chúa Trời, vì không có kẻ cầm quyền của một quốc gia nào sẽ để cho Đức Chúa Trời tể trị dân tộc của họ, và không một đảng chính trị nào sẽ tập hợp người dân của mình lại để thờ phượng Đức Chúa Trời; Đức Chúa Trời đã mất đi vị trí chính đáng của Ngài trong lòng mỗi quốc gia, dân tộc, đảng cầm quyền, và thậm chí trong lòng mỗi người. Mặc dù các lực lượng công chính có tồn tại trong thế giới này, nhưng sự cai trị mà ở đó Đức Chúa Trời không có chỗ trong lòng con người là rất mong manh. Không có phước lành của Đức Chúa Trời, đấu trường chính trị sẽ rơi vào hỗn loạn và trở nên không thể chịu được dù một tai ương nhỏ. Đối với nhân loại, không có phước lành của Đức Chúa Trời cũng giống như không có mặt trời. Bất kể những kẻ cầm quyền thực hiện những sự đóng góp cho người dân của mình cần mẫn ra sao, bất kể có bao nhiêu hội nghị công chính mà nhân loại cùng nhau tổ chức, thì cũng không điều nào trong số này đảo ngược tình thế hoặc thay đổi số phận của nhân loại. Con người tin rằng một đất nước trong đó người dân có cơm ăn áo mặc, trong đó họ chung sống hòa bình, là một đất nước tốt đẹp, và một đất nước có sự lãnh đạo tốt. Nhưng Đức Chúa Trời không nghĩ như vậy. Ngài tin rằng một đất nước trong đó không ai thờ phượng Ngài là một đất nước mà Ngài sẽ hủy diệt. Cách suy nghĩ của con người quá mâu thuẫn với cách suy nghĩ của Đức Chúa Trời. Vì vậy, nếu người đứng đầu một nước không thờ phượng Đức Chúa Trời, thì số phận của đất nước này sẽ là một bi kịch, và đất nước sẽ không có đích đến.

Đức Chúa Trời không tham gia vào hoạt động chính trị của con người, nhưng vận mệnh của một quốc gia hoặc dân tộc lại được điều khiển bởi Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời điều khiển thế giới này và toàn bộ vũ trụ. Số phận của con người và kế hoạch của Đức Chúa Trời liên quan mật thiết với nhau, và không có con người nào, quốc gia hay dân tộc nào được miễn trừ khỏi quyền tối thượng của Đức Chúa Trời. Nếu con người ao ước được biết số phận của mình, thì họ phải đến trước mặt Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời sẽ khiến cho những người đi theo và thờ phượng Ngài được thịnh vượng và sẽ mang lại sự suy tàn và diệt vong cho những kẻ chống lại và chối bỏ Ngài.

Hãy nhớ lại cảnh tượng trong Kinh Thánh khi Đức Chúa Trời hủy diệt Sô-đôm và cũng hãy nghĩ về việc vợ của Lót đã trở thành tượng muối như thế nào. Hãy nghĩ lại việc người dân của Ni-ni-ve đã ăn năn tội lỗi của họ trong bao gai và tro ra sao và hãy nhớ lại những gì đã xảy ra sau khi dân Do Thái đóng đinh Jêsus lên thập tự giá

2.000 năm trước. Dân Do Thái đã bị trục xuất khỏi Y-sơ-ra-ên và chạy trốn sang khắp các nước trên thế giới. Nhiều người đã bị giết, và toàn bộ dân tộc Do Thái đã phải chịu nỗi đau chưa từng có về việc quốc gia họ bị hủy diệt. Họ đã đóng đinh Đức Chúa Trời lên thập tự giá – đã phạm một tội ác tày trời – và đã khiêu khích tâm tính của Đức Chúa Trời. Họ đã bị bắt phải trả giá cho những gì họ đã làm và bị bắt phải gánh chịu mọi hậu quả từ những việc làm của mình. Họ đã lên án Đức Chúa Trời, chối bỏ Đức Chúa Trời, và vì thế, họ chỉ có một số phận: bị Đức Chúa Trời trừng phạt. Đây là trái đắng và tai họa mà những kẻ cai trị của họ đã mang lại cho đất nước và dân tộc của họ.

Ngày nay, Đức Chúa Trời đã trở lại thế gian để thực hiện công tác của Ngài. Điểm dừng chân đầu tiên của Ngài là hình mẫu của chế độ cai trị độc tài: Trung Quốc, pháo đài kiên cố của chủ nghĩa vô thần. Đức Chúa Trời đã thu nhận được một nhóm người bằng sự khôn ngoan và quyền năng của Ngài. Trong giai đoạn này, Ngài đã bị đảng cầm quyền Trung Quốc săn lùng bằng mọi cách và phải chịu vô vàn khổ đau, không có chỗ gối đầu, không thể tìm được nơi nương náu. Bất chấp điều này, Đức Chúa Trời vẫn tiếp tục công tác Ngài dự định làm: Ngài cất tiếng và rao truyền Phúc Âm. Không ai có thể dò lường được sự toàn năng của Đức Chúa Trời. Tại Trung Quốc, một đất nước xem Đức Chúa Trời là kẻ thù, Đức Chúa Trời chưa bao giờ ngừng công tác của Ngài. Thay vào đó, đã có thêm nhiều người chấp nhận công tác và lời của Ngài, vì Đức Chúa Trời cứu rỗi từng thành viên một của nhân loại đến mức cao nhất có thể. Chúng ta tin tưởng rằng không quốc gia hoặc thế lực nào có thể ngăn cản những gì Đức Chúa Trời muốn đạt được. Những ai cản trở công tác của Đức Chúa Trời, chống lại lời Đức Chúa Trời, gây nhiễu loạn và làm hỏng kế hoạch của Đức Chúa Trời cuối cùng sẽ bị Ngài trừng phạt. Kẻ nào nổi dậy chống lại công tác của Đức Chúa Trời sẽ bị đày xuống địa ngục; bất kỳ quốc gia nào chống lại công tác của Đức Chúa Trời đều sẽ bị hủy diệt; bất kỳ dân tộc nào nổi dậy chống đối công tác của Đức Chúa Trời đều sẽ bị xóa sổ khỏi trái đất này và sẽ không còn tồn tại. Ta thúc giục người dân của mọi dân tộc, mọi quốc gia, và thậm chí mọi ngành nghề hãy lắng nghe tiếng Đức Chúa Trời, hãy nhìn công tác của Đức Chúa Trời và hãy chú ý đến số phận của nhân loại, để làm cho Đức Chúa Trời thành Đáng thánh khiết nhất, đáng tôn kính nhất, cao cả nhất, và là đối tượng thờ phượng duy nhất giữa loài người, và để cho toàn thể nhân loại được sống dưới phước lành của Đức Chúa Trời, cũng như dòng dõi của Áp-ra-ham đã sống dưới lời hứa của Đức Giê-hô-va, cũng như A-đam và Ê-va, những người Đức Chúa Trời tạo dựng nên đầu tiên, đã sống trong vườn Ê-đen.

Công tác của Đức Chúa Trời dâng lên như một làn sóng mạnh mẽ. Không ai có

thể giữ chân Ngài, và không ai có thể ngăn bước chân Ngài. Chỉ những người cẩn thận lắng nghe lời Ngài, và những người tìm kiếm, khao khát Ngài, mới có thể đi theo bước chân Ngài và nhận được lời hứa của Ngài. Những kẻ không làm như vậy sẽ phải chịu tai họa tràn ngập và sự trừng phạt thích đáng.

Biết Đức Chúa Trời là cách để kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác

Mỗi người các người nên xem xét lại cuộc đời tin vào Đức Chúa Trời của mình để xem khi theo Đức Chúa Trời, liệu người có thật sự hiểu, thật sự hiểu thấu, và thật sự biết được Đức Chúa Trời hay không, liệu người có thật sự biết Đức Chúa Trời có thái độ gì với những dạng người khác nhau, và liệu người có thật sự hiểu công tác mà Đức Chúa Trời đang làm trên người và Đức Chúa Trời định nghĩa từng hành động của người như thế nào. Đức Chúa Trời này, Đấng bên cạnh người, chỉ lối cho sự tiến triển của người, định đoạt số mệnh của người, và cung cấp cho những nhu cầu của người – xét cho cùng, người hiểu được bao nhiêu về Đức Chúa Trời này? Người thật sự biết được bao nhiêu về Đức Chúa Trời này? Người có biết Ngài làm gì trên người mỗi một ngày không? Người có biết những nguyên tắc và mục đích mà Ngài làm căn cứ cho mọi hành động của Ngài không? Người có biết Ngài hướng dẫn người thế nào không? Người có biết những phương tiện mà Ngài dùng để cung cấp cho người không? Người có biết những phương pháp mà Ngài dùng để dẫn dắt người không? Người có biết Ngài mong muốn đạt được gì từ người và mong muốn đạt được gì ở người không? Người có biết thái độ của Ngài đối với những cách hành xử khác nhau của người không? Người có biết liệu mình có phải là một người được Ngài yêu mến không? Người có biết nguồn gốc của sự hoan hỉ, giận dữ, đau buồn, và vui mừng của Ngài, những suy nghĩ và ý tưởng đằng sau đó, và bản tính của Ngài không? Người có biết cuối cùng thì Đức Chúa Trời mà người tin này là dạng Đức Chúa Trời nào không? Có phải những câu hỏi này và những câu hỏi khác tương tự là điều người chưa bao giờ hiểu hay nghĩ về không? Khi theo đuổi niềm tin của mình vào Đức Chúa Trời, người đã loại bỏ được những hiểu lầm của mình về Ngài bằng sự cảm kích và trải nghiệm thật sự lời Đức Chúa Trời chưa? Sau khi nhận lãnh sự sửa dạy và sửa phạt của Đức Chúa Trời, người đã có được sự vâng lời và quan tâm thật sự chưa? Giữa hình phạt và phán xét của Đức Chúa Trời, người đã nhận biết được sự phản nghịch và bản tính Sa-tan của con người và có được chút hiểu biết về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời chưa? Dưới sự hướng dẫn và khai sáng của lời Đức Chúa Trời, người đã bắt đầu có cách nhìn mới về sự sống chưa? Giữa những

thử luyện mà Đức Chúa Trời gửi tới, người đã cảm nhận được sự không dung thứ của Ngài đối với những xúc phạm của con người cũng như những gì Ngài yêu cầu ở người và cách Ngài đang cứu rỗi người chưa? Nếu người không biết hiểu lầm Đức Chúa Trời là gì, hay cách loại bỏ sự hiểu lầm này, khi ấy có thể nói rằng người chưa bao giờ bước vào sự tương giao thật sự với Đức Chúa Trời và chưa bao giờ hiểu Đức Chúa Trời, hoặc ít nhất có thể nói người chưa bao giờ mong muốn được hiểu Ngài. Nếu người không biết sự sửa dạy và sửa phạt của Đức Chúa Trời là gì, vậy thì người chắc chắn không biết sự vâng lời và quan tâm là gì, hay chí ít người chưa bao giờ vâng lời hay quan tâm Đức Chúa Trời thật sự. Nếu người chưa bao giờ trải nghiệm hình phạt và phán xét của Đức Chúa Trời, vậy thì người chắc chắn không biết sự thánh khiết của Ngài là gì, và người thậm chí sẽ càng không rõ sự phản nghịch của con người là gì. Nếu người chưa bao giờ thật sự có cái nhìn đúng về sự sống, hay một mục đích đúng trong cuộc sống, mà vẫn trong trạng thái bối rối và do dự về con đường tương lai của mình trong cuộc sống, thậm chí tới mức lưỡng lự tiến tới, vậy thì chắc chắn người chưa bao giờ nhận lãnh sự khai sáng và hướng dẫn của Đức Chúa Trời; cũng có thể nói rằng người chưa bao giờ thật sự được cung cấp hay bổ sung bởi lời Đức Chúa Trời. Nếu người chưa trải qua những thử luyện của Đức Chúa Trời, vậy thì hiển nhiên người chắc hẳn không biết sự không dung thứ của Đức Chúa Trời đối với những xúc phạm của con người là gì, người cũng sẽ không hiểu cuối cùng Đức Chúa Trời yêu cầu điều gì ở người, và càng không hiểu cuối cùng công tác quản lý và cứu rỗi con người của Ngài là gì. Bất kể con người đã tin Đức Chúa Trời bao nhiêu năm, nếu họ chưa bao giờ trải nghiệm hay nhận thức bất cứ điều gì trong lời Đức Chúa Trời, vậy thì chắc chắn họ không đang đi trên con đường hướng tới sự cứu rỗi, đức tin của họ vào Đức Chúa Trời chắc chắn không có nội dung thật, kiến thức của họ về Đức Chúa Trời chắc chắn cũng là con số không, và hiển nhiên họ hoàn toàn không biết tôn kính Đức Chúa Trời là gì.

Những vật sở hữu và hữu thể của Đức Chúa Trời, thực chất của Đức Chúa Trời, tâm tính Đức Chúa Trời – hết thảy đều được cho biết trong những lời của Ngài với nhân loại. Khi con người trải nghiệm lời Đức Chúa Trời thì trong quá trình đưa chúng vào thực hành, họ sẽ bắt đầu hiểu mục đích đằng sau những lời Đức Chúa Trời phán, hiểu nguồn gốc và bối cảnh của lời Đức Chúa Trời, hiểu và cảm kích tác dụng đã định của lời Đức Chúa Trời. Đối với nhân loại, đây là tất cả những điều mà con người phải trải nghiệm, nắm bắt, và đạt được để có được lẽ thật và sự sống, nắm bắt những ý định của Đức Chúa Trời, trở nên được chuyển hóa trong tâm tính của mình, và trở nên có thể vâng theo quyền tối thượng và những sự sắp đặt của Đức Chúa Trời. Đồng thời với việc trải nghiệm, nắm bắt và đạt được những điều này, con

người sẽ dần có được một sự hiểu biết về Đức Chúa Trời, và vào lúc này họ cũng sẽ có được những mức độ kiến thức khác nhau về Ngài. Sự hiểu biết và kiến thức này không đến từ điều gì đó mà con người đã tưởng tượng hay sáng tác ra, mà thay vào đó là từ những gì họ cảm kích, trải nghiệm, cảm nhận, và chứng thực bên trong mình. Chỉ sau khi cảm kích, trải nghiệm, cảm nhận và chứng thực những điều này, kiến thức của con người về Đức Chúa Trời mới có được nội dung, chỉ kiến thức mà họ có được lúc này mới là có thật, đích thực, chính xác, và quá trình này – quá trình có được sự hiểu biết và kiến thức đích thực về Đức Chúa Trời thông qua sự cảm kích, trải nghiệm, cảm nhận, và chứng thực lời Ngài – không gì khác chính là sự tương giao thật sự giữa con người và Đức Chúa Trời. Trong dạng tương giao này, con người trở nên thật sự hiểu và lĩnh hội những ý định của Đức Chúa Trời, bắt đầu thật sự hiểu và biết những vật sở hữu và hữu thể của Đức Chúa Trời, bắt đầu thật sự hiểu và biết thực chất của Đức Chúa Trời, bắt đầu dần hiểu và biết tâm tính Đức Chúa Trời, đạt đến sự chắc chắn thật sự, và định nghĩa đúng về thực tế của việc Đức Chúa Trời thống trị mọi sự tạo dựng, và có được sự thấu hiểu và kiến thức thực chất về thân phận và vị trí của Đức Chúa Trời. Trong dạng tương giao này, con người từng bước một thay đổi những ý tưởng của mình về Đức Chúa Trời, không còn tưởng tượng Ngài từ hư không, hay bị những hoài nghi của chính mình về Ngài chế ngự, hay hiểu lầm Ngài, hay lên án Ngài, hay phán xét Ngài, hay ngờ vực Ngài. Do đó, con người sẽ có ít cuộc tranh luận với Đức Chúa Trời hơn, họ sẽ có ít mâu thuẫn với Đức Chúa Trời hơn, và họ sẽ có ít lần phản nghịch Đức Chúa Trời hơn. Ngược lại, sự quan tâm và vâng lời của con người với Đức Chúa Trời sẽ ngày càng nhiều hơn, và sự tôn kính Đức Chúa Trời của họ sẽ trở nên thật hơn, cũng như sâu sắc hơn. Trong khi tương giao như thế này, con người sẽ không chỉ có được sự cung cấp lẽ thật và phép báp-tem cho sự sống, mà đồng thời họ cũng sẽ có được kiến thức thật về Đức Chúa Trời. Trong khi tương giao như thế này, con người sẽ không chỉ được chuyển hóa về tâm tính của mình và lãnh nhận sự cứu rỗi, mà đồng thời họ cũng sẽ có được sự tôn kính và thờ phượng thật sự của một hữu thể thọ tạo đối với Đức Chúa Trời. Có được dạng tương giao này, đức tin của con người vào Đức Chúa Trời sẽ không còn là tờ giấy trắng, hay một lời hứa đầu môi chót lưỡi, hay một dạng theo đuổi và sùng bái mù quáng; chỉ với dạng tương giao này, sự sống của con người mới phát triển hướng đến sự chín chắn từng ngày, và chỉ lúc này tâm tính của họ mới dần trở nên được chuyển hóa, và đức tin của họ vào Đức Chúa Trời sẽ từng bước đi từ niềm tin mơ hồ và bất định sang sự vâng lời và quan tâm đích thực, sang sự tôn kính thật sự, và khi theo Đức Chúa Trời, con người cũng sẽ dần tiến triển từ thụ động sang chủ động, từ tiêu cực sang tích cực; chỉ với dạng tương giao này,

con người mới đạt đến sự hiểu biết và hiểu thấu thật sự về Đức Chúa Trời, kiến thức thật về Đức Chúa Trời. Bởi phần lớn mọi người chưa bao giờ bước vào sự tương giao thật với Đức Chúa Trời, kiến thức của họ về Đức Chúa Trời dừng lại ở mức độ lý thuyết, ở mức độ câu chữ và học thuyết. Điều đó có nghĩa là, phần lớn mọi người, dù đã tin Đức Chúa Trời bao nhiêu năm, thì trong việc biết Đức Chúa Trời, họ vẫn ở vị trí cũ giống như khi bắt đầu, mắc kẹt ở nền tảng của những hình thức thần phục truyền thống, với những mê tín phong kiến và màu sắc huyền thoại đặc thù. Kiến thức của con người về Đức Chúa Trời có thể bị sa lầy ở điểm khởi đầu có nghĩa là nó hầu như không tồn tại. Ngoài sự quả quyết của con người về vị trí và thân phận của Đức Chúa Trời, đức tin của con người vào Đức Chúa Trời vẫn ở trạng thái bất định mơ hồ. Như vậy, con người có thể có được bao nhiêu sự tôn kính thật đối với Đức Chúa Trời?

Dù người tin vào sự tồn tại của Đức Chúa Trời vững vàng như thế nào, điều này cũng không thể thay cho kiến thức của người về Đức Chúa Trời, cũng không thể thay cho sự tôn kính của người đối với Đức Chúa Trời. Dù người đã hưởng những phúc lành và ân điển của Ngài nhiều như thế nào, điều này cũng không thể thay cho kiến thức của người về Đức Chúa Trời. Dù người sẵn lòng tận hiến và dâng trọn bản thân vì Ngài, điều này cũng không thể thay cho kiến thức của người về Đức Chúa Trời. Có lẽ người đã trở nên quá quen với những lời Ngài phán, hay thậm chí thuộc lòng chúng và có thể đọc một mạch, nhưng điều này không thể thay cho kiến thức của người về Đức Chúa Trời. Dù con người có dốc lòng theo Đức Chúa Trời như thế nào, nếu họ chưa bao giờ có sự tương giao đích thực với Đức Chúa Trời, hay có trải nghiệm đích thực về lời Đức Chúa Trời, vậy thì kiến thức của họ về Đức Chúa Trời sẽ chỉ là một mảng trắng hay một ảo tưởng bất tận; với tất cả những gì mà người có thể đã chạm vai với Đức Chúa Trời khi lướt qua, hoặc gặp Ngài mặt đối mặt, kiến thức của người về Đức Chúa Trời vẫn là con số không, và sự tôn kính của người dành cho Đức Chúa Trời không khác hơn một khẩu hiệu rỗng tuếch hay một khái niệm được lý tưởng hóa.

Nhiều người giữ lời Đức Chúa Trời để đọc ngày qua ngày, thậm chí tới mức cẩn thận ghi nhớ tất cả các đoạn kinh điển trong đó như thể đó là tài sản quý giá nhất của họ, và ngoài ra còn rao giảng lời Đức Chúa Trời khắp nơi, cung cấp và trợ giúp những người khác bằng phương tiện là lời Ngài. Họ nghĩ rằng làm như vậy là làm chứng cho Đức Chúa Trời, làm chứng cho lời Ngài, rằng làm như vậy là theo đường lối của Đức Chúa Trời; họ nghĩ rằng làm như vậy là sống theo lời Đức Chúa Trời, rằng làm như vậy là đưa lời Ngài vào đời sống thực tế của họ, rằng làm như vậy sẽ cho phép họ nhận được sự khen ngợi của Đức Chúa Trời, được cứu rỗi và hoàn

thiện. Nhưng, ngay cả khi họ rao giảng lời Đức Chúa Trời, họ không bao giờ tuân theo lời Đức Chúa Trời trong thực hành, hay cố gắng so bản thân với những gì được mặc khải trong lời Đức Chúa Trời. Thay vào đó, họ dùng lời Đức Chúa Trời để có được sự mến mộ và tin tưởng của những người khác bằng thủ đoạn gian trá, để tự mình bước vào sự quản lý, để biển thủ và cướp đi vinh quang của Đức Chúa Trời. Một cách hão huyền, họ hy vọng sử dụng cơ hội có được bằng cách loan truyền lời Đức Chúa Trời để được thưởng công tác của Đức Chúa Trời và sự khen ngợi của Ngài. Bao nhiêu năm đã trôi qua, nhưng những người này không chỉ không thể nhận được sự khen ngợi của Đức Chúa Trời trong quá trình rao giảng lời Đức Chúa Trời, và họ không chỉ không thể khám phá con đường mà họ nên theo trong quá trình làm chứng cho lời Đức Chúa Trời, và họ không chỉ không trợ giúp hay cung cấp cho bản thân trong quá trình trợ giúp và cung cấp cho những người khác bằng phương tiện là lời Đức Chúa Trời, và họ không chỉ không thể biết Đức Chúa Trời, hay đánh thức sự tôn kính đích thực trong bản thân họ đối với Đức Chúa Trời, trong quá trình thực hiện hết thảy những điều này; mà trái lại, những sự hiểu lầm của họ về Đức Chúa Trời ngày càng sâu hơn bao giờ hết, sự ngờ vực của họ với Ngài càng trầm trọng hơn bao giờ hết, và những sự tưởng tượng của họ về Ngài càng cường điệu hơn bao giờ hết. Được cung cấp và hướng dẫn bởi những lý thuyết của họ về lời Đức Chúa Trời, họ trông như thể hoàn toàn làm chủ tình hình, như thể ra sức vận dụng các kỹ năng của họ một cách dễ dàng, như thể họ đã tìm thấy mục đích trong cuộc sống, sứ mệnh của họ, và như thể họ đã giành được sự sống mới và được cứu rỗi, như thể, với những lời của Đức Chúa Trời vanh vách tuôn ra từ miệng lưỡi khi trích giảng, họ đã có được lẽ thật, nắm bắt được những ý định của Đức Chúa Trời, và khám phá ra con đường biết Đức Chúa Trời, như thể, trong quá trình rao giảng lời Đức Chúa Trời, họ thường đối diện với Đức Chúa Trời. Ngoài ra, họ cũng thường “xúc động” đến phát khóc, và thường được dẫn dắt bởi “Đức Chúa Trời” trong lời Đức Chúa Trời, họ trông như liên tục nắm bắt được sự quan tâm ân cần và ý tốt của Ngài, và đồng thời nắm bắt được sự cứu rỗi con người của Đức Chúa Trời và việc quản lý của Ngài, biết được thực chất của Ngài, và hiểu tâm tính công chính của Ngài. Trên cơ sở này, họ dường như càng vững tin hơn vào sự tồn tại của Đức Chúa Trời, biết rõ hơn về trạng thái cao quý của Ngài, và cảm nhận sâu hơn sự quyền uy và siêu nghiệm của Ngài. Chìm trong kiến thức hời hợt về lời Đức Chúa Trời, trông có vẻ như đức tin của họ đã phát triển, quyết tâm chịu khổ của họ đã được củng cố, và kiến thức của họ về Đức Chúa Trời đã sâu xa hơn. Họ ít nhận biết rằng, cho đến khi họ thật sự trải nghiệm lời Đức Chúa Trời, toàn bộ kiến thức của họ về Đức Chúa Trời và những ý tưởng của họ về Ngài đều phát xuất từ trí tưởng tượng và sự phỏng

đoán theo mong muốn của họ. Đức tin của họ sẽ không qua được bất kỳ dạng thử thách nào từ Đức Chúa Trời, cái gọi là tinh thần và vóc giạc của họ sẽ đơn giản là không qua được sự thử luyện hoặc kiểm nghiệm của Đức Chúa Trời, quyết tâm của họ chỉ như một lâu đài xây trên cát, và cái gọi là kiến thức của họ về Đức Chúa Trời thì không hơn một sự tưởng tượng. Trên thực tế, những người này, những người đã bỏ rất nhiều nỗ lực vào lời Đức Chúa Trời, chưa từng nhận ra đức tin thật sự là gì, sự vâng lời thật sự là gì, sự quan tâm thật sự là gì, hay kiến thức thật sự về Đức Chúa Trời là gì. Họ lấy lý thuyết, trí tưởng tượng, kiến thức, năng khiếu, truyền thống, sự mê tín, và thậm chí cả những giá trị đạo đức của loài người, biến chúng thành “vốn” và “vũ khí” cho việc tin vào Đức Chúa Trời và đi theo Ngài, thậm chí biến chúng thành những nền tảng cho niềm tin vào Đức Chúa Trời và việc đi theo Ngài của họ. Đồng thời, họ cũng lấy vốn và vũ khí này và biến chúng thành bùa phép để biết Đức Chúa Trời, để đối mặt và đối phó với những sự kiểm nghiệm, thử luyện, hình phạt, và phán xét của Đức Chúa Trời. Cuối cùng, điều họ thu được vẫn không gì khác hơn là những kết luận về Đức Chúa Trời nhuộm màu ý nghĩa tôn giáo, sự mê tín phong kiến, và tất cả những gì lãng mạn, lố bịch, và khó hiểu. Cách nhận biết và định nghĩa Đức Chúa Trời của họ được đóng trong cùng một khuôn mẫu như của những người chỉ tin vào Trời Cao, hay Ông Trời, trong khi tính thực tế của Đức Chúa Trời, thực chất của Ngài, tâm tính của Ngài, những vật sở hữu và hữu thể của Ngài, v.v. – hết thảy những gì liên quan tới chính Đức Chúa Trời thật – là những điều mà kiến thức của họ đã không nắm bắt được, hoàn toàn không liên quan và thậm chí đối lập. Theo cách này, mặc dù họ sống dưới sự cung cấp và nuôi dưỡng của lời Đức Chúa Trời, thế nhưng họ vẫn không thể thật sự bước trên con đường kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Nguyên nhân thật sự cho điều này là họ chưa bao giờ trở nên quen với Đức Chúa Trời, họ cũng chưa bao giờ có sự liên hệ hay tương giao đích thực với Ngài, và do đó họ không thể đạt được sự hiểu biết qua lại với Đức Chúa Trời, hay đánh thức trong họ niềm tin, sự đi theo, hay thờ phượng đích thực đối với Đức Chúa Trời. Việc họ nên xem lời Đức Chúa Trời như vậy, việc họ nên xem Đức Chúa Trời như vậy – góc độ và thái độ này đã khiến họ trở về tay trắng từ những nỗ lực của mình, đã khiến họ đời đời không bao giờ có thể đi trên con đường kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Mục tiêu mà họ đang nhắm tới, và đường hướng mà họ đang đi, biểu thị họ là kẻ thù của Đức Chúa Trời suốt muôn đời, và họ suốt muôn đời sẽ không bao giờ có thể nhận lãnh sự cứu rỗi.

Nếu, trong trường hợp một người đã theo Đức Chúa Trời nhiều năm và đã hưởng sự cung cấp của lời Ngài trong nhiều năm, định nghĩa của họ về Đức Chúa Trời về thực chất giống như định nghĩa của người nằm phủ phục sùng kính trước các tượng

thần, thì điều này sẽ cho thấy rằng người này chưa đạt được thực tế của lời Đức Chúa Trời. Đây là vì người này đơn giản là chưa bước vào thực tế của lời Đức Chúa Trời, và vì lý do này, thực tế, lẽ thật, những ý định, và những yêu cầu đối với nhân loại, toàn bộ những điều vốn có trong lời Đức Chúa Trời, không hề có chút liên hệ gì với người này. Điều đó có nghĩa là, dù một người như vậy có làm việc cật lực thế nào trên ý nghĩa bề mặt của lời Đức Chúa Trời thì tất cả đều vô ích: Bởi vì điều mà họ theo đuổi là lời nói đơn thuần, điều họ nhận được cũng sẽ tất yếu là lời nói đơn thuần. Dù những lời Đức Chúa Trời phán nhìn bề ngoài là đơn giản hay sâu sắc, tất cả đều là lẽ thật không thể thiếu đối với con người khi họ bước vào sự sống; chúng là nguồn nước hằng sống cho phép họ sống sót trong cả linh hồn lẫn xác thịt. Chúng cung cấp những gì con người cần để tiếp tục sống; những nguyên tắc và tín điều để sống cuộc sống hàng ngày; con đường mà con người phải đi để được cứu rỗi cũng như mục tiêu và phương hướng; mọi lẽ thật mà con người phải sở hữu như một hữu thể thọ tạo trước Đức Chúa Trời; và mọi lẽ thật về cách con người vâng lời và thờ phượng Đức Chúa Trời. Chúng là sự đảm bảo cho sự sống còn của con người, chúng là bánh hàng ngày của con người, và chúng cũng là chỗ dựa vững chắc cho phép con người mạnh mẽ và đứng vững. Chúng phong phú trong thực tế của lẽ thật mà loài người thọ tạo dùng để sống thể hiện ra nhân tính bình thường, phong phú trong lẽ thật mà nhân loại dùng để thoát khỏi sự bại hoại và tránh được những mưu chước của Sa-tan, phong phú trong sự dạy dỗ, thúc giục, khích lệ, và an ủi không mệt mỏi mà Đấng Tạo Hóa ban cho loài người thọ tạo. Chúng là ngọn hải đăng hướng dẫn và khai sáng cho con người hiểu mọi điều tích cực, là sự bảo đảm rằng con người sẽ sống thể hiện ra và sở hữu được tất cả mọi điều công chính và thiện lành, là tiêu chuẩn mà qua đó mọi con người, sự vật và sự việc đều được đo lường, và cũng là kim chỉ nam để đưa con người đến sự cứu rỗi và con đường của sự sáng. Chỉ trong trải nghiệm thực về lời Đức Chúa Trời, con người mới có thể được cung cấp lẽ thật và sự sống; chỉ ở đây con người mới có thể bắt đầu hiểu nhân tính bình thường là gì, sự sống đầy ý nghĩa là gì, hữu thể thọ tạo đích thực là gì, sự vâng lời Đức Chúa Trời thực sự là gì; chỉ ở đây con người mới có thể bắt đầu hiểu mình nên quan tâm đến Đức Chúa Trời như thế nào, hoàn thành bổn phận của một hữu thể thọ tạo như thế nào, và sở hữu hình tượng giống một con người thật như thế nào; chỉ ở đây con người mới có thể hiểu được ý nghĩa của đức tin đích thực và thờ phượng đích thực; chỉ ở đây con người mới có thể hiểu ra ai là Đấng Thống Trị của trời đất và muôn vật; chỉ ở đây con người mới có thể bắt đầu hiểu phương tiện mà Đấng là Chủ của toàn bộ sự tạo dựng dùng để cai trị, dẫn dắt, và cung cấp cho sự tạo dựng; và chỉ ở đây con người mới có thể bắt đầu hiểu và nắm bắt được phương

tiện mà nhờ đó, Đấng là Chủ của mọi sự tạo dựng tồn tại, trở nên hiển hiện, và hoạt động. Khi xa rời trải nghiệm thực về lời Đức Chúa Trời, con người không có kiến thức hay sự hiểu thấu thật sự lời Đức Chúa Trời và lẽ thật. Một người như thế là một cái xác sống đích thực, một cái vỏ trơn láng, và mọi kiến thức liên quan đến Đấng Tạo Hóa đều không có chút liên quan gì đến họ. Trong mắt Đức Chúa Trời, một người như thế chưa bao giờ tin vào Ngài, cũng chưa bao giờ theo Ngài, và do vậy Đức Chúa Trời không công nhận họ là người tin Ngài hay người theo Ngài, càng không phải là một hữu thể thọ tạo đích thực.

Một hữu thể thọ tạo đích thực phải biết Đấng Tạo Hóa là ai, việc tạo dựng con người để làm gì, thực hiện những trách nhiệm của một hữu thể thọ tạo như thế nào, và thờ phượng Chúa của mọi sự tạo dựng như thế nào, phải hiểu, nắm bắt, nhận biết và quan tâm đến những ý định, mong muốn, và yêu cầu của Đấng Tạo Hóa, và phải hành động phù hợp với đường lối của Đấng Tạo Hóa – kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác.

Kính sợ Đức Chúa Trời là gì? Và người ta có thể lánh khỏi điều ác như thế nào?

“Kính sợ Đức Chúa Trời” không có nghĩa là khiếp đảm và ghê sợ khôn tả, cũng không phải là lẩn tránh, cũng không phải là giữ khoảng cách, cũng không phải là sùng bái hay mê tín. Thay vào đó, đó là sự ngưỡng mộ, kính mến, tin cậy, hiểu biết, quan tâm, vâng lời, hiến dâng, yêu thương, cũng như thờ phượng, đền đáp và quy phục không điều kiện và không ca thán. Không có kiến thức đích thực về Đức Chúa Trời, con người sẽ không có sự ngưỡng mộ đích thực, sự tin cậy đích thực, sự hiểu biết đích thực, sự quan tâm hay vâng lời đích thực, mà chỉ khiếp sợ và bất an, chỉ hoài nghi, hiểu lầm, thoái thác, và lẩn tránh; không có kiến thức đích thực về Đức Chúa Trời, con người sẽ không có sự hiến dâng và đền đáp đích thực; không có kiến thức đích thực về Đức Chúa Trời, con người sẽ không có sự thờ phượng và quy phục đích thực, chỉ sùng bái và mê tín mù quáng; không có kiến thức đích thực về Đức Chúa Trời, con người không thể hành động phù hợp với đường lối của Đức Chúa Trời, hay kính sợ Đức Chúa Trời, hay lánh khỏi điều ác. Trái lại, mọi hoạt động và hành vi mà con người thực hiện sẽ đầy sự phản nghịch và bất chấp, đầy những quy tội vu khống và những phán xét ác ý về Ngài, và đầy những việc hành ác trái với lẽ thật và ý nghĩa thật của lời Đức Chúa Trời.

Một khi con người có sự tin cậy đích thực ở Đức Chúa Trời, họ sẽ thật sự theo Ngài và nương tựa vào Ngài; chỉ với sự tin cậy và nương tựa thật sự vào Đức Chúa Trời mà con người mới có thể có sự hiểu biết và lĩnh hội đích thực; đi cùng với sự hiểu thấu thật sự về Đức Chúa Trời là sự quan tâm thật sự dành cho Ngài; chỉ với sự quan tâm thật sự dành cho Đức Chúa Trời mà con người mới có được sự vâng

lời đích thực; chỉ với sự vâng lời đích thực với Đức Chúa Trời mà con người mới có được sự hiển dương đích thực; chỉ có sự hiển dương đích thực với Đức Chúa Trời mà con người mới có được sự đền đáp vô điều kiện và không ca thán; chỉ với sự tin cậy và nương tựa đích thực, sự hiểu biết và quan tâm đích thực, sự vâng lời đích thực, sự hiển dương và đền đáp đích thực mà con người mới thật sự hiểu được tâm tính và thực chất Đức Chúa Trời, và biết thân phận của Đấng Tạo Hóa; chỉ khi thật sự biết được về Đấng Tạo Hóa, con người mới có thể đánh thức sự thờ phượng và quy phục đích thực bên trong mình; chỉ khi họ có sự thờ phượng và quy phục thật sự với Đấng Tạo Hóa, con người mới có thể thật sự dẹp bỏ những cách thức tà ác của mình, nghĩa là lánh khỏi điều ác.

Điều này cấu thành toàn bộ quá trình “kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác”, và cũng là nội dung trong toàn bộ sự kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Đây là con đường phải đi qua để đạt được sự kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác.

Việc “kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác” và việc biết Đức Chúa Trời được gắn kết khăng khít với nhau bởi vô vàn mối dây, và mối liên kết giữa chúng là hiển nhiên. Nếu người ta muốn đạt tới sự lánh khỏi điều ác, trước tiên người ta phải có sự kính sợ thật với Đức Chúa Trời; nếu người ta muốn đạt tới sự kính sợ thật với Đức Chúa Trời, trước tiên người ta phải có được kiến thức thật về Đức Chúa Trời; nếu người ta muốn đạt tới kiến thức về Đức Chúa Trời, trước tiên người ta phải trải nghiệm lời Đức Chúa Trời, bước vào thực tế của lời Đức Chúa Trời, trải nghiệm sự sửa phạt và sửa dạy của Đức Chúa Trời, hình phạt và phán xét của Ngài; nếu người ta muốn trải nghiệm lời Đức Chúa Trời, trước tiên người ta phải đến đối diện với lời Đức Chúa Trời, đến đối diện với Đức Chúa Trời, và xin Đức Chúa Trời ban cho cơ hội để trải nghiệm lời Đức Chúa Trời dưới mọi hình thức môi trường liên quan đến những con người, sự vật và sự việc; nếu người ta ao ước đến đối diện với Đức Chúa Trời và với lời Đức Chúa Trời, trước hết người ta phải sở hữu một tấm lòng giản dị và thành thật, sự sẵn sàng chấp nhận lẽ thật, ý chí chịu đau khổ, sự quyết tâm và dũng cảm để lánh khỏi điều ác, và khát vọng trở thành một hữu thể thọ tạo đích thực... Theo cách này, đi tới từng bước, người sẽ đến gần Đức Chúa Trời hơn bao giờ hết, lòng người sẽ trở nên thanh khiết hơn bao giờ hết, và với việc người biết đến Đức Chúa Trời, sự sống của người và giá trị của việc sống sẽ trở nên ý nghĩa hơn bao giờ hết và rạng rỡ hơn bao giờ hết. Cho đến một ngày, người sẽ cảm nhận rằng Đấng Tạo Hóa không còn là bí ẩn, rằng Đấng Tạo Hóa chưa bao giờ ẩn mình với người, rằng Đấng Tạo Hóa chưa bao giờ giấu mặt Ngài khỏi người, rằng Đấng Tạo Hóa hoàn toàn không xa người, rằng Đấng Tạo Hóa không còn là Đấng người

hằng mong mỗi trong những ý nghĩ của mình mà không thể với tới bằng những cảm nhận của mình, rằng Ngài thật sự và đích thực đang đứng bảo vệ bên trái và bên phải người, cung cấp cho sự sống của người, và kiểm soát vận mệnh người. Ngài không ở chân trời xa xăm, Ngài cũng không ẩn mình xa trên những đám mây. Ngài ở ngay bên cạnh người, điều khiển hết thấy người, Ngài là tất cả những gì người có, và Ngài là điều duy nhất người có. Một Đức Chúa Trời như thế cho phép người yêu Ngài từ tấm lòng, gắn bó với Ngài, gần gũi Ngài, ngưỡng mộ Ngài, sợ mất Ngài, và không sẵn lòng từ bỏ Ngài nữa, không sẵn lòng bất tuân với Ngài nữa, hay lảng tránh Ngài hoặc giữ khoảng cách với Ngài nữa. Tất cả những gì người muốn là quan tâm đến Ngài, vâng lời Ngài, đền đáp tất cả những gì Ngài ban cho người, và quy phục sự thống trị của Ngài. Người không còn từ chối được hướng dẫn, cung cấp, theo dõi, và chăm sóc bởi Ngài, không còn từ chối những gì Ngài sai khiến và ra lệnh cho người. Tất cả những gì người muốn là theo Ngài, ở bên đồng hành cùng Ngài, tất cả những gì người muốn là chấp nhận Ngài như sự sống có một và duy nhất của mình, chấp nhận Ngài như Chúa có một và duy nhất của mình, Đức Chúa Trời có một và duy nhất của mình.

Ngày 18 tháng 8 năm 2014

Thấy được sự xuất hiện của Đức Chúa Trời trong sự phán xét và hành phạt của Ngài

Như hàng trăm triệu người khác theo Đức Chúa Jêsus Christ, chúng ta tuân theo các luật pháp và điều răn của Kinh Thánh, thụ hưởng vô số ân điển của Đức Chúa Jêsus Christ, và nhóm lại cùng nhau, cầu nguyện, ca tụng, và phụng sự nhân danh Đức Chúa Jêsus Christ – và tất cả những điều này chúng ta đều thực hiện dưới sự chăm sóc và bảo vệ của Chúa. Chúng ta thường yếu đuối, và chúng ta cũng thường mạnh mẽ. Chúng ta tin rằng mọi hành động của chúng ta đều đúng theo những lời dạy bảo của Chúa. Vì thế, khỏi phải bàn, chúng ta cũng tin rằng mình đang đi trên con đường thực hiện ý muốn của Cha trên trời. Chúng ta mong ngóng sự trở lại của Đức Chúa Jêsus, mong ngóng sự giáng xuống đầy vinh hiển của Ngài, mong ngóng sự kết thúc đời sống của chúng ta trên trần thế, mong ngóng sự xuất hiện của vương quốc, và mong ngóng mọi thứ như đã được báo trước trong Sách Khải huyền: Chúa đến, Ngài mang theo thảm họa, Ngài thường thiện và phạt ác, rồi Ngài dẫn hết thấy những ai theo Ngài và đón chào sự trở lại của Ngài lên gặp Ngài ở tầng không. Mỗi khi nghĩ tới điều này, chúng ta không thể không dâng trào niềm xúc động và vui sướng rằng chúng ta được sinh ra trong thời kỳ sau rốt và có may mắn được chứng

kiến sự hiện đến của Chúa. Dù rằng chúng ta đã phải chịu sự bức hại, chúng ta lại được bù đắp bằng “sự vinh hiển cao trọng đời đời, vô lượng, vô biên”. Thật là một phước lành! Tất cả sự mong ngóng này cùng với ân điển được Chúa ban cho làm chúng ta luôn trấn tĩnh khi cầu nguyện và làm chúng ta siêng năng nhóm lại cùng nhau hơn. Có thể là năm tới, có thể là ngày mai, và có thể trong một khoảng thời gian ngắn hơn con người có thể nghĩ, Chúa sẽ đột nhiên giáng xuống, xuất hiện giữa một nhóm người trông chờ Ngài với sự mong ngóng háo hức. Chúng ta chen nhau lên trước, chẳng ai chịu bị bỏ lại phía sau, tất cả cũng chỉ để được nằm trong nhóm những người đầu tiên thấy được sự xuất hiện của Chúa, được ở trong số những người được cất lên. Chúng ta đã cho đi tất cả, bất kể phí tổn, vì sự đến của ngày này; một số người đã bỏ việc, một số người từ bỏ gia đình, một số người rời bỏ hôn nhân, và một số người thậm chí còn quyên góp hết những khoản dành dụm của mình. Thật là những hành động tận tụy quên mình! Sự chân thành và trung thành như vậy chắc chắn còn hơn cả các thánh nhân từ ngàn xưa! Bởi Chúa ban ân điển cho bất kỳ ai Ngài muốn, và tỏ lòng thương xót đến bất kỳ ai Ngài muốn, nên chúng ta tin rằng những hành động tận tụy và dâng mình của chúng ta từ lâu đã được Chúa chứng giám. Và cũng như thế, những lời cầu nguyện thành tâm của chúng ta đã đến được tai Ngài, và chúng ta tin rằng Chúa sẽ bù đền cho sự cống hiến của chúng ta. Hơn thế nữa, Đức Chúa Trời đã ân đãi chúng ta từ trước khi Ngài sáng thế, và những ân phước cùng lời hứa Ngài đã ban cho chúng ta thì không ai có thể tước bỏ. Tất cả chúng ta đều đang hoạch định cho tương lai, và như một lẽ đương nhiên, đã biến sự cống hiến và dâng mình của chúng ta thành những vật đổi chác hoặc vốn liếng để đổi lấy việc được cất lên gặp Chúa trên tầng không. Hơn nữa, chúng ta đã không chút do dự đặt mình trên ngôi của tương lai để tể trị hết thảy mọi quốc gia và dân tộc, hoặc để trị vì như những vị vua. Tất cả những điều này chúng ta đều coi như việc đương nhiên, như điều được mong đợi.

Chúng ta coi khinh tất cả những ai chống lại Đức Chúa Jêsus; toàn bộ kết cuộc của họ sẽ là sự hủy diệt. Ai bảo họ không tin rằng Đức Chúa Jêsus là Đấng Cứu Thế? Dĩ nhiên, có những lúc chúng ta làm theo Đức Chúa Jêsus, động lòng thương tới mọi người trên thế gian, bởi họ không hiểu được, và đó là việc đúng đắn khi chúng ta khoan dung, tha thứ cho họ. Mọi thứ chúng ta làm đều hợp theo những lời trong Kinh Thánh, bởi tất cả những gì không phù hợp với Kinh Thánh đều là tà thuyết và dị giáo. Kiểu niềm tin này đã ăn sâu trong tâm trí của mỗi một người trong chúng ta. Chúa của chúng ta ở trong Kinh Thánh, và nếu chúng ta không rời xa Kinh Thánh, chúng ta sẽ không rời xa Chúa; nếu chúng ta tuân thủ nguyên tắc này, chúng ta sẽ được cứu rỗi. Chúng ta thúc giục nhau, hỗ trợ nhau, và mỗi khi nhóm lại với nhau,

chúng ta hy vọng rằng mọi điều chúng ta nói và làm đều hợp theo ý muốn của Chúa và sẽ được Chúa chấp nhận. Mặc cho sự thù nghịch gay gắt xung quanh chúng ta, lòng chúng ta vẫn tràn ngập niềm vui. Khi chúng ta nghĩ đến những ơn phước trong tầm tay dễ dàng như thế, thì có gì mà chúng ta không thể gạt sang một bên được? Có gì mà chúng ta phải miễn cưỡng rời bỏ? Tất cả những điều này đều không cần bàn cãi, và tất cả những điều này đều được Đức Chúa Trời để mắt đến. Chúng ta, nhóm người thiếu thốn này đã được cất ra khỏi đồng phân, cũng giống như tất cả các môn đệ bình thường của Chúa Jêsus, mơ ước được cất lên, được ban phước, và thống trị mọi quốc gia. Sự hư hoại của chúng ta đã bị phơi bày trong mắt Đức Chúa Trời, và những ham muốn, lòng tham của chúng ta đã bị kết tội trong mắt Đức Chúa Trời. Thế mà, tất cả những điều này xảy ra một cách thật bình thường, và thật lô-gic, đến nỗi chẳng ai trong chúng ta thắc mắc những khao khát của chúng ta liệu có phải lẽ, càng không ai trong chúng ta nghi ngờ sự chuẩn xác của mọi thứ chúng ta nắm giữ. Ai có thể biết được ý muốn của Đức Chúa Trời? Chính xác thì kiểu con đường mà con người đang bước đi là gì, chúng ta không biết tìm kiếm hay khám phá; và càng không bận tâm thắc mắc. Bởi vì chúng ta chỉ quan tâm tới việc liệu chúng ta có được cất lên, liệu chúng ta có được ban phước, liệu có một chỗ cho chúng ta ở vương quốc thiên đàng hay không, và liệu chúng ta sẽ có phần nước trong dòng sông sự sống và phần quả trên cây sự sống hay không. Chẳng phải nhằm đạt được những điều này mà chúng ta tin vào Chúa và trở thành môn đệ của Ngài hay sao? Tội lỗi của chúng ta đã được tha thứ, chúng ta đã ăn năn, chúng ta đã uống ly rượu đắng, và chúng ta đã vác thánh giá trên lưng. Ai có thể nói rằng Chúa sẽ không chấp nhận cái giá mà chúng ta đã trả? Ai có thể cho rằng chúng ta chưa chuẩn bị đủ dầu? Chúng ta chẳng mong là các nữ đồng trinh đại ấy, hay là một trong số những người bị bỏ rơi kia. Hơn nữa, chúng ta cầu nguyện không ngừng, xin Chúa che chở khỏi bị lừa phỉnh bởi các christ giả, vì Kinh thánh đã nói: “Khi ấy, nếu có ai nói với các ngươi rằng: Kia Đấng Christ ở đây hay là: Ở đó, thì đừng tin. Vì nhiều christ giả và tiên tri giả sẽ dấy lên, làm những dấu lớn, phép lạ, nếu có thể được thì họ cũng đến dỗ dành chính những người được chọn” (Ma-thi-ơ 24:23-24). Hết thảy chúng ta đều đã ghi nhớ những câu Kinh Thánh này; chúng ta thuộc chúng nằm lòng, và chúng ta xem chúng như báu vật, như sự sống, và như một tín dụng thư quyết định liệu chúng ta có được cứu rỗi hoặc cất lên hay không...

Trong hàng ngàn năm, những người từng sống đã qua đời, mang theo cả những khao khát và mơ ước của họ, nhưng liệu họ đã đến được vương quốc thiên đàng hay chưa thì chẳng ai thực sự biết. Những người chết quay trở lại, đã quên hết tất cả những câu chuyện từng xảy ra, và họ vẫn noi theo những dạy bảo và con đường

của cha ông. Và theo cách này, khi năm tháng trôi qua, không ai biết được liệu Đức Chúa Jêsus của chúng ta, Đức Chúa Trời của chúng ta, có thật sự chấp nhận mọi thứ chúng ta làm hay không. Tất cả những gì chúng ta có thể làm là trông chờ một kết cuộc và suy đoán về mọi thứ sẽ xảy đến. Thế mà Đức Chúa Trời vẫn giữ im lặng suốt, không bao giờ hiện ra với chúng ta, không bao giờ trò chuyện cùng chúng ta. Và vì thế, lần theo Kinh Thánh cùng với những dấu chỉ, chúng ta cố ý đưa ra những phán xét về ý muốn và tâm tính của Đức Chúa Trời. Chúng ta đã quen với sự im lặng của Đức Chúa Trời; chúng ta đã quen với việc đo đếm đúng sai trong cách cư xử của chúng ta bằng lối suy nghĩ của chính mình; chúng ta đã quen với việc trông cậy vào kiến thức, những quan niệm, và những chuẩn mực đạo đức của chúng ta thay vì những đòi hỏi mà Đức Chúa Trời đưa ra cho chúng ta; chúng ta đã quen với việc thụ hưởng ân điển của Đức Chúa Trời; chúng ta đã quen với việc cầu Đức Chúa Trời ban sự trợ giúp bất cứ khi nào chúng ta cần; chúng ta đã quen với việc chìa tay ra xin Đức Chúa Trời mọi thứ, và ra lệnh cho Đức Chúa Trời; chúng ta cũng đã quen với việc tuân theo các quy định, mà không để ý tới Đức Thánh Linh chỉ dẫn chúng ta như thế nào; và còn hơn thế nữa, chúng ta đã quen với những tháng ngày chúng ta làm chủ chính bản thân mình. Chúng ta tin vào một Đức Chúa Trời như thế này, Đáng mà chúng ta chưa bao giờ chạm mặt. Những câu hỏi như tâm tính của Ngài như thế nào, Ngài có gì và là gì, ảnh tượng của Ngài trông như thế nào, liệu chúng ta có biết Ngài khi Ngài đến hay không, v.v. – chẳng có điều gì trong số này là quan trọng. Điều quan trọng là Ngài ở trong lòng chúng ta và tất cả chúng ta đều đang đợi Ngài, và chỉ cần chúng ta có thể tưởng tượng ra Ngài như thế này hay thế kia là đủ. Chúng ta trân trọng đức tin của chúng ta, và trân quý sự duy linh của chúng ta. Chúng ta nhìn mọi thứ như thể những thứ bấp bỡr, và giẫm mọi thứ dưới chân. Bởi chúng ta là những môn đệ của Chúa vinh hiển, cho dù hành trình có dài và gian khổ thế nào chẳng nữa, cho dù những hiểm nguy và gian khó xảy đến với chúng ta thế nào chẳng nữa, thì cũng không gì có thể cản được bước chân của chúng ta khi chúng ta theo Chúa. “Sông nước sự sống, trong như lưu ly, từ ngôi Đức Chúa Trời và Chiên Con chảy ra. Trên hai bờ sông có cây sự sống trổ mười hai mùa, mỗi tháng một lần ra trái; và những lá cây đó dùng để chữa lành cho các dân. Chẳng còn có sự nguyên rửa nữa; ngôi của Đức Chúa Trời và Chiên Con sẽ ở trong thành; các tội tớ Ngài sẽ hầu hạ Ngài; chúng sẽ được thấy mặt Chúa và danh Chúa sẽ ở trên trán mình. Đêm không còn có nữa, và chúng sẽ không cần đến ánh sáng đèn hay ánh sáng mặt trời, vì Chúa là Đức Chúa Trời sẽ soi sáng cho; và chúng sẽ trị vì đời đời” (Khải Huyền 22:1-5). Mỗi khi chúng ta ca những lời này, lòng chúng ta tràn ngập niềm vui sướng và mãn nguyện vô hạn, và lệ tuôn trào từ mắt chúng ta. Tạ ơn Chúa vì đã chọn chúng

ta, tạ ơn Chúa vì ân điển của Ngài. Ngài đã ban cho chúng ta gấp trăm lần trong cuộc sống này và đã ban cho chúng ta sự sống vĩnh hằng trong thế giới sắp tới. Nếu Ngài bảo chúng ta phải chết ngay bây giờ, chúng ta sẽ làm vậy không chút phàn nàn. Ôi lạy Chúa! Xin hãy đến mau! Hãy xem chúng con đã mong mỏi Ngài mãnh liệt đến chừng nào, và đã từ bỏ mọi thứ vì Ngài, xin đừng trì hoãn dù chỉ thêm một phút, một giây nào nữa.

Đức Chúa Trời im lặng, và chưa bao giờ hiện ra trước chúng ta, nhưng công việc của Ngài chưa bao giờ dừng lại. Ngài khảo sát toàn thể gian, chỉ huy vạn vật, và nhìn thấy được tất cả những lời nói và việc làm của con người. Ngài thực hiện sự quản lý của Ngài, với những bước đi thận trọng và đúng theo kế hoạch của Ngài, một cách thầm lặng, không gây tác động mạnh, nhưng những bước đi của Ngài vẫn tấn tới, từng bước một, đến gần với nhân loại hơn bao giờ hết, và tòa phán xét của Ngài được khai triển trong vũ trụ với tốc độ ánh sáng, theo sau là ngôi của Ngài giáng xuống ngay tức thì giữa chúng ta. Thật là một khung cảnh uy nghi, thật là một cảnh tượng trang nghiêm và long trọng! Như chim bồ câu, và như sư tử gầm, Thần đến giữa chúng ta. Ngài là sự khôn ngoan, Ngài là sự công chính và oai nghi, và Ngài lặng lẽ đến giữa chúng ta, thi hành thẩm quyền, tràn đầy tình yêu thương và lòng nhân từ. Không một ai biết sự hiện đến của Ngài, không một ai chào đón sự hiện đến của Ngài, và hơn nữa, không một ai biết được tất cả những điều Ngài sắp thực hiện. Cuộc sống của con người tiếp diễn như trước, lòng họ không có gì đổi khác, và ngày tháng trôi qua như thường lệ. Đức Chúa Trời sống giữa chúng ta, một con người như bao người khác, như một trong những môn đệ mờ nhạt nhất và một tín đồ bình thường. Ngài có những theo đuổi riêng, những mục tiêu riêng; và hơn nữa, Ngài có thần tính mà người bình thường không có. Không một ai nhận thấy sự tồn tại của thần tính Ngài, và không một ai nhận ra sự khác biệt giữa thực chất của Ngài và của con người. Chúng ta sống cùng Ngài, không bị gò bó hay sợ hãi gì, bởi trong mắt chúng ta, Ngài chỉ là một tín đồ mờ nhạt. Ngài quan sát nhất cử nhất động của chúng ta, và mọi suy nghĩ cùng tư tưởng của chúng ta đều bị phơi bày trước Ngài. Không ai quan tâm đến sự tồn tại của Ngài, không ai tưởng tượng bất cứ điều gì về phận sự của Ngài, và hơn nữa, không ai mảy may nghi ngờ gì về thân phận của Ngài. Tất cả những gì chúng ta làm là tiếp tục những theo đuổi của chúng ta, như thể Ngài chẳng liên quan gì đến chúng ta...

Tình cờ, Đức Thánh Linh bày tỏ một đoạn lời “thông qua” Ngài, và mặc dù cảm thấy rất bất ngờ, chúng ta tuy vậy cũng nhận ra đó là lời phán đến từ Đức Chúa Trời, và sẵn sàng chấp nhận nó từ Đức Chúa Trời. Đó là bởi vì, cho dù ai là người bày tỏ những lời này đi nữa, miễn là chúng đến từ Đức Thánh Linh, thì chúng ta nên chấp

nhận và không được từ chối chúng. Lời phán tiếp theo có thể đến thông qua tôi, hoặc thông qua bạn, hoặc qua người khác. Cho dù là ai đi nữa, tất cả đều là ân điển của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, bất kể là ai, thì chúng ta cũng không thể thờ phụng con người này, bởi vì dù sao thì người này cũng không thể là Đức Chúa Trời, hay chúng ta cũng sẽ tuyệt nhiên không chọn một con người bình thường như vậy làm Đức Chúa Trời của chúng ta. Đức Chúa Trời của chúng ta vĩ đại và đáng tôn kính vô cùng; làm sao một con người mờ nhạt như vậy có thể đứng vào chỗ của Ngài? Hơn nữa, chúng ta đang chờ đợi Đức Chúa Trời đến và mang chúng ta về vương quốc thiên đàng, vậy thì làm sao một người quá mờ nhạt lại có thể đủ khả năng làm một nhiệm vụ quan trọng và khó khăn đến thế? Nếu Chúa có trở lại, thì phải là trên đám mây trắng, hầu cho muôn dân đều có thể nhìn thấy. Điều đó sẽ thật vinh hiển biết bao! Làm sao Ngài có thể ẩn giấu một cách kín đáo giữa đám người bình thường được?

Ấy vậy mà chính con người bình thường này, ẩn mình giữa mọi người, lại là người đang làm công tác mới cứu rỗi chúng ta. Ngài không cho chúng ta lời giải thích, Ngài cũng không bảo chúng ta tại sao Ngài đến, mà chỉ đơn giản làm công tác Ngài định làm, với những bước đi thận trọng và theo kế hoạch của Ngài. Những lời nói và lời phán từ Ngài ngày càng thường xuyên hơn bao giờ hết. Từ an ủi, khuyên giục, nhắc nhở, và cảnh báo, đến quở trách và sửa dạy; từ giọng điệu nhẹ nhàng mềm mỏng, đến những lời quyết liệt và oai nghi – tất cả đều là ban lòng thương xót cho con người và làm thấm nhuần nỗi lo sợ trong họ. Mọi điều Ngài nói đều đánh vào những bí mật sâu kín nhất trong chúng ta; những lời của Ngài làm quặn thắt tim gan và linh hồn chúng ta, và để cho chúng ta tràn ngập nỗi hổ thẹn không sao chịu nổi, gần như không biết trốn đi đâu. Chúng ta bắt đầu tự hỏi liệu Đức Chúa Trời trong lòng người này có thật sự yêu thương chúng ta hay không, và chính xác là Ngài muốn làm gì. Có lẽ chúng ta chỉ có thể được cất lên sau khi đã trải qua những đau đớn này chăng? Trong đầu, chúng ta đang tính toán... về đích đến sắp tới và về số phận tương lai của chúng ta. Tuy nhiên, như trước kia, chẳng ai trong chúng ta tin rằng Đức Chúa Trời đã mặc lấy xác thịt để làm công tác giữa chúng ta. Mặc dù Ngài đã đồng hành cùng chúng ta lâu như thế, mặc dù Ngài đã phán dạy rất nhiều lời trực tiếp với chúng ta, nhưng chúng ta vẫn không sẵn lòng chấp nhận một con người bình thường như thế là Đức Chúa Trời của tương lai chúng ta, và chúng ta càng không sẵn lòng giao phó quyền kiểm soát tương lai và số phận của chúng ta cho con người mờ nhạt này. Từ Ngài, chúng ta thụ hưởng nguồn cung cấp nước sống vô tận, và thông qua Ngài, chúng ta sống mặt đối mặt với Đức Chúa Trời. Nhưng chúng ta chỉ biết ơn về ân điển của Đức Chúa Jêsu ở trên trời, và chưa bao giờ chú ý đến cảm xúc của con người bình thường mang thần tính này. Tuy thế, như trước đây, Ngài

làm công việc của Ngài, khiêm nhường ẩn mình trong xác thịt, bày tỏ những điều tận đáy lòng Ngài, như thể vô cảm trước sự chối bỏ của nhân loại với Ngài, như thể vĩnh viễn tha thứ cho sự trẻ con và ngu muội của con người, và mãi mãi khoan dung cho thái độ thiếu tôn kính của con người đối với Ngài.

Tự lúc nào không hay, con người mờ nhạt này đã dẫn dắt chúng ta từng bước một vào công tác của Đức Chúa Trời. Chúng ta trải qua muôn vàn sự thử luyện, chịu vô số sự sửa phạt, và được thử lòng bằng cái chết. Chúng ta được biết về tâm tính công chính và oai nghi của Đức Chúa Trời, và cũng thụ hưởng tình yêu và lòng thương xót của Ngài, trở nên cảm kích quyền năng vĩ đại và sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời, chứng kiến sự đáng mến của Đức Chúa Trời, và nhìn thấy được sự sốt sắng mong muốn cứu rỗi con người của Đức Chúa Trời. Trong những lời của con người bình thường này, chúng ta dần biết được tâm tính và thực chất của Đức Chúa Trời, hiểu được ý muốn của Đức Chúa Trời, biết được bản tính và thực chất của con người, và nhìn thấy con đường dẫn đến sự cứu rỗi và hoàn thiện. Những lời Ngài khiến chúng ta “chết đi”, và rồi lại khiến chúng ta “được tái sinh”; những lời Ngài mang lại cho chúng ta niềm ủi an, nhưng cũng làm chúng ta bị giày vò vì tội lỗi và cảm giác mắc nợ; những lời Ngài đem lại cho chúng ta niềm vui sướng và bình an, nhưng cũng đem lại cả nỗi đau vô hạn. Đôi khi, chúng ta cứ như những con chiên chờ giết thịt trong tay Ngài; đôi khi, chúng ta như con người trong mắt Ngài, và thụ hưởng tình yêu thương dịu dàng của Ngài; đôi khi, chúng ta như kẻ thù của Ngài, và dưới tia nhìn của Ngài, chúng ta bị biến thành tro bụi bởi cơn thịnh nộ của Ngài. Chúng ta là loài người được Ngài cứu rỗi, chúng ta là giới bọ trong mắt Ngài, và chúng ta là những con chiên lạc mà đêm ngày Ngài đau đầu tìm. Ngài thương xót chúng ta, Ngài khinh miệt chúng ta, Ngài nâng chúng ta lên, Ngài an ủi và khuyên giục chúng ta, Ngài dìu dắt chúng ta, Ngài khai sáng chúng ta, Ngài sửa phạt và sửa dạy chúng ta, và Ngài thậm chí còn nguyên rửa chúng ta. Đêm ngày, Ngài không khi nào ngừng lo lắng về chúng ta, bảo vệ và chăm sóc chúng ta, đêm ngày, không bao giờ rời chúng ta, mà đổ tâm huyết vì chúng ta và trả mọi giá vì chúng ta. Trong những lời phán của thân thể xác thịt nhỏ bé và bình thường này, chúng ta đã thụ hưởng toàn bộ Đức Chúa Trời và nhìn thấy được đích đến mà Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta. Mặc dù vậy, sự phù phiếm vẫn gây rối trong lòng chúng ta, và chúng ta vẫn chưa sẵn lòng tích cực chấp nhận một người như vậy là Đức Chúa Trời của mình. Dù Ngài đã ban cho chúng ta quá nhiều ma-na, quá nhiều thứ để thụ hưởng, nhưng chẳng có gì trong những điều này có thể thế chỗ của Chúa trong lòng chúng ta. Chúng ta tôn vinh thân phận và địa vị đặc biệt của con người này chỉ với sự miễn cưỡng vô cùng. Chẳng lẽ Ngài không mở miệng bảo chúng ta

phải công nhận rằng Ngài là Đức Chúa Trời, chúng ta sẽ không bao giờ chủ động công nhận Ngài là Đức Chúa Trời sẽ đến trong nay mai, thế nhưng đã và đang làm việc giữa chúng ta từ lâu.

Đức Chúa Trời tiếp tục những lời phán của Ngài, vận dụng nhiều phương pháp và góc độ khác nhau để khuyên răn chúng ta về điều chúng ta nên làm, đồng thời cũng bày tỏ tấm lòng của Ngài. Lời Ngài mang quyền năng sự sống, chỉ lối cho chúng ta bước đi, và làm cho chúng ta hiểu được lẽ thật là gì. Chúng ta bắt đầu bị cuốn vào lời Ngài, chúng ta bắt đầu tập trung vào giọng điệu và phong cách nói của Ngài, và một cách vô thức, chúng ta bắt đầu quan tâm đến những cảm xúc sâu thẳm của con người chẳng đáng chú ý này. Ngài đổ tâm huyết để làm việc vì chúng ta, mất ăn mất ngủ vì chúng ta, khóc vì chúng ta, thờ dãi vì chúng ta, rên rỉ trong ốm đau vì chúng ta, chịu sự lăng nhục vì đích đến và sự cứu rỗi của chúng ta, và sự tê liệt cùng sự phản nghịch của chúng ta làm rơi lệ và máu từ tim Ngài. Cách hiện hữu và sở hữu này không thể có được ở một con người bình thường, cũng không thể được sở hữu hay đạt được bởi bất kỳ con người bại hoại nào. Ngài biểu lộ sự bao dung và kiên trì mà không người bình thường nào có được, và tình yêu thương của Ngài không phải là thứ mà loài thọ tạo nào cũng được phú cho. Không ai ngoài Ngài có thể biết được mọi ý nghĩ của chúng ta, hoặc nắm bắt được rõ ràng và toàn bộ bản tính và thực chất của chúng ta, hoặc phán xét được sự phản nghịch và hư hoại của nhân loại, hoặc phán dạy chúng ta và hoạt động trên chúng ta như thế này, thay mặt Đức Chúa Trời trên trời. Không ai ngoài Ngài được ban cho thẩm quyền, sự khôn ngoan, và phẩm giá của Đức Chúa Trời; tâm tính của Đức Chúa Trời và việc Đức Chúa Trời có gì và là gì đều được bộc lộ một cách trọn vẹn nơi Ngài. Không ai ngoài Ngài có thể chỉ lối hay mang lại sự sáng cho chúng ta. Không ai ngoài Ngài có thể mặc khải những lẽ mầu nhiệm mà Đức Chúa Trời chưa từng tiết lộ từ khi sáng thế cho đến nay. Không ai ngoài Ngài có thể cứu rỗi chúng ta khỏi vòng nô lệ của Sa-tan và khỏi tâm tính sa ngã của chính chúng ta. Ngài đại diện cho Đức Chúa Trời. Ngài bày tỏ tấm lòng sâu thẳm nhất của Đức Chúa Trời, sự khuyên giục của Đức Chúa Trời, và những lời phán xét của Đức Chúa Trời tới toàn nhân loại. Ngài đã bắt đầu một thời đại mới, một kỷ nguyên mới, và mở ra một trời đất mới cùng công tác mới, và Ngài đã mang lại cho chúng ta hy vọng, chấm dứt cuộc sống mà chúng ta đã sống trong sự mơ hồ và cho phép toàn bộ hữu thể của chúng ta nhìn thấy được, một cách rõ ràng tuyệt đối, con đường dẫn đến sự cứu rỗi. Ngài đã chinh phục toàn bộ hữu thể của chúng ta, và thu phục được lòng chúng ta. Từ giây phút đó trở đi, tâm trí chúng ta trở nên tỉnh táo, và linh hồn chúng ta dường như được hồi sinh: Con người bình thường, mờ nhạt này – người đã sống giữa chúng ta và bị chúng ta chối

bỏ lâu nay – chẳng phải đây là Đức Chúa Jêsus, Đấng luôn ở trong suy nghĩ của chúng ta, khi tỉnh hay khi mơ, và Đấng mà chúng ta vẫn hằng mong ngóng đêm ngày hay sao? Đây chính là Ngài! Đây thực sự là Ngài! Ngài là Đức Chúa Trời của chúng ta! Ngài là lẽ thật, đường đi, và sự sống! Ngài đã cho chúng ta được sống một lần nữa, được nhìn thấy sự sáng, và đã khiến lòng chúng ta thôi lang bạt. Chúng ta đã trở về nhà của Đức Chúa Trời, chúng ta đã trở về trước ngai của Ngài, chúng ta mặt đối mặt với Ngài, chúng ta đã chứng kiến diện mạo của Ngài, và chúng ta đã nhìn thấy con đường phía trước. Lúc này, lòng chúng ta đã được Ngài chinh phục hoàn toàn; chúng ta không còn nghi ngờ Ngài là ai nữa, không còn chống lại công tác của Ngài và lời Ngài nữa, và chúng ta phủ phục trước Ngài. Chúng ta không mong ước gì hơn là được theo dấu chân Ngài đến hết cuộc đời, được Ngài hoàn thiện, được đền đáp ân điển của Ngài, đền đáp tình yêu thương của Ngài dành cho chúng ta, tuân theo những sự sắp đặt và an bài của Ngài, hợp tác với công tác của Ngài, và làm mọi điều chúng ta có thể để hoàn tất những gì Ngài giao phó cho chúng ta.

Được Đức Chúa Trời chinh phục cũng giống như một cuộc tỉ thí võ nghệ.

Mỗi lời của Đức Chúa Trời đánh vào một trong những điểm huyết của chúng ta, làm chúng ta bị tổn thương và tràn ngập nỗi khiếp sợ. Ngài phơi bày hết những quan niệm, những sự tưởng tượng, và tâm tính sa ngã của chúng ta. Từ tất cả những gì chúng ta nói và làm, đến từng suy nghĩ và từng tư tưởng một của chúng ta, bản tính và thực chất của chúng ta được phơi bày trong những lời Ngài, đặt chúng ta vào tâm trạng sợ hãi và run rẩy không biết giấu nỗi hổ thẹn vào đâu. Từng việc một, Ngài nói cho chúng ta nghe về tất cả những hành động, mục đích và ý định của chúng ta, thậm chí cả tâm tính sa ngã mà chính chúng ta chưa bao giờ phát hiện ra, khiến chúng ta cảm thấy bị phơi bày hết sự bất hoàn khôn khổ của mình, và còn hơn thế, cảm thấy bị thuyết phục hoàn toàn. Ngài phán xét chúng ta vì chống đối Ngài, hành phạt chúng ta vì báng bổ và lên án Ngài, và khiến chúng ta cảm thấy rằng, trong mắt Ngài, chúng ta chẳng có một đặc tính tốt nào bù lại, rằng chúng ta là Sa-tan sống. Những hy vọng của chúng ta bị tiêu tan; chúng ta không còn dám đưa ra những đòi hỏi vô lý với Ngài hay nuôi bất kỳ dự định nào về Ngài, và thậm chí những giấc mơ của chúng ta cũng tan biến chỉ sau một đêm. Đây là một sự thật mà chẳng ai trong chúng ta có thể tưởng tượng được, và chẳng ai trong chúng ta có thể chấp nhận được. Trong khoảnh khắc, chúng ta mất cân bằng nội tại, và không biết tiếp tục con đường phía trước như thế nào, hay tiếp tục niềm tin của chúng ta như thế nào. Có vẻ như thể đức tin của chúng ta đã quay trở lại vạch xuất phát, và như thể chúng ta chưa từng gặp Đức Chúa Jêsus hay từng biết về Ngài. Những gì trước mắt chúng ta khiến chúng ta đầy bối rối và khiến chúng ta lưỡng lự phân vân. Chúng ta nản chí,

chúng ta thất vọng, và sâu thẳm trong lòng là sự phẫn nộ lẫn nhục nhã không nén được. Chúng ta cố trút giận, cố tìm một lối ra, và hơn nữa, cố tiếp tục chờ đợi Đấng Cứu Thế Jêsus của chúng ta, để chúng ta có thể dốc bầu tâm sự với Ngài. Mặc dù có những lúc chúng ta nhìn bề ngoài có vẻ vững vàng, không kiêu căng, cũng không hạ mình, nhưng trong lòng, chúng ta đau đớn bởi một cảm giác mất mát mà chúng ta chưa từng cảm thấy trước đây. Mặc dù đôi lúc, chúng ta có thể trông bình tĩnh một cách bất thường ở bề ngoài, nhưng tâm trí chúng ta đang cuộn trào nổi giãy vò như đại dương bão táp. Sự phán xét và hình phạt của Ngài đã tước đi của chúng ta mọi hy vọng và mơ ước, đặt dấu chấm hết cho những ham muốn ngông cuồng của chúng ta, và khiến chúng ta không sẵn lòng tin rằng Ngài là Đấng Cứu Thế của chúng ta và có thể cứu rỗi chúng ta. Sự phán xét và hình phạt của Ngài đã mở ra một hố sâu ngăn cách giữa chúng ta với Ngài, sâu đến mức chẳng ai sẵn sàng vượt qua. Sự phán xét và hình phạt của Ngài là lần đầu tiên chúng ta phải chịu một thất bại thảm hại như thế, một nỗi nhục nhã ê chề như thế trong đời. Sự phán xét và hình phạt của Ngài đã khiến chúng ta phải thực sự cảm kích danh tiết và sự không khoan nhượng của Đức Chúa Trời trước sự xúc phạm của con người, mà so với điều đó, chúng ta thật đốn mạt vô cùng, ô uế vô cùng. Sự phán xét và trừng phạt của Ngài đã khiến chúng ta lần đầu tiên nhận ra chúng ta ngạo mạn và vênh vang như thế nào, và con người sẽ không bao giờ ngang bằng, hay ngang hàng với Đức Chúa Trời ra sao. Sự phán xét và trừng phạt của Ngài đã khiến chúng ta khao khát không còn phải sống trong tâm tính sa ngã như thế nữa, loại bỏ khỏi chúng ta bản tính và thực chất này càng sớm càng tốt, và ngừng hèn hạ, khả ố đối với Ngài. Sự phán xét và hình phạt của Ngài đã khiến chúng ta vui vẻ vâng phục lời Ngài, không còn dấy nghịch chống lại những sự sắp đặt và an bài của Ngài nữa. Sự phán xét và hình phạt của Ngài một lần nữa đã đem lại cho chúng ta ham muốn được sinh tồn, và khiến chúng ta vui vẻ chấp nhận Ngài là Đấng Cứu Thế của chúng ta... Chúng ta đã bước ra khỏi công tác chinh phục, ra khỏi địa ngục, ra khỏi thung lũng bóng tối của sự chết... Đức Chúa Trời Toàn Năng đã thu phục chúng ta, nhóm người này! Ngài đã chiến thắng Sa-tan, và đánh bại vô số những kẻ thù của Ngài!

Chúng ta chỉ là một nhóm những con người bình thường, sở hữu tâm tính Sa-tan sa ngã, những con người đã được Đức Chúa Trời định trước từ ngàn đời, và là những kẻ thiếu thốn được Đức Chúa Trời cất lên từ đồng phân. Chúng ta từng chối bỏ và lên án Đức Chúa Trời, nhưng giờ đây đã được Ngài chinh phục. Từ Đức Chúa Trời, chúng ta đã nhận lãnh sự sống, con đường của sự sống vĩnh hằng. Dù chúng ta có thể ở bất cứ nơi đâu trên đất, dù chúng ta phải chịu đựng bất cứ sự ngược đãi hay khổ cực nào, chúng ta cũng không thể rời xa sự cứu rỗi

của Đức Chúa Trời Toàn Năng. Bởi Ngài là Đấng Tạo Hóa của chúng ta, và là sự cứu chuộc duy nhất của chúng ta!

Tình yêu thương của Đức Chúa Trời tuôn chảy rộng mở như nước suối, và được ban cho bạn, cho tôi, cho những người khác, và cho tất cả những ai thực sự tìm kiếm lẽ thật và trông đợi sự xuất hiện của Đức Chúa Trời.

Hệt như mặt trời và mặt trăng luân phiên nhau mọc, công tác của Đức Chúa Trời không bao giờ ngừng, và được thực hiện trên bạn, trên tôi, trên những người khác, và trên tất cả những ai theo dấu chân của Đức Chúa Trời và chấp nhận sự phán xét cùng hình phạt của Ngài.

Ngày 23 tháng 3 năm 2010



HỘI THÁNH
ĐỨC CHÚA TRỜI TOÀN NĂNG

Trang web Phúc Âm

<https://vi.kingdomsalvation.org>



Trang web của chúng tôi



Tải Ứng dụng

YouTube: <https://l.kingdomsalvation.org/vi/video>

Facebook: <https://l.kingdomsalvation.org/vi/facebook>

Email: contact.vi@kingdomsalvation.org